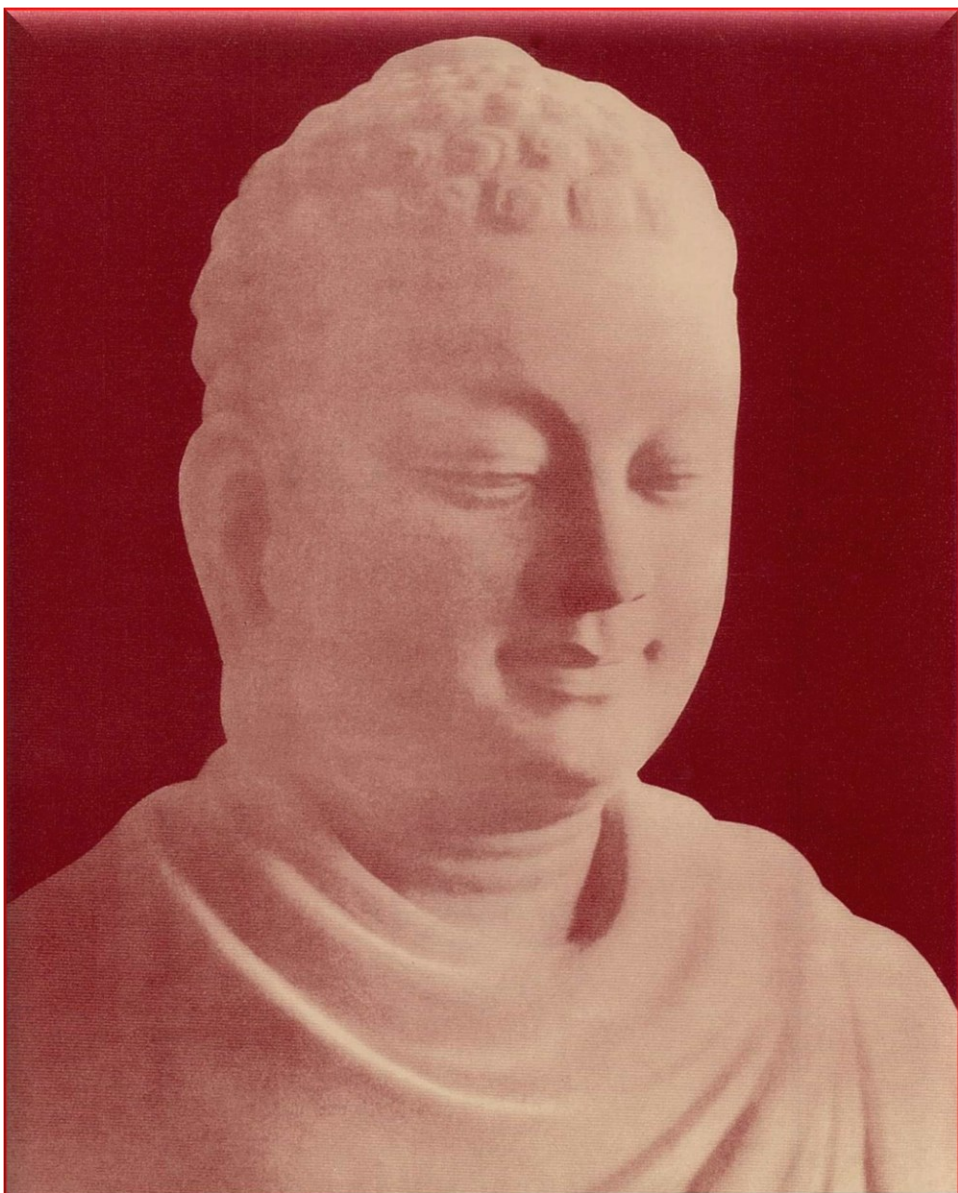


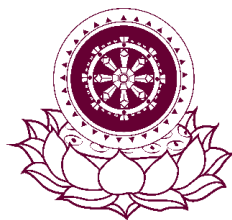


NAM - MÔ BỒN - SƯ THÍCH - CA MÂU - NI PHẬT

BỘ BẢN DUYÊN 7 – T 16

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 16

BỘ BẢN DUYÊN
VII



HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 16

**BỘ BẢN DUYÊN
VII**

SỐ 203 → 211

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

1. **Tên người:** (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật:** Đức Như Lai, Bậc Chúng Hữu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách:** luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh:** thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính:** Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. **Chủng loại:** chư Thiên
5. **Phương hướng:** phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāḷi)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh:** nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị:** Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại:** A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāḷi) ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

Âm “y” và “i”: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là “**Phạm**” không viết là “**Phạn**” (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là “**Tuệ**” không viết là “**Huệ**”.

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC

BỘ BẢN DUYÊN 7 – T016

SỐ 203.....	3
KINH TẠP BẢO TẠNG	3
QUYỀN 1.....	3
1- CHUYỆN THẬP XA VƯƠNG	3
2- CHUYỆN VƯƠNG TỬ DỪNG THỊT CỦA MÌNH ĐỂ CỨU CHA MẸ	8
3- NHÂN DUYÊN CHIM ANH VỮ CÚNG DƯỜNG CHA MẸ MÙ	17
4- CHUYỆN KHÍ LÃO QUỐC.....	19
5- CHUYỆN ĐỨC PHẬT Ở TRÊN CỒI ĐAO-LỢI THUYẾT PHÁP CHO MẸ LÀ BÀ MA-DA.....	27
6- PHẬT KỂ CHUYỆN: NGÀY XƯA MẸ NGÀI LÀ BÀ CA-ĐÁN-GIÀ-LA.....	29
7- CHUYỆN TỬ ĐỒNG NỮ	32
8- CHUYỆN PHU NHÂN LIÊN HOA	39
9- CHUYỆN PHU NHÂN LỘC NỮ	44
QUYỀN 2.....	53
10- CHUYỆN CON VOI TRẮNG SÁU NGÀ	54
11- CHUYỆN CON THỎ TỰ THIÊU THÂN ĐỂ C.DƯỜNG VỊ ĐẠI TIÊN	58
12- CHUYỆN CON KHỈ THIỆN VÀ CON KHỈ ÁC	60
13- CHUYỆN PHẬT DỪNG NƯỚC TRÍ TUỆ DIỆT TRỪ BA THỨ LỬA ..	62
14- CHUYỆN CON CỦA TRƯỞNG GIẢ VÀ VỊ THIÊN THẦN NƯỚC BA- LA-NẠI CẢM HÓA NHÀ VUA THỰC HÀNH HIẾU HẠNH	65
15- CHUYỆN CON BẠCH HƯƠNG TƯỢNG CỦA QUỐC VƯƠNG CA-THI NUÔI CHA MẸ MÙ VÀ LÀM CHO HAI NƯỚC HÒA THUẬN	70
16- NƯỚC BA-LA-NẠI, EM KHUYÊN ANH BỎ ÁC PHÁP, NHỜ THỪA TƯỚNG KHUYÊN VUA GIÁO HÓA THIÊN HẠ	74
17- CHUYỆN VỢ CỦA PHẠM-MA-ĐẠT VÌ ĐỐ KỊ MÀ HẠI CON LÀ PHÁP HỘ.....	76
18- CHUYỆN TỶ-KHEO ĐÀ-PHIẾU BỊ HỦY BÁNG.....	78
19- CHUYỆN LY VIỆT BỊ HỦY BÁNG.....	80
20- CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI XẤU XÍ TÊN LÀ LẠC-ĐỀ, CON VUA BA- TƯ-NẶC.....	82
21- CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI TÊN THIỆN QUANG CON VUA BA-TƯ- NẶC	87
22- CHUYỆN HAI ANH EM VƯƠNG TỬ BỊ ĐUỔI RA KHỎI NƯỚC.....	91

23- VỢ CỦA TRƯỞNG GIẢ TU-ĐẠT CÚNG DƯỜNG PHẬT ĐƯỢC QUẢ BẢO	94
24- CHUYỆN TỶ-KHEO SA-LA-NA BỊ VUA ÁC SINH LÀM KHỔ NẢO	95
25- CHUYỆN NỘI QUAN CHUỘC LẠI CON TRÂU THIÊN ĐƯỢC NAM CĂN	100
26- CHUYỆN HAI NỘI QUAN TRANH ĐẠO LÝ	101
QUYỂN 3.....	103
27- CHUYỆN HAI ANH EM ĐỒNG XUẤT GIA	103
28- CHUYỆN CỪU-GIÀ-LY HỦY BÁNG NGÀI XÁ-LỢI-PHÁT	107
29- CHUYỆN BÀI KỆ CỦA LONG VƯƠNG	112
30- CHUYỆN ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA MUỐN LÀM ĐỨC PHẬT BỊ THƯƠNG.	125
31- CHUYỆN CHIM CỘNG MẠNG	127
32- CHUYỆN BẠCH NGÀ VƯƠNG	128
33- CHUYỆN CON RÙA LỚN	130
34- CHUYỆN HAI PHỤ TƯỚNG SÀM TÁU	132
35- CHUYỆN SƠN KÊ VƯƠNG.....	135
36- CHUYỆN CHIM CÁT LỢI	136
37- CHUYỆN VỊ TIỀN GIÀ.....	138
38- CHUYỆN HAI KHÁCH BUÔN.....	140
39- CHUYỆN TÁM VỊ TRỜI LẦN LƯỢT HỘI PHÁP.....	142
QUYỂN 4.....	148
40- CHUYỆN NGƯỜI NGHÈO CÚNG BÁNH BẰNG BỘT LÚA TIÊU MẠCH HIỆN TẠI ĐƯỢC QUẢ BẢO	149
41- CHUYỆN CÔ GÁI NGHÈO CÚNG 2 ĐỒNG TIỀN LIỀN ĐC Q.BẢO.	154
42- CHUYỆN NGƯỜI HỌA SĨ TÊN KẾ-NA Ở NƯỚC CÀN-ĐÀ-VỆ CÚNG DƯỜNG TRAI PHẠN ĐƯỢC QUẢ BẢO.....	158
43- CHUYỆN HAI VỢ CHỒNG KẾ-DI-LA TỰ BÁN MÌNH ĐỂ THIẾT HỘI, HIỆN TẠI ĐƯỢC QUẢ BẢO	160
44- CHUYỆN SA-DI CỨU BẦY KIẾN KHÔI BỊ NƯỚC TRÔI NÊN ĐƯỢC SỐNG LÂU.....	164
45- CHUYỆN VUA NƯỚC CÀN-ĐÀ-VỆ NHỜ SỬA CHÙA THÁP CŨ ĐƯỢC SỐNG LÂU	165
46- CHUYỆN T.K. TU BỎ LỖ HỒNG VÁCH CHÙA ĐƯỢC SỐNG LÂU	165
47- CHUYỆN CON CỦA TRƯỞNG GIẢ THẤY PHẬT CẦU ĐƯỢC TRƯỜNG THỌ.....	166
48- CHUYỆN CON CỦA TRƯỞNG GIẢ LÀM THUÊ THIẾT HỘI ĐƯỢC HIỆN BẢO	167
49- CHUYỆN PHẬT-NA CÚNG PHẬT MỘT BÁT CƠM ĐƯỢC HIỆN BẢO	

.....	171
50- CHUYỆN ĐẠI AI ĐẠO CÚNG ĐỨC PHẬT Y BẰNG VÀNG VÀ NGƯỜI THỢ XẤU NGỌC.....	173
QUYỂN 5.....	182
51- CHUYỆN THIÊN NỮ DỪNG TRĂNG HOA CÚNG DƯỜNG THÁP PHẬT CA-DIỆP.....	184
52- CHUYỆN THIÊN NỮ DỪNG HOA SEN CÚNG DƯỜNG THÁP PHẬT CA-DIỆP.....	186
53- CHUYỆN THIÊN NỮ THỌ TRÌ TÁM TRAI GIỚI ĐƯỢC SINH VỀ CÔI TRỜI.....	188
54- CHUYỆN THIÊN NỮ NHỎ ĐÓT ĐÈN CÚNG DƯỜNG ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	190
55- CHUYỆN NGƯỜI NỮ ĐANG CÔI XE THẤY PHẬT HOAN HỖ TRÁNH DƯỜNG.....	192
56- CHUYỆN THIÊN NỮ DỪNG HOA RẢI TRÊN PHẬT BIỂN THÀNH LONG HOA.....	193
57- CHUYỆN XẢ-LỢI-PHẬT-MA-ĐỀ CÚNG DƯỜNG THÁP CỦA PHẬT.....	194
58- CHUYỆN VỢ CHỒNG TRƯỞNG GIẢ XÂY CÁT CHÙA THÁP ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	196
59- CHUYỆN VỢ CHỒNG TRƯỞNG GIẢ TÍN TÂM KÍNH LỄ ĐỨC PHẬT ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	198
60- CHUYỆN CÔ GÁI NGOẠI ĐẠO BÀ-LA-MÔN HỌC ĐỆ TỬ CỦA ĐỨC PHẬT THIẾT LỄ TRAI DIÊN ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	199
61- CHUYỆN CÔ GÁI NGHÈO CÚNG TẨM DẠ CHO TRƯỞNG GIẢ TU-ĐẠT ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	201
62- CHUYỆN CON GÁI CỦA TRƯỞNG GIẢ KHÔNG TIN TAM BẢO, CHA NÀNG LẤY TIỀN BẠC MUỐN NÀNG THỌ TRÌ NĂM GIỚI ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	202
63- CHUYỆN CÔ GÁI QUÉT DỌN THẤY PHẬT SINH TÂM HOAN HỖ NÊN ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	204
64- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ LÀM NHÀ THỈNH PHẬT CÚNG DƯỜNG, DỪNG NHÀ MỚI ĐỂ BỐ THÍ ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	205
65- CHUYỆN NGƯỜI PHỤ NỮ LẤY NƯỚC MÍA CÚNG DƯỜNG CHO VỊ A-LA-HÁN ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	206
66- CHUYỆN CÔ GÁI DỪNG HƯƠNG XOA LÊN CHÂN ĐỨC PHẬT ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	207
67- CHUYỆN NỮ TỶ CỦA TRƯỞNG GIẢ TU-ĐẠT QUY Y TAM BẢO	

ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI	208
68- CHUYỆN CÔ GÁI NGHÈO XIN THỨC ĂN NƠI PHẬT ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	209
69- CHUYỆN NỮ TỶ CỦA TRƯỞNG GIẢ ĐEM CƠM CHO CHỦ, GẶP ĐƯỢC PHẬT LIỀN CÚNG DƯỜNG NÊN ĐƯỢC QUẢ BÁO SINH Ở CÔI TRỜI.....	210
70- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ XÂY CÁT GIẢNG ĐƯỜNG CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI	212
71- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ THẤY VUA XÂY THÁP, ÔNG CŨNG XÂY THÁP ĐƯỢC QUẢ BÁO SINH Ở CÔI TRỜI.....	213
72- CHUYỆN NGƯỜI KHÁCH BUÔN XÂY NHÀ CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	214
QUYỂN 6.....	216
73- CHUYỆN ĐỂ THÍCH HỎI VIỆC	216
74- CHUYỆN ĐỨC PHẬT ĐỘ A-NHÃ KIỀU-TRẦN-NHƯ VÀ NHIỀU NGƯỜI TRONG QUÁ KHỨ.....	233
75- CHUYỆN CON CỦA SAI-MA BỊ BỆNH MẮT, QUY Y TAM BẢO ĐƯỢC NHẪN TỊNH.....	235
76- CHUYỆN BẢY LOẠI PHÁP BỐ THÍ.....	238
77- CHUYỆN VUA NƯỚC CA-BỘ LÚC TRỜI HẠN HẠN TẮM PHẬT NÊN ĐƯỢC MƯA	240
78- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ THỈNH XÁ-LỢI-PHẬT VÀ MA-HA-LA.....	241
QUYỂN 7.....	249
79- CHUYỆN BÀ-LA-MÔN DÙNG NGỌC NHƯ Ý CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT, XUẤT GIA ĐƯỢC ĐẮC ĐẠO	250
80- CHUYỆN THẬP LỰC CA-DIỆP DÙNG LỜI CHÂN THẬT LÀM CHÂN PHẬT HẾT CHẢY MÁU	253
81- CHUYỆN MA VƯƠNG BA-TUẦN MUỐN ĐẾN NÃO LOẠN ĐỨC PHẬT DƯỚI CÂY BỒ-ĐỀ	255
82- CHUYỆN ĐỨC PHẬT NÓI VỀ TAI HỌA CỦA LỢI DƯỜNG CHO CÁC TỶ-KHEO NGHE	257
83- CHUYỆN TÊN GIẶC SẮP BỊ GIẾT TỬ XA TRÔNG THẤY ĐỨC PHẬT, HOAN HỠI NÊN ĐƯỢC SINH THIÊN.....	260
84- CHUYỆN NGƯỜI SA LƯỚI PHÁP LUẬT BỊ CHẶT TAY CHÂN, CẢM NIỆM ÂN CỦA ĐỨC PHẬT NÊN ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI.....	261
85- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ LẤY NƯỚC MẬT TỐT CÚNG DƯỜNG CHO NGƯỜI ĐI ĐƯỜNG ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI	262
86- CHUYỆN VUA BA-TU-NẶC SAI NGƯỜI ĐI THỈNH PHẬT, NHỜ ĐÓ	

NGƯỜI ẤY SINH Ở CỎI TRỜI.....	263
87- CHUYỆN LÚC VUA BA-TU-NẶC KHUYẾN HÓA QUYÊN GÓP, CÓ NGƯỜI NGHÈO LẤY TẮM DẠ Dâng CHO VUA NÊN ĐƯỢC SINH Ở CỎI TRỜI.....	264
88- CHUYỆN NGƯỜI ANH THƯỜNG KHUYẾN, NGƯỜI EM PHỤNG TU TAM BẢO NHƯNG NGƯỜI EM KHÔNG KÍNH TÍN, NGƯỜI ANH ĐƯỢC SINH Ở CỎI TRỜI.....	265
89- CHUYỆN NGƯỜI CHA NGHE CON ĐẮC ĐẠO VUI, MỪNG LIỀN ĐƯỢC SINH Ở CỎI TRỜI	266
90- CHUYỆN NGƯỜI CON BỊ CHA BẮT BUỘC XUẤT GIA ĐƯỢC SINH Ở CỎI TRỜI.....	267
91- CHUYỆN LA-HÁN KỶ-DẠ-ĐA ĐUỔI ÁC LONG RA BIỂN.....	268
92- CHUYỆN HAI TỶ-KHEO THẤY TÔN GIẢ KỶ-DẠ-ĐA ĐƯỢC SINH Ở CỎI TRỜI.....	272
93- CHUYỆN NƯỚC NGUYỆT THỊ THẤY TÔN GIẢ KỶ-DẠ-ĐA.....	274
94- CHUYỆN VUA NƯỚC NGUYỆT THỊ KẾT BẠN THÂN VỚI BA VỊ QUAN TRÍ TUỆ	277
QUYỂN 8.....	281
95- CHUYỆN VỢ CHỒNG PHỤ TƯỚNG NƯỚC CÂU-THI-DI ÁC TÂM ĐỐI VỚI ĐỨC PHẬT, NHỜ ĐỨC PHẬT HÓA ĐẠO MÀ CHÚNG QUẢ TU-ĐÀ-HOÀN	281
96- CHUYỆN NAN-Đà, EM CỦA ĐỨC PHẬT BỊ ĐỨC PHẬT BẮT BUỘC XUẤT GIA ĐƯỢC ĐẮC ĐẠO	287
97- CHUYỆN ĐẠI LỰC SĨ CẢM HÓA NHÓM GIẶC Ở ĐỒNG HOANG .	295
98- CHUYỆN PHỤ TƯỚNG NGHE PHÁP NÊN LY DỤC	301
99- CHUYỆN NI-KIỀM TỬ NHẢY VÀO ĐỒNG LỬA ĐƯỢC PHẬT CỨU ĐỘ	305
100- CHUYỆN NĂM TRĂM CON CHIM ỪNG TRẮNG NGHE PHÁP ĐƯỢC SINH CỎI LÊN TRỜI.....	307
101- CHUYỆN ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA THẢ CON VOI SAY TÊN HỘ TÀI MUỐN HẠI PHẬT	309
QUYỂN 9.....	314
102- CHUYỆN CA-CHIÊN-DIÊN GIẢI THÍCH TÁM GIÁC MỘNG CỦA VUA ÁC SINH	315
103- CHUYỆN CON MÈO VÀNG	326
104- CHUYỆN VUA ÁC SINH ĐƯỢC NĂM TRĂM CÁI BẮT.....	328
105- CHUYỆN NGƯỜI CẦU VỊ TRỜI TỶ-MA MONG ĐƯỢC GIÀU LỚN	330

106- CHUYỆN QUỶ TỬ MẪU MẮT CON	332
107- CHUYỆN THIÊN TỰ CHỦ	334
108- CHUYỆN THỜ THẦN CÂY	335
109- CHUYỆN CÔ GÁI NHÀM CHÁN DỤC XUẤT GIA	336
110- CHUYỆN ĐỨA CON BẤT HIỂU NHẬN QUẢ BẢO	337
111- CHUYỆN LUẬN NGHỊ GIỮA VUA NAN-ĐÀ CÙNG VỚI NA-GIÀ-TU-NA	338
112- CHUYỆN NGƯỜI VỢ BẤT HIỂU MUỐN HẠI MẸ CHỒNG TRỞ LẠI GIẾT CHỒNG	343
113- CHUYỆN VUA NƯỚC BA-LA-NẠI NGHE TIẾNG KÊU TRONG GÒ MÃ	344
114- CHUYỆN TỶ-KHEO GIÀ ĐƯỢC BỐN QUẢ	348
115- CHUYỆN CÔ GÁI CHỈ THÀNH ĐƯỢC ĐẠO QUẢ	351
QUYỂN 10	353
116- CHUYỆN VUA UÙ-ĐÀ-TIÊN	353
117- CHUYỆN LA-HẦU-LA	363
118- CHUYỆN VỊ BÀ-LA-MÔN GIÀ DỐI TRÁ	371
119- CHUYỆN NGƯỜI VỢ CỦA BÀ-LA-MÔN MUỐN HẠI MẸ CHỒNG	376
120- CHUYỆN CON CHIM KIỆU VÀ CON QUẠ BẢO OÁN	379
121- CHUYỆN NÔ TỶ VÀ CON DÊ ĐƯỢC CHIẾN ĐẤU	381
SỐ 204	263
KINH TẬP THÍ DỤ	263
SỐ 205	279
KINH TẬP THÍ DỤ	279
QUYỂN THƯỢNG	279
QUYỂN HẠ	308
SỐ 206	341
KINH CỤU TẬP THÍ DỤ	341
QUYỂN THƯỢNG	341
QUYỂN HẠ	401
SỐ 207	395
KINH TẬP THÍ DỤ	395
SỐ 208	464
CHÚNG KINH TUYỂN TẬP THÍ DỤ	464
QUYỂN 1	464
QUYỂN 2	509
SỐ 209	507
KINH BÁCH DỤ	507

PHẦN DUYÊN KHÔI (*)	507
QUYỂN 1	507
1- NGƯỜI NGU ĂN MUỐI.....	508
2- NGƯỜI NGU ĐỂ DÀNH SỮA BÒ.....	508
3- DÙNG GẬY ĐÁNH VỖ ĐẦU.....	509
4- NGƯỜI VỢ GIẢ CHẾT	510
5- NGƯỜI KHÁT GẶP NƯỚC	511
6- CON CHẾT MUỐN AN TẮNG TRONG NHÀ.....	512
7- NHẬN NGƯỜI LÀM ANH.....	514
8- CHÀNG NHÀ QUÊ VÀO KHO VUA ĂN TRỘM.....	515
9- KHEN CHA ĐỨC HẠNH	516
10- NHÀ LẦU BA TẦNG	517
11- BÀ-LA-MÔN GIẾT CON	519
12- NẤU NƯỚC ĐƯỜNG	520
13- NGƯỜI HAY SÂN HẬN	521
14- GIẾT NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG ĐỂ TẾ TRỜI	523
15- LƯƠNG Y BỐC THUỐC MAU LỚN CHO CÔNG CHÚA CON VUA	524
16- TUỔI MÍA	525
17- NỢ NĂM TIỀN.....	526
18- LÊN LẦU MÀI DAO	527
19- ĐI THUYỀN RƠI CHÉN BẠC	528
20- PHÊ BÌNH VUA BẠO NGƯỢC	529
21- NGƯỜI PHỤ NỮ CẦU CON.....	530
QUYỂN 2	532
22- RA BIỂN TÌM TRẦM	533
23- KẺ TRỘM DÙNG GẤM BỌC ÁO VẢI THÔ	533
24- TRỒNG MÈ RANG.....	534
25- NƯỚC VÀ LỬA	535
26- BẮT CHUỐC VUA NHÁY MẮT.....	535
27- TRỊ THƯƠNG	537
28- ĐỔI MŨI CHO VỢ.....	537
29- NGƯỜI NGHÈO ĐÓT ÁO VẢI THÔ.....	538
30- NGƯỜI NUÔI DÊ	540
31- MỜI THỌ ĐỨC ĐỒ SỨ	541
32. THƯƠNG GIA TRỘM VÀNG	543
33- ĐÓN CÂY LẤY TRÁI	543
34- DÂNG NƯỚC NGỌT.....	544
35- TẮM GƯƠNG TRONG RỪNG BẦU	546

36- MÓC MẮT TIỀN NHÂN	547
37- GIẾT ĐÀN TRÂU	548
38- UỐNG NƯỚC TRONG KHE.....	549
39- BẮT CHUỐC BẠN SƠN NHÀ.....	550
40- TRỊ BỆNH HỐI ĐẦU.....	551
41- QUỶ TỶ-XÁ-XÀ.....	552
QUYỂN 3.....	555
42- CON LẠC ĐÀ CỦA NHÀ BUÔN BỊ CHẾT	556
43- MÀI ĐÁ	557
44- MUỐN ĂN NỬA CÁI BÁNH	558
45- ĐẦY TỔ GIỮ CỬA	559
46- TRỘM TRÂU	560
47- NGƯỜI NGHÈO GIẢ TIẾNG CHIM UYÊN ƯƠNG.....	562
48- CHÓ RỪNG BỊ NHÁNH CÂY ĐẬP	563
49- HAI ĐỨA BÉ TRANH NHAU SỢ LÔNG	564
50- THẦY THUỐC TRỊ TẬT GÙ LƯNG	564
51- NĂM NGƯỜI MUA NỮ TỶ CÙNG SAI VIỆC	565
52- KỸ NỮ CA HÁT	566
53- THẦY NHỨC MỎI ĐÔI CHÂN GIAO CHO HỌC TRÒ CHĂM SÓC	566
54- ĐẦU VÀ ĐUÔI RẮN TRANH NHAU ĐI TRƯỚC	567
55- MUỐN CẠO RÂU CHO VUA.....	568
56- BUỘC TRẢ CÁI “KHÔNG CÓ”	569
57- ĐẠP MÒM TRƯỞNG GIẢ	570
58- HAI NGƯỜI CON PHÂN CHIA TÀI SẢN	571
59- XEM THỢ LÀM ĐỒ GỖ.....	573
60- THẤY BÓNG VÀNG TRONG NƯỚC.....	574
61- ĐỆ TỬ PHẠM THIÊN TẠO HÌNH NGƯỜI	575
62- NGƯỜI BỆNH ĂN THỊT GÀ CON.....	577
63- DIỄN VIÊN MẶC ĐỒ DIỄN QUỈ LA-SÁT KHIẾN MỌI NGƯỜI KINH HÃI.....	578
64- MỌI NGƯỜI ĐỒN CÓ ÁC QUỶ TRONG NGÔI NHÀ CỔ	580
65- NĂM TRĂM VIÊN THUỐC BỎ	581
QUYỂN 4.....	585
66- MÒM LẪM BẮM CÁCH LÁI THUYỀN, TAY KHÔNG BIẾT LÁI	586
67- VỢ CHỒNG ĐÁNH CUỘC ĂN BÁNH	588
68- ÔM HẬN HẠI NHAU	589
69- NOI GƯƠNG TỔ TIÊN ĂN NHANH.....	590
70- NÉM TRÁI TÀN-BÀ-LÀ.....	591

71- HƯ MẮT VÌ VỢ	592
72- NGÂM GẠO CHỊU MỒ MIỆNG	593
73- NÓI DỐI NGỰA CHẾT	594
74- PHÀM PHU XUẤT GIA MONG CẦU LỢI DƯỠNG	595
75- CẢ LẠC ĐÀ VÀ GHỀ ĐỀU MẮT	596
76- NÔNG PHU MƠ TƯỞNG CÔNG CHÚA	597
77- VẮT SỮA LỪA	598
78- DẶN CON ĐI SỚM	599
79- GÁNH GHỀ CHO VUA	600
80- RỬA RUỘT	601
81- BỊ GẤU QUÀO	602
82- GIEO LÚA	603
83- CON KHỈ	605
84- VÌ NGUYỆT THỰC ĐÁNH CHÓ	605
85- NGƯỜI PHỤ NỮ BỊ BỆNH MẮT	606
86- CHA GIỮ KHUYÊN TAI CHO CON	607
87- BỌN CƯỚP CHIA CỬA	608
88- NẮM ĐẬU CỦA CHÚ KHỈ	609
89- CHUỘT VÀNG VÀ RẮN ĐỘC	609
90- LƯỢM ĐƯỢC TIỀN	610
91- NGƯỜI NGHÈO SO CỬA	611
92- ĐÚA TRẺ ĐƯỢC KEO	612
93- BÀ LÃO ĐÁNH CỌP	613
94- NGỌC MA-NI HAY LỖ THOÁT NƯỚC	614
95- VỢ CHỒNG CHIM BÒ CẬU	615
96- NÓI DỐI MẮT MÙ	616
97- BỊ CƯỚP ĐOẠT MẮT ÁO LÔNG	617
98- ĐÚA TRẺ ĐƯỢC RỪA	618
KỆ CUỐI QUYỀN	619
SỐ 210	587
KINH PHÁP CÚ	587
QUYỀN THUỜNG	587
Phẩm 1: VÔ THUỜNG (có 21 bài)	587
Phẩm 2: GIÁO HỌC (có 29 bài)	591
Phẩm 3: ĐA VẤN (có 19 bài)	596
Phẩm 4: ĐỐC TÍN (có 18 bài)	600
Phẩm 5: GIỚI THẬN (có 16 bài)	604
Phẩm 6: DUY NIỆM (có 12 bài)	607

Phẩm 7: TỬ NHÂN (có 18 bài).....	609
Phẩm 8: NGÔN NGỮ (có 12 bài).....	613
Phẩm 9: SONG YẾU (có 22 bài).....	615
Phẩm 10: PHÓNG DẬT (có 20 bài).....	620
Phẩm 11: TÂM Ý (có 12 bài).....	624
Phẩm 12: HOA HƯƠNG (có 17 bài).....	626
Phẩm 13: NGU ÁM (có 21 bài).....	629
Phẩm 14: MINH TRIẾT (có 17 bài).....	633
Phẩm 15: LA HÁN (có 10 bài).....	637
Phẩm 16: THUẬT THIÊN (có 16 bài).....	639
Phẩm 17: ÁC HÀNH (có 22 bài).....	642
Phẩm 18: ĐAO TRƯỞNG (có 14 bài).....	647
Phẩm 19: LÃO MẠO (có 14 bài).....	649
Phẩm 20: ÁI THÂN (có 13 bài).....	652
Phẩm 21: THỂ TỤC (có 14 bài).....	655
QUYỂN HẠ.....	662
Phẩm 22: THUẬT PHẬT (có 21 bài).....	662
Phẩm 23: AN NINH (có 14 bài).....	666
Phẩm 24: HIẾU HỖ (có 12 bài).....	669
Phẩm 25: PHẢN NỘ (có 26 bài).....	671
Phẩm 26: TRẦN CẦU (có 19 bài).....	676
Phẩm 27: PHỤNG TRÌ (có 17 bài).....	680
Phẩm 28: ĐẠO HẠNH (có 28 bài).....	683
Phẩm 29: QUẢNG DIỄN (có 14 bài).....	688
Phẩm 30: ĐỊA NGỤC (có 16 bài).....	691
Phẩm 31: TƯỢNG DỤ (có 18 bài).....	694
Phẩm 32: ÁI DỤC (có 32 bài).....	698
Phẩm 33: LỢI DƯỠNG (có 20 bài).....	704
Phẩm 34: SA-MÔN (có 32 bài).....	708
Phẩm 35: PHẠM CHỈ (có 40 bài).....	714
Phẩm 36: NÊ-HOÀN (có 36 bài).....	721
Phẩm 37: SINH TỬ (có 18 bài).....	729
Phẩm 38: ĐẠO LỢI (có 19 bài).....	732
Phẩm 39: KIẾT TUỜNG (có 19 bài).....	736
SỐ 211.....	740
KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ.....	740
QUYỂN 1.....	740
Phẩm 1: VÔ THUỜNG.....	740

Phẩm 2: GIÁO HỌC	752
Phẩm 3: HỘ GIỚI.....	759
Phẩm 4: ĐA VĂN	762
Phẩm 5: ĐỐC TÍN.....	774
Phẩm 6: GIỚI THÂN	778
Phẩm 7: DUY NIỆM	781
Phẩm 8: TỪ NHÂN.....	784
Phẩm 9: NGÔN NGỮ	791
Phẩm 10: SONG YẾU	793
Phẩm 11: PHÓNG DẬT	804
Phẩm 12: TÂM Ý	807
Phẩm 13: HOA HUƠNG.....	809
QUYỂN 2.....	813
Phẩm 14: DỤ HOA HUƠNG.....	813
Phẩm 15: NGU ÁM.....	819
Phẩm 16: MINH TRIẾT	827
Phẩm 17: A-LA-HÁN	835
Phẩm 18: THUẬT THIÊN	839
Phẩm 19: ÁC HẠNH.....	849
Phẩm 20: ĐAO TRUƠNG	856
QUYỂN 3.....	865
Phẩm 21: LÃO MAO	865
Phẩm 22: ÁI THÂN.....	871
Phẩm 23: THỂ TỤC	876
Phẩm 24: THUẬT PHẬT	879
Phẩm 25: AN NINH	882
Phẩm 26: HIẾU HỠ	888
Phẩm 27: PHẢN NỘ	891
Phẩm 28: TRẦN CẦU.....	895
Phẩm 29: PHỤNG TRÌ.....	898
Phẩm 30: ĐẠO HẠNH.....	902
Phẩm 31: QUẢNG DIỄN	906
Phẩm 32: ĐỊA NGỤC	909
Phẩm 33: TƯỢNG.....	917
Phẩm 34: ÁI DỤC	925
QUYỂN 4.....	933
Phẩm 35: DỤ ÁI DỤC	933
Phẩm 36: LỢI DƯỠNG.....	944

Phẩm 37: SA-MÔN	949
Phẩm 38: PHẠM CHÍ	951
Phẩm 39: NÊ HOÀN	955
Phẩm 40: SINH TỬ	958
Phẩm 41: ĐAO-LỢI	962
Phẩm 42: KIẾT TƯỜNG.....	977

* * * * *

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 16

BỘ BẢN DUYÊN

7

SỐ 203

(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 203

KINH TẠP BẢO TẠNG

*Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Sa-môn
Kiết-ca-dạ và Đàm Diệu.*

QUYỂN 1

Gồm chín chuyện:

1. Chuyện Thập Xa vương.
2. Chuyện Vương tử lấy thịt mình cứu cha mẹ.
3. Nhân duyên chim Anh vũ cúng dường cha mẹ mù.
4. Chuyện Khí Lão quốc.
5. Chuyện Đức Phật ở cõi trời Đao-lợi thuyết pháp cho Mẹ là bà Ma-da.
6. Đức Phật kể chuyện ngày xưa mẹ Ngài là bà Ca-đán-già-la.
7. Chuyện Từ Đồng Nữ.
8. Chuyện phu nhân Liên Hoa.
9. Chuyện phu nhân Lộc Nữ.



1- CHUYỆN THẬP XA VƯƠNG

Ngày xưa, lúc con người sống thọ đến một vạn

tuổi, có một vị vua tên Thập Xa, làm vua cõi Diêm-phù-đề. Vợ chánh của nhà vua sinh được một người con trai tên là La-ma. Vợ thứ của nhà vua có một người con tên là La-mạn. Thái tử La-ma là người đại dũng mãnh, có sức mạnh của Na-la-diên, kiêm cả tài văn chương thi phú. Hễ ai nghe tiếng hay thấy hình đều có thể bị hại, không ai địch nổi.

Bấy giờ, vị phu nhân thứ ba sinh được một người con trai tên là Bà-la-đà. Phu nhân thứ tư sinh được một người con trai tên là Diệt Oán Ác. Đặc biệt phu nhân thứ ba được nhà vua rất yêu quý, thường nói:

– Nay ta đổi với nàng, tất cả những của cải, châu báu của ta, ta hoàn toàn không keo kiết gì cả, nếu nàng cần thứ gì ta sẽ cho ngay.

Phu nhân thưa:

– Hiện nay thiếp chưa có cầu mong gì, nếu sau này có thỉnh nguyện gì thì thiếp sẽ xin tâu.

Khi ấy nhà vua bị bệnh, tánh mạng rất nguy kịch, liền lập thái tử La-ma thay mình làm vua. Thái tử lấy lụa búi tóc, đầu đội mão trời, nghi dung phép tắc như pháp của vua.

Bấy giờ, phu nhân thứ ba thấy bệnh của vua có thuyên giảm đôi phần, tự ý mình được vua yêu dấu như thế và thấy La-ma nối ngôi vua cha, trong lòng sinh ra ganh tức, tìm đến chỗ vua, xin vua cho bà lời mong ước ngày trước, bà thưa:

– Mong cho con của thiếp được làm vua, truất phế La-ma.

Nhà vua nghe lời này rồi như người mắc nghẹn, nuốt không trôi mà nhô ra cũng không được. Vì nếu muốn truất phế con trưởng nay đã phong làm vua rồi; nếu không muốn truất phế thì trước đây đã hứa là cho bà ta muốn gì cũng được. Song, vua Thập Xa từ xưa đến nay chưa từng bội tín với ai cả. Và lại, pháp của vua là pháp không được nói hai lời, không nuốt lời hứa trước. Suy nghĩ như vậy xong, nhà vua liền truất phế La-ma, lấy lại áo mão.

Khi ấy, người em là La-mạn nói với anh:

– Anh có sức mạnh, lại có tài văn chương điển nhã sao lại không sử dụng mà phải chịu sự sỉ nhục này?

Người anh nói với em:

– Làm ngược lại sự mong ước của cha không thể gọi là con hiếu thảo. Song, nay người mẹ này không sinh ra ta, nhưng cha ta thương mến thì cũng như là mẹ của ta vậy. Còn người em Bà-la-đà tánh tình rất hòa thuận, chắc không có ý gì khác. Như ta bây giờ tuy có sức mạnh vĩ đại, có tài thi phú, nhưng đối với cha mẹ và người em ấy, không nên làm gì để tổn hại họ cả.

Người em nghe xong liền im lặng.

Bây giờ, vua Thập Xa bắt hai người con phải đi thật xa, vào núi sâu, sau mười hai năm mới cho về

nước. Anh em của La-ma liền vâng theo lệnh của vua cha, trong lòng không ôm hận, bái từ cha mẹ, đi vào núi sâu thật xa.

Khi ấy Bà-la-đà đang ở nước ngoài, nhà vua ra lệnh tìm kiếm, triệu về nước để làm vua. Song, Bà-la-đà đối với hai người anh rất hòa kính, cung thuận, luôn giữ lòng kính yêu. Lúc trở về nước rồi thì phụ vương đã băng hà, mới hay mẹ mình đã dối lập việc hưng phế, tấn xuất hai người anh đi xa. Nghi ngờ việc làm của mẹ mình có điều phi lý, cho nên Bà-la-đà nói với mẹ mình mà vẫn không lễ bái, thừa quỳ:

– Tại sao mẹ làm việc bội nghịch này, tiêu diệt tình máu mủ của chúng ta?

Rồi thái tử hướng về phía mẹ lớn bái lạy, cung kính hiếu thuận gấp bội lúc bình thường.

Bấy giờ, Bà-la-đà liền đem binh chúng đến ranh giới của hòn núi mà hai anh đang ở, rồi bảo binh chúng ở phía sau, một mình đi vào núi. Đang khi thái tử em đi đến thì La-mạn nói với anh:

– Trước đây chúng ta hằng cho rằng người em Bà-la-đà là con người đạo nghĩa, kính nhường, cung thuận, nhưng hôm nay nó lại đem binh đến đây để giết hại anh em chúng ta!

Hoàng tử anh nói với Bà-la-đà:

– Hôm nay vì sao em đem binh chúng tới đây?

Hoàng tử em thưa với anh:

– Sợ đi giữa đường gặp bọn giặc cướp cho nên em phải đem theo binh chúng, mục đích là để tự phòng vệ, ngoài ra em không có ý gì khác cả, mong anh hãy trở về nước để trông coi việc triều chính.

Người anh trả lời:

– Trước đây anh đã vâng lệnh của vua cha lưu đây nơi xa xôi này. Nay anh vì sao lại trở về liền như vậy? Nếu anh tự ý làm thế thì không thể gọi là người con nhân từ hiếu thuận được.

Người em đã ân cần thỉnh cầu hết sức như vậy, nhưng ý của người anh đã quyết định rõ ràng, kiên cố. Người em biết ý của anh mình dứt khoát không trở về, liền tìm thấy đôi giày da của anh mình thường mang, trong lòng buồn rầu áo não, đem nó về nước. Khi trở về nước thông nhiếp việc quốc chánh, người em thường đặt nó lên trên ngự tọa, ngày đêm triều bái, hỏi han, xem như là anh mình không khác. Nhà vua lại thường bảo người vào trong núi luôn luôn thỉnh mời hai anh về nước. Nhưng vì hai người anh theo lệnh của vua cha phải đủ mười hai năm mới được về nước. Nay chưa đủ thời gian ấy, vì lòng chí hiếu tận trung nên không dám trái lệnh. Về sau dần dần đã đủ mười hai năm, lại biết người em luôn luôn ân cần mời thỉnh, lại còn biết người em luôn luôn kính chiếc giày của mình như chính mình vậy. Vì cảm kích tấm lòng của người em tha thiết như thế, liền trở về nước. Khi về đến nước người em liền nhường ngôi cho

người anh. Người anh nhường lại, nói:

– Phụ vương đã giao ngôi cho em, ta không nên nhận lấy ngai vàng này.

Người em lại thưa:

– Anh là con trưởng, phải gánh lấy sự nghiệp của cha, như vậy mới là đúng lẽ.

Cứ như vậy hai bên nhường ngôi qua lại cho nhau. Cuối cùng người anh không thể từ chối được nên phải lên làm vua. Anh em hòa kính, thương yêu, phong hóa thịnh hành, đạo đức dồi dào nên muôn dân được nhờ cậy, họ càng thêm trung hiếu. Dân chúng suy nghĩ tự khuyến khích mình tôn thờ việc hiếu kính.

Mẹ của Bà-la-đà tuy có tạo ra sự đại ác nhưng La-ma vẫn không có lòng oán hận.

Do nhân duyên trung hiếu này mà mưa gió đúng thời, ngũ cốc sung mãn, con người không có tật dịch. Ở trong cõi Diêm-phù-đề tất cả dân chúng đều giàu có sung mãn, mười phần gấp bội lúc bình thường.



2- CHUYỆN VƯƠNG TỬ DỪNG THỊT CỦA MÌNH ĐỂ CỨU CHA MẸ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ,

Tôn giả A-nan mang y cầm bát vào thành để khát thực, thấy một cậu bé có cha mẹ bị mù. Hễ đi xin được món đồ ăn nào ngon thì cậu dâng lên cho cha mẹ, còn món nào dở thì tự ăn lấy. Tôn giả A-nan bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, cậu bé này thật là hiếm có, vì hễ khi xin được đồ ăn ngon thì dâng lên cha mẹ, còn đồ dở thì để mình ăn.

Đức Phật bảo:

– Điều đó cũng chưa phải là khó. Trong thời quá khứ, Ta đã cúng dường cho cha mẹ mới thật là điều khó làm.

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn, trong đời quá khứ Thế Tôn đã cúng dường cha mẹ như thế nào?

Đức Phật bảo:

– Ở thời quá khứ có một vị đại quốc vương thống lãnh đất nước. Nhà vua có sáu người con, mỗi người cai trị một nước.

Bấy giờ có một vị đại thần tên là La-hầu-câu lập mưu, nổi quân giết chết vị đại vương và năm người con kia. Còn người con thứ sáu đã có Quỷ thần đến mách bảo trước:

– Đại vương là cha của ngươi và năm người anh đều bị đại thần La-hầu-câu giết hại. Tiếp theo, y sẽ muốn đến giết ngươi.

Vương tử nghe xong, liền trở về nhà. Người vợ

thấy vương tử diện mạo âu sầu, tiêu tụy, không giống lúc bình thường, liền hỏi chồng:

– Anh có điều gì vậy?

Người chồng nói với vợ:

– Việc của người đàn ông không thể nói cho nàng biết được.

Người vợ nói:

– Nay vương tử, nay tôi với chàng đồng sinh đồng tử, có việc gì gấp hay hoãn mà không nói cho nhau nghe?

Chồng nói với vợ:

– Vừa rồi có quỷ thần đến báo với ta: “Cha của ngài là đại vương và năm người anh đều bị kẻ khác giết chết. Họ sẽ đến đây tìm ngài.” Do đó cho nên ta mới sợ sệt, chẳng biết phải làm sao!

Vợ chồng bàn với nhau liền mang theo người con nhỏ chạy trốn sang nước khác. Họ mang theo lương thực cho bảy ngày thì sẽ tới nước muốn đến. Vì quá kinh hoàng sợ hãi cho nên đã đi lộn đường. Quanh co hết mười ngày trời rồi mà vẫn chưa đến nơi, lương thực hết sạch cho nên bị đói khát, khôn khổ gần chết. Vương tử suy nghĩ: “Nếu để ba người cùng sống thì sự thống khổ càng thêm kịch liệt. Chẳng thà ta hãy giết chết một người, chỉ còn có hai người thì sẽ bớt khổ.” Nghĩ như vậy xong, vương tử liền rút kiếm muốn giết người vợ. Cậu bé quay đầu lại thấy cha sắp sửa giết mẹ, liền chấp tay

thừa:

– Ngày hôm nay xin cha đừng giết mẹ con. Xin cha cứ giết con để thay thế cho mẹ.

Nghe con nói như vậy, người cha lại muốn giết con. Nhưng người con nói tiếp:

– Xin cha đừng làm cho con chết. Nếu con chết, thịt sẽ thối rữa, không thể để lâu được, thì cha mẹ sẽ không đủ lương thực để đi tiếp. Xin đừng giết con chết, cứ từ từ cắt thịt mà dùng, mỗi ngày ăn chút ít trong lúc chưa đến xứ người. Thịt ở trong thân con chia làm ba phần, cha mẹ hãy lấy hai phần mà ăn, còn lại một phần thì để con dùng. Cha mẹ hãy để con nằm ở đây rồi đi tiếp.

Bấy giờ, cung điện của Thích Đề-hoàn Nhân bị chấn động, trời Đế Thích bèn quan sát xem do nhân duyên gì mà bị như vậy, mới thấy cậu bé này đã làm một việc hy hữu. Ông liền hóa hình một con chó sói đói đi đến đòi ăn thịt. Lúc ấy cậu bé suy nghĩ: “Nếu ta ăn thịt này thì cũng sẽ chết, còn không ăn thịt thì ta cũng chết.” Cậu bé liền bỏ phần thịt còn lại cho chó sói đói ăn.

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân liền hóa thành người, nói với cậu bé:

– Nay ngươi cắt thịt để nuôi cha mẹ, vậy ngươi có hối hận chăng?

Cậu bé trả lời:

– Không hối hận.

Người kia lại nói:

– Nay người đang khổ não, vậy ai tin người không sinh lòng hối hận?

Bây giờ, cậu bé nói lời thành thật:

– Nếu tôi không có lòng hối hận thì xin ngay bây giờ thịt trong thân tôi sẽ bình phục lại như xưa. Còn nếu tôi có lòng hối hận thì tôi sẽ chết tức thì.

Khi cậu bé nói lời ấy xong thì thân thể lại bình phục như xưa. Thích Đề-hoàn Nhân liền đưa cậu bé cùng với cha mẹ đồng đến một nơi gặp vị vua nước khác. Thấy việc này rồi trong lòng nhà vua hết sức thương xót và vô cùng hoan hỷ. Nhà vua thương người con chí hiếu, khen ngợi là chưa từng có, liền cấp cho quân đội trở về để lấy lại nước. Thích Đề-hoàn Nhân dần dần ủng hộ vị ấy trở thành vua của cõi Diêm-phù-đề.

Cậu bé lúc ấy chính là thân Ta. Còn cha mẹ lúc ấy chính là cha mẹ của Ta bây giờ.

Đức Phật dạy:

– Đâu có phải chỉ ngày hôm nay Ta mới tán thán lòng từ hiếu. Nhưng trong vô số kiếp Ta cũng thường tán thán như vậy.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, trong đời quá khứ Ngài cúng dường cha mẹ như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Ngày xưa, trong lãnh thổ của vua nước Ca-

thì có một hòn núi lớn. Trong hòn núi ấy có vị Tiên nhân tên là Thiểm-ma-ca, cha mẹ đã già lại mù cả hai mắt. Vị Tiên thường dâng quả ngon, hoa thơm, nước tốt cho cha mẹ dùng, để cha mẹ ở nơi an nhàn, yên vắng, không có gì phải sợ sệt. Hễ vị Tiên này có làm công việc gì nhất cử nhất động, trước hết đều thưa với cha mẹ. Khi vị Tiên thưa với cha mẹ xong, liền đi lấy nước.

Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt đang đi săn, bỗng thấy một con nai đang uống nước, liền giương cung lên bắn. Tên độc lõ trúng vào người của Thiểm-ma-ca. Khi bị tên độc, vị Tiên nhân la lớn:

– Một mũi tên giết chết ba người, đau đớn biết chừng nào!

Nhà vua nghe tiếng than ấy, tìm theo chỗ mũi tên rơi đi đến đó để xem thử việc gì, ai đã nói lời ấy? Vua nói:

– Ta nghe trong núi này có một vị Tiên nhân tên là Thiểm-ma-ca, nhân từ hiếu thuận, nuôi dưỡng cha mẹ mù, mọi người đều khen ngợi. Vậy người có phải là Thiểm-ma-ca không?

Đáp:

– Người ấy chính là tôi.

Rồi chàng nói tiếp:

– Nay thân của tôi dù có thống khổ cũng không sao. Tôi chỉ lo cho cha mẹ tôi già cả mà lại bị mù lòa, từ nay sẽ bị đói khát, cùng khốn, không ai nuôi

dưỡng!

Nhà vua lại nói:

– Cha mẹ mù của người hiện nay đang ở chỗ nào?

Thiêm-ma-ca chỉ cho vua:

– Trong ngôi nhà cỏ kia.

Nhà vua liền đi đến chỗ ở của cha mẹ bị mù ấy. Khi đó, cha của Thiêm-ma-ca nói với vợ:

– Nay con mắt của tôi bị giật, há không phải là đưa con hiếu thảo Thiêm-ma-ca của chúng ta bị tai họa sao?

Người vợ lại nói với chồng:

– Nay cái vú của tôi cũng hồi hộp bất an, chẳng lẽ đưa con của chúng ta bị điều gì không lành chăng?

Lúc ấy cha mẹ mù đang nghe tiếng của vua đi đến, trong lòng sợ sệt, biết không phải là bước chân của con mình. Vậy đây là ai? Nhà vua đi tới phía trước, nói lời bái chào. Cha mẹ mù nói:

– Con mắt của chúng tôi không thấy gì cả. Vậy ai bái chào đó?

Vua đáp:

– Tôi là vua của nước Ca-thi.

Cha mẹ mù nghe xong bèn mời nhà vua ngồi xuống, nói:

– Nếu con tôi có mặt ở đây, nó sẽ dâng lên cho đức vua những hoa thơm quả ngon. Con của chúng

tôi sáng nay đã đi lấy nước. Chúng tôi chờ đã lâu rồi mà chưa thấy về.

Nhà vua liền buồn khóc, nói kệ:

*Ta là vua nước này
Đi săn tại núi đây
Chỉ muốn bắn cầm thú
Không ngờ lại hại người.
Nay ta bỏ ngôi vua
Phụng dưỡng cha mẹ mù
Giống như con cha mẹ
Xin chớ có buồn khổ!*

Cha mẹ mù lại dùng kệ đáp lại vua:

*Con tôi hiền, hiếu thuận
Trong đời không ai bằng
Tuy vua thấy xót thương
Làm sao giống con được?
Xin vua rủ lòng thương
Chỉ con tôi ở đâu?
Được con ở gần bên
Như vậy là mãn nguyện.*

Bấy giờ, nhà vua dẫn cha mẹ mù đi đến bên Thiêm-ma-ca, khi họ đi đến bên con rồi, liền đập ngực, khóc lóc, áo nảo, nói:

— Than ôi, con của ta nhân từ, hiếu thuận không ai bằng. Hỡi Thiên thần, Địa thần, Sơn thần, Thọ thần, Thần sông, Thần hồ, các vị Thần hãy nghe bài kệ này:

*Thích, Phạm vua cõi trời
Vì sao không phò trợ
Con hiếu thuận của ta?
Để phải khổ như vậy
Thương đứa con hiếu tử
Hãy mau đến cứu mạng.*

Lúc ấy, cung điện của Thích Đề-hoàn Nhân bị chấn động. Vua trời dùng Thiên nhĩ nghe những lời đau thương, trắc ẩn của cha mẹ mù, liền từ trên trời đi xuống, đến chỗ đó nói với Thiêm-ma-ca:

– Người có sinh tâm ác với nhà vua chăng?

Đáp:

– Quả thật tôi không có tâm ác với nhà vua.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

– Ai mà tin được nhà ngươi không có tâm ác?

– Thiêm-ma-ca đáp:

– Nếu tôi có tâm ác đối với nhà vua thì chất độc sẽ chạy khắp thân khiến tôi chết lập tức. Nếu tôi không có tâm ác đối với nhà vua thì tên độc sẽ ra khỏi thân và vết thương liền lành.

Liền đúng như lời nói ấy, tên độc tự ra khỏi thân và Thiêm-ma-ca bình phục như xưa. Nhà vua hết sức vui mừng, vô cùng sung sướng, liền ra cấm lệnh, bảo khắp mọi người trong nước phải tu nhân từ, hiếu thảo với cha mẹ.

Thiêm-ma-ca từ xưa đến nay nhân từ hiếu thuận, cúng dường cha mẹ. Nên biết rằng người

cha mẹ lúc ấy chính là vua Tịnh Phạn. Người mẹ
mẹ nay là Ma-da phu nhân. Thiêm-ma-ca chính là
thân Ta. Vua nước Ca-thi lúc ấy nay là Xá-lợi-phất.
Thích Đề-hoàn Nhân nay là Ma-ha Ca-diếp.



3- NHÂN DUYÊN CHIM ANH VŨ CÚNG DƯỜNG CHA MẸ MẸ

Đức Phật ở tại thành Vương xá, bảo các Tỳ-
kheo:

– Có hai loại tà hạnh, tựa như vồ vào trái cầu,
mau bị đọa vào địa ngục. Những gì là hai? Một là
không cúng dường cha mẹ. Hai là làm điều ác đối
với cha mẹ.

Có hai chánh hạnh, như dôi vào trái cầu, mau
được sinh lên cõi trời. Những gì là hai? Một là cúng
dường cha mẹ, hai là làm các hạnh thiện đối với
cha mẹ.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Hy hữu thay, bạch Thế Tôn, Đức Như Lai đã
hết sức tán thán cha mẹ.

Đức Phật dạy:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay! Về đời quá
khứ, trong núi Tuyết có một con chim Anh vũ,
cha mẹ đều bị mù. Nó thường mang những hoa
thơm, trái chín trước tiên là phụng dưỡng cha mẹ.

Bấy giờ có một điền chủ, khi mới trông lúa có phát nguyện:

– Tôi trông lúa này mục đích là cho chúng sinh cùng ăn.

Khi ấy, chim Anh vũ vì ông điền chủ trước đây đã có lòng bố thí, nên nó thường đến ruộng này lượm thóc lúa đem về cúng dường cha mẹ. Lúc đó vị điền chủ đi ra ruộng để xem lúa, thấy các thứ sâu, chim cắn hư bông lúa cho nên buồn rầu, bực tức. Ông liền giăng lưới bắt được chim Anh vũ. Chim Anh vũ nói:

– Nay điền chủ, trước đây ông đã có lòng tốt bố thí tài vật, không keo kiệt. Vì thế nên tôi mới dám đến đây để lượm lúa thóc. Vậy có gì nay ông lại giăng lưới bắt tôi? Vả lại, ruộng thì giống như người mẹ, còn hạt giống thì giống như người cha. Lời nói thành thật như con, điền chủ như vị vua che chở cho chúng tôi.

Khi chim nói lời này xong, điền chủ rất hoan hỷ, hỏi chim Anh vũ:

– Người nhặt lúa này đem về cho ai?

Anh vũ đáp:

– Tôi có cha mẹ mù, nguyện suốt đời phụng dưỡng.

Điền chủ bảo:

– Từ nay về sau hãy thường đến đây để lấy lúa, đừng có sợ gì cả.

Đức Phật nói:

– Chim Anh vũ vui mừng được nhiều hạt và ông điền chủ cũng vậy. Chim Anh vũ lúc ấy chính là Ta. Điền chủ nay là Xá-lợi-phất. Người cha mù lúc đó là vua Tịnh Phạn, người mẹ mù là Ma-da phu nhân.



4- CHUYỆN KHÍ LÃO QUỐC

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy như vậy:

– Cung kính người già có lợi ích lớn là: Những điều chưa được nghe thì được nghe hiểu, tiếng tăm đồn xa, được người trí kính nể.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đức Như Lai Thế Tôn thường khen ngợi những ai cung kính cha mẹ và những bậc kỳ túc trưởng lão.

Đức Phật dạy:

– Đâu chỉ có ngày hôm nay, mà trong vô lượng kiếp ở quá khứ. Ta thường cung kính cha mẹ cùng những bậc trưởng lão kỳ túc.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Ở thời quá khứ, Đức Thế Tôn đã cung kính cha mẹ và các bậc trưởng lão như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Về thời quá khứ lâu xa về trước, có một nước tên là Khí lão. Trong nước này hễ nhà ai có người già đều phải bỏ đi thật xa. Lúc ấy, một vị đại thần nọ trong triều có người cha tuổi đã già. Theo pháp luật của nước thì phải đem bỏ người cha thật xa. Nhưng vị đại thần này có lòng hiếu thuận nên không nỡ làm vậy. Ông mới đào sâu trong đất làm một căn phòng bí mật để người cha ở đó, để tùy lúc phụng sự hiếu dưỡng.

Bấy giờ, có vị Thiên thần bắt hai con rắn để trước điện của vua, nói:

– Nếu vua phân biệt được con nào đực, con nào cái thì nước này được bình yên, còn nếu không phân biệt được thì cả thân vua và nước này sau bảy ngày nữa sẽ bị diệt hết.

Nhà vua nghe lời ấy rồi, trong lòng buồn bực, liền triệu tập tất cả quần thần để thảo luận về việc này. Nhưng các quần thần ai cũng không thể phân biệt con nào đực, con nào cái. Nhà vua liền chiêu mộ các hiền tài trong nước, hễ ai có thể phân biệt được, nhà vua sẽ phong tước vị và trọng thưởng.

Vị đại thần trở về nhà hỏi cha mình, người cha bảo:

– Việc này phân biệt rất dễ dàng. Hãy dùng một vật mềm mịn rồi đặt con rắn lên trên, nếu thấy con vật cựa quậy thì biết đó là con đực, còn nếu nó nằm yên thì đó là con cái.

Vị đại thần liền tới tâu với nhà vua, quả nhiên nhà vua phân biệt được con nào đực, con nào cái.

Vị Thiên thần lại bảo:

– Ai đang ngủ mà gọi là thức? Ai đang thức mà gọi là ngủ?

Nhà vua và quần thần lại cũng không thể biện biệt nổi. Nhà vua lại chiêu mộ các hiền tài trong nước, cũng không ai có thể giải thích được. Vị đại thần liền về nhà hỏi cha mình:

– Lời ấy có ý nghĩa gì?

Người cha nói:

– Đó là gọi về những học giả, đối với các phàm phu thì gọi họ là người thức, nhưng đối với các vị La-hán thì đó là những người đang mê ngủ.

Vị đại thần liền đem lời nói ấy để giải thích thì Thiên thần đồng ý.

Vị Thiên thần lại hỏi:

– Con bạch tượng lớn này được bao nhiêu cân lượng?

Nhà vua và quần thần cùng nhau bàn luận, nhưng cũng không thể biết được. Nhà vua liền chiêu mộ những người trong nước, nhưng cũng không có ai biết. Vị đại thần lại hỏi cha mình, người cha trả lời:

– Hãy đặt con voi trên chiếc thuyền, chiếc thuyền ấy được để trong hồ nước lớn. Nên làm dấu chiếc thuyền lúc bình thường thì mực nước thế nào

và khi bỏ con voi vào thì mực nước chìm xuống sâu bao nhiêu. Lúc đó đưa voi ra, dùng đá bỏ vào chiếc thuyền cho đến lúc chiếc thuyền chìm xuống nước bằng trọng lượng con voi thì sẽ biết cân lượng của con voi.

Vị đại thần liền dùng lời trí tuệ đó giải đáp, vị Thiên thần đồng ý.

Thiên thần lại hỏi:

– Ai có thể biết được làm sao để nước trong một bụm tay gọi là nhiều hơn nước trong biển cả?

Nhà vua và quần thần cùng nhau nghị luận cũng không thể giải thích. Nhà vua lại chiêu mộ hết mọi người trong nước nhưng cũng không có ai biết. Vị đại thần lại hỏi cha mình:

– Đó là lời nói có ý gì?

Người cha đáp:

– Lời này rất dễ hiểu. Nếu có người với tín tâm thanh tịnh, lấy một bụm nước để cúng dường Đức Phật, chúng Tăng, cha mẹ và các bệnh nhân nguy cấp. Do công đức này trải qua mấy ngàn vạn kiếp, kẻ ấy được hưởng phước vô cùng. Còn nước biển tuy rất nhiều nhưng chẳng qua cũng hạn cuộc trong thời gian một kiếp rồi nó cũng sẽ khô cạn. Theo đó mà xét, một bụm nước của người tín tâm ấy còn nhiều gấp trăm ngàn vạn lần so với nước trong biển cả.

Vị đại thần liền dùng lời nói này để trả lời vị

Thiên thần và được chấp nhận.

Vị Thiên thần lại hóa thành một người đói khổ chỉ còn một bộ xương, đi đến hỏi:

– Ở thế gian có người nào đói khổ kịch liệt, ốm o như tôi không?

Nhà vua và quần thần cùng nhau nghị luận nhưng cũng không thể giải thích. Vị đại thần cũng vậy, về hỏi cha mình, người cha trả lời:

– Ở thế gian có người tham lam keo kiệt, ganh ghét, không tin Tam bảo, không cúng dường Cha mẹ, Sư trưởng, cho nên đời sau phải bị đọa trong loài ngạ quỷ cả trăm ngàn vạn năm vẫn không nghe nói đến tên cơm nước chi cả. Kẻ ấy thân thì to như núi, bụng thì lớn như cái hang, cổ thì nhỏ như cây kim, tóc như dao nhọn từ đầu đến chân, hễ lúc chuyển động thì các khớp xương đều bị bốc lửa. Con người như vậy còn khổ đói kịch liệt hơn người gấp trăm ngàn vạn lần.

Vị đại thần liền lấy lời ấy để giải đáp Thiên thần và được chấp nhận.

Vị Thiên thần ấy lại hóa làm một người tay chân bị trói, trên cổ lại bị gông cùm, trong thân phun lửa, cả người rực cháy như bó đuốc, lại hỏi:

– Thế gian có người nào khổ sở như ta chăng?

Nhà vua và quần thần nghị luận, nhưng chẳng biết trả lời ra sao. Vị đại thần lại hỏi cha mình, người cha liền đáp:

– Ở thế gian có người không hiểu thảo với cha mẹ, nghịch hại sư trưởng, phản lại chồng mình, phỉ báng Tam bảo, đời sau phải đọa vào địa ngục núi đao rừng kiếm, xe lửa lò than, sông hiểm, hầm xí, đường dao, nẻo lửa, phải chịu tất cả sự khổ sở như vậy vô lượng vô biên không thể kể hết. Lấy đó mà so sánh thì còn khốn khổ hơn người gấp trăm ngàn vạn lần.

Vị đại thần bằng theo lời ấy thưa với Thiên thần và được chấp nhận.

Vị Thiên thần lại hóa làm một người nữ đoan chánh, đẹp đẽ hơn người thế gian, lại hỏi:

– Ở thế gian có người nào đoan chánh như ta chăng?

Nhà vua và quần thần đều im lặng không thể trả lời. Vị đại thần lại hỏi cha mình, người cha bảo:

– Thế gian có người kính tin Tam bảo, hiếu thuận cha mẹ, Bố thí, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Trì giới nên được sinh lên cõi trời, đoan chánh, thù thắng hơn cả thân người gấp trăm vạn lần. Theo đó mà biết thì người như con khỉ mù mà thôi.

Vị đại thần theo lời ấy mà trả lời Thiên thần và được chấp nhận.

Vị Thiên thần lại lấy một cây chiên-đàn vuông vức, ngay thẳng lại hỏi:

– Cây này phần nào là đầu?

Nhà vua và các quần thần có trí lực không thể nào trả lời được. Vị đại thần lại hỏi cha mình, người cha nói:

– Điều ấy rất dễ biết. Hãy ném khúc gỗ vào nước, hễ phần gốc thì chìm, còn phần đầu thì nổi.

Vị đại thần liền lấy lời ấy trả lời cho Thiên thần và được chấp nhận. Vị Thiên thần lại lấy hai con ngựa trắng hình sắc hoàn toàn giống nhau, hỏi:

– Con nào mẹ, con nào là con?

Nhà vua và quần thần cũng không thể trả lời được. Vị đại thần lại hỏi cha mình, người cha đáp:

– Hãy lấy cỏ cho nó, nếu là con mẹ sẽ nhường cỏ cho con ăn.

Những câu hỏi như vậy đều được giải đáp, vị Thiên thần rất hoan hỷ, ban tặng quốc vương những châu báu quý giá đặc biệt và nói với vua:

– Nay đây đất nước của nhà vua tôi sẽ hết lòng ủng hộ, khiến cho kẻ địch bên ngoài không thể xâm hại được.

Nhà vua nghe lời ấy xong hết sức vui mừng, nói với vị đại thần:

– Những câu trả lời vừa rồi là do người tự biết hay là có ai chỉ dạy cho? Nhờ tài trí của người mà nước nhà được an ổn, đã được châu báu còn được Thiên thần hứa sẽ ủng hộ xã tắc. Đó là nhờ tài lực của người vậy.

Vị đại thần đáp lại lời vua:

– Đó không phải là trí của thần, mong đức vua tha tội thì thần mới dám tâu trình.

Vua nói:

– Giả sử hiện nay người có vạn tội đáng chết đi nữa, ta còn không hỏi tới, huống chi một chút tội nhỏ.

Vị thần tâu:

– Trong nước có lệnh không được nuôi dưỡng người già, thần có người cha già, không nỡ bỏ đi, mới mạo phạm phép vua đem giấu trong lòng đất. Những điều ứng đáp của thần đều là nhờ tài trí của cha thần, chứ không phải là sức lực của thần. Cúi mong Đại vương đối với tất cả quốc dân xin cho họ được phép nuôi dưỡng các người già cả.

Nhà vua liền khen hay, tâm sinh hoan hỷ, phụng dưỡng người cha của vị đại thần, tôn xưng là bậc Thầy vì đã cứu tất cả nhân mạng trong nước, nói:

– Những lợi ích như vậy đâu phải là chỗ biết của ta.

Nhà vua liền ra lệnh bảo khắp các người trong thiên hạ không được phép bỏ người già, lại phải biết hiếu dưỡng cha mẹ. Nếu ai bất hiếu với cha mẹ, không cung kính Sư trưởng thì phải bị tội lớn.

Đức Phật dạy:

– Người cha lúc ấy chính là thân Ta. Vị thần bấy giờ nay là Xá-lợi-phất, vị vua lúc ấy nay là vua

A-xà-thế, còn vị Thiên thần lúc ấy nay là A-nan.



5- CHUYỆN ĐỨC PHẬT Ở TRÊN CỎI ĐAO-LỢI THUYẾT PHÁP CHO MẸ LÀ BÀ MA-DA

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta muốn lên cõi trời Đao-lợi, kiết hạ an cư thuyết pháp cho mẹ Ta nghe. Nay các Tỳ-kheo, ai thích lên đó hãy theo Ta.

Đức Phật nói lời ấy xong liền bay lên trời Đao-lợi ngồi bên gốc cây an tọa nơi tòa an cư, thuyết pháp cho mẹ Ngài và vô lượng chư Thiên, khiến cho tất cả đều được thấy lễ thật, rồi Ngài trở về cõi Diêm-phù-đề.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn, Ngài vì mẹ nên đã ở nơi cõi trời Đao-lợi hết chín mươi ngày.

Đức Phật dạy:

– Đâu phải chỉ có ngày nay, trong thời quá khứ Ta cũng đã dứt trừ tất cả những khổ đau cho cha mẹ Ta.

Các Tỳ-kheo lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, những việc Ngài làm trong thời quá khứ như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Thuở xưa, thật lâu xa về trước ở bên núi Tuyết có một con khỉ chúa, thống lãnh bảy khỉ gồm đến năm trăm con.

Bấy giờ, có người thợ săn giăng lưới chung quanh để bắt khỉ. Khỉ chúa nói:

– Ngày nay các người hãy cẩn thận, đừng có sợ sệt. Ta sẽ vì các người xé rách lưới ấy. Nay các bạn khỉ, tất cả hãy theo ta đi ra. Tức thời khỉ chúa bèn phá lưới và tất cả bảy khỉ được thoát ra ngoài.

Khi ấy, có một khỉ già công con bị trật chân rơi xuống hang sâu. Khỉ chúa đi kiếm mẹ, không biết ở đâu. Nó thấy một hang sâu nên đi đến bên hang để xem xét, thấy mẹ đang ở dưới, bèn bảo với các con khỉ:

– Các người hãy tự gắng sức, cùng ta đưa mẹ ta ra ngoài.

Lúc đó các con khỉ cùng nắm đuôi nhau cho đến tận hang sâu, rồi kéo được khỉ mẹ ra ngoài, thoát khỏi khổ nạn.

Đức Phật dạy:

– Lúc đó Ta đã đưa mẹ thoát khỏi khổ nạn nơi hang sâu. Huống chi Ta ngày nay lại làm cho mẹ thoát khỏi khổ nạn. Bấy giờ chỉ giúp cho mẹ thoát nạn nơi hầm sâu, nay lại giúp mẹ thoát khỏi ba đường ác.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Cứu giúp cha mẹ có công đức lớn. Ta nhờ

cứu độ mẹ mà đời đời Ta không có tai nạn, cho đến ngày thành Phật. Vì ý nghĩa đó cho nên, này các Tỳ-kheo, các thầy hãy nên hiếu thuận, luôn cúng dường cha mẹ.



6- PHẬT KỂ CHUYỆN: NGÀY XƯA MẸ NGÀI LÀ BÀ CA-ĐÁN-GIÀ-LA

Khi Đức Phật du hành đến nước Cu-hà-la, Ngài ngồi cạnh một gốc cây bên vệ đường. Bấy giờ, có một lão mẫu tên là Ca-đán-già-la đi ở cho nhà người ta, đang múc nước nơi giếng.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Hãy đi kiếm nước mang lại đây.

Tôn giả A-nan vâng theo lời Phật dạy liền đi kiếm nước.

Khi ấy, lão mẫu nghe Đức Phật nói đi kiếm nước, bà tự mang bình nước đến. Vừa tới chỗ Phật, bà bỗng quăng bình nước xuống đất, ôm chầm lấy Đức Phật. Lúc đó Tôn giả A-nan muốn ngăn cản, Đức Phật bảo:

– Đừng ngăn cản, lão mẫu này trong năm trăm đời đã từng là mẹ của Ta, lòng thương yêu chưa hết cho nên mới ôm Ta như vậy. Nếu người ngăn cản, máu sẽ trào ra mặt và chết tức thì.

Khi đã ôm Phật xong, bà nói lớn đây là người

thân thuộc rồi đứng qua một bên. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan đi đến gọi người chủ của bà tới. Người chủ đi đến, cúi đầu lạy dưới chân Đức Phật rồi đứng qua một bên. Đức Phật nói với người chủ:

– Hãy trả tự do cho lão mẫu này, để bà được xuất gia. Nếu bà xuất gia sẽ chứng quả A-la-hán.

Người chủ liền trả tự do cho bà lão. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Hãy giao bà lão cho Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề, độ cho bà xuất gia.

Không bao lâu lão mẫu liền chứng quả A-la-hán, ở trong hàng ngũ Tỳ-kheo-ni bà là người khéo hiểu Khế kinh không ai bằng. Các Tỳ-kheo-ni khác nghi cho chuyện này là lạ, bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà lão mẫu phải đi ở cho người khác, lại do nhân duyên gì mà bà chứng được A-la-hán?

Đức Phật dạy:

– Vào thời Phật Ca-diếp, lão mẫu có xuất gia học đạo, nhờ đó mà chứng được A-la-hán. Bây giờ, bà làm chủ đồ chúng, lại mắng nhiếc các Hiền thánh, bắt nhiều Ni giới khác làm đầy tớ. Do nhân duyên này nên nay phải đi ở cho người khác. Trong năm trăm đời bà thường làm mẹ của Ta, nhưng tham lam keo kiệt, ganh ghét, hay ngăn chặn không cho Ta bố thí. Do nhân duyên ấy nên thường sinh ra nơi chốn bần tiện. Đâu phải chỉ có ngày nay Ta

mới làm cho bà ra khỏi chốn bần tiện đâu!

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn, không biết trong thời quá khứ Đức Thế Tôn đã diệt trừ sự bần tiện của bà như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Trong thời quá khứ, ở nước Ba-la-nại, có một gia đình bần cùng, mẹ con cùng nhau chung sống. Đứa con thường đi làm mướn để phụng dưỡng mẹ. Hễ được chút ít tiền bạc liền đem ra chi dùng sáng tối trong ngày.

Bấy giờ người con thưa với mẹ:

– Nay con muốn cùng các người khách buôn đi xa để buôn bán.

Người mẹ chấp thuận. Từ đó ra đi, sau khi người con đi xa, giặc cướp đến phá nhà, cướp hết tiền của, dẫn bà lão đem tới nơi khác bán cho người lạ.

Người con trở về nhà, liền đi tìm mẹ mình. Khi tìm được chỗ mẹ đang ở, người con liền mang nhiều tiền bạc để chuộc mẹ ra khỏi chỗ ấy, rồi đem về nước mình sinh sống, làm ăn, tiền bạc dồi dào, khá hơn lúc trước.

Đức Phật dạy:

– Người mẹ lúc ấy nay là Ca-đán-già-la, người con bấy giờ chính là thân Ta. Lúc ấy Ta đã cứu giúp mẹ Ta thoát khổ.



7- CHUYỆN TỪ ĐỒNG NỮ

Một thời, Đức Phật ở thành Vương xá, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Đối với cha mẹ, nếu ai cúng dường một chút cũng được vô lượng phước, còn ai làm điều bất thiện với cha mẹ, cho dù rất ít cũng bị tội báo vô lượng.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Quả báo của tội phước, sự việc ấy như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Vào thời quá khứ lâu xa về trước, ở nước Ba-la-nại có người con của một trưởng giả tên là Từ Đồng Nữ. Cha chết sớm, tiền gạo hết sạch, phải ra sức đi bán củi, ngày kiếm được hai đồng tiền để phụng dưỡng mẹ già.

Công việc càng khấm khá, mỗi ngày chàng kiếm được bốn đồng, đều dùng để phụng dưỡng cho mẹ. Rồi làm ăn càng khá hơn, chàng kiếm mỗi ngày được tám đồng, cũng đều cúng dường cho mẹ. Càng được dân chúng nhiều nơi tin tưởng, xa gần đều tới làm với chàng, nên kiếm lợi càng nhiều, mỗi ngày tới mười sáu đồng tiền, chàng cũng dành để cấp dưỡng cho mẹ. Dân chúng thấy chàng thông minh, phước đức, nên

mới khuyên:

– Khi cha người còn sống thường đi vào biển để tìm châu báu. Tại sao nay người lại không đi biển?

Nghe được lời ấy rồi, chàng thưa với mẹ:

– Khi cha con còn sống thường làm nghề gì?

Người mẹ nói:

– Lúc cha con còn sống thường vào biển để lấy châu báu.

Người con liền thưa:

– Nếu cha con làm nghề vào biển để tìm châu báu, vậy nay tại sao con không làm nghề ấy?

Người mẹ thấy con là người nhân từ hiếu thuận nên bảo:

– Con không nên đi.

Rồi bà lại nói đùa một câu:

– Con cũng có thể đi được.

Nghe mẹ nói như vậy, người con nói:

Như vậy là đã quyết định.

Người con bèn rủ bạn bè cùng đi biển. Khi đã chuẩn bị xong, chàng giã từ mẹ để lên đường, người mẹ liền nói:

– Ta chỉ có một mình con, chừng nào ta chết thì con mới đi.

Người con thưa:

– Nếu trước đây mẹ không cho thì con đâu dám

trái ý. Chính mẹ đã hứa rồi, sao nay lại ngăn cản? Mẹ cứ nhìn thân con này, thà giữ chữ tín mà chết. Con đã hứa với mọi người rồi, không thể ở lại được.

Người mẹ thấy con đã quyết ý, liền đến trước ôm chân con mà khóc, nói:

— Sao không chờ cho ta chết đã rồi hãy đi!

Người con đã quyết ý, tự dùng tay hất mạnh để mẹ thả chân ra, làm cho người mẹ đứt hết mấy chục sợi tóc. Người mẹ sợ con mình mang tội, nên liền thả cho con mình đi.

Người con cùng các khách buôn đi vào biển, đến bãi có châu báu, lấy rất nhiều thứ, họ liền về lại nơi xuất phát. Lúc ấy, có hai con đường để trở về: Một đi bằng đường thủy, hai đi bằng đường bộ. Mọi người liền nói:

— Chúng ta cứ theo đường bộ mà đi.

Họ liền đi theo đường bộ.

Thời ấy, pháp luật của nước này quy định: Nếu bị giặc cướp đoạt cả thương chủ và tài vật của các khách buôn thì tất cả thuộc về giặc. Còn nếu không bắt được thương chủ, tuy lấy được của cải, khi thương chủ trở về, nhà nước sẽ giao hết của cải lại cho thương chủ. Vì lý do đó nên Từ Đồng Nữ này thường ra khỏi trại, ngủ riêng một mình. Thương nhân dậy sớm, đi tới rước về. Một đêm nọ có gió to, thương nhân vừa dậy sớm, bỗng quên rước

thương chủ, thương chủ ở sau, không được gặp bạn, không biết đường đi, thấy một hòn núi liền đi lên trên đó, từ xa trông thấy có một tòa thành toàn màu lưu ly xanh. Vì thương chủ quá đói khát cho nên chạy nhanh về hướng thành đó. Bấy giờ ở trong thành có bốn ngọc nữ đều đeo ngọc Như ý, ca hát kỹ nhạc, đồng đi đến nghênh rước. Thương chủ ở nơi thành ấy đến bốn vạn năm, thọ hưởng đủ mọi dục lạc, bấy giờ tự nhiên tâm sinh nhàm chán, liền muốn bỏ đi.

Các ngọc nữ thưa:

– Người Diêm-phù-đề đừng nên phản phúc. Đã chung sống cùng chúng tôi trải qua bốn vạn năm, tại sao bây giờ lại bỏ chúng tôi mà đi?

Chàng vẫn không đoái hoài tới lời nói ấy, cứ tiến tới trước, thấy một tòa thành pha lê, trong đó có tám ngọc nữ đều mang ngọc Như ý, cũng dùng kỹ nhạc đi đến để nghênh rước. Chàng sống ở đây tới tám vạn năm hết sức sung sướng, nhưng lại sinh tâm nhàm chán, bỏ đi thật xa.

Chàng đến thành bạc trắng, nơi có mười sáu ngọc nữ mang mười sáu viên ngọc Như ý, cũng đến nghênh rước chàng giống như trước. Chàng sống ở đó tới những mười sáu vạn năm thọ hưởng đủ mọi hoan lạc, rồi chàng cũng lại bỏ đi.

Chàng đến thành bằng vàng ròng, nơi đây có ba mươi hai ngọc nữ đeo ba mươi hai viên ngọc Như

ý, cũng đến nghênh rước như trước. Chàng sống ở đây đến những ba mươi hai vạn năm, hưởng thọ bao thứ dục lạc hơn trước, rồi chàng cũng bỏ đi. Các ngọc nữ nói:

– Từ trước đến giờ chàng thường được ở những chốn tốt đẹp. Từ nay trở đi chàng sẽ ở những chỗ xấu ác. Vậy hãy ở lại đây!

Nghe lời ấy rồi, chàng tự suy nghĩ:

– Chẳng qua các ngọc nữ này vì luyện mộ ta cho nên mới nói như vậy. Nếu ta tiến tới trước chắc vẫn gặp những chỗ tốt đẹp.

Chàng liền bỏ đi, từ xa trông thấy thành bằng sắt, trong lòng bỗng sinh nghi ngại, liền nghĩ: “Bên ngoài tuy là thành sắt, nhưng bên trong hẳn là hết sức đẹp”, cho nên chàng từ từ tiến vào. Khi vào gần đến thành, hoàn toàn không có ngọc nữ nào ra nghênh tiếp cả. Chàng lại suy nghĩ: “Có lẽ trong thành này hết sức vui thích cho nên mới có sự chậm trễ đón tiếp ta chăng?”. Do đó chàng từ từ tiến tới trước, bỗng vào cửa thành sắt. Khi cửa thành mở ra, bên trong có một người đầu đội vành lửa, vành lửa ấy liền bay khỏi đầu người ấy và chụp lên đầu Đồng Nữ, người trong ngục kia được ra khỏi nơi đó. Từ Đồng Nữ hỏi ngục tốt:

– Tôi đội vành lửa này tới chừng nào mới được thoát?

Ngục tốt đáp:

– Nếu trên thế gian có người làm những điều tội phước giống như người, rồi vào biển tìm châu báu, cũng trải qua các thành lâu xa như người, sau đó sẽ đi đến để thay tội cho người. Do vậy mà vành lửa này không bao giờ rơi xuống đất.

Từ Đồng Nữ hỏi:

– Tôi đã làm phước gì và tội gì?

Ngục tốt nói:

– Ngày xưa người ở trên Diêm-phù-đề, mỗi ngày dùng hai đồng tiền để cúng dường cho mẹ, nên được vào thành lưu ly, được bốn viên ngọc Như ý và bốn ngọc nữ, ở đó trong bốn vạn năm, thọ hưởng hết sức an lạc. Rồi người dùng bốn đồng tiền để cúng dường cho mẹ, nên được vào thành pha lê, có tám viên ngọc Như ý và tám ngọc nữ, ở trong đó tám vạn năm, thọ hưởng các thứ dục lạc. Rồi người cúng dường cho mẹ tám đồng tiền nên được vào thành bạc trắng có mười sáu viên ngọc Như ý và mười sáu viên ngọc nữ, ở đó mười sáu vạn năm thọ hưởng hoan lạc. Người cúng dường cho mẹ mười sáu đồng tiền nên được vào thành vàng ròng, có ba mươi hai viên ngọc Như ý và ba mươi hai ngọc nữ, ở đó ba mươi hai vạn năm, thọ hưởng đủ mọi dục lạc. Vì người bứt đứt tóc của mẹ cho nên ngày nay phải đội vòng lửa sắt này. Vòng lửa này không bao giờ rơi xuống đất, trừ phi có người đến thay thế, chừng

đó mới thoát được.

Chàng lại hỏi:

– Nay trong ngục này có ai thọ tội như tôi chẳng?

Đáp:

– Có đến hàng trăm, ngàn không sao kể hết.

Nghe lời ấy rồi, chàng tự suy nghĩ: “Ta chắc hẳn không thoát khỏi, ta nguyện chịu khổ thay cho tất cả mọi người mãi mãi. Xin hãy đôn hết tất cả những nỗi khổ này nơi thân tôi.”

Khi chàng nghĩ như vậy xong, vòng lửa sắt tức thì rơi xuống đất. Từ Đồng Nữ nói với các ngục tốt:

– Người nói cái vòng lửa này không bao giờ rơi xuống đất. Vậy tại sao bây giờ nó lại rơi xuống?

Ngục tốt tức giận liền lấy xoa bằng sắt đánh lên đầu Đồng Nữ. Nhờ vậy chàng liền mạng chung, sinh lên trời Đâu-suất-đà.

Đức Phật dạy:

– Nếu các người muốn biết Từ Đồng Nữ lúc đó thì chính là thân Ta. Các Tỳ-kheo nên biết, nếu ai đối với cha mẹ mà có làm một chút bất thiện nào, người ấy phải thọ lấy quả báo hết sức khổ. Còn ai cúng dường cho cha mẹ dù chỉ chút ít, thì người ấy sẽ được phước vô lượng. Các người hãy học như vậy, cần phải hết lòng siêng năng cúng dường cha mẹ.



8- CHUYỆN PHU NHÂN LIÊN HOA

Lúc Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu ai đối với cha mẹ, đối với Đức Phật hoặc đệ tử Đức Phật mà khởi tâm sân hận, người đó phải đọa vào địa ngục Hắc thẳng, thọ khổ vô lượng, không có bờ bên, biên giới.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, phải kính trọng cha mẹ. Nếu người đối với cha mẹ mà không lòng kính trọng, còn tạo ra việc bất thiện dù là chút ít, thì việc ấy như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Ở thời quá khứ lâu xa, vô lượng kiếp về trước, trên Tuyết sơn có một vị Tiên nhân tên là Đề-bà-diên, dòng dõi Bà-la-môn. Theo pháp của Bà-la-môn, nếu ai không sinh con trai, con gái, người ấy không được sinh lên trời. Vị Bà-la-môn này thường ngồi trên tảng đá để tiểu tiện, tinh khí chảy xuống mở đá. Có một con nai cái đến liếm chỗ tiểu tiện nên liền có thai, ngày tháng đã đủ, nó bèn đến dưới hang đá của vị Tiên nhân, sinh ra một người con gái. Cô gái này từ trong thai mẹ ra, toàn thân đầy hoa, đoan chánh, đẹp đẽ. Vị Tiên nhân biết đó

là con gái của mình liền đem về nuôi dưỡng.

Cô bé dần dần khôn lớn, có thể đi lại được, cứ mỗi bước chân cô đặt xuống đất là nơi đó đều có hoa sen xuất hiện. Phép của Bà-la-môn là phải để lửa suốt đêm, bỗng một đêm tự nhiên lửa tắt, chẳng còn gì cả, cô bé phải đến nhà người khác để xin lửa. Người ấy thấy cứ mỗi bước chân của cô đều có bông sen, mới nói:

– Cô hãy đi quanh nhà tôi bảy vòng, tôi sẽ cho cô lửa.

Cô bé liền đi bảy vòng và được lửa đem về nhà. Gặp lúc vua Ô-đề-diên đi săn bắn, thấy nhà người kia có bảy lớp hoa sen, cho là sự lạ liền hỏi nguyên do:

– Nhà của các người vì sao có hoa sen?

Họ liền tâu vua:

– Trong núi này có Phạm chí nữ đến đây xin lửa, dưới chân cô ta sinh hoa sen ấy.

Nhà vua tìm theo dấu chân, đến chỗ của Tiên nhân. Nhà vua thấy cô gái đoan chánh tuyệt đẹp liền nói với Tiên nhân:

– Hãy cho ta người con gái này.

Tiên nhân liền dâng cho vua và nói:

– Hãy để nàng sinh cho đức vua năm trăm người con, lúc đó vua sẽ lập nàng làm phu nhân.

Nàng là người đứng đầu trong năm trăm thể nữ. Đại phu nhân của nhà vua rất ganh ghét đối với

Lộc nữ, mới nói như vậy:

– Nay nàng được vua yêu quý, nếu nàng sinh cho nhà vua năm trăm người con, nhà vua càng mến yêu gấp bội.

Sau đó không bao lâu, nàng sinh ra năm trăm cái trứng đựng đầy trong một cái hộp. Khi ấy Đại phu nhân lấy năm trăm cục bột thay thế chỗ các cái trứng ấy, rồi bà lấy cái hộp đó niêm phong và ghi dấu, xong quẳng xuống sông Hằng.

Nhà vua hỏi phu nhân:

– Nàng ta sinh vật gì?

Đáp:

– Toàn là những cục bột.

Vua nói: “Tiên nhân đã nói dối”, liền cách chức phu nhân của nàng và không cho gặp vua. Bấy giờ vua Tát-đam-bồ đang ở nơi hạ lưu sông Hằng vui chơi cùng các thể nữ, thấy cái hộp ấy trôi đến, liền nói:

– Cái hộp này thuộc về ta.

Các thể nữ nói:

– Nay vua lấy cái hộp, còn chúng tôi lấy cái đựng trong hộp.

Nhà vua bảo người mở hộp giao cho năm trăm phu nhân mỗi người một cái trứng. Các trứng đều tự nở ra mỗi trứng là một đồng tử mặt mày đoan chánh, được nuôi dưỡng khôn lớn, tất cả đều có sức mạnh của đại lực sĩ, dựng lên năm trăm cờ lực sĩ.

Vua Ô-đề-diên thường đến chỗ vua Tát-đam-bồ đòi triều cống. Vua Tát-đam-bồ nghe vua này đòi cống hiến, ưu sầu không vui. Các người con thừa vua cha:

– Tại sao phụ vương buồn rầu?

Vua đáp:

– Nay ta ở đời bị người khác xâm lấn.

Các người con thừa:

– Ai xâm lấn?

Vua đáp:

– Vua Ô-đề-diên thường theo ta để đòi triều cống.

Các người con thừa:

– Tất cả các vua trong cõi Diêm-phù-đề này nếu họ đòi vua phải cống nạp thì chúng con lại bảo họ phải triều cống cho vua. Vì sao đức vua phải cống nạp cho người khác?

Nói xong, năm trăm lực sĩ kéo quân lính đi chinh phạt vua Ô-đề-diên. Vua Ô-đề-diên sợ hãi, nói:

– Chỉ một lực sĩ thôi, ta còn không thể địch nổi, huống chi ở đây tới năm trăm lực sĩ?

Nhà vua liền chiêu mộ những người tài năng ở trong nước để chống giặc. Nhà vua lại suy nghĩ:

– Vị Tiên nhân kia có thể biết cách cứu ta chăng?

Ông liền tạo các phương tiện để đi đến chỗ vị

Tiên nhân và nói với vị ấy:

– Trong nước có đại nạn, làm thế nào để trừ được?

Vị Tiên tâu:

– Trong nước có oán địch chăng?

Vua đáp:

– Vua Tát-đam-bồ có năm trăm lực sĩ đều dẫn binh chúng muốn đến đánh tôi. Nay tôi thậm chí không có được một lực sĩ để đối địch cùng họ. Vậy ngài có biết cách gì để đẩy lui quân địch chăng?

Vị Tiên đáp:

– Ngài hãy về cầu cứu với phu nhân Liên Hoa, nàng mới có thể đẩy lui quân địch được.

Vua nói:

– Làm sao nàng ta có thể đẩy lui được quân địch?

Vị Tiên nhân đáp:

– Năm trăm người lực sĩ đó đều là con của ngài, đều do phu nhân Liên Hoa sinh ra cả. Đại phu nhân của ngài ôm lòng ghen ghét mới ném tất cả những người con của nàng Liên Hoa xuống sông Hằng. Vua Tát-đam-bồ ở vùng hạ lưu nhật được đem về nuôi dưỡng, khiến cho khôn lớn. Nay vua hãy bảo phu nhân Liên Hoa cỡi trên voi lớn ra trước quân trận, các người ấy sẽ tự nhiên quy phục.

Nhà vua liền như lời Tiên nhân nói, trở về cung tạ lỗi với phu nhân Liên Hoa. Sau đấy, vua cho

trang điểm phu nhân, mặc y phục mới, bảo nàng cỡi Đại bạch tượng, ra trước quân trận. Khi ấy năm trăm lực sĩ giương cung muốn bắn, nhưng tay họ tự nhiên thẳng cứng, không thể co duỗi và hết sức sợ hãi. Lúc ấy Tiên nhân bay đến, ở trên hư không nói với các lực sĩ:

– Cẩn thận! Chớ động thủ, chớ sinh tâm ác. Nếu các người sinh tâm ác thì tất cả đều bị đọa địa ngục. Đức vua và phu nhân này chính là cha mẹ của các người.

Nói xong, người mẹ liền nâng hai đầu vú lên, mỗi cái phun ra hai trăm năm mươi tia sữa chảy thẳng vào trong miệng của các người con. Những người con ấy liền hướng về phía cha mẹ xin sám hối, tự sinh lòng xấu hổ và họ đều đắc quả Bích-chi-phật. Nhà vua cũng tự nhiên được khai ngộ, cũng chứng quả Bích-chi-phật.

Đức Phật dạy:

– Vị Tiên nhân lúc ấy chính là thân Ta. Lúc đó Ta ngăn cản các người con, khiến họ không sinh tâm ác với cha mẹ, cho nên họ liền được quả Bích-chi-phật. Nay Ta cũng tán thán công đức cùng dường cha mẹ.



9- CHUYỆN PHU NHÂN LỘC NỮ

Lúc Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành

Vương xá, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Có hai pháp có thể khiến cho con người mau được làm người, trời, cho đến chứng Niết-bàn an lạc. Có hai pháp có thể khiến cho con người mau bị đọa vào ba cõi ác, thọ khổ não cùng cực.

Những gì là hai pháp có thể khiến cho con người mau được làm người, trời, cho đến chứng Niết-bàn an lạc?

Đức Phật dạy:

– Một là cúng dường cha mẹ, hai là cúng dường các bậc Hiền thánh.

Những gì là hai pháp mau bị đọa vào ba cõi ác, thọ khổ não cùng cực?

Đức Phật dạy:

– Một là tạo các điều bất thiện đối với cha mẹ, hai là cũng làm điều bất thiện đối với bậc Hiền thánh.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, các việc thiện ác mau thành ấy như thế nào?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Thời quá khứ lâu xa vô lượng kiếp về trước, có nước tên là Ba-la-nại. Trong nước này có một hòn núi tên là Núi tiên.

Bấy giờ có một Phạm chí sống ở đây, lúc đại tiện, tiểu tiện thường ngồi trên tảng đá, sau đó có tinh khí nhỏ xuống chỗ đi tiểu, con nai cái đi đến

liếm vào tức thì mang thai. Khi đủ ngày tháng, nai kia bèn đến chỗ vị Tiên nhân sinh ra một người con gái đoan chánh, tuyệt đẹp, nhưng chỉ có đôi chân thì giống như chân nai. Vị Phạm chí đem về nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành. Pháp của Phạm chí là luôn luôn thờ lửa, không bao giờ cho lửa tắt. Cô gái này vì còn nhỏ, không để ý nên để cho đông lửa buổi tối bị tắt. Cô gái rất lo sợ Phạm chí tức giận. Lúc ấy, có các Phạm chí khác sống cách trụ xứ này đến năm trăm dặm. Cô gái liền chạy thật nhanh đến chỗ các Phạm chí kia để xin lửa. Các Phạm chí thấy dấu chân nàng, cứ mỗi dấu là có một bông sen lớn, họ yêu cầu nàng:

– Hãy đi quanh nhà ta bảy vòng, ta sẽ cho lửa. Lúc đi ra cũng phải đi quanh bảy vòng, không giẫm lên dấu chân cũ, hãy theo con đường khác mà trở về.

Nàng làm đúng như lời yêu cầu của những vị ấy, cho nên được lửa đem về.

Bấy giờ vua nước Phạm Dự đi săn, thấy chung quanh nhà Phạm chí kia có mười bốn lớp hoa sen, lại thấy hai đường có hai hàng hoa sen, cho là lạ mới hỏi vị Phạm chí kia:

– Ở đây hoàn toàn không có ao nước, tại sao lại có những hoa sen tuyệt đẹp như vậy?

Phạm chí thưa:

– Nơi trú xứ của vị Tiên kia có một người con

gái đến chỗ tôi để xin lửa. Mỗi bước chân của cô gái này đều sinh ra một hoa sen. Tôi bèn yêu cầu: “Nếu muốn được lửa hãy đi quanh nhà ta bảy vòng, lúc trở về cũng phải đi quanh bảy vòng.” Do đó cho nên mới có bông sen mọc quanh nhà như vậy.

Nhà vua tìm theo dấu chân, đến chỗ của Phạm chí, muốn gặp cô gái. Nhà vua thấy cô gái diện mạo đoan chánh, hết sức vừa ý, liền thưa Phạm chí xin cô con gái ấy. Phạm chí liền dâng cho nhà vua cô gái này và nhà vua liền lập nàng làm đệ nhị phu nhân. Cô gái ấy lúc bé được Tiên nhân nuôi dưỡng cho nên chịu ảnh hưởng, tánh tình luôn chất trực, không hiểu những sự việc quái dị của phụ nữ. Về sau lúc có thai, tướng sư đoán:

– Nàng sẽ sinh một ngàn người con trai.

Người vợ lớn của vua nghe lời ấy rồi, trong lòng sinh đồ kỵ, từ từ tạo kế độc, dùng ân sủng để chiêu dụ những người hầu cận của phu nhân Lộc Nữ, cho chúng tiền bạc, châu báu.

Bấy giờ Lộc Nữ đã đủ ngày tháng liền sinh ra một bông sen có ngàn cánh. Lúc nàng sắp sinh, đại phu nhân lấy vật dụng bịt mắt nàng để không thể thấy gì cả, rồi lấy một miếng thịt ngựa hôi thối thả vào đó. Bà lấy hoa sen ngàn cánh kia đựng đầy trong một hộp rồi cho người ném vào giữa sông. Sau đó bà mới mở mắt cho nàng và nói:

– Hãy xem vật do ngươi sinh ra.

Nàng chỉ thấy ở đây là một miếng thịt ngựa hôi thối. Nhà vua bảo người đến hỏi: “Nàng đã sinh vật gì?”, thì được trả lời: “Nàng chỉ sinh một miếng thịt ngựa hôi thối.” Khi ấy đại phu nhân nói với nhà vua:

– Đức vua đã bị mê hoặc, cô gái này do loài súc sinh sinh ra, nhờ Tiên nhân nuôi dưỡng cho nên nay mới sinh ra vật bất tường hôi thối như vậy.

Đại phu nhân của vua liền cách chức phu nhân của nàng, không cho yết kiến vua nữa.

Bấy giờ vua Ô-kỳ-diên đem các phu nhân thê nữ tùy tùng vui chơi ở vùng hạ lưu dòng sông, thấy cái lọng mây vàng từ phía trên dòng sông theo nước trôi xuống. Nhà vua suy nghĩ: “Dưới cái lọng mây này chắc chắn phải có vật thần.” Nhà vua bảo người đến đó xem thử là vật gì, thì thấy ở dưới đám mây vàng kia là một cái hộp, liền nhặt lấy mở ra trong hộp là một hoa sen ngàn cánh, cứ mỗi một cánh hoa có một cậu bé. Nhà vua đem về nuôi dưỡng, dần dần các cậu bé to lớn, tất cả đều có sức mạnh của đại lực sĩ.

Vua Ô-kỳ-diên mỗi năm thường cống nạp cho vua Phạm Dữ. Vua tập hợp những vật dâng nạp lại, bảo sứ chuẩn bị đem đi. Các người con hỏi:

– Cha muốn làm những gì vậy?

Khi ấy vua đáp:

– Ta muốn cống nạp cho vua nước Phạm Dữ.

Các người con đồng thưa:

– Cha chỉ cần một người con như chúng con thôi cũng có thể bắt sứ của các nước trong thiên hạ đến triều cống cho cha. Huống chi cha có tới ngàn người con mà phải cống hiến cho người khác sao?

Lúc đó ngàn người con liền đem quân binh đi đánh các nước, thứ lớp đi đến nước vua Phạm Dụ. Vua Phạm Dụ nghe có quân đến, liền chiêu mộ các người trong nước:

– Ai có thể đẩy lui quân địch như thế này?

Hoàn toàn không ai có thể làm được việc đó.

Lúc ấy đệ nhị phu nhân đi đến chỗ nhà vua nhận lời chiêu mộ, nói:

– Tôi có thể đẩy lui được quân địch.

Nhà vua hỏi:

– Nàng làm thế nào để đẩy lui được quân địch?

Phu nhân trả lời:

– Chỉ cần dựng cho tôi một cái đài cao một trăm trượng, tôi ngồi trên đó, chắc chắn có thể đẩy lui được quân địch.

Nhà vua ra lệnh làm đài xong, đệ nhị phu nhân đã ngồi trên đó. Khi ấy một ngàn người con muốn giương cung để bắn, tự nhiên tay họ không thể nâng lên được. Phu nhân nói với họ:

– Các người cẩn thận, đừng có giơ tay lên hướng về cha mẹ. Ta là mẹ của các người đây.

Một ngàn người con hỏi:

– Lấy gì làm chứng để biết bà là mẹ của chúng tôi?

Đáp:

– Nếu ta nâng đôi vú lên, mỗi vú biến thành năm trăm tia sữa đều chảy vào miệng của các người, thì đó chính là mẹ của các người. Nếu không đúng như vậy tất là không phải.

Nói xong, bà đặt hai tay lên hai vú, trong mỗi vú có năm trăm tia sữa chảy thẳng vào miệng của ngàn người con. Ngoài ra, các quân binh đứng chung quanh thì hoàn toàn chẳng có gì cả. Do đó một ngàn người con đều quy phục, hướng về cha mẹ để xin sám hối. Các người con lúc đó hòa hợp, hai nước không còn oán thù, cùng nhau khuyên răn, giúp đỡ lẫn nhau. Năm trăm người con thì thân cận cha mẹ, còn năm trăm người con khác thì nuôi dưỡng cha mẹ.

Lúc ấy, hai vị quốc vương phân chia cõi Diêm-phù-đề, mỗi vua đều thu nhận năm trăm người con.

Đức Phật dạy:

– Nên biết một ngàn người con thời đó thì chính là một ngàn vị Phật của Hiền kiếp. Người vợ mang lòng ganh ghét độc ác tức Mạn-tha-mục lúc ấy nay là Giao Lân Cổ Mục Long. Người cha thời bấy giờ nay là vua Bạch Tịnh, người mẹ nay là Ma-da phu nhân.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Cô gái ấy do nhân duyên gì mà sinh vào bụng nai, hễ bàn chân đặt xuống đất là sinh ra hoa sen? Lại do nhân duyên gì mà được làm vợ của vua?

Đức Phật dạy:

– Cô gái ấy trong thời quá khứ đã sinh trong một gia đình bần cùng, có hai mẹ con.

Họ đang gieo mạ ở ruộng thì thấy một vị Bích-chi-phật ôm bát đi khát thực. Người mẹ nói với con gái:

– Ta muốn vào nhà lấy phần ăn của ta để dâng cho vị đạo sĩ này.

Người con gái cũng nói:

– Con cũng lấy phần ăn của con nữa cộng chung với phần ăn của mẹ.

Họ liền trở về nhà lấy phần ăn của hai mẹ con đi đến cúng dường cho vị Bích-chi-phật. Người con gái lấy cỏ kết hoa làm tòa cỏ, rải hoa trên tòa ấy, thỉnh vị Bích-chi-phật ngồi lên. Cô con gái thấy mẹ đi chậm, mới lên một chỗ cao, từ xa trông mẹ, khi đã thấy mẹ bèn nói với mẹ:

– Sao mẹ không đi nhanh lên, như con nai vậy!

Lúc mẹ đến, vì giận mẹ chậm chạp, cho nên lại bực tức nói:

– Con sinh trong bụng mẹ không bằng sinh trong bụng con nai!

Người mẹ liền lấy hai phần ăn dâng lên vị

Bích-chi-phật, còn đồ ăn dư thừa thì mẹ con cùng ăn. Khi vị Bích-chi-phật ăn xong, ngài tung bình bát lên hư không rồi bay lên theo. Ở nơi hư không, ngài hiện ra mười tám thứ biến hóa. Lúc đó người mẹ vô cùng hoan hỷ và phát lời thệ nguyện:

– Hãy khiến cho con ở đời vị lai thường sinh ra con Thánh, như Thánh nhân bây giờ.

Do nghiệp duyên ấy cho nên đời sau sinh ra năm trăm người con đều được quả Bích-chi-phật. Một người làm mẹ nuôi, một người làm mẹ sinh. Vì lời nói với mẹ, trong khi đối đáp mà phải sinh trong bụng con nai, chân có móng như chân nai vì quả mẹ đi chậm. Nhờ hái hoa rải cúng Bích-chi-phật, cho nên trong dấu chân có một trăm bông hoa sinh ra. Nhờ trái tòa cỏ cho nên thường được làm vợ của vua. Hậu thân của người mẹ làm vua Phạm Dự. Còn hậu thân của người con gái làm phu nhân Liên Hoa. Do nghiệp duyên này đời sau được làm ngàn vị Thánh trong thời Hiền kiếp, nhờ sức mạnh nơi thệ nguyện nên thường sinh các Hiền thánh.

Các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy như vậy, hoan hỷ phụng hành.



KINH TẬP BẢO TẠNG

QUYỂN 2

Trong tập này gồm các kinh:

10. Chuyện con voi trắng sáu ngà.

11. Chuyện con thỏ tự thiêu thân để cúng dường vị đại Tiên.

12. Chuyện con khỉ thiện và con khỉ ác.

13. Phật dùng nước trí tuệ diệt trừ ba thứ lửa.

14. Chuyện một người con của trưởng giả và vị Thiên thần nước Ba-la-nại cảm hóa nhà vua thực hành hiếu hạnh.

15. Chuyện con Bạch hương tượng của quốc vương Ca-thi nuôi cha mẹ mù và làm cho hai nước hòa thuận.

16. Nước Ba-la-nại, em khuyên anh bỏ ác pháp, nhờ thừa tướng khuyên vua giáo hóa thiên hạ.

17. Chuyện vợ Phạm-ma-đạt vì đồ kị mà hại con là Pháp Hộ.

18. Chuyện Tỳ-kheo Đà-phiêu bị hủy báng.

19. Chuyện Ly Việt bị hủy báng.

20. Chuyện người con gái xấu xí tên Lạc-đề,

con vua Ba-tư-nặc.

21. Chuyện người con gái tên Thiện Quang, con vua Ba-tư-nặc.

22. Chuyện hai anh em Vương tử bị đuổi ra khỏi nước.

23. Vợ của trưởng giả Tu-đạt cúng dường Phật được quả báo.

24. Chuyện Tỳ-kheo Sa-la-na bị vua Ác Sinh làm khổ não.

25. Chuyện nội quan chuộc lại con trâu thiên được nam căn.

26. Chuyện hai nội quan tranh nhau đạo lý.



10- CHUYỆN CON VOI TRẮNG SÁU NGÀ

Thuở xưa, ở nước Xá-vệ có một vị đại trưởng giả sinh một người con gái. Cô bé tự biết được kiếp trước, mới sinh ra mà đã biết nói và nói như vậy:

– Đã làm việc bất thiện, đã làm việc bất hiếu, đã làm việc không biết xấu hổ, đã làm việc ác hại, đã làm việc bội ân.

Nói như vậy xong, cô bé im lặng.

Cô bé lúc ấy sinh ra vì có đại phước đức nên được đặt tên là Hiền. Bé Hiền dần dần khôn lớn, rất cung kính màu áo ca-sa. Vì cung kính áo ca-sa cho nên xuất gia làm Tỳ-kheo-ni. Tuy không đến ở bên Đức Phật nhưng tinh tấn tu học nên liền

chúng La-hán. Hồi hận vì không đến ở gần bên Đức Phật, nên cô đi đến chỗ Đức Phật cầu xin sám hối.

Đức Phật dạy:

– Lúc đó Ta đã nhận sự sám hối.

Các Tỳ-kheo nghi ngờ chuyện lạ, đến hỏi Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo-ni tên là Hiền này vì sao từ lúc xuất gia đến nay không gặp Phật? Và do nhân duyên gì mà ngày nay được thấy Phật thì sám hối?

Đức Phật liền nói nhân duyên cho các Tỳ-kheo nghe:

– Ngày xưa có một con voi trắng sáu ngà ở trong bầy voi rất đông. Voi trắng này có hai vợ: Một vợ tên là Hiền, vợ thứ hai tên là Thiện Hiền. Voi trắng du hành trong rừng bỗng gặp một bông sen, ý nó muốn đem cho Hiền thì bị Thiện Hiền đoạt mất. Hiền thấy mình bị mất hoa nên sinh lòng tật đố cho rằng Bạch tượng chỉ thương yêu Thiện Hiền chứ không yêu thương ta.

Bấy giờ ở trong núi kia có một cái tháp của Đức Phật, nó mới phát nguyện: “Cầu cho con được sinh trong lòng người, tự biết được kiếp trước và nhờ sạch ngà của con bạch tượng này.” Nói xong, nó liền lên trên đỉnh núi, tự nhào xuống mà chết, đầu thai làm con gái trong nhà vua Tỳ-

đề-hê. Cô ta tự biết được kiếp trước, khi tuổi đã lớn khôn, làm vợ của vua Phạm-ma-đạt, nhớ lại mối thù kiếp trước nên nói với vua Phạm-ma-đạt:

– Nếu chàng làm cho thiếp cái giường bằng ngà voi thì thiếp mới có thể sống được. Nếu chẳng được như vậy, chắc là thiếp không sống nổi.

Vua Phạm-ma-đạt liền chiêu mộ thợ săn, nói:

– Nếu ai có thể kiếm được ngà voi đem đến đây, trăm sẽ ban thưởng kẻ ấy một trăm lượng vàng.

Ngay lúc đó có một người thợ săn giả mặc áo ca-sa, mang cung tẩm thuốc độc đi đến chỗ con voi đang ở. Lúc ấy con voi vợ là Thiện Hiền thấy người thợ săn rồi liền nói với voi chúa:

– Ở đằng kia có người đang đi đến.

Voi chúa hỏi:

– Kẻ ấy mặc áo gì?

Đáp:

– Mặc áo ca-sa.

Voi chúa nói:

– Mặc áo ca-sa, chắc chắn trong lòng người ấy thiện chó không có ác.

Gã thợ săn nhờ đó mà được đến gần, mới lấy tên độc ra bắn. Lúc đó Thiện Hiền nói với chồng:

– Ông nói: ‘Trong áo ca-sa có sự thiện chó không có sự ác, thì tại sao lại như thế này?’

Chồng đáp:

– Đó không phải là lỗi của áo ca-sa, đó là lỗi của tâm phiền não vậy.

Khi ấy Thiện Hiền liền muốn giết gã thợ săn ấy. Voi chúa phải dùng nhiều lời thuyết pháp để an ủi không cho bà ta hại kẻ ấy. Voi chúa cũng sợ năm trăm con voi trong đàn thế nào cũng giết gã thợ săn, nên đã lần tránh bày voi năm trăm con này một thời gian, làm cho chúng đi xa rồi mới hỏi gã thợ săn:

Người cần vật gì mà bắn ta?

Đáp:

– Ta chẳng cần gì cả. Vua Phạm-ma-đạt nhờ ta kiếm bộ ngà của người cho nên ta đến đây là muốn lấy nó.

Voi nói:

– Hãy lấy nhanh đi!

Đáp:

– Tôi không dám tự mình đến lấy. Ngài đã Từ bi như vậy, xin hãy che chở tôi. Nếu tôi tự đến lấy ngà của ngài thì tay của tôi sẽ bị thối nát và rơi xuống.

Ngay lúc đó Bạch tượng hướng về cây đại thọ tự nhổ ngà của mình ra, dùng vòi cuốn lại, phát nguyện rồi mới cho, lấy ngà bố thí, nguyện là: “Cho tôi đời sau dứt trừ hẳn ngà ba độc của tất cả chúng sinh.”

Người thợ săn đến lấy ngà liền dâng cho vua

Phạm-ma-đạt. Lúc đó phu nhân khi đã được ngà voi rồi liền sinh tâm hối hận, mới nói như vậy:

— Nay ta tại sao lại lấy ngà của bậc Hiền thắng tịnh giới này? Bậc rộng tu các công đức?

Do đó phát nguyện: “Nguyện cho tôi đời sau khi được gặp Phật, ở trong pháp ấy xuất gia học đạo, được quả A-la-hán.”

Các người nên biết, voi trắng lúc ấy chính là thân Ta. Người thợ săn lúc ấy chính là Đề-bà-đạt-đa. Nàng Hiền lúc ấy chính là Tỳ-kheo-ni này. Còn Thiện Hiền lúc ấy chính là Tỳ-kheo-ni Da-du-đà-la.



11- CHUYỆN CON THỎ TỰ THIÊU THÂN ĐỂ CÚNG DƯỜNG VỊ ĐẠI TIÊN

Ở nước Xá-vệ có một người con của vị trưởng giả đã xuất gia trong Phật pháp rồi mà vẫn thường thích thân cận với người quyến thuộc, không thích ở chung với Đạo nhân, cũng không thích đọc kinh, hành đạo. Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo đi đến chỗ thanh tịnh. Vị ấy làm theo lời Phật dạy mà tinh tấn tu tập nhờ đó đã được chứng quả A-la-hán, đầy đủ lục thông.

Các Tỳ-kheo nghi là chuyện lạ mới bạch Đức Phật:

– Đức Thế Tôn xuất hiện ở thế gian hết sức kỳ diệu, hết sức đặc biệt, như trường hợp người con của trưởng giả này mà Ngài có thể làm cho được an lập nơi thanh tịnh mà chứng được đạo A-la-hán, đầy đủ lục thông.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay Ta mới an lập, nhưng ngày xưa Ta cũng đã từng an lập rồi.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Chúng con không rõ Đức Thế Tôn ở trong thời quá khứ, việc an lập như thế nào?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Thời quá khứ có một vị Tiên nhân sống ở trong rừng núi. Khi ấy gặp trời rất hạn hán, những trái cây, gốc, cành, nhánh, lá ở trong núi đều bị khô rang.

Bấy giờ có một vị Tiên nhân rất thân thiện với một con thỏ nên nói với nó:

– Nay ta muốn vào thôn xóm để khát thực.

Con thỏ nói:

– Xin ngài đừng bỏ tôi mà đi, tôi sẽ dâng đồ ăn cho ngài.

Khi ấy con thỏ liền nhặt một đồng củi, nó lại nói với vị Tiên nhân:

– Ngài hãy ăn đồ ăn của tôi. Trời sắp có mưa, ngài hãy ở đây ba ngày, hoa quả sẽ mọc lại, lúc đó ngài có thể hái mà ăn, đừng có xuống trần gian.

Nó nói lời ấy xong, liền đốt một đồng lửa lớn, rồi nhảy vào trong ấy. Vị Tiên nhân thấy như vậy rồi liền suy nghĩ: “Đây là con thỏ nhân từ, là bạn hiền thiện của ta, vì để ta có cái ăn cho nên nó bỏ thân mạng, thật là một việc khó làm!”.

Khi đó vị Tiên nhân ấy hết sức khổ não, liền lấy nó để ăn. Bồ-tát đã làm việc khổ hạnh khó làm như vậy, cho nên cung điện của Thích Đề-hoàn Nhân bị chấn động, Đế Thích tự nghĩ: “Nay vì nhân duyên gì mà cung điện của ta bị chấn động?”. Do đó quan sát biết là con thỏ đã làm một việc khó làm, mới có sự cảm ứng như vậy. Đế Thích liền cho một trận mưa xuống để cho Tiên nhân vẫn ở đó mà có hoa quả để ăn. Nhờ vậy, lúc ấy Tiên nhân tu tập được năm thứ thần thông.

Vị tiên chứng năm thứ thần thông lúc đó, chính là vị Tỳ-kheo này. Còn con thỏ lúc ấy chính là Ta. Nhờ Ta xả thân làm cho vị Tiên nhân ấy an trụ ở chỗ thanh vắng mà chứng được năm thần thông. Huống chi bây giờ ta lại không thể làm cho Tỳ-kheo ấy xa lìa quyến thuộc, an trụ nơi vắng vẻ mà chứng được quả A-la-hán và được sáu thần thông sao?



12- CHUYỆN CON KHỈ THIỆN VÀ CON

KHỈ ÁC

Đức Phật ở tại thành Vương xá, các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, ai y chỉ nơi Đề-bà-đạt-đa thì thường bị khổ não, còn ai y chỉ với Như Lai Thế Tôn thì hiện tại được an lạc, đời sau được sinh đến chỗ thiện, được đạo giải thoát.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đâu có phải chỉ ngày hôm nay mới vậy mà ở trong thời quá khứ cũng thế.

Lúc ấy có hai con khỉ, mỗi con có năm trăm quyến thuộc. Bấy giờ có người con của vua Ca-thi đi săn bắn xung quanh, sắp đến chỗ mấy con khỉ. Con khỉ thiện nói với con khỉ ác:

– Chúng ta ngày hôm nay phải vượt qua con sông này mới mong thoát nạn.

Con khỉ ác bảo:

– Tôi không thể vượt qua được.

Con khỉ thiện nói với bầy khỉ:

– Cành nhánh của cây Tỳ-đa-la rất dài. Hãy đu theo nhánh cây mà qua sông.

Cả đoàn năm trăm con khỉ thiện liền đu theo nhánh cây mà được thoát nạn. Còn quyến thuộc của con khỉ ác vì không vượt qua sông cho nên liền bị vương tử bắt được.

Con khỉ thiện lúc ấy chính là Ta. Còn con khỉ ác chính là Đề-bà-đạt-đa. Nó đã làm cho quyến

thuộc của nó lúc ấy rất khổ não. Nếu ai bây giờ y chỉ nơi Đề-bà-đạt-đa cũng lại như vậy. Bây giờ ai nương dựa Ta mãi mãi được an lạc, hiện tại được tiếng tốt, cúng dường, đời vị lai được làm người, làm trời và được giải thoát. Bây giờ ai y chỉ Đề-bà-đạt-đa cũng sẽ mãi mãi bị sự suy hao khổ sở, thân hiện tại bị tiếng xấu, người ta không cúng dường, tương lai phải bị đọa vào ba đường ác.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy nên xa lìa ác tri thức, thân cận với Thiện tri thức. Bậc thiện tri thức làm cho con người mãi mãi được an ổn, khoái lạc. Do vậy các người hãy nên thân cận với Thiện tri thức và hãy xa lìa ác tri thức. Vì sao vậy? Vì kẻ ác tri thức hay làm con người bị nóng bức, làm cho các khổ đời này, đời sau lại tụ tập, phát khởi.



13- CHUYỆN PHẬT DÙNG NƯỚC TRÍ TUỆ DIỆT TRỪ BA THỨ LỬA

Có một nước tên là Nam phương sơn, Đức Phật muốn đến nước ấy. Trên đường đi, Ngài đến một tụ lạc và nghỉ ngơi tại đó, gặp lúc tụ lạc ấy đang tổ chức một hội vui chơi, dân chúng uống rượu say sưa, mê loạn. Bỗng nhiên, có một ngọn lửa nổi lên thiêu đốt tụ lạc này. Mọi người kinh sợ, chẳng biết chạy đi đâu, họ cùng nhau nói:

– Chúng ta chỉ nương tựa nơi Đức Phật mới có thể thoát khỏi nạn lửa này.

Họ liền thưa Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, xin Ngài cứu vớt chúng con!

Đức Phật nói:

– Tất cả chúng sinh đều có ba thứ lửa: Lửa tham dục, lửa nóng giận và lửa ngu si. Ta dùng nước trí tuệ diệt trừ ba thứ lửa này. Nếu lời nói của Ta mà đúng thì ngọn lửa này sẽ tắt.

Đức Phật nói như vậy xong, ngọn lửa liền tắt. Mọi người vui mừng, hết sức tin phục Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho họ nghe, làm cho họ chứng đắc đạo Tu-đà-hoàn. Các Tỳ-kheo nghi là chuyện lạ, nói:

– Đức Thế Tôn xuất thế hết sức kỳ diệu, hết sức đặc thù, Ngài đã làm lợi ích lớn cho thôn xóm này, lửa trong tụ lạc đã diệt, tâm cầu uế cũng diệt.

Đức Phật dạy:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay Ta mới làm lợi ích cho họ, mà trong đời quá khứ Ta cũng từng làm sự lợi ích lớn cho những vị ấy.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, không rõ trong kiếp quá khứ Ngài đã làm sự lợi ích gì?

Đức Phật dạy:

– Trong đời quá khứ, một bên của núi Tuyết là một rừng trúc lớn, với rất nhiều chim thú sống

trong khu rừng ấy. Có một con chim Anh vũ tên là Hoan Hỷ Thủ.

Bấy giờ trong rừng trúc gió thổi làm cho hai cây trúc cọ nhau, do đó phát lửa đốt cháy khu rừng trúc này. Chim thú sợ sệt, không có chỗ nương tựa. Bấy giờ con chim Anh vũ hết sức thương xót cho những con chim thú kia, liền nhúng cánh xuống nước rồi rưới lên trên lửa. Vì do lòng thương, tình cần cho nên cảm ứng đến cung trời Đê Thích khiến chấn động mạnh. Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân dùng Thiên nhãn quan sát xem thử do nhân duyên gì khiến rung chuyển cả cung điện của mình, mới thấy ở dưới thế gian có một con chim Anh vũ ôm lòng Từ bi rộng lớn muốn dập tắt ngọn lửa nên đem cả sức lực ra, nhưng không thể làm cho lửa tắt. Thích Đề-hoàn Nhân liền hướng về chỗ chim Anh vũ, nói:

– Rừng này to lớn đến mấy ngàn vạn dặm, đôi lông của người lấy nước chỉ được vài giọt, làm sao có thể làm tắt được ngọn lửa to lớn này?

Chim Anh vũ đáp lại:

– Tâm của tôi rộng lớn, tình cần không giải đãi, chắc chắn sẽ dập tắt được lửa này. Nếu hết cả đời này mà không dập tắt được ngọn lửa ấy thì tôi thọ thân sau thề sẽ dập tắt nó.

Thích Đề-hoàn Nhân vì cảm động trước chí nguyện của chim Anh vũ nên đổ mưa thật lớn

xuống chỗ ấy làm cho ngọn lửa tức thì bị dập tắt.

Đức Phật nói:

– Con chim Anh vũ lúc đó chính là thân Ta. Còn bầy thú, chim trong khu rừng chính là dân chúng trong làng xóm lớn này. Lúc đó Ta vì muốn dập tắt ngọn lửa ấy để các chim thú được sống còn. Nay Ta cũng dập tắt ngọn lửa để cho dân ở đây được an lạc.

Các Tỳ-kheo lại hỏi:

– Lại do nhân duyên gì mà họ được thấy đạo Chân thật?

Đức Phật dạy:

– Các dân chúng này vào thời Đức Phật Ca-diếp đã thọ trì năm giới. Do nhân duyên đó, cho nên nay được thấy được lẽ thật, chứng đạo Tu-đà-hoàn.



14- CHUYỆN CON CỦA TRƯỞNG GIẢ VÀ VỊ THIÊN THẦN NƯỚC BA-LA-NẠI CẢM HÓA NHÀ VUA THỰC HÀNH HIẾU HẠNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu ai muốn có vua Phạm thiên ở trong nhà

mình, người đó phải hiếu dưỡng cha mẹ thì Phạm thiên liền ở trong nhà. Nếu ai muốn có Đế Thích ở trong nhà mình, người đó phải hiếu dưỡng cha mẹ, liền có Đế Thích ở trong nhà. Nếu ai muốn có tất cả Thiên thần ở trong nhà mình, người đó chỉ cần hiếu dưỡng cha mẹ thì tất cả Thiên thần liền ở trong nhà mình. Nếu ai muốn có Hòa thượng ở trong nhà mình, người ấy chỉ cần hiếu thảo với cha mẹ thì liền có Hòa thượng ở trong nhà. Nếu ai muốn có A-xà-lê ở trong nhà mình, chỉ cần cúng dường cha mẹ, đó tức là A-xà-lê hiện ở trong nhà. Nếu muốn cúng dường các Hiền thánh và Đức Phật, thì hãy cúng dường cho cha mẹ, tức là chư Hiền thánh và Đức Phật ở trong nhà mình vậy.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đức Như Lai Thế Tôn thật là vô cùng hy hữu, Ngài đã cung kính cha mẹ.

Đức Phật dạy:

– Đâu phải chỉ có ngày nay Ta mới làm việc hết sức hy hữu là cung kính cha mẹ, nhưng trong thời quá khứ Ta cũng từng cung kính cha mẹ một cách hết sức hy hữu.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Trong thời quá khứ, Ngài cung kính cha mẹ như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Ngày xưa, ở nước Ba-la-nại có một người

nghèo khổ chỉ sinh được một người con, nhưng người con này lại sinh ra nhiều người con. Vì nhà cửa bần cùng, gặp lúc thời thế đói kém, phải đem cha mẹ đang sống chôn ở dưới đất, để dành phần cơm nuôi bầy con.

Người hàng xóm mới hỏi:

– Cha mẹ người ở đâu?

Đáp:

– Cha mẹ tôi vì già cả sắp chết cho nên tôi liền đem chôn, lấy phần cơm của cha mẹ nuôi bầy con để nó được lớn.

Nhà hàng xóm nghe xong cho là có lý. Như vậy tin ấy dần dần lan khắp nước Ba-la-nại và họ lấy đó làm luật.

Lại có một vị trưởng giả cũng sinh một người con. Người con này nghe điều ấy cho là phi pháp, liền suy nghĩ: “Ta phải làm cách gì để bỏ được điều phi pháp này?”. Cậu ta thưa với cha:

– Nay cha nên đi xa để học đạo, để biết kinh, luận.

Người cha nghe xong bèn ra đi. Ông ta học hỏi được chút ít lại trở về nhà, trong lúc tuổi càng ngày càng già cả. Người con bèn đào dưới đất làm một cái nhà thật đẹp để người cha ở trong đó, chàng dâng đồ ăn thức uống ngon lành. Chàng nghĩ như vậy: “Ai có thể cùng ta trừ bỏ điều phi pháp này?”. Lúc đó, vị Thiên thần hiện thân nói:

– Nay ta cùng người làm bạn với nhau.

Vị Thiên thần viết một tờ sớ hỏi nhà vua bốn việc. Nếu nhà vua giải thích được những sự việc nêu ra trong sớ thì Thiên thần sẽ ủng hộ nhà vua, còn nếu không giải thích được thì sau bảy ngày sẽ đập đầu vua bể thành bảy mảnh. Bốn điều đó là:

1. Cái gì là tài sản quý nhất?
2. Cái gì là niềm vui lớn nhất?
3. Cái gì có mùi vị ngon hơn cả?
4. Cái gì sống lâu nhất?

Thiên thần dán tờ sớ ấy trước cửa của vua. Vị vua thấy vậy mới cho người đi tìm những người trong nước coi ai có thể giải thích được lời này. Nếu ai giải thích được lời này thì có mong cầu điều gì nhà vua cũng làm cho được thỏa mãn.

Người con của trưởng giả nhân bản văn sớ đó liền giải thích hết các ý nghĩa trong đó:

- Đức tin là tài sản quý nhất.
- Chánh pháp là niềm vui lớn nhất.
- Lời nói thật là mùi vị ngon hơn hết.
- Trí tuệ là thọ mạng lâu dài nhất.

Chàng giải thích ý nghĩa này xong liền dán nó trước cửa vua. Vị Thiên thần thấy vậy trong lòng hết sức hoan hỷ, nhà vua cũng rất hoan hỷ.

Nhà vua hỏi người con của trưởng giả:

- Ai dạy người những lời ấy?

Đáp:

– Cha tôi dạy tôi.

Vua nói:

– Cha người ở đâu?

Con của trưởng giả thưa:

– Xin vua ban cho tôi sự vô úy. Cha tôi quả thật đã già, vì vi phạm phép của nhà nước, tôi đã giấu cha tôi ở dưới đất, xin cho tôi được nói. Tâu Đại vương, cha mẹ ân nặng giống như đất trời, mang thai mười tháng, để con nằm chỗ khô, tránh chỗ ướt, cho bú sữa mà nuôi con lớn, dạy bảo việc đời. Thân này mà có là đều nhờ cha mẹ, chúng ta được thấy mặt trời, mặt trăng, làm việc để sinh sống là do sức lực của cha mẹ. Giả sử vai trái công cha, vai phải công mẹ, đi suốt một trăm năm, lại cúng dường đủ thứ vật lạ... cũng không thể báo ân cha mẹ được.

Bấy giờ nhà vua hỏi:

– Người muốn cầu những gì?

Thưa:

– Tôi chẳng cầu mong gì cả. Mong đức vua bỏ cái pháp ác này đi mà thôi.

Nhà vua chấp nhận lời nói ấy, tuyên bố những người dân trong nước:

– Nếu ai bất hiếu với cha mẹ phải bị xử tội nặng.

Đức Phật dạy:

– Nếu các người muốn biết người con của trưởng giả lúc ấy là ai thì đó chính là Ta. Lúc ấy, Ta vì nước kia trừ bỏ pháp ác, thành tựu pháp hiếu thuận. Do nhân duyên đó mà được thành Phật. Cho nên hôm nay Ta cũng lại tán thán pháp hiếu thuận.



15- CHUYỆN CON BẠCH HƯƠNG TƯỢNG CỦA QUỐC VƯƠNG CA-THI NUÔI CHA MẸ MỪ VÀ LÀM CHO HAI NƯỚC HÒA THUẬN

Ngày xưa Đức Phật ở nước Xá-vệ, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Có tám loại người nhất định phải bỏ thí, không nên sinh nghi. Đó là: Cha, mẹ, Phật, đệ tử Phật, người từ xa đến, người đi xa, bệnh nhân và người chăm sóc kẻ bệnh.

Các Tỳ-kheo thưa Đức Phật:

– Đức Như Lai Thế Tôn hết sức kỳ đặc, thường tán thán, cung kính cha mẹ.

Đức Phật dạy:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay, từ xưa đến nay Ta thường tôn trọng cung kính cha mẹ.

Các Tỳ-kheo bạch:

– Đức Thế Tôn đã tôn trọng, tán thán cha mẹ

như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Thời quá khứ lâu xa về trước có hai vị quốc vương: Một là vua Ca-thi, hai là vua Tỳ-đề-hê. Vua Tỳ-đề-hê có con voi Đại hương, nhà vua đã dùng sức của con Hương tượng để đánh phá quân đội vua Ca-thi. Vua Ca-thi mới nghĩ như vậy: “Nay ta làm sao có con Hương Tượng để đánh trả quân đội vua Tỳ-đề-hê?”

Bấy giờ có một người nói:

– Tôi thấy ở trong núi nọ có một con Bạch Hương tượng.

Nhà vua nghe điều này rồi liền ra lệnh tuyển mộ:

Ai có thể bắt được con Hương tượng, ta sẽ trọng thưởng.

Lúc ấy có người chấp nhận lời chiêu mộ của nhà vua, tụ tập rất đông binh chúng đi đến để bắt con voi ấy. Con voi suy nghĩ: “Nếu ta bỏ đi xa thì ai lo cho cha mẹ ta mù lòa già cả? Chi bằng ta hãy thuận theo chỗ họ mà đến chỗ vua.

Bấy giờ mọi người bèn dắt con Hương tượng đi đến bên vua. Nhà vua rất hoan hỷ nên đã làm phòng đẹp, trải mền nỉ ở dưới, cùng các kỹ nữ đàn ca trống đánh để tự vui chơi. Nhưng khi cho con voi ăn uống thì nó chẳng ăn uống gì cả. Khi ấy người giữ voi đi đến tâu với vua:

– Con voi chẳng chịu ăn!

Nhà vua hướng về phía con voi, nghĩ: “Những súc sinh đời thượng cổ đều có thể nói chuyện với người”, cho nên nhà vua hỏi con voi:

– Vì sao ngươi không ăn?

Con voi trả lời:

– Tôi có cha mẹ tuổi đã già mà mắt lại mù, chẳng ai cho nước cỏ gì cả. Cha mẹ không có gì ăn, làm sao tôi ăn được?

Con voi tâu với vua:

– Tôi có thể bỏ đi được, các binh đội của ngài cũng không thể ngăn cản tôi được. Chỉ vì tôi có cha mẹ đã già lại mù, cho nên tôi mới chịu theo vua đến đây. Nếu nay nhà vua cho phép tôi được trở về phụng dưỡng cha mẹ cho đến khi cha mẹ hết tuổi thọ, tôi sẽ tự trở lại với ngài.

Nhà vua nghe lời ấy xong, hết sức hoan hỷ, nói:

– Chúng ta là con voi đầu người, còn con voi này mới là con người đầu voi.

Trước đây, người của nước Ca-thi đối xử độc ác với cha mẹ, không có tâm cung kính, nay nhờ con voi này nên nhà vua liền lệnh cho tất cả mọi người trong nước, nếu ai không hiếu dưỡng, cung kính cha mẹ thì phải bị tội lớn.

Nhà vua liền thả con voi trở về chỗ cha mẹ nó để nó cung dưỡng cha mẹ, tùy theo tuổi thọ cha mẹ dài hay ngắn, hễ khi cha mẹ chết thì trở lại chỗ vua.

Khi vua thấy con Bạch tượng trở lại, hết sức hoan hỷ, liền trang sức cho nó, muốn chinh phạt nước đôi phương. Con voi nói với nhà vua:

– Đừng nên tranh đấu với nước khác. Hễ tranh đấu thì gây nhiều sự thương hại.

Nhà vua nói:

– Vì vua nước ấy khi dễ xâm lấn ta.

Con voi nói:

– Hãy cho tôi đi sứ qua nước ấy, khiến cho nước oán địch ấy không dám khi dễ ngài.

Nhà vua nói:

– Nếu để người đi rồi người không trở về nữa thì sao?

Voi đáp:

– Không ai có thể ngăn chặn không cho tôi trở về được cả.

Con voi ngay lúc ấy liền đến nước kia. Vua Tỳ-đề-hê nghe con voi đến, hết sức hoan hỷ, tự ngài ra cung để nghênh tiếp. Khi nhà vua đã gặp con voi rồi, mới nói với nó:

Người hãy ở lại nước ta nhé!

Con voi tâu với vua:

– Tôi không thể ở lại đây được. Từ khi tôi lập thân đến nay không bao giờ nuốt lời thề của mình. Trước đây tôi có hứa với vua nước kia là tôi sẽ trở về nước ông ta. Nay hai vị quốc vương, các ngài hãy trừ bỏ oán thù ác độc, tự làm cho nước nhà an

ồn, vậy không vui sao?

Con voi nói kệ:

*Đắc thắng thêm hận thù
Thất bại càng đau khổ
Không tranh thắng hay bại
Là an lạc đệ nhất.*

Bấy giờ con voi này nói bài kệ ấy xong liền trở về nước Ca-thi. Từ đó về sau, hai nước hòa hiếu với nhau.

Đức Phật dạy:

– Vua Ca-thi lúc ấy nay chính là vua Ba-tư-nặc. Vua Tỳ-đề-hê nay là vua A-xà-thế. Còn con Bạch tượng lúc ấy chính là thân Ta. Nhờ hiếu dưỡng đối với cha mẹ, lúc đó Ta có thể làm cho hai nước hòa hiếu với nhau, ngày hôm nay cũng vậy.



16- NƯỚC BA-LA-NẠI, EM KHUYÊN ANH BỎ ÁC PHÁP, NHỜ THỪA TƯỚNG KHUYÊN VUA GIÁO HÓA THIÊN HẠ

Thuở trước, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nên biết, ngày xưa ở nước Ba-la-nại có pháp bất thiện lưu hành ở đời là người cha lúc tuổi đã sáu mươi, thì trải tấm dạ để ngồi giữ cửa ngõ.

Bấy giờ có hai anh em, người anh nói với em:

– Em hãy trải tấm dạ với cha để giữ cửa ngõ.

Trong nhà chỉ có một tấm dạ, người em bèn cắt một nửa tấm dạ đưa cho cha rồi thưa với cha:

– Anh cả cho cha, chứ không phải là con cho cha. Anh cả nói cha hãy giữ cửa ngõ.

Người anh nói với em:

– Tại sao em không đưa hết tấm dạ cho cha mà lại cắt một nửa rồi mới đưa?

Người em thưa:

– Chỉ có một tấm dạ, nếu không cắt một nửa sau này lấy gì mà dùng?

Người anh hỏi:

– Vậy em muốn cho ai nữa?

Em thưa:

– Chứ không phải cho anh sao?

Người anh nói:

– Sao lại cho ta?

Người em nói:

– Rồi anh cũng sẽ già, các con của anh cũng để anh ở trong cửa như vậy.

Người anh nghe lời ấy, kinh ngạc nói:

– Ta cũng sẽ già như vậy sao?

Em thưa:

– Ai có thể thay thế cho anh được.

Rồi người em nói với anh:

– Pháp ác như thế, hãy nên trừ bỏ đi.

Hai anh em dắt tay nhau đến nhà của phụ

tướng, đem những lời nói ấy hỏi với phụ tướng. Phụ tướng đáp:

– Thật vậy, tất cả chúng ta đều sẽ phải già.

Vị phụ tướng tâu với vua. Nhà vua nghe lời ấy rồi ra lệnh cho toàn quốc phải hiếu dưỡng cha mẹ, bỏ điều phi pháp, không được bất hiếu.



17- CHUYỆN VỢ CỦA PHẠM-MA-ĐẠT VÌ ĐÓ KỊ MÀ HẠI CON LẢ PHÁP HỘ

Đức Phật ở thành Vương xá, nói với Đề-bà-đạt-đa:

– Ta thường để lòng thương nhớ người một cách sâu xa và thân, khẩu, ý của Ta đối với người cũng không có điều ác. Nay chúng ta hãy sám hối với nhau đi!

Đề-bà-đạt-đa mắng nhiếc Đức Phật rồi bỏ đi.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Tại sao Đức Như Lai có Từ tâm mà Đề-bà-đạt-đa lại chửi rủa hung ác như thế?

Đức Phật dạy:

– Đâu có phải chỉ ngày hôm nay! Trong thời quá khứ, nước Ba-la-nại có một vị vua tên Phạm-ma-đạt, vợ tên là Bất Thiện Ý. Họ có người con tên là Pháp Hộ, thông minh, nhân từ. Nhà vua cho mời thầy về dạy cho thái tử học.

Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt dẫn các thể nữ đi vào vườn thượng uyển để vui chơi. Khi ấy nhà vua dùng rượu dư mời phu nhân. Phu nhân tức giận mới nói:

– Ta thà đâm cổ thẳng Pháp Hộ lấy máu để uống, chứ không chịu uống rượu này.

Nhà vua nghe lời ấy mới tức giận nói với những đứa trẻ cùng học, bảo Pháp Hộ đến. Khi Pháp Hộ đến, nhà vua nói:

– Ta muốn cắt cổ người.

Người con thưa cha:

– Con đâu có tội tình gì. Vả lại, đức vua chỉ có một mình con, vì sao lại giết con?

Vua nói:

– Ta không muốn giết con, nhưng đó là ý của mẹ con. Con hãy xin sám hối với mẹ con, nếu bà hoan hỷ, sẽ không giết con.

Người con liền hướng về phía mẹ sám hối mà nói:

– Mẹ chỉ có một mình con là con, vả lại con cũng không có tội lỗi gì, vì sao mẹ lại giết con?

Tuy người con nói như vậy nhưng người mẹ cũng không tha, liền đâm vào cổ con lấy máu mà uống.

Đức Phật dạy:

– Phụ vương thời đó chính là Câu-ca-ly. Người mẹ lúc đó chính là Đề-bà-đạt-đa. Người con chính

là Ta. Lúc ấy Ta hoàn toàn không có tâm ác, nhưng mẹ Ta vẫn không cho Ta sám hối. Ngày hôm nay cũng vậy, y không nhận sự sám hối của Ta. Lúc đó mặc dù Ta bị giết nhưng Ta không có một ý nghĩ sân hận nào cả, hướng chỉ ngày hôm nay mà lại sân hận, có tâm ác hay sao?



18- CHUYỆN TỖ-KHEO ĐÀ-PHIẾU BỊ HỦY BÁNG

Ngày xưa, có một Tỳ-kheo tên là Đà-phiếu, Tỳ-kheo này có sức mạnh của một vị đại lực sĩ, nhờ xuất gia tu học tinh tấn nên đắc đạo A-la-hán, có đầy đủ oai đức, thường lo việc cho Tăng. Năm ngón tay của vị ấy phát ra ánh sáng. Ngài phân phối cho Tăng chúng các thứ đồ dùng. Do đó, cho nên Đức Phật gọi vị ấy là Tri sự đệ nhất.

Có Tỳ-kheo Di-đa vì phước đức cạn mỏng nên phải ngồi sau số đông, ăn uống toàn đồ dở, do đó tức giận nói:

– Nếu để gã Đà-phiếu này lo liệu việc Tăng chúng thì kết cuộc mình phải ăn toàn đồ dở mà thôi. Vậy ta phải tạo cơ hội để phá y.

Di-đa có một người chị là Tỳ-kheo-ni; cả hai cùng lập mưu đến hủy báng Đà-phiếu. Họ hủy báng cho đến lần thứ ba, Tỳ-kheo Đà-phiếu nhằm chán sự thô ác ấy, liền bay lên hư không, làm mười

tám cách biến hóa, nhập Hỏa quang tam-muội, ở trong hư không, như lửa thiêu hủy, không có thi hài. Vì bài báng sự tham lam khinh ghét, nó có thể làm có Hiền thánh còn bị hủy diệt thân thể, hưởng chỉ là phạm phu, cho nên người có trí tuệ phải cẩn thận việc bài báng, chớ khinh thường lời nói.

Khi ấy các Tỳ-kheo liền bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Đà-phiếu do nhân duyên gì mà bị bài báng? Lại do nhân duyên gì mà lại có sức mạnh lớn này? Lại do nhân duyên gì được quả A-la-hán?

Đức Phật dạy:

– Vào thời quá khứ, lúc con người thọ hai vạn tuổi, có một Đức Phật hiệu là Ca-diếp. Bấy giờ, trong chánh pháp của Phật Ca-diếp có một Tỳ-kheo trẻ, mặt mày đoan chánh, nhan sắc tuyệt đẹp. Tỳ-kheo trẻ ấy khi khát thực chưa về thì có một thiếu phụ bị mê hoặc bởi nhan sắc của Tỳ-kheo ấy, nhìn mãi mà mắt không rời.

Tỳ-kheo Đà-phiếu lúc ấy đang ăn muối, bắt gặp cô gái này đi theo vị Tỳ-kheo trẻ ấy mà mắt không phút nào rời, cho nên mới hủy báng:

– Cô gái này chắc chắn đã tư thông cùng Tỳ-kheo kia.

Do nhân duyên đó nên Tỳ-kheo Đà-phiếu phải đọa vào ba đường ác, thọ vô lượng khổ. Cho đến ngày hôm nay dư nghiệp vẫn chưa hết nên mới bị

phỉ báng như vậy.

Lại vào lúc Phật Ca-diếp ở thời quá khứ, Tôn giả có xuất gia học đạo cho nên nay mới được quả A-la-hán. Do vì ở thời quá khứ Tôn giả có kinh doanh cho Tăng sự, lúc đi ghe, lừa, ngựa, chở gạo, bún, Tôn giả bị chìm dưới bùn sâu nhưng liền được ra khỏi, nhờ nhân duyên đó nên được sức mạnh lực sĩ.



19- CHUYỆN LY VIỆT BỊ HỦY BÁNG

Ngày xưa ở nước Kế tân có một vị A-la-hán tên là Ly Việt, ngồi thiền ở trong núi. Có một người mất trâu đang tìm theo dấu vết của con trâu, cho nên đi thẳng đến chỗ Tôn giả Ly Việt.

Bấy giờ Tôn giả Ly Việt đang đốt cỏ để nhuộm y, tấm y tự nhiên biến thành tấm da trâu, những giọt thuốc nhuộm biến thành máu trâu, cỏ dùng để đốt trong lúc nhuộm thì biến thành thịt trâu, cái bồn để nhuộm biến thành đầu trâu. Khi ấy người chủ trâu thấy vậy bèn bắt trói Tôn giả lại và dẫn đến chỗ vua. Nhà vua bèn ra lệnh bỏ Tôn giả vào trong ngục, trải qua mười hai năm trường bị chủ ngục cho ăn lúa ngựa.

Đệ tử của Tôn giả Ly Việt có đến năm người đều chứng quả A-la-hán, họ tìm kiếm thầy mình nhưng chẳng thấy ở đâu. Do nghiệp duyên của

Tôn giả sắp hết nên có một người đệ tử thấy thầy mình ở trong ngục của nước Kế tân, cho nên vị ấy mới đến tâu với vua ở đó:

– Thầy của tôi tên là Ly Việt, hiện đang ở trong ngục của nhà vua, cúi mong đức vua xét xử.

Nhà vua liền bảo người vào ngục để kiểm tra. Người của nhà vua vào ngục chỉ thấy có một người nhan sắc tiều tụy, râu tóc thật dài mà bị chủ ngục cho ăn lúa ngựa, người ấy trở về tâu lại với vua:

– Trong ngục hoàn toàn không có Sa-môn, đạo sĩ nào cả, chỉ có một tội nhân là Tỳ-kheo mà thôi.

Đệ tử lại tâu với vua:

– Xin vua ra lệnh, nếu có các Tỳ-kheo thì đều cho ra khỏi ngục.

Nhà vua liền tuyên lệnh:

– Cho các Đạo nhân được ra khỏi ngục.

Tôn giả Ly Việt lúc ấy đang ở trong ngục mà râu tóc tự rụng, mình đắp ca-sa, bay lên hư không, làm mười tám cách biến hóa.

Nhà vua thấy việc này rồi cho là chưa từng có, năm vóc liền gieo xuống đất, cúi lạy, thưa với Tôn giả:

– Xin Tôn giả hãy cho con sám hối.

Khi ấy Tôn giả liền nhận sự sám hối của nhà vua.

Nhà vua liền nói:

– Do nhân duyên gì mà Tôn giả bay lên hư

không được mà lại chịu khổ nhiều năm ở trong ngục?

Tôn giả đáp:

– Ngày xưa tôi cũng mất trâu, tìm theo dấu chân trâu, đi vào trong một hòn núi thấy một vị Bích-chi-phật ngồi thiền ở một nơi vắng vẻ, tôi liền vu khống vị ấy bắt trâu. Trải qua thời gian một ngày một đêm như vậy. Do nhân duyên đó cho nên tôi phải đọa lạc trong ba đường ác, khổ não vô lượng. Cái tai ương ấy còn sót lại không hết, cho đến ngày nay tuy đã chứng A-la-hán rồi mà vẫn còn bị hủy báng.



20- CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI XẤU XÍ TÊN LÀ LẠC-ĐỀ, CON VUA BA-TƯ-NẶC

Ngày xưa, vua Ba-tư-nặc có một người con gái tên là Lạc-đề. Cô này có mười tám cái xấu, hoàn toàn không giống người khác. Hễ ai nhìn thấy cô cũng đều hoảng sợ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc vì con gái đã lớn tuổi, chiêu mộ người trong nước, không kể là con trai của trưởng giả, có danh vọng, kẻ nghèo cùng đói khát hay kẻ cô độc đều dẫn đến chỗ vua. Bấy giờ ở mé chợ có một người con của trưởng giả cô độc một mình đi xin để tự sống. Những người tìm thấy

anh ta bèn dẫn đến vua. Nhà vua dẫn vị ấy đi ra sau vườn mới giao ước:

– Ta sinh một người con gái hình dạng xấu xí, chẳng nên để người khác trông thấy. Nay ta muốn gả cho khanh làm vợ, khanh thấy thế nào?

Khi ấy con của trưởng giả thưa:

– Đức vua đã có lệnh giao ước, giả sử đó là con chó thì thần cũng không dám từ chối, huống chi đây là con gái của vua mà thần lại từ chối sao?

Nhà vua giữ lời hứa, cho con mình làm vợ người ấy, cho ở trong cung thất và giao ước:

– Con gái của ta xấu xí, cẩn thận đừng để người khác thấy. Hễ lúc đi ra thì khóa cửa lại, còn khi vào thì đóng cửa lại, phải luôn luôn như vậy.

Khi ấy có các con của các trưởng giả, họ đều là thân hữu, họ thường rủ nhau uống rượu vui đùa. Cứ mỗi ngày hội họp là con của các trưởng giả đều có đem theo vợ của họ đồng đến để tập họp. Chỉ có con gái của nhà vua là không đến. Lúc đó mọi người đồng nói với chàng rể:

– Ngày hôm sau chúng ta lại hội họp, yêu cầu anh hãy dắt vợ anh đến. Nếu anh không dắt vợ đến, chúng ta sẽ phạt anh nặng đấy.

Lại đến ngày hội, người con của trưởng giả nghèo ấy vẫn như trước, không dắt vợ đến. Các người kia bèn cùng nhau trách phạt anh ta. Nhưng anh ta vẫn cam lòng chịu sự trách phạt ấy. Các

người kia lại cùng nhau nói:

– Ngày mai chúng ta lại họp, nếu anh không dắt vợ đến sẽ bị phạt nữa.

Cũng vậy, anh ta lại bị phạt. Cứ vậy cho đến lần thứ hai, lần thứ ba, anh ta cũng không dắt vợ đến chỗ hội. Mãi đến sau cùng, người con của trưởng giả cô độc này mới về nhà nói với vợ:

– Anh đã mấy lần vì em mà bị phạt.

Người vợ hỏi:

– Vì sao?

Người chồng đáp:

– Mọi người đều yêu cầu trong ngày yến hội, tất cả mọi người phải dẫn vợ tới. Nhưng anh đã bị lệnh của đức vua: Không được dắt vợ theo để người ngoài thấy. Vì vậy mà anh đã bị phạt mấy lần rồi.

Người vợ nghe chồng nói lời ấy hết sức xấu hổ, buồn tiếc nên ngày đêm niệm Phật. Bảy giờ, vào ngày hôm sau, bạn bè lại mở yến tiệc, người chồng lại đi một mình. Người vợ ở trong phòng càng thêm khẩn nguyện:

– Đức Như Lai xuất thế đã làm nhiều điều lợi ích cho chúng sinh. Nay con vì tội ác nên riêng con chưa được mong nhờ đại ân ấy.

Đức Phật cảm động trước tấm lòng chí thành của nàng, liền từ dưới đất hiện lên. Ban đầu nàng thấy đầu tóc của Đức Phật nàng rất kính trọng,

hoan hỷ, do đó tóc nàng liền đổi khác, biến thành đầu tóc thật đẹp. Tiếp theo nàng thấy cái trán của Đức Phật, dần dần nàng thấy lông mày, con mắt, lỗ tai, thân và miệng của Đức Phật, tùy theo cứ thấy một bộ phận nào nàng càng thêm hoan hỷ. Do đó thân hình của nàng liền biến đổi không còn những cái xấu xí nữa. Dung mạo của nàng bây giờ giống như chư Thiên.

Khi ấy con của các trưởng giả bí mật bàn với nhau:

– Con gái của nhà vua sở dĩ không đến hội này hoặc là nàng đoan chánh dị thường, hoặc là rất xấu, cho nên mới không đến đây. Vậy chúng ta hãy ép chồng nàng uống rượu cho đến lúc không còn biết gì nữa bấy giờ chúng ta hãy lấy chìa khóa của chàng mở cửa ra để xem.

Họ liền phục cho chàng uống rượu thật say, lấy chìa khóa của chàng rồi cùng nhau đến mở cửa để xem. Họ thấy con gái của đức vua này đoan chánh vô song, họ liền đóng cửa lại, trở về chỗ cũ. Lúc ấy người chồng của nàng vẫn chưa tỉnh rượu, họ liền lấy chìa khóa cột lại dưới lưng chàng. Đến lúc người chồng thức giấc, liền tìm đường trở về nhà, thấy vợ đoan chánh lạ thường, chàng lấy làm lạ mới hỏi:

– Nàng là Thiên thần ở đâu đến nhà tôi vậy?

Người vợ đáp:

– Tôi là Lạc-đề, vợ của chàng đây.

Người chồng cho là quái lạ mới hỏi vì sao mà nàng lại đổi khác nhanh như vậy? Người vợ trả lời:

– Em nghe chàng mấy lần vì em mà bị phạt cho nên sinh tâm xấu hổ mới khẩn thiết niệm Phật, liền thấy Đức Như Lai từ dưới đất hiện lên, em hết sức vui mừng, nhờ đó mà thân thể trở thành tốt đẹp.

Người con của trưởng giả nghèo hết sức vui mừng liền vào tâu với vua:

– Thân thể con gái của vua tự nhiên biến thành tốt đẹp. Nay nàng mong được yết kiến đức vua.

Nhà vua nghe xong rất hoan hỷ, liền bảo người đưa vua đến xem. Nhà vua thấy con rồi tuy rất hoan hỷ nhưng trong lòng cũng rất nghi ngại, cho là điều kỳ lạ, liền đi đến chỗ Đức Phật và bạch Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, người con gái này do nhân duyên gì được sống ở nơi thâm cung mà thân hình lại xấu ác, ai thấy cũng kinh sợ? Lại do nhân duyên gì mà nay hóa thành tốt đẹp?

Đức Phật bảo nhà vua:

– Ở thời quá khứ có vị Bích-chi-phật, ngày ngày khát thực, đến trước ngõ của một trưởng giả. Khi ấy con gái của vị trưởng giả mang cơm ra cúng dường cho vị Bích-chi-phật. Cô ta thấy thân thể của Bích-chi-phật xấu xí nên mới nói:

– Vị ấy xấu xí, thân hình có da như con cá, tóc như lông ngựa.

Đức Phật nói:

– Người con gái của trưởng giả lúc ấy chính là con gái của vua bây giờ vậy. Nhờ nhân duyên cúng dường nên được sinh nơi thâm cung của vua. Do hủy báng thân hình của vị Bích-chi-phật cho nên thân hình phải xấu xí. Nhờ biết sinh tâm xấu hổ nghiêng lòng khẩn cầu nên được thấy ta. Nhờ sinh tâm hoan hỷ nên thân hình hóa thành tốt đẹp.

Bây giờ chúng hội nghe Đức Phật thuyết pháp, cung kính đánh lễ phụng hành.



21- CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI TÊN THIỆN QUANG CON VUA BA-TU-NẶC

Ngày xưa vua Ba-tư-nặc có con gái tên là Thiện Quang, thông minh đoan chánh, được cha mẹ thương yêu, mọi người trong cung ai cũng kính mến.

Vua cha nói với con gái:

– Con nhờ thế lực của ta mà khiến cho mọi người trong cung đều yêu mến.

Người con gái thưa với vua cha:

– Vì con có nghiệp nhân riêng chứ không phải nhờ phụ vương mà được như vậy.

Vua cha nói ba lần như thế thì người con gái ba

lần cũng trả lời như thế. Bấy giờ nhà vua nổi giận bảo:

– Nay ta sẽ thí nghiệm để coi thử tự ngươi có nghiệp lực riêng hay không?

Nhà vua liền ra lệnh cho những người tả hữu vào trong thành này tìm cho vua một người đi ăn xin, hết sức bần cùng. Bấy giờ những người tả hữu vâng lệnh đức vua tìm được một người hết sức nghèo khổ, dẫn đến chỗ vua. Nhà vua liền đem con gái của mình là Thiện Quang gả cho người bần cùng ấy. Nhà vua nói với con gái:

– Nếu như con tự có nghiệp nhân riêng mà không cần nhờ vào ta thì từ nay trở đi nghiệm việc này sẽ rõ.

Người con gái vẫn đáp:

– Con có nghiệp lực riêng.

Rồi cô ta ra đi với người bần cùng ấy. Cô hỏi chồng:

– Trước đây anh có cha mẹ chứ?

Người bần cùng đáp:

– Cha tôi trước đây ở trong thành Xá-vệ, là trưởng giả giàu có số một. Cha mẹ tôi ở nhà đều mất cả, tôi chẳng còn ai để nương tựa, cho nên mới bị bần cùng như vậy.

Thiện Quang lại hỏi:

– Nay anh có biết ngôi nhà xưa của cha mẹ anh ở chỗ nào không?

Người chồng đáp:

– Tôi biết chỗ ấy. Nhà đã bị hư hoại chỉ còn là khoảng đất trống.

Thiện Quang cùng chồng đi đến chỗ ngôi nhà xưa ấy, họ đi quanh để xem xét. Họ đi đến đâu cũng thấy thế đất ở đó hiểm trở. Lúc ấy ở trong lòng đất có chôn một kho tàng, tự nhiên hiển lộ. Họ liền lấy hết châu báu thuê người cất nhà. Chưa đầy một tháng mà cung thất, nhà cửa đều đã thành tựu. Bên trong có rất nhiều gia nhân, mỹ nữ, nô tỳ, tôi tớ không thể kể xiết.

Lúc ấy nhà vua bỗng nhớ con, nói:

– Con gái của ta là Thiện Quang, không biết bây giờ sinh sống ra sao?

Có người thưa:

– Cung thất của con gái đức vua có nhiều tiền của chẳng thua gì đức vua.

Nhà vua nói:

– Đức Phật quả nói lời chân thật là tự làm việc thiện hay ác là phải tự thọ lấy quả báo tương ứng.

Ngày ngày hôm đó, con gái đức vua nói với chồng mình về mời nhà vua đến. Nhà vua liền nhận lời mời, đi đến thấy trong ngôi nhà ấy lót toàn là nệm, thảm thật đẹp, trang hoàng nhà cửa còn hơn cả cung vua nữa. Nhà vua thấy như vậy rồi khen là: “Chưa từng có”. Cô gái này tự biết lời nói ấy đều là sự thật nên mới nói là:

– Con có nghiệp nhân này nên tự thọ lấy quả báo ấy.

Nhà vua đi đến thưa Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, cô con gái này đời trước đã làm phước nghiệp gì mà đời nay được sinh vào nhà của vua, thân có ánh sáng?

Đức Phật trả lời đức vua:

– Ở thời quá khứ cách đây chín mươi một kiếp có Đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi. Bảy giờ có một vị vua tên là Bàn-đầu, nhà vua có vị Đệ nhất phu nhân. Sau khi Đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, vua Bàn-đầu lấy xá-lợi của Đức Phật xây bảo tháp. Đệ nhất phu nhân dùng mào trời treo lên để trang sức trên đỉnh của Đức Phật Tỳ-bà-thi, trong mào trời có viên ngọc Như ý treo ở trên đầu, làm cho ánh sáng chiếu khắp thế gian. Nhân đó phát nguyện: “Xin Đức Phật hãy cho thân của con ở tương lai có ánh sáng sắc vàng tía, tôn vinh hào quý, không đọa vào ba đường ác và tám nạn.”

Đệ nhất phu nhân của vua nay là công chúa Thiện Quang vậy. Thời Đức Phật Ca-diếp, công chúa lại dùng những món ngon để cúng dường Đức Ca-diếp Như Lai và bốn vị đại Thanh văn, nhưng chồng của nàng ngăn chặn, người vợ mới khuyên thỉnh:

– Xin anh đừng đoạn tuyệt với tôi, nay tôi đã thỉnh nguyện cúng dường, hãy để cho tôi được mãn

nguyện!

Người chồng chấp thuận để người vợ cúng dường ngọc Như ý. Người chồng lúc ấy nay chính là người chồng của đời này vậy. Người vợ lúc ấy chính là vợ của anh ta vậy. Người chồng lúc ấy vì ngăn chặn vợ làm phước cho nên phải mãi mãi bần cùng. Nhưng sau nhờ chấp thuận cho vợ cúng dường, do đó mà vợ được hết sức phú quý. Lúc anh ta chưa có vợ thì vẫn cứ bần tiện. Cái nghiệp thiện ác theo đuổi con người không hề sai chạy.

Nhà vua nghe Đức Phật dạy, hiểu thấu hạnh nghiệp sâu xa, không tự khoe mình là cao quý, sinh sự tín ngộ một cách vững chắc rồi hoan hỷ lui ra.



22- CHUYỆN HAI ANH EM VƯƠNG TỬ BỊ ĐUỔI RA KHỎI NƯỚC

Ngày xưa có hai anh em vương tử bị đuổi ra khỏi nước, đến giữa một con đường trống thì lương thực đã hết. Người em bèn giết vợ mình lấy thịt chia cho anh và chị dâu cùng ăn. Người anh thấy miếng thịt ấy ngảm sợ nên không ăn. Người anh tự cắt thịt đùi của mình, vợ chồng cùng ăn. Người em thấy thịt của vợ mình đã hết liền muốn giết chị dâu. Người anh bảo:

– Đừng giết chị dâu.

Rồi người anh lấy thịt đã giấu ở trước đưa cho

người em ăn. Khi họ đã đi qua khỏi đồng trống, đến chỗ ở của Thần tiên, hái được trái ngon để ăn. Người em sau đó bị bệnh mà chết, chỉ còn người anh sống sót. Khi ấy, vương tử thấy một người bị chặt hết tay chân, cho nên sinh lòng từ bi, hái hoa quả nuôi sống người ấy. Vương tử là người thiếu dục, trong lúc đi hái hoa quả thì người vợ của chàng ở sau tư thông cùng người bị chặt tay chân đó và trở lại ghét chồng mình. Trong một ngày nọ theo chồng đi hái hoa, đến một bên bờ sông, bà nói với chồng:

– Anh hãy hái hoa quả trên cây kia.

Người chồng nói với vợ:

– Ở dưới có sông sâu, trèo lên cây có thể dễ rơi xuống sông.

Người vợ nói:

– Anh lấy dây cột ngang lưng rồi trèo lên cây, em sẽ nắm một đầu dây đứng gần mé sông.

Người chồng làm vậy. Thế rồi người vợ bày kế làm người chồng rơi xuống dòng sông, nhờ chàng có sức mạnh từ thiện, tuy rơi xuống nước và bị trôi đi nhưng vẫn không bị chết chìm giữa dòng sông.

Bấy giờ có một vị quốc vương băng hà, vị tướng sư của nước ấy đi tìm kiếm những người ở trong nước xem ai có thể làm vua được, từ xa trông thấy trên mặt nước có cái lọng mây vàng lơ lửng. Vị tướng sư xem quẻ xong nói:

– Dưới cái lọng mây vàng, chắc chắn có Thần nhân.

Ông liền bảo người xuống nước rước lên và tôn làm vua.

Người vợ cũ của nhà vua đang cũng người bị chặt tay chân kia đi xin ăn, đi đến cửa vương tử. Người dân trong nước ấy đều khen:

– Có một người đàn bà tốt cũng một người chồng bị chặt tay chân, cung kính hiếu thuận đang đến chỗ vua.

Nhà vua nghe lời ấy rồi liền cho người kêu đến trước điện. Nhà vua hỏi vợ:

– Người bị chặt tay chân đó có phải thật là chồng của người chăng?

Người vợ đáp:

– Thưa đúng thật là chồng của tôi.

Bấy giờ vua lại nói:

– Người có biết ta chăng?

Thưa:

– Không biết.

Vua nói:

– Người biết tên họ ta hay không biết?

Bà hướng về phía vua nhìn xong, sau đó bà xấu hổ. Nhà vua vì lòng từ cho nên bảo người nuôi dưỡng họ.

Đức Phật nói:

– Các người nên biết, nhà vua đó chính là thân Ta. Còn người vợ lúc ấy là người con gái của Bà-la-môn tên là Chiên-giá, đã độn gỗ trong bụng để hủy báng Ta. Còn người bị chặt tay chân lúc ấy chính là Đề-bà-đạt-đa.



23- VỢ CỦA TRƯỞNG GIẢ TU-ĐẠT CÙNG DƯỜNG PHẬT ĐƯỢC QUẢ BÁO

Ngày xưa, lúc Đức Phật còn tại thế, có một vị trưởng giả tên là Tu-đạt cuối đời rất nghèo khổ, tiền bạc của cải đều hết sạch, ông phải ra sức làm thuê cho người khác, kiếm được ba cân gạo đem về nấu ăn. Khi cơm chín thì đúng lúc Tôn giả A-na-luật đi đến để khát thực. Vợ của Tu-đạt liền lấy bình bát của Tôn giả bới một bát đầy dâng lên. Sau đó thì Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Xá-lợi-phất, lần lượt đi đến để khát thực. Người vợ của trưởng giả cũng đều lấy bình bát của các Tôn giả bới đầy bát rồi dâng lên. Sau cùng thì Đức Thế Tôn tự đến để khát thực, cũng bới một bát đầy dâng cúng. Bấy giờ ông Tu-đạt ở bên ngoài vào bảo vợ dọn ăn. Người vợ đáp lời chồng:

– Nếu có Tôn giả A-na-luật đến, ông có tự đem phần cơm của mình dâng cho ngài không?

Đáp:

– Nên nhịn phần ăn của mình để dâng lên Tôn giả.

– Nếu lại có Tôn giả Ca-diếp, Đại Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Xá-lợi-phất... cho đến có Đức Phật đến, ông phải làm thế nào?

– Thà mình nhịn đói để cúng dường tất cả cho những vị ấy.

Người vợ nói với chồng:

– Sáng nay có các vị Thánh ấy đến đây khát thực, cho nên trong nhà có bao nhiêu cơm tôi đều dâng cúng cho các Ngài hết rồi.

Người chồng nói với vợ:

– Như vậy là tội của chúng ta đã hết, phước đức của chúng ta phải sinh.

Ông liền mở kho ra thì vải, lụa, đồ ẩm thực... đầy cả kho, cứ dùng hết rồi lại sinh ra.



24- CHUYỆN TỶ-KHEO SA-LA-NA BỊ VUA ÁC SINH LÀM KHỔ NÃO

Ngày xưa con của vua Ưu-điền tên là Sa-la-na, tâm thích Phật pháp, xuất gia học đạo, tu Đầu-đà khổ hạnh, vào trong núi rừng hay ở trong gốc cây để tọa thiền, nhiếp tâm.

Bấy giờ vua Ác Sinh đem các thể nữ tuần tự dạo chơi, đi vào trong rừng. Khi mới xuống xe, thấy không khí tĩnh mịch, nhà vua liền nằm ngủ.

Tất cả các thể nữ thấy vua đang ngủ liền cùng nhau đi dạo, đến dưới một gốc cây, thấy một Tỳ-kheo đang tọa thiền nhập định. Họ đến chỗ ấy lễ kính, hỏi thăm. Lúc đó vị Tỳ-kheo thuyết pháp cho họ nghe.

Sau đó nhà vua thức giấc, đi tìm kiếm các thể nữ, từ xa trông thấy một Tỳ-kheo ở dưới gốc cây, nhan sắc diện mạo đoan chánh, trẻ tuổi xinh đẹp, tất cả các thể nữ thì ở phía trước nghe pháp. Nhà vua liền đi tới nói:

– Nhà ngươi đã chứng quả A-la-hán chưa?

Đáp:

– Chưa chứng.

– Nhà ngươi đã đắc quả A-na-hàm chưa?

– Chưa đắc.

– Nhà ngươi đã đắc quả Tư-đà-hàm chưa?

– Chưa đắc.

– Nhà ngươi đã đắc quả Tu-đà-hoàn chưa?

– Chưa đắc.

– Nhà ngươi đã thành tựu pháp quán bất tịnh chưa?

– Chưa thành tựu.

Lúc ấy nhà vua hết sức tức giận nói:

– Ngươi chẳng đắc cái gì cả, tại sao kẻ phạm phu sinh tử này lại dám cùng ngồi một chỗ với các thể nữ?

Vua liền bắt lên đánh đập, làm cho khắp thân

thể vị Tỳ-kheo bị rách nát. Các thể nữ thưa:

– Vị Tỳ-kheo này không có lỗi gì cả.

Nhà vua càng thêm sân hận. Các thể nữ lại thấy vị Tỳ-kheo bị đánh đập nữa, họ đều khóc lóc áo nảo, làm cho nhà vua sân hận kịch liệt gấp bội. Bây giờ, vị Tỳ-kheo trong tâm tự nghĩ: “Chư Phật ở thời quá khứ, nhờ có thể nhẫn nhục mà được đạo Vô thượng. Lại nữa, ở thời quá khứ có vị Tiên nhân nhẫn nhục, bị người khác cắt đứt tai, mũi, tay, chân... Ngài vẫn có thể nhẫn nhục được, huống chi ta ngày nay, thân hình vẫn còn nguyên vẹn sao lại không nhẫn được?”. Suy tư như vậy cho nên im lặng nhẫn chịu.

Khi bị đánh đập xong, toàn thân đau đớn kịch liệt, không thể chịu nổi sự thống khổ ấy, cho nên vị Tỳ-kheo lại suy nghĩ như vậy: “Nếu ta ở thế gian thì ta là con của quốc vương, sẽ lên nối ngôi vua, binh chúng thế lực đâu có thua vị vua kia. Ngày nay ta đã xuất gia đơn độc, lại bị khinh khi, đánh đập, hết sức áo nảo...” liền muốn bỏ đạo trở về nhà. Cho nên vị Tỳ-kheo ấy đến chỗ Hòa thượng Ca-chiên-diên từ tạ, muốn xin trở về thế tục. Hòa thượng đáp:

– Nay thân thể của ngươi mới bị đánh đập đau đớn. Hãy đợi đến sáng mai, hãy nghỉ ngơi chút xíu rồi hãy đi.

Khi ấy Sa-môn vâng lời dạy liền trở lại. Vào

lúc nửa đêm, Tôn giả Ca-chiên-diên vì Tỳ-kheo ấy hiện cho thấy chiêm bao, khiến cho Sa-la-na tự thấy thân mình khi bỏ đạo về nhà, vua cha đã băng hà, liền lên kế vị, liền tập hợp tất cả bốn thứ binh chủng để chinh phục vua Ác Sinh. Khi đến nước địch, hai bên giao chiến thì chính mình bị bại trận, binh chúng bị tan tát, thân mình bị cầm tù. Bấy giờ vua Ác Sinh đã bắt được Sa-la-na rồi bảo người cầm đao đến định giết. Lúc ấy Sa-la-na hết sức sợ hãi, liền sinh ra ý nghĩ mong thấy Hòa thượng, dù có bị người khác giết cũng không ân hận. Bấy giờ Hòa thượng khởi niệm biết tâm của Tỳ-kheo, ngài cầm tích trượng, ôm bình bát muốn đi khát thực, hiện ra ở phía trước và nói: “Ta thường vì người mà thuyết vô vãn pháp môn, còn việc đấu tranh để cầu thắng, trọn không thể được. Nếu không nghe lời ta dạy thì ta biết làm sao?”

Vị ấy đáp lại lời Hòa thượng: “Nếu nay ngài cứu tánh mạng đệ tử thì con chẳng bao giờ dám làm sai lời ngài dạy.”

Bấy giờ Tôn giả Ca-chiên-diên nói với vị vua kia để cứu Sa-la-na, bảo: “Xin hãy chờ một lát, nghe ta tâu với vua xin cứu mạng người.”

Nói như vậy rồi liền hướng đến chỗ vua. Người đao phủ đứng ở phía sau vua không chịu chờ đợi bèn dẫn đi giết. Khi đao phủ sắp sửa hạ đao thì trong tâm vị Tỳ-kheo ấy rất kinh sợ, la không ra tiếng, rồi tỉnh giấc. Khi tỉnh rồi bèn đem tất cả

những điều thấy trong mộng bạch Hòa thượng, Hòa thượng trả lời:

– Chiến đấu là con đường sinh tử luân hồi, hoàn toàn không có sự thắng. Vì sao vậy? Hễ là pháp chiến đấu, tàn sát kẻ khác để được chiến thắng, là con đường của sự tự hủy hoại. Hiện tại kẻ ngu tình lấy đó làm khoái ý, tương lai sẽ bị đọa vào ba đường ác, thọ khổ vô lượng. Nếu bị kẻ khác sát hại làm tổn hại đến thân mạng chính mình và gây ra nhiều tai ương khác thì kẻ ấy phải chịu nhiều trọng tội, khiến họ phải rơi vào địa ngục. Còn nếu tàn sát lẫn nhau thì oan gia không bao giờ dứt, luân chuyển trong năm đường không bao giờ kết thúc. Xét cho cùng, việc giết hại nào có bổ ích gì cho thân ghẻ lở này, cho sự đau đớn khổ sở này? Nay người muốn lìa sinh tử, sợ hãi, đánh đập đau đớn, phải tự quán thân mình để chấm dứt sự oán thù hủy báng. Vì sao vậy? Vì thân này là gốc của các khổ, bị đói khát, lạnh nóng, sinh già bệnh chết, bị muỗi mòng, thú độc làm tổn hại... Các sự oán thù như vậy nhiều vô lượng, người không thể báo thù hết được. Vậy sao muốn báo thù vua Ác Sinh làm gì? Nếu muốn diệt trừ oán thù thì phải diệt trừ phiền não. Oan gia của phiền não hại đến vô lượng đời kiếp, còn oán thù của thế gian tuy nặng nhưng chỉ hại có một thân, oan gia phiền não thì tổn hại đến cái thân thiện pháp. Oán thù thế gian tuy là khốc hại, nhưng chỉ làm hại cái thân hôi thối hữu lậu này

thôi. Nhờ đó quán xét biết: Oán hại làm căn bản của sự khởi sinh phiền não. Nay người không đánh giặc phiền não, tại sao chỉ muốn đánh vua Ác Sinh làm gì?

Ngài thuyết pháp cho Tỳ-kheo ấy nghe nhiều pháp đạo như vậy. Bấy giờ Tỳ-kheo Sa-la-na nghe những lời ấy rồi, tâm khai ý giải, chứng Tu-đà-hoàn, càng tin mộ chánh pháp và càng thêm tinh tấn hành đạo thì chưa bao lâu đã chứng A-la-hán quả.



25- CHUYỆN NỘI QUAN CHUỘC LẠI CON TRÂU THIÊN ĐƯỢC NAM CĂN

Ngày xưa ở nước Càn-đà-vệ có một anh đồ tể dẫn năm trăm con trâu con đi định làm thịt. Bấy giờ có một vị nội quan lấy tiền vàng ra để chuộc lại bảy trâu rồi thả đi. Do nhân duyên đó nên thân hiện tại được nam căn đầy đủ. Khi ông trở về Vương gia, bảo người vào thông báo với vua:

– Mổ giáp ở bên ngoài.

Vua nói:

– Người là người nhà của ta, cứ tự nhiên mà vào. Chưa bao giờ người xin phép, tại sao hôm nay người lại làm như vậy?

Khi ấy nhà vua liền gọi lại hỏi lý do tại sao. Vị

ấy đáp với vua:

– Vừa rồi thần thấy có một tên đồ tể dắt năm trăm con trâu con đi định giết làm thịt, thần liền chuộc hết rồi thả đi. Do nhân duyên đó mà thân của thần được đầy đủ, cho nên không dám vào.

Nhà vua nghe rồi hoan hỷ, kinh ngạc, thâm nhập Phật pháp, sinh tâm kính tín, cho rằng người mới gieo nhân mà được cảm ứng như vậy, huông chi là quả báo về sau, há có thể suy lường được sao?



26- CHUYỆN HAI NỘI QUAN TRANH ĐẠO LÝ

Ngày xưa vua Ba-tư-nặc trong lúc nằm ngủ, nghe hai vị nội quan tranh cãi đạo lý. Một vị quan nói:

– Tôi nhờ nương tựa vào vua mà được sống.

Còn vị khác thì nói:

– Tôi chẳng nương tựa vào ai cả, chỉ tự nương tựa nơi nghiệp lực của tôi mà được sống.

Nhà vua nghe chuyện này rồi, liền có cảm tình với người nói nhờ nương tựa nơi vua mà được sống, nên muốn khen thưởng người ấy. Nhà vua liền bảo với người hầu nói với phu nhân:

– Nay ta sẽ bảo một người đi đến, phu nhân hãy cho kẻ ấy thật nhiều tiền bạc, y phục, anh lạc.

Bấy giờ nhà vua bảo người nói nhờ nương tựa vào vua mà được sống đem rượu vua uống dư đưa cho phu nhân. Khi ấy người đó đem rượu ra khỏi nhà thì máu trong mũi chảy ra, không thể bước tới trước được. Tình cờ gặp người nói: “Mình được sinh sống là do nghiệp lực” liền nhờ người ấy mang rượu đến dâng cho phu nhân. Phu nhân thấy người ấy rồi, nhớ lại lời nói của vua, bèn ban tặng cho người ấy tiền tài, y phục và ngọc anh lạc, rồi người ấy trở về trình diện với nhà vua.

Nhà vua thấy hết sức kỳ quái, liền cho gọi kẻ nói “Nhờ nương tựa nơi vua mà được sống” hỏi:

– Ta bảo người đến hoàng hậu, sao người không đến?

Kẻ ấy tâu:

– Thần mới ra khỏi cửa, bỗng nhiên bị chảy máu mũi, cho nên không thể đi được, thần mới nói người kia đem rượu dư của đức vua dâng lên phu nhân.

Bấy giờ nhà vua mới khen gọi:

– Ngày nay ta mới biết lời của Đức Phật là chân thật. Mình tự tạo nghiệp phải tự thọ lấy quả báo, nghiệp không thể mất được.

Do đó quán xét, sự báo ứng của thiện ác, vì do hành nghiệp mà thọ báo chứ không phải do trời hay vua mà được.



KINH TẠP BẢO TẠNG

QUYỂN 3

Gồm các chuyện:

27. Chuyện hai anh em đồng xuất gia.
28. Chuyện Cừu-già-ly hủy báng ngài Xá-lợi-phất.
29. Chuyện bài kệ của Long vương.
30. Chuyện Đề-bà-đạt-đa muốn làm Đức Phật bị thương.
31. Chuyện chim Cọng mạng.
32. Chuyện Bạch nga vương.
33. Chuyện con rùa lớn.
34. Chuyện hai phụ tướng sàm tấu.
35. Chuyện Sơn Kê vương.
36. Chuyện chim Cát lợi.
37. Chuyện vị Tiên già.
38. Chuyện hai khách buôn.
39. Chuyện tám vị trời lần lượt hỏi pháp.



27- CHUYỆN HAI ANH EM ĐỒNG XUẤT

GIA

Ngày xưa có hai anh em nhà nọ, trong tâm ưa thích Phật pháp, muốn xuất gia học đạo. Người anh thì tinh cần tu tập các pháp lành, tu hạnh Đầu-đà, chưa bao lâu mà đã được chứng quả A-la-hán. Còn người em thì thông minh, học nhiều biết rộng, tụng ba Tạng kinh. Về sau được phụ tướng mời làm thầy dạy học cho con mình, cung cấp cho nhiều tiền bạc, giao phó cho việc xây dựng Tăng phòng, chùa tháp.

Khi ấy, Tam tạng Pháp sư nhận tiền của phụ tướng, bảo người mua đất để xây cất chùa tháp. Công việc hoàn thành, cơ đồ đoan nghiêm, phòng ốc tráng lệ, đó là do ý của Pháp sư tạo ra, đúng là bậc Thầy tuyệt diệu. Vị phụ tướng thấy như vậy càng thêm tín kính, cúng dường cung cấp chẳng thiếu vật gì. Tam tạng Tỳ-kheo thấy tâm của phụ tướng tốt mới nghĩ như vậy: “Chùa miếu đã làm xong, vậy phải mời chúng Tăng đến ở, cho nên ta hãy nói với phụ tướng mời anh ta.” Nghĩ như vậy xong liền nói với vị phụ tướng:

– Tôi có một người anh ở tại chỗ kia, đã bỏ nhà nhập đạo, siêng năng tinh tấn, tu hạnh Đầu-đà, phụ tướng nay có thể mời anh tôi đến ở chùa này.

Phụ tướng thưa:

– Thầy đã ra lệnh, dù đó là vị Tỳ-kheo thì tôi cũng không dám trái lệnh, huống chi đó là anh của

thầy, là bậc tu khổ hạnh.

Nói xong, phụ tướng liền cho người tới mời một cách ân cần anh của Tam tạng Tỳ-kheo đến. Khi vị ấy đã đến, phụ tướng trông thấy vị ấy siêng năng tu học nên cúng dường rất nhiều. Về sau vị phụ tướng này lấy một tấm dạ đẹp trị giá đến ngàn vạn đồng cúng dường cho Tỳ-kheo Đầu-đà ấy. Nhưng vị Tỳ-kheo kia không nhận, vị phụ tướng này tha thiết ân cần xin cúng, sau đó ngài mới nhận, nhưng ngài lại nghĩ: “Em của ta lo việc xây cất nên cần tiền của”, ngài bèn đem tiền của cho người em. Sau đó vị phụ tướng lấy một tấm dạ thô xấu đem cúng cho Tam tạng Tỳ-kheo, vị này thấy vậy hết sức tức giận. Lại nữa, ngày hôm sau vị phụ tướng lại lấy một tấm dạ đẹp trị giá ngàn vạn đồng đem cho người anh là bậc Đầu-đà. Người anh khi được tấm dạ ấy lại đem cho người em, người em thấy vậy càng ôm lòng ganh ghét, liền cầm tấm dạ ấy đi đến chỗ người ái nữ của phụ tướng, nói:

– Cha của người là bậc phụ tướng, trước đây đối xử với ta rất hậu. Từ ngày có vị Tỳ-kheo kia đến ở tới nay, không biết vị ấy có làm huyền thuật gì mê hoặc cha của người, mà nay cha của người lại xử tệ với ta. Nay ta cho người tấm dạ này, người hãy cầm đến trước phụ tướng, may thành tấm y. Nếu cha người có hỏi lý do thì người hãy đáp: “Người mà cha kính trọng là vị tu hạnh Đầu-đà đã đem tấm dạ này cho con.” Vị phụ tướng chắc chắn

sẽ tức giận, không nói chuyện với vị ấy nữa.

Người con gái ấy nói với vị Tam tạng ấy:

– Cha tôi hiện nay rất đang kính trọng vị Tỳ-kheo ấy như yêu thương tròn con mắt của mình, cũng xem như viên ngọc minh châu, sao bỗng nhiên lại hủy báng ngài?

Vị Tam tạng lại nói:

– Nếu người không làm như vậy thì ta sẽ không bao giờ gặp lại người nữa.

Cô gái lại đáp:

– Tại sao bỗng nhiên ngài lại làm như vậy?

Vì nể tình cho nên cô nhận tấm dạ ấy, cô đi đến trước mặt cha mình, cắt ra để may y. Khi ấy phụ tướng thấy tấm dạ liền biết là của ai, liền nghĩ: “Gã Tỳ-kheo ấy là con người rất ác, đã nhận được tấm dạ của ta cho rồi mà không tự làm y lấy, trở lại mê hoặc phụ nữ.”

Bấy giờ, ngày hôm sau, khi vị Tỳ-kheo tu Đâu-đà đến, thì vị phụ tướng không ra nghênh tiếp nữa, sắc mặt đổi khác. Khi ấy vị Tỳ-kheo này thấy thái độ vị phụ tướng như vậy, trong lòng tự suy nghĩ: “Chắc có người nào hủy báng ta với ông, cho nên ông mới có thái độ như vậy chăng?”. Ngài liền bay lên không trung làm mười tám cách biến hóa.

Vị phụ tướng thấy như vậy rồi càng thêm kính phục, liền dắt vợ đến, cùng đánh lễ dưới chân ngài để xin sám hối và cung kính hơn lúc bình thường.

Họ liền đuổi vị Tam tạng và con gái mình ra khỏi nước.

Đức Phật dạy:

– Vị Tam tạng lúc đó chính là thân của Ta vậy. Vì hủy báng người khác cho nên trong vô lượng kiếp phải thọ sự khổ não cùng cực, mãi đến ngày hôm nay bị Tôn-đà-lợi hủy báng. Người con gái lúc ấy vì hủy báng vị Thánh cho nên hiện nay bị đuổi ra khỏi nước, bị cùng khốn đi xin để kiếm sống. Cho nên người đời đôi với tất cả sự việc cần phải quán sát rõ ràng, đừng có coi thường, bài báng rồi chiêu lấy tai ương.



28- CHUYỆN CỪU-GIÀ-LY HỦY BÁNG NGÀI XÁ-LỢI-PHẬT

Ngày xưa có Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên du hành đến các làng xóm. Đi tới chỗ thợ làm ngói, trời đổ mưa lớn, họ liền vào đó ngủ trọ. Vào trọ ở nhà làm đồ gốm, họ gặp trước hết là cô gái chăn trâu, ở chỗ thâm u phía sau. Bạc Thanh văn khi không nhập định, đâu khác gì kẻ phạm phu, cho nên họ không hay biết. Cô gái chăn trâu ấy thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dung mạo đoan chánh nên trong tâm sinh ra mê hoặc, liền động tâm.

Lúc Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên từ

nhà làm gồm đi ra. Có Cừu-già-ly là người khéo biết hình tướng, hề thấy dung mạo của ai đều biết có chuyện bất tịnh hay không. Cùng lúc Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi ra, ông ta thấy có cô gái chặn trâu ấy theo sau, trên nét mặt cô ta có hiện dục tướng. Ông ta không biết cô ấy tự khởi tâm bất tịnh nên liền nói lời hủy báng:

– Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có làm chuyện bất tịnh với cô gái chặn trâu.

Ông đến các Tỳ-kheo loan tin này một cách rộng rãi. Bảy giờ các Tỳ-kheo liền can gián ông ba lần:

– Đừng có hủy báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

Khi ấy trong tâm của Cừu-già-ly đã sinh ra sân hận, ganh tị, lại càng thêm phần nộ.

Lúc đó, có một trưởng giả tên là Sa-già được Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dạy cho chỗ quan trọng của pháp mà chứng được quả A-na-hàm, mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên, xưng tên là Sa-già-phạm. Bảy giờ Sa-già-phạm từ xa trên cõi trời trông thấy Cừu-già-ly hủy báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên, liền xuống cõi trần, vào trong phòng của Cừu-già-ly, Cừu-già-ly hỏi:

– Người là ai?

Đáp:

– Ta là Sa-già-phạm.

– Vì việc gì mà đến đây?

– Ta dùng Thiên nhĩ nghe người hủy báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên. Người đừng nên nói các Tôn giả có làm những việc này.

Can gián đến ba lần Cừu-già-ly vẫn không nghe, ông lại nói:

– Nay Sa-già-phạm, rằng người đã đắc quả A-na-hàm, A-na-hàm thì không còn trở lại cõi này nữa, sao người lại đến bên ta được? Nếu như người đến bên ta được thì lời Đức Phật nói là hư vọng sao?

Phạm thiên trả lời:

– Bất hoàn có nghĩa là không trở lại thọ sinh ở Dục giới nữa.

Bấy giờ trên thân của Cừu-già-ly liền sinh ra ghẻ độc từ đầu đến chân, lớn nhỏ như hạt đậu. Ông liền đi đến chỗ Đức Phật và bạch Đức Phật:

– Tại sao Xá-lợi-phất và Mục-liên làm việc bất tịnh với cô gái chăn trâu?

Đức Phật lại can gián:

– Người đừng nói là Xá-lợi-phất và Mục-liên có làm việc này.

Ông nghe Đức Phật nói như vậy lại càng thêm sân hận. Khi ấy những cái mụn nung độc chuyển lớn như hạt xoài. Lần thứ hai ông lại đem việc này bạch Đức Phật, Đức Phật lại can gián:

– Đừng nói việc này.

Thì ghẻ độc trong người ông lại lớn như nắm tay. Lần thứ ba, ông tiếp tục nói như vậy cho nên ghẻ độc chuyển lớn như trái bầu, thân thể bốc nóng dữ dội. Ông liền xuống ao nước, nước trong ao sôi lên sùng sục, các ghẻ độc ấy đều lở ra, tức thì mạng chung, đọa vào địa ngục Ma-ha Ưu-ba.

Bây giờ các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên bị người khác hủy báng nặng như vậy?

Đức Phật dạy:

– Vào kiếp quá khứ, Xá-lợi-phất và Mục-liên còn là người phàm, có hôm họ thấy vị Bích-chi-phất từ trong nhà thợ làm đồ gốm đi ra. Lúc ấy cũng có một cô gái chăn trâu từ phía sau đi ra, liền hủy báng: “Tỳ-kheo này chắc chắn đã thông dâm với cô gái.” Do nghiệp duyên đó nên bị đọa vào trong ba đường ác, thọ khổ vô lượng. Tuy nay đã được quả Thánh mà duyên xưa vẫn chưa hết, cho nên mới bị hủy báng như thế. Nên biết rằng bậc Thanh văn không thể làm vị Đại thiện tri thức cho chúng sinh được. Vì sao vậy? Nếu Xá-lợi-phất và Mục-liên vì Cừu-già-ly mà hiện ra một chút thần thông thì Cừu-già-ly chắc chắn sẽ thoát khỏi địa ngục.

Vì không hiện thần thông cho nên mới khiến

Cừu-già-ly đọa vào địa ngục. Vì việc như vậy cho nên Đức Phật mới nói:

– Nếu là Bồ-tát, như khi Phật Câu-lưu-tôn ra đời, có một Tiên nhân tên là Định Quang cùng với năm trăm Tiên nhân ở trong hang cỏ của núi rừng. Bấy giờ có một phụ nữ ngẫu nhiên đi ngang qua, gặp lúc trời đổ mưa, gió lạnh buốt cực độ, không có chỗ núp mưa, bà liền đến chỗ của vị tiên Định Quang xin ngủ trọ một đêm. Lúc trời sáng thì bà đi ra. Các Tiên nhân thấy vậy, liền hủy báng: “Vị tiên Định Quang này chắc chắn đã làm hạnh bất tịnh với người nữ ấy.”

Lúc đó tiên Định Quang biết tâm niệm của các người kia, sợ họ hủy báng phải đọa vào địa ngục, liền bay lên hư không cao đến bảy cây Đa-la, biến hóa mười tám cách. Các vị Tiên kia thấy xong liền nói như vậy: “Thân của ai có thể cách mặt đất chừng bốn ngón tay thì người đó không có dâm dục, huống chi ngài Định Quang bay lên hư không, có đại thần biến mà lại có việc dâm dục sao? Tại sao chúng ta lại đối với một người thanh tịnh như vậy mà sinh tâm hủy báng?” Bấy giờ năm trăm Tiên nhân nắm vóc liền gieo xuống đất, cúi đầu sám hối. Nhờ nhân duyên đó mà thoát khỏi tội nặng. Nên biết: hàng Bồ-tát có đại phương tiện, đúng là bậc Thiện tri thức của chúng sinh.

Đức Phật dạy:

– Vị tiên Định Quang lúc ấy chính là Di-lặc ngày nay. Còn năm trăm Tiên nhân lúc đó nay là năm trăm vị Tỳ-kheo Trưởng lão.



29- CHUYỆN BÀI KỆ CỦA LONG VƯƠNG

Đức Phật ở thành Xá-vệ, Đề-bà-đạt-đa đi đến dùng lời ác độc để chửi mắng Ngài. Tôn giả A-nan nghe xong hết sức tức giận, đuổi Đề-bà-đạt-đa ra ngoài, nói:

– Nếu ngươi còn trở lại đây nữa, ta sẽ làm cho ngươi bị khổ não lớn.

Các Tỳ-kheo thấy vậy, liền bạch Đức Phật:

– Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, Như Lai thường sinh lòng từ mẫn đối với Đề-bà-đạt-đa, nhưng Đề-bà-đạt-đa lại đối với Đức Như Lai thường ôm lòng ác độc. Vì vậy, Tôn giả A-nan tức giận đuổi Đề-bà-đạt-đa ra ngoài.

Đức Phật dạy:

– Đâu có phải chỉ ngày hôm nay thôi, nhưng ở trong thời quá khứ cũng đã xảy ra như vậy.

Ngày xưa, ở nước Ca-thi, lúc ấy có hai anh em của Long vương, một người tên là Đại Đạt, còn người kia thì tên là Ưu-bà Đại Đạt. Họ thường đổ những trận mưa ngọt ngào làm cho cây cỏ xứ ấy tươi tốt, ngũ cốc dồi dào. Loài súc sinh uống được nước ấy đều được mập mạnh, trâu dê sinh sôi nẩy

nở.

Bấy giờ vị vua của nước ấy giết nhiều trâu, dê đi đến chỗ rồng ở để tế cho rồng. Lúc ấy rồng liền hiện thân nói với vua:

– Ta vốn không ăn thịt, cần gì phải sát sinh mà cúng cho ta?

Rồng nói như vậy đến mấy lần mà nhà vua vẫn không nghe. Anh em rồng liền dẫn nhau đi khỏi xứ này, đến một vùng của một con rồng nhỏ tên là Thuần Độ Tỳ. Con rồng Thuần Độ Tỳ ngày đêm tức giận, dùng những lời ác độc mắng chửi. Khi ấy Đại Đạt nói:

– Người đừng nên sân hận. Chúng ta sẽ đi xa.

Nhưng Ưu-bà Đại Đạt hết sức tức giận, nói:

– Nay con rồng nhỏ, mày thường ăn ếch ương. Nếu ta phun hơi ra thổi quuyền thuốc của mày, thì tất cả sẽ bị tiêu diệt.

Đại Đạt nói với em:

– Đừng nên sân hận. Nay chúng ta hãy trở về chỗ cũ vì vua nước Ca-thi khát ngưỡng chúng ta. Vua nước Ca-thi nói như vậy: “Nếu hai vị rồng trở lại, tùy ý thích ta sẽ dâng cho các vị, chứ ta không có sát sinh nữa.”

Long vương nghe lời ấy liền trở lại chỗ cũ. Bấy giờ Đại Đạt nói bài kệ này:

Tất cả hòa hợp lắng lòng nghe

Chân thiện, thanh tịnh tâm nghe pháp

Có duyên Bồ-tát mới nói ra
 Nay Phật hiển hiện kệ tích xưa.
 Vị trời giữa trời, Tam-phật-đà
 Như Lai tại thế, các Tỳ-kheo
 Thấy tuôn lời ác hủy báng nhau
 Đại bi nghe biết lời như vậy
 Hợp Tỳ-kheo Tăng nói như vậy:
 Các Tỳ-kheo theo Ta xuất gia
 Những việc phi pháp không nên làm
 Tất cả các người nói lời ác
 Cùng nhau hủy báng, tự hủy hại
 Chẳng chịu nghe biết câu Bồ-đề
 Tu tập từ nhân, khổ hạnh khó.
 Các người nếu muốn theo Phật pháp
 Cần phải phụng hành sáu hòa kính
 Bậc trí khéo nghe học Phật đạo
 Vì muốn lợi ích, an chúng sinh
 Đối với tất cả, đừng não hại
 Người tu hành tránh xa điều ác
 Nếu xuất gia khởi lòng tranh cãi
 Như nước băng gặp phải lửa hừng.
 Kiếp quá khứ Ta làm Long vương
 Hai anh em cùng ở một nơi
 Nếu muốn tùy thuận pháp xuất gia
 Phải đoạn sân, cãi, mới hợp đạo.
 Người anh cả tên là Đại Đạt
 Còn người em tên là Ưu-bà-đạt
 Đều không sát sinh, giữ tịnh giới

Có đại oai đức, chán thân rồng
Hằng hướng chỗ thiện mong làm người
Nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn
Tu trì tịnh giới với đa văn
Biến hình cúng dường, thường thân
cận,
Mồng tám, mười bốn và ngày rằm
Thọ trì tám giới, giữ tâm ý.
Bỏ chỗ mình ở đi phương khác
Có rồng tên là Thuần Độ Tỳ
Thấy anh em ta đại oai đức
Biết ta không hề sinh giận, ghét
Thường dùng lời ác để mắng chửi
Phùng mang, chum miệng tuôn hơi độc
Tâm đầy sân hận, thân phùng to
Nói lời ác này mà hủy báng:
Huyền hoặc, dối láo hòng xâm bức.
Nghe lời mắng chửi hạ tiện này
Ưu-bà Đại Đạt rất tức giận
Thừa thỉnh với anh mình Đại Đạt:
Nó dùng lời ác nhằm hủy báng
Thường ăn ẽnh ương, ở bờ nước
Vật đệ tiện này dám chửi ta
Nếu ở trong nước hại thủy tánh
Nếu ở trên đất hại nhân dân
Nghe lời ác khó lòng nhẫn nhục
Nay ta trừ diệt quyền thuộc nó
Hủy diệt tất cả về chỗ cũ.

Đại Lực Long vương nghe em nói
Chỗ nói kệ hay người trí khen
Nếu trong một đêm ngủ chỗ nào
Cung cấp đủ ít, mà ngủ yên
Đừng sinh ác niệm với kẻ ấy,
Biết ân, báo ân, Thánh khen ngợi
Nếu nghỉ dưới cây được chút mát
Không phá cây lá và hoa quả
Đối với người thân làm chút ác
Người ấy cuối cùng không an lạc
Dù ăn bữa cơm, dùng ác trả
Chẳng biết báo ân, làm kẻ ác
Quả lành không sinh, còn tiêu mất.
Giả sử rừng cây bị cháy sạch
Sau lại sinh trưởng như lúc trước
Còn kẻ bội ân thiện chẳng sinh
Nếu nuôi người ác bằng trăm thứ
Nó chẳng nghĩ ân, lại báo oán,
Giống như voi nương tựa nơi tiên
Sinh con liền chết, tiên nuôi sống
Lớn lên cuồng nộ giết lại tiên
Cây cối, cửa nhà đều giẫm nát.
Kẻ ác bội ân cũng như vậy
Tâm ý khinh tháo không dừng nghĩ
Giống như khúc cây trong nước xoáy
Không tu, bạn thân chẳng báo đền
Giống như da trắng đã bị nhuộm
Nếu muốn báo oán nên làm thiện

Không nên lấy ác để hủy hại.
Bạc trí báo oán bằng lòng Từ
Gánh vác đất trời và núi biển
Còn nhẹ hơn là tội bội ân.
Bình đẳng từ bi với tất cả
Đó chính là niềm vui đệ nhất
Giống như qua sông được an ổn
Từ bi bình đẳng, vui cũng thế
Chẳng hại bạn hiền niềm vui sướng
Diệt trừ kiêu mạn cũng là vui
Trong không đức hạnh, ngoài kiêu
căng
Vì không hiểu biết mới kiêu mạn
Ưa thích đấu tranh, gần bạn ác
Uy tín sút giảm, bị tiếng xấu
Mô côi, người già và kẻ bệnh
Mất điều phú quý, thân gây guộc
Bần cùng không của, mất ngôi vua
Khổ ách một mình biết cậy ai
Những thứ khổ ách ở trên đó
Không lòng thương xót, chẳng nhân từ
Dù đến nước khác chẳng bà con
Bị người chửi mắng, nhân là vui
Hay dừng các ác đấu tranh dứt
Thà ở nước ngoài, không người biết
Còn hơn trong nước bị khinh khi
Nếu ở ngoài nước được cung kính
Đều nhờ không sân với xóm giềng

Là thân quyến thuộc của nước mình.
Phú quý thế gian vui rất ít
Suy diệt khổ não lại rất nhiều
Nếu thấy chúng sinh đều thoái bước
Đâu phải do mình, im lặng vui
Oán địch hoành hành kẻ yếu hèn
Thân hữu đã ít khi nương cậy
Quán sát như vậy mặc nhiên vui.
Người phi pháp đã tham lại kết
Không tin, không thẹn, chẳng nghe lời
Vội kẻ ác ấy, lặng lẽ vui
Sân nhuế càng nhiều thêm tàn hại
Thích khiến chúng sinh nhiều khổ não
Vội kẻ như vậy, lặng lẽ vui.
Bất tín, cứng đầu thích tự cao
Bội nghịch, dối trá và mê hoặc
Vội kẻ như vậy, lặng lẽ vui.
Phá giới, hung ác, không nhân nhục
Thường làm phi pháp, không tín hành
Vội kẻ như vậy, lặng lẽ vui.
Thích vọng ngữ, không thẹn, hai lưỡi
Tà kiến, ác khẩu và thù diệt
Ngạo mạn, tự cao thêm chấp ngã
Hết sức xan tham và ganh ghét
Vội kẻ như vậy, lặng lẽ vui.
Nếu người xứ khác chẳng biết mình
Cũng không có tánh hạnh cá biệt
Không nên tự cao sinh kiêu mạn

Đi đến nước người mà dừng nghỉ
Áo cơm nhờ người chẳng tự do
Nếu bị mắng chửi nên nhẫn nhục.
Ở nhờ nước người, nhờ cơm áo
Nếu vì cơ nghiệp, muốn sung sướng
Cũng phải nhẫn nhục như ở trên,
Nếu ở nước người kiếm áo cơm
Cho đến bị nghèo hay khinh dể
Ai là kẻ trí nên nhẫn chịu.
Nếu ở nước người, gần bạn ác
Ở chung kẻ ngu, người hạ tiện
Bậc trí lánh mình như tránh lửa
Như gió lớn thổi vào đồng lửa
Làm cho núi rừng đều thiêu rụi
Sân giận như lửa đốt mình, người
Là sự hủy hoại độc ác nhất.
Kẻ trí diệt trừ lòng sân, dục
Nếu tu lòng từ, sân sẽ dứt
Chưa từng ở chung với người thiện
Mãi gần kẻ ác là người ngu
Không quán lỗi mình để trừ bỏ
Làm việc như trên đâu phải trí.
Nếu không ngu si, không hiện trí
Như chim gãy cánh chẳng bay được
Bậc trí không ngu cũng như vậy
Vì quá ngu si không trí tuệ
Không thể hiểu rõ bậc Trí lực
Bởi vì nghĩa này các hiền triết

Biết rộng, đa văn được an lạc
 Bậc trí ích dụng không tự cao
 Mất lợi không buồn, không ngu si
 Hiểu rõ nghĩa lý ấy thật thuyết
 Những điều họ nói là ngăn ác
 An lạc lợi ích nên tuyên thuyết
 Vì để hiểu rõ nên nói ra
 Bậc trí nghe xong không làm vội
 Tư duy chín chắn, nghiệm lẽ chân
 Rõ ràng nghĩa lý mới thực hành
 Ấy là tự lợi và lợi tha.
 Bậc trí rút cuộc chẳng vì thân
 Mà tạo ác nghiệp không đúng đạo
 Không vì khổ vui, trái chánh pháp
 Quyết chẳng vì mình, bỏ chánh hạnh.
 Bậc trí không tham, không ghét giận
 Cũng không độc ác không ngu si
 Nguy hại sắp đến không sợ sệt
 Trọn không vì lợi sàm tấu người
 Cũng không hung dữ, không khiếp
 nhược
 Lại không hạ liệt trong chánh xứ
 Các việc như vậy là bậc Trí.
 Oai mãnh người ghét, yếu người khinh
 Bỏ hết hai bên, ở trung hạnh
 Hoặc là im lặng như người câm
 Hoặc là nói năng như vua chúa
 Hoặc là lạnh lùng như tuyết băng

Hoặc là nóng cháy như lửa đốt
Hoặc hiện cao lớn như Tu-di
Hoặc hiện thấp bé như cỏ dại
Có khi hùng mạnh như vị vua
Có lúc lặng lẽ như giải thoát
Có khi nhân chịu khổ đói khát
Có khi kham nhẫn chuyện khổ vui
Xem các cửa báu như phân dơ
Tự tại điều phục các sân hận
Có khi an vui theo kỹ nhạc
Có khi sợ sệt như nai rừng
Có khi dũng mãnh như cọp sói
Quán thời, phi thời, lực, vô lực
Hay quán phú quý và suy diệt
Nhân không thể nhẫn là chân nhẫn
Nhân điều nên nhẫn là thường nhẫn
Với người yếu đuối cũng phải nhẫn
Phú quý cường thịnh cũng phải nhẫn
Không thể nhẫn, nhẫn được là nhẫn.
Kẻ đáng ghét giận, không ghét giận
Với kẻ sân hận, tâm thường tịnh
Thấy người làm ác mình không làm
Nhẫn kẻ hơn mình, nhẫn vì sợ
Nhẫn kẻ bằng mình sợ đấu tranh
Nhẫn người dưới mình là tròn nhẫn
Kẻ ngu chẳng nhẫn lời phỉ báng
Như hai cục đá ném vào mắt.
Chịu được chửi mắng, phỉ báng nặng

Bạc trí nhận lãnh như mưa hoa,
Nếu bị chửi mắng phỉ báng nặng
Bạc trí hay nhẫn nhờ mắt tuệ
Giống như mưa rơi trên đá lớn
Đá không tổn hoại chẳng tiêu diệt.
Lời ác, lời hay, việc khổ vui
Bạc trí hay nhẫn cũng như đá
Nếu vì sự thật thấy nhục mạ
Vị ấy nói thật chẳng phải sân?
Việc không thật mà bị mắng chửi
Tự họ khi dối như cuồng ngôn
Người trí thấu rõ nên chẳng sân
Nếu vì của báu và các lợi
Phải nhận khổ, vui, chửi, phỉ báng
Nếu ai chẳng vì tiền của quý
Dẫu được trăm ngàn các trân báu
Còn phải tránh mau như tránh ác
Cảnh cây bị chặt không nên vịn
Đã mất tâm người chẳng nên gán.
Kẻ theo ngoại đạo liền xa lánh
Dẫu đây bạn hữu ở trong đời
Trước kính, sau lờn, rồi khinh hủ
Cũng không cung kính, không khen
ngợi
Như con hạc trắng nhẹ bay đi
Bạc trí sớm lìa xa kẻ ngu
Ưa thích đấu tranh cùng nịnh hót
Ưa nhìn lỗi người, nói hai lưỡi

Vọng ngôn, ác khẩu và thù dật
Khinh chê hủy nhục mọi chúng sinh,
Lại nói lời đau thấu tim, xương
Chẳng giữ nghiệp từ thân miệng ý
Bậc trí xa lìa, ở nơi khác.
Người ác ganh tỵ chẳng tâm lành
Thấy người lợi lạc và danh tiếng
Tâm sinh nóng giận và đau khổ
Lời nói thì hay ý thâm độc
Bậc trí lánh xa, đến phương khác.
Người ưa ác dục, tham lợi dưỡng
Quanh co, chấp thủ, không xấu hổ
Trong không thanh tịnh, ngoài cũng
thế
Bậc trí liền xa, đến phương khác.
Nếu người khác không lòng cung kính
Kiêu mạn, làm điều sai giáo pháp
Tự cho là trí, thật ngu si
Người trí xa lìa, đến phương khác.
Nơi nào ăn uống, được ngoạ cụ
Và các y phục để sinh sống
Cần nên ủng hộ, nhớ ân người
Giống như mẹ hiền cứu con một.
Ái hay sinh trưởng mọi khổ đau
Trước phải đoạn ái rồi lìa sân
Vì nó đưa người đến đường ác
Tự cao, kiêu mạn cũng phải bỏ
Giàu sang làm bạn, nghèo tránh xa

Bạn bè như thế phải mau là
 Hoặc vì một nhà bỏ một người
 Hoặc vì một thôn bỏ một nhà
 Hoặc vì một nước bỏ một thôn
 Hoặc vì thân mình bỏ thiên hạ
 Hoặc vì chánh pháp bỏ thân mình
 Hoặc vì ngón tay bỏ của cải
 Hoặc vì thân mạng bỏ tứ chi
 Hoặc vì chánh pháp bỏ tất cả.
 Chánh pháp như dù hay che mưa
 Người tu hành pháp, pháp ủng hộ
 Nhờ hành pháp lực, dứt đường ác
 Như nóng mùa xuân được bóng mát,
 Người tu hành pháp cũng như vậy
 Cùng các hiền trí ở một nơi
 Được nhiều tài lợi không vui mừng
 Mất nhiều của báu chẳng âu lo
 Thường chẳng lo khổ, câu khát thực
 Mới là chân thật Đại trượng phu
 Giúp người của báu rất hoan hỷ
 Lỗi ác thế gian, sớm xa là
 An lập thân mình sâu như biển
 Gọi là Trượng phu đầy sức mạnh
 Nếu rõ nghĩa lý, mọi việc hay
 Vui sống cùng người tâm nhu nhuyễn
 Mọi người khen rằng Thiện trượng
 phu.
 Ưu-bà Đại Đạt nói như vậy:

Với anh nay tôi càng kính trọng
 Giả sử gặp khổ rất khôn cùng
 Trọn chẳng tái phạm nhiều điều ác
 Hoặc chết, hoặc sống được của cải
 Hoặc mất tài sản không tạo ác
 Nay anh nên biết tôi phụng sự
 Nguyên giữ gìn giới dù có chết
 Chớ không phạm giới mà được sống
 Có gì chỉ vì một đời này
 Mà lại buông lung tạo ác hạnh?
 Ở trong sống chết chớ buông lung
 Nếu trong sinh tử tạo bất thiện
 Gặp bạn bè ác làm điều sai
 Nhờ có bạn lành mới đoạn trừ.
 Phạt vào túc mạng trí rõ thông
 Dạy các Tỳ-kheo bài kệ này
 Lúc ấy Đại Đạt là thân Ta
 Ưu-bà Đại Đạt là A-nan
 Nên biết lúc đó Thuần Độ Tỳ
 Chính là thân Đề-bà-đạt-đa.
 Tỳ-kheo nên biết học như vậy
 Gọi là tóm thâu tất cả pháp
 Cẩn thận, rộng rãi, cung kính làm
 Các Tỳ-kheo Tăng tu pháp ấy.



30- CHUYỆN ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA MUỐN LÀM

ĐỨC PHẬT BỊ THƯƠNG

Thuở Đức Phật ở thành Xá-vệ, Ngài bảo với Đề-bà-đạt-đa:

– Người đừng nên sinh tâm tội lỗi đối với Đức Như Lai để phải gánh lấy sự tổn hại, sự bất an, tự thọ lấy khổ đau.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đa thường sinh tâm ác đối với Đức Như Lai. Nhưng Đức Thế Tôn vẫn mãi mãi Từ tâm, thương xót nói với ông ta những lời nhu hòa êm dịu.

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay mới vậy! Trong thời quá khứ ở thành Ba-la-nại, nước Ca-thi, có Đại long vương tên là Chiêm-bặc. Đại long vương thường đổ những trận mưa đúng thời, khiến cho lúa thóc dồi dào. Vào ngày mười bốn, ngày rằm Long vương hóa thành hình người, thọ trì năm giới, bố thí nghe pháp.

Bấy giờ ở phía Nam nước Thiên trúc có một vị chú thuật sư đến, cầm cung tên, kiết chú, bắt Long vương Chiêm-bặc.

Khi ấy Thiên thần bảo vua Ca-thi:

– Có một chú thuật sư bắt Long vương Chiêm-bặc mang đi khỏi nước Ca-thi.

Nhà vua liền xuất quân rượt theo chú thuật sư,

nhưng Bà-la-môn này lại kiết chú khiến cho quân đội của nhà vua đều chẳng thể cử động. Nhà vua bỏ ra một số tiền bạc của cải rất nhiều để chuộc lại Long vương.

Lần thứ hai, Bà-la-môn này lại đến dùng chú thuật để bắt Long vương. Các rồng quyền thuộc của Long vương nổi mây, đổ mưa và sấm sét dữ dội muốn giết chết Bà-la-môn này. Long vương vì lòng Từ nói với các rồng: “Chớ hại mạng ông ta. Rồi Long vương dùng lời hay đẹp để ủy dụ, khiến cho ông ta bỏ đi.”

Lần thứ ba, ông ta lại trở lại. Bây giờ các rồng liền muốn giết chết. Long vương lại ngăn chặn, che chở không cho họ giết, liền thả cho đi.

Long vương lúc đó chính là thân Ta, chú thuật sư lúc đó là Đề-bà-đạt-đa. Lúc Ta làm rồng, còn hay dùng Từ tâm luôn luôn cứu tế ông ta, huống chi hôm nay mà không thương xót ông ta sao?



31- CHUYỆN CHIM CỘNG MẠNG

Lúc Đức Phật ở thành Vương xá, các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đa là em của Đức Như Lai, tại sao ông ta lại thường muốn oán hại Đức Phật?

Đức Phật nói:

– Không phải chỉ ngày hôm nay mới thế, mà ngày xưa ở trong núi Tuyết cũng đã có một con chim tên là Cộng mạng, nó có một cái thân mà đến hai cái đầu. Một đầu thường ăn quả ngon để thân được an ổn, còn một đầu thì sinh tâm ganh ghét mà nói như vậy: “Tại sao cái đầu kia thường ăn những quả ngon mà ta không có, nó liền lấy quả độc ăn vào, để làm cho hai cái đầu cùng chết.”

Các người có biết chẳng? Cái đầu con chim ăn quả ngọt lúc ấy thì chính là thân của Ta. Còn cái đầu ăn quả độc lúc đó chính là Đề-bà-đạt-đa vậy.

Ngày xưa cùng một thân với Ta, nhưng do sinh tâm ác, nên ngày nay làm em Ta cũng là như thế.



32- CHUYỆN BẠCH NGÀ VƯƠNG

Đức Phật ở tại thành Vương xá, Đề-bà-đạt-đa xô núi đề Phật, thả con voi Hộ tài muốn giẫm đạp Đức Phật, tiếng ác lan khắp.

Đề-bà-đạt-đa ở trước mọi người, hướng về Đức Phật để sám hối, hôn chân Đức Phật; khi không có mọi người, ông lại dùng lời ác mắng Đức Phật.

Mọi người đều nói:

– Đề-bà-đạt-đa hướng về Đức Phật sám hối, tâm ông ta hết sức điều thuận, có sao tiếng ác của ông ta lan khắp?

Chư Tỳ-kheo đáp:

– Đức Thế Tôn thật là hy hữu! Đề-bà-đạt-đa là con người xảo trá, tà ngụy, lúc ở trước mọi người thì ông làm ra vẻ điều thuận với Đức Phật, nhưng lúc ở chỗ vắng vẻ ông dùng ác tâm mắng Đức Phật.

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có hôm nay mới vậy! Vào thời quá khứ, trong một ao sen, có nhiều chim nước sống ở trong đó.

Bấy giờ có con chim hạc ở trong ao, chậm chậm cất bước. Các con chim khác đều nói:

– Con chim này đi thật khéo, oai nghi chừng chạc, không làm hại tánh nước.

Lúc ấy có con ngỗng trắng nói bài kệ:

*Bước chân đi từ từ
Âm thanh rất êm ái,
Lừa dối thế gian này,
Ai không biết siểm ngụy?*

Con chim hạc nói:

– Sao ngươi lại nói như vậy? Hãy đến thân thiện với ta?

Con ngỗng trắng đáp:

– Ta biết sự xảo trá, tà ngụy của ngươi, dứt khoát không thể thân thiện với ngươi được.

Các vị có biết không? Con ngỗng trắng lúc đó thì chính là thân Ta, còn con chim hạc lúc đó chính là Đề-bà-đạt-đa.



33- CHUYỆN CON RỪA LỚN

Đức Phật ở thành Vương xá, Đề-bà-đạt-đa thường ôm lòng độc ác muốn hại Đức Thế Tôn, mới thuê năm trăm Bà-la-môn rất giỏi cung tên, bảo họ mang cung tên đến chỗ Đức Thế Tôn, giương cung bắn Phật. Những mũi tên họ bắn Đức Thế Tôn bỗng hóa thành những bông hoa: Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, Ba-đầu-la, Ưu-bạt-la. Năm trăm Bà-la-môn thấy sự thần biến này đều hết sức sợ hãi. Bọn họ liền bỏ cung tên xuống, đánh lễ Đức Phật, cầu xin xám hối, xong ngồi qua một bên. Đức Phật thuyết pháp cho họ nghe, nên tất cả đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Họ lại bạch Đức Phật:

– Cúi xin Đức Phật cho chúng con được xuất gia học đạo

Đức Phật nói:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Lúc đó năm trăm Bà-la-môn râu tóc tự rụng, mình mặc pháp phục, Đức Phật lại thuyết pháp nữa, làm cho tất cả đều đắc quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Thần lực của Đức Phật hết sức hy hữu. Đề-bà-đạt-đa thường muốn hại Đức Phật, nhưng Đức Phật vẫn luôn luôn sinh lòng Đại từ với ông ta.

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay thôi đâu! Vào

thời quá khứ, ở tại nước Ba-la-nại, có một thương chủ tên là Bất Thức Ân cùng với năm trăm khách buôn vào biển để tìm kho báu.

Khi được ngọc báu họ trở về, ngang qua dòng nước xoáy, gặp Thủy La-sát nắm giữ thuyền lại khiến không thể đi tới được. Tất cả thương nhân hết sức hoảng sợ, đều cùng nhau xướng lên:

– Thiên thần, Địa thần, mặt trời mặt trăng, các thần ai có thể từ mẫn cứu vớt chúng con thoát khỏi ách nạn?

Lúc ấy có một con rùa lớn, lưng của nó rộng đến một dặm, sinh lòng Từ mẫn, đi đến chỗ chiếc thuyền, chờ hết mọi người đưa lên bờ. Khi ấy, con rùa hơi buồn ngủ, ông Bất Thức Ân muốn lấy đá lớn đập lên đầu rùa để giết nó. Các thương nhân nói:

– Chúng ta mong nhờ rùa cứu mạng mà được sống, giết nó là điều không lành, là thứ vô ân.

Bất Thức Ân nói:

– Ta đang đói dữ dội, không cần thiết ân nghĩa gì cả.

Nói xong, liền giết để ăn thịt. Ngay trong đêm đó có một bầy voi lớn đến đạp chết hết mọi người.

Con rùa lớn lúc đó chính là thân Ta, Bất Thức Ân lúc đó chính là Đề-bà-đạt-đa. Còn năm trăm thương nhân lúc đó chính là năm trăm Bà-la-môn xuất gia được đắc đạo.

Ngày xưa Ta cứu họ thoát khỏi tai nạn, ngày nay Ta lại nhờ sạch gốc cái họa sinh tử cho họ.



34- CHUYỆN HAI PHỤ TƯỚNG SÀM TÁU

Đức Phật ở tại thành Vương xá. Đề-bà-đạt-đa tạo đủ nhân duyên để giết hại Phật, nhưng không thể được. Bấy giờ, ở nước Nam Thiên trúc, có một Bà-la-môn rất rành nghề chú thuật, chế biến thuốc độc đi đến.

Đề-bà-đạt-đa đi đến chỗ Bà-la-môn ấy lấy được thuốc độc đem rắc lên chỗ Đức Phật. Nhưng gió thổi thuốc này bay ngược lên đầu Đề-bà-đạt-đa, nên ông liền bị bất tỉnh, ngã nhào xuống đất, sắp chết, thuốc men không thể cứu chữa được.

Tôn giả A-nan bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đa bị nhiễm độc sắp chết. Cúi mong Đức Phật thương xót.

Đức Phật nói lời chân thật:

– Từ lúc Ta ở địa vị Bồ-tát cho đến khi Ta thành Phật, thì cũng vì Đề-bà-đạt-đa mà Ta thường sinh tâm Từ bi, không có tâm ác hại, chất độc trong người Đề-bà-đạt-đa sẽ tự tiêu diệt.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đa thường khởi ác tâm đối với Đức Như Lai. Tại sao Đức Như Lai vẫn làm cho ông ta được sống?

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày nay Đề-bà-đạt-đa mới có tâm ác đối với Ta, nhưng ở thời quá khứ cũng vậy.

Chúng Tăng liền hỏi Đức Phật:

– Thời quá khứ y đã dùng ác tâm đối với Đức Phật như thế nào?

Đức Phật nói:

– Ở thời quá khứ, trong nước Ca-thi, thành Ba-la-nại, có hai phụ tướng, một người tên là Tư-na, một người tên là Ác Ý. Tư-na thường thuận theo pháp lành, còn Ác Ý thường làm việc ác, ưa thích gièm pha.

Ác Ý tâu với vua:

– Tư-na muốn làm việc phản nghịch.

Nhà vua liền bắt Tư-na bỏ vào tù.

Lúc ấy chư Thiên, Thiện thần ở trên không trung phát ra âm thanh nói:

– Người hiền như vậy, thật chẳng có tội gì, tại sao lại bị bắt trói?

Lúc đó các loài rồng cũng nói lời ấy, quần thần nhân dân cũng nói lời như vậy. Nhà vua liền thả Tư-na ra.

Lần thứ hai, Ác Ý cướp kho tàng của vua, đem đồ cướp được bỏ vào nhà của Tư-na để vu khống. Nhưng nhà vua cũng không tin và nói với Ác Ý:

– Người ghen ghét Tư-na mới làm việc ngang

ngược như vậy. Nhà vua ra lệnh bắt Ác Ý giao cho Tư-na để xử đoán. Tư-na liền dạy cho Ác Ý tới vua để xin sám hối. Ác Ý tự biết mình có tội, liền chạy đến chỗ vua Tỳ-đề-hê làm một cái hộp báu chứa hai con rắn độc, hễ ai nhìn thấy nó liền bị nhiễm độc. Ác Ý bảo vua Tỳ-đề-hê sai sứ đem dâng cho quốc vương nước đối diện để quốc vương và Tư-na, hai người cùng xem, đừng giao cho ai khác.

Nhà vua thấy hộp báu, trang sức quá đẹp, trong lòng hết sức hoan hỷ, liền bảo Tư-na cùng mở ra để xem.

Tư-na tâu vua:

– Hãy tránh xa vật này, chớ nên tự xem. Hãy tránh xa đồ ăn này, không được ăn vào. Vì sao vậy? Cái đó, hoặc của người ác, hoặc có thể do người ác đem đến, hễ thấy là bị thương tổn.

Nhà vua nói:

– Ta rất muốn xem.

Tư-na ân cần can gián ba lần, nhưng nhà vua vẫn không nghe, nên lại tâu với vua:

– Nếu nhà vua không nghe lời của thần, vậy xin vua cứ tự xem, chứ thần thì không thể xem.

Nhà vua liền mở hộp ra xem, thì bị mù cả hai mắt, chẳng thấy vật gì cả.

Tư-na đau khổ, sầu muộn gần chết, mới bảo người đi bốn phương, qua khắp các nước xa xôi, tìm kiếm thuốc hay. Khi họ đã tìm kiếm thuốc hay

đem về chữa trị mắt cho vua, thì hai mắt vua được bình phục lại như trước.

Nhà vua lúc đó chính là Xá-lợi-phất. Tư-na lúc ấy chính là thân Ta, còn Ác Ý lúc ấy chính là Đề-bà-đạt-đa.



35. CHUYỆN SƠN KÊ VƯƠNG

Đức Phật ở tại thành Vương xá, Đề-bà-đạt-đa đi đến chỗ Đức Phật nói:

– Ngày nay Như Lai nên ở chỗ nhàn tịnh, hãy đem đại chúng này phó chúc cho tôi.

Đức Phật nói:

– Thôi đi, kẻ mê làm đáng chê trách. Đối với Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên mà ta còn chưa đem đại chúng phó chúc cho họ, có sao lại phó chúc cho người!

Đề-bà-đạt-đa tức giận mắng nhiếc rồi bỏ đi.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đa muốn làm cho Đức Phật bị đủ thứ khổ não, lại còn đặt bày nhiều phương tiện để lừa dối Đức Như Lai.

Đức Phật dạy:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay y mới vậy!

Ở đời quá khứ, bên núi Tuyết, có con Sơn kê vương, có rất nhiều gà theo hầu. Mào của gà rất

đỏ, thân thể trắng toát, nó bảo các con gà khác:

– Các người hãy xa lìa thành ấp tụ lạc, đừng để nhân dân ăn thịt. Chúng ta có rất nhiều kẻ thù oán, ganh ghét. Hãy khéo tự cẩn thận giữ mình.

Bấy giờ trong tụ lạc có một con mèo, nghe ở chỗ đó có gà, nó liền chạy đến, ở dưới một gốc cây, đi từ từ, nhìn xuống đất, nói với gà:

– Tôi là vợ anh, anh là chồng tôi. Thân hình của anh đoan chánh khả ái, trên đầu của anh có cái mũ đỏ, thân anh trắng tinh. Chúng ta hãy giúp đỡ nhau để được an ổn khoái lạc.

Con gà liền nói bài kệ:

*Mèo con, mắt vàng, vật nhỏ ngu
Gặp nhau, nào hại, muốn ăn thịt
Không thấy con nào như vợ này
Mà được thọ mạng an ổn cả!*

Con gà lúc ấy là thân Ta, còn con mèo nay là Đề-bà-đạt-đa. Ngày xưa trong thời quá khứ muốn dụ dỗ, lừa dối Ta, ngày nay cũng lại muốn dụ dỗ lừa dối Ta nữa.



36. CHUYỆN CHIM CÁT LỢI

Thuở Đức Phật ở tại thành Vương xá, bấy giờ Đề-bà-đạt-đa suy nghĩ: “Đức Phật có năm trăm quý thần áo xanh thường luôn luôn hầu hạ, bảo vệ. Đức Phật có trăm ngàn đại lực sĩ, không ai bì kịp, nay

ta không thể hại vị ấy được, nên ta trở lại phụng sự xem xét chỗ yếu kém của vị ấy rồi mới có thể làm thương hại, mới có thể giết chết được.”

Nghĩ như vậy rồi ông mới đến trong đại chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hướng về Đức Phật cầu xin sám hối và có suy nghĩ rằng: “Nếu nhận sự sám hối của ta thì sẽ có phương tiện, còn nếu không cho ta sám hối, ta sẽ làm cho tiếng xấu của Như Lai lan tràn khắp nơi.” Ông liền bạch Đức Phật:

– Thưa Thế Tôn, Ngài hãy cho tôi xin sám hối. Tôi muốn ở chỗ nhàn tịnh để tự tu tâm mình.

Đức Phật nói:

– Pháp vốn không lừa dối, những người lừa dối thì không có pháp.

Lục sư ngoại đạo đều nói:

– Đề-bà-đạt-đa có lòng tốt hướng về Phật sám hối, nhưng Đức Phật không nhận sự sám hối của ông.

Các Tỳ-kheo nói:

– Đề-bà-đạt-đa quanh co, dối láo đối với Đức Phật.

Nhưng Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày nay mới vậy, mà ở thời quá khứ lâu xa, ở nước Ba-la-nại, có một vị vua tên là Phạm-ma-đạt, ban hành lệnh không sát sinh, bấy giờ có một người thợ săn, mặc y phục Tiên nhân,

giết hại các con nai, con chim, nhưng không ai biết.

Lúc ấy có con chim Cát lợi nói với mọi người:

– Con người đại ác này, tuy mặc đồ của Tiên nhân, nhưng chính là người thợ săn, thường hay giết hại chúng ta mà không ai biết.

Mọi người đều tin lời nói chân thật của chim Cát lợi.

Chim Cát lợi lúc đó chính là thân Ta, gã thợ săn lúc ấy là Đề-bà-đạt-đa, còn nhà vua nay là Xá-lợi-phất.



37- CHUYỆN VỊ TIÊN GIÀ

Đức Phật ở tại thành Vương xá. Bấy giờ vua A-xà-thế mỗi ngày hiến cúng cho Đề-bà-đạt-đa năm trăm nôi cơm và được rất nhiều lợi dưỡng.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Thế Tôn:

– Vua A-xà-thế mỗi ngày hiến cúng cho Đề-bà-đạt-đa năm trăm nôi cơm.

Đức Phật nói:

– Nay các Tỳ-kheo, chớ ưa thích sự được nhiều lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa.

Ngài liền nói bài kệ:

*Chuối sinh trái cây khô,
Lau, tre cũng như vậy
Lừa mang thai thì chết*

*Con la cũng như thế
Kẻ ngu tham lợi dưỡng
Bị người trí cười chê.*

Đức Phật nói bài kệ rồi, bảo các Tỳ-kheo:

– Đề-bà-đạt-đa đâu phải chỉ có ngày hôm nay mới bị lợi dưỡng làm hại, bài báng, chê bai Ta, mà ở trong quá khứ cũng vậy.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Câu chuyện của quá khứ như thế nào?

Đức Phật nói:

– Ngày xưa, ở nước Ba-la-nại, trong núi Tiên, có hai vị Tiên, một người thì già đã đắc được năm thần thông, còn một người thì trẻ, hoàn toàn chẳng chứng đắc gì cả.

Bấy giờ vị Tiên nhân già liền dùng thần lực bay đến xứ Uất-đơn-việt lấy lúa thơm chín đem về ăn chung; lại đến cội Diêm-phù thọ lấy quả Diêm-phù-đề về ăn chung; lại đến cung trời Đao-lợi lấy thức ăn trời Thiên tu đà vị về ăn chung. Vị Tiên trẻ thấy vậy, trong tâm rất ngưỡng mộ cho là hy hữu, mới nói với vị Tiên già:

– Mong ngài truyền dạy cho tôi năm phép thần thông.

Vị Tiên già đáp:

– Nếu có tâm tốt khi được năm thứ thần thông thì chắc chắn có lợi ích, còn nếu không có lòng tốt thì ngược lại sẽ bị ác hại.

Song vị Tiên trẻ vẫn ân cần cầu thỉnh mong được thọ giáo.

Bấy giờ vị Tiên già liền dạy cho vị Tiên trẻ năm phép thần thông và vị ấy liền chứng được. Khi đã chứng được năm phép thần thông vị ấy ở trước đại chúng hiện các thứ thần túc. Từ đó về sau được nhiều danh xưng và lợi dưỡng. Đối với vị Tiên già thì vị ấy lại sinh tâm ghen ghét, phỉ báng cùng khắp. Do đó, nên liền bị mất hết thần túc.

Mọi người nghe việc ấy, cùng nhau nói:

– Vị Tiên nhân già là bậc Tôn túc đức độ, mà Tiên nhân trẻ này sinh lòng ngang ngược, hủy báng.

Vì vậy, họ tức giận vị Tiên trẻ, ngăn chặn trước cửa thành không cho vào, cho nên vị Tiên trẻ bị mất hết lợi dưỡng.

Nếu muốn biết vị Tiên nhân già lúc đó là ai? Thì đó chính là thân của Ta. Còn vị Tiên trẻ lúc ấy chính là Đề-bà-đạt-đa.



38- CHUYỆN HAI KHÁCH BUÔN

Đức Phật ở thành Vương xá, thuở bấy giờ các Tỳ-kheo nhờ làm theo lời Phật dạy nên đều được Niết-bàn, được Thiên đạo, Nhân đạo. Vì nghe theo lời của Đề-bà-đạt-đa cho nên đều bị rơi xuống địa ngục, lãnh thọ sự khổ não dữ dội.

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày nay ai nghe theo lời dạy của Ta thì được lợi ích lớn. Còn ai nghe theo lời Đề-bà-đạt-đa thì bị khổ não lớn lao.

Ngày xưa cũng vậy, ở thời quá khứ có hai khách buôn cùng dẫn theo năm trăm thương nhân đi vào nơi đồng không mông quạnh. Nơi ấy có con quỷ Dạ-xoa hóa làm một thiếu niên mặc y phục đẹp, đầu đội vòng hoa, đánh đàn cầm mà đi, nói với khách buôn:

– Không nên mang nước cỏ này theo làm gì cho mệt, chẳng có dùng vào việc gì. Ở gần phía trước kia có nước trong cỏ tốt, cứ đi theo ta, ta sẽ chỉ đường cho.

Một người chủ khách buôn nghe theo lời ấy nên nói:

– Nay chúng ta nên vớt hết nước cỏ chở trên xe đi, để cho xe nhẹ, rồi đi tới trước.

Còn chủ khách buôn kia thì nói:

– Nay chúng ta chưa thấy cỏ nước gì cả, cần thận chớ bỏ chúng đi.

Đoàn buôn phía trước vì vắt hết cỏ nước nên bị chết khát, còn đoàn người nhờ không vắt cỏ nước, nên đi đến đích.

Người không vớt bỏ cỏ nước ấy chính là thân của Ta, còn người vớt bỏ cỏ nước ấy chính là Đề-bà-đạt-đa.



39- CHUYỆN TÁM VỊ TRỜI LẦN LƯỢT HỘI PHÁP

Ngày xưa Đức Phật còn tại thế, vào lúc nửa đêm, có tám vị trời lần lượt đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Vị trời đến đầu tiên có dung mạo đoan chánh, hào quang chiếu sáng cả một dặm, có mười Thiên nữ làm quyến thuộc, đi đến chỗ Đức Phật, chí tâm đánh lễ, đứng qua một bên. Đức Phật bảo vị trời ấy:

– Người nhờ tu phước nên được thọ thân trời, tự hưởng thú vui ngũ dục, sung sướng an lạc chẳng?

Bấy giờ vị trời ấy thưa với Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, con tuy sinh ở trên trời, nhưng tâm con luôn luôn sầu khổ. Vì sao vậy? Vì đời trước của con tu hành đối với vua, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, tuy có trung hiếu và cung kính, nhưng lúc đó lại không thường ân cần, cung kính lễ bái, nghênh đón, tiễn đưa. Do duyên nghiệp đó, nên được quả báo quá ít ỏi, không như các vị trời khác. Vì không giống họ, nên tự trách mình tu hành không được đầy đủ.

Lại có một vị trời, dung mạo, thân hình rực rỡ, cùng với quyến thuộc, hơn vị trời trước đến mười phần, đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lay dưới chân

Đức Phật, xong đứng qua một bên. Đức Phật bảo vị trời:

– Người sinh ở trên trời, được sung sướng an lạc chăng?

Vị trời ấy bạch với Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, tuy con sinh ở trên trời, nhưng cũng thường bị ưu khổ. Vì sao vậy? Vì đời trước của con, lúc tu hành tuy đối với vua, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, có tâm trung hiếu, cung kính lễ bái, nhưng lại không hay cúng thí sàng tọa, cũng không hay trải tọa cụ êm ấm mời ngồi. Do nghiệp duyên đó, nên nay được quả báo, không giống các vị trời khác. Vì không giống các vị trời khác, nên cứ tự trách mình lúc tu nhân không được đầy đủ.

Lại có một vị trời, dung mạo sáng rạng, cùng với quyến thuộc, hơn vị trời trước gần mười phần, đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lay dưới chân Đức Phật, xong đứng qua một bên.

Đức Phật hỏi vị trời ấy:

– Người thọ thân trời được vui vẻ, an lạc chăng?

Vị trời bạch Đức Phật:

– Con tuy được sinh ở cung trời, nhưng thường ôm lòng sầu não. Vì sao vậy? Vì thân đời trước của con tuy có làm việc tốt đối với vua, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, có tâm trung hiếu,

cung kính lễ bái có cúng dường giường nằm nhưng đối với những vị ấy, lại không rộng bày các món ăn, đồ uống, thượng vị để cúng dường. Do nhân duyên đó, nên nay được quả báo không bằng các vị trời khác. Vì không bằng những vị ấy, nên trong lòng hối hận, trách mình lúc tu nhân không được đầy đủ cho nên ưu não.

Lại có một vị trời, dung mạo sáng ngời cùng với quyến thuộc, hơn vị trời trước gấp mười phần, đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy dưới chân Đức Phật rồi đứng qua một bên.

Đức Phật hỏi vị trời ấy:

– Người thọ thân trời được vui vẻ, an lạc chăng?

Vị trời bạch Đức Phật:

– Tuy con sinh ở trên trời, nhưng trong tâm thường sầu não. Vì sao vậy? Vì ở thời quá khứ, con tuy đối với vua, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, có tâm trung hiếu, cung kính lễ bái, cũng có cúng dường cho những vị ấy tọa cụ và đồ ăn uống, nhưng con không chịu nghe pháp. Do nhân duyên đó nay được quả báo không bằng các vị trời khác. Vì không bằng các vị trời khác nên thường tự nghiêm khắc trách mình lúc tu nhân không được đầy đủ, cho nên mới ưu não.

Lại có một vị trời, thân sắc rạng ngời, cùng với quyến thuộc, mười phần hơn vị trời trước, đến chỗ

Đức Phật đầu mặt lạy sát chân Ngài, rồi đứng qua một bên.

Đức Phật hỏi vị trời ấy:

– Người thọ thân trời được vui thích, an lạc chăng?

Vị trời bạch Đức Phật:

– Con tuy sinh ở trời, nhưng tâm thường sầu não. Vì sao vậy? Vì đời trước của con, tuy đối với vua, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn hay có lòng trung hiếu, cung kính lễ bái, trải tòa mời ngồi, cúng đồ ăn uống, tuy có nghe pháp, nhưng không hiểu nghĩa. Vì không hiểu nghĩa, nên nay được quả báo không bằng các trời khác. Vì không bằng các trời khác, nên tâm thường hối hận, trách mình lúc tu nhân không được đầy đủ, cho nên sầu não.

Lại có một vị trời, thân sắc chói sáng, cùng với quyến thuộc, mười phần hơn vị trời trước, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy dưới chân Ngài, rồi đứng qua một bên.

Đức Phật hỏi vị trời ấy:

– Người thọ thân trời được vui thích, an lạc chứ?

Vị trời bạch Đức Phật:

– Con tuy sinh ở trên trời, nhưng tâm thường sầu não. Vì sao vậy? Vì đời trước của con lúc tu hành, tuy đối với vua, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, có lòng trung hiếu, cung kính, lễ bái

trải tọa cụ, cúng đồ ẩm thực, mặc dù có nghe pháp, có hiểu nghĩa, nhưng không đủ khả năng như lời dạy mà tu hành. Do nghiệp duyên ấy, nên nay được quả báo không bằng các trời khác. Vì không bằng các trời khác, nên hết sức hối hận, trách cứ mình lúc tu nhân không được đầy đủ, cho nên sầu não.

Lại có một vị trời dung mạo sáng rạng, cùng với quyến thuộc, mười phần hơn vị trời trước, đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy dưới chân Ngài, rồi đứng qua một bên:

Đức Phật hỏi vị trời ấy:

– Người thọ thân trời, được vui thích an lạc chăng?

Vị trời bạch Đức Phật:

– Ngày hôm nay con được sinh ở cung trời, tự vui sướng với ngũ dục, hề cần vật gì thì nghĩ đến liền có, hết sức khoái lạc, không có các khổ não. Vì sao vậy? Vì đời trước của con, lúc tu nhân, đối với vua, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, có lòng trung hiếu, cung kính lễ bái, trải tọa cụ, mời ẩm thực, nghe pháp có thể hiểu được ý nghĩa, như lời dạy mà tu hành. Do nhân duyên ấy, thọ quả báo của trời, thân hình đoan chánh, hào quang đẹp đẽ khác thường, quyến thuộc đông đúc, hơn các trời khác. Nhờ tu hạnh này nên được quả báo đầy đủ, nhờ đầy đủ nên được quả báo tối thắng. Nhờ được quả báo tối thắng cho nên tất cả các vị trời không

ai bì kịp, vì không ai bì kịp cho nên tâm con hết sức an lạc.



KINH TẠP BẢO TẠNG

QUYỂN 4

Gồm mười một chuyện:

40. Chuyện người nghèo cúng bánh bằng bột lúa tiêu mạch hiện tại được quả báo.

41. Chuyện cô gái nghèo cúng hai đồng tiền liền được quả báo.

42. Chuyện người họa sĩ tên Kế-na ở nước Can-đà-vệ cúng dường trai phạn được quả báo.

43. Chuyện hai vợ chồng Kế-di-la tự bán mình để thiết hội, hiện tại được quả báo.

44. Chuyện Sa-di cứu bảy kiến khỏi bị nước trôi nên được sống lâu.

45. Chuyện vua nước Càn-đà-vệ nhờ sửa chùa tháp cũ được sống lâu.

46. Chuyện Tỳ-kheo tu bỏ lỗ hổng vách chùa được sống lâu.

47. Chuyện con của trưởng giả thấy Phật cầu được trường thọ.

48. Chuyện con của trưởng giả làm thuê thiết hội được hiện báo.

49. Chuyện Phất-na cúng Phật một bát cơm được hiện báo.

50. Chuyện Đại Ái Đạo cúng Đức Phật y bằng vàng và người thợ xâu ngọc.



40- CHUYỆN NGƯỜI NGHÈO CÚNG BÁNH BẰNG BỘT LÚA TIỂU MẠCH HIỆN TẠI ĐƯỢC QUẢ BÁO

Ngày xưa có một người, nhà rất nghèo, đi ở cho người ta kiếm được sáu thăng tiểu mạch mang về nhà để nuôi vợ con. Khi đến giữa đường gặp một Đạo nhân ôm bát chống gậy đi xin ăn, người ấy liền nghĩ: “Vị Sa-môn kia hình mạo đoan nghiêm, oai nghi chững chạc, rất đáng cung kính. Nếu mình cúng cho vị ấy một ít đồ ăn, há chẳng vui sao?”

Bấy giờ Đạo nhân biết tâm niệm của người ấy, liền đi theo anh đến gần bờ sông, người nghèo kia liền nói với Đạo nhân:

Nay tôi có bột lúa mạch, ý muốn cúng cho ngài, vậy ngài có dùng chăng?

Đạo nhân đáp:

– Được vậy là tốt.

Người nghèo kia liền đến bên bờ sông, trải áo ra mời Đạo nhân ngồi, rồi anh ta lấy nước hòa một thăng bột lúa mạch làm thành một tấm bánh cúng cho Đạo nhân. Anh suy nghĩ: “Nếu Đạo nhân này

là người thanh tịnh nghiêm trì giới luật, đặc đạo, hãy khiến cho ta làm vua một nước nhỏ.”

Khi Đạo nhân được bột lúa mạch, nói với người nghèo ấy:

– Sao lấy quá ít, sao lấy quá ít?

Người nghèo cho rằng Đạo nhân này ăn nhiều, anh ta lại hòa thêm một thăng nữa, nhồi thành một tấm bánh, cúng dường rồi nguyện: “Nếu vị Đạo nhân này là người trì giới thanh tịnh, đặc đạo hãy khiến cho tôi làm vua hai nước nhỏ.”

Đạo nhân lại nói:

– Sao lấy quá ít, sao lấy quá ít?

Người nghèo kia lại nghĩ:

– Đạo nhân này in tuồng như người ăn nhiều, ta đã cho lúa mạch như mong ước, nhưng vẫn chê là ít, dù sao, ta đã mời ngài thì phải cung cấp đầy đủ.

Anh ta lại hòa hai thăng bột tiểu mạch, nhồi thành một tấm bánh, rồi đem cúng dường, anh lại nghĩ:

– Nếu Đạo nhân này là người trì giới thanh tịnh, đặc đạo, hãy khiến cho tôi hiện tại được làm vua, thống lãnh bốn tiểu quốc.

Đạo nhân lại nói:

– Sao lấy quá ít, sao lấy quá ít?

Người nghèo ấy còn lại hai thăng, đem hòa hết với nước, nhồi thành một tấm bánh đem dâng cho

Đạo nhân, lại mong ước:

– Nay Đạo nhân này, nếu là người trì giới thanh tịnh hãy làm cho tôi được làm vua nước Ba-la-nại, thống lãnh bốn nước nhỏ, được thấy chân lý của đạo.

Đạo nhân khi đã được toàn bộ bột tiểu mạch rồi, vẫn chê là quá ít. Người nghèo ấy thưa:

Xin ngài hãy ăn đi, nếu như không đủ, tôi sẽ cời y phục đổi lấy đồ ẩm thực để dâng cho ngài.

Đạo nhân liền ăn hết một thúng, còn dư trả lại cho chủ. Người nghèo ấy hỏi:

– Tôn giả trước đây chê là bột tiểu mạch quá ít, tại sao bây giờ lại ăn không hết?

Đạo nhân đáp:

– Ban đầu lúc người cho ta một tấm bánh bột tiểu mạch, người cầu làm vua một nước nhỏ, cho nên ta nói: “Tâm nguyện của người ít quá.” Lần thứ hai người cho ta một tấm bánh bột nữa, nguyện được làm vua hai nước nhỏ, cho nên ta nói: “Sự mong ước của người quá ít.” Lần thứ ba người lại dâng cho ta một tấm bánh bột, mong được làm vua bốn nước nhỏ, cho nên ta nói: “Tâm nguyện của người quá ít.” Lần thứ tư người dâng cho ta một tấm bánh bột mong cầu được làm vua nước Ba-la-nại, thống lãnh bốn tiểu quốc, sau đó được thấy chân lý chứng đạo quả, cho nên ta nói: “Sự mong ước của người quá ít.” Vì ta không chấp nhận sự

mong ước ít ỏi như thế cho nên chê là quá ít.

Bấy giờ người nghèo ấy tự sinh nghĩ, nghĩ: “Hãy khiến cho tôi hiện tại được làm vua của năm nước, việc này không phải nhỏ, sợ không thật chăng?” Anh lại suy nghĩ: “Vị ấy biết được tâm niệm của ta chắc là bậc Thánh nhân, là bậc Đại phước điền, đâu có thể nào lừa ta.”

Đạo nhân biết vậy liền ném bát lên hư không, sau đó bay lên theo, hóa thân to lớn trùm khắp hư không, lại hóa thân nhỏ như một hạt bụi, dùng một thân hóa thành vô lượng thân, dùng vô lượng thân hợp thành một thân, trên thân phun nước, dưới thân phun lửa, đi dưới nước như đi trên đất, đi trên đất cũng như trên nước, làm mười tám phép biến hóa, rồi nói với người nghèo:

– Hãy khéo phát nguyện lớn, đừng có nghĩ suy nghi hoặc nữa!

Nói xong vị ấy liền ẩn thân đi mất. Bấy giờ người nghèo này đi về phía thành Ba-la-nại, mới được giữa đường thì thấy vị phụ tướng, vị phụ tướng thấy anh ta rồi, nhìn kỹ hình tướng của anh, nói:

– Người có phải tên này họ này không?

Đáp:

– Thưa đúng vậy.

Hỏi:

– Sao lại rách rưới tả tơi như vậy?

Đáp:

– Lúc nhỏ không nơi nương tựa, nhà cửa khánh tận, không ai giúp đỡ, cho nên mới khốn khổ lam lũ như vậy.

Vị phụ tướng liền tâu với vua Ba-la-nại:

– Đứa con thân yêu của ngài tên đó, họ đó, hiện nay đang ở ngoài cửa, hết sức nghèo khổ tiều tụy.

Vua liền ra lệnh:

– Hãy dẫn nó vào.

Nhà vua hỏi anh ta những việc riêng tư thì biết đó là người thân của mình, liền bảo:

– Người hãy ở gần ta, cẩn thận đừng đi xa.

Sau bảy ngày, nhà vua bị bệnh rồi chết, các quần thần bàn với nhau: “Nhà vua không có người kế tự, chỉ có người cùng tử này là chỗ thân thích của nhà vua, vậy chúng ta nên suy tôn anh ta làm vua nước Ba-la-nại, thống lãnh bốn nước.”

Sau khi làm vua, người cùng tử này trở thành bạo ngược. Vị Đạo nhân ở trên không trung vừa thấy liền đến trước điện vua ngồi kiết già và nói:

– Ngày trước ngươi phát nguyện cầu được thấy chân lý, nay tại sao lại tạo các điều ác, ngược với bốn nguyện?

Đạo nhân lại vì nhà vua thuyết pháp. Nhà vua nghe pháp rồi hối hận những tội ác đã làm trước, xấu hổ, siêng năng hành đạo, nên chứng được quả Tu-đà-hoàn.



41- CHUYỆN CÔ GÁI NGHÈO CÚNG HAI ĐỒNG TIỀN LIỀN ĐƯỢC QUẢ BÁO

Ngày xưa, trong núi Kỳ-xà-quật có nhiều Hiền thánh chúng Tăng ẩn cư. Người người các nơi trong nước, nghe tiếng núi này, đến cúng dường rất đông. Có một trưởng giả đem theo quyến thuộc đến để cúng dường. Có một cô gái ăn mày bần cùng suy nghĩ: “Nay các trưởng giả đem đồ dâng cúng đến núi này chắc là họ muốn mở hội, ta nên đến đó để xin.”

Khi đến núi rồi, cô ta thấy trưởng giả đặt bày các món trai soạn để cúng dường chúng Tăng, trong lòng tự suy nghĩ: “Người kia đời trước có tu phước nên ngày nay mới được giàu có. Ngày nay lại tạo thêm công đức, tương lai sẽ khá hơn. Đời trước ta không tạo phước cho nên đời nay mới bần khổ. Nếu nay ta không tạo phước, tương lai càng thêm đau khổ hơn.” Suy nghĩ như vậy rồi khóc lóc buồn bã. Cô lại tự suy nghĩ: “Ta đã kiếm được hai đồng tiền trên đồng phân và luôn luôn yêu quý nó, giữ gìn chờ lúc xin ăn không được ta sẽ dùng nó mua đồ ăn uống, để sống qua ngày. Nay ta hãy đem nó cúng dường chúng Tăng, dù nhịn đói một ngày hai ngày không ăn uống gì cũng chẳng đến nỗi

chết.” Cô ta chờ lúc Tăng chúng ăn xong liền lấy hai đồng tiền này đem cúng dường.

Tăng pháp của núi này, hề ai cúng dường thì thầy Duy na đứng trước Tăng chúng chú nguyện. Ngay lúc đó, vị Thượng tọa không để cho thầy Duy na chú nguyện, tự ngài chú nguyện. Các vị ngồi dưới trong lòng rất nghi ngờ, mới nghĩ như vậy: “Được hai đồng tiền của cô ăn mày này mà vị Thượng tọa tự coi thường đứng lên chú nguyện. Tại sao lúc bình thường thấy tiền, ngài lại không làm như vậy?”

Khi ấy vị Thượng tọa lưu lại phân nửa phần cơm của mình đem cho cô gái này. Các vị chung quanh thấy vị Thượng tọa đem nhiều cơm cho cô gái, mọi người cũng làm như thế.

Cô gái lúc ấy được một gánh đồ ẩm thực nặng, rất đổi vui mừng, nghĩ: “Ta mới cúng dường, nay được phước báo”, liền gánh đồ ăn xuống núi, đến một gốc cây nằm ngủ nghỉ ngơi.

Gặp lúc phu nhân của Đại vương nước này mất đã bảy ngày, nhà vua bảo sứ giả đi tìm trong nước xem ai có phước đức để chọn làm phu nhân. Vị tướng sư bói quẻ nói:

– Dưới cái lọng mây vàng này, chắc chắn có người hiền.

Ông liền đến dưới gốc cây cùng với sứ giả, thấy cô gái này nhan sắc tươi đẹp, có tướng phúc đức,

cho nên bóng mát của cây mặc dù trời đã về chiều mà ánh nắng vẫn không thay đổi. Tướng sư nói: Cô gái phước đức này có thể làm phu nhân.

Ông liền bảo người nấu nước thơm cho nàng tắm rửa, cho mặc y phục của phu nhân, thì thấy thân nàng vừa khít, không rộng cũng không chật, ông lấy ngàn cỗ xe, vạn kỵ sĩ tả hữu theo hầu, đưa cô đến cung vua. Nhà vua rất hoan hỷ và sinh tâm kính trọng khi thấy nàng.

Như vậy, một thời gian sau, cô ta tự suy nghĩ: “Ta có được sự giàu có, phước duyên này là do ta cúng tiền vậy. Nay chúng Tăng đã có ân lớn đối với ta.” Nàng liền tâu với vua:

– Trước đây thiếp là người rất nghèo hèn, được vua suy cử lên làm hoàng hậu. Vậy xin vua hãy cho phép thiếp báo đền ân của các chúng Tăng ấy.

Nhà vua nói:

– Tùy ý nàng.

Phu nhân liền cho xe chở đồ ăn uống và các châu báu đến núi kia để cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Khi chúng Tăng dùng xong thì nàng lấy châu báu ra để cúng dường. Lúc ấy vị Thượng tọa không đứng dậy, ngài bảo vị Duy na chú nguyện chứ tự mình không chú nguyện.

Hoàng hậu nói:

– Ngày trước con cúng hai đồng tiền mà ngài chú nguyện cho con. Ngày nay con cho xe chở đồ

châu báu đến cúng dường mà ngài lại không chú nguyện cho con?

Các Tỳ-kheo trẻ đều xầm xì:

– Vị Thượng tọa này trước đây người nữ nghèo ấy đã cúng hai đồng tiền mà ngài chú nguyện cho cô ta. Nay làm hoàng hậu, chở cả xe ngọc báu đến cúng dường mà ngài vẫn không chú nguyện. Có phải ngài già cả lắm lắm chăng?

Bây giờ vị Thượng tọa diễn thuyết chánh pháp cho hoàng hậu nghe:

– Nay phu nhân, trong tâm của phu nhân hiềm trách ta như sau: “Lúc trước ta cúng có hai đồng tiền mà ngài chú nguyện cho ta, nay ta chở cả xe châu báu cúng dường mà ngài chẳng chú nguyện!” Phu nhân nên biết trong Phật pháp của chúng ta không quý trọng châu báu, chỉ quý trọng thiện tâm mà thôi. Nay phu nhân, lúc trước phu nhân cúng có hai đồng tiền mà thiện tâm mãnh liệt, bây giờ phu nhân cúng dường châu báu mà với lòng công cao ngã mạn. Do đó, nay ta không chú nguyện. Các đạo sĩ trẻ tuổi cũng đừng hiềm trách ta, các vị nên hiểu rõ tâm của người xuất gia.

Các người tu đạo trẻ tuổi đều tự hổ thẹn, nên đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Phu nhân của vua nghe pháp xong vừa hổ thẹn vừa vui mừng cũng chứng được quả Tu-đà-hoàn. Sau khi nghe pháp xong phu nhân đánh lễ mà lui ra.



42- CHUYỆN NGƯỜI HỌA SĨ TÊN KẾ-NA Ở NƯỚC CÀN-ĐÀ-VỆ CÚNG DƯỜNG TRAI PHẠM ĐƯỢC QUẢ BÁO

Ngày xưa ở nước Càn-đà-vệ có một người họa sĩ tên là Kế-na, ba năm làm việc ở xứ người được ba mươi hai lượng vàng. Anh muốn trở về nhà thì thấy có người lập hội Vô già cúng dường, anh hỏi thầy Duy na:

– Một ngày làm hội, tốn hết bao nhiêu?

Thầy Duy na đáp:

– Tốn hết ba mươi lượng vàng.

Anh liền tự nghĩ: “Vì đời trước của ta không trồng phước nghiệp, cho nên mới thọ quả báo nghèo khổ như ngày nay, phải ra sức kiếm sống. Nay gặp được phước hiền, sao lại không làm.” Anh nói với thầy Duy na, xin hãy vì đệ tử mà đánh kiện chùy vân tập Tăng chúng và nói rằng con muốn thiết hội.

Khi thiết hội xong, anh vui mừng hoan hỷ liền trở về nhà. Khi về đến nhà, vợ anh hỏi:

– Ba năm anh đi làm thuê, tiền bạc đâu rồi?

Người chồng trả lời:

– Tiền tài ta kiếm được, nay ta đã bỏ vào trong kho chắc chắn rồi.

Bấy giờ người vợ hỏi:

– Cái kho chắc chắn ấy bây giờ ở đâu?

Người chồng đáp:

– Ở trong Tăng chúng.

Bấy giờ người vợ hiềm trách chồng, liền triệu tập bà con trong xóm lại, bắt trói anh rồi đem đến nhờ quan xét xử, nói:

– Mẹ con của tôi bần cùng khốn khổ, không có mặc, không cơm ăn, thế mà chồng tôi kiếm được tiền bạc dư dả không chịu đem về nhà. Xin quan trên xét xử.

Bấy giờ quan xét xử hỏi người chồng:

– Tại sao ngươi làm như vậy?

Người chồng đáp:

– Thân của tôi như tia điện chớp, chẳng sáng được bao lâu, cũng như sương buổi sáng, phút chốc liền mất. Do đó, tôi sợ hãi, tự nghĩ một cách sâu xa: “Bởi do tiền kiếp của ta không tạo phước nghiệp, nay bị cùng khổ, y thực thiếu thốn. Cho nên nay nhân tôi thấy trong thành Phất-ca-la kia, thiết hội gọi là Ban giá hội để cúng dường chúng Tăng thanh tịnh. Do đó, tâm tôi sinh hoan hỷ, phát sinh kính tín liền hỏi thầy Duy na: “Phải tốn hết bao nhiêu để cúng một ngày trai tăng?” Thầy Duy na đáp: “Phải tốn ba mươi lượng vàng mới có thể đủ cúng một ngày trai tăng.” Trong ba năm tôi làm ra số của đó, tôi liền giao cho thầy Duy na để làm

một ngày trai tăng cho chúng Tăng.

Bấy giờ, quan xét xử nghe lời nói ấy, sinh tâm hoan hỷ, thương mến người đó, liền cởi y phục, cũng như chuỗi anh lạc của mình đồng thời lấy yên ngựa và các dụng cụ cỡi ngựa đem cho Kế-na hết. Ông lại cắt một thôn xóm đem phong thưởng cho Kế-na. Quả báo trước mắt thì như vậy, còn cái quả báo lâu dài thì ở tương lai.



43- CHUYỆN HAI VỢ CHỒNG KẾ-DI-LA TỰ BÁN MÌNH ĐỂ THIẾT HỘI, HIỆN TẠI ĐƯỢC QUẢ BÁO

Ngày xưa có một người tên là Kế-di-la, cả hai vợ chồng bần cùng khôn khổ, phải đi làm thuê để kiếm sống. Ông ta thấy một vị trưởng giả đem cả nhà đến chùa để làm đại thí hội, rồi anh trở về nhà, cùng vợ ngủ nghỉ, đầu anh gối lên tay vợ, tự suy nghĩ: “Vì tiền thân của ta không làm phước, cho nên ngày nay mới nghèo khổ. Như vị trưởng giả kia, thân đời trước đã làm phước, đời này cũng làm phước. Nay ta không có phước, đời tương lai chỉ thêm đau khổ. Nghĩ như vậy rồi lại sụt sùi buồn bã, làm rơi nước mắt chảy xuống cánh tay vợ. Người vợ hỏi chồng:

– Tại sao anh lại rơi nước mắt?

Đáp:

– Người ta nhờ tu phước nên thường được mọi an lạc, tự mình keo kiệt bần cùng, vì không tu phước, cho nên mới rơi lệ.

Người vợ nói:

– Anh rơi lệ thì có ích gì? Có thể anh hãy bán thân tôi cho người khác rồi lấy tiền để làm phước.

Người chồng nói:

– Nếu phải cùng bán cho người khác, thì thân của ta làm sao để tự sinh sống?

Người vợ nói:

– Nếu sợ không sống, không thấy được mặt, không thấy ngày ra, thì nay tôi cùng anh tự bán mình để làm công đức.

Bấy giờ vợ chồng cùng nhau đi đến nhà một người giàu, nói:

– Nay vợ chồng chúng tôi đem thân hèn hạ này xin đổi tiền vàng.

Chủ nhân nói:

– Muốn được bao nhiêu tiền?

Đáp:

– Muốn được mười đồng tiền vàng.

Chủ nhân nói:

– Nay ta giao tiền cho các người. Nếu sau bảy ngày mà các người không trả lại cho ta thì hai vợ chồng người phải làm nô tỳ cho ta.

Thưa:

– Như vậy là khế ước đã thành.

Họ mang tiền đến một chùa tháp kia, thiết lễ mở hội. Hai vợ chồng người ấy cùng nhau đãi gạo, khích lệ nhau:

– Ngày nay chúng ta cùng nhau ra sức để tạo phước nghiệp, ngày sau thân chúng ta thuộc về nhà người ta rồi, há lại buông lung ý sao?

Khi ấy hai vợ chồng ngày đêm siêng năng sắm sửa đầy đủ đến đầu ngày thứ sáu, vừa muốn mở hội, thì gặp vị vua nước ấy cũng muốn mở hội, đến đề xin chúng Tăng thiết lễ. Chúng Tăng đều nói:

– Ngày đó, bốn tự đã nhận của người nghèo kia rồi, không thể đổi ngày được.

Nhà vua nghe rồi, liền suy nghĩ: “Họ là bọn người nào, dám cùng ta mà tranh việc mở hội?” Nhà vua liền bảo người đến nói với Kế-di-la:

– Người hãy tránh qua ngày khác.

Kế-di-la thưa:

– Quả thật không thể tránh qua ngày khác được.

Nói qua nói lại như vậy đến ba lần, mà vợ chồng anh nghèo vẫn khư khư như trước. Nhà vua lấy làm lạ, cho nên tự đến chỗ Tăng phường, nói với vợ chồng người nghèo:

– Nay các người tại sao không để ngày sau mở hội, mà lại tranh mở hội cùng ngày với ta?

Đáp:

– Chỉ có ngày nay là chúng tôi được tự do, còn

ngày mai thì chúng tôi thuộc về nhà của người khác, cho nên không thể mở hội được.

Nhà vua liền hỏi:

– Vì sao không được?

Vợ chồng người tự bán mình trả lời:

– Tại chúng thần tự nghĩ đời trước không tạo phước nghiệp, cho nên đời này mới bần cùng khổ sở. Nếu đời sau mà không tạo phước, e rằng đời sau sẽ khổ hơn. Vì cảm nhận việc này cho nên mới tự bán thân để đổi lấy tiền tài nhằm tạo công đức, ngõ hầu đoạn trừ khổ này. Cho đến sau bảy ngày, nếu không có tiền tài để trả cho người ta, chúng thần phải làm nô tỳ để trả. Nay đã sáu ngày rồi, sáng mai là hết hạn. Vì lý do ấy, cho nên thà chịu chết, chúng tôi vẫn phải mở hội thiết trai.

Nhà vua nghe lời ấy hết sức thương xót, khen là chưa từng có, nói:

– Người là người hiểu rõ chân thực về nỗi khổ của sự bần cùng, có thể đem cái thân không chắc đổi lấy cái thân bền chắc, có thể lấy của cải không bền chắc đổi lấy của cải bền chắc, lấy cái thân mạng không chắc đổi lấy thân mạng bền chắc.

Do đó nhà vua liền chấp nhận cho vợ chồng anh nhà nghèo thiết hội. Nhà vua lấy y phục và ngọc anh lạc trên thân của mình và của phu nhân đem cho vợ chồng Kế-la, rồi vua lại cắt mười tụ lạc phong cho vợ chồng anh để vợ chồng anh làm

phước.

Phàm người hay chủ tâm tu phước đức, thì hiện tại quả báo còn được nhiều như vậy, huống gì quả báo ở trong tương lai. Xem xét kỹ bài học này tất cả mọi người trong thế gian, nếu muốn thoát khỏi phải siêng năng tu phước, đâu có thể nào lười biếng buông lung tình ý mà được.



44- CHUYỆN SA-DI CỨU BẦY KIẾN KHỎI BỊ NƯỚC TRÔI NÊN ĐƯỢC SỐNG LÂU

Ngày xưa, có một vị Đạo nhân La-hán, nuôi một chú Sa-di. Vị ấy biết chú Sa-di sau bảy ngày nữa, chắc chắn sẽ chết, vì vậy cho phép chú trở về thăm nhà, đến đầu ngày thứ bảy thì phải trở lại. Chú Sa-di già từ thầy liền trở về nhà. Trên đường trở về, giữa đường thấy bầy kiến đang trôi bập bênh theo dòng nước, sắp chết đến nơi, sinh tâm Từ bi, chú tự cởi ca-sa ra, đắp đất ngăn nước, vớt hết bầy kiến đem đến chỗ cao ráo, làm cho tất cả được sống. Đến đầu ngày thứ bảy chú lại trở về chỗ thầy. Thầy chú hết sức ngạc nhiên, nên liền nhập định dùng Thiên nhãn để quán sát, mới biết rằng chú Sa-di không còn chút phước nào để sống còn, ngoại trừ nhờ nhân duyên cứu bầy kiến, cho nên qua bảy ngày rồi mà vẫn không chết, lại được trường thọ.



45- CHUYỆN VUA NƯỚC CÀN-ĐÀ-VỆ NHỜ SỬA CHÙA THÁP CŨ ĐƯỢC SỐNG LÂU

Ngày xưa ở nước Càn-đà-vệ có một vị quốc vương. Một vị tướng sư tài ba xem tướng cho vua, biết chắc rằng sau bảy ngày nữa nhà vua sẽ mạng chung. Nhà vua nhân một chuyến đi săn thấy một ngôi tháp cổ đã bị hủy hoại, hư nát, liền ra lệnh cho quần thần tu bổ lại. Sau khi tu bổ xong, vua vui mừng trở về hoàng cung, bảy ngày trôi qua vẫn yên ổn. Vị tướng sư thấy đã quá bảy ngày lấy làm lạ hỏi nhà vua:

– Ngài đã làm được công đức gì?

Đáp:

– Ta chẳng phải làm gì cả, chỉ thấy có một ngôi tháp hư, lấy bùn để tu bổ lại, chắc do tu bổ ngôi tháp mà được công đức như vậy.



46- CHUYỆN TỖ-KHEO TU BỒ LỖ HỒNG VÁCH CHÙA ĐƯỢC SỐNG LÂU

Ngày xưa có một vị Tỳ-kheo, giờ chết sắp đến, gặp một ngoại đạo Bà-la-môn. Người ấy xem tướng xong, cho biết rằng vị Tỳ-kheo này sau bảy

ngày nữa chắc chắn sẽ mạng chung.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo này nhân vào chỗ Tăng chúng ở thấy vách tường có lỗ hồng, liền bảo người nhồi bùn bít lại. Nhờ phước này nên thọ mạng được tăng thêm. Đã quá bảy ngày mà vị Tỳ-kheo vẫn sống. Bà-la-môn thấy cho là lạ mới hỏi:

– Ngài đã làm được phước gì?

Đáp:

– Tôi chẳng tạo phước gì cả, chỉ có hôm qua, tôi vào chỗ Tăng ở, thấy vách tường có một lỗ hồng, bèn tu bô lại thôi.

Bà-la-môn khen:

– Chính Tăng là phước điền hết sức quan trọng, mới có thể khiến cho Tỳ-kheo này đứng ra là phải chết mà lại được trường thọ.



47- CHUYỆN CON CỦA TRƯỞNG GIẢ THẤY PHẬT CẦU ĐƯỢC TRƯỜNG THỌ

Ngày xưa, lúc Đức Phật còn tại thế, có một người con của trưởng giả mới năm, sáu tuổi. Tướng sư xem tướng thấy cậu bé đầy đủ phước đức, nhưng có điều là phải chết yểu. Gia đình cậu bé mới mang cậu đến chỗ Lục sư ngoại đạo, nhờ họ làm cho cậu bé được trường thọ. Nhưng gia đình cậu tức giận, vì Lục sư ấy hoàn toàn không có khả năng làm cho cậu bé được trường thọ. Họ lại

đem cậu bé đến chỗ Đức Phật, bạch:

– Bạch Thế Tôn, đưa bé này đoản mạng, cúi mong Đức Thế Tôn cứu cho đứa bé được sống lâu.

Đức Phật đáp:

– Không có pháp nào làm cho nó trường thọ cả.

Gia đình cậu bé lại bạch Đức Phật:

– Cúi mong Đức Phật chỉ cho phương pháp.

Bấy giờ Đức Phật dạy:

– Hãy đem cậu bé đến dưới cửa thành, hễ thấy có người đi ra thì đến đánh lễ, hay thấy có người vào cũng đến đánh lễ.

Bấy giờ có một quỷ thần hóa làm người Bà-la-môn muôn vào thành. Đứa bé đến đánh lễ, quỷ thần ấy chú nguyện: “Mong cho người được trường thọ”, nhưng quỷ này là loại giết trẻ em. Vì pháp của quỷ thần là không được nói hai lời, lỡ đã cho trường thọ nên không thể giết. Cậu bé nhờ khiêm tốn cung kính như thế nên được trường thọ.



48- CHUYỆN CON CỦA TRƯỞNG GIẢ LÀM THUÊ THIẾT HỘI ĐƯỢC HIỆN BÁO

Ngày xưa lúc Phật còn tại thế, có một người con của trưởng giả, cha mẹ mất sớm, cô đơn nghèo khổ, lang thang kiếm sống bằng nghề làm thuê, nghe có người nói: “Trên cõi trời Đao-lợi hết sức

sung sướng.” Lại nghe người ta nói: “Cúng dường cho Phật và Tăng được sinh lên cõi đó.” Anh ta liền hỏi một người khác:

– Phải dùng bao nhiêu tài vật mới có thể cúng dường cho Phật và chúng Tăng được?

Bấy giờ người ấy nói:

– Phải dùng ba mươi lượng vàng mới có thể thiết hội cúng dường được.

Khi ấy anh ra chợ để xin làm mướn. Ở gần bên chợ có một trưởng giả rất giàu có, anh đến đó xin làm mướn. Trưởng giả hỏi:

– Nay người có thể làm được những việc gì?

Đáp:

– Việc gì tôi cũng làm được. Tôi xin làm công cho ông ba năm.

Hỏi:

– Người muốn lấy bao nhiêu tiền?

Đáp:

– Tôi muốn ba mươi lượng vàng.

Trưởng giả nghe anh này việc gì cũng làm được liền mướn anh làm việc. Anh vốn là người đoan chính, ngay thẳng, nên ông giao cho bày bán các thứ vàng bạc, đồng, thiết, anh bán được lời gấp bội bình thường. Ngày tháng đã đủ, nên trưởng giả đã giao cho anh số vàng trên.

Trưởng giả hỏi:

– Nay người được vàng, vậy dùng làm việc gì?

Đáp:

– Tôi muốn cúng dường cho Phật và Tăng.

Trưởng giả nói:

– Nay ta sẽ phụ giúp người, trợ cấp cho người các thứ bồn đựng, gạo, bột mì làm đồ ăn. Người chỉ thỉnh Đức Phật và chúng Tăng thôi.

Anh liền đến phòng Tăng thỉnh Đức Phật và chư Tăng. Đức Phật bảo chúng Tăng đều nhận lời thỉnh cầu của anh. Đức Phật ở ngay phòng của Ngài, còn chúng Tăng đều nhận lời mời của anh. Hôm đó đúng ngày tiết nhật, mọi người đều mang dâng các thứ đồ ăn uống đến chỗ chúng Tăng. Chúng Tăng đã ăn no, vì vậy lúc đến nhà của trưởng giả, khi anh tự mình sốt cơm, vị Thượng tọa nói:

– Sốt ít thôi.

Mọi người cũng đều thứ lớp nói: “Sốt ít thôi”. Ăn xong các ngài ra về.

Bấy giờ anh khóc lóc áo não than thở:

– Ba năm cay đắng để cúng được bữa cơm này, những mong chúng Tăng thọ thực. Ta mong cầu được sinh lên trời, như vậy chắc là không được sinh. Anh đi đến một bên Đức Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn, chúng Tăng không ăn đồ ẩm thực của con cúng dường. Như vậy sự nguyện cầu của con chắc chắn không thành tựu.

Đức Phật hỏi:

– Có ăn chút ít chứ?

Thưa:

– Tất cả chúng Tăng đều ăn rất ít.

Đức Phật nói:

– Giả sử chúng Tăng không ăn gì cả, thì nguyên của người cũng thành tựu, huống chi có thọ thực chút ít mà sao lại không thành?

Đồng tử vui mừng trở lại chỗ dọn ẩm thực. Bấy giờ chúng Tăng đã thọ thực xong liền trở về. Khi ấy có năm trăm khách buôn, đi biển về, vào thành tìm kiếm thức ăn. Lúc ấy gặp buổi đói kém, chẳng ai cho ăn. Có người nói:

– Con của vị trưởng giả kia hôm nay mở hội, chắc chắn có đồ ẩm thực.

Bấy giờ anh nghe nói có các khách buôn, liền hoan hỷ mời họ ăn. Năm trăm khách buôn đều được ăn uống no nê, tất cả những người đi theo đều cũng được no đủ. Người khách buôn cuối cùng cỡi một viên ngọc trị giá một vạn lượng vàng, người trưởng đoàn cỡi một viên ngọc trị giá mười vạn lượng vàng cho chàng. Năm trăm khách buôn, người thì cho chàng một viên ngọc, người thì cho một cái bòn đồng. Nhưng chàng đều không dám nhận, chàng chạy đến hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo:

– Đó là quả báo tạm thời, hãy nhận đi sẽ hết khổ, về sau chắc chắn sẽ sinh lên trời, đừng nên sợ hãi.

Vị trưởng giả chủ nhân vốn không có con trai, chỉ có một người con gái liền gả cho đồng tử. Nhờ vậy gia nghiệp của chàng trở nên giàu có vô cùng.

Trong thành Xá-vệ, vị trưởng giả giàu có hạng nhất mạng chung. Vua Ba-tư-nặc nghe chàng thông minh, trí thức cho nên đem tất cả gia nghiệp của ông ta ban cho chàng. Quả báo tạm thời là như vậy, còn quả báo thực thụ thì sau này.



49- CHUYỆN PHÁT-NA CÚNG PHẬT MỘT BÁT CƠM ĐƯỢC HIỆN BẢO

Ngày xưa, lúc Đức Phật còn tại thế, có năm anh em của Phạm chí: Người thứ nhất tên là Da-xà, người thứ hai tên là Vô Cầu, người thứ ba tên là Kiều-phạm-ba-đề, người thứ tư tên là Tô-đà-di, bốn anh em vào núi học đạo, chứng được năm thứ thần thông. Còn người em út tên là Phát-na thấy Đức Phật khát thực, đem cơm trắng sạch rất ngon đổ đầy bát để cúng Phật. Lúc ấy Phát-na thường lấy việc cày bừa trồng cây làm nghề nghiệp. Lúc cày bừa trồng cây xong, chàng trở về nhà. Sau đó vào một ngày, chàng ra giữa ruộng, thấy lúa mạ trong ruộng ấy đã biến thành lúa vàng dài đến mấy thước. Chàng lấy lưỡi liềm cắt hết, nhưng lúa vẫn mọc lại như trước. Vị quốc vương nước ấy

nghe vậy, cũng đến cắt lúa, nhưng lúa vẫn không hết. Cũng giống như vậy tất cả những người đến cắt lúa, lúa cũng không hết.

Các người anh của chàng nghĩ: “Em của chúng ta là Phất-na làm ăn sinh sống, có nghèo khô chẳng?”. Họ cùng nhau đến thăm, thấy phước nghiệp của em mình hơn cả vị quốc vương, bèn nói với em:

– Trước đây em nghèo khổ, tại sao bỗng nhiên được giàu có?

Người em đáp:

– Em gặp Đức Cù-đàm, cúng Ngài một bát cơm mà được quả báo như vậy.

Bốn người anh nghe như vậy, vui mừng hơn hở, lại nói với người em:

– Nay em hãy vì các anh làm cho mỗi người một tấm bánh cơm hoan hỷ để cho bốn anh, mỗi người đem một bánh đến cúng dường Cù-đàm, nguyện cầu sinh lên trời. Chúng ta không nghe pháp của Ngài, cũng không cầu giải thoát.

Bấy giờ mỗi người đều mang bánh hoan hỷ ấy đến chỗ Đức Phật, Đức Phật nói:

– Các hành vô thường.

Người anh thứ hai lại lấy bánh hoan hỷ bỏ vào trong bát Đức Phật, Đức Phật nói:

– Là pháp sinh diệt.

Người anh thứ ba lại lấy bánh hoan hỷ bỏ vào

bát Đức Phật, Đức Phật nói:

– Sinh diệt diệt rồi.

Người anh thứ tư lại lấy bánh hoan hỷ bỏ vào bát Đức Phật, Đức Phật nói:

– Tịch diệt là vui.

Bốn anh em cùng trở về nhà, đến chỗ vắng vẻ, cùng nhau hỏi:

– Các anh nghe lời gì?

Người anh thứ nhất nói:

– Tôi nghe nói: “Các hành vô thường”.

Người anh thứ hai nghe: “Là pháp sinh diệt”. Người anh thứ ba nghe: “Sinh diệt diệt rồi”. Người anh thứ tư nghe: “Tịch diệt là vui”. Cả bốn anh em đều suy nghĩ bài kệ này, nên đều được quả A-na-hàm. Họ đều đến chỗ Đức Phật cầu xin xuất gia, nên đều được chứng quả A-la-hán.



50- CHUYỆN ĐẠI ÁI ĐẠO CÚNG ĐỨC PHẬT Y BẰNG VÀNG VÀ NGƯỜI THỢ XÂU NGỌC

Ngày xưa, lúc Đức Phật còn tại thế, bà Đại Ái Đạo đã dệt y bằng chỉ vàng mang đến cúng dường Phật. Đức Phật bảo:

– Hãy đem cúng cho chúng Tăng.

Bà Đại Ái Đạo thưa:

– Tôi đã cho Thế Tôn bú mớm, nuôi lớn Thế Tôn, tự làm y này là để dâng lên Thế Tôn, ngưỡng mong Đức Thế Tôn vì tôi mà thọ nhận. Tại sao Ngài lại nói: Đem cúng cho chúng Tăng?

Đức Phật nói:

– Tôi muốn cho Di mẫu được công đức lớn. Vì sao vậy? Vì ruộng phước của chúng Tăng rộng lớn vô biên, cho nên Tôi mới khuyên Di mẫu như thế. Nếu làm theo lời Tôi thì như vậy là đã cúng dường cho Đức Phật rồi.

Bấy giờ Đại Ái Đạo liền đem cái y đó đến chỗ chúng Tăng, dâng cho vị Thượng tọa, nhưng vị Thượng tọa không dám nhận. Tiếp đến dâng cho Tôn giả Di-lặc. Tôn giả Di-lặc nhận y xong, liền đắp y vào thành khát thực. Thân của Tôn giả Di-lặc có ba mươi hai tướng tốt, sắc thân vàng tía; khi vào trong thành, mọi người tranh nhau mà nhìn, nhưng chẳng ai cúng dường cả. Lúc ấy có một thợ xâu ngọc thấy mọi người không ai cúng dường, nên liền quỳ trước Tôn giả, cầu xin Tôn giả đến nhà ông ta để thọ thực. Lúc Tôn giả Di-lặc thọ thực xong, người thợ xâu ngọc lấy một cái tòa nhỏ trải trước Tôn giả Di-lặc để cầu xin Tôn giả thuyết pháp. Tôn giả Di-lặc có bốn năng lực biện tài, liền thuyết cho anh ta nghe các thứ diệu pháp. Khi ấy anh thợ xâu ngọc hoan hỷ lắng nghe, không có nhàm chán.

Trước đó có một trưởng giả, muốn đem con gái gả cho người ta, mới muốn anh thợ xâu ngọc này, xâu một hòn ngọc báu, trả cho anh mười vạn tiền. Ngay lúc ấy, nhà của cô dâu bảo người đến lấy ngọc, khi đó người thợ xâu ngọc đang nghe pháp chuyên ròng, không rảnh mà xâu, nên anh ta liền trả lời:

– Hãy chờ cho chút nữa sẽ đến lấy.

Gia đình cô dâu đến tới ba lần mà vẫn chưa lấy được ngọc, vị trưởng giả tức giận liền đòi cả ngọc cả tiền lại. Vợ của anh thợ xâu ngọc tức giận nói với chồng:

– Lại mất việc rồi. Chỉ xâu ngọc có chốc lát mà được lợi mười vạn. Sao lại đi nghe lời hay của Đạo nhân làm gì?

Người chồng nghe xong, trong ý hơi bực tức. Khi ấy Tôn giả Di-lặc biết trong ý anh ta có hơi bực tức, liền hỏi:

– Người có thể theo ta đi đến chùa chăng?

Thưa:

– Con có thể.

Anh liền đi theo Tôn giả Di-lặc đến chỗ chúng Tăng hỏi vị Thượng tọa:

– Giả sử có người được đầy mười vạn lạng vàng, đâu bằng người hoan hỷ nghe pháp.

Lúc ấy Tôn giả Kiều-trần-như đáp:

– Giả sử có người được mười vạn lạng vàng

không bằng có người lấy một bát cơm cúng dường cho một vị trì giới, huống chi người ấy có thể dùng tín tâm nghe pháp trong khoảnh khắc thì hơn người kia gấp trăm ngàn lần.

Lúc đó anh ta lại hỏi vị Thượng tọa thứ hai, vị Thượng tọa thứ hai trả lời:

– Giả sử có người được mười vạn xe vàng cũng không bằng có người lấy một bát cơm cúng dường cho người trì giới, huống chi người ấy lại hoan hỷ nghe pháp trong khoảnh khắc.

Anh ta lại hỏi vị Thượng tọa thứ ba. Vị ấy đáp:

– Nếu có người được mười vạn nhà vàng, cũng không bằng cúng dường cho vị trì giới một bát cơm, huống chi lại còn nghe pháp.

Lại hỏi vị Thượng tọa thứ tư. Vị ấy đáp:

– Nếu có người được mười vạn nước bằng vàng, cũng không bằng có người cúng dường cho vị trì giới một bát cơm, huống chi người ấy lại còn nghe pháp nữa thì sẽ hơn gấp trăm lần vạn lần.

Cứ hỏi thứ lớp như vậy cho đến Tôn giả A-na-luật. Tôn giả A-na-luật nói:

– Nếu có người được vàng đầy bốn thiên hạ vẫn không bằng có một người cúng dường cho vị trì giới một bát cơm, huống chi người ấy lại còn nghe pháp.

Ngài Di-lặc hỏi:

– Như chỗ Tôn giả nói nếu có người cúng

dường cho vị Tỳ-kheo một bát cơm cũng vẫn hơn người được vàng đầy cả bốn châu thiên hạ, tại sao như vậy?

Tôn giả A-na-luật đáp:

– Điều này chính tự thân tôi chứng nghiệm.

Tôi nhớ lại ngày xưa, cách đây chín mươi ức kiếp, có một vị trưởng giả, ông ta có hai người con, một người tên là Lợi-sát, còn người kia tên là A-lợi-sát. Ông thường dạy con:

– Cái gì hễ cao thì sẽ rớt, thường thì cũng sẽ chấm dứt. Hễ sinh thì phải tử, họp hội thì phải chia ly.

Rồi trưởng giả bị bệnh, giờ lâm chung sắp đến, ông dặn dò hai con:

– Cần thận đừng ở riêng. Giống như một sợi tơ thì không thể cột nổi một con voi, phải dùng nhiều sợi tơ chập lại thì con voi không thể bứt đứt. Anh em cùng sống chung nhau, như nhiều sợi tơ chập lại vậy.

Khi trưởng giả dặn dò con xong thì trút hơi thở cuối cùng.

Nhớ lời khuyên bảo của cha mà hai em sống chung với nhau, hết sức kính nhường nhau. Sau đó người em cưới vợ, sống với nhau chưa bao lâu thì người vợ nói với chồng mình:

– Anh như một tên đầy tớ. Vì sao vậy? Vì tiền của dùng để nuôi sống mà anh như người khách,

tất cả đều do anh của anh nắm cả. Anh nay chỉ được áo cơm mà thôi, không phải nô lệ là gì?

Nàng nói mấy lời như vậy, khi ấy tâm của hai vợ chồng thay đổi, yêu cầu người anh ở riêng. Người anh nói với em:

– Em không nhớ lời cha nói lúc lâm chung sao?

Nhưng người em vẫn không tự cải hối, mấy lần yêu cầu anh ở riêng. Người anh thấy ý của em đã quyết, liền chấp thuận chia gia tài, tất cả vật sở hữu, đều chia làm hai phần bằng nhau. Nhưng vợ chồng của người em, vì tuổi trẻ nên chơi bời buông thả, ăn tiêu xa xỉ, chưa được bao lâu mà đã trở nên bần cùng nghèo khổ, nên đi đến người anh để xin ăn. Lúc ấy người anh cho họ mười vạn đồng. Khi được tiền họ ra đi, nhưng chưa bao lâu lại tiêu sạch. Họ lại đến xin người anh. Sáu lần như vậy, người anh đều cho mỗi lần mười vạn đồng. Đến lần thứ bảy họ trở lại để xin thì người anh liền trách mắng:

– Mày không nhớ lời cha dạy lúc lâm chung, đòi chia gia tài, ở riêng mày không ra sức làm ăn đàng hoàng mà trở lại đây cầu xin tài vật. Nay lại cho mày mười vạn đồng nữa. Từ nay về sau nếu không chịu làm ăn đàng hoàng mà trở lại đây để cầu xin nữa, thì ta sẽ không cho gì nữa cả.

Khi nghe những lời cay đắng của anh, hai vợ chồng ra sức làm ăn, nhờ đó dần dần giàu có. Lúc

ấy tiền của người anh thất thoát, dần dần trở nên nghèo khổ, đi đến xin người em, nhưng người em vẫn không cho người anh một bữa ăn, lại còn nói như vậy:

– Anh luôn luôn giàu có, cũng bị nghèo nữa sao? Ngày trước tôi đến để xin, bị anh trách mắng thậm tệ, ngày nay vì có gì mà đến đây để xin tôi?

Người anh nghe lời nói ấy rồi, hết sức buồn khổ, tự nghĩ: “Cùng là anh em mà còn như vậy, huống chi người ngoài?” Anh liền nhàm chán sự sinh tử, không trở về nhà nữa, vào núi học đạo, siêng năng khổ hạnh, được quả Bích-chi-phật.

Sau đó dần dần, người em cũng trở nên nghèo khổ, gặp nạn đói kém, phải đi bán củi để kiếm sống. Bấy giờ vị Bích-chi-phật vào thành để khát thực, nhưng chẳng có gì cả, ôm bát không đi ra. Khi ấy người bán củi thấy vị Bích-chi-phật ôm bát không ra khỏi thành, nhờ bán củi nên có lúa tẻ, lúa mạch, muốn đem cúng cho ngài, nên nói với vị Bích-chi-phật:

– Tôn giả có thể ăn món ăn dở chẳng?

Đáp:

– Không cần ngon hay dở miễn nuôi thân là được.

Người bán củi khi ấy liền cúng cơm cho ngài. Vị Bích-chi-phật thọ nhận và ăn. Sau khi ăn xong, bay lên hư không, làm mười tám cách biến hóa,

liền trở về chỗ an trú.

Người bán củi, sau đó đi kiếm củi, thấy một con thỏ, anh lấy gậy đập rồi mang về. Con thỏ biến thành người chết, bỗng nhiên đến ôm lấy cổ anh, nó bắt anh, anh dùng nhiều cách để hất nó xuống, nhưng không thể nào hất được. Anh cởi áo nhờ người kéo giữ nó lại, cũng không thể thoát được; lần lựa cho đến trời tối, anh cõng nó về nhà. Khi về đến nhà, người chết tự thả tay rơi xuống dưới đất, biến thành người bằng vàng ròng. Khi ấy người bán củi liền chặt đứt đầu người vàng, nhưng đầu liền mọc lại, anh chặt đứt tay chân nó, nhưng tay chân liền mọc lại. Trong khoảnh khắc đầu vàng và tay vàng đầy cả phòng anh, chát thành một đồng lớn. Người hàng xóm thấy vậy tau với quan:

– Người bản cùng này tự nhiên trong nhà có một đồng vàng.

Nhà vua nghe vậy bảo sứ đến âm thầm tra xét. Khi sứ vào trong nhà thấy toàn là tử thi hôi thối, tay chân người chết. Anh tự cầm cái đầu vàng đến dâng cho vua, nó liền biến thành vàng ròng. Nhà vua rất hoan hỷ, nói: “Đây là người có phước”, liền phong cho anh nhiều thôn xóm. Từ đó đến lúc mạng chung, vị ấy được sinh lên cõi trời thứ hai, làm Thiên đế Thích. Đến lúc sinh xuống nhân gian làm Chuyển luân thánh vương, làm vua trời, vua cõi người chín mươi một kiếp, không bao giờ đoạn

tuyệt.

Nay thân cuối cùng sinh trong dòng họ Thích. Ngày đầu tiên khi mới sinh trong bốn mươi dặm những châu báu giấu dưới đất tự nhiên xuất hiện, sau đó lần lần lớn thêm ra. Người anh là Thích-ma-nam được cha thương mến. Mẹ của Tôn giả A-na-luật muốn thử các con, khi ấy bà bảo người nói:

– Hôm nay không có cái ăn.

Tôn giả A-na-luật nói:

– Hãy mang cái nồi không đến đây.

Bà mẹ liền đem cái nồi không đến. Khi ấy tự nhiên trong cái nồi không bỗng nhiên có đồ ăn trăm vị tràn đầy. Dầu cho lấy vàng trong bốn thiên hạ để tiêu dùng thì một kiếp cũng không đủ, huống chi trong chín mươi một kiếp, trường thọ hưởng khoái lạc? Sở dĩ ngày nay tôi được đồ ăn thức uống tự nhiên như vậy là do thân đời trước cúng dường chư vị Bích-chi-phật một bát cơm, nay mới được quả báo như vậy.

Trên từ chư Phật dưới đến Phạm thiên, người giữ giới thanh tịnh, đều gọi là trì giới.

Bấy giờ thợ xâu ngọc nghe lời ấy xong, trong tâm hết sức hoan hỷ.



KINH TẠP BẢO TẠNG

QUYỂN 5

Gồm hai mươi hai truyện:

51. Chuyện Thiên nữ dùng tràng hoa cúng dường tháp Phật Ca-diếp.

52. Chuyện Thiên nữ dùng hoa sen cúng dường tháp Phật Ca-diếp.

53. Chuyện Thiên nữ thọ trì tám trai giới được sinh về cõi trời.

54. Chuyện Thiên nữ nhờ đốt đèn cúng dường được sinh ở cõi trời.

55. Chuyện Thiên nữ đang cỡi xe thấy Phật hoan hỷ tránh đường.

56. Chuyện Thiên nữ lấy hoa rải lên Phật biến thành lọng hoa.

57. Chuyện Xá-lợi-phất-ma-đề cúng dường tháp của Phật.

58. Chuyện vợ chồng trưởng giả xây cất chùa tháp được sinh ở cõi trời.

59. Chuyện vợ chồng trưởng giả tín tâm cung kính lễ Đức Phật được sinh ở cõi trời.

60. Chuyện cô gái ngoại đạo Bà-la-môn học đệ tử của Đức Phật thiết lễ trai diên được sinh ở cõi trời.

61. Chuyện cô gái nghèo cùng lấy tấm dạ cho trưởng giả Tu-đạt được sinh ở cõi trời.

62. Chuyện cô gái của trưởng giả không tin Tam bảo, cha nàng lấy tiền mượn nàng thọ trì Ngũ giới được sinh ở cõi trời.

63. Chuyện cô gái quét dọn thấy Phật sinh tâm hoan hỷ nên được sinh ở cõi trời.

64. Chuyện trưởng giả làm nhà thỉnh Đức Phật cúng dường, dùng nhà mới để bố thí được sinh ở cõi trời.

65. Chuyện người phụ nữ lấy nước mía cúng dường cho vị A-la-hán được sinh ở cõi trời.

66. Chuyện cô gái lấy hương xoa lên chân Đức Phật được sinh ở cõi trời.

67. Chuyện nữ tỳ của trưởng giả Tu-đạt quy y Tam bảo được sinh ở cõi trời.

68. Chuyện cô gái nghèo xin thức ăn nơi Phật được sinh ở cõi trời.

69. Chuyện nữ tỳ của trưởng giả đem cơm cho chủ, gặp Đức Phật liền cúng dường nên được sinh ở cõi trời.

70. Chuyện trưởng giả xây cất giảng đường cúng dường Đức Phật được sinh ở cõi trời.

71. Chuyện trưởng giả thấy vua xây tháp, ông

cũng xây tháp được quả báo sinh ở cõi trời.

72. Chuyện người khách buôn xây cất nhà cúng dường Đức Phật được sinh ở cõi trời.



51- CHUYỆN THIÊN NỮ DÙNG TRÀNG HOA CÚNG ĐƯỜNG THÁP PHẬT CA-DIỆP

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân theo Phật nghe pháp được quả Tu-đà-hoàn liền trở về cõi trời tập hợp các Thiên chúng, tán thán Phật, Pháp, Tăng. Khi ấy có Thiên nữ đầu đội tràng hoa, tràng hoa chiếu sáng, ánh sáng hết sức rực rỡ, cùng các Thiên chúng tụ tập tại giảng đường Thiện pháp. Chúng các cõi trời thấy Thiên nữ ấy cho rằng đặc biệt hiếm thấy. Thích Đề-hoàn Nhân liền nói kệ hỏi Thiên nữ:

*Ngươi tạo phước nghiệp gì
Thân sáng như vàng ròng
Sắc sáng như hoa sen
Lại có oai đức lớn?
Thân chiếu sáng vì diệu
Mặt tươi như hoa nở?
Sắc vàng chiếu rực rỡ
Do làm gì mà được
Xin hãy nói ta nghe.
Bấy giờ Thiên nữ nói bài kệ đáp lại:*

Xưa tôi lấy vòng hoa
Cúng tháp Phật Ca-diếp
Đời này sinh cõi Trời
Được công đức vượt trội
Sinh ở nơi giữa Trời
Quả báo thân kim sắc.
Thích Đề-hoàn Nhân lại nói kệ tán
thán:
Lạ thay! Ruộng công đức
Đã nhỏ hết cỏ xấu
Hạt giống nhỏ như vậy
Được quả báo thù thắng
Ai mà không cúng dường
Cung kính thân vàng tía.
Ai không cúng dường Phật
Ruộng công đức vi diệu
Mắt Ngài thấy tất cả
Giống như hoa sen xanh.
Ngươi nên đến cúng dường,
Bậc Vô Thượng thứ nhất
Tạo một chút công đức
Được nhan sắc như vậy.
Bấy giờ Thiên nữ liền từ cõi trời đi
xuống, tay cầm lọng hoa đi đến chỗ
Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho
Thiên nữ nghe Thiên nữ được đắc quả
Tu-đà-hoàn, rồi trở về lại trời. Các Tỳ-
kheo thấy chuyện lạ liền hỏi Đức Phật:

– *Bạch Thế Tôn, nay vị Thiên nữ này nhờ làm công đức gì mà được thân trời đoan chánh, lại đặc biệt khác thường như thế?*

Đức Phật dạy:

– *Thuở xưa, cô ta đã dùng nhiều tràng hoa cúng dường tháp của Phật Ca-diếp. Do nhân duyên ấy nên nay được quả báo như vậy.*



52- CHUYỆN THIÊN NỮ DÙNG HOA SEN CÚNG DƯỜNG THÁP PHẬT CA-DIỆP

Bấy giờ lại có một Thiên nữ, trên đầu có tràng hoa chiếu sáng rực rỡ, cùng chư Thiên chúng đến tụ tập tại giảng đường Thiện pháp. Bấy giờ chư Thiên chúng thấy Thiên nữ, cho rằng đặc biệt hiếm thấy. Khi ấy vị trời Đế Thích dùng kệ hỏi:

*Xưa người tạo phước gì
Thân như khối vàng ròng
Sắc sáng như hoa sen
Lại có oai đức lớn
Thân chiếu sáng vi diệu
Mặt đẹp như hoa nở*

*Hào quang chiếu rực rỡ?
Nhờ nghiệp gì mà được
Xin hãy nói ta nghe.*

Thiên nữ liền nói kệ đáp lại:

*Xưa tôi dùng hoa sen
Cúng dường tháp Ca-diếp
Ngày nay gặp Thế Tôn
Được công đức thù thắng
Được sinh ở trên trời
Được quả báo sắc vàng.*

Thích Đề-hoàn Nhân lại dùng kệ tán thán:

*Lạ thay! Ruộng công đức
Đã nhỏ hết cỏ xấu
Nhân gieo trồng rất ít
Được quả báo thù thắng
Ai chẳng muốn cúng dường
Cung kính thân vàng tía.
Ai không cúng dường Phật
Ruộng thắng phước thương diệu
Mắt rộng, mày lại dài
Giống như hoa sen xanh
Xưa người hay cúng dường
Bậc Tôn Quý hơn hết
Tạo phước đức vi diệu
Được quả báo như vậy.*

Bây giờ Thiên nữ liền từ cõi trời hạ xuống tay cầm lọng hoa đi đến chỗ Đức Phật, nghe Phật

thuyết pháp được pháp nhãn thanh tịnh xong lại trở về cõi trời. Khi ấy các Tỳ-kheo bèn hỏi Đức Phật:

— Cô gái ấy ngày xưa làm hạnh nghiệp gì mà được quả báo như vậy?

Đức Phật dạy:

— Trong thời quá khứ cô ta đã dùng hoa sen đẹp cúng dường tháp của Phật Ca-diếp, cho nên nàng được quả báo thù thắng, đồng thời cũng thấy được dấu vết của đạo.



53- CHUYỆN THIÊN NỮ THỌ TRÌ TÁM TRAI GIỚI ĐƯỢC SINH VỀ CÔI TRỜI

Bây giờ lại có một Thiên nữ thọ trì bát trai giới nên được sinh lên trời, được quả báo đoan chính, mặt sáng ngời tướng oai vệ, siêu tuyệt hơn những vị khác. Khi ấy cô cùng với chư Thiên tập hội tại giảng đường Thiện pháp, chư Thiên thấy cô cho rằng đặc biệt hiếm thấy. Thích Đề-hoàn Nhân liền dùng kệ để hỏi:

*Xưa người tạo nghiệp gì
Thân như núi vàng ròng
Mặt sáng ngời, chiếu diệu
Sắc như hoa sen đẹp
Được oai đức thù thắng
Thân phóng hào quang lớn?*

*Tạo nghiệp gì được vậy
Xin hãy nói ta nghe.*

Bấy giờ Thiên nữ nói bài kệ trả lời:

*Xưa thời Phật Ca-diếp
Thọ trì bát trai giới
Nay được sinh lên trời
Được quả báo đoan chánh.
Thích Đề-hoàn Nhân lại dùng bài kệ
tán thán:*

*Lạ thay! Ruộng công đức
Sinh quả báo thắng diệu
Xưa tu nhân rất ít
Mà được sinh trên trời
Như phước thù thắng này
Người nào chẳng cúng dường.
Đáng Tội Thắng như thế
Ai mà chẳng cung kính!
Các cõi nghe việc này
Nên vui mừng hơn hờ
Muốn cầu sinh lên trời
Cần phải trì tịnh giới.*

Bấy giờ vị Thiên nữ này cầm lọng hoa đẹp đi đến chỗ Đức Phật, Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe, Thiên nữ liền được thấy con đường chắc thật. Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

— Vị thiên này ngày xưa tạo phước nghiệp gì mà được sinh lên trời chứng được Thánh quả.

Đức Phật trả lời:

— Ngày xưa, lúc còn là người, vị ấy ở chỗ Đức Phật Ca-diếp thọ trì Bát trai giới. Do thiện hạnh đó nên được sinh lên cõi trời, rồi thấy được đạo.



54- CHUYỆN THIÊN NỮ NHỜ ĐỐT ĐÈN CÚNG DƯỜNG ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Bấy giờ, ở thành Vương xá, vua Tần-bà-sa-la đã được đắc đạo, được tín tâm bất hoại đối với Phật pháp, thường đốt đèn sáng để cúng dường Phật. Sau đó Đề-bà-đạt-đa cùng với vua A-xà-thế làm ác tri thức, muốn hại Phật pháp. Vì vậy trong nước không ai dám thắp đèn cúng dường nữa.

Bấy giờ có một người nữ, vì tập quán thường lệ, vào ngày Tăng tự tứ ở đầu đường Phật kinh hành, cô đốt đèn cúng dường. Vua A-xà-thế nghe việc ấy bưng bưng tức giận liền vung kiếm chém ngang lưng cô. Khi mạng chung cô được sinh lên cung điện Ma-ni-diệm ở tầng Trời thứ Ba mươi ba. Từ cung điện này cô đi đến giảng đường Thiện pháp. Thiên đế Thích dùng kệ để hỏi:

Xưa người tạo nghiệp gì

Thân như khối vàng sáng

Lại có đại oai đức

Dung mạo thật quang minh?

Khi ấy Thiên nữ dùng kệ để trả lời:

*Bậc Cứu Tế tam giới
Đèn lớn soi ba cõi
Chỉ tâm, mắt quán Phật
Thân trang nghiêm tướng hảo.
Bậc Tối Thắng của pháp
Vì Ngài đốt đèn sáng
Đèn sáng diệt tối tăm
Đèn Phật trừ các ác
Thấy đèn như trời sáng
Sinh lòng tin chân thật
Thấy đèn sáng rực rỡ
Vui mừng đánh lễ Phật.*

Nói bài kệ này xong, cô đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe, cô được chứng quả Tu-đà-hoàn, liền trở về cõi trời. Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Cô ta nhờ nhân duyên gì được sinh ở cung trời?

Đức Phật dạy:

– Ngày xưa ở nhân gian, vào ngày Tăng tự tứ, cô đốt đèn ở đầu đường Phật kinh hành để cúng dường, bị vua A-xà-thế chém ngang lưng. Do nhân lành đó sau khi mạng chung được sinh lên trời, cô lại đến bên Ta để nghe pháp một cách tin hiểu liền chứng được đạo quả Tu-đà-hoàn.



55- CHUYỆN NGƯỜI NỮ ĐANG CÔI XE THẤY PHẬT HOAN HỖ TRÁNH ĐƯỜNG

Bấy giờ Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, vào thành khát thực. Khi ấy có một đồng nữ đang cỡi xe vui chơi, muốn vào trong vườn, giữa đường gặp Đức Như Lai, sinh tâm hoan hỷ, liền quày xe tránh đường. Sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời thứ Ba mươi ba, đi đến tụ tập tại giảng đường Thiện Pháp. Thích Đề-hoàn Nhân dùng kệ hỏi:

*Xưa người làm hạnh gì
Sắc thân như vàng thật
Mặt chiếu sáng rạng ngời
Giống như hoa Ưu-bát
Được oai đức thù thắng
Được sinh lên cõi trời?
Xin hãy nói ta nghe
Do đâu mà được vậy?*

Khi ấy Thiên nữ liền dùng kệ trả lời:

*Tôi thấy Phật vào thành
Quày xe để tránh đường
Sinh hoan hỷ, kính tín
Mạng chung được sinh Thiên.*

Khi nói kệ xong, cô đi đến chỗ Đức Phật, Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe và cô chứng được quả Tu-đà-hoàn, liền trở về ở cung trời. Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Do nghiệp duyên gì mà cô ta được sinh lên Trời?

Đức Phật trả lời:

– Ngày xưa ở nhân gian, cô ta quày xe tránh đường Ta. Nay được sinh lên trời, cô lại đến chỗ Ta, nghe pháp tín thọ, được chứng quả Tu-đà-hoàn.



56- CHUYỆN THIÊN NỮ DÙNG HOA RẢI TRÊN PHẬT BIẾN THÀNH LỌNG HOA

Bấy giờ ở nước Xá-vệ có một người nữ, vào ngày tiết hội, hái hoa A-như-già, lại đi vào thành, gặp Đức Phật đang đi ra. Cô liền lấy hoa ấy rải cúng dường Đức Phật, hoa hóa thành lộng hoa. Cô hớn hờ vui mừng, sinh tâm tín kính. Đến khi mạng chung, sinh lên cõi trời thứ Ba mươi ba, từ cung điện ấy đi đến Thiện pháp đường. Đế Thích dùng kệ hỏi:

*Xưa ngươi tạo nghiệp gì
Được sinh lên cõi trời
Thân như sắc vàng ròng
Oai đức thật quang minh
Nhờ nghiệp gì mà được
Xin hãy nói ta nghe?*

Thiên nữ liền dùng bài kệ trả lời:

*Xưa ở Diêm-phù-đề
 Lấy hoa A-như-già
 Khi về gặp Như Lai
 Liên đem cúng dường Phật
 Lòng hoan hỷ kính trọng
 Mạng chung được sinh Thiên.*

Khi nói kệ ấy rồi, cô liền đến chỗ Đức Phật, Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe, cô liền đắc quả Tu-đà-hoàn, lại trở về cõi trời. Lúc ấy các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Người Thiên nữ này nhờ nhân duyên gì mà được làm thân trời?

Đức Phật trả lời:

– Ngày xưa, ở cõi người, cô ra khỏi thành hái hoa A-như-già, khi trở vào thành gặp Ta, phát tâm hoan hỷ liền đem hoa cúng dường. Nhờ thiện nghiệp ấy, lúc mạng chung được sinh lên trời, lại đến chỗ Ta để nghe pháp, cô liền được chứng quả Tu-đà-hoàn.



57- CHUYỆN XÁ-LỢI-PHẬT-MA-ĐỀ CÚNG DƯỜNG THÁP CỦA PHẬT

Vua Tần-bà-sa-la đã thấy được chân lý, mấy lần đến chỗ Đức Phật lễ bái thăm hỏi. Khi ấy các cung nữ trong cung ngày ngày đến gần Đức Phật

không được. Nhà vua bèn lấy tóc của Đức Phật dựng tháp ở trong cung, để cho người trong cung thường ngày đến cúng dường. Khi vua Tần-bà-sa-la băng hà, Đề-bà-đạt-đa cùng vua A-xà-thế, tâm đầu ý hợp cùng sinh tâm phỉ báng Phật, không cho phép người trong cung đến cúng dường tháp này. Khi ấy có một người trong cung tên là Xá-lợi-phất-ma-đề, vào ngày Tăng tự tứ, nhớ lại tập tục trước, liền lấy hương hoa cúng dường tháp này. Khi ấy vua A-xà-thế vì ghét người ấy đến cúng dường tháp Phật, ông dùng gươm đâm chết người đó. Lúc mạng chung cô được sinh lên cõi trời Ba mươi ba, từ cung điện ở cõi trời cô đến tập hội tại Thiên pháp đường. Trời Đế Thích liền dùng kệ đề hỏi:

*Xưa người tạo phước gì
Mà được sinh lên trời
Oai đức thật quang minh
Giống như sắc vàng ròng
Tạo nghiệp gì mà được
Xin hãy nói ta nghe?*

Lúc ấy Thiên nữ dùng kệ đáp lại:

*Xưa tôi ở nhân gian
Tâm hoan hỷ cung kính
Dùng các hương hoa tốt
Để cúng dường tháp Phật
Nhưng vua A-xà-thế
Đã dùng gươm giết tôi
Mạng chung được sinh Thiên*

Hưởng vui sướng tột bậc.

Khi nói kệ ấy xong, cô ta đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe và cô được đắc quả Tu-đà-hoàn, liền trở về Thiên cung. Lúc ấy các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Nhờ nhân duyên gì mà cô ta được sinh ở cõi Trời?

Đức Phật trả lời:

– Ngày xưa ở nhân gian, cô đã từng lấy hương hoa để cúng dường tháp Phật. Do nghiệp lành ấy cho nên nay được làm thân trời, lại đến chỗ Ta nghe pháp nên được giác ngộ, chứng quả Tu-đà-hoàn.



58- CHUYỆN VỢ CHỒNG TRƯỞNG GIẢ XÂY CÁT CHÙA THÁP ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Ở nước Xá-vệ có một trưởng giả tạo lập chùa tháp và nhà Tăng. Khi trưởng giả bị bệnh mạng chung, được sinh lên cõi trời thứ Ba mươi ba. Người vợ nhớ chồng ưu sầu khổ não. Vì thương nhớ chồng cho nên bà sửa sang chùa tháp và nhà Tăng như lúc chồng còn sống.

Người chồng ở trên trời tự mình xem xét và nói: “Ta nhờ nhân duyên gì mà được sinh trên cõi trời

này?” Ông biết nhờ công đức tạo chùa tháp, cho nên mới được sinh đến đây. Ông tự biết như vậy mà được sinh thân trời, cho nên tâm thường sinh hoan hỷ, thường nghĩ đến chùa tháp. Nhờ Thiên nhân quán thấy những chùa tháp mình đã tạo, nay ai đang coi ngó? Ông liền thấy vợ mình ngày đêm nhớ chồng, ưu sầu, khổ não, vì chồng của mình, cho nên mới sửa sang chùa tháp. Người chồng liền nghĩ: “Vợ ta vì ta mà có được công đức lớn, nay ta thường đến chỗ ấy để thăm viếng an ủi.” Ông liền biến mất ở cõi trời, đi đến bên vợ, nói:

– Nàng ưu sầu thống thiết là vì nhớ ta chăng?

Vợ hỏi:

– Ông là ai mà đến khuyên can tôi vậy?

Đáp:

– Ta là chồng nàng, nhờ nhân duyên tạo dựng chùa tháp, tăng phùng mà được sinh lên cõi trời thứ Ba mươi ba. Thấy nàng siêng năng sửa sang chùa tháp, cho nên ta đến bên nàng.

Vợ nói:

– Hãy đến trước cùng tôi giao hội.

Chồng nói:

– Thân người hôi thối không thể đến gần. Nếu muốn làm vợ ta, hãy nên siêng năng cúng dường Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng, sau khi mạng chung sẽ sinh lên Thiên cung của ta, ta sẽ lấy nàng làm vợ.

Người vợ làm theo lời chồng, cúng dường Phật,

Tăng, tạo các công đức, phát nguyện sinh lên cõi trời. Do đó sau khi mạng chung liền sinh lên cõi trời ấy, vợ chồng gặp nhau, đồng đến bên Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp, sau khi nghe xong họ chứng được quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo thấy chuyện lạ liền hỏi Đức Phật:

– Hai vợ chồng họ tạo nghiệp duyên gì mà được sinh lên cõi trời?

Đức Phật dạy:

– Ngày xưa ở cõi người, họ xây cất chùa tháp, nhà Tăng, cúng dường Phật và Tăng, do công đức đó cho nên nay được sinh cõi trời.



59- CHUYỆN VỢ CHỒNG TRƯỞNG GIẢ TÍN TÂM KÍNH LỄ ĐỨC PHẬT ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Trong thành Vương xá có một trưởng giả ngày ngày đi đến chỗ Đức Phật, làm cho vợ ông sinh nghi mới nghĩ: “Phải chăng chồng ta tư thông với người nào cho nên ngày nào cũng đi?”

Bà liền hỏi chồng:

– Ngày ngày ông thường đi đâu rồi trở về?

Người chồng trả lời vợ

– Ta đến hầu Đức Phật rồi trở về.

Vợ hỏi:

– Đức Phật đẹp hay xấu, có hơn ông không, mà ông cứ thường đến bên ông ta?

Người chồng liền tán thán các thứ công đức của Đức Phật cho vợ nghe. Khi ấy người vợ nghe công đức của Đức Phật, tâm sinh hoan hỷ, liền cỡi xe đi đến chỗ Đức Phật.

Lúc ấy, ở bên Đức Phật có các vị vua, đại thần vây quanh bên phải, bên trái khiến nàng không thể đến trước Đức Phật, mà đứng từ xa lạy Phật rồi trở vào thành. Sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời thứ Ba mươi ba, vị ấy liền tự nghĩ: “Ta nhờ ân sâu của Đức Phật, nhờ công đức lạy Ngài một lạy mà được sinh lên cõi trời.” Cô liền từ cõi trời xuống, đi đến chỗ Đức Phật, Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe và cô liền được chứng quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Nhờ nhân duyên gì mà cô ta được sinh lên cõi trời?

Đức Phật trả lời:

– Ngày xưa ở nhân gian, cô đã đánh lễ Ta, nhờ công đức của một cái lạy ấy, sau khi mạng chung cô được sinh lên cõi trời.



60- CHUYỆN CÔ GÁI NGOẠI ĐẠO BÀ-LA-MÔN HỌC ĐỆ TỬ CỦA ĐỨC PHẬT THIẾT

LỄ TRAI DIÊN ĐƯỢC SINH Ở CỖ TRỜI

Bấy giờ ở nước Xá-vệ, có các đệ tử của Phật, là nữ nhân làm ấp hội, thường đi đến bên Đức Phật. Trong số bạn bè theo học, có một cô gái Bà-la-môn, tà kiến không tin, không từng thọ trai trì giới, thấy các người nữ cùng tụ hội để thọ trai. Cô hỏi:

– Hôm nay các chị vì sao lại tập hợp ở đây? Tôi với mấy chị là chỗ thân thiết, sao lại không sai tôi làm cái gì?

Các cô bạn trả lời:

– Chúng tôi đang thiết trai.

Cô gái Bà-la-môn nói:

– Hôm nay không phải là ngày mồng sáu trong tháng, cũng không phải là ngày mười hai, vậy thiết trai theo pháp của ai?

Các cô bạn trả lời:

– Chúng tôi thiết trai theo pháp của Đức Phật.

Cô gái Bà-la-môn nói:

– Các chị thiết trai theo pháp của Đức Phật thì được công đức gì?

Đáp:

– Được sinh lên cõi trời, được giải thoát.

Cô gái Bà-la-môn vì ham ăn uống cho nên lấy nước làm trai thực, sau đó lấy nước tương ngon đổ vào. Trai pháp của Bà-la-môn thì không uống, không ăn. Còn trai pháp của Đức Phật thì ăn cơm

ngon, uống nước ngọt. Trai pháp này rất dễ, cho nên cô sinh tín tâm, ưa thích, hoan hỷ. Vì vậy sau khi mạng chung cô được sinh lên cõi trời. Cô lại đi đến bên Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe, cô được đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Nhờ nhân duyên gì mà cô ta được sinh lên cõi trời?

Đức Phật đáp:

– Ngày xưa ở nhân gian, cô thấy các cô gái tụ tập để thiết trai, cô cũng tùy hỷ thiết trai. Do nghiệp lành ấy, cô được sinh lên cõi trời.



61- CHUYỆN CÔ GÁI NGHÈO CÚNG TÂM DẠ CHO TRƯỞNG GIẢ TU-ĐẠT ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Bảy giờ trưởng giả Tu-đạt suy nghĩ như vậy: “Thiện pháp nuôi sống gia đình ta, sau khi mạng chung, không đọa ác đạo. Vì sao vậy? Vì ta đã hết lòng dạy dỗ gia đình ta bằng tịnh pháp. Những người bạn cùng khốn khổ, có tín tâm hay không có tín tâm, nay ta cũng dùng điều lành dạy họ, bảo họ cúng dường Phật và Tăng. Đó là việc làm đầy đủ trên hết.” Ông liền tâu với vua Ba-tư-nặc, vua bảo sứ đánh trống, rung linh báo cho dân chúng biết:

– Sau bảy ngày nữa trưởng giả Tu-đạt muốn

khuyến hóa, duyên góp để cúng dường Tam bảo. Xin tất cả nhân dân ai nấy cũng tùy hỷ, bố thí nhiều hay ít, cho đến đầu ngày thứ bảy, trưởng giả Tu-đạt sẽ đi đến từng người để khuyến hóa duyên góp.

Khi ấy có một cô gái nghèo buôn bán khổ sở chỉ được một tấm dạ để che thân. Cô thấy trưởng giả đến xin liền đem cho. Tu-đạt nhận rồi, lấy làm kinh ngạc, liền lấy tiền bạc, lúa, lụa, y thực, tùy ý cô ta thích gì ông đều đem cung cấp đầy đủ. Sau khi mạng chung người nữ nghèo khổ đó được sinh lên cõi trời, cô đi đến bên Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe và cô được quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Nay Thiên nữ này nhờ nhân duyên gì được sinh lên cõi trời.

Đức Phật trả lời:

– Ngày trước ở nhân gian, gặp trưởng giả Tu-đạt khuyến hóa, duyên góp, cô sinh tâm hoan hỷ liền lấy tấm dạ trắng đang mặc trên người, bố thí cho Tu-đạt. Nhờ nghiệp lành ấy, cô được sinh lên cõi trời. Rồi cô lại đến bên Ta nghe pháp tin, hiểu nên chứng được quả Tu-đà-hoàn.



62- CHUYỆN CON GÁI CỦA TRƯỞNG GIẢ KHÔNG TIN

TAM BẢO, CHA NÀNG LẤY TIỀN BẠC MUỐN NÀNG THỌ TRÌ NĂM GIỚI ĐƯỢC SINH Ở CỠI TRỜI

Bây giờ, trong nước Xá-vệ có một vị trưởng giả tên là Phất-xa, sinh hai người con gái. Một người thì xuất gia, tu hành tinh tấn, chứng quả A-la-hán, còn một người thì tà kiến, phỉ báng không tin.

Khi ấy, người cha nói với cô gái không có tín tâm này:

– Nay nếu con quy y Phật, cha sẽ cho con một ngàn đồng vàng, cho đến quy y Pháp và Tăng, thọ trì năm giới, cha sẽ cho con tám ngàn đồng tiền vàng.

Khi ấy cô liền thọ năm giới, không bao lâu sau đó thì mạng chung, được sinh lên cõi trời. Cô đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe, cô liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Cô Thiên nữ này nhờ làm hạnh nghiệp gì mà được sinh lên cõi trời?

Đức Phật trả lời:

– Lúc ở nhân gian, cô tham tiền vàng của cha nên quy y Tam bảo, thọ trì năm giới. Nhờ nhân duyên ấy, nên nay cô được sinh lên cõi trời, lại đến chỗ Ta nghe pháp được đắc đạo.



63- CHUYỆN CÔ GÁI QUÉT DỌN THẤY PHẬT SINH TÂM HOAN HỖ NÊN ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Theo pháp ở Nam Thiên trúc, hễ trong nhà có đồng nữ thì phải bảo đồng nữ dậy sớm để quét dọn trong nhà, ngoài ngõ, bên trái bên phải thật sạch. Có một cô gái của vị trưởng giả dậy sớm quét sân, bỗng gặp Đức Như Lai đang đi ngang trước ngõ. Cô thấy Đức Phật sinh tâm hoan hỷ, chú ý nhìn Phật. Sau đó tuổi thọ ngắn ngủi, mạng chung cô sinh ở cõi trời. Phạm người sinh ở cõi trời có ba cách suy nghĩ. Tự suy nghĩ: “Xưa thân ta là gì?”, cô tự biết mình là thân người. “Nay sinh ở đâu?”, cô biết rõ là đang ở cõi trời. “Xưa tạo nghiệp gì mà được sinh đến đây?”, cô biết là nhờ thiện nghiệp thấy Phật mà sinh lòng hoan hỷ, nên mới được quả báo này. Cô cảm niệm ân sâu của Đức Phật, đi đến để cúng dường Phật. Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe, cô chứng quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Nhờ nhân duyên gì mà cô gái này được sinh lên cõi trời?

Đức Phật trả lời:

– Ngày xưa ở nhân gian, cô ta dậy sớm quét dọn, gặp Đức Phật đi ngang qua cửa, cô thấy Đức Phật sinh tâm hoan hỷ. Do nghiệp lành ấy cho nên

được sinh lên cõi trời, cô lại đến chỗ Ta nghe pháp mà được chứng đạo.



64- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ LÀM NHÀ THỈNH PHẬT CÚNG DƯỜNG, DÙNG NHÀ MỚI ĐỂ BỒ THÍ ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Ở thành Vương xá có một vị đại trưởng giả, xây dựng nhà mới, thỉnh Đức Phật đến để cúng dường. Rồi ông bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, từ nay về sau, khi vào thành rửa tay rửa bát, mong Ngài luôn luôn đến đây.

Sau đó, ông mạng chung được sinh lên cõi trời. Từ cung điện cõi trời ông đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho ông nghe và ông chứng được quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Nhờ nhân duyên gì mà ông ta được sinh lên cõi trời?

Đức Phật trả lời:

– Ngày xưa ở nhân gian, ông tạo dựng nhà cửa mới, thỉnh Phật đến cúng dường. Do thiện nghiệp ấy nay được sinh lên Thiên cung, ông lại đến chỗ Ta nghe pháp và được đắc đạo.



65- CHUYỆN NGƯỜI PHỤ NỮ LẤY NƯỚC MÍA CÚNG ĐƯỜNG CHO VỊ A-LA-HÁN ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Xưa ở nước Xá-vệ có một vị Tỳ-kheo La-hán vào thành khát thực, lần lượt đến nhà ép mía. Lúc ấy có một nàng dâu của nhà ấy đem một bát nước mía dâng cúng vị Tỳ-kheo này. Mẹ chồng thấy vậy liền khởi sân tâm, lấy gậy đánh đập cô ta, không may trúng vào thắt lưng nên cô ta tức thì mạng chung và được sinh lên cõi trời Đao-lợi, cũng làm thân nữ và ở chỗ cung điện toàn là mía đường. Lúc chư Thiên chúng tập hợp tại Thiện pháp đường thì cô ta cũng đến đó.

Khi ấy Đế Thích dùng kệ hỏi rằng:

*Xưa người gieo nhân gì
Mà được diệu sắc thân
Sắc quang minh hơn hết
Giống như sắc vàng ròng?*

Thiên nữ dùng kệ đáp:

*Xưa tôi ở cõi người
Lấy nước mía cúng đường
Nay được quả báo lớn
Ở trong chúng chư Thiên
Quang minh tỏa sáng ngời.*



66- CHUYỆN CÔ GÁI DÙNG HƯƠNG XOA LÊN CHÂN ĐỨC PHẬT ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Ngày xưa, ở trong thành Xá-vệ có một người nữ đang ngồi dưới đất mài hương, bỗng gặp Đức Phật đi vào thành. Khi thấy Đức Phật cô gái liền sinh tâm hoan hỷ, lấy hương đã mài xoa vào chân của Đức Phật. Nhờ đó sau khi mạng chung cô được sinh lên trời, hương trong thân bay xa hơn bốn ngàn dặm. Cô đến tập hợp tại Thiện pháp đường. Đế Thích dùng kệ để hỏi:

*Xưa người tạo phước gì
Thân hình hương thơm phức
Sinh ở trên côi trời
Ánh sáng như vàng khối?*

Thiên nữ liền dùng kệ trả lời:

*Tôi dùng hương thượng diệu
Cúng dường Đấng Tối Thắng
Được oai đức tuyệt luân
Sinh tầng trời Ba ba
Hưởng vui sướng cùng tột
Thân thơm các diệu hương
Xa đến trăm do-tuần,
Những người nghe hương này
Đều được lợi ích lớn.*

Liên khi ấy Thiên nữ đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe, cô liền chứng được

quả Tu-đà-hoàn, rồi cô trở về cõi trời.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Ngày xưa cô ta tạo phước gì mà nay được sinh ở cõi trời, thân mình có mùi hương thơm phức?

Đức Phật dạy:

– Thiên nữ này ngày xưa ở nhân gian nhờ lấy hương xoa chân Ta. Do nhân duyên đó khi mạng chung được sinh lên cõi trời, hưởng quả báo như vậy.



67- CHUYỆN NỮ TỖ CỦA TRƯỞNG GIẢ TU-ĐẠT QUY Y TAM BẢO ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Bấy giờ, ở nước Xá-vệ trưởng giả Tu-đạt dùng mười vạn lượng vàng muốn người quy y Tam bảo. Khi ấy có một nữ tỳ nghe trưởng giả nói liền quy y Phật. Sau khi mạng chung cô được sinh lên cõi trời thứ Ba mươi ba. Bấy giờ cô đi đến Thiện pháp đường. Đế Thích dùng kệ để hỏi:

*Xưa ngươi có phước gì
Mà được sinh cõi trời
Sắc quang minh vi diệu
Xin hãy nói ta nghe?*

Khi ấy Thiên nữ dùng kệ trả lời:

*Bậc Tối Thắng tam giới
Cắt đứt khổ sinh tử
Bậc Cứu Tế ba cõi
Đoạn trừ tham, sân, si
Xưa tôi quy y Phật
Cùng với Pháp và Tăng
Bởi do nhân duyên ấy
Được quả báo như vậy.*

Nói kệ xong, cô đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe và cô đắc được quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Nhờ nghiệp duyên gì mà cô ta được quả báo như vậy?

Đức Phật trả lời:

– Xưa ở nhân gian, cô ta quy y Phật cho nên được sinh lên cõi trời. Nhờ nghe Ta thuyết pháp nên được quả Tu-đà-hoàn.



68- CHUYỆN CÔ GÁI NGHÈO XIN THỨC ĂN NƠI PHẬT ĐƯỢC SINH Ở CỎI TRỜI

Ngày xưa ở nước Xá-vệ có một cô gái bần cùng khốn khổ, thường đứng ở đầu đường xin ăn để kiếm sống, dần dần đã lâu ngày tất cả mọi người, chẳng ai thèm nhìn cô. Khi ấy Đức Phật đi đến chỗ cô đang ở, cô xin thức ăn nơi Phật. Đức Phật xót

thương cô gái nghèo, khốn khổ đói khát gần chết. Ngài liền bảo Tôn giả A-nan lấy cơm cho cô ăn. Khi ấy cô gái nghèo được ăn nên vui mừng. Sau đó cô mạng chung được sinh lên cõi trời. Cảm nhớ cái ân trước của Đức Phật, cô đi đến để cúng dường. Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe và cô đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Nay Thiên nữ này nhờ nhân duyên gì mà được sinh lên cõi trời?

Đức Phật trả lời:

– Thiên nữ này, ngày xưa ở nhân gian đói khát khốn khổ gần chết, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan lấy cơm cho ăn. Khi được ăn xong, sinh tâm hoan hỷ. Nhờ thiện căn ấy, nên sau khi mạng chung, được sinh Thiên cung, cô lại đến chỗ Ta nghe pháp mà đắc đạo.



69- CHUYỆN NỮ TỖ CỦA TRƯỞNG GIẢ ĐEM CƠM CHO CHỦ, GẶP ĐƯỢC PHẬT LIÊN CÚNG DƯỜNG NÊN ĐƯỢC QUẢ BÁO SINH Ở CÔI TRỜI

Ở trong nước Xá-vệ có người con của trưởng giả vui chơi trong vườn với con của các trưởng giả khác. Đến lúc muốn đi thì bảo với người nhà:

– Hãy đem cơm cho tôi.

Sau đó người nhà bảo nữ tỳ đem cơm. Nữ tỳ đi ra ngoài ngõ liền gặp Đức Phật, cô liền lấy cơm ấy cúng dường cho Đức Phật. Cô lại trở về nhà lấy cơm khác đem đi. Cũng ngay giữa đường gặp ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, cô liền cúng dường cho các ngài. Lần thứ ba cô lấy cơm đem cho con của trưởng giả. Khi con của trưởng giả ăn xong, tự đi về nhà và nói với vợ:

– Vì sao hôm nay đem cơm trễ quá vậy?

Người vợ trả lời:

– Hôm nay đem cơm cho chàng đến ba lần sao lại nói chậm trễ?

Bà liền gọi cô nữ tỳ để hỏi:

– Sáng nay người lấy cơm ba lần đem cho ai?

Cô nữ tỳ đáp:

– Lần thứ nhất đem cơm gặp Đức Phật tôi liền cúng cho ngài. Lần thứ hai đem cơm gặp ngài Xá-lợi-phất và ngài Mục-kiền-liên, tôi lại cúng cho các ngài. Lần thứ ba lấy cơm mới đưa lại cho đại gia.

Đại gia nghe vậy bưng bưng tức giận lấy gậy mà đập làm cô chết ngay, cô liền sinh lên cõi trời. Khi mới sinh lên cõi trời, có đầy đủ ba ý nghĩ:

1. Tự nghĩ: “Nay ta sinh ở chỗ nào?”. Tự biết là sinh ở cõi trời.

2. Tự suy nghĩ: “Từ cõi nào mạng chung mà lại sinh ở cõi trời?”. Cô biết từ cõi người được sinh ở

cõi trời.

3. Tự suy nghĩ: “Nhờ những nghiệp duyên gì mà được sinh lên cõi trời?”. Cô biết nhờ cúng dường cơm mà được quả báo này.

Cô liền đi đến chỗ Đức Phật để cung kính cúng dường. Đức Phật thuyết pháp cho cô nghe và cô đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Nay Thiên nữ này nhờ nhân duyên gì mà được sinh lên cõi trời?

Đức Phật trả lời:

– Ngày xưa ở nhân gian cô ta làm nữ tỳ của trưởng giả khi đem cơm cho con của trưởng giả thì gặp Đức Phật Như Lai, cô liền lấy cơm ấy cúng dường cho Phật nên ông chủ cô tức giận lấy gậy đập chết. Nhờ nhân duyên ấy nên mạng chung được sinh lên trời. Cô lại đến chỗ Ta nghe pháp mà chứng đạo.



70- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ XÂY CÁT GIẢNG ĐƯỜNG CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Bấy giờ ở thành Vương xá, vua Tần-bà-sa-la xây cát chùa tháp và tặng phòng cúng dường Đức Phật. Khi ấy có một trưởng giả cũng muốn xây cát phòng ốc nhà cửa đẹp để cúng dường Đức Phật,

nhưng không tìm ra chỗ, liền lấy chỗ Đức Phật kinh hành xây cất một giảng đường có bốn cửa lớn. Sau khi mạng chung vị ấy được sinh lên cõi trời. Từ nơi cung điện của chư Thiên, ông đến cúng dường Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho ông nghe và ông đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Nay Thiên tử này nhờ nghiệp duyên gì mà được sinh lên Thiên cung?

Đức Phật trả lời:

– Xưa ở nhân gian ông ta xây cất giảng đường để cúng Đức Phật. Do thiện nhân ấy, nên mạng chung ông được sinh lên cõi trời. Nay đến chỗ Ta, vị ấy cảm nhớ ân đức, cúng dường, lại nghe Ta thuyết pháp nên được quả Tu-đà-hoàn.



71- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ THẤY VUA XÂY THÁP, ÔNG CŨNG XÂY THÁP ĐƯỢC QUẢ BÁO SINH Ở CÔI TRỜI

Bấy giờ, trong núi Kỳ-xà-quật, phía Nam nước Ấn độ có một vị trưởng giả thấy vua Tần-bà-sa-la xây Tăng phòng đẹp để cúng cho Đức Phật. Ông cũng xây tháp và tăng phòng rồi thỉnh Đức Như Lai đến ở. Sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời, ông lại đến chỗ Đức Phật để báo ân và cúng dường. Đức Phật thuyết pháp cho ông nghe và ông

đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỷ-kheo bạch Đức Phật:

— Trước đây vị Thiên tử này nhờ nhân duyên gì mà được sinh lên cõi trời?

Đức Phật trả lời:

— Ngày xưa ở nhân gian thấy vua xây tháp, ông ta sinh tâm tùy hỷ và rồi xin phép Đức Như Lai tạo lập tháp để cúng dường. Nhờ thiện nghiệp ấy được sinh lên cõi trời, ông lại đến chỗ Ta nghe pháp, rồi tin hiểu, chứng quả Tu-đà-hoàn.



72- CHUYỆN NGƯỜI KHÁCH BUÔN XÂY NHÀ CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Bấy giờ, ở nước Xá-vệ có một người khách buôn đi xa để buôn bán, bị chết ở xứ người không trở về được. Người mẹ ở nhà phải nuôi con anh. Khi đứa con khôn lớn lại muốn đi xa. Tổ mẫu mới nói với anh:

— Cha ngươi đi xa, khi chết bỏ thân nơi đất khách không trở về nữa. Vậy ngươi chớ nên đi xa, hãy ở gần đây, ra chợ buôn bán.

Anh ta liền vâng lời dạy ấy, đi đến giữa chợ làm một cái quán để buôn bán. Anh nghĩ như vậy: “Nhân dân trong thành này tất cả đều thỉnh Đức Phật. Nay ta mới làm nhà xong cũng nên thỉnh Đức

Như Lai.” Khi Đức Phật đến nhà, anh bạch Đức Phật:

– Con đem nhà này cúng dường Đức Như Lai. Từ nay về sau, khi nào vào thành rửa tay rửa bát, mong Đức Như Lai hãy đến nhà con.

Nhờ vậy sau khi mạng chung, anh liền sinh lên cõi trời. Rồi vị trời đi đến chỗ Đức Phật, Đức Phật thuyết pháp cho vị ấy nghe nên được đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Vị trời này ngày xưa nhờ nhân duyên gì mà được sinh lên cõi trời?

Đức Phật trả lời:

– Ngày xưa lúc làm người, anh làm nhà mới để buôn bán và thỉnh Phật vào nhà. Nhờ thiện nghiệp ấy cho nên anh được sinh lên cõi trời. Anh lại đến chỗ Ta nghe pháp và được chứng quả.



KINH TẠP BẢO TẠNG

QUYỂN 6

Gồm sáu chuyện:

73. Chuyện Đế Thích hỏi việc.

74. Chuyện Đức Phật độ A-nhã Kiều-trần-như và nhiều người trong quá khứ.

75. Chuyện con của Sai-ma bị bệnh mắt quy y Tam bảo được nhãn tịnh.

76. Chuyện bảy loại pháp bố thí.

77. Chuyện vua nước Ca-bộ lúc trời hạn hán tầm Phật nên được mưa.

78. Chuyện trưởng giả thỉnh Xá-lợi-phất và Ma-ha-la.



73- CHUYỆN ĐẾ THÍCH HỎI VIỆC

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở phía Nam thành Vương xá tại nước Ma-kiệt-đề. Có tụ lạc của Bà-la-môn tên là Yêm-ba-la-lâm, ở phía Bắc của tụ lạc này có một hang núi đá tên là Tỳ-đề-hê.

Bấy giờ Đế Thích nghe Đức Phật ở tại đó, liền bảo vương tử Kiên-thất-bà Bàn-xà-thức-xí:

– Đức Thế Tôn đang ở trong hang núi Tỳ-đề-hê về phía Bắc của tụ lạc Bà-la-môn, tên là Yêm-ba-la-lâm thuộc nước Ma-kiệt-đề. Nay ta cùng ngươi hãy đến đó.

Vương tử Kiên-thất-bà Bàn-xà-thức-xí đáp:

– Thưa vâng, việc này rất tốt.

Vương tử vui mừng hơn hờ ôm đàn lưu ly theo Đế Thích đi đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ chư Thiên nghe Đế Thích cùng vương tử Kiên-thất-bà... muốn đi đến chỗ Đức Phật, cả đoàn tự trang nghiêm đi theo Đế Thích và biến mất nơi cõi trời hiện đến núi Tỳ-đề-hê.

Khi ấy trong núi này ánh sáng rực rỡ, những người ở núi này đều bảo nhau:

– Lửa cháy.

Đế Thích liền bảo vương tử Kiên-thất-bà:

– Nơi này thanh tịnh, xa lìa các ác, là chỗ vắng vẻ, an ổn để tọa thiền. Nay ở bên Đức Phật có nhiều bậc Tôn thắng, chư Thiên bít lối, đứng đây hai bên Ngài. Nay chúng ta làm sao ra mắt Đức Thế Tôn được?

Đế Thích liền bảo vương tử Kiên-thất-bà:

– Ngươi hãy vì ta đến chỗ Đức Phật nói lên ý muốn của chúng ta là muốn đến gần Ngài để thân cận thăm hỏi.

Vương tử Kiên-thất-bà vâng lời đi đến một chỗ không xa cũng không gần để chiêm ngưỡng tôn nhan, rồi ôm đàn Tỳ-bà mà khảy để cho Đức Phật nghe tiếng.

Vương tử làm bài kệ rằng:

*Lòng dục sinh luyến trước
Như voi bị lún bùn
Cũng như voi điên chạy
Mà không có móc xích
Giống như A-la-hán
Luyến mộ nơi diệu pháp
Cũng như ta tham sắc
Cung kính lạy cha nàng
Nhờ sinh chỗ quý thắng
Sinh ái lạc bội phần.
Ái dục lòng ta thêm sinh trưởng
Tợ như nóng bức gặp gió mát
Như khát dữ dội, được nước trong
Dáng mạo của nàng thật khả ái.
Giống như La-hán mến Chánh pháp
Cũng như người bệnh gặp thuốc hay
Như người đang đói gặp cơm ngon
Nước mát trừ hết cơn nóng khát
Nay ta tham trước muốn rong ruổi
Như ta bị buộc không được đi.*

Đức Phật nói:

– Lành thay! Nay Bàn-xà-thức-xí, nay tầu lên

âm thanh này, đàn sáo hòa điệu. Người đang ở gần hay xa mà tạo ra ca khúc này?

Vương tử liền bạch Phật:

– Thuở trước con gặp một hiền nữ tên là Tu-lợi-bà-chiết-tư là con gái của vua Kiên-thất-bà Trân-phù-lâu. Thiên tử Ma-đa-la tên là Thức-kiến-nhã, lần đầu cầu thân với nàng, lúc ấy tâm con vui sướng, yêu mến, liền đến chỗ nàng, nói lên bài kệ này. Nay con ở trước Đức Phật, lại nói bài kệ này.

Đế Thích nghĩ: “Đức Phật đã dùng định lực mà biết, nay đang nói chuyện với Bàn-xà-thức-xí.” Đế Thích lại nói với Thức-xí:

– Nay người hãy nhân danh ta xin đánh lễ dưới chân Đức Phật, thăm hỏi Đức Thế Tôn có ít bệnh ít nã, đi đứng nhẹ nhàng, ăn uống dễ tiêu hóa, khí lực an lạc, không có gì trở ngại chăng? Đang sống an lạc chăng?

Vương tử liền đáp:

– Thừa vâng.

Rồi theo lời dạy của Đế Thích, vị ấy liền đánh lễ dưới chân Đức Phật, đem lời của Đế Thích thăm hỏi Đức Thế Tôn.

Đức Phật hỏi lại:

– Đế Thích và chư Thiên đều an lạc chứ?

Vương tử lại bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, Đế Thích và chư Thiên cõi trời thứ Ba mươi ba muốn ra mắt Đức Phật, Ngài

có cho phép chăng?

Đức Phật trả lời:

– Nay đã đúng thời.

Đế Thích và chư Thiên cõi trời thứ Ba mươi ba nghe Đức Phật dạy như vậy liền đến chỗ Ngài, đánh lễ dưới chân Ngài, rồi đứng qua một bên, bạch Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, chúng con nên ngồi ở chỗ nào?

Đức Phật bảo:

– Hãy ngồi lên chỗ này.

Đế Thích bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, hang động này quá nhỏ mà chư Thiên lại quá đông!

Khi nói lời ấy xong thì Đế Thích thấy hang động rộng lớn. Đức Phật dùng thần lực khiến cho hang động có thể chứa tất cả.

Đế Thích liền đánh lễ dưới chân Đức Phật, rồi ngồi ở phía trước, bạch Đức Phật:

– Con luôn luôn muốn gặp Đức Phật, muốn được nghe pháp. Thuở trước Đức Phật ở tại nước Xá-vệ đang nhập Hỏa quang tam-muội. Ngay lúc đó có thị nữ của Tỳ-sa-môn tên là Bộ-xà-bạt-đề, Bộ-xà-bạt-đề đang chấp tay hướng về Đức Phật. Khi ấy con nói với các thị nữ của Tỳ-sa-môn ấy: “Nay Đức Phật đang ở trong định, ta không dám làm náo loạn. Người hãy thay ta đánh lễ dưới chân

Đức Phật, nói tên của ta thăm hỏi Ngài.” Cô gái ấy có thay lời Đế Thích đến lễ bái, hỏi thăm Ngài chăng?

Đức Phật nói với Đế Thích:

– Ngay khi ấy Ta nghe tiếng các người, sau đó không bao lâu thì Ta xuất định.

Đế Thích bạch Đức Phật:

– Ngày xưa con có theo các bậc Tôn túc, nghe rằng chư Như Lai, Bạc A-la-hán, Tam-miệu-tam-phật-đà xuất hiện ở thế gian thì chúng chư Thiên tăng trưởng, chúng A-tu-la bị giảm bớt. Ngày nay con đích thân tự sinh ở cõi trời, chúng chư Thiên tăng trưởng, chúng A-tu-la giảm thiểu. Nay con thấy đệ tử của Đức Phật được sinh lên cõi trời, có ba sự trội hơn chư Thiên: Đó là trội hơn về thọ mạng, trội hơn về ánh sáng, trội hơn về danh xưng.

Khi ấy con gái Cù-tỳ-da-bảo, sinh ở cõi trời Đao-lợi, trước kia là đệ tử của Đức Phật, nay làm con của Đế Thích, tên là Thiên tử Cừ Hoặc. Lại có ba vị Tỳ-kheo, trước đây theo Phật để tu hành phạm hạnh, nhưng tâm chưa lìa dục, nên khi thân hoại mạng chung, sinh vào nhà Càn-thát-bà, ngày ngày ba buổi bị chư Thiên sai bảo. Thiên tử Cừ Hoặc thấy ba vị ấy đến để Thiên tử sai bảo, liền nói:

– Tâm ta không vui, không chấp nhận được.

Ngày xưa khi ta ở nhân gian thì ba người thường đến nhà ta để nhận sự cúng dường của ta. Ngày nay bị chư Thiên sai khiến, ta không nữa nhìn các người. Ba vị trời ấy vốn là hàng đệ tử Thanh văn của Đức Phật, lúc ta làm người đã nhận sự cúng dường cung kính, ẩm thực, y phục của ta, ngày nay lại trở thành hạ tiện. Các người nghe pháp từ miệng của Đức Phật, nhờ Phật mà khai giải. Tại sao ngày nay lại sinh vào chốn khổ sở này? Trước đây ta phụng sự cúng dường các người. Song ta theo Phật nghe pháp, tu bố thí, tin nhân quả, cho nên ngày nay làm con của Đế Thích, có đại oai đức, thế lực tự tại. Chư Thiên đều gọi ta là Cừ Hoặc. Các người đã được thắng pháp của Đức Phật, tại sao lại không nỗ lực tu hành, lại sinh vào chỗ đê tiện này? Nay ta không nữa nhìn thấy sự xấu ác này. Những việc như vậy ta không muốn nhìn. Tại sao cùng trong một pháp lại sinh nơi hạ tiện này, mà đệ tử của Đức Phật thì không nên sinh vào đó?

Thiên tử Cừ Hoặc nói lên lời hiềm trách ấy, cả ba vị ấy, tự mình hết sức xấu hổ, sinh tâm nhàm chán, chấp tay nói với Cừ Hoặc:

– Như lời Thiên tử nói, đúng là lỗi của chúng tôi, nay nên trừ bỏ những dục ác như vậy.

Họ liền siêng năng tinh tấn, tu tập định tuệ, cả ba người nhớ nghĩ đến pháp của Cù-đàm, thấy dục là tội lỗi tai họa, liền đoạn sự trói buộc của dục.

Giống như voi lớn bứt đứt dây trói, họ đoạn trừ tham dục cũng lại như thế.

Khi ấy Đế Thích cùng Nhất-thương-na thiên, chư Thiên khác và Hộ thế Tứ Thiên vương đều đến ngồi ở tòa này. Ba vị ấy đã đoạn trừ hết dục, ở trước chư Thiên liền bay lên hư không.

Đế Thích bạch Đức Phật:

– Ba vị ấy đã đắc được pháp gì mà có thể làm các thứ thần biến như vậy? Con đến gặp Đức Thế Tôn muốn hỏi những vị ấy đã chứng đắc được những gì?

Đức Thế Tôn trả lời:

– Cả ba vị ấy đã bỏ chỗ ấy được sinh cõi trời Phạm thiên.

Đế Thích thưa:

– Cúi mong Đức Thế Tôn nói cho con nghe pháp họ được sinh cõi Phạm thiên.

Đức Phật bảo:

– Lành thay! Nay Đế Thích, Ta sẽ phân biệt, giải thích những nghi vấn của người.

Khi ấy Đức Phật suy nghĩ: “Đế Thích là người không nịnh bợ, dối trá, chân thật hỏi những điều nghi ngờ, không làm náo loạn Ta.” Ngài nói:

– Nếu người có hỏi điều gì Ta sẽ phân biệt giải thích.

Đế Thích hỏi Đức Phật:

– Kết sử nào có thể trói buộc Người, Trời,

Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già?

Khi ấy Đức Phật trả lời:

– Hai thứ kết sử tham lam và tật đồ trói buộc Người, Trời, A-tu-la, Càn-thát-bà... tất cả loài người đều bị tham lam và tật đồ mà tự trói buộc.

Đế Thích thưa:

– Việc này đúng như vậy, thưa Đấng Trời trong hàng trời, vì nhân duyên tham lam, tật đồ có thể trói buộc tất cả. Nay con nhờ theo Phật hiểu rõ nghĩa này, lưới nghi liền trừ, càng thêm hoan hỷ.

Đế Thích lại hỏi những vấn đề khác:

– Do đâu sinh ra tham lam, ganh ghét? Cái gì là nhân, cái gì là duyên mà sinh ra tham lam, ganh ghét? Do nhân duyên gì mà sinh? Do nhân duyên gì mà diệt?

Đức Phật đáp:

– Nay Kiều-thi-ca, tham lam tật đồ là do lòng thương ghét sinh ra, do thương ghét làm duyên; có thương, ghét thì có tham lam tật đồ, không có thương ghét thì tham lam tật đồ liền mất.

– Thật vậy, thưa Đấng Trời trong hàng trời. Nay con nhờ Phật được nghe hiểu nghĩa này, lưới nghi liền trừ, càng thêm hoan hỷ.

Đế Thích lại hỏi những nghĩa khác:

– Thương và ghét do nhân duyên gì sinh? Do

nhân duyên gì diệt?

Đức Phật đáp:

– Thương ghét là do sự ham muốn mà sinh, không có lòng ham muốn, thì thương ghét liền tiêu diệt.

– Thật vậy, thưa Đấng Trời trong hàng trời, con nhờ theo Phật được nghe, tin và hiểu nghĩa này nên lưới nghi liền đứt càng thêm hoan hỷ.

Đế Thích lại hỏi:

– Dục do nhân gì phát sinh? Do duyên gì mà tăng trưởng? Làm sao có thể đoạn diệt?

Đức Phật dạy:

– Dục vọng do giác quan sinh ra, duyên theo giác quan mà dục tăng trưởng, có giác quan thì có dục, không có giác quan thì dục tiêu diệt.

– Thật vậy, thưa Đấng Trời trong hàng trời, nay con nhờ Phật, nghe, hiểu nghĩa này, nên lưới nghi liền đứt, càng thêm hoan hỷ.

Đế Thích lại hỏi:

– Giác quan do nhân gì mà phát sinh? Do duyên gì mà tăng trưởng? Làm sao để tiêu diệt?

Đức Phật dạy:

– Giác quan do đùa giỡn mà phát sinh, do đùa giỡn mà tăng trưởng. Không đùa giỡn thì giác quán liền tiêu diệt.

– Thật vậy, thưa Đấng Trời trong hàng trời, nay con nhờ Phật nghe hiểu nghĩa này, nên lưới nghi

liền hết, càng thêm hoan hỷ.

Đế Thích lại hỏi:

– Đùa giỡn do đâu sinh trưởng, làm sao để tiêu diệt?

Đức Phật bảo:

– Nay Kiều-thi-ca, muốn diệt trừ đùa giỡn phải tu Bát chánh đạo: Thấy biết chân chánh; Hành nghiệp chân chánh; Lời nói chân chánh; Đời sống chân chánh; Phương tiện chân chánh; Suy tư chân chánh; Nhớ nghĩ chân chánh; Định chân chánh.

Đế Thích nghe xong bạch Đức Phật:

– Thật vậy, thưa Đấng Trời trong hàng trời, đùa giỡn quả thật phải nhờ Bát chánh đạo mà diệt trừ. Nay con nhờ Phật được nghe nghĩa này nên lười nghỉ liền trừ.

Đế Thích hoan hỷ lại hỏi:

– Muốn diệt trừ đùa giỡn thì phải tu Bát chánh đạo. Bát chánh đạo này, Tỳ-kheo lại nhờ pháp gì mà tăng trưởng?

Đức Phật nói:

– Có ba pháp:

1. Sự muốn chân chánh.
2. Siêng năng chân chánh.
3. Hay tập luyện nhiếp tâm.

Đế Thích thưa:

– Thật vậy, thưa Đấng Trời trong hàng trời,

chúng con nghe nghĩa này mà lưới nghi liền hết. Tỳ-kheo hay tu hành chánh đạo phần, thật sự chính nhờ ba việc này mà tăng trưởng.

Đế Thích nghe xong hoan hỷ lại hỏi:

– Tỳ-kheo muốn diệt trừ đùlā giṇṇa, phải học bao nhiêu pháp?

Đức Phật dạy:

– Phải học ba pháp. Phải học tăng trưởng đầy đủ tâm giữ giới, phải học tăng trưởng đầy đủ tâm thiền định, phải học tăng trưởng đầy đủ tâm trí tuệ.

Đế Thích nghe rồi thưa:

– Thật vậy, thưa Đấng Trời trong hàng trời, con nghe nghĩa này nên lưới nghi được trừ, vô cùng hoan hỷ.

Đế Thích lại hỏi nghĩa khác:

– Muốn diệt trừ đùlā giṇṇa cần phải hiểu thấu mấy nghĩa lý? Xin Đức Phật nói cho con nghe.

Đức Phật nói:

– Cần phải hiểu thấu sáu nghĩa lý:

1. Mắt biết sắc.
2. Tai biết tiếng.
3. Mũi biết hương.
4. Lưỡi biết vị.
5. Thân biết trơn mịn.
6. Ý biết các pháp.

Đế Thích nghe xong thưa:

– Thật vậy, thưa Đấng Trời trong hàng trời, con nghe nghĩa này nên lưới nghi được trừ vô cùng hoan hỷ.

Đế Thích lại hỏi nghĩa khác:

– Tất cả chúng sinh có cùng một sự tham lam, một sự dục vọng, một sự hướng đến, một sự theo đuổi chăng?

Đức Phật nói:

– Nay Đế Thích, tất cả chúng sinh cũng không đồng một sự tham lam, một lòng ham muốn, một sự hướng đến, một sự theo đuổi. Chúng sinh vô lượng, thế giới vô lượng, ý muốn vào sự theo đuổi càng sai biệt không đồng, họ đều chấp theo chỗ thấy của họ.

Đế Thích nghe xong, thưa:

– Thật vậy, thưa Đấng Trời trong hàng Trời, con nhờ nghe nghĩa này nên lưới nghi được trừ, vô cùng hoan hỷ.

Đế Thích lại hỏi nghĩa khác:

– Tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều được một chỗ rốt ráo, được sự không dơ bẩn, được phạm hạnh hoàn toàn chăng?

Đức Phật trả lời:

– Tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không thể đều được chỗ rốt ráo chỗ không dơ bẩn, cũng không được phạm hạnh hoàn toàn. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào được sự giải thoát vô thượng vì đã đoạn

trừ được sự trói buộc của ái dục, được chánh giải thoát thì người ấy trọn được chỗ rốt ráo, chỗ không dơ, chỗ phạm hạnh đầy đủ.

Đế Thích lại hỏi:

– Như lời Phật dạy, ai được sự giải thoát tối thượng vì đã đoạn trừ được sự trói buộc của ái dục, được chánh giải thoát thì người ấy mới trọn được chỗ rốt ráo, chỗ không dơ, chỗ phạm hạnh đầy đủ. Nay con nhờ Phật nghe hiểu nghĩa này, được rõ pháp này, được thoát khỏi nghi, đến bờ kia, được nhổ mũi tên độc tà kiến, đã trừ được chấp ngã và tâm chẳng thoái chuyển.

Khi Đức Phật nói kinh này, Đế Thích và tám vạn bốn ngàn chư Thiên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Đức Phật nói:

– Nay Kiều-thi-ca, có phải người đã từng đem câu hỏi này hỏi Sa-môn, Bà-la-môn rồi chẳng?

Đế Thích thưa:

– Bạch Thế Tôn, con nhớ thuở xưa, con đã từng cùng chư Thiên tụ tập tại Thiện pháp đường, hỏi chư Thiên: “Có Phật xuất thế chưa?” Chư Thiên đều đáp: “Chưa có Phật xuất thế.”

Chư Thiên nghe Phật chưa xuất thế liền tự giải tán. Chư Thiên có đại oai đức khi hết phước mạng chung. Khi ấy con lo sợ, thấy có Sa-môn, Bà-la-môn nào ở chỗ nhàn tịnh, con liền đến chỗ vị ấy. Vị Sa-môn, Bà-la-môn kia hỏi con: “Ông là ai?”

Con đáp: “Tôi là Đế Thích.”

Con không đánh lễ họ, ngược lại họ đánh lễ con. Con cũng không hỏi họ, mà họ lại hỏi con. Biết họ không có trí cho nên con không quy y họ. Nay con từ đây quy y Phật, làm đệ tử của Phật.

Đế Thích liền nói bài kệ:

*Trước con thường hoài nghi
Ý tưởng không thỏa mãn
Mãi mong cầu bậc Trí
Phân biệt các nghi này
Tìm kiếm Đức Như Lai
Thấy các chỗ nhàn tịnh
Sa-môn, Bà-la-môn
Tưởng đó là Thế Tôn
Liền đến ngay chỗ ấy
Lễ bái và hỏi thăm,
Con mới hỏi như vậy:
“Sao là tu Chánh đạo?”
Tất cả Sa-môn ấy
Không hiểu đạo, phi đạo
Nay con thấy Thế Tôn
Lưới nghi đều diệt sạch
Ngày nay lại có Phật
Đại Luận Sư thế gian
Phá tan các ma oán
Hết phiền não, Tối Thắng;
Thế Tôn hiện ở đời
Hy hữu không ai bằng*

*Nơi chư Thiên, Ma chúng...
Không có ai bằng Phật.*

Bạch Thế Tôn, con đã đắc quả Tu-đà-hoàn.
Con đã đắc quả Tu-đà-hoàn.

Đức Thế Tôn nói:

– Lành thay! Lành thay! Này Kiều-thi-ca, nếu người không phóng dật sẽ được quả Tu-đà-hàm.

Đức Phật bảo Đế Thích:

– Người ở chỗ nào mà được sự chẳng đánh mất đức tin này?

Đế Thích bạch:

– Con ở ngay chỗ này, bên Đức Thế Tôn mà được, con ở ngay nơi đây lại được thọ mạng như chư Thiên.

Đức Phật nói:

– Chỉ mong ông khi đã giác ngộ phải nhớ giữ việc này.

Đế Thích thưa:

– Bạch Thế Tôn, nay con suy nghĩ: “Con nguyện được sinh ở nhân gian, trong nhà hào quý, các sự đầy đủ, khi ấy con sẽ xả bỏ thế tục, xuất gia, hướng đến Thánh đạo, hoặc đắc Niết-bàn, được vậy thì rất tốt. Nếu không được vậy con nguyện sinh cõi trời Tịnh cư.

Khi ấy Đế Thích tập hợp các Thiên chúng lại bảo:

– Ta đối với ba thời cúng dường Phạm thiên, từ

nay về sau, ta sẽ không làm như vậy nữa. Ta sẽ đối với ba thời cúng dường Đức Thế Tôn.

Khi ấy Đế Thích bảo Càn-thát-bà tử Bàn-xà-thức-xí:

— Nay người đối với ta có ân rất lớn. Nhờ người có thể biết được Đức Phật Thế Tôn nên mới khiến cho ta được nghe pháp thâm sâu. Khi trở về cõi trời ta sẽ đem Trân-phù-lâu nữ Hiền-tu-lợi Bà-chiết-tư cho người làm vợ, lại cho người thay thế cha nàng là Càn-thát-bà vương.

Bấy giờ, Đế Thích đem các Thiên chúng nhiều quanh Đức Phật ba vòng, rồi lui ra, đến chỗ vắng vẻ, tất cả đều xưng niệm: “Nam-mô Phật-đà”, rồi trở về cõi trời.

Khi Đế Thích ra đi chưa bao lâu, thì Phạm Thiên vương lại nghĩ như vậy: “Đế Thích đã đi, nay ta sẽ đến chỗ Đức Phật. Trong khoảnh khắc giống thời gian tráng sĩ co duỗi cánh tay, Phạm Thiên vương liền đi đến được chỗ Đức Phật, lạy dưới chân Phật xong, rồi ngồi qua một bên. Ánh hào quang của Phạm thiên sáng ngời cả núi Tỳ-đê-hê. Bấy giờ Phạm thiên liền nói kệ:

*Được nhiều lợi ích,
Hiện hiện nghĩa này
Xá-chỉ-ba địa
Ma-già-bà
Châu tráp đều hiền*

*Hay hỏi vấn nạn
Sa-bà-bà.*

Lại nói:

– Đế Thích đã hỏi xong, liền trở về Thiên cung.
Vào sáng sớm, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Phạm thiên vương hôm qua lại đến chỗ Ta nói kệ trên xong liền trở về cõi trời.

Các Tỳ-kheo vui mừng cung kính đánh lễ dưới chân Đức Phật rồi lui ra.



74- CHUYỆN ĐỨC PHẬT ĐỘ A-NHÃ KIỀU- TRẦN-NHƯ VÀ NHIỀU NGƯỜI TRONG QUÁ KHỨ

Đức Phật ở tại thành Vương xá, thuyết pháp độ cho A-nhã Kiều-trần-như, Thích Đề-hoàn Nhân, vua Tần-bà-sa-la và cùng với tám vạn bốn ngàn người đi theo, đều được đắc đạo.

Các Tỳ-kheo nghi là chuyện lạ, vì mỗi vị mang theo bao nhiêu người như vậy mà đều được thoát khỏi ba đường ác.

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ ngày hôm nay mới như thế, mà ở thời quá khứ, Ta cũng từng cứu tế họ.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Trong thời quá khứ Đức Phật cứu tế họ như

thế nào?

Đức Phật nói:

– Trong thời quá khứ có các thương nhân vào biển tìm châu báu. Khi trở về giữa đường, ở giữa đồng không bao la, họ gặp một con mãng xà, thân nó đứng cao đến sáu câu-lâu-xá. Nó bao quanh bốn mặt, các người đi buôn không có chỗ nào ra hay vào được. Khi ấy các người đi buôn hết sức kinh sợ. Họ đều xướng lên: “Hỡi Thiên thần, Địa thần, các vị có lòng từ mẫn xin cứu vớt chúng tôi.”

Khi ấy có con bạch tượng cùng với bạn là sư tử. Con sư tử nhảy đến cắn vào đầu mãng xà, làm cho các thương nhân thoát khỏi tai nạn. Khi ấy con mãng xà liền phun hơi độc trong miệng nó giết chết sư tử và bạch tượng. Lúc hai con này sắp chết, các khách buôn nói:

– Các ngài đã cứu giúp chúng tôi, vậy các ngài có mong ước điều gì không?

Đáp:

– Chúng tôi chỉ mong làm Phật, độ tất cả mọi người.

Các thương nhân nói:

– Nếu các ngài được làm Phật, xin cho chúng tôi ở tại hội đầu tiên được nghe pháp đặc đạo.

Sư tử, bạch tượng liền đó mạng chung. Các thương nhân thiêu xác, lấy cốt xây tháp.

Đức Phật nói:

– Muốn biết con sư tử lúc đó thì chính là Ta, còn con bạch tượng lúc đó là Xá-lợi-phất vậy. Thương chủ lúc ấy là Kiều-trần-như, Đế Thích và vua Tần-bà-sa-la, còn các thương nhân lúc ấy là chư Thiên nhân nay đã đắc đạo vậy.



75- CHUYỆN CON CỦA SAI-MA BỊ BỆNH MẮT, QUY Y TAM BẢO ĐƯỢC NHẪN TỊNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Thích thị. Khi ấy ở trong thành Xa-đâu có người họ Thích tên là Sai-ma, một lòng thanh tịnh tin vào Phật, một lòng thanh tịnh tin vào Pháp, một lòng thanh tịnh tin vào Tăng; quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng; nhất tâm hướng về Phật, nhất tâm hướng về Pháp, nhất tâm hướng về Tăng; không nghi đối với Phật, không nghi đối với Pháp, không nghi đối với Tăng, không nghi đối với Khổ đế, không nghi đối với Tập đế, không nghi đối với Diệt đế, không nghi đối với Đạo đế; nhờ được Kiến đế, nên được đạo quả. Như chỗ thấy biết của vị Tu-đà-hoàn, vị ấy đều được thấy biết. Đối với ba quả Bồ-đề, chẳng qua là thời gian, chắc chắn sẽ đạt được. Thích tử Sai-ma vì bệnh con mắt, mắt bị loạn chẳng thấy gì cả. Thích tử Sai-ma liền niệm Đức Thế Tôn:

– Xin quy hướng về con mắt, xin quy hướng về ánh sáng, xin quy hướng sự trừ tối tăm, xin quy hướng về bậc cảm ngọn đuốc, xin quy hướng về Phật-đà, xin quy hướng về Đấng Thiện Thệ.

Đức Phật dùng Thiên nhĩ thanh tịnh nghe xa hơn người thường, nghe âm thanh ấy liền bảo Tôn giả A-nan:

– Nay người hãy dùng chương cú này để ủng hộ Thích Sai-ma, để cứu tế, để thủ hộ, để chăm sóc, diệt trừ tai họa, vì bốn chúng làm lợi ích, sống an lạc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì Thích Sai-ma thuyết kinh chú Tịnh nhãn:

– “Đa chiết tha thí lợi di lợi khí lợi hê hê đa.” Dùng chú Tịnh nhãn này làm cho con mắt của Sai-ma được thanh tịnh, để màng mắt được lành, hoặc vì gió mà bị màng mắt, hoặc vì sức nóng mà bị màng mắt, hoặc vì lạnh mà bị màng mắt, hoặc vì các nguyên nhân khác mà bị màng mắt, thì đừng nóng, đừng rát, đừng sưng, đừng đau, đừng ngứa, đừng chảy nước mắt. Giới hạnh thật, Khổ hạnh thật, Tiên thật, Trời thật, Câu chú thật, Nhân duyên thật; Khổ thật, Tập thật, Diệt thật, Đạo thật; A-la-hán thật, Bích-chi-phật thật, Bồ-tát thật; như vậy gọi tên Thích Sai-ma, các tên khác cũng xưng danh như vậy thì mắt liền được lành. Khi mắt lành rồi thì các bóng tối liền trừ, hết màng mắt. Hoặc là có

màng mắt vì gió, hoặc có màng mắt vì sức nóng, hoặc màng che mắt, hoặc màng mắt vì lạnh, hoặc màng mắt vì các nguyên nhân khác thì mắt đừng bị hỏa xông đốt, đừng rát, đừng sung, đừng đau, đừng ngứa, đừng chảy nước mắt.

Này A-nan, chương cú như vậy, sáu Đức Phật Thế Tôn nay Ta nữa là bảy, cũng nói như vậy. Tứ Thiên vương cũng nói chú này, Đế Thích cũng nói, Phạm vương và các Phạm chúng cũng tùy thuận hoan hỷ.

Này A-nan, Ta không thấy hoặc Trời hoặc Người, hoặc Ma hoặc Phạm thiên, hoặc chúng Sa-môn, hoặc chúng Bà-la-môn, ba lần nói chương cú này, hoặc màng che, hoặc mờ tối, hoặc màng mắt, hoặc sung, hoặc mắt xanh, hoặc chảy nước mắt, hoặc do Trời làm, hoặc do loài Rồng làm, hoặc do Dạ-xoa làm, hoặc do A-tu-la làm, hoặc do Cru-bàn-trà làm, hoặc do ngạ quỷ làm, hoặc do Tỳ-xá làm, hoặc vì chất độc mà bị, hoặc do ác chú mà bị, hoặc do bệnh cổ độc gây nên, hoặc do chú Tỳ-đà-la gây nên hoặc do ác tinh làm ra, hoặc các tinh tú làm ra.

Tôn giả A-nan liền đến vì Thích Sai-ma, ba lần nói chú này thì con mắt vị ấy trong sáng lại như xưa được thấy các sắc, nhờ chú này mà theo đó gọi tên người. Thích Sai-ma đều trừ hôn ám, trừ màng mắt, gió, sức nóng lạnh và đẳng phần, đừng đốt, đừng nấu, đừng sung, đừng đau, đừng chảy nước

mắt. Nam-mô Phật, Nam-mô Đa-đà A-dà-đà A-la-ha Tam-miệu-tam-phật-đà.”

Bồ-tát dùng câu thần chú này thì tất cả đều được thành tựu tốt đẹp. Các trời Phạm thiên đều tùy hỷ.



76- CHUYỆN BẢY LOẠI PHÁP BỒ THÍ

Đức Phật nói bảy pháp bồ thí, không hao tổn tài vật mà được quả báo lớn. Một là bồ thí mắt, thường đem con mắt cung kính để nhìn cha mẹ, Sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, chứ không lấy con mắt độc ác để nhìn họ, gọi là bồ thí mắt. Như vậy khi xả thân, thọ thân, được con mắt thanh tịnh, vị lai được thành Phật, được Thiên nhân, Phật nhân. Đó gọi là quả báo thứ nhất.

Hai là bồ thí nhan sắc, hòa thuận vui vẻ đối với cha mẹ, Sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, không dùng gương mặt buồn rầu, sắc mặt hung ác tiếp họ. Nhờ vậy khi xả thân, thọ thân được sắc mặt đoan chánh, đời vị lai thành Phật được sắc thân vàng ròng. Đó gọi là quả báo thứ hai.

Ba là bồ thí lời nói, đối với cha mẹ, Sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, nói lời êm dịu, không nói lời thô ác. Nhờ vậy khi xả, báo thân được ngôn ngữ biện tài, nói ra điều gì mọi người đều tin thọ. Lúc vị lai thành Phật, được bốn biện tài. Đó gọi là quả

báo thứ ba.

Bốn là bố thí thân. Đối với cha mẹ, Sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn phải đứng dậy nghênh tiếp, lễ bái, gọi là bố thí thân. Nhờ vậy khi xả thân hay thọ thân, được thân hình đoan chánh, to lớn, mọi người đều cung kính. Thời vị lai, được thành Phật, thân như cây Ni-câu-đà có được tướng vô kiến đánh. Đó gọi là quả báo thứ tư.

Năm gọi là bố thí tâm, tuy đem những việc trên để cúng dường mà tâm không nhu hòa, tốt đẹp, thì không gọi là bố thí. Phải dùng thiện tâm nhu hòa tốt đẹp, tâm thường sinh những điều tốt đẹp để cúng dường. Đó gọi là bố thí tâm. Nhờ vậy khi xả thân, thọ thân được tâm tinh minh sáng suốt, không có tâm si mê, điên loạn, đời vị lai thành Phật, được Nhất thiết chủng trí. Đó gọi là quả báo thứ năm.

Sáu là bố thí sàng tọa, hoặc thấy cha mẹ, Sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, thì trải tòa mời ngồi, cho đến tự lấy tòa của mình đang ngồi mời các vị ấy ngồi. Nhờ vậy khi xả thân, thọ thân thường được sàng tọa thất bảo tôn quý. Thời vị lai thành Phật, được ngồi pháp tòa Sư tử. Đó gọi là quả báo thứ sáu.

Bảy là bố thí nhà ở. Ở trước Sư trưởng, Sa-môn Bà-la-môn, mời họ vào nhà, tự do đi lại, nằm ngồi. Đó gọi là bố thí nhà ở. Nhờ vậy khi xả thân, thọ thân, tự nhiên được cung điện, nhà cửa. Thời vị lai

thành Phật được các thiên thất. Đó gọi là quả báo thứ bảy.

Đây gọi là bảy cách bố thí tuy không hao tổn tài vật mà được quả báo to lớn.



77- CHUYỆN VUA NƯỚC CA-BỘ LÚC TRỜI HẠN HÁN TẮM PHẬT NÊN ĐƯỢC MƯA

Nếu ai gieo một ít giống lành thì được vào ruộng phước, về sau chắc chắn sẽ được quả báo. Giống như ngày xưa cách đây vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, bấy giờ có một vị vua tên là Ca-bộ, thống lãnh tám vạn bốn vạn quốc độ trong cõi Diêm-phù-đề. Nhà vua có đến hai vạn người vợ nhưng không có con. Nhà vua bèn cầu đảo thần thánh, nhưng trải qua nhiều năm, thì phu nhân lớn nhất mới sinh được một thái tử tên là Chiên-đàn. Vị ấy làm Chuyển luân vương thống lãnh bốn thiên hạ. Về sau vị ấy nhằm chán thế tục, xuất gia, được thành Chánh giác.

Khi ấy ở trong nước kia, các tướng sư đều nói:

— Trời đại hạn đã mười hai năm vậy làm cách gì để cầu thoát khỏi tai họa này?

Họ cùng nhau nghị luận:

— Nay chúng ta nên làm một cái chậu bằng vàng, đặt ở giữa chợ, chứa đầy nước hương dulong

để tắm Phật, phân bố nước hoa để dựng tháp miếu, thì có thể trừ được tai họa.

Họ liền thỉnh Đức Thế Tôn, tắm bằng nước hoa, rồi phân nước Đức Phật tắm còn lại làm tám vạn bốn ngàn cái bình báu, phân cho tám vạn bốn ngàn nước để chiêm ngưỡng tạo lập tháp miếu để cúng dường làm phước. Nhờ nhân duyên tạo lập tháp miếu làm phước cho nên trời liền đổ mưa lớn, ngũ cốc dồi dào, muôn dân an lạc.

Bấy giờ có một người thấy tháp miếu này, tâm sinh hoan hỷ, liền lấy một bó hoa rải lên trên tháp, liền được quả báo tốt lành.

Đức Phật nói:

— Ta dùng Phật nhãn xem thấy vị ấy ở lâu xa về trước, đối với Đức Chiên-đàn Như Lai, lấy nước hoa xây tháp miếu, được Ngài giáo hóa thành Phật từ lâu, đã nhập vào Niết-bàn. Người dùng bó hoa để cúng dường thì chính là thân của Ta vậy. Ngày xưa Ta nhờ tạo nhân duyên này, nay là kiếp cuối cùng được thành Phật. Cho nên các hành giả phải siêng năng làm các công đức. Đừng cho là việc làm thiện nhỏ mà sinh tư tưởng cho là thấp kém.



78- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ THỈNH XÁ-LỢI-PHẬT VÀ

MA-HA-LA

Ngày xưa, ở trong thành Xá-vệ có một vị đại trưởng giả là nhà cự phú, tiền tài châu báu vô lượng, thường đối với Tăng, thứ lớp thỉnh các Sa-môn đến nhà để cúng dường. Bấy giờ theo thứ lớp của Tăng tới phiên Tôn giả Xá-lợi-phất và Ma-ha-la đến nhà trưởng giả. Trưởng giả thấy hai vị, hết sức hoan hỷ. Chính ngày ấy ông vào biển thu được nhiều trân bảo, an ổn về nhà. Cùng thời gian ấy, vị quốc vương nước đó, phong tặng thôn ấp cho trưởng giả. Người vợ của trưởng giả đang mang thai lại sinh được con trai. Các việc vui mừng đồng một lúc đến với trưởng giả.

Tôn giả Xá-lợi-phất... khi đã vào nhà thọ dụng đồ ăn uống của trưởng giả xong, trưởng giả dâng và trải sàng tòa trước Tôn giả. Ngài Xá-lợi-phất chú nguyện và nói:

– Hôm nay gặp thời nên được quả báo tốt, tài lợi chuyện vui đều tụ tập, hơn hở vui mừng tâm hoan lạc. Tín tâm dũng mãnh niệm thập lực. Giống như hôm nay, ngày sau cũng vậy.

Khi ấy trưởng giả nghe lời chú nguyện xong, trong tâm hết sức hoan hỷ, liền lấy hai tấm dạ thật đẹp cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất. Nhưng riêng Ma-ha-la thì ông không cúng gì cả.

Khi Ma-ha-la trở về chùa buồn bã, nghĩ: “Hôm nay sở dĩ Tôn giả Xá-lợi-phất được như vậy là nhờ

lời chú nguyện thích hợp với ý của trưởng giả. Cho nên mới được sự cúng dường như vậy. Nay ta nên xin học lời chú nguyện ấy.” Ma-ha-la liền nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Lời chú nguyện vừa rồi, xin ngài hãy dạy cho tôi.

Tôn giả liền đáp:

– Lời chú nguyện này không phải lúc nào cũng dùng, có lúc dùng nhưng có lúc không nên dùng.

Xong, Ma-ha-la ân cần cầu thỉnh:

– Xin ngài hãy dạy cho con!

Tôn giả Xá-lợi-phất vì khó tránh được ý cầu của ông ta nên mới dạy cho lời chú nguyện này. Khi được lời chú nguyện rồi, ông ta liền đọc tụng hết sức lưu loát và suy nghĩ: “Lúc nào, thứ lớp đến phiên ta được làm Thượng tọa, ta sẽ dùng chú này.”

Bấy giờ vì theo thứ lớp của Tăng, vị ấy được đến nhà trưởng giả, được ngồi ghế Thượng tọa. Gặp lúc vị trưởng giả này vào biển mua bán, đã bị mất hết ngọc báu, còn vợ của trưởng giả bị sa vào lưới quan huyện, con lại bị chết. Ma-ha-la nói lời chú nguyện giống như ngài Xá-lợi-phất đã dạy, cho đến câu về sau cũng như thế.

Bấy giờ trưởng giả khi nghe lời nói ấy, trong lòng hết sức phẫn nộ, liền đánh đập kéo ông ra khỏi cửa. Vì bị vị trưởng giả tức giận đánh đập nên Ma-ha-la trong lòng hết sức áo nã, liền vào ruộng

trồng mè của vua, đập nát mầm mộng cây mè, làm cho nó gãy ngã. Người giữ ruộng thấy việc như vậy tức giận, liền dùng roi đánh, làm cho ông ta hết sức khổ nhục.

Khi Ma-ha-la lại bị đánh đập xong, mới hỏi người đánh mình:

– Tôi có lỗi gì mà đánh tôi vậy?

Bây giờ người giữ vườn mè nói rõ là ông đã đập nát cây mè, rồi chỉ đường cho ông đi thẳng con đường trước, chưa được mấy dặm thì gặp người ta cắt lúa mạch chất thành một đống. Theo phong tục lúc đó, nếu ai đi nhiều quanh đống lúa về phía hữu thì gia chủ mời ăn uống, vì cầu mong cho họ giàu có thịnh vượng, còn nếu ai đi về phía bên trái đống lúa là điều không lành.

Khi ấy Ma-ha-la đi quanh phía bên trái của đống lúa nên người chủ lúa mạch tức giận liền lấy gậy đánh. Lúc đó Ma-ha-la lại hỏi:

– Tôi có tội gì, mà vô cớ ông lại lấy gậy đánh tôi?

Người chủ lúa mạch đáp:

– Người đi quanh đống lúa mạch của ta sao lại không đi phía bên phải và chú nguyện cho ta được nhiều của, mà lại làm trái phép của ta, cho nên ta mới đánh.

Người ấy chỉ đường cho ông rồi tiếp tục lên đường, trên đường đi gặp người ta đang chôn cất,

ông nhiều quanh mộ huyết như hướng nhiều quanh đồng lúa mạch lại chú nguyện: “Tăng thêm, tăng thêm”. Tang chủ tức giận liền bắt lại đánh đập nói:

– Người thấy người chết sao không xót thương, rồi cầu nguyện từ nay về sau đừng xảy ra như vậy; trái lại tại sao người lại nói “Tăng thêm, tăng thêm?”

Ma-ha-la nói:

– Từ nay về sau tôi sẽ nói như ông. Rồi Ma-ha-la lại đi tiếp, thấy đám cưới hỏi, như lời người tông táng dạy, ông nói: “Từ nay về sau đừng có diễn tiến như vậy nữa.” Khi ấy người chủ đám cưới nghe ông ta nói như vậy tức giận lại lấy cây đánh cho đến vỡ đầu. Ông lại đi tiếp, vì bị đánh nên ông chạy như điên, lại gặp người đang giăng lưới bắt chim ưng, làm cho chim kinh sợ, hoảng hốt tung đầu vào lưới của người khác, vì vậy làm các con chim ưng khác cũng hoảng sợ, bay tán loạn. Thợ săn tức giận, bắt ông lại và đánh.

Ma-ha-la bị đánh khổ sở, liền nói với người thợ săn:

– Từ lúc tôi ra đường đến giờ, thường bị đánh đập làm cho tinh thần thác loạn, chạy gấp mới sa vào lưới của ông. Vậy mong ông hãy khoan dung thả tôi ra, để tôi còn đi tiếp.

Thợ săn đáp:

– Vì người quá thô tháo, nóng nảy nên mới vậy.

Sao lại không thông thả bò dưới đất mà đi?

Ông liền đi tiếp, theo lời người thợ săn, ông cứ bò xuống mà đi lại đến giữa đường, gặp người thợ nhuộm thấy ông đi bằng khuỷu tay, cho rằng ông muốn trộm y, liền rượt bắt, lấy gậy mà đánh.

Khi ấy Ma-ha-la lại gặp chuyện nghi khốn cấp bách, mới trình bày việc trên cho thợ nhuộm rõ, xin được thả ra. Về đến Kỳ hoàn ông nói với các Tỳ-kheo:

– Ngày trước vì tôi tụng lời chú nguyện của Tôn giả Xá-lợi-phất nên mới bị sự khổ não lớn.

Ông tự tường thuật lại mình bị đánh đập vào người, cơ thể bị bầm dập thương tổn, mấy lần gần mất thân mạng.

Các Tỳ-kheo dẫn Ma-ha-la đến bên Đức Phật, trình bày đầy đủ nguyên do vì ấy bị đánh đập.

Đức Phật dạy:

– Ma-ha-la này không phải chỉ ngày hôm nay mới có chuyện như vậy. Trong quá khứ có một người con gái của vua bị tật bệnh, vị thái sư bói quẻ bảo phải đến giữa gò mả để giải trừ tật bệnh. Khi ấy công chúa liền đem theo người dẫn đường, đi đến giữa gò mả. Trong lúc đi đường, có hai người khách buôn thấy công chúa có thị tùng trang sức theo hầu, trong lòng sợ hãi mới chạy đến giữa gò mả. Một người thì bị thị tùng của công chúa bắt cắt tai, cắt mũi. Còn người kia vì quá sợ hãi liền

nấp dưới tử thi, giả làm thầy người chết.

Khi ấy công chúa sắp muốn giải trừ tai họa, chọn người mới chết mà da thịt chưa hư rữa, ngồi lên trên để tắm, để trị lành bệnh.

Lúc ấy bà bảo thị tùng xem xét thì bắt gặp người khách buôn này, thị tùng lấy tay mà sờ, thì thấy thi thể vẫn còn mềm. Công chúa cho đó là người mới chết, liền lấy bột hạt cải xoa vào thân, ngồi lên trên mà tắm. Vì bột hạt cải có mùi cay, bay vào lỗ mũi khách buôn, mặc dù cố gắng đừng phản ứng nhưng không được, liền bị hắt hơi thật lớn.

Khi ấy người thị tùng cho rằng đó là tử thi của con quỷ sống dậy, có thể gây các tai họa cho mình, nên đến đóng cửa lại để chống lại sự bất trắc. Công chúa liền bắt lấy tử thi không thả.

Khi ấy khách buôn lấy sự thật nói:

– Tôi thật chẳng phải là quỷ.

Lúc ấy công chúa liền cùng đi với người khách buôn đến thành, bảo người mở cửa thành. Người khách buôn nói rõ sự thật của mình. Khi ấy vua cha, tuy nghe người ta nói vậy nhưng vẫn không tin, ông liền chuẩn bị binh gậy, bảo người mở cửa để xem mới hay đó chẳng phải là quỷ. Khi ấy phụ vương nói:

– Hình thể của người nữ không phơi bày hai lần.

Ông liền đem cô gái gả cho khách buôn làm vợ. Khách buôn vui mừng, sung sướng vô cùng.

Đức Phật dạy:

– Người khách buôn lấy được công chúa lúc đó chính là Xá-lợi-phất, còn người bị cắt tai, mũi chính là Ma-ha-la vậy. Chuyện ngày xưa cũng như vậy, đâu phải chỉ có ngày hôm nay đâu. Từ nay về sau, tất cả các Tỳ-kheo nếu muốn thuyết pháp chú nguyện, phải biết thời nghỉ, nên tu tập Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Khi buồn rầu, vui sướng, phải biết đúng thời hay không đúng thời, không nên nói không hợp căn cơ, không đúng thời điểm và tuyệt đối không được vọng ngữ.



KINH TẠP BẢO TẠNG

QUYỂN 7

Gồm mười sáu chuyện:

79. Chuyện Bà-la-môn dùng ngọc Như ý cúng dường Phật, xuất gia được đắc đạo.

80. Chuyện Thập Lực Ca-diếp dùng lời chân thật làm chân Phật hết chảy máu.

81. Chuyện ma vương Ba-tuần muốn đến nhiễu Đức Phật dưới cây Bồ-đề.

82. Chuyện Đức Phật nói về tai họa của lợi dưỡng cho các Tỳ-kheo nghe.

83. Chuyện tên giặc sắp bị giết, từ xa trông thấy Đức Phật hoan hỷ nên được sinh ở cõi trời.

84. Chuyện người sa lưới pháp luật bị chặt tay chân, cảm niệm ân của Đức Phật được sinh ở cõi trời.

85. Chuyện trưởng giả lấy nước mật tốt bố thí cho người đi đường được sinh ở cõi trời.

86. Chuyện lúc vua Ba-tư-nặc sai người đi thỉnh Phật, nhờ đó người ấy được sinh ở cõi trời.

87. Chuyện vua Ba-tư-nặc lúc khuyến hóa

quyên góp, có người nghèo lấy tấm dạ dâng cho vua nên được sinh ở cõi trời.

88. Chuyện người anh thường khuyên người em phụng tu Tam bảo nhưng người em không kính tin, người anh được sinh ở cõi trời.

89. Chuyện người cha nghe con đắc đạo, vui mừng liền được sinh ở cõi trời.

90. Chuyện người con bị cha bắt buộc xuất gia được sinh ở cõi trời.

91. Chuyện La-hán Kỳ-dạ-đa đuổi ác long ra biển.

92. Chuyện hai Tỳ-kheo thấy Tôn giả Kỳ-dạ-đa được sinh ở cõi trời.

93. Chuyện vua nước Nguyệt thị thấy Tôn giả Kỳ-dạ-đa.

94. Chuyện vua nước Nguyệt thị kết bạn thân với ba vị quan trí tuệ.



79- CHUYỆN BÀ-LA-MÔN DÙNG NGỌC NHƯ Ý CÙNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT, XUẤT GIA ĐƯỢC ĐẮC ĐẠO

Bấy giờ, Đức Phật ở nước Xá-vệ. Lúc ấy, ở Nam Ấn độ có một Bà-la-môn giỏi phân biệt được ngọc Như ý, vị ấy đã cầm một viên ngọc Như ý đi từ Nam Ấn độ đến Đông Ấn độ, cùng khắp các nước, nhưng không có ai phân biệt được. Cứ vậy

lần lượt cho đến chỗ vua Ba-tư-nặc thuộc xứ Xá-vệ, ông mới nói:

– Ai có thể phân biệt để biết viên ngọc này?

Vua Ba-tư-nặc triệu tập các quần thần cùng tất cả người trí tuệ lại, nhưng chẳng ai biết được. Vua Ba-tư-nặc cùng mọi người đồng đến chỗ Đức Phật. Đức Phật nói với Bà-la-môn ấy:

– Người biết tên của viên ngọc này không? Biết ngọc sinh ra ở chỗ nào không? Biết được công năng của nó không?

Thưa:

– Không biết.

Đức Phật bảo:

– Viên ngọc này xuất xứ từ trong não của con cá lớn tên là Ma-kiệt. Thân của con cá dài đến hai mươi tám vạn dặm, tên của viên ngọc này là Kim cương kiên. Nó có công năng thứ nhất là làm cho tất cả những người bị ngộ độc hề thấy nó thì độc liền tiêu hết. Lại thấy ánh sáng của nó chạm vào thân thì cũng tiêu độc. Năng lực thứ hai của nó là người bị bệnh nhiệt hề thấy nó thì bệnh liền lành, ánh sáng của nó chạm vào thân cũng làm hết bệnh. Năng lực thứ ba của nó là nếu ai có vô lượng trăm ngàn oan gia, hề cầm viên ngọc này lên thì tất cả đều thành thân thiện.

Khi ấy Bà-la-môn nghe nói như vậy, hết sức vui mừng, thấy Đức Như Lai đúng thật là Bạc Nhất

Thiết Trí, liền đem viên ngọc này dâng lên Đức Phật cầu xin xuất gia.

Đức Phật nói:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Khi đó vị ấy râu tóc tự rụng, mình khoác ca-sa. Đức Phật thuyết chỗ cốt yếu của chánh pháp cho vị ấy, nghe xong liền chứng quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Như Lai khéo hay phân biệt được viên ngọc này, lại hay thuyết pháp khiến cho vị ấy được đắc đạo chứng quả.

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay, mà ở quá khứ cũng đã vậy.

Ngày xưa trong núi Tiên nhân, thuộc nước Ca-thi, có vị tiên chứng được ngũ thông. Khi ấy, có một Bà-la-môn cầm một nhánh cây hỏi vị Tiên nhân ấy:

– Đây là lá cây gì?

Vị Tiên nhân đáp:

– Cây này gọi là Kim đánh. Nếu ai bị độc, thọ mạng gần hết, lấy cây này để dưới rồi ngồi lên trên thì độc liền tiêu. Nếu có người bị bệnh nhiệt, dựa vào cây này bệnh cũng lành. Lấy lá cây này chạm vào thân người, nếu có khí độc hay là bệnh nhiệt, tất cả đều tiêu trừ.

Bà-la-môn vui mừng cầu xin Tiên nhân cho

làm đệ tử tu tập pháp của Tiên nhân và Bà-la-môn cũng chứng được ngũ thông.

Vị Tiên nhân chứng được ngũ thông lúc ấy chính là thân Ta, còn người Bà-la-môn cầm lá cây lúc ấy chính là Bà-la-môn này vậy. Khi ấy Ta dạy cho vị ấy được đủ năm phép thần thông, nay Ta cũng dạy cho y được thoát khỏi tai họa sinh tử, chứng được quả A-la-hán.



80- CHUYỆN THẬP LỰC CA-DIỆP DỪNG LỜI CHÂN THẬT LÀM CHÂN PHẬT HẾT CHẢY MÁU

Bấy giờ Đức Như Lai bị gai Ca-đà-la chích vào chân Ngài, máu chảy mãi không dứt. Ngài dùng các thứ thuốc đắp lên để điều trị mà nó vẫn không lành. Các A-la-hán ở trong Hương sơn hái thuốc đắp lên để điều trị mà nó vẫn không bớt.

Khi ấy Tôn giả Thập Lực Ca-diếp đi đến chỗ Đức Phật nói như vậy:

– Nếu Đức Như Lai đối với tất cả chúng sinh có tâm bình đẳng, Ngài đối với La-hầu-la, Đề-bà-đạt-đa... cũng như vậy, thì máu trên chân hãy cầm lại.

Lúc đó máu liền cầm và mụt cũng lành. Các Tỳ-kheo vui mừng nói:

– Các thứ thuốc hay đắp lên để điều trị mà máu

vẫn không cầm, Tôn giả Ca-diếp nói lời chân thật nên máu cầm ngay.

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày nay thôi đâu, nhưng ở thời quá khứ cũng đã như vậy.

Ngày xưa có một Bà-la-môn sinh được một người con tên là Vô Hại. Người con thưa với cha:

– Khi làm ruộng chớ giết hại chúng sinh.

Người cha bảo con:

– Con muốn làm Tiên nhân à? Cách thức sinh sống làm sao tránh loài trùng kiến được.

Người con thưa:

– Nay con muốn đời này được an lạc, đời sau được an lạc. Nếu cha không nghe lời con thì sống để làm gì?

Cậu ta liền đến ngồi bên suối Độc long, muốn cầu cho chết. Lúc đó, có con rồng hung dữ hễ thấy người là nó giết. Khi con của Bà-la-môn mới thấy con rồng độc, thì bị chất độc chạy khắp cả người, thọ mạng gần dứt. Người cha lúc ấy lo sầu, không biết con ở chỗ nào, mới cấp tốc tìm kiếm. Thấy con mình sắp chết, người cha mới đến bên con nói:

– Con ta từ xưa đến nay không có tâm giết hại, độc này phải tiêu diệt.

Nói lời ấy xong, khí độc liền tiêu, thân thể chàng ta bình phục như xưa.

Người cha lúc ấy là Thập Lực Ca-diếp, còn

người con lúc ấy chính là thân Ta. Trong thời quá khứ, vị ấy đã có thể nói lời chân thật để làm tiêu trừ bệnh của Ta, thì ngay đời này cũng dùng lời chân thật để làm lành bệnh của Ta.



81- CHUYỆN MA VƯƠNG BA-TUẦN MUỐN ĐẾN NÃO LOẠN ĐỨC PHẬT DƯỚI CÂY BỒ-ĐỀ

Ngày xưa Đức Phật ngồi dưới cây Bồ-đề, ma vương Ba-tuần dẫn theo tám mươi ức ma chúng muốn đến phá hoại Đức Phật. Khi đến chỗ Đức Như Lai, ác ma nói:

– Này Cù-đàm, người chỉ một mình sao lại ngồi ở đây? Hãy gấp đứng dậy đi đi. Nếu không đi, ta sẽ nắm chân người ném ra ngoài biển.

Đức Phật nói:

– Ta xem thế gian này không ai có thể ném Ta ra ngoài biển được cả. Tiên nhân của người đã có xây cất một ngôi chùa, thọ giới Bát quan trai trong một ngày, cúng dường cho vị Bích-chi-phật một bát cơm, cho nên được sinh ở cõi trời thứ sáu, làm Đại ma vương. Nhưng Ta trong ba a-tăng-kỳ kiếp đầu Ta đã cúng dường vô lượng các Đức Phật, trong a-tăng-kỳ kiếp thứ hai và thứ ba cũng lại như vậy, Ta đã cúng dường các vị Thanh văn và Duyên giác, không sao tính được. Trên toàn địa cầu này

chẳng nơi nào mà chẳng có xương cốt của Ta để lại.

Ma nói:

– Này Cù-đàm, người nói ta ngày xưa có giữ giới một ngày, cúng cho vị Bích-chi-phật một bữa ăn, ta tin điều đó là đúng, ta cũng tự biết như vậy, người cũng biết ta, song người tự nói về người như vậy ai chứng biết?

Đức Phật lấy ngón tay chỉ xuống mặt đất nói:

– Mặt đất này sẽ làm chứng cho Ta.

Khi nói như vậy thì toàn quả địa cầu sáu thứ chấn động. Địa thần liền từ Kim cang tế xuất hiện, chấp tay bạch Đức Phật:

– Con là nhân chứng, con đến từ mặt đất này, con thường ở trong đó. Những điều Đức Thế Tôn nói là chân thật, không hư ngụy.

Đức Phật nói với Ba-tuần:

– Nay người trước hết nếu có thể di động được cái bình tắm này thì sau đó mới có thể ném Ta ra ngoài biển được.

Khi ấy Ba-tuần và tám mươi ức ma chúng không thể làm cho cái bình tắm di động, quân chúng ma vương tự rớt ngã la liệt, mắt đỏ đom đóm.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Ma Ba-tuần luôn luôn làm nhiễu loạn Đức Như Lai, mà không thắng được Như Lai.

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay đâu, ngày xưa cũng vậy. Ngày xưa ở nước Ca-thi, trong núi Tiên nhân, có vị Tiên chứng được ngũ thông, giáo hóa cho các em thiếu niên ở trong thành Ba-la-nại. Ngài độ cho chúng xuất gia, bảo chúng tu Tiên đạo.

Bấy giờ vị Thần giữ thành này bùng bùng tức giận nói với vị Tiên nhân:

– Người đã vào thành, lại còn độ người. Ta sẽ nắm chân người ném ra ngoài biển.

Khi ấy vị Tiên nhân cầm một cái bình tắm nói với vị thần giữ thành ấy:

– Trước tiên người di động được cái bình này, thì sau đó mới ném ta được.

Vị thần dùng toàn lực mà vẫn không di động được cái bình, nên xấu hổ quy phục vị Tiên nhân.

Vị Tiên nhân lúc ấy chính là thân Ta, còn vị Thần của thành lúc ấy chính là Ba-tuần.



82- CHUYỆN ĐỨC PHẬT NÓI VỀ TAI HỌA CỦA LỢI DƯỠNG CHO CÁC TỶ-KHEO NGHE

Bấy giờ Đức Như Lai ở tại nước Xá-vệ, nhằm chán tai họa của lợi dưỡng. Có một khu rừng sâu tên là Tham trang nghiêm, vì tránh sự lợi dưỡng, nên Ngài đi đến khu rừng ấy. Trong khu rừng có

một ngôi chùa, có một vị La-hán tên là Na-dặc-ca, trụ trì ngôi chùa này. Đức Phật đi đến khu rừng đó, vào ngày hôm sau, có nhiều người mang y đến cúng dường, đầy cả khu rừng. Vị ấy nghĩ: ‘Ta không cần lợi dưỡng mà lợi dưỡng cứ theo đuổi ta.’”

Lúc ấy có một vạn hai ngàn Tỳ-kheo cũng đến rừng này. Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

– Lợi dưỡng là một tai họa lớn, nó hay tạo ra chướng nạn, thậm chí vị La-hán cũng bị lợi dưỡng làm chướng nạn.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Tại sao sự lợi dưỡng hay gây ra chướng nạn? Đức Phật trả lời:

– Tai họa của lợi dưỡng nó làm rách da, rách thịt, bể xương, bể tủy. Sao gọi là rách? Nó làm rách da trì giới, rách thịt thiên định, bể xương trí tuệ, bể tủy thiện tâm vi diệu.

Lúc ấy một vạn hai ngàn Tỳ-kheo đều giữ ba y, sáu vật, sống hạnh tịch tịnh, không thọ nhận các vật khác.

Đức Phật liền khen ngợi:

– Lành thay! lành thay! Các vị hay giữ pháp A-luỵn-nhĩ. Pháp môn của Ta là pháp ít ham muốn chứ không phải là pháp muốn nhiều, là pháp biết đủ chứ không phải là không biết đủ, là pháp ưa thích sự thanh tịnh chứ không phải là pháp ưa thích

sự ồn ào, là pháp tinh tấn chứ không phải là pháp giải đãi, là pháp chánh niệm chứ không phải là pháp tà niệm, là pháp tịnh tâm chứ không phải là pháp loạn tâm, là pháp trí tuệ chứ không phải là pháp ngu si.

Bây giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói lời ấy, đều chứng quả A-la-hán. Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Hy hữu thay, bạch Thế Tôn!

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay mới như thế, nhưng quá khứ cũng như vậy. Ngày xưa ở nước Ca-thi có một phụ tướng tên là Dạ-xoa. Con của Dạ-xoa tên là Dạ-nhi-đạt-đa hiểu sâu lẽ vô thường, xuất gia học tiên đạo. Các Tiên nhân có nhiều sự ham muốn, đều tranh nhau trái cây và cỏ. Dạ-nhi-đạt-đa vì muốn cho những người đó trở thành ít ham muốn nên bỏ những trái mềm lấy những trái cứng, bỏ trái ngọt lấy trái chua, bỏ những quả mới của mình lấy những quả xấu của người. Nhờ bỏ quả ngon mà lấy quả dở như vậy liền chứng được ngũ thông. Khi ấy một vạn hai ngàn Tiên nhân, thấy vị ấy được như vậy liền học hạnh ít ham muốn, không còn cầu nhiều, nên đều chứng được ngũ thông.

Lúc ấy Dạ-nhi-đạt-đa dần dần tạo phương tiện giáo hóa cho các vị Tiên, nên sau khi mạng chung

họ được sinh vào cõi Bất dụng.

Đạt-đa lúc ấy chính là thân Ta, còn một vạn hai ngàn Tiên nhân lúc ấy thì nay là một vạn hai ngàn Tỳ-kheo.



83- CHUYỆN TÊN GIẶC SẮP BỊ GIẾT TỪ XA TRÔNG THẤY ĐỨC PHẬT, HOAN HỠ NÊN ĐƯỢC SINH THIÊN

Bấy giờ ở nước Xá-vệ, vua Ba-tư-nặc nổi trống xướng lệnh nói:

– Nếu ai làm giặc, bắt được sẽ bị giết.

Khi ấy có một người bắt được một tên giặc dẫn đến. Nhà vua bèn bảo người dẫn ra ngoài giết đi. Khi dẫn kẻ giặc ra ngoài thành, giữa đường bỗng thấy Đức Như Lai từ xa kẻ giặc sinh tâm hoan hỷ. Khi đến chỗ hành hình, tuân theo lệnh vua phải chết, kẻ ấy liền được sinh lên cõi trời có đủ ba ý niệm. Biết rằng lúc sắp chết nhờ thấy Đức Phật, sinh tâm hoan hỷ, nên khi mạng chung được sinh lên cõi trời. Vì cảm nhớ ân đức của Đức Phật nên vị trời lại xuống cúng dường. Đức Phật thuyết pháp, cho vị ấy nghe xong đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Nhờ nghiệp duyên gì mà vị ấy được sinh nơi Thiên cung?

Đức Phật trả lời:

– Vị ấy ngày xưa ở nhân gian bị vua bắt giết, lúc sắp chết thấy Đức Phật sinh tâm hoan hỷ. Nhờ nhân lành ấy được sinh lên cõi trời. Vị ấy lại đến chỗ Ta nghe pháp mà được giác ngộ nên chứng được quả Tu-đà-hoàn.



84- CHUYỆN NGƯỜI SA LƯỚI PHÁP LUẬT BỊ CHẶT TAY CHÂN, CẢM NIỆM ÂN CỦA ĐỨC PHẬT NÊN ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Ngày xưa, ở nước Xá-vệ có một người phạm vào phép của vua nên bị chặt đứt chân tay, đem bỏ ở đầu đường. Đức Phật đang đi thấy vậy liền đến gần hỏi:

– Người hôm nay vì cái gì làm khổ?

Người chặt chân tay nói:

– Con rất khổ vì đói.

Đức Thế Tôn liền bảo Tôn giả A-nan lấy cơm cho người đó ăn. Người bị chặt chân tay mạng chung, được sinh lên cõi trời, rồi cảm nhớ ân sâu của Đức Phật, lại xuống để cúng dường. Đức Phật thuyết pháp cho vị ấy nghe và vị ấy chứng được quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo hỏi rằng:

– Do hạnh nghiệp gì mà vị ấy được sinh lên cõi trời?

Đức Phật đáp:

– Ngày xưa ở nhân gian, vị ấy bị pháp luật chặt đứt tay chân rồi quăng ở đầu đường. Ta đến gần, bảo Tôn giả A-nan lấy cơm cho ăn, nên vị ấy sinh tâm hoan hỷ, lúc mạng chung được sinh lên cõi trời. Vị ấy lại đến chỗ Ta nghe pháp và đắc đạo.



85- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ LẤY NƯỚC MẬT TỐT CÚNG DƯỜNG CHO NGƯỜI ĐI ĐƯỜNG ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Ngày xưa, tại nước Xá-vệ, có một trưởng giả ở trong rừng Kỳ hoàn, tìm đến chỗ đất trống vắng vẻ, muốn xây cất nhà cửa. Trưởng giả Tu-đạt đã đi xem khắp mà chẳng có chỗ trống, ông liền vào cửa lớn của Kỳ hoàn, lấy nước ngon sạch, dùng nhiều mật, nhiều lúa tiểu mạch để làm nước uống, cung cấp cho người đi đường. Sau chín mươi ngày, Đức Phật cũng thọ nhận nước ấy. Lúc đó ông mạng chung được sinh trên cõi trời, thành vị trời có đại oai đức. Vị trời ấy lại từ cung trời xuống cúng dường Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp và vị ấy đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Nhờ hạnh nghiệp gì mà vị ấy được sinh cõi trời, lại có oai đức như vậy?

Đức Phật đáp:

– Khi còn làm người vị ấy ở trong thành Kỳ hoàn, làm các thứ nước uống để bố thí cho mọi người, Đức Phật cũng có thọ nhận nước ấy. Nhờ nhân duyên ấy nên vị ấy được sinh lên cõi trời, rồi vị ấy lại đến chỗ Ta nghe pháp, được đắc đạo.



86- CHUYỆN VUA BA-TU-NẶC SAI NGƯỜI ĐI THỈNH PHẬT, NHỜ ĐÓ NGƯỜI ẤY SINH Ở CỎI TRỜI

Ngày xưa, ở nước Xá-vệ, vua Ba-tư-nặc và trưởng giả Tu-đạt, đã lâu mà chưa gặp Đức Phật, trong lòng rất khát ngưỡng. Sau mùa hạ, họ bảo sứ giả đến thỉnh Phật. Sứ giả đi đến chỗ Đức Phật, cung kính bạch Đức Phật:

– Nhà vua và trưởng giả muốn gặp Đức Phật. Cúi mong Đức Thế Tôn ngồi lên xe này đi đến nước Xá-vệ!

Đức Phật đáp:

– Ta không cần dùng xe, tự Ta có thần túc.

Tuy Đức Phật nói như vậy, nhưng để cho tín chủ được phước, Ngài liền ngồi trên xe bay trên không trung. Sứ giả liền đến trước tàu với vua và trưởng giả biết.

Nhà vua và trưởng giả tự mình ra ngoài để nghênh tiếp. Sứ giả cũng theo vua đến gặp Đức Phật. Sứ giả này nhờ vậy khi mạng chung được

sinh lên cõi trời, rồi cỡi xe báu đến chỗ Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho vị ấy nghe nên vị ấy đắc quả Tu-đà-hoàn.

Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

— Nhờ nhân duyên gì mà vị ấy được sinh lên Thiên cung và cỡi xe báu này?

Đức Phật trả lời:

— Ngày xưa ở nhân gian, vị ấy được vua bảo đến thỉnh Phật, mời Đức Phật cỡi lên xe. Do nghiệp duyên này nên nay được sinh ở cõi trời, thường cỡi xe báu. Nay lại đến chỗ Ta nghe pháp được ngộ, chứng quả Tu-đà-hoàn.



87- CHUYỆN LÚC VUA BA-TƯ-NẶC KHUYẾN HÓA QUYÊN GÓP, CÓ NGƯỜI NGHÈO LẤY TẮM DẠ Dâng CHO VUA NÊN ĐƯỢC SINH Ở CỎI TRỜI

Ngày xưa, ở nước Xá-vệ, vua Ba-tư-nặc hỏi:

— Trưởng giả Tu-đạt mà còn có thể khuyến hóa tất cả nhân dân, làm các phước nghiệp. Nay ta cũng nên vì các chúng sinh dạy dỗ, dẫn dắt và quyên góp khiến cho họ được phước.

Lúc đó nhà vua đi khuyến hóa và quyên góp các nơi. Khi ấy có một người bần cùng khổ sở, chỉ có một tấm dạ, liền đem dâng cho vua Ba-tư-nặc. Khi nhà vua nhận được tấm dạ xong, đem dâng lên

Đức Phật. Sau đó người nghèo này mạng chung được sinh lên cõi trời. Vì cảm ân đức to lớn của Đức Phật nên đến đề cúng dường. Đức Phật thuyết pháp cho vị ấy nghe, vị ấy đã chứng được quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Ngày xưa vị ấy tạo nghiệp gì mà được sinh lên cõi trời?

Đức Phật đáp:

– Khi ở nhân gian, vị ấy gặp nhà vua khuyến hóa, liền lấy tấm dạ trắng đề cúng dường. Nhờ thiện nhân ấy cho nên nay được sinh lên cõi trời. Nay lại đến chỗ Ta nghe pháp, được chứng quả.



88- CHUYỆN NGƯỜI ANH THƯỜNG KHUYÊN, NGƯỜI EM PHỤNG TU TAM BẢO NHƯNG NGƯỜI EM KHÔNG KÍNH TÍN, NGƯỜI ANH ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Ngày xưa ở nước Xá-vệ có hai anh em, người anh thì phụng tu Phật pháp, còn người em thì thờ phụng Phú-lan-na. Do đó người anh thường khuyên người em bảo nên thờ phụng Tam bảo nhưng người em không tùy thuận, nên anh em thường tranh cãi với nhau, không hòa hợp nhau, cho nên ai sống phần này.

Người anh nhờ cúng dường Đức Phật cho nên sau đó mạng chung, được sinh lên cõi trời, liền đến chỗ Đức Phật để báo ân và cúng dường. Đức Phật thuyết pháp cho vị ấy nghe nên vị ấy được đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỷ-kheo hỏi Đức Phật:

– Ngày xưa vị ấy tạo nghiệp gì mà nay được sinh lên cõi trời?

Đức Phật trả lời:

– Lúc ở nhân gian, tâm vị ấy thích chánh pháp, tôn thờ và thực hành theo Tam bảo. Nhờ phước nhân ấy cho nên nay được sinh lên cõi trời. Nay lại đến chỗ Ta nghe pháp rồi tin hiểu mà chứng được đạo quả.



89- CHUYỆN NGƯỜI CHA NGHE CON ĐẮC ĐẠO VUI, MỪNG LIỀN ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Ngày xưa ở nước Xá-vệ, có hai người anh em thường ưa thích đấu tranh, nên oán thù nhau, liền cùng đi đến chỗ vua, muốn nhờ vua xét xử, giữa đường gặp được Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp cho họ nghe và họ đắc đạo A-la-hán. Người cha nghe con ông gặp Đức Phật và được đắc đạo nên tâm sinh vui mừng, tức thì mạng chung và được sinh lên cõi trời. Ông lại đến chỗ Đức Phật, Đức

Phật thuyết pháp cho vị ấy nghe và vị ấy được đắc quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Ngày xưa vị ấy tạo nghiệp gì mà nay được sinh lên cõi trời?

Đức Phật trả lời:

– Ngày xưa ở nhân gian, vị ấy nghe các người con ông nhờ Ta thuyết pháp mà đắc đạo, nên vui mừng hơn hở, khi mạng chung được sinh lên cõi trời. Ông lại đến chỗ Ta nghe pháp, tin và hiểu nên được chứng đạo quả.



90- CHUYỆN NGƯỜI CON BỊ CHA BẮT BUỘC XUẤT GIA ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Ngày xưa, ở nước Xá-vệ có người cha bảo con xuất gia thờ Phật, Đức Phật liền độ cho và thường bảo vị ấy quét dọn. Vì không chịu nổi sự đắng cay khổ cực nên anh ta bỏ đạo trở về thế tục.

Người cha nói với con:

– Con chỉ xuất gia, còn từ nay về sau cha thay con mà quét dọn.

Người con liền cùng với người cha đến tinh xá Kỳ hoàn. Người con thấy tinh xá, trong lòng bỗng thanh tịnh, tâm sinh hoan hỷ mới nói như vậy:

– Ta thà chết đi, thề xuất gia quét dọn, không

trở về thế tục nữa. Sau khi mạng chung; vị ấy được sinh lên cõi trời, liền đến chỗ Đức Phật nghe Ngài thuyết pháp và được chứng quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

– Nhờ nghiệp duyên gì mà vị ấy được sinh lên cõi trời?

Đức Phật trả lời:

– Khi ở nhân gian, vị ấy không chịu nổi khổ sở, cho nên muốn hoàn tục. Người cha không cho phép và thay anh quét chùa, buộc anh phải xuất gia, anh ta liền hoan hỷ. Lúc mạng chung vị ấy được sinh ở cõi trời, rồi lại đến chỗ Ta nghe pháp nên được đắc đạo.



91- CHUYỆN LA-HÁN KỲ-DẠ-ĐA ĐUÔI ÁC LONG RA BIỂN

Ngày xưa có vị Tôn giả A-la-hán, tên là Kỳ-dạ-đa. Lúc ấy Đức Phật đã nhập diệt. Sau bảy trăm năm Tôn giả xuất hiện ở nước Kế tân. Bấy giờ ở nước Kế tân có một con rồng hung ác tên là A-lợi-na thường gây ra tai ương, khổ lụy cho các Hiền thánh, kẻ sĩ và nhân dân trong nước.

Khi ấy hai ngàn vị A-la-hán đều dốc hết toàn lực, xua đuổi con rồng này ra khỏi nước. Trong đó có một trăm vị A-la-hán dùng thần thông làm rung động quả đất, lại có năm trăm vị phóng luồng hào

quang lớn, lại có năm trăm vị nhập thiền định và đi kinh hành. Các vị đều đem hết thần lực, nhưng không thể làm con rồng di động.

Bấy giờ Tôn giả Kỳ-dạ-đa sau cùng đi đến ao của con rồng, khảy móng tay ba lần nói:

– Nay rồng, nay ngươi phải đi đến chỗ khác, không được ở đây nữa.

Con rồng liền ra đi không dám ở lại. Bấy giờ hai vị A-la-hán nói với Tôn giả:

– Chúng tôi cùng Tôn giả đều được lậu tận, giải thoát, pháp thân thấy đều bình đẳng, tại sao chúng tôi đều dùng hết thần lực, mà không thể làm nó di động? Tại sao Tôn giả chỉ khảy móng tay có ba lần mà khiến cho con rồng A-lợi-na phải đi xa vào biển lớn vậy?

Khi ấy Tôn giả đáp:

– Từ lúc làm phàm phu đến nay, tôi thọ trì cấm giới cho đến giới Đột-kiết-la, mà vẫn dùng tâm bình đẳng thọ trì, xem như bốn trọng giới không khác. Nay sở dĩ các vị không thể làm di động con rồng này là vì thần lực không đồng nhau cho nên không thể làm nó di động.

Khi ấy Tôn giả Kỳ-dạ-đa cùng các đệ tử hướng về phía Bắc Thiên trúc mà đi. Giữa đường thấy một con chim, Tôn giả ngẩng đầu mỉm cười. Các đệ tử thưa:

– Chẳng hay Tôn giả vì sao lại mỉm cười, xin

nói cho chúng tôi biết?

Tôn giả đáp:

— Đúng lúc ta sẽ nói.

Lúc đó Tôn giả đi trước đến thành Thạch thất, khi đến cửa thành, Tôn giả bỗng buồn thảm biến sắc. Lúc đến giờ ăn, vào thành khát thực, khi đã ăn xong, đi ra cửa thành, Tôn giả lại buồn thảm thiết biến sắc.

Các đệ tử quỳ thẳng bạch:

— Không rõ vừa rồi, do nhân duyên gì mà ngài mỉm cười, nay lại buồn thảm biến sắc?

Khi ấy Tôn giả Kỳ-dạ-đa trả lời các đệ tử:

— Ngày xưa cách đây chín một kiếp, lúc Đức Phật Tỳ-bà-thi sau khi nhập Niết-bàn, ta làm con của một trưởng giả, khi ấy ta mong muốn xuất gia, nhưng cha mẹ ta không cho, cha mẹ mới nói với ta: “Gia nghiệp nhà ta là rất quan trọng, nếu người xuất gia thì ai thừa kế sau này? Ta sẽ cưới vợ cho người, hãy sinh cho ta một đứa con nối dõi, ta sẽ cho người xuất gia.” Lúc ấy ta liền cưới vợ. Khi cưới vợ rồi ta lại xin xuất gia, cha mẹ ta lại nói: “Nếu sinh được một đứa con, ta sẽ cho người xuất gia.”

Sau đó, không bao lâu, ta sinh được một đứa con trai. Nó bắt đầu nói được, ta lại thưa với cha mẹ: “Xin cha mẹ cho phép con xuất gia.” Khi ấy cha mẹ sợ trái với lời hứa trước, ngầm bày nhũ

mẫu, nói với đứa cháu trai này: “Nếu khi cha cháu muốn xuất gia, thì cháu ở trước cửa nắm cha lại và nói: ‘Cha đã sinh ra con thì xin cha hãy nuôi dưỡng con sao nay cha lại muốn bỏ nhà xuất gia? Nếu cha muốn đi, xin cha hãy giết con, sau đó sẽ đi.’” Khi ấy người cha buồn thảm, đổi ý, nói với con: “Nay ta sẽ ở lại, không đi nữa.”

Vì vậy mà ta trôi nổi trong đường sinh tử. Ta dùng đạo nhãn xem thấy đời trước của ta sinh cõi trời, cõi người và ba đường ác. Ta nói: “Gặp nhau rất khó, gặp nhau rất khó.” Nay ta mới thấy một con chim, chính là đứa con trai của ta lúc ấy. Vì vậy ta buồn rầu đổi sắc, ta đến bên thành thấy một đứa con của ngựa quỉ, nói với ta: “Tôi ở bên thành này đã bảy mươi năm rồi, mẹ tôi đã vì tôi mà vào thành xin cơm cho tôi ăn, nhưng chưa một lần trở về. Nay tôi đói khát hết sức khốn khổ, cúi mong Tôn giả vào thành, thấy mẹ tôi xin Tôn giả hãy vì tôi mà nói với bà: ‘Hãy về gặp tôi gấp’.”

Khi vào thành, thấy mẹ của ngựa quỉ, ta nói với bà: “Con bà ở ngoài thành đói khát, nguy khốn, muốn được gặp bà.” Khi ấy mẹ của ngựa quỉ nói với ta: “Tôi đi vào thành đã hơn bảy mươi năm rồi, vì tôi bạc phước, lại thêm mới sinh con, đói ốm không còn sức. Tuy có đồ ăn, máu mủ, đờm dãi, phân thối, đồ dơ, nhưng những con quỉ có sức mạnh lớn đến trước mang đi, tôi chẳng lấy được. Sau cùng tôi được một miếng đồ dơ, muốn mang

ra cửa cho con tôi cùng ăn, nhưng trong cửa lại có các con quỷ đại lực lại không cho tôi ra. Cúi mong Tôn giả thương xót dẫn tôi ra, làm cho mẹ con gặp nhau cùng ăn đồ dơ này.”

Khi ấy Ta liền dẫn mẹ con ngạ quỷ ra khỏi thành, mẹ con gặp nhau, cùng ăn đồ chẳng sạch.

Ta hỏi con quỷ kia: “Người ở tại đây đã bao lâu rồi?” Con quỷ đáp: “Tôi ở thành này đã qua bảy lần hư và bảy lần sửa lại.”

Lúc ấy Tôn giả than:

– Ngạ quỷ sống lâu, hết sức khổ sở!

Bấy giờ các đệ tử nghe nói lời ấy, thấy đều nhàm chán tai họa sinh tử, liền thấy được đạo.



92- CHUYỆN HAI TỖ-KHEO THẤY TÔN GIẢ KỶ-DẠ-ĐA ĐƯỢC SINH Ở CÔI TRỜI

Bấy giờ, ở Nam Ấn độ có hai vị Tỳ-kheo nghe tiếng Tôn giả Kỳ-dạ-đa có đại oai đức, nên họ đi về phía nước Kế tân, đến chỗ của Tôn giả, con đường dẫn đến thấy dưới một gốc cây, có một Tỳ-kheo, hình thể hết sức tiều tụy, ngồi trước bếp đốt lửa. Hai vị Tỳ-kheo này hỏi:

– Ngài có biết Tôn giả Kỳ-dạ-đa chăng?

Đáp:

– Ta biết.

Hai Tỳ-kheo kia hỏi:

– Hiện nay Tôn giả ở đâu?

Đáp rằng:

– Ở trong hang động thứ ba, phía trên núi.

Hai Tỳ-kheo kia liền leo lên núi, đi vào hang đá, thì thấy vị Tỳ-kheo nhen lửa lúc này. Khi ấy hai vị Tỳ-kheo này nghi là chuyện lạ.

Một Tỳ-kheo nói:

– Ngài có danh đức như vậy, lo gì không làm được, mà phải đến đây trước?

Lúc đó một Tỳ-kheo cầu Tôn giả giải quyết sự nghi ngờ nên hỏi:

– Tôn giả có oai đức như vậy, vậy tự nhen lửa làm gì?

Tôn giả đáp:

– Ta nhớ nổi khổ sinh tử đời trước. Nên nếu bây giờ đầu, mặt, tay chân của ta có thể nhen lửa được, thì ta cũng vì chúng Tăng mà nhen lửa, hưởng lại đôn củi ư?

Khi ấy hai Tỳ-kheo liền hỏi:

– Không rõ nổi khổ sinh tử ngày xưa của Tôn giả như thế nào, xin nói cho nghe.

Tôn giả đáp:

– Ta nhớ ngày xưa, trong đời thứ năm trăm, ta sinh trong loài chó, thường bị khốn khổ vì đói khát,

chỉ có hai thời là được no đủ. Một là gặp người uống rượu say mưa đổ đồ ăn dưới đất, nhờ vậy mà được no đủ an lạc; hai là gặp hai vợ chồng người ta cùng nhau làm lụng, người chồng thì ra ruộng cày bừa, còn người vợ ở nhà nấu ăn. Khi ấy người vợ vì có chút việc ra ngoài, ta liền nhảy vào ăn trộm đồ ẩm thực của họ, gặp họ để đồ ăn ở chỗ có miệng rất nhỏ, ban đầu tuy dứt đầu vào được, nhưng sau rút đầu ra rất khó. Tuy được một bữa no, nhưng sau đó phải nhận chịu sự đắng cay khổ sở. Lúc người chồng ở ruộng trở về, liền cắt đầu ta ngay lúc ta đang dứt đầu vào vật đựng đồ ăn.

Khi ấy hai Tỳ-kheo này nghe Ngài thuyết pháp, nhàm chán sinh tử, đắc quả Tu-đà-hoàn.



93- CHUYỆN NƯỚC NGUYỆT THỊ THẤY TÔN GIẢ KỲ-DẠ-ĐA

Có một vị vua tên là Chiên-đàn-kê-ni-tra ở nước Nguyệt thị. nghe ở nước Kế tân có Tôn giả chứng A-la-hán tên là Kỳ-dạ-đa, rất có tiếng tăm, nhà vua muốn gặp ngài, liền đích thân lên xe cùng với quần thần theo sau, đi đến nước Kế tân. Đi giữa đường trong lòng nhà vua thầm nghĩ: “Nay ta là vua, vua của thiên hạ, của tất cả dân chúng, không một ai mà không kính phục, nếu tự ngài không có đức lớn, làm sao lại có thể nhận được sự cúng

dường của ta?”. Nghĩ như vậy xong, liền đi tới trước, thẳng đến nước ấy.

Bấy giờ có người báo cho Tôn giả Kỳ-dạ-đa:

– Vua nước Nguyệt thị tên là Chiên-đàn-kế-ni-tra, cùng với quần thần tùy tùng, từ xa đến đây để gặp ngài, cúi mong Tôn giả sửa lại y phục, cùng vua tiếp đãi.

Khi ấy Tôn giả đáp:

– Ta nghe Đức Phật dạy, người xuất gia tôn trọng đạo đức, coi thường hình thức, chỉ có đạo đức mới là quan trọng, ta há lại trang sức y phục mà ra ngênh tiếp sao?

Rồi ngài im lặng, ngồi ngay thẳng không ra. Lúc ấy vua nước Nguyệt thị đi đến chỗ Tôn giả, thấy oai đức của Tôn giả Kỳ-dạ-đa, càng thêm kính tín, liền đến trước cúi lạy rồi đứng qua một bên. Tôn giả vừa muốn nhỏ nước miếng, lúc ấy vua nước Nguyệt thị bất ngờ bước tới trước, nên bị dính bãi nước miếng ấy vào người.

Lúc đó Tôn giả Kỳ-dạ-đa liền nói với vua:

– Bần đạo nay chưa thể vì vua mà làm ruộng phước, sao ngài lại tự mình hạ cố đến đây?

Khi ấy vua nước Nguyệt thị càng thêm xấu hổ, nghĩ: “Vừa rồi ta mới trộm sinh một niệm nhỏ, mà ngài đã biết tâm ta, tự cho rằng ngài không có thân đức, sao có thể như vậy được.” Từ đó, nhà vua đối với Tôn giả càng sinh lòng kính tín.

Khi ấy Tôn giả Kỳ-dạ-đa liền nói giáo pháp cho vua nghe:

– Tương lai của vua rất tốt, quá khứ cũng đã như vậy.

Nhà vua nghe Tôn giả dạy xong liền trở về nước, khi đến nửa đường quần thần oán than:

– Chúng tôi chẳng quản đường xa theo Đại vương để đến nước kia mà chẳng nghe được gì cả. Đột nhiên, lại trở về nước.

Khi ấy vua Nguyệt thị trả lời quần thần:

– Các khanh sao nay trách ta là chẳng được gì cả? Vừa rồi Tôn giả có thuyết pháp cho ta nghe: “Tương lai vua rất tốt, quá khứ cũng như vậy.” Các khanh đều không hiểu điều này sao? Vì ở đời quá khứ ta có Trì giới, Bố thí, tạo Tăng phòng, tạo lập chùa tháp, làm các thứ công đức để trồng hạt giống làm vua, cho nên nay được hưởng quả vị ấy. Nếu nay lại tu phước, tích lũy các điều thiện, thì đời tương lai chắc chắn lại thọ phước, cho nên mới rắn dạy ta: “Tương lai của vua rất tốt, quá khứ cũng đã như vậy.”

Quần thần nghe xong, cúi lạy tạ:

– Chúng thần là kẻ thấp hèn, trí tuệ nông cạn, ngu si trộm hiểu một cách sai lầm, nói những điều không đúng. Còn thần đức của Đại vương thì khế hợp một cách tài tình với lời nói cũng như tôn chỉ của Tôn giả chứa nhóm được cội đức đã trồng, cho

nên được hưởng địa vị quốc vương này.

Quần thần hoan hỷ nói như vậy rồi thoái lui.



94- CHUYỆN VUA NƯỚC NGUYỆT THỊ KẾT BẠN THÂN VỚI BA VỊ QUẢN TRÍ TUỆ

Bấy giờ, ở nước Nguyệt thị có một vị vua tên là Chiên-đàn-kế-ni-sất kết bạn với ba người trí. Người thứ nhất tên là Bồ-tát Mã Minh, người thứ hai là vị đại thần tên Ma-sát-la, người thứ ba là vị lương y tên Già-la-ca. Ba vị ấy là bạn thân thiện của nhà vua, được vua đãi ngộ rất ân cần. Họ thường gần gũi bên cạnh nhà vua. Bồ-tát Mã Minh tâu với vua:

– Nếu nhà vua nghe theo lời của tôi thì đời sau của vua thường tương ứng với điều thiện, xa lìa các nạn, vĩnh viễn xa lìa con đường ác.

Người bạn thứ hai vị đại thần tâu với vua:

– Nếu vua dùng lời sâu kín của thần, mà không tiết lộ cho ai biết, thì người trong bốn biển đều có thể tóm thâu được.

Người bạn thứ ba vị lương y lại tâu với vua:

– Nếu Đại vương nghe theo lời của thần thì khiến cho trong thân vua suốt đời không bị chết yếu, trăm vị tùy theo tâm tự điều hòa thích ứng không có hoạn nạn.

Nhà vua nhờ nghe lời của vị ấy nên chưa hề có chút bệnh nhỏ.

Bấy giờ nhà vua theo lời của vị đại thần nói, nên những quân đội oai hùng của các nước, không nơi nào mà chẳng bị đánh bại. Ở trong bốn biển ba phương đã định, chỉ có phương Đông là chưa đến để quy phục. Nhà vua bèn chuẩn bị quân đội, muốn đến để thảo phạt. Trước tiên sai khiến các rợ Hồ và các con bạch tượng đi đầu, vua dẫn binh đi sau muốn đến rằng núi Thông lãnh, vượt qua cửa ải hiểm nghèo. Lúc ấy có những người cỡi những con voi, con ngựa ở trước, không chịu tiến tới. Nhà vua hết sức kinh ngạc, nói với ngựa:

— Trước sau ta vẫn cỡi các người chinh phạt, ba phương đã bình định, nay các người tại sao không chịu tiến tới?

Khi ấy vị đại thần tâu với vua:

— Trước đây thần đã tâu với vua đừng tiết lộ lời nói kín đáo. Nay vua đã tiết lộ, thì thọ mạng của ngài sẽ không còn lâu nữa.

Như lời của vị đại thần nói, nhà vua tự biết rõ sự chết của mình không còn lâu nữa. Bởi vua chinh phạt từ trước đến nay đã giết hại hơn ba ức người, tự biết tương lai chắc chắn phải thọ lấy tội nặng, nên trong lòng hết sức sợ hãi, liền sám hối, lập đàn trì giới, tạo lập Tăng phòng, cúng dường chúng Tăng, tứ sự đầy đủ, tu các công đức, siêng năng

không mệt mỏi.

Khi ấy quần thần tự nói với nhau:

– Nhà vua tạo nhiều tội ác, giết hại vô đạo. Nay tuy có làm phước cũng đâu có ích gì đối với những tội lỗi khi xưa?

Nhà vua nghe quần thần nói như vậy, muốn giải tỏa ý nghĩ của họ, liền tạo phương tiện, bèn ra lệnh cho một vị hạ thần. Người hãy đốt một cái vạc trong bảy ngày, bảy đêm, làm cho nước thật sôi, đừng để tắt lửa. Xong nhà vua lấy một cái vòng ngọc ném vào trong vạc rồi ra lệnh cho các thần:

– Các khanh hãy vào trong cái vạc lấy vòng ngọc ra.

Có vị quan tâu với vua:

– Thà chịu chết chứ không thể lấy vòng ngọc này được.

Nhà vua nói với vị quan ấy:

– Vậy có phương tiện gì để lấy vòng ngọc ấy chăng?

Khi ấy vị quan thưa:

– Hãy tắt lửa ở dưới, thì nước bên trên sẽ nguội lạnh, nhờ cách đó mới không làm phỏng tay người ta, rồi mới có thể lấy được.

Nhà vua đáp:

– Trước đây ta làm ác, giống như cái vạc nước sôi, nay ta tu các điều thiện, hồ thẹn sám hối không còn làm ác nữa. Sao lại không tiêu diệt được tội

lỗi? Như vậy ta có thể đình chỉ ba đường ác, có thể sinh ở cõi người, cõi trời.

Khi nghe vua nói xong quần thần, tức thì rõ biết được việc vua làm, người nào cũng hoan hỷ.

Vậy lời nói của người trí, không thể không áp dụng.



KINH TẠP BẢO TẠNG

QUYỂN 8

Gồm bảy chuyện:

95. Chuyện vợ chồng phụ tướng nước Câu-thi-di ác tâm đối với Đức Phật, nhờ Đức Phật hóa đạo mà chứng quả Tu-đà-hoàn.

96. Chuyện Nan-đà, em của Đức Phật bị Đức Phật bắt buộc xuất gia, được đắc đạo.

97. Chuyện đại lực sĩ cảm hóa nhóm giặc đồng hoang.

98. Chuyện phụ tướng nghe pháp nên ly dục.

99. Chuyện Ni-kiền Tử nhảy vào đồng lửa được Phật cứu độ.

100. Chuyện năm trăm con chim ưng trắng nghe pháp được sinh lên cõi trời.

101. Chuyện Đề-bà-đạt-đa thả con voi say tên Hộ tài muốn hại Phật.



95- CHUYỆN VỢ CHỒNG PHỤ TƯỚNG NƯỚC CÂU-THI-DI ÁC TÂM ĐỐI VỚI ĐỨC

PHẬT, NHỜ ĐỨC PHẬT HÓA ĐẠO MÀ CHỨNG QUẢ TÙ-ĐÀ-HOÀN

Đức Phật ở tại nước Câu-thi-di, ở đây có một phụ tướng Bà-la-môn là con người cuồng bạo, chẳng có chút đạo tâm, còn vợ ông là người nịnh hót tà vạy, cũng chẳng kém gì chồng.

Người chồng bảo vợ:

– Sa-môn Cù-đàm đang ở trong nước này, nếu ông ta đến đây, hãy đóng cửa đừng mở.

Có một hôm, bỗng nhiên Đức Như Lai ở trong nhà ông. Vợ của Bà-la-môn thấy vậy im lặng chẳng nói với Ngài một tiếng. Đức Phật liền nói:

– Người là người Bà-la-môn ngu si, tà kiến, không tin Tam bảo.

Người vợ nghe lời nói ấy, hết sức tức giận, tự bứt dây anh lạc, mặc áo dơ, ngồi bệt dưới đất. Người chồng từ ngoài đi vào hỏi:

– Tại sao lại làm như vậy?

Đáp:

– Sa-môn Cù-đàm mạ nhục tôi, nói: “Người là người Bà-la-môn tà kiến, bất tín.”

Người chồng nói:

– Hãy chờ đến sáng mai, sáng mai hãy mở cửa để chờ Phật đến.

Vào ngày hôm sau Đức Phật xuất hiện trong nhà ông. Bà-la-môn liền cầm kiếm nhọn đâm Đức Phật, nhưng không thể đâm được. Ông thấy Đức

Phật ở trên hư không, liền tự thấy xấu hổ, năm vóc gieo xuống đất, bạch Đức Phật:

– Cúi mong Đức Thế Tôn giáng hạ để con xin sám hối.

Đức Phật liền đi xuống đất, cho ông sám hối và nói những điều cốt yếu của Chánh pháp cho ông nghe. Nhờ vậy vợ chồng ông đều đắc được đạo quả Tu-đà-hoàn.

Khi ấy các Tỳ-kheo nghe Đức Phật hàng phục và giáo hóa người ác như vậy, họ đều nói:

– Đức Thế Tôn xuất thế hết sức kỳ diệu.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đâu phải chỉ có ngày nay mới thế, mà ở thời quá khứ, Ta cũng từng điều phục họ như vậy.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

– Không rõ ở thời quá khứ Đức Phật đã điều phục như thế nào?

Đức Phật nói:

– Ngày xưa, ở nước Ca-thi có một vị vua tên là Ác Thọ, ông làm những điều hết sức phi pháp, khổ não trăm họ chém giết vô đạo. Các khách buôn bốn phương xa xôi có những vật trân kỳ thù thắng, ông đều đánh thuế để chiếm đoạt, không đền trả những vật báu ấy. Vì vậy mà các vật quý ở trong nước đều lọt vào tay ông, mọi người rao truyền, tiếng ác của vua lan khắp.

Bấy giờ có chim chúa Anh vũ đang ở trong

rừng nghe người đi đường nói về sự độc ác của vua ấy, liền tự suy nghĩ: “Ta tuy là loài chim còn biết đó là điều trái. Nay ta nên đến chỗ vua kia nói về con đường thiện. Nếu nhà vua nghe lời, ta sẽ nói: Vua của loài chim kia còn có lời thiện, sao vua của loài người mà để người ta chê trách? May ra còn có thể giúp cho vua sửa đổi tu tính.”

Chim chúa liền bay lên cao, vào trong vườn của vua, liệng một vòng rồi hạ xuống, đậu trên một cây, gặp lúc phu nhân của vua vào vườn dạo mát. Khi ấy chim Anh vũ vỗ cánh ca hát, nói:

– Nay vua bạo ngược hết sức vô đạo, tàn hại vạn dân ác độc với chim, thú, phun hơi phì phì, làm cho người, vật căm tức, buông lời ta thán, thiên hạ đều nghe. Phu nhân của vua cũng hà khắc không kém, làm cha mẹ của dân mà như vậy sao?

Hoàng hậu nghe xong, bưng bưng tức giận nói:

– Vì sao con chim nhỏ này lại mắng nhiếc ta không tiếc lời?

Bà bảo người rình bắt nó. Khi ấy chim Anh vũ không khiếp, không sợ, nhảy vào tay của người bắt. Khi hoàng hậu bắt được chim, liền dâng cho vua. Nhà vua nói với chim Anh vũ:

– Sao ngươi lại mắng ta?

Chim Anh vũ đáp:

– Tôi nói về điều phi pháp của vua, là muốn ích lợi cho ngài, chớ đâu dám mắng!

Khi ấy nhà vua hỏi:

– Ta có điều phi pháp gì?

Đáp:

– Có bảy việc phi pháp, có thể làm nguy hại thân vua.

Vua hỏi:

– Những gì là bảy?

Đáp:

– Một là đam mê tửu sắc, không làm việc ngay thẳng. Hai là uống rượu say sưa mê loạn, không lo việc nước. Ba là tham đắm cờ bạc, không tu lễ kính. Bốn là săn bắn, sát sinh, hoàn toàn không có lòng từ. Năm là thích nói lời ác độc, không nói lời lành. Sáu là thuế má hình phạt nhiều hơn pháp thường. Bảy là không theo nghĩa lý, cướp đoạt tài vật nhân dân. Nếu có bảy việc này thì có thể làm nguy hại thân vua. Lại có ba việc làm nghiêng ngả, suy bại vương quốc.

Nhà vua lại hỏi:

– Ba việc ấy là những gì?

Đáp:

– Một là thân cận với người tà nịnh, hiểm ác. Hai là không dựa vào Hiền thánh, không nghe lời trung. Ba là ưa thích chinh phạt nước khác, không nuôi dưỡng nhân dân. Nếu ba việc này không từ bỏ, thì thời gian mất nước không sớm thì muộn. Phàm người làm vua được mọi người quy ngưỡng,

vậy nhà vua phải như cây cầu để cứu giúp vạn dân. Vua phải như cái cân, đối xử bình đẳng giữa người thân kẻ sơ. Vua phải như con đường, không ngược với dấu vết của Thánh. Người làm vua như mặt trời chiếu khắp thế gian. Vua phải như mặt trăng làm mát dịu mọi vật. Vua như cha mẹ, có ân nuôi dưỡng thương yêu. Nhà vua như bầu trời bao che tất cả. Nhà vua như mặt đất, vận tải nuôi dưỡng vạn vật. Vua như lửa, thiêu trừ tai họa hiểm nghèo cho muôn dân. Vua như nước, làm thấm nhuần bốn phương. Giống như vị Chuyển luân thánh vương ở thời quá khứ, vua lấy mười việc thiện để giáo hóa chúng sinh.

Nhà vua nghe lời ấy rồi, tự mình hết sức xấu hổ, vì lời nói của Anh vũ chí thành, chí thiết. Vua nghĩ: “Ta là vua của loài người, đã làm điều vô đạo. Vậy ta xin vâng theo lời dạy ấy và thờ chim Anh vũ làm thầy, vâng chịu và thực hành Chánh pháp.”

Bây giờ ở trong nước phong giáo đã được thực hành, tiếng ác của vua được tiêu diệt. Hoàng hậu, thần quan đều sinh lòng trung thành tôn kính, tất cả nhân dân thấy đều hoan hỷ. Giống như trâu chúa vượt qua sông, người dẫn đường đã chánh thì kẻ đi theo cũng chánh.

Chim Anh vũ lúc ấy là thân của Ta. Vua Ác Thọ nước Ca-thi lúc ấy thì nay là phụ tướng, còn phu nhân lúc ấy nay là vợ phụ tướng vậy.



96- CHUYỆN NAN-ĐÀ, EM CỦA ĐỨC PHẬT BỊ ĐỨC PHẬT BẮT BUỘC XUẤT GIA ĐƯỢC ĐẮC ĐẠO

Đức Phật ở nước Ca-tỳ-la-vệ, Ngài vào thành để khát thực, đến nhà của Nan-đà, gặp lúc Nan-đà cùng vợ đang trang điểm xoa hương, kẻ lông mày. Nghe tin Đức Phật ở ngoài cửa, Nan-đà muốn ra ngoài để gặp Phật, vợ chàng can dận:

– Hãy ra gặp Đức Như Lai, để em trang điểm trên vùng trán rồi hãy trở vào.

Nan-đà liền đi ra, gặp Phật, đánh lễ Ngài, lấy bát vào nhà bỏ đầy đồ ăn rồi đem lên dâng Đức Phật, nhưng Đức Phật không nhận. Nan-đà lại đưa bình bát cho Tôn giả A-nan, Tôn giả A-nan cũng không nhận. Tôn giả A-nan nói:

– Ngài nhận bát của ai, hãy đưa cho người ấy.

Bấy giờ Nan-đà ôm bát đi theo Đức Phật đến tinh xá Ni-câu-lũ. Đức Phật bảo thợ hớt tóc cắt tóc cho Nan-đà. Nan-đà không chịu, tức giận nắm tay nói với thợ hớt tóc:

– Tất cả nhân dân của nước Ca-tỳ-la-vệ, nay người có thể cắt tóc hết chăng?

Đức Phật hỏi thợ hớt tóc:

– Sao không hớt tóc?

Thưa:

– Vì sợ Nan-đà cho nên không dám hớt tóc.

Đức Phật cùng Tôn giả A-nan đích thân đến một bên, nên Tôn giả Nan-đà không dám can thiệp hớt tóc. Tuy đã thế phát nhưng Nan-đà luôn muốn trở về nhà, vì Đức Phật thường dẫn Tôn giả đi theo nên không thể về nhà được. Sau đó có một ngày, thứ lớp đến phiên Tôn giả phải giữ tinh xá, nên Tôn giả rất vui mừng nghĩ: “Nay đã đúng thời cơ thuận tiện để ta trở về nhà. Chờ sau khi Đức Phật và chúng Tăng đều đi khỏi, ta sẽ trở về.”

Sau khi Đức Phật vào thành, Tôn giả nghĩ rằng ta hãy đổ nước đầy vào các bình chứa, sau đó sẽ về nhà. Trong khi Tôn giả đổ nước, bình này vừa đầy thì bình kia lại cạn. Cứ như vậy suốt thời gian đổ nước vào bình mà vẫn không đầy. Tôn giả liền nói:

– Tất cả bình đều không thể đầy, hãy để cho các Tỷ-kheo trở về tự đổ lấy. Nay ta chỉ đổ lấy cái bình trong phòng, rồi bỏ mà đi.

Tôn giả liền đóng cửa phòng, vừa đóng cánh cửa này thì cánh cửa kia lại mở, vừa đóng xong phòng này, thì phòng kia lại mở. Tôn giả liền nghĩ: “Tất cả đều không thể đóng được, vậy hãy bỏ đó mà đi, ví dầu có mất y vật của các Tỷ-kheo thì nhà ta có nhiều châu báu dư sức bồi thường.” Tôn giả liền ra khỏi chùa tự nghĩ: “Có lẽ Đức Phật sẽ về đường này, ta hãy đi đường kia.” Đức Phật biết ý của Tôn giả, nên Ngài cũng trở về con đường của

Tôn giả chọn. Từ xa trông thấy Đức Phật đi đến, Tôn giả nấp sau cây đại thọ. Lúc ấy vị Thọ thần nâng cây này trên hư không, thành thử Tôn giả Nan-đà đứng ở giữa đất trống. Đức Phật thấy Nan-đà, lại dặt về tinh xá và hỏi:

– Người nhớ vợ phải không?

Nan-đà thưa:

– Sự thật có nhớ.

Đức Phật liền dẫn Tôn giả Nan-đà đến đỉnh núi A-na-ba, lại hỏi:

– Vợ người có xinh đẹp không?

Thưa:

– Rất xinh đẹp.

Ở trong núi đó có một con khỉ mù, Đức Phật lại hỏi:

– Vợ của người là Tôn-đà-lợi, mặt mày có giống con khỉ này không?

Tôn giả Nan-đà áo não, lại nghĩ: “Vợ của mình xinh đẹp không ai bằng. Nay vì cớ gì mà Đức Phật lại đem vợ ta ví với con khỉ này?”

Đức Phật lại dẫn Tôn giả đến cõi trời Dao-lợi, đi cùng khắp các Thiên cung, để dạo xem. Tôn giả thấy các Thiên tử với các Thiên nữ cùng nhau vui chơi. Nhưng Tôn giả thấy trong một cung điện có năm trăm Thiên nữ, mà chẳng có Thiên tử. Tôn giả đến hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo:

– Người hãy tự đến hỏi xem.

Tôn giả Nan-đà đến hỏi:

– Trong các cung điện đều có Thiên tử, tại sao ở đây không có Thiên tử?

Thiên nữ thưa:

– Trong cõi Diêm-phù-đề, Nan-đà là em của Đức Phật, Đức Phật bắt ông phải xuất gia. Nhờ nhân duyên xuất gia ấy, nên khi mạng chung sẽ được sinh lên cõi trời này, sẽ làm chồng chúng tôi.

Tôn giả Nan-đà đáp:

– Người ấy chính là tôi, nếu muốn tôi sẽ ở lại.

Thiên nữ nói:

– Chúng em là người trời, nay chàng là loài người. Khi nào chàng xả tuổi thọ cõi người, lại sinh nơi đây mới có thể ở lại đây được.

Tôn giả đến chỗ Đức Phật đem việc ấy trình bày đầy đủ với Đức Phật. Đức Phật nói với Tôn giả Nan-đà:

– Vợ của người xinh đẹp sao bằng Thiên nữ?

Tôn giả Nan-đà đáp:

– So với các Thiên nữ này, thì vợ của con giống như con khỉ mù vậy.

Đức Phật dẫn Tôn giả Nan-đà trở về cõi Diêm-phù-đề. Tôn giả Nan-đà vì các Thiên nữ khích lệ cho nên siêng năng trì giới.

Khi ấy Tôn giả A-nan nói bài kệ:

Giống như dê chiến đấu

Bước tới lại thoái lui

*Tâm người muốn trì giới
Sự việc cũng như vậy.*

Đức Phật lại dẫn Tôn giả Nan-đà đi xuống địa ngục, Tôn giả thấy các chảo nước sôi đều có nấu người bên trong, duy chỉ có một chảo nước sôi là không có người, Tôn giả thấy chuyện lạ mới đến hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo:

– Người hãy tự đến hỏi xem.

Tôn giả Nan-đà liền đến hỏi ngục tốt:

– Các chảo đều có nấu tội nhân, sao chảo này lại chẳng có ai?

Đáp:

– Trong cõi Diêm-phù-đề có người em của Đức Như Lai tên là Nan-đà nếu vì xuất gia có công đức thì phải được sinh lên cõi trời, còn nếu vì dục vọng mà bỏ đạo thì sau khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục này nên tôi nấu chảo dầu sôi này mà đợi.

Nan-đà liền hoảng hốt, sợ ngục tốt lưu lại trong địa ngục liền nói:

– Nam-mô Phật-đà. Xin Ngài che chở, đem con trở về cõi Diêm-phù-đề.

Đức Phật nói với Tôn giả Nan-đà:

– Người siêng trì giới, tu phước cầu sinh lên cõi trời phải không?

Thưa:

– Con không cầu sinh lên cõi trời, chỉ muốn không đọa vào địa ngục mà thôi.

Đức Phật thuyết pháp trong bảy ngày cho Tôn giả nghe, Tôn giả liền thành A-la-hán.

Các Tỳ-kheo khen:

– Đức Thế Tôn xuất thế, rất kỳ lạ, hiếm có.

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay đâu, mà ở thời quá khứ cũng lại như vậy.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Sự việc của quá khứ thế nào? Xin Đức Thế Tôn nói cho chúng con nghe.

Đức Phật nói:

– Ngày xưa ở nước Ca-thi có một vị vua tên là Mãn Diện. Ở nước Tỳ-đề-hy có một mỹ nhân đoan chánh tuyệt diệu.

Bấy giờ hai nước thường có oán thù ganh ghét nhau. Khi ấy có một nịnh thần ở một bên, tán thán với vua nước Ca-thi:

– Nước kia có một mỹ nữ xinh đẹp hiếm có, thế gian không ai bằng.

Nhà vua nghe lời ấy rồi, tâm sinh mê hoặc, bảo sứ đi tìm bắt đem về, nhưng nước kia không cho. Nhà vua lại bảo sứ đến nói:

– Chỉ xin thấy mặt thời gian ngắn khoảng bốn, năm ngày, rồi sẽ trả lại.

Bấy giờ vua nước kia dặn dò mỹ nữ:

– Con người của người có nhiều kỹ năng, đầy đủ vẻ đẹp, hãy làm cho vua Ca-thi bị mê hoặc

người, không thể xa rời người một phút nào, ta sẽ đi người đi.

Bốn năm ngày sau, sứ giả nước Ca-thi lại đến, vua nước Tỳ-đề-hy lại đáp:

– Nếu vua mở hội cúng tế lớn, thì được người con gái này; ta sẽ tạm thời thả ra, sau đó phải đem nàng trở lại.

Vua Ca-thi liền trở về mở hội cúng tế lớn xong, bảo sứ đến rước về.

Đáp:

– Sáng mai sẽ cho đi.

Đến sáng mai rồi mà vua Tỳ-đề-hy cũng không cho mỹ nữ đi. Nói dối như vậy, trải qua nhiều ngày, làm lòng vua nước Ca-thi bị mê hoặc, một mình đem theo ít người, muốn đến nước kia. Các thần khuyên can, nhưng nhà vua vẫn không nghe.

Bây giờ ở trong núi Tiên nhân, có con khỉ chúa, thông minh trí tuệ, biết nhiều. Vợ của khỉ chúa vừa chết, nên nó lấy một con khỉ cái khác, các con khỉ khác đều tức giận bảo:

– Con khỉ dâm này là của chung tất cả, tại sao khỉ chúa lại chiếm hữu một mình?

Bây giờ khỉ chúa cùng với khỉ cái chạy vào trong nước Ca-thi, nương tựa chỗ vua. Còn cả bầy khỉ thấy đều truy lùng. Khi đã vào trong thành, chúng dỡ nhà phá tường, không sao dẹp yên được.

Quốc vương Ca-thi nói với khỉ chúa:

– Nay người tại sao không đem con khỉ cái này trả lại cho các con khỉ?

Khỉ chúa đáp:

– Vợ tôi đã chết, lại không có vợ. Nay tại sao nhà vua lại muốn tôi trả về?

Nhà vua nói:

– Nay các con khỉ của người, phá loạn nước ta, sao người vẫn không trả về?

Khỉ chúa nói:

– Việc này không tốt sao?

Vua đáp:

– Không tốt.

Như vậy cho đến hai ba lần, nhà vua vẫn nói không tốt.

Khỉ chúa nói:

– Trong cung của ngài có tám vạn bốn ngàn phu nhân mà ngài không đủ ái lạc lại còn muốn đến nước địch để tìm kiếm dân nữ. Nay tôi không có vợ, chỉ lấy có một người mà ngài nói là không tốt. Tất cả vạn dân nhờ ngài mà được sống. Chỉ vì một dân nữ mà ngài nỡ vất bỏ tất cả. Đại vương nên biết: Việc dân dục vui ít khổ nhiều, giống như ngược gió mà cầm đuốc, kẻ ngu không chịu buông đuốc thì chắc chắn sẽ bị cái hại thiêu đốt. Dục là bất tịnh, giống như đông phân kia; dục hiện hình bên ngoài, nhờ lớp da mỏng che đậy; dục không báo đáp giống như phân dơ, giống như rắn độc; dục

như kẻ thù oán tặc giả làm người thân giúp đỡ, dục như đồ vay mượn, không thực, chắc chắn phải trả lại; dục là điều đáng ghét như ở trong hầm xí; dục như kẻ lác ngồi bên bếp lửa càng gãi càng thêm đau nhức, dục như con chó gặm xương khô, nước miếng chảy ra, nuốt vào cho là có vị, làm cho sứt môi gãy răng mà vẫn không biết nhàm chán; dục như người khát nước mà uống nước mặn lại càng thêm khát; dục như khúc thịt làm cho các con chim tranh nhau; dục như cá, thú, vì tham mùi vị mà phải chết, tai họa của dục vô cùng to lớn.

Con khi chúa lúc ấy chính là thân Ta, còn nhà vua nay là Nan-đà. Người dân nữ lúc ấy chính là Tôn-đà-lợi. Thời đó Ta muốn kéo Nan-đà ra khỏi đồng bùn lầy hôi thối, nay Ta cũng muốn kéo ông ấy ra khỏi cái khổ sinh tử.



97- CHUYỆN ĐẠI LỰC SĨ CẢM HÓA NHÓM GIẶC Ở ĐỒNG HOANG

Bấy giờ Đức Phật ở tại thành Vương xá. Khoảng giữa thành Vương xá và nước Tỳ-xá-ly có nhóm giặc năm trăm người. Vua Tần-bà-sa-la là người nhân từ hiền thiện, dùng pháp ân đức để trị dân, không hại sinh vật, liền có lời chiêu mộ:

— Ai có thể cảm hóa được năm trăm tên trộm

để chúng không làm giặc nữa, trăm sẽ phong tước và trọng thưởng.

Khi ấy có một vị lực sĩ theo lệnh chiêu mộ của vua, đến giữa đồng hoang ấy, vô vè, cảm hóa những người làm giặc này, liền khiến những người ấy không còn làm giặc. Khi đã điều phục xong, lực sĩ làm một thành trì lớn để họ ở trong đó. Rồi nhiều người dần dần đến tụ tập khiến chỗ ấy bỗng nhiên trở thành một nước lớn. Nhân dân trong nước ấy đều nói:

– Ngày nay chúng ta nhờ ân nuôi dưỡng của đại lực sĩ mới cùng tụ tập ở đây.

Họ nói điều quan trọng như vậy:

– Từ nay về sau, nếu ai cưới vợ, trước phải dâng cho lực sĩ.

Họ liền đến chỗ lực sĩ, nói với lực sĩ:

– Chúng tôi xin được nói lên điều quan trọng này: Hễ ai cưới vợ, trước phải dâng lên lực sĩ, vì hai nguyên do:

1. Muốn được con khỏe như lực sĩ.

2. Để báo ân của lực sĩ.

Lực sĩ đáp:

– Cần gì phải làm vậy.

Nhưng mọi người đều ân cần tha thiết, do đó lực sĩ cũng phải theo ý họ. Chỉ theo pháp này, dần dần qua nhiều thời gian có một người nữ không thích việc này, ở trước mọi người, lỏa hình đứng

tiểu tiện, mọi người chê trách nói:

– Người không biết xấu hổ. Tại sao người nữ mà đứng tiểu tiện trước mọi người?

Người nữ ấy đáp:

– Người nữ thì ở trước người nữ mà lỏa hình đứng tiểu tiện, có gì là xấu hổ? Cả nước toàn là người nữ, chỉ có một mình đại lực sĩ là đàn ông hay sao. Nếu đứng trước ông ta mà tiểu tiện thì mới xấu hổ, chớ ở trước các người thì có gì là xấu hổ?

Từ đó mọi người rao truyền với nhau lời nói ấy khiến lời nói của người nữ này trở thành có lý.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên cùng với năm trăm đệ tử đi qua vùng đồng hoang này. Lực sĩ biết được, mời hai Tôn giả cùng với năm trăm đệ tử dừng chân nghỉ ngơi để ông cúng dường y thực.

Sau ba ngày, nhân dân trong nước tụ tập mở hội, uống rượu say sưa túy lúy, cùng nhau bao quanh nhà của đại lực sĩ nổi lửa đốt. Lực sĩ hỏi:

– Vì sao các người lại làm vậy?

Mọi người đáp:

– Phụ nữ mới lấy chồng đều phải qua tay người. Bọn người như chúng tôi không chấp nhận được việc này, cho nên đến đốt người.

Lực sĩ đáp:

– Trước đây ta không chịu, nhưng các người cưỡng ép ta kia mà!

Tuy nói vậy, nhưng họ vẫn không tha, bèn đốt cho ông chết. Lúc sắp chết, ông phát thệ nguyện:

– Mong nhờ nhân duyên công đức cúng dường cho Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên, ta sinh trong đồng hoang này, làm Đại lực quỷ thần, tiêu diệt hết các người.

Nói lời ấy xong thì mạng chung, ông liền ở nơi đồng hoang hóa sinh làm con quỷ, phun khí rất độc, giết chết nhiều người. Sau đó một thời gian, có một người trí đến yêu cầu với quỷ:

– Nay ngài tự giết vô lượng nhân dân, ăn thịt không hết đồ hôi thối vô ích, xin hãy nghe theo lời thỉnh cầu của chúng tôi, ngài hãy giết các trâu, ngựa và mỗi ngày chúng tôi đem một người đến cung cấp cho ngài.

Bấy giờ ở trong nước, mọi người đều phải rút thê, ai cũng có một ngày làm vật tế quỷ thần. Như vậy, thứ lớp đến phiên trưởng giả Tu-bạt-đà-la. Tu-bạt-đà-la sinh được một người con trai, phước đức đoan chánh, đến ngày tới phiên phải nộp mạng, trưởng giả nghĩ: “Đức Như Lai xuất thế, cứu vớt tất cả chúng sinh khổ não. Cúi mong Đức Thế Tôn cứu hộ cho con của con ngay hôm nay đang bị nguy khốn.”

Đức Phật ở tại thành Vương xá, biết tâm của trưởng giả, Ngài liền vào ngôi trong cung điện của quỷ thần ở đồng hoang. Quỷ thần ở đồng hoang đi

đến, thấy Đức Thế Tôn nên hết sức tức giận, nói với Đức Phật:

– Sa-môn hãy ra đi!

Đức Phật liền đi ra. Quỷ vừa vào cung, Đức Phật lại vào theo. Như vậy đến ba lần, tới lần thứ tư, Đức Phật không đi ra, quỷ nói như vậy:

– Nếu không ra ngoài, ta sẽ làm cho tâm người điên đảo, ta sẽ nắm chân người ném xuống sông Hằng.

Đức Phật nói:

– Ta không thấy ở thế gian, hoặc cõi Trời, cõi Thiên ma, hoặc cõi Phạm thiên có thể bắt ném Ta như vậy được.

Quỷ đồng hoang nói:

– Như vậy là, như vậy là, nếu Như Lai cho phép tôi hỏi bốn việc thì tôi sẽ hỏi:

1. Ai có thể vượt khỏi dòng thác?
2. Ai có thể vượt qua biển lớn?
3. Ai có thể xả bỏ các khổ?
4. Ai có thể được thanh tịnh?

Đức Phật liền đáp:

– Đức tin vượt khỏi dòng thác. Chẳng buông lung có thể vượt qua biển lớn. Tinh tấn có thể xả hết khổ. Trí tuệ có thể làm cho thanh tịnh.

Nghe lời ấy rồi, quỷ liền quy y Phật, làm đệ tử của Phật, tay nắm đĩa tiểu nhi bỏ vào trong bình bát của Đức Phật, liền gọi đĩa bé là Khoáng Dã

Thủ. Đứa bé dần dần lớn khôn, nghe Đức Phật thuyết pháp, được đạo A-na-hàm.

Các Tỳ-kheo nói:

– Đức Thế Tôn xuất thế hết sức hy hữu! Như quỷ thần đồng hoang đại ác này mà Đức Phật có thể hàng phục được, cho làm Ưu-bà-tắc.

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay, ở thời quá khứ, cũng ở một vùng đất hoang mênh mông khoảng giữa hai nước Ca-thi và Tỳ-đề-hê, có một con ác quỷ tên là Sa-sát-lô, nó cắt đứt đường sá, làm cho tất cả nhân dân không thể đi qua được. Có một thương chủ tên là Sur Tử, dẫn năm trăm khách buôn muốn qua con đường này. Mọi người hoảng sợ, lo không thể qua được.

Thương chủ nói:

– Cần thận, chớ lo sợ. Chỉ việc đi theo sau ta.

Lúc đó thương chủ đi trước, đến chỗ của con quỷ nói với nó:

– Người chưa nghe tên của ta sao?

Đáp:

– Ta có nghe tên của người cho nên đến đây để chiến đấu. Người có tài năng gì?

Thương chủ liền cầm cung tên mà bắn con quỷ. Năm trăm khách buôn cũng bắn tên. Tất cả tên ấy đều biến mất vào bụng con quỷ; cung tên, đao gậy cũng đều vào bụng con quỷ. Nếu dùng nắm tay mà

đánh thẳng tới phía trước thì nắm tay cũng lại vào bụng nó. Lấy tay mặt mà đánh thì tay mặt cũng dính vào bụng nó. Lấy chân mặt mà đạp thì chân mặt cũng dính, lấy chân trái mà đạp thì chân trái cũng dính. Lại dùng đầu mà đánh thì đầu cũng dính.

Lúc ấy con quỷ nói bài kệ:

*Ngươi dùng tay chân với cái đầu
Tất cả các vật đều bị dính
Người nào vật nào mà chẳng dính?*

Thương chủ nói kệ đáp lại:

*Nay tay, chân cùng đầu của ta
Tất cả tiền tài và đao gậy
Chỉ có tinh tấn không bị dính
Nếu ta tinh tấn không bị dính
Nếu ta tinh tấn không dừng nghỉ
Ta chẳng bao giờ biết sợ ngươi.*

Lúc ấy con quỷ trả lời:

– Nay vì các ngươi, năm trăm khách buôn, ta đều phóng thích tất cả.

Sư Tử lúc ấy chính là thân Ta, còn Sa-sát-lô chính là con quỷ đồng hoang.



98- CHUYỆN PHỤ TƯỚNG NGHE PHÁP NÊN LY DỤC

Đức Phật ở tại thành Vương xá. Vua Tần-bà-

sa-la có một vị phụ tướng đã mấy lần cùng vua đi đến chỗ Đức Phật để nghe Đức Như Lai dạy về pháp ly dục. Sau đó ông hoàn toàn không đến phòng của vợ nữa. Do đó vợ ông sinh tâm ác, đi tìm thuốc độc bỏ vào trong đồ ăn uống, mời Đức Phật đến dùng. Người chồng biết vợ mình có ô-m lòng ác độc nên đi theo để xin đồ ăn uống ấy, nhưng người vợ không chịu cho, bà lại đưa cho ông đồ ăn khác. Khi Đức Phật đã đến nhà, người chồng bạch Đức Phật:

– Thứ đồ ăn này không nên dùng.

Đức Phật hỏi:

– Vì sao không thể dùng?

Thưa:

– Có chất độc.

Đức Phật nói:

– Những chất độc trong thế gian không có gì hơn ba độc mà Ta còn tiêu trừ hết, huống gì một chút độc này mà có thể làm hại Ta được sao?

Đức Phật liền ăn đồ ăn ấy mà chẳng sao cả. Bây giờ vợ của phụ tướng liền sinh tín tâm. Đức Phật thuyết pháp cho họ nghe, cả hai vợ chồng đều được đạo Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo khen là chuyện chưa từng có. Đức Phật bảo:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay đâu, ở thời quá khứ Ta cũng đã từng giáo hóa họ.

Ngày xưa, vua nước Ca-thi có một vị đại thần có trí tuệ tên là Tỳ-đồ-hê, thường lấy đạo pháp dạy cho phụ tướng của quốc vương và các quân thần, làm cho họ tu theo điều thiện. Khi ấy có một Long vương tên là Minh Tướng, thường thường đi đến chỗ Tỳ-đồ-hê để nghe và thọ trì lời pháp. Long vương cũng trở nên ít tới lui với vợ. Vợ của Long vương tức giận mới nói:

– Nếu ta lấy được tim của Tỳ-đồ-hê để tể lửa, lấy máu y để uống, thì ta mới có thể sống được.

Khi ấy có con quỷ Dạ-xoa cùng với vợ chồng của Long vương qua lại thân thiện, nghe vợ của Long vương nói như vậy liền đáp:

– Tôi có thể lấy được.

Bấy giờ Dạ-xoa đến chỗ vợ Long vương lấy viên ngọc Như ý, giả làm khách buôn, đi đến nước Ca-thi. Khi đến ranh giới của nhà vua, cùng vua đánh cờ xu-bồ, đem viên ngọc Như ý đổi lấy một phần kho tàng, đất đai và đại thần Tỳ-đồ-hê... của vua. Dạ-xoa đắc thắng, không lấy kho tàng, đất đai, chỉ lấy Tỳ-đồ-hê để đổi lấy viên ngọc cho vua. Vua hỏi:

– Người lấy Tỳ-đồ-hê là muốn đem đi chăng?

Dạ-xoa đáp:

– Muốn đem đi.

Và Dạ-xoa đem ông đi.

Tỳ-đồ-hê hỏi Dạ-xoa:

– Người đem ta đi theo là có ý gì?

Dạ-xoa không đáp. Như vậy ông cứ ân cần hỏi mãi, Dạ-xoa liền nói:

– Vợ của Long vương muốn được tim người để tế lửa, muốn được máu người để uống.

Tỷ-đồ-hê nói:

– Nếu người giết ta để lấy tim và máu, tất cả mọi người tim và huyết giống nhau, vậy biết là của ai? Nay người đừng giết ta, hãy dẫn ta đi, muốn được trí của ta thì chính là tim ta, muốn được pháp của ta thì đó là máu ta.

Nghe lời nói ấy rồi, Dạ-xoa suy nghĩ: “Đây đúng là người trí”, liền dẫn ông đến chỗ con rồng. Rồng thấy ông vui mừng, ông liền thuyết pháp cho nó nghe. Vợ chồng Long vương và các quyền thuộc sinh tâm kính tín, đều thọ năm giới, cùng với chúng Dạ-xoa cũng thọ năm giới.

Bảy giờ loài Rồng và Dạ-xoa ở cõi Diêm-phù-đề mang nhiều trân bảo tặng cho Tỷ-đồ-hê. Tỷ-đồ-hê được trân bảo này liền đem dâng lên cho vua cùng với nhân dân. Khi ấy người Diêm-phù-đề và Rồng, Quỷ thọ trì Năm giới, tu hành Thập thiện.

Khi ấy Tỷ-đồ-hê chính là thân Ta, Minh Tướng Long vương nay là phụ tướng Thiện Kiến, vợ của Long vương lúc ấy là vợ của phụ tướng. Vị vua nay là Xá-lợi-phất, Dạ-xoa nay là Mục-liên.



99- CHUYỆN NI-KIỀN TỬ NHẢY VÀO ĐỒNG LỬA ĐƯỢC PHẬT CỨU ĐỘ

Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Như Lai hàng phục hóa độ Lục sư ngoại đạo tà kiến và quyền thuộc của họ, khiến bọn họ hoàn toàn bị phá hủy. Năm trăm Ni-kiền suy nghĩ: “Tất cả đồ chúng bọn ta đều bị phá hoại tan tành, chỉ bằng bọn ta thiêu thân để sớm sinh ở đời sau.”

Họ chất một đồng củi và cõ lại để thiêu thân. Đức Như Lai từ bi muốn cứu khổ họ nên làm cho lửa không cháy. Đức Phật đến bên họ nhập Hỏa quang tam-muội. Các Ni-kiền tử thấy đồng lửa lớn, tâm sinh vui mừng, nói:

– Chúng ta không cần đốt lửa, hãy nhảy vào trong đồng lửa này.

Khi họ mới vào nhảy vào trong đồng lửa này, thân thể mát rượi, vô cùng khoái lạc. Thấy Phật ở trong đồng lửa, họ càng thêm vui thích, cầu xin xuất gia.

Đức Phật bảo:

– Thiện lai Tỳ-kheo!

Tức thì râu tóc của họ tự rụng, thân mặc pháp phục. Đức Phật thuyết pháp cho họ nghe và họ đắc quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Hy hữu thay Thế Tôn! Ngài có thể cứu nhiều Ni-kiền tử này thoát khỏi khổ tự thiêu, lại còn làm cho họ được quả A-la-hán.

Đức Phật nói:

– Đâu phải chỉ có ngày hôm nay đâu.

Ngày xưa, ở trong nước Xá-vệ có năm trăm khách buôn vào biển kiếm ngọc. Khi ấy có vị thương chủ tên là Tỳ-xá-khur dẫn các khách buôn thuận theo gió mà ra đi và liền đến đảo châu báu. Họ tập hợp trên thuyền, các khách buôn vì tham lấy nhiều châu báu nên trên thuyền rất nặng. Khi ấy Tỳ-xá-khur bảo các khách buôn:

– Đừng ham của báu, nó sẽ làm mất mạng các người.

Khi ấy các khách buôn không nghe theo lời ông. Họ nói:

– Thà chết theo châu báu, chứ không thể bỏ bớt được.

Thương chủ liền lấy châu báu của mình ở trên thuyền ném xuống nước. Các khách buôn vẫn ôm châu báu ngồi lên thuyền. Thuyền chở các châu báu này chìm xuống biển. Hải thần thấy vị thương chủ này có thể bỏ châu báu mà cứu các khách buôn, tâm sinh hoan hỷ, nắm lấy thương chủ người đã bỏ hết châu báu để trên vai, bay tới trước. Khi đã ra khỏi biển, hải thần thả vị thương chủ xuống.

Các thương nhân nói:

– Chúng ta làm gì khi không có của báu?

Thấy họ khổ não, khi ấy Tỳ-xá-khư hết sức thương xót. Ông đem các châu báu của mình kiếm được phân đều cho họ. Rồi ông ta tu theo pháp xuất gia của ngoại đạo, được năm phép thần thông.

Các thương nhân nói:

– Như vị đại sĩ này không tham của quý, tự tu tâm mình, được lợi ích lớn. Chúng ta nên học theo ngài.

Họ đều bỏ hết châu báu, đến chỗ Tiên nhân tu tập pháp của vị ấy, đều được năm phép thần thông.

Tỳ-xá-khư lúc ấy chính là thân của Ta, còn năm trăm khách buôn lúc ấy là các vị Ni-kiền tử này.



100- CHUYỆN NĂM TRĂM CON CHIM UNG TRẮNG NGHE PHÁP ĐƯỢC SINH CÔI LÊN TRỜI

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ nước Bàn-già-la đem năm trăm con chim ung trắng cống hiến cho vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc đem thả chim ung ở tỉnh xá Kỳ hoàn. Khi chúng Tăng thọ thực, nhiều người đến xin ăn. Chim ung thấy chúng Tăng tụ tập, chúng bay đậu ở phía trước.

Đức Phật dùng một thứ âm thanh thuyết pháp, tất cả chúng sinh tùy theo loại, nghe mà hiểu. Khi

ấy bầy chim ưng cũng hiểu lời Phật, nghe pháp hoan hỷ, chúng còn hát tiếng hòa điệu, rồi bay xuống ao nước. Sau đó, lông mao và lông vũ dần dần dài ra, chúng bay đến xứ khác. Thợ săn dùng lưới bắt hết rồi giết đi. Đang khi dính lưới, một con chim ưng kêu lên, các con khác đều hòa theo. Đó là tiếng hát khi nghe pháp. Nhờ thiện tâm này nên chúng được sinh lên cung trời Đao-lợi. Thông lệ sinh ở cõi trời có ba cách nhớ nghĩ:

1. Nhớ từ đâu sinh đến đây?
2. Nhớ đã sinh chỗ nào.
3. Nhớ trước đã tạo nghiệp gì mà được sinh lên cõi trời.

Chúng liền tự suy nghĩ, tự thấy nghiệp nhân đời trước của mình hoàn toàn chẳng có chút điều thiện nào, ngoại trừ chỉ đứng bên Phật và chúng Tăng nghe pháp. Nghĩ như vậy rồi, năm trăm Thiên tử tức thì hạ xuống, ở bên Đức Như Lai. Ngài thuyết pháp cho họ nghe và tất cả đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

Vua Ba-tư-nặc tình cờ đến chỗ Đức Phật, thường thấy năm trăm chim ưng bay giỡn trước Đức Phật, hôm nay lại không thấy mới bạch Đức Phật:

— Các con chim ưng ở đây đã bay về hướng nào?

Đức Phật nói:

– Đại vương muốn thấy các con chim ung chăng?

Vua thưa:

– Con muốn thấy.

Đức Phật nói:

– Các con chim ung trước đây đã bay đến chỗ khác, bị thợ săn bắn giết, mạng chung được sinh lên cõi trời. Nay là năm trăm Thiên tử này, đội mũ đẹp của cõi trời, vô cùng xinh đẹp trang nghiêm. Ngày nay nhờ nghe pháp nên họ đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

Nhà vua hỏi Đức Phật:

– Các con chim ung này do nghiệp duyên gì mà lại đọa vào loài súc sinh và sau khi khả mạng chung lại được sinh lên cõi trời và ngày nay lại được đắc đạo?

Đức Phật đáp:

– Ngày xưa, thời Phật Ca-diếp có năm trăm cô gái cùng nhau thọ giới, nhưng vì tâm không kiên cố, phá giới đã thọ. Do việc phạm giới cho nên đọa vào loài súc sinh làm thân chim ung. Nhờ thọ giới cho nên gặp Đức Như Lai, nghe pháp mà được đạo. Khi thọ thân chim ung, nhờ nhân duyên nghe pháp nên được sinh lên cõi trời.



VOI SAY TÊN HỘ TÀI MUỐN HẠI PHẬT

Thuở Đức Phật ở tại thành Vương xá, bấy giờ Đề-bà-đạt-đa thả con voi say tên là Hộ tài muốn hại Đức Phật. Lúc ấy năm trăm La-hán đều bay lên hư không, chỉ có một mình Tôn giả A-nan là đứng sau Đức Phật, Đức Phật khi ấy đưa cánh tay phải lên, con bạch tượng Hộ tài thấy năm trăm con sư tử. Lúc ấy con voi hoảng sợ, tức thì bị điều phục quy thuận. Năm trăm Tỳ-kheo lúc đó bỏ Đức Phật mà đi, chỉ có Tôn giả A-nan là ở sau Đức Phật.

Đức Phật nói:

— Đâu chỉ có ngày hôm nay mới vậy, mà ở thời quá khứ cũng vậy.

Ngày xưa ở nước Ca-thi có năm trăm con chim ưng, làm thành một bầy. Khi ấy con chim ưng chúa tên là Lại-tra. Chim ưng chúa có một vị bề tôi tên là Tổ-ma. Khi ấy chim ưng chúa bị thợ săn bắt được, bầy chim ưng năm trăm con đều bay đi chỗ khác, chỉ có con Tổ-ma là đi theo chim chúa, nó nói với thợ săn:

— Xin ông hãy thả chúa tôi ra. Hôm nay tôi lấy thân mình để thay cho chúa tôi.

Nhưng thợ săn không chịu. Ông liền đem chim ưng chúa dâng cho vua Phạm-ma-diệu. Nhà vua hỏi chim ưng chúa:

— Ngươi có an ổn chăng?

Chim ưng chúa đáp:

– Nhờ đại ân của vua, được nước trong của vua, lại được cỏ ngon để được nuôi sống nên thường được bình an ở trong đất nước này. Cúi mong Đại vương hãy thả tất cả con chim ưng ra, làm cho chúng không sợ hãi.

Lúc ấy bầy chim ưng năm trăm con ở trên điện của vua, kêu lên trên không trung. Khi ấy nhà vua hỏi:

– Đó là chim ưng nào vậy?

Ưng chúa đáp:

– Đó là quyền thuộc của tôi.

Nhà vua bèn ban cho bầy chim ưng được vô úy, ra lệnh trong và ngoài không được giết chim ưng.

Ưng chúa tâu với vua:

– Nay đức vua nên lấy chánh pháp để trị nước. Thế gian vô thường, như núi bốn phương. Thí như núi lớn ở phương Đông cao vút không ngần, đến lúc nào đó, cả không gian thời gian đều bị nghiền nát. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng lại như vậy. Tất cả chúng sinh cùng với người, quỉ đều bị tiêu diệt dần dần, không thể trốn thoát được, không thể nương tựa vào đâu được, không thể cứu vãn được. Chính lúc đó biết trông cậy vào đâu? Chỉ nghĩ như vậy nên phải có lòng Từ, cứu giúp tất cả, tu hành chánh pháp, làm công đức. Đại vương nên biết, tất cả sự giàu sang phú quý đều bị suy diệt,

đều bị nghiền nát cuối cùng cũng tan biến trong bốn phương. Tất cả sự cường tráng lại có các bệnh tật từ bốn phương đến phá hủy tiêu diệt sự khỏe mạnh ấy. Tất cả tuổi trẻ khỏe mạnh đều bị hòn núi bệnh yếu từ bốn phương đến phá hoại tuổi tráng niên ấy. Tất cả sinh mệnh có ngọn núi đại tử từ bốn phương đến hoại diệt sinh mạng. Bốn hòn núi như vậy, tất cả muôn loài đều bị nó hoại diệt từ loài trời, loài rồng, loài người, loài quỷ, đã có sinh mệnh thì không sao tránh khỏi. Vì nghĩa này cho nên phải thường tu tâm, siêng làm chánh pháp. Nếu ai làm được như vậy, khi chết không hối hận. Nhờ tâm không hối hận nên được sinh đến chỗ lành, được gặp hiền thánh, được thoát sinh tử.

Nhà vua hỏi:

– Vì sao Tổ-ma im lặng?

Tổ-ma đáp:

– Nay hai vua là: Vua chim ưng và vua loài người cùng nói chuyện, nếu tôi nói xen vào thì chẳng phải là nghi lễ, không có tâm kính trên nhường dưới.

Nhà vua nói:

– Thật là hy hữu! Người là chim ưng mà lại có tiết tháo của một bậc trung thần như vậy, loài người không bì kịp. Người có thể lấy thân mạng để chết thay cho chim ưng chúa, lại còn biết khiêm cung hòa thuận, không xen vào lúc người khác nói

chuyện. Như đạo nghĩa vua tôi của ung chúa và người, thế gian thật là hiếm thấy.

Nhà vua lấy vàng luyện buộc lên mé đầu chim Tổ-ma, lấy lụa trắng đẹp buộc lên đầu chim ung chúa và bảo:

– Vừa rồi chim đã thuyết thiện pháp cho ta nghe.

Rồi nhà vua thả chim bay đi.

Chim ung chúa lúc bấy giờ là thân Ta. Tổ-ma nay là A-nan. Vua loài người lúc ấy nay là vua Tịnh Phạn, cha của Ta. Còn người thợ săn lúc ấy là Đề-bà-đạt-đa.



KINH TẠP BẢO TẠNG

QUYỂN 9

Gồm mười bốn chuyện:

102. Chuyện Ca-chiên-diên giải thích tám giấc mộng của vua Ác Sinh.

103. Chuyện con mèo vàng.

104. Chuyện vua Ác Sinh được năm trăm cái bát.

105. Chuyện người cầu vị trời Tỳ-ma mong được giàu lớn.

106. Chuyện quỷ Tử mẫu mất con.

107. Chuyện người chủ tế trời.

108. Chuyện thờ thần cây.

109. Chuyện người phụ nữ nhàm chán dục, xuất gia.

110. Chuyện đứa con bất hiếu bị khổ báo.

111. Chuyện luận nghị của vua Nan-đà và Na-già-tư-na.

112. Chuyện người vợ bất hiếu, ý muốn hại mẹ chồng trở lại giết chồng.

113. Chuyện vua nước Ba-la-nại nghe tiếng

kêu trong gò mả.

114. Chuyện Tỳ-kheo già được bốn quả.

115. Chuyện người nữ chí thành được đắc quả.



102- CHUYỆN CA-CHIÊN-DIÊN GIẢI THÍCH TÁM GIÁC MỘNG CỦA VUA ÁC SINH

Ngày xưa vua Ác Sinh hành động tàn bạo, không có lòng từ mẫn, tin, hành toàn theo tà kiến. Đức Như Lai đại Bi bảo các đệ tử đi khắp các nước để giáo hóa. Tôn giả Ca-chiên-diên là người dòng Bà-la-môn thuộc nước của vua Ác Sinh nên Đức Phật liền bảo Tôn giả Ca-chiên-diên trở về giáo hóa cho vị quốc vương, cùng với nhân dân xứ này.

Khi ấy Tôn giả Ca-chiên-diên vâng theo lời Phật dạy liền trở về bốn quốc. Bấy giờ vua Ác Sinh không thấy điều chân chánh, phụng thờ tà đạo, vào sáng sớm, thường không muốn thấy người trước khi đến lạy ở miếu thờ trời. Lúc ấy Tôn giả Ca-chiên-diên vì muốn khai hóa cho vua Ác Sinh cho nên lúc bình minh, dậy sớm, hóa làm một người lạ giống như sứ giả ở xa, hình mạo đoan chánh, vào trong cửa cung vua. Khi ấy vua mới thấy Ca-chiên-diên, ngài liền hiện nguyên hình là Sa-môn.

Nhà vua đối diện với Đạo sĩ đã cạo bỏ râu, tóc, thì lại càng thêm cay ghét. Nhà vua hết sức tức giận

quát:

– Nay nhà ngươi phải chết. Vua liền bảo người đem Tôn giả Ca-chiên-diên đi định giết.

Tôn giả Ca-chiên-diên tâu với vua:

– Tôi có lỗi gì mà mới thấy tôi ngài muốn giết?

Nhà vua lại nói:

– Ngươi là người không có râu tóc, thấy ngươi là điều không lành, cho nên nay ta muốn giết ngươi.

Tôn giả Ca-chiên-diên liền đáp:

– Nay cái điều không lành ấy là ở nơi tôi chứ không phải ở nơi vua. Vì sao vậy? Vì vua tuy thấy tôi nhưng vua hoàn toàn không có tổn giảm gì cả. Còn tôi thấy vua, thì vua muốn chết. Theo đó mà suy: Cái gọi là không lành ấy là ở nơi tôi.

Nhà vua vốn thông minh nghe lời nói ấy rồi liền lãnh hội ý Tôn giả, liền thả Tôn giả Ca-chiên-diên, không còn khởi ác tâm với ngài nữa. Nhà vua bí mật sai hai người đi theo sau ngài để xem chỗ nghỉ ngơi, xem ngài ăn đồ ăn gì. Họ thấy Tôn giả Ca-chiên-diên ngồi dưới gốc cây, đi khát thực về thì ăn. Trong khi ăn, ngài chia đồ ăn cho hai người cùng ăn. Ngài để lại chút đồ ăn dư bỏ xuống dưới sông cho cá ăn.

Hai người khi trở về nhà, vua hỏi về chỗ nghỉ ngơi và sự ăn uống của Tôn giả. Hai người như điều thấy ở trên tâu đầy đủ với vua. Ngày hôm sau

nhà vua thỉnh Tôn giả Ca-chiên-diên và mời ngài thọ thực với đồ ăn thô sơ. Nhà vua bảo người đến hỏi:

– Đồ ăn hôm nay có vừa ý ngài chăng?

Tôn giả đáp:

– Mục đích của sự ăn là để cho no đủ.

Ngày hôm sau nhà vua dâng cho ngài món ăn thượng vị, ngon lành. Nhà vua lại bảo người đến hỏi ngài:

– Ngài thấy vừa ý chăng?

Đáp:

– Mục đích của sự ăn là để cho no đủ.

Sau đó nhà vua hỏi Tôn giả:

– Tôi đã cúng dường đồ ăn cho ngài mà ngài không nói ngon hay dở, chỉ nói là “no, đủ”, vậy có ý nghĩa gì?

Tôn giả Ca-chiên-diên trả lời nhà vua:

– Phàm thân và miệng giống như cái bếp, vật chiên-đàn nó cũng tiêu hóa, vật thối tha nó cũng tiêu hóa. Thân và miệng cũng như vậy. Bất cứ đồ ăn ngon hay dở, miễn no là được.

Ngài liền nói kệ:

*Thân này như chiếc xe
Không lựa chọn ngon, dở
Dầu thơm và mỡ thối
Vẫn đều chuyên chở hết.*

Nhà vua nghe lời nói ấy nên biết rõ về Đại đức.

Vua lại lấy đồ ăn ngon và dĩa đem cúng cho Bà-la-môn. Các Bà-la-môn lúc đầu nhận được đồ ăn dở, thấy đều tức giận, biến sắc mặt, mắng chửi. Nhưng sau khi nhận được đồ ăn ngon, họ hoan hỷ khen ngợi.

Nhà vua thấy các Bà-la-môn đối với việc ăn uống mà tâm sinh mừng giận, cho nên tâm sinh càng thêm tín kính đối với Tôn giả Ca-chiên-diên. Bảy giờ Tôn giả có một vị nữ tín chủ tên là Ngoại Sinh, trước ở ngoài thành, sống trong tự lạc của Bà-la-môn, có một mái tóc rất đẹp. Đã đến mùa an cư, cô có ý muốn cúng dường, mới cắt tóc mình đem bán, được năm trăm đồng tiền vàng, bèn thỉnh Tôn giả Ca-chiên-diên đến an cư để mình được cúng dường.

Tôn giả Ca-chiên-diên, sau mùa hạ an cư xong, lại trở vào trong thành. Khi ấy ở trong cung vua Ác Sinh có một con chim trĩ bỗng chết. Giống như vua Chuyển luân vương muốn ăn thịt chim trĩ, vua Ác Sinh cũng muốn ăn nó.

Một vị đại thần trí tuệ tâu với vua:

– Đối với chim trĩ này không nên tự ý ăn thịt mà nên thí nghiệm trước.

Vua nghe theo lời nói ấy, liền bảo người cắt một miếng nhỏ đem cho chó ăn. Khi chó được ăn thịt, liền tham đắm mùi vị của thịt bèn ăn luôn cả lưỡi của mình liền bị chết. Nhà vua lại cắt một

miếng thịt nhỏ nữa, để thí nghiệm nơi một người, người ấy ăn thịt xong, cũng tham đắm vị ngon của nó, cho đến tự ăn luôn cả tay của mình mà chết.

Vua thấy như vậy nên hết sức sợ hãi. Nghe có người nói thứ thịt này chỉ có Chuyển luân thánh vương, người có trí vô lậu đặc đạo, mới có thể ăn được. Nhà vua liền bảo người xào nấu thịt này thật ngon, rồi đem cúng cho Tôn giả Ca-chiên-diên. Tôn giả Ca-chiên-diên ăn thịt này xong thân thể vẫn bình an.

Ngày hôm sau nhà vua bảo người đến rình xem, thì thấy Tôn giả nhan sắc tươi sáng hơn lúc bình thường.

Khi nhà vua nghe lời ấy rồi, cho là hết sức đặc biệt càng thêm tôn trọng Tôn giả, mà lại khinh chê các Bà-la-môn ngoại đạo. Nhà vua hỏi Tôn giả Ca-chiên-diên:

– Mùa hạ này Tôn giả an cư ở đâu? Nay đi về phương nào?

Tôn giả nói một cách đầy đủ:

– Nhờ cô gái tên là Ngoại Sinh bán tóc lấy tiền cúng dường chúng Tăng.

Nhà vua nghe Tôn giả nói như vậy, mới nói:

– Người trong cung của ta có đầu tóc thật đẹp, nhưng để xứng đáng tiền bằng đồng thì bất quá được vài người. Nay Tôn giả nói đầu tóc vị ấy, trị giá đến năm trăm đồng vàng. Vậy nếu cô gái này

có đầu tóc phi thường, thì thân hình nàng phải tuyệt đẹp. Nhà vua liền hỏi tên họ của cha mẹ cô gái ấy, rồi bảo sứ giả đến đó đích thân xem thân hình của nàng, sứ giả thấy nàng dung mạo siêu tuyệt, đúng là nhà vua đã nghĩ. Vua liền bảo sứ đem lễ vật đến hỏi nàng làm vợ, nhưng gia đình của nàng đòi hỏi thật nhiều châu báu, thành ấp, tុ lạc. Nhà vua suy nghĩ: “Nếu ta cho nhà họ, khi nàng về đây thì của cải đó cũng thuộc về ta.” Nhà vua liền ban cho nhà nàng và được nàng nhận làm chồng.

Ngày rước lễ đầu tiên, cả nước đều vui mừng, mọi người đều nói là rất tốt. Nhà vua lại ra lệnh đại xá, phóng thích tất cả tù nhân. Từ đó nàng có danh hiệu là Thi-bà-cụ-sa phu nhân. Nhà vua rất vui mừng, kính nể người vợ. Về sau nàng sinh được một thái tử tên là Kiều-bà-la.

Bấy giờ, nhà vua đang nằm ngủ, mộng thấy tám việc:

1. Trên đầu lửa cháy.
2. Hai con rắn cột lưng lại với nhau.
3. Một cái lưới sắt nhỏ bao quanh thân.
4. Hai con cá đỏ nuốt hai chân vua.
5. Bốn con hạc trắng bay về hướng nhà vua.
6. Vua đi trong huyết bùn, bùn biến mất nơi nách của vua.
7. Vua lên núi Thái bạch.
8. Chim Quán tước ỉa trên đầu vua.

Sau khi tỉnh giấc, nhà vua cho đó là điều chẳng tốt cho nên sầu lo buồn thảm, liền đến hỏi các Bà-la-môn. Các Bà-la-môn nghe vua nói mộng này, họ vốn hiềm ghét nhà vua, hiềm ghét Tôn giả, cho nên nhân giấc mộng của vua họ nói:

– Nay Đại vương, đó là điềm chẳng lành. Nếu không cúng trừ, họa sẽ đến thân vua.

Nhà vua nghe lời nói ấy tin là đúng, càng thêm sầu não, liền hỏi:

– Lúc cúng trừ thì cần vật gì?

Các Bà-la-môn đáp:

– Vật cần cúng trừ là thứ vua yêu mến. Nếu chúng tôi nói thì vua chắc chắn không thể làm được.

Nhà vua đáp:

– Điều mộng này hết sức hung ác, chỉ lo tai ương lớn ập đến ta, trừ thân ta ra, ta chẳng tiếc thứ gì cả. Xin các ngài hãy nói những vật cần thiết ấy cho ta.

Các Bà-la-môn thấy vua ân cần, biết trong tâm nhà vua lo lắng, liền nói với vua:

– Những vật cần thiết ấy là: Trong giấc mộng này có tám điều, cần phải dùng tám thứ để cúng tế cầu khỏi tai họa:

1. Giết phu nhân Thi-bà-cụ-sa mà vua kính mến.

2. Giết thái tử Kiều-bà-la mà vua thương yêu.

3. Giết đại thần phụ tướng.

4. Giết con chim thần của vua.

5. Giết con voi một ngày có thể đi được ba ngàn dặm của vua.

6. Giết con lạc đà một ngày có thể đi được ba ngàn dặm của vua.

7. Giết con ngựa hay của vua.

8. Giết gã đầu trọc Ca-chiên-diên.

Nếu sau bảy ngày, giết tám thứ đó lấy huyết trộn lại rồi bôi vào thân mà đi thì có thể được tiêu tai nạn.

Nhà vua nghe nói lời ấy, vì cho mạng của mình là trọng, liền đồng ý. Khi trở về cung, vua âu sầu áo não. Phu nhân hỏi vua:

– Vì sao ngài buồn như vậy?

Nhà vua trả lời phu nhân đầy đủ về giấc mộng bất thường ở trên và nói những điều Bà-la-môn cần cúng tế để trừ mộng dữ.

Phu nhân nghe xong mới nói:

– Chỉ để cho thân vua được bình an, không tai họa, còn thân hèn mọn của thiếp thì không cần đề cập đến sao?

Bà liền tâu với vua:

– Sau bảy ngày nữa thiếp sẽ phải chết, vậy hãy cho thiếp đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên trong sáu ngày để thọ trai, nghe pháp.

Vua nói:

– Không được. Nếu nàng tới đó nói sự thật cho Tôn giả, nếu Tôn giả biết được việc ấy bỏ ta mà bay mất thì sao?

Song phu nhân ân cần xin mãi, vua không thể từ chối được đành cho đi. Khi phu nhân đến chỗ Tôn giả rồi, đánh lễ thăm hỏi. Đã qua bảy ngày mà phu nhân vẫn còn ở, Tôn giả thấy lạ hỏi:

– Phu nhân của vua chưa từng đến đây ở lại thời gian lâu thế, sao hôm nay lại lạ vậy?

Phu nhân nói rõ về ác mộng của nhà vua. Sau bảy ngày nữa là vua sẽ giết hết chúng ta, để cúng tế cầu tiêu tai ương họa hoạn. Con còn sống sót chẳng mấy ngày nữa, cho nên đến đây để nghe pháp.

Do phu nhân nói cho Tôn giả nghe giấc mộng của vua, Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

– Giấc mộng ấy hết sức tốt, phải nên vui mừng, không nên lo lắng: “Lửa cháy trên đầu” là điềm vị vua nước Bảo trụ sẽ dâng cho vua cái mào trời, giá trị mười vạn lượng vàng, họ sẽ đem công hiến cho vua, chính là điềm mộng này.

Trong lòng phu nhân rất nóng nảy vì sắp hết bảy ngày thì sẽ bị vua giết, sợ điều Tôn giả đoán đến chậm, bà thưa Tôn giả:

– Chừng nào điều đó sẽ đến?

Tôn giả đáp:

– Xế chiều ngày hôm nay sẽ đến. Còn “hai con

rắn giao lưng” là vua nước Nguyệt chi sẽ hiến cho vua hai cây kiếm giá trị mười vạn lượng vàng, trong ngày hôm nay sẽ đến. Còn “lưới sắt mỏng quấn quanh thân” là điềm vua nước Đại tần sẽ hiến cho vua viên ngọc Anh lạc trị giá mười vạn lượng vàng, sáng mai sẽ đem đến. Còn “con cá đỏ nuốt hai chân” là điềm vua nước Sư tử sẽ hiến cho vua đôi dép báu Tỳ lưu ly trị giá mười vạn lượng vàng, sau giờ ăn ngày mai sẽ đem đến. Còn “bốn con bạch hạc đến” là điềm vua nước Bạt-kỳ sẽ hiến cho nhà vua xe báu bằng vàng, trong giờ ngọ ngày mai sẽ đem đến. Còn “đi trong máu bùn” là điềm nước An tức sẽ hiến cho nhà vua cái áo da nai Khâm-bà-la, trị giá mười vạn lượng vàng, vào lúc mặt trời xế bóng ngày mai sẽ đem đến. Còn “lên núi Thái bạch” là điềm vua nước Khoáng dã sẽ hiến cho nhà vua con Đại tượng, chiều mai sẽ đem đến. Còn “con chim Quán tước ỉa trên đầu” là điềm nhà vua và phu nhân sẽ có chuyện riêng bí mật, sự việc này đến ngày hôm sau sẽ rõ.

Quả đúng như lời Tôn giả nói, thời hạn đã đến, tất cả những vật cống hiến của các nước đều đem đến, nhà vua rất vui mừng. Phu nhân Thi-bà-cụ-sa trước đây đã có mỗ trời, nay lại được nước Bảo trụ cống hiến thêm một mỗ trời (Thiên quan) nữa. Nhà vua nhân đó mới đùa cợt, cời mỗ trời mà phu nhân Thi-bà-cụ-sa đang đội, vua đội thêm một cái nữa lên đầu mình, rồi vua choàng cái vòng vàng

đẹp lên đầu phu nhân.

Phu nhân tức giận nói:

– Nếu có điều xấu thì tôi phải chịu trước, nay được mả trời thì người khác đội.

Bấy giờ phu nhân liền lấy hũ đựng sữa ném lên đầu vua, làm cho đầu vua dính đầy sữa. Khi ấy vua bồng bồng tức giận, rút kiếm định chém phu nhân. Phu nhân sợ hãi chạy vào trong phòng đóng cứng cửa lại, khiến cho nhà vua không thể tiến tới được. Bấy giờ nhà vua tự ngộ điều Tôn giả đoán mộng nói: “Có bí mật riêng”, chính là điều này. Nhà vua cùng phu nhân liền đi đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên trình bày đầy đủ chuyện trên và nói:

– Vì tin lời nói phi pháp của bọn ác tà, đã mấy lần con định làm chuyện đại ác đối với Tôn giả, vợ con, đại thần và các vật mến yêu. Nay mong Tôn giả trình bày lẽ thật, khai thị kẻ đui mù này để cho con được thấy chánh đạo, xa lìa điều ác.

Nhà vua liền mời Tôn giả đến để kính phụng cúng dường, xua đuổi các Bà-la-môn đi xa khỏi lãnh thổ vua đang ngự trị, rồi hỏi Tôn giả:

– Do nhân duyên gì mà các nước như vậy lại đem những vật quý báu của họ để dâng hiến cho con?

Tôn giả đáp:

– Về thời quá khứ, cách đây chín mươi một kiếp, bấy giờ có Đức Phật tên là Tỳ-bà-thi. Khi

Đức Phật xuất thế, có một nước tên là Bàn-đầu, thái tử của nước ấy hết sức tin tưởng, vui vẻ, siêng năng, đến chỗ Đức Phật cúng dường lễ bái. Thái tử liền lấy cái mào trời đang đội, kiếm báu, ngọc anh lạc, voi lớn, xe báu, y Khâm-bà-la cúng dường Đức Phật. Nhờ phước lành ấy nên đời đời được tôn quý, những châu báu ưa thích, không cần cũng tự đến.

Nhà vua nghe điều này xong, càng thêm kính tín Tam bảo, đánh lễ rồi trở về cung.



103- CHUYỆN CON MÈO VÀNG

Ngày xưa vua Ác Sinh dạo chơi trên nhà của khu vườn Lâm uyển, thấy một con mèo vàng từ góc Đông bắc chạy vào góc Tây nam. Nhà vua bảo người đào ngay chỗ ấy lên, thì thấy một cái bình bằng đồng, bình đồng ấy chứa đầy ba hộc tiền vàng. Cứ từ từ đào sâu xuống, lại được một cái bình nữa. Như vậy thứ lớp được ba cái bình, mỗi bình đều chứa ba hộc, dần dần đào sang một bên cũng được một cái bình đồng. Cứ đào mãi cho tới năm dặm đều được bình bằng đồng chứa đầy tiền vàng. Khi ấy vua Ác Sinh cho là một chuyện rất kỳ lạ, liền đi đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên thưa với Tôn giả nghe đầy đủ về nguyên nhân được tiền và nói rằng:

— Con muốn sử dụng số tiền ấy, nó không có

đem đến tai họa cho con và mọi người trong nước chứ?

Tôn giả đáp:

– Bởi vì nhân tốt đời trước của Đại vương đã gieo nên nay mới được phước báo cứ dùng sẽ không khổ.

Nhà vua liền hỏi:

– Không rõ nguyên nhân của con đời trước đã làm những gì?

Tôn giả đáp:

– Hãy lắng nghe, lắng nghe!

Vào thời quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, trong thời mạt pháp của Đức Phật Tỳ-bà-thi, khi ấy có các Tỳ-kheo, ở đầu ngã tư đường, làm một cái tòa cao lớn, để bình bát ở trên, nói:

– Có người thế gian nào có thể đổi với trong kho tàng bên chái, đem tiền tài bỏ vào kho tàng này thì nước không thể trôi, lửa không thể cháy, vua không thể lấy, giặc không thể cướp.

Khi ấy có một người nghèo, trước đây nhân bán củi được ba đồng tiền, nghe lời nói ấy, sinh tâm hoan hỷ, liền đem tiền ấy bỏ vào trong bát thành tâm phát nguyện. Anh rời xa nhà năm dặm, rồi quay trở về, từng bước, từng bước hoan hỷ. Khi vào trong cửa, anh hướng đến chỗ khuyến hóa chí tâm phát nguyện, sau đó mới vào nhà.

Tôn giả nói:

– Người nghèo khi ấy, nay là vua vậy, nhờ đời xưa dùng ba đồng tiền cúng đường mà đời đời vua được giàu sang thường được ba lớp bình tiền như vậy. Lại nhờ đi năm dặm đường từng bước hoan hỷ, nên thường ở trong năm dặm, có tiền vàng này.

Nhà vua nghe về đời trước của mình nên vui mừng ra về.



104- CHUYỆN VUA ÁC SINH ĐƯỢC NĂM TRĂM CÁI BÁT

Ngày xưa vua Ác Sinh đi đến thành Uất-thiên-diên. Khi ấy người giữ cửa, buổi sáng mở cửa. Ngoài cửa bỗng nhiên có năm trăm chiếc xe, mỗi xe đều có chở bát báu, trong mỗi bát đều chứa đầy lúa vàng. Tất cả đều có đóng ấn niêm phong, đề chữ: “Những bát này biếu cho vua Ác Sinh.”

Khi ấy người mở cửa tâu với vua:

– Bên ngoài có bát quý, trên bát đề chữ: “Biếu cho vua”. Không rõ bây giờ có nên nhận chăng?

Nhà vua suy nghĩ: “Những vật báu này bỗng nhiên lại đến, hoặc đây là điều không lành, nếu ta nhận, có thể làm cho nước nhà bị tai họa chăng?”. Nghĩ như vậy, nhà vua liền đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên hỏi:

– Sáng nay mở cửa bỗng thấy bát báu, trên bát có dấu ấn, đề: “Biếu cho vua Ác Sinh. Không rõ

đó là điều tốt hay xấu, có nên lấy chăng?”

Tôn giả đáp:

– Đó là quả báo phước đức đời trước của vua, cứ nhận lấy đừng nghi ngờ.

Nhà vua bạch Tôn giả:

– Nhân đời trước con tu công đức gì mà lại được quả báo này?

Tôn giả đáp:

– Ngày xưa cách đây chín mươi một kiếp, trong núi Tiên nhân có một vị Bích-chi-phật gặp lúc trời mưa trọt té, liền bị bể bát. Khi ấy vị Bích-chi-phật đi đến nhà thợ làm đồ gốm để xin cái bát. Thợ làm đồ gốm liền lấy năm cái bát chứa đầy nước, hoan hỷ cúng dường cho vị Bích-chi-phật. Khi được bát rồi ngài ném bát lên hư không rồi phi thân bay theo, hiện mười tám cách biến hóa.

Bấy giờ vợ, con của người thợ làm đồ gốm cùng người đến mua đồ gốm thấy sự thần biến này thấy đều hết sức vui mừng hơn hở.

Thợ làm đồ gốm lúc ấy chính là thân của vua, còn người vợ của thợ gốm lúc ấy là phu nhân Thi-bà-cụ-sa, người con lúc ấy là thái tử Kiền-bà-la, người mua hàng lúc ấy là phụ tướng Phú-lô-khuy, vợ của người mua hàng là vợ của phụ tướng.

Nhà vua lại hỏi:

– Không rõ những cái bát này là tự nhiên hiện ra hay từ đâu đến?

Tôn giả đáp:

– Cái bát ấy không phải tự nhiên có, chúng đến từ trong Long cung dưới sông Hằng. Vì sao biết? Bởi vì ở quá khứ, Bà-la-môn cậu của vua La-ma tu hành thanh tịnh, ở bên bờ sông Hằng. Khi ấy vua La-ma hằng ngày lấy bát báu đựng cơm cho cậu. Theo pháp của Bà-la-môn, vật dụng không dùng trở lại, ăn xong ném bát xuống dòng sông Hằng. Khi ấy có con rồng mù nhặt những bát báu chứa đầy lúa vàng để trong cung của nó. Những bát đã ném xuống sông Hằng ngày càng nhiều. Do đó có đến năm trăm xe bát. Khi con rồng mù mạng chung, lại không có con giữ những bát ấy. Vì Thiên đế Thích biết vua ngày xưa đã cúng những bát ấy, nên ngày nay trả lại cho vua.

Nhà vua nghe lời ấy liền lấy những bát báu ấy để làm phước, rộng tu bố thí cúng dường Tam bảo. Nhờ nhân duyên này về sau sinh đến chỗ lành.



105- CHUYỆN NGƯỜI CẦU VỊ TRỜI TỖ- MA MONG ĐƯỢC GIÀU LỚN

Ngày xưa có hai anh em nhà cửa nghèo khó. Người anh ngày đêm thường tinh cần lễ bái cầu vị trời Tỳ-ma mong được giàu lớn, mới bảo người em cày ruộng gieo giống. Anh cầu thỉnh như vậy trải qua thời gian lâu. Khi ấy vị trời Tỳ-ma hóa làm

người em, đến bên cạnh anh. Người anh tức giận nói với em:

– Sao em lại không ra sức trồng tía, đến đây làm gì?

Khi ấy người em đáp:

– Anh ở tại chùa thờ trời, ngày đêm cầu thỉnh mong được giàu lớn. Ngày hôm nay em cũng muốn bắt chước anh, trai giới cầu nguyện, mong được giàu lớn.

Người anh nói với em:

– Em không chịu cày bừa gieo giống, thì làm sao được giàu sang phú quý?

Người em trả lời anh:

– Có phải thật sự nhờ trồng tía mới thu hoạch được sao?

Người anh không thể trả lời được. Khi đó vị Trời Tỳ-ma hiện nguyên hình là vị trời, nói:

– Năng lực hiện nay của ta có thể giúp người một cách chân chánh ấy là ngày nay người phải tu hành, bố thí thì ngày sau mới có thể giàu có. Bởi nhiều kiếp quá khứ của người không tu bố thí cho nên mới bị bần cùng. Bây giờ tuy người ngày đêm siêng năng cầu ta để được giàu có, với nhiều tiền tài châu báu nhưng làm sao mà có được. Như cây xoài vào mùa đông, dù có phụng thờ trăm ngàn Thiên thần muốn cho có trái, trái cũng không thể có được, người cũng như vậy, trước

không tu nhân, mà lại đến ta cầu xin được giàu có thì làm sao mà được. Khi quả đã chín rồi không cầu mà vẫn cứ có.

Vị trời bèn nói kệ:

*Phước nghiệp như trái chín
Không cần phải thờ cúng
Người cỡi trên xe giới
Sau được sinh lên trời.
Định kiến như đèn tắt
Muốn đến cõi vô vi
Tất cả do hành dụng
Cầu trời ích lợi gì?*



106- CHUYỆN QUỶ TỬ MẪU MẤT CON

Quỷ Tử mẫu là vợ của Quỷ thần vương Bàn-xà-ca, có một vạn người con, chúng đều có sức mạnh của đại lực sĩ. Người con út tên là Tần-già-la.

Quỷ Tử mẫu này rất hung ác, yêu nghiệt và bạo ngược, giết con nít để ăn thịt. Nhân dân bị nó gây ra tai họa, họ mới tới bạch Đức Phật, mong Ngài cứu nạn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền bắt đưa con út của bà ta là Tần-già-la bỏ dưới đáy bình bát của Ngài.

Khi ấy quỷ Tử mẫu đi khắp thiên hạ, trong suốt

bảy ngày tìm con, mà chẳng được nên buồn rầu, áo não. Bà nghe người ta đồn: “Đức Phật Thế Tôn có Nhất thiết trí. Bà liền đến chỗ Đức Phật để hỏi hiện nay con bà ở đâu.

Khi ấy Đức Phật đáp:

– Người có tới một vạn người con, mà chỉ mới mất một đứa, có sao người lại đi kiếm tìm ưu sầu khổ não? Còn người dân ở trong thế gian, hoặc có một đứa con, hoặc có năm, ba đứa con mà người lại đành giết hại thì họ sẽ khổ như thế nào?

Quý tử mẫu bạch Đức Phật:

– Nếu nay con tìm được Tần-già-la, con thề suốt đời không giết hại con của người ta nữa.

Khi ấy Đức Phật liền khiến cho quý Tử mẫu thấy Tần-già-la ở dưới đáy bình bát của Ngài. Bà dùng hết sức lực nhưng không thể đem con ra được, bà lại cầu Đức Phật. Đức Phật nói:

– Nếu nay người có thể thọ Tam quy, Ngũ giới, suốt đời không sát sinh, ta sẽ trả con lại cho người.

Quý Tử mẫu liền như lời Phật dạy, bà thọ Tam quy và giữ Ngũ giới. Khi bà thọ trì xong, Đức Phật liền trả con lại cho bà.

Đức Phật dạy:

– Người hãy khéo trì giới. Vào thời Đức Phật Ca-diếp, người là con gái út thứ bảy của vua Yết-nị, có làm công đức lớn, nhưng vì không trì giới, mới thọ thân hình quỷ.



107- CHUYỆN THIÊN TỰ CHỦ

Ngày xưa có một Bà-la-môn thờ vị trời Ma thất, ngày đêm phụng sự. Vị trời ấy liền hỏi:

– Người cầu việc gì?

Bà-la-môn thưa:

– Nay tôi cầu làm người chủ cúng tế vị trời này.

Vị trời nói:

– Đằng kia có bày trâu, hãy đến hỏi chúng là khổ hay sướng?

Người ấy liền như lời vị trời nói đến hỏi bày trâu:

– Các người hiện nay khổ hay sướng?

Trâu liền đáp:

– Hết sức khổ sở, bị hai cái dằm chằng đầu và mõm, châm chích, bị roi quất rách lưng, lôi kéo xe cộ, không bao giờ dừng.

Người ấy lại hỏi:

– Do duyên gì mà người phải thọ thân trâu?

Trâu đáp:

– Tôi là người chủ thờ cúng vị trời kia, tự ý lạm dụng vật cúng tế trời, cho nên sau khi mạng chung phải làm trâu và phải nhận chịu sự khổ sở này.

Khi nghe lời ấy, vị ấy liền trở lại chỗ vị trời. Vị trời liền hỏi:

– Nay người muốn làm người chủ cúng tế trời chẳng?

Bà-la-môn thưa:

– Chính con chứng kiến việc này, thật không dám làm.

Vị trời nói:

– Con người do hành động thiện hay ác mà tự nhận lấy quả báo.

Bà-la-môn hối hận sự sai lầm ấy, liền phát tâm thực hiện các việc lành.



108- CHUYỆN THỜ THẦN CÂY

Ngày xưa có một ông lão, gia đình rất giàu có. Ông lão này nghĩ tới chuyện ăn thịt, liền ngụy tạo phương tiện, chỉ cái cây ở đầu ruộng, nói với các con của mình:

– Nay gia nghiệp của ta, sở dĩ được giàu có là do âm phước của vị Thần cây ấy ban cho. Hôm nay các con nên tập trung những con dê lại để tế tự.

Khi ấy các người con vâng theo lời cha dạy liền giết dê để cúng tế cái cây ấy và lập đền thờ trời. Sau đó người cha hết tuổi thọ, mạng chung, do hành nghiệp theo đuổi liền sinh vào trong bầy dê của gia đình ông, gặp lúc các người con muốn cũng tế Thần cây, họ chọn một con dê đúng là cha họ. Lúc họ sắp đem đi giết, thì con dê kêu “be be”, cười

và nói:

– Thật ra cây ấy nào có Thần linh gì! Bởi vì thuở trước ta muốn ăn thịt, mới dối bảo các người thờ cúng, để cùng các người đồng ăn thịt dê. Nay chịu tội báo tai ương thì mình ta gánh.

Khi ấy có một vị A-la-hán, tình cờ đến đó khát thực, thấy người cha đã chết của họ thọ vào thân dê, liền cho chủ nhân mượn đạo nhãn, để họ tự quan sát, mới biết đó là cha họ, lòng họ buồn rầu áo nào liền phá hoại cây ấy, hối hận tu phước, không còn sát sinh nữa.



109- CHUYỆN CÔ GÁI NHÀM CHÁN DỤC XUẤT GIA

Ngày xưa có một cô gái xinh đẹp vô cùng, xuất gia tu hành trong giáo pháp ngoại đạo. Bấy giờ có người hỏi:

– Nhan sắc cô đẹp như vậy, nên ở thế tục, sao lại xuất gia?

Người nữ đáp:

– Như tôi ngày nay, đâu phải là không xinh đẹp, chỉ vì từ nhỏ đã nhàm chán dâm dục, cho nên nay mới xuất gia. Khi tôi còn ở nhà, vì đẹp để cho nên đã sớm được ở riêng, sớm sinh con trai, con trai lại to lớn khôi ngô không ai bằng, tự nhiên nó bỗng

gây ốm như có bệnh. Tôi liền hỏi con: “Bệnh như thế nào?” nhưng con vẫn không chịu nói. Tôi cứ hỏi mãi, con tôi không giấu được mới nói với mẹ: “Con không muốn nói, nhưng sợ tánh mạng không bảo toàn, bây giờ con muốn nói rõ, rất là xấu hổ.” Nó liền nói với tôi: “Con muốn cùng mẹ tư thông, dục lạc, vì không được như vậy, cho nên mới bị bệnh.” Tôi liền nói: “Từ xưa đến nay, đâu có chuyện này.” Nhưng tôi lại tự suy nghĩ: “Nếu ta không chấp nhận, thì con ta có thể chết, nay nên đi ngược đạo lý để bảo toàn tánh mạng của con.” Tôi liền gọi con, muốn chịu theo ý con.

Đưa con lúc sắp leo lên giường, khi ấy mặt đất liền nứt ra, con tôi liền rớt vào trong đó. Lúc ấy tôi liền hoảng hốt, lấy tay kéo nó, chụp được đầu tóc của con và chỉ còn lại tóc của nó mà thôi. Hôm nay vì vậy tôi vẫn còn ám ảnh trong lòng, cảm thương tha thiết nhớ lại việc này, cho nên xuất gia.



110- CHUYỆN ĐƯA CON BẤT HIẾU NHẬN QUẢ BÁO

Ngày xưa, ở trong thôn Cưu-đà-phiên thuộc nước Ca-nặc có một lão mẫu chỉ có một đứa con duy nhất. Song đứa con rất ác nghịch, không tu nhân từ hiếu thuận. Vì tức giận mẹ, cho nên cậu ta đã lấy tay hướng về mẹ, vừa đánh một cái thì bà

ngã xuống. Ngay ngày hôm đó, cậu bỏ nhà ra đi, bỗng gặp giặc, chúng chém cậu đứt một cánh tay. Bởi vì tạo tội bất hiếu nên liền bị hiện báo, khổ đau như vậy. Về sau sẽ chịu sự khổ não ở địa ngục không thể kể xiết.



111- CHUYỆN LUẬN NGHỊ GIỮA VUA NAN-ĐÀ CÙNG VỚI NA-GIÀ-TU-NA

Ngày xưa vua Nan-đà thông minh hiểu rộng, không việc gì mà không sành sỏi thấu suốt, tự biết chính mình, không ai địch nổi. Nhân đó ông hỏi quần thần:

— Có người nào trí tuệ thông minh biện tài giải thích được những nghi ngờ, có thể đối thoại với ta chăng?

Bấy giờ có một đại thần trước đây cũng dường một vị Tỳ-kheo già, công hạnh thanh tịnh, nhưng không học rộng. Vị đại thần bèn giới thiệu vị Tỳ-kheo ấy với vua. Vua hỏi:

— Phàm người đắc đạo là tại gia mới đắc hay xuất gia mới đắc?

Khi ấy vị Tỳ-kheo già đáp:

— Cả hai hạng đều đắc được đạo.

Vua lại hỏi:

— Nếu cả hai đều đắc đạo thì cần gì phải xuất

gia?

Vị Tỳ-kheo già kia im lặng, không biết trả lời thế nào. Khi ấy vua Nan-đà càng thêm kiêu mạn.

Bấy giờ các đại thần liền tâu với vua:

– Na-già-tư-na thông minh trí tuệ tuyệt luân, hiện nay đang ở trong núi.

Khi ấy nhà vua muốn thử sức liền bảo sứ giả mang một bình bơ hiện đã tràn đầy, ý của vua cho là trí tuệ của mình đầy tràn, ai có thể làm cho ta thêm trí tuệ. Tôn giả Na-già-tư-na khi nhận được bình bơ ấy, liền hiểu ý của vua, ở giữa các đệ tử, Tôn giả lấy năm trăm cây kim, chích vào bình bơ, nhưng bơ vẫn không tràn ra, rồi bảo sứ giả đem trả lại cho vua.

Nhà vua khi nhận bình bơ xong, liền biết ý Tôn giả, bảo sứ đến thỉnh Tôn giả Na-già-tư-na đến. Theo lời mời của vua, Tôn giả đến. Thân thể Tôn giả cao lớn, đi cùng đồ chúng, Tôn giả là người nổi bật hơn hết.

Tâm vua kiêu ngạo, giả bộ nhân đi săn, bỗng gặp nhau giữa đường, thấy một mỹ nhân, tự chỉ tay về hướng xa, tách đường khác mà đi. Đã không nói chuyện với nhau, âm thầm muốn chê trách Tôn giả, làm như tất cả trưởng giả đều không có biết.

Bấy giờ Tôn giả Na-già-tư-na liền lấy ngón tay của mình tự chỉ vào ngực nói:

– Chỉ mình nguời biết.

Lúc vua Nan-đà sắp vào cung, liền đục một cái phòng nhỏ, cửa vào rất thấp, để Tôn giả Tư-na phải uốn cong mình mà vào. Song Tôn giả Tư-na biết nhà vua phá mình, liền từ chối không vào, không chịu khuất thân.

Khi ấy vua Nan-đà liền bảo dọn đồ ẩm thực, đem vài món đồ ăn dở mời Tôn giả. Tôn giả ăn bốn, năm muống rồi nói:

– Đã no rồi.

Sau đó nhà vua bảo sứ giả dọn đồ ăn ngon, Tôn giả lại ăn nữa. Nhà vua lại hỏi:

– Vừa rồi ngài nói đã no, sao nay lại ăn?

Tôn giả Tư-na đáp:

– Vừa rồi tôi no đồ ăn dở, nhưng chưa no đồ ăn ngon.

Tôn giả liền nói với vua:

– Bây giờ trên điện của vua, xin vua tụ tập tất cả mọi người lên khiến đứng chật cả điện đi.

Nhà vua liền bảo người lên đứng đầy cả điện, không còn chỗ thêm cho một người đứng, nhà vua ở phía sau muốn lên trên điện, mọi người vì sợ vua, đều tránh qua một bên, tự nhiên ở giữa điện rộng ra, có thể chứa được nhiều người.

Bây giờ Tôn giả Tư-na liền nói với vua:

– Đồ ăn dở giống như dân, đồ ăn ngon giống như vua, dân thấy vua ai mà chẳng tránh đường?

Nhà vua lại hỏi:

– Người tại gia và xuất gia ai được đắc đạo?

Tôn giả Tư-na đáp:

– Cả hai đều đắc đạo.

Nhà vua lại hỏi:

– Nếu cả hai đều đắc đạo cần gì phải xuất gia?

Tư-na đáp:

– Thí như cách đây hơn ba ngàn dặm, nếu người bảo thiếu niên khỏe mạnh, cỡi ngựa, mang theo lương thực, cầm khí giới, đi đến đó có nhanh chăng?

Vua thưa:

– Nhanh.

Tôn giả Tư-na lại hỏi:

– Nếu bảo người già, cỡi ngựa ốm, lại không có lương thực, vậy có đến được đích chăng?

Vua đáp:

– Cho dù người ấy có mang theo lương thực đi nữa, e rằng cũng không đến đích, huống chi lại không có lương thực?

Tôn giả Tư-na đáp:

– Người xuất gia đắc đạo giống như thiếu niên khỏe mạnh, còn người tại gia đắc đạo giống như người già ấy.

Nhà vua lại hỏi:

– Nay tôi muốn hỏi những việc ở trong thân: “Ngã là thường hay vô thường?”. Xin trả lời theo

ý của tôi.

Tôn giả Tư-na hỏi lại:

– Như ở trong cung vua có quả xoài trên cây vậy là ngọt hay chua?

Vua nói:

– Như ở trong cung của tôi hoàn toàn không có vậy thì tại sao lại hỏi tôi là quả ấy ngọt hay chua?

Tôn giả Tư-na đáp:

– Nay tôi cũng vậy, tất cả năm ấm, vốn tự vô ngã, sao vua lại hỏi tôi là thường hay vô thường?

Nhà vua lại hỏi:

– Tất cả địa ngục, đao kiếm phanh thây, phân tán mỗi thứ một nơi, nhưng mạng sống vẫn tồn tại, việc này thật có như vậy chăng?

Tôn giả Tư-na đáp:

– Giống như người nữ ăn nuốt bánh, thịt, dưa, rau, đồ ăn thấy đều tiêu hóa, đến lúc có thai thì Ca-la-la giống như hạt bụi, tại sao lại chuyển thành lớn, mà không tiêu hóa?

Vua nói:

– Đó là do nghiệp lực.

Tôn giả Tư-na đáp:

– Trong địa ngục ấy, cũng do nghiệp lực, nên mạng căn vẫn tồn tại.

Vua lại hỏi:

– Mặt trời trên bầu trời, thể chất nó vẫn là một,

tại sao mùa hạ thì nóng dữ, mùa đông thì lạnh buốt, mùa hạ thì ngày dài, mùa đông thì ngày ngắn?

Tôn giả Tư-na đáp:

– Núi Tu-di có đường đi lên, đường đi xuống. Mặt trời mùa hạ theo đường đi lên, đường xa nên đi chậm, chiếu vào Kim sơn nên ngày dài mà nóng bức, mặt trời mùa đông thì theo đường xuống, đường gần đi nhanh, chiếu vào mặt nước của biển lớn, cho nên ngày ngắn mà lại rất lạnh.



112- CHUYỆN NGƯỜI VỢ BẤT HIỂU MUỐN HẠI MẸ CHỒNG TRỞ LẠI GIẾT CHỒNG

Ngày xưa có người đàn bà bẩm tính rất hung ác, không biết lễ độ, mỗi khi nói ra điều gì cũng thường mâu thuẫn với mẹ chồng, bị mẹ chồng tức giận trách mắng, nên cô ta thường ôm lòng bất mãn, tâm tức giận càng lúc càng nhiều, vì vậy mưu toan muốn giết mẹ chồng. Sau đó cô ta lập phương kế bảo chồng phải giết mẹ. Người chồng ngu si, liền theo lời vợ, dẫn mẹ mình vào nơi đồng không mông quạnh, cột trói tay chân, sắp sửa muốn giết. Tội nghịch to lớn này, chuyển động đến cõi trời, làm cho mây mù bốn phương dòn lại, sấm sét ùng ùng nổi lên, đánh chết người con. Nhờ vậy mẹ chồng lại trở về nhà, cô dâu ra mở cửa. Người vợ

tưởng là chồng về, mới hỏi:

— Đã giết chưa?

Mẹ chồng đáp:

— Đã giết rồi.

Đến sáng mai người vợ mới hay chồng mình đã chết.

Cái tội bất hiếu quả báo hiện tại là như vậy, về sau phải đọa vào địa ngục thọ khổ vô lượng.



113- CHUYỆN VUA NƯỚC BA-LA-NẠI NGHE TIẾNG KÊU TRONG GÒ MẢ

Phàm tất cả pháp, đối với những điều có thể cầu được, nếu dùng phương tiện, có thể đạt được, còn đối với những điều không thể cầu được, tuy rằng có muốn ép buộc cho được, cũng hoàn toàn không thể được. Giống như ép cát lấy dầu, nấu băng thành bơ thì chẳng những không được mà tự làm lao khổ mà thôi.

Ngày xưa ở nước Ba-la-nại có một vị vua tên là Phạm Dự, thường vào lúc nửa đêm nghe có tiếng kêu trong gò mả nói:

— Này vua, này vua!

Cứ như vậy, một đêm nghe tiếng kêu ấy ba lần. Nhà vua nghe tiếng lạ trong lòng rất hãi hùng. Song

âm thanh ấy trải qua thời gian lâu mà vẫn không chấm dứt. Do đó nhà vua mới tụ tập các Bà-la-môn, thái sử, tướng sư, cùng nói:

– Vào ban đêm ta thường nghe tiếng gọi ta trong gò mả, ta thường lo sợ, không dám trả lời.

Mọi người đáp:

– Trong ngôi mộ ấy chắc chắn phải có yêu quái mới tạo ra âm thanh đó. Bây giờ nên sai sứ giả có lòng can đảm, tới gò mả ấy để xem.

Nhà vua liền chiêu mộ rằng nếu ai trong đêm tối có thể đi đến ngôi mộ đó ta sẽ thưởng cho năm trăm đồng tiền vàng.

Khi ấy có một người cô độc, không có cha, gia đình rất nghèo khổ đói rách, nhưng rất có sức mạnh và can đảm, liền nhận lời chiêu mộ ấy, thân anh mặc giáp, đội mũ trụ, tay cầm dao gậy, ban đêm vào giữa gò mả. Nghe tiếng gọi vua. anh liền quát lên:

– Người là ai?

Đáp:

– Tôi là vật báu được chôn cất.

Nó nói với người được chiêu mộ:

– Người là bậc Trượng phu dũng mãnh. Ban đêm ta thường gọi vị vua ấy. Nếu vua ấy lên tiếng trả lời ta, ta sẽ nói: “Tôi muốn vào trong kho tàng của ngài.” Nhưng vị vua đó khiếp sợ, chưa hề trả lời ta. Song ta hiện nay cho đến bảy ngày, vào lúc

sáng sớm tinh sương ta sẽ đến nhà ngươi.

Người được tuyển mộ hỏi:

– Sáng mai tôi sẽ làm gì để đón rước ngài?

Vật báu nói:

– Người chỉ quét dọn vẩy nước trong nhà, vất bỏ những vật dơ dáy, lấy hương hoa trang sức, làm cho hết sức thanh tịnh, dùng bồ đào, nước ngọt, bơ sữa của con nai tất cả đều chứa đầy trong tám hũ, rồi mời tám Đạo nhân thọ thực đồ ăn của ngươi, cúng dường xong ngươi sẽ lấy cây đánh lên đầu Đạo nhân nói: “Vào góc nhà”. Như vậy thứ lớp xua đuổi các Đạo nhân vào góc nhà.

Người chiêu mộ biết xong, liền trở về nhà, đến chỗ vua để xin nhận năm trăm đồng tiền vàng, đem về đợi thiết lễ cúng dường.

Nhà vua hỏi:

– Âm thanh đó là do vật gì?

Người được chiêu mộ nói dối:

– Đó là quỷ mị.

Người được tuyển mộ nghe lời báu vật nói, ôm lòng sung sướng một mình, rồi mời thầy cạo râu tóc, để tự trang nghiêm, chờ đến lúc mặt trời ló dạng sắm vật cúng dường đầy đủ, lúc ấy có tám Đạo nhân đến để thọ thực. Khi thọ thực xong, anh đánh lên đầu Đạo nhân ấy, đuổi vào góc nhà, liền biến thành một hũ vàng. Cứ thứ lớp xua những vị ấy vào góc biến thành tám hũ vàng.

Bấy giờ người thợ hót tóc, đứng dòm vào một lỗ ở cánh cửa, thấy người ấy được của báu, im lặng tự nghĩ: “Ta hiểu pháp này rồi, vậy ta thử bắt chước pháp ấy xem.” Sau đó anh chuẩn bị đầy đủ như ở trên, thỉnh mời tám Đạo nhân, mời ăn xong rồi, đóng hết các cửa ngõ, đánh lên đầu Đạo nhân, anh tưởng cũng giống như trước, đạt được một đồng châu báu.

Song vị Đạo nhân này, đầu bể máu chảy ướt cả sàng tọa, anh đuổi vào góc nhà, vì quá gấp làm vị ấy đại tiện trong quần, thứ lớp đến người thứ bảy, đều bị đánh bằng gậy, từ từ ngã xuống đất. Trong đó có một người khí lực khỏe mạnh, liền co tay một cách thình lình, phóng ra ngoài lớn tiếng kêu:

– Sao vị chủ nhân này lại muốn giết chúng tôi.

Khi ấy vị quốc vương nước ấy bảo người đến xem, liền bắt chủ nhân hỏi rõ sự trạng.

Khi ấy người thợ hót tóc, trình tâu rõ sự việc trên với vua, nhà vua liền bảo người đến nhà của người được tuyển mộ, thấy vàng báu của người đó. Nhà vua muốn đánh thuế để chiếm đoạt, nhưng các vàng báu ấy hóa thành rắn độc, biến thành đồng lửa.

Nhà vua liền bảo:

– Đó là phước của người.

Kẻ phàm ngu ở thế gian cũng lại như vậy, họ có đủ tinh tấn, thọ trì tám giới, được quả báo thiện,

dần dần thực hành tám Chánh đạo, được quả vô lậu. Một người liền muốn bắt chước người kia, cũng thọ trì tám giới, nhưng bên trong không có lòng kính tín, mà mong cầu được lợi lạc, kẻ ấy đã không có quả thiện, trở lại gặt lấy tai ương, giống như người ngu kia, hoàn toàn không khác.



114- CHUYỆN TỖ-KHEO GIÀ ĐƯỢC BỐN QUẢ

Phật pháp rộng lớn, tế độ không cùng, chí tâm cầu đạo, không ai không chứng đạo quả, cho dù có đùa giỡn mà phước đức cũng không mất.

Ngày xưa, có một Tỳ-kheo già, tuổi đã xế chiều, tinh thần uể oải, thấy các Tỳ-kheo trẻ tuổi thuyết đủ loại pháp, nghe nói có bốn quả, tâm sinh ưa thích nói với Tỳ-kheo trẻ:

– Các vị là những người thông minh trí tuệ, xin hãy đem bốn quả ấy ban cho tôi.

Các Tỳ-kheo trẻ xì một tiếng rồi nói:

– Tôi có bốn quả, ngài phải cho chúng tôi ăn một bữa thật ngon, sau đó chúng tôi sẽ cho ngài.

Khi đó vị Tỳ-kheo già nghe lời nói ấy vui mừng, phát tâm ngay thẳng, liền cởi áo Khâm-bà đem bán, mua các thứ đồ ăn ngon bổ, mời các Tỳ-kheo trẻ đến đãi, để cầu xin bốn quả.

Các Tỳ-kheo trẻ khi dùng các thức ăn đó xong,

vị ấy chỉ người kia đùa giỡn vị Tỳ-kheo già, nói:

– Nay Đại đức, ngài hãy ngồi trong một góc nhà này, chúng tôi sẽ cho ngài quả.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo già nghe lời nói ấy rất hoan hỷ đến ngồi ở một góc.

Các Tỳ-kheo trẻ liền lấy trái cầu bằng da đánh lên đầu vị ấy mà nói:

– Đây là quả Tu-đà-hoàn.

Vị Tỳ-kheo già nghe xong giữ tâm không tán loạn, liền được Sơ quả. Các Tỳ-kheo trẻ lại đùa giỡn nói:

– Vừa rồi ngài tuy đã đắc quả Tu-đà-hoàn song phải trải qua bảy lần sinh và bảy lần tử. Vậy hãy dời qua góc khác, tiếp theo chúng tôi sẽ cho ngài quả Tư-đà-hàm.

Khi ấy vị Tỳ-kheo già, nhờ được Sơ quả nên tâm càng thêm tinh tấn, liền đổi chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ lại lấy quả cầu đánh lên đầu vị Tỳ-kheo già và nói:

– Cho ngài quả thứ hai.

Lúc ấy vị Tỳ-kheo già càng thêm chuyên niệm, liền chứng quả thứ hai. Các Tỳ-kheo trẻ lại đùa nói:

– Ngài đã được quả Tư-đà-hàm rồi, vẫn còn cái nạn sinh tử qua lại, ngài hãy qua ngồi chỗ khác. Chúng tôi sẽ cho ngài quả A-na-hàm. Các Tỳ-kheo trẻ lại lấy trái cầu đánh lên đầu vị ấy nói:

– Nay ta cho ngài quả thứ ba.

Khi ấy vị Tỳ-kheo già, nghe xong hoan hỷ, càng thêm chí tâm, tức thời lại chứng quả A-na-hàm.

Các Tỳ-kheo trẻ lại nói đùa:

– Ngài đã được quả Bất hoàn rồi, nhưng vì đối với cõi Sắc, cõi Vô sắc, vẫn còn thọ thân hữu lậu, vô thường biến hoại, mỗi niệm mỗi niệm là khổ. Vậy ngài hãy ngồi qua chỗ khác, tiếp đến chúng tôi sẽ cho ngài quả A-la-hán.

Khi ấy vị Tỳ-kheo già, theo lời ấy đổi chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ lại lấy trái cầu da gõ lên đầu vị ấy nói:

– Nay ta cho ngài quả thứ tư.

Khi ấy vị Tỳ-kheo già, nhất tâm tư duy, liền chứng A-la-hán. Khi được bốn quả rồi, vị ấy vô cùng vui sướng, bày các món ăn ngon bổ, các thứ hương hoa mời các Tỳ-kheo trẻ đến để báo đền ân đức. Cùng luận đàm về công đức vô lậu của đạo phẩm với các Tỳ-kheo trẻ, thì các Tỳ-kheo trẻ không thể nào đối đáp với ngài nổi.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo già mới nói:

– Ta đã chứng đắc quả A-la-hán rồi.

Các Tỳ-kheo trẻ nghe lời nói ấy đến xin tạ lỗi sám hối cái tội trước đây đã đùa giỡn.

Vì thế cho nên người tu hành nên biết rằng nghĩ đến cần điều thiện dù cho đùa giỡn còn được quả báo chân thật, huống chi là chí tâm thực hiện.



115- CHUYỆN CÔ GÁI CHỈ THÀNH ĐƯỢC ĐẠO QUẢ

Nếu người cầu đạo, mà cốt lõi đặt ở sự tinh tấn chí thành, thì sự tinh tấn chí thành ấy sẽ giao cảm nhau từ đó sẽ đạt được đạo quả.

Như ngày xưa có một cô gái thông minh trí tuệ tin sâu Tam bảo, thường đối với Tăng, theo thứ lớp mỗi lần thỉnh một vị Tỳ-kheo đến nhà để cúng dường. Khi ấy có một Tỳ-kheo già cũng theo thứ lớp đến nhà cô, vì tuổi già lắm cảm, hoàn toàn chẳng có tri giải.

Bấy giờ cô gái, sau khi cúng dường trai phạn xong, xin vị Tỳ-kheo già thuyết pháp cho cô nghe. Riêng cô ngồi một ghế, nhắm mắt tĩnh lặng. Khi ấy vị Tỳ-kheo già vì biết mình ngu ám, không biết thuyết pháp, chờ lúc cô nhắm mắt, bỏ chạy về chùa. Nhưng cô gái này chí tâm tư duy pháp hữu vi là vô thường, khổ, không, không được tự tại. Cô nhờ thâm tín quán sát nên được Sơ quả.

Khi được Sơ quả rồi, cô muốn báo ân ấy. Nhưng vị Tỳ-kheo già này xét thấy mình chậm lụt, nên bỏ cô mà chạy trốn, càng xấu hổ, lại càng bỏ trốn. Cô gái này cứ thỉnh cầu mãi ông mới xuất hiện. Khi ấy cô gái nói rõ việc trên nên được đạo quả, do đó đến đệ cúng dường là để báo đền ân lớn.

Khi ấy vị Tỳ-kheo già vì xấu hổ tự khắc trách mình hết mực, nên liền được chứng quả.

Do đó hành giả cần phải chí tâm. Nếu ai chí tâm, cầu gì cũng được.



KINH TẬP BẢO TẠNG

QUYỂN 10

Gồm sáu chuyện:

116. Chuyện vua Ưu-đà-tiện.

117. Chuyện La-hầu-la.

118. Chuyện vị Bà-la-môn dối trá

119. Chuyện người vợ của Bà-la-môn muốn hại mẹ chồng.

120. Chuyện con chim kiêu và con quạ báo oán.

121. Chuyện nô tỳ và con dê đực chiến đấu.



116- CHUYỆN VUA ƯU-ĐÀ-TIỆN

Ngày xưa vua Ưu-đà-tiện ở tại thành Lô-lưu là người thông minh hiểu biết thấu đáo, có trí tuệ lớn. Nhà vua có một phu nhân tên Hữu Tướng, nhan sắc hết sức đặc biệt, lại có thêm đức hạnh. Do đó nhà vua rất thương yêu, kính nể, tình cảm đối với nàng hết sức mặn nồng.

Bấy giờ luật lệ ở nước ấy là các vị vua tự mình không chơi đàn Lục huyền cầm. Khi ấy phu nhân

ỷ mình được nhà vua ái sủng, bèn tâu với vua:

– Xin bệ hạ chơi lục huyền cầm, thiếp sẽ múa cho bệ hạ xem.

Nhà vua không cầm lòng được liền lấy đàn ra khảy, phu nhân xòe tay lên múa. Nhà vua là người giỏi xem tướng, thấy phu nhân múa, hiện tướng của người chết. Lúc ấy nhà vua liền buông đàn xuống, buồn thảm thở dài. Phu nhân liền tâu với vua:

– Như thiếp ngày nay, nhờ ân sủng của bệ hạ, chuộng bản nhạc hay mới xin bệ hạ khảy đàn, tự thiếp đứng dậy múa là để cùng vui. Có điều gì không vừa ý ngài mà ngài buông đàn thở dài? Xin ngài đừng giấu, hãy nói cho thiếp rõ.

Bấy giờ nhà vua đáp:

– Điều ta thở dài không thể nói cho phu nhân nghe được.

Phu nhân tâu với vua:

– Nay thiếp thờ vua chí thành không ai hơn. Nếu có điều gì không hợp lý, xin ngài cứ dạy bảo.

Phu nhân cứ ân cần mãi, cho nên nhà vua đáp thật:

– Ta đối với nàng vẫn trước sau như một. Song vừa rồi nàng đứng dậy múa, tướng chết hiện ra ngoài. Xem ra số mạng của nàng chỉ còn sống trong bảy ngày nữa mà thôi. Bởi vậy ta mới buông đàn mà than thở.

Phu nhân nghe xong, trong lòng hết sức buồn lo, mới tâu vua:

– Như lời vua nói, thọ mạng của thiếp chẳng còn bao lâu nữa. Thiếp nghe vị Tỳ-kheo-ni ở trong hang đá nói: “Nếu ai có thể tín tâm xuất gia chỉ trong một ngày, chắc chắn được sinh về trời. Vì vậy thiếp muốn xuất gia, mong vua chấp thuận để được đến với đạo.”

Khi ấy nhà vua đối với hoàng hậu ân ái sâu nặng không dứt được, mới nói với phu nhân:

– Cho đến đầu ngày thứ sáu, ta sẽ để cho nàng xuất gia nhập đạo.

Vì không làm trái ý vợ, mãi đến ngày thứ sáu nhà vua mới nói với phu nhân:

– Nàng có thiện tâm, muốn cầu xuất gia, nếu được sinh lên trời nàng phải về thăm ta thì ta mới cho nàng xuất gia.

Nhà vua tuyên thệ như vậy và phu nhân chấp nhận nên liền được xuất gia, thọ Bát trai giới. Nội trong ngày đó, phu nhân chỉ uống toàn nước đường phèn cho nên trong bụng thắt lại, đến sáng ngày thứ bảy thì mạng chung. Nhờ thiện duyên ấy nên phu nhân được sinh lên cõi trời. Lúc đó liền sinh ba ý nghĩ:

1. Nhớ lại mình vốn là thân gì?
2. Nhớ ngày trước tu công đức gì?
3. Nhớ hiện nay được làm thân trời.

Suy nghĩ như vậy rồi, biết được kiếp trước có thề với vua, vì lời thề trước nên phu nhân đến chỗ vua. Bấy giờ ánh sáng chiếu khắp cung điện. Nhà vua hỏi:

– Ánh sáng này hiện nay là của ai vậy? Xin nói cho trẫm biết.

Vị trời đáp:

– Tôi là phu nhân Hữu Tướng, vợ của vua đây.

Nhà vua nghe, liền nói:

– Xin nàng hãy đến ngồi xuống đây.

Vị trời đáp:

– Hiện nay tôi thấy vua hơi thối, không thể đến gần. Bởi vì trước đây tôi có lời thề cho nên đến đây để thăm vua.

Nhà vua nghe lời ấy rồi tâm liền khai ngộ, mới nói:

– Nay vị trời kia chính là vợ của ta. Do có thiện tâm, xin ta vào đạo, xuất gia một ngày thì mạng chung. Nhờ công đức này nên được sinh về trời, tinh thần và ý chí cao xa, thấy ta quē mùa, hèn hạ. Nay ta vì sao mà chẳng xuất gia? Ta từng nghe nói: “Một móng tay của vị trời trị giá bằng cội Diêm-phù-đề” huống chi một nước của ta, sá gì mà tham tiếc?

Nhà vua nói lời đó xong, lập con là Vương Quân lên làm vua rồi xuất gia học đạo, đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ vua Vương Quân lên thống lãnh đất nước xong, tin dùng bọn nịnh thần sàm tấu, không lo nghĩ đến việc nước. Vua Ưu-đà-tiện thương nhớ con và dân chúng trong nước, muốn đến giáo hóa, khuyên tu điều thiện.

Khi ấy vua Vương Quân nghe cha sắp đến, hết sức vui mừng, muốn ra lệnh tất cả nhân dân ra đường nghênh tiếp. Bấy giờ các nịnh thần sợ bị khiển trách mới tâu với vua:

– Như vua hiện nay, đầu đội mào trời, ngồi tòa Sư tử. Song, phép của tòa Sư tử là không ngồi trở lại. Nếu ngài nghênh rước vua cha trở lại ngôi vua, chắc chắn vua cha sẽ giết ngài. Nếu vua cha đứng thì ngài phải giết vua cha.

Bấy giờ vua Vương Quân trong lòng lo buồn, kinh ngạc, chuyển sang nghi hoặc. Vì các nịnh thần khuyên giải mãi liền có ác ý, mướn người Chiên-đà-la đến giết vua cha. Khi ấy người Chiên-đà-la đã nhận lời mướn, đến chỗ vua cha, đầu mặt đánh lễ, tâu với vua:

– Ngày trước con được sự đãi ngộ của ngài, thật con không có nghịch tâm với ngài. Song nay con bị ra lệnh đến đây để giết ngài. Nếu con không giết ngài chắc chắn con phải bị giết chết.

Phụ vương đáp:

– Nay ta đến đây là muốn giáo hóa vua của ngươi, há ta lại tiếc thân mà để ngươi bị giết sao?

Nhà vua liền trưng cổ đài hơn mười thước, bảo Chiên-đà-la:

– Tùy ngươi cứ chặt cho đứt.

Khi ấy Chiên-đà-la dùng hết sức để chặt nhưng đao không thể làm ngài tổn thương. Phụ vương vì thương xót, dùng thần lực nói với Chiên-đà-la:

– Nay ngươi hãy vì ta đến nói với vua của ngươi: “Nay ngươi giết cha, đồng thời là giết vị A-la-hán, tạo hai tội nghịch. Phải khéo hết lòng sám hối thì tội mới nhẹ được.”

Chiên-đà-la đã nhận lệnh xong, vung đao chặt đứt đầu phụ vương rồi mang về nước. Khi ấy vua Vương Quân thấy đầu của cha nhan sắc không thay đổi, biết cha đã đắc đạo, không tham ngôi vua, trong lòng hối hận, âu sầu áo não, khóc lóc đến chết ngất, giây lâu mới tỉnh, hỏi Chiên-đà-la những điều phụ vương đã nói. Khi ấy Chiên-đà-la đem lệnh của vua cha tâu với vua:

– Ngươi đã giết cha, đồng thời là giết La-hán, tạo hai tội nghịch, phải khéo sám hối.

Vua nghe lời ấy xong, càng thêm chết điếng, mới nói:

– Nay phụ vương của ta đã đắc đạo A-la-hán, đâu có tham nước này mà ta xử giết cha!

Người nịnh thần kia sợ bị vua giết mới tâu với vua:

– Trong thế giới này làm gì có La-hán? Vua tin

làm gì lời nói suông ấy để tự mình khổ não?

Vua đáp:

– Nay đầu của cha ta chết đã nhiều ngày rồi mà nhan sắc vẫn không thay đổi. Nếu không đắc đạo, sao được như vậy? Vả lại thời của cha ta có đại thần Bà-điệt-sur, Ưu-ba-điệt-sur thấy đều xuất gia, đắc A-la-hán đạo, có các thứ biến hóa thần diệu, chúng ta đều thấy, đó là Niết-bàn, nhật lấy cốt tạo tháp, những tháp hiện nay còn đó, vậy sao bảo là không?

Nịnh thần tâu:

– Những kẻ chú thuật huyền hóa ở thế gian và nhờ năng lực của thuốc cũng có thể biến hóa thần diệu được. Hai vị bề tôi ấy chẳng thể so sánh với La-hán. Chờ thời gian nữa thần sẽ chứng nghiệm cho vua thấy.

Nói lời ấy xong, nịnh thần ấy vào trong tháp, đục hai lỗ hồng, mỗi lỗ hồng đặt một con mèo, nuôi chúng ở trong tháp, dùng thịt để nhử. Hễ gọi: “Điệt-sur đi ra” thì con mèo đi ra để ăn thịt. Ông bảo chúng đi ra đi vào trong lỗ ấy. Dạy chúng như vậy, các con mèo đã thuần thục, ông liền tâu với vua:

– Nay vua có muốn thấy Diệt-sur... chăng? Xin ngài cùng đi xem.

Nhà vua liền ra lệnh chuẩn bị xe cộ, đi đến tháp đó. Bấy giờ nịnh thần mới kêu:

– Diệt-sur đi ra!

Con mèo liền đi ra từ lỗ hồng. Ông bảo:

– Vào đi!

Con mèo liền trở vào lỗ hồng lại.

Nhà vua thấy vậy, tâm càng thêm mê muội, tùy ý muốn làm gì thì làm, chẳng tin tội phước. Khi ấy vua xuất quân vui chơi, đến lúc trở về, đang đi trên đường bỗng gặp Tôn giả Ca-chiên-diên đang ngồi ngay thẳng ở chỗ vắng, tọa thiền nhập định. Khi nhà vua thấy Tôn giả liền sinh ác tâm, tự tay hót đất tung bụi lên Tôn giả, bảo kẻ tả hữu:

– Các người hãy theo lệnh ta, mỗi người phải hót một nắm bụi tung lên Tôn giả Ca-chiên-diên.

Khi ấy cả một đồng đất phủ kín Tôn giả. Có một vị đại thần, tín tâm Tam bảo, từ phía sau mà đến, nghe được việc ấy hết sức buồn rầu, liền đến phủi hết bụi đất ấy cho Tôn giả, lại nói với mọi người:

– Nếu các vị còn nghĩ đến ta, hãy đến xúc hết đất này đi.

Bấy giờ Tôn giả ngồi trong hang báu lưu ly, thân nghi tươi sáng, không dính một chút bụi. Vị đại thần hoan hỷ, đầu mặt lạy dưới chân, bạch Tôn giả:

– Nay nhà vua vô đạo, làm sự ác nghịch này, thiện ác đều có quả báo, làm sao thoát khỏi hoạn nạn được?

Tôn giả đáp:

– Sau bảy ngày, trời sẽ mưa đất đầy trong thành này, cao như núi đất. Nhà vua và nhân dân đều bị đất lấp chết hết.

Vị đại thần nghe xong, ôm lòng sầu não, liền về tâu với vua. Ông lại tự thiết kế, làm một địa đạo thông ra ngoài thành.

Bảy ngày đã mãn, trời mưa hương hoa, trân bảo, áo quần người ở trong thành không ai không vui mừng. Lúc đó nịnh thần tâu với vua:

– Đây là điềm lành, nhờ đức của vua, Vậy mà kẻ vô trí trở lại sinh lòng phỉ báng nói rằng trời mưa đất, ngược lại là ngọc báu. Sự cuồng hoặc như vậy, trước sau chẳng phải là một, nghe nói ác duyên mà lại có điềm lành tập trung.

Khi ấy bốn cửa thành vì do năng lực của bóng tối các cửa sắt đều rơi xuống, biến mất, trời lại mưa đất khắp cả thành cao như núi. Nhưng đại thần kia cùng những người có thiện tâm theo địa đạo ấy mà ra, hướng về chỗ Tôn giả bạch:

– Cảm nhớ thành này, chỉ một ngày mà bị lấp sạch, mưa đất thành núi, quân dân đều chết. Vậy trước đây do nhân gì mà đồng chịu sự tai họa này?

Tôn giả bảo đại thần:

– Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, ta sẽ nói cho. Về thời quá khứ cách đây nhiều kiếp, bấy giờ ở trong nước kia có một cô gái con của trưởng giả

đứng ở trên lầu, sáng sớm quét dọn, làm cho bụi bay ở trên đầu của một vị Tỳ-kheo mà không biết sám hối, nhưng cô ta lại gặp được người chồng tốt. Bảy giờ các cô gái khác mới hỏi cô ta rằng: “Cô nhờ duyên gì mà được người chồng tốt như vậy?” Người nữ kia đáp: “Tôi chẳng làm điều gì lạ, chỉ do tôi quét nhà làm bụi bay lên đầu vị Tỳ-kheo, nhờ vậy mà được chồng tốt.”

Các cô gái nghe như vậy, liền theo lời ấy tranh nhau vung đất để hất bụi lên người Tỳ-kheo. Do nghiệp duyên ấy nên đồng thọ quả báo này.

Nói lời ấy xong Tôn giả cùng Công Đức Thiên hướng về thành Hoa thị.

Từ xưa đến nay, thành Lô-lưu cùng thành kia đắp đổi thanh suy bao lần, nước này đã diệt, thành kia lại thanh. Do đó cho nên Tôn giả... hướng về thành Hoa thị. Trong thành ấy có trưởng giả Hảo Âm Thanh đứng đầu, cúng dường Tôn giả. Lúc bảy giờ trưởng giả làm ăn giàu có, Tôn giả đến nhà, thấy ông của cải dư dả hơn trước rất nhiều. Khi vào thành ấy, Tôn giả Ca-chiên-diên bạch Đức Phật:

– Trưởng giả Hảo Âm Thanh nhờ nhân duyên gì mà có âm thanh hay, giàu có vô lượng, của cải dư dả?

Đức Phật trả lời:

– Ở thời quá khứ có một trưởng giả hằng ngày

bảo người đến thỉnh năm trăm Bích-chi-phật đến nhà để thọ thực. Song sứ giả thường dẫn con chó đến, nếu có duyên sự gì sứ không tới thỉnh được, chó cứ đứng giờ đến phòng của Tăng sửa. Khi ấy các Bích-chi-phật mới nói: “Người đời đa sự, thả chó rồi quên, chó sửa vừa rồi để gọi chúng ta, các ngài tự tiện cùng đến nhà của trưởng giả. Lúc ấy trưởng giả rất vui mừng, như pháp cúng dường.”

Trưởng giả lúc ấy chính là thân Ta, người sứ giả lúc đó chính là A-na-luật, con chó nay là trưởng giả Hảo Âm. Vì lẽ ấy, đời đời ông ta được tiếng hay, lại nhiều của cải. Vậy nên người trí đối với ruộng phước phải nỗ lực cúng dường.



117- CHUYỆN LA-HẦU-LA

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, lúc Đức Phật mới xuất gia vào đêm đầu tiên thì con của Ngài là La-hầu-la mới nhập vào bào thai. Bồ-tát Tất-đạt khổ hạnh sáu năm nơi cội cây Bồ-đề hàng phục bốn loại ma, trừ các ngăn che của ám, hoát nhiên đại ngộ, thành đạo Vô thượng, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, thành tựu mười tám pháp bất cộng, đầy đủ bốn biện tài, độ thoát tất cả, đạt đến bờ kia, hiểu rõ tất cả pháp của chư Phật, vượt lên trên các vị Thanh văn, Duyên giác. Vào đêm thành đạo đầu tiên của Ngài thì La-

hầu-la được sinh ra. Lúc ấy tất cả thể nữ trong cung vua thấy đều then thùng, hết sức ưu não mới nói:

– Quái thay, điều đại ác! Da-thâu-đà-la không nghĩ điều phải điều trái, coi thường hành động, không tự thương mình, không tự thận trọng, khiến cho toàn cung chúng ta đều bị ô nhục. Bồ-tát Tất-đạt xuất gia đã lâu mà nay bỗng nhiên lại sinh con. Ôi, hết sức là xấu hổ, nhục nhã!

Khi ấy có Thích nữ tên là Diên Quang, là con gái của di mẫu nàng Da-thâu-đà-la, đấm ngực, giậm chân, tức giận chửi mắng Da-thâu-đà-la:

– Ngươi là chỗ thân yêu của tôn trưởng, sao lại tự làm điều tổn hại? Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia học đạo cách đây đã sáu năm rồi mới sinh đứa bé này là điều hết sức phi lý. Ngươi theo ai mà có con? Ngươi là người không biết xấu hổ, làm ô nhục chủng tộc của ta, ngươi đã không kể chủng tộc, không sợ ô danh. Bồ-tát Tất-đạt có công đức lớn, tiếng tăm ai cũng biết. Nay ngươi tại sao không gìn giữ cho Ngài mà tạo điều sỉ nhục?

Vua Tịnh Phạn ngay lúc đó đang đứng trên lầu thấy quả đất này có sáu thứ chấn động, tướng lạ xuất hiện. Vua Tịnh Phạn thấy điều ấy xong, cho rằng Bồ-tát đã chết, sự buồn rầu giống như mũi tên bắn vào tim vua, hết sức khổ não, nói:

– Hương giới của con ta bay khắp bốn phương, tướng tốt trang nghiêm như tràng hoa

sen. Nay là ngày con ta chết. Con ta như cây hoa, giới là rễ đâm sâu, tám quý là cành lá, danh dự là hương thơm, lòng từ là bóng mát. Nay đã bị voi giày mà chết. Con ta to lớn như núi vàng, các báu trang nghiêm. Con của ta như Kim sơn vương, thân trang nghiêm tướng hảo, bị chày Kim cương vô thường đập nát. Con ta như biển cả đầy các thứ báu bị con cá Ma-kiệt làm nhiễu loạn nước biển. Biển lớn của con ta cũng như vậy, bị chết vì sự nhiễu loạn của con cá Ma-kiệt. Con ta giống như mặt trăng rằm, các sao vây quanh. Con ta có công đức vô lượng như vậy, tướng tốt trang nghiêm, nay bị vô thường La-hầu-la tiêu diệt. Dòng họ ta sinh ra từ đại trượng phu đến Lô-việt, Chân tịnh. Các vị vua như vậy tiếp nối đến ta. Ngày nay dòng họ ta chưa sắp đoạn tuyệt chứ? Ta đặc biệt mong con ta làm Chuyển luân thánh vương hay thành Phật đạo. Sao nay con ta lại có thể chết? Nếu con ta mà chết thì ta sẽ ưu sầu, tiêu tụy cũng chết theo mất. Sự mong ước con ta xuất gia, mặc pháp phục, ôm bát, mưa pháp cam lồ... tất cả những việc như vậy, chắc ta sẽ không thấy được. Vì nhớ thương con mà trong lòng sầu tư, nhớ nghĩ trăm mối.

Khi ấy nghe trong cung có tiếng khóc lớn, nhà vua càng thêm kinh ngạc, cho là Thái tử đã chết, mới hỏi cô hầu đang chạy phía trước:

– Đó là tiếng khóc gì vậy? Chẳng phải là con ta

chết rồi sao?

Cô gái tau với vua:

– Thái tử chưa chết. Hôm nay Da-thâu-đà-la sinh một người con, toàn cung đều xấu hổ cho nên khóc như vậy. Nhà vua nghe lời ấy càng thêm ưu sầu, áo não, bỗng khóc rống, cất tiếng kêu to than:

– Quái thay! Thật là hết sức ô nhục! Con ta xuất gia đã sáu năm rồi, hà có gì hôm nay mới sinh con?

Bấy giờ theo luật của nước ấy, hễ đánh một hồi trống thì tất cả quân lính tụ tập, chín vạn chín ngàn Thích chủng đều tập hội. Họ liền gọi Da-thâu-đà-la. Khi ấy Da-thâu-đà-la mặc bạch tịnh y ôm con trong lòng, không hề sợ hãi, trên mặt có dính chút bụi, ở trong thân tộc, nằng ôm con mà đứng. Bấy giờ Cháp Trọng Thích sắc mặt đầy tức giận, chửi Da-thâu-đà-la, quát lên:

– Ngươi là đồ phạm phu thô bỉ, thật hết sức xấu hổ, đã làm nhục dòng họ nhà ta, còn mặt mũi nào mà đứng trước mặt chúng ta!

Lúc ấy có một người họ Thích tên là Tỳ-nữu-thiên, là cậu của công chúa Da-thâu-đà-la, nói với Da-thâu-đà-la:

– Không có đứa trẻ con nào ngu si thô bỉ, đê tiện hơn cháu. Cậu là người họ hàng, vậy cháu hãy nên lấy lời chân thật nói cho cậu biết đứa con ấy tác giả là ai?

Bấy giờ Da-thâu-đà-la chẳng có gì hổ thẹn, nói

một cách ngay thẳng:

– Đứa bé này chính là con của người họ Thích xuất gia tên là Tất-đạt. Tôi nằm bên Thái tử mà có đứa con này.

Vua Tịnh Phạn nghe lời ấy xong, tức giận nói:

– Người đã không thủ tiết mà còn nói sai sự thật nữa. Điều đó thật hay hư thì các Thích tử biết rồi đó. Con của ta là Tất-đạt, lúc còn tại gia, nghe nói có ngũ dục mà ta còn không muốn nghe, huống chi lại có dâm dục mà sinh ra con? Như lời nói ấy thật hết sức thô bỉ, nham nhở. Người đã lấy ai mà có con, làm hủy nhục chúng ta? Đây thật là sự quanh co xảo trá, chẳng phải là pháp chân chính. Con của ta là Tất-đạt lúc xưa ở tại gia đối với châu báu, của ngon vật lạ, hoàn toàn không có nhiễm trước. Huống chi nay con ta đã tu khô hạnh, mỗi ngày ăn một hạt lúa, hạt mè mà lấy việc ấy để hủy báng!

Vua Tịnh Phạn bùng bùng tức giận, hỏi các Thích tử:

– Nay tại sao ta lại bị sự sát hại khổ độc như vậy!

Lại có một Thích tử nói:

– Cứ theo ý tôi, hãy làm một cái hầm lửa, ném mẹ con nó vào đó để không còn dấu vết gì nữa.

Lúc ấy mọi người đều nói:

– Việc đó rất hay!

Bấy giờ họ liền đào một cái hầm lửa, lấy cây Khu-đà-la chất đầy trong hầm, chích lửa, rồi họ liền dẫn Da-thâu-đà-la đến bên hầm lửa.

Da-thâu-đà-la thấy hầm lửa rồi, trong lòng hết sức hãi hùng, giống như con nai rừng chỉ có một mình trong khu vườn, quay nhìn bốn hướng chẳng có ai để trông cậy. Bấy giờ Da-thâu-đà-la tự trách mình: “Ta đã không có tội mà phải chịu tai ương này!”. Nàng ngược nhìn các người họ Thích, thấy chẳng có ai chịu cứu mình. Nàng ôm con thở dài, nghĩ đến Bồ-tát nói:

– Ngài có lòng Từ bi thương xót tất cả, Trời, Rồng, Quỷ, Thần thấy đều cung kính Ngài. Nay mẹ con thiếp chẳng có ai giúp đỡ, không có tội mà phải chịu khổ. Có sao Bồ-tát không chịu lưu ý? Tại sao Bồ-tát không cứu mẹ con thiếp thoát khỏi nguy khốn ngày hôm nay? Các trời, các Thiên thần chẳng nhớ nghĩ đến tôi sao? Ngày xưa Bồ-tát ở giữa dòng họ Thích, giống như mặt trăng rằm ở giữa các vì sao. Nhưng sao mãi tới hôm nay thiếp chẳng gặp lại được một lần!

Than xong, nàng liền hướng về chỗ Đức Phật nhất tâm kính lễ rồi lại bái các người họ Thích, chấp tay hướng về phía hầm lửa nói lời chân thật:

– Nếu đứa con của ta quả thật không phải vì ngoại tình mà có, nếu điều này là sự thật không hư ngụy, mặc dù ở trong thai của ta sáu năm, thì xin

lửa hãy dập tắt, chớ thiêu hại mẹ con ta.

Nói như vậy xong, nàng liền nhảy vào trong lửa, nhưng hầm lửa này lúc ấy lại biến thành ao nước. Nàng tự thấy thân mình ngồi trên hoa sen, hoàn toàn không có sợ hãi, nhan sắc vui tươi hòa dịu. Lúc ấy nàng chấp tay hướng về những người họ Thích, nói:

– Nếu lời nói của tôi mà hư vọng, lẽ đáng tôi bị lửa thiêu cháy. Nhưng đứa bé này quả thật là con của Bồ-tát, đúng như lời chân thật của tôi, cho nên mới không bị lửa thiêu cháy vậy.

Lại có một người dòng họ Thích nói:

– Cứ xem hình tướng của cô ta không kinh, không sợ, từ đó suy ra biết chắc là cô ta nói thật.

Cũng lại có người dòng họ Thích nói:

– Cái hầm lửa này biến thành ao mát, lấy đó mà nghiệm thì biết là cô ta không có lỗi gì.

Bây giờ các người họ Thích dẫn Da-thâu-đà-la trở về cung, họ càng thêm cung kính, tán thán nàng. Họ tìm nhũ mẫu để chăm sóc con nàng, giống như lúc bình thường, chẳng khác gì cả. Vua Thái tử Tịnh Phạn ái trọng nàng tha thiết. Lúc nào không thấy La-hầu-la, ông không thể nào nuốt cơm được. Mỗi khi nhớ Bồ-tát, ông chỉ cần bồng La-hầu-la vào lòng là hết sầu nhớ. Tóm lại sáu năm trôi qua, vua Tịnh Phạn khát ngưỡng mong gặp Đức Phật, ông bảo người đến thỉnh Ngài. Đức

Phật vì lòng lân mẫn cho nên Ngài trở về nước. Đến hoàng cung của họ Thích, Ngài biến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đều giống như thân của Đức Phật, sáng ngời không khác.

Lúc ấy Da-thâu-đà-la nói với La-hầu-la:

– Ai là cha của con, con hãy đến bên vị ấy.

Khi ấy La-hầu-la đánh lễ Đức Phật xong, đứng bên cạnh Đức Phật. Đức Như Lai liền dùng bàn tay có tướng bánh xe, đã tu công đức trong vô lượng kiếp, xoa lên đánh đầu của La-hầu-la. Khi ấy các người họ Thích đều nghĩ: “Nay Phật vẫn còn có tâm thương riêng.” Đức Phật biết tâm các người họ Thích đã nghĩ, liền nói kệ:

*Với quyền thuộc của vua
Và con Ta sinh ra
Ta vẫn thương như nhau
Chỉ lấy tay sờ đầu.
Ta đã hết kết sử
Thương ghét cũng không còn
Các người chó hoại nghi
Phân vân với con Ta.
Con Ta cũng xuất gia
Là Pháp tử của Ta.
Nói tóm, công đức ấy
Xuất gia học Chân đạo
Sẽ thành A-la-hán.*



118- CHUYỆN VỊ BÀ-LA-MÔN GIÀ DỐI TRÁ

Tất cả sự xảo quyết, nịnh hót, dối trá, bên ngoài dường như ngay thẳng, nhưng bên trong ô nhiễm lòng gian xảo. Cho nên người trí tuệ phải quán sát cái nào chân, cái nào giả. Giống như ngày xưa có một Bà-la-môn, tuổi tác đã già, cưới người vợ trẻ. Người vợ ghét chồng già và cứ ở một bên đòi đâm dục mãi. Vì đấm trước dục tâm nên khuyên chồng mở hội, mời các Bà-la-môn trẻ tuổi đến dự. Người chồng nghi vợ có ý gian, cho nên không chịu mở hội. Bấy giờ người thiếu phụ bày nhiều mưu kế để mê hoặc chồng mình. Có một hôm đưa con vợ trước của người Bà-la-môn già rơi vào trong lửa, nhưng người vợ trẻ của ông ta lấy mắt nhìn đứa con rơi, nhưng không kéo nó lên.

Vị Bà-la-môn nói:

– Sao người thấy con rơi vào trong lửa, mà lại không kéo lên?

Người vợ liền đáp:

– Từ nhỏ đến giờ tôi chỉ gần chồng tôi thôi, chứ chưa bao giờ kéo một người con trai nào khác. Tại sao bỗng nhiên bảo tôi phải kéo đứa con trai này?

Vị Bà-la-môn già nghe lời ấy rồi, cho rằng những lời nói ấy là đúng, mới tin lòng người vợ. Ông liền mở đại hội ngay nơi nhà mình, tụ tập các

Bà-la-môn.

Bấy giờ người vợ trẻ liền cùng tư thông với Bà-la-môn khác. Vị Bà-la-môn già nghe việc ấy xong ôm lòng tức giận, liền lấy vật báu nhét đầy trong tay áo, bỏ vợ mà đi. Khi cách nhà đã xa, giữa đường thấy một Bà-la-môn liền làm bạn với người ấy. Chiều tối ngày hôm đó, ông ta ở chung với người ấy cho đến sáng sớm cùng với người ấy ra đi. Lúc rời khỏi nhà của chủ nhân, càng lúc càng xa, Bà-la-môn ấy nói với Bà-la-môn già:

– Chỗ ở ngày hôm qua có một lá cỏ dính vào áo của tôi. Từ nhỏ đến giờ, tôi chưa bao giờ xâm phạm của cải người khác. Cái lá cây cỏ này dính vào áo làm tôi rất xấu hổ, muốn trả lại lá cỏ này cho chủ nhân của nó. Vậy bạn hãy dừng chân ở đây để chờ tôi trở lại.

Nghe xong, Bà-la-môn già rất tin lời người ấy, kính yêu ông ta gấp bội, hứa sẽ chờ đợi.

Bà-la-môn kia dối là mang lá cỏ muốn trả lại cho chủ nhân. Đi chẳng bao xa, anh lén vào trong một cái ao nước, nằm nghỉ một hồi rồi trở lại, bảo:

– Tôi đã đem lá cỏ trả lại cho chủ nhân rồi.

Bà-la-môn già tin là sự thật, càng thêm ái trọng anh ta. Bấy giờ Bà-la-môn già đi đại tiểu tiện, liền lấy báu vật gởi cho anh ta. Sau đó anh ta ôm của báu của ông chạy mất.

Bà-la-môn già thấy anh ta đã lấy trộm đồ của

mình, liền than thở, ân hận vì đã giao của báu cho người đó, rồi tự cảm thương mình, buồn rầu, ảo não, thất thểu lên đường. Ông đi được một lát, đến nghỉ dưới một gốc cây, thấy một con cò xám, trong miệng ngậm một cây cỏ, nói với các con chim khác:

– Chúng ta cần phải thương yêu lẫn nhau, tụ tập một chỗ mà cùng ngủ nghỉ.

Bảy giờ các con chim đều tin lời nói ấy, cùng đến tụ tập. Khi ấy con cò xám đi đến, thừa lúc các con chim rời khỏi tổ nó đến các ổ chim hút trứng, giết chim non để ăn thịt. Lúc các con chim đến nơi, thì nó lại ngậm cỏ. Các con chim trở về, thấy việc trên thấy đều tức giận. Xong con cò xám kháng cự lại, bảo:

– Ta không làm như vậy.

Bảy giờ các con chim biết con cò xám là thứ lừa dối, thấy đều bỏ đi, bay đến đậu dưới gốc cây ấy.

Một lát sau ông lại thấy một người xuất gia ngoại đạo, thân mặc y chàm vá, đi một cách an ôn, từ từ mà bước, miệng nói:

– Tránh đi các loài trùng.

Khi ấy Bà-la-môn già mới hỏi:

– Vì sao vừa đi mà miệng lại nói: “Tránh đi”?

Ngoại đạo đáp:

– Tôi là người xuất gia, xót thương tất cả, sợ

làm thương hại các loài trùng kiến, cho nên mới nói như vậy.

Bấy giờ Bà-la-môn thấy chính miệng người xuất gia ấy buông ra lời này, cho nên hết sức tin tưởng, ông liền đi theo đến nhà của người ấy. Lúc chiều tối đi ngủ, y nói với Bà-la-môn:

— Tôi phải ở một cách an nhàn để tự tu tâm. Ngài đến phòng riêng bên kia mà ngủ nghỉ.

Khi ấy Bà-la-môn hoan hỷ, nghe vị ấy hành đạo tâm sinh vui mừng. Đến sau nửa đêm, ông chỉ nghe tiếng nhạc, ca múa, ông bèn bước ra ngoài để xem thì mới thấy người ngoại đạo xuất gia ở trong phòng, có một lỗ hổng ở dưới đất, bên trong có một người phụ nữ bước ra, giao thông với y. Hễ người nữ múa thì ngoại đạo khảy đàn. Nếu người ngoại đạo múa thì người nữ khảy đàn. Thấy việc như vậy rồi, ông tự nghĩ: “Vạn vật trong thiên hạ, không luận là người hay thú, chẳng ai có thể tin được.” Ông mới nói bài kệ:

*Không nắm tay con ai
Đem cở trả lại chủ
Cò xám dối ngậm cở
Ngoại đạo sợ chết trùng
Lời nói dối như vậy
Hoàn toàn không thể tin.*

Bấy giờ ở trong nước có một trưởng giả, nhà cửa giàu có, rất nhiều châu báu, vào một đêm nọ bị

mất nhiều của cải. Khi ấy nhà vua nghe điều này, hỏi trưởng giả:

– Có ai đến hoặc đi khỏi nhà ông, làm ông bị mất của?

Trưởng giả tâu với vua:

– Ban đầu không có người gian nào lai vãng. Chỉ có một người Bà-la-môn từ lâu đã ra vào nhà tôi, đời sống vị ấy trong sạch, không xâm phạm tài sản của người khác, cho dù một cọng cỏ dính vào áo, ông cũng đem trả lại cho chủ nó. Ngoài vị ấy ra không có ai đến nhà tôi cả.

Nhà vua nghe xong, liền bắt Bà-la-môn đến để cật vấn. Bấy giờ trưởng giả đến tâu với vua:

– Vị ấy giữ hạnh thanh tịnh, người đời không ai bằng. Vì sao lại bị bắt trói? Tôi thà chịu mất của cải, nhưng xin vua hãy thả vị ấy ra.

Khi ấy nhà vua trả lời:

– Ngày xưa ta từng nghe có những việc giống như vậy. Bên ngoài giả làm thanh tịnh, bên trong ôm lòng gian ác. Người chớ nên sâu khổ, nghe ta điều tra sự thật.

Nói như vậy xong, liền tra cứu người ấy, thì ra thấy y lời cùng, lý gian, cúi đầu chịu tội trước sự thật.

Cho nên người có trí sống giữa đời như tấm gương, khéo phân biệt được chân ngụy, là đạo sư của thế gian.



119- CHUYỆN NGƯỜI VỢ CỦA BÀ-LA-MÔN MUỐN HẠI MẸ CHỒNG

Ngày xưa có một vị Bà-la-môn, vợ ông rất trẻ hình dung tuyệt đẹp, đức tính rất mạnh, tâm thích dâm dăng. Vì có mẹ chồng ở chung nên không được toại ý, cô ngầm lập mưu gian muốn hại mẹ chồng. Cô mê hoặc tâm của chồng, dối làm như người chí hiếu sáng tối kính cẩn siêng năng cung cấp cho mẹ chồng không thiếu vật gì. Người chồng vui mừng bảo vợ:

– Nay nàng cung cấp nuôi dưỡng mẹ ta không thiếu thứ gì, thật đúng là người vợ hiếu. Mẹ ta đã già cả mà được nàng trợ lực.

Người vợ trả lời chồng:

– Nay tôi ở thế gian, dù cúng dưỡng cũng chẳng được bao nhiêu. Nếu được ở cõi trời mà cúng dưỡng cho mẹ thì nguyện tôi mới thỏa. Vả lại, có diệu pháp nào có thể làm người ta được sinh Thiên chẳng?

Người chồng đáp:

– Theo pháp của Bà-la-môn thì ném xuống hang sâu, nhảy vào lửa, lấy năm thứ lửa đốt thân, làm những việc như vậy thì được sinh lên cõi trời.

Người vợ nói với chồng:

– Nếu có pháp này thì mẹ có thể được sinh lên cõi trời, hưởng thọ sự cúng dường tự nhiên, cần gì phải mãi mãi thọ nhận sự cúng dường của thế gian?

Nàng nói như vậy xong, chàng tin là đúng, liền đến nơi ruộng hoang, làm một cái hầm lửa lớn, chất rất nhiều củi, ngọn lửa bùng bùng bốc cháy. Rồi ở trên hầm ấy chàng mở đại hội, dẫn mẹ già đến, mời thân tộc tụ tập, các Bà-la-môn đều đến dự hội, trống nhạc đàn ca, vui chơi cho đến chiều tối, các vị khách đã giải tán hết, chỉ còn hai vợ chồng ở lại với mẹ, cả vợ chồng dẫn người mẹ đến hầm lửa, xô người mẹ xuống hầm, rồi bỏ chạy không ngoái lại.

Khi ấy trong hầm lửa có một khoảng ngoài biên nhỏ, người mẹ nhờ rớt trên vùng ngoài biên ấy nên không rơi vào lửa. Người mẹ liền tìm cách ra khỏi hầm lửa, lúc ấy trời đã chập choạng tối, lần theo dấu vết muốn trở về nhà. Lúc ấy, con đường dẫn đến một khu rừng, ở trong bóng tối, bà sợ cọp, beo, la-sát, quỷ... nên leo lên một cây thấp để tránh nguy hiểm. Bấy giờ gặp lúc có bọn giặc, trộm cắp nhiều của cải, có đồng bọn theo sau, đến nghỉ dưới gốc cây. Khi ấy lão mẫu sợ hãi không dám cựa quậy, nhưng không kiềm chế được, ở trên cây bà ho. Bọn giặc nghe tiếng ho, cho là có ác quỷ, chúng bỏ tài vật lại, tất cả đều tẩu thoát.

Đến khi trời sáng, lão mẫu thản nhiên không còn sợ hãi, liền leo xuống cây, chọn lấy một số của

quý, hương anh, ngọc kỷ, kim xuyên, bông tai, đủ loại của quý đặc biệt, mang hết về nhà. Vợ chồng thấy mẹ, ngạc nhiên kinh sợ, cho là thầy ma sống dậy, không dám đến gần. Người mẹ bảo:

– Ta chết được sinh lên cõi trời, được nhiều của cải.

Rồi bà nói với người vợ:

– Các thứ hương anh, ngọc kỷ, kim xuyên, bông tai là của cha mẹ, cô dì, chị em của mày đem cho ta. Bởi vì ta già yếu không thể mang được nhiều. Họ bảo người phải tự ý lấy bao nhiêu cũng được.

Người vợ nghe mẹ chồng nói vậy, vui mừng sung sướng, mong được như phép mẹ chồng nhảy vào hầm lửa, nên thưa với chồng:

– Nay mẹ già nhờ nhảy vào hầm lửa mà được của cải này. Bởi mẹ sức yếu không thể mang nhiều. Nếu em mà đi, chắc chắn phải được nhiều.

Người chồng như lời vợ nói, liền làm hầm lửa, nài vợ nhảy xuống hầm, thân bị thiêu cháy, tức khắc là đời.

Bấy giờ chư Thiên nói kệ:

*Phàm người dối cha mẹ
Không nên sinh tâm ác
Như vợ hại mẹ chồng
Thân lại bị thiêu cháy.*



120- CHUYỆN CON CHIM KIÊU VÀ CON QUẠ BẢO OÁN

Ngày xưa có con chim kiêu và con quạ oán ghét nhau. Con quạ đợi suốt ngày, biết con chim kiêu không trông thấy, nó đập giết bầy chim rồi ăn thịt. Còn chim kiêu nhân lúc ban đêm, biết quạ tối mắt, lại đến mổ bầy quạ cho đến lủng ruột rồi cũng ăn thịt. Cả hai loài chim ngày đêm lo sợ, không lúc nào nguôi.

Bấy giờ, trong bầy quạ có một con quạ có trí, bảo với bầy quạ:

– Chúng ta đã trót gây thù ghét nhau, không thể cứu giải được, cuối cùng phải tàn sát nhau thôi, tình thế này không thể trọn vẹn được cả hai bên. Vậy chúng ta phải tìm cách để tàn diệt các con chim kiêu, sau đó chúng ta mới có thể hoan lạc được. Nếu chẳng như vậy, cuối cùng sẽ bị thất bại.

Các con quạ đều đáp:

– Như lời người nói, vậy chúng ta phải làm cách gì để tiêu diệt giặc thù?

Con quạ có trí nói:

– Các bạn quạ hãy đến mổ tôi, nhổ lông vũ của tôi, mổ tét đầu tôi. Tôi sẽ lập kế để tàn diệt chúng.

Liên như lời của nó, các con quạ làm cho hình dung nó tiều tụy. Nó đến ngoài hang của chim kiêu cất tiếng kêu bi thảm. Khi ấy con chim kiêu nghe

tiếng kêu ấy liền bước ra hỏi:

– Nay vì sao nhà ngươi bị võ đầu chảy nảo, lông vũ tả tơi, đi đến bên ta cất tiếng bi thương thống khổ, muốn nói với ta điều gì?

Bấy giờ con quạ nói với chim kiêu:

– Các con quạ căm thù tôi, tôi không thể sống ở đó được, cho nên đến đây để quy thuận với các bạn, để tránh sự oán thù độc ác.

Lúc đó chim kiêu thương xót, muốn cho con quạ ở lại để nuôi dưỡng. Bấy giờ các con chim kiêu đều nói:

– Nó là oan gia, không nên thân gần, sao lại nuôi dưỡng nó để bị oán địch mãi mãi?

Con chim kiêu đáp:

– Nay nó vì khôn khéo, đến đây để quy thuận, một thân cô đơn thì làm được gì?

Rồi nó liền nuôi dưỡng chim quạ, cho quạ ăn thịt dư. Ngày tháng đã lâu, các lông vũ của con quạ lại bình phục. Nó giả bộ vui mừng, lập một kế nhỏ, ngậm nhánh cây khô và cây cỏ chắt trong hang con chim kiêu, in tuồng như để báo ân. Con chim kiêu nói với con quạ:

– Dùng những thứ ấy để làm gì?

Con quạ liền đáp:

– Ở trong lỗ hang toàn là đá lạnh, nên dùng cây cỏ này để chống đỡ gió lạnh.

Con chim kiêu cho vậy là đúng, im lặng không

đáp. Song con quạ lúc ấy liền xin giữ hang, giả trá làm tay sai để báo ân nuôi dưỡng. Bấy giờ gặp lúc tuyết rơi dữ dội, khí lạnh mãnh liệt, vì vậy các con chim kêu đôn đốc nhau tập hợp trong hang.

Khi ấy con quạ được cơ hội thuận tiện, trong lòng vui sướng, nó ngậm lửa của bọn chăn trâu đốt hang chim kiêu, khiến lũ chim kiêu tức thì bị tiêu diệt.

Chư Thiên liền nói kệ:

*Các loài có thù xưa
Đừng nên tin tưởng chúng
Như quạ giả thân thiện
Thiên hủy các chim kiêu.*



121- CHUYỆN NÔ TỖ VÀ CON DÊ ĐỰC CHIẾN ĐẤU

Ngày xưa có một nô tỳ bẩm tính ngay thẳng, cẩn thận, thường lượm những hạt lúa tiểu mạch, đậu lép cho chủ nhân. Bấy giờ nhà của chủ nhân có một con dê đực, rình lúc không có người, nó đến ăn lúa mạch và đậu. Lúc cô ta cân lường cho chủ bị thiếu nên chủ tức giận. Cô không còn được chủ tin tưởng nữa là do con dê ăn trộm. Cô thường vì mối hiềm khích ấy nên hay lấy cây đập con dê đực. Con dê đực vì vậy ôm lòng tức giận, nhiều lúc nó

cũng húc cô nữ tỳ.

Hai bên xúc chạm với nhau như vậy đã nhiều lần. Nhân một ngày, cô nữ tỳ tay không, đang cầm lửa, con dê thấy cô ta không gậy, liền chạy thẳng đến húc cô ta. Cô nữ tỳ nhân lúc gấp rút, lấy lửa đang cầm bỏ lên lưng dê. Con dê bị lửa nóng quá sức đường đột, hoảng nhiên chạy đến thôn xóm người ta khiến thôn xóm bị cháy và ngọn lửa lan đến núi hoang.

Bấy giờ ở trong núi có năm trăm con khỉ, bị lửa lan đến bốc cháy rất mạnh, không kịp chạy thoát, liền cùng một lúc bị lửa thiêu chết.

Chư Thiên thấy vậy mới nói kệ:

Lúc nóng giận chiến tranh

Không biết tự dừng lại

Dê đâu với nô tỳ

Khiến khỉ, người phải chết.



SỐ 204

KINH TẠP THÍ DỤ

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, Sa-môn Chi-lâu-ca-sấm,
người nước Nguyệt chi.*

1- Thuở xưa, có thầy Tỳ-kheo thông minh trí tuệ, lúc bị bệnh nguy cấp, đệ tử thưa hỏi:

– Bạch Hòa thượng, Hòa thượng đã chứng quả A-la-hán chưa?

Đáp:

– Chưa được quả vị ấy. Cả quả Bất hoàn cũng chưa được.

Vị đệ tử hỏi:

– Hòa thượng là bậc Đạo cao, danh vang xa, tại sao không đạt được?

Đáp:

– Đã được quả thứ hai nhưng còn hai quả nữa chưa đạt được.

Vị đệ tử hỏi:

– Bạch Hòa thượng, ngài đã được quả thứ hai vậy còn có điều gì trở ngại mà không đạt đến quả Vô sinh?

Đáp:

– Ta muốn gặp hai trăm tám mươi ức người đắc

đạo và vô số Bồ-tát trong ba hội vào thời Phật Di-lặc. Đức Di-lặc Như Lai thân cao lớn đến một trăm sáu mươi trượng; muôn dân, đất đai nước Ngài đều có màu hoa đào. Dân chúng đều sống đến tám vạn bốn ngàn tuổi; đất đai bằng phẳng; y phục, thức ăn tự nhiên có sẵn. Đất đai cõi Diêm-phù rọng lớn ba mươi vạn dặm. Ý ta muốn trông thấy nơi đó nên không chứng quả Vô sinh. Đức Phật Di-lặc có hai người đệ tử lớn. Người thứ nhất là Táp Thí, người thứ hai là Số Số, ta muốn yết kiến họ nên biết làm sao hơn!

Vị đệ tử hỏi:

– Bạch Hòa thượng, từ đâu ngài nghe việc này?

Đáp:

– Ta nghe từ kinh Phật.

Đệ tử thưa:

– Bạch Hòa thượng, sinh tử lao nhọc, Đức Phật Di-lặc có pháp gì khác hay sao mà ngài phải ở đợi chờ?

Đáp:

– Không có gì khác cả!

Vị đệ tử hỏi:

– Bạch Hòa thượng, có gì khác hơn các pháp Lục độ, Tứ đẳng, Tứ ân, Tứ đế không?

Đáp:

– Cũng không!

Hỏi:

– Bạch Hòa thượng, nếu tất cả đều giống nhau, kia đây không khác sao ngài lại đợi chờ? Nay ngài chịu ân Đức Phật, không nên trở về với Đức Di-lặc thì cũng có thể chọn lấy pháp độ mà không cần đợi Ngài Di-lặc kia mà?

Hòa thượng bảo:

– Thôi đi, ngươi hãy lui ra! Ta sẽ suy nghĩ.

Vị đệ tử kia bước ra khỏi cửa thì Hòa thượng đã chứng quả Vô sinh.

Vị đệ tử trở vào thưa:

– Bạch Hòa thượng, ngài đã sao rồi?

Đáp:

– Ta đã chứng quả Vô sinh!

Vị đệ tử đánh lễ rồi thốt lên:

– Thật kỳ lạ, trong chốc lát mà ngài đã chứng quả!



2- Thuở xưa, có thầy Tỳ-kheo đang nhập định, bị lửa ngoài đồng đốt nhưng không cháy. Người ta thấy vậy cho là quỷ, liền lấy rìu chặt mà không đứt, dù cố hết sức nhưng cũng không đứt.

Có một vị đắc định, khi đệ tử mời dùng cơm vẫn không biết. Nhân đó đến kéo tay thầy, cánh tay kéo dài ra hơn một trượng. Đệ tử định cột cánh tay lại nhưng quá sợ hãi nên không cột được. Khi xuất thiền, cánh tay đau nhức, vị thầy mới hỏi thì đệ tử thưa lại mọi việc như vậy. Vị thầy bảo:

– Người không biết cách đánh thức ta nên bẻ tay ta! Người đắc định, thân thể mềm mại như bông, cũng như thai nhi ở trong bụng mẹ vậy!



3- Thuở xưa, ở nước Kế tân có một vị Bồ-tát, khi mới sinh ra rơi xuống đất, đất bị rung động mạnh làm cho cha mẹ đều kinh sợ. Lúc ấy có bậc La-hán cúi đầu đánh lễ, tung hoa cúng dường. Sau lớn lên, vị ấy xuất gia biện tài trí tuệ thông minh nhưng không đạt được pháp nào cả. Người nào nghe thầy ấy thuyết pháp đều được đắc đạo.

Lúc ấy, có hai thầy Tỳ-kheo nhiều năm giữ giới trong sạch trông coi tinh xá nhưng chưa thông hiểu đạo lý. Thiên thần mới bảo:

– Nước kia có Tỳ-kheo hóa độ được nhiều người, hai thầy đến đó dù xa xôi cũng mời về.

Ở nước của thầy Tỳ-kheo ấy, có Tỳ-kheo quan hệ với dân nữ.

Hai người xin ra mắt một người vào trước kính lễ rồi ngồi xuống gần đó, dân nữ vẫn cố ý nằm im nhưng ông ta chuyên tâm nghe kinh không nghĩ nhớ đến chuyện gì khác nên đắc đạo, liền cúi đầu lui ra rồi bảo người kia tiến lên đánh lễ thăm hỏi ngồi nghe.

Thấy dân nữ nằm, thầy cho rằng tâm niệm vị ấy như nhuốc, không tốt và nói uổng công khô nhọc từ xa đến, liền bỏ ra ngoài.

Thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Sao thầy buồn bã vậy? Thầy biết có gì sai lầm?

Thầy kia nói:

– Chúng ta đã lầm rồi! Vượt qua biết bao khổ nhọc mà gặp thầy này tu hành phóng đăng ô trước!

Thầy Tỳ-kheo nói:

– Thầy rất sai lầm! Theo pháp, người học hỏi chỉ cần chuyên tâm nghe nhận để hiểu biết thông suốt, sao thầy lại nghi ngờ phải trái rồi tự mình sinh niệm xấu để không được gì.

Thầy kia liền nhất tâm vào nghe kinh nên cũng được đạo.

Một người chứng A-la-hán được tiếp đãi như khách rồi trở về nước cũ. Vị sư về sau trông coi chùa, quá sức lạm dụng đồ vật chúng Tăng, làm việc thông dâm, vui chơi quá mức nên chúng Tăng quyết định đuổi đi thì có vị La-hán tới bảo:

– Chớ nên đuổi đi! Thầy ấy tuy dùng đồ vật của Tăng nhưng có thể hóa độ được nhiều người!

Chúng Tăng thôi không đuổi nữa, vị La-hán ấy thường gận gũi đến tận nơi vị kia và bảo:

– Thầy hãy đến xin người đệ tử cũ của mình đồ vật để dâng cho mọi người.

Thầy ấy đến nước kia được nhiều của báu đem về bồi thường gấp bội cho chúng Tăng.



4- Thuở xưa, có một Hiền giả tinh tấn thực hành kinh pháp bị bệnh chết, vợ con gào khóc buồn bã thương tiếc.

Sau khi hỏa táng, thân hài cốt chôn cất xong, họ không thiết lễ hương đèn tụng kinh. Với gia tài giàu có, sáng ngày ba mươi, rằm, họ nhóm họp trên nghĩa địa giết nấu bày cỗ thịnh soạn rồi buồn bã, khóc lóc, thương tiếc không nguôi.

Nhờ giới đức trọn vẹn nên người chết sinh lên trời. Ông ta dùng Thiên nhãn trông thấy vợ con tỏ bày lòng thương xót ông một cách quá ngu si, liền biến thành đũa tre chần trâu ở gần bên họ. Con trâu bắt chợt chết mất. Đũa bé gào khóc, cắt cỏ để ở đấy, bảo nó ăn rồi kêu đánh và bắt đầu khóc kể như thế suốt ngày.

Những người kia chê cười trách hỏi:

– Này cháu bé, cháu là con nhà ai? Trâu chết thì phải về nhà thừa, chứ cháu gào khóc có ích gì đâu? Trâu chết rồi thì làm sao biết được?

Chú bé thưa:

– Con không phải ngu! Trâu chết hiện còn đây vẫn có thể hy vọng chứ cha các chú đã mất mà các chú đặt trăm món thức ăn rồi cùng nhau hướng về ông ta kêu khóc, hài cốt ông ta đã cháy tiêu làm sao còn biết được?

Mọi người nghe xong hiểu ngay. Chú bé nói:

– Ta vốn là cha các con. Nhờ ân Đức Phật, cha

đã sinh lên trời nên đến giải thích cho các con biết.

Nhân đó, chú bé hiện lại thân trời, rồi bảo:

– Muốn được như ta phải nỗ lực tinh tấn tu hành.

Nói xong, ông ta biến mất. Vợ con nội ngoại liền trở về lo tinh tấn tu hành giới đức, bố thí, cứu giúp. Tất cả không còn buồn rầu nữa, về sau đều được đắc đạo sinh Thiên.



5- Giữa biển, có một nước tên là Tư-ha-điệp, trong đó có rất nhiều châu báu nhưng không có đường cụt. Lúc ấy có người lái buôn đem hơn năm trăm xe đường cụt, với ý niệm muốn dâng lên đức vua để được thưởng còn hơn bán ở chợ.

Đem đường cụt đặt trước cung vua, ông ta bày biện suốt cả tháng mà không có người nào hỏi han đến, nên tức giận nói:

– Đức vua kia cũng là người, ta cũng là người; mắt, tai, mũi, miệng đều như nhau mà lại không thể được một lần gặp gỡ và nói chuyện! Sao đức vua phước đức hơn người vậy? Ta cũng làm công đức để cho đức vua đến với ta!

Ông ta xuất gia làm Sa-môn, đem hết đường cụt cúng dường Tam bảo rồi xin ở một nơi thanh vắng suy tư về khổ, không, vô ngã. Không bao lâu, ông ta thông suốt, không có gì trói buộc, chứng được lục thông. Tâm trí ổn định, ông ta chứng La-

hán.

Trái đất chấn động, Thiên đế Thích đến vãn an. Lúc bấy giờ, Thiên đế và chư Thiên đều xuống đánh lễ chúc mừng ông ta.

Vị Tỳ-kheo hỏi Đế Thích:

– Các vị làm gì ở trên trời?

Đế Thích thưa:

– Thưa Tôn giả, trên trời có bốn vườn vui chơi, ba nơi là năm dục còn một nơi là đạo đức. Ở trong đó, hoặc bàn luận về kinh điển của Đức Phật hoặc bàn luận về bốn bậc siêng năng giữ gìn giáo pháp trong thiên hạ.

Vị Tỳ-kheo hỏi:

– Luận về người giữ gìn giáo pháp đều giống nhau hay có sâu cạn?

Đế Thích thưa:

– Thưa Tôn giả, tất cả đều là người toàn thiện vậy! Từ lúc Đức Phật Niết-bàn đến nay, có ba hạng người mà chư Thiên vẫn luôn bàn luận mãi không hề bỏ qua.

Vị Tỳ-kheo hỏi:

– Đó là hạng người nào? Các vị hãy kể cho biết!

Đế Thích thưa:

– Thưa Tôn giả, nước Ba-la-nại có một người làm Sa-môn, tự thề rằng: “Ta phải đi kinh hành cho đến khi nào chứng A-la-hán mới nằm”, thế nên đi kinh hành suốt ngày đêm đến nỗi chân bị thương

chảy máu và bị nhiều chim chóc theo vết máu mổ nuốt, ba năm thì đắc đạo được chư Thiên khen ngợi và luôn luôn phụng thờ.

Có một người ở nước La-duyệt-kỳ cũng làm Sa-môn. Ông ta trải cỏ làm đệm để ngồi, rồi thề rằng: “Nếu không đắc đạo, nhất định không đứng dậy.” Khi có bóng mát đến che, ông chỉ muốn ngủ nên bảo người ta làm cho một cái dùi dài tám tấc để mỗi khi cơn buồn ngủ đến thì châm vào hai vé cho đau nhức để không còn buồn ngủ nữa. Trong vòng một năm, Sa-môn đắc quả A-la-hán, chư Thiên tán thán ngợi khen.

Lại có một người ở nước Câu-diệm-di cũng làm Sa-môn ở trong một cái thắt trên mỏm đá núi cao nguy hiểm để cuối cùng không có người nào đến đó được. Lúc ấy, ma Ba-tuần thấy Sa-môn tinh tấn liền hóa thành con trâu ở trước mặt, rống lên rồi giương sừng trợn mắt muốn húc thầy. Vị Sa-môn rất sợ, nhưng nghĩ rằng nơi này trâu không thể nào tới được, tại sao lại có nó ở đây, không lẽ là ma làm nên Sa-môn liền bảo: “Người có phải là ma biến hóa không?”

Nghĩ là Sa-môn đã biết, ma liền hiện lại nguyên hình. Vị Sa-môn bảo ma:

– Người muốn gì mà dọa ta?

Ma nói:

– Thấy Sa-môn tinh tấn, tôi sợ ngài ra khỏi cảnh

giới của tôi nên cố ý đến khùng bố!

Sa-môn nói:

— Sở dĩ ta làm Sa-môn là muốn ra khỏi thế gian! Đức Phật có tướng tốt ta muốn chiêm ngưỡng Ngài. Đức Phật đã rời khỏi thế gian nên không thể thấy được. Nghe nói ma có thể hóa thành thân Phật, nếu người hóa hiện được thì ta không tinh tấn nữa!

Ma liền hóa làm Đức Phật đứng ở trước mặt. Sa-môn quan sát rồi chứng quả A-la-hán. Trên không chư Thiên khen ngợi vô cùng. Ma hối hận, buồn rầu, tức giận lập tức biến mất.

Đế Thích thưa với Sa-môn:

— Thưa Tôn giả, ba vị ấy được chư Thiên khen ngợi mãi mãi.

Sa-môn nói với Đế Thích:

— Ba hạng vị ấy biết rõ khổ, không, cho nên thân này hư rã. Ta vốn không muốn bị người khinh chê nên đi tìm đạo để vượt ra ba cõi, thật là kỳ diệu chứng quả A-la-hán.

Chư Thiên thưa:

— Thưa Tôn giả, bây giờ trở về trời, chúng con đem việc của ngài đặt lên hàng đầu.

Bây giờ, chư Thiên đánh lễ rồi cáo lui. Vua của nước đó nghe tin vị chủ nhân đường cục siêng năng tu hành đắc đạo liền đến cúi đầu đánh lễ tạ tội và tôn làm quốc sư giúp nước nhà thái bình, Tam bảo

hung thịnh; được phước được độ không thể nào tính hết.



6- Thuở xưa có một bệnh nhân đi nhiều thầy thuốc nhưng bệnh không khỏi nên đi đến cậ² nhờ đức vua Tát-hòa-đàn:

-Tâu Đại vương, con đem thân mạng quy phục ngài, xin ngài từ bi chữa bệnh cho con!

Đưa vua liền ra lệnh các thầy thuốc chữa bệnh cho ông ta. Các thầy thuốc tâu:

– Tâu Đại vương, thuốc này không thể có được!

Đức vua hỏi các thầy:

– Thuốc ấy gọi là thuốc gì?

Các thầy thuốc thưa:

-Tâu Đại vương, lấy thịt của người thế gian không có năm độc làm thuốc thì bệnh mới khỏi! Người không có năm độc là người:

1. Không có tâm tham dâm.
2. Không có tâm sân giận.
3. Không có tâm ngu si.
4. Không có tâm ganh ghét.
5. Không có tâm bạo ngược.

Nếu có hạng vị ấy thì bệnh ông ta mới lành.

Đức vua nói với các thầy thuốc:

– Vị ấy đến quy phục ta mà chỉ có ta là không có những thứ độc ấy!

Thế rồi, đức vua cắt thịt của mình đưa cho họ hòa làm thuốc; bệnh nhân được lành bệnh, liền phát tâm Đại thừa.



7- Thuở xưa có một người tên Ca-la-việt thường ao ước được gặp ngài Văn-thù-sư-lợi. Sau khi mở cuộc bố thí lớn và đặt tòa cao xong thì có một ông lão rất xấu xí, mặt mày lem luốc đầy ghèn, nước mũi, đờm dãi ở trên tòa cao, Ca-la-việt mới có ý:

– Hôm nay tôi cúng dường tòa cao là quý trọng Sa-môn đạo đức ở trên đó; ông đâu phải là những vị ấy?

Nói rồi, liền kéo ông lão xuống đất.

Bố thí xong, Ca-la-việt thắp đèn, đốt hương dâng cúng Đức Phật trong chùa và nguyện: “Nguyện đem công đức này, ngay trong hiện đời cho con được thấy ngài Văn-thù-sư-lợi!”

Sau đó trở về nhà, quá mệt mỏi nên anh ta nằm ngủ thì mộng thấy có người bảo: “Muốn thấy ngài Văn-thù-sư-lợi mà lúc được thấy người cũng không biết! Ông lão trên tòa cao vừa rồi chính là ngài Văn-thù-sư-lợi. Người lôi ông ta xuống đất, như vậy trước sau bảy lần trông thấy mà người nào biết, chính mình đã nhiều lần được trông thấy ngài Văn-thù-sư-lợi!”

Người nào cầu đạo Bồ-tát thì phải nên có tâm

bình đẳng với mọi người. Ai cầu đạo Bồ-tát, ngài Văn-thù-sư-lợi thường đến thử thách. Hãy nên biết điều này!



8- Nói ví dụ cho sự vô thường: Có một cây to, quả nó bằng cái bình lớn. Lúc quả chín mùi, có một con quạ bay đến đậu trên cành cây; vừa mới đậu thì quả rơi xuống trúng vào đầu chết. Thấy vậy, thân cây nói kệ:

*Quạ đến không muốn chết
Quả rơi không hại quạ
Quả chín làm quạ chết
Đủ nhân duyên nên vậy.*

Tội phước của người ở thế gian đến nhanh hay chậm chứ không mất đi đâu cả. Người có trí dù bị tội cũng không oán, được phước cũng không vui mới chính là người tin sâu và luôn luôn thọ trì lời Phật dạy.

Trong ba cõi có chín mươi sáu đạo, người đời phụng thờ đạo là muốn Thiên thần ban lợi ích. Các đạo nhỏ này chưa hiểu được thế nào là phước, làm sao có thể giữ gìn đức độ? Sở dĩ như vậy là không biết sự cao sáng của Tam bảo và không giữ gìn năm giới thanh tịnh. Nếu không hiểu sâu Bát chánh đạo thì đâu có Thiên thần nào cứu giúp con người?

Thế nên gọi đó là ruộng phước mỏng vậy!



9- Cung kính Tam bảo, thông suốt ba đời, hiểu rõ phước thiên đàng, biết tội địa ngục, hết lòng kính tin Tam bảo cũng tránh khỏi ba đường. Dùng sức trí tuệ hùng mạnh làm tiêu tan ngu si tăm tối trong ba cõi, tu sáu nước tịnh thân để rửa sạch dơ bẩn của sáu bệnh. Cho nên có thể xem nhẹ tiền tài, bớt phần thân miệng để bố thí bình đẳng là trồng gốc rễ cho đời sau. Bố thí có một lần mà được quả báo đến vạn lần nhanh như tiếng vang dội lại. Thế nên nói đạo lớn là ruộng tốt trong ba cõi. Vì sao nói rõ việc ấy?

Thuở xưa, vua A-dục đã từng là một đứa bé. Trên đường gặp Đức Phật, đứa bé rất vui mừng, lấy một ít cát thành tâm dâng cúng Ngài. Do phước này nên được làm thánh vương trông coi mười sáu nước gồm bốn mươi vạn dặm. Vì thế nên nói rõ việc ấy. Đức Phật là ruộng tốt cùng tột!

Thuở xưa, vào thời Đức Phật Duy Vệ, Nan-đà, em của Đức Phật, do phước đức một lần tắm gội chúng Tăng mà được sinh vào dòng họ Thích, thân có ba mươi tướng tốt, dung mạo rực rỡ màu hoàng kim. Nhờ phước đức đời trước mà sinh cùng thời với Đức Phật, tinh tấn học đạo nên đắc lục thông.

Người xưa bố thí có một lần mà có quả báo lớn huống gì người đàn-việt bây giờ có thể làm nhiều việc? Nếu làm tất cả việc sẽ được tiếng tăm lớn thì họ càng thêm hoan hỷ cứu độ tất cả.



10- Đức Phật dạy: “Tinh thần ô nhiễm luôn luôn bị sinh tử nung nấu trong ức kiếp cho đến khi nào đắc đạo mới thôi.”

Sau khi Đức Phật Niết-bàn năm trăm năm có một vị quốc vương tinh tấn dũng mãnh hiếm có trên đời cúng dường một lúc ba tháng các thức ăn mùi vị thơm ngon nhất cho sáu vạn Sa-môn.

Vị Đạo nhân là Thượng tọa lớn nhất, thông suốt kinh điển lại thông kim bác cổ chứng A-la-hán.

Cách phía Đông nước này bốn trăm tám mươi dặm, có một quốc vương cúng dường cho năm trăm Bà-la-môn những thứ đồ ăn ngon nhất và làm một trăm thứ cờ phướn bằng lụa là xinh đẹp có trang hoàng nhiều vật quý báu bằng vàng mà giá trị một lá phướn là năm trăm lượng vàng.

Đức vua dùng kỹ nhạc để vui chơi trong buổi lễ và có ý định đem nhạc cụ quý giá ban cho những người biết sử dụng nó.

Nghe quốc vương kia có vật báu này, những người nghèo khó ở bốn phương tụ tập lại năm trăm người. Vì muốn lấy vật báu, trên đường đến tinh xá, họ luyện tập tài năng, học vấn kỹ thuật nhưng lương thực cạn sạch nên không đến được mới đến trước vị Thượng tọa cầu xin làm Sa-môn. Vị Thượng tọa quan sát thấy họ chính là hiền giả và gia nô thời Đức Phật Duy Vệ đã từng làm những

thức ăn uống cúng cho Đạo nhân. Thượng tọa lại nghe Đức Phật dạy rằng: “Từ đó đến nay, dù sinh lên cõi trời hoặc trong nhân gian họ đều hưởng phước báu tự nhiên.” Nay phước đã hết nhưng giáo pháp học được vẫn còn nên có thể độ những vị ấy được.

Sau khi được Thượng tọa cạo bỏ râu tóc, trao giới pháp, họ vào cung thọ thực rồi trở về rất vui vẻ.

Biết ý họ, sư nói:

– Không thể dối trá mà ăn cơm này được! Nếu người nào không thành thật mà ăn cơm này sẽ làm trâu, ngựa, đầy tớ cho vua trong nhiều kiếp.

Nghe việc này, năm trăm Tỳ-kheo mới thọ giới sợ hãi dộc lòng tinh tấn trong chín mươi ngày và đều được chứng A-la-hán.

Thầy Tỳ-kheo đã đắc đạo muốn tự mình nói rõ ngọn ngành liền đi nhanh kêu gọi mọi người vào cung vua cùng nhau tranh tài.

– Ba độc, mười hai nhân duyên, năm ấm, sáu thức ta đều diệt sạch; ai có thể cùng ta đối địch.

Mọi người đều ngạc nhiên:

– Thầy này nói vậy có ý nghĩa gì?

Các thầy Tỳ-kheo nói:

– Chúng tôi luyện tập tài năng, học vấn kỹ thuật là muốn lấy báu vật kia làm lợi dưỡng nhưng bây giờ làm Sa-môn, chúng quả A-la-hán đã diệt sạch

những tà vạ trong ba cõi. Nhờ ân Đại Sư nên chúng tôi đạt đến diệu lạc vô cùng.



11- Thuở xưa, có hai anh em ở trong một gia đình rất giàu có và nhiều thế lực nhưng cha mẹ qua đời sớm nên không còn ai để nương cậy.

Tuy là anh em nhưng tâm ý khác nhau. Người anh thích đạo nghĩa, còn người em thích sự nghiệp, chức tước quan quyền, bổng lộc, tham nhan sắc xinh đẹp ở đời.

Vì ở gần Ba-la-phất nên tiếng gà gáy cách tỉnh xá không xa. Người anh chuyên đi học hỏi kinh điển không lo toan việc nhà, còn người em thấy anh bỏ bê việc nhà nên thường oán ghét anh mình.

Cùng là anh em nhưng cha mẹ mất sớm, lẽ ra cần phải siêng năng chịu khó nghĩ đến việc sinh sống, trái lại người anh bỏ bê việc nhà đeo đuổi theo Sa-môn nghe kinh Phật. Sa-môn đâu có thể cho anh ta y phục, của cải? Vì thế mà nhà cứ dần dần nghèo túng, tài sản ngày càng sa sút nên bị mọi người cười chê cho là biếng nhác, làm tiêu tan hết nhà cửa.

Người em thưa với anh:

— Này anh, phàm làm con phải nên gây dựng sự nghiệp, tiếp nối công lao cha mẹ, không được bỏ phế mới là người con hiếu thảo!

Người anh bảo em:

— Em à, thọ trì năm giới, mười điều thiện, cúng dường Tam bảo, thực hành sáu độ, ngồi thiền, định niệm, đem đạo giáo hóa cho người thân mới là hiếu vậy!

Đạo, đời trái ngược nhau là số mệnh tự nhiên. Điều vui của đạo là điều ghét của đời; vật quý báu của đời chính là vật hèn mọn của đạo. Người trí, kẻ ngu tính toán không đồng nhau, giống như sáng tối nên không thể ở chung với nhau được. Vì vậy, người trí bỏ tối tìm sáng để đạt đạo chân thật. Điều mà em cho là vui thì đối với anh là khổ sở. Tất cả đều trống không, giả dối. Mê lầm tính toán có biết đâu là cực nhọc?

Người em nén giận, lắc đầu không tin. Thấy như vậy, người anh bảo:

— Em tham lam việc nhà lấy của cải làm quý, còn anh thích kinh điển lấy trí tuệ làm quý. Nay anh muốn xuất gia quy y ruộng phước! Xét ra mạng sống ở đời nhanh như bụi bay, vô thường chợt đến bị tội lỗi trôi buộc. Vì vậy, bỏ đời để tránh nguy hiểm được an vui.

Thấy ý chí người anh hướng tới đạo nghĩa, người em im lặng không trả lời. Người anh bỏ nhà ra đi, xuất gia làm Sa-môn, ngày đêm tinh tấn tụng kinh, suy nghĩ về đạo, nhất tâm ngồi thiền, phân biệt, tư duy không bao giờ lười biếng liền có đầy đủ căn lực, ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nhờ thực

hành đúng pháp nên chứng đạo quả, người anh đến chỗ em mình khuyến khích kính tin Phật pháp, giữ năm giới, tu mười điều thiện là căn bản sinh Thiên; còn bố thí, học hỏi giáo pháp là nền tảng của trí tuệ.

Nghe xong, càng thêm tức giận, người em trả lời:

– Này anh, anh tự mình bỏ bê, không còn tha thiết đến việc nhà, làm tiêu tan nhà cửa. Vậy anh có thể làm việc này một mình đi, đừng có dạy lại tôi! Anh ra khỏi nhà ngay, đừng xen vào việc của tôi!

Người anh liền bỏ đi, còn người em vì tham lam việc nhà nên cứ làm mãi không ngừng, không bao giờ để tâm vào Phật pháp. Sau đó, người em qua đời bị đọa làm một con trâu to lớn mập mạnh, được lái buôn mua về dùng chở muối đi bán.

Vì luôn luôn đi qua lại nên trâu mau gầy không còn mập mạnh như trước nữa. Quá mệt nhọc khi đi lên sườn núi cho nên hai chân nó khụy xuống, không đứng dậy được. Người lái buôn lấy roi đánh rồi lay đầu, nó mới động dậy.

Đang du hành trên không trung thấy cảnh như vậy, người anh suy nghĩ biết được sự việc, mới biết đó chính là em mình, liền bảo: Này em, nhà cửa, ruộng đất mãi mãi là niềm vui thích của em, sao bây giờ lại ở đây, lại đọa làm trâu thế?

Sau đó, người anh dùng oai thần soi sáng chỉ bày thân đời trước của nó. Nhờ biết được thân trước của mình, người em rơi nước mắt, tự trách trước đây làm điều ác, tham lam, keo kiệt, ganh ghét, không tin Phật pháp, khinh khi Thánh chúng, tâm ý buông lung không tin lời anh, trái với lời Đức Phật dạy, mạo phạm làm theo ý mình nên đọa trong loài trâu khổ nhọc hèn kém, hối hận đâu kịp!

Biết tâm niệm của em, người anh buồn rầu thương xót, liền gặp người chủ trâu nói rõ ngọn ngành của nó:

— Thưa ông, sự việc như thế, đây vốn là em tôi. Vì không tin Tam bảo, bỏ chánh theo tà, keo kiệt, phóng túng tham cầu không bố thí nên đọa làm trâu gầy yếu, khôn khổ, hèn kém rất đáng thương xót! Bây giờ, đã quá già nua, quá mỏi mệt không dùng được nữa, mong ông cho tôi, để tôi cứu giúp mạng thừa của nó!

Nghe vậy, người lái buôn đem cho, người anh dắt trâu đi về chùa bảo niệm Tam bảo và cho ăn uống theo thời.

Trâu chết được sinh lên trời Đạo-lợi. Lúc ấy, những người lái buôn đều tự nghĩ: “Chúng ta siêng năng khó nhọc kiếm sống không biết chán nhưng không thể bố thí lại, không tôn sùng Phật pháp, không biết đạo nghĩa, e rằng lúc chết không tránh khỏi đọa vào loài này.” Họ liền cùng nhau rời khỏi

nhà, từ bỏ vợ con, của báu, vui chơi, làm Sa-môn siêng năng tinh tấn, nên đều đắc đạo.

Do đó, thấy rằng tài sản thế gian không có lợi ích đối với con người mà chỉ có tôn kính Tam bảo, tu thân, học trí tuệ, nghe nhiều, hành đạo mới được an lạc đời đời.



12- Xưa kia, một người nghèo ở nước Xá-vệ có cây bồ đào trổ vài cành hoa, bà ta muốn cúng dường cho các Sa-môn, nhưng các vị Sa-môn này đã được quốc vương thỉnh thọ thực trước một tháng. Do thế lực của người nghèo này không bằng vua nên phải chờ đến một tháng mới gặp được một Sa-môn để cúng dường. Bà ta thưa với Sa-môn:

– Thưa Đại đức, con muốn cúng dường trước đây một tháng nhưng bây giờ mới được thỏa nguyện.

Vị Sa-môn nói với Ưu-bà-di:

– Bà hãy đem hết đồ trong một tháng ra cúng dường!

Vị Ưu-bà-di thưa:

– Thưa Đại đức, con chỉ có một cành bồ đào thôi làm sao cúng dường một tháng?

Vị Sa-môn nói:

– Nếu có ý niệm cúng dường trong một tháng là một tháng cúng vậy!

Có mười bảy việc rất khó đối với người thế

gian:

1. Ra đời trong thời gian có Phật.
2. Làm người mà được gặp Phật.
3. Được làm người sinh nơi hưng thịnh, văn minh.
4. Sinh trong gia đình dòng tộc nơi văn minh
5. Ở trong gia đình dòng tộc mà thân thể trọn vẹn đầy đủ.
6. Thân thể trọn vẹn đầy đủ mà tài sản giàu có.
7. Được tài sản lại có bạn tốt.
8. Được bạn tốt có trí tuệ.
9. Được trí tuệ lại có tâm tốt.
10. Được tâm tốt lại hay bố thí.
11. Giả sử có bố thí còn muốn gặp bậc Hiền thiện có đức.
12. Gặp được bậc Hiền thiện có đức lại thường xuyên đến chỗ họ
13. Đến chỗ họ được vừa ý.
14. Được vừa ý mà còn lắng nghe và hỏi những điều đúng đắn.
15. Được những điều đúng đắn mà còn mở mang trí tuệ.
16. Được mở mang trí tuệ, hay thọ trì các kinh điển cao sâu.
17. Hay thọ trì các kinh điển cao sâu mà còn nương vào đó để thực hành đắc đạo.



SỐ 205

KINH TẠP THÍ DỤ

*Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào
dịch phẩm đời Hậu Hán.*

QUYỀN THƯỢNG

1- Bồ-tát độ người ví như người mẹ khéo léo nuôi con có bốn điều:

1. Tắm rửa cho sạch sẽ.
2. Cho bú sữa no.
3. Nằm giường yên ổn.
4. Bồng ẵm ra vào làm cho vui vẻ.

Do bốn điều này hoàn thành được việc nuôi lớn con mình. Cũng như vậy, Bồ-tát có bốn điều nuôi dưỡng chúng sinh:

1. Dùng chánh pháp tắm gội tâm cầu uế.
2. Cho ăn uống kinh pháp đầy đủ.
3. Tùy thời dạy cho Thiền định tam-muội.
4. Lấy bốn ân làm lợi ích để tất cả chúng sinh thường được vui vẻ.

Đem bốn việc này khuyên lớn, dạy bảo tất cả để nuôi lớn chúng sinh đến chỗ đắc đạo.



2- Thế gian có hai hạng bạn bè, thường cùng với người làm nhân duyên để cho người mắc tội lớn và cũng được phước lớn. Hai loại bạn ấy là:

1. Bạn ác.
2. Bạn lành.

Thí như tướng cướp làm điều ác nghịch, giết vua hại cha, làm loạn thiên hạ, chúng sinh bị hại vô số, những kẻ hùa theo đều bị mắc tội. Như Đức Thích-ca Văn Bồ-tát phát tâm cầu đạo cứu giúp chúng sinh, dùng bốn tâm vô lượng, bốn ân tiếp giúp tất cả, ba cõi năm đường đều được cứu độ gọi là bạn lành. Nếu theo Ngài làm mọi việc sẽ được phước lớn.



3- Thuở xưa, trên bờ biển ở Nam Thiên trúc có một nước tên là Tư-ha-khiết, diện tích hơn tám vạn dặm. Lúc ấy, có một bà lão tên là A-long ở nước khác gặp nạn loạn lạc trôi dạt đến nước này. Vì đơn chiếc không nơi nương tựa, nên bà ta đi xin để sống. Bà đến nhà trưởng giả mong muốn nương cậy. Trông thấy bà lão, vợ trưởng giả hỏi thăm; bà lão trình bày đầy đủ sự khốn khổ của mình. Vợ trưởng giả thương xót nói với bà lão:

— Bà có thể ở lại nhà tôi, tôi sẽ giúp đỡ bà!

Bà lão vui mừng nói:

— Thưa bà, tôi không biết nói gì để đền đáp ân trên, xin bà cứ sai làm chút ít công việc, tôi không

dám ngồi không!

Bà lão ở lại nhưng trong lòng có lúc không vui. Vì ngày trước việc cúng dường chúng Tăng đều theo ý mình sắp xếp; còn bây giờ thoảng vậy đã nghèo khổ, tâm cúng dường không toại nguyện nên trong lòng buồn bã. Bà lão bèn đến trước vị Sa-môn thăm hỏi xong rồi thưa:

– Thưa ngài, không biết sáng nay chúng Tăng được cúng dường chưa?

Sa-môn đáp:

– Sáng nay, chúng Tăng đi vào thành, khát thực nhưng không được gì cả, thế nên họ trở về nghỉ ngơi rồi!

Bà lão suy nghĩ: “Ta muốn cúng dường cơm cho chúng Tăng nhưng chính mình không có gì cả” và thưa với Sa-môn:

– Thưa ngài, bây giờ con vào thành xem xét; nếu có ai cúng, con sẽ trở về thưa lại, còn không có ai con cũng sẽ báo tin!

Lúc ấy, chúng Tăng bằng lòng, ngồi nghỉ bên gốc cây. Bà lão vào nhà thưa với vợ vị trưởng giả:

– Thưa phu nhân, tôi cần dùng vài ngàn đồng! Tuy bây giờ tôi ở đây làm việc nhưng muốn bán thân mình trọn đời làm nô tỳ nên có thể làm cam kết.

Vợ trưởng giả hỏi:

– Bà ở đây, cơm áo có tôi lo liệu còn dùng tiền

làm gì?

Bà lão thưa:

– Thưa phu nhân, tôi cần dùng gấp, không thể nói được!

Thế rồi, vợ trưởng giả lấy tiền đưa cho bà ta rồi nói: Bà hãy cầm đi, khi nào có thì trả lại. tôi cầm tờ cam kết làm gì?

Có được tiền, bà lão đến bạn bè quen biết trước kia, đem hết sự tình kể lại, rồi lấy tiền giao phó mọi người, nhờ sáu mươi nhà làm giúp cơm cúng dường. Trong chốc lát đã làm xong, bà lão đem đến chỗ các vị Sa-môn.

Vốn không định trước, nhưng do lòng chí thành nên mới được vậy. Sa-môn lấy làm lạ trước sự siêng năng của bà vượt quá mức tưởng tượng, liền hỏi:

– Này bà lão, bà ở chỗ nào? Chứ sáng sớm chúng tôi đi khát thực khắp nơi nhưng tại sao không gặp?

Bà lão thưa lại đầy đủ đầu đuôi mọi việc:

– Thưa ngài, con là người của nước đó. Trước kia, gia đình con tôn kính Phật và cúng dường chúng Tăng nhưng gặp thời loạn lạc nên trôi dạt đến đây, nhà cửa và gia đình mất hết chỉ còn đơn chiếc một mình, nên phải nương nhờ vào nhà trưởng giả nước này, làm người giúp việc để có cơm ăn áo mặc. Thân không có gì nên phải nhờ vả!

Con không có một đồng nhưng vừa rồi gặp Sa-môn thì buồn vui lẫn lộn, trong lòng có điều mong muốn nhưng sợ ước nguyện không có kết quả nên thưa với phu nhân tự bán thân mình để cầu xin chút ít tiền làm cơm cúng dường chúng Tăng. Phu nhân nhân từ, cảm động thương xót nên con được mãn nguyện!

Vị Sa-môn khen ngợi:

– Thật đáng gọi là hết lòng tin tưởng cúng dường!

Chúng Tăng nói với nhau:

– Chúng ta cũng là thân năm ấm đi khát thực nhưng bữa thọ trai hôm nay chính là ăn thịt người, vậy nên phải định ý để đền đáp công đức cúng dường!

Mọi người đều quyết tâm nhập tám Bối xả, tinh tấn cảm ứng vượt qua định, đắc được siêu định, thần túc oai linh, chân động cảnh giới, cây cối uốn mình giống như quỳ lạy.

Sau khi chứng đắc, các Sa-môn khen ngợi thí chủ.

Kinh ngạc về sự việc này, quốc vương liền triệu tập quần thần đến thương nghị. Vì sao có điềm lành này? Lý do nào có sự việc này? Các quan đi khắp nơi tìm rõ nguyên do thì thấy ở ngoài cửa thành có nhiều Sa-môn tụ tập được mọi người vui vẻ cúng dường tấp nập. Họ liền vào tâu với đức vua:

– Tâu Đại vương, đúng thực là sự việc này!

Đức vua bảo:

– Hãy cho mời họ vào!

Các quan ra ngoài tuyên lệnh vua; bà lão sợ hãi cho rằng: “Có phải chẳng là tai họa?” Bà thưa với quan:

– Thưa các ngài, thân tôi đã lệ thuộc vào phu nhân của trưởng giả không còn được tự do, xin các ngài trở về tâu lại!

Đức vua bảo:

– Mời cả hai cùng đến!

Khi nghe vua ra lệnh, vợ trưởng giả cùng bà lão lập tức đến chỗ vua. Đức vua hỏi ý bà lão, bà lão kể đầy đủ đầu đuôi mọi việc cho đức vua nghe. Vua nói:

– Ta là vua một nước, giàu có quyền lực nhưng không biết tôn kính Tam bảo, cúng dường đạo sĩ; còn bà lão này làm cảm ứng đến như vậy!

Vua nói:

– Bà lão này là thầy của ta!

Vua rước bà vào cung, cho tắm gội nước thơm rồi tôn lên làm thầy. Đích thân đức vua và hai vạn cung phi thế nữ thọ giới. Đức vua làm Ưu-bà-tắc, còn hoàng hậu và thế nữ làm Ưu-bà-di. Tất cả mọi người trong nước đều phát đạo tâm.



4- Thuở xưa có một Tỳ-kheo vào chốn núi non

học đạo. Trong núi có nhiều rắn độc, Tỳ-kheo sợ rắn mới trải đệm cao ở dưới một gốc cây ngồi thiền định, nhưng khổ nổi không thể nào kiềm chế được cơn buồn ngủ. Thiên thần ở trên hư không cười để đánh thức nhưng thầy ấy vẫn ngủ say. Nhân đó, Thiên thần muốn tìm cách làm thầy ấy sợ để không còn buồn ngủ nữa. Chờ tới tối, Thiên thần kêu lên: **Ồi!Ồi! Thầy ơi, rắn độc đến!”**

Thầy Tỳ-kheo sợ quá, đốt đuốc tìm khắp nhưng không thấy. Thiên thần cứ làm mãi khiến thầy Tỳ-kheo càng tức giận nói:

– Tại sao Thiên thần phạm tội nói dối? Ta đã tìm nhưng không thấy rắn độc đâu hết. Tại sao lại cứ nói rắn độc?

Thiên thần nói với thầy Tỳ-kheo:

– Sao thầy không tự nhìn rắn độc ở bên trong? Trong thân mình có bốn con rắn độc không chịu trừ; tại sao cứ tìm kiếm nó ở bên ngoài?

Nghe Thiên thần nói, thầy Tỳ-kheo tự quan sát khắp thân thể mình mới biết tám thân tứ đại bị năm ám, sáu suy (*trần*) làm chìm đắm từ vô số kiếp đến nay chưa từng giải thoát, liền hiểu được bốn Đế, Khổ, Không, Vô ngã. Trời chưa sáng thì các lậu hết sạch, tâm giải thoát, sáu thông đầy đủ chứng đắc La-hán.



5- Xưa kia vua A-dục xây một ngàn hai trăm

chùa tháp ở trong nước. Về sau, đức vua bị bệnh rất nguy khốn thì có một Sa-môn đến thăm ngài. Thấy vua buồn bã không nguôi, vị Sa-môn thưa:

– Thưa Đại vương, việc làm công đức của ngài, trước sau đã không đếm hết được, nay nên mở rộng tâm ý chớ có hối tiếc.

Đức vua nói:

– Giả như cái chết đến, trẫm cũng không có gì hối hận! Sở dĩ trẫm buồn là vì trước đây, trẫm đã xây một nghìn hai trăm ngôi chùa, cũng đã dặt một ngàn hai trăm cò lọng bằng vàng nên muốn tự mình treo cò rải hoa. Các vật trong chùa mới làm xong thì ta bị bệnh nặng e rằng không đạt được bốn nguyện cho nên tự mình buồn rầu vậy!

Sa-môn thưa với vua:

– Tốt lắm! Xin Đại vương hãy chấp tay lòng thành, tôi sẽ làm cho ngài thấy hết cảnh vật trong tháp!

Sa-môn liền hiện thần túc, ngay lúc ấy một ngàn hai trăm ngôi tháp đều ở trước mặt đức vua.

Thấy xong, đức vua rất vui mừng liền hết bệnh. Ngài lấy cò, hoa bằng vàng treo lên tháp. Chùa tháp đều cúi xuống để đưng vào tay vua.

Được toại nguyện lại còn lành bệnh, đức vua phát tâm lớn, thỏa thích làm công đức, đeo đuổi không hề thoái lui trong suốt hai mươi lăm năm.



6- Trước đây, khi A-dục được phong lên làm vua, khắp lục địa rộng hai mươi tám vạn dặm, các Long vương. Duyệt-xoa đều thần phục không dám trái mệnh. Chỉ có một Long vương ở vùng ao rộng hơn ba trăm dặm thuộc địa phận phía Bắc được một phần xá-lợi của Đức Phật ngày đêm lo cúng dường, không chịu hàng phục vua A-dục.

Đức vua cử bốn binh chủng đến trên ao đó nhưng Long vương không ra. Vì Long vương có oai thần, cho nên đức vua cũng không thể tiến lên được. Đi ba lần như thế cũng không làm gì được Long vương, vua nghĩ: “Vì bậc có oai thần đó phước lớn hơn ta. Bây giờ ta nên làm nhiều công đức, cúng dường Tam bảo; rồi mới đến, chắc chắn ta sẽ bắt được, không sợ gì nữa.”

Thế rồi, đức vua xây dựng chùa tháp rộng lớn, luôn luôn thỉnh nhiều chúng Tăng. Muốn dò thử công đức của mình, vua làm một con rồng vàng và làm thân hình của đức vua rồi đặt lên hai đầu cân, cân cái nào nhẹ, cái nào nặng.

Đức vua bắt đầu làm công đức rồi cân hai tượng; nhưng rồng nặng, vua nhẹ; sau cân lại thì hai bên bằng nhau.

Đức vua lại tiếp tục làm công đức rồi sau đó đem cân thì vua càng ngày càng nặng, còn rồng càng ngày càng nhẹ. Biết công đức mình ngày càng nhiều, đức vua đem binh đến đánh, chưa đến nửa

đường thì Long vương, lớn, nhỏ đều tôn kính nghênh tiếp quy phục và dâng lên đức vua một phần xá-lợi Phật mà mình có.

Vua A-dục lại tiếp tục xây dựng, sửa chữa chùa tháp và mở rộng Phật pháp.



7- Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn một trăm năm, có vua A-dục mến mộ Phật pháp. Trong nước có hai vạn Tỳ-kheo, Đức vua thường cúng dường họ. Do đó, chín mươi sáu phái ngoại đạo có ý ganh ghét, toan tính muốn làm bại hoại Phật pháp. Họ cùng nhau hội họp suy nghĩ mưu chước. Trong đó có một người giỏi về ảo thuật, nói với mọi người:

– Tôi muốn giả làm con quỷ dữ hung bạo; Sa-môn nghe thấy nó nhất định chết và biết mình không bằng họ, nên chắc chắn sẽ quay về đạo của chúng ta thôi!

Có đạo khác thờ thần tên gọi là Ma-di-thủ-la, thần có một đầu, bốn mặt, tám mắt, tám tay; đứng đầu các quỷ trông rất đáng sợ.

Phạm chí hóa làm thân này dẫn đầu hơn hai trăm con quỷ xấu xí, nghênh ngang đi khắp trong nước, rồi kéo đến trước cửa quan. Mọi người trong nước đều sợ hãi. Đức vua ra đón tiếp, thấy quỷ rất hung dữ, ngài nhỏ nhẹ hỏi:

– Đại thần đến đây chẳng hay có điều gì muốn sai bảo?

Quỷ nói với vua:

– Ta muốn ăn thịt người!

Vua nói:

– Không thể được!

Quỷ nói:

– Nếu ngài tiếc mọi người thì trong nước ngài có người nào vô ích, ngài giao cho ta ăn vậy!

Vua nói:

– Không có!

Quỷ nói:

– Các Sa-môn không làm ruộng không đi lính, cũng không làm quan chức cho vua, đây là những người vô ích, hãy giao họ cho ta ăn thịt!

Trong lòng không vui nhưng bất đắc dĩ, đức vua phải sai sứ đến Kỳ hoàn nói rõ sự việc này. Trong hai muôn Tỳ-kheo có một Sa-di nhỏ nhất tên Đoan Chánh mười ba tuổi thừa với các Tỳ-kheo:

– Thừa chư Đại đức, con phải đi ứng đối vậy!

Các thầy Tỳ-kheo cho phép, Sa-di ra ngoài thừa với các vị Duy na:

– Thừa Đại đức, nếu có Phạm chí nào đi vào Kỳ hoàn xin Đại đức hãy cạo đầu cho họ đừng để sót một người nào cả!

Sau đó đến chỗ quỷ, Sa-di nói:

– Này quỷ thần, biết người đến muốn ăn thịt chúng ta! Ta là người nhỏ nhất trong chúng Tăng

nên được sai tới trước hết; còn các thầy Tỳ-kheo khác sẽ theo thứ lớp đến sau.

Sa-di lại nói:

– Ta đi từ sáng sớm đến giờ chưa ăn gì hết, các người hãy cho ta ăn một bữa cơm thật no nê rồi hãy ăn thịt ta!

Quý thần đồng ý cho Sa-di ăn. Khi ấy, Phạm chí a dua theo quỷ cũng có hơn hai vạn người, đức vua làm nhà bếp lớn cho những vị ấy. Sa-di liền lấy phần ăn của hai vạn người đó bỏ hết vào miệng, rồi dùng thần túc đem đến Kỳ hoàn nên vẫn chưa no, lại nuốt luôn hai vạn Phạm chí vào, rồi cũng dùng thần túc đem đến Kỳ hoàn.

Bấy giờ Phạm chí hóa ác quỷ quá sợ hãi hiện lại thành người cúi đầu tạ tội xin làm đệ tử. Các Tỳ-kheo cạo tóc và thuyết kinh pháp cho các Phạm chí, họ đều đắc quả La-hán.

Mọi người trong nước không thể không vui mừng vì được phước và được độ. Đức vua suy nghĩ: “Một vị Sa-di nhỏ còn có năng lực đến thế huống gì trong biển Đại thừa chỗ nào không có những vị ấy! Ta nên phát đạo tâm Vô thượng chánh chân.”

Từ đó trở đi Phật pháp trở nên hưng thịnh không bị hoại cho đến bây giờ.



8- Thuở xưa, có một quốc vương thích ăn thịt

người, ra lệnh cho đầu bếp:

– Buổi tối các người đi bắt lén người để cung cấp cho nhà bếp!

Vì đức vua thường xuyên làm việc này nên sau đó các quan biết được đều cùng nhau trục xuất ông ta ra khỏi nước và tìm người tài giỏi lương thiện lên làm vua.

Mười ba năm sau, vua ăn thịt người mọc hai cánh bay đi ăn thịt người bắt kẻ xa gần. Vào trong rừng đến chỗ thần sơn thọ cầu phúc, vua ăn thịt người suy nghĩ: “Ta phải bắt năm trăm quốc vương để tế thần sơn thọ thì mới có thể trở về nước làm vua.” Sau đó vua ăn thịt người bay đi, bắt được bốn trăm chín mươi chín người đem đến hang núi, lấy đá lấp miệng hang lại.

Lúc ấy, có một quốc vương cùng các quan vào hậu cung đến chỗ tắm rửa vui chơi. Mới ra cửa cung thì gặp Sa-môn nói kệ cầu xin, vua liền hứa khi trở lại cung điện sẽ lấy vàng bạc ban cho.

Khi vua xuống ao tắm rửa thì vua ăn thịt người từ không trung bay đến ôm vua đi vào trong núi. Thấy vua ăn thịt người, quốc vương không có chút gì sợ hãi, sắc mặt vẫn bình thường.

Vua ăn thịt người nói:

– Ta phải bắt năm trăm người đem tế trời nhưng mới có bốn trăm chín mươi chín người, nay chỉ còn một mình người là đủ số cần phải giết để tế trời!

Người biết thế tại sao không sợ?

Quốc vương đáp:

– Con người có sống thì phải có chết, vật có thành thì có hoại, có hợp thì có chia ly, đem phân tích chúng thì không có gì buồn cả! Sáng sớm, khi ra khỏi cung điện, trên đường gặp Sa-môn nói kệ, tôi hứa cúng dường nhưng chưa cúng được do đó lấy làm hối hận! Bây giờ xin vua mở rộng lòng lượng thứ cho phép tôi bố thí trong vài ngày rồi trở lại, thế không dám sai hẹn!

Vua ăn thịt liền cho quốc vương đi nhưng bảo:

– Ta hẹn ngươi bảy ngày, nếu không trở lại thì ta đến bắt ngươi cũng không có gì khó!

Quốc vương trở về cung điện, tất cả đều vui mừng. Ngài liền mở kho tàng bố thí khắp cả xa gần rồi phong thái tử lên làm vua và an ủi trăm họ từ biệt ra đi.

Từ xa trông thấy quốc vương đến, vua ăn thịt người nghĩ: “Đây không phải là người kỳ lạ sao? Từ chết được sống mà vẫn cố trở lại”, liền hỏi:

– Nay, thân mạng được người đời quý trọng nhất sao ngươi lại xả bỏ?

Quốc vương đáp:

– Tín là điều khó có trên đời, nếu không xét kỹ điều đó làm sao giữ được ý chí? Tôi xin nói ý mình: “Tôi đem lòng từ thiện bố thí, chí thành giữ đúng lời hứa sẽ thành Chánh giác, độ khắp mười

phương!”

Vua ăn thịt người hỏi:

– Thế nào là ý nghĩa của sự cầu Phật?

Quốc vương nói rộng Năm giới, Mười điều thiện, Bốn vô lượng tâm, Sáu độ.

Vua ăn thịt người bừng tỉnh, xin thọ năm giới làm Ưu-bà-tắc; sau đó thả bốn trăm chín mươi chín người trở về nước.

Các vua đều đi theo đến nước của vị quốc vương này. Vì cảm kích vua giữ đúng lời hứa mà họ được cứu mạng nên không một ai chịu trở về nước mình, họ đều ở lại nước này. Tại đây, đức vua xây cho mỗi người một căn nhà chạm trổ lộng lẫy, trang sức đẹp để theo đúng phép một vị vua và việc ăn, ở, mặc cũng đều giống vua. Người ở bốn phương đến hỏi:

– Tại sao có những cung vua như thế này ở khắp trong nước?

Mọi người đáp:

– Đó là nhà của các vua.

Sự việc này lan truyền khắp nơi, từ đó trở đi có tên là thành Vương xá.

Sau khi đắc đạo, Đức Phật nói rõ ngọn ngành:

– Vua giữ chữ tín là Ta, còn vua ăn thịt người là Ương-quật-ma!

Ngài trở về Vương xá thuyết pháp độ vô lượng chúng sinh. Đó là sự kiện của người lúc còn làm

vua vào đời trước.

Khi Đức Phật kể lại việc này, tất cả đều vui mừng, được phước, được độ vô số kẻ.



9- Thuở xưa, trên núi Tuyết có bạch tượng vương, thân có sáu ngà, làm chúa tể hai vạn con voi.

Bạch tượng vương có hai phu nhân, một con lớn tuổi, còn một con nhỏ tuổi. Mỗi khi đi chơi thì hai phu nhân đều kẻ cựa hai bên.

Trên đường dạo chơi, gặp một cây lớn có nhiều hoa đẹp, tượng vương muốn hái để trang sức cho hai phu nhân nên dùng vòi uốn lấy cành cây và lắc. Gió thổi, hoa chỉ rơi trên mình phu nhân lớn còn phu nhân nhỏ ở dưới ngọn gió nên không được hoa nào cả. Cho là vua có ý thiên vị nên phu nhân nhỏ sinh ác ý.

Về sau, trong ao voi chúa có mọc một hoa sen ngàn cánh màu hoàng kim, voi nhỏ trông thấy liền hái dâng lên voi chúa. Voi chúa đem tặng cho phu nhân lớn cài trên đầu; phu nhân nhỏ càng thêm tức giận muốn hại voi chúa.

Trong núi Tuyết có nhiều đạo sĩ, phu nhân nhỏ hái trái cây ngon cúng dường cả trăm vị Bích-chi-phật.

Về sau, phu nhân nhỏ đến một chỗ hiểm trên núi cao thề nguyện: “Con đem tất cả công đức

trước sau cúng dường các vị Bích-chi-phật, nguyện phước báo sinh làm người, có nhiều tài sức, nhiều thể lực, biết đời trước của mình và sẽ giết tượng vương”, rồi nhảy xuống núi chết. Thần thức đi đâu thai, làm con gái của một trưởng giả, trí tuệ thông minh, biết xa hiểu rộng lại xinh đẹp không ai bằng.

Cô gái lớn lên được đức vua cưới làm phu nhân và rất yêu quý cô ta. Phu nhân nghĩ: “Bây giờ, ta thật sự báo được oán đời trước!” rồi lấy hạt dành dành bôi vàng mặt, năm vật vãi kêu bệnh.

Đức vua vào thăm hỏi, phu nhân thưa:

– Tâu hoàng thượng, buổi tối thiếp nằm mộng thấy voi sáu ngà nên muốn lấy ngà ấy làm trâm cài tóc! Nếu hoàng thượng không lấy được ngà này thì bệnh của thần thiếp ngày càng nặng thêm.

Vốn yêu quý phu nhân nên không dám trái ý bà, đức vua cho mời vài trăm thợ săn trong nước đến và hỏi họ:

– Các người ở trong núi có thấy voi trắng sáu ngà không?

Bọn thợ săn thưa:

– Tâu Đại vương, chúng con chưa bao giờ thấy cả!

Vì cả bọn thợ săn đều thưa như vậy, phu nhân nghe được rên la, làm đức vua thêm buồn bã.

Phu nhân nói:

– Ở gần đây, thật không có loại voi này nhưng trong số các người, ai có thể chịu khổ đi tìm?

Có một người quỳ xuống thưa:

– Tâu phu nhân, con có thể!

Thế rồi, phu nhân ban cho hắn một vạn lượng vàng, móc sắt, búa, đục và đủ cả một bộ pháp y rồi bảo:

– Đi thẳng vào núi Tuyết, trên đường gặp một cây lớn, hai bên có một con trăn dài vài trăm trượng, người không nên đến gần mà hãy dùng búa đục khoét cây đi xuyên qua. Đi tới trước, người sẽ thấy một dòng nước lớn, nếu có cây cối trôi trên mặt nước thì lấy móc câu sắt lên, đem cành đến trước chỗ tượng vương ở, xem nó thường ở chỗ nào thì đào ngay chỗ đó một cái hầm sâu, dùng cỏ che lên trên, rồi núp đợi tượng vương đến, lấy tên bắn nó rồi lập tức khoác áo ca-sa lên người theo pháp Sa-môn. Vì tôn kính Tam bảo, tượng vương nhất định không làm hại người!

Được chỉ dạy xong, người thợ săn lập tức lên đường. Được bảy năm, bảy tháng, bảy ngày mới đến chỗ tượng vương ở. Ông ta đào một cái hầm rồi nấp ở đó. Trong chốc lát, tượng vương trở về; người thợ săn lấy tên độc bắn nó.

Vì bị trúng tên độc nên không thể đi xa được, tượng vương dùng vòi mò ven bờ đất thì thấy trong hầm có người liền hỏi:

– Người là ai?

Người thợ săn sợ quá, tự thú tội:

– Thưa ngài, tôi là người được tuyển chọn!

Biết việc này do phu nhân làm, tượng vương tự nhủ ngà mình đưa cho người thợ săn và nói:

– Người hãy đem về đi! Nếu để đàn voi thấy, chúng sẽ giết người! Hãy đi mau, tất cả đàn voi tìm dấu vết mà đuổi theo người!

Nhờ tượng vương dùng oai thần giúp đỡ nên trong bảy ngày người thợ săn ra khỏi địa phận đó. Khi về đến nước mình, người thợ săn lấy ngà voi dâng lên phu nhân. Được ngà, phu nhân xem xét thật kỹ. Vừa vui, vừa hối hận, không bao lâu bà ói máu chết.

Khi còn tại thế, Đức Phật Thích-ca thuyết pháp cho một hội chúng lớn gồm Trời, Rồng, Quỷ thần, bốn hàng đệ tử. Trong đó có một đại Tỳ-kheo-ni, từ xa trông thấy Đức Phật thì cười lớn và chốc lát lại khóc âm lên. Trong chúng đều lấy làm lạ, ngài A-nan mới thưa hỏi Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, tại sao Tỳ-kheo-ni này chứng đắc A-la-hán và vì lý do gì vừa vui, vừa buồn mà không tự kiểm chế được? Con muốn nghe việc ấy!

Đức Phật bảo A-nan:

– Đây A-nan, lúc bấy giờ bạch tượng vương chính là thân Ta, còn phu nhân lớn bây giờ là Cù-

di và phu nhân nhỏ là Tỳ-kheo-ni này! Nhờ được thần thông nên biết được việc trước kia. Còn buồn là vì có tâm sự không vui; còn cười là xưa kia đã giết hại người tốt mà nay lại được đắc đạo.

Nghe xong, chúng hội đều suy nghĩ: “Dù làm điều ác độc đối với Đức Thế Tôn nhưng vẫn còn được Ngài cứu độ, huống gì làm được những việc đạo đức?”

Tất cả hội chúng đều phát đạo tâm Vô thượng chánh chân, nguyện độ tất cả chúng sinh khắp mười phương.



10- Thuở xưa, vì nhận lời mời của Tư-kiệt nên Đức Phật đến nước Khòa. Nước đó ở gần biển nên rồng hay nổi mây mưa. Sợ nước nhận chìm mọi người nên sau khi thọ trai xong, Đức Phật dẫn chúng Tăng đến ao A-nậu-đạt.

Sau khi cùng đại chúng an tọa, Đức Phật nói:

– Xá-lợi-phất không có ở đây!

Thiên đế nghĩ: “Tả hữu của Đức Phật thường có bậc Trí tuệ thần túc giúp Ngài thêm sáng chói.” Biết được ý niệm đó, Đức Thế Tôn bảo ngài Mục-liên:

– Này Mục-liên, thầy hãy đi gọi Xá-lợi-phất đến!

Ngài Mục-liên đánh lễ rồi đi. Ngài Xá-lợi-phất đang vá pháp y; ngài Mục-liên đến thưa:

– Thưa ngài Xá-lợi-phất, Đức Phật ở đại hội chư Thiên tại ao A-nậu-đạt, sai tôi đến đây gọi thầy. Xin thầy đến đúng lúc!

Ngài Xá-lợi-phất nói:

– Thưa ngài Mục-liên, xin thầy đợi tôi vá y xong đã!

Ngài Mục-liên đáp:

– Nếu thầy không đi ngay, tôi sẽ dùng thần túc đem thầy và cả động đá này đặt trên bàn tay phải và đem đến chỗ Đức Phật!

Ngài Xá-lợi-phất liền mở đai lưng đang mặc đặt xuống đất rồi nói với ngài Mục-liên:

– Nếu ngài có thể làm dây đai rời khỏi đất thì mới nhắc tôi lên được.

Ngài Mục-liên liền nhắc lên nhưng chỉ làm mặt đất lay động còn dây đai không hề nhúc nhích. Ngài Mục-liên liền dùng thần túc trở về chỗ Đức Phật nhưng ngài Xá-lợi-phất đã đến ngồi trước bên Đức Phật. Ngài Mục-liên mới biết sức thần túc không bằng sức trí tuệ.

Lúc bấy giờ, trong hội chúng có một thầy Tỳ-kheo đeo hoa Tu-mạn nơi tai, làm mọi người đều nghi ngờ: “Pháp của Tỳ-kheo là không được trang sức bằng hoa, tại sao thầy Tỳ-kheo này lại đeo hoa?”.

Thiên đế bạch Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, không biết thầy Tỳ-kheo

này tại sao lại đeo hoa?

Đức Phật bảo thầy Tỳ-kheo:

– Hãy phân phát hoa trong tai của thầy đi!

Nghe Đức Phật dạy, thầy Tỳ-kheo lấy hoa trong tai của mình ra nhưng hoa vẫn có lại như cũ. Thầy cứ lấy mãi như thế nhưng trong tai vẫn có hoa. Thấy vậy, Đức Phật bảo thầy Tỳ-kheo là hãy dùng thần túc lấy nó ra. Thầy Tỳ-kheo dùng sức Tam-muội hóa ra ngàn vạn tay ở trong hư không lấy hoa trong tai ra, nhưng hoa vẫn còn mãi. Trong chúng mới biết là do đạo đức chứ chẳng phải là tai đeo hoa.

Thiên đế Thích bạch Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài nói rõ ngọn ngành việc ấy để chúng hội khỏi nghi ngờ!

Đức Phật bảo trời Đế Thích:

– Cách đây chín mươi một kiếp, thời Đức Phật Duy Vệ, khi Ngài thuyết pháp cho hội chúng lớn thì có một người say rượu ở trong hội lắng nghe kinh. Vì vui mừng nên ông ta lấy hoa đeo trên tai tung lên Đức Phật, đánh lễ rồi đi. Sau khi qua đời, trong chín mươi một kiếp được sinh lên trời hoặc trong nhân gian hưởng phước không còn trở lại ba đường ác nữa. Muốn biết người thời đó là ai thì hiện nay chính là thầy Tỳ-kheo này vậy! Tung một bông hoa cúng Phật hưởng phước cho đến bây giờ được đắc đạo vẫn chưa hết!

Trời Đế Thích bạch Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, xưa kia người say rượu không thọ giới cũng không tu tập sáu pháp Ba-la-mật chỉ có một lần tung hoa mà được hưởng phước đến chín mươi một kiếp cho đến nay vẫn còn hưởng gì nhiều lần cúng dường Đức Phật!

Đức Phật bảo trời Đế Thích:

– Nên biết Đấng Nhất Thiết Trí làm lợi ích cho tất cả chúng sinh như thế!

Nghe Đức Phật dạy như vậy, tất cả hội chúng rất vui mừng, đều phát đạo tâm Vô thượng chánh chân.



11- Thuở xưa, khi mới đắc đạo, Đức Phật giáo hóa chúng sinh, tất cả đều được Ngài cứu giúp nhưng chỉ riêng vua nước Xá-vệ là không tin hiểu.

Tỉnh xá Đức Phật và khu vườn của đức vua chỉ cách nhau một bức vách và ở gần dòng sông. Tỉnh xá có hơn ba trăm Sa-di thường làm việc cho Tam bảo. Khi được lệnh của thầy Duy na sai, các Sa-di đem bình đến sông múc nước. Đến bờ sông, họ cỡi ca-sa làm nhà và đùa giỡn với nhau.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc và phu nhân đang ngồi trên lầu trông thấy các Sa-di đùa giỡn với nhau như thế, đức vua nói với phu nhân:

– Này ái khanh, nguyên do trẫm không tin Cù-đàm là vì các đệ tử của Cù-đàm tự cho là thanh tịnh

không có phiền não, thế mà bây giờ họ vui đùa không khác gì ta cả, như thế còn nói đúng ở chỗ nào?

Phu nhân thưa:

– Tàu bệ hạ, ví như rồng rắn trong biển, pháp Đại thừa cũng lại như vậy. Có người đắc đạo cũng như có người chưa đắc đạo, không thể nào nói như nhau được!

Phu nhân nói chưa xong thì các Sa-di đã mặc xong y phục, lấy nước đi về tịnh xá. Ngay lúc ấy, họ dùng thần túc đưa ba trăm bình nước lên hư không rồi bay theo về tịnh xá.

Phu nhân liền chỉ cho vua và nói:

– Thưa bệ hạ, ngài chưa hiểu tường tận! Bây giờ ngài thấy thần túc của họ là như thế nào rồi?

Trông thấy vậy, đức vua rất vui mừng, liền xuống lầu cùng với quần thần, bá quan đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ, quy y sám hối lỗi lầm. Đức Phật thuyết pháp cho họ. Vua, phu nhân và tất cả chúng hội đều phát đạo tâm Vô thượng chánh chân.



12- Thuở xưa, có vị trưởng giả Phạm chí ở nước Xá-vệ ra thành dạo chơi, di chuyển đến gần Kỳ hoàn. Biết vị ấy có công đức, có thể độ được, Đức Phật đến ngồi dưới một gốc cây, phóng ánh sáng lớn, chiếu sáng cả khu vực Kỳ hoàn. Cây cối,

đất đá đều có màu hoàng kim.

Thấy ánh sáng, trưởng giả hỏi người hầu:

– Đây là ánh sáng gì vậy?

Người hầu thưa:

– Thưa ông, con không biết!

Trưởng giả nói:

– Không phải là ánh sáng của mặt trời sao?

Người hầu thưa:

– Thưa ông, ánh sáng mặt trời nóng, còn ánh sáng này mát mẻ điều hòa, không phải là ánh sáng mặt trời đâu ạ!

Trưởng giả lại hỏi:

– Không phải là ánh sáng của lửa sao?

Người hầu thưa:

– Thưa ông, không phải là ánh sáng của lửa! Lửa thì lung lay không đứng yên, còn ánh sáng này sáng êm dịu không giống như ánh sáng của lửa.

Người hầu suy nghĩ mới biết được ánh sáng đó liền thưa với trưởng giả:

– Thưa ông, đây là ánh sáng đạo đức của Sa-môn Cù-đàm!

Trưởng giả liền nói:

– Đừng nói điều đó với ta, ta không thích Cù-đàm, hãy mau quay xe trở về!

Đức Phật liền biến hóa ba phía đều tự nhiên có khe suối lớn, không thể qua được, chỉ có một con

đường thẳng ở trước Đức Phật là không có gì cản trở.

Người hầu thưa:

– Thưa ông, bên phía Ngài Cù-đàm có đường đi qua được!

Bất đắc dĩ phải tiến xe tới trước, từ xa trông thấy Đức Như Lai, trưởng giả lấy quạt che mặt lại.

Đức Phật lại dùng thần lực làm cho ông ta thấy xuyên suốt cả trong ngoài. Mắt nhìn thẳng vào Đức Phật thì liền tỏ ngộ; ông ta bắt đầu xuống xe đánh lễ Ngài.

Đức Phật thuyết pháp, ông ta phát khởi đạo tâm Vô thượng chánh chân, liền được Bất thoái chuyển.

Người bỏ đi, không quan tâm tới Đức Phật còn được đạo tuệ hướng gì đối với người có lòng tin?



13- Thuở xưa, ở nước Ba-la-nại có tám vị đại lực sĩ, sức lực một người tương đương với sức sáu mươi con voi. Trong đó chỉ có một người biết nhiều quyền biến binh pháp kỳ lạ, biết đầy đủ sáu mươi bốn pháp văn võ. Vì thế ông ta tự thị không sợ gì cả.

Thấy người đó chắc chắn đi vào đường ác, Đức Phật đến nơi người đó ở để hóa độ.

Người giữ cổng vào thưa:

– Thưa ông, ở ngoài có Ngài Cù-đàm muốn đến

gặp ông.

Nghe thừa, lực sĩ nói với các người hầu ở hai bên:

– Trí tuệ của Cù-đàm đầu thế hơn ta, lại cũng không bằng ta!

Lực sĩ bảo người gác cổng:

– Người hãy ra đuổi đi, ta không thể gặp ông ta.

Ba lần đến trước cửa nhưng không gặp được, lúc bảy giờ Đức Phật mới hóa làm người lực sĩ trẻ tuổi đến tới độ sức tranh hơn thua.

Người giữ cổng vào thừa, lực sĩ hỏi:

– Có phải tám người trong nước không?

Người giữ cổng đáp:

– Thừa ông, người trẻ tuổi này con chưa hề gặp!

Lực sĩ ra ngoài gặp rồi dẫn đến sân đấu. Vì xem thường nên ông ta muốn đấu sức để giết người lực sĩ trẻ tuổi kia.

Ông ta nói với người lực sĩ trẻ tuổi:

– Hãy đến đây đánh nhau tay đôi với ta.

Hai người cùng tiến lên. Lúc đụng nhau thì Đức Phật dùng thần túc nâng ông ta lên không trung cách mặt đất hơn mười trượng, nhìn xuống đất chỉ thấy như đám lửa. Mất hết tính cao ngạo, trong lòng toàn nổi căm giận chỉ lo sợ chết, ông ta nhìn vào hư không xin quy y để cho lực sĩ tầm thường

này được toàn mạng sống.

Bay xuống đất, vị lực sĩ trẻ tuổi hiện lại thân Phật. Biết chính là Đức Phật, lực sĩ cúi đầu làm lễ thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu biết sức thần túc của Ngài như thế thì con đâu dám hồng hách! Cho nên bây giờ con cúi xin Ngài tha thứ tội trước để diệt lỗi lầm sau!

Nhận lời cầu xin, Đức Phật thuyết pháp thậm thâm. Ông ta phát đạo tâm Vô thượng chánh chân, chứng đắc đạo Bất thoái chuyển.

Đạo quyền biến của Đức Phật hóa độ chúng sinh là như thế!



14- Xưa kia, ở nước La-duyệt-kỳ có một đứa bé Bà-la-môn, chỉ sống với mẹ. Tuy tuổi còn nhỏ nhưng thân xác to lớn, tự hỏi mẹ:

– Mẹ ơi, cha con phụng thờ gì hả mẹ, con muốn được học tập theo cha!

Người mẹ nói với con:

– Con à, lúc còn sống, cha con một ngày xuống sông tắm rửa ba lần.

Đứa bé hỏi:

– Thưa mẹ, cha làm như vậy là mong cầu điều gì vậy mẹ?

Mẹ nói:

– Nay con, nước sông Hằng làm sạch tội lỗi và

được thần thông.

Đứa bé thưa:

– Không đúng đâu mẹ ơi!

Người mẹ nói:

– Này con, con thấy có gì lạ sao?

Đứa bé thưa:

– Thưa mẹ, nếu như vậy thì người dân ở bờ phía Bắc đuổi trâu lội qua bờ Nam, tắm rửa hằng ngày sao không đắc đạo? Hơn nữa trong nước sông Hằng còn có các loại rùa, cá sống trong đó, tại sao chúng nó không đắc đạo?

Người mẹ nói:

– Vậy theo ý con thế nào?

Đứa bé thưa:

– Thưa mẹ, chỉ có tắm nước ao Tam-muội được tám lần giải hóa của Đức Như Lai thì mới được giải thoát thôi!

Nhân đó, đứa bé thưa với mẹ:

– Thưa mẹ, hai mẹ con mình nên đến chỗ Đức Phật để được tắm gội sự giáo hóa của Ngài!

Sau đó, hai mẹ con đến chỗ Đức Phật, được Ngài thuyết pháp. Người con xuất gia, làm Sa-môn, đắc đạo La-hán liền trở về thuyết pháp cho mẹ, về sau người mẹ cũng chứng được đạo Tu-đà-hoàn.



KINH TẠP THÍ DỤ

QUYỀN HẠ

15- Thuở xưa, trong nước Kế tân có một thầy Tỳ-kheo mở rộng việc dạy dỗ nên có hơn vài trăm người theo học. Trong đó, có người đắc tứ thiên, có người đắc ngũ thông, có người đắc Tu-đà-hoàn, có người đắc A-la-hán.

Lúc ấy, có người An tức đến nước Kế tân, thấy thầy Tỳ-kheo giáo hóa như thế, liền tin tưởng vui mừng xin làm đệ tử. Không bao lâu, ông ta thành tựu được ngũ thông rồi hiện thân túc ở trước mọi người.

Vị thầy bảo:

– Này con, tuy con đắc ngũ thông nhưng tâm còn phiền não chưa giải thoát, chớ có hiện thân túc để kiêu ngạo!

Sinh lòng giận thầy vì cho rằng thầy ganh ghét mình, ông ta nghĩ: “Ta nên trở về quê cũ phò trợ đạo đức.” Rồi bay về nước mình, hiện thân túc bay đến trước cung điện vua An tức. Đức vua làm lễ và hỏi:

– Thừa đạo sĩ, ngài là người nước nào?

Tỳ-kheo nói:

– Thưa Đại vương, tôi là người ở nước ngoài đến nước Kế tân học đạo, bây giờ trở về, muốn làm phước ở đất này để báo đền ân sinh sống!

Quá đôi vui mừng, đức vua quỳ xuống thưa:

– Thưa đạo sĩ, từ hôm nay xin ngài thường xuyên ở trong cung điện nhận sự cúng dường của trăm!

Thầy Tỳ-kheo đồng ý ngay. Đức vua tự tay cúng dường hoặc sai phu nhân cùng thể nữ đến cúng.

Thầy Tỳ-kheo có tình ý với cung nữ, các quan biết được liền tâu lên đức vua. Đức vua không những trách mắng họ mà còn không tin họ vì đức vua chẳng thấy có việc gì kỳ lạ trong việc đi lại của đạo sĩ. Không bao lâu, cung nữ có thai. Các quan lại tâu lên đức vua. Ngài cho phu nhân xem xét mới biết việc ấy có thật, liền lột pháp y và sai người đuổi ra khỏi cung điện. Vì là Đạo nhân nên đức vua không hành phạt.

Đi ra ngoài, Tỳ-kheo làm kẻ cướp, không còn là người xứng đáng như trước. Không biết là Tỳ-kheo trước kia bị đuổi khỏi cung, đức vua mới cho mộ dũng sĩ, sai đi bắt sống đem về xét kỹ mới nhận là Tỳ-kheo trước kia.

Đức vua bèn hỏi:

– Trước kia, người phạm tội dâm dục, cứ cho

là mê lầm đi. Nhưng bây giờ tại sao lại làm kẻ cướp?

Tỳ-kheo đập đầu thưa:

– Tâu Đại vương, trong bước đường cùng, tôi không còn kế sách nào khác!

Vua nói:

– Ta vốn thấy người có thần túc bay đi nên không nỡ hại người. Nay tha tội cho người, cấm người xâm phạm lãnh thổ của ta. Hãy thả hẩn đi đi!

Tỳ-kheo nghĩ: “Nhu thế ta phải làm thuê để kiếm sống”, rồi vào xin làm thuê cho nhà đồ tể giết trâu, dê; làm mọi công việc nhà.

Về sau, do đập xương cho chủ nên ông ta bị mảnh văng vào mặt làm mù mắt, không còn nhờ cậy được nên người chủ đuổi ông ta đi. Sau đó, ông ta trở thành kẻ nghèo hèn, cầm bát bề men theo ngõ hẻm đi xin.

Vị Tỳ-kheo này bị tai họa được vài năm, vị thầy ngày xưa dùng đạo nhãn xem xét muốn biết ông ta ở đâu thì thấy ông ta đi xin ở chợ nước An tức.

Trong số đệ tử có hơn năm trăm người chỉ học ngũ thông mà không muốn diệt khổ, vị thầy bảo họ:

– Các con hãy mau chuẩn bị hành trang, bây giờ chúng ta cùng đi thăm một số đệ tử nước An tức thời trước!

Các đệ tử đều vui mừng thưa:

– Thưa thầy, đạo đức của thầy ấy chắc chắn rất rực rỡ nên thầy mới hạ mình đi thăm!

Tất cả đều dùng thân túc nên trong chốc lát đã đến trước mặt vị Tỳ-kheo kia.

Vị thầy gọi tên, ông ta liền thưa:

– Bạch Hòa thượng, có phải thầy đến không?

Vị thầy đáp:

– Đúng vậy, ta cố đến thăm con.

Vị thầy hỏi:

– Vì sao con phải nông nổi như vậy?

Ông ta trình bày đầy đủ đầu đuôi mọi việc và thưa rõ sự sai phạm của mình. Vị thầy bảo các đệ tử:

– Đắc ngũ thông chưa hẳn đã được đạo vững vàng cho nên các con không thể ỷ vào đó được!

Khi vị thầy giảng về điều đó thì năm trăm vị đệ tử đều chứng lục thông đều thành A-la-hán quả.

Người đệ tử kia tui then nên im lặng. Tất cả thầy trò đều trở về nước.



16- Thuở xưa, có một nước vừa giàu có lại đông dân; nước khác muốn xâm chiếm nên đem binh đến đánh. Biết được, cả nước liền thành lập đạo binh, từ mười lăm tuổi trở lên và sáu mươi tuổi trở xuống đều phải đi đánh giặc.

Lúc ấy, có một người đàn ông làm nghề dệt tơ lụa gần sáu mươi tuổi, vợ ông ta đoan chánh nhưng hay khinh rẻ chồng. Người chồng rất sợ vợ. Một hôm, người chồng nói với vợ:

– Bây giờ anh phải thi hành theo sắc lệnh, tự mình lo liệu đủ vật dụng và lương thực của nhà binh, xin em đưa cho kịp lúc!

Người vợ đưa cho chồng một cái túi chứa năm thăng để đựng lương thực, tám đệm lụa và một cây giáo dài một thước rồi nói:

– Anh hãy đem những thứ này đi đánh giặc, chứ không có gì khác nữa! Nếu anh làm mất túi này và cây giáo gỗ thì tôi sẽ bỏ anh!

Từ biệt vợ ra đi, người chồng không nghĩ đến việc bị quân địch làm hại mà chỉ sợ thất lạc hai món đồ là bị mất vợ thôi. Trên đường gặp quân địch, đánh nhau với họ bị thua, mọi người rút lui bỏ chạy, riêng anh ta do sợ thất lạc hai vật kia là mất vợ nên cầm cây giáo để trên đầu một mình tiến về phía quân địch.

Thấy anh ta, quân địch cho là dũng mãnh nên không dám tiến lên mà rút lui. Như thế binh lính nước anh ta chỉnh đồn lại được hàng ngũ và ra sức tiến đánh giành được thắng lợi lớn. Quân địch thua, chết gần hết. Đức vua rất vui mừng, thưởng người có công. Mọi người tâu với đức vua:

– Tâu Đại vương, người thợ dệt xứng đáng

được thưởng công lao trên hết!

Nhân đó, đức vua kêu anh ta lên bảo:

– Vì lý do gì một mình ngươi đánh đuổi địch quân?

Anh ta thưa:

– Tâu Đại vương, thật ra thần không phải là võ sĩ, nhưng lúc lên đường đánh giặc, vợ thần có đưa hai vật và nói nếu để mất nó thì cô ấy sẽ không còn cùng thần thành gia thất. Do đó phải liều chết để giữ hai vật này. Nhờ thế thần đánh đuổi được quân địch, chứ thật không phải là khỏe mạnh mà làm được như vậy!

Đức vua nói với các quan:

– Vị ấy vốn sợ vợ nhưng điều quan trọng là giúp nước trong lúc nguy nan nên trăm ban cho công lao nhiều nhất!

Tức thời phong cho anh ta làm quan, ban cho của cải quý giá, nhà cửa, thế nữ chỉ kém thua vua, con cháu đời đời nối nhau hưởng phước.

Những sự kiện đã được hiển bày ở thế gian này, Đức Phật mượn làm thí dụ. Vợ trao chồng vật dụng năm thăng và cây giáo một thước ví như Đức Phật trao cho đệ tử năm giới, mười điều thiện. Vợ dặn chồng giữ gìn cẩn thận hai vật không để hư mất mới có thể sống chung với mình. Đây là nói người giữ gìn giới pháp dầu có chết cũng không phạm thì được cùng với Đức Phật đi lên nhà đạo lý. Đã đuổi

được quân địch lại còn được phong thưởng là ví cho những oan gia ngang trái ở đời này của người giữ giới được tiêu trừ, đời sau được hưởng phước tự nhiên ở cõi trời.



17- Thuở xưa, trong thành Xá-vệ có một Phạm chí giàu sang, của cải vô số, trí tuệ thông minh nhưng sa ngã tà kiến, không tin điều lành mà còn cho là vô ích.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất dùng đạo nhãn quan sát, thấy trưởng giả này đời trước có nhiều phước nên được giàu có; nếu bây giờ chỉ hưởng lộc không lo tạo phước mới thì nhất định trở lại trong ba đường ác nên đến độ. Tôn giả hiện thần túc, cầm bát đứng trước chỗ ngồi của ông ta.

Khi vừa ngồi xuống định ăn cơm thì trông thấy Xá-lợi-phất, Phạm chí rất tức giận, liền đóng cửa lại, đánh Tôn giả rồi rửa tay, trở lại ngồi ăn như cũ, không thèm mời ngồi cũng không đuổi đi. Ăn xong, ông ta rửa tay, súc miệng; ngậm một miệng nước nhô vào bát ngài Xá-lợi-phất, rồi nói:

– Đem cái này đi đi, xem như là bố thí vậy!

Xá-lợi-phất nói:

– Mong cho ông đêm ngày hưởng phước vô lượng!

Sau đó Tôn giả trở về. Sợ ngài Xá-lợi-phất giận, vui miệng nói xấu, vị trưởng giả bèn sai

người theo dõi. Ngài Xá-lợi-phất đi thẳng về tinh xá, lấy nước đó hòa với bùn để nơi Đức Phật kinh hành.

Ngài Xá-lợi-phất bạch với Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con được trưởng giả tham lam keo kiệt kia bố thí một ngum nước. Bây giờ con lấy nước đó nhào với bùn trét nơi Đức Phật kinh hành, cúi mong Ngài đi trên đó để ông ta ngày đêm hưởng phước vô lượng.

Đức Phật liền kinh hành thiền định trên đó. Người được vị trưởng giả sai đi dò xét thấy đầy đủ mọi việc như thế liền trở về thưa với ông ta:

– Thưa trưởng giả, Đức Phật đã bỏ địa vị Luân vương đi làm Sa-môn, cầm bát xin ăn không phải là tham cầu điều gì, mà muốn độ cho chúng sinh vậy!

Người dò xét tin tức kể đầy đủ đầu đuôi mọi việc. Vị trưởng giả hối hận vì đã không có tâm tôn kính. Cả nhà lớn nhỏ tất cả đều đến nơi Đức Phật để sám hối tội:

– Bạch Thế Tôn, chúng con ngu si không biết, cúi xin Ngài lượng thứ.

Được Đức Phật cho quy y và thuyết pháp, họ hết nghi ngờ, dứt trừ kết sử, chứng quả Bất thoái chuyển.



18- Thuở xưa, có nước Ba-lợi-phất rất thịnh

vượng hơn các nước khác. Trên từ bậc Chân nhân, Thần nhân; dưới đến hàng quan cửu phẩm kém tài đều có đạo đức. Kinh Phật nhiều bằng sách thế tục; lại có đầy đủ vàng bạc, lụa là không thiếu thứ gì cả. Đức Phật thường gọi nước đó là nước Văn vật.

Lúc ấy, chín mươi phái ngoại đạo cùng bàn với nhau:

– Đức Phật nói nước đó là nước có đầy đủ mọi vật không thiếu thứ gì cả. Chúng ta nên đến xin cái không có của nước đó nhân đây bắt bẻ ông ta không thành thật, sau đó chắc chắn chúng ta sẽ được tôn kính.

Có một Phạm chí bàn:

– Tôi chưa nghe nước này có quỉ La-sát, chúng ta cố xin nó, chắc chắn không thể nào có được, điều này rõ ràng là Đức Phật chứng đắc đạo lý tà vạy.

Họ đi khắp làng chợ mong muốn mua được quỉ nhưng không có. Phạm chí vui mừng nói:

– Họ đã trúng kế của ta rồi!

Biết mưu kế của Phạm chí, Đế Thích đi xuống hóa làm người lái buôn ngồi trên cửa hàng như có bán vật gì. Đi lần lượt theo các cửa hàng, khi đến trước cửa hàng kia, những người mua quỉ hỏi:

– Này ông chủ, ông có bán quỉ không?

Đế Thích đáp:

– Thưa ông, có. Ông muốn mua bao nhiêu?

Các Phạm chí nói với nhau:

– Ông này nói láo khoét thật! Quỷ ở đâu có mà bán lại còn dám nói muốn bao nhiêu nữa chứ!

Các Phạm chí nói:

– Chúng tôi muốn vài con.

Đế Thích mở cửa hàng liền có vài chục con quỉ dữ. Thấy nó, các Phạm chí hết sức sợ hãi. Trong tâm niệm mỗi người lúc này mới biết Đức Phật không hề gian dối. Họ đều đến quy y và được Đức Phật dạy:

– Nước Ba-lợi tuy có nhiều thứ nhưng các người tay không đến đó thì một vật cũng không thể nào có được còn đem tiền của mua thì không thiếu thứ gì cả!

Truyện này, Đức Phật thị hiện ở thế gian cũng nhằm giảng dụ cho thành Tát-vân-nhược vì trong đó không thiếu một thứ gì từ bốn Vô lượng tâm, sáu Độ, ba mươi bảy Phẩm trợ đạo, Thanh văn, Bích-chi, cho đến Như Lai. Nếu ai không tu đức hạnh mà ở trong thành Tát-vân-nhược mong muốn có một thứ gì thì không thể nào có được cả. Còn ai tôn kính, phụng hành giáo pháp của Như Lai, biết kiềm chế thân, miệng, ý giống như có tiền muốn mua thứ gì cũng có vậy.



19- Thuở xưa, tại nước Thiên trúc có chùa Tùng, trong đó có bốn Đạo nhân đều chứng lục thông. Có bốn cư sĩ trong nước mỗi vị đều thỉnh

một Đạo nhân để cúng dường thường xuyên.

Bốn ngài thường xuyên đi giáo hóa cả. Một người đến chỗ trời Đế Thích; một người đến chỗ Hải long vương; một người đến chỗ Kim sí điều và một người đến chỗ vua.

Lúc ấy bốn Đạo nhân được cúng dường đem thức ăn dư trong bát về chia cho bốn người đàn-việt này cả trăm món thức ăn mà các vị đều chưa bao giờ thấy cả. Họ hỏi Đạo nhân từ đâu có những thức ăn này. Các Đạo nhân kể rõ đầu đuôi cho họ nghe. Thế rồi bốn vị cư sĩ, mỗi người phát một lời nguyện. Một người nguyện sinh lên cung trời Đế Thích, một người muốn sinh trong biển làm rồng, một người muốn sinh trong loài Kim sí điều và một người muốn làm con của vua. Sau khi qua đời, họ đều được vãng sinh làm bốn vương thần, đồng thời có ý niệm muốn thọ Bát quan trai. Họ tìm kiếm nơi thanh vắng nhưng chỉ có sau vườn của vua Ma-kiệt là yên tĩnh, nên họ đến ngồi dưới gốc cây trong vườn đó. Họ phát tâm từ, giữ gìn trai giới, thực hành sáu niệm. Sau một ngày, một đêm đến sáng mai mọi việc hoàn tất họ mới nói với nhau. Vua Ma-kiệt nói:

– Các khanh là ai?

Một người nói:

– Tôi là Thiên vương.

Một người nói:

– Tôi là Long vương.

Một người nói:

– Tôi là Kim sí điều vương.

Và một người nói:

– Tôi là vua.

Bốn người kể rõ ngọn ngành xong, đều rất vui mừng. Thiên vương nói:

– Chúng ta đều giữ gìn trai giới nên ai cũng được nhiều phước!

Đức vua nói:

– Tôi muốn ở ngoài vườn để không còn nghe tiếng âm nhạc, nên tâm được chuyên chú, do đó phước đệ nhất.

Thiên vương nói:

– Cung điện bảy báu trên trời của tôi có các ngọc nữ, kỹ nhạc, y phục, thức ăn tự nhiên, không còn phải lo nghĩ; nhưng đi xa, tôi giữ trọn vẹn trai giới nên có phước đệ nhất.

Kim sí vương nói:

– Đối với năm việc ưa thích của tôi, chỉ có ăn thịt rồng là ngon nhất. Bây giờ cùng ở một chỗ không còn một chút niệm ác nào cả, phước tôi là đệ nhất.

Long vương nói:

– Loài rồng của tôi là mối của Kim sí điều nên thường sợ bị ăn thịt vì thế phải luôn luôn trốn núp. Bây giờ chúng tôi ở một chỗ, khỏi phải chết mà

còn được giữ trai giới trọn vẹn. Phước tôi là đệ nhất!

Vua Ma-kiệt nói:

– Tôi có bề tôi trí tuệ tên là Phi-đà-loại, tôi sẽ mời ông ta phán quyết nghĩa này.

Đức vua mời bề tôi đến rồi nói đầy đủ ý của họ. Phi-đà-loại lấy bốn tấm lụa xanh, vàng, trắng, đen treo lên trên không, rồi hỏi bốn vua:

– Xin bốn ngài xem bốn màu ở trên không có khác nhau không?

Bốn vua đáp:

– Đương nhiên là màu sắc khác nhau rồi!

Đà-loại hỏi:

– Vậy các ngài thấy bóng lụa in trên đất có khác nhau không?

Đáp:

– Giống nhau.

Phi-đà-loại nói:

– Hiện tại bốn vị có thân hình khác nhau ví như màu sắc của lụa không giống nhau vậy, nhưng pháp trai giới của các ngài thọ trì chỉ có một vị trí như bóng lụa in dưới đất không có gì khác cả! Nếu bốn ngài phát tâm đạo lớn, từ bi tinh tấn, tu trì trai giới cùng một lúc được thành Phật thì hình dáng giống nhau không có gì khác cả.

Vui mừng, bốn vị tôn vương đắc được Đạo nhãn.



20- Thuở xưa, có một người giàu có tên là Già-la-việt. Ông ta có hai người con. Người cha bị bệnh rất nguy nan mới dặn dò người con lớn:

– Này con, em con còn nhỏ dại chưa hiểu biết gì, bây giờ làm khổ lụy đến con! Con phải khéo léo chăm sóc, giúp đỡ, chớ để em đói lạnh.

Cha con buồn rầu trần trối, sau đó người cha qua đời. Về sau chị dâu nói với chồng:

– Anh à, chú nó lớn lên sẽ biết mọi việc nhà nên mình phải chia những vật sở hữu cho chú nó; sao ngay lúc chú nó còn nhỏ mình không chịu đuổi đi?

Lúc đầu, không bằng lòng nhưng bị vợ nói mãi nên người anh đành phải nghe theo. Người anh dắt em ra khỏi thành, đi sâu vào trong khoảng đất trống có nhiều mả cao, trói em vào cây bách nhưng không nỡ giết chỉ muốn để cọp, sói, quỷ dữ hại nó. Rồi người anh nói em:

– Mày thường có lỗi với tao, tao trói mày ở đây một đêm để suy nghĩ lỗi lầm của mình, rồi mai sáng đến đón về.

Nói xong, anh ta bỏ về. Trong chốc lát thì trời tối, chồn, cáo, điều hâu, kên kên ở đó kêu rú. Quá sợ hãi và không biết kêu cứu ai, người em ngược lên trời than thở:

– Chẳng hay trong ba cõi có bậc Nhân từ nào

cho con quy y không? Bây giờ con đang bị tai họa nên sợ hãi vô cùng!

Lúc ấy Đức Như Lai đang ngồi chánh định, thấy người em cầu cứu, liền phóng ánh sáng lớn tên là Trừ tăm tối, chiếu sáng bừng khu gò mả. Kế đến Ngài phóng một luồng ánh sáng giải thoát chiếu đến chỗ người em, làm nới rộng dây trời để không còn đau đớn nữa. Kế đó, Ngài lại phóng một luồng ánh sáng no đủ tất cả để người em thấy ánh sáng này không còn đói khát nữa. Sau đó, theo ánh sáng Đức Như Lai đi đến chỗ người em, tự tay mở trời và bảo:

– Này con, con muốn đi đến nơi nào?

Người em thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện làm Phật thoát khỏi tất cả tai họa giống như Đức Phật hiện nay!

Người em liền phát đạo tâm Vô thượng chánh chân. Đức Phật thuyết vô số pháp chánh yếu, người em chứng Vô sinh pháp nhãn liền thừa với Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, tuy anh con có tâm niệm xấu xa, trái hiệu đạo muốn sát hại con, nhưng nhờ đó mà con được trông thấy Đức Phật, đoạn trừ khổ sinh tử, nên con muốn đến báo ân.

Đức Phật dạy:

– Lành thay! Con phải biết nên làm những gì

cho đúng lúc!

Người em liền dùng thần tốc bay đến nhà người anh. Thấy em, vợ người anh vô cùng hồ thẹn và sợ hãi. Người em thưa với anh:

– Thưa anh, tuy anh nghe theo lời độc ác của vợ, trói em bỏ ở khu gò mả nhưng nhờ vào sự việc ấy mà bây giờ em đắc đạo. Đó đều là nhờ ân của anh vậy.

Được người em thuyết pháp, người anh và chị dâu đều đắc quả Tu-đà-hoàn.



21. Thuở xưa, khi Đức Phật còn tại thế, Thiên vương Đế Thích thường xuống cúng dường Tam bảo nhưng riêng ngài Ma-ha Ca-diếp là không chịu thọ nhận vì bốn nguyện của Tôn giả chỉ muốn độ người nghèo khổ.

Lúc ấy trời Đế Thích mới tìm cách quyền biến. Đế Thích và phu nhân giáng trần làm ông bà già nhà nghèo ở trong một căn nhà tranh rách nát. Lúc Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vào thành đi khát thực, ông bà do Đế Thích biến hóa đón tiếp, đánh lễ rồi trình bày nỗi nghèo khó của mình, xin ngài nhận thức ăn đạm bạc mà họ dâng cúng. Ngài không chối từ.

Trên đường trở về, Tôn giả Ca-diếp thấy trong bát có đầy những thức ăn như cam lộ. Tuy hình sắc món ăn tầm thường nhưng thơm ngon như hàng trăm thức ăn gộp lại. Đưa lên miệng thấy thơm

ngon kỳ lạ, Tôn giả nhập định quán sát mới biết là của Đế Thích, liền nói:

– Phước đức các người chói lọi đến như vậy, tại sao lại muốn làm phước nữa?

Đế Thích thưa:

– Thưa Tôn giả, phước báu của Tam bảo rất sâu rất rộng, cho nên đã là bậc Trí thì không bao giờ nhàm chán cả.



22- Trước đây, ở ngoài nước, có một chùa Tùng. Trong chùa thường có hơn trăm chúng Tăng tu học. Cách chùa không xa, có một Ưu-bà-di tinh tấn thông suốt kinh sách, hằng ngày tự mình cúng dường cơm cho từng Sa-môn. Chúng Tăng sai từng vị theo thứ lớp từ đầu đến cuối đến nhận rồi giáp vòng trở lại. Trong số đó nếu có vị nào đến thì Ưu-bà-di liền theo hỏi nghĩa kinh. Do đó, vị nào che giấu sự học cạn cợt của mình thường không thích đến.

Có Sa-môn Ma-ha-lô, tuổi già mới xuất gia nên không biết gì cả, theo thứ lớp đến thọ thực. Vì đi đường chậm chạp nên ông ta đến không đúng giờ.

Gặp ông ta, Ưu-bà-di này cho rằng vị trưởng túc này tuổi già bước đi khoan thai chắc là bậc đại trí tuệ, nên càng thêm vui mừng, cúng dường thức ăn ngon rồi bố trí tòa cao để vị ấy thuyết pháp.

Ngồi trên tòa mà thật sự không biết điều gì nên

Sa-môn trình bày sự thật về mình và cho rằng người ngu không biết gì thật là khổ.

Nghe xong rồi suy nghĩ, Ưu-bà-di mới hiểu: Ngu si không biết gì chính là căn bản của mười hai nhân duyên, làm cho sinh tử không chấm dứt đưa đến các khổ não; cho nên nói là rất khổ. Do suy nghĩ kỹ như vậy nên bà ta chứng Tu-đà-hoàn đạo; liền đứng dậy mở kho lấy vải cúng dường cho vị Sa-môn.

Lúc ấy vị Sa-môn xuống tòa, trở về tinh xá. Ưu-bà-di ở trong kho đi ra, không biết Sa-môn đi về hướng nào, bèn đứng trông chừng ở cửa nhưng cũng không thấy đâu cả, mới cho rằng Sa-môn đắc đạo đã dùng thần túc bay đi. Ưu-bà-di liền đem vải đến tinh xá tìm Sa-môn. Sợ bị gọi đến, Sa-môn vào phòng đóng cửa trốn nhưng thấy ông ta đã đắc Lục thông, trông thấy có người đuổi theo, nên cho ông ta có phạm điều gì mới chú ý quán sát. Biết Ưu-bà-di đã đắc Tu-đà-hoàn đạo, vị ấy liền gọi Ma-ha-lô đi ra nhận đồ cúng dường.

Vị thầy nói rõ đầu đuôi, Ma-ha-lô vui mừng rồi cũng đắc quả Tu-đà-hoàn.



23- Thuở xưa, có bà lão chỉ có một người con nhưng bị bệnh chết. Khi đem thi hài đến nghĩa địa, bà ta định chỉ việc chôn cất lại, lòng buồn rầu vô hạn, tự nghĩ rằng: “Ta chỉ có một người con, đáng

lẽ nhờ nó lúc về già nhưng lại chết mất, ta làm sao sống nổi đây!” rồi không chịu trở về định chết chung một chỗ với con nên bà bỏ ăn, bỏ uống đã bốn năm ngày.

Biết được việc ấy, Đức Phật dẫn năm trăm Tỷ-kheo đến nghĩa địa. Từ xa, trông thấy Đức Phật đi đến với oai thần hào quang sáng chói, bà lão liền tỉnh táo đến trước Đức Phật đánh lễ rồi đứng lui lại. Đức Phật bảo bà lão:

– Này bà, bà làm gì trong nghĩa địa vậy?

Bà lão thưa:

– Bạch Thế Tôn, con chỉ có một người con nhưng nó đã chết mất! Vì yêu thương nó tha thiết nên con muốn chết chung một chỗ với nó.

Đức Phật bảo:

– Này bà lão, bà có muốn ta làm cho con bà sống lại không?

Bà lão vui mừng thưa:

– Bạch Thế Tôn, có thật vậy không thưa Ngài?

Đức Phật bảo:

– Bà hãy tìm lửa hương thơm đem đến, Ta sẽ chú nguyện để con bà sống lại.

Ngài lại bảo:

– Bà nên lấy lửa của nhà nào không có người chết!

Thế rồi bà lão đi tìm lửa, thấy người nào bà cũng hỏi trước:

– Nhà ông từ trước đến giờ có người nào chết không?

Mọi người đều đáp:

– Từ tổ tiên cho đến nay đều đã có người chết!

Những nhà được hỏi đều trả lời như thế. Đi được vài chục nhà thì bà lão không còn mong lấy lửa nữa liền trở về chỗ Đức Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn, con đi khắp nơi tìm lửa nhưng không có nhà nào không có người chết, cho nên phải trở về tay không!

Đức Phật mới bảo bà lão:

– Từ khi khai thiên lập địa đến nay, không có ai sống hoài mà không chết. Người sống mong sống còn là được vui mừng lắm rồi, sao bà lại mê muội muốn chết theo con?

Tâm lý bừng tỉnh, bà lão hiểu rõ lý lẽ vô thường. Nhân đó, Đức Phật giảng rộng các pháp chủ yếu, bà lão liền đắc Tu-đà-hoàn đạo.

Trong nghĩa địa có hơn ngàn người đến nghe giảng, họ đều phát đạo tâm Vô thượng chánh chân.



24- Thuở xưa, dân chúng trong thành Vương-xá rất giàu có, chín phẩm quan ở riêng biệt không lẫn lộn nhau. Có một vùng riêng biệt chừng một ức dặm, nếu người nào có một ức tài sản thì được ở trong đó.

Lúc ấy, có một cư sĩ vì muốn ở trong đó, nên

đã cố gắng làm lụng để kiếm tiền. Trong vài mươi năm làm lụng cực khổ, xoay xở nhiều cách, ông ta kiếm được chín mươi vạn nhưng chưa đủ một ức, thì bị bệnh rất nặng, tự biết không thể sống được. Vì có một người con trai được bảy, tám tuổi nên ông ta dặn dò vợ mình:

– Này bà, sau này con mình trưởng thành, bà hãy giao tài sản cho nó, mở rộng việc làm ăn, kiếm đủ một ức để được sống trong khu đặc biệt đó! Đó là điều mong muốn của đời tôi!

Nói xong, ông ta qua đời. Chôn cất chồng xong, người vợ dẫn con vào chỗ cất giữ tài sản rồi nói lại những gì cha nó đã di chúc:

– Con à, mẹ đợi con trưởng thành, kiếm mười vạn cho đủ một ức thì mình được ở trong vùng đặc biệt đó!

Đứa bé thừa với mẹ:

– Mẹ à, cần gì phải đợi lớn lên! Bây giờ mẹ hãy giao cho con để hai mẹ con mình sớm được ở trong đó!

Người mẹ liền giao cho con. Sau đó đứa bé lấy những tài sản quý báu nhất cúng dường Tam bảo, bố thí người nghèo khổ. Trong nửa năm, tài sản hết sạch. Người mẹ sầu não về việc làm kỳ quái của con mình. Không bao lâu, đứa bé bị bệnh nặng rồi qua đời. Đã mất tài sản lại còn mất con thơ, người mẹ rất đau buồn, thương tiếc.

Trong vùng có một người rất giàu đã tám mươi mà chưa có con cháu. Lúc ấy, đứa bé lại sinh vào nhà ông ta, làm con của người vợ cả. Đủ mười tháng, thì sinh ra một cậu con trai tướng mạo xinh đẹp, thông minh, biết được đời trước.

Người mẹ đích thân ẵm bồng bú mớm nhưng đứa bé không chịu ăn; người hầu ẵm bồng, nuôi nấng nó cũng như vậy. Người mẹ đời trước của nó nghe đứa bé sinh ra như thế đến xem thử thì mến ngay và ôm đứa bé than thở, nó há miệng đòi ăn. Quá vui mừng, trưởng giả thuê bà ta với giá rất cao để nuôi hộ đứa bé. Trưởng giả bàn với phu nhân:

– Này bà, con tôi người khác ẵm bồng, nuôi nấng thì không chịu ăn uống gì cả, nhưng bà này ẵm bồng thì vui mừng. Bây giờ, tôi muốn cưới bà ấy làm vợ lẽ để chăm nom con tôi. Bà có bằng lòng không?

Được phu nhân bằng lòng, trưởng giả đem sính lễ cưới bà ta về rồi cất riêng một căn nhà, phân chia tài sản không thiếu thứ gì.

Đứa bé nói với mẹ:

– Mẹ à, mẹ có biết con không?

Quá sợ hãi, người mẹ nói:

– Không hề biết.

Đứa bé thưa với mẹ:

– Mẹ à, con chính là con trước kia của mẹ! Con đã lấy chín mươi vạn đem bố thí, bây giờ con và

mẹ đã làm chủ được tám mươi ước, không cần mất sức mà được ăn và được hưởng phước như vậy.

Nghe nói, người mẹ vừa buồn, vừa vui. Đứa bé lớn lên, đem pháp lý Đại thừa hóa độ trong vùng một ước dặm. Cho nên nói đem sạch hết của cải trong nhà đến ước ngàn ra bố thí cả xóm làng để hành đạo thì Bồ-tát chúng ta thực hành như vậy đó.



25- Thuở xưa, có một người ở nước ngoài trồng nhiều loại cỏ bạch điệp. Nếu quá thời vụ không chịu thu hoạch thì nó mất màu sắc, không còn tốt nữa. Cho nên, đến thời vụ phải thuê nhiều người sớm tối ra sức lấy không ngừng. Người chủ cho rằng người làm công siêng năng, khổ cực, làm nhiều nên cho nấu canh thịt thật ngon để ăn cơm. Khi canh sắp chín, mùi thơm bay khắp nơi thì có một con kên kên già bay qua chỗ ấy, phản dính bên các móng của nó rơi ngay vào nồi canh. Người làm bếp thấy vậy, định vớt ra nhưng nó đã tan hết. Ông ta nghĩ: “Ta sẽ nấu lại canh khác”, nhưng đã trễ giờ, sắp đem thức ăn không được tinh sạch này cho người làm công rồi. Ông ta suy tính: “Chút ít phần này không đủ làm mất mùi vị, vì thế họ có thể ăn được, chỉ riêng mình đừng ăn thôi.” Những người làm công đều đến ăn cơm với canh. Họ đã ăn xong, riêng người làm bếp tuy đói nhưng không chịu ăn canh đó. Những người làm công kêu người làm bếp:

– Ông hãy lấy thịt ngon ăn đi!

Biết canh không tinh sạch nhưng sợ phật ý mọi người, nên người làm bếp gượng nuốt đại, không còn biết mùi vị gì nữa.

Đức Phật mượn việc này làm thí dụ. Chúng sinh trong ba cõi nói rằng sắc dục tốt đẹp, mà không thấy nó ô uế cho nên lần lượt chìm đắm còn hơn người đói cho rằng ăn canh kia là ngon. Bồ-tát Đại sĩ vào trong sinh tử giáo hóa phải thọ nhận sắc nhưng hiểu rõ nó ô uế nên không ham thích, không vui sướng giống như người nấu bếp gượng nuốt đại canh thịt xuống cổ, không cần biết mùi vị gì cả vậy!



26- Một hôm, Tôn giả A-nan vào thành khát thực, lúc ấy có cô gái của gia đình chuyên làm điều ác độc đi ra múc nước. Thấy ngài A-nan ngay thẳng đẹp đẽ, cô ta có tình ý, liền về nhà thưa với mẹ:

– Mẹ à, ở bên ngoài có đệ tử của Cù-đàm quyền rũ con!

Người mẹ liền triệu thỉnh quỷ thần để mê hoặc ngài A-nan. Bỗng dưng Tôn giả đến ngay nhà họ. Lúc ấy, bà mẹ nói với ngài:

– Bây giờ, tôi dâng con gái tôi cho ngài, về sau ngài không được đi đâu nữa!

Tôn giả đáp:

– Tôi không thể nghe theo lời bà.

Bà mẹ làm một cái hầm lửa, rồi nói với ngài A-nan:

– Sao, bây giờ thầy đến với lửa đốt hay đến với con gái tôi?

Tôn giả sợ hãi nên nhất tâm hướng về Đức Phật. Từ xa, Đức Phật duỗi tay xoa đầu ngài A-nan.

Thấy tay Đức Phật đi trong không trung với vô lượng oai thần, bọn quỷ dữ của gia đình chuyên làm điều ác độc đều bỏ chạy, tung bà mẹ rơi vào hầm lửa. Thân thể đã làm mồi cho lửa, sắp bị đốt cháy thì được cứu thoát. Ngay lúc ấy, ngài A-nan được trở về chỗ Đức Phật. Sau đó bà mẹ triệu quỷ thần đến trách mắng:

– Các người không thể lay chuyển đệ tử Cù-đàm để mê hoặc thì thôi chứ tại sao lại xô ta vào hầm lửa?

Quỷ thần thưa:

– Trước đây, chúng tôi với Ba-tuần gom lại có tám mươi ức chúng cùng đến đây đủ dưới cây Đa-la để phá hoại Bồ-tát. Bồ-tát lấy tay chỉ xuống đất; bàn tay ấy thon dài có màn lưới, trong và ngoài lòng bàn tay giống như ngàn cây xe vô lượng oai thần làm cho tám mươi ức chúng tôi ngã nhào bị thương. Bây giờ lại duỗi đến, chúng tôi thật tình sợ hãi cho nên phóng chạy không dám đứng lại. Bọn

quỉ thần chúng tôi hay bắt chước, nếu trong số có người chạy, người không chạy thì tưởng đâu họ hại mình nên cùng chạy. Biết vậy bà đừng trách chúng tôi làm gì.

Bà mẹ mới biết Đức Phật là Đấng Chí Tôn, liền xin quy y và về sau đắc quả Tu-đà-hoàn.



27- Có hơn năm trăm con khỉ ở trong vòng vài mươi dặm nơi rừng cây bên bờ biển. Khi nước biển dâng lên thì kết bọt nổi trên mặt nước cao vài mươi trượng giống như núi Tuyết, rồi theo thủy triều trôi vào bờ.

Thấy hiện tượng đó, bọn khỉ nói với nhau:

– Chúng ta leo lên đầu núi, vui chơi khắp nơi không vui sướng sao?

Lúc ấy, có một con khỉ bước lên chỗ cao nhất nhảy thẳng xuống và chìm dưới đáy nước. Bọn khỉ thấy lạ mà không thấy nổi lên cho là ở trong núi bọt vui sướng vô cùng nên không chịu về. Thế rồi tranh nhau nhảy vào núi bọt nước, cả bọn đều chết chìm cùng một lúc.

Đức Phật mượn sự việc này làm ví dụ. Biển là dụ cho biển sinh tử; núi bọt nước là thân ngũ ấm, còn bọn khỉ chỉ cho thần thức của người. Vì chẳng biết ngũ ấm vốn không có, nên bị ái dục làm si mê, chìm đắm trong biển sinh tử không có kỳ hạn ra khỏi. Cho nên ngài Duy-ma-cật nói: “Thân này

như bọt nước tụ lại, phải chịu khó kiên nhẫn chà rửa cho sạch.”



28- Thuở xưa, có trường giả Tu-đạt bảy lần nghèo khổ. Lần sau cùng nghèo quá sức đến nỗi không có một đồng thì ông ta lượm được một cái đầu gổ trong phân mục. Cái đầu gổ ấy chính thật là vật báu chiên-đàn nên ông ta đem ra chợ bán được bốn đầu gạo. Ông ta bảo vợ:

– Bà nấu một đầu thôi, tôi sẽ hái rau về ăn!

Lúc ấy Đức Phật nghĩ: “Ta sẽ độ Tu-đạt có thêm phước.” Cơm vừa mới chín thì Tôn giả Xá-lợi-phất đến, bà vợ vui mừng bới hết một đầu cơm dâng cúng vào bát ngài, rồi nấu một đầu cơm khác. Đầu cơm vừa chín thì Tôn giả Mục-liên lại đến, bà cũng vui mừng đem cúng dường hết. Lại nấu một đầu gạo nữa thì Tôn giả Ca-diếp đến, bà cũng vui mừng đem cúng. Còn một đầu cuối cùng, bà đem nấu cũng vừa chín thì Đức Như Lai đến, bà nghĩ: “Những ngày thiếu lương thực không có ai đến, bây giờ có gạo thì Đức Như Lai đích thân đến thăm không lẽ tôi hết phước sinh sao?” Bà liền đem hết một đầu cơm cuối cùng cúng dường Đức Như Lai.

Đức Phật chú nguyện cho gia đình bà tội hết phước sinh. Hôm sau, Tu-đạt trở về. Sợ chồng giận, bà hỏi:

– Ông à, nếu như có Đức Như Lai và các Tôn

giả Xá-lợi-phất, Mục-liên, Ca-diếp đến khát thực mà trong nhà mình có gạo, vậy nên cúng dường không?

Tu-đạt đáp:

– Nên cúng chứ, vì ruộng phước khó gặp. Các Ngài đến khát thực là ta gặp sự may mắn.

Bà thừa:

– Tôi đem bốn đấu gạo nấu cơm cúng dường hết rồi!

Tu-đạt nghe vậy quá đổi vui mừng, cùng vợ uống sạch nước cơm thừa. Không bao lâu, tự nhiên ông ta có thật nhiều vàng bạc, nhà cửa, châu báu, lúa gạo, vải lụa. Giống như tới thời giàu có vậy. Tu-đạt nhận biết Đức Phật thương tưởng đến nên thường thỉnh Ngài cùng chúng Tăng đến cúng dường và được nghe Như Lai thuyết pháp nên cũng đắc đạo.



29- Có con của nhà trưởng giả mới cưới vợ, cả hai đều yêu thương, kính nhường nhau. Chồng nói với vợ:

– Em ơi, vào bếp lấy rượu bò đào ra uống với anh!

Người vợ đến mở chum rượu, thấy bóng mình trong đó, cho rằng chồng có người đàn bà khác nên rất tức giận đi ra nói với chồng:

– Anh đã có người đàn bà giấu trong chum rượu

còn cười tôi làm gì?

Người chồng đi vào trong bếp xem, khi mở chum rượu thấy bóng hình, anh ta tức giận cho là vợ giấu đàn ông trong đó. Hai vợ chồng đều giận nhau và đều cho việc đó là thật. Lúc ấy, có một Phạm chí vốn là chỗ thân tình với con trưởng giả đi qua trông thấy hai vợ chồng gây gổ nhau, mới hỏi nguyên do. Ông ta đến xem, cũng thấy bóng hình nên tức giận trưởng giả, cho là có người thân thiết giấu trong chum mà còn giả vờ gây gổ nữa, liền bỏ đi.

Lại có một Tỳ-kheo-ni mà trưởng giả tôn kính, nghe việc gây gổ như thế liền đến xem, thấy có Tỳ-kheo-ni trong chum cũng tức giận bỏ đi.

Một lúc sau, có một Đạo nhân cũng đến xem, biết đó chỉ là cái bóng thôi nên thở dài than:

— Thương thay, người đời ngu si cho cái không là thật!

Và ngài kêu người vợ nhìn vào, rồi bảo:

— Ta sẽ đem người trong chum ra cho người.

Ngài lấy một hòn đá to đập vỡ chum rượu, khi rượu hết rồi thì không còn có bóng nữa. Hai người hiểu rõ đó là bóng mình nên xấu hổ. Đạo nhân vì họ mà thuyết pháp cơ bản, cả hai vợ chồng đều được Bất thoái chuyển.

Đức Phật lấy sự việc này làm ví dụ. Người thấy bóng rồi gây gổ ví cho người trong ba cõi không

biết thân năm ấm, bốn đại là khô, nên không dứt hết ba độc sinh tử.

Khi Đức Phật nói việc này có vô số ngàn người hiểu thấu được vô ngã.



30- Khi Đức Phật còn tại thế, có một gia đình gồm sáu người rất giàu, tiền tở, vàng bạc, châu báu nhiều vô số kể.

Đức Phật cùng với Tôn giả A-nan trên đường đến làng để khát thực. Biết gia đình này đã từng tạo nhân từ trước, nên Đức Phật đến nhà họ. Tất cả cha mẹ, vợ chồng, con cháu đều phấn khởi vui mừng thỉnh Đức Phật an tọa. Trong nhà trải toàn thảm, đồ đựng thức ăn cúng dường đều bằng vàng bạc, lưu ly. Tôn giả A-nan quỳ xuống bạch Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vị ấy vốn có công đức gì mà quá sức giàu có vậy?

Đức Phật dạy:

– Khi ở trên đời, gặp lúc đói kém, gia đình nghèo khổ, cây cỏ khô hạn, vị ấy đến bờ sông để tìm cách giữ mạng sống. Khi nấu canh vừa chín thì ở bên ngoài có một Sa-môn đi ngang qua. Nhìn ra thấy Sa-môn, cha mẹ liền bảo: “Con hãy lấy phần của ta cúng dường cho Sa-môn đi!” Con cháu đều lấy phần mình nhường cho cha mẹ ăn rồi cả sáu người cùng một lúc phát tâm cúng dường một bữa

ăn nhưng tiếc rằng nhà nghèo không có gì để dâng cúng Sa-môn cả. Nhờ phước này nên họ được sinh cõi trời và cõi người thường được an ổn, giàu có. Do họ phát tâm giống nhau nên đời đời cùng làm chung một việc. Bây giờ, họ lại gặp nhau. Cha mẹ, con cái lớn nhỏ, tất cả cùng một lúc thọ năm giới, sau khi qua đời được sinh lên trời hưởng phước vô lượng.



31- Thuở xưa có ba người đều nghèo khổ, chỉ đi bán củi để sống. Vào ngày mùng tám tháng tư, các thầy Tỳ-kheo ở trong chùa tắm tượng Phật. Thời bấy giờ, tiền thân của Đức Thích-ca Văn cũng ở trong đó làm vị Duy na.

Ba người đi qua trước chùa, nghe hôm nay tắm tượng Phật, liền vào xem rồi cùng phát tâm và đem một đồng đặt trước tượng, cầu nguyện: Một người cầu nguyện:

– Nguyện đời sau con được giàu có, không còn gặp cảnh nghèo khổ này nữa!

Khi qua đời, ông ta được sinh vào nhà rất giàu có, chỉ có một người con và về già ông ta làm đệ tử Đức Phật, thường sinh lên trời hoặc trong nhân gian.

Một người cầu nguyện:

– Nguyện cho con biết làm thầy thuốc chữa trị tất cả bệnh nhân và có nhiều của cải.

Khi qua đời, ông ta được sinh vào nhà đại y sư, hiểu biết y thuật, trị bệnh tài giỏi và cũng được sinh lên trời hoặc trong nhân gian được giàu có, an vui.

Một người cầu nguyện:

– Nguyện đời sau con sống lâu không chết yểu.

Về sau, vị ấy sinh lên cõi trời thứ hai mươi bốn sống thọ sáu mươi kiếp.

Đức Phật dạy:

– Ba vị ấy đều cùng một lần cầu nguyện mà đời đời được phước vô lượng. Bây giờ cả ba đệ tử này đều làm đệ tử ta, được đắc đạo A-la-hán.



32- Người thế gian vào biển lấy châu báu có bảy việc khó:

1. Bốn phía có gió lớn cùng lúc thổi lên làm thuyền nghiêng ngã.

2. Thuyền sắp hư nên lủng và chìm.

3. Người rơi xuống nước sắp chết mới được lên bờ.

4. Hai con rồng trên bờ muốn ăn thịt.

5. Bị ba con rắn độc ở đất liền đuổi theo muốn ăn thịt.

6. Bị bỏng chân vì chạy trên đất có cát nóng.

7. Người nhìn không thấy mặt trời, mặt trăng thường tối tăm không biết phương hướng.

Các nạn này rất nguy hiểm.

Đức Phật dạy các đệ tử:

— Các thầy cũng có bảy việc này:

1. Gió to thổi bốn phía nghĩa là sinh, lão, bệnh, tử.

2. Sáu căn hưởng thụ vô vàn ví như thuyền lủng.

3. Rơi xuống nước sắp chết nghĩa là bị ma chiếm đoạt.

4. Bị hai con rồng trên bờ ăn thịt nghĩa là mạng sống chết theo ngày tháng.

5. Ba con rắn độc ở đất liền là ba độc trong thân người.

6. Cát nóng làm bỏng chân là lửa trong địa ngục.

7. Nhìn không thấy trời trăng nghĩa là nơi chịu tội tối tăm không có kỳ hạn ra khỏi.

Đức Phật dạy các đệ tử phải biết điều ấy; đừng nên gặp gỡ nó, phải siêng năng thực hành sáu độ để giải thoát.



SỐ 206

KINH CỰU TẠP THÍ DỤ

*Hán dịch: Đời Đông Ngô, Tam tạng Pháp sư
Khương Tăng Hội, người xứ Thiên Trúc.*

QUYỀN THƯỜNG

1- Ngày xưa, cách đây rất lâu có một người đi buôn tên là Tát-bạc. Ông ta qua nước khác để buôn bán, nghỉ ở lại gần nhà một Phật tử. Lúc đó nhà này đang thiết trai lập hội, mời chúng Tăng thuyết pháp, giảng luận về tội, phước. Các ngài dạy rằng: “Điều thiện, việc ác do thân, miệng, ý tạo ra”, lại nói các pháp Tứ đế, Vô thường, Khô, Không...

Ông Tát-bạc được dự nghe, trong lòng hiểu rõ, rất tin tưởng, ưa thích, liền theo chư Tăng thọ năm giới được làm Ưu-bà-tắc.

Sau đó, vị Phật tử dùng Phật pháp khuyến khích thêm. Ông nói:

– Này người bạn tốt, nếu người giữ năm giới, phòng hộ thân, miệng, ý thì đầy đủ mười điều thiện. Người giữ được một giới có năm vị thần hộ vệ, giữ năm giới có hai mươi lăm vị thần hiện ra hộ vệ một đời, không bị chết ngang một cách oan uổng, đời sau gặp Chánh đạo, được quả Vô vi Niết-

bàn.

Người đi buôn nghe lời giảng giải này lại càng hoan hỷ vô cùng. Sau đó, ông ta trở về nước. Trong nước của ông Phật pháp chưa được phổ biến, dù muốn đem ra giáo hóa, nhưng ông còn sợ vì quá mới mẻ, không có ai chịu tiếp nhận, nên ông ta đem pháp đã lãnh hội hướng dẫn, cảm hóa cha mẹ, anh em, vợ con, người trong và ngoài thân thuộc, tất cả đều phụng trì Phật pháp.

Cách chỗ cư ngụ của người đi buôn này một ngàn dặm có một quốc gia, dân ở nước đó giàu, vui, tốt đẹp và có rất nhiều của báu. Hai nước này có một con đường bộ để thông thương qua lại nhưng đã bị bế tắc trăm năm nay, vì trong đường đó có một con quỷ Dạ-xoa ăn thịt người. Xưa nay người đi vào đó đều bị hại, ít ai được trở về. Vì vậy nên con đường này bị cắt đứt, không có người qua lại.

Ông Tát-bạc tự nghĩ: “Ta đã giữ giới của Phật, như trong kinh dạy, lại có hai mươi lăm vị thần theo hộ vệ cho ta không còn nghi ngại. Con quỷ kia dù có hung dữ cũng chỉ có một mình, ta đến thuyết phục chắc là sẽ được.”

Bạn đi buôn của ông ta có đến năm trăm người. Ông nói với họ: “Tôi có một lực khá đặc biệt, có thể hàng phục được quỷ dữ, các bạn có thể theo tôi, chúng ta có thể được đại lợi.”

Mọi người cùng bàn luận: “Hai nước lâu nay không được thông thương. Nếu đường đi được mở thông, lợi ích không phải nhỏ.”

Họ cùng nhau mạo hiểm đi vào con đường vắng ấy. Đến được nửa đường nơi quỷ ăn thịt, mọi người thấy xương và tóc của người đã chết vãi đầy mặt đất. Ông Tát-bạc suy nghĩ: “Quỷ thần lâu nay đã giết hại người, nay ta đã chứng kiến rõ ràng. Ta đâu có chết vì thiện nguyện đã đành, còn những người bạn kia không nên cho họ đi theo.” Ông liền nói với họ:

– Các bạn lùi lại, tìm chỗ an toàn ẩn nấp, tôi muốn đi một mình. Nếu thắng được quỷ, tôi sẽ trở lại nghênh đón. Nếu không trở lại, coi như tôi đã bị hại. Các vị hãy thoái lui, chớ tiến lên nữa.

Nói rồi, ông Tát-bạc đi một mình tiến lên, đi được vài dặm liền thấy quỷ xuất hiện. Ông chánh tâm niệm Phật, định ý chí, không sợ hãi. Quỷ tiến đến hỏi:

– Ngươi là ai?

Ông đáp:

– Ta là Đạo sư đến mở thông đường này.

Quỷ cười lớn nói:

– Ngươi không nghe danh ta sao mà dám muốn khai thông đường đi?

Ông Tát-bạc nói:

– Ta biết ngươi ở đây nên cố đến để cùng nhau

thương lượng. Bây giờ ta cùng với người chiến đấu. Nếu người thắng thì người ăn thịt ta. Nếu ta được thắng thì người để cho ta mở thông đường đi, đem lợi ích cho cả bá tánh thiên hạ.

Quý nói:

– Bây giờ ai ra tay trước đây?

Ông Tát-bạc nói:

– Tôi đến đây để thương lượng, cho nên tôi sẽ ra tay trước.

Quý chấp nhận. Ông Tát-bạc dùng tay phải đâm vào bụng quý liền bị dính cứng không rút ra được. Tay trái đánh vào cũng dính luôn. Như vậy hai chân và cả đầu, khi đụng vào thân quý đều bị dính cứng, không cử động được.

Khi ấy Dạ-xoa dùng bài tụng hỏi:

*Tay chân và với đầu
Toàn thân bị kiềm chế
Chỉ nên trước chịu chết
Vùng vầy để làm gì?*

Tát-bạc đáp:

*Tay chân cùng với đầu
Toàn thân tuy bị buộc
Tâm vững như kim cương
Người không thể phá được.*

Quý nói:

*Ta là vua các thần
Quý vương nhiều năng lực*

*Trước sau ăn các người
Số lượng không tính kể
Nay người chết gần kề
Sao lại còn nói ngang?*

Tát-bạc đáp:

*Thân này là vô thường
Ta muốn sớm xả bỏ
Gặp người hợp nguyện ta
Xin đem thân cúng dường
Nhờ đây được Chánh giác
Thành tựu trí cao tột.*

Quý nói:

*Chỉ vi diệu rộng lớn
Ít có trong ba cõi
Sẽ làm thân độ người
Được thành tựu không xa
Nguyện đem thân quay về
Đầu mặt tiếp chân lay.*

Ngay đây, Dạ-xoa xin thọ năm giới, nguyện thương xót chúng sinh, rồi đánh lễ thầy, từ tạ vào rừng sâu.

Cư sĩ Tát-bạc liền trở về báo tin vui cho mọi người rồi cùng nhau hăng hái tiên phong băng qua nước kia báo cho hai nước đều biết tin mừng.

Nhờ giữ năm giới với mười điều lành mà hàng phục được quỷ dữ, mở thông đường đi. Do đây mới biết Phật pháp chân thật rộng lớn, không thể so

lường. Vì vậy, chúng ta hãy cùng nhau cố gắng giữ gìn giới luật, tôn kính Tam bảo, nhờ đó đất nước sẽ được thái bình. Sau khi chết sẽ được sinh lên cõi trời và cuối cùng sẽ đắc quả giải thoát. Giữ gìn năm giới là niềm tin và sức mạnh sâu nặng trong người Hiền giả vậy. Đức Phật dạy các Tỷ-kheo:

– Hiền giả Tát-bạc thời ấy là tiền thân của Ta.

Bồ-tát nhờ thực hành Bồ thí ba-la-mật mới thành tựu được như vậy.



2- Vô số kiếp về trước, thời ấy có một con chim Khổng tước đầu đàn, hướng dẫn một đàn chim gồm năm trăm con làm quyến thuộc, cùng nhau bay dạo chơi các vùng núi rừng. Chim đầu đàn chợt thấy chim Thanh tước sắc lông quá tươi đẹp, sinh tâm yêu mến, liền bỏ đàn bay theo chim Thanh tước. Nhưng chim Thanh tước này chỉ thích đồ ăn và quả thật ngon ngọt mà thôi.

Bấy giờ trong cung vua, hoàng hậu đang bị bệnh, ban đêm bà nằm ngủ, mộng thấy chim Khổng tước đầu đàn, nên khi thức dậy bà liền tâu với đức vua:

– Xin ngài ra lệnh cho thợ săn đi khắp nơi tìm bắt chim.

Vua ra lệnh cho các thợ săn:

– Nếu ai bắt sống được chim Khổng tước về đây, ta sẽ thưởng một trăm cân vàng và gả con gái

đẹp cho làm vợ.

Các thợ săn phân chia nhau đi khắp các vùng núi non, thấy được chim Khổng tước thường theo chim Thanh tước. Họ liền dùng viên mật ngon ngọt để trên khắp các cành cây, chim Khổng tước gặp được và vì Thanh tước ngày ngày mang về làm thứ ăn. Như vậy ăn lâu thành thói quen. Thợ săn lúc ấy mới hóa trang thân như bụi cây và đặt một viên lên trên đó. Khổng tước không biết, đến lấy mật viên, bị thợ săn bắt được. Chim nói với người thợ săn:

– Nếu người chịu thả ta được tự do, ta sẽ chỉ cho người vùng núi có rất nhiều vàng.

Người thợ săn nói:

– Vua đã hứa cho ta vàng và vợ đẹp là đủ lắm rồi.

Khi ấy bọn thợ săn đem chim về dâng cho đức vua để lãnh thưởng. Chim Khổng tước thưa với Đại vương:

– Vua vì thương hoàng hậu bệnh nên bắt tôi về đây, xin vua cho người mang nước sạch đến, tôi chú nguyện, hoàng hậu uống hoặc tắm rửa nước đó sẽ được lành bệnh. Nếu không lành, tôi sẽ xin chịu tội.

Vua sai người mang nước đến để chim chú nguyện, khi chim đã chú nguyện xong, trao nước ấy cho hoàng hậu uống. Nhờ đó mà bệnh của bà không còn nữa. Tất cả mọi người trong và ngoài

hoàng cung, có trăm thứ bệnh cũng nhờ uống nước chú nguyện của chim Khổng tước mà được trị lành.

Những người bệnh khắp trong nước của quốc vương nghe tin kéo nhau đến xin nước rất đông. Khổng tước thưa với Đại vương:

– Xin đức vua cho người cột chân tôi bằng một sợi dây dài trên một cành cây, rồi đem cắm vào giữa hồ nước để tôi có thể tự do bay qua lại hồ nước đó mà chú nguyện, khiến cho tất cả nhân dân xa gần đều có thể đến hồ ấy lấy nước trị bệnh.

Vua nói:

– Ý kiến như vậy rất tiện lợi.

Vua sai người cắm cây có cột chim vào hồ nước trong, chim được tự do, nỗ lực hết lòng chú nguyện. Tất cả nhân dân có bệnh được uống nước này: người điếc, kẻ mù đều được thấy, được nghe. Người què, người gù lưng đều đứng thẳng dậy được.

Lúc ấy chim lại thưa với Đại vương:

– Trong nước các bệnh nan y đều đã được trị lành. Nhân dân trong nước kính trọng, cúng dường tôi như vị Thiên thần không khác, nên tâm không muốn đi đâu nữa. Mong Đại vương có thể mở trời để tôi được tự do hơn, ra vào hồ nước chú nguyện. Còn ban đêm tôi ngủ trên chiếc cầu này.

Vua chấp nhận, liền sai người tháo mở dây trời cho chim. Được như vậy chừng vài tháng, một hôm

chim gặp vua trên chiếc cầu liền cười lớn. Vua hỏi:

– Vì sao ngươi cười lớn thế?

Chim đáp:

– Ta cười thiên hạ có ba việc ngu: Một là ta ngu, hai là thợ săn ngu, ba là đức vua cũng ngu. Vì sao tôi nói thế? Tôi có một đàn chim quyến thuộc năm trăm con theo sau mà đành từ bỏ để theo chim Thanh tước là vì có ý tham sắc dục nên mới bị thợ săn bắt được. Đó là tôi ngu.

Còn bọn thợ săn, tôi hứa chỉ cho chỗ núi có rất nhiều vàng mà không chịu nghe, chỉ tham chút ít vàng và nữ sắc của vua ban cho. Đó là thợ săn ngu.

Riêng nhà vua đã được gặp được Thần y, từ hoàng hậu, thái tử, tất cả nhân dân trong nước các bệnh đều được trị lành, ai cũng hồng hào, tráng kiện. Vua đã gặp được Thần y mà không biết giữ gìn, lại buông thả. Đó là vua ngu.

Nói xong lời ấy, Khổng tước cười chào vua, bay trở về núi.

Đức Phật dạy:

– Nay Xá-lợi-phất, chim Khổng tước đầu đàn lúc ấy là tiền thân của Ta. Quốc vương thời ấy là thân ông. Hoàng hậu thời ấy là vợ của Điều-đạt. Chủ thợ săn thời ấy là ông Điều-đạt vậy.



3- Ngày xưa có một vị vua đi săn bắn ở vùng đầm lầy rộng lớn, miền thôn dã, vì lạc đường nên

rất đói khát, mỏi mệt. Nhìn từ xa, vua thấy có ánh đèn và ngôi nhà thấp thoáng dưới bóng cây. Vua và đoàn người đi săn đến đó.

Ở trong ngôi nhà này có một người nữ. Khi nhà vua đến, được chủ nhân cho dọn đồ ăn uống và trái cây cho cả đoàn, mọi sở cầu đều được đầy đủ. Ăn uống xong, vua muốn mời chủ nhà ra để cảm ơn. Người giúp việc thưa:

– Chủ tôi không có áo mặc nên không dám ra chào.

Vua nghe vậy liền cởi áo gửi tặng.

Nữ chủ nhân nhận thì áo liền bị bốc cháy. Như vậy đến ba lần. Vua rất kinh hãi hỏi chủ nhân:

– Bà vì nhân gì mà phải chịu quả báo như vậy?

Nữ chủ đáp:

– Đời trước tôi là hoàng hậu. Đức vua thiết trai, cúng dường các vị Sa-môn, Phạm chí. Vua lại còn muốn đem gấm vóc, lụa là dâng y cúng dường. Lúc ấy tôi nói: “Chỉ thiết trai là được rồi, không cần cúng dường y phục.” Vì xưa làm như vậy mà nay phải chịu quả báo này. Nếu đức vua có lòng nghĩ đến tôi, xin ngài sắm y cúng dường cho các Sa-môn, đạo sĩ trong nước. Cần gặp được người thông hiểu kinh Phật nhờ họ chú nguyện cho. Được như thế, tôi mới mong thoát khỏi nỗi đau khổ này.

Vua chấp nhận lời thỉnh cầu này. Khi trở về nước sắm y cúng dường các Sa-môn, Đạo nhân để

nhờ chú nguyện cho cô ta, việc đã xong mà không có kết quả.

Lúc bấy giờ trong nước không có người nào thông hiểu kinh Phật. Vua nhớ lại việc này nên hỏi ông Xá-độ-phụ chắc sẽ được biết. Khi vua hỏi, ông Độ-phụ nói:

– Xưa, thần có giúp một người sang sông mà không nhận tiền nên người ấy đem một quyển kinh năm giới biếu cho thần để đọc tụng.

Vua mừng nói:

– Người biết kinh Phật, ta đem y cúng dường.

Độ-phụ nhận, rồi hết lòng chú nguyện khiến cho cô ta được phước vô lượng, giải thoát đau khổ. Liên khi ấy nữ chủ có áo mới mặc trên người.

Khi thọ mạng thân quỷ đã chết, thì cô ấy sẽ được lên cõi trời thứ nhất.



4- Ngày xưa, ở vùng Duyên hải có ông vua đi săn bắn, gặp một Sa-môn, xin mời về cung. Ban đêm vua nghe Sa-môn tụng kinh bằng tiếng Phạm. Vua nói: “Vị tu sĩ này có tài ca ngâm hay”. Nên khi vua có khách quý mời Sa-môn ca ngâm.

Lúc bấy giờ có một Ưu-bà-tắc ở nước khác đi buôn, đến yết kiến nhà vua. Vua thỉnh Sa-môn ra ca ngâm. Vị Phật tử này nghe Sa-môn tụng kinh ý nghĩa thâm sâu, trong lòng rất vui mừng phấn khởi, lễ tạ ra đi. Vì là người cùng một nước nên ông ta

đem cả ngàn vạn đồng tiền đến chuộc lại vị Samôn. Sau đó vị ấy phải trả ba ngàn vạn tiền vua mới chịu cho chuộc. Người lái buôn đánh lễ Samôn, rồi thưa:

– Con đã đem ba ngàn vạn tiền để chuộc ở đây rồi.

Đạo nhân trong khoảnh khắc khảy móng tay bay lên hư không, nói rằng:

– Người hãy tự chuộc cho người, không chuộc cho ta. Vì sao vậy? Thời xưa vua là người bán hành. Người đến nơi ông ấy mua hành trị giá khoảng ba tiền. Ta thời ấy đã nhận trả cho người, nên người khỏi trả ba tiền ấy. Nay ta sinh tử đã hết, làm gì phải chuộc đến ba ngàn vạn tiền, người chỉ trả lại ba tiền là đủ.

Vua liền hiểu, xin sám hối lỗi lầm, theo thầy thọ năm giới, làm vị Ưu-bà-tắc. Thầy dạy:

– Mang nợ không luận nhiều hay ít, không thể không trả, cũng không thể gánh vác cho người khác vậy.



5- Khi Đức Phật còn tại thế, có một chú bé cùng ở chung với người anh. Chú ấy thường ngày đi đến chỗ Phật xin thọ giới, nghe pháp. Người anh ngăn cản không được. Sau người anh bắt chú bé trối lại, dùng gậy đánh và nói:

– Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng sẽ cứu người.

Chú bé kêu khóc sợ hãi, hướng về Tam bảo, liền được đạo quả Tu-đà-hoàn. Nương oai thần của Đức Phật, cây gậy, dây trói đều nương theo thân bay lên, xuyên qua tường, lên xuống trong đất đều được tự tại.

Người anh thấy vậy, rất hoảng sợ, cúi đầu xin sám hối lỗi lầm. Chú liền vì anh nói ý nghĩa về hành động thế nào là thiện ác.

Sau đó hai anh em dẫn nhau đến chỗ Đức Phật xin thọ giới. Đức Phật vì họ nói rõ căn nguyên của kiếp gần nhất, người anh rất hoan hỷ, tâm ý khai mở, diệt trừ cấu uế mê hoặc, liền được đạo quả Tu-đà-hoàn.



6- Ngày xưa có một vị A-la-hán, cùng đệ tử là chú Sa-di ở trong núi hành đạo. Sa-di hằng ngày đến nhà thí chủ nhận cơm phải băng qua bờ đê gồ ghề nguy hiểm, thường bị trượt té đổ cơm trên đất dơ. Sa-di lấy cơm còn sạch bỏ vào bình bát của thầy, còn cơm dơ rửa sạch để ăn. Việc ấy thường xảy ra như vậy, chẳng phải chỉ một ngày.

Thầy hỏi:

– Vì sao phải rửa bỏ hương vị của cơm?

Thưa:

– Khi con đi nhận cơm trời đang tạnh, lúc về thì lại có mưa, làm cho con phải té đổ cơm!

Thầy lặng yên để thiền tư, biết đó là rỗng giỡn

Sa-di. Thầy liền đứng dậy, đến bờ đê, cầm gõ mạnh lên đó, rỗng phải hóa làm một ông già, đầu mặt lạy sát đất. Thầy Sa-môn nói:

– Người vì nhân duyên gì mà quấy rối Sa-di của ta?

Thưa:

– Không dám quấy rối. Sự thật là mền dung mạo của chú ấy mà thôi.

Rỗng liền thưa:

– Bạch ngài, chú ấy ngày nào cũng đi đâu vậy?

Thầy dạy:

– Chú ấy đi khát thực.

Rỗng thưa:

– Xin ngài hoan hỷ, từ nay, cứ đến giờ xin mời ngài đến nhà con thọ trai, để con được tăng tuổi thọ.

Sa-môn im lặng thọ thỉnh. Khi trở về vị thầy nói với Sa-di:

– Từ nay người đến nhà thí chủ nhận cơm và ăn tại đó, đừng mang cơm về đây nữa.

Chú Sa-di ngày ngày đến nhà thí chủ thọ trai, khi trở về rửa bát cho thầy, gặp vài ba hạt cơm hương vị không phải là cơm của thế gian có được. Sa-di hỏi Hòa-thượng:

– Con có gặp mấy hạt cơm trong bát của thầy, thưa cơm ấy có phải là của cõi trời không?

Vị thầy im lặng không đáp. Vì chú ấy muốn tìm

hiều xem cơm kia ai cúng cho thầy nên vào nằm ôm chặt chân giường.

Đã đến giờ thọ trai, Hòa thượng lên giường ngồi thiền, định ý, mang cả giường bay đến cung điện bảy báu của Long vương. Rồng cùng tất cả quyến thuộc đến đánh lễ Sa-môn và cũng vì Sa-di làm lễ. Khi thầy biết, gọi chú bước ra và khuyên Sa-di giữ gìn chánh tâm chớ động, vì tất cả cảnh tượng đều là vô thường, chớ vì huyễn cảnh mà ô nhiễm tâm ý.

Khi thọ trai xong đã trở về, thầy lại gọi chú dạy thêm:

– Loài rồng kia, tuy có cung điện bằng bảy báu cùng với vợ con, thể nữ, nhưng họ cũng chỉ là loài súc sinh mà thôi. Người làm Sa-di, tuy chưa được đạo cũng có thể sinh lên cõi trời Đao-lợi thù thắng hơn cõi Long cung gấp trăm lần. Người chớ vương bận mà làm nhơ bản tâm ý.

Thầy lại dạy tiếp:

– Đồ ăn trăm vị của loài rồng kia, khi họ ăn vào miệng liền hóa thành con ếch ương. Nếu họ khởi ác ý liền mưa ra, rồi phải ăn trở lại, nếu bỏ cơm ấy thì không có trở lại nữa. Đó là nỗi khổ thứ nhất.

Thứ hai, Long nữ tuy đoan chánh không ai sánh bằng, nhưng khi dục tâm sinh khởi liền phải biến thành hai con rắn giao nhau.

Thứ ba, loài rồng đều có vảy mọc ngược, cát đá

sinh nằm ở trong đó, đau nhói thấu tâm can.

Loài rồng có ba nỗi khổ như đã kể trên, vì sao người còn đề tâm ham muốn!

Chú Sa-di không chịu nghe, cứ đêm ngày tư tưởng đến cảnh giới kia, không chịu ăn uống, bị bệnh mà chết, thần thức liền thác sinh làm con của loài rồng, có oai thần rất lớn. Còn Long vương khi thọ mạng hết, được thác sinh trong loài người.

Thầy dạy:

– Người chưa được đạo quả, không nên cho họ đến cung điện của hàng vương giả.



7- Ngày xưa, có đức vua và hoàng hậu sinh được một người con gái tên là Nguyệt Nữ. Công chúa đoan chính, xinh đẹp không ai sánh bằng. Khi được vua ban áo, đồ dùng tốt đẹp và của báu trân quý, công chúa tiếp nhận và chỉ nói: “Cũng tự nhiên thôi”.

Đến lúc công chúa lên mười sáu tuổi, một hôm phụ vương giận, nói:

– Tất cả nhu cầu mà con đang có là do ta ban cho, sao con dám nói: “Phước báu của mỗi người tự nhiên như vậy!”

Sau này, nhân gặp một chàng trai đến xin ăn, vua muốn thử thách công chúa nên gọi đến, chỉ người nghèo đói ấy bảo:

– Nó thật là chồng của con.

Công chúa vẫn thản nhiên nói:

– Xin vâng lời phụ vương dạy.

Người đi xin này sợ hãi không dám nhận. Công chúa nói:

– Cuộc sống của anh thường bị túng thiếu, cô độc, nay được phụ vương thương ban cho hạnh phúc (vợ). Sao lại từ chối?

Để sống cuộc đời tự lập, hai người dẫn nhau đi ra khỏi thành. Ngày đi, đêm nghỉ, không bao lâu họ đến một nước lớn. Quốc vương nước này vừa mới băng hà mà không có thái tử nối ngôi. Hai vợ chồng công chúa ngồi nghỉ ngoài thành. Người ra kẻ vào có cảm tình đều hỏi:

– Các vị tên họ là gì? Từ nước nào đến đây?

Công chúa đáp:

– Thưa, xin được tự nhiên.

Như vậy trải qua mười ngày. Khi ấy ở trong triều đình các đại thần đã nghị bàn với nhau rồi ra lệnh các vị Phạm chí gồm một đoàn tám người, phân chia ra tám cửa của thành đô để lần lượt tìm người có phước tướng, nhưng rốt cuộc cũng chỉ có hai vợ chồng công chúa là ứng hợp với điều kiện tuyển chọn.

Sau khi các quan đã quyết định, họ liền cùng nhau đi đến nghênh đón hai vợ chồng công chúa vào cung để làm lễ tôn phong lên làm vua.

Khi đã chấp chánh, đức vua và hoàng hậu dùng

chánh pháp để cai trị, làm cho đất nước được thái bình, nhân dân an lạc.

Trong lễ tôn vương, các tiểu vương đều đến triều kiến chúc mừng đại vương. Phụ vương của công chúa cũng có tham dự trong bữa tiệc ấy. Khi các tiểu vương đã lần lượt từ tạ ra về, công chúa Nguyệt Nữ mời phụ vương ở lại. Bà dùng bảy báu làm một hồ cá chuyển động bằng máy, kéo lên một con cá, liền có một trăm hai mươi con cá khác hiện ra, mà chỉ có một con cá đầu đàn đến thì cửa chính mới mở. Công chúa Nguyệt Nữ bây giờ là hoàng hậu của một nước lớn. Bà hạ mình đến đánh lễ phụ vương, thưa với vua cha:

– Con nay tự nhiên đã được.

Vua cha nói:

– Con tu hành phước báo tự nhiên, ta không sánh kịp.

Thầy dạy:

– Công chúa Nguyệt Nữ và thiếu niên nghèo ấy kiếp trước là vợ chồng làm nghề nông để sống. Đang ở ngoài đồng ruộng, anh chồng bảo vợ đi lấy đồ ăn. Khi vợ trở lại, người chồng từ xa thấy bà vợ gặp Sa-môn, rồi dừng bên bờ sông. Người vợ thấy Sa-môn đang đi khát thực, liền rót cơm dâng cúng Đạo nhân, Sa-môn dừng lại nhận cơm. Người chồng ở xa trông thấy như vậy, nghi cho là có điều xấu, cảm gậy đi đến, nhưng khi đến gần liền thấy

Đạo nhân bay lên hư không. Người vợ nói: “Đây là phần cơm của anh. Hãy tự nhiên dùng, xin chớ giận dữ.” Người chồng lúc này hoan hỷ nói: “Thôi, cho tôi xin lỗi! Hãy phân cơm chúng ta cùng ăn.”

Thầy dạy:

– Người chồng do khởi ác ý nên bị đọa, phải sinh làm con nhà nghèo, sau nhờ thấy năng lực của Sa-môn nên hoan hỷ tự trách lỗi của mình. Vì vậy cuối cùng cả hai đều được hưởng thọ phước lớn.



8- Ngày xưa, Đức Phật còn tại thế cùng với các thầy Tỳ-kheo đi trên đường, gặp ba người say rượu. Một người chạy vào trong đám cỏ mà trốn. Một người ngồi giữa đường phùng má nói: “Không có tình trạng phạm giới.” Một người đứng dậy vừa múa, vừa nói: “Ta cũng không uống rượu của Phật, có gì mà phải sợ.”

Đức Phật dạy A-nan:

– Người say rượu vào trong đám cỏ mà trốn, khi Bồ-tát Di-lặc thành Phật sẽ được đắc Ứng chân. Người ngồi giữa đường phùng má, trải qua một ngàn Đức Phật sẽ gặp Đức Phật sau cùng mà được chứng quả Ứng chân. Người đứng dậy múa, chưa mong cầu được đạo vậy.

Ngày xưa có một thầy Sa-môn, ngày đêm siêng năng tụng kinh, có một con chó thường nằm dưới giường một lòng nghe kinh, quên cả việc ăn

uống. Trải qua nhiều năm như vậy, sau khi chết nó được chuyển sinh làm thân người nữ, trong nước Xá-vệ. Khi cô đã trưởng thành, hề thấy các thầy Sa-môn đi khát thực. liền mau mắn chạy về nhà đem cơm dâng cúng rất hoan hỷ. Do nhân duyên như vậy, lại nhờ các thầy Sa-môn hướng dẫn đến Ni chúng xuất gia. Sau khi thọ giới Tỳ-kheo-ni, vị ấy rất tinh tấn tu học, đạt được đạo quả Ứng chân.



9- Ngày xưa, khi Đức Phật Duy Vệ thị hiện ở đời, trong nước, các dòng họ lớn đều phát tâm cúng dường lên Đức Phật và chúng Tỳ-kheo.

Lúc bấy giờ cũng có một dòng họ lớn trong nhà rất nghèo, không biết lấy gì để thiết trai cúng dường. Ông thưa với chúng Tăng:

– Các thầy nếu có bệnh tôi xin cung cấp thuốc cứu chữa để cúng dường vậy.

Khi đó có một thầy Tỳ-kheo, thân thể có bệnh; ông ta cúng dường một quả cam. Thầy Tỳ-kheo sau khi ăn quả cam, thân tâm được yên ổn và sau đó được lành bệnh. Ông ta sau khi thọ mạng đã hết, liền được sinh lên cõi trời. Có năm việc thù thắng của hàng chư Thiên:

1. Thân không đau bệnh.
2. Thân thể trang nghiêm.
3. Thọ mạng lâu dài.

4. Tài bảo sung túc.

5. Trí tuệ cao vượt.

Như vậy, trong chín mươi một kiếp thường ở trên các cõi trời, sau hạ sinh trong nhà các dòng họ lớn, không bị đọa trong ba đường ác. Đến khi Đức Phật Thích-ca ra đời, ông làm con trong bốn dòng tộc, tên là Đa Bảo. Được gặp Phật Đa Bảo rất hoan hỷ, theo Phật xuất gia làm Sa-môn, tinh tấn tu học và được đạo quả nên thường gọi là Sa-môn Ứng chân.

Luận về cao hạnh xả thí, Sa-môn Ứng chân là thứ nhất, người đã nguyện vượt qua một nước mà dân cư vất vả, uế trược và hung bạo, rất khó điều phục.

Ngày xưa có cặp vợ chồng đều đã thọ trì năm giới, phụng sự các Sa-môn. Có một thầy Tỳ-kheo mới được thọ học, chưa thông hiểu kinh điển của Phật, đến nhà cặp vợ chồng này để khát thực.

Hai vợ chồng xin thỉnh Đạo nhân vào nhà dâng cơm cúng dường. Sau khi thọ trai xong, vợ chồng quỳ xuống đánh lễ, thưa:

– Chúng tôi có chút ít trai phạn cúng dường Đạo nhân. Chúng tôi chưa được nghe kinh, xin thầy khai mở, giải thích cho chỗ che mờ trong tâm trí mà chúng con không tự cởi mở được.

Thầy Tỳ-kheo cúi đầu không thể đối đáp, chỉ biết than:

– Khổ thay! Khổ thay!

Hai vợ chồng nghe thầy nói vậy, tâm ý đều được khai mở, thừa nhận thế gian thật là khổ. Liên khi ấy họ đều được thấy dấu vết của đạo. Thầy Tỳ-kheo khi biết hai người đều được hoan hỷ lợi lạc, cũng liền thấy được dấu vết của đạo.

Thầy dạy:

– Kiếp trước vị thầy và hai vợ chồng trong nhiều đời là ba anh em ruột, cùng nguyện với nhau: “Ai tu học mà thấy được đạo sẽ cùng dìu dắt nhau để được chánh quả.”



10- Ngày xưa có một vị quốc vương đi săn bắn trở về cũng cố gắng ghé qua chùa để đi nhiễu quanh tháp, nếu gặp được Sa-môn liền đánh lễ. Quần thần thấy vậy ngó nhau cười. Vua biết được hỏi quần thần:

– Giả sử có vàng để vào trong một cái vò nước, trong vò nước đầy cả nước sôi rất nóng, có thể dùng tay lấy vàng ra được không?

Quần thần đều tâu:

– Thưa không thể lấy ra được.

Vua nói:

– Nếu các khanh lấy nước lạnh đổ vào thì có thể lấy vàng ra được không?

Quần thần đều tâu:

– Thưa có thể lấy vàng ra được.

Vua nói:

– Việc của ta làm như: đi chơi săn bắn cũng ví như nước sôi. Thắp hương, đốt đèn cúng Phật, đi nhiều quanh tháp, cũng như đem nước lạnh đổ vào trong nước sôi vậy.

Luận rằng: Người lãnh đạo trong một nước, khi ra thi hành trách nhiệm, không sao tránh khỏi có điều thiện, ác. Chúng ta không thể chỉ biết làm ác mà không biết làm việc thiện hay sao?



11- Ngày xưa có một Sa-môn đi du hóa đến nước khác, trời đã tối, không kịp vào thành, phải ở lại ngoài thành, thầy ngồi tĩnh tọa trên đám cỏ. Khi đêm đến, quỷ Dạ-xoa xuất hiện đòi bắt Sa-môn ăn thịt. Sa-môn nói:

– Ta với ngươi cách xa nhau lắm.

Quỷ hỏi:

– Sao gọi là cách xa?

Sa-môn nói:

– Ngươi hại ta, ta sẽ nhờ đó mau sinh lên cõi trời Đao-lợi, còn ngươi trái lại sẽ đọa vào địa ngục. Như vậy không cách xa lắm hay sao?

Quỷ hiểu được, liền để Sa-môn được yên, xin tạ lỗi, rồi đánh lễ thầy ấy mà lui ra.



12- Thời xưa có một vị quốc vương sai sứ giả đi mời một vị tri thức. Ông ta nhận lời xin vua tha

lỗi vì đang đào đất làm hầm, muốn chôn giấu của báu. Vua nghe rất kinh lạ, lại sai người đi mời vị ấy lần nữa. Ông nhấn lời thưa với đức vua: “Nay đang đặt của báu xuống hầm.” Vua lại một lần nữa cho người đi mời ông, ông lại nhấn lời thưa với đức vua: “Nay đến lúc ban đất cho bằng, khi đất đã bằng rồi tôi tự đi đến gặp vua.”

Khi vị tri thức đã đến, vua hỏi:

– Người sao không dè dặt cẩn thận, chôn giấu của báu mà cho người biết sao?

Ông Tri-thức thưa:

– Khi tôi sắm sửa đồ ăn uống trân quý, muốn dâng cúng Đức Phật và chúng Tăng, tôi gọi đó là đào đất làm hầm. Khi làm lễ trai tăng, sốt cơm canh vào bát để dâng cúng tôi gọi đó là đặt của báu xuống hầm. Khi quét dọn sạch sẽ nơi đất Già-lam, cung cấp nước tắm rửa, mở thông đường đi, tôi gọi những việc làm đó là ban đất cho bằng.

Ông ta thưa với đức vua:

– Tôi cất của báu như thế sẽ không bị năm nhà đoạt mất.

Vua nói:

– Hay thay! Lành thay! Sao người không báo cho ta biết sớm. Nếu người báo sớm hơn, ta đã có một số kho tàng được cất giấu.

Sau đó vua ra lệnh mở kho báu để tổ chức việc bố thí rộng lớn. Tại cung điện, vua thỉnh Đức Phật

và chúng Tăng đến để thiết trai cúng dường. Khi thọ trai xong, Đức Phật vì đức vua mà chú nguyện và nói pháp thanh tịnh. Được nghe pháp, vua vui vẻ phát đạo tâm.



13- Ngày xưa, có bốn dòng tộc thay nhau thỉnh Đức Phật và chúng Tăng đến nhà để dâng cơm cúng dường.

Thời ấy có một người chuyên đi bán sữa bò, đến nhà một dòng tộc nọ, gặp lúc vị ấy đang thiết trai hội cúng dường nên mời ông ta ở lại dùng cơm và còn hướng dẫn ông thọ trai giới, nghe giảng Phật pháp. Nghe xong, ông rất hoan hỷ trở về nhà. Người vợ nói:

– Tôi từ sáng đến giờ đợi anh nên chưa ăn cơm.

Liên buộc chồng vào cùng ăn, phá mất ý muốn giữ trai giới trong ngày của người chồng. Tuy vậy, ông ta cũng được bảy lần sinh lên cõi trời, bảy lần trở lại nhân gian.

Thầy dạy:

– Một ngày giữ gìn trai giới sẽ được sáu mươi vạn năm thường no đủ, lại còn được năm thứ phước:

1. Ít bệnh tật.
2. Thân được an ổn.
3. Ít nghĩ về tâm dục.
4. Ít ngủ nghỉ.

5. Được sinh lên cõi trời, biết được việc làm của mình trong đời trước.



14- Thuở xưa có một thí chủ mời Đức Phật và chúng Tăng đến nhà thiết trai cúng dường. Có một Sa-môn và chú Sa-di đến sau, vì khi đi trên đường, Sa-môn này gặp một người nữ có ý tham dục kéo lại, thầy ấy không tỉnh giác nên cũng tùy thuận, rồi mới đi đến nhà thí chủ.

Đức Phật bảo Sa-di đến sau:

– Người đi đến dưới chân núi Tu-di lấy nước khoáng ở suối ngọt về đây.

Vì đã được đạo nên vị ấy liệng bình bát tới trước hai tay nắm lại bay theo, trong khoảnh khắc lấy nước trở về. Thầy Sa-môn thấy vậy áy náy không yên, hối lỗi, tự trách, liền khi ấy được đạo quả A-la-hán.

Còn người nữ khởi ý dục kia có liên quan tình cảm với Sa-môn đời trước, sau này phải trả hết tội báo rồi mới được đạo.

Thời xưa, vua A-dục một ngày phát tâm dâng cơm cúng dường một ngàn vị A-la-hán. Sau đó có một Sa-môn trẻ tuổi cùng đi với chúng Tăng vào vương cung thọ trai. Sa-môn trẻ tuổi này khi ngồi xuống liền đảo mắt nhìn lên, nhìn xuống, rồi nhìn quanh khắp cung điện, sau lại nhìn chăm chú vào hoàng hậu. Đức vua thấy vậy có ý giận.

Thọ trai xong, đại chúng trở về, vua xin mời ba vị Thượng tọa ở lại. Vua A-dục hỏi:

– Vị Sa-môn trẻ tuổi kia từ đâu đến? Ông ta danh tánh là gì và thờ ai làm thầy? Ông ấy không phải là Sa-môn, vì sao mà được vào trong cung, lại còn nhìn hoàng hậu không chớp mắt?

Thượng tọa dạy:

– Sa-môn này mới từ Thiên trúc đến. Danh tánh như vậy, như vậy. Thầy ấy có trí sáng, thông suốt kinh điển, cố đến để xem thiết kế trong cung điện, rồi nhìn lên cung trời Đao-lợi, trong ý so sánh có thể bằng nhau không khác. Đức vua do đời trước dùng cát nhuyến làm bình bát dâng cúng dường Phật, nay mới được cung điện nguy nga như vậy. Lại thêm hằng ngày cúng dường trai phạn cho cả ngàn vị A-la-hán, phước đức của vua thật vô lượng vô biên. Sở dĩ Sa-môn kia chăm nhìn hoàng hậu vì thầy ấy suy nghĩ: “Bà là người mà trong một vạn sáu ngàn thể nữ, được thân thể đoan chính không ai sánh bằng, nhưng đáng tiếc là sau bảy ngày nữa bà phải chết và sẽ vào địa ngục. Ôi! Thế gian thật là vô thường!” Sa-môn trẻ tuổi kia do dụng tâm như thế mà nhìn hoàng hậu như vậy.

Vua khi nghe lời ấy, trong lòng lo sợ, cho mời hoàng hậu đến, rồi cung kính đánh lễ hướng về ba vị Thượng tọa. Thượng tọa dạy:

– Vua tuy mỗi ngày cúng dường cho chúng tôi

cả ngàn vị, trong ngàn vị ấy không ai có thể giải thích, cởi mở được tâm ý của hoàng hậu. Nếu có Sa-môn trẻ tuổi kia vì hoàng hậu mà nói pháp thì bà mới thấy được chân lý của đạo.

Đức vua liền cho người đi cung thỉnh vị Sa-môn trẻ tuổi kia. Khi Sa-môn đến, vua cùng hoàng hậu đều cúi đầu đánh lễ, thưa:

– Chúng tôi nguyện đem thân mạng về nương tựa, để cho tội nặng của chúng tôi được giảm nhẹ.

Sa-môn liền vì hoàng hậu nói rõ đời trước, chỉ những chỗ có thể thấy được. Sau lại giải bày những điều cốt yếu trong Phật pháp. Sau khi bà nghe xong tâm ý rất hoan hỷ, cảm động, toàn thân lông dựng ngược, cảm nhận pháp lạc, liền được chứng quả Tu-đà-hoàn.

Hoàng hậu đã năm trăm đời làm em gái của Sa-môn này, vì đã dùng thệ nguyện: “Nếu ai được đạo trước sẽ độ thoát cho nhau.”

Thầy dạy:

– Người không có nhân duyên kiếp trước thì đời nay không thể giảng giải cho nhau, cũng không thể gặp gỡ nói năng. Nếu có nói gì cũng không thể đi thẳng vào tâm ý họ được. Vì vậy cho nên người tu hành ai cũng có thầy Bốn sư của mình vậy.



15- Ngày xưa, có một người trong bốn dòng tộc, tên là Y-lợi-sa, trong nhà giàu có, tiền bạc rất

nhiều, nhưng tánh tình ông chủ lại xan tham, bòn xén, không chịu bỏ tiền để chi tiêu cho việc ăn mặc trong gia đình.

Thời ấy cũng có một ông lão nghèo ở gần nhà, hằng ngày trong gia đình cùng bạn bè tới lui liên tục tổ chức ăn uống vui vẻ. Ông ta tự suy nghĩ: “Ta giàu có tiền của quá nhiều mà thua ông lão nghèo kia!”. Liền quyết định làm thịt một con gà, nấu một nồi cháo trắng, để lên xe, đi tìm một chỗ vắng người, xuống xe, soạn ra ăn.

Trời Đế Thích biết được, liền hóa làm một con chó đi đến nhìn ông ta rồi nhìn món ăn. Ông nói với chó:

– Người nếu có thể treo ngược trong hư không ta sẽ cho ăn, còn không thì thôi.

Con chó liền treo ngược trong hư không. Ông ta trong lòng rất lấy làm ngạc nhiên: “Sao lại có thể như vậy!”. Nhưng ông ta lại nói tiếp:

– Nếu người có thể làm cho hai con mắt rơi xuống đất, ta sẽ cho ăn, còn không làm được thì đi đi!

Con chó khi ấy hai con mắt đều rơi xuống đất. Ông ta thấy vậy sợ quá, lên xe bỏ chạy. Trời Đế Thích khi ấy liền hóa thân hình của mình giống hệt như Y-lợi-sa cỡi xe trở về nhà. Khi đã đến nhà, ông ta nói với người giữ cửa:

– Nếu có ai đến đây tự xưng là chủ nhà thì

người hãy đánh đuổi nó đi.

Sau đó Y-lợi-sa thật trở về nhà muộn, bị người gác cửa mắng nhiếc, đuổi đi. Trời Đế Thích làm chủ nhà, tự nói cái lỗi trước của mình, muốn ăn năn nên đem tài vật phân phát cho vợ con, trong ngoài thân thuộc đều được đầy đủ, vui vẻ. Ông Y-lợi-sa nghe tin như vậy mà không dám trở về, vì ông quá sợ tài vật mất hết nên phát điên cuồng. Trời Đế Thích đã biết, nên hóa thành một người đi đến gặp Y-lợi-sa và hỏi:

– Người vì sao mà buồn rầu quá như vậy?

Ông Y-lợi-sa nói:

– Tiền tài vật chất của tôi nay đã hết sạch rồi!

Đế Thích nói:

– Luận rằng, ở đời người có nhiều tiền của, tài vật sẽ làm cho họ bị nhiều lo lắng đau khổ. Tiền của ấy nó thuộc về năm nhà, đến đi không hẹn thời kỳ. Tham tiếc của cải không dám ăn, không chịu bố thí, sau khi chết sẽ đọa làm loài quỷ đói, thường không có cơm ăn áo mặc. Nếu hết nghiệp quý đói, tuy được thân người cũng phải làm kẻ bán tiện, nghèo khổ. Người không rõ được lẽ vô thường sao? Được giàu có mà lại xan tham, không dám chi dụng ăn uống, còn mong muốn gì?

Trời Đế Thích lại vì ông ta nói pháp Tứ đế:

– Tất cả sự việc vốn hư huyền, vô thường không thật, nếu bám theo nó sẽ bị khổ, thân này

cũng như vậy...

Liên khi ấy tâm ý của ông được cởi mở, lấy làm hoan hỷ vô cùng. Trời Đế Thích cũng liền biến mất.

Sau đó ông trở về nhà, tự hồi hận ý nghĩ, việc làm của mình lúc trước, phát tâm bố thí, cung cấp đầy đủ việc chi dụng cần thiết cho mọi người trong gia đình, thân tộc và chúng đắc quả Đạo tích.



16- Ngày xưa, trong một gia đình lớn, có một người con trai rất khôi ngô, tuấn tú. Anh ta dùng vàng ròng đúc hình tượng một cô gái rất đoan chính rồi thừa với cha mẹ:

– Nếu có người con gái nào như thế này thì con mới cưới làm vợ.

Thời ấy, ở nước khác, có một người nữ rất đoan trang, dùng vàng đúc một hình tượng người nam rất khôi ngô. Cô ta thừa với cha mẹ:

– Nếu gặp người con trai như thế này thì mới xứng đáng làm chồng con.

Hai bên cha mẹ đều nghe có sự thật như vậy, nên cha mẹ bên chàng trai đến cầu hôn, xin kết hợp hai người đẹp này làm vợ chồng.

Bấy giờ có một ông vua đem gương để tự soi mặt, rất hài lòng, liền gọi các quan bảo:

– Trong thiên hạ có người nào hình dung tốt đẹp như ta chăng?

Các quan thưa:

– Thần nghe đồn nước kia có một người đàn ông rất khôi ngô, không ai sánh bằng.

Vua liền sai sứ giả đi mời người ấy. Sứ giả đến nơi, liền nói:

– Thưa, vua của chúng tôi muốn được gặp Hiền giả.

Người ấy liền sửa soạn xe cộ đi lên đường. Đi được một đoạn lại tự nghĩ: “Vua có thể cho ta là người thông đạt nên sai người đến mời. Vậy hãy trở lại lấy một ít sách vở nói về các kỹ thuật cần yếu.”

Khi về lại nhà, bắt gặp vợ của mình cùng người khác tư thông. Trên đường đi đến cung vua mà trong lòng của ông ta phiền muộn, bức bối, uất ức. Vì vậy nên sắc diện lần lần suy tàn, lại thêm suy nghĩ trách móc, càng làm cho thân thể gầy yếu, xấu thêm.

Vị sứ giả thấy ông khách do đi đường trắc trở, khó khăn nên dung mạo gầy mòn, liền quyết định gọi ông khách vào nhà người nuôi ngựa nghỉ ngơi rồi sẽ liệu tính. Ban đêm, ở đây, vì có tâm sự buồn nên vị ấy ngủ không được, tình cờ thấy hoàng hậu lén lút cùng người nuôi ngựa tư thông. Do vậy mà ông được tỉnh ngộ: “Hoàng hậu vợ vua mà còn như vậy, huống gì vợ của ta!”. Ông ta lúc ấy trong lòng tất cả phiền muộn đều được cởi mở, nên dung mạo

trở lại tốt đẹp như xưa. Sau đó Hiền giả liền vào bái kiến nhà vua. Vua được gặp, vui mừng hỏi Hiền giả:

– Vì sao Hiền giả phải ở lại ngoài thành ba ngày?

Hiền giả thưa:

– Tâu Đại vương, khi sứ giả đến đón, thần vì quên một việc nhỏ nên quay trở về nhà, tình cờ gặp vợ của hạ thần cùng với người khách tư thông. Trên đường đi đến đây, hạ thần trong lòng tức giận, phần nộ nên nhan sắc của hạ thần suy vi, tàn tạ. Vì vậy hạ thần phải xin trú ngụ ba ngày trong nhà người nuôi ngựa. Trong lúc ở lại đây, vì có tâm trạng buồn nên không ngủ được, do đó thấy được hoàng hậu cùng người nuôi ngựa tư thông. Tôi suy nghĩ: “Hoàng hậu còn như vậy, huống gì người khác”, nên tâm ý tôi được khai mở, nhờ đó mà nhan sắc trở lại bình thường.

Vua than:

– Hoàng hậu của ta mà còn như thế, huống gì những phụ nữ phạm tình khác!

Sau đó, vua lo sắp xếp việc triều đình rồi cùng Hiền giả vào núi, cạo bỏ râu tóc, nguyện suốt đời làm Sa-môn, với người nữ không thể chung cùng một lý tưởng lâu dài.

Hai vị Sa-môn tinh tấn tu hành, sau đó đều chứng đạo quả Bích-chi-phật.



17- Ngày xưa có người đàn bà sinh được một bé gái xinh đẹp, dễ thương. Bé vừa mới lên ba tuổi, có ông vua trẻ thấy được, cho mời đạo sĩ đến xem tướng thử đề sau này có thể làm hoàng hậu được không.

Đạo sĩ thưa:

– Bé gái sau này sẽ có chồng bình thường.

Vua muốn yên tâm về sau nên nói:

– Ta sẽ biệt lập nó để nuôi dưỡng.

Vua liền gọi Hộc đạo sĩ đến hỏi:

– Chỗ ở hiện nay của người thế nào?

Đạo sĩ thưa:

– Thần ở trên dãy núi lớn, một nửa phía sau là rừng cây, người và thú vật không thể đi qua được, phía trước nước chảy bọc trở lại, ghe thuyền không thể thông thương.

Vua nói:

– Ta giao bé gái này gởi khanh nuôi dưỡng.

Đạo sĩ nhận mang về nuôi, thường ngày đến cung vua lấy đồ ăn cho bé gái. Như vậy, trải qua một thời gian lâu, trên thượng nguồn có một đám cây cỏ vụn bám vào gốc cây, theo dòng nước trôi đi. Dưới nguồn, có một người con trai đi hái củi thấy được, liền giữ chặt bám lấy gốc cây. Vì nước chảy mạnh bị té, cuốn trôi không gượng lại được. Anh ta theo dòng nước chảy ngược bao quanh, nổi

lên và dừng lại. Anh ta nương theo chân núi bước lên rừng cây của Học đạo sĩ, gặp người con gái kia và sau đó hai người thân nhau, người con gái cố thu giấu anh ta.

Một hôm, Học đạo sĩ đỡ người con gái lên và nói:

– Con gái có hoài thai thì nặng, không hoài thai thì nhẹ.

Đạo sĩ biết cô ta lúc này nặng nề. Sau đó, đạo sĩ cố ý lục tìm khắp nơi và bắt gặp người con trai, liền đuổi nói đi. Đạo sĩ đến cung vua trình bày sự việc như vậy. Vua nói:

– Đạo sĩ tuy có công nhưng cũng còn do tướng người nữa vậy.

Thầy dạy: Con người đều có liên quan mật thiết với nhau, không thể dùng thần lực mà hạn chế được. Gặp người đã tương quan thì rất dễ tương thân. Cho đến cả loài súc sinh cũng như vậy.



18- Ngày xưa có ông vua phong một thiếu nữ lên làm hoàng hậu. Một hôm chánh hậu gọi thái tử đến bảo:

– Mẹ từ nhỏ đến bây giờ chưa thấy được giang sơn, đất nước, muốn đi ra ngoài thăm viếng dân tình. Con có thể thưa vua giúp mẹ.

Bà nói với thái tử ba lần như vậy. Thái tử sau đó thưa với vua cha, được vua chấp nhận. Hôm sau

thái tử tự đứng ra điều khiển đoàn xe.

Khi xe của hoàng hậu vừa ra khỏi cung, quần thần ở hai bên đường lộ phụng mạng nghênh đón, vái chào hoàng hậu. Hoàng hậu vui quá, đưa nguyên cánh tay ra khỏi màn che để cho mọi người được chiêm ngưỡng. Thái tử suy nghĩ: “Chắc nữ nhân đều như vậy”, liền nói dối là con bị đau bụng, xin mẹ quay trở về. Hoàng hậu nói với thái tử:

– Mẹ có xấu lắm không, sao con không vui? Thái tử nghĩ: “Mẹ ta còn như vậy huống gì người khác.”

Ban đêm thái tử trốn khỏi cung điện, vào trong núi dạo chơi, trên đường đi gặp một cây cổ thụ đứng bên đường, phía dưới có suối nước chảy rất đẹp. Thái tử leo lên cây ngồi nghỉ. Chợt thấy có vị Phạm chí một mình đi đến gốc cây, cởi áo xuống tắm, rồi đem cơm ra ăn. Ăn xong ông ta nhả trong miệng ra một bầu hồ lô, từ trong bầu kia bước ra một người con gái, hai người dẫn nhau đến chỗ vắng tình tự như vợ chồng. Sau đó người con gái thấy Phạm chí đã ngủ, cô ta đến chỗ khác cũng nhả trong bụng ra một bầu hồ lô, trong bầu hồ lô ấy có một người trai trẻ bước ra, hai người lại cùng nhau tình tự. Xong, người con trai nhảy vào hồ lô, cô ấy nuốt vào bụng trở lại. Khi Phạm chí thức dậy đem người con gái đặt vào hồ lô rồi nuốt vô bụng, chống gậy ra đi.

Thái tử khi trở về cung điện, thưa với vua cha:

– Xin phụ vương mở tiệc mời các quan và một Phạm chí, dọn một bàn có ba phần ăn đặt riêng một bên.

Khi Phạm chí đã đến, vua mời tất cả vào bàn. Phạm chí thấy chỗ bàn ăn của mình có đến ba phần, ông ta nói:

– Tôi chỉ đến có một mình thôi.

Thái tử liền thưa với Phạm chí:

– Ngài nên thành thật đem vợ con ra để cùng ăn cho vui.

Ông ta bắt đắ dĩ phải cho vợ xuất hiện. Thái tử lại đến nói với người vợ:

– Còn người tình của bà nữa, xin mời ra để cùng vào tiệc.

Thái tử nhắc đến ba lần, không thể giấu được, bà phải cho người trai trẻ xuất hiện để cùng nhau ăn uống. Mãn bữa tiệc, đâu lại vào đó, đạo sĩ một mình chống gậy từ tạ ra đi. Vua hỏi thái tử:

– Con vì sao mà biết rõ được như vậy?

Thái tử thưa:

– Mẹ con muốn đi xem dân tình trong nước, con vì mẹ đánh xe, mẹ đưa tay vẫy cho mọi người được chiêm ngưỡng. Con nghĩ: “Người phụ nữ thường nhiều ham muốn.” Con nói dối với mẹ là con bị đau bụng để được trở về. Sau đó con vào núi đạo chơi, thấy Đạo nhân chứa người đàn bà ở

trong bụng, đương nhiên có điều gian dối, nhưng người đàn bà kia cũng gian dối không kém. Xin nguyện phụ vương ân xá cho những thể nữ trong cung được tự do quyết định ở lại hoặc ra đi.

Vua nghe thái tử đề nghị như vậy, nên liền ra lệnh cho các cung phi mỹ nữ, ai muốn đi sẽ được cho phép.

Thầy dạy:

– Trong thiên hạ, người nữ thật khó tin.



19- Ngày xưa có hai người theo thầy học đạo, cùng nhau đi đến một nước khác. Trên đường đi thấy dấu chân voi. Người thứ nhất nói:

– Đây là dấu chân của con voi mẹ đang mang thai một con voi cái, mà con voi mẹ lại bị đui mắt bên phải, trên lưng voi là một người đàn bà đang hoài thai một bé gái.

Người thứ hai nói:

– Người làm sao biết?

Người thứ nhất:

– Chỉ dùng ý suy nghĩ mà biết. Người không tin, hãy đi nhanh tới trước sẽ thấy.

Khi hai người bắt kịp con voi đều đứng như điều người thứ nhất đã nói, sau này voi và người sinh con đều đúng như vậy. Người thứ hai suy nghĩ: “Ta cùng người kia theo thầy học đạo, riêng ta sao không thấy được những việc bí yếu kia?”.

Anh ta sau này trở về tàu lại với thầy:

– Chúng con hai người cùng đi, người bạn kia thấy dấu chân voi, riêng có thể phân biệt rõ ràng những chỗ bí yếu, mà con thì không hiểu. Mong thầy khai bày diễn giải cho.

Thầy nói:

– Ta dạy không thiên lệch đâu.

Thầy mới gọi người thứ nhất đến hỏi:

– Do đâu mà con biết được như vậy?

Người học trò thưa:

– Việc này thầy cũng thường dạy. Con thấy voi tiểu tiện trên đất biết là voi cái. Thấy chân voi bên phải lún sâu xuống đất, biết voi đang mang thai, mà thai kia là con voi cái. Thấy trên đường đi phía bên phải cỏ còn nguyên nên biết mắt phải của con voi bị đui. Thấy chỗ con voi dừng nghỉ có người đi tiểu tiện biết là có người nữ. Thấy dấu chân bên phải của người ấy lún sâu nên biết là người đàn bà này đang hoài thai một bé gái. Con chỉ nhờ dụng tâm ý tinh tế mà suy nghĩ như vậy.

Thầy dạy:

– Luận rằng: Phàm học tập, thì phải biết dụng tâm suy nghĩ. Nếu người dụng tâm sơ sài thì không đạt đến hiểu biết được, nhưng dù hiểu biết cũng không ngoài lời thầy đã dạy vậy.



20- Ngày xưa có một người đàn bà rất giàu,

quen biết với một người đàn ông khác. Bà ấy mang tất cả vàng bạc, vật dụng đi theo người đàn ông kia. Hai người đi đến bên bờ sông, nước chảy rất mạnh. Người đàn ông nói:

– Cô đưa hành lý, tiền bạc đến đây, tôi mang qua sông trước, rồi trở lại đón cô.

Khi đã có tiền của trong tay, người đàn ông liền đi luôn không trở lại. Người đàn bà đứng cô độc, đợi chờ bên bờ sông. Thấy người đi câu kiếm mỗi bỏ xuống câu cá, đã không được cá mà lại mất mồi. Bà ấy nói với người đi câu:

– Ông sao ngu quá vậy? Bỏ hai mà không được một!

Người đi câu nói:

– Cái ngu của tôi còn chấp nhận được, cái ngu của cô còn quá hơn tôi.



21- Ngày xưa, con gái của Long vương đi ra ngoài cung dạo chơi, bị bọn chăn trâu bắt trói, đánh đập, hành hạ. Vua trong nước ấy cũng ra ngoài thành thăm viếng dân tình, thấy một bé gái bị bọn chăn trâu hành hạ, liền đến giải cứu.

Khi cô bé trở về Long cung, Long vương hỏi:

– Con vì sao khóc?

Long nữ thưa:

– Con bị ông vua đánh oan.

Long vương nói:

– Ta nghe nói ông vua này rất nhân từ, sao nay lại đánh người một cách ngang ngược?

Long vương ban đêm biến thành một con rắn nhỏ, nằm dưới giường để nghe ngóng, dò xét ông vua kia. Ông vua nói với hoàng hậu:

– Khi sáng ra ngoài thành dạo chơi, thấy một bé gái bị bọn chăn trâu bắt đánh, ta thấy tội nên đến giải cứu kịp.

Long vương nghe như vậy nên sáng hôm sau hiện làm người đến xin gặp đức vua cùng nói chuyện.

Long vương nói:

– Ngài đối với tôi có ân đức lớn, vì tôi nghe con gái tôi nói: Ngày hôm qua nó đi dạo bị người đánh và được ngài cứu. Tôi là Long vương, ngài có ước muốn điều gì tôi cũng có thể giúp ngài được.

Đức vua nói:

– Bảo vật tôi cũng đã có đầy đủ. Chỉ xin được nghe tiếng nói muôn thú.

Long vương nói:

– Xin ngài phải thanh tịnh bảy ngày.

Đã đúng hẹn, Long vương xuất hiện nói:

– Xin hãy cẩn thận, chớ nói cho người khác biết.

Một hôm vua cùng hoàng hậu ngồi ăn cơm. Vua nghe con ngài cái bảo con ngài đực đi kiếm cơm giúp. Ngài đực nói:

– Chúng ta đều phải tự túc kiếm lấy mà ăn.

Ngài cái nói:

– Cái bụng của tôi sao bất tiện quá!

Vua liền cười lớn. Hoàng hậu nói:

– Ngài cười gì vậy?

Vua chỉ biết im lặng. Sau đó, vua cùng hoàng ngòì chơi. Vua thấy và nghe rõ hai con ngài gặp nhau, tranh cãi rồi cắn lộn nhau, đều bị rơi xuống đất. Vua lại cười, hoàng hậu hỏi:

– Vì sao lại cứ cười một mình vậy?

Bà hỏi đến ba lần. Vua nói:

– Trẫm không thể nói cho ái khanh nghe được.

Hoàng hậu nói:

– Nếu ngài không nói chuyện với tôi, tôi sẽ tự sát.

Vua nói:

– Đợi ta đi ra ngoài có việc cần, khi về sẽ nói với ái khanh.

Vua liền ra đi, đến bờ sông nhìn xem phong cảnh. Long vương khi ấy hóa thành vài trăm con dê lội qua sông. Có một con dê cái mang thai, gọi con dê đực nói:

– Ông mau trở lại đón tôi.

Dê đực nói:

– Ta cũng đã mệt không thể trở lại đón ngươi được.

Dê cái nói:

– Ông không đón tôi, tôi sẽ tự sát. Ông không biết đức vua kia sẽ vì vợ mà chịu chết sao?

Dê đực nói:

– Ông vua kia ngu mới vì vợ mà chết. Nếu người chết ta sẽ không còn dê cái nào để làm vợ hay sao?

Vua nghe như vậy liền suy nghĩ: “Ta làm vua một nước mà trí óc không bằng con dê này.” Khi vua trở về cung, hoàng hậu thưa:

– Nếu ngài không trả lời những thắc mắc của tôi vừa qua, tôi sẽ tự sát.

Vua nói:

– Nếu khanh muốn tự sát thì tùy ý. Trong cung điện của trẫm còn quá nhiều cung phi mỹ nữ, nếu không có khanh, buộc ta phải phong người khác thay thế vậy.

Thầy dạy:

– Người đàn ông ngu si mới vì vợ mà tự hại vậy.



22- Ngày xưa có một nước mùa màng thu hoạch tốt, ngũ cốc dư thừa, nhân dân an lạc, lại không tật bệnh, ngày đêm hòa nhạc hát ca, không biết lo buồn là gì.

Một hôm, vua hỏi các quan rằng:

– Trẫm nghe trong thiên hạ có các thứ tai vạ,

nó là loài gì vậy?

Các quan đều thưa:

– Chúng tôi cũng chưa được chứng kiến.

Vua ra lệnh cho một vị quan đi sang nước bên cạnh tìm mua về. Có vị Thiên thần hóa làm người, đem một con vật vào chợ bán, hình thù nó giống như con heo nhưng rất hung dữ nên phải buộc bằng dây sắt, khóa lại cẩn thận. Ông quan thấy vậy hỏi:

– Đây là con vật gì?

Thưa:

– Đây con “tai vạ mẹ”.

– Bán nó bao nhiêu?

– Thưa, phải một ngàn vạn tiền.

Ông quan lại hỏi:

– Nó thường ăn những thứ gì?

– Thưa, một ngày nó ăn một đấu vàng.

Khi ông quan mang nó về nước, vua ra lệnh cho các quan đôn đốc nhân dân phải nộp vàng để nuôi “tai vạ mẹ”. Như vậy, nhân dân bỏ công ăn việc làm, ra đường gặp nhau oán than vì tìm mua vàng rất khó khăn. Cho nên khắp trong quận, xã, xóm làng nhân dân đều làm than khốn khổ, thảm độc vô cùng. Các quan thưa với vua:

– Cái “tai vạ mẹ” này nó khiến cho nhân dân rối loạn, nam nữ đều thất nghiệp oán than. Vậy nay xin đem giết nó đi!

Vua nói:

– Việc đó rất tốt, hãy mau tiến hành.

Các quan vâng lệnh, mang ra ngoài thành để giết nó. Họ phải sử dụng mấy tay đao phủ nhưng đâm không trúng, chém không đứt, búa cũng không chết. Sau cùng phải chát củi đốt nó. Khi đốt, toàn thân cháy đỏ như lửa, nó liền vùng đứng dậy, chạy băng qua xóm làng, chợ búa, thành trì... Đi đến đâu, tất cả đều bị thiêu rụi. Như vậy, khắp trong nước nhân dân đều bị lầm than, khốn khổ vô cùng.

Vua tôi ngồi không vô sự, hưởng cảnh an nhàn, khoái lạc không muốn, lại đi mua cái “tai vạ mẹ” về để cùng chịu lầm than khốn khổ!



23- Ngày xưa có một con chim Anh vũ, bay đến thăm chơi một vùng núi khác, trong núi này có hằng trăm loại chim muông và các cầm thú sống với nhau rất hiền hòa, ít tàn hại nhau.

Chim Anh vũ suy nghĩ: “Tuy hiện tại chúng ta được thanh bình như vậy, nhưng xét ra mọi hiện tượng trong cuộc đời này không có gì là bền lâu, nên đến lúc cần trở về.” Chim Anh vũ liền từ giả bạn bè trở lại cố hương.

Cách vài tháng sau, toàn bộ vùng núi đều bị bốc lửa, chim Anh vũ từ xa trông thấy, liền bay lên không trung để tìm vùng nước gần nhất, dùng thân tắm đầy nước, bay đến đám lửa, rũ nước xuống để

mong dập tắt lửa lớn. Vì gấp lấy nước nên bay qua, bay lại nhiều lần. Có vị Thiên thần thấy vậy nói:

– Này chim Anh vũ, vì sao ngươi ngu như vậy. Lửa cháy cả ngàn dặm, đâu có thể dùng một ít nước mà dập tắt được?

Chim Anh vũ nói:

– Tôi cũng biết thế, nhưng vì là chỗ quen thân, nên tôi biết được trong núi này có hàng trăm loại chim muông và rất nhiều cảm thú, tất cả đều hiền lành, là anh em với nhau nên tôi không nhẫn tâm ngồi thấy họ chết thảm.

Thiên thần nghe qua rất cảm động trước thiện chí của chim Anh vũ, liền làm mưa lớn để dập tắt ngọn lửa.



24- Đức Phật cùng các thầy Tỳ-kheo đi trên đường. Có một đoạn Đức Phật hướng dẫn đi tránh vào trong cỏ. Ngài A-nan thấy vậy hỏi Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vì sao phải bỏ đường mà đi vào trong cỏ?

Đức Phật dạy:

– Chỗ ấy có giặc, ba Phạm chí đi sau sẽ bị giặc bắt.

Ba vị Phạm chí đi sau, đến chỗ ấy, thấy bên đường có một đồng vàng, họ liền dừng lại chộp lấy. Vì quá vui mừng nên bàn với nhau: cử một người vào chợ mua cơm để về cùng ăn. Người

được vào chợ mua cơm, sau khi đã ăn no, liền sinh ác ý, mua thuốc độc bỏ vào trong đồ ăn, cố ý sẽ giết hại người kia để được hưởng lợi một mình.

Hai người ngồi bên đồng vàng lại cũng sinh ác ý đợi người mang cơm trở về họ sẽ giết chết. Sau khi đã giết người kia, họ đem cơm ra ăn và đều ngộ độc chết hết.

Do ba người đều có ác ý, nên lần lượt giết hại nhau như vậy.



25- Ngày xưa có một họ tộc lớn, ông chồng vì thương vợ nên giấu bà ấy dưới hầm không muốn cho người khác trông thấy. Bà vợ sai đầy tớ gái đào một đường hầm thông ra bên ngoài để cùng với người thợ bạc tư thông. Sau đó người chồng biết được, trách mắng bà. Người vợ nói:

– Tôi xưa nay không đi đâu cả, anh chớ nói càn bậy.

Người chồng nói:

– Phải đem người đến chỗ Thọ thần để thưa hỏi cho ra lẽ mới được.

Người vợ nói:

– Anh muốn như vậy cũng tốt.

Người chồng vào trại thất bảy ngày, cầu nguyện với Thọ thần trước. Bà vợ bí mật nói với người thợ bạc:

– Anh có cách gì không? Ngày mai anh giả làm

một người điên, ra chợ gặp ai cũng ôm giữ, lôi kéo.

Người chồng ngày trai cầu nguyện đã xong, định mai dẫn vợ đi viếng thần. Người vợ nói:

– Tôi từ lâu nay chưa ra chợ, anh đem tôi đi qua thăm cho biết.

Ngoài chợ, thợ bạc giả điên gặp ai ôm nẩy. Khi vợ chồng đi qua, anh ta cũng ôm kéo bà ấy té xuống đất. Vợ kêu chồng cầu cứu:

– Sao anh để người ta ôm giữ tôi?

Người chồng nói:

– Đó là kẻ bị điên khùng mà!

Sao đó hai người đến gặp Thọ thần. Người vợ thấp hương khăn vái:

– Tôi, xưa nay thiết tha, không làm gì sai quấy, chỉ gần đây bị người khùng điên ôm nhâm thôi.

Bà ấy khăn vái thông suốt. Người chồng nghe vậy nín lặng, trong lòng rất hổ thẹn: “Đàn bà gian trá đến là như vậy!”.



26- Ngày xưa có một người con gái thích đi đến nhà các cô bạn rủ nhau lên lầu bày tiệc ăn uống, vui vẻ. Khi ấy, ở trước hiên có một giỏ hoa quý đẹp rơi xuống đất, các cô đều thấy nhưng không ai chịu xuống nhặt giỏ hoa, tất cả đang ăn uống thoải mái. Đang lúc ấy có một phụ nữ sắp lấy chồng, từ trên lầu đi xuống thấy một chú bé đã lấy giỏ hoa mang đi. Người phụ nữ nói với chú bé:

– Hãy trả giỏ hoa lại đây cho ta!

Chú bé nói:

– Tôi biết chị, trước khi lấy chồng, mời chị đến nhà tôi thăm chơi. Nếu chị hứa, tôi sẽ trả giỏ hoa. Nếu không hứa, tôi sẽ không trả lại giỏ hoa đâu.

Cô gái vui vẻ nói:

– Được, ta hứa đến thăm.

Chú bé liền trả lại giỏ hoa. Cô gái mang hoa lên lầu cùng nhau ăn uống với chúng bạn. Mãn tiệc, họ cùng nhau tiễn cô gái đi đến viêng nhà của người chồng sắp cưới. Cô gái nói với anh ấy:

– Tôi có lời hứa, đến thăm một chú bé, rồi sẽ trở lại làm vợ anh.

Người chồng tương lai cũng chấp thuận. Vừa ra khỏi thành liền gặp giặc cướp, cô gái năn nỉ:

– Tôi có lời hứa cần đi gấp. Xin cho tôi đi.

Bọn giặc liền thả cho đi. Đi một đoạn nữa lại gặp một con quỉ ăn thịt người, cô gái cúi đầu xin được đi gấp đến chỗ đã hứa, quỉ liền buông tha. Khi đến trước cửa nhà chú bé, được chú bé mời ngồi trước phòng khách, ân cần bày tiệc mời cô ta ăn uống vui vẻ. Khi sắp từ giã, chú ấy còn mang vàng bạc và quà bánh tiễn chân cô gái ấy ra về.

Thầy dạy:

– Như vậy chúng ta thấy: chồng, giặc, quỉ, chú bé đều tốt, nhưng ý chính là tốt ở chỗ nào?

Hoặc có người cho rằng: người chồng là hơn,

vì việc cần thiết là phải bảo vệ vợ chưa cưới (*mà vẫn vui vẻ cho đi*).

Còn giặc là hơn, vì giặc chỉ chú trọng tiền tài, vật chất (*mà vẫn cho đi*).

Nói quí ăn thịt người là hơn vì quí coi trọng món ăn ngon của nó mà thôi (*mà cũng cho đi*).

Cuối cùng chú bé là hơn, vì chú ấy nhún nhường, hào phóng, tử tế vô cùng.



27- Ngày xưa có một người đàn bà thường nói: “Ta không mất của.” Người con muốn thử, lấy một chiếc nhẫn vàng liệng xuống sông, rồi trở lại hỏi mẹ:

– Nhẫn của mẹ đâu?

Mẹ nói:

– Ta không bị mất của.

Ngày hôm sau bà cung thỉnh ngài Mục-kiền-liên, A-na-luật và ngài Ca-diếp đến thọ trai tại nhà. Thời ấy người ta kéo lưới được cá, bà sai người ra chợ mua, người nhà làm ruột cá, bà được lại nhẫn vàng trong bụng cá.

Người mẹ nói với con:

– Ta không bao giờ mất của!

Người con rất hoan hỷ, lấy làm lạ, đi đến gặp Đức Phật thưa hỏi:

– Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà mẹ của con được phước báo không bao giờ bị mất của?

Đức Phật dạy:

– Xưa kia có một vị Tiên tu ở núi phía Bắc, trời về mùa đông rét mướt, lạnh lẽo, mọi người đủ phương tiện đi qua núi phía Nam lánh rét. Lúc bấy giờ có một bà già ở một mình, vì nghèo cùng, nên không đi đâu được, bà ở lại và vì mọi người mà cất giữ đồ vật giùm cho họ.

Đến mùa xuân trời ấm, mát mẻ, mọi người kéo nhau trở về, bà đem đồ vật giao trả lại cho họ nhất nhất không mất một thứ gì, tất cả đều rất hoan hỷ.

Đức Phật dạy:

– Bà lão cô độc thời ấy là mẹ của ông bây giờ. Do công đức ở đời trước giữ gìn đồ vật cho mọi người, cho nên nay được phước “không bao giờ mất của”.

Xưa có người con của gia đình thuộc dòng họ lớn, vị Ly-việt tạo một chỗ ở nhỏ chỉ đủ dung thân cho một người, lại tạo một nơi đi kinh hành. Sau đó, thọ mạng hết, vị ấy được sinh lên cõi trời Đao-lợi, được nhà cửa to lớn quý giá, chu vi rộng tới bốn ngàn dặm, mọi thứ mong muốn đều có đủ, nên hoan hỷ dùng hoa trời tung rải trên nhà của Ly-việt. Rồi tự nhủ: Ta chỉ tạo một cái nhà đất nhỏ mà nay được cung điện nhà cửa đẹp đẽ như vậy. Nhớ ân xưa nên tung rải hoa trời này.



28- Ngày xưa có ba vị Đạo nhân gặp gỡ thăm

hỏi nhau: “Các ngài do nhân duyên gì mà được đạo?”.

Vị thứ nhất nói:

– Khi tôi còn ở nơi vương quốc thấy có một vườn nho rộng lớn, xanh tốt, sau mỗi buổi người ta đã cắt bỏ, vất vãi trên đất. Tôi thấy vậy tỏ ngộ được lý vô thường, do đó mà được đạo.

Người thứ hai nói:

– Tôi ngồi tĩnh tọa trên bờ sông, thấy một người nữ xuống sông rửa chén bát, những chiếc vòng va chạm vào nhau, do sự va chạm mới phát thành tiếng. Tôi nhân đó mà được đạo.

Vị thứ ba nói:

– Tôi ngồi bên bờ sen, thấy hoa sen nở đầy, thơm ngát tuyệt đẹp. Đến trưa có cả mười chiếc xe ghé qua, người và ngựa dắt nhau xuống hồ tắm, rồi sau đó bỏ hoa bỏ lên xe chở đi... Vạn vật vô thường là vậy, tôi thấy vậy mà được đạo.



29- Ngày xưa có một vị Phạm chí có tài về học vấn, bài bác và luận nghị. Lập luận không có đầu mối để đánh đổ yếu lý chân chính, đem điều hư dối làm chân thật, chỉ sự vật để làm ví dụ, lý luận không ai sánh bằng. Các nước lần lượt phải tôn ông làm thầy.

Sau ông đi qua nước Xá-vệ, giữa ban ngày đốt lửa làm đèn mà đi. Trong thành phố có người gặp

ông, hỏi:

– Vì sao phải làm như vậy?

Ông đáp:

– Trong nước này người đều ngu tối, không có ai sáng suốt nên phải đốt lửa cho sáng vậy.

Quốc vương trong nước nghe nói lấy làm hồ thẹn, cho người treo trống dưới mỗi cửa thành để tìm người sáng suốt có khả năng hàng phục ông Phạm chí kia.

Lúc bấy giờ có một Sa-môn mới đến, thấy lạ, hỏi:

– Có việc gì thế?

Người gác cổng đáp:

– Vua rất hồ thẹn với hành vi của một Phạm chí. Nếu chúng tôi gặp người đủ sáng suốt hàng phục Phạm chí thì chúng tôi đánh trống, vào báo cho vua biết.

Sa-môn này chấp nhận vào gặp vua, đức vua rất hoan hỷ. Sau đó đức vua thiết trai hội, mời Sa-môn, Phạm chí đến cùng vua thọ trai. Khi thọ trai xong, Sa-môn hướng về Phạm chí nói với vua rằng:

– Lành thay! Đây là một Phạm chí có trí tuệ thông minh, thâm đạt. Thật là một Đạo nhân, không phải người nô tỳ, chẳng phải binh lính, cũng chẳng phải người chôn vác tử thi.

Phạm chí nghe nói vậy lặng im, bàng hoàng,

lúng túng, không tìm ra lời nào để đối đáp. Ban nhạc chỉ có đợi vậy là họ liền hòa tấu khúc nhạc thành công.

Sau đó vua cho người bắt Phạm chí kiêu ngạo kia bôi phân vào người, quét dấu chân và đuổi ra khỏi nước. Câu chuyện này được truyền tụng cho nhau trong nhân gian.



30- Ngày xưa có một Sa-môn, thường ngày ăn uống dè dặt, chỉ thích trang điểm nét mặt, sửa sang áo mũ, đồ dùng, ưa xem trước ngó sau, điệu bộ như người nữ. Tôn giả A-nan bạch Phật về việc làm kỳ dị của thầy Tỳ-kheo kia.

Đức Phật dạy:

– Tiên thân của thầy ấy là nữ lưu, được chuyển sinh, cho nên dư nghiệp của kiếp trước chưa dứt trừ hết. Sau này thầy ấy sẽ tu hành thành tựu đạo quả A-la-hán để vào cảnh giới Niết-bàn, an lạc.



31- Ngày xưa, ở ngoài thành nước Xá-vệ có một gia đình mà người vợ là một Phật tử thuần thành có niềm tin thanh tịnh, giới hạnh tinh nghiêm.

Một hôm Đức Phật đến nhà khát thực. Bà hoan hỷ đem cơm đặt vào bát cúng dường, rồi bước lui đánh lễ. Đức Phật dạy:

– Gieo giống bố thí một sinh mười, gieo mười

sinh trăm, gieo trăm sinh ngàn... Như vậy phước lành sinh ra đến muôn ức, rồi cũng sẽ được thấy chân lý của đạo.

Người chồng của bà không tin vào đạo đức, im lặng đứng sau nghe Đức Phật chú nguyện. Ông ta nói:

– Sa-môn Cù-đàm nói như vậy có quá lắm không? Chỉ cúng một bát cơm mà được phước như Ngài vừa nói, lại được thấy chân lý của đạo?

Đức Phật dạy:

– Ông mới từ đâu về vậy?

Người chồng thưa:

– Thưa Ngài, tôi mới từ trong thành về.

Đức Phật dạy:

– Người có thấy cây Ni-câu-loại cao cỡ bao nhiêu không?

Người chồng thưa:

– Thưa Ngài, cây ấy cao bốn mươi dặm.

Đức Phật hỏi:

– Năm xưa hạt giống của nó chỉ bằng hạt cải và phải gieo xuống khoảng vài vạn đầu không?

Người chồng thưa:

– Thưa Ngài, chỉ dùng một ít thôi.

Đức Phật dạy:

– Ít chỉ chừng một thặng không?

Người chồng đáp:

– Thưa Ngài, một cây chỉ trồng một hạt thôi.

Đức Phật dạy:

– Người nói như thế có quá lắm không, hạt giống chỉ bằng hạt cải mà cây cao lớn đến bốn mươi dặm, hằng năm rụng xuống đến vài mươi vạn hạt?

Người chồng đáp:

– Thưa Ngài, đúng như vậy.

Đức Phật dạy:

– Đất vốn vô tri mà năng lực đáp ứng đến như vậy, huống gì vui vẻ đem một bát cơm cúng dường chư Phật, phước kia không thể tính kể.

Hai vợ chồng Phật tử này tâm được khai mở, ý rất tỏ rõ, liền khi đó được đạo quả Tu-đà-hoàn.



32- Ngày xưa có một Sa-môn đã được đắc quả A-na-hàm, ở trên núi nấu cỏ nhuộm y. Lúc ấy có người bị mất trộm con bò đang đi khắp nơi tìm kiếm, thấy trên núi có người đốt lửa ông ấy nghi liền đến xem thử. Khi ông ta nhìn vào vò nước thấy trong ấy đựng đầy cả xương bò, cái bình bát biến thành đầu bò, áo ca-sa của ngài biến thành một đồng da bò. Thấy được vậy, người mất bò liền đem xương cột chung với đầu, bắt Sa-môn mang xuống núi, rồi còn bắt ngài mang đi khắp trong nước để mọi người ai cũng thấy. Vị Sa-di đệ tử, khi đã gần giờ ngộ, liền đánh chuông mà vẫn không thấy thầy

đến thọ trai. Chú Sa-di vào tịnh thất thiền tư, biết thầy bị người làm nhục, liền đến gặp thầy, đầu mặt tiếp lạy, rồi thưa:

– Vì sao thầy phải chịu khổ nhục như thế này?

Thầy dạy:

– Do tội báo của ta đã tạo vào thời gian quá khứ sâu xa.

Chú Sa-di thưa:

– Thầy có thể tạm về thọ trai?

Thầy chấp nhận và hai thầy trò nương thân thông trở về núi. Do chú Sa-di chưa được đạo nên còn sân giận, thấy người tụ tập rất đông và họ đã làm nhục thầy, chú ấy liền sai rồng trút mưa đá xuống, sấm chớp chuyển động cả nước khiến cho mọi người đều sợ hãi. Chú còn suy nghĩ: “Việc này muốn kết thúc phải khắp tứ phía thổi gió mạnh, mưa cát, làm cho thành trì nhà cửa đều sụp đổ.”

Thầy Sa-môn biết được, nói với chú ấy:

– Ta vì kiếp trước một đời làm nghề giết bò cho nên mới chịu tai ương này. Người vô can, sao lại muốn xen vào để tạo tội? Người hãy đi, ta không cần người giúp và cũng đừng theo ta nữa!

Thầy dạy:

– Tội phước như vậy, không thể không thận trọng.



33- Ngày xưa có một ông vua và năm vị đại

thần, có một vị hôm trước đến thỉnh Phật, Ngài không nhận lời, vị đại thần ấy trở về. Nhân khi gặp vua đến thỉnh Đức Phật vào cung thiết trai cúng dường, Ngài mới nói với nhà vua:

– Vị đại thần kia mạng sống sắp chết, đâu còn có dịp để làm phước?

Vị đại thần khi nghe vua nói lại lời dạy của Đức Phật như vậy liền sai người xem tướng đoán tử. Người xem tướng thưa:

– Ngài sẽ chết vì nghiệp đao binh, phải nhờ đến binh lính để tự phòng vệ. Còn riêng ngài cũng phải thường rút kiếm cầm tay để ngừa nguy biến.

Đêm đến vì quá mệt mỏi, ông ta muốn nằm nghỉ nên đem kiếm giao cho vợ cầm giữ. Người vợ lại ngủ gục, kiếm rơi xuống chém trúng đầu chồng chết ngay. Sáng ngày mai bà vợ kêu khóc, đến thưa với vua là chồng đã chết. Vua gọi bốn vị đại thần đến hỏi:

– Các khanh sao không mang quân lính đến bảo vệ, để ngăn chặn gian biến. Chỉ có một mình bà vợ theo bảo vệ nên sơ suất mới có lỗi này, vì còn ai giúp đỡ nữa đâu!

Vua liền ra lệnh chặt cánh tay phải của bốn vị đại thần kia. Tôn giả A-nan hỏi Đức Phật:

– Vì nhân duyên gì mà họ phải chịu như vậy?

Đức Phật dạy:

– Người chồng làm quan kia đời trước là chú

bé chẵn dê, bà vợ là con dê mẹ có bộ lông màu trắng. Còn bốn vị đại thần kia, đời trước là giặc cướp. Thấy chú bé chẵn dê, họ kêu chú ấy lại, bẻ gãy ngón tay phải để hãm dọa, buộc chú bé phải giết con dê cái màu trắng để cùng ăn thịt. Chú bé khóc lóc buồn thương mà phải giết dê cho giặc ăn.

Như vậy trải qua nhiều đời sống chết, nay nhân duyên gặp gỡ, phải chịu trả những lỗi lầm mà đời trước đã vay.



34- Ngày xưa có một nhà Bà-la-môn giàu có, tiền muôn bạc ức, thường ưa giúp người, ai mong cầu gì đều được vừa ý. Sau này hai vợ chồng sinh được một người con trai không có tay chân, thân hình giống như con cá nên cha mẹ đặt tên là Ngư Thân. Đến khi cha mẹ qua đời, Ngư Thân thừa kế giữ gìn gia nghiệp. Hằng ngày chỉ nằm trong phòng riêng không có ai thấy.

Lúc bấy giờ có một lực sĩ phục vụ việc nhà bếp của vua để kiếm ăn, nhưng thường không đủ no. Riêng đi hái củi một ngày mười sáu xe, bán kiếm tiền độ nhật, nhưng cũng không đủ tiêu dùng. Theo nghề bán củi này trải qua nhiều năm cũng không khá được. Còn trợ giúp việc trong cung vua, vật thực cung cấp cũng không đủ, nên thường bị đói khát. Nghe đồn có người nhà giàu, tiền bạc muôn ức, nên vị ấy cố đến xin nương nhờ. Ông Ngư Thân

mời đến gặp. Khi thấy thân thể của chủ như vậy, anh chàng lực sĩ bước lui suy nghĩ: “Ông chủ sức lực chỉ có vậy thôi sao? Gần như không có tay chân, cần gì cũng phải nhờ đến người khác?”. Vị lực sĩ liền đi đến chỗ Đức Phật để thưa hỏi về vấn đề này:

– Bạch Đức Thế Tôn, có một người giàu có được tôn trọng như vua, sau khi chết, người con trai không có tay chân được thừa kế sự nghiệp giàu có ấy. Riêng con có sức lực, người trong nước ít ai sánh bằng, mà thường bị đói khát, ăn uống không đầy đủ. Do nhân duyên gì mà phải như vậy?

Đức Phật dạy:

– Vào thời Đức Phật Ca-diếp, Ngu Thân cùng nhà vua cộng tác thiết trai cúng dường chúng Tăng. Còn người vào thời ấy thì nghèo cùng, làm người trợ giúp cho việc sai vật. Ngu Thân đủ điều kiện để cùng vua làm Phật sự mà lại thưa với vua: “Ngày nay tôi bận công việc, không thể cùng ngài cộng tác, bỏ mất việc phước này như tôi bị chặt tay chân không khác.” Người thiết trai cúng dường thời ấy là nhà vua vậy. Không cúng dường mà nói lời mất mát thiệt thòi là Ngu Thân.

Khi nghe Đức Phật dạy, tâm ý vị lực sĩ được khai ngộ, liền xin xuất gia làm Sa-môn, sau tu hành tinh tấn, liền được đạo quả A-la-hán.



KINH CỰU TẠP THÍ DỤ

QUYÊN HẠ

35- Đức Phật đang nói pháp cho tất cả các thầy Tỳ-kheo. Khi ấy có một người thợ săn mang cung tên và xách vài mươi con chim đã bị bắn chết, đi ngang qua pháp hội. Khi trông thấy Đức Phật, tâm ý người ấy trở nên trong sạch và mạnh mẽ, đến xin Ngài giảng dạy, trong lòng muốn lắng nghe và nhận lãnh. Đức Phật ngồi lặng yên không nói. Người thợ săn bước lui, liền nói:

– Nếu tôi được làm Phật, sẽ rộng rãi vì mọi người mà nói pháp, không có chống trái.

Ngài A-nan nghe ông ta nói vậy, liền hỏi Đức Phật:

– Vị thợ săn ấy đã sẵn lòng nghe pháp, vì sao Ngài không tùy thuận họ?

Đức Phật dạy:

– Người ấy là Đại Bồ-tát có tâm nguyện sâu xa, vững chắc. Vì sao vậy? Ông ta ngày xưa là một ông vua, đối với các thể nữ trong cung thương không đều, các cung phi không được vua yêu mến cùng nhau âm mưu lấy lông chim khuấy

rượu thành chất độc giết vua. Sau khi vua chết, thác sinh vào nhà thợ săn, còn các thể nữ bị đọa trong loài chim muông và thú vật. Ông ta nay sắp trả hết tội kia, sau này sẽ được thành tựu tốt đẹp. Nếu nói pháp lúc này, ông ta sẽ sinh tâm lo sợ và sau này sẽ mất đạo quả A-la-hán, vì vậy cho nên Ta không nói.



36- Ngày xưa, trong một ngôi chùa nọ, có một cái nồi bằng vàng dùng để nấu các món ăn cho chúng Tăng. Lúc bấy giờ có người vào chùa thấy được cái nồi ấy, muốn lấy trộm mà chưa có phương cách.

Sau đó, ông ta xin làm Sa-môn, mặc áo ca-sa sinh hoạt với chúng Tăng. Cũng nhờ có duyên này nên mới nghe được vị Thượng tọa giảng kinh: “Tội, phước là nguồn gốc của sinh tử, quả báo của nó sẽ ảnh hưởng đến đời sau. Do đó mà người tu hành không xa lìa được nó thì cũng khó được đạo quả.”

Người ăn trộm giả làm Sa-môn khi nghe như vậy, tâm liền khai ngộ, ôm lòng hổ thẹn, ăn năn, thay đổi tâm tánh, chuyên tâm tu học. Sau đó liền thấy được lễ đạo, nên vị ấy suy nghĩ: “Cái nồi vàng chính là thầy ta”, nên vị ấy đặc biệt trước hết đánh lễ cái nồi vàng, rồi đi nhiễu ba vòng. Sau đó vì các Sa-môn nói rõ nguyên nhân ngộ đạo của mình.

Luận rằng: Nguyên nhân của người tu hành được giác ngộ đều khác nhau. Nếu tâm được chuyên nhất, ai cũng có thể thấy được chân lý.



37- Ngày xưa, ngài A-na-luật sau khi đã chứng quả A-la-hán, ở trong chúng Tỳ-kheo, ngài có thân hình rất đoan chánh, da dẻ trắng mịn, đẹp như con gái.

Một hôm ngài đang đi thông dong trong bãi cỏ, gặp một người đàn ông không thận trọng, thấy ngài tưởng lầm là người nữ, liền sinh tà tâm muốn xúc phạm. Khi đã biết là đàn ông, tự nhìn lại thân mình đã biến thành đàn bà, anh ta rất hổ thẹn, liền chạy vào trong núi sâu, không dám về nhà. Sau vài năm, vợ con của ông không biết ông ở đâu và nghĩ đã chết nên buồn khóc, đau khổ không yên.

Một hôm, ngài A-na-luật đi khát thực đến nhà ấy, người vợ buồn than kể lể về ông chồng bỏ nhà đi, lâu nay không thấy trở về. Xin nhờ phước lực của ngài chú nguyện cho gia đình được sum họp.

Ngài nghe như vậy chỉ lặng yên không nói, nhưng trong lòng suy nghĩ: “Bà ấy thật tội nghiệp!”. Ngài liền đi vào núi cố tìm người đàn ông kia. Khi ngài đã gặp, anh ta tỏ lòng ăn năn, hối lỗi, tự trách, liền trở thành nam tử. Anh ta từ tạ ngài trở về nhà gặp lại vợ con, cả nhà đều vui vẻ.

Phàm người đã được đạo quả không ai có thể

mang điều ác đến cho họ. Ngược lại, người gây họa phải bị tai ương.



38- Ngày xưa, có thầy Tỳ-kheo thường ngồi tọa thiền, hành đạo dưới một bóng cây im mát. Ở trên cây có con khỉ trông thấy thầy Tỳ-kheo thọ trai, liền nhảy xuống ngồi một bên, thầy đem cơm dư cho nó. Con khỉ có cơm ăn, liền đi lấy nước cho thầy tắm rửa.

Như vậy, trải qua nhiều tháng, sau này có một ngày thầy Tỳ-kheo quên không để cơm cho khỉ. Con khỉ này không được đồ ăn rất giận. Nó lấy áo ca-sa của thầy leo lên cây xé nát. Thầy Tỳ-kheo giận nói: “Đồ súc sinh!”, rồi leo lên cây dùng gậy quơ đánh, lỡ tay trúng khỉ, rơi xuống đất chết.

Sau đó có vài con khỉ ở đâu kéo đến kêu khạt khạt ầm ĩ... cùng nhau mang xác con khỉ đến trong chùa. Các thầy Tỳ-kheo ở trong chùa biết có việc gì đây. Vị chủ chùa mời quý thầy quy tụ về họp để tìm hiểu vấn đề. Thầy Tỳ-kheo này nói hết sự thật. Do đó mà các vị tôn túc có lời khuyên dạy:

– Từ nay trở đi, các thầy Tỳ-kheo mỗi khi ăn, đều nên lưu lại một ít cơm để bố thí cho chúng sinh.

Tỳ-kheo được Phật tử cúng dường, khi ăn không nên ăn hết mà phải sót lại một ít. Phép lưu phạn bắt đầu từ đây vậy.



39- Ngày xưa, có một con rùa ở trong cái ao cạn, gặp lúc nắng hạn không kiếm được thức ăn, mạng sống bị đe dọa. Khi ấy có một con ngỗng trời lớn bay đến đậu gần đó. Rùa đi đến cầu xin ngỗng giúp đỡ, ngỗng thương tình dùng mỏ gấp rùa bay đi, rùa được mang bay qua thôn ấp, người vật rất lạ mắt. Rùa không chế ngự khẩu nghiệp của mình cho nên luôn miệng hỏi han: “Đây là chỗ nào?...”. Như vậy hỏi chuyện này sang chuyện khác không thôi. Ngỗng phải trả lời, vì trả lời cho nên phải mở miệng, do đó mà rùa bị rơi xuống đất, người ta bắt nó làm thịt.

Phàm những kẻ ngu muội, không suy nghĩ, bất cần miệng lưỡi dễ đưa đến tai vạ như vậy.

Ngày xưa có một vị Sa-môn, nhờ anh bạn quen cạo tóc. Khi cạo tóc xong, anh ta cúi đầu làm lễ thưa:

– Xin nguyện cho tôi đời sau tâm ý được thanh tịnh, trí tuệ như Đạo nhân.

Đạo nhân lại nói:

– Mong cho anh bạn trí tuệ sẽ được hơn tôi.

Anh ta lại đánh lễ rồi lui ra. Vị ấy sau khi mạng chung, được sinh lên cõi trời Đạo-lợi. Khi hết phước ở cõi trời, sinh xuống làm con của gia đình Bà-la-môn, sau được xuất gia làm Sa-môn, có trí tuệ và được thấy đạo.

Việc này do ý chí mà được thành tựu vậy.



40- Ngày xưa có một Phạm chí đến viếng quốc vương cầu xin bố thí. Trong lúc vua và các quan đang sửa soạn muốn đi ra ngoài thành để săn bắn. Vua bảo Phạm chí:

– Ngài hãy nghỉ lại đây, đợi tôi về rồi hãy đi.

Dặn dò xong, vua và các quan vào núi săn bắn. Vì quá hăng say rượt đuổi cầm thú nên vua quan chạy lạc mỗi người một ngã. Nhà vua đi ngang qua một hang núi, không may gặp một con quỷ, bị quỷ bắt, đòi ăn thịt. Vua nói:

– Xin hãy nghe tôi trình bày chút việc. Tôi là quốc vương, sáng nay khi ra đi, tôi gặp một Đạo nhân xin tôi bố thí. Tôi có hứa giúp và mời vị ấy đợi ở trong cung. Xin ngài cho tôi tạm trở về cúng dường Đạo nhân như đã hứa rồi sẽ trở lại bố thí thân này cho ngài.

Quỷ nói:

– Nay tôi đang đói, nếu cho ông trở về, ông đâu chịu trở lại.

Vua nói:

– Lành thay! Nếu tôi là người không biết giữ chữ tín, lúc này tôi đâu cần nghĩ đến gặp Đạo nhân làm gì?

Quỷ nghe vậy liền thả cho vua đi. Khi trở về cung, vua lấy vật bố thí cho Đạo nhân, đem việc nước giao phó cho thái tử. Vì giữ lời hứa, vua trở

lại gặp quỷ. Quỷ thấy vua trở lại, trong lòng rất cảm kích. Nhờ lòng thành của đấng quân vương, chuyển đổi được tâm ác của quỷ. Nó liền lễ tạ đức vua, không còn nghĩ đến chuyện ăn thịt nữa.

Thầy dạy:

– Đức vua chỉ có một lòng chí thành mà bảo toàn được tính mạng, chinh đôn quốc gia. Huống gì một người hiền thiện biết giữ gìn năm giới, lại còn hết lòng bố thí, phước kia thật là vô lượng vậy.



41- Ngày xưa, vua A-dục thường ưa thiết trai cúng dường các Sa-môn. Vua dạy thái tử phải tự tay lo liệu sửa soạn các vật thực để cúng dường. Thái tử tỏ ý giận, nói thăm: “Khi ta được làm vua, sẽ giết các Đạo nhân này.”

Có một Sa-môn biết được tâm ý của thái tử không tốt, nên gọi đến nói:

– Tôi không còn sống ở thế gian bao lâu nữa.

Thái tử nghe nói vậy, sợ quá, thưa:

– Sa-môn rõ ý tôi sao?

Thái tử liền suy nghĩ ngược lại: “Khi tôi làm vua sẽ cúng dường các Đạo nhân hơn phụ vương tôi.”

Tâm ông ta khi ấy được an hòa vì đã bỏ điều ác, nghĩ đến điều thiện. Sa-môn nói với thái tử:

– Khi ngài làm vua, tôi đã sinh lên cõi trời rồi.

Thái tử thưa:

– Thánh thiện thay bậc Sa-môn!

Sau này thái tử lên làm vua, ngài dùng năm giới và mười điều lành để làm chính sách trị nước an dân, đưa đất nước đến chỗ thái bình thịnh trị.



42- Ngày xưa có một người làm nghề nông, có hai bà vợ. Người vợ lớn hiền đạo, hằng ngày mang cơm cúng dường Sa-môn. Có thầy Sa-môn như thường lệ đi khát thực đến nhà ấy, gặp người vợ nhỏ, bà ta không cúng dường mà còn tỏ vẻ giận dữ. Sáng hôm sau, đến giờ khát thực, thầy cũng đi ngang qua nhà ấy, bà vợ nhỏ liền đi ra lấy bát, vào bên trong đem đồ bát tịnh để vào trong bát, rồi đổ cơm phủ lên trên, đem bát trao lại cho thầy Sa-môn.

Thầy Sa-môn mang bát về nhà, lúc muốn ăn cơm, thầy thấy đồ bát tịnh, liền đi rửa bát. Từ đây thầy Sa-môn không đến nhà người ấy khát thực nữa.

Sau đó, người vợ nhỏ ở trong miệng và khắp thân đều bay ra mùi hôi thối, mọi người biết vậy ai cũng lánh xa. Sau khi chết bị đọa vào địa ngục phần sôi.

Như vậy, bà ta bị lưu chuyển trong ba đường ác hàng ngàn vạn năm. Khi tội hết mới được làm người, thường suy nghĩ muốn ăn đồ bát tịnh, nếu không ăn thì trong bụng bị đau thắt. Sau này lớn

lên, cô ta đi lấy chồng, ban đêm tự thức dậy lên đi lấy phần uế mà ăn, hàng đêm đều làm như vậy. Người chồng lấy làm lạ, liền đi tìm hiểu, thấy được người vợ đang ăn phần dơ.

Đây là do việc làm lỗi lầm đời trước mà phải đưa đến nghiệp quả như vậy.

Con người sống ở đời có bốn việc khó thành tựu:

1. Xây dựng chùa tháp thờ Phật.
2. Xây dựng phòng xá làm nơi tu học cho mười phương Tăng.
3. Dâng cúng đồ ăn uống cho Tỳ-kheo Tăng.
4. Được xuất gia làm Sa-môn.

Nếu bốn việc này, người nào có nhân duyên thực hành được, sẽ có phước đức vô lượng. Vì sao vậy? Khi còn ở trong ba cõi, đã được làm người, lại còn có tài sản nên phải phá nhỏ gốc rễ xan tham, kịp thời bố thí, giúp đỡ cho mọi người, làm cho sự nghiệp càng thêm bền vững, được như vậy cũng đã là khó.

Ai hiểu rõ được nguồn gốc tội phước? Chỉ có Đức Phật vậy.

Đức Phật dạy:

– Thầy Tỳ-kheo không nên dùng đồ ăn uống trao tặng cho nhau, cho đó là việc làm thân thiện trong đạo. Mà chỉ nên đem kinh điển, giáo pháp truyền trao, răn dạy cho nhau.

Thầy Tỳ-kheo mà dùng đồ ăn ngon đãi đàng, gởi tặng cho nhau, thầy ấy hiện đời được cho là tốt bụng, đời sau không được lợi ích. Đức Phật cũng bị dư luận không tốt. Vì sao vậy? Người ngoại đạo thấy Tỳ-kheo như thế sẽ nói: “Đệ tử Phật chỉ chú trọng vật chất, cơm áo ăn mặc để trao tặng cho nhau.” Ai chỉ dạy việc làm ấy? Người ta sẽ bảo là Đức Phật dạy như vậy. Do đó đạo Phật bị mang tiếng.

Trái lại, các thầy Tỳ-kheo dùng Kinh điển, Giới luật chỉ dạy, trao truyền cho nhau, mới là việc làm chân chánh và có lợi ích sâu xa. Vì sao vậy? Người ngoại đạo thấy các Tỳ-kheo như thế, họ sẽ nói: “Đệ tử của Đức Phật chỉ dùng kinh điển, giới luật chỉ dạy cho nhau, tất cả đều có lợi ích.” Các thầy Tỳ-kheo đời này được tiếng lành, đời sau sẽ giải thoát. Đức Phật cũng được tán dương. Vì sao vậy? Đức Phật là Thầy của các vị Tỳ-kheo, Ngài chỉ dùng Kinh điển, Giới luật chỉ dạy đệ tử. Vì vậy nên biết, không cần dùng vật chất tầm thường để thù tạc, qua lại, mà chỉ nên dùng lời hiền thiện hợp đạo lý mà trao dạy cho nhau mới là báo ân Phật.

Đức Phật dạy:

– Thầy Tỳ-kheo nên biết đủ.

Thế nào gọi là biết đủ? Là cần bộ áo để che thân, cơm ăn ngày một bữa, thường kinh hành, tâm tịch tĩnh, không dong ruổi bên ngoài, tâm

không bị rối loạn, đó là biết đủ; cũng không cho là mình tri túc. Hoặc nương vào kinh, luật Phật dạy mà tu hành để thành tựu Tứ thiên, Tứ không định, cho đến được đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, cũng chưa cho đó là đủ vậy. Như vậy gọi là chưa đến đích.



43- Xưa có thầy Tỳ-kheo đi khát thực, vội đứng bên đường tiểu tiện. Người qua đường thấy được, đều chỉ cười và nói:

– Đệ tử của Đức Phật trong từng bước đi phải có pháp độ, trong trang phục cũng cần chỉnh đốn oai nghi. Trái lại thầy kia đứng mà tiểu tiện, thật đáng buồn cười!

Thời ấy có một người tu hành theo phái ngoại đạo Ni-kiền tử. Thấy người chê cười thầy Tỳ-kheo kia, ông liền tự suy nghĩ: “Tu sĩ bên phái chúng ta trần truồng đi ngoài đường không ai nói gì cả. Trái lại, đệ tử của Đức Phật chỉ đứng tiểu tiện mà bị người đàm tiếu. Như vậy là do sự hướng dẫn của thầy bên phái chúng ta không có phép tắc, cho nên người không cười vậy. Riêng đệ tử của Phật tu hành thanh tịnh, đi đứng oai nghi, nếu người sơ suất dễ bị dị nghị.”

Suy nghĩ như vậy, sau đó ông ta quay về, theo Phật xin xuất gia thọ giới làm Sa-môn, tinh tấn tu hành, liền được đạo quả Tu-đà-hoàn.

Thầy Tỳ-kheo cũng ví như con sư tử, là vua trong các loài cầm thú, nên nói năng, hướng dẫn người khác phải có pháp độ. Đi, đứng, nằm, ngồi phải có oai nghi, làm khuôn phép cho người khác, không nên tự khinh. Nếu tự khinh, tự hủy là làm nhục cho các bậc Tiên hiền đó vậy.

Vua trời Đế Thích và vị thứ nhất trong bốn vị Thiên vương, ngày mười lăm ba lần xem xét thiên hạ để biết ai là người trì giới. Nếu thấy người trì giới thì chư Thiên rất hoan hỷ.

Đã đến ngày trăng tròn, vua trời Đế Thích ngồi tại chánh điện, tự suy nghĩ: “Nếu thiên hạ có người trai giới ba bữa trong dịp trăng rằm, khi thọ mạng hết sẽ được địa vị của ta.”

Chư Thiên đứng hầu rất kinh ngạc, nói:

– Thưa, đâu chỉ có trai giới ba bữa trong dịp ngày rằm mà được địa vị của trời Đế Thích?

Lúc bấy giờ có một thầy Tỳ-kheo đã được đạo quả A-la-hán. Biết tâm niệm của trời Đế Thích, vị ấy bạch với Đức Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, có thể đúng như lời nói của Đế Thích nhận xét chăng?

Đức Phật dạy:

– Ông Đế Thích nói không thể tin, vì không hợp lý.

Vị Tỳ-kheo hỏi:

– Tại sao vậy?

Đức Phật dạy:

– Người tinh tấn ba ngày trai giới trong dịp trăng rằm có thể vượt thế gian mà đâu chỉ vì địa vị Đế Thích. Như vậy, vì ông nói chưa hợp lý nên không đủ tin.

Ai có thể biết rõ phước trì trai giới? Duy chỉ có Đức Phật vậy.



44- Ở trong biển có một con rồng rất lớn, nó muốn mưa nổi nước, đem lại lợi ích cho đất trong cõi Diêm-phù, nhưng sợ mặt đất không đủ sức chấp nhận nước mưa. Rồng suy nghĩ: “Đất không đủ khả năng chứa nước mưa của ta, vậy ta chỉ có cách là mưa vào trong biển.”

Trí tuệ của Đức Phật và hàng đệ tử có oai đức rất lớn, muốn đem giáo lý bồ thí cho chín mươi sáu phái tu hành theo ngoại đạo mà sợ họ không kham nhận, đảm đương nổi. Vì vậy cho nên Đức Phật và chúng đệ tử trao dạy cho nhau, cũng như rồng rưới nước mưa của mình vào trong biển vậy.



45- Ngày xưa có một Phạm chí đã một trăm hai mươi tuổi. Thời trai trẻ không cưới vợ, không tham dục. Ông vào trong núi sâu, nơi không có người lui tới, dùng cỏ che một am tranh, lấy cỏ bông làm giường nằm, uống nước trái cây thay cơm, không chứa tiền của, vật báu. Dù được quốc vương mời

vị ấy cũng không đến. Tâm ý vị ấy thanh tịnh, thường được vô vi an lạc. Ở tu trong núi hơn ngàn năm, hàng ngày vui chơi với các loài cầm thú, mà trong số đó có bốn con thú thân cận nhất: Một là con chồn, hai là con khỉ, ba là con rái cá và bốn là một con thỏ. Bốn con thú này hằng ngày theo Đạo nhân để nghe dạy giới, kinh.

Như vậy, trải qua một thời gian, đến lúc các loại trái cây đều bị khan hiếm, Đạo nhân có ý muốn rời khỏi chỗ ấy ra đi. Bốn con thú biết vậy sầu lo không vui, cùng nhau luận bàn: “Chúng ta cùng nhau đi tìm vật thực để cúng dường Đạo nhân.”

Chú khỉ đi đến núi khác hái được mấy quả cam, đem đến dâng cúng Đạo nhân, trong tâm nguyện mong thầy đừng đi.

Chú chồn hóa thành người đi xin đồ ăn, được một bao bún khô, mang đến dâng lên Đạo nhân để có thể cung cấp đồ ăn một tháng, mong thầy trở lại.

Rái cá cũng lặn lội trong suối nước bắt được một con cá lớn, mang đến dâng lên Đạo nhân và nguyện tiếp tục cung cấp đồ ăn một tháng, xin ngài chớ đi.

Còn chú thỏ, tự suy nghĩ: “Ta cúng dường Đạo nhân như thế nào đây?” Suy đi, nghĩ lại, chỉ có cách là đem thân cúng dường Đạo nhân là hơn cả, thỏ liền đi lấy củi, đốt lửa thành một đồng than hồng. Rồi thỏ đến thưa với Đạo nhân:

– Tôi làm thỏ, thân phận nhỏ bé, nay xin nhảy vào lửa thiêu nướng, nguyện đem thân này dâng lên Đạo nhân để cung cấp lương thực một ngày.

Nói xong, thỏ liền nhảy vào trong lửa, nhưng lửa không cháy. Thấy sự hy sinh quá nhân nghĩa của thỏ, Đạo nhân trong lòng rất cảm kích nên đổi ý, nguyện ở lại đây không đi đâu nữa.

Đức Phật dạy:

– Vị Phạm chí thời ấy là Đức Phật Đề-hòa-kiệt. Thỏ là tiền thân của Ta. Khỉ là tiền thân của Xá-lợi-phất. Chồn là tiền thân của A-nan. Rái cá là tiền thân của Mục-kiền-liên.



46- Ngày xưa có năm vị Đạo nhân đi lỡ đường, trời tối, gặp lúc mưa tuyết, phải vào tá túc trong miếu của một vị Thần. Trong miếu có một tượng Thần bằng gỗ mà dân ở đây được lệnh phải thờ phụng. Bốn vị Đạo nhân cùng có ý kiến: “Tối hôm nay trời lạnh, chúng ta có thể lấy người gỗ này chẻ làm củi, thổi đốt sưởi ấm được?”.

Có một Đạo nhân nói:

– Tượng này người ta đang tôn kính thờ phụng, không nên đốt phá.

Nói rồi, ông ta mang lên đặt lại chỗ cũ.

Trong miếu này có quỷ dữ có thể ăn thịt người, hôm đó nó bàn với nhau: “Chúng ta nên bắt người kia để ăn thịt vì người đó rất sợ ta. Bốn người kia

dữ quá không dám xúc phạm. Người có thể bắt ăn là người không dám phá tượng đó vậy.”

Đạo nhân kia nằm nghe quỷ nói vậy, liền dậy kêu các bạn:

– Chúng ta hãy phá tượng này để dùng vào việc đốt sưởi ấm.

Liền lấy tượng xuống đốt. Quỷ ăn thịt người thấy vậy sợ hãi phóng chạy.

Luận rằng: Phạm người học đạo nên vững tâm ý, không thể khiếp nhược, khiến cho quỷ thần không có phương tiện hại người được vậy.



47- Ngày xưa có một ông vua bỏ nước xuất gia làm Sa-môn, ở trong núi rừng tĩnh tấn tư duy: “Ta nay chỉ có một am tranh, trái cỏ bông làm giường chiếu.” Tự thấy quá đặc chí, ông ta cười lớn, nói:

– Khoái thích thay!

Vị Đạo nhân ở gần đấy hỏi:

– Người vốn ở trong cảnh an lạc, nay một mình ngồi trong núi học đạo, có điều gì vui sao?

Vị Sa-môn nói:

– Khi tôi làm vua, việc lo lắng suy nghĩ quá nhiều! Hoặc sợ vua láng giềng chiếm đoạt nước, cũng sợ người cướp lấy tài sản vật chất của tôi. Hoặc sợ mình bị người tham lợi dụng, lại sợ kẻ thuộc hạ lợi dụng tiền tài, vật báu mà không biết họ sẽ phản nghịch khi nào. Nay tôi làm Sa-môn,

không có một vật gì để người sinh tâm tham lợi, vui thích quá không thể nói hết. Do nhân duyên như thế nên tôi nói “Hết sức vui thích” là vậy.



48- Ngày xưa có một vị quốc vương rất mến chuộng đạo đức, thường đi nhiều quanh tháp một trăm vòng, đi chưa đủ thì chưa chịu nghỉ ngơi.

Một ngày nọ, có vua nước lân cận kéo binh đến định xâm chiếm nước ấy. Các vị đại thần nghe tin quá sợ hãi, liền đến tâu báo lên đức vua:

– Thưa Đại vương, có giặc thù của nước lân cận, sắp kéo binh đến, xin ngài tạm gác lại việc nhiều tháp, trở về chấp chánh để lo đánh đuổi giặc thù.

Vua nói:

– Ta thuận cho binh lính sẵn sàng nghênh chiến. Ta cũng quyết tâm tiếp tục không ngừng.

Tâm ý vua kiên cố, nhiều tháp chưa xong mà giặc đã tan rã, bỏ chạy tán loạn.

Luận rằng: Người có nhất tâm định ý, không một trở ngại nào mà không tiêu tan.



49- Ngày xưa có một vị vua thường ra ngoài thành thăm viếng dân tình, gặp Đức Phật và chúng Tăng đều xuống xe đánh lễ, không ngại bùn đất lấm dơ. Các vị cận thần rất khó chịu, họ nói với nhau: “Đức vua suy nghĩ và làm chỉ những việc

phiền toái như vậy!”

Đức vua nghe được nên khi về cung ngài ra lệnh cho các đại thần:

– Các khanh hãy mang đến đây cho ta một trăm đầu thú vật và một cái đầu người.

Sau đó họ thưa với đức vua:

– Chúng tôi đã vâng lệnh sẵn đủ.

Vua bảo:

– Các khanh hãy mang ra chợ bán hết những cái đầu kia và cả đầu người cho ta.

Sau đó các hạ thần thưa:

– Chúng tôi đã bán trăm đầu thú vật, riêng đầu người bán không ai chịu mua, nay nó thôi quá!

Vua bảo các đại thần:

– Các khanh không hiểu rõ, trước đây ta phát tâm gặp Đức Phật và chúng Tăng liền cúi đầu đánh lễ. Các khanh nói: “Ý vua quá phiền toái”, nên nay ta muốn cho các khanh biết cái đầu của con người là vậy. Đầu của người chết không sạch sẽ, rất hôi hám. Nay dùng nó vào việc tạo phước để được hóa sinh lên các cõi trời. Các người lại ngu si phản đối, cho là phiền toái.

Các hạ thần quỳ thưa:

– Đúng thật như lời của đại vương dạy. Chúng thần ngu si không thấu hiểu nổi. Xin đại vương thứ tội.

Sau này, mỗi khi vua và các quan ra ngoài

thành thăm viếng dân tình, gặp Đức Phật và chúng Tăng đều cung kính đánh lễ. Xem đó như một vương pháp vậy.



50- Ngày xưa có một vị quốc vương đi ra ngoài thành thăm viếng dân tình, mỗi khi thấy các Sa-môn đều xuống xe đánh lễ. Có vị Đạo nhân nói:

– Đại vương không nên xuống xe.

Vua nói:

– Ta muốn đi lên chứ không chịu đi xuống. Sở dĩ ta nói đi lên mà không đi xuống là như thế này: Ta nay vì Sa-môn mà đánh lễ, về sau khi thọ mạng hết sẽ sinh lên cõi trời, cho nên ta nói chỉ đi lên mà không đi xuống là thế.



51- Ngày xưa có một người chết đã lâu, sau đó thần thức trở lại đưa tay vuốt bộ xương cũ của mình. Người đứng gần đó thấy vậy hỏi:

– Vì sao người sờ mó bộ xương khô ấy?

Vị Thiên thần nói:

– Đây là thân cũ của ta, là thân không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm. Miệng không nói dối, không thêu dệt, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời hung ác. Ý không tham lam, ganh ghét, không sân hận, không si mê. Cho nên sau khi chết được sinh lên cõi trời, mọi mong cầu đều được khoái lạc vô cùng tận. Vì lý do như thế cho nên ta

mến trọng thân cũ này vậy.



52- Ngày xưa, ở nước ngoài có một Sa-môn tu hành ở trong núi. Thời bấy giờ có một con quỷ hóa làm một người không có đầu, đi đến trước Sa-môn. Thầy Sa-môn nói:

– Không có đầu chỉ là bệnh hoạn, vì mắt để thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi biết hương, miệng lưỡi cảm thọ mùi vị. Vì vậy không có đầu chẳng có gì thích thú cả.

Quỷ nghe vậy biến mất, liền hiện ra một người không có thân, chỉ có tay chân. Thầy Sa-môn thấy vậy nói:

– Người không thân thì không biết có đau ốm, không có lục phủ ngũ tạng và như vậy sẽ không biết có bệnh, thì đâu có gì vui!

Quỷ lại biến mất, liền hiện ra một người không có tay chân. Thân như một bánh xe lăn đến trước Sa-môn, thầy Sa-môn nói:

– Thích thú quá, không có tay chân thì không thể đi trộm cướp tiền tài vật chất của người. Vậy không thích sao!

Quỷ nghe dạy như vậy thưa:

– Thầy đã giữ gìn được thân tâm không bị dao động.

Quỷ liền biến thành một người đàn ông, đi đến đánh lễ sát đất và thưa với Sa-môn:

– Thầy giữ gìn tâm ý vững chắc như vậy sẽ khiến cho ngài tu học không lâu sau sẽ thành tựu.

Quỷ một lần nữa lại cúi đầu đánh lễ dưới chân Sa-môn rồi lui ra.



53- Ngày xưa có một Sa-môn tu hành một mình trong núi, thay áo, áo bị rách, thầy ngó chung quanh, rồi kéo áo mặc vào ngay. Khi ấy sơn thần xuất hiện, nói với Đạo nhân:

– Trong núi này vắng vẻ không có ai, vì sao thầy phải lật đật mặc áo như vậy?

Thầy Sa-môn nói:

– Có Sơn thần thấy tôi, tôi cũng tự thấy; ở trên có mặt trăng, mặt trời, chư Thiên cũng thấy tôi. Với ý nghĩ đó cho nên tôi không thể cho thân lộ. Nếu không có lòng hổ thẹn thì không phải đệ tử của Phật.



54- Ngày xưa có sáu người vốn là bạn, sau đều bị đọa vào địa ngục, cùng bị hành hình, nấu trong một cái chảo lớn. Họ đều muốn nói nguồn gốc lỗi lầm của mình: Người thứ nhất nói: “Sa”. Người thứ hai nói: “Na”. Người thứ ba nói: “Đặc”. Người thứ tư nói: “Thiệp”. Người thứ năm nói: “Cô”. Người thứ sáu nói: “Đà-la”.

Khi Đức Phật thấy vậy, Ngài mỉm cười. Tôn giả Mục-kiền-liên bạch Phật đề rõ căn nguyên.

Đức Phật dạy:

— Sáu vị ấy trước đó là bạn của nhau, đều bị đọa vào địa ngục, phải chịu khổ hình trong một cái chảo lớn. Họ muốn nói nguồn gốc tội lỗi của mình. Do nước sôi trào vọt lên xuống nên họ không nói được nhiều lời. Chỉ nói được một lời liền bị nhận chìm trở xuống.

Người thứ nhất nói: “Sa”. Ông ta muốn nói: Ở thế gian trải qua sáu mươi ức vạn năm, trong địa ngục chỉ có một ngày. Ta biết khi nào mới đền trả tội xong!

Người thứ hai nói: “Na”. Ông tỏ ý thất vọng, không biết khi nào mới được ra khỏi đây?

Người thứ ba nói: “Đặc”. Ôi, nên dụng tâm tu sửa lúc còn sống. Như vậy mới có thể chế ngự được vọng tâm của mình mà quyết định lấy của năm nhà phân ra để cúng dường Tam bảo. Người ngu tham lam không biết đủ, nay hối hận nào có ích gì!

Người thứ tư nói: “ThIỆP”. Anh ta muốn nói: Dù lo kinh doanh tìm cầu vật chất trong sự sống cũng không đi đến đâu. Sau khi chết tài sản của ta thuộc về người khác, riêng mình chịu thống khổ.

Người thứ năm nói: “Cô”. Ai có thể giúp ta ra khỏi địa ngục, sau đó không còn phạm vào lỗi lầm để được sinh lên cõi trời, người, hưởng vui sướng?

Người thứ sáu nói: “Đà-la”. Việc khổ đau này

là do trước đây ta không chịu lo toan. Ví như cỡi xe đi lạc vào đường tà, xe bị gãy trục, hồi hận không kịp.



Bảy bài này trích trong La-hán Thí Dụ:

55- Ngày xưa, Đức Phật còn tại thế, Ngài bảo Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến cõi nước trang nghiêm của Đức Phật Duy Vệ, thăm hỏi Đức Phật kia về ba việc là thân Đức Phật có được an ổn không? Nói pháp bình thường không? Người nghe pháp có được tăng trưởng tiến bộ không?

Tôn giả Xá-lợi-phất nương oai thần của Đức Phật đi đến nước kia như lời Phật căn dặn, hỏi thăm về ba việc. Đức Phật Duy Vệ nói:

– Tất cả đều được thuận lợi, an ổn.

Lúc bảy giờ Đức Phật vì hàng Bồ-tát mà chuyển vận xe pháp, thuyết giảng pháp Bất thoái chuyển cho hàng Bồ-tát Thất trụ. Ngài Xá-lợi-phất được dự nghe, rồi từ cõi ấy trở về, sắc diện sáng tươi, đi đứng khác thường. Đức Phật gọi Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Ông đến nước kia trở về, vì sao nay đi đứng có vẻ thích thú như vậy?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

– Con đến nước kia được nghe Đức Phật dạy pháp Bất thoái chuyển, giống như người nhà nghèo đói rét, bỗng được vô số châu báu nhiều như núi

Tu-di, do vậy con hân hoan, không thể tự chế.

Đức Phật dạy:

– Lành thay! Đúng như lời ông nói.

Đức Phật lại dạy:

– Nay Xá-lợi-phất, ví như vị trưởng giả Đại Ca-la-việt, hoàn toàn dùng vàng ròng và hạt châu Ma-ni làm gia bảo. Ở trong nhà có những thứ đồng, thiếc, chì, kẽm, đều vứt bỏ ra ngoài đồng rác dơ. Có người nghèo khổ gặp được, vui mừng mang những thứ ấy về nhà, tuyên bố rằng: “Ta đã được quá nhiều vật báu của trưởng giả Ca-la-việt.” Nhưng sự thật có phải vật báu của trưởng giả không?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

– Thưa, chẳng phải.

Đức Phật dạy Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Pháp mà ông được nghe là pháp còn thấp thỏi, nghèo nàn. Đức Phật kia nói công hạnh của Bồ-tát Thập trụ và nói sự thanh tịnh trong phẩm hạnh đó, cho nên pháp mà ông đã được nghe chưa đầy đủ trọn vẹn công hạnh của Bồ-tát.

Tôn giả Xá-lợi-phất hiểu được, thưa:

– Con tưởng rằng được của báu, trái lại chỉ là thứ chì, thiếc mà thôi.

Khi ấy trong hội chúng nghe ngài Xá-lợi-phất trình bày sự việc như vậy, vô số Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề, vô số Bồ-tát khác được Nhất

sinh bổ xứ.



56- Ngày xưa, ngài Đại Mục-kiền-liên ngồi bên gốc cây, thử dùng đạo nhãn nhìn xem thấy đến tám ngàn cõi Phật. Ngài suy nghĩ: “Đức Như Lai thấy còn chưa bằng ta.” Ngài đi đến chỗ Đức Phật, như bước đi oai vệ của con sư tử. Đức Phật hỏi Tôn giả Mục-liên:

– Ông, hàng Thanh văn, nay sao lại bước đi sư tử?

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

– Con có thể thấy khắp tám phương, có tám ngàn cõi Phật. Con nghĩ rằng: “Đức Phật thấy không bằng con”, cho nên con bước đi như sư tử.

Đức Phật dạy:

– Lành thay! Đại Mục-kiền-liên, cái thấy của ông quả rộng lớn vậy!

Đức Phật dạy Tôn giả Mục-kiền-liên:

– Ví như đèn sáng đem so sánh với ngọc minh châu cách nhau rất xa.

Đức Phật dạy:

– Ta nhìn thấy cõi, nước khắp mười phương nhiều như số cát của sông Hằng, một hạt cát là một cõi Phật, trong cõi ấy ta thấy tất cả: Hoặc thấy có người từ cung trời Đâu-suất vào trong thai mẹ, rồi thị hiện đản sinh, xuất gia học đạo, tu hành, hàng phục ma quân. Sau khi thành đạo, Đế Thích, Phạm

thiên đến khuyến khích thỉnh Đức Phật nói pháp. Rồi Đức Phật vì vị ấy và tất cả chúng sinh mà nói pháp, sau đó vào Niết-bàn; đã vào Niết-bàn, đệ tử hỏa thiêu, lấy xá-lợi xây tháp tôn thờ. Như vậy, rất nhiều sự kiện xảy ra không thể tính kể, ta dùng Phật nhãn đều thấy rõ hết.

Khi đó Đức Phật phóng một đạo hào quang chiếu suốt phương trên, trong thân phóng ra hào quang chiếu khắp tám hướng, chân phóng ánh sáng soi chiếu phương dưới, đều thấy trăm ngàn cõi nước. Lúc ấy các cõi nước khắp mười phương chấn động sáu cách mà ánh sáng kia không bị chướng ngại.

Lúc bấy giờ ngài Mục-kiền-liên ở trước Đức Phật liền thấy vô số, vô biên hằng hà sa cõi nước, ở trong mỗi cõi nước đều có như những điều Đức Phật đã chỉ dạy ở trên. Tôn giả Mục-kiền-liên bạch Phật:

– Thế Tôn vừa nói đến mười hằng hà sa cõi Phật, nay Ngài hiện bày cũng như vậy.

Đức Phật dạy ngài Mục-kiền-liên:

– Do ông không tin, cho nên Ta nói một ít. Bấy giờ Ta hiện bày ra như vậy, so ra thì thật không thể tính kể.

Ngài Mục-kiền-liên nghe Đức Phật dạy như vậy, toàn thân gieo xuống đất như núi lớn sụp đổ, cất tiếng khóc thưa:

– Con không biết công đức rộng lớn của Phật, mới có thái độ sai lầm như thế này. Thà thân con vào đại địa ngục chật chội hơn bản, trải qua trăm kiếp không trụ A-la-hán quả còn hơn!

Ngài Mục-kiền-liên lại nói:

– Ở giữa đại chúng, Đức Thế Tôn thường dạy, con là Thần thông bậc nhất mà còn không đủ khả năng nói và biết công đức của Phật, huống gì người chưa được đạo mà biết được sao? Đại chúng nên phát tâm tu hành theo chí hướng của Phật, chớ bắt chước theo tôi mà làm bại hoại dòng giống giác ngộ.

Tất cả Trời, Rồng, Quỷ thần, Nhân dân nhiều vô số đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Có người phát tâm rộng lớn tu Bồ-tát đạo sẽ được quả vị Bất thoái chuyển. Các Bồ-tát đã được Bất thoái chuyển liền đạt được quả vị Nhất sinh bồ xứ.



57- Ngày xưa có một Long vương tên là Bạt-đề, oai thần rộng lớn, rất năng động, tánh nóng nảy, thường ưa làm việc bạo ngược, cùng các quyền thuộc làm điều phi pháp, như dùng gió mưa lớn, sấm chớp, mưa đá để giết hại nhân dân, cầm thú, chim chóc và các loại thú vật nhỏ, nhiều vô số.

Thời ấy có mười ngàn vị tôn túc A-la-hán cùng nhau bàn luận: “Nếu ai giết một người đọa địa ngục một kiếp, còn phải cả trăm lần chịu chết để thường

mạng, tội kia còn chưa hết. Nay loài rồng tàn hại chúng sinh lâu nay không lường hết được. Cứ như vậy, nếu nó không chịu dừng lại, sợ sẽ khó được độ thoát. Nay chúng ta hãy đi đến để ngăn chặn lỗi lầm của nó vậy!”.

Khi ấy Đức Phật biết được, liền khen:

– Lành thay! Các thầy là người xuất gia cầu đạo Vô vi giải thoát, có lòng muốn cứu tất cả mạng sống đang bị nguy ách, lại cũng muốn độ người có tội là rất tốt và nên làm, đó cũng là việc báo ân vậy.

Khi ấy các vị A-la-hán cùng bàn với nhau: “Chúng ta không cần huy động cả vạn người cùng đi, mà chỉ đi từng người một, lần lượt đến cảm hóa.” Nhưng đều bị thất bại không thể tiến tới được. Họ cùng bàn với nhau: “Đi một mình không thể hàng phục, cảm hóa con rồng bỏ ác làm lành được. Bây giờ nên tập hợp công đức của cả vạn người cùng một lúc đi đến.”

Khi rồng đã thấy được, liền nổi gió làm mưa đá, sấm chớp mịt mù, nó làm cho cả vạn người đều kinh hãi, mờ mịt, không thể tiến bước, lại phải chịu nhục quay trở về.

Ngài A-nan bạch với Đức Phật:

– Thưa Thế Tôn, con rồng đã giết hại người và thú vật, tội lỗi của nó rất lớn, không thể tính kể. Nay còn làm mưa đá khủng bố cả vạn vị A-la-hán. Các ngài, y hậu mưa ướt như người bị chết đuối.

Tội của nó rất nặng, không thể kể hết được.

Khi ấy, Đức Phật đang ở trên núi Kỳ-xà-quật cùng với một vạn Bồ-tát và một vạn A-la-hán, tất cả cùng đến ngọn núi, chỗ rồng đang trú ngụ. Khi Long vương thấy, nó liền nổi giận làm mưa đá, sấm chớp. Rồng lại còn phóng một tảng đá rộng bốn mươi trượng, nếu rơi xuống đất sẽ lún sâu bốn thước, muốn dùng nó hại Phật và chúng Bồ-tát. Khi đá bay đến trên Phật, trụ giữa hư không, biến thành hoa trời che ở trên. Đức Phật liền phóng ánh sáng soi tỏ khắp nơi. Ở trong núi, các thợ săn gặp mưa lớn tối tăm mù mịt, không nhận ra phương hướng đâu là Đông, đâu là Tây; tất cả hơn vạn người nhờ ánh sáng đó mà đi đến gặp Phật.

Rồng lúc ấy lại tiếp tục nổi sấm sét, liệng một tảng đá lớn khác vuông vức rộng bốn mươi trượng, nếu tảng đá này rơi xuống đất sẽ lún sâu trong lòng đất bốn mươi trượng, nhưng khi tảng đá bay ngang trên Đức Phật liền biến thành hoa, nhập chung với những bông hoa trước, kết thành một bảo cái bằng hoa. Các rồng nhỏ quyến thuộc cũng liệng mưa đá xuống, bao trùm một trượng vuông, cũng đều biến thành hoa như trên.

Các vị A-la-hán thấy rồng muốn gây tai biến, đều ôm lòng lo sợ, đến nương gần Đức Phật. Loài rồng ở trên mây nhìn thấy trận mưa đá của mình nay đã biến thành bảo cái bằng hoa, treo lơ lửng trên không, không rơi xuống được. Rồng suy nghĩ:

“Ta phải cuộn khúc thân mình dài bốn mươi trượng, làm mưa xối xả trên đầu Phật và chúng Tăng. Nhưng mưa tức thời bị dập tắt ngay ở trên không. Lúc ấy khắp thân ác độc của rồng đau đớn, ngã lộn, lún sâu trong lòng đất. Bảy giờ rồng mới ngẩng đầu nhìn Đức Phật, suy nghĩ: “Các hành động của ta đều không được như ý muốn. Chắc chắn là ta đã gặp vị Thần tối thượng vi diệu, tôn quý.” Cùng lúc ấy, các rồng nhỏ tự thân cũng cảm thấy bủn rủn, không nhúc nhích nổi. Long vương và tất cả rồng quyền thuộc khi mạng chung đều được sinh lên cõi trời, làm con trời, họ liền trở xuống đứng hầu bên Phật. Khi ấy Đức Phật nói với A-nan:

– Thầy có biết các vị trời này từ đâu sinh lên không?

A-nan thưa:

– Con không biết được.

Đức Phật dạy:

– Chính là Long vương và quyền thuộc đã có ác ý mà ông đã nói: “Tội họ rất lớn, không thể tính kể”, nhưng nhờ khi họ bị rơi xuống đất liền phát lòng hiền lành, biết Đức Phật là Bạc Tôn Quý, nên khi chấm dứt thọ mạng được sinh lên cõi trời. Các vị đang ở đây chính là họ.

Các vị trời khi nghe Đức Phật dạy như vậy, đều phát tâm Vô thượng bình đẳng, độ thoát chúng

sinh. Khi ấy các thợ săn vừa đi đến chỗ Đức Phật, họ tự nghĩ: “Tội lỗi của rồng như vậy còn được giải thoát, nghề săn bắn sát hại của ta, so với rồng, lỗi cũng không bao nhiêu.” Họ muốn phát đạo tâm nhưng còn do dự.

Đức Phật nói với A-nan:

– Một vạn vị A-la-hán này muốn độ loài rồng đang tạo tội, nhưng năng lực không đủ. Nếu không có Ta vì loài rồng mà chế phục thì chẳng những không độ được cái ác mà còn tăng thêm tội cho họ. Cho nên muốn độ tất cả chúng sinh, trước phải thiên định tư duy, nếu có thể độ được, sau đó mới thi hành. Có những người các thầy không thể hóa độ, Như Lai có thể độ mà còn chưa độ.

Khi các thợ săn nghe Đức Phật dạy như vậy, đều phát tâm Vô thượng bình đẳng, độ thoát chúng sinh cùng trời, rồng và tất cả nhân dân trong hội, nghe Đức Phật vì họ mà nói pháp nên đều được vào địa vị Bất thoái chuyển.

Long vương Bạt-đề cùng với Đức Thích-ca Văn Phật thời trước đó đều là dòng tộc Bà-la-môn. Thời ấy đệ tử của ông Bạt-đề có cả vạn người. Họ thấy Đức Thích-ca Văn là Đấng Tài Đức đều bỏ thầy cũ, theo phụng sự Đức Thích-ca Văn. Ban-đề vì ôm lòng sân hận nên phải bị tội báo đọa làm rồng. Trái lại công đức của Phật đã thành tựu nên độ tất cả chúng sinh, một vạn đệ tử

đều đặc quả A-la-hán.

Ác tâm của rồng rất mạnh, muốn hại tất cả, hàng vạn người kia nghĩ tình thương xót nên muốn cứu độ, nhưng vì Long vương này đã từng làm thầy của họ, cho nên tuy đã chứng Tứ quả Thanh văn mà cũng còn phải chịu nhục. Nếu là Bồ-tát, rồng có gia tăng ác hại cũng không làm gì được.



58- Ngày xưa có một quốc gia, nhân dân thịnh vượng, nam nữ lớn nhỏ đều quen thói làm ác, tánh khí ngang bướng, hung bạo, rất khó giáo hóa. Đức Phật dẫn các đệ tử đến gần nước ấy. Trong đó có năm trăm vị A-la-hán tâm thường tự mãn. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đứng trước Đức Phật thưa:

– Con muốn đến nước kia hóa độ muôn dân.

Đức Phật liền chấp nhận. Tôn giả đi đến nước đó nói pháp, giảng đạo, khuyên họ nên làm việc thiện, nếu làm việc ác, tội lỗi kia rất khó lường được. Người trong nước ấy họ hòa nhau phỉ báng, không chịu nghe theo lời khuyên dạy ấy nên Tôn giả phải trở về.

Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Mục-kiền-liên:

– Muốn giáo hóa người nên dùng trí tuệ như pháp mà sửa đổi, nếu họ hiểu được sẽ tự cải bỏ.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Con muốn đi đến nước kia để chuyển hóa cứu độ muôn dân.

Đức Phật chấp nhận cho ngài đi. Tôn giả vì mọi người giảng dạy kinh luật, họ không nghe theo mà còn nhục mạ.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và các đệ tử lớn gồm năm trăm vị, theo thứ tự lần lượt đi đến nước kia cũng không hóa độ được mà còn bị coi khinh chế diễu. Tôn giả A-nan bạch với Đức Phật:

– Người nước kia hung dữ, không chịu tiếp nhận lời lành, các Thanh-văn đến đó đều bị nhục mạ. Nếu nhục mạ một vị A-la-hán, tội ấy rất lớn, huống nữa họ còn đi ngược lại với lời khuyên dạy của các vị, họ sẽ mắc tội rất nặng, bầu trời này khó dung được họ.

Đức Phật dạy:

– Tội ấy tuy nặng, nhưng Bồ-tát quán sát chỉ thấy có thanh tịnh mà không thấy thật có tội.

Đức Phật liền dạy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đi đến nước kia để giáo hóa. Khi Bồ-tát đến giáo hóa, họ được nghe và đều tán thán:

– Việc hướng dẫn, dạy dỗ của Bồ-tát sao mà dễ tiếp nhận quá!

Bồ-tát lại còn vào viếng vua nước kia, sau khi đàm đạo, vua rất hoan hỷ, lại còn báo cho các quan, nhân dân đều biết. Vua tán thán:

– Bồ-tát là Bạc tinh tấn, dũng mãnh, nhân từ, trí tuệ.

Bồ-tát đi đến đâu, mọi người đều rất hợp ý khen

ngợi, tất cả đều rất hoan hỷ, không thể tự kiềm chế. Họ nói: “Đây là bậc Đại nhân, lời dạy rất thần diệu. Bồ-tát lại còn biết được tâm chí của ta, đây không phải là điều vui thích nhất sao!”

Mọi người đều đem vàng bạc, vật báu, hương hoa rải trên người Bồ-tát. Lại còn đem y phục, lụa là tốt đẹp và đồ ăn trân quý cúng dường Bồ-tát. Sau đó tất cả đều nhờ sự giáo hóa của Ngài mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dạy chúng đệ tử:

– Các vị cúng dường ta không bằng cúng dường Thầy ta. Ngài là Đấng Giác Ngộ. Hãy đi đến phụng sự cúng dường Ngài, phước đức sẽ tăng trưởng vô lượng.

Tất cả mọi người đều vui vẻ chấp thuận, theo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến yết kiến Đức Phật. Đức Thế Tôn vì họ nói pháp. Ngay khi ấy, tất cả họ đều vào địa vị Bất thoái chuyển, ba ngàn quốc độ đều chấn động lớn. Núi rừng, cây cỏ đều thâm khen ngợi: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khéo hóa độ vậy!”.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Người nói họ mắc tội lớn, nay có còn không?

Sức mạnh của năm trăm vị A-la-hán và oai thần của Bồ-tát đã hóa độ như vậy cho nên thường được Đức Như Lai khen ngợi. Nếu chúng ta không biết hồi tâm sẽ làm suy hại dòng giống của Phật, không có lợi ích cho tất cả mọi người.



59- Một hôm Đức Phật ngồi tĩnh tọa bên gốc cây, Ngài vì tất cả mọi người mà nói pháp. Trong hội chúng có người được đạo quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tư-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-la-hán. Người được chứng đắc đạo quả không thể tính kể. Nhưng khi ấy sắc diện của Đức Phật không được rạng rỡ, như có nỗi buồn. Tôn giả A-nan biết được ý Phật, liền quỳ xuống thưa:

– Con làm thị giả, gần Đức Thế Tôn đã tám năm, chưa thấy sắc diện của Ngài như hôm nay. Không biết vì lý do gì mà Thế Tôn biểu hiện như thế? Ngày nay có ai bỏ mất hạnh lớn không? Có ai làm ác, bị đọa vào địa ngục không? Có ai xa lìa bốn tế không?

Phật dạy A-nan:

– Ví như vị khách đi buôn mang nhiều vàng bạc châu báu có hơn ngàn vạn, đến một nơi xa bán buôn để cầu sinh lợi. Trên đường đi gặp phải bọn đạo tặc lấy sạch hết của cải và vật dụng, bấy giờ vị ấy một thân trơ trọi, không biết lấy gì để tự sinh sống. Cái sầu ấy có đáng lo không?

Ngài A-nan bạch Phật:

– Thưa, sầu lo kia rất lớn!

Đức Phật dạy A-nan:

– Ta từ vô số kiếp đến nay, siêng năng khổ

hạnh, tiến tu đạo nghiệp, mong muốn cứu độ tất cả chúng sinh đều được thành Phật. Nay Ta đã được thành tựu đạo quả, mà hàng đệ tử chưa có người nào được công đức lớn. Do vậy mà Ta không được vui, nên ông mới thấy sắc diện có thay đổi như vậy.

A-nan bạch Đức Phật:

— Nay đệ tử của Đức Thế Tôn cũng đã có người thành tựu đạo quả A-la-hán. Người đã được, đang được và sẽ được đạo quả không thể tính kể. Còn người được quả A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn cũng như vậy, số lượng rất nhiều không thể tính kể. Có sao Ngài dạy: “Không có người nào được công đức mà hóa độ”?

Đức Phật dạy A-nan:

— Ví như vợ của ông lão sinh được mười người con gái, họ có đủ khả năng thừa kế việc tông đường không?

Tôn giả A-nan thưa:

— Bạch Thế Tôn, không được.

Đức Phật dạy:

— Tuy có rất nhiều người được đạo quả A-la-hán, nhân nơi pháp của ta mà sinh, cũng còn chưa phải là con Ta. Khi có nhân duyên, cũng không thể ngồi dưới gốc cây mà làm Phật sự. Ví như ở đời sinh nhiều con gái, đến tuổi đi lấy chồng hết ông lão cũng lại cô độc. Ta cũng như vậy.

Bấy giờ Đức Phật thị hiện rơi ba giọt nước mắt.

Ba ngàn thế giới bị chấn động lớn. Khi ấy vô số Trời, Rồng, Quỷ thần, Nhân dân đều phát tâm vô thượng bình đẳng, nguyện độ tất cả chúng sinh. Ngay lúc ấy sắc mặt của Đức Như Lai trở lại đoan chánh rạng rỡ như cũ. Ngài phóng vô số ánh sáng đến ngàn vạn ức, khắp cả mười phương rất là khác thường. Tất cả chúng sinh, ai được gặp ánh sáng này đều được Phật độ thoát cảnh tam tối.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Do nhân duyên gì Đức Thế Tôn phóng nhiều lớp hào quang thần biến kỳ diệu, tốt đẹp như vậy?

Đức Phật dạy A-nan:

– Như vợ chồng ông lão già cầu nguyện trời đất sinh con trai, sau được sinh con trai thừa kế gây dựng sự nghiệp, vợ chồng vui vẻ, rất được an ủi. Nay tất cả chúng sinh phát tâm Đại thừa là việc quá tốt đẹp, dòng giống giác ngộ sẽ không bị diệt mất.

Đức Phật khi ấy sai dạy Bồ-tát Tu-ma-đề:

– Cách đây sáu mươi ức hằng hà sa côi nước, ông hãy đến đó để lấy tòa Sư tử và đồ ăn uống.

Bồ-tát trong khoảnh khắc đuổi cánh tay liền trở về côi này, đem tòa Sư tử để trên cao chỗ trang nghiêm tốt đẹp, thỉnh tất cả Bồ-tát trong hội, những vị phát tâm Vô thượng bình đẳng độ thoát chúng sinh. Các Ngài đến ngồi vào các tòa Sư tử, trên tòa này có ngàn cánh hoa sen bằng vàng, có bảy báu xen kẽ ở trong và dưới gốc cây cũng có bảy báu.

Nơi đặt tòa Sư tử còn treo các tràng phan bằng bảy báu dùng để cầm, lấy gấm trời làm cờ hiệu, lụa trời làm hoa che.

Đức Phật khi ấy biến ngàn cõi nước lớn thành ao tắm, hoa sen bảy báu nở đầy trong đó. Đức Phật hiện thân làm Bồ-tát, hoặc hiện làm Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, vì đại hội mà thiết lập đàn tràng rộng lớn cúng dường tất cả bằng món cơm có vạn mùi vị, hương thơm của nó bay khắp tất cả mười phương. Người ngửi mùi, người ăn được cơm này đều phát tâm Vô thượng bình đẳng độ thoát chúng sinh. Cũng từ người được ăn cơm ấy khắp thân sẽ phát ra mùi thơm từ lỗ chân lông. Mùi thơm này nếu người nào được gặp, cũng phát tâm Vô thượng bình đẳng độ thoát chúng sinh.

Khi ấy mười phương chư Phật không cùng tận đều chấn động lớn. Tất cả Đức Phật ở mười phương đều sai Bồ-tát thân cận đi đến chúc tụng Đức Thích-ca Văn Phật và tất cả chúng hội cũng đều phát tâm Bồ-tát.

Các Bồ-tát ở mười phương đến, có vị đem theo hoa sen vàng màu tía. Có vị đem hoa sen báu bằng châu Ma-ni. Có vị đem hoa báu sáng như mặt trăng, mặt trời. Tất cả Bồ-tát ấy đem hoa sen báu quý rải trên Đức Phật. Do oai thần của Đức Thế Tôn, những hoa đó đều kết thành một hoa báu lớn che phủ ở trên, trùm khắp mười phương vô số cõi nước. Hoa báu lại phóng ánh sáng chiếu khắp các

cõi, chỗ tối tăm nhất cũng được soi sáng. Cho đến chỗ bùn nhơ hoặc địa ngục, cỏ cây, cầm thú, lục súc nếu được chiếu sáng cũng đều phát tâm lớn, cùng mong cầu thành tựu quả Phật.

Lúc ấy Đức Thế Tôn vì tất cả đại chúng mà nói pháp. Bồ-tát nghe pháp nhiều không thể tính kể, đều được Nhất sinh bồ xứ. Vô số Trời, Người cũng được Vô sinh pháp nhẫn. Lại còn không thể tính kể các loài Rồng, Quỷ thần, Nhân dân cũng đều được vào địa vị Bất thoái chuyển. Tất cả Bồ-tát đều phát tâm Vô thượng bình đẳng, độ thoát chúng sinh.



60- Ngày xưa có một người trẻ tuổi, nghèo khổ, đi đến nước khác được một quả cam; nó vừa thơm, vừa đẹp, ở đời ít có. Anh ta mén tiếc, không dám ném thử. Nghĩ đến cha mẹ, muốn đem quả cam về dâng cúng, nên liền đi trở về thành Tỳ-da-ly.

Khi ấy Đức Phật vào thành cùng với chư Bồ-tát và các đệ tử lớn, đến nhà trưởng giả thọ trai. Thấy Đức Phật đi qua, người trẻ tuổi chưa về nhà, tay cầm quả cam trong ý muốn dâng cúng nhưng chưa thực hiện kịp. Vì từ nhỏ đến lớn chưa từng nghe nói về Phật, thấy dấu chân Đức Phật vừa đi qua in trên đất giống như hình bánh xe đang quay, rõ ràng các đường chỉ nhỏ cũng không thiếu sót. Lấy làm lạ, anh ta liền ngồi bên dấu chân nhìn xem không chán. Anh ta cảm nhận như gặp được điều

may mắn, quên cả buồn vui. Anh suy nghĩ: “Dấu chân trên đất còn như thế, huống gì thân của vị ấy ở đời ít có. Ta ở đây đợi Ngài trở về, nên đem luôn phần của cha mẹ, chờ vị ấy trở lại sẽ đem quả cam dâng cúng.”

Khi Đức Phật chưa trở về, anh ta ngồi bên dấu chân, buồn suy nghĩ rơi nước mắt. Người đi đường thấy vậy hỏi:

– Vì sao anh cầm quả cam ngồi đây mà buồn bã vậy?

Anh ta đáp:

– Tôi ngồi đây với dấu chân của Bạc Tôn Quý, mong mỗi Ngài sẽ trở lại, muốn đem quả cam này tự dâng cúng, đợi thấy tôn nhan mà chưa được như nguyện. Tự xét thân phận hèn mọn, ít ai quan tâm, nên cảm thấy buồn.

Người đi đường thấy lạ, đến hỏi thăm, xem coi rất đông, đều bàn tán với nhau cho anh ta là kẻ cuồng si. Vì sao biết được vị ấy có trở lại hay không mà ngồi chờ đợi?

Khi Đức Phật đã đến nhà vị trưởng giả an tọa, chúng Tăng rửa chân, theo thứ lớp ngồi vào xong, vị trưởng giả và tất cả thân quyến đem các món ăn dâng cúng đầy đủ. Khi thọ trai xong, Đức Phật chú nguyện cho trưởng giả và cả người nghèo ở xa đang chiêm ngưỡng dấu chân, cầm quả cam đợi dâng cúng Phật.

Khi Đức Phật và chúng Tăng đã thọ trai xong, vị trưởng giả suy nghĩ: “Đức Thế Tôn chú nguyện pháp thí không bình đẳng. Chỉ chú trọng người ở xa, việc cúng dường ở đây không xứng đáng sao?”.

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

– Việc cúng dường của trưởng giả phước như thế nào?

Đức Phật dạy tiếp:

– Việc cúng dường của trưởng giả rất rộng rãi, nhưng vị ấy còn mong mỏi nên dụng tâm còn so sánh quanh co, nhưng kết cuộc cũng được tốt đẹp, an lạc. Trái lại, bên ngoài ở xa có một thiếu niên tay cầm quả cam, một lòng không nghĩ gì khác, ngồi bên dấu chân hiền từ chờ đợi, suy nghĩ muốn dâng quả cam cúng dường, vận dụng lòng thành phát tâm rộng lớn. Do vậy, nên Ta ngồi ở đây, vì người ở xa mà chú nguyện.

Vị trưởng giả suy nghĩ: “Người kia muốn cúng quả cam không khác đồ ăn của ta. Đức Phật tán thán công đức của người kia là cao tột. Ta tuy giàu có, đồ cúng đầy đủ, nhưng ý chấp vào việc cúng ít nhiều nên Đức Phật dạy phước không bằng người kia, Ta muốn theo hầu Đức Phật đến thăm người ấy.”

Khi ấy Đức Phật rời khỏi chỗ ngồi, đi đến với người ngồi chiêm ngưỡng dấu chân. Các Bồ-tát, đệ tử, trưởng giả, cư sĩ... tất cả hợp lại theo thứ bậc

tháp tùng theo Đức Phật. Người kia từ xa thấy Đức Phật đi đến, thân tướng tốt đẹp, hào quang sáng hơn cả mặt trăng, mặt trời, liền bước tới nghênh đón Đức Phật, rồi cúi đầu đánh lễ. Nhân đó anh ta quỳ xuống, đem quả cam dâng cúng Đức Phật và liền khi đó phát tâm Vô thượng bình đẳng độ thoát chúng sinh.

Đức Phật phóng ánh sáng chiếu khắp không cùng tận. Ba ngàn thế giới đều chấn động lớn. Mười phương chư Phật và chư vị Bồ-tát kịp thời đều hiện ra như hình hiện ở trong gương, xa gần đều thấy rõ. Đức Phật vì vị ấy thọ nhận quả cam rồi chuyển quả ấy cúng dường mười phương chư Phật, chỉ một quả ấy mà biến ra để cúng dường khắp không cùng tận. Mười phương chư Phật và chư vị Bồ-tát thân mang ca sa, duỗi cánh tay vàng sáng chói, phóng ra ngàn muôn ức tia sáng, trong mỗi tia sáng kia tự nhiên đều có hoa sen châu báu nối tiếp giảng quanh tòa Sư tử. Trên bảo tòa có chư Phật và chư vị Bồ-tát đều cầm bát báu thọ nhận quả cam, cũng dùng quả cam ấy chuyển biến cúng dường... Đức Thích-ca cũng lại như vậy, ở thế giới này chiếu sáng mười phương, khắp trong hư không, chư Thiên, Quỷ thần đều đầy đủ, tám hướng trên dưới cũng không có khoảng trống, đều hoan hỷ đến tán dương, hỗ trợ; các Bồ-tát trong ba cõi đều được nhờ ân.

Khi ấy người cúng quả cam được pháp Vô sinh

nhẫn. Đức Phật thọ ký cho vị ấy sau này sẽ được làm Phật hiệu là Quả Tôn Vương Vô Thượng Chánh Giác. Quốc độ kia sẽ giống như cảnh giới Cực lạc của Phật A-di-đà. Khi vị ấy được nghe Đức Phật thọ ký cõi nước riêng, tự nhiên thân tâm thanh tịnh, liền được quả vị Nhất sinh bổ xứ. Trưởng giả, cư sĩ cả đến ngàn người, nương nhờ phước ấy mà phát đạo tâm và được vào địa vị Bất thoái chuyển.

Công đức của người nghèo kia được lợi ích rộng lớn đến như vậy.



61- Thuở xưa, Đức Phật lên cung trời Đao-lợi thứ hai vì mẹ mà giảng pháp. Lúc bấy giờ có một vị trời thọ mạng sắp hết, có bảy việc báo hiệu:

1. Ánh sáng trên đỉnh đầu diệt mất.
2. Hoa trang sức trên đầu bị héo.
3. Nét mặt biến sắc.
4. Trên áo dính bụi dơ.
5. Dưới nách ra mồ hôi.
6. Thân hình không sạch.
7. Ưa rời khỏi chỗ ngồi.

Vị trời ấy liền suy nghĩ: “Sau khi thọ mạng đã hết, ta phải bỏ nài tòa ngồi bằng bảy báu, nài cung điện, ao tắm, nữ hòa nhạc, các thú ăn uống vui chơi cõi trời đều mất; lại phải hóa sinh ở nước Câu-di-na-kiệt, theo heo mẹ ghẻ lác làm con, bị vướng vào điều sâu lo mà chẳng biết làm sao! Những phương

tiền nào có thể trừ bỏ cái tội ấy?”

Có một vị trời mách bảo:

— Nay Đức Phật đang ở đây vì mẹ mà nói pháp. Ngài là Đấng Cứu Độ chúng sinh trong ba cõi, chỉ có Ngài mới có thể giải cứu ách nạn này cho người.

Vị trời được nghe vậy, liền đến chỗ Đức Phật cúi đầu đánh lễ. Chưa kịp thưa hỏi, Đức Phật liền bảo:

— Tất cả vạn vật đều trở về vô thường, ông vốn đã biết tại sao còn ưu sầu?

Vị trời ấy thưa Đức Phật:

— Tuy biết phước của cõi trời không được dài lâu, điều đáng hận là khi rời khỏi đây rồi, phải chịu làm con của heo mẹ ghẻ lác, thật là cay độc. Còn phải đi thọ thân khác, không có gì mà phải e ngại cả.

Đức Phật dạy:

— Nếu ông muốn khỏi đọa vào thân con heo thì phải tự mình phát nguyện quay về với Tam bảo, bằng cách xướng:

“Nam-mô Phật. Nam-mô Pháp. Nam-mô Tỳ-kheo Tăng. Đem thân mạng về nương tựa nơi Phật. Đem thân mạng về nương tựa nơi Pháp. Đem thân mạng về nương tựa nơi Tỳ-kheo Tăng.”

Một ngày xướng ba lần như vậy.

Vị trời ấy vâng lời Đức Phật dạy, sáng tối đều xướng ba pháp quý y ấy. Vị ấy sau bảy ngày chấm

dứt thọ mạng, được sinh xuống làm con trưởng giả ở nước Duy-na-ly. Khi còn trong bào thai, hằng ngày không quên ba pháp quy y. Khi vừa sinh chạm đất, đứa bé liền quỳ xuống chấp tay đọc ba pháp quy y. Người mẹ từ khi thọ thai, sinh con cũng không có điều gì xấu. Nay con vừa sinh liền biết nói, người hầu sợ bỏ chạy, bà mẹ cũng cảm thấy kỳ lạ: “Vừa mới sinh lại biết nói, thật là huyền hoặc!”. Ý bà muốn giết, nhưng bà tự nghĩ: “Đứa bé kỳ lạ này nếu hại nó thì vị trưởng giả sẽ đổ tội cho ta. Thông thả báo cho ông ấy biết thì có giết cũng không muộn.” Bà bồng đứa bé về phòng rồi sau đó thưa với vị trưởng giả:

– Tôi vừa sinh được một bé trai, mới lọt lòng liền quỳ xuống chấp tay quy y Tam bảo. Tôi bỏ vào phòng đóng cửa vì thấy kỳ lạ, huyền hoặc quá!

Người cha nói:

– Thôi, thôi bà ơi! Đứa bé này chẳng phải tầm thường đâu! Người sinh ra ở đời, có người sống đến trăm năm, hoặc tám chín mươi năm còn chưa hiểu để tự quay về với Tam bảo, huống gì đứa bé mới sinh đã có thể xưng niệm “Nam-mô Phật...”. Hãy khéo nuôi dưỡng, chăm sóc cẩn thận, chớ khinh thường!

Đứa bé lớn lên khoảng chừng bảy tuổi, đang cùng với nhóm trẻ trang lứa vui chơi bên đường. Khi ấy đệ tử của Phật là Tôn giả Xá-lợi-phất và

Mục-kiền-liên đi qua gần mấy chú nhỏ. Đứa bé thấy được, liền đến đánh lễ sát đất, thưa:

– Con xin đánh lễ Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên.

Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên rất kinh ngạc: “Chú bé mà cũng biết đánh lễ Tỳ-kheo.” Đứa bé thưa:

– Hai Tôn giả không biết con sao? Đức Thế Tôn ở cõi trời vì mẹ mà giảng pháp. Con khi đó là một vị trời sẽ đọa làm heo con. Nhờ vâng lời Đức Phật dạy, thường xướng ba pháp quy y nên nay được làm người.

Hai vị thiên tư cũng biết rõ được, liền có lời chúc nguyện. Chú bé (Tư-lê-chi) thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên:

– Nguyện mong các vị nhận lời con, xin cung thỉnh Đức Thế Tôn, chư Bồ-tát và tất cả chúng Tăng ngày mai đến nhà con thọ trai.

Hai Tôn giả nhận lời mời của chú bé. Chú bé liền trở về nhà thưa với cha mẹ:

– Chúng con đang vui chơi, gặp hai vị đệ tử của Đức Phật đi qua, con nhân đó nhờ chuyển lời cung thỉnh Đức Phật và chúng Tăng ngày mai đến nhà mình thọ trai. Mong cha mẹ sửa soạn vật thực để kịp cúng dường.

Cha mẹ thương mến nên hoan hỷ thực hiện theo lời con đề nghị. Song thân cũng rất ngạc nhiên khi

thấy con còn quá nhỏ mà đã biết phát tâm rộng lớn. Lại cũng nhân đây mới biết có kiếp trước.

Trong nhà cha mẹ sắm sửa các món quý giá, ngon lạ nổi tiếng, bày biện thật tỉ mỉ vượt quá mong mỏi của chú bé. Đức Phật và chúng Tăng dùng công đức, vận thần thông đến nhà chú bé thọ trai. Cha mẹ và mọi người dâng đồ ăn trân quý cúng dường, đem nước thơm rửa bát. Như pháp cúng dường xong, Đức Phật liền vì cha mẹ, chú bé và tất cả thân thuộc mà giảng pháp. Liên khi đó, tất cả đều được pháp Bất thoái chuyển.

Phước báo của việc quy y Tam bảo lợi ích như vậy, huống gì trọn đời quy hướng Tam bảo, siêng năng tu học theo giáo pháp của Phật.



SỐ 207

KINH TẠP THÍ DỤ

Sưu tập: Tỳ-kheo Đạo Lược.

1. Chùa Tước ly, thầy dẫn chú Sa-di xuống núi.
2. Thánh vương sinh chín trăm chín mươi chín người con.
3. Anh em đều làm Sa-môn.
4. Nhạc sĩ trẻ siêng hòa nhạc.
5. Thầy Tỳ-kheo bị đuổi.
6. Tôn giả Mục-kiền-liên và đệ tử từ Kỳ-xà-quật hạ sơn.
7. Bồ-tát Hỷ Căn.
8. Thọ điều khắc cùng nhà họa sĩ.
9. Nhân duyên vợ Đại Ca-diếp.
10. Sư huynh ưa Thiền, sư đệ thích Đa văn.
11. Ngài La Vân Châu.
12. Rong làm mưa.
13. Đi trong đất thanh tịnh của chúng Tăng.
14. Xả bỏ nước giải cho quý nhân.
15. Đức Phật cùng đệ tử vào Xá-vệ khát

thực.

16. Ngự y trị bệnh cho nhà vua.
17. Mưa độc.
18. Nhân duyên A-tu-la.
19. Hoàng tử vào núi tu hành.
20. Rừng nai.
21. Thi-lợi-câu-đa.
22. Đến nhà Bà-la-môn khát thực.
23. Người nhà quê.
24. Độc chú cảm hóa rồng.
25. Tảng đá giữa đường và chuyện đầu
và đuôi rắn tranh nhau.
26. Thợ săn bắt chim.
27. Năm trăm lực sĩ làm Sa-môn.
28. Ba nơi nương tựa vững chắc cần
yếu.
29. Bán sữa (đặc) để nuôi sống.
30. Năm trăm thương khách vào biển
tìm của báu.
31. Nhân duyên kiếp tận lửa thiêu và
nhân duyên quý nhân là Tỳ-kheo-ni.
32. Cỏ cây đều có thể làm thuốc.
33. Đồ tế trẻ.
34. Đức vua ưa bố thí.
35. Rồng giữ nước mưa.
36. Nhân duyên Thánh vương được xe
báu kim luân.
37. Phạm vương sống lâu.



1- Ngày xưa ở chùa Tước ly có một vị Tỳ-kheo là bậc trưởng lão đã được đạo quả A-la-hán. Thầy cùng với chú Sa-di đi vào thành thăm viếng. Y, bình bát và các vật dụng nặng chú mang theo sau hầu thầy. Chú Sa-di đang đi trên đường suy nghĩ: “Con người sinh ra trong thế gian không ai là không chịu khổ. Muốn ra khỏi nỗi khổ này nên tu theo đường lối nào?”. Chú suy nghĩ tiếp: “Đức Phật thường tán thán Bồ-tát là thù thắng, ta nay nên phát tâm tu Bồ-tát hạnh.”

Khi chú suy nghĩ như vậy, vị thầy dùng tha tâm thông biết rõ ý kia. Thầy nói với chú Sa-di:

– Con đưa y bát đây.

Chú đem y bát trao cho thầy. Thầy nói với chú Sa-di:

– Cho con đi trước.

Khi đang đi trước, chú Sa-di lại suy nghĩ: “Nếu tu theo Bồ-tát đạo phải siêng năng cực khổ. Có người xin đầu phải cho đầu, xin mắt phải bỏ thí mắt, việc này rất khó, sợ ta làm không xong. Chỉ bằng tu hạnh Thanh văn để chứng quả A-la-hán mới mau lìa khổ.”

Thầy cũng biết được ý nghĩ của Sa-di nên nói với chú ấy:

– Ngươi hãy mang y bát đi sau.

Như vậy ba lần, chú Sa-di rất ngạc nhiên,

không biết thầy có ý gì. Khi đến chỗ nghỉ, chú chấp tay thưa hỏi ý nghĩa kia. Vị thầy dạy:

— Người đối với Bồ-tát đạo ba lần muốn tiến tu, ta cũng ba lần cho người đi trước. Tâm người ba lần thoái thất nên phải để người đi theo sau làm phận sự. Vì sao như vậy? Vì người phát tâm tu hạnh Bồ-tát, công đức của vị ấy thù thắng hơn người thành tựu đạo quả A-la-hán và tràn đầy cả ba ngàn thế giới vậy.



2- Ngày xưa có đức Chuyển luân thánh vương đã sinh chín trăm chín mươi chín người con. Tất cả đều lớn khôn tuấn tú, thông minh trí tuệ, sức khỏe cường tráng. Trong các người con, hoặc có người đủ hai mươi tám tướng, hoặc có người đủ ba mươi tướng, hoặc có người đủ ba mươi một tướng tốt. Cuối cùng có một người con vừa mới vào thai mẹ, hoàn cảnh chung quanh đều không trong sạch mà có các hàng Bát bộ, Quỷ thần đầy năng lực, dùng trống nhạc đàn ca để hầu hạ, hộ vệ người mẹ. Vua cũng ra lệnh cho người ứng trực hai bên để cúng dường, cung cấp đầy đủ các thứ trang sức... gấp bội bình thường.

Thời ấy có người thấy vậy thưa vua:

— Đại vương trước đã có các người con nay đều đã trưởng thành, trí tuệ thông triệt, thân tướng tốt đẹp, tâm vua vẫn bình thản, an nhiên chưa có vui

mừng. Nay người con này mới vào thai mẹ, có gì đặc biệt mà chu cấp khác thường như vậy?

Vua đáp:

– Các người con lớn của ta tuy tài ba, tốt đẹp hơn người, nhưng chưa có người nào đủ điều kiện để bước lên địa vị lớn. Người con sau cùng này nếu được sinh và lớn lên, tất sẽ đủ cương lĩnh để nhận trách nhiệm lớn.

Thánh vương thời ấy cũng ví dụ như Phật vậy. Các người con lớn cũng như hàng Nhị thừa, người con sinh sau cùng cũng ví dụ như Bồ-tát. Bồ-tát tuy cũng còn có trần cấu, nhưng thường phát tâm rộng lớn, được chư Phật hộ niệm; Trời, Rồng, Quỷ thần đều phát tâm cung kính mến trọng.



3- Ngày xưa, vào thời Đức Phật Ca-diếp, có hai anh em đều xuất gia làm Sa-môn. Người anh thích trì giới, tọa thiền, một lòng cầu đạo mà không ưa bố thí. Người em thích bố thí, tu phước mà lại ưa phá giới.

Khi Đức Phật Thích-ca ra đời, người anh gặp Phật xuất gia tu hành, sau được đạo quả A-la-hán, nhưng vì ngài bạc phước, hằng ngày việc cơm ăn, áo mặc cũng không đủ. Cùng các bạn đạo đi khát thực, chỉ riêng ngài chịu đói mà trở về.

Người em sinh trong loài voi, là một con voi nhiều sức lực, có thể trừ khử oán địch, được nhà

vua quý trọng, nên dùng tất cả đồ tốt đẹp như vàng, bạc, châu báu, chuỗi anh lạc để trang sức cho voi. Vua lại còn phong một trăm hộ trong ấp phải thường cung cấp cho voi những thứ cần dùng.

Thời bấy giờ, người anh làm thầy Tỳ-kheo, gặp lúc thiên hạ bị mất mùa, đói kém, đi khát thực trong bảy ngày mà không có ai cúng dường gì cả. Sau cùng chỉ kiếm được một ít đồ ăn tầm thường để duy trì mạng sống.

Thầy Sa-môn biết voi của vua đời trước là anh em nên thầy đến gặp voi, tay cầm tai voi nói:

– Ta cùng với người đều có tội.

Voi suy nghĩ lời dạy của thầy Tỳ-kheo, liền biết được túc mạng, thấy rõ nhân duyên đời trước của mình, voi rất đau buồn, không muốn ăn uống. Người chăm sóc voi thấy vậy rất sợ hãi, đi đến tâu với vua:

– Thưa, voi không muốn ăn uống, không biết có ý gì?

Vua hỏi người giữ voi:

– Trước đó có người nào xúc phạm voi không?

Người giữ voi thưa:

– Không có người nào khác, chỉ thấy một Sa-môn đến bên voi trong chốc lát rồi đi.

Vua cho người đi khắp nơi tìm Sa-môn đó. Có người gặp vị Tỳ-kheo ấy ở trong rừng, ngồi dưới gốc cây, liền mời đến trước vua. Vua hỏi vị Sa-

môn:

– Thầy đến bên con voi của trẫm nói những gì?

Thầy Sa-môn thưa với vua:

– Tôi không nói gì nhiều, chỉ nói thẳng với voi rằng: “Ta với người đều có tội.”

Khi ấy thầy Sa-môn nói với nhà vua đầy đủ về nhân duyên đời trước của hai anh em. Vua nghe xong có ý tỉnh ngộ, liền thả thầy Sa-môn trở về chỗ ở.



4- Ngày xưa có một nhạc sĩ trẻ tuổi có thể hòa tấu tất cả loại nhạc, đi đến nhà vị trưởng giả giàu có xin một con bò. Vị trưởng giả này trong lòng không muốn cho, nên nói:

– Nếu người làm được như thế này, tức siêng năng hòa nhạc ngày đêm, suốt trong một năm, thì ta sẽ cho người một con bò.

Nhạc sĩ thưa sẽ làm được, lại hỏi chủ nhân:

– Ngài có thể chịu khó ngồi nghe không?

Trưởng giả cũng trả lời được. Nhạc sĩ nghe như vậy rất vui vẻ, hết lòng hòa nhạc, suốt trong ba ngày đêm chưa từng giải đãi nghỉ ngơi. Vị trưởng giả nghe lâu chán quá, liền sai người đem bò tặng nhạc sĩ.

Câu chuyện thí dụ này khuyên người hành đạo làm phước, không sợ tu hành nhiều kiếp số lâu xa, chỉ cần tinh tấn siêng năng càng gấp thì báo ứng

trở lại càng nhanh, đâu cần phải đợi trải qua nhiều kiếp.



5- Ngày xưa có một thầy Tỳ-kheo bị đuổi ra khỏi tập thể chúng Tăng. Trong lòng âm ức không yên, ông đau buồn thở than, vừa đi vừa khóc. Ra ngoài đường gặp một con quỷ. Nó cũng phạm pháp, cũng bị Tỳ-sa-môn Thiên vương đuổi. Khi gặp nhau, quỷ hỏi thầy kia:

– Người có việc gì buồn mà vừa đi vừa khóc?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Ta phạm việc cấm trong chúng Tăng, bị chúng Tăng đuổi, tất cả đàn-việt cúng dường cho ta nay đã mất hết, lại tiếng xấu đồn khắp xa gần. Vì vậy nên ta buồn khóc.

Quỷ nói với thầy Tỳ-kheo:

– Ta có thể giúp người diệt hết tiếng xấu và sẽ được cúng dường nhiều hơn. Muốn được như vậy, người ngồi trên vai trái của ta, ta sẽ vác người đi trong hư không, mọi người chỉ thấy được người mà không thấy thân ta. Nếu người được cúng dường, trước phải chia cho ta.

Khi ấy, quỷ liền vác thầy Tỳ-kheo đi trong hư không, trước tiên bay qua xóm làng nơi thầy đã bị đuổi. Lúc này, người trong xóm làng thấy vậy rất kinh dị, cho rằng ông ta đã được đạo. Họ nói với nhau:

– Chúng Tăng không sáng suốt nên đuổi người đăc đạo một cách oan uổng.

Rồi, họ kéo nhau đến chùa la trách chúng Tăng và họ đi đón thầy Tỳ-kheo ấy trở về chùa, càng tôn trọng và cúng dường nhiều hơn. Tỳ-kheo này khi nhận được đồ ăn, áo mặc, hoặc các vật dụng khác đều đem chia cho quỉ, không trái với giao ước cũ.

Một ngày khác, quỉ lại vác thầy Tỳ-kheo đi biểu diễn trong hư không. Không may quỉ gặp quan thuộc hạ của Tỳ-sa-môn Thiên vương, quỉ thấy vị quan chủ, quá sợ hãi, quăng bỏ Tỳ-kheo, rồi ra sức chạy trốn. Tỳ-kheo này rơi xuống đất chết tươi, thân hình tan nát.

Câu chuyện thí dụ này khuyên người tu hành nên tự tu theo chủ hướng của mình. Không nên ý lại người hào quý, hoặc dựa vào thế lực bên ngoài. Khi tình hình đảo điên, thay đổi, sẽ bị hại không khác gì như ông thầy kia.



6- Ngày xưa, Tôn giả Mục-kiền-liên cùng các đệ tử từ núi Kỳ-xà-quật đi đến thành Vương xá khát thực. Ngài Mục-liên đang đi trên đường, ngược nhìn hư không rồi bỗng nhiên cười thành tiếng. Các đệ tử liền thưa hỏi về nhân duyên mà thầy đã cười. Ngài Mục-liên đáp:

– Các thầy muốn biết, đợi trở về chỗ Đức Phật rồi có thể thưa hỏi.

Khi đã khát thực xong, trở về chỗ Phật, các đệ tử lại hỏi thầy Mục-liên về việc mà thầy đã cười. Tôn giả Mục-liên đáp:

– Ta thấy trong hư không có một ngạ quỷ thân rất lớn, hình tướng xấu xí, có bảy viên sắt nóng, từ miệng thẳng ra ngoài, ra ngoài rồi trở lại vào miệng, khắp thân lửa đốt đau khổ lẫn lóc, vừa đứng dậy rồi lại nhào xuống. Vì vậy cho nên ta cười. Chẳng phải một mình ta thấy, Đức Phật cũng thấy như vậy.

Các đệ tử hỏi:

– Do nhân duyên gì mà nó phải chịu khổ như vậy?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Các thầy nên đem việc này hỏi Đức Thế Tôn.

Các thầy kia liền bạch Phật, thưa hỏi về nhân duyên thọ báo kia. Khi ấy Đức Phật dạy:

– Ngạ quỷ này kiếp trước đã từng làm Sa-di, gặp lúc nhân dân đói kém, phải dùng đậu làm thức ăn. Chú Sa-di vì chúng Tăng mà đi phân phát đồ ăn, đến trước thầy của mình, vì tâm thiên vị, bỏ nhiều thêm bảy hạt đậu. Do tạo lỗi này mà phải thọ thân ngạ quỷ chịu đau khổ như vậy.

Đức Phật dạy:

– Ta cũng đã thấy, sở dĩ không nói, sợ các người không tin sẽ mắc tội lớn.

Ví dụ này cũng như Đức Phật giảng nói Bát-

nhã. Nếu người nghe không tin mà phỉ báng, tội kia rất nặng như tội ngũ nghịch và sẽ chịu cực khổ trong địa ngục.



7- Vào thời quá khứ, cách đây vô lượng vô số kiếp nhiều như vi trần; có một vị Bồ-tát tên là Hỷ Căn ở trong đại chúng giảng kinh điển Đại thừa.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lúc ấy là một phàm nhân xuất gia tu đạo, chuyên tinh khổ hạnh, thực hành mười hai hạnh Đầu-đà, rất nhiều phước đức, nguyện độ tất cả mọi người.

Gặp lúc Bồ-tát Hỷ Căn nói pháp thật tướng, Ngài Văn-thù nhân đó được nghe. Bồ-tát dạy:

– Dâm, nộ, si cùng với đạo không khác, cũng tức là đạo, cũng là Niết-bàn.

Bồ-tát Văn-thù thời ấy nghe mà không tin, liền đứng dậy bỏ đi. Đến nhà đệ tử của Bồ-tát Hỷ Căn, nói với vị ấy:

– Bồ-tát Hỷ Căn có ý xấu, nói pháp không trong sạch.

Vị đệ tử của Bồ-tát Hỷ Căn hỏi lại:

– Tất cả vốn không, pháp nào là chân? Vả lại, các pháp đều không, làm sao còn có sạch với không trong sạch?

Vị Tỳ-kheo tu hạnh Đầu-đà nín lặng không đáp được, nhưng tâm sân chất chứa bên trong. Khi ấy đệ tử của Bồ-tát Hỷ Căn nói bảy mươi bài kệ tán

thán pháp thật tướng.

Vị Tỳ-kheo Đầu-đà nghe một bài kệ, tăng thêm một niệm sân, nghe xong bảy mươi bài kệ, sân giận càng tăng cao. Ông ta nghe kệ vừa dứt, đất liền nứt ra, địa ngục Nê-lê ngay đấy liền hiện. Tỳ-kheo Đầu-đà đọa vào trong đó, trải qua vô lượng kiếp, tội hết mới được ra. Sau đó, mới biết nếu không tin vào pháp Đại thừa vi diệu, tội kia rất nặng. Sau khi sinh làm người, ngài xuất gia, thọ Tỳ-kheo, siêng năng học hỏi, được trí tuệ rộng lớn “Giải không thứ nhất”.

Câu chuyện thí dụ này nói rõ: Được dịp nghe Phật dạy pháp Bát-nhã, nếu không tin mà còn phỉ báng, dù hiện thời có tổn thương, nhưng đời sau được lợi ích lớn.



8- Ngày xưa ở phía Bắc nước Thiên Trúc có một người thợ điêu khắc giỏi, dùng tài khéo của mình tạo một người nữ bằng gỗ, đoan chánh không ai sánh bằng. Một nữ mặc áo, trang sức giống như con gái bình thường không khác. Cũng có thể đi qua đi lại, rót rượu đãi khách, chỉ không biết nói mà thôi.

Thời ấy, ở Nam Thiên Trúc cũng có một họa sĩ giỏi, rất thiện nghệ về hội họa. Nhà điêu khắc nghe tiếng, mở tiệc mời họa sĩ đến chiêu đãi. Khi họa sĩ đến, anh sai Một nữ rót rượu mời khách, bùng dạn

đồ ăn từ sáng đến tối. Nhà họa sĩ không biết, cho là người con gái thật, trong lòng để ý yêu mến, thường nghĩ đến không quên.

Đêm đã về khuya, nhà điêu khắc muốn đi nghỉ cũng không quên mời họa sĩ nghỉ lại ở một phòng riêng, sắp xếp cho Mộc nữ đứng hầu một bên. Nhà điêu khắc nói với khách:

– Xin để người con gái này ở lại hầu khách quý.

Chủ nhân đã vào phòng nghỉ. Mộc nữ đứng hầu bên bàn đèn. Người khách gọi mà thiếu nữ không đến, người khách cho rằng: “Thiếu nữ e thẹn cho nên không tới”, liền đứng dậy tới trước người con gái, cầm tay dắt mời, mới biết được đây chỉ là người bằng gỗ, rất tự hồ thẹn. Người khách suy nghĩ: “Chủ nhân dối gạt ta, ta phải gạt lại mới được.” Họa sĩ dùng phương tiện vẽ hình của mình trên vách, sắc phục giống y không khác, dùng dây buộc vào cổ, hình trạng giống người tự tử. Thêm ít con ruồi và con chim đậu trên miệng thây chết kia mà mô. Vẽ xong, đi đóng cửa, anh ta xuống dưới giường mà nằm.

Trời đã sáng, chủ nhân thức dậy, thấy phòng khách chưa mở, liền nhìn vào cửa sổ, thấy có người treo cổ tự tử. Người chủ sợ quá vì cho rằng người khách treo cổ chết, liền lật đặt phá cửa xông vào, dùng dao chặt dây. Khi ấy người họa sĩ mới từ dưới giường bước ra, nhà điêu khắc biết mình làm nên

rất hổ thẹn. Họa sĩ nói:

— Anh dối gạt tôi, buộc tôi phải gạt anh vậy.

Từ đây tình cảm của chủ và khách không còn muốn hơn thua nhau nữa. Hai người cùng cho rằng: “Người đời dối gạt nhau không khác gì như thế.”

Khi hai người đều tin và hiểu được sự dối trá, mê hoặc ở đời, thì cùng nhau từ bỏ người thân yêu, quyết tâm xuất gia tu đạo.



9- Nhân duyên đời trước của ngài Ca-diếp.

Ngày xưa ngài Ca-diếp sinh trong dòng Bà-la-môn, cha tên là Ni-câu-luật-đà, người ở nước Ma-kiệt. Ngài nhờ phước đời trước nên sinh ra trong nhà giàu có, của cải vật chất đứng vào hàng bậc nhất trong nước. So với quốc vương, ngàn phần chỉ thua một. Trước đó cha mẹ ngài cô độc không có con nối dòng, gần nhà có một vị Thọ thần rất linh. Khi ấy hai vợ chồng vì muốn có con nên đến cầu xin với vị Thọ thần. Tam sinh tế tự hàng năm không dứt, nhưng chỗ mong cầu chưa được toại nguyện. Cho nên một hôm ông nổi giận, bảo với Thọ thần:

— Tôi sẽ hết lòng bảy ngày thừa sự ngài, nếu không ứng nghiệm tôi sẽ chặt cây bỏ ra ngoài đường mà đốt.

Thọ thần nghe lời nói kia rất sợ hãi, không biết

phương cách nào khiến cho người cầu được sinh con, liền báo lên cho Thiên vương Túc Ý, thưa rõ sự tình cho vua trời nghe. Thiên vương Túc Ý dẫn Thọ thần đến viếng trời Đế Thích, đem lời của Thọ thần thưa lại. Đế Thích dùng Thiên nhãn xem trong cõi Dục thấy chưa có ai đủ điều kiện để xin làm con cho người cầu kia, nên lại báo lên cho trời Phạm vương, cũng đem sự tình thưa lên cho đức vua biết. Phạm vương dùng Thiên nhãn xem trong cõi của mình thấy một vị Phạm thiên sẽ hết thọ mạng, liền gọi vị ấy đến bảo:

– Người nên hạ sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, làm con vị Bà-la-môn Ni-câu-luật-đà ở nước Ma-kiệt.

Phạm thiên thưa:

– Bà-la-môn này tà kiến sâu nặng, tôi không thể sinh làm con nhà ấy được.

Phạm vương dạy:

– Bà-la-môn này nhờ đời trước có tạo phước lớn, nên chúng sinh trong cõi Dục không ai có thể sinh làm con. Nếu người chịu thác sinh, ta sẽ bảo trời Đế Thích ủng hộ cho người, không để phải rơi vào tà kiến.

Phạm thiên thưa:

– Xin vâng! Không dám trái Thánh ý.

Khi ấy Đế Thích trở về cõi Dục, đem hết ý trên nói lại cho vị Thọ thần. Thọ thần nghe qua rất hoan

hỷ, trở về bảo với vị trưởng giả:

— Ông khỏi lo, khỏi sợ, cũng đừng sân hận, sau bảy ngày sẽ biết có con.

Như lời Thọ thần bảo, sau bảy ngày người vợ liền biết mình đã có thai. Đủ mười tháng, bà ta sinh một người con trai, toàn thân sắc vàng, lại có ánh sáng. Thầy xem tướng thưa:

— Đứa bé này do phước đời trước nên có oai đức lớn, ý chí, năng lực, thanh tịnh cao xa, không tham việc đời. Nếu được xuất gia sẽ được thành tựu đạo Thánh.

Cha mẹ nghe như vậy lại có ý lo, sợ con mình sau này sẽ bỏ cha mẹ đi xuất gia, không biết dùng phương tiện gì để ngăn chặn. Họ tự suy nghĩ: “Việc quan trọng ở cõi Dục là nữ sắc, nên chọn lựa một người con gái đẹp, đoan chánh để ràng buộc, ta sẽ bớt lo.”

Khi đến tuổi mười lăm, cha mẹ đã có ý muốn cưới vợ cho con. Ngài Ca-diếp nghe được rất buồn, nói với cha mẹ:

— Ý của con ưa thích thanh tịnh, không cần phải cưới vợ.

Sau đó Ca-diếp tỏ ý từ chối với song thân ba lần, nhưng cha mẹ vẫn giữ ý ban đầu. Nên ngài phải thưa trình với cha mẹ:

— Con không muốn lấy con gái bình thường làm vợ. Nếu gặp được người con gái có thân sắc vàng,

đoan chánh không ai sánh bằng, mới nhận làm vợ.

Sở dĩ ngài đưa ra ý kiến như vậy là nghĩ rằng: “Việc này rất khó có thể thực hiện được.” Khi cha mẹ nghe ngài tỏ ý như vậy, liền gọi các Ba-la-môn bảo họ nên đi tuần hành trong nước tìm cho được người con gái thân thể sắc vàng, cốt cách đoan chánh, tốt đẹp.

Các Bà-la-môn bày phương kế đúc một tượng nữ thần bằng vàng, dung mạo đoan chánh, sáng suốt, tốt đẹp, kiêu rước nữ thần đi từ nước này đến nước khác. Họ rêu rao rằng:

– Tất cả con gái, ai thấy nữ thần bằng vàng này, nếu chịu khó đến lễ bái, chiêm ngưỡng, sau lấy chồng sẽ sinh con tốt đẹp, thân thể sắc vàng, dung mạo thù thắng, trí tuệ không ai sánh kịp.

Những cô gái ở trong các thành ấp, xóm làng rất để ý đến lời kêu gọi này nên đều tập trung đến để phụng sự, nghênh đón, chiêm ngưỡng. Chỉ có một người con gái thân thể sắc vàng, rất đoan chánh, tốt đẹp, một mình đóng cửa ở trong nhà, không theo chị em nghênh đón nữ thần. Các cô bạn đến bảo:

– Nếu được chiêm ngưỡng nữ thần bằng vàng kia thì sẽ được như ý nguyện. Vì sao một mình cô không chịu ra nghênh đón?

Cô ấy đáp:

– Ý của tôi chỉ thích nhàn tịnh, không muốn

mong cầu.

Các cô bạn lại nói:

– Tuy không có ý nguyện nhưng mình cùng nhau đi xem chơi, đâu có tổn hại gì!

Khi ấy các bạn dẫn cô gái đến viếng nữ thần. Cô gái ấy bước đến đứng trước tượng nữ thần, thân quang của cô trong sáng chiếu soi; làm che lấp cả ánh sáng của nữ thần, không còn hiển hiện được nữa. Hiện tượng này các Bà-la-môn đã chứng kiến, nên họ cùng nhau mang tượng trở về, thừa lại với trưởng giả, nói rõ đã gặp cô gái nói trên. Khi ấy, vị trưởng giả nhờ người mai mối đến nhà cô gái kia trình bày ý mong muốn của trưởng giả. Cha mẹ cô trước cũng đã nghe danh chú rể tương lai Ca-diếp này rồi, nên tôn trọng tiếp nhận ý cầu hôn. Cô gái nghe được rất buồn vì cha mẹ bắt ép việc này không hợp ý mình. Cô ta mạnh dạn đi đến nhà vị trưởng giả, những mong được gặp Ca-diếp để trao đổi. Hai người nói chuyện cùng biểu lộ ý chí trong sạch. Họ nói với nhau: “Tuy sẽ là vợ chồng, nhưng vốn không ân tình.” Cô ta cũng cùng với Ca-diếp thề giao kết sẽ xem nhau như anh em, đều ở phòng riêng và điều cần yếu là không can phạm đến nhau.

Đến khi cưới về, vợ chồng đều có phòng riêng. Người cha đợi khi Ca-diếp đi ra ngoài, liền cho người phá bỏ một phòng, để cho vợ chồng chỉ có một phòng, tuy cùng một phòng mà lại khác

giường. Người cha tìm cách sai người bỏ bớt một giường. Bấy giờ họ chỉ có một giường. Vợ chồng bàn hãy cùng nhau thề nguyện: “Nếu khi tôi ngủ thì anh nên kinh hành. Khi anh ngủ tôi lại kinh hành.”

Một hôm, khi người vợ ngủ, một tay thòng xuống đất, có con rắn độc muốn đến cắn tay. Ca-diếp thấy, do lòng từ mẫn, đến cầm tay áo nâng lên, để lại trên giường. Cô ta giật mình, biết được nên giận nói với Ca-diếp:

– Chúng ta trước đã giao kết, sao nay anh lại xúc phạm tôi?

Ca-diếp nói:

– Tay cô thòng xuống đất, rắn độc muốn cắn, chúng ta giúp nhau, không phải cố xúc phạm. Rắn còn ở góc nhà.

Khi cô ta đã thấy mới chịu tỉnh ngộ. Lúc ấy vợ chồng mới bàn với nhau:

– Vì sao chúng ta không xuất gia tu đạo?

Khi ấy hai người mới quyết định từ bỏ thân quyến, phát tâm xuất gia, vào núi rừng hành đạo.

Lúc bấy giờ, có một vị Bà-la-môn đem năm trăm đệ tử cũng trú tại núi này, thấy vợ chồng Ca-diếp liền sinh tâm phỉ báng:

– Phép tắc của người xuất gia là phải thanh tịnh, vì sao hai vợ chồng đã đi tu mà còn ở chung với nhau?

Khi ấy Ca-diếp liền xa lìa bà vợ, dùng năm trăm lượng vàng, mua một cái nạp y dày, ở riêng một mình trong rừng. Người vợ phải theo Bà-la-môn cầu làm đệ tử. Năm trăm đệ tử của Bà-la-môn này thấy cô hình sắc đoan chánh, xinh đẹp, ngày ngày theo muốn hành dâm, làm cho bà ấy không được tự tại. Sau đó cô không thể chịu nổi cảnh ấy, nên liền thưa với vị Bà-la-môn giáo chủ. Thầy Bà-la-môn này nhân đấy mới răn dè, thúc nhắc các đệ tử, dạy họ phải biết kiềm chế dục vọng.

Về sau, Ca-diếp được gặp Phật xin xuất gia, nghe Đức Phật thuyết pháp, thấu hiểu lời Phật dạy, liền được chuyển hóa thành tựu đạo quả A-la-hán. Biết vợ cũ của mình theo các Phạm chí, ngài liền đến hướng dẫn trở về gặp Phật. Đức Thế Tôn vì cô ta nói pháp, cô liền chứng được quả A-la-hán; tóc trên đầu rụng xuống, pháp phục mặc trên thân, thành Tỳ-kheo-ni.

Sau đó, cô đi du hành giáo hóa, gặp lúc vua Batur-nặc mở đại hội. Các Tỳ-kheo-ni cũng được mời vào cung vua cúng dường. Nhân cơ hội này, bà giáo hóa cho các phu nhân, dạy họ thọ trì trai giới một ngày một đêm. Buổi chiều tối, vua trở về nội cung, triệu các phu nhân đến hầu, họ đều thưa: “Vì đang trì trai giới, không thể đến được.” Vua rất giận, nói với người hầu cận:

— Ai dạy các phu nhân của ta trai giới?

Các cận thần thưa:

– Thưa, do vị Tỳ-kheo-ni tên ấy...

Vua cho người đến mời Tỳ-kheo-ni ấy và ra lệnh cho cô phải làm hoàng hậu thay cho các phu nhân của vua trong thời hạn chín mươi ngày.

Đây là do nhân duyên thế nguyện đời trước của cô, cho nên tuy đã được đạo quả A-la-hán cũng không thể tránh khỏi.



10- Ngày xưa có hai anh em đều xuất gia học đạo. Người anh thường nghĩ đến việc hành thiền, chuyên tinh tu hành, được đạo quả A-la-hán thanh tịnh, thấu triệt sáu pháp thân thông. Người em chỉ nghĩ đến việc học rộng nghe nhiều, ưa thanh danh, muốn mình được vẻ vang. Người anh khuyên bảo em:

– Thân người khó được, gặp Phật ở đời cũng không phải dễ. Đã được thân người, nên quý thời gian, siêng năng tu tập.

Người em nói với anh:

– Chúng ta cần phải học hết ba tạng Kinh, Luật, Luận đủ khả năng làm thầy người mới tập hành thiền.

Người anh lại vì em nhắc nhở ý nghĩa vô thường: “Thở ra mà không thở vào là đã thuộc về đời sau.” Người em cứ giữ lấy ý nghĩ của mình, không chịu nghe theo lời dạy. Sau đó không bao

lâu người em mang bệnh nặng, rất nhiều lương y cũng không thể cứu. Các thầy thuốc thấy bệnh không qua khỏi nên lần lần bỏ đi. Người em rất sợ hãi, tự biết mình sẽ chết, bèn nói với anh:

– Tại em ngu si không nghe lời anh dạy, nay sắp chết, không biết sẽ đi về đâu?

Người em nước mắt chảy dài hướng về người anh hồi lỗi. Sau đó không lâu người em mạng chung. Người anh liền nhập thiền định, quán xét chỗ thác sinh của em, thấy người em được đầu thai trong nhà vị trưởng giả. Nhà vị trưởng giả cũng gần chùa, nên người anh thường đến nhà làm Thiện tri thức, muốn độ người em.

Khi chú bé, con vị trưởng giả đã được ba tuổi, họ đem vào chùa xin quy y làm đệ tử. Đến bốn tuổi, người vú nuôi bỗng đến thăm thầy ở trong chùa. Vì chùa ở trên núi cao, phải lót đá làm đường đi lên, bà vú nuôi bỗng chú bé không vững, lỡ tay rơi xuống, lộn nhào, đập đầu vào đá vỡ sọ chết. Khi chú bé lâm chung, tâm sinh ác niệm vì giận bà vú kia bỗng lêu lổng đến nỗi phải mang họa. Do nhân duyên sinh khởi sân hận, nên khi mạng chung liền bị đọa trong địa ngục lớn.

Người anh lại nhập định, quán xét thấy em bị đọa vào địa ngục, người anh chỉ biết than và đành chịu, không còn giúp được gì: “Chư Phật nếu gặp người không có nhân duyên còn không thể cứu độ,

huống gì ta, cũng đành chịu thôi vậy.”

Câu chuyện thí dụ này ý nói người ưa thanh danh mà không tu thiện định, sau sẽ bị rơi vào đường ác. Dù thân tình như cha mẹ, anh em cũng không thể cứu được.



11- Thầy La Vân Châu là đệ tử của Tôn giả Xá-lợi-phất, kiếp trước cướp đoạt đồ ăn của một vị Bích-chi-phật. Do tội lỗi này cho nên phải sinh vào loài ngạ quỷ, chịu khổ trải qua vô lượng kiếp. Hết thân ngạ quỷ được sinh làm người, suốt năm trăm đời thường chịu đói khát. Thân sau cùng được gặp Đức Phật, theo Tôn giả xuất gia học đạo, thân mang pháp y, nhưng thường ngày đi khát thực không ai chịu cúng dường, hoặc năm ngày, có khi đến bảy ngày nhịn đói là chuyện thường.

Tôn giả Mục-kiền-liên thương xót, khát thực mang cơm đến cho thầy. Tôn giả vừa đổ cơm vào bát thì bị một chim lớn chộp lấy bay đi.

Tôn giả Xá-lợi-phất mang cơm đến cho thầy, khi đổ vào bát, cơm trong bát ấy liền biến thành bùn đất.

Tôn giả Ca-diếp khát thực mang đến bố thí, khi thầy bốc cơm bỏ vào miệng, miệng liền khép lại không thể ăn được.

Khi ấy Đức Phật phải thân hành mang cơm đến, Ngài dùng năng lực Từ bi rộng lớn nên thầy mới

ăn được. Đồ ăn này đầy đủ khí lực đặc biệt. Đức Thế Tôn lại dùng phương tiện nói pháp. Khi nghe giáo pháp vi diệu, tối thượng của Đức Phật, thầy La Vân Châu rất hoan hỷ, phát tâm từ bi, một lòng suy nghĩ, sau được chứng quả Ứng chân.



12- Có rồng bay lên hư không, làm mưa vào cõi trời, nếu nước mưa lọt vào Thiên cung, nước ấy liền biến thành bảy báu. Nếu mưa rơi trong loài người, nước đều thấm ướt mát mẻ. Mưa rơi trên thân ngựa quỉ, liền biến thành lửa dữ, toàn thân bị đốt thiêu.

Đều là một loại nước mưa, tùy theo mỗi chỗ mà biến khác. Do đây mà biết, các hình tướng không có tính chất nhất định, tùy theo tội hoặc phước mà cảm nên vậy.



13- Ở ngoại quốc có một tu viện có rất nhiều chư Tăng nương ở tu học. Trong chúng có một thầy ở trong cảnh thanh tịnh của Già-lam mà đi đứng thiếu oai nghi. Gặp một thầy khác tánh quá sân giận, liền la lối, nạt nộ thầy kia, gọi là để chỉ dạy người. Thực tình muốn chỉ rõ lỗi của người, mà không biết mình đang tạo ác khẩu. Do đây, chúng ta có thể biết, tánh ưa nói xấu người khác cũng như câu chuyện thí dụ này vậy. Chỉ nêu cái lỗi của người mà không biết ta đang tự hủy cái hạnh tốt

của mình.



14- Xưa ở nước ngoài có những kẻ tiểu nhân theo phụng sự, hầu hạ quý nhân. Muốn được lòng chủ, khi thấy quý nhân nhổ nước miếng xuống đất, họ tranh nhau dùng chân chà bỏ. Có một người theo hầu mà không được khỏe mạnh lắm, tuy muốn biểu lộ thiện chí mà sức khỏe không cho phép.

Sau này gặp lúc quý nhân muốn nhổ nước miếng, khi vị ấy mới chồm môi, kẻ kia liền dùng chân đá ngay vào miệng. Quý nhân nói:

– Người phản ta phải không? Sao lại đá vào miệng ta?

Gã tiểu nhân thưa:

– Tôi có ý tốt, không bao giờ phản.

Quý nhân hỏi:

– Nếu người không phản sao lại có hành động như vậy?

Gã tiểu nhân thưa:

– Khi quý nhân nhổ nước miếng, tôi muốn được chà bỏ, nhưng nước miếng vừa ra khỏi miệng, người khác thường tranh chà bỏ trước. Ý tôi muốn phục vụ ngài trước, đều không được thực hiện. Vì vậy cho nên, nay tôi xin được chà bỏ ngay tại miệng.

Câu chuyện thí dụ này muốn nói: Khi chúng ta cùng luận bàn, điều cần yếu là đợi cho họ nói

ra hết ý nghĩa, rồi sau đó mới có ý kiến, hay nạn vắn. Nếu nghĩa lý chưa được nói ra rõ ràng mà vội có ý kiến hay nạn vắn, cũng giống như kẻ tiểu nhân kia đá vào miệng chủ vậy.



15- Ngày xưa, Đức Phật cùng với chúng đệ tử vào thành Xá-vệ khát thực. Trên đường đi Ngài thấy một hầm rác dơ ở ngoài đồng, tất cả đồ ứ tập đều dồn ở đó. Có một con heo mẹ và mấy con heo con cùng nằm trong hầm dơ nhớp ấy.

Lúc bấy giờ Đức Phật mỉm cười, trong bốn mươi cái răng hiện rõ bốn cái, từ trong bốn cái răng phóng ra ánh sáng lớn, chiếu đến ba ngàn thế giới, rộng khắp mười phương. Ánh sáng kia trở về nhiều quanh thân Đức Phật ba vòng, rồi chui vào ngực Đức Phật. Phép tắc thường của chư Phật là khi nói về việc địa ngục thì hào quang vào từ chân. Muốn nói việc súc sinh thì hào quang vào từ bắp tay. Muốn nói việc ngạ quỷ thì hào quang từ bắp vế mà vào. Muốn nói việc loài người thì hào quang vào từ rốn. Muốn nói việc chư Thiên thì hào quang vào từ ngực. Muốn nói việc của hàng Thanh văn thì hào quang vào từ miệng. Muốn nói việc của Duyên giác thì hào quang vào từ giữa chân mày. Muốn nói việc của chư Phật, Bồ-tát thì hào quang từ đánh đầu mà vào.

Ngài A-nan thấy hào quang từ ngực mà vào,

biết Đức Phật muốn nói việc của chư Thiên. Tôn giả A-nan khi ấy quỳ xuống thưa hỏi ý nghĩa kia. Đức Phật dạy thầy A-nan:

– Vào thời quá khứ trải qua vô số kiếp, có một vị trưởng giả rất hiếm hoi, chỉ có một cô con gái. Cô ta rất đoan trang, thùy mị, thông minh, lanh trí. Cô rất được cha mẹ mến thương, cưng chiều. Khi cô đã lớn khôn, suy nghĩ đọc một bài kệ hỏi cha mẹ:

*Tất cả dòng nước chảy
Vốn từ đâu phát sinh?
Việc khổ vui thế gian,
Khi nào sẽ chấm dứt?*

Cha mẹ nghe qua thì mừng nhưng cũng lấy làm lạ, không biết dùng lời gì để đáp lại những thắc mắc trong bài kệ này.

Cô gái muốn được giải thông ý nghĩa mà không trông mong ai có thể giải đáp, cô rất buồn rầu, không muốn ăn uống. Cha mẹ thấy con gái ưu sầu, trong lòng rất lo sợ, liền vì con mà thiết lập trai hội lớn, thỉnh các Bà-la-môn và các trưởng lão nhiều trí tuệ. Mọi người đã vân tập, thiết trai phạn cúng dường đã xong. Lúc ấy cô gái ngồi trên một chiếc giường nhỏ đặt ở giữa chúng hội nói lại bài kệ trước để thưa hỏi mọi người. Tất cả nghe xong đều im lặng, không ai có thể đáp được. Vị trưởng giả liền đem bảy báu sắp một mâm đầy, tuyên bố:

– Vị nào có thể đáp được, tôi sẽ tặng mâm trân bảo này.

Khi ấy có một Bà-la-môn, hình thể tuy tốt đẹp mà trí tuệ còn kém, vì tham các món trân bảo, liền nói:

– Tôi có thể đáp được.

Cô ấy nghe vậy liền đọc lại bài kệ để hỏi Bà-la-môn kia, ông ta cũng không giải được ý nghĩa bài kệ này sẽ đi về đâu, chỉ nói thẳng một câu:

– Việc này vốn không thật có.

Cô ấy nghe vậy suy nghĩ, liền được định “Vô sở hữu xứ”. Cô ấy tuyên bố:

– Đây là vị thầy chân thật, cho ta lợi ích không phải nhỏ.

Cô gái này sau khi chết sẽ được sinh lên cõi trời Vô sở hữu xứ, trải qua bốn mươi kiếp, hết thọ ở cõi trời, trở lại sinh trong nhân gian.

Cô gái, con vị trưởng giả thời ấy, nay là thân con heo nái già kia. Cô ta hưởng phước cõi trời đã hết, tội lỗi đời trước trở lại, nên ở đời này phải chịu làm thân heo.

Thời xưa, cô gái ấy dùng kệ thưa hỏi, nếu gặp được vị thầy sáng suốt, tức cô ta có thể được đạo quả. Cô ta tuy thực hành thiện định mà không có trí tuệ chân thật. Quả báo của thiện định đã hết, cũng phải trở lại đọa vào đường ác.



16- Ngày xưa có một vị vua một nước lớn, thân bị bệnh nặng trải qua mười hai năm rồi mà chưa có ai trị lành. Tất cả ngự y của nhà vua đều bó tay.

Thời ấy có một nước nhỏ ở phương xa cũng thuộc sự thống lãnh của vua nước lớn. Nước ấy có một thầy thuốc trị bệnh rất giỏi, vua nghe danh cũng cho mời đến để chữa trị. Sau một thời gian, bệnh vua được thuyên giảm, vua liền nghĩ đến việc đền ân đáp nghĩa cho vị thầy thuốc kia. Vua sai sứ giả ra lệnh cho nước thuộc địa kia:

– Vị thầy thuốc trị lành bệnh cho vua đáng được công lớn, phải kịp thời thưởng ban voi, ngựa, xe cộ, trâu dê, ruộng vườn, người giúp việc hầu hạ và dụng cụ trang sức tốt đẹp; tất cả đều phải cung cấp đầy đủ.

Vị tiểu vương vâng lệnh xây dựng nhà cửa, lầu gác cao rộng cho vị thầy chữa bệnh, cấp cho vợ của vị ấy áo mặc, đồ ăn uống, châu báu, các thứ dụng cụ nữ trang tốt đẹp và nào voi, ngựa, trâu dê, tất cả đều đầy đủ. Thầy thuốc tuy ở một bên mà vua không đề cập đến. Vị thầy thuốc suy nghĩ: “Ta trị bệnh cho đức vua quá công phu, chưa biết vua sẽ báo đáp cho ta như thế nào?”.

Vài ngày sau, bệnh vua được bình phục, vị thầy thuốc kia muốn từ giã về nước. Vua chỉ cấp con ngựa ô và một chiếc xe cũ kỹ. Vị thầy thuốc thấy

vậy rất buồn giận và than rằng: “Ta trị bệnh cho vua rất công phu mà vua không biết ân, không lo liệu gì cho ta, để ta phải trở về với hai bàn tay không!”.

Trên đường trở về, ông ta than vắn thở dài. Khi ông đã về đến nước mình, gần đến nhà thấy một bầy voi, liền hỏi người chăn voi:

– Đây là voi của ai?

Người chăn đáp:

– Đây là voi của ông thầy thuốc tên ấy ...

Ông lại hỏi người chăn:

– Thầy thuốc tên ấy... từ đâu mà có được voi này?

Người chăn đáp:

– Vị thầy thuốc tên ấy... trị lành bệnh cho vua nên được thưởng công.

Ông tiếp tục đi tới một đoạn đường nữa, lại thấy một bầy ngựa. Ông hỏi người chăn ngựa:

– Đây là ngựa của ai?

Người chăn ngựa đáp:

– Ngựa của ông thầy thuốc tên ấy...

Ông lại đi tới một đoạn đường nữa, thấy một bầy trâu và dê, hỏi người chăn:

– Đây là trâu, dê của ai?

Người chăn đáp:

– Trâu, dê của ông thầy thuốc tên ấy...

Ông tiếp tục đi tới, thấy chỗ nhà cũ của mình, nay nhà cửa, lầu đài khác xưa, liền hỏi người gác cổng:

– Đây là nhà của ai?

Người gác cổng thưa:

– Đây là nhà của thầy thuốc tên ấy...

Khi ông bước vào nhà, đi lên lầu, thấy một người đàn bà thân sắc tươi đẹp, mình mặc áo quý, ông lấy làm lạ hỏi:

– Đó là phu nhân của ai?

Người hầu đáp:

– Đây là phu nhân của vị thầy thuốc tên ấy...

Từ khi thấy voi, ngựa... và đi vào trong nhà, đều biết do vua trả công lao trị bệnh, vị thầy thuốc rất hối hận, vì so với việc trị bệnh cho vua, công phu của ta quá ít.

Chuyện này là dụ cho ta biết cách tu phước đức vậy. Tạo phước đức để lưu lại khó như bệnh vua khó trị lành. Thầy thuốc dụ như người tu phước. Trị bệnh cho vua cũng dụ cho người tu hành nên tạo phước. Bệnh được trị lành như phước đức đã thành tựu. Vua ra lệnh vua nước nhỏ thưởng ban voi, ngựa, nhà cửa, có ý nói: “Chứa phước ở đây thì quả báo được thành tựu ở kia.”

Luận rằng: Trông mong quả báo đến mau, thường gặp đáp ứng chậm. Như người kém niềm tin, khi làm phước liền mong sáng chiều có được

quả báo, đến lúc già, bệnh, chết đến, liền cho rằng mình không được quả báo tốt. Khi sinh vào cõi trời được đủ mọi sự tốt lành cũng giống như vị thầy thuốc kia trên đường về thấy voi, ngựa... vậy. Nương thân trung ấm đã đến được Thiên cung, tức được thọ sinh cõi ấy, có đầy đủ các nghiêm sức tốt đẹp, mới biết hối hận, trước đây sao không tạo phước cho thật nhiều, như thầy thuốc kia khi đã được thưởng ban, mới ân hận cho công phu trị bệnh lúc trước là quá ít.



17- Ngày xưa ở ngoại quốc có một cơn mưa có chất độc, nếu nước mưa ấy rơi vào trong thành trì, giếng, ao, sông, hồ, người uống nước đó sẽ bị mê cuồng trong bảy ngày mới tỉnh.

Thời ấy có một vị vua nhiều mưu trí, giỏi thiên văn. Khi thấy mây độc bay qua, vua đã biết, sai người cho che một cái giếng, không cho mưa độc rơi vào.

Trong lúc ấy thì trăm quan, quần thần đều uống nhầm nước mưa độc ấy. Họ đều bị cuồng loạn, nên lúc cùng đi đến triều đình, họ đều trần truồng, bôi bùn đất vào đầu, đi nghênh ngang vào ngồi trên sảnh điện của vua. Trong lúc đó chỉ một mình vua là không bị điên cuồng, như thường ngày, mặc áo bào, đội mũ thiên quang, mang chuỗi anh lạc, ngồi ở giường chính giữa. Tất cả quần thần không

biết mình đang cuồng, lại cho vua là quá điên cuồng, vì sao chỉ một mình mặc áo lung thụng như vậy. Quần thần bàn tán với nhau:

– Đây không phải chuyện nhỏ, chúng ta hãy cùng nhau suy tính, luận bàn.

Vua sợ quần thần muốn phản, liền báo với các quan:

– Trẫm có thuốc hay, có thể trị lành bệnh này dễ dàng, các người đợi đây trong chốc lát, ta vào đem thuốc ra ngay.

Vua liền vào bên trong cởi bỏ đồ đang mặc, dùng bùn, phẩm đủ màu bôi vào mặt, vào chân, vào thân, còn hơn cả các quan, trong khoảnh khắc trở ra. Tất cả quần thần thấy vua lem luốc hơn họ nên hoan hỷ chúc tụng, tán dương. Chỉ trừ có vua, còn tất cả đều không biết mình đang điên cuồng.

Sau bảy ngày, tất cả quần thần đều tỉnh ngộ, rất hổ thẹn, đều sửa sang áo mũ đàn đai hoàng, đến triều đình nhóm họp. Trái lại, nhà vua cố ý giữ nguyên hình trạng như trước, trần truồng ngồi trên tòa. Quần thần thấy vậy đều lấy làm lạ, cùng nhau thưa với vua:

– Ngài là người có nhiều trí tuệ, vì sao nay lại kỳ lạ như vậy?

Vua nói với các đại thần:

– Tâm ta vẫn bình thường, không có gì thay đổi. Do các người quá cuồng, ta phải tùy thuận, nay

các người lại cho ta là cuồng. Như thế các người chưa thật tâm vậy.

Đức Như Lai cũng như vậy. Tất cả chúng sinh do uống nước vô minh nên tất cả đều bị điên cuồng. Nếu nghe Đấng Đại Thánh dạy: “Các pháp vốn không sinh, không diệt, một tướng cũng là không tướng”, thì cho là Đấng Đại Thánh nói cuồng loạn. Vì vậy cho nên Như Lai phải tùy thuận chúng sinh, mà bày nói các pháp có thiện, có ác, hữu vi và vô vi vậy.



18- Có một vị A-tu-la đời trước là một người nghèo, thường băng qua sông để vào rừng hái củi, nước sông đã sâu lại chảy quá mạnh, những người làm nghề hái củi thường bị chết trôi, bị nhận chìm trong dòng nước xoáy mạnh mà không sao tránh khỏi.

Lúc ấy, có một vị Bích-chi-phật hiện làm hình tướng Sa-môn đi đến nhà anh ta khát thực. Người nghèo này phát tâm vui vẻ bố thí thức ăn. Khi thọ trai, rửa bát xong, vị Bích-chi-phật liệng bình bát lên hư không, cất thân bay theo.

Người nghèo thấy vậy, nhân đó phát nguyện: “Xin cho tôi đời sau được thân hình to lớn, những nơi nào nước sâu nhất cũng không quá gối tôi.” Do nhân duyên này nên đời sau vị ấy được thân to lớn, nước trong bốn biển không có chỗ nào sâu quá gối

được. Vị A-tu-la đứng trong biển lớn, thân cao hơn núi Tu-di, tay vịn đỉnh núi, nhìn xuống cõi trời Dao-lợi.

Đức Thế Tôn trong vô số kiếp chứa nhiều hạnh nguyện rộng lớn cho nên pháp thân của Ngài đầy khắp hư không, đâu có gì kỳ lạ!



19- Ngày xưa có một vị hoàng tử mới bảy tuổi đã theo thầy vào núi cầu học đạo Tiên, chưa từng biết trách nhiệm của trăm quan trong triều đình.

Sau quốc vương nước ấy băng hà, không có người thừa kế vương vị, quần thần cùng nhau bàn luận: “Người tu Tiên trong núi vốn là vương tử, bao năm tu hành nhiều đạo đức, nếu mời được hoàng tử về làm vua thì muôn dân đều nhờ.”

Họ cùng nhau đốc xuất quan dân sĩ tốt trong nước vào tận núi sâu, bái thỉnh vị Tiên nhân này mời về làm quốc vương. Khi vương tử đã nhận làm vua, quan dân cùng nhau đón về nước. Các quan tổ chức yến tiệc lớn để mừng tân vương. Vị quan trách nhiệm về việc ăn uống trong cung lo sửa soạn những món ăn cao lương mỹ vị để thiết đãi đại vương. Vua nếm qua các thức ăn rất hợp khẩu vị. Vua thích quá nên việc gì cũng gọi vị ấy đến hỏi. Quần thần thấy vậy đều cười và thưa với vua:

– Trong trăm quan, mỗi vị đều có trách nhiệm riêng: Vị quan nấu ăn lo việc ăn uống. Vị quan giữ

gìn kho vải lo việc may áo, cho đến việc chính trị, quân sự, lễ nghi, chủ kho báu... tất cả đều có trách nhiệm riêng. Không thể người có khả năng nấu đồ ăn ngon, mà giao phó tất cả trách nhiệm cho một người ấy được.

Câu chuyện thí dụ này để nói rõ các kinh điển của Phật đều có mục đích để làm sáng tỏ từng vấn đề, không thể mong hoàn bị nơi một bộ kinh. Các kinh đều nêu rõ thật tướng của các pháp. Các bộ luận hoặc phân tích Kinh Luật... Tất cả đều khác nhau, hoặc nói có tướng, hoặc không tướng, Đức Phật đều tùy duyên mà giảng dạy.



20- Ngày xưa, trong rừng nai có một bầy nai năm trăm con. Trong bầy có hai nai chúa: một con là Bồ-tát, một con chính là nai chúa.

Lúc ấy quốc vương ra khỏi thành săn bắn. Vua thấy được bầy nai liền ra lệnh cho quân lính vây bắt. Gặp lúc nguy hiểm, cả hai nai chúa cùng bàn phương kế. Khi đã thống nhất ý kiến, cả hai nai chúa đến trước nhân vương quỳ thưa rằng:

– Chúng tôi đều ở trong địa giới của vua nên ngài muốn giết chúng tôi xin chịu chết. Nhưng Đại vương một lúc mà giết cả bầy nai sẽ ăn không hết, hoặc bị hư thối... Ý chúng tôi tự nguyện một ngày dâng hai con nai để vua dùng, ngoài ra cứ mỗi ngày theo thứ tự đến nạp mạng, không dám thiếu sót.

Mong vua chấp thuận để mạng sống của chúng tôi tăng thêm chút ít. Ở đây chúng tôi đã nêu phải quấy, mong Đại vương ra ân tế độ.

Khi ấy nhân vương chấp nhận lời thỉnh cầu, ra lệnh mở vòng vây thả bầy nai. Từ đó về sau, hai nai chúa cùng nhau lo liệu sắp xếp thứ tự, mỗi ngày đưa đến hai con nai cho nhà bếp của vua.

Vài ngày sau, có một con nai đang mang thai, theo thứ lớp phải chịu chết. Nó đến nai chúa cầu xin rằng sinh con xong sẽ đi nạp mạng. Nai chúa bảo:

– Các nai khác theo thứ lớp chưa đến thì ai chịu thay cho người?

Nai kia buồn rầu liền đi đến chỗ nai chúa Bồ-tát thưa:

– Chúa của tôi không nhân từ, không dùng đạo lý tha thứ. Nay tôi đến đây nương tựa, mong nhờ lễ phải.

Nai chúa Bồ-tát thương xót hoàn cảnh như vậy, liền tự nguyện đi đến nhà bếp của vua xin chịu chết thế. Người đầu bếp vào thưa vua:

– Nai chúa tự đến xin chịu chết thế cho con nai đang có thai.

Vua nghe vậy lấy làm lạ, cho là hy hữu, nói với đầu bếp:

– Dẫn nai chúa đến đây!

Khi nai chúa đến chỗ nhân vương liền hướng

về vua nói ý nguyện của mình muốn giúp hoàn cảnh đáng thương kia. Khi nghe nai chúa nói, nhân vương liền sinh tín tâm. Vua nghĩ: “Loài cầm thú còn muốn tu đức, hưởng gì loài người.” Vua liền ra lệnh cho cả nước:

– Từ nay mọi người không được làm nghề săn bắn.

Vua liền đem cánh rừng rộng ấy nhường cho bầy nai để chúng được sống an ổn. Từ đó về sau rừng đó có tên gọi là rừng Nai.



21- Ngài xưa, có một vị cư sĩ, người vợ đang mang thai. Ông thỉnh Đức Phật đến nhà cúng dường, muốn nhờ Đức Như Lai đoán thử sau này vợ ông sẽ sinh con trai hay con gái. Đức Phật dạy:

– Bà ấy sau này sẽ sinh con trai, đoan nghiêm, đẹp đẽ. Đến khi lớn, tuy ở cõi người mà thọ cái vui ở cõi trời. Nếu như xuất gia tu hành sẽ được đạo quả A-la-hán.

Vị cư sĩ nghe qua, trong lòng nghi ngờ không tin. Sau lại thỉnh Lục sư ngoại đạo đến nhà cúng dường, lại cũng nhờ họ đoán xem. Cư sĩ nói với lục sư ngoại đạo:

– Trước đây tôi đã nhờ Sa-môn Cù-đàm đoán xem, Ngài nói sẽ sinh con trai, không biết có thật sẽ sinh con trai không?

Lục sư nói:

– Sẽ sinh con gái.

Đám Lục sư ganh ghét Phật pháp, muốn nói ngược lại nhưng sau tự suy nghĩ: “Nếu ông sinh con trai thì cư sĩ này sẽ bỏ ta mà phụng sự đức Cù-đàm.” Họ liền cất giọng quỉ quyết:

– Nay cư sĩ, vợ anh sẽ sinh con trai, nhưng sinh con trai sau này sẽ bị tai họa. Nhà cửa, thân thuộc bảy đời sẽ bị diệt sạch. Do sinh con trai không tốt cho nên trước ta nói dối là sinh con gái đó.

Cư sĩ nghe qua, trong lòng sợ hãi, không biết như thế nào. Đám Lục sư mới nói với cư sĩ:

– Muốn tốt và có lợi chỉ nên trừ khử trước.

Những Lục sư liền mổ bụng vợ cư sĩ. Họ mổ bụng là muốn phá hỏng đứa con, nhưng mổ bụng chưa xong mà vợ của cư sĩ đã chết, đức bé vẫn không chết là nhờ phước đức đời trước.

Cư sĩ đem xác vợ đến chỗ hỏa táng người chết, chắt một đồng củi lớn để hỏa thiêu. Khi ngọn lửa cháy mạnh, Đức Phật dẫn các đệ tử đến xem. Khi thân vợ của cư sĩ cháy rụi, liền thấy đứa bé ở trong lửa, ngồi trên hoa sen trang nghiêm, tươi đẹp, dung mạo như tuyết.

Đức Phật bảo Tôn giả Kỳ-vực:

– Hãy vào bồng đứa bé ra đây.

Tôn giả Kỳ-vực liền bồng đứa bé ra khỏi lửa và trả lại cho vị cư sĩ đem trở về nhà nuôi dưỡng đứa bé.

Năm lên mười sáu tuổi, đưa bé trưởng thành tài hoa, đẹp đẽ hơn người. Sau đó cư sĩ lại mở tiệc sắm sửa đồ ăn ngon, mời nhóm Lục sư ngoại đạo. Nhóm Lục sư tập trung đến, ngồi chưa bao lâu liền phì cười. Có người hỏi:

– Vì sao cười vậy?

Nhóm Lục sư liền đáp:

– Ta thấy một ngọn núi cao cách đây năm mươi ngàn dặm, dưới núi có suối nước chảy, một con khỉ rơi tôm xuống nước, thật đáng buồn cười vậy.

Chú bé biết nhóm Lục sư dối trá nên lấy bát của họ bỏ các món ăn ở dưới, dùng cơm che lấp ở trên, sai người bưng bát dâng cúng, còn các bát khác để cơm ở dưới, món ăn đổ lên trên. Khi mọi người đều thọ thực, riêng nhóm Lục sư không ăn mà tỏ vẻ tức giận. Gia chủ hỏi:

– Vì sao các vị không ăn?

Nhóm Lục sư đáp:

– Không có đồ ăn làm sao ăn được.

Gia chủ hỏi:

– Mắt các vị thấy xa năm mươi ngàn dặm, biết có con khỉ rơi xuống nước, vì sao không thấy dưới cơm trong bát ấy có đồ ăn?

Lúc ấy, nhóm Lục sư căm giận, không sao ăn được đứng dậy ra về, đi đến gặp Thi-lợi-cầu-đa thuật lại đầy đủ. Chị của Lục sư là vợ của Cầu-đa, Thi-lợi-cầu-đa nghe như vậy cũng nổi sân, nói

với Lục sư:

– Ông Cù-đàm là Thầy của nó, tôi sẽ vì đại sư thỉnh Cù-đàm đến làm nhục.

Sau đó họ âm mưu làm hầm lửa và cơm độc...

(Câu chuyện này rất dài, không thể nêu ra hết, ở đây chỉ nêu sơ lược chỗ cần yếu thôi.)



22- Ngày xưa có một đạo sĩ đi đến nhà Bà-la-môn khát thực. Bà-la-môn bảo vợ bung đồ ăn đến cúng. Khi người vợ đi đến gần, vì bà ta rất xinh đẹp, nên đạo sĩ nhìn mới sinh tâm rối loạn, nói với vị Bà-la-môn:

– Lỗi lắm rồi, mùi dục nổi lên rồi!

Bà-la-môn không hiểu, liền hỏi lại:

– Cái gì là lỗi lắm? Cái gì là mùi dục nổi lên?

Đạo sĩ liền đến ôm người vợ của ông ta hôn thành tiếng, rồi nói với Bà-la-môn:

– Đây là mùi dục.

Bà-la-môn rất giận, lấy gậy đánh đạo sĩ một hèo. Đạo sĩ nói:

– Đây là “lỗi lắm” và cũng thật là “tai họa”.

Bà-la-môn muốn đánh nữa, đạo sĩ chạy ra ngoài cổng còn ngoái đầu lại nói với Bà la môn:

– Đây là dục khởi lên vậy!

Câu chuyện thí dụ này nói: Người chưa hiểu rõ được ý nghĩa sâu xa, huyền diệu của sự việc, điều

cần thiết là phải dùng sự việc cụ thể để chỉ bày, sau mới ngộ ra vậy!



23- Ngày xưa có một người làm nghề nông ở quê, đi thăm thành phố, thấy người bị đánh bằng roi rướm máu, lấy phân ngựa nóng thoa vào lưng.

Anh ta hỏi:

– Vì sao phải làm như vậy?

Người kia đáp:

– Khiến cho vết thương dễ lành mà không bị sẹo.

Người nhà quê nghe vậy thầm để ý trong lòng, sau trở về nói với người nhà:

– Ta xuống phố lần này học được một điều khôn ngoan.

Người ở trong nhà hỏi:

– Ngài được điều khôn ngoan gì?

Ông liền kêu người giúp việc nói:

– Hãy đem roi đánh ta hai trăm roi thật đau.

Người giúp việc sợ chủ nhà, không dám trái lệnh, ông liền dùng roi tự đánh hai trăm roi thật đau, máu chảy khắp lưng. Ông liền nói người giúp việc:

– Lấy phân ngựa nóng đến thoa cho ta. Nó có thể làm cho vết thương mau lành mà không bị sẹo.

Sau đó ông ta nói với người nhà:

– Các người biết không, đó là điều khôn ngoan.

Câu chuyện thí dụ này nói về người tu hành coi thường giới luật. Vốn đã gặp minh sư thọ được giới (xuất gia), sau thấy người thọ giới (tại gia), không tin giới đã thọ để làm người cư sĩ, như vậy là tổn thương đến pháp thân thanh tịnh sẵn có. Dụ như chịu hai trăm roi, máu chảy khắp lưng mới mong người đem phân ngựa thoa lên vậy.



24- Ở ngoại quốc có người chuyên tụng chú để cảm hóa rồng, từ Quân trì đầy nước đi đến bên Long trì nhất tâm tụng chú. Loài rồng ở đây tức thời thấy lửa lớn phát sinh từ đáy ao, sau đó toàn ao nước đều có lửa cháy.

Rồng thấy lửa, ngóc đầu nhìn lên núi, lại thấy lửa lớn đốt cháy núi rừng; ngược xem đỉnh núi, cũng không có chỗ trú an ổn, tất cả đều bị lửa đốt cháy; cố tìm chỗ thoát thân mà không thể được. Chỉ thấy nước trong ao Quân trì là có thể tị nạn, liền dập tắt lửa lòng, biến thân nhỏ lại để ẩn náu trong ao Quân trì.

Long trì ví như Dục giới. Ngược lên núi rừng ví như Sắc giới. Nhìn đỉnh núi cao ví như Vô sắc giới. Thầy đọc chú cảm hóa rồng ví như Bồ-tát. Nước mát Quân trì ví như Niết-bàn. Dùng đến chú thuật là ví như pháp phương tiện. Lửa lớn thiêu đốt ví như hiện tượng vô thường. Thân rồng to lớn ví

như lòng kiêu mạn. Làm cho thân nhỏ lại ví như tâm khiêm nhượng.

Chuyện này ý nói Bồ-tát thị hiện kiếp thiêu, ba cõi dục, sắc, vô sắc đều cháy rực ngọn lửa vô thường, khủng bố chúng sinh, khiến cho chúng sinh phải diệt trừ lòng kiêu mạn, phát khiêm nhượng nhã nhận, vậy sau đó mới được bước vào cảnh an lạc Niết-bàn.



25- Thời xa xưa, ở nước ngoài có một tảng đá ở bên đường đi bị thời gian, ngựa xe giẫm đạp lần lần hao mòn. Thời ấy có người cho là nó ngăn cản, trở ngại đường đi, muốn trừ bỏ, nên dùng búa đập phá. Thấy có một con rắn độc từ trong đá bò ra, gặp gió lần lần lớn lên, trong khoảnh khắc, thân to lớn đầy cả cõi Diêm-phù. Người và muôn vật trong cõi Diêm phù chỉ trong một ngày đều bị ăn sạch hết, sau đó mới chịu chết.

Đây là do ác báo mà chúng sinh bị tàn hại mau chóng như vậy. Bồ-tát khi còn là người phàm đã chứa nhóm công đức trải qua nhiều số kiếp như vi trần, đến khi phát tâm đều thành Phật đạo, thuyết pháp độ người vào cõi Niết-bàn. Sự thành tựu mau chóng này đâu lấy gì làm lạ!

Xưa có một con rắn, đầu và đuôi cùng tranh với nhau, đầu nói với đuôi:

– Ta xứng đáng làm lớn.

Đuôi nói với đầu:

– Ta cũng đáng làm lớn.

Đầu nói:

– Ta có tai để nghe, có mắt để thấy, có miệng để ăn, nên khi đi là phải đi trước. Vì vậy cho nên ta xứng đáng làm lớn. Còn người không có những khả năng đó, không nên giành làm lớn.

Đuôi giận nói:

– Ta cho người đi thì người mới đi được. Bây giờ ta không cho người đi đây. Nó liền dùng thân quấn vào gốc cây ba vòng, trong ba ngày không buông thả. Đầu do đó không đi đâu được để kiếm đồ ăn uống, đói khát sắp chết.

Đầu nói với đuôi:

– Người nên buông thả ra. Ta chấp nhận cho người làm lớn.

Đuôi nghe nói vậy mới buông ra. Đầu nói với đuôi:

– Người muốn làm lớn, ta chấp nhận để người đi trước.

Đuôi mò mẫm đi trước, chưa được vài bước đã bị rơi vào hầm lửa mà chết.

Câu chuyện thí dụ này nói: Ở trong chúng Tăng, hoặc có vị Thượng tọa, Đại đức thông minh, có thể phán đoán pháp luật. Có người cấp dưới không chịu tuân theo. Khả năng của vị Thượng tọa không thể chế phục, liền nói: “Nếu muốn vậy thì

tùy ý”. Do đó những lợi ích chung đều sẽ bị rơi vào sai phạm. Ví dụ như rắn bị rơi vào hàm lửa vậy.



26- Ngày xưa có thợ săn giăng lưới nơi rừng vắng bắt chim, đem đồ ăn chim ưa thích đặt ở trong lưới. Các loại chim cùng bạn bè tranh nhau bay đến ăn. Thợ săn kéo lưới sập xuống, các loài chim đều lọt vào trong lưới.

Bây giờ có một con chim lớn đủ sức mạnh, dùng thân cắt bọng lưới lên, cùng với các loại chim khác cùng nhau bay đi. Thợ săn thấy vậy liền đuổi theo. Có người nói với thợ săn:

– Chim thì bay cao trên hư không mà người thì đi bộ ở dưới, sao mà ngu vậy?

Thợ săn trả lời:

– Không đúng như vậy đâu. Chim kia khi trời tối tìm chỗ nghỉ, do ý hướng bất đồng sẽ tự rơi xuống.

Người thợ săn cố đi theo, không chịu bỏ. Trời sắp tối, ngược xem các loại chim bay ngược xuôi cạnh tranh nhau hoặc muốn hướng về phía Đông, hoặc muốn bay về phía Tây, hoặc mong lên núi cao, hoặc muốn xuống vực sâu. Do bất đồng như vậy, chỉ trong chốc lát tất cả liền bị rơi xuống. Thợ săn bắt được, lần lượt giết chết. Thợ săn bắt chim ví như ma Ba-tuần. Người trươg lưới ví như kết sử. Mang lưới mà bay ví như người chưa

lìa kết sử mà muốn mong ra khỏi ba cõi. Trời tối muốn tìm chỗ nghỉ ví như người sinh tâm biếng nhác không chịu tiến lên. Tìm chỗ nghỉ không đồng, ví như sinh khởi sáu mươi hai kiến chấp thường trái nghịch nhau. Các loài chim bị rơi xuống đất như người chấp nhận pháp tà, quả báo sẽ bị đọa địa ngục.

Nhân đây chúng ta biết rõ kết sử trần cấu là lưới ma vậy.



27- Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, có năm trăm lục sĩ đều xuất gia làm Sa-môn. Các vị ấy ở một chỗ với nhau để cùng tọa thiền, tụng kinh.

Thời ấy có kẻ xấu làm giặc đến cướp hết y bát của các thầy, chỉ còn Nê-hoàn-tăng (áo lót) để lại.

Sau khi giặc đi rồi, các thầy Sa-môn chỉ mặc áo Nê-hoàn-tăng cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật, thưa lại với Ngài việc xảy ra ở trên. Phật dạy các Sa-môn:

– Các thầy sao không la lớn lên?

Các Sa-môn thưa:

– Đức Thế Tôn chưa cho phép nên không dám la lớn.

Đức Phật dạy các thầy Tỳ-kheo:

– Các thầy nếu không dám la lớn, có ngày giặc họ lấy y bát nữa, ai sẽ phải cung cấp thường cho các thầy? Từ nay về sau Ta chấp nhận cho các

thầy, khi thấy giặc cướp đến có thể la lớn, cầm gậy, nắm đá dọa cho họ sợ hãi phải bỏ đi, đừng có làm tổn hại họ là được.

Chỗ quý trọng của con người là thân thể, mạng sống và tài sản. Ba thứ này cũng không nên mến tiếc mà cũng không nên khinh thường. Không nên mến tiếc vì thân vô thường dễ hư hoại, không vững chắc. Người ngu mê làm cho là vật của ta, sinh ra tham ái, mến tiếc, làm nhân duyên cho các lỗi lầm, sau này phải đọa vào đường ác. Cho nên nói thân không phải là thứ để mến tiếc vậy.

Còn không thể khinh là do nhờ có thân mà gặp được Thánh hiền để làm các công đức quý báu, chấp tay, nghênh đón, lễ bái. Nhờ đó sau này sẽ được thân báu như Kim cang, không thể hoại được. Cho nên nói không nên khinh thường thân.

Thân mạng này không nên tiếc là vì con người thường vì thân mạng mà phải sát sinh, trộm cắp, tà dâm, miệt phạm bốn lỗi, ý sinh tham, sân, si, tà kiến, sau này sẽ đọa địa ngục. Cho nên nói không nên mến tiếc thân mạng.

Nhưng thân mạng cũng không thể khinh là vì nhờ có thân mạng này nên thường được gặp Thánh hiền, thường được nghe Phật pháp, hiểu ý nghĩa tinh vi, sâu xa, thấm sâu vào tinh thần để trọn đời tu hành, sau được thân mạng quý báu, sống lâu không cùng tận. Cho nên nói cũng không thể

khinh.

Tiền tài cũng không nên để ta mến tiếc: vì tiền tài thuộc phần của năm nhà (*trộm cướp, nước trôi, lửa cháy, quan tịch thu, con hư*). Chỉ cần một trong năm nhà kể trên đến viếng thì tiền tài hết sạch. Cho nên nói tiền tài không nên mến tiếc là vậy.

Nhưng tiền tài cũng không nên khinh thường là vì nếu gặp ruộng phước dùng nó đem ra bố thí, mỗi mỗi cúng dường không có mến tiếc, sau sẽ nhận được tiền tài, của báu ẩn tàng ở trong bốn đại. Khi đã có nhiều của báu, cứu giúp được khắp cùng, tất cả người nghèo cầu xin đều được thỏa mãn. Cho nên nói tiền tài cũng không thể khinh.

Luận rằng: người làm việc phước đức đều nên hướng tâm cầu thành Phật, không nên chỉ mong được hưởng quả báo trời người. Vì sao vậy? Ví như trồng cây lúa chỉ mong hái hạt của nó, hạt tuy chưa chín mà cành, nhánh, lá tự nhiên đã được. Bố thí làm phước cũng lại như vậy.

Phát tâm tu hành chỉ cầu thành Phật, đạt đến Niết-bàn. Tuy khi chưa được thành đạo mà niềm vui cao tột trong trời người như Kim luân, Thánh chúa, Đế Thích, Phạm vương tự nhiên đều được. Cũng như trồng cây lúa, không mong cầu nhánh lá mà tự nhiên đều được. Do vậy, người tu hành không nên chỉ cầu quả báo an vui của trời, người.



28- Ngày xưa, ở Thiên trúc có mười vạn Sa-môn cùng sống chung trong một tự viện, trong số đó hơn năm vạn người đã được đạo quả A-la-hán, thấu triệt sáu phép thần thông, các lậu hoặc đã hết. Còn lại năm vạn Sa-môn kia, hoặc có những vị được đạo quả dưới, hoặc có vị chưa được.

Thời ấy có một trưởng giả ở trong vùng gần tự viện vì muốn mong cầu cho mình thường được hưởng phước báo trời người, nên đến tự viện bày biện đồ ăn uống, cúng dường chúng Tăng.

Lúc bấy giờ có một Thượng tọa đã thành tựu sáu phép thần thông, là bậc A-la-hán. Ngài đã già nua, tóc bạc, răng rụng, hình thể khô gầy, là hàng Thượng thủ của mười vạn Sa-môn ấy, đại diện chúng Tăng, vì trưởng giả mà chú nguyện. Sau khi đã thọ trai, rửa bát xong, ngài nói với trưởng giả:

– Nay đàn-việt, nay ông làm việc bố thí này, không khéo sẽ mắc tội lớn.

Khi ấy trong hội, những vị chưa được đạo đều nói:

– Thượng tọa, ngài già cả nên nói có nhầm lẫn.

Thượng tọa nói:

– Việc kia sự thật là vậy, ta không nói nhầm lẫn đâu.

Mọi người hỏi:

– Vị ấy gieo giống phước, sao ngài nói sẽ mắc

tội?

Thượng tọa dạy:

– Các vị chỉ biết một mà không biết hai, vị ấy gieo phước thì về sau sẽ thọ hưởng phước báo trong cõi trời, người. Khi ở trong cảnh vui sướng sẽ sinh tâm kiêu mạn, tự cho là đã quá đầy đủ, không mong cầu giải thoát; thấy Phật không tôn trọng, gặp kinh không đọc tụng, học hỏi; thấy Sa-môn không có lòng tôn kính, buông lung, phóng túng. Khi phước hưởng hết sẽ phải bị đọa vào đường ác vô số kiếp, khi tội hết mới được ra khỏi.

Sở dĩ con người mắc phải tội lớn là vì nguyên nhân muốn được quả báo ở thế tục vậy. Trái lại, nếu có tâm hướng về Thánh đạo giải thoát, mà tu phước thiện thì sau này sẽ được giải thoát an lạc, phước báo không cùng và không bao giờ phải chịu ác báo.



29- Ngày xưa có hai người nghèo ở nước Thiên trúc, đời sống tần tiện, thường ra chợ bán sữa làm kế sinh sống. Hằng ngày đội bình sữa trên đầu ra chợ bán.

Một hôm, gặp lúc trời mưa, đường bị bùn lầy trơn trượt, một người có trí suy nghĩ: “Hôm nay trời mưa, đường ra chợ bùn trơn trượt khó đi, nếu ta bị té sẽ làm vỡ bình đổ sữa. Nay ta rút phần sữa quý để dành, nếu lỡ bị té ngã thì không mất mát gì bao

nhieu.”

Một người khác thiếu trí, đội hết bình sữa ra chợ. Trên đường đi, bùn trơn, hai người đều bị ngã vỡ bình. Một người sầu buồn, lăn lóc trên đất, còn một người thì thản nhiên, không có nét mặt buồn rầu ân hận. Có người thấy vậy, hỏi:

– Các người cả hai đều bị bể bình sữa, đều thiệt hại như nhau. Vì sao chỉ có một người sầu não, khóc than ân hận? Còn một người thì an nhiên không thấy sầu buồn?

Một người đáp:

– Tôi mang nguyên bình sữa, nay bị vỡ mất sạch. Vì vậy nên tôi buồn, ân hận không thể tự chế.

Một người khác đáp:

– Trước khi mang sữa ra chợ, tôi đã lấy bớt phần sữa ngon, nay bình bị hư hoại như vậy thì không mất mát gì bao nhiêu. Vì vậy mà tôi vẫn thản nhiên, không lấy đó làm ân hận. Bình sữa ví cho thân của chúng ta. Sữa ngon quý ví cho tiền tài vật chất. Có người xan tham lẫn tiếc tiền tài, vật báu, tham cầu lợi ích hiện tại, không nghĩ đến cảnh vô thường. Khi bỏ thân mạng như bình bị vỡ; cũng ví như người kia bị đổ mất sữa quý, dù hối hận, ăn năn cũng không còn kịp.

Trái lại có người nhờ tin một cách sâu sắc quả báo đời sau nên họ có tiền tài, vật báu đều đem ra bố thí, cúng dường, dù có mất thân mạng như bình

bị vỡ, nhưng sự thiệt hại chẳng là bao. Cũng ví như người kia, bình sữa tuy bị vỡ mà mất mát rất ít, nên tâm người kia thản nhiên không ân hận.



30- Ngày xưa có năm trăm thương khách, nung thuyền vào biển muốn tìm của báu. Gặp lúc cá Ma-kiệt ngược đầu, há miệng muốn ăn nuốt chúng sinh. Lúc ấy thời tiết thuận, gió tuy thổi nhẹ nhưng thuyền lại đi nhanh như tên bắn. Chủ thương khách thời ấy tên là Tát-bạc, nói với mọi người:

– Thuyền đi quá nhanh, nên hạ buồm xuống.

Đã hạ buồm xuống rồi mà thuyền đi càng nhanh, không thể dừng lại được. Ông chủ Tát-bạc hỏi người ngồi trên tầng cao:

– Người thấy có gì lạ không?

– Tôi thấy ở trên có hai mặt trời xuất hiện, phía dưới núi trắng, ở giữa có núi đen.

Ông chủ Tát-bạc kinh hãi nói:

– Chúng ta đang gặp cá lớn, phải làm sao đây? Ta và các người đều gặp nguy khốn, nếu rơi vào bụng cá khó mà được sống! Các người nên tùy chỗ tôn thờ của mình mà hết lòng cầu nguyện.

Khi ấy mọi người tùy chỗ tín ngưỡng, đều đem thân mạng nung về một lòng cầu được thoát tai ách này. Người cầu càng gấp, thuyền đi càng nhanh. Chỉ trong chốc lát nếu không dừng lại được

sẽ vào miệng cá. Khi ấy ông chủ Tát-bạc bảo mọi người:

– Ta có danh hiệu thần lực rất lớn gọi là Phật, các người nên bỏ chỗ tôn thờ riêng mà cùng ta hết lòng xưng niệm.

Khi ấy năm trăm người đều niệm lớn:

– Nam-mô Phật!

Cá nghe được người xưng niệm Phật, liền suy nghĩ: “Ngày nay thế gian còn có Phật, ta sao lại nhẫn tâm làm tổn thương, sát hại chúng sinh?”. Khi nghĩ đến đó, cá ngậm miệng lại, nước liền chảy đảo ngược và nhờ đó mà đoàn thuyền được đưa ra xa khỏi miệng cá. Tất cả mọi người đi buôn đều được thoát nạn.

Con cá lớn này đời trước đã từng là Đạo nhân, vì tạo tội nên phải làm thân cá, nhờ nghe được tiếng niệm Phật nên nhớ lại đời trước của mình, vội suy nghĩ liền phát sinh tâm lành.

Nhân đây chúng ta có thể rõ: Năm trăm người đi buôn một lòng tạm thời xưng niệm Phật, liền được giải thoát nạn lớn. Nếu chúng ta chuyên tâm niệm Phật tam-muội thì tội nặng chuyển thành nhẹ, tội nhẹ sẽ hết. Ứng nghiệm như chuyện kể trên cũng chưa lấy làm nhiều vậy.



31- Đến lúc kiếp tận, lửa sẽ thiêu đốt người và vật; tất cả đều không còn. Nhân do năng lực tạo

phước đức của chúng sinh, cho nên có gió ở mười phương thổi tới. Gió nhiều mặt, thứ lớp thổi nên có thể duy trì biển nước. Trên mặt nước hiện ra một người có ngàn đầu, hai ngàn tay chân, tên là Vi Tế. Vị ấy trong rốn hóa sinh một ngàn cánh sen sắc vàng; ánh sáng của nó rực rỡ như ngàn mặt trời soi chiếu. Trong hoa sen có người ngồi kiết già, vị ấy cũng có vô lượng ánh sáng, đó là vua Phạm thiên, từ ý hóa sinh tám ngàn người con, do tám ngàn vị ấy mà sau đó có ra vũ trụ con người. Phạm Thiên vương này đối với dâm dục, sân hận đều đã diệt sạch, cho nên sau này nếu có người tu hành thiền định nào mà được thanh tịnh, không còn tham dục, gọi là tu hành Phạm hạnh. Đức Phật chuyển pháp luân cũng gọi là Phạm luân.

Do Phạm thiên vương lúc đầu ngồi trên hoa sen, vì vậy chư Phật tùy thuận thế tục cũng thường ngồi kiết già trên tòa sen báu nói Sáu ba-la-mật, người nghe pháp này liền được bước lên quả vị (Phật) Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ngày xưa, vào thời Đức Phật còn tại thế, có một người con gái thuộc dòng tộc quý phái sắc mặt đoan chánh, dung mạo trang nghiêm, đỉnh đặc, sau phát tâm xuất gia tu học, được quả Ứng chân.

Một hôm, cô đi một mình trong rừng vắng ở ngoài thành, trên đường đi gặp một người đàn ông. Vị ấy vì thấy Tỳ-kheo-ni dung mạo đoan chánh, sinh tâm đắm trước, liền đứng chặn ngang trước

mặt mà nói:

– Nếu cô không theo tôi, tôi không cho đi!

Tỳ-kheo-ni nói với anh ta:

– Ý nghĩ và hành động không trong sạch sẽ đưa đến con đường tội lỗi. Thân thể, đầu, mắt, tay chân con người đâu có gì đáng tham?

Anh chàng kia liền nói với Tỳ-kheo-ni:

– Tôi mến đôi mắt đẹp của cô.

Vị Tỳ-kheo-ni liền dùng tay phải móc một con mắt đưa cho anh ta, máu chảy phủ cả mặt. Anh chàng kia khi đã thấy vậy, ý tham dục liền dứt, sợ hãi bỏ đi.

Tỳ-kheo-ni tay cầm con mắt đi đến chỗ Phật và nhờ oai thần của Phật, con mắt của cô được phục hồi như cũ. Cô hướng về Đức Phật thưa lại sự việc đầy đủ. Đức Phật nhân việc này kiết giới:

– Từ nay về sau không cho phép Tỳ-kheo-ni ở ngoài thành và đi một mình trong xóm làng.



32- Cỏ cây trong thiên hạ đều có thể làm thuốc. Người không thiện nghệ trong nghề thì không thể biết vậy.

Ngày xưa có một vị Thánh y tên là Kỳ-vực, có khả năng hòa hợp, chế biến các cây cỏ thuốc, tạo thành hình dạng một chú bé, người nào thấy được hoan hỷ, các bệnh đều lành. Ông ta hoặc dùng một thứ cỏ thuốc trị lành các bệnh, hoặc dùng các thứ

cỏ thuốc trị lành một bệnh. Như vậy cỏ thuốc trong thiên hạ, thứ nào cũng dùng để trị bệnh được, ở trong thiên hạ, bệnh gì cũng trị lành được.

Khi lương y Kỳ-vực chết, tất cả cây cỏ thuốc trong thiên hạ đều khóc, cùng than rằng:

– Ta đều có thể dùng để trị lành bệnh, chỉ có ông lương y Kỳ-vực mới biết được ta. Nay ông đã chết, không ai có thể biết rõ ta. Người đời sau hoặc dùng lầm; hoặc tăng, hoặc giảm, làm cho bệnh không lành, khiến người đời cho rằng ta không có thần hiệu.

Suy nghĩ như thế nên chúng buồn khóc. Chỉ có một cây Ha-lê-lạc đứng một chỗ riêng không khóc, tự nói: “Với ta, các bệnh đều có thể trị. Dùng ta làm thuốc uống, các bệnh đều lành. Không dùng đến ta, các bệnh đều không lành, mà không cần có lương y sáng suốt, cho nên ta không khóc vậy.”

Ông Kỳ-vực ví như Đức Phật. Các cây cỏ thuốc ví như các pháp môn của Phật. Cây Ha-lê-lạc ví như pháp vô thường.

Như Đức Phật khi còn ở đời, khéo dùng đến năng lực của các pháp để chỉ dạy người tu hành. Như dùng sâm, nộ, si để làm thuốc trị lành bệnh đó cho người. Và các pháp lành khác tùy nghi mà dùng, không theo một nguyên tắc nào, ví như tùy bệnh mà lương y cho thuốc vậy.

Sau khi Đức Phật vào Niết-bàn, có ít người đủ

khả năng khéo, dùng các pháp ứng hợp với căn cơ để tùy nghi trị liệu. Trái lại, chỉ dựa vào thành tựu của pháp vô thường cũng trị được nhiều bệnh; đồng thời cũng trị được bệnh thâm, nộ, si nếu quán pháp vô thường thì cũng trị được vậy. Người khéo dùng thì hay lành bệnh, người không khéo dùng cũng không bị tổn thương. Vì vậy cho nên pháp vô thường ví như cây Ha-lê-lặc.

Ngoài ra các pháp khác không dễ gì dùng được, người nào muốn dùng để tu hành cần phải gặp thầy sáng suốt. Người khéo dùng thì bệnh thuyên giảm, người không biết dùng thì bệnh tăng vậy.



33- Ngày xưa có một tên đồ tể còn trẻ đến gặp vua A-xà-thế cầu xin một ước nguyện. Vua hỏi:

– Người cầu xin điều gì?

Đồ tể tâu:

– Tâu Đại vương, đến ngày tiết hội cúng tế, vua cần mổ giết súc vật, nếu được chấp thuận, tôi sẽ xin hết lòng làm việc đó.

Vua nói:

– Việc chém giết, sát hại, người thường không ưa, vì sao người lại muốn làm?

Đồ tể thưa:

– Xưa tôi là người nghèo, nhờ siêng năng giết dê để nuôi sống nên sau khi chết được sinh lên làm Tứ Thiên vương. Hết thọ mạng ở cõi trời, sinh

trong loài người tiếp tục làm nghề giết dê. Sau khi chết, lại được sinh lên cõi trời lần thứ hai. Như vậy, nhờ sáu lần ở trong nhân gian làm nghề giết dê, nhân đó mà được sáu lần sinh lên cõi trời, thọ hưởng phước báo không thể lường được. Vì lý do như vậy cho nên tôi xin tiếp tục được làm việc mổ giết.

Vua nói:

– Người đặt bày nói như vậy chứ làm sao người biết được?

Đồ tể thưa:

– Do tôi biết được kiếp trước.

Vua nghe qua không thể tin, cho là lời nói dối. Kẻ hạ tiện như vậy làm sao biết được kiếp trước? Về sau, vua được gặp Phật, liền đem việc ấy thưa hỏi. Đức Phật dạy:

– Đúng như lời vị ấy nói, không phải dối. Vị ấy đời trước đã từng gặp Bích-chi-phật, khi thấy Bích-chi-phật thì hoan hỷ, hết lòng quán sát, chiêm ngưỡng từ đầu cho đến chân rồi phát thiện tâm. Do nhân duyên tạo công đức này, cho nên được sáu lần sinh lên cõi trời. Và khi sinh xuống cõi loài người, lại biết được đời trước của mình. Do phước đức đã thuần thực nên được sáu lần sinh trong cõi trời, người. Còn tội sát hại chưa thuần thực cho nên chưa chịu quả báo. Khi thân này thọ mạng đã hết mới đọa địa ngục, chịu tội đã giết dê. Khi tội địa

ngục đã mãn, sẽ sinh trong loài dê nhiều lần để thường mạng. Vị ấy chỉ biết một ít đời trước là sáu lần sinh lên, trở xuống trong vòng trời, người, mà không biết về quá khứ đời thứ bảy, khi thọ thân người đã làm phước. Vì vậy nên hiểu lầm nhờ giết dê mà được sinh lên cõi trời.

Như vậy, đồ tể chỉ biết được kiếp trước chứ không thể hiểu được Tam minh, Lục thông.



34- Ngày xưa có một quốc vương rất hiếu tội phước, tin có quả báo, thường ưa bố thí, không bao giờ trái ý người xin, danh tiếng đồn khắp xa gần ai cũng nghe biết.

Lúc bấy giờ có một nước kế cận khởi binh đánh úp, vua tự nghĩ: “Nếu ta xua quân chiến đấu, gây cảnh can qua, rất nhiều người bị sát hại. Thà một mình ta chịu thiệt, không nên để trăm họ chết oan.”

Quân giặc tiến đến từ cửa thành phía Đông mà vào. Vua từ cửa phía Tây đi ra, rồi một mình đi vào rừng sâu mà lánh nạn.

Lúc bấy giờ có một Bà-la-môn từ phương xa đi đến, vì đi bằng đường rừng mà được gặp vua, hai người gặp nhau hỏi thăm. Vua hỏi vị Bà-la-môn:

— Ông từ đâu đến và muốn đi về đâu?

Bà-la-môn thưa:

— Tôi nghe quốc vương tên ấy... có lòng bố thí không trái ý người nên tôi từ xa lặn lội đi đến,

muốn cầu xin bố thí.

Vua liền trả lời:

– Người mà ông vừa nói là tôi đây.

Bà-la-môn nghe qua rất kinh hãi, quái lạ, liền hỏi nhà vua:

– Vì sao hoàn cảnh của người phải như thế này?

Khi ấy nhà vua đem hết sự tình kể cho Bà-la-môn nghe. Khi nghe xong, ông ta ngã xuống đất bất tỉnh. Một lúc, vua liền đỡ dậy, dùng nước rưới trên mặt, sau đó ông mới tỉnh. Vua hỏi ông ta:

– Vì sao ngài phải buồn khổ như vậy?

Bà-la-môn nói:

– Tôi từ xưa đến nay nghèo cùng khổ, không có tiền của cho nên mới từ xa đến đây, muốn xin ngài một ít tiền tài vật báu. Nay gặp phải lúc vua như thế này cho nên trong lòng áo não không thể chịu nổi.

Vua liền an ủi Bà-la-môn:

– Ông chớ sầu lo. Ta sẽ giúp cho ông được nhiều tiền tài, vật báu.

Rồi vua nói tiếp:

– Vị vua kia tuy lấy được nước ta, mà chưa bắt được ta. Ông ta đang ra lệnh truy tìm. Nếu ai bắt được, sẽ tặng thưởng rất lớn. Bây giờ ông hãy trốn ta lại, đem đến cửa thành, vua kia sẽ hoan hỷ và trọng thưởng cho ông.

Khi ấy vị Bà-la-môn liền làm theo như vậy,

dùng cỏ kết thành dây trói tay vua lại, đem đến cửa thành. Người giữ cửa thấy được, chạy vào cấp báo với nhà vua. Tân vương nghe qua rất kinh dị và cũng rất mừng, liền ra lệnh cho người gác cửa:

– Hãy dẫn cựu vương và Bà-la-môn đến đây.

Vua hỏi Bà-la-môn:

– Người có phương cách gì mà bắt được vị ấy?

Bà-la-môn đáp:

– Thưa, tôi không có thuật gì khác. Nguyên vị này khi còn làm vua rất ưa bố thí, cho nên tôi nghe danh từ xa đến cầu xin, đang ở trong rừng thì gặp ông ta. Ông ta hỏi tôi: “Ông muốn đi đâu đây?”. Khi ấy tôi trả lời “Muốn đến chỗ quốc vương tên ấy...”. Ông ta lại nói với tôi: “Quốc vương tên ấy là tôi đây.” Tôi nghe nói vậy thất vọng quá, chết giấc, không còn biết gì cả. Ông ta đỡ tôi dậy, dùng nước rải trên mặt, khi tôi đã tỉnh, ông ta hỏi: “Vì sao người phải buồn khổ đến như thế?”. Tôi trả lời: “Đời trước tôi không biết bố thí cho nên sinh ra đời này nghèo cùng, nên tôi từ xa đến đây xin tiền tài vật báu, bốn nguyện không được toại ý nên tự sinh tâm áo não.” Ông ta an ủi tôi: “Ông đừng buồn phiền lắm, tôi sẽ dùng thân này để cung cấp chỗ cần dùng cho ông.” Rồi ông ta bày cho tôi: “Ông đem dây trói tôi lại, đem đến cửa thành, vua kia sẽ ban thưởng cho ông.”

Khi tân vương nghe Bà-la-môn nói, ông rất xúc

động, rơi nước mắt, liền bước xuống khỏi ngai vàng, đi đến ngồi xuống, nắm tay nói với cự vương:

– Ngài mới thật là vua của nước này, còn tôi chỉ là giặc.

Liền khi ấy vua trao quyền lãnh đạo trở lại cho cự vương, rồi xin quay về nước mình. Khi vua trở lại địa vị, liền ra lệnh thực hành chính sách như cũ.

Nhân đây chúng ta có thể rõ: Bồ-tát vốn là người phạm nên mới làm được việc nhân đức như vậy. Nếu người thường đối với kinh điển, phải phát tâm viết chép, in ấn, hết lòng học hỏi, trì tụng, thì trời và người ác không thể quấy nhiễu dễ dàng.

Có hai thứ giặc cướp:

1. Giặc cướp dùng sức của bàn tay.
2. Giặc cướp chỉ dùng phương tiện.

Giặc cướp dùng sức của bàn tay: Như tự tay đục tường, hoặc giả làm sư tử, hoặc là làm hình hoa sen để vào nhà người lấy đồ vật, không lấy hết đồ vật, chỉ lấy một ít, để lại cho chủ có sự sống bình thường, khiến cho người khen là giặc cướp tốt bụng. Nên sau đó họ trở về thay y phục, cùng với bạn bè đi đến nhà mất đồ vật thăm viếng. Khi ấy mọi người thấy chỗ đục vách tường của giặc cướp, đều nói đây là loại giặc cướp tinh xảo.

Lúc đó có một thứ giặc cướp, phương tiện ẩn trong y phục của các Phạm chí, cũng hiện diện

trong ấy, ông ta liền nói:

– Đây chẳng phải là loại giặc cướp tinh xảo, vì dùng sức quá nhiều mà được vật quá ít.

Thế nào là tinh xảo? Chỗ cốt yếu là dùng sức ít mà được vật nhiều mới gọi là xảo.

Khi ấy có một kẻ cướp chỉ biết dùng sức mạnh của bàn tay, rất để ý lời phát biểu trên, nên đợi mọi người đi hết mới theo người kia mà hỏi:

– Thế nào gọi là giặc cướp dùng phương tiện?

Ông ta trả lời:

– Người muốn biết, chỉ cần theo ta mà hành động một tháng hơn, vào một ngày nào đó người sẽ tự biết.

Khi ấy kẻ cướp dùng phương tiện liền ra tay phương tiện: Ông ta ẩn trong trang phục của Phạm chí, đi đến nhà của một trưởng giả rất giàu có. Ông đi đến nói với trưởng giả:

– Tôi cần một vật mọn, mong trưởng giả giúp tôi, nếu không bằng lòng cũng tốt.

Khi ấy vị trưởng giả biết Phạm chí kia muốn xin may một cái y, liền nói:

– Tôi sẽ cung cấp cho.

Trong thời gian chưa nhận được, ông ta sau đó đến nói:

– Ông trước đã có hứa với tôi, ý định đó có thể thực hiện được không?

Trưởng giả trả lời:

– Đã hứa sẽ được.

Như vậy, ông đến đủ ba lần để làm bằng chứng cho mọi người biết. Sau đó ông ta làm đơn đem lên trình quan và nói:

– Vị trưởng giả tên ấy mượn của tôi mười vạn lượng vàng, ông ta không muốn trả lại cho tôi.

Kẻ cướp liền dùng người quản gia của vị trưởng giả để làm chứng cho việc ấy. Khi ra tòa, vị quan đã thấy đủ mặt người làm chứng và vị trưởng giả.

Vị quan tòa hỏi người làm chứng:

– Việc ấy có thật như vậy không?

Người làm chứng thời ấy đáp:

– Thật đúng như vậy.

Quan nghe vậy liền ra lệnh vị trưởng giả phải trả vàng lại cho Phạm chí. Giặc cướp dùng phương tiện không cần dùng sức mà vẫn được tài vật nhiều là như vậy đó.

Trong đạo Phật, công đức tùy hỷ cũng như vậy.



35- Có loài rồng đủ khả năng làm mưa, rưới khắp trong một nước, hoặc hai, hoặc ba, cho đến khắp cả Diêm-phù-đề. Tâm của rồng tự nghĩ: “Ta muốn giữ nước mưa không bị khô thì chỗ nào có thể giữ được?”. Suy nghĩ kỹ các nơi khác đều không giữ được, chỉ có rưới nước mưa trong biển lớn thì sẽ không bị khô.

Câu chuyện thí dụ này nói: Bồ thí ít mà được quả báo không cùng tận, điều duy nhất là nhờ đặt đẽ trong biển giáo pháp của Đức Phật.

Đây cũng nói rõ: Nước mưa cùng trí của rỗng hợp nhau là nương gá đúng chỗ nên không khô héo. Bồ thí cùng Bát-nhã hợp, gọi là đặt đẽ đúng chỗ, nên không khô kiệt vậy.



36- Chuyển luân thánh vương sở dĩ có xe báu Kim luân vì trời Đế Thích thường ra lệnh cho Tứ Thiên vương một tháng sáu ngày xem xét hành vi thiện ác của con người trong thiên hạ.

Tứ Thiên vương và thái tử làm sứ giả, thấy có đức vua trong một nước lớn dùng mười điều lành và bốn pháp Từ, Bi, Hỷ, Xả để cai trị nhân dân, tâm lo lắng, ân cần giúp người và vật, giống như người cha lành thương mến đàn con. Sứ giả mới đem việc này thưa với trời Đế Thích. Vua trời nghe qua rất hoan hỷ và cũng khen ngợi tài đức của vua kia, liền ra lệnh cho Tỳ-thủ-yết-ma ban xe báu Kim luân cho vua. Tỳ-thủ-yết-ma liền lấy xe báu Kim luân đem trao cho Tỳ-sa-môn Thiên vương. Tỳ-sa-môn lại đem trao cho Phi hành Dạ-xoa. Phi hành Dạ-xoa mang xe đến cho Đại quốc vương. Tỳ-sa-môn Thiên vương ra lệnh cho Dạ-xoa:

— Người hãy vì đức vua giữ gìn xe báu Kim luân này và nên tôn vua lên trên đầu cho đến hết

đời của vua, không được nửa chừng xả bỏ.

Từ đây, vị Dạ-xoa thường vì vua giữ gìn. Thánh vương muốn đi đâu, tất cả đều được tùy ý. Khi đức vua thọ mạng đã hết, Dạ-xoa mới đem trao lại cho Tỳ-sa-môn Thiên vương. Tỳ-sa-môn trao lại cho Tỳ-thủ-yết-ma, Tỳ-thủ-yết-ma lại bỏ vào trong kho báu.



37- Ngày xưa có vị vua cõi trời Đại phạm tên là Bà-già, do tạo nhân lành đời trước nên sống rất lâu. Thọ mạng của vị vua trời này trải qua đến bảy mươi hai lần thọ mạng của các Phạm thiên khác. Vì sống rất lâu cho nên ông sinh tâm tà kiến, cho rằng: “Ta là thường còn” và nghĩ: “Ta cũng được tự tại. Từ nay về sau, ai muốn được thấy ta, nếu ta chấp nhận cho đến yết kiến thì mới được diện kiến, không chấp nhận thì phải dừng lại.”

Đức Phật dùng đạo nhãn quán sát tâm ông ta, nên cùng với Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và bốn đệ tử lớn đều bay lên ngồi trên đỉnh đầu của vua trời kia, Xá-lợi-phất đứng hầu bên phải, Mục-kiền-liên bên trái, Ca-diếp hầu phía trước, Đại Ca-chiên-diên đứng phía sau. Phật bảo Phạm vương:

– Người tự cho là thường còn, là tự tại, Ta nay vì sao lại ngồi được trên đánh đầu của người?

Thế Tôn lại hỏi:

– Người nhận thấy thế nào mà tự cho mình là

thường còn, là tự tại?

Phạm vương thưa:

– Tôi ở trong cõi Phạm thiên này, có đến bảy mươi hai lần các Phạm thiên khác thứ lớp thọ mạng đã hết mà tôi thì không bao giờ hết, lại còn được hưởng ba phước đức lớn, trời người đều hết mà tôi không bao giờ hết. Do nhân duyên như vậy nên tôi tự cho là thường còn.

Đức Phật dạy Phạm vương:

– Ta là Bạc Nhất Thiết Trí, có thể thấy khi người mới sinh, cũng thấy khi người chết và cũng thấy rõ sự thật của các pháp không có sai lầm. Người chớ ngu si, mê hoặc tự cho là thường còn.

Phạm Thiên vương biết được Túc mạng, muốn thử xem Phật có rõ biết không, liền bạch Đức Phật:

– Ngài có biết tôi từ nguyên nhân nào mà được sống lâu không?

Đức Phật dạy Phạm thiên vương:

– Người đã từng làm một vị tu Tiên được năm phép thần thông. Thấy có nhiều người nương thuyền vào biển, lúc ấy gió mạnh đột nhiên nổi dậy, sóng nước đầy trời, người khi ấy dùng năng lực thần thông của mình cứu vớt, dẫn dắt mọi người đều được lên bờ, khiến cho tất cả đều thoát nạn chết đuối. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

Lại nữa, vào một kiếp khác người đã từng làm quan của một nước lớn, có một xóm làng vi phạm

pháp luật của vua, vua rất giận, muốn giết sạch xóm làng ấy. Người thời bấy giờ vì thương xót nên đem hết tài sản của mình làm một đường hầm khiến cho mọi người nhờ đó mà được thoát chết. Đây là nguyên nhân thứ hai vậy.

Do hai nguyên nhân này cho nên người được sống lâu như thế. Từ nay trở về sau còn trải qua ba mươi sáu kiếp nữa, thì thọ mạng của người sẽ hết.

Phạm Thiên vương nghe Đức Phật dạy như vậy liền phát sinh tín tâm, hết lòng chánh niệm tư duy, được đạo quả A-na-hàm.

Vị Phạm Thiên vương do nhân duyên như thế mà được thọ mạng lâu dài như vậy, huống gì Đức Phật ở trong vô số kiếp, tích chứa các thế nguyện rộng lớn, Từ bi cứu giúp chúng sinh, có người cần đầu cho đầu, cần mắt Ngài bố thí mắt, tất cả mong cầu của chúng sinh, Ngài đều tận tâm cung cấp. Cho nên thân Như Lai trùm khắp cả hư không cũng chưa lấy làm lớn, thọ mạng của Ngài nhiều số kiếp như vi trần cũng chưa phải là nhiều vậy.



SỐ 208

CHÚNG KINH TUYỂN TẠP THÍ DỤ

*Sưu tập: Tỳ-kheo Đạo Lược.
Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng
Pháp sư Cưu-ma-la-thập.*

QUYỂN 1

1- Người có trí suy nghĩ: “Tiền tài vật chất không thể tồn tại lâu dài.” Ví như ngôi nhà đang bị lửa cháy, người thông tuệ sáng suốt biết được sức mạnh của lửa, khi lửa mới cháy, đem gấp tiền tài, vật chất ra ngoài. Nhà tuy bị cháy mà tiền tài vật chất còn nguyên vẹn. Sau đó tạo nhà cửa, mở rộng sự nghiệp tốt đẹp trở lại.

Người trí gieo trồng phước đức, siêng tu bố thí cũng thường làm như vậy. Biết thân này là nguy ách; tiền tài, vật chất là vô thường; gặp được ruộng phước kịp thời gieo giống bố thí, đời sau được an vui. Cũng như người kia lấy vật của trong nhà lửa ra, sau sửa lại nhà, tạo sự nghiệp, nhờ phước lợi đó mà tự an ủi.

Người ngu mê chỉ biết tham tiếc, ham hồ kinh doanh tìm cầu rối loạn, mất trí, nên không lường được thế lực của lửa, sức mạnh của gió đốt phá đất đá tiêu tan, chỉ trong khoảng khắc tiêu ma hết

sạch. Nhà cửa đã không cứu được, tiền tài vật chất cũng tiêu mất luôn, lạnh lẽo, đói khát, khổ đau suốt đời. Người tham tiếc cũng lại như vậy. Không biết thân mạng vô thường, mau chóng, không thể bền chắc, lại thêm thu góp, cất giấu tiền của, giữ gìn, mến tiếc, chết đến không hẹn, thoát vậy buông tay ra là đi không trở lại, thân hình lạnh như đất, cứng đờ như khúc cây khô, tiền tài vật chất đều buông bỏ cả. Cũng như người ngu buồn khổ quá, quên cả sự tính toán lo liệu.

Người sáng suốt có trí tuệ có khả năng mau giác ngộ biết thân là như huyễn, tiền tài không thể giữ gìn, vạn vật đều trở về vô thường, chỉ có phước đức là nơi đáng nương tựa, nó có thể đưa người ra khỏi khổ đau và cũng có thể đưa người đến thành tựu đạo quả.



2- Bồ-tát bố thí không tiếc thân mạng. Cũng ví như chuyện:

Vua Thi-tỳ dùng thân bố thí để cứu mạng chim bồ câu. Trời Đế Thích đến thử để biết vua có tâm trí Bồ-tát hay không.

Trời Đế Thích mới nói với trời Tỳ-thủ-yết-ma:

– Người hãy hóa làm thân chim bồ câu, ta sẽ hóa làm chim cắt, rượt người, người sợ hãi sà vào nấp dưới nách nhà vua. Liền khi ấy Tỳ-thủ biến thành chim bồ câu, Đế Thích hóa làm thân chim

cắt, bay nhanh rượt bắt chim bồ câu, bồ câu bay vào ẩn nấp dưới nách vua, toàn thân run sợ. Khi ấy chim cắt bay đến đậu trên cây, nói với đức vua:

– Ngài hãy trả chim bồ câu lại cho tôi. Đó là món ăn của tôi, chẳng phải của ngài.

Vua nói:

– Ta đã phát tâm muốn cứu tất cả chúng sinh, mong họ hết khổ.

Chim cắt nói:

– Đức vua muốn cứu độ tất cả chúng sinh, tôi cũng là một trong số chúng sinh ấy, tại sao riêng tôi không được thương lo, mà còn đoạt đồ ăn của tôi?

Đức vua đáp:

– Người cần ăn thứ gì?

Chim cắt nói:

– Tôi đã thề là chỉ ăn máu thịt tươi của chúng sinh mới giết.

Đức vua phát tâm Bồ-tát nói:

– Ta cũng có thệ nguyện: “Tất cả chúng sinh đến nương nơi ta, ta sẽ hết lòng cứu giúp, khiến cho họ không gặp tai nạn.” Người cần ăn gì ta sẽ đem cung cấp cho.

Chim cắt lại nói:

– Đồ ăn của tôi là máu thịt tươi mới giết.

Đức vua liền nghĩ: “Đồ ăn này thật khó kiếm. Nếu không sát sinh làm sao có được. Không lẽ ta

giết một mạng để cứu một mạng?” Khi suy nghĩ như thế, trong lòng đã quyết định, vua liền kêu một người đến bảo họ dùng dao cắt thịt nơi vế của mình để bố thí cho chim cắt.

Chim cắt nói với đức vua:

– Nếu ngài muốn dùng thịt để cho ta, phải đúng với lẽ công bằng, nghĩa là làm sao cho thịt của ngài và chim bồ câu bằng nhau mới được. Chớ xem thường vậy.

Đức vua nói:

– Hãy đem cân đến, cân thịt để đối xứng với thân chim bồ câu.

Nhưng lạ thay, thân chim bồ câu lần lần nặng thêm, thịt của vua chuyển thành nhẹ. Vua sai cắt hết thịt đùi của hai vế, cũng còn nhẹ chưa đủ; thứ đến cắt thịt dưới hai gối, thịt hai vú, trước ngực, sau lưng, thịt toàn thân đã cắt lóc hết mà thân chim bồ câu vẫn còn nặng hơn. Khi ấy vua mang cả thân đặt vào bàn cân, thì mới nặng bằng thân chim bồ câu.

Chim cắt nói với vua:

– Nay Đại vương, việc này khó làm thật, mà sao ngài phải cố dụng tâm như vậy? Chỉ đem chim bồ câu trả cho ta là được rồi!

Đức vua nói:

– Bồ câu đã đến với ta, sẽ không bao giờ trả lại cho người. Ta xưa nay đã bỏ thân mạng không phải

ít. Khi chưa vì pháp mới mến tiếc thân này, nay muốn cầu Phật đạo bám chắc vào với việc hướng thượng, tâm ta quyết không có hồi hận.

Chư Thiên, Long thần, tất cả nhân dân đều cùng nhau tán thán:

– Vì một con chim bồ câu nhỏ mà phải chịu đau xót, độc hại đến thế! Việc này thật là ít có!

Khi ấy quả đất chấn động lớn. Tỳ-thủ tán thán:

– Lành thay! Đúng là bậc Đại sĩ chân thật không hư dối. Được như thế này mới là ruộng phước cho tất cả chúng sinh

Đế Thích và Tỳ-thủ đều hóa trở lại thân trời, liền khiến cho thân của đức vua phục hồi như cũ.

Người cầu đạo được như thế mới mau thành Phật.



3- Ngày xưa, một người có việc phải đi xa, lỡ đường phải ngủ lại trong căn nhà bỏ hoang. Đêm ấy có một con quỷ vác một xác chết để ở trước sân, sau đó có một con quỷ khác đi đến, nổi giận la mắng con quỷ trước:

– Xác chết này là của ta, sao ngươi mang đến đây?

Hai con quỷ đều nắm mỗi người một tay của xác chết tranh giành nhau. Quỷ đến trước nói:

– Ở đây có người, chúng ta nên đến hỏi?

Liền hỏi:

– Người chết này ai mang đến?

Người ấy suy nghĩ: “Hai con quỷ này có năng lực rất lớn. Nếu nói thật cũng phải chết, nói dối cũng chết. Cả hai cách đều không ổn, vì sao ta phải nói dối?”, nên nói:

– Quỷ đến trước đã mang đến.

Quỷ đến sau rất giận, nắm tay người kia bứt ra khỏi thân, vứt xuống đất. Con quỷ tới trước thấy vậy liền lấy một cánh tay xác chết ráp vào. Lần lượt tiếp đến hai chân, đầu và hông đều bị quỷ bứt lìa ra. Quỷ đến trước nhanh tay dùng thân của xác chết ráp vào cho người kia như cũ. Khi ấy hai con quỷ cùng ăn thịt cái thân người được thay, rồi liếm miệng ra đi. Người kia suy nghĩ: “Thân ta cha mẹ sinh ra, đã chứng kiến hai con quỷ ăn hết. Nay thân ta hoàn toàn là thân thể của kẻ khác. Như vậy ta đang có thân hay không thân? Nếu cho là có thân thì thân này hoàn toàn là mượn thân của kẻ khác. Nếu cho là không thì thân hiện nay là như thế nào đây?”.

Suy nghĩ như vậy, tâm người kia trở nên mê muội, giống như người điên. Khi trời đã hừng sáng, anh ta tìm đường đến một nơi khác, thấy có tháp thờ Phật và chúng Tăng. Anh ta không hỏi gì khác, chỉ hỏi chư Tăng:

– Thân này có hay là không?

Các thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Người là ai?

Thưa:

– Tôi cũng không biết tôi là ai.

Liên sau đó anh ta vì chúng Tăng nói hết việc xảy ra đêm hôm qua. Các thầy Tỳ-kheo nói:

– Vị ấy biết rõ được pháp vô ngã, rất dễ được độ thoát.

Chư Tăng dạy thêm:

– Thân của người từ xưa đến nay vốn là vô ngã, chẳng phải đến hôm nay người mới thấy nó là do bốn đại hòa hợp, mà chấp cho là thân ta đó thôi.

Sau đó, các thầy tiếp độ anh ta vào đạo, lần lần tu hành đoạn các phiền não, liền được chứng quả A-la-hán. Vì vậy người nào hiểu được thân này là vô ngã, là hư dối thì sẽ đắc đạo không còn xa vậy.



4- Người trì giới muốn gì đều được vừa ý. Người phá giới tất cả đều mất. Cũng ví như câu chuyện sau đây:

Ngày xưa có một người nghèo thường cúng dường, phụng sự chư Thiên. Anh ta tuy nghèo nhưng rất chí thành, khẩn nguyện bốn phương suốt mười hai năm, hết lòng cầu mong phú quý. Tâm chí vị ấy đã thành thực, chư Thiên thương xót, liền vì người ấy hiện thân mà hỏi rằng:

– Người muốn cầu điều gì?

Người ấy đáp:

– Tôi cầu mong phú quý. Xin tất cả hãy giúp cho sự mong cầu của tôi được như sở nguyện.

Vị trời trao cho anh một đồ vật gọi là bình “công đức” mà nói rằng:

– Tất cả mong cầu của người sẽ từ bình này mà có.

Người kia khi đã có bình rồi, muốn gì được nấy, anh ta dùng bình ấy tạo ra nhà cửa to lớn tốt đẹp, voi ngựa, xe cộ, bảy báu trang hoàng trong nhà rực rỡ. Đồ ăn, thức uống đầy đủ, sẵn sàng cung cấp tiếp đãi quan khách không có thiếu sót. Có một vị khách hỏi:

– Anh trước đây nghèo, vì sao nay được phú quý như thế này?

Người ấy đáp:

– Ta có được bình “công đức do trời ban cho”, từ trong bình ấy sẽ sinh ra tất cả mọi đồ vật cần dùng, cho nên ta mới được giàu có như vậy.

Người khách nói:

– Mong ông đem bình ấy ra và cho chúng tôi được thấy nó sinh ra các đồ vật như thế nào?

Anh ta liền đem bình ra khoe và mọi người cũng được thấy trong bình ấy sinh ra các đồ vật như ý muốn.

Khi ấy anh ta được mọi người tán dương, khen ngợi, liền sinh tâm kiêu mạn, không tự kiềm chế, đứng dậy cầm bình nhảy múa. Do nắm không

vững, sơ ý, sút tay rơi xuống đất bình vỡ. Tất cả các vật dụng do bình tạo ra đồng thời diệt mất.

Người trì giới tất cả niềm vui thù thắng đều được. Nếu người hủy giới mà lại còn kiêu mạn, buông lung thì cũng giống như người bị bể bình kia, tất cả đều mất. Vì vậy cho nên muốn có niềm vui ở các cõi trời và được an lạc Niết-bàn thì phải kiên trì giới cấm, chớ phá giới đã lãnh thọ. Nếu phá giới đã thọ thì phải chịu khổ trong ba đường ác, khó mong ra khỏi.

Luận rằng: Người muốn cầu quả báo ứng hợp với mình, thường phải tu tập thiện tâm thường xuyên liên tục không cho gián đoạn; đến khi chết mới thoát khỏi ác báo mà tiếp nhận quả báo lành. Vì sao vậy? Nếu có người trước đó không chịu tu tâm sửa tánh cho hiền lành thì đến khi sắp chết, muốn khởi tâm lành nhưng rốt cuộc là không kịp được vừa ý.

Như ở phương Tây có một ông vua, vì trong nước không có ngựa tốt, nên đem ngân sách quốc gia đi khắp nơi tìm cầu mua ngựa. Sau đó mua được tất cả năm trăm con ngựa hay đã có tập luyện để phòng chống giặc, đủ sức giữ yên bờ cõi. Nuôi dưỡng, tập luyện ngựa đã lâu mà trong nước yên lành vô sự, chẳng có việc gì phải dùng đến ngựa.

Vua liền suy nghĩ: “Năm trăm con ngựa ăn

không phải ít, cho ăn nuôi dưỡng cực nhọc mà không ích lợi gì cho việc nước!” Vua liền ra lệnh cho người chăn ngựa:

– Hãy che mắt ngựa lại, đưa vào việc kéo cối xay, sẽ có lợi tức; đủ tự túc cho việc ăn dùng của nó, không tốn phí đến ngân sách quốc gia.

Ngựa kéo cối xay đã lâu, tập quen với việc đi vòng tròn. Bất ngờ nước kế cận kéo binh vượt biên giới đến lấn chiếm quốc gia. Khi ấy vua mới ra lệnh đem ngựa, thắng yên cương chuẩn bị cho các tướng cỡi ra trận chiến đấu.

Khi các kỵ mã ra roi thúc ngựa hướng thẳng tới trước để đi vào trận địa, nhưng các chú ngựa được thúc roi, theo thói quen, tất cả đều chạy vòng trở lại, không thể điều khiển đi thẳng tới được. Quân giặc của nước lân bang thấy vậy biết là ngựa kia không có khả năng đối địch. Họ liền thúc ngựa tiến tới phá tan binh trận của nhà vua.

Cho nên người tu hành muốn được quả báo tốt đẹp, lúc sắp lâm chung, nếu con ngựa lòng không bị rối loạn, tất sẽ được tùy ý, tự tại. Thường ngày phải luyện tập đều đặn, hướng dẫn tâm cho ngay thẳng, thuần thực, dễ sử dụng. Nếu không như thế, khi giặc chết liền đến, nó sẽ chạy quanh co, tán loạn và ta sẽ không được như ý muốn. Cũng như ngựa của vua, không thể phá trừ giặc oán, bảo vệ an toàn cho đất nước vậy.

Vì vậy cho nên người tu hành thường phải tu tâm dưỡng tánh, thuần hậu lương thiện vậy.



5- Nếu có người nghèo khổ, biết nhịn phần ăn mặc của tự thân, đem bố thí, phước kia vô lượng. Cũng ví như câu chuyện sau đây:

Ngày xưa có một đức vua thiết lập trai hội, dùng các món ngon quý để cúng dường Đức Phật và chúng Tăng.

Thời ấy, có một bà già nghèo khổ, thường ngày chỉ biết đi xin ăn để tự nuôi sống. Nghe đồn đức vua thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường, trong lòng rất vui mừng, ý muốn khuyến khích, hỗ trợ, tự suy nghĩ: “Nay ta nghèo khổ không có gì cả, chỉ có một ít hạt đậu, muốn vào cúng dường, mà người giữ cửa không cho vào, phải làm sao đây?”

Khi ấy Đức Phật biết được tâm tốt của bà lão, liền dùng thần lực biến đậu thành nhiều, đặt chung vào trong món ăn. Khi đức vua ra chuẩn bị cúng dường, thấy có đậu trong món ăn, rất giận người đầu bếp. Vua hỏi:

– Vì sao trong món ăn có những hạt đậu như thế này?

Đức Phật nói với nhà vua:

– Việc đó chẳng phải lỗi của nhà bếp, mà là do bố thí của bà lão nghèo. Bà ta nghe đức vua thiết trai cúng dường, bà không có gì để khuyến trợ, nên

đem một ít đậu này để tùy hỷ với đức vua. Do đó cho nên trong món ăn có đậu vậy.

Đức Phật dạy nhà vua:

– Bà lão ấy bố thí tuy ít nhưng được phước có thể nhiều hơn Đại vương.

Vua nghe vậy hỏi:

– Vì sao Ngài nhận được các món ăn ngon quý này mà người cúng lại được phước ít? Còn bà lão kia chỉ đem một ít vật hèn mọn mà lại được phước nhiều?

Đức Phật dạy vua:

– Bệ hạ tuy có cúng dường nhiều, nhưng tất cả vật thực có được đều từ nhân dân trăm họ mà ra, đối với vua không tổn hại gì. Còn bà lão này chỉ có một ít đậu, lại đem hết để tùy hỷ cúng dường. Vì vậy nên bà ấy được phước nhiều, còn vua được phước ít là vậy.

Sau đó Đức Phật vì vua mà thuyết pháp, vua và bà lão đều thâm nhuần đạo tích.

Vì vậy cho nên người nào muốn gieo trồng phước đức, chỉ do lòng chí thành, thấu rõ pháp tướng không thật, lo gì không kết quả.



6- Ngày xưa có một vị Bà-la-môn trong nhà nghèo thiếu, chỉ nhờ một con bò cái một ngày vắt được một đấu sữa để cung cấp cho sự sống. Nghe nói nếu ai trong ngày rằm cúng dường đồ ăn cho

chúng Tăng sẽ được phước đức lớn, ông ta ngưng vắt sữa suốt trong một tháng để dồn lại, hy vọng vắt được ba hộc sữa cúng đường các Sa-môn.

Đúng một tháng, ông ta mời các Sa-môn đến nhà, khi các ngài đã an tọa, ông ta mang bình ra chuồng bò vắt sữa, nhưng cũng chỉ một đấu. Tuy để lâu không vắt sữa mà sữa cũng không được nhiều. Mọi người thấy vậy đều trách mắng:

– Ông ngu quá! Vì sao mỗi ngày không vắt sữa để dành, mà đợi cho đủ một tháng để mong có nhiều sữa làm sao được?

Người đời nay cũng như vậy, khi có tiền tài vật chất không chịu tùy khả năng nhiều ít mà bố thí. Họ cố gom chứa của cải cho thật nhiều, thật lâu rồi mới làm phước. Nhưng lẽ vô thường cũng như nước, lửa... và ngay cả thân mạng; chỉ trong khoảnh khắc cũng khó bảo toàn. Nếu không tỉnh ngộ, thì một sớm một chiều, khi buông tay sẽ mất hết không còn lại gì.

Tiền tài, vật chất nguy hiểm cho thân mạng cũng như rắn độc, không nên tham trước. Cũng ví như câu chuyện sau đây:

Ngày xưa, Đức Phật đi đến nước của vua Batur-nặc. Ngài thấy có một kho tàng đầy bảo vật nằm trong lòng đất. Đức Phật dạy thầy A-nan:

– Người có thấy đây là loại rắn độc không?

Thầy A-nan thưa:

– Con đã thấy.

Thời bấy giờ, có người đi theo Đức Phật, nghe nói như vậy thử đến xem, thấy có vàng bạc, của báu quá nhiều, ông ta nghi ngờ lời dạy của Đức Phật, cho Ngài nói không thật, cố thêm thắt vào. Đây thật là của báu mà nói là rắn độc! Liền khi ấy họ gọi tất cả người nhà cùng nhau chở của báu ấy về, tạo nhà cửa, ruộng đất, thành người giàu có lớn.

Có người đến thưa với vua :

– Người kia gặp kho báu mà không chịu nộp cho quan.

Vua nghe báo, liền ra lệnh bắt giam tất cả người trong nhà và tịch thu gia sản; nhưng vua còn không tin đã lấy lại hết, nên sai người tìm nhiều phương cách khảo tra, trị tội. Đau đớn độc hại hết cách mà ông ấy cũng không khai và nhận tội. Vua rất giận, muốn giết hết bảy đời bà con dòng họ của ông ấy. Khi áp tải ra pháp trường, vua cho người theo dõi họ nói năng những gì. Ông ta trên đường đi, than thở:

– Đức Phật dạy rất đúng, đúng là rắn độc mà ta không chịu tin. Nay biết rõ nó là rắn độc, phải làm sao đây? Nếu là rắn độc, thì giết ta và thân tộc ta thôi, mà nay phải chịu chết oan cả bảy đời. Thật quá đúng và độc hại hơn cả lời Ngài dạy!

Sứ giả đem những lời than trên thưa lại cho vua. Vua nghe qua liền ra lệnh gọi họ trở lại. Vua

nói với người kia:

– Đức Phật có công đức rất lớn. Người nhớ được lời Phật dạy, ta hoan hỷ trả lại bảo vật cho người.

Sau đó vua ra lệnh tha tất cả bà con thân tộc trở về nhà.

Do nhân duyên niệm tưởng lời dạy của Đức Phật mà được khỏi nạn chết. Vì vậy nên lời dạy của Đức Phật không thể không hết lòng ghi nhớ.



7- Người trì giới thà mất thân mạng, không trái với lời Phật dạy. Ví như câu chuyện này:

Ngày xưa có người đi buôn, nung thuyền vào biển. Lúc bấy giờ có hai vị Đạo nhân muốn đến nước khác, cũng xin đi theo. Khi đã vào biển sâu, không may gặp gió to sóng lớn làm đắm thuyền. Mọi người ai cũng kiếm vật nổi làm phao để tự cứu.

Khi ấy vị Đạo nhân hạ tọa tìm được một miếng gỗ, vị Thượng tọa nói:

– Pháp của Phật dạy phải cung kính Thượng tọa, người nhường cho ta miếng gỗ để khỏi trái lời răn dạy của Ngài.

Vị Đạo nhân nghe như vậy, liền tự suy nghĩ: “Người tu hành lấy gì làm trọng? Phải hộ giới làm đầu. Như vậy ta thà tôn trọng lời dạy của Phật mà chết”, liền dâng miếng gỗ cho Thượng tọa, Hạ tọa

chịu chìm trong biển nước.

Thủy thần thấy vị Đạo nhân trì giới không trái lời Phật dạy như vậy, rất cảm động, dùng năng lực của mình đưa Đạo nhân và tất cả vào bờ. Nhờ Đạo nhân chí thành trì giới mà mọi người trong thuyền đều được thoát nạn. Thủy thần tán thán vị Đạo nhân:

– Ngài thật là người chân chánh trì giới. Do vậy chúng ta nên giữ đúng lời dạy của Phật mà chết, còn hơn vi phạm lời dạy của Ngài mà sống vậy.

Chúng sinh nếu nương cậy vào giới đức của Phật thì có thể qua khỏi biển khổ sinh tử vậy.



8- Tất cả mọi người trong thế gian đều tham lam, chấp trước vui thú ở đời, không chịu suy nghĩ để biết nó là vô thường, là hoạn nạn, là đau khổ. Ví như chuyện này:

Ngày xưa có một người phạm tội đáng chết, bị giam trong lao ngục, vì sợ chết, nên ông ta cố vượt ngục trốn chạy. Theo phép nước, nếu kẻ tử tù vượt ngục trốn chạy, chủ ngục thả voi theo đập chết. Khi voi rượt theo tội nhân, kẻ kia thấy voi sắp bắt kịp, liền chạy gấp đến đỉnh trốn trong cái giếng bỏ trống; nhưng nhìn xuống dưới đáy giếng thấy một con rồng độc há miệng hướng lên; ở trong giếng còn có bốn con rắn độc nằm bốn bên; trên miệng giếng có một rễ cây; kẻ tội phạm quá sợ hãi, cấp

bách nắm lấy rễ cây, buông thân xuống giếng, lại thấy hai con chuột trắng đang gặm rễ cây đó. Ngay lúc ấy trên giếng lại có một cây lớn, trong cây này có mật ngọt, mỗi ngày có một giọt mật rơi vào trong miệng. Kẻ kia khi đã được mật, chỉ nhớ mật ngọt mà quên tất cả các tai họa khổ đau đang bao quanh và cũng không còn có ý muốn ra khỏi giếng nữa.

Những hình ảnh trên đây Thánh nhân mượn để làm thí dụ:

Ngục là chỉ cho chúng sinh đang ở trong tù ngục tam giới. Voi say là chỉ cho vô thường. Giếng là nhà ở của chúng sinh. Ròng độc dưới giếng là địa ngục. Bốn con rắn là bốn đại. Sợi dây, rễ cây là mạng sống con người. Chuột trắng là ngày, tháng.

Ngày tháng chế phục mạng sống con người mỗi ngày thêm tổn giảm, không có tạm dừng, nhưng chúng sinh thì tham lam, chìm đắm vào những vui thú ở đời, không biết suy nghĩ nó là tai họa lớn. Vì vậy cho nên người tu hành phải quán pháp vô thường để xa lìa các khổ.



9- Ngày xưa có một vị trưởng giả, tánh rất tham lam, bôn xển. Đức Phật muốn độ ông ta, trước sai Tôn giả Xá-lợi-phất vì ông mà nói các pháp công đức bố thí, nhưng vị trưởng giả này không phát tâm bố thí. Thấy trời đã gần trưa, ông nói với Tôn giả

Xá-lợi-phất:

– Ngài nên đi, tôi không cúng đồ ăn cho ngài đâu.

Tôn giả Xá-lợi-phất biết ông này không thể hóa độ liền trở về thưa lại với Phật. Đức Phật lại sai Tôn giả Mục-kiền-liên vận thần thông bay đến nhà ông ta để giáo hóa. Trưởng giả lại nói:

– Ngài muốn xin tôi thứ gì mà làm huyền thuật này?

Tôn giả Mục-kiền-liên biết vị này khó cảm hóa, liền trở về trình lại với Phật. Khi ấy Đức Phật vì lòng thương xót, muốn dẹp bỏ lòng tham lam bòn xén của ông ta, nên Ngài thân hành đi đến nhà, vị trưởng giả khi thấy Đức Phật đến, liền bước ra lễ Phật và mời Ngài vào ghế ngồi. Đức Phật nói các pháp phương tiện, Ngài nói với trưởng giả:

– Ông có thể thực hành năm việc bố thí lớn không?

Vị trưởng giả thưa:

– Bố thí nhỏ con còn làm chưa được, huống gì bố thí lớn.

Nhưng ông cũng hỏi Đức Phật:

– Thưa Ngài năm việc bố thí lớn là những gì?

Phật dạy:

– Năm việc bố thí lớn là: Một, không được sát sinh, ông có thể làm được không?

Vị trưởng giả suy nghĩ: “Nếu không sát sinh sẽ

không tổn thất tiền tài, thú vật, như vậy thì được.” Ông liền bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, việc ấy con làm được...

Như vậy, thứ lớp Ngài hỏi đến các giới và cuối cùng là không uống rượu, ông đều thưa là có thể làm được.

Khi ấy Đức Phật vì vị trưởng giả mà giảng ý nghĩa năm giới, nếu có thể thọ trì năm giới này thì người ấy đã làm xong năm việc bố thí lớn.

Khi trưởng giả nghe Đức Phật dạy như vậy, tâm rất hoan hỷ, muốn đem một khổ lụa xấu để cúng dường Ngài, liền vào kho tìm mà không có vải xấu, phải lấy một khổ vải tốt để cúng dường Đức Phật. Nhưng tất cả vải, lụa trong kho đều kéo dính theo, làm cho tâm ông ta do dự. Khi ông đến trước Phật, Đức Phật biết tâm ông chưa định, Ngài nói với trưởng giả:

– Trời Đế Thích cùng với loài A-tu-la chiến đấu, do tâm của vua không được định tĩnh cho nên ba lần tấn công mà không được như ý. Về sau vua trời tâm đã định, liền phá tan quân của A-tu-la.

Vị trưởng giả nghe Đức Phật dạy như vậy, biết Ngài là Bạc Đại Thánh hiểu rõ tâm ý của người; phát sinh lòng tin tưởng, tâm được thanh tịnh. Đức Phật liền vì ông ta mà nói pháp, ông ta chứng đạo quả Tu-đà-hoàn.

Ngày hôm sau, Ma vương biết được tâm ý của

ông đã chuyển đổi, liền hóa làm Phật đi đến để phá hoại. Vị trưởng giả vì chưa được tha tâm thông nên không biết là ma, nên rất hoan hỷ, nghênh đón, mời vào ghé ngồi. Ma nói với trưởng giả:

– Những lời ngày hôm qua ta đã nói chỉ là phương tiện hoàn toàn không phải là lời mà Bạc Giác Ngộ nên nói, người mau bỏ những ý tưởng ấy đi.

Vị trưởng giả khi nghe lời dạy ấy, cảm thấy quái lạ. Ông suy nghĩ: “Hình thức vị này tuy giống Phật mà lời nói nội dung rất trái, như con lừa đội lột sư tử, hình thức là con sư tử, mà tâm ý chỉ là lừa”, nên ông không chịu tin.

Ma biết tâm của ông ta đã chân chánh, không thể phá hoại, liền hiện nguyên hình nói:

– Ta cố đến thử người mà tâm người không lay chuyển.

Thế cho nên trong kinh có dạy: Người thấy được chân lý còn không tin lời ma giả Phật, huống gì các đạo quả khác. Do quán sát nghĩa lý sâu xa, cho nên đệ tử của Phật đều hiểu sâu đạo lý, thì dù ma nói hay Phật nói, đều có thể biết rõ. Vì vậy cho nên, nghĩa lý Phật pháp không thể không học, bỏ thì không thể không tu.



10- Người tu hành muốn cầu đạo không nên tham vị, đắm sắc. Nếu tham đắm như vậy, sẽ mất

tất cả công đức. Ví như câu chuyện này vậy:

Ngày xưa có một vị A-la-hán thường vào trong cung của loài rồng thọ trai. Thọ trai xong, ngài vì họ mà nói pháp, sau đó từ cung rồng trở về, đem bát trao cho chú Sa-di rửa. Trong bát còn một vài hạt cơm, chú ấy nếm thử, thấy có hương vị đặc biệt. Vì muốn tìm hiểu nên tìm cách vào ẩn nấp dưới chân giường của thầy, hai tay ôm cứng chân giường.

Đến lúc thầy ngồi vào giường nhập định, mang cả giường vào Long cung. Long vương thưa:

– Vị ấy chưa được đạo, sao ngài cho đến đây?

Thầy nói:

– Do tôi không để ý nên không biết.

Chú Sa-di được ăn cơm ngon, lại thấy Long nữ thân thể đoan chánh, mùi thơm đặc biệt, ở thế gian ít ai sánh bằng. Chú quá say đắm trước những sự việc này, liền phát nguyện rằng: “Ta sẽ chiếm đoạt cung rồng này làm chỗ ở.”

Long vương nói:

– Sau thầy chớ mang chú ấy xuống đây nữa.

Sa-di khi trở về, hết lòng Bồ thí, Trì giới, mong cầu sớm được làm thân loài rồng. Một hôm chú ấy đi nhiều quanh chùa, dưới chân tự nhiên có nước, biết mình sắp được sinh vào loài rồng. Bèn đi đến bên bờ ao, nơi thầy thường đi vào cung rồng, chú dùng áo ca-sa phủ trên đầu rồi nhảy vào trong

nước, liền chết. Vị ấy trở lại hóa sinh làm một con rồng lớn có nhiều năng lực, phước báo. Về sau “chú” giết Long vương, khắp ao nước nhuộm một màu đỏ.

Khi chú ấy còn sống, các thầy và chúng Tăng đã khuyên răn, nhắc nhở rất nhiều nhưng không được. Chú ấy nói: “Tâm con đã quyết định, các tướng đã xuất hiện, liền dẫn quý thầy đến ao để chứng kiến.”

Do nhân duyên này, người tu hành không nên tham luyến mùi thơm, đắm trước sắc đẹp, nó sẽ làm tiêu tan căn lành và đọa vào đường ác, như đã thấy rõ trong câu chuyện này.



11- Xưa có một vị trời sắp hết phước, có bảy điều để có thể tự biết:

1. Hoa trang sức trên đầu bị héo.
2. Ánh sáng trên cổ diệt dần.
3. Thân hình gầy yếu, âu sầu.
4. Dưới nách ra mồ hôi.
5. Ruồi dơ dính vào thân.
6. Đất bụi dính áo.
7. Tự nhiên ưa rời khỏi chỗ ngồi.

Vị ấy tự biết sau khi hết phước sẽ xuống nhân gian, ở trong nhà nghèo theo heo mẹ ghẻ lác làm con, cho nên vị trời này buồn lo không vui. Khi ấy có một vị trời đến thăm chơi, hỏi:

– Người vì sao không được vui?

Vị trời ấy đáp rằng:

– Ta thọ mạng sắp chết, sẽ bị đọa xuống nhân gian theo heo mẹ ghẻ lác làm con. Vì vậy cho nên ta buồn.

Vị trời kia mách bảo:

– Có Đức Thích-ca Văn Phật tại cung trời Đao-lợi đang vì mẹ mà nói pháp. Ông nên đến quy y Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng, sẽ được khỏi khổ.

Vị trời kia nghe vậy liền đến gặp Phật, nguyện đem thân mạng về nương tựa ba ngôi Tam bảo, nhớ nghĩ không quên. Sau bảy ngày thọ mạng đã hết, trở lại thế gian, sinh vào làm con trong nhà trưởng giả giàu có lớn. Đặc biệt, khi còn ở trong thai mẹ, lúc thai đã lớn, thường nghe tiếng xưng niệm Tam quy. Mười tháng cưu mang đã mãn, khi vừa sinh ra, đứa bé chấp tay nói:

– Xin đem thân mạng quay về với Phật, Pháp, Tăng.

Người mẹ sợ hãi cho là không tốt, liền có ý muốn giết đi, nhưng bà suy nghĩ: “Nó là con trưởng giả. Không thể tự tiện, tội ấy không phải nhỏ.” Bà liền đến thưa với vị trưởng giả tất cả việc trên. Trưởng giả nói:

– Con người sinh ra ở đời được mấy ai biết đem thân mạng nương tựa Tam bảo, mà đứa bé con ta, vừa mới sinh đã biết Tam bảo, đúng là Thần nhân.

Hãy khéo nuôi dưỡng, chớ cho là kỳ quái.

Đứa bé ấy nhờ phước đời trước nên thông minh đặc biệt khác thường, cha mẹ lại rất thương yêu mến trọng. Đến khi được năm tuổi, cùng với các bạn trẻ chơi bên đường, khi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi qua, chú bé liền bước đến trước cung kính đánh lễ. Ngài Xá-lợi-phất nói:

– Ta chưa thấy chú bé nào mà biết đánh lễ Sa-môn như vậy.

Chú bé thưa:

– Các ngài không biết con sao?

Ngài Xá-lợi-phất nhập định, quán sát căn nguyên của chú mới biết là vị trời thọ sinh. Chú bé sau đó liền đến quỳ dưới chân hai vị Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thưa:

– Nguyên hai ngài vì con mà thỉnh Đức Phật và chúng Tăng ngày mai đến nhà con thọ trai.

Hai Tôn giả liền hứa chấp nhận. Chú bé trở về thưa với cha mẹ:

– Con đã hướng về ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên mong hai vị thừa thỉnh Đức Thế Tôn và chúng Tăng ngày mai đến nhà mình thọ trai.

Cha mẹ rất vui vẻ, sửa soạn thiết trai cúng dường. Ngày hôm sau Đức Phật và chúng Tăng đến nhà. Chú bé và cha mẹ đều ra nghênh đón, đánh lễ. Ngài và chúng Tăng đã an tọa, dùng nước rửa tay và thọ trai. Khi đã thọ trai xong, Đức Thế

Tôn vì mọi người và gia đình mà nói pháp. Cha mẹ và cả chú bé đều được Vô sinh pháp nhẫn, hằng trăm ngàn người khác nhân đó cũng đều phát tâm Vô thượng chánh chân đạo ý.

Kinh dạy: Hết lòng hướng về Đấng Từ Tôn mới có thể được như vậy.



12- Ngày xưa có một người chăn bò, thấy ở trong đầm lớn có loại hoa màu vàng sáng chói rất đẹp, bèn suy nghĩ: “Đức Phật ở cách đây không xa ta nên lấy hoa đẹp này để cúng dường Ngài.” Anh ta liền xuống hái hoa, kết lại một bó mang đi cúng Phật. Trên đường đi bị bò húc chết, do tâm chuyên chú nghĩ đến chuyện cúng dường Phật nên liền được sinh lên cõi trời Đao-lợi thứ hai, ở trong cung điện rộng rãi, trang nghiêm tốt đẹp. Bên ngoài bốn phía cung điện, đặc biệt có một loại hoa màu vàng, có ánh sáng soi chiếu.

Pháp thường của chư Thiên là khi được sinh lên trời thì quán sát kiếp trước của mình. Người chăn trâu này cũng vậy. Ông ta quán sát kiếp trước của mình, biết rõ do công đức mang hoa đi cúng Phật bị trâu húc chết, rất vui mừng tán thán:

– Đức Phật là Đấng Vô Thượng phước lộc, dù chưa kịp cúng dường Ngài mà phước báo rực rỡ như thế này, huống gì tu các công đức khác.

Vị trời liền hái hoa quanh cung điện và các vật

cúng dường khác, muốn y theo nguyện xưa, đến gặp Đức Phật cúng dường. Chư Thiên thấy anh ta hái hoa đều đến hỏi:

– Người mới đến đây để thọ hưởng phước báo, nên dùng năm dục để tự vui thú, hái hoa để làm gì?

Vị trời mới sinh trả lời:

– Khi tôi làm người muốn đem hoa cúng Phật mà không được như nguyện, còn được sinh lên đây, huống gì người phát tâm làm được việc này. Nay tôi hái hoa cúng Phật là muốn y theo nguyện xưa để tạo thêm công đức.

Lúc bấy giờ chư Thiên nghe như vậy đều rất hoan hỷ đồng phát thiện tâm, có đến tám vạn bốn ngàn vị ở cõi trời cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật trụ trên hư không, khảy nhạc trời, rải hoa trời, xông hương trời và các món cúng dường lên Đức Phật và chúng Tăng. Chư Thiên vào trong các chùa, tháp, chẳng thấy Phật đâu, chưa được thấy Phật, chỉ mới gặp vị Thượng tọa Tỳ-kheo đã đắc đạo vì chư Thiên nói pháp. Chư Thiên nghe pháp, tâm được hoan hỷ, tăng thêm công đức. Sau liền được gặp Đức Phật, họ dùng trống nhạc, đàn ca, rải các danh hoa và tất cả các thứ cúng dường khác dâng lên Đức Phật và chúng Tăng. Đức Phật vì chư Thiên giảng nói Diệu pháp thanh tịnh, Vị trời kia cùng với tám vạn bốn ngàn chư Thiên khác đều được pháp nhãn thanh tịnh. Các vị trời này đời

trước là thiện tri thức của nhau, cho nên nay mới có thể khởi đạo tâm cho nhau, để cùng một lúc được đạo.



13- Ngày xưa ở nước ngoài có một vị trưởng giả rất giàu chỉ sinh một người con trai nên thương mến, quý trọng vô cùng. Sau đó đứa con bị bệnh nặng, vô phương cứu chữa, đành phải chịu chết. Người con trai này khi sắp lâm chung một lòng niệm Phật, thấy Đức Phật hiện ra trước mặt. Tâm anh ta nhờ đó mà được định tĩnh, an ổn. Sau khi chết anh ta liền được sinh lên cõi trời. Cha mẹ vì chưa hiểu đạo, nên luôn nghĩ nhớ đến con, sầu buồn áo não, chỉ muốn chết theo con, trong lòng không được cởi mở. Vì vậy cha mẹ đã dùng củi để thiêu đốt thân anh ta, lấy tro xương bỏ trong một cái bình bằng bạc, mỗi tháng cứ đến ngày rằm, đặt đồ ăn trăm món trước bình đựng xương cốt kia, rồi cất tiếng buồn khóc, lăn lộn dưới đất.

Vị Thiên tử ở cõi trời thấy cha mẹ như vậy, tự nghĩ: “Nếu ta không hiện ra để cảm hóa thì ý của cha mẹ sẽ không được cởi mở.”

Nghĩ như vậy rồi vị ấy liền hiện xuống, biến thành một đứa bé khoảng tám, chín tuổi đi chăn bò ở bên đường. Khi ấy có một con bò chết nằm dưới đất, chú bé đi kiếm cỏ non đặt ở trước miệng con bò chết, lấy roi đánh bò, miệng kêu bò:

– Hãy dậy ăn!...

Cha mẹ và những người lớn nhỏ ở trong nhà, thấy chú bé làm như vậy đều buồn cười và đến hỏi:

– Mà con nhà ai mà ngu vậy? Bò đã chết mà đem cỏ bỏ trước miệng, làm sao nó ăn được?

Chú bé cười nói:

– Bò của tôi nay tuy đã chết, nhưng đầu và miệng vẫn còn nguyên vẹn, mà tôi đưa cỏ nó không chịu ăn. Huống chi chú bé con ông bà chết đã lâu, lại còn dùng lửa đốt thiêu, chỉ còn lại chút ít tro xương mà ông bà lại dùng đồ ăn trăm vị đặt ở trước bình tro kia, lại còn khóc lóc nữa, chú bé ấy có thể ăn được không?

Cha mẹ nhờ đó, ý liền cởi mở, hỏi chú bé:

– Người là ai?

Chú bé thưa:

– Trước đây tôi là con của ông bà trưởng giả, nhờ chí thành niệm Phật nên được sinh lên cõi trời. Thấy cha mẹ buồn thương áo não thái quá, cho nên cô đến để hóa giải.

Cha mẹ nghe vậy trong lòng được cởi mở, rất vui và không còn sầu khổ như trước nữa.

Vị trời liền biến mất. Cha mẹ trở về nhà liền thiết lễ trai hội bố thí cúng dường, nguyện giữ gìn cấm giới, nghe kinh hành đạo, sau được đạo quả Tu-đà-hoàn.



14- Thời xưa, trải vô số kiếp có một ngôi chùa lớn; trong chùa có hơn ngàn vị Sa-môn ở đó tu học. Hằng ngày có vài trăm chú Sa-di khát thực để cúng dường chúng Tăng. Thầy dạy mỗi chú một ngày phải cúng một đấu gạo và phải học thuộc một bài kệ.

Có một chú Sa-di vào phố thị khát thực, chú vừa đi vừa nhẩm học bài kệ. Trong phố có một vị Hiền giả, thấy Sa-di vừa đi vừa nhẩm học bài kệ, Hiền giả đánh lễ, hỏi:

– Đạo nhân vừa đi vừa nói gì vậy?

Chú Sa-di ấy thưa rằng:

– Tôi vừa đi khát thực để cúng dường chúng Tăng, vừa phải học thuộc một bài kệ.

Hiền giả lại hỏi:

– Nếu chú không vương bận việc gì cả thì tụng thuộc bao nhiêu kệ.

Thưa rằng:

– Có thể thuộc hơn mười bài kệ.

Lại hỏi:

– Chú phải khát thực bao nhiêu ngày?

Chú thưa:

– Trong chín mươi ngày phải cung cấp chín mươi đấu gạo.

Hiền giả thưa với Đạo nhân:

– Chú hãy trở về chùa yên tâm lo học kinh kệ, tôi sẽ giúp cho chú cung cấp số gạo đó.

Chú Sa-di nghe Hiền giả nói vậy rất vui mừng. Hiền giả liền đem chín mươi đầu gạo cúng dường. Chú mang về thưa thầy, rồi nộp cho chúng Tăng xin đóng cửa học kệ, tụng kinh. Trải qua ba tháng, chú ấy đã học thuộc một ngàn bốn trăm bài kệ, chú thưa với thầy:

– Con học kệ đã xong. Bây giờ, con xin đến nhà thí chủ tụng những bài kệ đó để nhờ kiểm tra lại.

Thầy hoan hỷ chấp nhận. Đến nhà Hiền giả, chú thưa:

– Nhờ thí chủ trợ duyên nên tôi được yên ổn, tụng kinh, học kệ. Nay việc học kệ đã xong, tôi đến đây xin đọc để đạo hữu nghe.

Chú Sa-di đọc kệ, văn cú lưu loát, không vấp vấp trở ngại. Hiền giả nghe qua rất vui vẻ, cúi đầu đánh lễ, thưa:

– Nguyện cho tôi đời sau thông minh, hiểu biết rộng rãi, thấu đáo, nghe nhiều không quên.

Nhờ làm việc phúc đức nên vị Hiền giả này đời đời sáng suốt, hiểu biết, nhớ dai, đến khi gặp Phật ra đời được làm đệ tử tên là A-nan. Thường làm thị giả cho Đức Thế Tôn, đặc biệt riêng ngài là vị đệ tử biện thuyết thông suốt, nghe nhiều vào bậc nhất.

Thầy dạy:

– Hiền giả thời ấy nay là Đại đức A-nan.

Luận rằng: Ai chú tâm khuyến khích, hỗ trợ cho người tu học, là được công đức lớn, nếu người

ấy có ý chí hoặc cầu nguyện gì đều được thành tựu. Đó là nương vào phước báo mà được vậy.

Phía Nam núi Tu-di có một cây đại thọ cao bốn ngàn dặm. Các con chim to loại Bát-xoa nương ở trên cây mà cây vẫn bình thường, không chuyển động. Chỉ có một con chim thân hình rất nhỏ, loại thuần âm, bay đến đậu trên cây kia, cây liền bị dao động. Chim to Bát-xoa nói với thọ thần:

– Không biết tại sao thân ta rất nặng, thường nương ở đây mà cây vẫn bất động, còn con chim nhỏ kia mới vừa bay đến, chưa ngủ qua đêm mà lại làm cây chấn động?

Thọ thần nói:

– Chim kia tuy nhỏ nhưng nó từ đáy biển lớn mà đến. Hằng ngày chỉ ăn toàn đá quý, kim cương. Đá kim cương này va chạm vào các vật khác, các vật kia đều bị phá hoại. Vì vậy cho nên khi chim kia đến đậu, ta rất sợ hãi, không thể tự yên.

Kinh nêu thí dụ này, ý muốn nói: Nếu có người phạm hiểu rõ ý nghĩa sâu xa của một câu kinh, miệng đọc tụng, tâm nghĩ nhớ thì ba độc, bốn ma, tám vạn cửa trần cấu, thấy đều không thể tự yên, huống gì người tu hành rộng thâm thập các pháp giải thoát để làm cầu đà cho tất cả chúng sinh.



15- Một hôm Đức Phật dạy Tôn giả Mục-liên:

– Nghiệp quả của Tôn giả sắp đến lúc phải trả.

Mục-liên thưa:

– Con có thần lực có thể vượt qua núi Tu-di, quả báo nếu từ phía Đông mà tới, con sẽ bay về phía Tây, nếu từ phía Bắc mà đến, con liền nhảy sang phía Nam... Làm sao nghiệp quả bắt gặp con được?

Đức Phật dạy:

– Tội phước tự nhiên không thể trốn tránh. Nếu Tôn giả bay xa trên núi cao, đến khi không còn hơi thở thì cũng sẽ phải rơi vào trong núi.

Thời bấy giờ có một ông lão đang cỡi xe, Mục-liên bị nạn rơi vào ngay trước đầu xe, hình dáng xấu xí như quỷ. Ông lão cho là vật xấu ác, liền cho xe cán ngang qua, khiến Tôn giả bị gãy xương. Mục-liên khi ấy trong lòng áo nã, mê man không còn biết gì. Đức Phật thương xót giúp cho Tôn giả phục hồi thần lực, khi ấy Tôn giả mới định tỉnh, tìm cách phục hồi trở lại thân hình.

Ông lão cỡi xe cán qua thân ngài, thời trước là cha của Mục-liên. Vì cha con cùng tranh cãi nhau, Mục-liên thời ấy nghĩ ác rằng: “Giết được ông già kia để chẻ xương mới hả giận.” Vì nhân duyên đời trước sân giận, ác khẩu nên ngày nay mới vương phải tai ương như vậy. Phải cẩn thận, chớ tạo tội bất hiếu với cha mẹ.

Vì vậy, người biết xử thế chẳng những phải dè dặt ý nghĩ và lời nói, mà còn phải hiếu dưỡng cha

mẹ.



16- Ngày xưa có một vị Sa-môn đang đi trong đám cỏ rậm, có một con rắn nói:

– Xin chào Hòa thượng.

Vị Sa-môn giật mình nhìn xem hai bên. Rắn nói:

– Thầy chớ sợ hãi, mong ngài vì tôi mà giảng nói kinh điển, khiến cho tôi thoát khỏi thân tội báo này.

Rắn thưa tiếp:

– Ngài có biết vua A-kỳ-đạt không?

Sa-môn nói:

– Có biết.

Rắn thưa:

– Ông ấy là tiền thân của tôi.

Sa-môn nói:

– Vua A-kỳ-đạt tạo lập chùa tháp, cúng dường chúng Tăng, công đức rất lớn, đang được sinh ở cõi trời, do nhân duyên gì mà phải bị đọa vào loài này?

Rắn thưa:

– Khi tôi sắp chết, người hầu cận cầm quạt hầu, sơ ý để quạt rơi nhằm mặt tôi, tôi khi ấy nổi sân giận, nên sau khi chết phải đọa vào thân rắn này.

Sa-môn liền vì rắn mà giảng kinh, rắn một lòng

lắng nghe, rồi quyết nhin ăn trong bảy ngày mà chết. Khi xả thân nghiệp báo ấy thì liền sinh lên cõi trời. Vài tháng sau đó, vị trời này mang hoa trời xuống rải cúng dường Đức Phật và chúng Tăng. Lúc ấy đại chúng rất ngạc nhiên, liền ở trong hư không có tiếng nói:

– Tôi kiếp trước là vua A-kỳ-đạt, bị đọa làm súc sinh. Nhờ vị Sa-môn giảng dạy Phật pháp, tôi được nghe, nhờ đó mà được sinh lên cõi trời. Nay mang hoa đến rải cúng dường Đức Phật và chúng Tăng để báo ân.

Vì vậy, chúng ta đối với người đau bệnh sắp chết, khi thân cận giúp đỡ phải cố gắng cẩn thận hộ trì tâm của người ấy.



17- Ngày xưa, ở ngoại quốc có một người làm ăn buôn bán tấn phát, tiền của vàng bạc thâu vào có hơn ngàn cân. Trong lòng vị ấy rất lo lắng, muốn chôn giấu dưới đất nhưng sợ dế mèn, côn trùng, chuột bọ đục phá; muốn cất giấu trong cây cỏ, núi rừng cũng sợ chồn, cáo, con người gặp được lấy mất. Lại cũng không tin vợ con trong nhà, anh em bên ngoài, chỉ còn cách là mang theo trong người. Cho nên khi cần đi đâu vị ấy rất sợ mất của.

Thời ấy, gặp tháng trường trai, bốn chúng đệ tử đến chùa tháp đốt hương rải hoa. Vị ấy xem xét đã thấy tất cả, lại thấy ở trước tháp tự có một bát lớn,

bốn chúng đệ tử đi nhiều quanh tháp, đem tiền của, vàng bạc, vật báu đặt vào trong bát ấy cúng dường Tam bảo. Người kia thấy vậy hỏi:

– Vì sao đem vật báu để trong bát này?

Có vị Sa-môn đứng gần đó đáp:

– Đây gọi là phát tâm bố thí để đúc tượng Phật, làm chùa tháp, tạo công đức cho người cúng, cho nên gọi là nơi cất giấu vững chắc, cũng gọi là nơi gởi không bị mục nát.

Người ấy nghe vậy suy nghĩ, chấp nhận, nói:

– Đúng như lời ngài nói. Thật đúng với chỗ mong cầu của tôi.

Ông ta phát tâm đem tất cả vàng bạc để vào trong bát cúng dường. Vị Sa-môn vì người kia mà chú nguyện, lại dạy thêm:

– Tôi nói chỗ cất chứa vững chắc có nghĩa là người có tâm cúng dường Tam bảo, phước đức ấy nước không thể làm chìm, lửa không thể đốt, trộm cướp, oan gia đều không thể xâm phạm, tổn hại công đức này được. Đã gieo vào trong kho báu này rồi thì không bao giờ mục nát, hư hoại, đời sau sẽ được gặt hái quả báo gấp trăm ngàn vạn lần của báu đã cúng dường hôm nay, nên gọi là bố thí.

Vị ấy nghe dạy như vậy, ý được cởi mở, vui vẻ vô cùng, tức thời ở ngay trước tháp mà được đạo quả Tu-đà-hoàn. Vì vậy nên người chí tâm biết làm phước, công đức ấy không bao giờ cùng tận, sau

cùng tự mình cũng sẽ được đạo quả giải thoát.



18- Ngày xưa ở chùa Tước ly có vị Trưởng lão Tỳ-kheo, đã được đạo quả A-la-hán, dẫn một chú Sa-di vào thành thăm viếng, y bát nặng, thầy sai chú Sa-di mang đi theo sau.

Chú Sa-di đang đi trên đường, tự suy nghĩ: “Con người sinh ra ở đời đều chịu đau khổ. Muốn thoát khỏi nỗi khổ này nên phát tâm tu theo con đường nào?” Lại suy nghĩ: “Đức Phật thường tán thán Bồ-tát là thù thắng, ta nay nên phát tâm tu hành Bồ-tát đạo.”

Khi chú suy nghĩ như vậy, thầy của chú dùng Tha tâm thông rõ hết ý nghĩ kia. Vị thầy dạy chú Sa-di:

– Chú đem y bát đến đây.

Chú đem y bát trao cho thầy. Rồi thầy bảo chú:

– Người hãy đi trước đi!

Sa-di đi trước, lại suy nghĩ: “Con đường tu hành Bồ-tát đạo phải siêng năng, chịu khó. Nếu có người xin đầu phải cho đầu, xin mắt phải cho mắt. Việc này rất khó, không phải sức ta có thể làm xong, chỉ bằng chứng quả A-la-hán để mau được lìa khổ.” Vị thầy biết chú suy nghĩ như vậy nên nói với chú ấy:

– Người mang y bát đi theo sau ta.

Như vậy ba lần. Chú ấy rất kinh ngạc, không

hiều thầy có ý gì?

Đến chỗ bóng mát, thầy trò nghỉ chân, chú chấp tay thưa hỏi thầy về ý nghĩa kia. Vị thầy dạy:

– Người với con đường tu hành Bồ-tát, ba lần muốn tiến lên, cho nên ta ba lần nhường cho người đi tới trước. Tâm người ba lần thoái thất nên ta ba lần đẩy người lui ra sau. Đó là lý do vậy.

Người phát tâm tu hành Bồ-tát đạo, công đức kia thù thắng hơn người được đạo quả A-la-hán. Cho dù đầy cả ba ngàn thế giới người được đạo quả A-la-hán cũng không đủ để so sánh vậy.



19- Ngày xưa, vào thời Đức Phật Ca-diếp, có hai anh em đều xuất gia làm Sa-môn. Người anh ưa trì giới, ngồi thiền, một lòng cầu đạo mà không thích bố thí. Người em trái lại ưa bố thí, tu phước mà không chịu giữ giới.

Đến khi Đức Thích-ca ra đời, người anh gặp Phật, xuất gia tu học. Tuy được đạo quả A-la-hán mà lại chịu bậc phước, thường bị nạn cơm ăn áo mặc không đủ. Cùng các thầy đi khát thực, mà riêng mình thường chịu đói trở về.

Trong khi đó người em sinh trong loài voi, là một con voi có nhiều sức mạnh, có thể dẹp trừ giặc oán, được nhà vua mến trọng, dùng các món vàng bạc, ngọc báu, chuỗi anh lạc để trang điểm thân cho voi. Vua còn phong vài trăm hộ trong ấp phải

cung cấp đồ cần dùng cho voi.

Người anh làm thầy Tỳ-kheo gặp lúc mất mùa, đi khát thực tiếp tục bảy ngày mà không được món gì ăn cả. Sau cùng chỉ được một ít món ăn tầm thường để duy trì mạng sống. Ngài biết con voi của vua trước kia là anh em, nên đi đến thăm, tay cầm tai voi nói nhỏ:

– Ta với ngươi đều có tội.

Voi suy nghĩ lời của thầy Tỳ-kheo dạy, liền biết được tiền kiếp, thấy rõ nguyên nhân kiếp trước của mình. Từ đó voi rất buồn rầu, không còn muốn ăn uống. Người nài chăm sóc voi thấy vậy rất sợ, đến tâu với đức vua:

– Thưa, voi không muốn ăn uống, hạ thần không biết lý do gì.

Vua hỏi người chăm sóc:

– Trước đó ngươi có thấy ai xúc phạm voi không?

Người chăm sóc voi tâu:

– Thưa không thấy có ai khác, chỉ thấy một Sa-môn đi đến bên voi, trong khoảng khắc rồi đi.

Vua liền ra lệnh cho người đi khắp nơi để tìm vị Tỳ-kheo ấy. Có người ở trong rừng cây gặp được, liền dẫn vị Sa-môn kia đến trước nhà vua. Vua hỏi Sa-môn:

– Thầy đến bên voi của trẫm nói những gì?

Vị Sa-môn thưa:

– Tôi không nói gì nhiều, chỉ nói thẳng với voi: “Ta cùng người đều có tội.”

Khi ấy Sa-môn liền thưa với vua về nhân duyên đời trước. Nghe xong, tâm vua được tỉnh ngộ, liền thả vị Sa-môn về chỗ ở của ngài.

Vì vậy, ai là người tu phước, việc Trì giới, Bồ thí đều phải thực hành, chớ thiên chấp mà công đức không được đầy đủ.



20- Ngày xưa có một thầy Tỳ-kheo phạm lỗi, bị đuổi ra khỏi chúng Tăng, trong lòng rất buồn khổ, vừa đi vừa khóc. Trên đường đi gặp một con quỉ, nó cũng bị phạm pháp, đang bị vua trời Tỳ-sa-môn đuổi. Khi ấy quỉ hỏi thầy Tỳ-kheo:

– Ông vì sao mà vừa đi vừa khóc như thế?

Vị Tỳ-kheo nói:

– Tôi phạm việc cấm của chúng Tăng nên chư Tăng đuổi, tất cả sự cúng dường của đàn-việt cho tôi đều mất sạch, lại tiếng xấu đồn khắp xa gần, vì vậy nên tôi buồn khóc.

Quỉ nói với thầy Tỳ-kheo:

– Tôi có thể giúp ông trừ bỏ hết tiếng xấu mà còn được cúng dường lớn lao.

Quỉ nói tiếp:

– Bây giờ ông có thể ngồi trên vai trái tôi, tôi sẽ vác ông bay đi trên hư không, mọi người chỉ thấy ông mà không thấy thân tôi. Nếu ông được

cúng dường nhiều, nên chia cho tôi cùng hưởng.

Con quỉ kia liền vác thầy Tỳ-kheo bay trên không, ngang qua xóm làng mà trước đó thầy đã bị đuổi. Khi ấy mọi người thấy đều kinh hãi, quái lạ. Họ cho rằng vị kia đã đắc đạo, cùng nhau bàn rằng:

– Chúng Tăng không nắm được tình hình nên đã đuổi người đắc đạo một cách oan uổng.

Khi ấy mọi người trong xóm làng cùng đi đến chùa trách móc chúng Tăng. Họ liền đi đón thầy Tỳ-kheo ấy trở về chùa và được cúng dường trọng hậu hơn trước.

Vị Tỳ-kheo ấy khi được đồ ăn cúng dường, liền đem chia phần cho quỉ, không trái với lời hứa. Con quỉ này là thuộc hạ của vị quan hầu của Tỳ-sa-môn Thiên vương.

Một hôm, đang vác vị Tỳ-kheo đi trên không, chợt thấy vị quan hầu Tỳ-sa-môn Thiên vương đi thẩm tra, quỉ rất sợ hãi, liền quăng bỏ thầy Tỳ-kheo, ra sức chạy trốn. Thầy Tỳ-kheo bị rơi xuống đất chết, đầu mình đều tan nát.

Câu chuyện thí dụ này khuyên người tu hành nên tự nỗ lực để đạt đến ý chí hướng thượng của mình, không nên tìm cầu bên ngoài. Nếu người tu hành mà ưa nương tựa kẻ giàu có, thế lực, một mai tình thế thay đổi, sẽ như thầy Tỳ-kheo bị hại kia không khác.



21- Ngày xưa, Tôn giả Mục-kiền-liên cùng đệ tử từ núi Kỳ-xà-quật đến thành Vương xá khát thực. Tôn giả đang đi trên đường, ngược nhìn lên hư không, đột nhiên phát ra lời than, người đệ tử theo hầu thưa:

– Vì nhân duyên gì mà thầy than?

Tôn giả Mục-liên dạy:

– Con muốn biết, khi trở về gặp Đức Phật thì đem ra thưa hỏi.

Khi thầy trò khát thực xong, trở về chỗ Đức Phật đang ngự. Người đệ tử đem việc Tôn giả đã than khi sáng ra hỏi. Mục-liên đáp:

– Ta thấy trong hư không có một ngạ quỷ, thân rất lớn, hình tướng xấu xa, có bảy viên sắt tròn vào từ miệng và xuyên suốt xuống chân, khi ra ngoài lại vào từ miệng, làm cho toàn thân bị đốt cháy, đau khổ lăn lóc, lộn nhào xuống rồi lại đứng dậy, vừa đứng dậy rồi lại lộn nhào xuống. Vì thế cho nên ta than. Việc này chẳng phải chỉ có ta thấy, Đức Thế Tôn cũng thấy như vậy.

Đệ tử hỏi:

– Do nhân duyên gì mà ngạ quỷ kia phải chịu đau khổ như vậy?

Tôn giả Mục-liên dạy:

– Người nên đem việc này thưa hỏi Đức Thế Tôn.

Người đệ tử liền đến bạch với Đức Phật về

nhân duyên việc kia. Khi ấy Đức Phật dạy:

– Con ngựa quỉ này, đời trước đã từng làm Sa-di. Gặp lúc đói kém, chư Tăng phải dùng đậu làm thức ăn. Chú Sa-di phân chia đồ ăn cùng đường chúng Tăng, vì có tâm thiên vị, khi đến bên thầy của mình cố bỏ thêm bảy hạt đậu. Do tạo lỗi này, cho nên phải làm thân ngựa quỉ, chịu khổ đau như vậy.

Đức Phật dạy:

– Ta cũng đã thấy, sở dĩ không nói là sợ con người không tin, phải mắc tội rất nặng.

Câu chuyện thí dụ này cho chúng ta thấy: Với một ít hạt đậu của chúng Tăng, do tâm thiên vị vì thầy chứ không phải vì mình mà tội kia còn như vậy. Huống gì Đức Phật nói lý Bát-nhã mà chúng ta không tin, lại còn phỉ báng, tội kia rất nặng, như tội ngũ nghịch, phải chịu khổ ở địa ngục không biết bao lâu.



22- Ngày xưa có một vị cư sĩ, bà vợ đang mang thai, ông thỉnh Đức Phật đến nhà cúng dường, muốn nhờ Đức Thế Tôn đoán thử bà vợ của ông sau này sinh con, sẽ là trai hay gái.

Đức Phật dạy:

– Sau này bà ấy sẽ sinh con trai, trang nghiêm tốt đẹp. Đến khi lớn khôn, tuy ở trong loài người mà hưởng thọ cái vui của cõi trời. Nếu xuất gia tu

hành sẽ được đạo quả A-la-hán.

Vị cư sĩ nghe Đức Phật dạy như vậy, trong lòng không tin. Sau đó, ông lại thỉnh nhóm Lục sư đến cúng dường để nhờ họ đoán thử. Cư sĩ nói với Lục sư:

– Trước đây tôi đã nhờ Sa-môn Cù-đàm đoán. Ngài dạy sau này sẽ sinh con trai. Theo ý các ngài, có phải bà ấy sẽ sinh con trai không?

Lục sư đáp:

– Bà ấy sẽ sinh con gái.

Nhóm Lục sư đồ kỵ với Phật pháp, nên muốn nói ngược trở lại, nhưng rồi họ lại suy nghĩ: “Nếu sau này bà ấy sinh con trai, cư sĩ này sẽ bỏ ta mà phụng sự Cù-đàm”, nên họ dùng lời quỷ quyết mà nói với cư sĩ:

– Vợ ông sẽ sinh con trai, nếu sinh trai, sau này sẽ gặp tai họa hung ác, gia đình thân thuộc của ông bảy đời sẽ bị tuyệt diệt. Do không được tốt, cho nên trước ta nói dối là sinh con gái.

Cư sĩ nghe xong rất sợ hãi, không biết làm sao. Nhóm Lục sư liền nói với cư sĩ:

– Muốn được tốt đẹp và lợi ích nên trừ khử trước đi.

Nhóm Lục sư liền giải phẫu bà vợ của cư sĩ để trừ bỏ đứa bé. Muốn trừ bỏ đứa bé mà trái lại bà mẹ thì bị hại. Vợ của cư sĩ chịu đựng không nổi phải chết, còn đứa bé thì không sao, vì phước đức

đời trước đã giúp đứa bé.

Vị cư sĩ mang xác vợ đến nghĩa địa chôn cất củi hỏa thiêu. Khi ngọn lửa đã cháy, Đức Phật dẫn các đệ tử đến nơi lửa đang cháy thân của bà vợ cư sĩ để xem; liền thấy trong ngọn lửa, đứa bé ngồi trên hoa sen, trang nghiêm tốt đẹp, hình thể trắng như tuyết, Đức Phật thấy vậy liền sai Tôn giả Kỳ-vực bồng đứa bé ra. Tôn giả vâng lời dạy bước vào lửa bồng đứa bé ra ngoài rồi giao lại cho ông cư sĩ để ông ta mang về nuôi dưỡng.

Khi chú bé đã lớn, đến năm mười sáu tuổi, tài hoa tốt đẹp hơn người. Cư sĩ lại mở tiệc, sắm sửa thức ăn thỉnh nhóm Lục sư cúng dường. Nhóm Lục sư ngồi chưa bao lâu, liền có một người phì cười. Có người hỏi:

– Thưa, vì sao ngài cười?

Lục sư đáp:

– Ta thấy cách đây năm vạn dặm có một núi lớn, dưới chân núi có suối nước chảy, một con khỉ rơi tồm xuống nước, vì vậy mà ta cười.

Chú bé nghe qua biết họ nói dối nên lấy bát của Lục sư bỏ canh và món ăn ở dưới, lấy cơm phủ lên trên, sai người đem bát dâng cho họ. Những bát khác thì dưới để cơm, trên để đồ ăn. Khi đại chúng đều thọ trai, riêng Lục sư giận không ăn. Chủ nhân hỏi:

– Sao các ngài không ăn?

Lục sư đáp:

– Không có canh làm sao ăn?

Chủ nhân hỏi:

– Mắt các ngài thấy xa năm vạn dặm, biết có con khỉ rơi xuống nước, sao các ngài không thấy dưới cơm trong bát có canh?

Khi nghe nói vậy, họ tự ái, càng sân giận hơn, không thể ăn được liền đứng dậy ra về.

Vị cư sĩ và chú bé nhân việc này chấm dứt không phụng sự họ nữa, mà từ đây cư sĩ hết lòng đặt niềm tin phụng sự Tam bảo, thường theo Phật nghe pháp, sau đều được đạo quả.

Câu chuyện thí dụ này rất dài, chỉ ghi tóm lược đề rõ điều thật giả là như vậy.



CHÚNG KINH TUYỂN TẠP THÍ DỤ

QUYỂN 2

23- Ở nước ngoài, có một thầy chuyên tụng chú để cảm hóa rồng. Thầy dùng bình đựng đầy nước mát, tắm rửa mát mẻ rồi, đến bên ao rồng một lòng tụng chú. Khi ấy rồng ở trong ao này thấy lửa từ đáy ao cháy lên, rồi lan ra khắp trong ao chỗ nào cũng đều có lửa cháy. Rồng thấy lửa sợ hãi, ngược đầu nhìn lên núi, lại thấy lửa lớn đốt cháy núi rừng. Ngược xem đỉnh núi cũng thấy không có chỗ để nương thân. Khắp nơi đều bị lửa đốt cháy, không có nơi nào làm đất dung thân. Chỉ còn lại bình nước mát là nơi có thể vào đó để tỵ nạn. Muốn vào đó phải dẹp bỏ thân to lớn kênh cang, biến thành thân hình nhỏ gọn mới có thể vào trong bình nước mát được.

Ao rồng ví như cội Dục. Ngược nhìn lên núi ví như cội Sắc. Nhìn đánh núi cao ví như cội Vô sắc. Thầy tụng chú cảm hóa rồng ví như Bồ-tát. Bình nước mát ví như Niết-bàn. Dùng chú thuật ví như pháp phương tiện. Lửa lớn đốt cháy ví như hiện cảnh vô thường. Rồng có thân to lớn ví như lòng

kiêu mạn. Thân hình nhỏ ví như lòng khiêm tốn.

Ở đây nói: Bồ-tát thị hiện kiếp thiêu, làm cho tất cả Dục giới, Sắc giới đều bị đốt cháy. Ngọn lửa lớn vô thường sẽ khùng bố chúng sinh, khiến cho chúng sinh diệt trừ lòng kiêu mạn, thực hành khiêm cung nhỏ nhẹ, về sau mới tiến tu để vào Niết-bàn.



24- Ngày xưa có một người thợ săn chim, anh ta giăng lưới trong rừng vắng, dùng thức ăn mà chim ưa thích đặt vào trong lưới. Các loại chim cùng bạn bè tranh nhau đến ăn. Khi ấy thợ săn kéo sập lưới xuống, tất cả chim đều bị rơi vào bẫy lưới. Lúc ấy, có một con chim lớn đủ sức mạnh, dùng đôi cánh lớn quạt gió, cất bổng lưới lên, cùng với các chim khác bay đi. Thợ săn thấy bóng liền đi theo.

Có người nói với người thợ săn:

– Chim bay trên trời cao, còn người thì đi bộ dưới đất, sao mà ngu vậy?

Thợ săn đáp:

– Không như ông nói đâu, chim kia khi trời tối sẽ tìm chỗ nghỉ, ý muốn tiến tới, thoái lui không đồng nhau. Như vậy sẽ bị rơi xuống.

Thợ săn nói như vậy và tiếp tục đi theo. Mặt trời đã sang xế chiều, thợ săn ngược nhìn bầy chim, thấy chúng nó bay ngược, bay xuôi, cạnh tranh

nhau. Có con muốn đến phía Đông, con khác lại muốn sang Tây. Nhiều con mong lên rừng sâu, hoặc có con lại muốn xuống suối, khe; tranh nhau không dừng. Do ý chí bất đồng như thế, chỉ trong khoảnh khắc liền bị rơi xuống đất tất cả. Thợ săn tóm trọn rồi lần lượt giết hết.

Thợ săn là ma Ba-tuần. Giăng lưới cũng như kết sử. Mang lưới mà bay cũng như người chưa lìa kết sử mà muốn ra khỏi ba cõi. Trời chiều, tìm chỗ nghỉ, như người biếng nhác, không cầu tiến lên. Tìm chỗ nghỉ không đồng, như khởi sáu mươi hai kiến chấp tương phản nhau. Chim rơi xuống đất, như người chấp nhận tà giáo bị rơi vào địa ngục.

Do đây chúng ta biết được kết sử và trần cấu là lưới ma. Kết sử phủ che con người như lưới giăng. Được hưởng phước trời, người thì phải khéo giữ gìn thân nghiệp và khẩu nghiệp, tâm không buông lung vì chúng ta còn ở trong lưới ma. Ba đường ác là khổ, vì phải chịu sinh tử lâu dài, không thể kham nhẫn ở mãi đây vậy.



25- Ngày xưa có năm trăm người đi buôn, nung thuyền vào biển muốn tìm cầu châu báu, không may gặp lúc cá Ma-kiệt ngẩng đầu, há miệng muốn ăn nuốt tất cả chúng sinh.

Ngày ấy gió thuận, thuyền đi nhanh như tên bắn. Vị thương chủ nói với mọi người:

– Thuyền đi nhanh quá, nên hạ buồm xuống.

Nghe vậy, mọi người đều hạ buồm xuống, nhưng thuyền đi càng nhanh, không thể hãm bớt lại được. Vị thương chủ hỏi người ngồi trên cột buồm:

– Người thấy những gì?

Người ấy đáp:

– Tôi thấy phía trên có hai mặt trời xuất hiện, dưới mặt trời có núi trắng, giữa là núi đen.

Vị thương chủ kinh hãi nói:

– Đây là cá lớn, chúng ta phải làm sao? Ta cùng các người nay gặp tai ách ngay khốn, vào trong bụng cá này thì không ai còn sống được. Các người nên tùy chỗ tôn thờ của mình mà hết lòng cầu cứu.

Khi đó mọi người đều tùy chỗ tôn thờ của mình, mà hết lòng cầu mong thoát khỏi ách nạn ấy. Nguyên cầu càng gấp, thuyền đi càng nhanh, chỉ trong khoảnh khắc, nếu không dừng lại được sẽ vào miệng cá tất cả. Khi ấy thương chủ bảo mọi người:

– Ta có đại thần hiệu gọi là Phật, các người đều nên bỏ chỗ tạp cầu, mà hãy cùng nhau một lòng xưng niệm.

Khi ấy năm trăm người cùng phát ra tiếng xưng niệm lớn: “Nam-mô Phật”.

Cá nghe được hiệu Phật, tự suy nghĩ: “Ngày nay thế gian còn có Phật, tại sao ta lại nở sát hại

chúng sinh.” Vì nghĩ thế, cá liền ngậm miệng, nước vì vậy mà chảy ngược trở lại. Thuyền lần lần xa miệng cá, năm trăm người đi buôn liền được thoát nạn.

Con cá này trước đây đã từng làm Sa-môn, do tạo tội cho nên phải thọ sinh làm loài cá có thân hình to lớn ấy. Đã nghe được tiếng xưng niệm Phật, cá nhớ lại tiền kiếp của mình, vì vậy mà tâm lành liền phát sinh.

Ở đây chúng ta thấy: Năm trăm người đi buôn chỉ một lòng niệm Phật, tạm xưng danh hiệu mà liền được thoát nạn. Nếu có người biết thọ trì niệm Phật tam-muội, thì tội nặng chuyển thành nhẹ, tội nhẹ được tiêu trừ. Câu chuyện trên đủ để làm chúng nghiệm vậy.



26- Ngày xưa có một chú đồ tể đi đến gặp vua A-xà-thế cầu xin một ước nguyện. Vua bảo:

– Người cầu xin điều gì?

Anh ta thưa:

– Khi ngài mở hội cúng tế, cần mổ giết súc vật, nếu vua chấp nhận tôi sẽ tận tâm làm việc ấy.

Vua nói:

– Mổ giết là việc ít ai ưa, vì sao người lại muốn làm?

Thưa:

– Tôi ngày xưa vốn là người nghèo, chuyên

nghe giết dê bán để tự sinh sống. Nhờ việc làm đó, sau khi chết được sinh cõi trời Tứ Thiên vương. Hết tuổi thọ ở cõi trời, sinh trở lại làm người, tiếp tục làm nghề giết dê. Khi chết lại được sinh lên cõi trời lần thứ hai. Như vậy sáu đời ở dương gian làm nghề giết dê, nhờ đó mà sáu lần được sinh lên cõi trời, thọ phước không thể lường được. Vì lý do như vậy nên tôi đến đây xin vua làm việc mổ giết ấy.

Vua nói:

– Người đặt bày nói dối như vậy, chứ người làm sao biết được.

Anh ta thưa:

– Tôi biết được đời trước.

Vua nghe không thể tin, cho là nói dối, vua suy nghĩ: “Kẻ hạ tiện như vậy làm sao có thể biết được tiền kiếp?”. Sau đó, vua được gặp Đức Phật, liền đem việc ấy thưa hỏi. Đức Phật dạy:

– Thật như lời anh ấy nói, không phải hư dối. Vị này đời trước đã từng gặp được Bích-chi-phật. Anh ta thấy vị Bích-chi-phật lòng hoan hỷ, chí tâm quán sát kỹ, chiêm ngưỡng từ đầu cho đến chân, rồi liền phát sinh tâm lạnh. Do nhân duyên đó mà được sáu lần sinh lên cõi trời, sáu lần trở lại nhân gian, tự biết được túc mạng. Do phước đức đã thuần thực nên chưa đến lúc phải thọ quả khổ. Khi hết thân này, mới đọa vào địa ngục chịu tội đã giết dê. Tội ở địa ngục mãn, sẽ phải sinh làm dê nhiều

lần để thường mạng. Tên đồ tể ấy chỉ biết một ít đời trước, thấy sáu lần được sinh lên trời mà không biết được đời thứ bảy: Khi thọ thân người thì phước đã tạo trước đó rồi, nên mới hiểu lầm rằng: “Nhờ giết dê mà được sinh lên cõi trời.” Như vậy chỉ biết được đời trước, chẳng phải thần thông mà cũng chẳng phải là người sáng suốt đâu!

Vì thế nên người tu hành khi tạo công đức phải phát nguyện, chớ có buông thả, khiến quả báo không rõ ràng. Lấy chuyện thí dụ này để có thể chiêm nghiệm vậy.



27- Thời Đức Phật còn tại thế, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Ngài sinh trong vương cung, xuất gia tìm đạo, sáu năm khổ hạnh. Sau đó ngồi dưới gốc cây Bồ-đề mà được giác ngộ. Như vậy quả Phật, có phải dễ được thành tựu hay không?

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

– Ngày xưa có vị trưởng giả rất giàu có, các thứ châu báu đều đủ cả, chỉ thiếu hạt ngọc bội trân châu. Cho là chưa đủ, ông liền dẫn người vào biển tìm châu báu. Trải qua biết bao nhiêu điều nguy hiểm, trở ngại mới đến chỗ có ngọc châu, phải chích lấy máu trong thân đựng trong túi, đặt dưới đáy biển. Con sò có ngọc nghe mùi máu đến ăn

mới bắt được nó, tách vỏ sò để lấy ngọc. Chọn lựa trong suốt ba năm mới có được một hạt ngọc bội trân châu.

Khi trở về, băng qua biển gặp một hòn đảo, ghé vào lấy nước ngọt, đồng bạn thấy ông ta được ngọc báu nên lập mưu với nhau. Khi xuống thuyền lấy nước, họ xô ông ta xuống giếng, lấp lại rồi bỏ đi. Vị trưởng giả bị rơi xuống đáy giếng, Sau đó tình cờ, một hôm ông thấy một con sư tử từ trong hốc đá bên hông giếng đi vào uống nước, ông rất sợ hãi. Khi sư tử đã lui ra, ông lần mò theo lỗ hông ấy mà được ra ngoài đất liền.

Những người bạn kia cướp được châu báu, trở về nhà trước. Khi ông tìm được đường trở về nhà, liền gọi những người bạn kia đến hỏi:

– Các người âm mưu hại ta lấy ngọc bội trân châu, cho rằng không ai biết. Nay ta đã trở về đây, các người nếu biết khôn ngoan, tế nhị, hãy giao trả tất cả ngọc báu lại cho ta. Nếu không, ta sẽ tố cáo các người.

Những người kia sợ hãi, cùng nhau giao trả số ngọc châu trở lại cho ông ta, trong đó có cả hạt ngọc bội trân châu. Lúc đó trong nhà có hai đứa con nhỏ của ông ta, đang chơi giỡn với nhau, được thấy hạt châu, nó hỏi nhau:

– Ngọc châu này từ đâu mà có?

Chú bé nói:

– Nó sinh từ trong túi em đây.

Chú bé lớn hơn nói:

– Nó được cất giữ ở trong túi nhà mình.

Người cha nghe các con nói như vậy liền cười.

Bà vợ hỏi:

– Ông cười gì vậy?

Ông đáp:

– Ta có được hạt châu này rất khó khăn, cực nhọc. Các con nương theo ta mà có, làm sao biết được nguồn gốc của hạt châu, nên nó cho rằng hạt châu có từ trong túi.

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

– Người chỉ biết Ta thành Phật dưới gốc cây Bồ-đề mà không hiểu rõ Ta từ vô số kiếp, siêng năng khó khổ, tu hành Bồ-tát đạo, đến nay mới thành tựu, nên các ông cho là dễ. Như chú bé cho rằng ngọc báu xuất phát từ trong túi vậy!

Như vậy muốn thành tựu đạo quả phải phát tâm tu theo Lục độ vạn hạnh của Bồ-tát, tích chứa công đức trong nhiều kiếp, chứ chẳng phải chỉ làm một việc, tu một hạnh, xả bỏ một thân mà có thể được đạo vậy.



28- Ngày xưa có một vị đạo sư muốn vào biển để tìm châu báu. Thời ấy có năm trăm người xin cùng đi theo. Đạo sư nói:

– Người đi vào biển sẽ gặp năm thứ tai nạn là:

1. Ghềnh thác.
2. Sóng nước xoáy tròn.
3. Cá lớn.
4. Quỷ dữ.
5. Cỏ thơm ăn vào bị say.

Nếu người nào đủ quyết tâm vượt qua năm tai nạn này thì có thể cùng đi biển.

Tất cả đều chấp nhận và cùng sửa soạn các thứ cần thiết xong, đến lúc thuận gió xuôi buồm vào biển.

Đến được bãi biển có châu báu, mọi người đi tìm châu báu. Trong nhóm có một người không chế ngự được, ăn nhầm cỏ thơm, say nằm bảy ngày. Mọi người kiếm châu báu đã đủ, gió thuận thổi đến, họ chuẩn bị trở về. Đạo sư dùng tiếng trống tập hợp tất cả lại. Riêng một người chưa thỏa mãn, không chịu trở về, tiếp tục tìm cầu châu báu. Trên đường đi tìm, anh ta gặp một người khác ăn nhầm cỏ thơm say nằm dưới gốc cây, chưa tỉnh, liền dìu vị ấy về trại. Sau đó hai người cùng chặt cây lớn làm bè, kiếm cây làm sào chống, cùng nhau trở về nước. Người nhà nghe tin rất mừng, đều đến đón trở về.

Người bị say trên đảo tự thấy mình không tìm được vật báu nào cả nên đau khổ, hổ thẹn. Anh ta buồn nên vác gậy vào chợ thăm chơi. Có người trong chợ thấy gậy quý nên đi theo trả giá. Họ đòi

mua với giá hai ngàn lượng vàng. Vị ấy thấy giá mua quá cao, ngoài mức mong ước nên anh ta chịu bán. Khi bán xong hỏi người mua:

– Gậy này có công dụng gì mà anh mua với giá ấy?

Người mua nói:

– Đây là cây báu, nếu nghiền nó ra làm bột, đốt thành khói, xông các loại ngói đá thì ngói đá ấy sẽ thành ngọc châu.

Người bán thấy vậy xin lại được chút ít đem về thử nghiệm. Quả đúng như lời nói của người kia, các thứ gạch đá được xông đều thành châu báu quý giá.

Dụ này nói: Vị Đạo sư là Bồ-tát. Năm nạn là chỉ cho năm uẩn. Bền châu báu là pháp Bát-nhã, là Thất thánh tài. Người say là theo tánh biếng nhác mà bỏ phế đạo nghiệp. Chặt nhằm cây báu là tự mình phải siêng năng tu hành cho đến kết quả thì mới phát khởi tinh tấn hơn. Xông ngói đá thành châu báu nghĩa là dùng kinh điển, giáo pháp huấn tập cho người làm ác thành bậc pháp khí vậy.



29- Ngày xưa ở trong núi có hai vị Sa-môn an nhàn hành đạo, chứng đắc sáu phép thần thông. Cách chỗ ở của hai vị không xa, có một con sư tử sinh được hai con nhỏ, sau dần dần lớn khôn. Sư tử mẹ muốn đi xa, trong lòng suy nghĩ: “Chỉ có đạo

đức của hai vị thầy Từ bi kia mới có thể ủy thác thân mạng.” Sư tử đến thưa:

– Con muốn đi lại kiếm sống mà hai con còn nhỏ, sợ người làm tổn thương giết hại, muốn đem gởi Đạo nhân, xin mong ngài Từ bi giúp đỡ, con sẽ tới lui thăm viếng.

Đạo nhân chấp nhận nuôi hai con sư tử. Khi sư tử mẹ trở về, thấy hai con nương theo Đạo nhân nên an tâm đi nữa. Đạo nhân mỗi khi khát thực về, đem đồ ăn dư cho hai sư tử con cùng ăn. Mỗi lần thấy Đạo nhân về, nó đều chạy ra vui mừng nghênh đón.

Sau đó Đạo nhân đi vắng, có người thợ săn thấy được sư tử, cả hai con đều chạy trốn vào cỏ rậm. Thợ săn muốn mượn hình thức của Đạo nhân nên lén vào tịnh thất lấy trộm áo ca-sa mặc vào, đi đến đám cỏ vạch tìm. Sư tử tưởng lầm là Đạo nhân liền chạy đến nên bị thợ săn bắn chết. Ông ta lột da sư tử để làm áo lông, giá bán cả ngàn lượng vàng.

Khi vị Đạo nhân trở về không thấy sư tử, liền ngồi thiền quan sát, biết là đã bị thợ săn giết. Vì lòng Từ, Sa-môn dùng thần lực lấy da sư tử trở lại làm nệm lót ngồi thiền, miệng thương vì hai sư tử mà chú nguyện.

Về sau, Đạo nhân lại ngồi thiền quán sát, biết kiếp sau chúng nó sẽ được sinh vào nước kia, làm con của vị trưởng giả. Đạo nhân đi đến nhà vị

trưởng giả, hỏi ông ta muốn mong cầu gì. Ông ta thưa:

– Chúng tôi chỉ phiền là không có con.

Vị Đạo nhân dạy:

– Tôi sẽ vì trưởng giả mà cầu tự.

Trưởng giả nghe vậy rất vui mừng. Đạo nhân nói:

– Nếu có con, ông báo ân như thế nào?

Trưởng giả thưa:

– Nếu con khôn lớn, tôi sẽ cho ngài làm Sa-di.

Đạo nhân nói:

– Ông chớ quên lời nguyện trọng yếu này.

Sau đó, bà vợ vị trưởng giả có thai, sinh được hai người con trai giống nhau như đúc. Đến lúc đã tám, chín tuổi, Đạo nhân đi ngang qua, ghé vào thăm vị trưởng giả. Hai đứa bé vừa gặp, tự nhiên rất mừng rỡ, mến thương. Đạo nhân nói với trưởng giả:

– Đạo hữu còn nhớ lời nguyện trước đây không?

Vợ chồng trưởng giả không dám trái lời nguyện, liền dẫn hai con đến đánh lễ Sa-môn, xin theo thầy làm đệ tử.

Thầy dẫn vào núi chỉ dạy phương pháp tu hành. Nhờ hai chú bé đều siêng năng tinh tấn, sau cả hai đều được đạo quả A-la-hán. Họ thường ngồi trên tấm da cũ, ngày ngày nhập định. Khi tự quán sát

đời trước, liền biết tấm da này là thân cũ của mình đời trước, liền đứng dậy lễ tạ. Họ cũng biết được nhờ ân đức, năng lực của thầy nên mới được đạo.

Vì vậy chúng ta biết rằng: Tất cả năng lực hộ niệm của bậc Ân sư là vô cùng to lớn. Loài cầm thú mà phát thiện tâm còn được giải thoát; huống gì chúng ta chú tâm phát thiện nguyện mà không được giải thoát hay sao?



30- Ngày xưa, có một chú đồ tể muốn cúng dường người tu hành, nhưng vì nhà chú ấy làm nghề ác, dù cố tâm mà không có Đạo nhân nào đến viếng nhà. Sau gặp được một Sa-môn còn trẻ mà có oai nghi đáng kính, anh ta thỉnh vị ấy đến nhà cúng dường. Sau khi thọ trai xong, gia chủ phát nguyện thỉnh Đạo nhân đến nhà để xin cúng dường trọn đời. Đạo nhân chấp nhận, nên thường đến nhà thọ trai. Sa-môn tuy thấy việc sát sinh mà không dám can gián, quở trách.

Trải qua nhiều năm, sau đó người cha của chú đồ tể chết, bị đọa làm quỷ ở một dòng sông, thường dùng dao để tự cắt xẻ thân. Khi thân đã phục hồi, lại cắt xẻ nữa. Một hôm, Đạo nhân đi qua sông, con quỷ đến níu thuyền lại nói:

— Hãy bỏ Đạo nhân kia xuống sông thuyền mới có thể đi được!

Mọi người trong thuyền sợ hãi không biết sao,

nhưng quỉ lại nói tiếp:

– Nhà ta xưa nay cúng dường Đạo nhân kia, đã trải qua nhiều năm tháng mà ông ta không có lời quở trách, can gián ta làm việc sát sinh, nay mới chịu tai ương này. Ta rất giận, nên muốn giết ông ấy.

Người đi thuyền nói:

– Ông chỉ sát hại sinh vật mà còn phải chịu tai họa như vậy, huống hồ làm tổn hại Đạo nhân!

Quỷ nói:

– Tôi cũng biết như vậy, nhưng vì sân hận cho nên mới nói như thế. Nếu quý vị có thể vì tôi mà bố thí làm phước, kêu tên chú nguyện cho tôi, tôi sẽ buông thả cho quý vị đi.

Sa-môn và người trong thuyền nghe vậy đều hứa sẽ làm phước hồi hướng cho quỉ. Quỷ liền buông thả.

Đạo nhân về thiết lập trai hội, cúng dường chúng Tăng và kêu tên chú nguyện cho quỉ. Những người khác cũng lần lượt thiết lập trai hội cúng dường chú nguyện. Khi mọi người đã làm xong, đến bên sông gọi quỷ hỏi:

– Người đã được cảm ứng gì chưa?

Quỷ nói:

– Tôi nay đã bớt khổ, không còn phải tự hành hạ nữa.

Mọi người đã đi thuyền, nói rằng:

– Ngày mai chúng tôi sẽ cùng nhau vì ông thiết trai cúng dường chú nguyện. Vậy ông có thể đến được không?

Quý vui vẻ nói:

– Tôi sẽ đến được.

Sáng ngày mai, quý hóa làm một người Bà-la-môn đi đến trai hội, tự tay đem cơm cúng dường, tự nhận lời chú nguyện. Thượng tọa đại diện chúng Tăng, vì ông ta nói kinh. Quý nghe xong liền được đạo quả Tu-đà-hoàn, vui vẻ lạy tạ mà lui ra.

Do vậy người bồ thí, kẻ thọ thí đều phải đúng như pháp mà có lời can gián chính đáng. Ông ta nhờ phước cúng dường, cho nên bị đọa vào đường ác mà cũng còn có nhiều thiện duyên.

Luận rằng: Hiểu biết thiện tri thức là một nhân duyên lớn vậy.



31- Ngày xưa có một số thương khách ra biển để tìm châu báu, gặp một vị Long thần hình thù to lớn, làm cho thuyền chao đảo muốn đắm. Mọi người đều sợ hãi. Long thần nói:

– Các người có đi qua nước kia không?

Thương khách thưa:

– Chúng tôi có qua nước ấy.

Long thần đem một cái trứng lớn bằng cái bình, nặng năm thăng và bảo những người thương buôn:

– Các người đem trứng này đến đặt gần chợ của

nước kia, dưới một tàng cây lớn. Nếu các người không làm đúng như vậy, sau này ta sẽ giết các người.

Những thương khách kia hứa sẽ làm theo. Khi đã đến nước kia, họ tìm cách lén đặt trứng ở gần chợ, dưới gốc cây. Từ đó về sau, trong nước này gặp nhiều tai biến, tật dịch. Nhà vua cho mời đạo sĩ đến để suy đoán nguyên do tai nạn. Ông ta bảo:

– Có một cái trứng độc đang ở trong nước nên mới có thiên tai, tật dịch. Bệ hạ hãy cho người lục tìm, đốt bỏ đi, bệnh tật sẽ được dứt trừ.

Những thương khách sau đó trở về, đi ngang qua biển, gặp lại Long thần, ông ta hỏi họ việc ấy xảy ra như thế nào. Những thương khách nói:

– Trước đây, chúng tôi đã theo lời thần dạy, lén đặt cái trứng vào trong chợ, khiến cho trong nước ấy bị nhiều tật, dịch. Vua nước ấy triệu Phạm chí đến; ông ta bảo có trứng độc, phải tìm để thiêu đốt mới hết tật dịch.

Long thần bảo:

– Ta hận không giết bọn tôi tớ.

Các thương khách hỏi vị thần:

– Vì sao ngài giận ghét họ như vậy?

Long thần nói:

– Các người đã từng nghe ở nước kia có một chú bé rất dũng kiện tên ấy không?

Thương khách thưa:

– Chúng tôi có nghe danh, nhưng người ấy đã chết rồi mà!

Long thần bảo:

– Đó là thân trước của ta. Ta thời ấy khi còn sống ưa lẫn hiếp, hại người trong nước. Ngay từ đầu không ai dạy bảo, quở trách ta mà chỉ có khen ngợi ta mà thôi. Do lỗi lầm ấy mà nay ta phải đọa vào loài rắn độc, nên ta muốn giết hết họ vậy.

Vì chuyện này, cho nên chúng ta phải cố gắng can gián những sai lầm của người khác; luôn luôn sống thuận thảo với nhau. Cũng chớ nương vào những thế lực nhất thời để lẫn hiếp người, vì như thế sẽ phải chịu khổ đau, đọa lạc trong ba đường ác, làm thân quỷ thần, chỉ có thể nghe tiếng mà không thấy hình dáng ở đâu cả.



32- Ngày xưa ở nước Ba-la-nại, có năm trăm người mù đi xin ăn khắp nơi, gặp lúc đói kém rất khó kiếm thức ăn. Họ cùng bàn luận với nhau:

– Đức Phật hiện đang ở tại thành Xá-vệ, Ngài thường dạy người phải nhân ái và bố thí. Chúng ta hãy tìm đến nước đó, mới có thể kiếm sống được.

Sau đó họ tìm thuê một người để dẫn đường. Vị ấy chịu hướng dẫn với giá mỗi người mù phải trả một đồng tiền vàng, thì ông ta hứa sẽ đem họ đến nước đó.

Khi đến đoạn đường khó đi, người hướng dẫn

nói với những người mù:

– Con đường chúng ta sẽ đi qua rất nguy hiểm, các người đem tất cả tiền bạc giao cho ta. Nếu gặp giặc cướp thì ta sẽ cất giấu cho.

Những người mù nghe nói vậy, đều đem tiền bạc giao phó hết cho anh ta. Người kia khi đã có tiền bạc liền bỏ đi, các người mù đi quanh quẩn vài ngày, bị đói khát mà chẳng biết đường thoát thân. Với hoàn cảnh khó khăn như thế này họ chỉ biết hướng về Đức Phật và đều thành tâm khẩn nguyện:

– Đức Phật là Bạc Thần Thánh có nhiều năng lực. Xin Ngài thương xót chúng con, khiến cho chúng con thoát khỏi khổ nạn này.

Khi ấy Đức Phật vận thần thông hiện ra trước mắt họ, dùng tay sờ đầu, nhờ đó mà những người mù ấy đôi mắt liền được sáng tỏ, mà cũng không còn cảm thấy đói nữa. Khi được sáng mắt, năm trăm vị ấy quá vui mừng và đều phát tâm nguyện theo làm đệ tử. Đức Phật mở lòng Từ bi hứa khả, tất cả năm trăm vị ấy, râu tóc đều tự rụng, y pháp, bình bát tự có đủ, thành tướng Sa-môn. Đức Phật vì họ mà giảng nói giáo pháp. Sau khi nghe xong, tất cả đều chứng quả A-la-hán; vận thần thông bay theo Đức Phật, trở về tinh xá Kỳ hoàn. Tôn giả A-nan bạch với Đức Phật:

– Năm trăm vị này kiếp trước đã tạo tội gì? Tu phước gì mà phải gặp những hoàn cảnh đặc biệt

như vậy?

Đức Phật dạy:

– Đời trước rất lâu xa, có một vị trưởng giả thuê năm trăm vị ấy làm công. Họ đều đã lấy tiền trước nhưng không chịu làm, mà rủ nhau bỏ trốn. Đã trải qua nhiều đời, nay phải chịu tai nạn này vậy. Trưởng giả thời ấy nay là người lấy hết tiền của những người mù này mà vẫn bỏ họ để đi. Nhờ vậy, nợ kiếp trước được trả xong, gặp Ta khai ngộ cho, tất cả đều được đạo quả.

Tội, phước rõ ràng như vậy. Do con người tạo nghiệp không đồng, nên khi sinh ra ở đời, hoặc là đê tạo nghiệp, hoặc là để trả nghiệp. Chúng ta không thể không cẩn thận.



33- Ngày xưa, có hai người thân thích gần gũi và hiểu biết lẫn nhau nên không bao giờ trái ý, mất lòng nhau. Sau đó có một người phạm phải tội chết, liền chạy đến người thân kia để nương tựa. Người kia không đón tiếp, lại lạnh lùng hỏi:

– Người là ai?

Người phạm tội đáp:

– Ta là người quen thường lo lắng cho người đó. Nay có tội nên đến nhờ giúp đỡ.

Người thân kia nói:

– Khi bình thường là thân thích, người giúp đỡ ta, nhưng nay người gặp việc gấp thì phải tìm

đường mạnh ai nấy đi, không như lúc trước được.

Người phạm tội rất buồn, tự nghĩ: “Ta lúc bình thường cùng với nó thân cận tới lui, ăn uống, lo lắng cho nhau, không một phút xa lìa. Nay gặp khó khăn, sao đành lìa nhau, nó thật không phải là người bạn tốt!”

Người phạm tội kia buồn khổ đi vào trong núi, sau đó lại được gặp một vị Thiện tri thức, vị ấy lại vui vẻ đón mừng, mở cửa mời vào, tìm cách che chở và nói:

– Lúc trước người với ta tuy tình cảm sơ sài, nhưng nay người gặp khó khăn, ta sẽ đem người đến chỗ an ổn.

Vị ấy liền dùng xe chở nhiều của báu và tự mình đưa vị ấy đến một nước khác, dẫn đến gặp gỡ, thăm viếng, làm quen với vua chúa, trưởng giả, rồi vì ông ta mà tạo lập cung điện, nhà cửa, sắp xếp ruộng vườn, tiền bạc, vật báu, cung cấp cho đầy đủ tất cả rồi mới trở về.

Đức Phật thấy việc này đều có trong mỗi người chúng ta nên dẫn làm thí dụ. Kẻ lang lợi bị phạm tội ví cho tinh thần của con người chúng ta. Người bạn thân gần là ví cho thân tứ đại. Thiện tri thức là ví cho phước nghiệp của con người làm các công đức như giữ gìn Tam quy, Ngũ giới.

Người kia khi còn sống chỉ biết cung dưỡng thân tứ đại, thường đem đồ ăn uống ngon, áo mặc

đẹp, thuốc thang, chỗ ở, tạo điều kiện giúp đỡ cho thân không thiếu thốn. Khi vô thường đến phải đọa vào địa ngục ác thú, đến cầu xin thân tứ đại kia trốn tránh trong khoảnh khắc. Thân tứ đại lại lạnh lùng đóng cửa, không xem thân thích như trước nữa!

Sau gặp thiện tri thức, vị tri thức này đem đến nước khác, đưa vào chỗ an ổn, cung cấp đồ cần dùng không có thiếu sót, ví như người có Bồ thí, Trì giới, đến khi chết nhờ năng lực của phước đức dẫn đến cõi trời, ở trong cung điện bảy báu, mang áo đẹp, đồ ăn trăm vị của cõi trời tự nhiên đều có, vui sướng vô cùng.

Vì vậy cho nên người sinh ra ở đời chớ đặt nặng việc ăn uống, nuôi dưỡng bản thân, mà chúng ta phải nên cắt giảm tạo phước đức để dành cho đời sau. Nếu như chỉ biết nuôi dưỡng thân tứ đại đâu có lợi ích gì! Người hiểu biết nên thực hành như vậy.



34- Sau khi Đức Phật vào Niết-bàn một trăm năm có một ông vua phụng thờ Thiên thần, thường tổ chức cúng tế lớn, dùng đến bò, dê, heo, chó, gà, vịt ... mỗi loại hàng trăm con; tất cả đều giao phó cho vị phụ trách nhà bếp lo liệu. Trong các đầu bếp, có một vị đã thọ giới Ưu-bà-tắc. Ông ta nói với người giám sát việc bếp:

– Tôi phát nguyện trì giới của Phật, không thể làm việc giết hại.

Vị giám sát rất giận, đem câu phát biểu kia tâu với nhà vua, muốn vua trị tội người ấy. Khi gặp, vua hỏi:

– Nếu người cố ý trái lệnh ta, ta sẽ giết người.

Đầu bếp thưa:

– Tôi là đệ tử của Phật, đã phát nguyện giữ gìn năm giới, thà chịu mất thân mạng, không thể trái lời Đức Phật dạy mà làm việc sát hại. Nếu theo lệnh vua mà phạm giới sát, khi chết đọa vào địa ngục trải qua muôn vạn năm tội hết mới được ra khỏi. Nếu được sinh làm người cũng thường bị chết yểu. Trái lại, nếu biết giữ gìn giới không sai phạm, dẫu bị vua giết, khi chết sẽ được sinh lên cõi trời. Nếu được hưởng phước ở cõi đời, tất cả mong cầu đều tự nhiên có. Vì vậy, nay vì lệnh vua mà chết tôi sẽ được chuyển sinh lên cõi trời. Quả báo của việc tạo tội và làm phước cách nhau rất xa. Nay tôi dẫu có bị chết cũng chấp nhận, không thể phạm giới.

Vua nói:

– Ta cho kỳ hạn bảy ngày sẽ dùng voi đập chết người. Nếu người không chết, lời nói ấy mới có thật.

Sau bảy ngày đã hết, cư sĩ hóa như thân của Phật. Vua muốn nghiệm xem, cho năm trăm con

voi đến chà đạp. Ưu-bà-tắc như pháp của Phật dạy, vận lòng thành, đưa bàn tay lên, dùng năm ngón tay tưởng thành năm hòn núi lớn, ở khoảng giữa mỗi núi có một con sư tử xuất hiện. Voi thấy sư tử hoảng sợ, đều quỳ xuống đất như khi Đức Phật còn tại thế.

Nhà vua nhờ đó mới tin và biết có Phật. Sau đó vua ra lệnh bãi bỏ việc cúng tế, theo cư sĩ hướng dẫn, để được thọ giới của Phật. Quan lại, nhân dân cũng đều phát tâm theo thọ giới tu học. Vị cư sĩ này được vua tôn làm quốc sư.

Người hiền đức trì giới sẽ giúp ích được nhiều người như vậy.



35- Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế có một vị Ưu-bà-di sớm tối cúng dường Đức Phật, một lòng thành kính, chưa từng giải đãi. Đức Phật biết nên hỏi:

Phật tử có chí nguyện gì?

Cô ấy bạch Phật:

– Nếu con có phước báo, nguyện đời này sinh được bốn người con.

Đức Phật hỏi:

– Vì sao muốn sinh bốn người con?

Ưu-bà-di bạch Phật:

– Nếu có bốn người con, khi chúng đã khôn lớn; con sẽ cho một người chuyên buôn bán kinh

doanh kiếm tiền của, vật báu. Còn một người làm nghề nông, chăn nuôi gia súc, lúa gạo sẽ đầy bồ, lục súc tăng trưởng đầy nhà. Một người cho đi học, sau sẽ ra làm quan, ăn lộc vua, phúc âm che chở cho cả gia đình. Người con cuối cùng sẽ xuất gia làm Sa-môn, khi thành tựu đạo quả, trở lại độ cho cha mẹ và tất cả mọi người. Cầu mong sinh được bốn người con là có ý như vậy.

Đức Phật dạy:

– Người sẽ được như nguyện.

Vị Ưu-bà-di rất vui mừng, đánh lễ Phật lui ra. Sau này lập gia đình, cô ta chỉ sinh được một người con trai, thông minh sáng suốt. Người mẹ hết lòng mến thương ít ai so bằng.

Người con khi đã lớn khôn, thưa với mẹ:

– Vì sao mẹ để ý chăm sóc đến con nhiều như vậy?

Mẹ nói với con:

– Nguyên trước đây mẹ nguyện sinh được bốn người con, mà nay mẹ chỉ được có một mình con, nên tình thương và hy vọng của mẹ chỉ trông cậy nơi một mình con đó thôi.

Rồi mẹ nói hết ý muốn của mình cho con nghe. Người con nghe xong rất thông cảm ý nguyện của mẹ. Người con trai sau đó lúc đầu đi kinh doanh buôn bán làm ăn. Chưa đầy một năm mà tiền của dư dả bạc ức, bạc triệu. Tiếp đến, dùng tiền ấy mua

ruộng vườn, trâu bò, ngựa xe gia súc đầy đủ. Đến mùa thu hoạch lúa gạo rất nhiều. Khi đã dư dả tiếp tục học hành, sau được đỗ đạt ra làm quan, vinh quy bái tổ, cưới vợ sinh được con trai, thành một gia thế hào phú nhất trong vùng. Sau người con suy nghĩ: “Sở dĩ mẹ ta mong sinh được bốn người con để mỗi người làm một việc. Nay ta thay thế đã làm xong hết ba việc. Chỉ còn một việc chưa xong. Nếu được xuất gia tu học nữa thì quá tốt đẹp. Mẹ hiền sẽ nói: Ý nguyện sinh bốn người con đã được trọn vẹn.”

Trong tâm người mẹ cũng nghĩ: “Vốn trước đây ta mong sinh bốn người con để giao phó cho mỗi người một việc mà còn lo sợ làm không xong. Việc làm của con ta bây giờ hơn cả điều mong mỗi lúc trước. Nếu con ta được xuất gia tức có thể thành đạo.”

Sau đó anh ta phát tâm xuất gia, cha mẹ, gia đình đều hoan hỷ. Anh hướng về Đức Thế Tôn nguyện làm Sa-môn tinh tấn tu hành, không bao lâu liền được đạo quả A-la-hán, trở lại độ thoát cha mẹ, gia đình và tất cả mọi người đều được phước đức, được đạo quả, ai ai cũng đều hoan hỷ vô cùng.

Vì vậy cho nên khi làm phước phải phát nguyện, biểu lộ ý chí ở bên trong thì không nguyện gì mà không được thành tựu.



36- Ngày xưa có một bà lão chỉ có một người con đã lớn, sau do bị bệnh mà chết, bà mang tử thi con để ở gò mả. Vì quá thương con, làm mất tự chủ, bà than:

– Ta chỉ có một người con để an ủi thân già, nay nó đành bỏ ra đi, ta làm sao có thể sống mà trở về một mình cho được!

Bà ấy tính sẽ cùng chết chung với con nên không ăn uống đã bốn, năm ngày rồi. Đức Phật biết được, vì lòng từ bi dẫn năm trăm thầy Tỳ-kheo đi đến chỗ gò mả. Bà lão thấy Đức Phật từ xa đi đến, oai thần sáng chói, như người đang mê được ngộ, như say chợt tỉnh, liền đi đến chỗ Đức Phật đang trú, đánh lễ đứng qua một bên. Đức Phật hỏi bà lão:

– Bà cụ đến đây có việc gì?

Bà ấy thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con chỉ có một người con duy nhất mà nay đã chết. Vì thương con nên con cũng muốn chết theo!

Đức Phật bảo bà lão:

– Chắc bà muốn con sống phải không?

Bà ấy thưa:

– Nếu con tôi sống lại được thì tốt quá!

Đức Phật dạy:

– Bà hãy đi lấy lửa thắp hương để ta chú nguyện, may ra nó sống lại.

Ngài lại dạy:

– Nên đến lấy lửa nơi nhà nào xưa nay chưa có ai chết.

Khi ấy bà đi tìm lửa, gặp nhà nào cũng hỏi:

– Nhà này xưa nay chưa có ai chết phải không?

Nhà nào họ cũng đều đáp như nhau:

– Từ ông bà, tổ tiên, con cháu nhà nào mà khỏi có người chết!

Trải qua cả mười nhà mà bà cũng chưa lấy được lửa, liền phải trở về chỗ Phật, bạch lại với Ngài:

– Thưa Đức Thế Tôn, con đi khắp xin lửa, nhưng không có nhà nào là không có thân nhân đã chết, cho nên con không lấy lửa được.

Đức Phật dạy:

– Từ thuở khai thiên lập địa cho đến nay, không có ai sống mà không chết. Người trước có chết thì người sống mới có chỗ để sinh hoạt thuận tiện. Riêng bà sao lại không biết mà đòi chết theo con?

Khi nghe dạy như vậy, tâm bà được cởi mở, rõ được lý vô thường. Đức Phật nhân đây nói pháp cho bà nghe. Nhờ nghe pháp bà liền được đạo quả Tu-đà-hoàn. Tại chỗ gò mả cao này có vài ngàn người đến xem, nhân đó nghe được pháp cũng đều phát tâm Vô thượng chánh chân đạo lý.



37- Ngày xưa có một người đàn ông có hai vợ. Người vợ lớn không có con; người vợ nhỏ sinh

được một người con trai rất xinh đẹp, dễ thương nên bà rất vui mừng.

Người vợ lớn trong tâm rất ganh ghét, nhưng bên ngoài giả mến thương như con ruột của mình. Chú bé khi được một tuổi, trong nhà ai cũng biết bà vợ lớn luôn tỏ vẻ thương mến chú bé, nên không ai còn nghi ngờ gì. Lúc ấy bà vợ lớn mới ra tay. Bà dùng một cây kim nhỏ đâm vào tai thật sâu, lấp dưới da thịt của chú bé. Đứa bé đau đớn kêu khóc, bỏ bú, nhưng mọi người trong nhà không ai biết lý do. Bảy ngày sau nó chết, bà vợ lớn cũng khóc. Riêng bà vợ nhỏ vì nghĩ nhớ thương con, buồn khóc suốt đêm không dứt, nằm dài không ăn uống.

Về sau bà nhỏ biết bà lớn làm hại chết con mình, liền tìm cách báo thù. Bà đi đến chùa, tháp hỏi thăm các thầy Tỳ-kheo:

– Thưa các Đại đức, người mong cầu thực hiện ý nguyện, nên tu công đức gì?

Các thầy dạy:

– Muốn đạt thành chí nguyện nên thọ trì giới Bát quan trai, chỗ mong cầu sẽ được như ý.

Cô ta cùng Phật tử khác, đến quý thầy xin thọ giới Bát quan trai. Khi đã xả giới trở về nhà, bảy ngày sau thì chết, đời sau thọ sinh làm con bà vợ lớn.

Bà lớn sau này, sinh được một người con gái

rất dễ thương, nhưng chỉ được một tuổi đứa bé ấy chết. Bà lớn quá buồn thương, kêu khóc đau đớn còn hơn nỗi khổ của bà vợ nhỏ.

Như vậy bà nhỏ chết đi rồi trở lại làm con bà lớn tới bảy lần, hoặc sống chỉ hai năm, ba, bốn, năm, sáu, hoặc bảy năm. Mỗi lần sinh trở lại đều đoan chánh, tốt đẹp hơn lần trước. Sau cùng, bà lớn sinh một bé gái được mười bốn tuổi đã hứa hôn với người, chỉ bệnh trong một đêm, sáng ra đã chết. Bà lớn khóc lóc, buồn đau không thể tả bỏ ăn bỏ uống, suốt đêm kêu khóc, rơi lệ tiếc thương; cố giữ thầy con ở trong hòm không cho đặt nắp, hàng ngày nhìn ngắm tiếc thương. Đặc biệt sắc mặt cô bé khi chết mà còn đẹp hơn lúc còn sống.

Hơn hai mươi ngày sau có một vị A-la-hán thấy tình cảnh như vậy, thương xót cố đến để hóa độ. Ngài đi đến nhà để khát thực. Bà sai người giúp việc đem cơm cúng dường. Ngài không chịu thọ nhận mà nói với người ở:

— Ta muốn gặp bà chủ của người.

Người giúp việc vào nhà thưa:

— Vị ấy muốn gặp bà chủ.

Bà ấy nói:

— Ta buồn đau muốn chết, làm sao có thể ra gặp Sa-môn? Người vì ta đem vật thực cúng, rồi mời họ đi.

Người giúp việc đem vật thực cúng Sa-môn,

nhưng ngài vẫn cố không chịu đi. Sa-môn nói:

– Ta chỉ muốn gặp chủ nhân.

Cứ như vậy người giúp việc phải đi vào, đi ra vài ba lần, mà vị Sa-môn vẫn không chịu đi. Bà ấy sầu lo không biết tính sao.

Vị Sa-môn cứ đứng ở đấy, không chịu đi, làm loạn ý định của bà. Không còn nhẫn nại được, bà liền nói với người giúp việc:

– Hãy ra mời Sa-môn vào.

Khi vị Sa-môn đi vào, thấy bà ta nhan sắc tiêu tụy, đầu tóc rối bù, rũ xuống che lấp cả mặt. Sa-môn nói:

– Bà vì sao mà phải như thế này?

Bà ấy nói:

– Tôi trước sau sinh được bảy người con gái, sáng suốt, dễ thương, nhưng đều chết yểu hết, còn riêng người con gái sau cùng này đã lớn, sắp đến tuổi cài trâm lại cũng vừa mới chết, khiến tôi quá buồn khổ.

Vị Sa-môn nói:

– Hãy sửa tóc, rửa mặt đàng hoàng, tôi sẽ nói chuyện cho bà nghe.

Bà ấy cứ khóc không chịu dừng. Sa-môn gọi bà ấy nói:

– Người vợ nhỏ của nhà này nay ở đâu? Người con trai của bà ta vì sao mà phải chết?

Bà ấy khi nghe hỏi như vậy mới suy nghĩ: “Vị

Sa-môn này vì sao mà biết được?”. Trong lòng bà hơi sợ hãi, e ngại. Sa-môn nói tiếp:

– Hãy mau sửa soạn cho đàn ông, ta sẽ vì người nói rõ cho mà nghe.

Sau đó bà đã chịu vén dọn đầu tóc gọn gàng xong, vị Sa-môn lại hỏi lại:

– Bà biết con trai của bà vợ nhỏ vì sao mà chết?

Bà vợ lớn khi nghe hỏi thế, chỉ biết im lặng, không trả lời được, trong lòng hồ thẹn, không dám thưa.

Vị Sa-môn nói tiếp:

– Người giết con trai người ta. Bà mẹ của nó buồn rầu áo não mà phải chết, cho nên nó cố đến làm con của người trước sau bảy lần, đó là kẻ oan gia. Bà nhỏ muốn dùng việc ưu phiền, khổ độc, để giết hại người. Bà bây giờ thử đến xem người con gái đã chết ở trong quan tài, để biết cô con gái cung của người bây giờ như thế nào?

Bà ấy đến xem, thấy thân con hư hoại, rã rời, hôi hám không thể đến gần. Sa-môn hỏi:

– Bà đã thấy và hiểu chưa? Vì sao bà còn có tâm nghĩ đến?

Bà vợ lớn rất hồ thẹn, liền sai người khiêng thây thối chôn gấp. Lúc ấy bà tỉnh ngộ, theo thầy Sa-môn cầu xin thọ giới. Thầy Sa-môn dạy:

– Sáng ngày mai, hãy vào chùa làm lễ.

Người con gái đã chết liền thọ thân rắn độc, biết

bà vợ lớn đang đi xin thọ giới, nó nằm sẵn ở đường để đợi cắn chết bà ấy. Bà vợ lớn sáng mai đi đến chùa, con rắn bò ra chặn đường không cho bà đi. Trời đã sáng, bà ấy rất sợ, suy nghĩ: “Ta muốn đến chùa gặp Sa-môn, ngài đã hứa cho thọ giới, con rắn này vì sao ngăn cản, không cho ta đi?”

Vị Sa-môn biết được việc đó, liền đi đến chỗ ấy. Khi đã thấy ngài đến, bà rất mừng, liền tới trước làm lễ. Thầy Sa-môn nói với con rắn:

– Người nhiều đời làm vợ nhỏ của người khác, cùng nhau tạo nghiệp ác độc không thể cùng tận. Nay người sinh ra ở đời bị bà lớn giết con, nhưng bà ấy đã khổ não vì bảy lần mất con. Những lỗi lầm của người từ trước đều có thể độ được. Bây giờ bà ấy phát tâm đi thọ giới mà người có ý xấu ác cố chặn đường. Việc làm này của người nếu không ăn năn sẽ đời đời đọa vào địa ngục, không có ngày ra khỏi. Nay người bị làm thân rắn độc, là loài súc sinh, so ra đâu bằng bà này đang được thân người?

Con rắn khi nghe được Sa-môn dạy như thế, mới sực nhớ đời trước của mình, phiền não oán hận mới được dẹp bớt, gục đầu trên đất không dám thở, suy nghĩ lời của Sa-môn vừa dạy. Thầy Sa-môn chú nguyện:

– Nay hai người nhiều đời đã làm khổ não cho nhau, lỗi lầm ấy đến nay nên chấm dứt. Từ nay về sau đừng dùng ác ý mà hại nhau nữa.

Người và rắn đều tỏ lòng ăn năn, sám hối. Con rắn liền chết, được sinh trở lại làm người. Bà lớn khi nghe thầy Sa-môn dạy như vậy, tâm được khai ngộ, ý hiểu rõ, rất vui mừng, liền được đạo quả Tu-đà-hoàn, theo thầy Sa-môn vào chùa thọ giới, làm vị Ưu-bà-di.

Do đây chúng ta nên biết: Con người đối với nhau nếu sinh ác ý, tạo tội, tạo ác nghiệp thì oan gia sẽ trở lại đối đầu với nhau mãi mãi, chúng ta không thể không cẩn thận.



38. Ngày xưa, ở nước Xá-vệ, buổi sáng có một cơn mưa máu rưới xuống, ngang rộng bốn mươi dặm. Vua và quần thần đều lấy làm lạ và rất sợ hãi. Vua cho mời các đạo gia có pháp thuật và các nhà chiêm tinh đến, đoán thử xem hiện tượng này hiền hay dữ. Có chiêm tinh gia thưa:

– Ở sách xưa có ghi: “Tai họa của mưa máu là sẽ sinh người trăn, một loài ác độc.” Phải tìm khắp trong nước cho ra người ấy, để tách riêng, phòng ngừa tai họa.

Vua nói:

– Vì sao phải tách riêng?

Chiêm tinh gia biết việc này, nói:

– Đây là người rất độc hại khó có thể lường được.

Khi ấy vua ra lệnh cho những đứa bé mới sinh,

người mẹ phải bồng triệu tập về đây, dùng một cái bình trống, bảo mấy chú bé nhỏ nước miếng vào trong đó. Nếu có chú bé nào nhỏ vào bình liền thành lửa bốc cháy, như vậy sẽ biết đứa bé ấy là người trăn.

Khi đã khám phá ra người trăn rồi, vua tôi cùng bàn: “Nên đem nó đến chỗ vắng người, trong nước có người đáng chết, mới đưa đến đó, người trăn sẽ nhả độc giết chết.” Như vậy trước sau những người có tội bị người trăn giết chết là bảy vạn hai ngàn người.

Sau đó ở trong nước có một con sư tử xuất hiện, tiếng rống của nó vang xa bốn mươi dặm, người và vật nghe đều sợ hãi. Nó hung dữ, tàn hại, không ai chế phục nổi. Nhà vua lo sợ, chiêu mộ người tài năng trong nước, ai có thể trừ khử sư tử sẽ được tặng ngàn vàng và được phong cho một huyện, nhưng không ai dám hưởng ứng. Các quan tâu với đức vua:

– Thưa, chúng ta dùng người trăn mới có thể trừ khử được.

Vua ra lệnh cho sứ giả đến bảo với người trăn nên trừ khử con sư tử hung ác kia. Người trăn chấp nhận.

Khi người trăn đi đến chỗ sư tử ở, nó thấy sư tử từ xa, liền đi thẳng đến trước đầu, sư tử chưa kịp hành động, đã bị người trăn cắn, dùng khí độc thôi

vào, sư tử bật ngựa chết ngay. Từ đây nạn dữ đã qua, nhân dân an lạc.

Sau này người trăm tuổi đã già lại hay bệnh, mạng sống không còn bao lâu nữa. Đức Phật thương cho người trăm đã tạo tội, một khi đã bị đọa vào đường ác thì rất khó mà được ra khỏi. Cho nên Ngài dạy Xá-lợi-phất:

— Người nên đến khuyên hóa người trăm để khiến cho nó thoát khỏi tội nặng phải đọa lạc lâu dài sau này.

Ngài Xá-lợi-phất liền đi đến nhà người trăm, vận năng lực thần thông, đứng ngay trước mặt nó. Người trăm nổi giận nghĩ: “Ta chưa chết mà vị ấy dám coi thường, vào cửa không báo trước, lại đi thẳng đến trước mặt ta.” Nó liền phóng khí độc để hại ngài. Tôn giả Xá-lợi-phất dùng năng lực Từ bi mà đẩy khí độc ấy ra, gương mặt ngài càng sáng đẹp, một mảy lông cũng không động. Nó tiếp tục ba lần phóng độc khí mà không có thể hại được ngài. Người trăm biết đây là bậc Tôn quý, nhiều năng lực nên ác ý liền tiêu tan, niệm lành sinh khởi, dùng tâm hiền từ quan sát, chiêm ngưỡng ngài Xá-lợi-phất đến bảy lần. Ngài giảng dạy Phật pháp cho nó rồi trở về tinh xá.

Sau đó người trăm trút hơi thở cuối cùng, khi ấy trời đất có chuyển động lớn. Hiền thiện đứng mức cũng chấn động trời đất. Tọa ác to lớn cũng chấn

động như vậy.

Lúc đó có vua nước Ma-kiệt đi đến thăm viếng Đức Phật, cúi đầu đánh lễ, thưa:

– Người trần khi mạng chung, sẽ sinh vào cõi nào?

Đức Phật dạy:

– Nay người ấy đã được sinh lên cõi trời thứ nhất.

Vua nghe Đức Phật dạy như vậy lấy làm lạ, liền hỏi Đức Phật:

– Kẻ giết người, tạo tội như thế, làm sao lại được sinh lên cõi trời?

Đức Phật dạy:

– Do người kia khởi sinh tâm lành, chiêm ngưỡng toàn thân Xá-lợi-phất bảy lần. Nhờ công đức này mà được sinh lên cõi trời thứ nhất. Khi thọ mạng hết, lại được sinh lên cõi trời lần thứ hai, được sinh lên cõi trời bảy lần như thế. Sau cùng sẽ được quả Bích-chi-phật mà vào Niết-bàn.

Vua bạch Đức Phật:

– Tội đã giết bảy vạn hai ngàn người không thường mạng sao?

Đức Phật dạy:

– Khi ông ta chưa chứng quả Bích-chi-phật, thân ấy sắc vàng, đẹp như vàng ròng. Khi đang ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây bên đường, nhiếp tâm nhập định. Lúc ấy có một toán quân rất đông, có

đến hơn bảy vạn người đi qua thấy Bích-chi-phật cho là người bằng vàng liền lấy tượng ấy, dùng kiếm chặt phân nhỏ ra định nhau chia, nhưng xem kỹ lại thì chỉ là thịt, tất cả đều hối hận, trả gom thịt ấy trở lại một chỗ rồi bỏ đi. Bích-chi-phật nhân đấy mà vào Niết-bàn. Tội lỗi tạo đời nay, đến khi đó gom lại để thường mạng là xong vậy.

Đức Phật dạy vua:

– Gặp được bậc Thiện tri thức, dù chứa tội lớn như nước cao cũng có thể tiêu trừ được, mà nếu chịu khó tu hành còn có thể đạt đến đạo quả.

Khi nghe Đức Phật dạy như vậy, vua và toàn thể đại chúng đều rất hoan hỷ, lễ Phật mà lui ra.



39- Ngày xưa có một thầy Sa-môn thường ngồi bên gốc cây tụng kinh, có chim bay đến đậu trên cây nghe kinh. Trong đó, có một con chim chuyên tâm nghe kinh, không nhìn bên phải, ngó sang bên trái, bị thợ săn bắn chết. Con chim này khi bị chết, tâm của nó không tán loạn, thần hồn liền sinh lên cõi trời, tự suy nghĩ: “Ta nguồn gốc từ đâu sinh lên đây?”. Khi đã biết rõ đời trước của mình, vị ấy liền trở lại dùng hoa trời rải dưới gốc cây, chỗ vị Sa-môn ngồi. Vị trời nói với thầy Sa-môn:

– Con nương nhờ ân phước, đến lắng nghe Đạo nhân tụng kinh, nên khi bỏ thân chim, được sinh lên cõi trời.

Thầy Sa-môn khi nghe tiếng nói của vị trời mà đời trước là chim, liền được dấu vết của đạo, trong khoảnh khắc không còn hiện thân. Vị trời trở về Thiên cung.

Thầy dạy: Người học đạo, khi mạng sống sắp hết, nếu tâm không tán loạn, đời sau sẽ không đọa vào đường ác, đau khổ; mà còn nhớ được đời trước của mình từ đâu sinh ra, có thể nói lại nhân duyên đời trước của mình để chỉ bày cho người sau vậy.



40- Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, cách tinh xá Kỳ hoàn bảy dặm, có một ông lão rất khỏe, thường uống rượu. đệ tử Đức Phật là thầy A-nan, đến khuyên can:

– Nay Đức Phật đang ở gần đây, ông nên đến bái kiến Ngài.

Ông lão nói:

– Tôi nghe Đức Phật ở gần đây, ý muốn đến bái kiến Ngài. Đức Phật khéo dạy truyền trao năm giới cho người, trong đó có giới không được uống rượu. Nhưng tôi không uống rượu như trẻ nhỏ không được uống sữa, sẽ chết. Vì tôi cảm thấy không chịu được, nên không dám đến.

Sau đó, ông ta lại đi uống rượu say mèm, trên đường trở về nhà, gặp gốc cây, dùng chân đá mạnh vào, ý muốn cho tróc gốc cây lên. Ông ta liền bị té nhào xuống đất như núi lớn sụp đổ, toàn thân trầy

trua, sung bầm đau nhức. Ông tự nói thầm: “Ta uống rượu say sưa, kết quả là sự đau đớn này, có khoái thích gì đâu? Ngài A-nan thường khuyên ta đến viếng Đức Phật, ta không chịu vâng lời. Nay thân ta chịu đau đớn không thể tả, thật đáng ân hận!”

Nghĩ xong, ông liền gọi mọi người lớn nhỏ trong nhà, nói:

– Ta nay muốn đến viếng Đức Phật.

Trong nhà ai nghe qua cũng đều kinh ngạc, vì ông xưa nay phản đối đi gặp Phật, nay sao ông lại muốn đến thăm. Ông ta nói rồi liền ra đi, đến dừng ở trước cửa tinh xá Kỳ hoàn. Khi ấy Tôn giả A-nan thấy ông lão đứng đó, ngài vội vã đến bạch với Đức Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, cách Kỳ hoàn bảy dặm có một ông lão đến muốn gặp Đức Điều Ngự, đang đứng đợi ngoài cửa.

Đức Phật dạy:

– Ông lão không thể tự đến, năm trăm voi trắng cố sức dẫn đến đây.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Thưa, con không thấy năm trăm voi, chỉ thấy ông ta đi một mình.

Đức Phật dạy thầy A-nan:

– Năm trăm voi trắng là thiện căn ở trong thân tâm của ông ta.

Khi ấy Tôn giả A-nan gọi ông vào, ông đến trước Phật đánh lễ rồi thưa:

– Con lâu nay nghe Đức Phật ở đây, do vì ngu si che lấp, không chịu sớm đến để chiêm ngưỡng, mong Ngài tha thứ, diệt trừ tội lỗi cho con.

Đức Phật hỏi ông ta:

– Có năm trăm xe cũi chất thành một đồng lớn trên đất, muốn đốt hết, nên dùng bao nhiêu xe chở lửa?

Ông lão bạch Phật:

– Thưa, không cần dùng nhiều lửa, chỉ một đóm lửa như hạt đậu, trong khoảnh khắc sẽ cháy hết.

Đức Phật lại hỏi:

– Ông mặc áo này bao lâu rồi?

Ông lão thưa:

– Con mặc áo này đã một năm.

Đức Phật hỏi ông ta:

– Muốn giặt cái áo này cho sạch, cần thời gian bao nhiêu năm?

Ông lão thưa:

– Chỉ cần một đầu tro tốt, hòa với nước, giặt trong chốc lát liền sạch.

Đức Phật dạy:

– Tội của ông chất chứa cũng như năm trăm xe cũi, lại cũng như cái áo cũ một năm bị dơ của ông

vậy.

Ông lão nghe Đức Phật dạy, hiểu được liền xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo và phát nguyện thọ trì năm giới. Khi ấy Đức Phật vì ông ta mà giảng pháp hơn vài trăm lời. Nghe xong, đột nhiên tâm ông được cởi mở, liền được vào địa vị Bất thoái chuyển.



41- Ngày xưa, sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn một trăm năm, có đức vua tên là A-dục. Ông rất kiêu sa tạo cung điện, nhà cửa ngang rộng đến mười dặm. Sau khi xây dựng xong, vua triệu tập các nhà điêu khắc, họa sĩ giỏi ở các tiểu quốc đến, ra lệnh cho họ tùy chỗ thích hợp mà đắp vẽ các hình tượng cho tuyệt đẹp.

Ở phía Bắc nước Kế tân có một nước nhỏ. Vì ở xa nên họa sĩ được đưa đến là người sau cùng. Anh ta nhìn xem trong cung điện, thấy khắp nơi trên vách, các họa phẩm và điêu khắc đều đã lấp đầy tất cả. Duy chỉ còn một tấm vách rộng năm thước ở một bên gần cửa ra vào là chưa đắp vẽ. Lại nhìn xem cảnh vật, anh ta đang phân vân, không biết sẽ vẽ gì đây? Ông tự suy nghĩ: “Ta trên đường về đây, có đi ngang qua một thị thành nhỏ. Ta thấy ở bên thành ấy có một ao nước, trong ao nước có hoa sen nở đầy. Đứng bên hồ ao có một người con gái rất đoan chánh, xinh đẹp, có tướng xứng đáng làm mẹ

trong thiên hạ.”

Đã hồi tưởng như thế, họa sĩ liền dùng bút mực vẽ hình ảnh thành trì ao sen, có hoa đang nở đẹp và cuối cùng là hình tượng người con gái. Vừa vẽ xong thì nhà vua cũng vừa đi đến. Ông chưa vào cung điện đã thấy họa phẩm ngay này. Vua hỏi người cận vệ:

– Người nào vẽ bức tranh này?

Người hầu thưa:

– Thưa, có một họa sĩ đến sau vừa vẽ xong.

Vua cho người mời họa sĩ đến. Vua hỏi người họa sĩ kia:

– Bức họa này người thấy hình thật mà vẽ hay tưởng tượng mà vẽ?

Vị họa sĩ đáp:

– Thưa, hạ thần nhân thấy thật mà tạo hình, chứ không phải tưởng tượng.

Vua hỏi:

– Người chỉ như hình thật mà tạo tượng, hay có vẽ vờ thêm cho đẹp?

Vị ấy thưa:

– Thưa, thần không dám vẽ vờ thêm, mà chỉ vẽ đúng như thật.

Vua nhìn tượng biết người con gái này biết có thể làm mẹ trong thiên hạ. Sau đó vua sai sứ đi tìm người đẹp ấy về làm hoàng hậu. Sứ giả vâng lệnh đi đến nước kia. Khi gặp cha mẹ của cô gái, sứ giả

thưa:

– Vua sai chúng tôi đến đây mời rước hiền nữ của ông bà về làm hoàng hậu.

Cha cô gái nói:

– Con tôi đã gả đi lấy chồng rồi, làm sao đây?

Sứ giả liền đi đến nhà người chồng của cô gái và nói:

– Đức vua sai chúng tôi đi rước cô này, đường xa cách trở, ba năm mới đến được đây. Nếu anh chấp nhận vua là bậc chí tôn thì anh không nên thương tiếc, mà phải nhường vợ cho đức vua.

Người chồng này là một Ưu-bà-tắc, anh tự suy nghĩ: “Con người thường vì tài sắc mà phải bị tổn thương nguy hiểm đến thân mạng. Nay nếu ta không chấp nhận thì có thể ta và cả thân thuộc sẽ bị hại.” Đã suy nghĩ như thế nên anh đành đem vợ giao cho sứ giả.

Khi sứ giả trở về, dẫn cô gái ấy đến gặp vua, nhà vua rất vui mừng, liền mở yến tiệc phong làm hoàng hậu.

Một hôm, hoàng hậu gặp bình hoa sen thơm đẹp, không đành được lòng thôn thức liền bật khóc, nước mắt ràn rụa. Nhà vua thấy vậy, hỏi:

– Vì lý do gì mà ái khanh phải khóc?

Hoàng hậu thưa:

– Nếu đức vua tha thứ tội cho thì thần thiếp mới dám thưa.

Vua bảo:

– Ái khanh cứ nói.

Hoàng hậu thưa:

– Hoa này có mùi hương tựa như mùi thơm nơi thân của người chồng cũ. Vì lý do đó mà thần thiếp khóc vậy.

Vua giận nói:

– Khanh bây giờ là mẫu nghi của thiên hạ, vì sao còn nghĩ đến kẻ bản tiện? Như vậy, ta sẽ giao cho thái hậu có cách sửa trị người. Nhưng ta cũng cho sứ giả tìm gặp người chồng cũ để biết mùi thơm ấy thực hư như thế nào. Nếu không thành thật thì ta sẽ trị sau.

Khi sứ giả đến thăm hỏi nhà người chồng cũ kia, người nhà thưa:

– Vị hiền giả khi đã nhường vợ, anh ta đến thưa với cha mẹ xin xuất gia làm Sa-môn, nay đã được đạo quả A-la-hán.

Sứ giả đến chỗ Đức Phật xin gặp Sa-môn và thưa:

– Vua muốn gặp và xin cúng dường Đạo nhân.

Vị Sa-môn nói:

– Ta vốn không thật có, lấy gì để gặp ta?

Sứ giả thưa:

– Đức vua muốn cúng dường Đạo nhân.

Sa-môn theo sứ giả về cung, được dẫn vào yết kiến đức vua. Khi vua đã gặp Sa-môn, mùi trong

thân của vị này còn thơm hơn cả hương của hoa sen. Vua cũng còn nghi là vị này có thể dùng dầu thơm thoa vào thân, nên ra lệnh đem nước ấm cho ngài tắm. Nhưng khi tắm xong, mùi thơm lại càng tăng thêm. Vua lại ban lụa mới để thế y cũ. Khi đắp vào, mùi thơm trong thân tỏa ra gấp bội. Lúc đó, vua mới chịu tin, thưa với Sa-môn:

– Ngài do nhân duyên gì mà mùi thơm đặc biệt như vậy? Xin ngài trình bày cho tôi được rõ.

Sa-môn thưa:

– Tôi đời trước thuộc dòng dõi Bà-la-môn. Từ xa thấy có Đạo nhân đang nói kinh, tôi liền chấp tay, vui vẻ đến lắng nghe và hết lòng tán dương vị Bồ-tát ấy, lại còn dùng một ít hương thơm đốt xông cúng dường. Do nhân duyên này, cho nên nay được phước báo thân có mùi thơm và cũng được đạo quả vậy.



42- Ngày xưa có hai cha con cùng ở chung một nhà thường đi vào núi chặt cây, phát rừng. Họ thấy dưới suối nước có vật gì óng ánh như vàng. Khi trở về nhà, người con xin cha đi đãi vàng. Nó thưa:

– Con không dùng các vật khác, tất cả đều để lại cho cha, chỉ cho con một xe bò, hai hộc gạo, một ít cỏ khô và một cái rìu chặt cây.

Người cha không cho đi, nhưng can gián một vài lần không được, người cha phải tùy thuận

nhưng nói:

– Người chớ trở lại nhà này nữa.

Người con đi vào núi cố đào tìm dải vàng ở trong nước, ngày nào cũng làm mà không được gì cả. Người cha không yên tâm, đi đến xem cố quan sát xem thử vàng kia đúng vị trí của nó là ở đâu? Ông ngược nhìn lên núi, thấy vàng nằm ở triền núi, do đó mà có bóng hiện ở dưới suối. Người cha liền leo lên núi, dùng cây sào dài thông xuống, đẩy những thỏi vàng rơi xuống đất.

Người cha nói với con:

– Con đã biết phương pháp tìm vàng là thế nào chưa? Đâu phải chỉ đào tìm bóng dáng dưới nước, thì đời nào có vàng được?

Người con không biết cách tìm vàng là chỉ cho người không trì năm giới, chỉ chạy theo âm thanh sắc tướng. Đời sau thân người dễ gì gặp lại được.

Người cha chỉ cho cách tìm vàng phải biết xem xét tận nguồn ngọn của nó. Cũng như người thọ trì năm giới do Phật chỉ dạy, lại thêm thực hành mười điều lành, sau được sinh lên cõi trời. Còn không thì thân người đời đời không mất, thường tinh tấn tu hành cũng sẽ được thành tựu quả Phật.



43- Ngày xưa vua trời Đế Thích rất thân thiện với vị trời Phạm thiên thứ bảy. Thời ấy Phạm thiên xuống cõi trời Đao-lợi để cùng Đế Thích vui chơi.

Thấy Đế Thích không vui, Phạm thiên hỏi:

– Vì sao ngài không được vui?

Đế Thích nói:

– Ngài có thấy chư Thiên trên cõi trời chúng ta lúc này bị giảm bớt đi không? Ở cõi dưới, mọi người không chịu làm việc thiện, đều bị đọa vào đường ác, khó sinh lên được. Còn các vị trên cõi trời, sinh xuống nhân gian, ít người được trở lại. Vì vậy cho nên tôi buồn.

Trời Phạm thiên nói với Đế Thích:

– Tôi đề nghị như thế này, ngài hóa làm một con sư tử rất hùng mạnh, còn tôi hóa làm Bà-la-môn. Chúng ta xuống cõi Diêm-phù-đề cùng dạy người trong thiên hạ làm việc lành. Nếu họ biết làm việc thiện, sau khi chết sẽ được sinh lên cõi trời.

Bàn luận xong, hai vị liền biến hóa, cùng nhau hiện xuống một nước nọ. Sư tử đi đến đứng trước cửa thành, nói:

– Ta muốn có người để ăn thịt.

Mọi người nghe nó nói như vậy đều rất sợ hãi. Tất cả đến trước sư tử cúi đầu vái lạy, cầu xin mà nó cũng không chịu đi. Khi ấy vị Bà-la-môn nói với nhân dân trong nước:

– Con sư tử này rất hung dữ, nếu đem tội nhân đáng chết khoảng ba mươi người cho nó, thì nó sẽ đi.

Vua nước ấy nghe như vậy, liền xuất ngục đem

ba mươi người phạm tội đáng chết, nạp cho sư tử. Sư tử khi nhận được người, lừa họ đi vào trong núi, nhưng chưa ăn người nào. Vị trời hóa làm Bà-la-môn nói với mọi người:

– Các vị lúc này nên thọ trì năm giới và nhớ đến mười điều lành, làm cho thân, miệng, ý được thanh tịnh thì con sư tử này sẽ không dám ăn quý vị đâu.

Mọi người cùng thưa:

– Chúng tôi sẽ phải bị chết, ở đây còn ai biết để dạy chúng tôi làm lành đâu? Nếu được, xin ngài dạy cho chúng tôi.

Khi ấy tất cả đều xin theo Bà-la-môn biến hóa ấy để thọ giới, nghe dạy việc lành. Nhờ vậy mà sư tử không ăn thịt. Sư tử nói:

– Các vị biết cái ác làm lành, ta để cho các vị trở về. Tuy vậy, ta cũng đã biết tâm của các vị. Nếu người nào từ đây về sau không giữ gìn năm giới của Phật, ta sẽ bắt người ấy ăn thịt.

Khi ấy ba mươi vị ấy được an tâm trở về nước, mọi người trong nước thấy vậy rất ngạc nhiên, đều đến thăm hỏi:

– Các vị làm sao mà trở về được?

Họ đều đáp:

– Rất may, chúng tôi gặp một Bà-la-môn dạy chúng tôi giữ gìn năm giới của Phật và khuyên chúng tôi thường nghĩ và làm mười điều lành. Do

đó sư tử không dám giết chúng tôi, mà còn tha cho chúng tôi trở về.

Một hôm khác sư tử lại trở vào thành, người trong nước một lần nữa rất sợ hãi, họ đều theo ba mươi người kia xin thọ trì năm giới, tập làm việc lành. Sư tử thấy mọi người đã làm lành mới bỏ đi.

Nó lại đến một nước khác. Như vậy, lần lượt sư tử và vị Bà-la-môn đi qua tám vạn nước, dùng mọi phương tiện để khiến cho thiên hạ làm việc lành; Sau khi chết nhờ đó mà họ được sinh lên cõi trời. Từ đây cõi trời trở lại đông vui thịnh vượng.

Bồ-tát dùng phương tiện để độ người là như vậy, sau sẽ được thành Phật.

Đức Phật dạy thầy A-nan:

– Trời Đế Thích hóa làm sư tử thời ấy là tiền thân của Ta. Còn vị Phạm thiên hóa làm Bà-la-môn là tiền thân ông Ca-diếp vậy. Lúc bấy giờ Ca-diếp đã giúp Ta hóa độ mọi người trong thiên hạ, khiến Ta mau thành tựu Phật quả. Cho nên Ta đối với ông Ca-diếp muốn nhường tòa cùng ngồi là để báo ân thời ấy vậy.



44- Ngày xưa, vào thời Đức Phật Ca-diếp còn trụ ở đời, có một đức vua tên là Câu-tuần-ni, ông ta vì Đức Phật tạo lập tinh xá, khi đã hoàn thành thì dâng cúng dường Đức Phật và chúng Tăng. Đức vua có vị công chúa thứ bảy, trước đó phụng sự các

Phạm chí, sau cô ta tin theo Đức Phật. Vì vậy, Phạm chí có ý xấu và ganh ghét. Một hôm vua nằm mộng thấy mười điều quái lạ, đem hỏi các Phạm chí. Các Phạm chí suy nghĩ điều mộng, muốn nhân đó hãm hại công chúa, nên nói với vua:

– Mười điều mộng của vua không được tốt, nếu được ái nữ chịu thiêu thân cúng tế Thiên thần, đất nước mới được an lành.

Vua nghe các Phạm chí nói như vậy, trong lòng không được vui. Thấy vậy công chúa hỏi vua cha:

– Vì sao phụ vương không được vui?

Đức vua nói cho công chúa nghe việc Phạm chí đề nghị. Công chúa thưa:

– Nếu con chịu chết mà đem lại an lành cho muôn dân thì con xin nhận trách nhiệm.

Công chúa hỏi các Phạm chí:

– Bao nhiêu ngày nữa các ngài sẽ mở hội cúng tế?

Các Phạm chí thưa:

– Sau bảy ngày sẽ sửa soạn kịp.

Công chúa thưa với phụ vương:

– Ngày hy sinh của con cũng đã gần kề, mong vua cha chấp thuận cho con đến viếng Đức Phật lần cuối và cũng xin phụ vương thương con mà ra lệnh cho tất cả người ở ngoại thành phía Nam đưa tiễn con đi viếng Phật lần cuối.

Đức vua thương con nên chấp nhận, ra lệnh cho

dân ở phía Nam thành tiền công chúa đi viếng Phật. Nhân đây công chúa dẫn nhân dân đến chỗ Đức Phật đang ngự. Đức Phật vì tất cả mà nói pháp.

Một ngày như vậy, người ở một phía thành tiền đưa bốn ngày người ở bốn phía thành, tất cả đều đến chỗ Đức Phật nghe pháp và đều hiểu được chân lý. Công chúa lại tâu phụ vương xin người ở trong cung thành tiền đưa, cũng như thế. Ngày thứ sáu, công chúa cầu xin vua, quan và tất cả quyền thuộc của vua quan, Phạm chí đều tiến đưa và tất cả đều đến gặp Đức Phật, Đức Thế Tôn vì họ nói pháp, tất cả họ đều hiểu rõ chân lý giác ngộ. Lúc đó vua và mọi người đều biết các Phạm chí dối trá. Đức vua bảo các Phạm chí:

– Các người dùng mưu kế cố giết ái nữ của ta. Nếu người không ăn năn theo Phật xuất gia làm Sa-môn thì ta sẽ đuổi người ra khỏi nước.

Các Phạm chí đã thấy lỗi và cũng không còn đường nào để lựa chọn, nên xin theo Đức Phật xuất gia làm Sa-môn. Tuy vậy, sau nhờ hiểu Phật pháp, họ tinh tấn tu hành, cũng được đạo quả A-la-hán.



SỐ 209

KINH BÁCH DỤ

*Tuyển soạn: Tôn giả Tăng-già-tư-na. Hán dịch: Đòi
Tiêu Tề, Tam tạng Pháp sư Cầu na-tỳ-địa, người xứ
Thiên trúc.*

PHẦN DUYÊN KHỞI (*)

Tôi nghe như thế này:

Một thuở nọ Đức Phật đang trú trong thành Vương xá, tại vườn Thuộc phong trúc cùng với các đại Tỳ-kheo, Bồ-tát Ma-ha-tát và tám bộ chúng ba vạn sáu ngàn người.

Bấy giờ có năm trăm vị Phạm chí dị học ở trong chúng hội từ chỗ ngồi đồng đứng dậy bạch Phật:

– Bạch Ngài, tôi nghe đạo Phật sâu xa, không đạo nào có thể sánh bằng cho nên đến đây thưa hỏi, xin Ngài giảng cho tôi.

Đức Phật đáp:

– Rất hay!

Vị Phạm chí hỏi:

– Con người có hiện hữu hay không?

Đức Phật đáp:

* Bài kinh này trong bản Hán ngữ được xếp vào cuối hai mươi một bài kinh thí dụ của Quyển I. Theo chú thích cuối trang 209 (bản Hán), chúng tôi đưa lên đầu quyển thứ nhất như phần Duyên Khởi của bộ kinh.

– Có hiện hữu mà cũng không có hiện hữu.

Vị Phạm chí hỏi tiếp:

– Như hiện nay có sao lại nói là không? Nếu như nay không có sao lại nói là có?

Đức Phật trả lời:

– Có sinh nên gọi là có, có chết nên nói là không. Vì vậy Ta nói là có hiện hữu và cũng không có hiện hữu.

Lại hỏi:

– Con người từ đâu sinh?

Đức Phật đáp:

– Người từ ngũ cốc sinh.

Lại hỏi:

– Ngũ cốc từ đâu sinh?

Đức Phật đáp:

– Ngũ cốc từ bốn đại: Đất, nước, gió, lửa sinh ra.

Lại hỏi:

– Bốn đại: Đất, nước, gió, lửa từ đâu sinh?

Đức Phật dạy:

– Bốn đại: Đất, nước, gió, lửa từ không mà sinh.

Lại hỏi:

– Không từ đâu mà sinh?

Đức Phật đáp:

– Từ vô sở hữu sinh.

Lại hỏi:

– Vô sở hữu từ đâu sinh?

Đức Phật đáp:

– Từ tự nhiên sinh.

Lại hỏi:

– Tự nhiên từ đâu sinh?

Đức Phật đáp:

– Từ Nê-hoàn sinh.

Vị Phạm chí liền hỏi:

– Nê-hoàn từ đâu sinh?

Đức Phật dạy:

– Những điều người hỏi hôm nay muốn tìm hiểu sâu đến mức nào nữa? Nê-hoàn là pháp không sinh không diệt.

Vị Phạm chí hỏi:

– Bạch Đức Phật, Ngài đã nhập Nê-hoàn chưa?

Đức Phật đáp:

– Ta chưa nhập Nê-hoàn.

Vị Phạm chí hỏi:

– Nếu chưa nhập Nê-hoàn, sao Ngài biết được Nê-hoàn là an lạc vĩnh viễn?

Đức Phật nói:

– Nay Ta hỏi người: Chúng sinh trong thiên hạ là khổ hay vui?

Vị Phạm chí thưa:

– Chúng sinh rất khổ.

Đức Phật hỏi:

– Thế nào gọi là khổ?

Phạm chí thưa:

– Tôi thấy chúng sinh khi chết đau khổ khó lòng chịu nổi cho nên biết chết là khổ.

Đức Phật liền dạy:

– Nay người chưa chết mà cũng biết chết là khổ. Ta thấy mười phương chư Phật không sinh, không chết cho nên biết Nê-hoàn là an lạc vĩnh viễn.

Khi đó, tâm ý năm trăm vị Phạm chí đều thông suốt, xin thọ năm giới, chứng quả Tu-đà-hoàn, trở lại chỗ ngồi như cũ.

Đức Phật dạy:

– Các ông lắng nghe cho kỹ. Nay ta sẽ vì các ông rộng nói các thí dụ.



KINH BÁCH DỤ

QUYỂN 1

1. Người ngu ăn muối.
2. Người ngu để dành sữa bò.
3. Dùng gậy đánh vỡ đầu.
4. Người vợ giả chết.
5. Người khát gặp nước.
6. Con chết muốn an táng trong nhà.
7. Nhận người làm anh.
8. Chàng nhà quê và kho vua ăn trộm.
9. Khen cha đức hạnh.
10. Nhà lầu ba tầng.
11. Bà-la-môn giết con.
12. Nấu nước đường.
13. Người hay sân hận.
14. Giết người dẫn đường để tế trời.
15. Lương y bốc thuốc mau lón cho công chúa con vua.
16. Tưới mía bằng nước mía.
17. Nợ năm tiền.
18. Lên lầu mài dao.
19. Đi thuyền roi chén bạc.

20. Phê bình vua bạo ngược.

21. Người phụ nữ cầu con.



1- NGƯỜI NGU ĂN MUỐI

Thuở xưa có một chàng ngốc đến nhà bạn chơi. Người chủ đãi tiệc. Anh ta ăn không vừa miệng, chê không ngon. Người chủ nghe thế bèn bỏ thêm muối vào. Người ngu ăn cơm thấy ngon nên tự nghĩ: “Ngon như vậy là do muối, ít muối mà còn ngon như vậy huống chi dùng nhiều.” Chàng ngốc kia liền lấy muối ăn không, tưởng rằng ăn vào rất ngon nhưng trái lại vì thế mà mang bệnh.

Ví như ngoại đạo nghe rằng: “Giảm bớt ăn uống có thể đạt đạo”, liền nhịn đói suốt bảy ngày hoặc mười lăm ngày, tự hành hạ mình mà không biết việc nhịn đói không lợi ích gì cho việc tu tập. Cũng giống như người ngu kia cho rằng muối ăn ngon nên lấy muối ăn không cho sướng miệng chẳng khác gì.



2- NGƯỜI NGU ĐỂ DÀNH SỮA BÒ

Thuở xưa có một người ngu sắp có bữa tiệc mời rất đông khách, nên muốn để dành sữa bò cho đủ để đãi khách, bèn nghĩ: “Nay nếu ta mỗi ngày

vắt sữa bò cất giữ thì lâu ngày sữa sẽ không ngon hoặc có thể bị hư. Chi bằng ta cứ để sữa chứa đầy trong bụng bò, đợi đến ngày đãi tiệc sẽ vắt lấy ra một thể.” Nghĩ thế rồi, ông bắt bò mẹ đem nhốt riêng biệt. Một tháng sau, đến ngày đãi tiệc, ông mời khách an tọa rồi dắt bò ra để vắt sữa đãi khách, nhưng sữa của con bò kia đã khô cạn. Bây giờ, quan khách mọi người vừa bức bối vừa tức cười.

Cũng như người muốn tu hạnh bố thí mà cho là: “Đợi đến lúc tôi có thật nhiều tài sản rồi mới bố thí.” Thế nhưng chưa kịp gom góp xong đã bị các nạn lũ lụt, hỏa hoạn, trộm cướp hoặc bị vua quan chiếm đoạt, hoặc bị vô thường lôi kéo chết đi không kịp bố thí. Giống như việc để dành sữa bò đãi khách của người ngu vậy.



3- DỪNG GẬY ĐÁNH VỖ ĐÀU

Xưa kia có một chàng ngốc đầu không mọc tóc. Bây giờ có một kẻ dùng gậy đánh lên đầu y hai, ba lần, lần nào cũng bị thương, nhưng chàng ngốc ta mặc nhiên chịu đòn không biết tránh đi. Người hàng xóm thấy thế hỏi:

– Sao anh không tránh đi mà đưa đầu ra hứng đến nổi vỡ cả đầu như thế?

Chàng ngốc đáp:

– Hạng người như kẻ kia chỉ biết kiêu ngạo, ý mình có sức mạnh mà không có trí tuệ, thấy đầu ta không có tóc, ngỡ là hòn đá nên dùng gậy đánh vỡ đầu ta đấy chứ.

Người hàng xóm nói:

– Ông tự bản thân ngu si mà không biết lại cho người kia là ngu. Nếu ông không ngu thì tại sao lại để cho hắn đánh đến vỡ đầu mà không biết tránh.

Các vị Tỳ-kheo cũng vậy. Không biết vâng giữ đầy đủ giới đức, trao dồi trí tuệ, chỉ lo chăm sóc hình tướng, điệu bộ bên ngoài để thu lợi dưỡng cũng như chàng ngốc kia bị người ta đánh lên đầu không biết tránh đến nỗi phải bị thương tích mà còn nói rằng: “Hắn thật là ngu.” Những Tỳ-kheo này cũng thế.



4- NGƯỜI VỢ GIÀ CHẾT

Xưa kia có chàng ngu cưới được người vợ rất đẹp nên rất yêu thương nàng. Nhưng người vợ không chung tình. Sau một thời gian quan hệ vợ chồng chung sống, lòng tà dâm trỗi dậy, nàng muốn bỏ chồng trốn theo người tình. Cô ta bí mật bảo một bà lão:

– Sau khi tôi đi khỏi, bà hãy tìm một thi hài phụ nữ đem đặt trong nhà tôi, rồi bảo với chồng tôi là tôi đã chết.

Bà lão đợi khi người chồng ra khỏi nhà liền đem một xác chết phụ nữ vào nhà anh ta. Người chồng trở về, bà ta liền nói: “Vợ anh chết rồi!”. Người chồng xem qua thi hài liền tin ngay là vợ mình nên làm đám tang, khóc lóc thảm thiết, lấy củi dựng giàn hỏa táng thi hài, cất giữ tro xương bên mình đêm ngày thương nhớ.

Sau một thời gian, người vợ bị người tình nhảm chán, phụ bạc, liền quay về nhà thưa với chồng:

– Tôi chính là vợ chàng.

Chàng ngốc liền trả lời:

– Vợ tôi chết đã lâu! Cô là ai mà đến đây nói dối là vợ tôi.

Người vợ nói đến hai ba lần, chàng ta cũng nhất quyết không tin.

Cũng như chàng ngốc kia, kẻ ngoại đạo nghe theo học thuyết sai lầm, tâm sinh mê hoặc, chấp thủ là chân lý, vĩnh viễn không thể sửa đổi được, dù được nghe giáo pháp chân chánh cũng không tin tưởng thọ trì.



5- NGƯỜI KHÁT GẶP NƯỚC

Thuở xưa có một người ngu si, đần độn, đi đường rất khát nước, muốn tìm nước uống. Vào lúc trời nóng bức, chàng ta nhìn dọn nắng ngỡ là

nước liền chạy tới, thời may gặp một con sông. Anh chàng cứ đứng tần ngần bên sông nhưng không uống. Có người thấy thế hỏi:

– Anh đã khát khô cổ muốn tìm nước uống, nay đã đến chỗ có nước sao không uống?

Chàng ngốc trả lời:

– Nếu anh có thể uống hết nước dưới sông, tôi mới có thể uống hết. Nước sông nhiều như thế không thể nào uống hết nên tôi không uống.

Cũng vậy, những kẻ ngoại đạo chấp chặt lý lẽ của mình, cho là không thể giữ trọn vẹn giới luật trong đạo Phật nên quyết không thọ giới. Do vậy, trong tương lai không được một chút đạo hạnh gì còn bị trôi lăn trong vòng sinh tử. So với chàng ngốc gặp nước không uống nên bị mọi người cười chê trên không khác.



6- CON CHẾT MUỐN AN TÁNG TRONG NHÀ

Thuở xưa có một người ngu có bảy đứa con. Một hôm, bỗng có một đứa lăn ra chết. Thấy con chết, chàng ta muốn an táng thi hài con trong nhà còn mình thì bỏ nhà ra đi. Có người hàng xóm thấy vậy liền bảo:

– Hai đường sống chết vốn khác nhau. Anh

mau đem thi hài đứa bé ra ngoài chôn cất đàng hoàng. Sao lại để thi hài bé trong nhà, bỏ nhà ra đi như thế?

Nghe người hàng xóm nói, lúc ấy, chàng ta nảy sinh một ý nghĩ ngốc nghếch: “Nếu không được an táng trong nhà, phải đem ra ngoài chôn, ta cần giết thêm một đứa trẻ nữa để gánh hai đầu cho cân.”

Thế rồi, chàng ta liền giết thêm một đứa trẻ nữa, gánh đến nơi xa, hoang vắng chôn. Mọi người nghe chuyện đó đều cười chê thậm tệ, cho là việc quái dị chưa từng có.

Thí như Tỳ-kheo phạm một giới không ăn năn, sám hối, sửa đổi, lại mặc nhiên che giấu tội lỗi còn tự nói mình thanh tịnh. Khi có bậc hiền trí khuyên bảo: “Người xuất gia giữ gìn cấm giới như gìn giữ viên ngọc sáng không để tý vết. Nay ông đã vi phạm giới đã thọ tại sao không phát lồ sám hối?”. Tỳ-kheo phạm giới lại nói: “Nếu phải phát lồ sám hối những tội đã phạm thì hãy để sau này phạm nhiều giới bất thiện, lúc ấy hãy sám hối luôn một thể.”

Cũng như người ngu trên đã bị chết một đứa con lại giết thêm một đứa nữa. Vị Tỳ-kheo ấy cũng giống như vậy.



7- NHẬN NGƯỜI LÀM ANH

Thuở xưa, có một chàng tướng mạo khôi ngô, thông minh, tài giỏi, lại rất giàu. Người đời không ai không khen ngợi. Bấy giờ có một gã ngốc thấy người ấy như thế liền nhận là anh mình. Chỉ vì người kia giàu có, gã ta muốn lợi dụng nên nhận là anh. Thế nhưng, khi thấy người kia trở nên nghèo khó, túng bấn thì y lại tuyên bố không phải là anh mình. Có người biết chuyện bảo:

– Anh thật ngốc nghếch quá! Cớ sao vì danh tiếng giàu có nhận người dung làm anh, rồi khi người ta nghèo khó lại phủ nhận không phải anh mình.

Gã ngốc trả lời ngay:

– Tôi chỉ vì mong muốn tiền bạc của anh ta nên mới nhận y là anh, chứ thật ra y không phải là anh tôi. Nếu như y đã lâm vào cảnh nghèo khó thì không phải là anh tôi nữa.

Mọi người nghe lời gã nói không ai không cười khinh gã.

Ngoại đạo cũng vậy. Nghe giáo pháp trọn lành của Đức Phật liền nổi lòng tham nhận đó là của mình. Đến khi được bậc Thiện hữu khuyên nên tu hành thì chẳng chịu tu tập còn bảo: “Tôi vì lợi dưỡng cúng dường nên mới dùng lời dạy của Đức Phật dạy bảo chúng sinh, chứ chẳng phải thật tu thì có gì phải tu tập.” Như gã ngốc trên vì muốn tiền

bạc nên tuyên bố người giàu có là anh, đến khi người kia túng thiếu lại nói ngược không phải anh mình, những kẻ ngoại đạo kia cũng như thế.



8- CHÀNG NHÀ QUÊ VÀO KHO VUA ĂN TRỘM

Thuở xưa, có một anh chàng nhà quê lên vào kho vua trộm đồ rồi cao bay xa chạy. Sau khi vụ trộm bị phát giác, nhà vua liền sai người tầm nã khắp nơi và bắt được gã đưa về cung. Vua tra hỏi nguồn gốc chiếc áo. Gã ta biện bạch:

– Chiếc áo này chính là vật gia truyền của ông cha tôi.

Đức vua truyền lệnh cho y bận chiếc áo. Chiếc áo ấy vốn không phải là vật của y nên gã ta cứ loay hoay không biết cách mặc, thứ phải mang trên cánh tay lại đeo dưới chân, thứ phải thắt ngay lưng lại đội lên đầu. Vua thấy y như thế liền truyền gọi quan lại trong triều đến cùng xem xét, rồi phán:

– Chiếc áo này nếu là vật gia truyền của ông cha ngươi thì ngươi phải biết cách mặc. Tại sao ngươi lại mặc vào lộn xộn như thế, thứ ở trên lại đưa xuống dưới mặc, chứng tỏ ngươi không biết cách mặc. Do vậy thấy rõ chiếc áo kia chắc chắn là ngươi lấy trộm, chẳng phải là vật gia truyền của

người.

Trong chuyện này, nhà vua dụ cho Đức Phật, hoàng bào dụ cho giáo pháp, anh chàng nhà quê ngu muội dụ cho ngoại đạo trộm nghe Phật pháp, ăn cắp đưa vào trong giáo lý của mình rồi tự nhận là của họ. Thế nhưng, vì không giải thích được nên họ sắp xếp giáo lý của Phật một cách lung tung, lộn xộn; không thể biết được chân nghĩa của giáo pháp. Cũng như gã nhà quê trên được chiếc áo quý của nhà vua, không biết rõ thứ tự trước sau nên bện vào một cách lộn xộn, những kẻ ngoại đạo kia cũng như thế.



9- KHEN CHA ĐỨC HẠNH

Thuở xưa có người thường ngợi khen cha mình trước mặt nhiều người:

– Cha tôi bản tánh rất nhân hậu, chưa từng làm hại hay trộm cắp của ai. Ông luôn nói chuyện một cách khẳng khái, trung thực và thường bố thí.

Khi ấy, có một chàng ngốc nghe được lời trên bèn lên tiếng:

– Đạo đức và việc làm của cha tôi còn tốt hơn cha anh nữa.

Mọi người liền hỏi:

– Cha anh có đức hạnh gì? Mời anh nói thử xem.

Chàng ta trả lời:

– Từ nhỏ đến giờ, cha tôi tuyệt hẳn dâm dục, hoàn toàn không bị dục nhiễm.

Mọi người đều nói:

– Cha anh nếu tuyệt hẳn dâm dục tại sao lại sinh ra anh!

Kẻ ngu ngốc thế chỉ bị người đời cười chê mà thôi.

Hạng người vô trí trên đời cũng vậy. Muốn tán dương chỗ tốt của người khác nhưng không hiểu rõ sự thật về người đó nên ngược lại trở thành lời mỉa mai, châm chọc giống như chàng ngốc trên có ý tán dương cha mình nhưng lời nói ra lại trở thành ngây ngô, sai lạc. Hạng người vô trí cũng như thế.



10- NHÀ LẦU BA TẦNG

Thuở xưa có một người giàu có nhưng ngu độn. Một hôm, ông ta đến thăm một gia đình cự phú trong vùng. Thấy một tòa nhà ba tầng vô cùng mỹ lệ, cao rộng và sáng sủa, lòng ông ta rất thích, tự nghĩ: “Tiền bạc của ta cũng đâu có thua hẳn, lẽ nào ta không xây được một cái nhà lầu như thế.” Về đến nhà, ông ta lập tức cho mời vị kỹ sư trưởng xây dựng đến hỏi:

– Có phải ông đã làm tòa nhà lầu mỹ lệ kia không?

Vị kỹ sư trả lời:

– Vâng, chính là tôi làm.

Nghe vậy, ông phú hộ liền bảo:

– Nay ông hãy xây ngay cho tôi tòa nhà như của ông ta.

Vị kỹ sư trưởng liền cho thợ khởi công đào móng, đắp nền, xây tường làm nhà. Ông nhà giàu ngu ngốc nọ thấy thợ tiến hành làm móng, xây tường, phòng ốc ngổn ngang, ngạc nhiên liền hỏi vị kỹ sư trưởng:

– Các ông muốn xây cái gì vậy?

Vị kỹ sư trả lời:

– Thì làm nhà lầu ba tầng.

Ông phú hộ liền nói ngay:

– Tôi chưa cần hai tầng dưới. Ông hãy cho thợ xây ngay tầng trên cùng cho tôi.

Vị kỹ sư trưởng liền bảo:

– Việc ấy không thể nào được. Làm gì có việc không cất tầng trệt mà có thể xây tầng hai, không có tầng hai thì làm sao có thể xây tầng ba được.

Gã nhà giàu ngốc nghếch vẫn nằng nặc:

– Tôi nay không dùng hai tầng dưới. Ông chỉ xây tầng trên cùng cho tôi thôi.

Mọi người lúc bấy giờ biết chuyện đều chê cười ông ta:

– Không cất tầng một thì làm sao có thể xây

tầng thượng cơ chứ!

Câu chuyện này dụ cho một số người trong bốn chúng đệ tử của Đức Phật không chịu nỗ lực, tinh cần tu tập, quy kính Tam bảo, lười biếng giải đãi mà lại mong cầu Thánh quả, còn tuyên bố: “Tôi nay không cần trải qua ba thánh vị bậc dưới chỉ mong chứng đắc tứ quả A-la-hán mà thôi.” Những người như thế cũng sẽ bị mọi người cười chê giống như ông nhà giàu ngu ngốc trên không khác.



11- BÀ-LA-MÔN GIẾT CON

Xưa kia có một vị Bà-la-môn tự xưng là học rộng hiểu nhiều, luôn tự phụ là lâu thông thiên văn, địa lý, thuật chú, tất cả các môn không môn nào không biết. Muốn phô trương tài năng bản lãnh của mình, ông ta bèn sang nước khác, ôm con mà khóc. Có người hỏi ông:

– Vì sao ông khóc lóc như thế?

Vị Bà-la-môn trả lời:

– Đứa con nhỏ của tôi trong bảy ngày nữa sẽ chết. Tôi đang lo lắng con chết yếu nên đau xót mà khóc đấy thôi.

Mọi người đều khuyên:

– Mạng sống con người khó mà tính toán kiệt hung, tốt xấu được. Biết đâu bảy ngày nữa con ông

có thể không chết, ông vì sao lại khóc lóc thảm thiết như vậy,

Ông ta liền nói:

– Mặt trời, mặt trăng có thể mờ, sao trời có thể rơi chứ lời tiên đoán của tôi không thể nào sai lầm đâu.

Rồi vì danh tiếng của mình, đến ngày thứ bảy, anh ta tự tay giết chết con mình để chứng minh lời tiên tri của mình. Sau bảy ngày, mọi người nghe con ông ta chết đều ca tụng:

– Quả là bậc đại trí, lời ông nói không sai chút nào.

Lòng họ rất khâm phục, tin tưởng, nên cùng nhau kéo đến tôn kính.

Câu chuyện này dụ cho một số người trong bốn chúng đệ tử của Đức Phật vì tiếng tăm quyền lợi nên tự xưng là đắc đạo, ngu si đoạn mất tâm Bồ-đề, giả tướng từ bi đức độ. Do nhân ấy nên ở trong tương lai lãnh chịu quả khổ vô cùng giống như vị Bà-la-môn muốn chứng tỏ lời tiên tri của mình nên tự giết con, lừa dối mọi người vậy.



12- NẤU NƯỚC ĐƯỜNG

Thuở xưa có một chàng ngốc làm nghề nấu đường. Một hôm, có ông phú hộ đến nhà thăm. Khi

ấy, chàng ta tự nghĩ: “Ta đang nấu nước đường. Nên đem một ít nước đường đang nấu mời ông ta ăn thử.”

Nghĩ vậy, anh ta thêm ít nước vào nồi mật đang đun trên lửa. Muốn nước đường mau nguội, anh ta ra sức quạt nước đường trong nồi đang đặt trên bếp lửa.

Người bạn thấy thế bảo:

– Anh không tắt lửa dưới lò mà cứ quạt mãi nước đường trong nồi thì làm sao mà nguội được.

Mọi người có mặt khi đó đều cười nói lớn chê giễu anh ta.

Chuyện này dụ cho ngoại đạo không nỗ lực diệt trừ lửa tham, sân, si đang bốc cháy trong tâm, chỉ biết hành xác khổ hạnh, nằm giường gai, thiêu đốt thân mình trong nắng gắt mà vọng cầu đạt đạo quả thanh lương, tịch tĩnh thì cuối cùng không có kết quả mà còn bị bậc Trí cười chê. Hiện tại chịu khổ, tương lai nhất định trôi lăn trong luân hồi sinh tử.



13- NGƯỜI HAY SÂN HẬN

Thuở xưa có một người cùng bạn bè ngồi trong nhà bình luận phẩm hạnh của người khác. Anh ta nói:

– Nhân cách, đạo đức của anh ta thì rất tốt, chỉ

có hai tật xấu: một là tánh hay nóng nảy, hai là chạm việc hay lỗ mãng.

Ngay lúc đó, anh chàng kia đi ngang qua nghe được lời ấy lập tức nổi giận ùng ùng, nhảy bổ vào nhà mắng chửi người vừa nói, rồi đâm đá anh ta một trận.

Mọi người trong nhóm lên tiếng:

– Tại sao anh lại đánh người ta như thế hả?

Anh chàng trả lời:

– Trước nay, tôi chưa từng bao giờ nổi giận hay lỗ mãng vậy mà hắn lại nói tôi hay nóng nảy, chạm việc hay lỗ mãng cho nên tôi đánh hắn.

Người kia liền bảo:

– Hiện giờ chính bộ dạng sân hận và lỗ mãng của anh đã chứng minh rồi đấy! Sao lại cho là nói xấu anh.

Mọi người đều bực tức, trách mắng tánh hung bạo của anh ta. Thật đáng bị người đời khinh chê là ngu muội.

Những kẻ đam mê rượu chè cũng vậy, chìm đắm trong men say, làm nhiều điều xằng bậy. Nghe mọi người chê trách lại sinh lòng oán trách. Thế nhưng nổi khổ do hậu quả của rượu tạo ra đã chứng minh cho việc đó. Bọn họ cũng giống anh chàng ngu ngốc trên không muốn nghe lời của mình, khi nghe người khác phê bình lại muốn sinh sự, đánh lộn vậy.



14- GIẾT NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG ĐỂ TẾ TRỜI

Thuở xưa, có một chàng thương gia dự định vượt biển buôn bán. Chuyến hải trình cần có một người dẫn đường mới có thể đi được. Do vậy, tất cả cùng nhau bàn tính để mời một người dẫn đường.

Sau khi mời được một người dẫn đường, đoàn thương gia bèn khởi hành. Chẳng bao lâu, tàu ghé vào một vùng đất rộng. Tại đó có một đền thờ chư Thiên. Họ phải giết một người để hiến tế rồi mới có thể đi tiếp. Khi đó các nhà buôn cùng họp bàn:

– Tất cả chúng ta đều là bè bạn, thân thích. Đã vậy thì làm sao có thể chọn một người để tế trời được. Trong đoàn, chỉ còn anh chàng dẫn đường kia. Chi bằng giết anh ta để hiến tế.

Bàn tính xong, họ bèn giết người dẫn đường đem hiến tế chư Thiên. Cúng tế xong, muốn khởi hành thì mọi người trong đoàn đều lẫn lộn, quên mất phương hướng, chẳng biết đi về hướng nào. Cuối cùng, tất cả đều chết trong cảnh cùng khốn.

Người đời cũng thế: Muốn vào biển Phật pháp để tìm châu báu cần phải lấy việc tu tập pháp hạnh lành làm Bạc Đạo Sư. Phá hủy hạnh lành thì mãi mãi không thoát khỏi con đường sinh tử mênh

mông, trải thân trong ba đường khổ, chịu khổ não triền miên cũng như đoàn thương gia vào bể cả bao la lại giết người dẫn đường nên quên mất bến về. Cuối cùng đành tán thân trong cảnh khổ.



15- LƯƠNG Y BỐC THUỐC MAU LỚN CHO CÔNG CHÚA CON VUA

Thuở xưa có ông vua sinh được một nàng công chúa. Ngày kia, nhà vua truyền gọi một vị lương y đến bảo:

– Khanh hãy bốc một loại thuốc để công chúa uống vào lớn ngay tức khắc cho trăm.

Vị lương y thưa:

– Thần có một phương thuốc rất hay uống vào có thể lớn ngay tức khắc nhưng phải đến phương xa mới có. Thần chỉ xin bệ hạ một điều là từ nay đến khi thần mang thuốc về, bệ hạ không được đến thăm công chúa. Đợi khi nào thần đem thuốc về cho công chúa uống xong, sẽ đưa công chúa diện kiến bệ hạ.

Vị lương y lập tức lên đường đến phương xa tìm thuốc. Trải qua mười hai năm vị ấy mới đem thuốc về cho công chúa uống rồi đưa công chúa đến diện kiến đức vua. Nhà vua thấy công chúa đã trưởng thành, vui mừng kêu to:

– Thật là Thánh dược! Con ta uống xong đã lớn ngay lập tức.

Nhà vua truyền lệnh cho cận thần đem ngọc ngà, châu báu ban thưởng cho vị lương y. Người đương thời đều cười chê vua ngốc nghếch, không biết tính tuổi con mình nên khi thấy con đã lớn lại ngỡ do hiệu quả của thuốc.

Người đời cũng thế, mong trở thành con người hiền thiện nên phát nguyện: “Tôi nay mong cầu đạo giải thoát, kính nguyện được gặp bậc Lương sư chỉ dạy để tôi thành ngay bậc Hiền nhân.” Vị Đạo sư dùng phương tiện dạy anh ta tọa thiền, tu quán giáo lý mười hai nhân duyên, dần dần nuôi dưỡng các đức hạnh lành cho đến khi đắc quả A-la-hán. Khi chứng quả A-la-hán, người ấy vô cùng hân hoan thốt lên: “Thật là nhanh chóng! Chính nhờ bậc Đạo sư nên chúng ta mới có thể sớm đạt được Diệu pháp tối thượng.”



16- TUỔI MÍA

Thuở xưa có hai người cùng nhau trồng mía. Cả hai người đồng ý lập ra một quy ước: Ai trồng mía lên tốt thì được thưởng, ai trồng lên xấu thì phải bị phạt.

Bấy giờ, trong hai người, có một người suy nghĩ: “Mía thì ngọt, nếu là ép mía lấy nước rồi đem

tươi cho cây mía thì chắc mía sẽ rất tốt, chắc chắn thắng hẳn ta.” Nghĩ thế, muốn cho mía ngọt hơn, người ấy đem rất nhiều mía ra ép lấy nước tưới cho khoảng mía mới trồng. Thế nhưng kết quả lại trái ngược: tất cả mía mới trồng của anh ta đều hư hoại hết!

Người đời cũng thế, mong cầu phước lành như giàu sang, phú quý mà lại chuyên ý mình giàu có, cậy quyền thế ức hiếp người lương thiện để chiếm đoạt tài sản. Rồi dùng tiền đó làm việc phước thiện mong được quả lành. Họ không biết rằng ngược lại trong tương lai sẽ gặp nhiều hoạn nạn cũng như việc dùng nước mía tưới mía nên tất cả mía đều mất trắng vậy.



17- NỢ NĂM TIỀN

Thuở xưa có một thương gia cho bạn hàng vay năm tiền, mãi lâu không thấy trả, liền đến nhà đòi nợ. Trước nhà người kia có một con sông lớn. Ông phải mất hai đồng tiền đò để sang sông. Đến nơi không gặp người vay nợ nên ông đành quay về, sang sông lại tốn thêm hai đồng nữa. Thế là, vì đòi nợ năm đồng mà phải tốn đến bốn đồng. Chỉ vì ngại đi bộ mệt nhọc nên tiền nợ thì ít mà tiền trả tốn thất lại quá nhiều! Kết quả là bị mọi người chê.

Người đời cũng thế, vì chút ít lợi danh, hủy

hoại hạnh thanh cao, vì tư lợi không màng lễ nghĩa, hiện tại phải mang tiếng xấu, tương lai phải chịu quả báo khổ đau.



18- LÊN LẦU MÀI DAO

Thuở xưa có một người nghèo làm việc cho nhà vua rất cực khổ. Trải qua một thời gian dài, thân thể y càng suy yếu. Nhà vua thấy thế thương hại ban cho xác một con lạc đà. Anh chàng toan lột da xác lạc đà vua ban nhưng dao đã cùn nên vội đi tìm một viên đá để mài dao. Kiếm được đá mài trên lầu, chàng ta liền mài bén dao rồi xuống lầu bắt đầu công việc. Thế rồi, chàng ta cứ lên lầu xuống lầu nhiều lần để mài dao. Cuối cùng, quá mệt vì phải lên lầu xuống lầu mãi, chàng ta khiêng luôn xác con lạc đà lên lầu để tiện việc vừa mài dao vừa lột da. Hành động của anh chàng bị mọi người cười chê thậm tệ.

Câu chuyện này dụ cho hạng người ngu phá hủy giới cấm, tích trữ tiền của rồi dùng đó để bố thí, cúng dường, tu phước cầu được sinh Thiên giới. Hạng người ấy chẳng khác gì chàng ngốc khiêng xác lạc đà lên lầu để tiện việc mài dao kia, bỏ công sức ra quá nhiều mà kết quả thu được lại rất ít.



19- ĐI THUYỀN RƠI CHÉN BẠC

Xưa kia có một người lái thuyền vượt biển. Giữa đường, anh ta lỡ tay làm rơi một cái chén bạc xuống nước. Anh ta liền khởi lên một ý nghĩ ngu ngốc: “Nay mình phải đánh dấu để nhớ vùng nước này, rồi cứ để đó mà đi. Sau này sẽ lặn xuống lấy.”

Đi được hai tháng, đến nước Sư tử, chàng ta gặp một con sông liền lặn xuống nước để tìm cái chén bạc đã mất. Có người hỏi:

– Anh muốn tìm gì vậy?

Anh ta trả lời:

– Trước đây, tôi đã đánh rơi một cái chén bạc. Nay muốn tìm lại.

Người ấy liền hỏi:

– Anh làm rơi ở chỗ nào?

Chàng ta trả lời:

– Tôi đánh rơi khi mới ra biển.

Người kia hỏi tiếp:

– Mất độ bao lâu rồi?

Anh chàng đáp:

– Đã mất trước đây hai tháng.

Người ấy lại hỏi:

– Mất hai tháng trước đây mà sao lại tìm ở đây?

Chàng ta liền đáp:

– Khi đánh rơi cái chén, tôi đã vạch nước làm dấu để nhớ. Chỗ nước mà tôi đánh dấu và chỗ nước ở đây đâu có khác nhau, cho nên tìm ở đây.

Người ấy cười hỏi:

– Nước tuy không khác nhau nhưng anh đánh rơi đồ ở chỗ khác, nay lại tìm ở đây thì làm sao có thể tìm được.

Lúc bấy giờ, mọi người đều phá lên cười giễu.

Ngoại đạo cũng như thế: Không tu tập theo hạnh chân chính, cho rằng các hạnh lành đều như nhau nên chọn ngay lối tu khổ hạnh để cầu mong giải thoát. Bọn họ cũng như chàng ngốc trên mất chén bạc ở một nơi mà lại tìm ở một nơi khác vậy.



20- PHÊ BÌNH VUA BẠO NGƯỢC

Thuở xưa có một người kẻ tội vị vua đương thời, phê phán rằng:

– Nhà vua hiện nay tánh tình bạo ngược, trị nước bất công.

Lời ấy truyền đến tai vua, vua liền nổi giận lôi đình nhưng vẫn không tra xét được ai đã nói ra lời ấy. Sau đó, vua nghe lời nịnh thần, ra lệnh bắt một vị hiền thần, xử hình phạt tùng xẻo, lóc nơi xương sống lấy một trăm lạng thịt. Có người chứng minh được vị hiền thần kia không nói lời đó. Lòng vua rất hối hận, nên lệnh đem một ngàn lạng thịt đắp

trả lại nơi xương sống của vị quan kia.

Suốt đêm vị hiền thần đau đớn rên rỉ, khổ não vô cùng. Vua nghe tiếng rên la liền hỏi:

– Sao ngươi còn rên la khổ não như vậy? Ta đã trả lại gấp mười lần số thịt đã lấy cho ngươi. Hẳn là ngươi cho là chưa đủ chăng? Có sao lại đau khổ như thế?

Có vị quan thân tín tâu:

– Tâu đại vương, nếu như chặt một cái đầu thì dù có lại được một ngàn cái đầu cũng không tránh được cái chết. Dù được gấp mười lần số thịt đã mất, ông ta cũng không khỏi đau đớn, khổ não được.

Người ngu cũng thế, không sợ quả đời sau, tham hưởng thú vui hiện tại, gây tạo khổ não cho chúng sinh rồi lại đem nhiều tiền của đền bù, phân phát cho mọi người, tưởng rằng tội chương kia được tiêu trừ, hưởng phúc báo vô tận. Hạng vị ấy cũng giống như vị vua kia nạo xương sống róc thịt người rồi đem thịt đắp vào đền trả, ngỡ rằng người kia không đau đớn, bình yên vô sự.



21- NGƯỜI PHỤ NỮ CẦU CON

Thuở xưa, có một nàng thiếu phụ đã có một con nhưng lòng vẫn mong ước có thêm một đứa nữa. Nàng ta liền đi hỏi các phụ nữ trong vùng:

– Trong các chị, có ai biết cách xin hướng dẫn

cho tôi sinh được một đứa con nữa.

Có một bà lão lên tiếng bảo cô ta:

– Tôi có cách để cô có thể sinh con nhưng trước tiên cô phải cúng chư Thiên đã.

Nàng thiếu phụ bèn hỏi bà lão:

– Thế lễ cúng cần những gì?

Bà lão nói:

– Giết đứa con kia của cô, lấy máu cúng chư Thiên thì chắc chắn sẽ sinh được nhiều con.

Vừa nghe xong, nàng ta theo lời bà lão toan giết con mình. Một người bạn sáng suốt biết chuyện liền chê cười quả trách:

– Sao cô lại ngu ngốc hồ đồ đến như thế! Đứa con chưa sinh không biết có sinh được không mà nay lại toan giết đứa còn sống.

Người ngu cũng như nàng thiếu nữ kia. Vì mong cầu sinh lên các cõi trời nên tự hành hạ xác thân. Niềm vui ở cõi trời chưa thấy mà hiện tại xác thân phải chịu thiêu đốt trong vô vàn điều đau khổ, bức bách.



KINH BÁCH DỤ

QUYỂN 2

22. Ra biển tìm trầm.
23. Kẻ trộm dùng gấm bọc áo vải thô.
24. Trồng mè rang.
25. Nước và lửa.
26. Bắt chước vua nháy mắt.
27. Trị thương.
28. Đòi mũi cho vợ.
29. Người nghèo đốt áo vải thô.
30. Người nuôi dê.
31. Mời thợ đúc đồ sứ.
32. Thương gia trộm vàng.
33. Đón cây lấy trái.
34. Dâng nước ngọt.
35. Tấm gương trong rương báu.
36. Móc mắt tiên nhân.
37. Giết đàn trâu.
38. Uống nước trong khe.
39. Bắt chước bạn sơn nhà.
40. Trị bệnh hói đầu.
41. Quỷ Tỳ-xá-xà.



22- RA BIỂN TÌM TRÂM

Thuở xưa có một vị trưởng giả ra biển tìm trâm. Trải qua nhiều năm gom góp được hơn một xe trâm, ông ta liền trở về nhà, đem ra chợ bán. Nhưng giá trâm rất cao nên chẳng ai chịu mua. Nhiều ngày ròng rã không bán được đồng nào, lòng ông sinh ra mệt mỏi, buồn phiền vô cùng. Thấy người bán than bên cạnh bán rất đắt, ông liền nảy ra ý định: “Nếu đã không bán được, chi bằng ta đem trâm đốt thành than. Chắc có thể bán được rất nhanh.”

Nghĩ xong, ông đem hết trâm đốt thành than rồi đưa ra chợ bán mà không biết rằng giá trị một xe than không bằng một nửa giá trị của xe trâm.

Những kẻ mê muội trên đời này cũng vậy. Nỗ lực tinh tấn tu tập vô lượng hạnh lành chỉ mong cầu Phật quả. Nhưng chỉ vì ngại khó nên sinh tâm thoái thất nghĩ rằng: “Nếu Phật vị khó thành như thế chi bằng phát tâm tu tập cầu quả vị Thanh văn, có thể mau dứt đường sinh tử, chứng quả A-la-hán.”



23- KẺ TRỘM DỪNG GẤM BỌC ÁO VẢI THÔ

Thuở xưa có một kẻ trộm lẻn vào nhà một gia

đình giàu có trộm được một mớ vải gấm và một số đồ vật khác. Để tiện mang đi, y lại dùng vải gấm bọc bên ngoài mớ quần áo cũ và các thứ đồ trộm khác. Tới khi mang ra ngoài liền bị mọi người cười đùa, nhạo báng.

Những người mê muội trên đời cũng thế. Từ lòng tin phát tâm tu tập các pháp lành, vun bồi công đức, nhưng chỉ vì tham đắm danh lợi, phá hủy tịnh giới, tiêu hoại mọi công đức đã tạo nên bị người đời cười khinh giống như tên trộm kia vậy.



24- TRỒNG MÈ RANG

Xưa kia, có một chàng ngốc ăn mè sống thấy không ngon, liền đem rang lên ăn thử cảm thấy ngon. Anh ta tự nghĩ: “Nếu ta rang chín mè giống rồi mới đem gieo chắc hẳn mè sẽ ngon lắm.” Thế rồi chàng ta đem tất cả mè giống ra rang hết, rồi đem gieo. Kết quả chẳng mọc được cây nào cả.

Người đời cũng thế. Nghe kinh dạy: “Chư Bồ-tát trải qua vô số kiếp cần khổ tu hành, làm những việc khó làm”, họ cho là quá khó tu, nghĩ rằng: “Nếu không thể tu tập Bồ-tát hạnh, nay tu theo A-la-hán quả mau chóng đoạn sinh tử thì dễ hơn rất nhiều.” Trong tương lai muốn cầu Phật quả thì trọn không thể được. Ví như mè giống đã rang đem trồng không thể mọc được, những kẻ mê muội trên

đời cũng như thế.



25- NƯỚC VÀ LỬA

Thuở xưa có một người có việc cần dùng lửa và nước lạnh. Anh ta đổ đầy nước vào nồi để lát nữa tắm và để giữ lửa khỏi tắt anh ta lại đặt nồi nước lên trên bếp lửa. Một lát sau, khi anh ta muốn dùng lửa thì lửa đã tắt ngấm, muốn dùng nước lạnh thì nước lại nóng. Cả lửa và nước đều không dùng được.

Người đời cũng thế. Phát tâm xuất gia và đạo để cầu giải thoát, nhưng khi đã xuất gia thì lại tưởng nhớ đến vợ con, họ hàng thân thuộc, say đắm thú vui năm dục của thế gian. Do vậy, tự thân làm mất hết lửa công đức và nước trì giới. Hạng người say mê dục lạc cũng lại như thế.



26- BẮT CHƯỐC VUA NHÁY MẮT

Xưa kia có một anh chàng muốn lấy lòng vua bèn dò hỏi mọi người:

– Tôi phải làm sao để vua ưng ý?

Có người lên tiếng:

– Nếu anh muốn được lòng vua, phải bắt chước theo điệu bộ, cử chỉ của ngài.

Người ấy nghe xong liền đến chỗ vua. Thấy nhà vua nháy mắt, anh ta cũng bắt chước nhấp nháy đôi mắt. Nhà vua thấy thế liền hỏi:

– Người bị bệnh hay bị gió thổi bụi vào mắt mà sao lại nháy như thế?

Gã ta liền trả lời:

– Mắt thần không có bệnh gì cả, cũng không bị bụi rơi. Chỉ vì thần muốn được lòng bệ hạ nên thấy bệ hạ nháy mắt thần cũng nháy mắt theo mà thôi.

Đức vua nghe lời ấy liền nổi giận lôi đình, lệnh cho quân đánh đòn một trận rồi đuổi ra khỏi nước.

Người đời cũng thế. Muốn được gần gũi Phật pháp để tu học, mong được tăng trưởng căn lành. Thế nhưng, khi đã được gần gũi Phật pháp lại không hiểu rằng Đức Phật Như Lai, Đấng Pháp Vương vì chúng sinh nên hiển bày nhiều phương tiện, thuyết giáo lý vừa tầm hiểu biết của chúng sinh. Người ấy nghe giáo lý ấy, dựa vào câu chữ, ngôn từ không hay nên sinh lòng cười chê, phỉ báng hoặc rập khuôn theo ngôn từ một cách máy móc mà không hiểu rõ. Do vậy, ở trong Phật pháp mất hẳn lợi ích, sau này bị rơi vào ba đường dữ, cũng giống như chàng ngốc bắt chước vua ở trên vậy.



27- TRỊ THƯƠNG

Thuở xưa có một người bị vua phạt đánh đòn, bị thương rất nặng. Muốn mau lành, người ấy lấy phân ngựa xoa vào vết thương. Một chàng ngốc thấy thế, lòng rất vui mừng thốt lên:

– Hay quá! Ta vừa biết một phương thuốc trị thương.

Y lập tức về nhà kêu con ra bảo:

– Con hãy đưa lưng cho cha đánh. Cha vừa học được phương thuốc trị thương rất hay. Nay muốn dùng thử.

Nói xong, y quất vào lưng con mình cho bị thương, rồi lấy phân ngựa xoa vào để trị thương. Làm xong, y tự cho mình là rất thông minh, khéo léo.

Người đời cũng thế. Nghe dạy: “Tu quán bất tịnh là phương thuốc để trừ bỏ thân năm ấm”, liền nói: “Tôi muốn quán bất tịnh đối với nữ sắc và năm dục nhưng chưa gặp thì không thể quán bất tịnh được.” Thế nhưng, trái lại bị nữ sắc làm điên đảo, trôi lăn trong vòng sinh tử, rồi rơi vào địa ngục. Những kẻ mê mờ trên đời cũng lại như thế.



28- ĐÔI MŨI CHO VỢ

Thuở xưa, có một người có cô vợ rất xinh

nhưng chỉ có cái mũi thì hơi khó coi.

Chàng ta ra đường gặp một cô gái có khuôn mặt khả ái, mũi nàng ta cũng rất xinh, liền tự nhủ: “Sao mình không xẻo lấy cái mũi xinh đẹp kia đem về gắn lên cho vợ mình, có phải nàng cũng xinh đẹp như vậy không?” Nghĩ xong, y liền xẻo ngay mũi của cô gái đẹp kia đem về nhà gọi vợ:

– Em ra đây mau lên! Anh sẽ cho em một cái mũi rất xinh.

Người vợ chạy ra. Y bèn cắt cái mũi của vợ rồi lấy cái mũi của người con gái kia ráp lên mặt vợ. Nhưng mũi đã không ráp được mà vợ y còn mất đi cái mũi của mình. Hành động điên rồ ấy làm cho vợ y càng đau đớn, khổ não hơn.

Người mê trên đời cũng thế. Nghe các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, Trưởng lão nhiều đức độ được người đời cung kính cúng dường liền tự nghĩ: “Nay ta với những vị kia có khác gì nhau.” Rồi, lừa dối tự xưng mình có đức. Làm thế đã không được ai cúng dường mà còn làm tổn thương phạm hạnh của mình giống như hành động xẻo mũi người, tự làm thương tổn vợ mình ở trên. Người ngu trên đời cũng lại như thế.



29- NGƯỜI NGHÈO ĐÓT ÁO VẢI THÔ

Thuở xưa có một người nghèo túng, khôn khổ

làm thuê cho người được cho một tấm áo vải thô. Anh ta mặc chiếc áo ấy ra đường, có người thấy thế hỏi:

– Anh vốn con nhà giàu sang, tử tế sao lại mặc chiếc áo vải thô như thế. Bây giờ, nếu anh làm theo lời tôi, anh sẽ có bộ quần áo tốt nhất. Nhưng anh phải nghe theo tôi, tôi tuyệt đối không bao giờ gạt anh.

Gã ta vui mừng theo lời. Người kia bèn đốt một đồng lửa bên đường, rồi bảo y:

– Nay anh hãy cởi chiếc áo vải thô đang mặc kia bỏ vào lửa đốt. Sau khi áo cháy xong, anh sẽ được một bộ quần áo thượng hạng.

Người nghèo kia lập tức cởi áo bỏ vào lửa đốt. Đốt xong, anh ta đợi mãi vẫn không thấy áo quần đẹp nào hiện ra cả.

Người đời cũng thế. Từ quá khứ tu tập các pháp lành nên có được thân người, cần phải bảo trọng thân này để tấn tu đạo đức. Nay chỉ vì nghe lời dối gạt của bọn ngoại đạo tà ác: “Người phải tin lời bọn ta, nên tu khổ hạnh, hủy hoại thân này, nhảy vào hầm lửa thì có thể sinh lên cõi trời Đại phạm sống lâu muôn tuổi, hưởng rất nhiều khoái lạc.” Có người tin theo tự hủy thân mạng. Sau khi chết phải rơi vào địa ngục, chịu vô vàn đau khổ. Đã không biết bảo trọng lại còn hủy hoại thân này, những kẻ như thế chẳng khác gì gã nhà quê kia vậy.



30- NGƯỜI NUÔI DÊ

Thuở xưa có một người nuôi dê rất khéo nên đàn dê của anh ta càng lúc càng nhiều đến hàng ngàn, hàng vạn con. Nhưng anh ta vô cùng tham lam keo kiệt không bao giờ để cho người ngoài đụng đến đàn dê của mình.

Bấy giờ có một người rất xảo trá tìm cách tới lui kết thân với chàng nuôi dê nọ. Một ngày kia, hắn nói với chàng nuôi dê:

– Nay tôi và anh tình thân như thủ túc, tuy hai mà một. Tôi quen biết một gia đình có nàng ái nữ rất xinh đẹp. Tôi xin vì anh đến cầu hôn để làm người nâng khăn sửa túi cho anh.

Anh chàng nuôi dê nghe thế lòng mừng khắp khởi liền giao cho gã ta rất nhiều dê và các lễ vật, tiền bạc để cầu hôn.

Một thời gian sau, gã kia trở lại báo cho anh ta:

– Vợ anh hôm nay vừa sinh được một đứa con.

Chàng nuôi dê tuy chưa từng gặp mặt vị hôn thê nhưng vừa nghe sinh con thì lòng vui mừng không xiết nên tiếp tục trao cho y nhiều dê tiền bạc và đồ vật.

Sau một thời gian, gã nọ trở lại báo cho anh ta:

– Hỡi ôi! Con anh nay đã chết rồi.

Người nuôi dê nọ nghe gã nói xong liền kêu khóc thảm thiết, buồn khổ không nguôi.

Người đời cũng thế. Sau một thời gian tu học có được kiến văn quảng bác nhưng vì danh lợi bản thân bảo thủ sở học không chịu giảng dạy, giáo hóa cho người; lại chịu theo dục vọng mê lầm của thân này, say đắm dục lạc thế gian như nghĩ tưởng đến việc vợ con, nên bị chúng dối lừa đánh mất mọi công đức lành. Sau khi tán thân mất mạng, tài sản tiêu tan mới khóc lóc bị thương, buồn khổ vô cùng như anh chàng nuôi dê kia vậy.



31- MỜI THỢ ĐÚC ĐỒ SỨ

Thuở xưa, có một vị Bà-la-môn muốn tổ chức đại hội nên truyền dạy các đệ tử:

– Thầy cần một số chén bát để dùng trong đại hội. Các con hãy đến mời một người thợ cả đúc đồ sứ cho thầy.

Các đệ tử của thầy Bà-la-môn vội tìm đến nhà của người thợ đúc sứ trong thành. Khi ấy, có một người dắt một con lừa lưng chất đầy các loại đồ sứ đem vào chợ bán. Bỗng con lừa sảy chân té quỵ xuống. Bao nhiêu đồ sứ trên lưng lừa rơi xuống đất bể tan tành. Người ấy trở về nhà buồn rầu, khóc lóc mãi.

Một vị đệ tử thấy vậy liền hỏi:

– Sao ông khóc than thảm nảo như vậy?

Người kia đáp:

– Suốt một năm ròng, tôi khổ công khó nhọc làm được một số đồ sứ đem ra chợ bán. Chỉ tại con lừa tệ hại này sây chân quí ngã khiến bao nhiêu đồ sứ bị vỡ cả nên tôi rất buồn phiền.

Khi ấy vị đệ tử nghe xong mừng rỡ nói ngay:

– Con lừa này là con vật rất quý. Chỉ trong khoảnh khắc có khả năng phá hết những gì ông tạo ra trong một thời gian dài. Nay tôi sẽ mua con lừa này.

Người thợ đồ sứ vui mừng bán ngay con lừa cho y. Khi y dắt con lừa trở về, vị thầy liền hỏi:

– Tại sao con không mời một người thợ đồ sứ mà lại mua lừa đem về.

Vị đệ tử trả lời:

– Con lừa này còn giỏi hơn người thợ đúc đồ sứ nữa. Bao nhiêu đồ sứ người thợ làm trong vòng một năm, nó có thể phá vỡ hết chỉ trong giây phút.

Vị thầy Bà-la-môn nghe xong liền mắng:

– Con thật ngu ngốc quá, không có một chút trí tuệ nào! Con lừa này trong khoảnh khắc có thể phá nát bao nhiêu đồ sứ nhưng trải qua cả một trăm năm cũng không làm ra được một cái nào.

Người đời cũng vậy. Trong trăm ngàn năm thọ nhận sự cúng dường của người mà không chút báo đền, còn luôn làm tổn thương họ. Hạng người ấy

trộn đời không còn được chút lợi ích gì. Những kẻ vong ân lại cũng như thế.



32. THƯƠNG GIA TRỘM VÀNG

Xưa kia, có hai nhà buôn cùng buôn bán ở một chỗ, người thứ nhất buôn vàng, người thứ hai bán bông vải. Bữa nọ, có người đến mua vàng. Người buôn vàng bèn đốt vàng để thử. Anh chàng buôn vải liền lén trộm một cục vàng đang thử giấu vào trong đồng bông vải. Vàng đang cháy đỏ nên bao nhiêu bông vải đều cháy sạch. Việc trộm bị bại lộ mà bao nhiêu vải đều cháy hết, cả hai việc đều bị thất bại.

Ngoại đạo cũng thế. Trộm lấy giáo lý của đạo Phật đưa vào trong giáo lý của họ, rồi nói dối là của mình không phải của đạo Phật. Do vậy tất cả kinh điển của họ đều chứa đầy mâu thuẫn không thuyết phục được ai cả. Cũng giống như hành động trộm vàng của người buôn bông vải kia cuối cùng phải bại lộ.



33- ĐÓN CÂY LẤY TRÁI

Thuở xưa có một vị vua trồng được một loại cây rất quý, cao to xanh tốt đang ra quả ngọt lạ

thường.

Lúc ấy, có người đến viếng. Nhà vua bảo người ấy:

– Trên cây này có đầy quả ngon ngọt, người có muốn được ăn thử không?

Vị khách đáp:

– Thần cũng muốn ăn thử một quả nhưng cây này cao to thế làm sao hái được.

Vua liền hạ lệnh đốn cây ngã xuống để hái trái nhưng không tìm được trái nào làm cho quân lính khổ nhọc. Sau đó, vua muốn dựng cây trồng lại thì cây đã chết khô không thể nào ra trái nữa.

Người đời cũng thế. Đức Thích Tôn từng dạy chúng đệ tử công đức trì giới giống như cây đại thọ có thể sinh các quả thù thắng. Theo lời Phật dạy, một số Phật tử lòng sinh hoan hỷ muốn được quả lành nên nỗ lực trì giới, tu tập các công đức lành nhưng lại không thấu hiểu tường tận phương pháp: Khai, giá, trì, phạm nên trở lại hủy phạm cấm giới giống như vị vua ra lệnh đốn cây rồi lại muốn cây sống lại nhưng tất cả nỗ lực đều không hiệu quả. Người phá giới cũng lại như thế.



34- DÂNG NƯỚC NGỌT

Thuở xưa cách kinh thành năm do-tuần có một ngôi làng. Trong thôn có một giếng nước rất trong,

nước trong giếng ngon ngọt lạ thường. Nhà vua ra lệnh cho dân làng mỗi ngày phải chở nước về kinh thành. Dân trong thôn rất mệt mỏi nên muốn bỏ trốn đến phương xa. Khi ấy, vị trưởng làng nghe được liền bảo mọi người:

– Các vị chở đi đâu hết. Tôi sẽ vì dân trong làng tâu lên Hoàng thượng đổi năm do-tuần thành ba do-tuần để quý vị đi lại gần hơn, đỡ lao nhọc hơn.

Vị tôn trưởng liền vào cung tâu lên vua sự việc. Nhà vua liền chấp thuận lời thỉnh cầu, hạ lệnh đổi năm do-tuần thành ba do-tuần. Người trong làng nghe được tin ấy đều vui mừng khôn xiết. Có người nói:

– Tuy là như vậy nhưng so với năm do-tuần trước đây, con đường đâu có khác gì.

Dù nghe người ấy nói, dân làng vẫn tin vào lệnh vua nên không ai chịu rời làng nữa.

Người đời cũng thế. Đã phát tâm tu học chánh pháp, vượt khỏi năm đường hướng đến Niết-bàn. Nhưng nửa chừng tâm sinh mỏi mệt, thoái thất muốn rời bỏ dừng lại trong vòng sinh tử không muốn tu tập nữa. Đức Thích Tôn có đủ phương tiện, phân biệt pháp Nhất thừa thành Tam thừa. Những người có tuệ căn thấp kém nghe thế lòng rất vui mừng nghĩ là Phật pháp dễ tu nên tiếp tục nỗ lực tiến tu các công đức lành để vượt khỏi sinh tử. Sau đó, nghe dạy: “Thật ra không có ba thừa

chỉ duy nhất một thừa”, bọn họ lại bảo thủ lời Phật dạy nên rốt cục không chịu xả bỏ quả vị Tiểu thừa. Những người ấy cũng như người trong làng kia vậy.



35- TÂM GƯƠNG TRONG RƯƠNG BÁU

Thuở xưa có một người nghèo hèn khôn khổ, mắc nợ quá nhiều. Người ấy không có phương cách gì để trả nợ nên tìm đường trốn chạy. Đến một vùng đất rộng mênh mông bát ngát, y chợt bắt gặp một cái rương nhỏ, bên trong chứa đầy ngọc ngà, châu báu. Phủ lên trên châu báu là một tấm gương soi làm nắp đậy. Người nghèo kia thấy vậy rất mừng vui thò tay vào toan lấy của báu nhưng bắt gặp một người trong tấm gương, lòng hoảng sợ rút tay lại nói với người trong gương:

– Tôi ngỡ rương này không có chủ, không biết có anh ở trong rương. Mong anh đừng giận.

Người đời cũng thế. Bị vô lượng điều phiền não làm cho khôn khổ, lại còn bị sự áp bức, ràng buộc của “ma vương trái chủ” trong vòng sống chết. Họ chỉ mong vượt thoát khỏi vòng sinh tử nên vào trong Phật pháp, tu tập các pháp lành làm mọi việc công đức ví như người nghèo kia gặp được rương châu báu. Nhưng chỉ vì tấm gương “thân kiến” làm nhiều loạn nên vọng cho thân này có “ngã”, rồi làm

chấp vào đó. Cũng như người nghèo kia cho là châu báu đã mất hết, những kẻ trên do “chấp ngã” nên đối với các công đức pháp lành vô lậu như thiên định, các phẩm trợ đạo đều mất hết. Giống như kẻ ngu kia bỏ rương châu báu, người chấp “ngã kiến” cũng lại như thế.



36- MÓC MẮT TIÊN NHÂN

Thuở xưa có một người vào núi học đạo. Sau một thời gian tu tập, vị ấy trở thành một vị tiên có năm loại thần thông. Mắt vị ấy rất vi diệu, có khả năng thấy được mọi loại châu báu quý giá ẩn tàng trong lòng đất. Quốc vương nước ấy nghe được tin này, lòng rất vui mừng, bàn với các quan trong triều:

– Làm thế nào để có thể giữ vị ấy luôn ở trong vương quốc, không đi nơi khác để tìm trân báu trong nước cho trẫm?

Lúc đó, có một vị quan ngốc nghếch, lãnh sứ mạng đi tìm vị Tiên ẩn sĩ. Sau khi tìm được, y liền móc cặp mắt của vị Tiên đem về, tâu vua:

– Thần đã móc cặp mắt của vị Tiên kia. Ông ta giờ đây không thể đi đâu được, mãi mãi phải ở trong nước.

Nhà vua nghe xong liền quát:

– Ta muốn giữ vị Tiên ở lại chỉ vì cặp mắt của

người có thể khám phá báu vật trong lòng đất. Nay người hủy hoại đôi mắt thì sử dụng sao được nữa.

Người đời cũng vậy. Có người thấy bậc Đại đức ở nơi chốn núi rừng heo hút, trú dưới gốc cây hành khổ hạnh, tu quán bốn pháp niệm xứ và quán bất tịnh, liền thỉnh về nhà cúng dường cung phụng mọi vật, nhưng vô tình đã hủy hoại đạo đức thanh bạch của bậc Phạm tăng khiến vị ấy không thể thành tựu đạo quả, đánh mất đạo nhân giải thoát. Việc làm ấy đã không đem lại lợi ích gì còn khiến đạo nhân của vị Đại đức kia không thể phục hồi, cũng như vị quan ngốc nghếch hủy đi cặp mắt của vị Tiên vậy.



37- GIẾT ĐÀN TRÂU

Thuở xưa có một người có đàn trâu hai trăm năm mươi con. Anh ta thường lừa trâu đi ăn cỏ, uống nước. Một hôm, trong khi đang lừa trâu đi ăn cỏ, bỗng một con hổ nhảy ra vồ ăn mất một con. Lúc bấy giờ, chàng chủ trâu tự nhủ: “Đã mất một con, số trâu cũng không còn đủ nữa, ta còn dùng bầy trâu này làm gì?”. Nghĩ thế rồi, anh ta lừa bầy trâu đến vùng núi cao, vực thẳm, lừa tất cả xuống vực sâu giết hết.

Kẻ phạm phu si mê cũng thế. Đã vâng giữ đại giới (giới Tỳ-kheo) khi lỡ phạm một giới không

sinh lòng hổ thẹn, thanh tịnh thân tâm sám hối, lại nghĩ rằng: “Nay ta đã phá một giới, giới thể không tròn vẹn nữa thì còn vâng giữ làm gì?”. Do suy nghĩ thế nên sống buông lung, hủy phạm tất cả giới, không chừa giới nào. Cũng như chàng chủ trâu ngốc nghếch giết hết đàn trâu không chừa con nào vậy.



38- UỐNG NƯỚC TRONG KHE

Thuở xưa có một người đi bộ đã lâu nên rất khát. Bỗng chàng ta gặp một cái khe, một dòng nước trong lành từ đó chảy ra liền chạy lại uống. Sau khi uống no nê, chàng ta khoát tay bảo dòng nước:

– Ta đã uống xong rồi. Ngươi đừng chảy nữa.

Dù chàng ta nói thế nào, nước vẫn chảy như cũ. Thấy vậy, chàng ta nổi giận dùng tay quất:

– Ta đã uống xong bảo ngươi đừng chảy nữa. Tại sao lại cứ chảy như thế?

Có người qua đường thấy thế bảo:

– Anh thật là dại dột, ngốc nghếch quá! Sao không chịu bỏ đi, cứ dùng dằng bảo nước đừng chảy nữa. Hãy đi chỗ khác đi!

Người đời cũng thế. Bị đắm chìm trong dòng sinh tử khát ái nên uống vào năm thứ nước đục nhiễm nên bị năm món đục làm cho mệt mỏi, đã dục, tựa như người kia uống nước no nê. Sau đó

lại bảo: “Này sắc, thanh, hương, vị các người chớ có đến gần ta nữa.” Thế nhưng, năm món dục ấy vẫn cứ liên tiếp nhau hiển hiện trước mắt. Người ấy thấy thế nổi giận bảo: “Ta muốn mau chóng tận trừ tham ái, phiền não không để chúng phát triển. Vì sao cứ mãi đến gần để ta phải thấy chứ?”.

Lúc ấy, có một người sáng suốt thấy thế liền bảo: “Anh muốn được trở thành bậc ly tham thì cần phải thu nhiếp lục tình, phòng hộ tâm ý bản thân. Vọng tưởng không sinh thì được giải thoát. Có gì phải không thấy năm dục mới không sinh tham ái?”.

Vị ấy cũng như kẻ ngốc uống nước kia không khác gì nhau.



39- BẮT CHƯỚC BẠN SƠN NHÀ

Thuở xưa có một người đến nhà bạn chơi, tường vách nhà bạn mới sửa, mặt tường bóng láng, sạch sẽ rất đẹp liền hỏi:

— Anh dùng vật liệu gì để sơn mà vách tường đẹp thế?

Người chủ trả lời:

— Tôi dùng cám trộn với bùn và nước nên được như thế.

Chàng ngốc nghe xong liền tự nghĩ: “Dùng thuần là cám mà còn tốt như vậy. Nếu dùng nguyên

lúa trộn với nước và bùn mà quét thì vách tường chắc còn tốt hơn thế nữa.” Thế rồi, anh ta lấy lúa trộn với bùn để quét tường nhà mình, tưởng rằng sẽ bóng láng nhưng trái lại mặt tường bị chỗ lồi chỗ lõm, sút mẻ đủ chỗ. Đã tốn lúa mà không được lợi ích gì không bằng đem bỏ thí mà còn có thể được công đức.

Kẻ phàm phu cũng lại như thế. Nghe Đức Phật dạy nỗ lực tu hành các thiện pháp, sau khi xả bỏ thân này có thể sinh lên các cõi trời được giải thoát, liền tự sát, hủy bỏ thân mạng mong được giải thoát sinh Thiên. Thế nhưng, đã tự làm hại bản thân mà đối với sự nghiệp tu tập không được chút lợi ích cũng như người ngu vậy.



40- TRỊ BỆNH HÓI ĐẦU

Thuở xưa có một người bị bệnh hói đầu, đầu không có một sợi tóc. Mùa đông thì lạnh vô cùng, mùa hạ lại nóng bức không thể tả, lại muỗi mòng bu cắn, suốt ngày đêm bức bối. Thật là thống khổ.

Lúc bấy giờ, có một vị lương y đa tài, rất giỏi trị hết nhiều căn bệnh. Anh chàng hói đầu liền đến nhà vị lương y kia thưa thỉnh:

– Mong ngài trị bệnh hói đầu cho tôi.

Vị lương y kia vốn cũng bị bệnh hói đầu nên sau khi nghe xong liền lấy nón ra, đưa đầu hói cho

anh ta xem và nói:

— Ta cũng đang khốn khổ vì căn bệnh này, đau khổ vô cùng. Nếu ta có thể trị được bệnh hói đầu thì trước đã trị cho bản thân khỏi khổ não rồi.

Người đời cũng thế, bị sinh, già, bệnh, chết chi phối, làm não loạn, chỉ mong cầu được trường sinh bất tử. Nghe nói nhóm tu sĩ ngoại đạo Bà-la-môn có thần phương diệu dược, trị được mọi khổ não trong đời liền đến thưa thỉnh: “Cúi mong các ngài trị dứt nỗi thống khổ vô thường sinh tử để tôi được sống lâu an lạc đời đời.” Nhóm tu sĩ Bà-la-môn liền trả lời: “Chúng ta cũng đang khổ não vì vô thường sinh, già, bệnh, chết, chỉ mong cầu tìm ra đạo giải thoát nhưng không thể được. Nay chúng ta nếu có khả năng trị cho người thì trước tiên phải tự trị cho bản thân rồi sau mới hướng dẫn cho người.” Bọn họ cũng như người hói đầu kia đang bị trói buộc khổ não trong sinh tử không có khả năng tự giải thoát mà thôi.



41- QUỶ TỶ-XÁ-XÀ

Thuở xưa có hai con quỉ Tỳ-xá-xà lượm được một cái rương, một cây gậy và một đôi guốc gỗ. Con nào cũng muốn dành về phần mình, tranh chấp suốt ngày mà vẫn không thể giải quyết cho công bằng được.

Lúc ấy, có một người đi ngang thấy việc trên liền hỏi chúng:

– Rương, gậy, đôi guốc kia có gì lạ thường mà sao các người lại nóng giận giành giật nhau như vậy?

Hai con quỉ đều đáp:

– Rương này của chúng tôi có thể cho tất cả mọi thứ quần áo, đồ ăn uống, ngủ nghỉ như giường, nệm, đồ nằm... các tài sản khác. Tất cả đều từ trong rương hiện ra. Cầm cây gậy này trong tay thì tất cả kẻ thù địch đều quy phục anh không dám chống đối. Mang đôi guốc này anh có thể đi đến phương xa trong nháy mắt.

Người kia nghe xong liền nói với bọn quỉ:

– Các người hãy đi nơi khác một chút. Khi trở lại, ta sẽ phân xử công bằng cho.

Hai con nghe xong tin lời người kia lập tức rời khỏi nơi ấy. Người kia liền ôm rương, cầm gậy, mang guốc bay đi. Hai con quỉ hoảng hốt nhìn theo nhưng không thể làm gì được nữa. Người kia nói với bọn quỉ:

– Những vật mà hai người tranh giành ta đã lấy đi rồi. Các người bây giờ không phải giành giật gì nữa.

Quỷ Tỳ-xá-xà dụ cho ma vương và ngoại đạo. Bồ thí cũng như rương báu, tất cả mọi tư tài hưởng dụng của trời người, năm đường đều từ bồ thí mà

có. Thiên định ví như gậy báu có năng lực hàng phục, tiêu trừ oán tặc, phiền não. Trì giới ví như đôi guốc báu, người giữ giới thanh tịnh chắc chắn được sinh Thiên. Hai con quỷ tranh giành các vật báu cũng như lũ ma, ngoại đạo trong vòng hữu lậu cố công cầu giải thoát, tuyệt nhiên không thể nào được. Người tu hành nếu nỗ lực tu tập các hạnh lành như Bố thí, Trì giới, Thiên định mới có thể viễn ly mọi khổ não, được giải thoát.



KINH BÁCH DỤ

QUYỂN 3

42. Con lạc đà của nhà buôn bị chết.
43. Mài đá.
44. Muốn ăn nửa cái bánh.
45. Đầy tớ giữ cửa.
46. Trộm trâu.
47. Người nghèo giả tiếng chim uyên ương.
48. Chó rừng bị nhánh cây đập.
49. Hai đứa bé tranh nhau sợi lông.
50. Thầy thuốc trị tật gù lưng.
51. Năm người mua nữ tỳ cùng sai việc.
52. Kỹ nữ ca hát.
53. Thầy nhức mỗi đôi chân giao cho hai học trò chăm sóc.
54. Đầu và đuôi rắn tranh nhau đi trước.
55. Muốn cạo râu cho vua.
56. Buộc trả cái không có.
57. Đạp mồm trưởng giả.
58. Hai người con phân chia gia tài.
59. Xem thợ làm đồ gốm.

60. Thấy bóng vàng trong nước.
61. Đệ tử Phạm thiên tạo hình người.
62. Người bệnh ăn thịt gà con.
63. Diễn viên bận đồ diễn La-sát khiến mọi người kinh hãi.
64. Mọi người đồn có ác quỷ trong ngôi nhà cổ.
65. Năm trăm viên thuốc bổ.



42- CON LẠC ĐÀ CỦA NHÀ BUÔN BỊ CHẾT

Có một khách thương đi buôn ở phương xa. Giữa đường, lạc đà bỗng lăn ra chết. Trên lưng lạc đà có rất nhiều hàng hóa từ loại hàng trân phẩm quý giá, cho đến các loại hàng nhẹ như tơ lụa và các vật linh kinh khác. Sau khi lạc đà chết, vị khách thương lột da để lại rồi sửa soạn đi trước. Ông dặn hai người học trò:

– Các con hãy chăm nom bộ da lạc đà, chớ để bị ẩm ướt.

Sau đó, trời đổ mưa. Hai người đệ tử ngu ngốc đem hết hàng tơ lụa quý phủ lên tấm da lạc đà. Các hàng hóa trân phẩm thương hạng đều bị hư mục.

Giá trị của tấm da lạc đà và hàng hóa quý giá quá chênh lệch nhưng vì ngu ngốc nên họ mới đem đồ tơ lụa che cho tấm da.

Người đời cũng thế. Giới luật cũng như hàng tơ lụa, trân phẩm, tấm da lạc đà dụ cho tiền tài vật chất, trời mưa ẩm ướt ví như sự buông lung, giải đãi phá hoại các hạnh lành. Nghiêm trì giới luật là chánh nhân tối thượng của Phật pháp. Nhưng một số người không chịu nghiêm trì cấm giới chỉ biết đem tiền bạc xây dựng chùa, tháp, cúng dường chư Tăng, bỏ gốc theo ngọn không mong cầu giải thoát nên phải trôi dạt bồng bềnh trong năm đường không tự thân giải thoát được. Do vậy, người tu hành cần phải nỗ lực tinh cần nghiêm trì giới luật.



43- MÀI ĐÁ

Có một người đem hết công sức chuyên tâm mài một viên đá lớn. Ngày tháng dần trôi, người ấy đã mài thành một con trâu đá nhỏ để chơi. Anh ta đã dùng quá nhiều công sức cho một mục đích quá đỗi tầm thường.

Người đời cũng thế. Người mài đá ví như sự tinh cần khổ học; làm thành con trâu đá nhỏ dụ cho chốn danh lợi phồn hoa, thị phi phải trái. Đã là người học đạo, suy tư nghiên cứu kinh điển, bác học đa văn lẽ ra phải lấy mục đích cầu đạo quả cao siêu, cố sao chỉ mong cầu danh lợi, cống cao ngã mạn chỉ làm tăng thêm tội lỗi mà thôi.



44- MUỐN ĂN NỬA CÁI BÁNH

Có người đói bụng nên mua bảy cái bánh rán để ăn. Ăn được sáu cái rưỡi thì quá no, anh ta sinh ra hối hận, bực bội, dùng tay tự đánh mình, thốt lên:

– Ta nay ăn nửa cái bánh này thì no, sáu cái bánh này giờ chắc đã tiêu hết. Biết vậy phải chi ta chỉ ăn nửa cái bánh này cũng đủ no, cần gì ăn sáu cái bánh trước nữa chứ.

Người đời cũng thế. Từ xưa đến nay, luôn trú trong cảnh bất lạc nhưng lại si mê tưởng là sống trong cảnh an vui. Cũng như chàng ngốc trên cứ ngỡ rằng no là vì ăn nửa cái bánh. Thế gian ngu muội quan niệm giàu sang là vui. Thế nhưng những kẻ giàu có trên đường lập nghiệp đã rất cực khổ, thành tựu rồi phải nhọc lòng giữ gìn, bảo quản cũng rất khổ, đến khi tài sản tiêu tán sinh nhiều ưu sầu cũng khổ. Trong cả ba giai đoạn đều không có gì là an lạc. Cũng thế, người đời xem việc ăn mặc là sung sướng, sống trong khổ đau, cay đắng, cứ ngỡ là vui sướng. Do vậy, chư Phật dạy: Ba cõi không yên đều chứa đầy nỗi khổ ngọt ngàn. Phàm phu mê lầm, loạn tưởng là hỷ lạc.



45- ĐẦY TỐ GIỮ CỬA

Có người dự định đi xa, gọi người đầy tố đến bảo:

– Người phải cẩn thận xem chừng cửa nẻo và xem lại dây buộc con lừa có chắc không.

Sau khi người chủ rời khỏi nhà, nhà láng giềng có tiếng đàn ca xướng hát, người đầy tố muốn sang nghe nhưng không yên tâm nên y lấy dây buộc cánh cửa đặt trên lưng lừa rồi dắt lừa đến đó nghe nhạc.

Người đầy tố vừa đi khỏi, bao nhiêu tài sản trong nhà đều bị kẻ trộm khiêng đi hết. Chủ nhà trở về thấy thế hỏi gã:

– Tiền bạc, tài sản trong nhà đâu mất cả rồi?

Gã ta liền đáp:

– Hồi nãy, ông chủ bảo con phải giữ cánh cửa, con lừa và dây buộc lừa. Ngoài ba món đó ra, những thứ còn lại con đâu có biết.

Người chủ mắng:

– Ta bảo người canh giữ cửa nẻo chính là vì tiền bạc, tài sản. Nay tiền bạc, đồ vật đã mất cả thì các cánh cửa kia còn dùng vào việc gì nữa.

Những kẻ đại khờ đang chìm đắm trong vòng sinh tử cũng giống như gã đầy tố tham ái. Đức Phật từng dạy các đệ tử phải luôn nghiêm trì tịnh giới như canh giữ cửa chính, không vương mắc sáu trần, phòng hộ con lừa vô minh, xem chừng dây

tham ái. Thế nhưng, các Tỳ-kheo không phụng trì lời Phật dạy, tham cầu lợi dưỡng, giả hình tướng nghiêm trang, thanh tịnh; an tọa nơi tịch tĩnh mà mọi suy tư thả trôi theo tham đắm năm dục; bị sắc, thanh, hương, vị làm não loạn; bị lưới vô minh, dây tham ái ràng buộc mọi suy tư chánh niệm tỉnh giác khiến bao nhiêu thánh tài đều mất hết.



46- TRỘM TRÂU

Có một nhóm người cùng làng trộm một con trâu để ăn thịt. Người chủ mất trâu tìm kiếm khắp nơi, cuối cùng đến ngôi làng ấy. Anh ta mời bọn người kia đến để cật vấn, dò tìm tung tích. Anh ta hỏi bọn chúng:

– Các người ở tại làng này phải không?

Anh chàng trộm trâu trả lời:

– Chúng tôi quả thật không phải ở tại làng này.

Người chủ trâu lại hỏi:

– Trong làng của người có một cái ao. Có phải các người giết trâu ăn thịt bên cạnh bờ ao đó phải không?

Tên trộm đáp:

– Làng tôi chẳng có cái ao nào cả.

Anh chàng mất trâu hỏi tiếp:

– Bên cạnh ao có một cái cây?

Gã ta chống chế:

– Đâu có cái cây nào.

Người tìm trâu gặng hỏi:

– Có phải khi trộm trâu người đang ở phía Đông của làng này không?

Y liền cãi:

– Làm gì có phía Đông.

Người chủ mất trâu hỏi tiếp:

– Thế có phải các người ăn trộm trâu lúc chính Ngọ không?

Tên trộm liền đáp:

– Làm gì có chính Ngọ.

Người chủ trâu căn vặn ngay:

– Này giờ các người bảo không ở trong làng cho đến không có cây thì cũng tạm được nhưng cũng chẳng lẽ trong trời đất này lại không có phương Đông, không có thời gian sao? Do vậy mà biết bọn người nói dối, không thể nào tin được. Chính các người đã trộm trâu của ta để ăn thịt phải không?

Bọn trộm đều thú nhận:

– Vâng, chính chúng tôi đã trộm trâu ăn thịt.

Người phá giới cũng như thế. Che giấu tội lỗi không chịu phát lộ sám hối, sau khi chết phải đọa địa ngục. Đến khi chư Thiên và chư vị Thiên thần dùng Thiên nhãn xem xét thì dầu muốn che giấu thì không thể được ví như bọn trộm trâu kia không

thể chối cãi được.



47- NGƯỜI NGHÈO GIẢ TIẾNG CHIM UYÊN ƯƠNG

Thuở xưa tại một nước ngoài, đến ngày khánh tiết, tất cả phụ nữ đều trang điểm bằng loại hoa Ưu-bát-la. Trong nước đó, có một người rất nghèo. Đến ngày ấy, người vợ nói với chồng:

– Anh quá nghèo không thể mua hoa Ưu-bát-la. Nay anh phải tìm cách kiếm về cho tôi thì tôi mới còn làm vợ anh. Nếu không tôi sẽ xin ly dị.

Từ thuở nhỏ, người chồng có tài khéo giả tiếng chim uyên ương nên anh ta liền lén vào ao vua giả tiếng chim uyên ương để thừa cơ trộm bông Ưu-bát-la. Lúc đó, người giữ ao phát hiện được, quát lớn:

– Ai ở trong ao đó?

Người nghèo kia buột miệng trả lời:

– Tôi là chim uyên ương.

Người giữ ao liền bắt anh ta giải đến chỗ vua. Trên đường đi, anh ta cứ giả tiếng chim uyên ương kêu mãi. Người giữ ao nghe thế nói:

– Hồi nãy ngươi không giả kêu, nay lại giả kêu mãi. Sao vô ích thế?

Người ngu trên đời cũng thế. Trọn đời làm mọi

điều tàn bạo, gây tạo nghiệp ác, không hướng tâm tu tập thiện hạnh. Đến khi sắp mạng chung lại nói: “Tôi nay muốn tu tập các điều thiện” thì quý tốt đã dắt đi trình diện Diêm-la vương. Dầu muốn tu thiện cũng không thể được nữa cũng giống như người ngu kia trên đường áp giải đến chỗ vua lại cứ giả tiếng chim uyên ương vậy.



48- CHÓ RỪNG BỊ NHÁNH CÂY ĐẬP

Có một con chó rừng nằm dưới gốc cây. Gió thổi qua khiến một nhánh cây gãy rơi xuống đập lên lưng nó. Chú chó liền bỏ chỗ đó chạy đến khoảng đất trống nằm tiếp, mắt nhắm nghiền không muốn nhìn lại gốc cây kia. Đến chiều chú ta vẫn không chịu rời nơi ấy. Một lúc sau, mở mắt ra thấy gió thổi làm các nhánh trên tàng cây to rung động lên xuống liên hồi liên tục như: “Cây gọi ta trở về chỗ cũ.”

Một số đệ tử đại khờ của Đức Phật cũng như thế. Đã xuất gia được gần gũi bậc Tôn sư trưởng thượng, bị thầy rầy la đôi chút lại rời bỏ ra đi. Về sau gần gũi với bạn bè ngu ác, phiền não nổi lên làm loạn động tâm trí lại muốn trở về với thầy. Đi đi lại lại như thế thật là ngu muội.



49- HAI ĐỨA BÉ TRANH NHAU SỢI LÔNG

Thuở xưa có hai đứa bé đến bờ sông chơi, vớt được một sợi lông trên mặt nước. Đứa bé thứ nhất nói là sợi râu của Tiên, đứa thứ hai lại bảo là lông gấu. Lúc bấy giờ, có một vị Tiên đang ở cạnh bờ sông. Hai đứa trẻ vẫn tranh luận không ngớt nên cuối cùng phải nhờ vị Tiên phân xử. Vị Tiên thò tay lấy ra một nắm gạo và hột gừng, bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến một hồi rồi nhả ra trên bàn tay, bảo chúng:

— Vật trong tay ta thật giống như phân chim Khổng tước.

Rồi vị Tiên không giải đáp gì nữa đối với câu hỏi của hai đứa trẻ. Mọi người đều biết chuyện trên.

Những kẻ ngu si trên đời cũng như thế. Có người khi giảng giáo lý cứ ưa lý luận suông, viển vông, mơ hồ, còn ý chính lại không chịu giảng rõ cũng như vị Tiên kia không trả lời đúng nghi vấn của hai đứa trẻ nên bị mọi người cười chê. Thuyết giảng một cách mơ hồ, không căn cứ cũng lại như thế.



50- THẦY THUỐC TRỊ TẬT GÙ LƯNG

Có một người bẩm sinh bị tật gù lưng. Anh ta liền mời một thầy thuốc đến trị tật gù. Người thầy

thuốc lấy sữa bò thoa trên lưng, đặt thân mình anh ta vào giữa hai tấm ván rồi cứ ra sức ép chặt lại mà không biết đôi mắt của người bệnh đã lòi cả ra ngoài.

Người ngu trên đời cũng thế. Có người vì muốn tu phước bố thí nên cố công kiếm tiền bằng cách mua rẻ bán đắt, tranh đoạt, giành giật; làm mọi điều phi pháp. Tuy nhiên lợi bất cập hại, trong tương lai phải đọa địa ngục cũng như đôi mắt của người gù trên bị lòi cả ra ngoài vậy.



51- NĂM NGƯỜI MUA NỮ TỖ CÙNG SAI VIỆC

Có năm người hùn tiền mua một cô tớ gái. Người thứ nhất trong bọn sai cô tớ gái:

– Con giặt cho ta bộ quần áo.

Ngay khi đó, có một người nữa cũng sai cô bé giặt áo cho anh ta. Cô tớ gái liền thưa:

– Chút nữa con sẽ giặt. Bây giờ con phải giặt bộ quần áo này cho ông chủ kia.

Người kia nổi giận nói:

– Ta cùng hùn bỏ tiền ra mua ngươi. Tại sao ngươi chỉ giặt riêng cho hần.

Nói xong, y liền đánh cô bé mười roi. Cả bốn người kia cũng thế. Rốt cục cả năm người, mỗi người đều đánh cô ta mười roi.

Năm âm cũng thế. Thân này vốn do các nhân duyên phiền não hội hợp thành. Vì thế chúng sinh mang thân năm âm này phải mãi mãi chịu sinh, già, bệnh, chết và vô số bệnh đau áp bức, hành hạ.



52- KỸ NỮ CA HÁT

Có một người kỹ nữ ra sức múa hát cho vua thưởng thức. Nhà vua hứa thưởng một ngàn đồng. Sau khi vua xem xong, cô ta theo vua xin tiền thưởng nhưng nhà vua đã không cho còn bảo cô ta:

– Người múa hát cho trẫm thưởng thức chẳng qua là một trò vui tiêu khiển cho trẫm. Trẫm hứa thưởng tiền cũng chỉ là một trò vui cho người vậy thôi.

Quả báo trong đời cũng thế. Được tái sinh làm người hay ở thiên giới, hưởng đôi chút vui vẻ, khoái lạc đều là không thật. Khi vô thường kéo đến thì mọi thứ đều tiêu hoại, không bao giờ bền lâu mãi mãi cũng như trò vui hư vọng kia vậy.



53- THẦY NHỨC MỎI ĐÔI CHÂN GIAO CHO HỌC TRÒ CHĂM SÓC

Một vị thầy có hai người đệ tử. Hai chân vị thầy

nhức mỗi nên giao cho hai người đệ tử mỗi người một chân để xoa bóp. Hai người đệ tử này ngày thường rất ghét nhau. Một hôm, người đệ tử kia đi vắng, người đệ tử còn lại liền lấy đá đập gãy cái chân mà người đệ tử kia chăm sóc. Người kia trở về thấy thế nổi giận tóm ngay cái chân mà người đệ tử này thường xoa bóp đập gãy đi.

Người học Phật pháp cũng như thế. Người học theo giáo lý Phương đẳng (Đại thừa) bài bác những người học theo giáo lý Tiểu thừa. Người học theo giáo lý Tiểu thừa cũng khinh chê người học theo giáo lý Phương đẳng. Chính vì thế, kinh điển Thánh pháp tối thượng của cả hai tôn đều bị tổn hại.



54- ĐẦU VÀ ĐUÔI RẮN TRANH NHAU ĐI TRƯỚC

Có con rắn, đuôi và đầu tranh nhau. Đuôi rắn bảo đầu rắn:

– Phải để ta đi trước.

Đầu rắn bảo với đuôi rắn:

– Từ trước đến nay ta luôn đi trước. Sao hôm nay ngươi đòi đi ngược vậy?

Nói xong, đầu rắn liền chuyển mình bò đi trước. Đuôi rắn liền quán ngay lấy thân cây, đầu rắn không cách nào tiến lên được nên phải nhường

cho đuôi rấn đi trước. Nhưng ngay lập tức toàn thân rấn rơi xuống hầm lửa, bị thiêu cháy mà chết.

Đạo thầy trò cũng như thế. Có một số đệ tử chê thầy đã già cả suy yếu mà mãi giữ vai trò lãnh đạo. Ta nay tuổi trẻ thanh xuân, lý ra phải giữ vai trò lãnh đạo ấy. Tuy nhiên vì tuổi còn trẻ, không nghiêm trì giới luật phạm nhiều lầm lỗi. Do vậy, tương lai phải rơi vào địa ngục.



55- MUỐN CẠO RÂU CHO VUA

Thuở xưa có một vị vua có một người hầu cận trung tín. Trong khi ra trận, vị ấy đã xả thân cứu mạng đức vua. Nhà vua rất vui muốn thưởng anh ta liền hỏi:

– Người muốn cầu xin điều gì, trẫm sẽ ban cho.

Người hầu cận ấy liền tâu:

– Hạ thần chỉ mong bệ hạ cho phép được cạo râu cho bệ hạ mỗi khi ngài cạo râu.

Vua nói:

– Nếu đó là tâm ý của khanh, trẫm sẽ chuẩn tâu cho khanh.

Mọi người biết được chuyện ấy đều chê cười người ngu ấy. Xin làm đại thần cai trị nửa vương quốc còn có thể được hoặc chí ít phải xin tài sản sự nghiệp.

Người ngu cũng thế. Chư Phật trong vô lượng kiếp tu tập các hạnh khó làm, khổ hạnh mới được thành Phật. Nếu đã được gần gũi Phật pháp phải biết thân người khó được ví như rùa mù gặp được bông cây nổi. Cả hai việc khó được nay đã được rồi nhưng tâm ý hạ liệt chỉ vâng giữ một vài giới lại cho là đã đủ, không có ý cầu giáo pháp vi diệu giải thoát, Niết-bàn an lạc, không có chí cầu tiến, tự làm các việc sai quấy mà cho là đã đủ.



56- BUỘC TRẢ CÁI “KHÔNG CÓ”

Thuở xưa có hai người cùng đi trên đường bỗng gặp một người cố sức đẩy một chiếc xe chở vũng sông đang nằm giữa đường núi gập ghềnh, không thể tiến lên được. Khi đó, chủ xe bảo hai người kia:

– Xin hai anh giúp tôi đẩy chiếc xe ra khỏi đường núi gập ghềnh này.

Hai người kia nói:

– Anh sẽ trả ân chúng tôi cái gì đây?

Người chủ xe trả lời:

– Không có vật gì để đền ân cho hai anh cả.

Hai người kia liền giúp đẩy chiếc xe đến chỗ bằng phẳng, rồi bảo với người chủ xe:

– Hãy trao cho chúng tôi vật đó.

Người chủ xe liền nói:

– Không có vật gì cả.

Hai người kia cứ cố kéo nài:

– Thì anh cứ cho chúng tôi cái vật “không có” ấy.

Một trong hai người mỉm cười bảo:

– Anh ta không chịu cho. Phải chăng vì không có đủ nên có vẻ ngượng ngập, âu sầu như thế.

Người thứ hai bảo:

– Anh ta nói cho chúng ta cái “không có” tức là anh ta không có vật gì để cho chúng ta cả.

Người thứ nhất bỗng hiểu ra liền nói:

– À! Hai chữ “không có” hợp lại chỉ là tên gọi giả mà thôi.

Kẻ phạm phu tục tử vướng mắc vào khái niệm “không” nên sa lạc vào cảnh giới “vô sở hữu”. Người thứ hai nói: không có vật gì tức là thể nhập ý: Vô tướng, Vô tác, Vô nguyện.



57- ĐẠP MỒM TRƯỞNG GIẢ

Thuở xưa có vị trưởng giả rất giàu có. Bọn người hầu thân cận muốn đẹp lòng ông nên hết sức cung kính. Khi vị trưởng giả khạc nhổ, bọn người hầu tranh nhau lấy chân giẫm lên. Có một gã ngốc đến trễ, không giẫm được nên tự nhủ:

– Nếu ông ta khạc đàm dưới đất, mọi người sẽ

tranh nhau giẫm. Vậy khi ông muốn khạc nhổ, ta phải giẫm trước mới được.

Đúng lúc đó vị trưởng giả kia muốn khạc đàm. Chàng ngốc nọ liền đưa chân đạp thẳng vào miệng vị trưởng giả khiến ông ta môi bị rách, răng bị gãy.

Vị trưởng giả quát lên:

– Tại sao ngươi lại đạp vào miệng ta?

Chàng ngốc trả lời:

– Nếu để ngài khạc đàm xuống đất thì bọn hầu cận tranh nhau đạp mất. Khi đó, con muốn giẫm nhưng thường đến trễ, không kịp giẫm. Do thế, khi ngài sắp nhổ ra con tranh thủ giẫm trước chỉ mong muốn làm đẹp ý ngài mà thôi.

Phàm làm việc gì cần phải xem xét thời thế. Khi chưa đến thời dù có trù mưu đặt kế, gắng công hết sức cũng không thể được. Trái lại còn chuốc khổ não vào thân. Do vậy, người đời qua câu chuyện này khi làm việc gì cần phải biết xem xét khi nào phải lúc, khi nào chưa phải lúc.



58- HAI NGƯỜI CON PHÂN CHIA TÀI SẢN

Thuở xưa, tại nước Ma-la có một người thuộc dòng Sát-đế-lợi mắc bệnh ngặt nghèo. Ông ta biết mình sắp chết nên cho gọi hai người con lại nghiêm huấn:

– Sau khi cha chết, hai con phải khéo phân chia

tài sản trong nhà.

Sau khi cha chết, hai người con tuân theo lời dạy của cha chia tài sản thành hai phần. Nhưng người anh lại bảo người em phân chia không công bằng. Lúc ấy có một ông lão ngờ nghệch nghe chuyện liền bảo:

– Để lão dạy hai người cách phân chia tài sản cho đồng đều. Các vật trong nhà đều phải cắt làm đôi. Cắt làm đôi là thế nào? Tất cả quần áo đều phải cắt làm hai mảnh, bàn ghế cũng phải cưa đôi ra, chén bát trong nhà cũng đập ra làm đôi. Tiền cũng cắt thành hai phần.

Hai anh em nghe theo lời, tất cả tài sản, vật dụng trong nhà cắt làm đôi chia nhau. Mọi người nghe hai anh em phân chia tài sản như thế đều cười chê.

Những kẻ ngoại đạo tu tập, say đắm việc luận lý, phân biệt cũng thế. Phàm nói về luận lý có bốn loại. Có loại luận lý khẳng định, cũng như nói: “Tất cả con người đều phải chết”, đó là loại luận lý khẳng định. Khi nói: “Con người chết có chết ắt phải có sống”, là loại luận lý phân biệt. Khi nói: “Tham ái tận trừ không còn tái sinh, còn tham ái thì phải tái sinh”, cũng là loại luận lý phân biệt.

Có người đến hỏi: “Phải chăng con người là tối thắng?”. Nếu không trả lời được, phải dùng loại luận lý phản vấn đề để đáp: “Câu ông hỏi là đối với

ba đường ác hay đối với các cõi trời. Với câu hỏi trên thì trong ba đường ác, con người thắng vượt hơn tất cả. Nhưng nếu câu hỏi của ông đối với hàng chư Thiên thì con người không phải là tối thắng.” Luận lý như thế gọi là luận lý phản vấn.

Nếu có người hỏi về mười bốn nạn hay hỏi về vấn đề thế giới và chúng sinh có giới hạn hay không có giới hạn, có khởi đầu kết thúc hay không có khởi đầu và kết thúc. Cách luận vấn này gọi là luận lý đặt vấn đề.

Một số ngoại đạo si mê, tự phụ là bậc Trí, khinh chê bốn loại luận lý trên, tự tạo ra một loại luận lý phân biệt riêng cũng như hai anh em ngu ngốc trên muốn phân tài sản lại đem tiền cắt đôi làm hai vậ.



59- XEM THỢ LÀM ĐỒ GỒM

Có hai người cùng đi họp hội nghị. Đi giữa đường, thấy một người thợ làm đồ gốm chân đạp bánh xe quay, tay nắm các bình sứ, cả hai chàng cùng dừng chân đứng lại xem. Sau một lúc, một người rời đó đi đến hội nghị nên được thưởng thức một bữa tiệc rất ngon lại còn được tặng các vật phẩm quý giá. Người kia vẫn ở lại xem người thợ làm đồ gốm. Anh ta nghĩ: “Ta cứ đợi để xem người thợ làm xong một cái bình đã.” Nhưng dần dà cả ngày mà anh ta vẫn không xem được người thợ làm

xong một cái bình nào. Không những thế mà anh ta còn mất luôn bữa tiệc và tặng phẩm ở hội nghị.

Người ngu cũng như thế. Bị việc đòi ràng buộc, không thức tỉnh trước cơn vô thường đưa đẩy.

*Ngày nay toan tính việc
Mai kia tạo nghiệp duyên
Chư Phật, Đấng Long Tượng
Lôi âm rền thế gian
Mưa pháp tuôn vô ngại
Duyên nghiệp trần, xao lãng
Chẳng tường sinh tử đến
Mất lân giống Phật tâm
Chẳng được pháp trân bảo
Thường trú trong ác đạo
Phóng dật bỏ chánh pháp
Như người xem làm gốm
Rót cục cũng thành không
Vì thế mất pháp lợi
Mãi mãi không giải thoát.*



60- THẤY BÓNG VÀNG TRONG NƯỚC

Thuở xưa có một chàng ngốc đi dạo đến một con sông lớn. Anh chợt thấy lấp loáng ánh gì trong nước tựa như vàng. Anh ta hét lên: “Có vàng!” rồi nhảy tùm xuống nước, khuấy bùn lên để tìm. Kiếm một hồi một nhòai nhưng chẳng được gì, anh ta leo

lên bờ ngồi nghỉ mệt. Đợi đến lúc bùn lắng, nước trong chàng ta lại thấy sắc vàng hiện lên nên lại lặn xuống khuấy bùn để tìm nhưng cũng không tìm được gì. Lúc đó, người cha đi tìm con. Đến bờ sông, gặp anh ta ông liền hỏi:

– Con làm gì mà sao có vẻ mệt nhọc thế?

Anh ta thưa cha:

– Trong nước có vàng nên nãy giờ con lặn xuống khuấy bùn để tìm. Tìm kiếm đã mệt nhọc nhưng vẫn không được gì.

Người cha nhìn bóng vàng trong nước, đoán biết có vàng ở trên cây nên bóng của nó mới hiện xuống dòng nước. Ông liền bảo:

– Chắc hẳn có con chim nào ngậm vàng rồi để lại trên tàng cây kia.

Người con theo lời cha leo lên cây tìm quả nhiên nhặt được vàng.

*Kẻ phàm phu ám muội
Vô trí cũng như trên
Thân ám là vô ngã
Lầm tưởng là ngã thân
Như người trông vàng ánh
Lao khổ vì vàng cân
Phí sức chẳng thành công.*



NGƯỜI

Giáo đồ của đạo Bà-la-môn thường tuyên truyền rằng: Đại Phạm thiên vương là cha của toàn thể gian, có năng lực sáng tạo ra muôn loài, vạn vật.

Đấng Phạm thiên có một người đệ tử luôn nói với mọi người: “Tôi cũng có năng lực tạo ra muôn loài, vạn vật.” Thật là kẻ ngu si mà tự đề cao là có trí. Một hôm, y đến thưa với Phạm thiên:

– Con muốn sáng tạo ra muôn vật.

Phạm thiên vương liền ngăn cản:

– Chớ có ý tưởng ấy! Người không có năng lực để làm việc đó đâu.

Không màng đến lời dạy của Phạm thiên, y vẫn giữ nguyên ý muốn sáng tạo ra muôn vật. Đến khi Phạm thiên vừa trông qua vật mà tên đệ tử tạo ra liền nói:

– Người tạo ra sinh vật gì mà đầu thì to, cổ quá nhỏ, bàn tay quá lớn mà cánh tay lại cực bé, bàn chân nhỏ tí mà gót chân lại cực kỳ đồ sộ. Vật người tạo ra thật giống như quỷ Tỳ-xá-xà vậy.

Việc Phạm thiên tạo ra muôn vật trong truyện trên cần phải hiểu là mỗi sinh vật trong thế gian đều do nghiệp báo tạo ra chẳng phải do Phạm thiên sáng tạo.

Chư Phật thuyết pháp không bao giờ vương mắc vào nhị biên, không chủ trương “đoạn diệt”

cũng chẳng chủ trương “thường trú”. Ví như Đức Thế Tôn thuyết Bát chánh đạo, bọn ngoại đạo nghe xong hoặc chấp đoạn diệt, hoặc chấp thường trụ, rồi lừa dối thế gian kêu gọi tô Phật tượng cúng dường. Những điều như thế thật không phải là chánh pháp.



62- NGƯỜI BỆNH ĂN THỊT GÀ CON

Thuở xưa có một người lâm trọng bệnh, lương y đến xem mạch xong nói:

– Ông phải thường ăn một con gà con thì bệnh có thể sẽ thuyên giảm.

Người bệnh kia theo lời sai người ra chợ mua một con gà con về ăn thịt, nhưng y chỉ ăn một con rồi không ăn nữa.

Sau đó, vị lương y đến xem mạch hỏi y:

– Bệnh tình của ông có thuyên giảm chút nào không?

Người bệnh kia trả lời:

– Bữa trước thầy dạy tôi phải thường ăn thịt gà con vì vậy nay tôi đã ăn hết một con rồi không dám ăn nữa.

Vị lương y nói:

– Nếu ông đã ăn hết một con rồi tại sao không ăn nữa. Ông tưởng rằng chỉ ăn có một con gà thì

bệnh có thể lành sao?

Tất cả ngoại đạo đều như thế. Nghe chư Phật, Bồ-tát, các bậc Y vương vô thượng dạy: “Phải tập làm chủ, thấu triệt tâm thức”, chúng ngoại đạo liền chấp thủ thường kiến, chủ trương: “Trong ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai chỉ có thức là thường trú không biến đổi.” Bọn họ cũng như người bệnh kia chỉ ăn có một con gà nên không thể trị lành căn bệnh phiền não, mê hoặc. Chư Phật, bậc Đại trí dạy họ phương pháp đoạn trừ bệnh chấp thường: “Tất cả các pháp sinh diệt trong từng niệm tưởng, tại sao chỉ có thức là mãi mãi tồn tại, không biến đổi.” Cũng như vị lương y dạy người bệnh kia ăn thịt gà con để lành bệnh, Đức Phật cũng thế, dạy chúng sinh hiểu rõ các pháp vốn biến hoại không thường trú nhưng các pháp cũng vốn tương tục sinh khởi chẳng phải đoạn diệt hoàn toàn để trừ căn bệnh “chấp thường”, “chấp đoạn” của họ.



63- DIỄN VIÊN MẶC ĐỒ DIỄN QUỈ LA-SÁT KHIẾN MỌI NGƯỜI KINH HẢI

Thuở xưa tại nước Càn-đà-vệ có một đoàn ca kịch gặp lúc đói kém nên phải tha phương cầu thực trình diễn kiếm sống. Trên đường họ đi ngang qua núi Bà-la-tân. Nơi đây nghe đồn có nhiều ác quỉ

La-sát chuyên ăn thịt người. Lúc đó, đoàn phải trú qua đêm trong núi. Gió núi thổi lốc từng cơn lạnh lẽo nên họ phải đốt lửa để ngủ. Trong đoàn có một người sợ lạnh nên lấy bộ đồ diễn kịch vai quỷ La-sát bận vào rồi đến ngồi bên đống lửa. Vào nửa đêm, một người trong đoàn thức dậy chợt thấy bên đống lửa có một con quỷ La-sát. Anh ta không chịu xem kỹ đã co chân bỏ chạy, làm kinh động đến tất cả bạn diễn trong đoàn khiến mọi người đều bỏ chạy tứ tán. Thấy bọn người kia bỏ chạy, anh chàng trong lớp áo diễn La-sát cũng chạy đuổi theo. Các người bạn trong đoàn thấy anh ta đuổi theo sau, la lên: “Ôi! Nó muốn ăn thịt bọn ta kìa!”. Nỗi kinh hoàng tăng lên gấp bội, họ càng ra sức chạy như điên, vượt núi, băng sông, chẳng kể lạch ngòi, đá sỏi. Thân thể cả bọn đều bị thương tích, tinh thần tán loạn. Đến khi trời sáng, họ mới vỡ lẽ không phải quỷ.

Người đời cũng thế. Ở trong phiền não, thiếu pháp chân thiện nên muốn đi xa để mong cầu pháp thực tối thượng thường, lạc, ngã, tịnh nhưng lại chấp năm ấm là ngã. Vì ngã kiến nên họ bị trôi lăn, rong ruổi trong đường sinh tử, phiền não theo đuổi, không được tự tại rơi vào đường chông gai sỏi đá tam đồ ác thú. Đến khi trời sáng ví như đêm đen sinh tử bị ánh sáng trí tuệ quét sạch mới tỏ rõ năm ấm không phải là chân ngã.



64- MỌI NGƯỜI ĐÒN CÓ ÁC QUỶ TRONG NGÔI NHÀ CỎ

Thuở xưa có một ngôi nhà cỏ. Thiên hạ đồn rằng có một con quỷ hung tợn đang trú ngụ trong đó. Mọi người đều sợ hãi, không ai dám vào trong nghỉ qua đêm. Bấy giờ, có một anh chàng vỗ ngực tự cho là rất can đảm, tuyên bố:

– Tôi sẽ nghỉ qua đêm trong ngôi nhà đó.

Đêm đến, anh vào ngủ trong ấy. Khi đó, có một người cũng tự xưng là can đảm, dũng khí hơn cả người kia. Nghe bạn nói có một con quỷ dữ ở trong ngôi nhà đó, anh chàng này liền xung phong vào trong. Khi anh ta đẩy cửa bước vào, người đến trước tưởng là quỷ liền ra sức xô mạnh, chèn cửa không cho vào. Anh chàng đến sau cũng tưởng là có quỷ trong nhà nên dùng hết sức đẩy bật cửa xông vào. Hai người đánh nhau dữ dội. Đến khi trời sáng tỏ nhìn ra mới biết đều không phải là quỷ.

Tất cả người đời cũng thế. Mọi vật trên đời đều do nhân duyên giả hợp, không có chủ thể. Khi phân tích rã rời thì có gì là ngã đâu. Thế mà chúng sinh cứ mãi tính toán phải trái, thiệt hơn rồi sinh ra đấu tranh kiện tụng cũng như hai người kia không khác.



65- NĂM TRĂM VIÊN THUỐC BỎ

Thuở xưa có người đàn bà tánh tình trác nết, hư hỏng. Lòng dục bộc phát nên thị nẩy ra ý tưởng độc ác giết chồng. Lúc nào chị ta cũng suy nghĩ mưu kế để giết cho được người chồng. Mọi kế hoạch mưu toan đều không tiện lợi. Đúng lúc đó, người chồng được lệnh ra nước ngoài. Chị ta liền lập mưu, bí mật làm các viên thuốc độc để giết chồng. Nàng ta nói gạt người chồng:

– Nay anh đi xa, em rất lo anh đường xa mệt nhọc nên đã làm năm trăm viên thuốc bỏ này để anh dùng làm tư lương mang theo bên mình. Anh ra nước ngoài, đến nước người khi nào mệt đói thì có thể dùng.

Nhớ lời vợ, đến nước ngoài anh ta vẫn chưa dùng viên nào. Màn đêm dần buông, anh ta dùng chân nghỉ đêm trong rừng nhưng sợ ác thú nên anh leo lên cây để ngủ, gói thuốc bỏ để quên dưới gốc cây. Ngay trong đêm đó, năm trăm tên cướp vừa đánh cướp đúng năm trăm con ngựa và rất nhiều báu vật của quốc vương nước đó cũng dùng chân nghỉ dưới gốc cây kia. Do phải ra sức trốn chạy nên tên nào cũng đói khát mệt nhừ. Thấy dưới gốc cây có gói thuốc bỏ lũ cướp liền chộp lấy rồi chia cho mỗi tên một viên. Thuốc độc rất mạnh nên năm trăm tên cướp đều chết ngay tức khắc. Người kia ngủ trên cây đến sáng. Sau khi thức dậy thấy lũ

cướp đã chết cả dưới gốc cây. Anh ta bèn lượm một thanh đao chém trên thi thể mỗi tên cướp vài đao rồi mới khâu nhét tất cả các yên ngựa và của cải châu báu, lừa bầy ngựa đưa về kinh đô nước bạn.

Lúc đó quốc vương nước kia cùng đông đảo quan quân đang trên đường truy tìm bọn cướp cũng vừa tới, gặp anh ta giữa đường. Quan quân bắt giải anh ta đến chỗ vua. Nhà vua hỏi:

– Người là ai? Lấy được ngựa của trẫm ở đâu?

Anh ta thưa:

– Thần là dân của quốc gia bên cạnh. Trên đường sang quý quốc, thần gặp phải bọn cường đạo nên đã đánh nhau với chúng. Hiện giờ, bọn cướp năm trăm tên đều chết cả dưới gốc cây đằng kia. Do vậy, thần mới lấy được bầy ngựa và của cải vật báu này đưa về dâng trả cho vương quốc. Nếu bệ hạ không tin thì có thể đi gót đến nơi ấy xem qua các vết tử thương do thần chém bọn cướp.

Vị vua liền sai vị quan thân tín đến xem, trở về tâu lại quả đúng lời anh ta nói. Nhà vua rất vui mừng, ngợi khen là việc vô cùng hy hữu, lệnh đưa anh ta về kinh ban thưởng rất nhiều vàng bạc châu báu, còn phong anh ta cai quản một tụ lạc.

Một vị cận thần trong triều sinh lòng đố kỵ, tâu lên vua:

– Người ấy là người phương xa đến. Bệ hạ chớ nên quá tin tưởng. Sao bệ hạ lại trọng thưởng và

ưu đãi y quá hậu như thế, còn phong tước cho y hơn cả các quan cận thần nữa.

Người ngoại quốc kia nghe được lời ấy liền lớn tiếng thách thức:

– Ai có đủ sức mạnh, dũng khí có thể bước ra cùng tôi thi đấu. Xin mời đến khoảng đất trống kia để thử tài.

Các quan cận thần đều kinh hãi không dám lên tiếng. Lúc bấy giờ, trong nước tại một khu rừng lớn có một con sư tử rất hung tợn hay rình bên đường vồ người ăn thịt. Mọi người không ai dám héo lánh đến con đường kia. Vị cận thần nọ biết việc đó liền tâu lên đức vua:

– Kẻ ngoại bang kia tự xưng là có dũng khí oai hùng, vô địch thiên hạ. Nay nếu y có thể giết con sư tử kia, trừ hại cho nước ta thì mới thật xứng đáng bậc kỳ tài.

Nhà vua nghe lời tâu, ban cho anh ta đao và côn để tìm giết sư tử. Lúc đó, người ngoại quốc kia vâng lệnh vua, can đảm đi đến chỗ mãnh sư.

Con mãnh sư thấy y lập tức rống lên một tiếng kinh hồn, nhảy bổ đến trước mặt. Anh chàng kinh hãi vội vã trèo lên cây. Sư tử há lớn miệng, cất đầu ngó lên cây. Anh ta run bắn lên, sẩy tay rớt thanh đao xuống lại rơi ngay vào họng sư tử. Con mãnh sư chết ngay lập tức. Khi đó, anh ta nhảy nhót vui mừng không thể tả. Khi trở về cung tâu lên, đức

vua thưởng cho anh ta còn nhiều gấp bội hơn lúc trước. Tất cả nhân dân trong nước đều kính phục, ngợi khen anh ta vô cùng.

Thuộc bổ của người vợ là sự bổ thí không thanh tịnh. Quốc vương phái anh ta đi sứ dụ cho chư vị thiện tri thức. Đến nước khác dụ cho các cõi trời. Giết năm trăm tên cướp dụ cho người tu hành đoạn tận năm dục và các phiền não chứng được quả Tu-đà-hoàn. Gặp vua nước láng giềng dụ cho gặp được các bậc Hiền thánh. Các vị cự thần sinh tâm đố kỵ của nước láng giềng dụ cho ngoại đạo thấy người trí có thể đoạn trừ phiền não và năm dục liền phỉ báng, cho rằng không có việc ấy. Người ngoại quốc thị oai, lên tiếng thách thức nhưng không một ai trong đám cự thần kia dám đấu với anh ta ví như ngoại đạo không dám chống cự. Giết sư tử dụ cho người tu tập đoạn các điều ác, trừ phiền não, điều phục được ác niệm liền chứng quả lậu tận. Người kia mỗi khi gặp việc luôn run rẩy dụ cho người tu tập có thể dụng nhược thắng cường, lấy chỗ yếu để thắng cái mạnh.

Chuyện này có ý nghĩa là ban đầu người tu tập tuy không phải tịnh tâm bổ thí nhưng được bậc thiện tri thức hỗ trợ, hộ trì thì có thể đạt kết quả thù thắng. Bất tịnh bổ thí mà còn như thế, huống chi đem lòng hoan hỷ bổ thí để tích góp ruộng phước.



KINH BÁCH DỤ

QUYỂN 4

66. Mồm lảm bảm cách lái thuyền, tay không biết lái.
67. Vợ chồng đánh cuộc ăn bánh.
68. Ôm hận hại nhau.
69. Noi gương tổ tiên ăn nhanh.
70. Ném trái Tần-bà-la.
71. Hư mắt vì vợ.
72. Ngậm gạo chịu mổ miệng.
73. Nói dối ngựa chết.
74. Phàm phu xuất gia mong cầu lợi dưỡng.
75. Cả lạc đà và ghè đều mất.
76. Nông phu mơ tưởng công chúa.
77. Vắt sữa lừa.
78. Dặn con đi sớm.
79. Gánh ghế cho vua.
80. Rửa ruột.
81. Bị gấu quào.
82. Gieo lúa.
83. Con khỉ.

84. Vì nguyệt thực đánh chó.
85. Người phụ nữ bị bệnh mắt.
86. Cha giữ khuyên tai cho con.
87. Bọn cướp chia của.
88. Năm đậu của chú khỉ.
89. Chuột vàng và rắn độc.
90. Lượm được tiền.
91. Người nghèo so của.
92. Đứa trẻ được kẹo.
93. Bà lão đánh cọp.
94. Ngọc Ma-ni hay lỗ thoát nước.
95. Vợ chồng chim bồ câu.
96. Nói dối mắt mù.
97. Bị cướp đoạt mất áo lông.
98. Đứa trẻ được rùa.



66- MỒM LẪM BẨM CÁCH LÁI THUYỀN, TAY KHÔNG BIẾT LÁI

Thuở xưa có một vị đại trưởng giả cùng đoàn thương gia ra biển tìm của báu. Ông ta đọc qua rất nhiều sách dạy phương pháp điều khiển tàu thuyền trên biển nên khoe với mọi người:

– Trên biển, nếu thuyền đi vào vùng nước xoáy hay gặp vùng có đá ngầm thì phải giữ tay lái cho chắc, xem kỹ phương hướng và phải hết sức bình

tĩnh.

Ông ta còn thao thao rằng:

– Phương pháp đi biển tôi đều tường tận cả.

Mọi người nghe xong rất tin tưởng lời ông nói.

Chẳng bao lâu, khi thuyền đang ở giữa biển, vị thuyền trưởng đột nhiên bạo bệnh qua đời. Vị trưởng giả kia liền thay thế thuyền trưởng điều khiển thuyền. Khi thuyền đi vào vùng nước xoáy, chảy giạt dữ dội, ông ta cứ lăm bắm trong miệng:

– Phải giữ tay lái cho chắc, xem kỹ phương hướng.

Nhưng thuyền cứ xoay vòng tại chỗ, không cách nào tiến lên để đến cùng nước an toàn. Cuối cùng cả thuyền lẫn đoàn thương gia đều chìm xuống nước táng mạng.

Kẻ phàm phu cũng như thế. Có một số người học qua đôi chút phương pháp thiền quán sơ tức và quán bất tịnh. Tuy rành rõ văn chữ nhưng không hiểu nghĩa lý một cách tường tận. Thật ra họ không hiểu gì mà cứ tự khoe là tường tận mọi phương pháp thiền quán, rồi dối gạt dạy người tu thiền khiến cho tâm họ càng loạn động, mê muội, đánh mất bản tâm, sai lạc ý chỉ. Đến cuối đời, dầu tuổi cao vẫn không được chút lợi ích gì giống như già trưởng giả xuân ngốc chìm chết mọi người xuống biển vậy.



67- VỢ CHỒNG ĐÁNH CUỘC ĂN BÁNH

Thuở xưa có một đôi vợ chồng làm ba cái bánh, chia nhau mỗi người một cái, còn thừa một cái. Cả hai cùng đánh cuộc: Nếu ai lên tiếng trước sẽ bị thua, không được ăn nốt cái bánh kia. Đã đánh cuộc nên vì một cái bánh hai vợ chồng đều im lặng, không ai chịu mở miệng nói một câu nào. Đêm đến, một tên trộm lẻn vào nhà vợ vét tiền của. Tất cả đồ đạc trong nhà đều bị y hốt sạch. Vì lời đánh cuộc nên cả hai người dù tận mắt thấy sự việc nhưng chẳng ai lên tiếng. Tên trộm thấy vậy càng dạn dĩ muốn xâm phạm tiết hạnh của người vợ ngay trước mặt người chồng. Anh chồng cứ giương mắt ngó chứ không chịu mở miệng nói một lời nào. Cô vợ hoảng hốt la ó ầm ỉ:

— Anh thật ngu quá! Có sao chỉ vì một cái bánh mà thấy trộm vẫn không kêu tiếng nào cả vậy?

Người chồng liền vỗ tay cười lớn:

— Ha ha! Em đã thua rồi. Cái bánh vậy là thuộc về phần anh nhé!

Mọi người nghe được chuyện đó không ai không chê cười.

Người đời cũng như thế. Vì chút danh lợi nên giả hình tướng trầm mặc, thanh tịnh nhưng nội tâm lại luôn bị phiền não và vô số điều ác chi phối hành hạ, đánh mất thiện niệm, đọa lạc vào tam đồ. Tuy

thế, họ vẫn không chút nào kinh sợ, mong cầu xuất ly trái lại cứ mê đắm năm dục. Dù ở trong cảnh đại khổ não mà lòng không chút e ngại cũng như cặp vợ chồng ngu dại kia không khác.



68- ÔM HẬN HẠI NHAU

Thuở xưa có một người ôm lòng oán hận với một người kia, tâm trạng sầu khổ, u uất không vui. Có người thấy thế hỏi:

– Đạo này sao anh có vẻ sầu khổ, tiêu tụy như thế?

Anh ta trả lời:

– Có một gã cứ nói xấu, mỉa mai tôi thậm tệ. Sức tôi không thể báo thù nổi. Nay tôi không biết làm cách nào để trả thù hắn để vơi cơn sầu muộn này đây.

Người kia liền nói:

– Chỉ có bài chú Tỳ-đà-la mới có thể hại hắn mà thôi. Tuy nhiên tụng bài chú này có một điều nguy hiểm là chưa hại được gã ta thì ngược lại đã làm hại chính bản thân anh rồi.

Anh chàng nghe xong rất vui mừng nói:

– Rất mong anh dạy cho tôi. Dù phải tự hại bản thân cũng không sao miễn là tôi phải báo được thù, làm cho hắn bị thương tích mới được.

Người đời cũng như thế. Vì nóng giận nên mong ước có chú Tỳ-đà-la để dùng hãm hại, trả thù người. Cuối cùng chưa hại được người mà đã bị lửa sân hận thiêu đốt, làm hại bản tâm, đọa lạc vào tam đồ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh giống như gà ngốc trên không khác.



69- NOI GƯƠNG TỔ TIÊN ĂN NHANH

Thuở xưa có một người từ miền Bắc Ấn đến Nam Ấn cư trú. Ở đó một thời gian dài anh ta cưới được một cô gái, kết nghĩa trăm năm. Một hôm, người vợ vừa dọn cơm lên, anh ta không quản cơm canh nóng hổi, há miệng nuốt lia lịa. Người vợ thấy việc kỳ quái nên hỏi chồng:

– Ở đây chẳng ai giành ăn với anh. Có việc gì gấp lắm sao mà anh ăn uống hấp tấp như thế. Sao không thông thả, từ từ mà ăn?

Người chồng liền đáp:

– Có điều này bí mật lắm! Không thể nói cho em được.

Người vợ nghe thế, cho là nhất định có điều gì đặc biệt lắm nên cứ ân cần theo anh ta hỏi mãi.

Một hồi lâu, anh chàng mới trả lời:

– Tổ tiên nhiều đời của anh đều luôn ăn nhanh như thế. Nay anh phải noi gương tổ tiên nên mới có cái tật ăn nhanh ấy.

Kẻ phàm phu trong đời cũng như thế. Không tường tận nghĩa lý, chẳng phân biệt thiện ác, làm các việc sai quấy mà không biết hổ thẹn lại còn tuyên bố: Cha ông tôi trước nay đều làm theo cách như vậy. Những kẻ như vậy đến tận cuối đời vẫn không thay đổi được cũng như chàng ngốc kia tập ăn nhanh mà còn tự cho là một truyền thống tốt đẹp.



70- NÉM TRÁI TÀN-BÀ-LÀ

Thuở xưa có một vị trưởng giả muốn ăn trái Tàn-bà-la nên sai người hầu mang tiền sang nước khác mua. Ông dặn gã người hầu phải lựa loại trái ngon ngọt, tươi tốt mới mua về. Anh người hầu liền đem tiền đến tận vườn để mua. Người chủ vườn rao rằng:

– Tất cả trái Tàn-bà-la trên cây này của tôi đều rất ngon ngọt, không có trái nào hư cả. Anh có thể ném thử một trái thì đủ biết.

Anh ta nói ngay:

– Nay tôi phải ném hết tất cả trái Tàn-bà-la ở đây rồi mới mua. Nếu chỉ ném một trái thì làm sao biết được.

Anh ta bèn tự tay hái. Mỗi trái hái xong anh ta đều ném thử qua trước khi đem về nhà. Vị trưởng giả thấy đồng quả Tàn-bà-la nham nhở như thế hết

còn muốn ăn nữa, sai đem đồ tất cả.

Người đời cũng như thế. Một số người nghe dạy: “Bồ thí, giữ giới sẽ được đại phú quý, bình an. Thân luôn được yên ổn, không bị chướng ngại, bệnh tật, tai nạn.” Lại không tin mà nói rằng: “Bồ thí thì được giàu sang. Chừng nào tôi được giàu sang thì tôi mới tin.” Nên biết rằng mọi sự giàu sang, nghèo hèn trên đời đều là kết quả của những gì mình đã gây tạo từ trước. Họ không biết rằng muốn khảo xét việc gì phải dựa vào lý nhân quả. Đã không tin còn hủy báng, cố chấp rằng phải tự mình thân chứng. Đến ngày từ giã cõi đời, tài sản tiêu tán hết cũng như gã hầu kia ném thử trái Tần-bà-la nên cuối cùng phải đồ đi tất cả vậy.



71- HƯ MẮT VÌ VỢ

Thuở xưa có người cưới hai người vợ. Mỗi khi gần gũi với người vợ này thì bị vợ kia giận hờn, anh ta rất lúng túng không biết bỏ người nào, lấy người nào. Đêm đến đi ngủ, anh ta cứ nằm giữa hai người vợ, ngửa mặt lên. Đúng lúc đó, trời đổ một cơn mưa lớn. Mái nhà bị dột, nước mưa cuốn bụi đất trên mái chảy xuống vào ngay đôi mắt của anh ta. Anh chàng vẫn kiên quyết giữ quyết định của mình không chịu quay đầu tránh. Nước bụi cứ chảy mãi khiến cả hai mắt anh ta đều bị hư.

Kẻ phạm phu trên đời cũng thế. Gần gũi bạn ác, tập các thói hư tật xấu, dần dần tạo nghiệp theo ba đường ác nên mãi mãi trú trong vòng sinh tử, mất hẳn con mắt tuệ cũng như người chồng ngốc nghếch kia chỉ vì hai người vợ nên hai mắt đều bị hư cả.



72- NGẬM GẠO CHỊU MỔ MIỆNG

Thuở xưa có một người cùng vợ trở về nhà thăm cha vợ. Thấy người nhà vợ giã gạo, anh ta bèn lén bốc một nắm cho vào miệng. Thành linh người vợ đi ra muốn tìm chồng bàn chuyện nhưng miệng anh ta đầy cả gạo nên không cách nào nói chuyện được. Anh ta lại ngại vợ mình biết việc nên nhất định không chịu nhổ gạo ra. Thế là anh ta cứ ngậm cứng miệng không nói một câu. Người vợ lấy làm quái lạ: Tại sao chồng mình không nói, bèn lấy tay sờ thử thì thấy miệng anh ta phồng sưng lên liền thưa với cha:

– Chồng con vừa về đến nhà đột nhiên miệng bị sưng phồng lên, không thể nói được.

Cha vợ liền cho mời thầy thuốc đến trị bệnh cho anh ta. Sau khi xem qua, vị thầy thuốc bảo:

– Bệnh này rất nặng phải dùng dao mổ mới có thể trị được.

Nói xong, ông lấy dao mổ rạch lên má anh ta.

Gạo ngậm trong miệng đổ cả ra ngoài. Sự việc lộ ra, mọi người đều biết cả.

Người đời cũng thế. Làm các điều ác, phạm tội giới lại cố ý che giấu tội lỗi không chịu phát lộ sám hối, cuối cùng phải rơi vào cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh cũng như người ngu kia vì một chút sĩ diện, không chịu nhả gạo ra để khi dao mổ miệng thì việc xấu phải lộ ra cả.



73- NÓI DỐI NGỰA CHẾT

Thuở xưa, có một người cỡi một con hắc mã lâm trận đánh giặc. Quá kinh sợ không thể chiến đấu, anh liền lấy máu bôi lên mặt mũi, nằm lẩn vào giữa thi hài các chiến binh tử trận giả như đã chết. Con ngựa của anh cỡi bị người khác đoạt mất. Khi quân lính hai bên rút đi hết, anh ta muốn đào ngũ về nhà nên cắt đuôi một con ngựa trắng của người khác đem về.

Về đến nhà có người hỏi:

— Con ngựa anh cỡi lúc trước đâu. Sau không cỡi nói về!

Anh ta trả lời:

— Ngựa của tôi đã chết. Tôi đã đem cái đuôi của nó về đây.

Người kia liền bảo:

— Con ngựa trước kia của anh lông đen. Nay tại

sao đuôi lại thành lông trắng thế này?

Anh chàng lúng túng ngậm câm không trả lời được nên bị mọi người cười chê.

Người đời cũng thế. Miệng luôn nói về việc tu hành, hiền thiện, vì từ bi không ăn thịt uống rượu nhưng cứ giết hại chúng sinh, tăng thêm tội chướng. Dối gạt tự xưng hiền thiện mà không việc ác nào không làm cũng như người ngu kia nói dối ngựa mình đã chết vậy.



74- PHÀM PHU XUẤT GIA MONG CẦU LỢI DƯỠNG

Thuở xưa có một vị quốc vương ban hành một luật lệ đối với các Bà-la-môn trong nước của mình là phải tắm rửa sạch sẽ thân thể. Ai không tuân theo sẽ bị đầy đi lao dịch.

Có một Bà-la-môn luôn mang theo bình đựng nước tắm, nói dối rằng:

– Người tắm rửa sạch sẽ là người phải luôn mang theo bình đựng nước tắm bên mình.

Khi có nước lại sai đem đồ đi tất cả còn tuyên bố rằng:

– Tôi chẳng tắm rửa đâu. Vua muốn vậy thì cứ tự tắm một mình đi. Vì theo lệnh vua tôi phải dùng cái bình đựng nước này để tránh hình phạt lao dịch thôi.

Nói dối đã tắm rửa sạch sẽ thật ra chẳng bao giờ tắm cả. Một số kẻ phạm phu xuất gia cũng thế. Mang hình thức đầu tròn, áo vuông nhưng bên trong lại hủy phạm giới cấm, giả hiện nghiêm trì giới luật để mong cầu lợi dưỡng và để trốn tránh trách nhiệm xã hội. Hình thức bên ngoài tương tự Sa-môn nhưng bản chất chẳng phải Sa-môn cũng như gã Bà-la-môn mang bình nước không cho có hình thức vậy.



75- CÁ LẠC ĐÀ VÀ GHÈ ĐỀU MẮT

Thuở xưa có một người nuôi một con lạc đà. Anh ta thường để thức ăn trong ghè cho lạc đà ăn. Một hôm, lạc đà rúc đầu vào ghè để ăn nhưng không thể nào rúc đầu ra được. Anh ta tìm đủ mọi cách nhưng cũng không làm sao kéo đầu nó ra được, nên rất lo lắng, buồn phiền. Có một ông lão đến bảo anh ta:

— Anh đừng buồn bã nữa. Lão sẽ dạy cho anh cách để kéo đầu lạc đà ra khỏi ghè. Anh làm đúng theo lời lão thì chắc chắn sẽ kéo ra rất nhanh. Anh chỉ cần chặt đầu con lạc đà thì tự nhiên đầu sẽ rời khỏi ghè.

Anh ta theo lời ông lão lấy dao chặt phăng đầu con lạc đà. Đã giết chết con lạc đà còn phá bẽ luôn cái ghè. Người ngu ngốc như thế chỉ khiến người

đời cười chê mà thôi.

Những kẻ phạm phu ám độn cũng như thế. Ban đầu phát tâm Bồ-đề, chí cầu đạo quả tam thừa nên nỗ lực nghiêm trì tịnh giới, phòng hộ các điều ác. Nhưng vì nãm dục nên phá hủy tịnh giới, xa lìa đạo quả tam thừa, buông lung tâm ý, không điều ác nào không làm. Đạo quả tam thừa lẫn tịnh giới đều bị mất cũng như chàng ngốc trên mặt cả lạc đà lẫn cái ghè vậy.



76- NÔNG PHU MƠ TƯỞNG CÔNG CHÚA

Thuở xưa có một nông phu lên kinh thành chơi. Tình cờ anh ta thấy được nhan sắc tuyệt trần của nàng công chúa con vua. Anh ta trở về ngày đêm tưởng nhớ không nguôi nghĩ mãi không biết cách nào để gặp được giai nhân. Mặt mũi chàng ta dần dần trở nên vàng vọt, bơ phờ rồi lâm trọng bệnh.

Người thân trong nhà thấy thế hỏi anh ta:

– Vì sao bệnh lại ngặt nghèo như thế?

Anh ta thổ lộ nguồn cơn với người thân:

– Con tình cờ thấy được dung nhan kiều diễm của công chúa nghĩ mãi không tìm ra cách nào để gặp được nàng nên vì vậy sinh bệnh. Nếu không gặp được nàng chắc con chết mất.

Cha mẹ anh ta liền bảo:

– Cha mẹ sẽ tìm hộ con phương cách tốt nhất

để con được toại nguyện. Con chớ nên sầu não nữa.

Vài ngày sau, gia đình và bạn bè đến thăm bảo anh ta:

– Cha mẹ và bạn bè đã tìm cách gặp được công chúa cho em rồi nhưng chỉ vì công chúa không ưng ý mà thôi.

Chàng nông phu nghe xong vui mừng tươi cười nói lớn:

– Chắc chắn được mà!

Những kẻ ngốc trên đời cũng như thế. Không phân biệt rõ bốn mùa xuân, hạ, thu, đông của thời tiết. Vào mùa đông giá rét lại đem giống ra gieo hy vọng gặt được lúa. Đã tốn công mà không cách nào chăm sóc được nên cả mầm, thân, nhánh, lá đều hư thối cả. Có người tu tập hưởng được chút ít phước báo liền tự cho là đã đủ, tuyên bố có thể đạt thành đạo quả Bồ-đề cũng như anh nông phu kia hy vọng công chúa sẽ ưng thuận vậy.



77- VẮT SỮA LỪA

Thuở xưa có người ở vùng biên ải chưa hề biết con lừa ra sao cả. Nghe người ta đồn sữa lừa rất ngon nhưng họ cũng chưa biết sữa lừa như thế nào. Sau đó, cả bọn bắt được một con lừa đực. Thế là, vì muốn uống sữa lừa nên họ tranh nhau tóm. Có người bóp đầu lừa tìm sữa, có người cắn lỗ tai, có

người vắn đuôi, có người tìm ở chân, lại có người nắm lấy sinh thực khí của chú lừa để tìm. Mỗi người đều muốn tìm ra trước để uống. Đúng lúc, con lừa bỗng tiểu tiện. Người đang nắm sinh thực khí la lớn: “Ồi! Sữa lừa đây này.” Cả bọn xúm lại hứng nước tiểu mà cứ ngỡ là sữa lừa. Rốt cục cả bọn mệt nhoài mà chẳng ai tìm được sữa. Tự mình làm khổ bản thân mà không được chút lợi ích gì nên bị mọi người chê cười.

Những kẻ ngoại đạo phạm phu cũng như thế. Nghe nói tu hành, học đạo không phụ thuộc vào pháp môn tu tập nên vọng tưởng sinh ra các loại tà kiến hoặc hỏa thể, hoặc nhĩ đới, hoặc trú trong rừng núi, hoặc nhảy vào lửa. Các loại tà kiến như thế đều rơi vào ác đạo cũng như những người ngu vọng cầu sữa lừa trên vây.



78- DẶN CON ĐI SỚM

Thuở xưa có một người tôi tớ dặn con:

– Sáng mai con phải dậy sớm cùng cha đến ngôi làng kia có việc cần.

Đứa con nghe nói mình được đi nên sáng sớm không hỏi ý cha đi một mình đến đó. Đến nơi đó rồi, thân thể mệt mỏi vô cùng nhưng không biết phải làm gì, lại chưa ăn uống gì nên đói khát tưởng chừng sắp chết, nên anh ta vội quay về nhà. Về tới

nhà gặp cha, người cha thấy con trở về la mắng thậm tệ:

– Ngươi thật là xuẩn ngốc, không có chút trí tuệ gì cả. Tại sao không đợi cha mà tự đi một mình đến nỗi cực khổ như thế.

Mọi người biết chuyện đều chê cười anh ta.

Kẻ phạm phu trong đời cũng thế. Một số người có duyên được thế phát xuất gia, vận ba y nhưng không cầu bậc Minh sư để nương tựa học hỏi giáo pháp. Do vậy đánh mất cơ hội tu tập các công đức, thiên định các pháp môn khác. Tất cả bốn quả Sa-môn thù thắng đều mất cả như người con ngốc nghếch kia tự mình ra đi rồi lại tự mình trở về một cách vô ích, chỉ tự làm khổ bản thân. Hình thức tương tự Sa-môn nhưng thật ra không có phẩm hạnh Sa-môn.



79- GÁNH GHẾ CHO VUA

Thuở xưa có một vị quân vương muốn đến vườn Vô ưu để thưởng ngoạn. Nhà vua truyền cho một vị quan:

– Khanh hãy tìm một cái ghế mang đến vườn Vô ưu để trẫm ngồi nghỉ.

Lúc đó, vị quan kia xấu hổ không muốn đi tìm nên tâu vua:

– Thần không tìm được như thần có thể vác

được.

Vua nghe thế ra lệnh đem ba mươi sáu cái ghế chất cả trên lưng ông ta, lệnh vác vào trong vườn. Người ngu như thế chỉ bị thiên hạ cười chê.

Người đời cũng thế. Có người mỗi khi thấy một sợi tóc nữ nhân rơi trên đất, tự nói: “Ta giữ giới thanh tịnh nên không dám đụng đến nó.” Sau đó, bị phiền não mê hoặc nên đối với ba mươi sáu thứ bất tịnh như tóc, lông, móng, răng, phân, nước tiểu... đều không cho là dơ bẩn. Cùng một lúc xúc chạm với cả ba mươi sáu thứ không xấu hổ, đến khi chết vẫn không bỏ cũng như vị quan ngu ngốc cam tâm vác ghế kia vậy.



80- RỬA RUỘT

Thuở xưa có một người bị mắc bệnh ở vùng hạ bộ. Thầy thuốc bảo:

– Bệnh của anh ta phải rửa ruột thì mới có thể lành được.

Vị lương y lấy thuốc rửa và các dụng cụ dùng rửa ruột cho anh ta ra. Ông ta có việc ra ngoài chưa trở lại, anh chàng bệnh nhân liền chộp lấy chai thuốc rửa uống hết. Vừa uống xong, bụng anh đầy trướng lên đau đớn tưởng chừng như sắp chết, không cách nào kiềm chế cơn đau được. Vị lương y trở lại thấy việc kỳ lạ nên hỏi:

– Sao anh lại bị như thế?

Anh ta trả lời:

– Hồi nãy tôi đã uống chai thuốc rửa nên bây giờ đau đớn sắp chết được.

Vị lương y nghe xong liền mắng anh ta thậm tệ:

– Anh quả thật là ngu quá đỗi. Đã không biết sử dụng lại cứ uống cần thuốc. Nay anh phải ỏi ra mới có thể hết đau được.

Người ngu ngốc như thế chỉ làm trò cười cho thiên hạ.

Kẻ phàm phu cũng thế. Muốn tu học các phương pháp quán tưởng của thiền định nhưng thầy dạy phải quán pháp bất tịnh lại quán niệm hơi thở, dạy quán niệm hơi thở lại quán tưởng sinh giới. Đảo lộn thứ tự trước sau không có căn bản. Kết quả làm hại đến tuệ mạng, lâm vào cảnh bế tắc. Không chịu tham vấn học hỏi các bậc Minh sư nên tu tập sai lầm đảo lộn phương pháp cũng như người ngu uống thuốc rửa ruột bất tịnh trên vậy.



81- BỊ GẤU QUÀO

Thuở xưa có hai cha con cùng bạn bè đồng hành đi ngang một khu rừng. Người con thả bước vào rừng bất ngờ bị một con gấu xông ra quào cào. Móng của nó gây thương tích khắp thân thể anh ta.

Trong cơn nguy khốn, người con vội chạy ra khỏi rừng trở lại chỗ người cha và các bạn. Người cha thấy thân thể con mình thương tích khắp nơi lấy làm lạ hỏi đứa con:

– Vì sao con lại bị thương tích đầy mình như vậy?

Đứa con thưa với cha:

– Có một loài thú gì thân thể phủ đầy lông dài thườn thượt đuổi theo tấn công con.

Người cha cầm ngay cung tên đi vào rừng. Đến giữa rừng, ông ta thấy một Tiên nhân râu tóc rất dài liền giương cung muốn bắn. Người bạn đi theo ngăn lại:

– Vì sao anh lại bắn vị kia. Người ấy không làm hại ai cả. Nếu anh bắn vị ấy sẽ có tội đấy.

Người ngu trên đời cũng lại như thế. Đã là người xuất gia, tuy bận pháp phục nhưng không có chút đạo hạnh nào nên bị khinh rẻ. Đã vậy lại còn rấp tâm làm hại những người đạo đức, hiên lương tử như người cha kia vì thương tích do gấu cào của con mình nên vu oan cho cả bậc Thần tiên.



82- GIEO LÚA

Thuở xưa có một anh nông dân ra thăm ruộng. Thấy lúa mạ phát triển tươi tốt, anh ta bèn hỏi thăm vị chủ ruộng:

– Ông làm thế nào mà ruộng lúa này xanh tươi quá vậy?

Vị chủ ruộng trả lời:

– Cày đất cho kỹ, bang cho bằng rồi bón phân, tháo nước vào nên mới được như thế.

Anh ta làm đúng theo phương pháp đó. Cày, bang đất, bón phân, dẫn nước vào đất ruộng của mình. Khi chuẩn bị gieo giống, anh ta lại ngại bước chân của mình giẫm xuống ruộng sẽ làm đất thô cứng, lúa không mọc được. Anh tự nhủ: “Ta phải ngồi trên giường rồi sai người khiêng đi. Ta ngồi trên giường gieo xuống, như thế là tốt nhất.” Nghĩ xong, anh ta sai bốn người, mỗi người một góc khiêng giường xuống ruộng để anh ngồi trên vãi giống. Mặt ruộng bị dày xéo trở nên thô cứng vô cùng. Mọi người chê cười: Sợ hai chân mình bước xuống ruộng làm đất thô cứng nay lại tăng thành tám cái chân giẫm đạp trên ruộng!”.

Kẻ phạm phu cũng lại như thế. Vâng giữ ruộng giới mầm thiện sẽ sinh. Phải học tập và thực hành theo lời thầy giáo giới để hạt giống chánh pháp nảy mầm. Thế nhưng có một số người trái lời thầy dạy, vi phạm giới luật, làm các điều ác khiến hạt giống giới không thể phát triển được. Tỉ như anh chàng sợ hai chân mình bước làm hư mặt ruộng nhưng lại để tám cái chân người hầu giẫm nát đất ruộng.



83- CON KHỈ

Thuở xưa có một con khỉ bị một người cao to lực lưỡng đánh đập. Chú khỉ không thể làm gì để trả thù nên trút ngược cơn oán giận lên một đứa bé.

Những kẻ phàm phu ngu ngốc cũng như thế. Có những người cứ chồng chất nỗi căm hờn tiền kiếp không để nó lắng tắt trong quá khứ mà vẫn kéo dài đến tận đời sau, cứ xem đó như việc diễn ra trước mắt cho nên lòng sân hận, ý niệm tà ác hại người càng sâu nặng cũng như con khỉ kia bị người lớn đánh lại oán hận đứa trẻ vậy.



84- VÌ NGUYỆT THỰC ĐÁNH CHÓ

Thuở xưa vua côi A-tu-la ngày ngày đều thấy ánh sáng trăng quá chói nên lấy tay che kín mặt trăng. Những kẻ vô trí trong đời lại tin tưởng rằng chính loài chó vô tội đã nuốt mất mặt trăng nên gán tiếng ác cho chúng.

Kẻ phàm phu cũng thế. Vương mắc vào niệm tham, sân, si ngang trái sẽ chuốc khổ vào thân tựa như nằm trên giường gai, bị lửa đốt thân cũng như những kẻ thấy nguyệt thực lại lấy cây đánh chó vậy.



85- NGƯỜI PHỤ NỮ BỊ BỆNH MẮT

Thuở xưa có một cô gái bị mắt bệnh rất nặng. Một cô gái có học vấn thầy thế hỏi:

– Chị bị đau mắt phải không?

Người con gái đau mắt đáp:

– Vâng, mắt tôi bị bệnh.

Nàng kia nghe thế liền tự nhủ:

– Có mắt thì phải có bệnh. Tuy hiện nay mình chưa bị đau mắt nhưng rồi cũng sẽ như chị ấy. Muốn ngăn ngừa chỉ có cách móc mắt đi để khỏi sợ bệnh về sau.

Người bạn biết chuyện ngăn cản:

– Nếu giữ cặp mắt thì mắt có thể bị bệnh nhưng cũng có thể không bệnh. Nếu cặp mắt không còn thì trọn đời cô phải mù lòa.

Người ngu cũng thế. Nghe dạy: “Giàu sang là nguồn gốc của tai họa” liền hiểu sai, sợ sệt không dám bố thí; lo lắng sau này bị quả báo tài sản càng sung mãn, tiền bạc càng nhiều thì phải chịu nhiều khổ đau, phiền não. Có người khuyên: “Nếu anh bố thí thì có thể gặp khổ nhưng cũng có thể hưởng được an lạc. Nếu anh không bố thí thì sẽ mang quả báo khổ đau, cùng cực.” Những người trên cũng như nàng con gái kia sợ không kham nổi gánh nặng bệnh tật nên muốn hủy cặp mắt, không biết sẽ bị

đui mù vĩnh viễn.



86- CHA GIỮ KHUYÊN TAI CHO CON

Thuở xưa có cha con hai người nọ có việc cùng đi với nhau. Trên đường đi, bỗng một toán cướp xuất hiện muốn đuổi theo cướp bóc. Trên tai đứa con có đôi khuyên bằng vàng rất giá trị. Người cha thấy bọn cướp hoảng hốt sợ mất đôi khuyên tai nên vội vàng giơ tay giật đôi khuyên nhưng vì khuyên tai xâu vào tai rất chắc không thể lấy ra được. Lúc đó, ông ta nhất định lấy cho được đôi khuyên nên chặt luôn đầu con mình. Một hồi sau, bọn cướp bỏ đi hết. Ông ta xách thủ cấp ráp vào cổ thi hài con mình nhưng không thể nào liền lại như cũ. Người ngu như thế chỉ bị thiên hạ chê cười mà thôi.

Kẻ phạm phu cũng như thế. Mưu cầu danh lợi nên lập ra các luận thuyết hư vọng, chủ trương:

– Có đời này đời sau cũng không có đời này đời sau.

– Có thân trung ấm cũng không có thân trung ấm.

– Có pháp quán sở tức cũng không có pháp quán sở tức.

Tất cả các luận thuyết của họ đều là vọng tưởng, không đưa đến chân lý nên bị người khác

đem luận lý đệ nhất nghĩa phá các lý luận của họ, tuyên bố: “Tất cả luận của ta đều không phải là học thuyết.”

Những kẻ ngu như trên chỉ vì chút bả lợi danh nên rơi vào tội vọng ngữ, mất hẳn đạo quả Sa-môn. Khi mạng chung phải rơi vào ba đường ác cũng như người cha ngu si kia vì cái lợi nhỏ mà chặt đầu con mình vậy.



87- BỌN CƯỚP CHIA CỦA

Thuở xưa có một bọn cướp cùng thực hiện một vụ cướp. Số tài sản cướp được rất nhiều và theo lệ cũ được chia đồng đều cho cả bọn. Chỉ có tên cướp Khâm-bà-la ngờ nghếch, hình dung cổ quái nên được chia phần dư thừa, phần ít nhất trong cả bọn. Khâm-bà-la rất căm giận la lên:

– Thật là công toi! Phần của ta sao ít thế.

Sau đó, y cũng đành mang phần dư thừa ấy vào thành bán. Không ngờ rất nhiều vị trưởng giả giàu sang tranh nhau mua. Sau cùng có một người mua được với giá rất cao. Số tiền y bán được gấp bội so với số tiền các tên khác trong bọn cướp được chia. Lúc ấy, Khâm-bà-la mới nhảy nhót, vui mừng vô cùng.

Câu chuyện này dụ cho người đời không rõ bố thí có quả báo hay không. Đến khi bố thí một ít tiền

bạc được quả báo tái sinh lên các cõi trời, thọ hưởng rất nhiều thú vui mới hối hận rằng đã không bố thí nhiều hơn. Cũng như tên cướp Khâm-bà-la sau khi bán được phần của mình với giá rất cao mới sinh lòng vui mừng. Bồ thí cũng như thế. Bồ thí chút ít mà được quả báo rất nhiều. Đến khi đó lòng vừa vui mừng vừa hối hận đã không làm nhiều việc lành hơn.



88- NĂM ĐẬU CỦA CHÚ KHỈ

Thuở xưa có một chú khỉ cầm một nắm đậu, vô ý đánh rơi mất một hạt. Nó liền buông hết nắm đậu trong tay, chạy đi tìm hạt đậu đã rơi. Chú khỉ chưa tìm được hạt đậu kia thì cả nắm đậu đều bị chim ăn hết cả.

Một số kẻ phạm phu xuất gia cũng như thế. Ban đầu chỉ lỡ phạm một giới không biết ăn năm sám hối. Đã không phát lồ sám hối, sau đó lại cố ý buông lung hơn nữa nên tất cả giới lậu đều buông bỏ hết cũng như chú khỉ kia mất một hạt đậu nên mất cả nắm đậu vậy.



89- CHUỘT VÀNG VÀ RẮN ĐỘC

Thuở xưa có một người đi trên đường. Giữa

đường anh ta nhặt được một con chuột bằng vàng, lòng mừng khắp khởi liền cất ngay vào bụng áo rồi tiếp tục lên đường. Đến một con sông, anh ta muốn bơi qua sông nên cởi y phục bỏ xuống đất. Ngay lúc đó, con chuột vàng bỗng biến thành một con rắn độc. Chàng ta suy nghĩ một hồi lâu rồi quyết định: thà bị con rắn độc này bị cắn chết, ta nhất định phải ôm nó bơi qua sông. Lòng chàng không chút sợ hãi, đột nhiên con rắn biến trở lại thành vàng.

Một chàng ngốc đi cùng thấy rắn độc biến thành vật báu cho rằng là việc bình thường nên cũng bắt rắn độc ôm vào lòng, tức thì bị rắn độc mổ chết ngay.

Những kẻ ngu trên đời cũng như thế. Thấy các bậc Hiền thiện được lợi ích hiện tiền, trong lòng chẳng có niệm chân thật tín ngưỡng Phật pháp nhưng vì lợi dưỡng nên đi theo Phật pháp. Những người đó sau khi mạng chung phải rơi vào ba đường ác cũng như gã ngốc ôm rắn độc nên bị nó cắn chết vậy.



90- LỢI ĐƯỢC TIỀN

Thuở xưa có người nghèo đi trên đường. Giữa đường anh ta tình cờ nhặt được một túi tiền vàng. Lòng mừng vui không xiết, chàng ta liền mở túi ra

đếm tiền. Đếm chưa xong thì người chủ túi tiền đột nhiên trở lại lấy hết tiền. Lúc ấy, y hối hận đã không mau mang túi tiền cao bay xa chạy, lòng buồn bã ân hận, khổ não vô cùng.

Người hội ngộ Phật pháp cũng lại như thế. Tuy được gặp gỡ, thân cận ruộng phước Tam bảo lại không nỗ lực tinh tấn khéo tu tập các hạnh lành. Đến khi đột nhiên qua đời phải rơi vào ba đường ác cũng như người ngu trên bị người chủ trở lại đoạt tiền đi mất vậy. Cho nên có bài kệ:

*Nay dự tính việc này
Mai sẽ làm việc kia
Hưởng lạc không màng khổ
Nào hay tử thân đến
Mãi lo trong mọi sự
Có ai tránh được đâu
Như gã đếm tiền kia
Việc đời như thế cả.*



91- NGƯỜI NGHÈO SO CỬA

Thuở xưa có một người nghèo trong nhà có một ít tài sản. Nhìn các gia đình đại phú trong làng, lòng anh mong ước được giàu sang như họ. Nhưng suy đi nghĩ lại anh ta thấy không thể nào sánh được với những nhà đại phú kia. Vì thế lòng buồn bã muốn đem vứt số tài sản nhỏ nhoi của mình xuống sông.

Có người bạn thấy thế ngăn cản.

— Số tài sản nay tuy ít ỏi nhưng có thể nuôi sống anh một vài ngày. Vì sao anh lại đem vứt cả xuống sông như thế.

Những kẻ ngốc trên đời cũng lại như thế. Một số người tuy có duyên được xuất gia, ít được cúng dường; lòng họ luôn hy vọng việc đó nhưng thường bị thiếu thốn không được như các bậc Đại đức Cao tăng được hàng tín chủ hộ trì. Thấy các bậc Cao tăng thạc đức, bác học đa văn được nhiều người cúng dường, lòng họ cũng mong được như thế nhưng không thể nào được nên ôm mối sầu khổ muốn bỏ đạo. Cũng như người ngu kia muốn được như các nhà giàu sang nhưng không được nên muốn vứt bỏ tài sản của mình vậy.



92- ĐỨA TRẺ ĐƯỢC KẸO

Thuở xưa có một bà vú bông đùa bé dạo chơi. Đi một hồi, bà ta cảm thấy mệt mỏi nên dừng chân ngồi nghỉ mệt rồi ngủ thiếp đi. Bấy giờ có một người đi đến lấy mấy viên kẹo cho đứa trẻ. Bé thấy viên kẹo màu sắc sặc sỡ, vị rất ngọt nên tham ăn không nghĩ gì đến thân mình. Người kia lập tức cởi hết kiềng vàng, vòng vàng, chuỗi ngọc, y phục và tất cả trang sức quý báu lấy đi hết.

Tỳ kheo cũng như thế. Đam mê thú vui nơi

chôn phồn hoa đô hội, vì một chút lợi dưỡng nên bị giặc phiền não cướp mất tất cả công đức tu trì, giữ giới thanh cao. Cũng như đứa bé kia vì tham đắm một chút vị ngon nên tất cả đồ vật đều bị cướp đi hết.



93- BÀ LÃO ĐÁNH CỌP

Thuở xưa có một bảo đang nằm nghỉ dưới gốc cây. Từ xa, một con hổ tiến lại muốn vồ ăn thịt. Bà lão vội chạy vòng thân cây để trốn. Con hổ đuổi theo sau, một chân bầu vào thân cây, chân kia toan vồ bà lão. Bà lão trong lúc nguy cấp liền chụp vội hai chân con hổ xiết chặt vào thân cây. Con hổ không sao vồ được. Ngay lúc đó, có một người khách bộ hành đi tới. Bà lão lên tiếng kêu:

– Anh mau đến đây cùng lão giết con cọp này. Sau đó chúng ta sẽ cùng chia thịt.

Người kia tin lời bà lão liền chạy đến phụ bà giữ chặt hai chân hổ. Khi người kia đã giữ chặt chân hổ, bà lão lập tức rút tay ra bỏ chạy. Gã kia sau đó bị khốn đốn với con hổ. Người ngu đến như thế nên bị thiên hạ diễu cợt.

Kẻ phạm phu cũng lại như thế. Biên soạn các bộ luận lạ thường, tư tưởng đã lệch lạc, văn từ lại rắc rối khó hiểu, cuối cùng vẫn không sao hoàn thành nên được nên đành bỏ dở dang. Hậu học

muốn tìm hiểu, xin được giải thích thì không thể phân tích, biện biệt được ý tứ trong đó, trở nên lúng túng, ngại ngùng cũng như người ngu kia thay bà lão giữ con hổ trái lại tự mình bị hại.



94- NGỌC MA-NI HAY LỖ THOÁT NƯỚC

Thuở xưa có một anh chàng tư thông với vợ người. Một hôm, hai người đang gian dúi thì người chồng đi xa trở về. Anh chồng biết được việc ấy nên đứng ngoài cửa dự tính khi tên gian phu chạy ra sẽ xuống tay sát hại. Người vợ đoán biết nên bảo với tình nhân:

– Chồng em đã phát hiện rồi, nay anh không thể ra ngoài được. Chỉ còn có ma-ni¹ mới thể ra ngoài được.

Ý cô ta là muốn người tình men theo lỗ thoát nước để thoát ra. Chàng ta lại hiểu lầm là ngọc ma-ni nên cứ loanh quanh trong phòng tìm kiếm. Kiếm mãi không biết ngọc ma-ni bảo châu ở chỗ nào, gã liền nói:

– Kiếm không được ngọc ma-ni, ta quyết không ra ngoài.

Thế rồi y cứ loay hoay ở mãi trong phòng nên cuối cùng bị giết chết.

¹. Ma-ni cũng là từ dùng để gọi theo lỗ để thoát nước (ống cống)

Kẻ phàm phu cũng lại như thế. Nghe có người nói: “Trong cảnh sinh tử vô thường, khổ, không, vô ngã, cần rời xa hai cực đoan chấp thường hay chấp đoạn mà trú trong trung đạo. Trú trong lý trung đạo mới có thể được giải thoát”, họ lại giải nghĩa một cách sai lạc nên suy tư, tìm hiểu vấn đề thế giới có giới hạn hay không có giới hạn cho đến chúng sinh có chủ thể hay không có chủ thể. Cuối cùng không thể lãnh hội được chân nghĩa của trung đạo. Đột nhiên bị vô thường lôi kéo thân hoại mạng chung sẽ phải rơi vào ba đường ác cũng như anh chàng ngốc kia mãi tìm kiếm ngọc ma-ni nên bị người giết.



95- VỢ CHỒNG CHIM BÒ CÂU

Thuở xưa có một cặp chim bò câu trống mái cùng ngụ trong một cái tổ. Mùa thu khi quả chín, chúng tha quả về chứa đầy trong tổ. Sau đó một thời gian, quả bị khô giảm đi chỉ còn nửa tổ. Chim trống tức giận mắng chim mái:

– Chúng ta khó nhọc cực khổ lắm tha quả về tổ, thế mà cô lại lén ăn một mình để nay quả chỉ còn lại nửa tổ.

Chim mái liền đáp:

– Tôi nào lén ăn một mình. Tự quả giảm đi đây chứ!

Chim trống không tin, phần nộ nói:

– Không phải cô lén ăn một mình thì nguyên do gì quả bị mất đi chứ?

Nói dứt lời nó liền lấy mỏ mổ chết chim mái. Chưa được vài ngày, trời mưa tầm tã, quả trong tổ gặp ẩm ướt trở lại như cũ. Bò câu trống thấy thế mới hối hận: “Quả thật cô ta không ăn, ta đã giết oan cô ta rồi!”, rồi sàu nảo cất tiếng kêu thảm thiết gọi chim mái:

– Em ơi! Em đã bay tận phương nào?

Kẻ phạm phu cũng như thế. Khởi tâm điên đảo, mê đắm thú vui nhục dục, chẳng biết quán niệm vô thường, phạm vào trọng giới. Sau đó hối hận thì không còn kịp nữa. Cuối cùng chỉ còn khóc than sàu lụy như con bò câu ngu ngốc kia.



96- NÓI DỐI MẮT MÙ

Thuở xưa có một người thợ mộc làm việc cho nhà vua không chịu đựng nổi cực khổ, nói dối là mắt mù nên thoát khỏi được lao khổ. Có người thợ khác nghe được chuyện ấy liền muốn hủy hoại đôi mắt của mình để lấy cớ trốn khỏi nỗi khổ lao dịch. Có người biết chuyện liền ngăn cản:

– Tại sao anh lại muốn tự hủy đôi mắt để phải chịu nỗi khổ mù lòa như thế?

Hạng người ngu như thế đều bị thiên hạ cười

khinh.

Kẻ phàm phu cũng lại như thế. Vì đôi chút tiếng tăm và lợi lộc nên cố ý nói dối, hủy hoại tịnh giới. Đến khi thân hoại mạng chung phải rơi vào ba đường ác cũng như người ngu kia vì cái lợi trước mắt mà tự muốn hủy hoại đôi mắt của mình vậy.



97- BỊ CƯỚP ĐOẠT MẮT ÁO LÔNG

Thuở xưa có hai người bạn đồng hành, đi đến một cánh đồng rộng khoáng vắng. Một người đang mặc áo lông bị bọn cướp bắt được lục soát bên đường. Người kia nhanh chân trốn vào trong đám cỏ. Anh chàng bị cướp áo lông lúc ra đi đã giấu trên cổ áo lông một đồng tiền vàng, lúc này lên tiếng van nài bọn cướp:

– Chiếc áo đó giá trị vừa đúng một đồng tiền vàng. Nay tôi xin được lấy một đồng tiền vàng để chuộc lại chiếc áo.

Bọn cướp liền tra hỏi:

– Tiền vàng nay ở đâu?

Anh ta rạch cổ áo lấy đồng tiền ra, nói với bọn cướp:

– Đây là vàng thật đấy. Nếu không tin lời tôi, nay trong bụi cỏ đằng kia có một người thợ kim hoàn rất giỏi, các ông có thể hỏi y thì rõ.

Bọn cướp phát hiện ra người thứ hai lại lấy luôn

y phục của anh ta.

Người ngu như thế nên mất hết tất cả, cả áo lông lẫn tiền vàng. Tự mình mất của còn khiến cho người khác mất theo.

Kẻ phạm phu cũng thế. Tu tập các phẩm trợ đạo, tạo được một số công đức nhưng bị giặc phiền não cướp mất thiện pháp nên tiêu hoại hết mọi công đức. Không những tự đánh mất lợi lạc của bản thân còn khiến cho bạn đồng tu tổn hại đạo nghiệp. Sau khi chết phải rơi vào ba đường ác cũng như gã ngốc trên làm bản thân và bạn mình mất sạch của cải vậy.



98- ĐỨA TRẺ ĐƯỢC RÙA

Thuở xưa có một đứa trẻ đi chơi trên đường bắt được một con rùa to. Ý nó muốn giết con rùa nhưng không biết cách nào để thực hiện. Nó liền đi hỏi người khác:

– Làm thế nào để giết con rùa này?

Có người lên tiếng:

– Cháu hãy quăng con rùa vào trong nước thì giết nó được ngay.

Bấy giờ, đứa trẻ tin ngay lời đó nên quăng con rùa xuống nước. Con rùa gặp nước lập tức bơi đi.

Kẻ phạm phu cũng lại như thế. Muốn phòng hộ sáu căn, tu tập các công đức nhưng không biết

phương pháp tu tập nên tham vấn ý kiến mọi người: “Phải tạo nhân duyên gì mới được giải thoát?”. Bọn ngoại đạo tà kiến, thiên ma Ba-tuần và lũ bạn ác liềm nói: “Người chỉ cần để hết tâm ý vào sáu trần, buông thả tình cảm theo năm dục. Nếu người theo lời của ta thì ắt hẳn sẽ được giải thoát.” Nếu người ngu ấy không suy tư thâm xét làm theo lời ấy thì khi thân hoại mạng chung phải rơi vào ba đường ác cũng như đứa trẻ kia ném rùa xuống nước vậy.



KỆ CUỐI QUYỂN

*Luận trên tôi tuyển soạn
Hòa trong thể truyện vui
Phần nhiều làm ảnh hưởng
Giáo thuyết thể trang nghiêm
Nên thâm tường văn nghĩa
Điều nên, điều chẳng nên.
Thuốc trị độc vị đắng
Hợp cùng vị đường ngon
Thuốc để tiêu trừ bệnh
Luận này cũng như trên.
Tiểu văn hòa chánh pháp
Như thuốc trị mê cuồng
Khiến chánh pháp tịch tĩnh
Chiếu sáng cõi trần gian*

Như uống thuốc thổ hạ²
Dùng sữa để nhuận thân
Tôi nay theo lý đó
Rộng truyền nghĩa vô vi.
Như Thánh được bất tử³
Phải lấy lá bọc ngoài
Dùng thuốc trong trừ bệnh
Là bọc cần thái hời.
Tiểu văn như bao lá
Nghĩa thật tàng ẩn trong
Người trí tuyển thật nghĩa
Tiểu văn cần xả ly.

Tôn giả Tăng-già-tư-na tuyển soạn xong kinh
Bách Dụ.



² Thuốc thổ hạ: thuốc mửa.

³ A-già-đà (Pāli: agada): tên một thứ thuốc ngừa trị mọi loại bệnh. Hán dịch là Phổ khứ, Vô giá hay Bất tử được ...

SỐ 210

KINH PHÁP CÚ

*Tuyển soạn: Tôn giả Pháp Cúu. Hán dịch: Đời Ngô,
Sa-môn Duy-kỳ-nan, người xứ Thiên trúc.*

QUYỂN THƯỜNG

Phẩm 1: VÔ THƯỜNG (có 21 bài)

Phẩm Vô Thường dạy

Tĩnh ngộ dục loạn

Mạng sống khó giữ

Đạo pháp là chân.

Tĩnh giác ngủ nghỉ

Ý nên hoan hỷ

Nghe lời ta đọc

Những lời Phật dạy.

Các hành vô thường

Là pháp thay đổi

Đã sinh phải chết

Tịch diệt an lạc.

Như người thợ gốm

Nặn lu vò đất

Rồi chúng phải bể

Mạng người cũng vậy.

*Dòng sông chảy xiết
Đi không trở lại
Mạng người cũng vậy
Già không trẻ lại.*

*Như người cầm gậy
Chăn bò đi ăn
Già chết cũng vậy
Lùa mạng sống đi.*

*Trăm ngàn vô số
Nam nữ giàu sang
Tài sản rất nhiều
Nhưng vẫn phải chết.*

*Ngày đêm, đời sống
Sinh mạng giảm dần
Tuổi thọ tiêu hao
Như nước vũng cạn.*

*Thường phải bị đoạn
Cao phải bị rơi
Hợp phải chia lìa
Sống phải có chết.*

*Chúng sinh xung đột
Tự hại mạng mình
Tự làm tự đọa*

Tự chịu họa phước.

*Già bị đau khổ
Chết tâm ý là
Tham luyến gia đình
Luân hồi không dứt.*

*Than ôi! Già đến
Nhan sắc suy tàn
Ít khi vừa ý
Già bị lệ thuộc.*

*Tuy sống trăm năm
Rồi cũng phải chết
Già cả chán ngán
Bệnh hoạn suốt đời.*

*Ngày nay đã qua
Mạng sống giảm bớt
Như cá ít nước
Có vui sướng gì.*

*Già thì hết đẹp
Bệnh hoạn phá hoại
Thân hình suy tàn
Tất nhiên phải chết.*

Thân này chẳng quý

Nơi chầy nhor nhóp
Bệnh tật trời buộc
Bị nạn già chết.

Tham dục phóng đãng
Phát triển phi pháp
Không biết thịnh suy
Mạng sống vô thường.

Không thể nhờ con
Hay nhờ cha anh
Thần chết đến bắt
Chẳng ai cứu được.

Ngày đêm lười biếng
Già vẫn tham dâm
Có tiền không thí
Không học Phật pháp
Có bốn tặc này
Là tự hại mình.

Không lên trời xuống biển
Chẳng trốn vào giữa núi
Không có địa phương nào
Sống mãi không bị chết.

Việc này ta đã làm
Ta sẽ làm như vậy

*Người vì nó quấy nhiễu
Sống trong khổ già chết.*

*Biết vậy, tự an tịnh
Đời sống này tận cùng
Tỳ-kheo phá bình ma
Giải thoát khỏi sinh tử.*



Phẩm 2: GIÁO HỌC (có 29 bài)

*Phẩm Giáo Học này
Hướng dẫn tu hành
Giải trừ ngu si
Được thấy đạo sáng.*

*Hãy thức! Chớ ngủ nữa
Loài rận ốc ve mọt
Ẩn náu trong bất tịnh
Mê hoặc cho là thân.*

*Như thân bị vết thương
Tâm như trẻ bị đau
Gặp những ách nạn này
Sao yên tâm nằm ngủ?*

*Biết vậy, không phóng dật
Làm thiện, học pháp thiện*

*Do đó không có khổ
Chánh niệm trừ ý ác.*

*Chánh kiến học tập tăng
Làm sáng cho thế gian
Sống phước đức tăng trưởng
Chết không đọa cảnh ác.*

*Chớ học pháp nhỏ
Khỏi tin tà kiến
Không sống phóng đãng
Ý dục không tăng.*

*Khéo tu, hành pháp
Học tập, giữ giới
Hành đạo không khổ
Đời đời an ổn.*

*Siêng học, giữ thân
Cẩn thận ý, lời
Là đến bất tử
Tịch diệt được an.*

*Chớ học phi pháp
Hành theo chánh pháp
Đã biết phải nhớ
Thì diệt hết lậu.*

*Pháp lợi ích thân
Đưa đến chỗ thiện
Biết vậy siêng làm
Là bậc Hiền minh.*

*Hiếu rõ thật nghĩa
Học đạo vững chắc
Đoạn diệt tham dục
Không còn sinh nữa.*

*Vững theo hướng đúng
Học đúng chánh pháp
Từ đó hiếu nghĩa
Ghi nhớ thực hành.*

*Trước học đoạn ái
Phế vua, hai quan
Đuổi kẻ tùy tùng
Đạo nhân bậc thượng.*

*Không bạn bằng mình
Không có bạn lành
Thà thiện một mình
Không bạn kẻ ngu.*

*Thích giới, học hành
Bè bạn làm gì
Một mình an lạc*

Như voi hoang dã.

*Giới, văn đều đủ
Bậc hiền song toàn
Giới thơm, học rộng
Học hành như thật.*

*Học trước hộ giới
Thông suốt mở đống
Cho nhưng không nhận
Tinh tấn chớ lười.*

*Người nào sống trăm năm
Tà kiến tâm không thiện
Không bằng sống một ngày
Tinh tấn học chánh pháp.*

*Người nào sống trăm năm
Thờ lửa tu tà thuật
Không bằng trong khoảng khắc
Trì giới phúc thắng hơn.*

*Làm được mới nói ra
Không làm, chớ nói suông
Hư nguy không thành tín
Bậc trí tránh thật xa.*

Học trước cần phải hiểu

*Quan sát rõ đúng sai
Hiểu đúng mới dạy người
Tuệ sáng không mê lầm.*

*Đội tóc học đạo tà
Áo cỏ, tâm tham dục
Mê mờ không biết đúng
Như điếc nghe âm nhạc.*

*Học cần bỏ ba ác
Dùng thuốc trừ các độc
Trượng phu vượt sinh tử
Như rắn lột vỏ cũ.*

*Học đến quảng bác
Trì giới thanh tịnh
Hai đời được khen
Sở nguyện thành tựu.*

*Học vấn tâm thường
Trì giới thiếu sót
Hai đời chịu khổ
Bản nguyện không thành.*

*Học vấn có hai
Thân bậc đa văn
Hiểu đúng nghĩa thật
Tuy khổ, không sai.*

*Lúa ma hại lúa
Đa dục hại học
Cào sạch các ác
Thu hoạch được nhiều.*

*Nghĩ kỹ mới nói
Lời không thô bạo
Nói đúng pháp, nghĩa
Lời chẳng nghịch nhau.*

*Học giỏi không phạm
Sợ pháp, biết cảm
Biết tận việc nhỏ
Giới không hậu hoạn.*

*Viễn ly tội phước
Chuyên thành phạm hạnh
Trọn đời tự giữ
Mới gọi học giỏi.*



Phẩm 3: ĐA VĂN (có 19 bài)

*Phẩm Đa văn này
Khuyến khích học tập
Học nhiều thành Thánh
Tự đến Chánh giác.*

Đa văn, sức thật vững
Lấy pháp làm tường rào
Tinh tấn, không gì phá
Từ đó giới tuệ thành.

Đa văn làm chí sáng
Đã sáng trí tuệ tăng
Trí sáng hiểu nghĩa rộng
Hiểu nghĩa hành đúng pháp.

Đa văn trừ lo buồn
Sống hân hoan trong định
Giới giảng pháp cam lộ
Tự chứng đắc Niết-bàn.

Từ nghe biết Pháp luật
Giải nghi, được chánh kiến
Nhờ nghe bỏ tà pháp
Hành đến chỗ bất tử.

Nhờ thầy giỏi, thấy đạo
Giải nghi nên học sáng
Làm tăng trưởng thanh tịnh
Phụng trì được Pháp tạng.

Ghi nhớ thì hiểu nghĩa
Hiểu thì giới thanh tịnh

*Người thọ pháp trì pháp
Từ đó mau được an.*

*Kẻ hiểu biết ít nhiều
Tự đại, kiêu với người
Như kẻ mù cầm đuốc
Soi người, chẳng sáng mình.*

*Người cầu tước vị, tài
Giàu sang và phước trời
Các sức mạnh thế gian
Đa văn là bậc nhất.*

*Vua cung kính Đa văn
Thiên trên trời cũng vậy
Đa văn kho báu nhất
Là giàu nhất, mạnh nhất.*

*Bậc trí vẫn chịu khuất
Bậc tin đạo cũng mến
Vua người, trời Thích, Phạm
Đều kính trọng Đa văn.*

*Tiên nhân kính Đa văn
Huống chi người phú quý
Vây lấy tuệ làm quý
Đáng lẽ, chẳng gì hơn.*

*Kính mặt trời vì sáng
Thờ cha vì ân nặng
Thờ vua vì quyền lực
Vì học thờ Đạo nhân.*

*Vì mạng cầu thầy thuốc
Muốn thắng dựa kẻ mạnh
Pháp tại nơi trí tuệ
Phước làm sáng đời đời.*

*Xét bạn ở mưu tính
Phân biệt bạn khi gặp
Xem vợ, lúc thú vui
Biết kẻ trí theo lời.*

*Đa văn lợi đời này
Vợ con, anh em, bạn
Phước đến tận đời sau
Học nhiều thành Thánh trí.*

*Muốn trừ hết ưu buồn
Và không còn tai họa
Được an ổn kiết tường
Nên thờ bậc Đa văn.*

*Bị búa khổ chém sâu
Bị tên ngu bắn trúng
Sức mạnh không thể nhỏ*

Chỉ nhờ Đa văn trừ.

*Mù nhờ học có mắt
Tối nhờ học được đuốc
Hương dẫn người thế gian
Như sáng dẫn người mù.*

*Vậy nên phải trừ si
Bỏ kiêu mạn giàu sang
Theo học bậc Đa văn
Mới đúng là chứa đức.*



Phẩm 4: ĐỐC TÍN (có 18 bài)

*Phẩm Đốc Tín dạy
Gốc việc học đạo
Quả do nhân chánh
Đi không quay lại.*

*Tín tâm giới ý tài
Pháp này bậc Thiện khen
Đạo này minh trí dạy
Theo đúng sinh cõi trời.*

*Ngu không tu Thiên hạnh
Không khen, không bỏ thí
Tín thí, giúp làm thiện*

Từ đó đạt an ổn.

*Chân nhân tín đứng đầu
Niệm pháp này an ổn
Gần tín ý cao thượng
Biết sống, sống Hiền thiện.*

*Tín làm đặc đạo
Pháp đến diệt độ
Từ nghe được trí
Đến chỗ sáng suốt.*

*Tín vượt vực sâu
Niệm định lái thuyền
Tinh tấn trừ khổ
Tuệ đến bờ kia.*

*Người có tín hạnh
Được bậc Thánh khen
Bậc vui vô vi
Giải thoát tất cả.*

*Tín cùng với giới
Trí tuệ tu hành
Trượng phu diệt sân
Thoát khỏi vực trần.*

Tín làm giới vững

*Trí tuệ phát sinh
Nơi nào tu hành
Chỗ ấy được lợi.*

*So lợi trong đời
Tuệ tín sáng suốt
Là tài bảo quý
Gia sản không bền.*

*Muốn thấy sự thật
Phải nghe giảng pháp
Xả bỏ tham lam
Đây chính là tín.*

*Tín vượt qua sông
Phước tín khó đoạt
Tín không bị trộm
Sa-môn sống vui.*

*Bất tín không học
Soi mới lời chánh
Như lấy nước suối
Quây cả bùn lên.*

*Hiền học tập trí
Suy nghĩ, không chê
Như khéo lấy nước
Mức chỗ dòng trong.*

*Tín không gây nhiễm
Dạy đức cho người
Tốt đẹp thì học
Tránh xa xấu ác.*

*Tín là chiếc xe
Chở ta không hư
Như điều voi lớn
Tự điều tối thượng.*

*Tín tài, giới tài
Tàm tài, quý tài
Văn tài, thí tài
Tuệ là bảy tài.*

*Từ tín giữ giới
Thanh tịnh quán pháp
Lợi hành bằng tuệ
Phụng trì không quên.*

*Sống có tài này
Không luận nam nữ
Không bao giờ nghèo
Bậc hiền biết đúng.*



Phẩm 5: GIỚI THẬN (có 16 bài)

*Phẩm Giới Thận này
Dạy bảo đường chính
Cấm chế tà quấy
Sau không hối hận.*

*Người thường thanh tịnh
Giữ luật trọn đời
Tịnh tu thiện hạnh
Như vậy giới thành.*

*Bậc tuệ giữ giới
Phước do Tam bảo
Được khen và lợi
Sau hưởng Thiên lạc.*

*Thường xem giáo pháp
Giữ giới sáng ra
Thấy được chân thật
Sống trong an lành.*

*Trì giới sống an
Làm thân không phiền
Đêm ngủ yên lành
Thức dậy hoan hỷ.*

*Tu giới bố thí
Làm phước gây phước*

*Vui sống như vậy
Đạt đến an ổn.*

*Thiện gì trọn đời
Thiện gì an ổn
Của báu là gì
Gì trộm không lấy?*

*Giới an đến già
Giới thiện an ổn
Tuệ là của báu
Phước trộm không lấy.*

*Tỳ-kheo giữ giới
Thu nhiếp các căn
Ăn biết tiết độ
Ý luôn tỉnh giác.*

*Lấy giới trị tâm
Giữ ý chánh định
Trong học chỉ quán
Không quên chánh trí.*

*Minh triết giữ giới
Tư duy chánh trí
Hành đạo như vậy
Tự tịnh trừ khổ.*

*Dứt trừ cầu nhiễm
Diệt mạn không sinh
Trọn đời cầu pháp
Không rời đạo Thánh.*

*Hiếu Giới, Định, Tuệ
Giỏi chánh tư duy
Đã trừ hết cầu
Chẳng còn họa gì.*

*Vượt qua chấp trước
Không còn sinh lại
Thoát khỏi ma giới
N như nhật sáng trong.*

*Dối gạt phóng đãng
Tránh không thân cận
Hành Giới, Định, Tuệ
Đầy đủ không thiếu.*

*Trì giới thanh tịnh
Tâm không phóng dật
Chánh trí giải thoát
Không gặp chúng tà.*

*Giới đến chỗ thiện
Là đường Vô thượng
Vứt bỏ đường sai*

Thoát ly ma giới.



Phẩm 6: DUY NIỆM (có 12 bài)

*Phẩm Duy Niệm dạy
Trước giữ thật rõ
Trong niệm hơi thở
Hiểu pháp hành đạo.*

*Niệm thở ra thở vào
Chánh tư duy đầy đủ
Thông suốt đầu đến cuối
An tịnh như Phật dạy.*

*Thế nên chiếu thế gian
Như mây tan trăng hiện
Động tĩnh học tư duy
Nằm ngồi luôn chánh niệm.*

*Tỳ-kheo sống chánh niệm
Trước lợi sau chiến thắng
Trước đắc, sau chắc thắng
Thoát không còn sinh tử.*

*Ai thấy ngay thân này
Do sáu xúc dẫn đầu
Tỳ-kheo thường nhất tâm*

Thì tự chứng Niết-bàn.

*Đã có các niệm này
Tự thân thường tỉnh tấn
Ai không làm như vậy
Không sao chứng đắc được.*

*Người làm theo bản hạnh
Vượt qua khổ vì ái
Ai chánh niệm tỉnh giác
Hiểu biết nhất tâm vui.*

*Tùy thời hành theo pháp
Vượt qua khổ già chết
Tỳ-kheo hiểu tâm ý
Phải chánh niệm thế này.*

*Dứt các niệm sinh tử
Vượt qua cảnh giới khổ
Thường phải nghe diệu pháp
Tự giác ngộ ý mình.*

*Tự giác là bậc Hiền
Không còn gặp luân hồi
Tương ứng với tỉnh giác
Ngày đêm siêng học hành.*

Nên hiểu đường cam lộ

*Diệt các lậu không còn
 Người được lợi tốt đẹp
 Nhờ quy y Phật pháp.*

*Thế nên suốt ngày đêm
 Thường niệm Phật, Pháp, Tăng
 Tự giác biết ý mình
 Mới là đệ tử Phật.*

*Thế nên ngày và đêm
 Thường niệm Phật, Pháp, Tăng
 Niệm thân, niệm vô thường
 Niệm giới, niệm bố thí
 Ngày đêm luôn luôn niệm
 Không, Vô nguyên, Vô tướng.*



Phẩm 7: TỪ NHÂN (có 18 bài)

*Phẩm Từ Nhân này
 Là pháp hành của
 Đại nhân Thánh nhân
 Đức tỏa vô lượng.*

*Nhân từ không giết
 Thường hộ trì thân
 Là nơi bất tử
 An lạc không khổ.*

*Không giết là nhân
Cẩn thận lời, ý
Là nơi bất tử
An lạc không khổ.*

*Hộ loạn, ta chính
Giữ lấy nhân từ
Nhân với phần nộ
Là bậc Phạm hạnh.*

*Thành thật từ tốn
Không nói thô ác
Không sân với họ
Là bậc Phạm hạnh.*

*Giữ đạo Từ bi
Không hại chúng sinh
Không gây phiền não
Là bậc Phạm hạnh.*

*Thường hành Từ bi
Sạch như lời Phật
Biết đủ, biết dừng
Thì thoát sinh tử.*

*Thiểu dục, hiếu học
Không mê vì lợi*

*Không phạm nhân từ
Đáng khen trên đời.*

*Nhân từ không hại
Tai họa không sinh
Người tranh nên khổ
Tuệ làm cho an.*

*Thân hiền, yêu khắp
Thương khắp chúng sinh
Thường hành tâm Từ
Đến đâu cũng an.*

*Nhân từ không tà
An tịnh không buồn
Chư Thiên hộ vệ
Trí giả ưa Từ.*

*Ngày đêm niệm Từ
Tâm không hà khắc
Không hại chúng sinh
Không có oán thù.*

*Không Từ, sát hại
Phạm giới, nói dối
Ngu không bố thí
Chẳng thương chúng sinh.*

Rượu làm mất chí
Hành động phóng dật
Sau đọa ác đạo
Do không thành thật.

Tu nhân hành Từ
Bác ái giúp khắp
Mười một điều khen
Phước thường theo thân.

Ngủ yên, thức yên
Không thấy ác mộng
Trời hộ, người thương
Không bị độc, binh
Không nạn nước, lửa
Hiện tại được lợi
Đời sau sinh Thiên
Là mười một điều.

Ai niệm tâm Từ
Vô lượng không ngừng
Sinh tử giảm dần
Được lợi thoát đời.

Nhân không loạn chí
Từ làm hạnh tốt
Thương xót chúng sinh
Phước này vô lượng.

*Giả sử trọn cuộc đời
Phục vụ khắp thiên hạ
Tế trời bằng ngựa voi
Thua một lần niệm Từ.*



Phẩm 8: NGÔN NGỮ (có 12 bài)

*Phẩm Ngôn Ngữ này
Để ngăn ngừa miệng
Nói năng đàm luận
Phải đúng đạo lý.*

*Nói ác mắng chửi
Kiêu lãng mạ người
Hành động như vậy
Thù oán phát sinh.*

*Ngôn ngữ hòa thuận
Tôn kính người khác
Nhẫn nhục, hòa giải
Thù oán tự diệt.*

*Người sống trên đời
Búa để trong miệng
Vì vậy chặt mình
Do lời nói ác.*

*Tranh vì lợi nhỏ
Như giết tiền thua
Từ đó tranh cãi
Làm ý hướng ác.*

*Ác được khen, khen ác
Cả hai đều là ác
Ưu đấu tranh bằng miệng
Theo đó là bất an.*

*Tà đạo đọa ác đạo
Tự tăng khổ địa ngục
Xa ngu, tu tâm nhân
Niệm đạo đế, không phạm.*

*Hành thiện được giải thoát
Làm ác không giải thoát
Bậc giải thoát là hiền
Thế nên thoát ác khổ.
Vứt bỏ ý tổn hại
Lời thân trọng thì đúng
Nói đúng nghĩa đúng pháp
Là lời êm dịu ngọt.*

*Người nói năng như vậy
Không gây nạn cho mình
Cũng không hại mọi người*

Vậy nên nói lời thiện.

*Lời nói đúng ý người
Tất làm người hoan hỷ
Không phát sinh ác ý
Nói ra người hài lòng.*

*Lời ngọt ngào chí thành
Đúng pháp mà không lỗi
Thật đúng nghĩa đúng pháp
Là đứng gần với đạo.*

*Người nói đúng lời Phật
Là bước đầu giải thoát
Nói đúng theo giáo pháp
Là lời nói tối thượng.*



Phẩm 9: SONG YẾU (có 22 bài)

*Phẩm Song Yếu dạy
Từng cặp sáng nhau
Thiện ác có báo
Ý nghĩa đi đôi.*

*Tâm là gốc pháp
Tâm chủ tâm sai
Suy nghĩ, nói, làm*

Theo tâm niệm ác
Tội khổ đi theo
Như xe theo vết.

Tâm là gốc pháp
Tâm chủ tâm sai
Suy nghĩ, nói, làm
Theo tâm niệm thiện
Phước lạc đi theo
Như bóng theo hình.

Làm theo ý tà
Tăng thêm ngu tối
Tự đại, không pháp
Sao hiểu lời thiện.

Làm theo ý chánh
Càng thêm hiểu rõ
Không có đồ kỵ
Thông hiểu lời thiện.

Hận thù kẻ oán
Không sao hết oán
Không oán, hết oán
Đường này nên theo.

Không ưa trách người
Gắng xét tự thân

*Ai biết điều này
Diệt hết khổ đau.*

*Thấy thân mình tịnh
Không giữ sáu căn
Ăn uống vô độ
Biếng nhác, khiếp nhược
Bị tà chế ngự
Như gió phá cỏ.*

*Quán thân bất tịnh
Kiểm soát sáu căn
Ăn biết điều độ
Thường vui tinh tấn
Không bị tà lay
Như gió thổi núi.*

*Không mửa thối độc
Tâm dục lãng xãng
Thân tâm chưa điều
Không xứng pháp y.*

*Mửa thối độc ra
Giới ý an tịnh
Điều phục thân tâm
Xứng với Pháp y.*

Lấy chân làm nguy

Lấy nguy làm chân
Đây là tà kiến
Không được lợi thật.

Mái nhà không kín
Trời mưa tất dột
Ý không tu tập
Dâm dật xen vào.

Mái nhà lợp kín
Mưa chẳng dột vào
Giữ ý tu tập
Dâm dật không sinh.

Kẻ xấu nhiễm người
Như gần vật thối
Mê dâm thêm quấy
Bỗng nhiên thành ác.

Bậc thiện nhiễm người
Như gần hương thơm
Tăng trí thêm thiện
Thành hạnh sạch thơm.

Làm buồn, sau buồn
Làm ác, hai buồn
Ác chỉ lo sợ
Thấy tội tâm sợ.

*Làm vui, sau vui
Làm thiện, hai vui
Người thiện chỉ vui
Thấy phước tâm an.*

*Nay hối, sau hối
Làm ác, hai hối
Tự gây tai ương
Chịu tội khổ đau.*

*Nay vui, sau vui
Làm thiện, hai vui
Tự giúp cho mình
Hưởng phúc vui mừng.*

*Xảo ngôn tham cầu
Phóng đãng, không giới
Chứa dâm, nộ, si
Vì không chỉ, quán.*

*Tự lại như trâu
Chẳng phải Phật tử.
Nói đúng, ít muốn
Hành đạo như pháp.*

*Trừ dâm, nộ, si
Chánh niệm tỉnh giác*

*Không chạy theo trần
Là đệ tử Phật.*



Phẩm 10: PHÓNG DẬT (có 20 bài)

*Phẩm Phóng Dật dạy
Dùng luật ngăn tình
Phòng ngừa sai quấy
Lấy đạo khuyến hiền.
Giới là đường cam lộ
Phóng dật là nẻo chết
Không tham thì bất tử
Bỏ đạo là tự sát.*

*Tuệ trí giữ đạo thẳng
Không hành động phóng dật
Không tham đến hoan hỷ
Từ đó được pháp lạc.*

*Thường tư duy niệm đạo
Cương quyết giữ chánh hạnh
Bậc dũng mãnh vượt đời
Được an lành tối thượng.*

*Luôn an trú chánh niệm
Hành tịnh, dễ diệt ác
Tự chế, sống trong pháp*

Không phạm, tăng thêm thiện.

*Hành động không phóng dật
Khắc kỷ, tự điều tâm
Tuệ làm định sáng suốt
Không trở lại vực tối.*

*Kẻ ngu ý nan giải
Tham loạn, thích tranh cãi
Thượng trí thường thận trọng
Giữ vậy là tôn quý.*

*Chớ tham, đừng tranh cãi
Cũng đừng tham dục lạc
Tâm tư không phóng dật
Tất được an ổn lớn.*

*Ai tự ngăn phóng dật
Chế ngự được là hiền
Đã lên lầu trí tuệ
Thoát ách nạn được an
Minh trí xem kẻ ngu
Như trên núi nhìn đất.*

*Trong loạn, thân vẫn chánh
Người độc lập giác ngộ
Sức này hơn sư tử
Virt ác là Đại trí.*

Thùy miên nặng như núi
Che đậy làm si ám
Tham nằm chẳng biết khổ
Nên thường bị thọ thai.

Phóng dật chẳng kể lúc
Không ngăn diệt các lậu
Buông lung bị ma bắt
Như sư tử bắt nai.

Ai không sống phóng dật
Là Tỳ-kheo có giới
Người tư duy thanh tịnh
Thường nên tự hộ tâm.

Tỳ-kheo cẩn thận lạc
Phóng dật nhiều khổ nạn
Biến chuyển nhỏ thành lớn
Chứa ác bị lửa thiêu.

Giữ giới được phước thiện
Phạm giới tâm sợ hãi
Đoạn hữu lậu ba cõi
Nhất định gần Niết-bàn.

Ai trước phóng dật
Sau tự ngăn cấm

*Nhờ đủ niệm định
Chiếu sáng thế gian.*

*Trước làm làm ác
Hối hận làm thiện
Chiếu sáng thế gian
Nhờ đủ niệm thiện.*

*Tuổi trẻ xuất gia
Siêng tu lời Phật
Chiếu sáng thế gian
Như trăng tan mây.*

*Người trước làm ác
Sau không làm nữa
Chiếu sáng thế gian
Như trăng tan mây.*

*Sống không gây hại
Chết chẳng lo sợ
Đã thấy đường đúng
Theo đó chớ ưu.
Đoạn pháp bản đen
Chỉ học pháp trắng
Vượt vực, qua luôn
Không sống buông lung
Không nhiễm dục lạc
Dục hết, không ưu.*



Phẩm 11: TÂM Ý (có 12 bài)

*Phẩm Tâm Ý dạy
Tâm ý tinh thần
Tuy chúng vô hình
Tạo tác vô cùng.*

*Tâm ý chạy rong
Khó giữ khó ngăn
Tuệ chánh từ gốc
Mới sáng tỏ lên.*

*Khinh suất khó giữ
Tham dục đi theo
Ngăn ý là thiện
Tự điều thì an.*

*Ý nhỏ khó thấy
Hoạt động theo dục
Thường giữ bằng tuệ
Giữ được thì an.*

*Một mình đi xa
Ẩn núp vô hình
Vứt ý, gần đạo
Tháo đứt dây ma.*

*Không niệm hơi thở
Cũng không biết pháp
Mê đắm thế sự
Không có chánh trí.*

*Ý niệm chẳng ngừng
Bất tuyệt luân hồi
Phước làm cạn ác
Giác ngộ là hiền.*

*Phật dạy tâm pháp
Vi tế không chân
Nên giác, chớ theo
Tâm ý phóng dật.*

*Thấy pháp được an
Sở nguyện thành tựu
Tuệ giữ tâm ý
Đoạn nhân duyên khổ.*

*Thân này không lâu
Trở về cát bụi
Xác nát, thức đi
Có gì tham luyến.*

*Tâm nơi tạo tác
Qua lại không ngừng*

*Nghĩ nhiều tà ác
Tự rước tai ương.*

*Ý này tự tạo
Chẳng do cha mẹ
Gắng sức hướng chánh
Làm phước chớ lùi.*

*Giấu thân như rùa
Phòng ý như thành
Tuệ đánh cùng ma
Thắng không còn nạn.*



Phẩm 12: HOA HƯƠNG (có 17 bài)

*Phẩm Hoa Hương này
Dạy học nên hành
Nhờ hoa, thấy pháp
Bỏ ngại, về chân.*

*Ai chọn cảnh giới
Bỏ ngục sinh Thiên
Ai giảng Pháp cú
Như chọn hoa đẹp.*

*Hữu học chọn cảnh
Bỏ ngục sinh Thiên*

*Khéo giảng Pháp cú
Như chọn hoa đứơc.*

*Biết đời như góm
Giả huyễn vô thường
Phá vòng hoa ma
Không còn sinh tử.*

*Bệnh thì suy yếu
Như hoa tàn rụng
Thần chết đến tìm
Nhanh như nước dổc.*

*Tham dục không chán
Tiêu tan ý chí
Tà dụng tài sản
Là tự hại mình.*

*Ong đậu trên hoa
Không hại sắc hương
Lấy mật rồi bay
Tỳ-kheo cũng vậy.*

*Chẳng cố xem người
Làm hay không làm
Hãy tự xét mình
Đúng hay không đúng.*

Như hoa vừa ý
Sắc đẹp không hương
Nói hay cũng vậy
Không làm vô ích.

Như hoa vừa ý
Sắc đẹp thêm hương
Nói hay, làm giỏi
Tất được quả phước.

Làm nhiều hoa báu
Kết thành vòng đẹp
Chứa nhiều hương đức
Sống đâu cũng tốt.

Hoa thơm cỏ lạ
Hương không ngược gió
Gần đạo hiểu ra
Hương đức tỏa khắp.

Chiên-đàn nhiều hương
Sen xanh hoa thơm
Tuy thật có thơm
Không bằng hương giới.

Hương hoa thơm ít
Không phải thật thơm
Hương thơm giữ giới

Thơm tận trời cao.

*Giữ giới đầy đủ
Không sống phóng dật
Định ý giải thoát
Qua khỏi đường ma.*

*Như nơi ruộng nước
Gần bên đường lớn
Sen mọc trong đó
Thơm vừa ý người.*

*Giữa sinh tử cháy
Sống trong phàm phu
Tuệ vui giải thoát
Là đệ tử Phật.*



Phẩm 13: NGU ÁM (có 21 bài)

*Phẩm Ngu Ám này
Khai hóa ngu si
Bỏ thói quen cũ
Làm cho sáng suốt.*

*Không ngủ đêm dài
Mệt mỗi đường dài
Ngu sinh tử dài*

Không biết Chánh pháp.

*Ý ngu thường tới
Trôi chảy như sông
Cố làm một mình
Riêng tư không bạn.*

*Kẻ ngu toan tính
Ưu buồn dài dài
Sống với kẻ ngu
Đã khổ thêm oán.*

*Có con, tài sản
Kẻ ngu lo lắng
Thân ta chẳng có
Lo gì con, của.*

*Mùa nóng ở đây
Mùa lạnh ở đấy
Ngu nhiều suy tính
Chẳng biết vô thường.*

*Ngu tới thật ngu
Tự cho mình trí
Ngu tưởng hơn trí
Thật đúng là ngu.*

Ngu si gần trí

*Như muổng mức vị
Tuy gần lâu ngày
Vẫn không biết pháp.*

*Thông minh gần trí
Như lười nếm mùi
Tuy học chốc lát
Hiểu được đạo sâu.*

*Người ngu làm việc
Gây họa cho thân
Tâm ưa làm ác
Tự nhận nạn lớn.*

*Hành vi không thiện
Sau thấy hối hận
Rơi lệ khóc than
Quả báo do làm.*

*Hành vi đức thiện
Sau thấy hoan hỷ
Tương lai hưởng phước
Vui việc đã làm.*

*Tội chưa kết quả
Ngu vẫn điềm nhiên
Khi quả trở ra
Tự chịu tội lớn.*

*Mong muốn của ngu
Không biết sẽ khổ
Khi bị ách nạn
Mới biết bất thiện.*

*Kẻ ngu làm ác
Không biết là sai
Họa theo tự đốt
Tội thành lửa cháy.*

*Ngu tham ăn ngon
Tháng ngày đắm sâu
Trong mười sáu phần
Chẳng nghĩ một pháp.*

*Kẻ ngu suy nghĩ
Những việc bất lợi
Tự bị dao gây
Quả báo như in.*

*Xem hành động biết ngu
Không cho, tham cầu nhiều
Bị vào đường vô trí
Luôn luôn hành động ác.*

*Kẻ xa đạo gần dục
Vì ăn, lại háo danh*

*Tham thân cận nhà người
Để nhận nhiều cúng dường.*

*Học chớ tham vọng nhiều
Sa-môn chớ ở nhà
Tham nhà, trái lời Phật
Thì sau chịu thiếu thốn.*

*Hạnh này đồng kẻ ngu
Chỉ làm dục mạn tăng
Ý nguyện cầu lợi dưỡng
Ý cầu đạo khác nhau.*

*Vậy nên phải biết rõ
Đệ tử Phật vượt lên
Vứt ái, bỏ thói đời
Không còn đọa sinh tử.*



Phẩm 14: MINH TRIẾT (có 17 bài)

*Phẩm Minh Triết này
Nêu hạnh có trí
Tu phước tấn đạo
Pháp là gương sáng.*

*Quán rõ thiện ác
Tâm biết sợ hãi*

*Sợ không phạm ác
An lành không buồn.*

*Nên đời có phước
Tư niệm mới làm
Thiện đạt sở nguyện
Phước lộc tăng thêm.*

*Tín thiện làm phước
Chừa lành không chán
Tin có âm đức
Lâu tất tốt đẹp.*

*Thường tránh vô nghĩa
Không thân kẻ ngu
Nghĩ theo bạn hiền
Thân cận Thượng sĩ.*

*Vui pháp nằm yên
Tâm vui ý sạch
Thánh nhân dạy pháp
Tuệ thường vui làm.*

*Hiền nhân, trí giả
Trai giới phụng đạo
Như trăng giữa sao
Chiếu sáng thế gian.*

*Thợ cung chuốc tên
Thủy thủ lái thuyền
Thợ mộc đẽo gổ
Người trí điều thân.*

*Như tảng đá lớn
Gió không lay động
Bậc trí ý vững
Khen chê không nghiêng.*

*Như vực nước sâu
Trong suốt yên tĩnh
Bậc tuệ nghe đạo
Tâm tịnh hân hoan.*

*Bậc đại nhân vô dục
Xử sự thật quang minh
Gặp phải vui hay khổ
Không kiêu, hiện trí mình.*

*Hiền nhân không thế sự
Không mong con, tiền, quốc
Thường giữ đạo giới tuệ
Chẳng tham phú quý tà.*

*Bậc trí biết đổi thay
Như cây mọc trong cát
Bạn hữu chỉ chưa vững*

Như trắng dễ nhiễm màu.

*Đời chìm trong vực
Ít người vượt qua
Nếu có người nào
Muốn vượt phải nhanh.*

*Thành khẩn cầu đạo
Thọ trì chánh pháp
Là gần bờ kia
Thoát chết lên bờ.*

*Đoạn pháp năm âm
Chánh tư trí tuệ
Không chìm lại vực
Sáng suốt vượt ra.*

*Chế ngự dục tình
Tuyệt dục vô vi
Tự mình cứu độ
Chuyển ý thành tuệ.*

*Học giữ chánh trí
Ý theo chánh đạo
Nhất tâm thọ pháp
Không sinh dục lạc
Lậu hết, tập trừ
Là được giải thoát.*



Phẩm 15: LA HÁN (có 10 bài)

*Phẩm La-hán này
Nói tánh chân nhân
Thoát dục không trước
Tâm không thay đổi.
Virt bỏ lo buồn
Thoát ly tất cả
Mở hết triền phược
Mát không còn nóng.*

*Tịnh tâm chánh niệm
Không tham dục gì
Đã vượt vực si
Như nhận bỏ ao.*

*Ăn uống vừa đủ
Không dùng quá độ
Tâm không vô tướng
Thoát các cảnh giới.*

*Như nhận trên không
Bay xa không ngại
Hết thế gian tập
Không còn ngưỡng thực.*

*Tâm hư, không nạn
Đến chỗ giải thoát
Như nhạn bay cao
Vừa xuống, vượt qua.*

*Giữ căn từng phục
Như ngựa thuần thực
Bỏ thói kiêu mạn
Chư Thiên kính trọng.*

*Nhân nại như đất
Không động như núi
Chân nhân vô cầu
Hết đời sinh tử.*

*Tâm đã đứng lại
Nói, làm đã chánh
Theo đó giải thoát
Hương về tịch diệt.*

*Virt dục không đắm
Phá chương ba cõi
Không còn vọng tưởng
Là bậc Thượng nhân.*

*Làng xóm, hoang dã
Bình địa, cao nguyên
Chân nhân đến đâu*

Nơi ấy an lạc.

*Mọi người thích ôn
Vị ấy ưa yên
Vui không vọng tưởng
Không tham cầu gì.*



Phẩm 16: THUẬT THIÊN (có 16 bài)

*Phẩm Thuật Thiên này
Dạy người học kinh
Nhiều nhưng vô ích
Không bằng gọn đúng.*

*Đọc tụng ngàn lời
Củ nghĩa không chính
Chẳng bằng nghĩa chính
Nghe xong diệt ác.*

*Tuy tụng ngàn lời
Vô nghĩa ích gì
Không bằng một câu
Nghe, làm, giải thoát.*

*Tuy tụng nhiều kinh
Không hiểu ích gì
Hiểu một câu pháp*

Hành theo, đắc đạo.

*Ngàn ngàn quân địch
Một người đánh thắng
Không bằng tự thắng
Là thắng tối thượng.*

*Tự thắng tối thượng
Nên gọi người hùng
Hộ ý điều thân
Thận trọng đến cùng.*

*Tuy bậc Thiên tôn
Thần, Ma, Phạm thiên
Đều không thắng được
Người tự thắng mình.*

*Ngàn thág cúng tế
Trọn đời không bỏ
Không bằng chốc lát
Nhất tâm niệm pháp
Phước một niệm này
Hơn họ trọn đời.*

*Tuy cả trăm năm
Cúng tế thần lửa
Không bằng chốc lát
Cúng dường Tam bảo*

*Phước một cúng này
Hơn tể trăm năm.*

*Tể thân để cầu phước
Xét quả báo theo sau
Bốn phần chưa được một
Không bằng kính bậc Hiền.*

*Người lễ phép, làm thiện
Thường kính bậc Trưởng lão
Bốn phước tự nhiên tăng
Sắc, lực, thọ, bình an.*

*Người nào sống trăm năm
Bất chính, không trì giới
Không bằng sống một ngày
Giữ giới, chánh niệm thiện.*

*Người nào sống trăm năm
Tà nguy, không có trí
Không bằng sống một ngày
Nhất tâm học chánh trí.*

*Người nào sống trăm năm
Biếng nhác không tinh tấn
Không bằng sống một ngày
Hết sức hành tinh tấn.*

*Người nào sống trăm năm
Không biết việc thành bại
Không bằng sống một ngày
Biết tránh đến việc nhỏ.*

*Người nào sống trăm năm
Không thấy đạo cam lộ
Không bằng sống một ngày
Được hưởng vị cam lộ.*

*Người nào sống trăm năm
Không biết nghĩa đại đạo
Không bằng sống một ngày
Học tinh yếu Phật pháp.*



Phẩm 17: ÁC HÀNH (có 22 bài)

*Phẩm Ác Hành dạy
Cố ngăn người ác
Hành động tội báo
Phải chịu hoạn nạn.*

*Thấy thiện không theo
Tất tâm theo ác
Cầu phước bất chính
Tất thích tà dâm.*

*Phàm phu làm ác
Không chịu tự giác
Ngu si khoái ý
Sau thành độc hại.*

*Kẻ hung làm bạo
Đắm nhiễm làm hoài
Khoái ý làm ác
Tất phải bị tội.*

*Thiện nhân gây đức
Càng lúc tăng thêm
Tâm hoan hỷ làm
Tất được phước báo.*

*Yêu quái thấy phước
Khi ác chưa chín
Khi ác chín mùi
Tự chịu tội báo.*

*An lành tưởng họa
Khi thiện chưa chín
Khi thiện chín mùi
Tất hưởng phước báo.*

*Đánh người, bị đánh
Gây oán, bị oán
Mắng người, bị mắng*

Phần nô, bị nô.

*Phàm phu không học
Không biết Chánh pháp
Mạng sống này ngắn
Sao còn làm ác?*

*Chớ khinh ác nhỏ
Cho là không tội
Giọt nước tuy nhỏ
Dần đầy lu lớn
Phàm tội đầy tràn
Từ nhỏ tích thành.*

*Chớ khinh thiện nhỏ
Cho là không phước
Giọt nước tuy nhỏ
Dần đầy lu lớn
Phàm phước sung mãn
Từ ít trở thành.*

*Phàm người hành động
Dùng tốt báo xấu
Chính là vì mình
Không bị bại vong.*

*Thích lấy cho mình
Tự cho là đúng*

*Lấy được của kia
Người cũng chẳng còn.*

*Ác chưa đúng lúc
Như sữa mới vắt
Tội ẩn bên trong
Như lửa dưới tro.*

*Thích thú làm ác
Khi thân đã làm
Khóc lóc chịu báo
Tùy nghiệp chịu tội.*

*Làm ác không xét
Như binh chận đánh
Bị bắt mới biết
Đã làm việc ác
Sau chịu tội báo
Như trước đã làm.*

*Vết thương bị độc
Thuyền vào nước xoáy
Sống hành động ác
Phải bị thương tổn.*

*Gây ác vu báng người
Người thiện vẫn không nhe
Ác hại ngược kẻ ngu*

Như ngược gió tung bụi.

*Lỗi làm gây tội ác
Biết hối hận làm thiện
Người ấy sáng thế gian
Như trời không mây che.*

*Hành động ta đã làm
Sau chính ta thấy rõ
Làm thiện thì được thiện
Làm ác phải chịu ác.*

*Có người đọa bào thai
Kẻ ác đọa địa ngục
Làm thiện được sinh Thiên
Vô vi chứng Niết-bàn.*

*Không lên trời xuống biển
Không trốn vào lòng núi
Những nơi này không thể
Thoát nghiệp ác đã làm.*

*Chúng sinh bị khổ não
Không thoát khỏi già chết
Chỉ có bậc Trí nhân
Không nhớ ác của người.*



Phẩm 18: ĐAO TRƯỢNG (có 14 bài)

*Phẩm Đao Trượng dạy
Tu tập Từ bi
Không dùng đao trượng
Tàn hại chúng sinh.*

*Mọi loài đều sợ chết
Sợ roi, sợ đau đòn
Hãy ví dụ thân mình
Chớ giết, chớ bảo đánh.*

*Làm chúng sinh an ổn
Không gây độc khổ sở
Đời này không bị khổ
Đời sau mãi an ổn.*

*Không nên nói ác
Bị quả báo sợ
Ác đi họa lại
Đao trượng hại thân.*

*Nói bằng lời thiện
Như gõ chuông khánh
Thân không bị chê
Dễ thoát thế gian.*

Đánh người lương thiện

*Vu báng vô tội
Bị họa gấp mười
Nạn đến khó cứu.*

*Sống bị đau đớn
Thân thể bị thương
Tự nhiên bệnh khó
Tâm trí điên cuồng.*

*Bị vu tội nặng
Ách nạn với quan
Tài sản hao tận
Thân thuộc chia lìa.
Nhà cửa của mình
Bị lửa thiêu đốt
Chết đọa địa ngục
Là mười tai nạn.*

*Ở trần, bện tóc
Áo cỏ, vỏ cây
Ngâm nước, ngồi đá
Làm sao hết si!*

*Không chặt, giết, thiêu
Cũng không cầu thắng
Thương khắp mọi loài
Sống không bị oán.*

*Thế gian có người
Sống biết tầm quý
Là bậc Tinh tấn
Như ngựa thuần roi.*

*Như giục ngựa hay
Đi được đường xa
Người có tín giới
Định ý tinh tấn
Học đạo, tuệ thành
Diệt hết các khổ.*

*Tự nghiêm mình tu pháp
Không hại, giữ tịnh hạnh
Không đánh đập chúng sinh
Là Sa-môn Đạo nhân.*

*Không gây hại loài nào
Trọn đời không bị hại
Từ bi với tất cả
Ai gây oán cho mình.*



Phẩm 19: LÃO MẠO (có 14 bài)

*Phẩm Lão Mạo dạy
Khuyên người gắng sức
Không vượt mạng sống*

Già hối ích gì!

*Gi đáng cười vui
Mạng bị đốt cháy
Tối tăm che phủ
Sao không cầu sáng?*

*Thấy thân hình đẹp
Cho đó là an
Vọng tưởng thành bệnh
Nào biết vô thường.*

*Già nhan sắc suy
Bệnh thân tiêu tụy
Da nhăn thịt nhão
Thân chết gần bên.*

*Thân chết thân đi
Như xe vua vứt
Thịt tiêu cốt rã
Nào nhờ thân được.*

*Thân này như thành
Xây bằng xương thịt
Sinh đến già chết
Chỉ chứa sân, mạn.*

Già thân suy tàn

Như xe hư nát
Cố gắng học tu
Giáo pháp trừ khổ.

Người không chịu học
Già như trâu đực
Chỉ mập thịt, mỡ
Không có phước tuệ.

Sinh tử đau khổ
Luân hồi gian nan
Do ý tham thân
Sinh khổ vô cùng.

Nhờ tuệ thấy khổ
Nên xả bỏ thân
Diệt ý đoạn nghiệp
Ái tận vô sinh.

Không tu phạm hạnh
Lại không giàu có
Già như cò đói
Đứng giữ ao không.

Đã không giữ giới
Lại không chứa của
Già suy lực kiệt
Tiếc nuôi nào kịp.

Già như lá thu
 Bản thủ lam lũ
 Mạng sắp chết rồi
 Chỉ còn hối hận.

Mạng chết theo ngày đêm
 Đúng lúc hãy cố gắng
 Thế gian thật vô thường
 Chớ si đọa tối tăm.

Học thắp sáng đèn ý
 Tự luyện cầu trí tuệ
 Thoát cầu chớ nhiễm ô
 Thắp đuốc rọi đường mê.



Phẩm 20: ÁI THÂN (có 13 bài)

Phẩm Ái Thân này
 Để khuyến khích học
 Lợi ích thân mình
 Diệt tội tăng phước.

Tự yêu thân mình
 Cần thận giữ gìn
 Hy vọng trừ dục
 Học chánh không mê.

*Thân là số một
Thường tự gắng học
Hiểu mới dạy người
Không lười, được trí.*

*Học trước chánh mình
Sau mới dạy người
Điều thân, được tuệ
Tất vượt lên trên.*

*Chưa lợi được mình
Làm sao lợi người
Tâm thuần, hình chính
Nguyện nào chẳng đạt.*

*Trước ta đã tạo
Sau phải chịu lấy
Làm ác, hại mình
Như thép giữa ngọc.*

*Người không trì giới
Cấu uế quán quýt
Theo tình, nhiều dục
Ác hạnh càng tăng.*

*Làm ác hại thân
Ngu cho là dễ*

*Làm thiện thân an
Ngu cho là khó.*

*Như Chân nhân dạy
Lấy đạo nuôi thân
Kẻ ngu ganh ghét
Thấy cho là xấu.*

*Làm ác gặp ác
Như trồng giống đắng
Ác tự chịu tội
Thiện tự hưởng phước.*

*Các quả dị thực
Không thay nhau được
Làm thiện được thiện
Như trồng giống ngọt.*

*Lợi mình, lợi người
Ích không tổn phí
Muốn biết lợi thân
Giới, văn hơn hết
Người tự thương mình
Muốn sinh lên trời
Kính, mến nghe pháp
Nhớ lời Phật dạy.*

Làm việc phải suy nghĩ

*Chớ làm tổn hại việc
 Vậy, ý phải tu luôn
 Làm việc nên kịp lúc.*

*Luận về người làm việc
 Làm tận đến thành lợi
 Thấy đúng mới chịu làm
 Được kết quả như ý.*



Phẩm 21: THẾ TỤC (có 14 bài)

*Phẩm Thế Tục dạy
 Đời như huyễn mộng
 Nên bỏ phù hoa
 Gắng tu đạo nghiệp.*

*Như xe đi đường
 Bỏ đường bằng lớn
 Đi đường xấu chật
 Tất khổ gãy trục.*

*Xa rời chánh pháp
 Phi pháp phải tăng
 Ngu giữ đến chết
 Phải bị hoạn nạn.*

Thuận theo đường chánh

Chớ làm nghiệp tà
Đi đứng đều an
Đời đời không khổ.

Vạn vật như bọt
Ý như ngựa hoang
Thế gian như huyễn
Có gì thích thú!

Ai không tham đời
Như nhổ gốc cây
Ngày đêm như vậy
Tất chứng thiên định.

Chánh tín bố thí
Đem vui cho người
Vì ý phiền não
Cho nhiều người ăn
Hạng này ngày đêm
Không được định ý.

Thế tục không mắt
Không thấy đạo Chân
Thiếu số thấy đạo
Phải nuôi thiện ý.

Như nhận giúp bầy
Tránh lưới bay cao

*Người trí dẫn đời
Vượt thoát chúng tà.*

*Thế gian vô thường
Ba cõi không an
Chư Thiên tuy lạc
Phước hết cũng chết.*

*Xem khắp thế gian
Có sống phải chết
Muốn thoát sinh tử
Phải hành Chánh đạo.*

*Si trùm thiên hạ
Tham khiến không thấy
Tà nghi xa đạo
Khổ ngu theo đó.*

*Một pháp thật lỗi
Là người vọng ngữ
Ác nào cũng làm
Không thoát đời sau.*

*Tuy chứa nhiều trân bảo
Chất cao đến tận trời
Như vậy khắp thế gian
Không bằng được thấy đạo.*

*Không thiện cho là thiện
Tham ái tưởng không ái
Lấy khổ cho là vui
Phàm ngu bị nó hại.*



BÀI TỰA KINH PHÁP CÚ

Kệ Đàm bát là yếu nghĩa của các kinh. Đàm là lời pháp. Bát là câu. Kinh Pháp Cú có những bộ khác nhau. Có bộ 900 kệ, 700 kệ, 500 kệ. Kệ là lời tóm tắt, như bài thơ, bài tụng. Kệ này do Đức Phật thấy sự việc mà làm, không phải nói một lần, đều có đầu đuôi, rải rác trong các kinh. Đức Phật là Bạc Nhất Thiết Trí, đại nhân từ, thương xót chúng sinh nên xuất hiện trong thế gian, mở bày đạo nghĩa để giải thoát cho mọi người. Mười hai phần giáo tổng quát yếu nghĩa, phân riêng ra làm một số bộ. Bốn bộ A-hàm, sau khi Phật diệt độ, do A-nan truyền, bất kỳ quyển dài ngắn đều được nêu: “Nghe sự việc như vậy, Phật ở chỗ ấy thuyết giảng lời này.” Sau này, Sa-môn ở năm bộ đều tự trích kệ sáu câu, bốn câu trong các kinh, theo ý nghĩa mà xếp riêng vào từng phẩm, so với mười hai phần giáo có sự thêm bớt, gọi theo tên riêng không thích đáng, nên gọi là kinh Pháp Cú. Các kinh là lời pháp, pháp cú do lời pháp kết thành.

Gần đây, Cát Thị truyền 700 kệ. Ý nghĩa của kệ rất sâu, người dịch khó lột phần hồn. Đức Phật

khó được gặp, giáo pháp khó được nghe, chư Phật đều xuất thế ở Thiên trúc. Ngôn ngữ, âm điệu của Thiên trúc và Hán khác nhau. Sách là sách Thiên trúc, lời là lời Thiên trúc, danh nghĩa bất đồng, truyền thật không dễ. Duy ngày trước, có Giám điều An hầu Thế Cao, Đô úy Phật Điều dịch Phạm văn ra Tần văn, đạt được ý, việc này khó theo được. Sau này, người lưu truyền tuy không đạt được phần sâu kín, nhưng vẫn còn quý ở chỗ nói lên được đại ý. Ban đầu, Duy-kỳ-nan từ Thiên trúc, vào năm Hoàng vũ thứ ba, đến Vũ xương. Tôi nhận bản 500 kệ này, thỉnh đồng đạo là Trúc Tương Diễm dịch. Tương Diễm tuy giỏi Thiên trúc ngữ, nhưng chưa thông Hán. Lời nói ra, hoặc được Phạn ngữ, hoặc dùng nghĩa nói ra âm, tuy được chân thật nhưng còn hiềm văn từ chất phác không nhã. Duy-kỳ-nan nói: “Phật dạy y vào nghĩa lý, không cần văn vẻ, giữ được giáo nghĩa, không cần bề ngoài. Người truyền kinh cần phải dễ hiểu, đừng cho mất ý nghĩa, đây chính là thiện.”

Cử tọa, có người nói: “Lão thị có nói, lời hay thì không đáng tin, lời đáng tin thì không hay.” Trọng Ni cũng nói: “Sách không hết lời, lời không hết ý.” Điều này nói rõ ý của Thánh nhân sâu xa không cùng. Nay truyền nghĩa tiếng Phạm, nên đúng với kinh. Thế nên, người nhận kệ dịch, chú trọng tu sửa nghĩa chính, không thêm văn sức. Dịch chỗ nào không hiểu thì bỏ chứ không truyền.

Thế nên có sự thất thoát vì những điều không nêu ra được. Nhưng, văn từ tuy chất phát mà ý chỉ thâm sâu. Văn tóm gọn mà nghĩa rộng liên hệ với các kinh. Từng bài có câu, có nghĩa. Tại Thiên trúc, người mới tiến tu đạo nghiệp, không học Pháp cú gọi là vượt trình tự. Đây chính là pháp làm lớn dần cho người mới học, kho chứa uyên áo cho kẻ đã vào sâu. Có thể thoát khỏi mê mờ, hiểu rõ đúng sai, làm cho người tự đứng vững, học tuy ít nhưng lợi ích rộng lớn, thật là pháp cốt yếu vi diệu.

Xưa, khi truyền kinh này, có chỗ không hiểu, mời Tương Diễm đến, nhờ hỏi những kệ này, lại được 13 phẩm, hiệu đính theo bản cổ, có chỗ tăng thêm. Xếp theo thứ tự phẩm mục thành một bộ 39 thiên, 752 kệ. Có nhiều bổ ích, giúp học văn rộng thêm vậy.



KINH PHÁP CÚ

QUYỂN HẠ

Phẩm 22: THUẬT PHẬT (có 21 bài)

*Phẩm Thuật Phật nói
Thần đức của Phật
Lợi ích độ sinh
Dạy đạo cho đời.*

*Ta thắng vượt qua ác
Thắng tất cả thế gian
Trí tuệ sáng vô cùng
Xóa tối, làm nhập đạo.*

*Phá lưới, không còn ngại
Ái diệt không còn gì
Ý Phật sâu vô cùng
Không sao theo dõi được.*

*Dũng mãnh quyết nhất tâm
Xuất gia ngày đêm diệt
Đoạn nguồn gốc ái dục
Học chánh niệm tỉnh giác.*

*Thấy Thánh để hết uế
Đã vượt năm vực sâu
Phật xuất hiện soi đời
Trừ khổ não mọi người.*

*Sinh làm người thật khó
Được sống còn khó hơn
Phật ra đời rất khó
Khó nghe được Phật pháp.*

*Ta không thầy hướng dẫn
Một mình không bạn bè
Tu các hạnh thành Phật
Từ đó thông Thánh đạo.*

*Thuyền sư vượt nước giỏi
Tinh tấn là cầu đò
Người đời y: dòng họ
Bậc giải thoát: anh hùng.*

*Phật: phá ác, giải thoát
Phạm chí: ở trên đất
Học pháp: là trừ đôi
Đệ tử: không gieo trồng.*

*Nhân: quán hạnh đệ nhất
Niết-bàn: quả tối thượng*

*Sa-môn: xả trừ tội
Không gây hại người khác.*

*Không phá hại, gây phiền
Giữ giới luật đúng pháp
Không tham, ăn tiết độ
Sống ở chỗ yên tĩnh
Ý chân thật, có trí
Là hành lời Phật dạy.*

*Không làm điều ác
Làm các hạnh lành
Tự tịnh tâm ý
Là lời Phật dạy.*

*Phật, Bạc Tôn Quý
Đoạn lậu không tham
Hùng trong họ Thích
Tất cả tùy tâm.*

*Vui thay phước báo!
Nguyên đều thành tựu
Siêng hướng tịch diệt
Tự chứng Niết-bàn.*

*Quy y nhiều nơi
Núi, sông, cây thân
Miếu đền hình tượng*

Tế tự cầu phước.

*Quy y như vậy
Chẳng yên, tâm thường
Không thể giúp ta
Thoát khỏi đau khổ.*

*Người nào quy y
Phật, Pháp, Thánh chúng
Đạo đức Tứ đế
Tất đắc Chánh kiến.*

*Sinh tử rất khổ
Thấy rõ thoát khổ
Tám đường vượt đời
Trừ hết các khổ.*

*Tự quy Tam bảo
Kiết tường tối thượng
Chỉ có cách này
Thoát tất cả khổ.*

*Bậc sĩ trung chánh
Chỉ đạo không tham
Lợi thay người ấy
Người quy y Phật.*

Khó gặp bậc Trí

*Cũng không dễ có
Họ ở chỗ nào
Thân tộc an lạc.*

*Phật ra đời, vui!
Giảng giáo pháp, vui!
Chúng hòa hợp, vui!
Hòa hợp yên vui!*



Phẩm 23: AN NINH (có 14 bài)

*Phẩm An Ninh này
Chỉ rõ an nguy
Bỏ ác là thiện
Vui không bị đọa.*

*Ta sống an tịnh
Không gây oán hờn
Giữa những người oán
Ta sống không oán.*

*Ta sống an tịnh
Không còn các bệnh
Giữa những người bệnh
Ta sống không bệnh.*

Ta sống an tịnh

*Không có lo buồn
Giữa những người buồn
Ta sống không buồn.*

*Ta sống an tịnh
Thanh tịnh vô vi
Ăn bằng pháp lạc
Như trời Quang âm.*

*Ta sống an tịnh
Đạm bạc vô sự
Lửa khắp thế gian
Không thể đốt ta.*

*Thắng sinh thù oán
Thua, khổ bị khinh
Bỏ tâm thua thắng
Không tranh tự an.*

*Dâm nóng hơn lửa
Sân còn hơn độc
Khổ nào bằng thân
Vui nào bằng diệt.*

*Không ham vui nhỏ
Tài nhỏ, tuệ nhỏ
Xét cầu việc lớn
Được an lạc lớn.*

Ta là Thế Tôn
Giải thoát không khổ
Vượt khỏi ba cõi
Hàng phục chúng ma.

Gặp Thánh nhân, vui
Được thân cận, vui
Được thoát kẻ ngu
Làm thiện tự vui.

Giữ chánh đạo, vui
Khéo thuyết pháp vui
Không tranh với đời
Đủ giới thường vui.

Gần bậc Hiền vui
Như gặp người thân
Gần bậc Nhân trí
Học được cao xa.

Đời sống quá ngắn
Sự chết rất nhiều
Học lấy chính yếu
Đến già mới an.

Người muốn được cam lộ
Virt dục vui Diệt đế

*Muốn thoát khổ sinh tử
Phải dùng vị cam lộ.*



Phẩm 24: HIẾU HỖ (có 12 bài)

*Phẩm Hiếu Hỷ này
Dạy người vui nhiều
Thường không tham dục
Thì không lo buồn.*

*Trái đạo thuận theo mình
Thuận đạo thì tự nghịch
Bỏ pháp theo sở thích
Là thuận theo ái dục.*

*Không chạy theo yêu mến
Chẳng từ bỏ kẻ ghét
Yêu không gặp thì khổ
Ghét phải gặp cũng buồn.*

*Vậy chớ tạo yêu mến
Do yêu nên có ghét
Ai trừ hết phiền phược
Không yêu, không bị ghét.*

*Luyện ái sinh buồn
Luyện ái sinh sợ*

*Không còn luyến ái
Không sợ, không buồn.*

*Giữ giới không tham
Chỉ thành biết tà
Tu thân gần đạo
Mọi người kính mến.*

*Không làm theo dục
Nghĩ đúng mới nói
Tâm không tham ái
Cắt dòng sinh tử.*

*Người đi đã lâu
Bình an trở về
Thân quyến cùng nhau
Hoan hỷ chào đón.*

*Người ưa làm phước
Đời này, đời kia
Tự hưởng phước báo
Như thân vui đón.*

*Làm theo lời Phật
Ngăn cấm việc ác
Mến người gần đạo
Xa đạo chó thân.*

*Gần và xa đạo
 Kết quả khác nhau
 Gần đạo sinh Thiên
 Xa đạo đọa ngục.*



Phẩm 25: PHÃN NỘ (có 26 bài)

*Phẩm Phãn Nộ dạy
 Thấy sân hận hại
 Khoan dung, từ hòa
 Trời giúp, người mến.*

*Phãn nộ không thấy pháp
 Phãn nộ không biết đạo
 Người trờ được phãn nộ
 Phước vui thường theo thân.*

*Tham dâm không thấy pháp
 Ý ngu si cũng vậy
 Người bỏ dâm trờ si
 Người ấy phước số một.*

*Ai ngăn được giận
 Như ngừng xe chạy
 Là người lái giỏi
 Bỏ tôi ra sáng.*

*Nhẫn nhục thắng giận
Thiện thắng bất thiện
Hay cho thắng tham
Thành thật thắng dối.*

*Không dối, không giận
Ý không tham cầu
Làm ba việc này
Chấn chấn sinh Thiên.*

*Thường chế ngự thân
Từ tâm không giết
Được sinh cõi Thiên
Đến đó an lạc.*

*Ý luôn tỉnh giác
Ngày đêm siêng học
Lậu hết, ý thông
Chắc đến Niết-bàn.*

*Từ xưa đến nay
Loài người chê nhau
Nói nhiều bị chê
Nói ít bị chê
Nói vừa bị chê
Sống khó tránh chê.*

Kẻ phạm ý dục

*Không thể trung dung
Cả khen và chê
Chỉ vì danh lợi
Minh trí khen ngợi
Là bậc Hiền nhân.*

*Bậc tuệ giữ giới
Không có chỗ chê
Sạch như La-hán
Chẳng ai vu báng
Chư Thiên khen ngợi
Phạm, Thích tán dương.*

*Thường bảo vệ thân
Ngăn chặn giận dữ
Thân không làm ác
Siêng tu đức hạnh.*

*Thường bảo vệ miệng
Ngăn chặn giận dữ
Miệng không nói ác
Tụng tập giáo pháp.*

*Thường bảo vệ tâm
Ngăn chặn giận dữ
Tâm không nghĩ ác
Tư duy niệm đạo.*

*Cẩn thận thân, lời
Giữ gìn ý nghĩ
Hành đạo, bỏ sân
Nhân mới hùng cường.*

*Vứt sân, bỏ mạn
Tránh xa tham ái
Không đắm danh sắc
Vô vi diệt khổ.*

*Nổi sân, diệt ngay
Dâm sinh, cấm ngay
Không còn ngu si
Nhờ đây an ổn.*

*Không sân ngủ yên
Giận hại, dâm lo
Nộ là gốc độc
Phạm chí ý hòa
Nói thiện được khen
Đoạn sân không khổ.*

*Đồng chí tương cận
Biết rõ việc ác
Ngăn chớ nổi sân
Bị lửa khổ đốt.*

Không biết tà quý

Không ngăn phần nộ
Bị giận sai khiến
Không từ việc gì.

Có sức dùng binh
Không sức dùng nhu
Nhân là tối thượng
Nên thường nhân nhục.

Bị nhiều người khinh
Bạc dưỡng, nhân nhục
Nhân là tối thượng
Nên thường phải nhân.

Ta cùng với người
Đáng sợ có ba
Biết họ tự sân
Tự ta diệt sân
Cả hai cùng làm
Ta làm, họ dạy
Biết họ tự sân
Tự ta diệt sân.

Thiện trí thắng ngu
Gặp lời thô ác
Người muốn thường thắng
Hãy tự im lặng.

*Kẻ làm việc ác
Sân bị quả sân
Bị sân không đáp
Thắng kẻ đầu tranh.*



Phẩm 26: TRẦN CẦU (có 19 bài)

*Phẩm Trần Cầu này
Phân biệt thanh trược
Nên học tinh khiết
Không làm ô nhục.*

*Sống không hành thiện
Chết đọa cõi ác
Mạng sống trôi nhanh
Tư lương không có.*

*Nên cầu trí tuệ
Thắp sáng định ý
Trừ uế, thanh tịnh
Thoát khỏi khổ hình.*

*Bậc trí tuân tự
Từng bước tinh tấn
Trừ cầu nơi tâm
Như thợ lọc vàng.*

Ác do tâm sinh
Trở lại hại thân
Như sắt sinh sét
Lại ăn mục sắt.

Không tụng niệm: lời dơ
Không siêng quét: bẩn nhà
Không trang sức: sắc xấu
Phóng dật làm việc nhơ.

Xan tham nhơ bố thí
Bất thiện làm hạnh nhơ
Đời này và đời sau
Ác pháp là cầu ướ.

Nhơ trong các nhơ
Chẳng gì bằng si
Học phải bỏ ác
Tỳ-kheo vô cầu.

Sống không hổ, dễ
Như chim giành ăn
Trơ mặt chịu nhục
Gọi là sống ướ.

Liêm sỉ tuy khó
Thật giữ thanh bạch

*Tránh nhục, cao thượng
Gọi là sống sạch.*

*Kẻ ngu ưa giết
Nói không thành thật
Lấy của không cho
Thông gian vợ người.*

*Phóng dật phạm giới
Đam mê uống rượu
Vị ấy đòi đòi
Tự bưng gốc mình.*

*Người biết như vậy
Không được niệm ác
Gần ngu, phi pháp
Tự đốt khổ mãi.*

*Ai tin bố thí
Lại muốn tiếng khen
Gần kẻ hư vinh
Không nhập tịnh định.*

*Đoạn tất cả dục
Chặt gốc ý ấy
Ngày đêm chuyên nhất
Tất nhập tịnh định.*

*Tham dục theo trần
Nhiễm trần bị rớt
Không nhiễm không theo
Sạch thoát ngu si.*

*Thấy người tự hại
Thường tỉnh giác mình
Theo lậu tự hại
Hết lậu, sạch cấu.*

*Lửa nào nóng bằng dâm
Mau lẹ nào bằng sân
Lưới nào kín bằng si
Sông nào bằng dòng ái.*

*Hư không không dấu vết
Sa-môn không ý riêng
Phàm phu đều thích ác
Phật thanh tịnh vô uế.*

*Hư không không dấu vết
Sa-môn không ý riêng
Thế gian đều vô thường
Phật vô ngã, ngã sở.*



Phẩm 27: PHỤNG TRÌ (có 17 bài)

*Phẩm Phụng Trì này
Giảng giải đạo nghĩa
Pháp quý đức hạnh
Không tham xa xỉ.
Người thích kinh đạo
Không tranh lợi dưỡng
Có lợi hay không
Không dục không mê.*

*Thường từ, hiếu học
Chính tâm hành động
Giữ gìn tuệ quý
Đây chính là đạo.*

*Gọi là bậc Trí
Chẳng phải nói giỏi
Yên ôn, không sợ
Làm thiện là trí.*

*Người phụng trì pháp
Không vì nói nhiều
Tuy được nghe ít
Thân hành đúng pháp
Giữ đạo không quên
Đáng gọi trì pháp.*

Gọi là trưởng lão

Chẳng phải tuổi cao
Thân già tóc bạc
Chỉ là ngu xuẩn.

Người hiểu đúng pháp
Tự chế, nhân từ
Sáng suốt thanh khiết
Mới là Trưởng lão.

Gọi là xinh đẹp
Không vì như hoa
Nhưng tham, phù phiếm
Nói, làm trái nhau.

Ai bỏ được ác
Hết tận gốc rễ
Tuệ không sân hận
Mới là xinh đẹp.

Gọi là Sa-môn
Không do cạo tóc
Nói dối tham lam
Ái dục như phàm.

Ai không làm ác
Phát huy đạo pháp
Diệt tâm ý xấu
Mới là Sa-môn.

Gọi là Tỳ-kheo
Không vì khát thực
Tà hạnh cầu người
Chỉ là danh suông.

Ai bỏ nghiệp tội
Tịnh tu phạm hạnh
Tuệ phá trừ ác
Mới là Tỳ-kheo.

Là bậc Hiền trí
Chẳng vì im lặng
Dụng tâm bất tịnh
Chỉ là bề ngoài.

Người tâm vô vi
Trong ngoài thanh tịnh
Giải thoát ngã nhân
Mới là Hiền trí.

Là bậc có đạo
Không cứu một vật
Giúp khắp mọi loài
Không hại, có đạo.

Giới nhiều, ít nói
Ta hành thành thật

*Tâm ý đắ¹ định
Phải do ngắ²n ngừa.*

*Ý hiể³, muố⁴n yên
Chớ sớ⁵ng theo phầ⁶m
Kế⁷t sử⁸ chưa hế⁹t
Không thể¹⁰ giải thoá¹¹t.*



Phẩm 28: ĐẠO HẠNH (có 28 bài)

*Phẩm Đạo Hạnh này
Chỉ dạy chính yếu
Về đường giải thoá¹²t
Rất là tốt đẹ¹³p.*

*Tám chắ¹⁴ng: đườ¹⁵ng tối thượ¹⁶ng
Bốn đế¹⁷: phá¹⁸p trù¹⁹m khắ²⁰p
Không tham: hắ²¹nh tối thượ²²ng
Cho đèn tắt đượ²³c sắ²⁴ng.*

*Đườ²⁵ng này không còn sớ²⁶
Thấ²⁷y thanh tịn²⁸h vượ²⁹t đờ³⁰i
Phá³¹ hoặ³²i đượ³³c quầ³⁴n ma
Gắ³⁵ng làm diệ³⁶t tà kố³⁷.*

*Ta đầ³⁸ dạy đườ³⁹ng chắ⁴⁰ng
Rất sắ⁴¹ng suố⁴²t, thù⁴³ thắ⁴⁴ng*

*Nghe rồi phải tự đi
Đi mới thoát lưới tà.*

*Sinh tử khổ, vô thường
Quán thấy bằng trí tuệ
Muốn thoát tất cả khổ
Hành đạo trừ tất cả.*

*Sinh tử vô thường, không
Quán thấy bằng trí tuệ
Muốn thoát tất cả khổ
Phải chuyên cần hành đạo.*

*Cần làm phải làm ngay
Chớ như ngu lẫn tránh
Lưới biếng, chỉ biết nhìn
Trí cùn, chẳng đạt đạo.*

*Niệm đúng là chánh niệm
Niệm không đúng là tà
Trí tuệ không sinh tà
Chánh tư duy, đạt đạo.*

*Cẩn thận lời, chánh ý
Thân không làm bất thiện
Người hộ trì ba nghiệp
Phật dạy, phải đắc đạo.*

*Chặt cây không bứng gốc
Gốc còn, cây mọc lại
Bứng gốc, cây không còn
Tỳ-kheo chứng Niết-bàn.*

*Nếu chưa đoạn tuyệt
Luyến ái thân thích
Ý tham tự trói
Như bê thích sữa.*

*Đoạn dục tận gốc
Sinh tử không ngại
Người ấy gần đạo
Mau chứng Niết-bàn.*

*Già vì tham dâm
Bệnh do giận dữ
Chết bởi ngu si
Trừ ba, đắc đạo.*

*Giải thoát trước sau
Vượt giữa, sang kia
Diệt hết tà niệm
Không còn già chết.*

*Người ham vợ con
Không quán pháp bệnh*

*Thần chết vụt đến
Như nước lũ dâng.*

*Cha con không cứu
Mong gì thân thích
Mạng hết, nhờ thân
Như mù giữ đèn.*

*Tuệ hiểu ý này
Phải tu kinh giới
Cần hành, vượt đời
Hết tất cả khổ.*

*Viễn ly ngu si
Như gió đùa mây
Diệt hết vọng tưởng
Là chánh tri kiến.*

*Trí lớn nhất đời
An lạc vô vi
Biết học chánh pháp
Sinh tử không còn.*

*Biết các hành: không
Thấy rõ bằng tuệ
Chán khổ thế gian
Đường này diệt khổ.*

*Biết các hành: khổ
Thấy rõ bằng tuệ
Chán khổ thế gian
Đường này diệt khổ.*

*Các hành: vô ngã
Thấy rõ bằng tuệ
Chán khổ thế gian
Đường này diệt khổ.*

*Ta dạy người pháp
Nhỏ mũi tên ái
Hãy tự cứu mình
Bằng lời Như lai.*

*Các nghiệp Ta đã diệt
Hết luân hồi sinh tử
Giải thoát chẳng một người
Dạy pháp làm mất đạo.*

*Sông mạnh chảy về biển
Nước đầy thì mau tràn
Nói pháp cho người trí
Mau hưởng vị cam lộ.*

*Pháp luân chưa từng nghe
Chuyển vì thương chúng sinh*

*Thế nên người phụng trì
Giữ theo vượt ba cõi.*

*Trong ba niệm, niệm thiện
Ba niệm, chớ niệm ác
Niệm từ nghĩ đến làm
Diệt ác: chánh tinh tấn.*

*Tam định là bỏ niệm
Xả ly, hành vô lượng
Được ba, trừ ba nhóm
Giải kết là chánh niệm.*

*Biết trì giới ngăn ác
Tư duy tuệ thích niệm
Biết rõ đời thành bại
Ngăn ý, thoát tất cả.*



Phẩm 29: QUẢNG DIỄN (có 14 bài)

*Phẩm Quảng Diễn dạy
Dù thiện hay ác
Chứa nhỏ thành lớn
Kệ tụng chứng minh.*

*Bỏ an ổn nhỏ
Được an lạc lớn*

*Bậc tuệ bỏ nhỏ
Được hưởng phước lớn.*

*Gây khổ cho người
Muốn mình hạnh phúc
Họa mãi theo thân
Tự gây oán lớn.*

*Đã làm nhiều việc
Cả việc không nên
Múa hát phóng dật
Nết xấu tăng dần.*

*Tinh tấn tu hành
Làm đúng, bỏ sai
Niệm thân tỉnh giác
Chính là chánh cần.*

*Thông minh trí tuệ
Học vấn quảng bác
Hiểu biết rộng dần
Như dầu vào nước.*

*Ý cùn trí cạn
Không ham học hành
Hiểu biết thu hẹp
Như bơ vào nước.*

Gần đạo danh sáng
Như tuyết đỉnh núi
Xa đạo tối tăm
Như tối bản tên.

Làm đệ tử Phật
Thường tự tỉnh giác
Ngày đêm niệm Phật
Niệm Pháp, niệm Tăng.

Làm đệ tử Phật
Thường tự tỉnh giác
Ngày đêm thiền định
Vui quán, nhất tâm.

Người phải luôn chú ý
Khi ăn biết tự bớt
Là giảm khổ bởi tham
Điều độ thì sống lâu.

Học khó, trừ tội khó
Sống tại gia cũng khó
Sống chung đồng lợi khó
Khó nhất vượt luân hồi.

Tỳ-kheo cầu xin khó
Sao không tự cố gắng

*Tinh tấn đắc tự tại
Không còn cầu người nữa.*

*Có tin thì giới thành
Nhờ giới nhiều quả báo
Nhờ giới sống an vui
Hiện tại được cúng dường.*

*Khi đi và khi nằm
Hành động không phóng dật
Tinh cần luôn điều tâm
An vui sống giữa rừng.*



Phẩm 30: ĐỊA NGỤC (có 16 bài)

*Phẩm Địa Ngục này
Nói việc Nê-lê
Làm ác chịu ác
Tội báo không tha.*

*Nói dối, gần địa ngục
Làm mà nói không làm
Hai tội đều bị quả
Tự gây, nghiệp kéo đi.*

*Trên thân mặc pháp y
Làm ác, không giữ giới*

*Kẻ chìm trong việc ác
Chắc chắn đọa địa ngục.*

*Phạm giới, hưởng cúng dường
Đúng lý, thà tự hại
Như nuốt viên sắt nóng
Lửa đốt cháy thành than.*

*Phóng dật có bốn việc
Ưa xâm phạm vợ người
Gây họa không làm phước
Chê bai và dâm dật.*

*Không phước, đọa ác thú
Sợ hãi, không an vui
Bị phép vua hành phạt
Chết bị rơi địa ngục.*

*Như nhổ nắm cỏ bén
Không chặt bị đứt tay
Học giới, không giữ giới
Tự hại đọa địa ngục.*

*Sống buông lung lười biếng
Không thể trừ phiền não
Phạm hạnh bị hoen ố
Không hưởng được phước lớn.*

*Việc cần làm phải làm
Cương quyết làm hết sức
Tránh xa những đường tà
Chớ tung ra bụi trần.*

*Làm việc không nên làm
Sau chịu nhiều đau khổ
Làm thiện thường thuận tốt
Vừa ý không hối hận.*

*Ai với các việc ác
Sắp làm hoặc đã làm
Không mở được khổ này
Tội đến không tránh được.*

*Dối chứng cầu lợi
Hành động bất chánh
Oán gièm người thiện
Cố hại người ngay
Tội trói kẻ ấy
Tự nhào xuống hố.*

*Như giữ biên ải
Trong ngoài kiên cố
Tự giữ tâm mình
Phi pháp không sinh
Phạm giới bị khổ
Phải đọa địa ngục.*

Đáng hổ chẳng hổ
 Không hổ lại hổ
 Sống với tà kiến
 Chết đọa địa ngục.

Đáng sợ chẳng sợ
 Không sợ lại sợ
 Tin theo tà kiến
 Chết đọa địa ngục.

Đáng tránh không tránh
 Nên đến không đến
 Học tập tà kiến
 Chết đọa địa ngục.

Đáng gần nên gần
 Nên xa thì xa
 Luôn giữ chánh kiến
 Chết sinh cõi thiện.



Phẩm 31: TƯỢNG DỤ (có 18 bài)

Phẩm Tượng Dụ này
 Dạy người chánh thân
 Làm thiện được thiện
 Phước báo chắc vậy.

*Ta như voi chiến
Không sợ trúng tên
Thường dùng thành tín
Độ người không giới.*

*Như voi thuần thực
Xứng để vua cỡi
Người thuần thực giỏi
Mới nhận thành tín.*

*Tuy thường huấn luyện
Như ngựa mới kia
Như voi thuần thực
Không bằng tự điều.*

*Voi ngựa không đưa
Tận nơi người muốn
Chỉ người tự điều
Mới được thuần thực.*

*Như voi tên Tài Thủ
Phát dục khó cấm ngăn
Trói lại, chẳng cho ăn
Nhưng vẫn còn hung dữ.*

*Kẻ chìm trong việc ác
Thường tự trói bằng tham*

*Như voi không biết đủ
Nên thường nhập bào thai.*

*Xưa ý này ngu độn
Thường phóng dật cầu an
Nay bỏ, hàng phục dục
Như dùng móc điều voi.*

*Thích đạo không phóng dật
Thường tự giữ gìn tâm
Là diệt khổ cho thân
Như voi vượt khỏi hầm.*

*Nếu được bạn hiền trí
Cùng nhau siêng làm thiện
Biết chế phục ý riêng
Đạt đến chỗ đồng tâm.*

*Không được bạn hiền trí
Gặp phải bạn xấu ác
Như vua bỏ thành ấp
Sống riêng không làm ác
Thà một mình làm thiện
Như voi tự giữ thân.*

*Sống có ích là an
Bạn nhu hòa là an
Chết có phước là an*

Không bị ác là an.

*Có mẹ phục vụ, vui
Có cha phục vụ, vui
Đời có Sa-môn, vui
Mọi người có đạo, vui.*

*Trì giới đến già an
Chánh tín nơi chánh thiện
Trí tuệ thân rất an
Không làm ác, an nhất.*

*Như ngựa thuần thực
Làm theo hiểu biết
Tín giới tinh tấn
Định pháp đầy đủ
Minh hạnh thành lập
Nhẫn cùng định ý
Là đoạn các khổ
Tùy ý như vậy
Nhờ đó đắc định
Như ngựa vua cỡi.*

*Đoạn nhuế, vô lậu
Là hưởng Thiên lạc
Không sông phóng dật
Từ đó giác ngộ
Tuần mã vượt hèn*

Virt ác là hiền.



Phẩm 32: ÁI DỤC (có 32 bài)

Phẩm Ái Dục dạy

Dâm dục ân ái

Người đời vì chúng

Sinh nhiều khổ não.

Tâm phóng dật dâm hạnh

Ái dục thêm cảnh nhánh

Thêm đời này đời khác

Như khi tham hái trái.

Ai khổ vì ái dục

Ái dục trói thế gian

Buồn khổ ngày đêm tăng

Quán quýt như dây leo.

Người mê hoặc ân ái

Không bỏ được dục tình

Khổ vì ái tăng thêm

Như nước rỉ đầy ao.

Nguyên nhân làm ưu buồn

Nhiều nỗi khổ trong đời

Chỉ vì duyên ái hữu

Diệt ái không còn buồn.

*Vứt lo, ý ta an
Không ái, chẳng luân hồi
Không lo, không mong cầu
Không ái thì được an.*

*Có ai đến khi chết
Quần quýt nhiều thân thuộc
Đi trên đường lo dài
Khổ ái làm nguy ách.*

*Là người hành đạo
Không gần với dục
Trước diệt gốc ái
Không còn thân rễ
Không như cắt lau
Làm dục sinh lại.*

*Như cây rễ sâu chắc
Tuy chặt vẫn mọc cành
Ý ái chưa trừ hết
Phải bị khổ não hoài.*

*Như khỉ xa rừng cây
Thoát rồi quay trở lại
Loài người cũng như vậy
Thoát ngục lại vào ngục.*

Ý tham dục chảy mãi
Huân tập với kiêu mạn
Tư tưởng theo ái dục
Mê muội, chẳng thấy gì.

Ý tưởng chảy khắp nơi
Dục quán như cỏ rối
Nhờ trí tuệ thấy rõ
Mới chặt gốc ý dục.

Người chìm trong bể ái
Vọng tưởng dục tràn lan
Ái dục sâu không đáy
Già chết vì ái này.

Không chặt bỏ cành nhánh
Chỉ nuôi thêm tham dục
Vì nuôi ong tay áo
Kẻ ngu phải lo buồn.

Bị công giam trong ngục
Trí không cho là chắc
Ngu thân cận vợ con
Ái nhiễm này chắc bền.

Tuệ nói ái là ngục
Sâu chắc khó thoát ra

*Thế nên cố chặt bỏ
Không còn dục mới yên.*

*Thấy sắc, tâm mê hoặc
Chẳng quán niệm vô thường
Ngu cho là mỹ thiện
Nào biết sắc không chân.*

*Tự nhốt trong dâm lạc
Như tầm làm kén trói
Người trí bỏ, không màng
Không dục, không còn khổ
Người tâm ý phóng dật
Thấy dâm cho là tịnh
Ý ân ái bùng lên
Từ đó tạo lao ngục.*

*Người tỉnh giác diệt dâm
Thường niệm dục bất tịnh
Nhờ đó thoát ngục tà
Không còn khổ già chết.*

*Tự trùm bằng lưới dục
Tự che bằng dù ái
Phóng túng trói trong ngục
Như cá lọt vào lò.*

Bị già chết theo mãi

Như ghé theo vú mẹ
Ly dục, không theo ái
Thoát lưới, không bị nhốt.

Hết đường, trừ ngục trói
Thoát tất cả bỉ thử
Đều vượt qua tất cả
Chính là bậc Đại sĩ.

Chớ thân người xa pháp
Chớ thân kẻ nhiễm ái
Người không đoạn ba đời
Tất đọa vào biên kiến.

Ai hiểu tất cả pháp
Không vướng vào các pháp
Thoát tất cả ý dục
Chính là thông Thánh ý.

Các thí, thí pháp hơn
Các vị, đạo vị hơn
Các vui, vui pháp hơn
Ái hết, không còn khổ.

Ngu lấy tham tự trói
Không cầu sang bờ kia
Kẻ ngu tham tài, sắc
Hại mình và hại người.

Ý ái dục là ruộng
Tham sân si là giống
Cho hết, thoát thế gian
Được phước vô cùng tận.

Bạn ít, hàng hóa nhiều
Thương nhân lo sợ mãi
Giặc tham dục hại mạng
Bậc tuệ không tham dục.

Tâm có nhiều loại dục
Không chỉ là năm dục
Ngược lại, đoạn năm dục
Chính là bậc Dũng sĩ.

Không dục, không có sợ
Bình thản không khổ đau
Trừ dục, diệt phiền não
Là thoát hẳn vực sâu.

Dục, ta biết gốc nguoi
Ý do tư tưởng sinh
Ta không tư tưởng dục
Thì nguoi không hiện hữu.

Chặt cây không hết
Từ cây sinh ác

*Chặt cây sạch cành
Tỳ-kheo diệt độ.*

*Như cây chưa chặt
Cành ái mọc thêm
Tâm trôi vào đây
Như bê theo mẹ.*



Phẩm 33: LỢI DƯỠNG (có 20 bài)

*Phẩm Lợi Dưỡng này
Dạy ta phòng tham
Thấy lợi, nhớ nghĩa
Không để uế sinh.*

*Chuối trở buồng nên chết
Tre lau cũng như vậy
Lừa mang thai phải chết
Người tự sát vì tham.*

*Như vậy tham không lợi
Nên biết do si sinh
Ngu ham lợi, hại trí
Đầu bị rơi xuống đất.*

*Trời mưa bảy báu
Vẫn không thỏa mãn*

*Vui ít khổ nhiều
Giác vậy là trí.*

*Tuy dục cõi trời
Tuệ bỏ không tham
Vui thoát ân ái
Là đệ tử Phật.*

*Xa đạo thuận tà
Tỳ-kheo tham lợi
Chỉ có tâm xan
Mong cúng cho mình.*

*Chớ tham lợi này
Xuất gia gây tội
Trái chí nguyện rồi
Tu hành vô ích.*

*Ngu suy nghĩ ngu
Dục mạn tăng lên
Lạ thay! Mất lợi
Không gần Niết-bàn.*

*Biết đúng việc này
Tỳ-kheo Phật tử
Không tham lợi dưỡng
Độc cư, vứt dục
Tự không y thị*

Chẳng mong nơi người.

*Tỳ-kheo vọng tưởng
Không chứng chánh định
Muốn sống an lạc
Ngăn tâm, tự tỉnh.*

*Không biết điều độ
Y phục ăn uống
Muốn sống an lạc
Ngăn tâm, tự tỉnh.*

*Thọ nhận tri túc
Giữ hành một pháp
Muốn sống an lạc
Ngăn tâm, tự tỉnh.*

*Như chuột trong hang
Ẩn dật học tập
Nghe nhiều thêm lợi
Tư duy, giữ giới
Trí tuệ đầy đủ
Tinh tấn, thanh tịnh
Chứng được ba minh
Giải thoát vô lậu.
Trí thức cạn hẹp
Chẳng nhớ được gì
Cả đến uống ăn*

Phải nhờ người khác
Lại có ác tâm
Tranh giành lợi dưỡng.

Tham lợi kết oán
Cố mặc Pháp y
Chỉ mong ăn uống
Không theo lời Phật.

Nên biết lỗi này
Lợi dưỡng đáng sợ
Nhận ít không khổ
Tỳ-kheo tâm xả.

Không ăn mạng chẳng còn
Ai có thể nhịn đói
Nên: ‘dĩ thực vi tiên’
Biết vậy, không ganh ghét.

Ganh trước hại ta
Sau lại hại người
Đánh người, bị đánh
Chẳng bao giờ trừ.

Thà ăn đá cháy
Uống nước đồng sôi
Không được phá giới
Ăn của tín thí.



Phẩm 34: SA-MÔN (có 32 bài)

*Phẩm Sa-môn này
Dạy theo chánh pháp
Đệ tử học hành
Đắc đạo giải thoát.*

*Điều phục luôn bốn căn
Thân ý đều chân chánh
Tỳ-kheo hành như vậy
Không còn bị khổ đau.*

*Tay chân không làm bậy
Nói ít, làm đúng lời
Nội tâm vui thiên định
Đơn độc sống tịch nhiên.*

*Học nên giữ miệng
Ít nói, từ tốn
Nói ra pháp nghĩa
Lời lẽ dịu dàng.*

*Ưa thích chánh pháp
Chánh tư duy pháp
Tỳ-kheo y pháp
Không sống trái pháp.*

Học không vì lợi
Không ganh với người
Tỳ-kheo hiểu thắng
Ý không sao định.

Tỳ-kheo biết đủ
Đã nhận không chứa
Thanh tịnh, không nhiễm
Chư Thiên khen ngợi.

Tỳ-kheo Từ bi
Ái kính lời Phật
Thâm nhập chỉ quán
Diệt hành, sống an.

Tất cả danh sắc
Chẳng còn mê chấp
Không chấp không khổ
Mới là Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo tát thuyền
Thuyền trống đi nhanh
Trừ tham, sân, si
Chính là Niết-bàn.

Vứt năm, trừ năm
Tư duy năm căn

*Phân biệt được năm
Mới vượt sông sâu.*

*Thiên không phóng dật
Chớ sống dục loạn
Đừng nuốt đồng sôi
Đốt thân, tự khổ.*

*Không thiên, chẳng trí
Không trí, chẳng thiên
Theo đường thiên trí
Được đến Niết-bàn.*

*Nên học pháp không
Yên tịnh ngăn ý
Vui sống độc cư
Nhất tâm quán pháp.*

*Chế ngự năm ấm
Giữ ý như nước
Thanh tịnh hòa nhã
Hưởng vị cam lộ.*

*Tỳ-kheo có tuệ
Không nhận tài sản
Nhiếp căn, biết đủ
Kiên trì giới luật
Cầu thầy bạn lành*

Sống đời tịnh hạnh.

*Bậc Trí trưởng thành
Thoát khổ được vui
Như hoa Vê sư
Tàn thì rụng cánh.*

*Bỏ tham sân si
Tự thoát sinh tử
Giữ gìn thân lời
Tâm ý tịch tịnh.
Tỳ-kheo bỏ tục
Vì hưởng an tịnh
Phải sách tấn thân
Tranh đấu với tâm.*

*Giữ thân, chánh niệm
Tỳ-kheo sống an
Ta tự xét ta
Biết không có ngã
Nên điều phục ngã
Vô ngã là hiền.*

*Vui theo lời Phật
Thêm nhiều hoan hỷ
Đạt đến tịch diệt
Hành diệt, an lạc.*

*Có người nhỏ tuổi
Thực hành lời Phật
Chiếu sáng thế gian
Như trời không mây.*

*Virt mạn không còn kiêu
Tịnh như sen trong nước
Tu học virt bỏ thù
Biết rõ thoát thế gian.*

*Cắt ái không vương vấn
Bất nhiễm như hoa sen
Tỳ-kheo vượt qua sông
Thắng dục, sáng thế gian.*

*Vượt dòng tự nghĩ
Khước trừ tâm dục
Người không cắt dục
Ý vẫn buông lung.*

*Làm đi! Làm đi!
Phải gắng chế ngự
Xuất gia còn lười
Ý vẫn bị nhiễm.*

*Tu hành biếng nhác
Phiền não khó trừ
Phạm hạnh không sạch*

Sao đến giải thoát.

*Sa-môn hạnh gì!
Buông lung tâm ý
Đến đâu vương đố
Chạy theo vọng tưởng.*

*Thân mặc ca-sa
Không bỏ việc ác
Kẻ ác làm ác
Bị đọa đường ác.*

*Kẻ khó dạy bảo
Như uốn cây khô
Ta làm vì ta
Sao không tinh tấn.*

*Ngăn tâm chẳng sạch
Tất còn phóng túng
Bỏ tham niệm đạo
Mới đúng ngăn tâm.*

*Ngăn tâm chẳng sạch
Phóng đãng bất tín
Diệt được các khổ
Sa-môn bậc thượng.*



Phẩm 35: PHẠM CHÍ (có 40 bài)

*Phẩm Phạm Chí này
Nói làm thanh bạch
Tu học không nhiễm
Xứng danh Đạo sĩ.*

*Vượt dòng thoát qua
Vô dục như Phạm
Biết hành phải diệt
Gọi là Phạm chí.*

*Dùng chỉ và quán
Thanh tịnh vượt vực
Thoát các kết dục
Gọi là Phạm chí.*

*Ưa thích, chán ghét
Vứt bỏ cả hai
Xả ly tham dâm
Gọi là Phạm chí.
Tư duy thanh tịnh
Hành động vô lậu
Cầu chứng vô sinh
Gọi là Phạm chí.*

*Nhật sáng ban ngày
Nguyệt sáng ban đêm
Giáp sáng quân binh*

*Thiền sáng người tu
Chư Phật ra đời
Chiếu sáng tối tăm.*

*Chẳng cạo tóc, nói lành
Là Sa-môn, Phạm chí
Ai từ bỏ các ác
Mới chính là Đạo nhân.*

*Virt ác là Phạm chí
Vào chánh là Sa-môn
Phá ngã, không làm ác
Thật chính là xuất gia.*

*Ai bỏ ái dục
Tâm không vương vấn
Đã bỏ, đã chánh
Là diệt các khổ.*

*Thân miệng và ý
Sạch không lỗi lầm
Giữ gìn ba nghiệp
Chính là Phạm chí.*

*Tâm ai hiểu rõ
Lời dạy của Phật
Quán tâm hướng về
Thanh tịnh như nước.*

Chẳng phải bện tóc
Gọi là Phạm chí
Chí thành hành pháp
Thanh bạch là hiền.

Búi tóc, không tuệ
Áo cỏ làm chi
Trong còn chấp trước
Ngoài bỏ ích gì?

Mặc áo tâm thường
Thân hành theo pháp
Độc cư tư duy
Gọi là Phạm chí.

Phật không dạy điều
Khen mình chê người
Chân thật không dối
Mới là Phạm chí.

Đoạn tuyệt dục vọng
Ý chí không dâm
Theo dõi vớt dục
Gọi là Phạm chí.

Vượt sông sinh tử
Cố gắng thoát qua

*Tự giác vượt hào
Gọi là Phạm chí.*

*Bị mắng bị đánh
Im lặng không giận
Có sức nhẫn nhục
Gọi là Phạm chí.*

*Ai bị khinh khi
Chánh niệm giữ giới
Vững điều phục thân
Gọi là Phạm chí.*

*Tâm bỏ pháp ác
Như rắn lột da
Không nheo bởi dục
Gọi là Phạm chí.*

*Hiếu đời là khổ
Nên diệt ý dục
Bỏ gánh nặng xuống
Gọi là Phạm chí.*

*Tuệ hiểu sâu xa
Rõ đạo, phi đạo
Hành đúng thượng pháp
Gọi là Phạm chí.*

*Vứt bỏ cư gia
An lạc không nhà
Ít muốn biết đủ
Gọi là Phạm chí.*

*Không còn mưu sinh
Không tâm tàn hại
Không bị phiền não
Gọi là Phạm chí.*

*Hòa với tranh giành
Bị hại không oán
Dùng thiện báo ác
Gọi là Phạm chí.*

*Bỏ tham, sân, si
Kiêu mạn, các ác
Như rắn lột da
Gọi là Phạm chí.*

*Đoạn tuyệt việc đời
Không nói lời xấu
Thực hành tám Chánh
Gọi là Phạm chí.*

*Pháp ác trên đời
Dài, ngắn, lớn, nhỏ
Đều không quan tâm*

Gọi là Phạm chí.

*Đời này sống sạch
Đời sau không uế
Không lấy không bỏ
Gọi là Phạm chí.*

*Không chấp vào thân
Không tụng vô nghĩa
Hành theo Niết-bàn
Gọi là Phạm chí.*

*Với tội và phước
Siêu việt cả hai
Không vương trần lụy
Gọi là Phạm chí.*

*Tâm hỷ không bợn
Như trăng tròn sáng
Không hủy báng ai
Gọi là Phạm chí.*

*Chạy theo tà kiến
Rơi hố khổ đau
Muốn vượt lên bờ
Đừng nghe lời bậy
Diệt không sinh nữa
Gọi là Phạm chí.*

Đã đoạn ân ái
Xuất gia vô dục
Diệt sạch ái, hữu
Gọi là Phạm chí.

Vượt khỏi nhân gian
Không cầu cõi trời
Không về cõi nào
Gọi là Phạm chí.

Bỏ thương và ghét
Không còn các uẩn
Chiến thắng thế gian
Gọi là Phạm chí.

Đời này cuối cùng
Chết không sinh nữa
Giác ngộ siêu việt
Gọi là Phạm chí.

Vượt qua năm đạo
Không còn chỗ rơi
Ái tập không còn
Gọi là Phạm chí.

Ở trước và sau
Ở giữa cũng không

*Không giữ, không bỏ
Gọi là Phạm chí.*

*Bậc rất hùng dũng
Tự mình giải thoát
Giác ngộ, bất động
Gọi là Phạm chí.*

*Tự biết đời trước
Những nơi trải qua
Không còn tái sinh
Trí thông đạo huyền
Sáng như Mâu-ni
Gọi là Phạm chí.*



Phẩm 36: NÊ-HOÀN (có 36 bài)

*Phẩm Nê-hoàn này
Dạy đường hướng về
Điềm nhiên tịch diệt
Vượt khổ sinh tử.*

*Nhân phải giữ đứng đầu
Niết-bàn, Phật tối thượng
Xuất gia không phạm giới
Ngăn tâm không gây hại
Không bệnh lợi nhất*

*Biết đủ giàu nhất
Tín bạn tốt nhất
Nê-hoàn vui nhất.*

*Đói, bệnh nặng nhất
Các hành: khổ nhất
Hiếu đúng như vậy
Nê-hoàn vui nhất.*

*Ít đi đường thiện
Tất đến ác nhiều
Biết đúng như vậy
Nê-hoàn rất yên.*

*Sinh đến cõi thiện
Bị đọa cõi ác
Đạt đến Nê-hoàn
Đều do nhân duyên.*

*Nai sống rừng hoang
Chim bay hư không
Pháp theo nhân quả
Chân nhân hướng diệt.*

*Trước không có gì
Sau đó cũng không
Chính là vô đắc
Có gì nghĩ suy.*

*Tâm khó thấy
Tu mới thấy
Giác ngộ dục
Thấy đầy đủ.*

*Không thích trần
Là thoát khổ
Vì ái dục
Thống khổ tăng.*

*Rõ bất tịnh
Nên chế ngự
Không tham luyến
Thì hết khổ.
Thấy biết thấy
Nghe biết nghe
Niệm biết niệm
Thức biết thức
Không chấp trước
Không phân biệt
Trừ tất cả
Là thoát khổ.*

*Trừ thân tướng
Diệt thọ hành
Thức không còn
Là hết khổ.*

Theo là động
Bỏ là tịnh
Tránh gần động
Xa hỷ lạc.

Xa hỷ lạc.
Thì an tịnh
Đã tịch tịnh
Hết đến đi.

Không đến đi
Thoát sinh tử
Hết sinh tử
Không bỉ thử.

Đoạn bỉ thử
Diệt cả hai
Diệt tận cùng
Là hết khổ.

Tỳ-kheo có tái sinh
Nếu tạo hữu, có hành
Không tạo hữu, hết hành
Hết hữu, sinh chấm dứt.

Người đạt đến vô niệm
Mới có thể đạt đến

*Không sinh, không còn hữu
Không tạo, không có hành.*

*Có hữu và còn hành
Là chưa được bình an
Không còn hữu và hành
Là giải thoát, bất sinh.*

*Từ hữu này chấm dứt
Từ hữu này tái sinh
Còn hành có sinh tử
Bỏ hành, được chứng quả.*

*Thực, nhân duyên sinh hữu
Thực, nhân duyên khổ vui
Ở đây cần phải diệt
Không còn niệm theo hành
Hành diệt, tự nhiên an
Những đau khổ chấm dứt.*

*Tỳ-kheo, Ta đã biết
Chẳng thuộc vào các cõi
Chẳng ở hư không xứ
Chẳng vào các dụng xứ
Chẳng thuộc tướng vô tướng
Chẳng đời này đời sau
Không mặt trời và trăng
Không đi, không lơ lửng*

*Ta không còn qua lại
Không đến và không đi
Không mất và không sinh
Nơi ấy là Nê-hoàn.*

*Giống như vậy, nhưng khác
Giải thoát hết khổ vui
Thấy không còn sợ hãi
Không nói, nói không sai.*

*Bẻ gãy mũi tên hữu
Không còn vương ngu si
Là khoái thích số một
Đường này an vô thượng.*

*Bị nhục, tâm như đất
Tu nhân như cửa đi
Sạch như nước không cầu
Vô sinh, hết luân hồi.*

*Không tham đắm thắng lợi
Tuy thắng, khổ lại sinh
Nên tự cầu thắng pháp
Đã thắng, không còn sinh.*

*Dứt cũ, không tạo mới
Chán thai, không hành dâm*

*Giống héo, không mọc nữa
Ý diệt như lửa tắt.*

*Bào thai là biến uế
Vui gì mà hành dâm
Trên trời tuy cõi thiện
Đều không bằng Nê-hoàn.*

*Cần biết đoạn tất cả
Không tham luyến thế gian
Vứt hết đến diệt độ
Đường này là tối thượng.*

*Phật dạy pháp Thánh đế
Trí dũng nên phụng trì
Hành tịnh không uế nhiễm
Tự biết vượt thế gian.*

*Hành đạo trước xa dục
Sớm mặc giới pháp Phật
Diệt ác thoát cảnh ác
Như chim vượt hư không.*

*Ai đã hiểu Pháp cú
Chỉ tâm tu tập theo
Vượt qua bờ tử sinh
Hết khổ, không hoạn nạn.*

Đạo pháp không thân sơ
Chánh không cần mạnh yếu
Quan trọng không vọng tưởng
Mở kết là thanh tịnh.

Thượng trí nhàm chán thân
Nguy ách không chân thật
Khổ nhiều nhưng vui ít
Chín lỗ đều bất tịnh.

Tuệ dùng nạn mua an
Không tham, thoát các nạn
Hình hài như bọt nổi
Tuệ thấy, xả không tham.

Quán thân là vật khổ
Sinh, lão, bệnh, tử khổ
Vứt cầu hành thanh tịnh
Tất được an lạc lớn.

Dùng tuệ phá tan tà
Diệt hữu lậu không còn
Tu thanh tịnh, vượt đời
Trời người đều kính lễ.



Phẩm 37: SINH TỬ' (có 18 bài)

*Phẩm Sinh Tử này
Nói về người, quý
Thân mất thân còn
Tùy nghiệp chuyển sinh.*

*Mạng sống như trái chín
Thường sợ bị rụng rơi
Đã sống thì phải khổ
Ai có thể bất tử?*

*Khởi đầu ưa ân ái
Vì dâm vào bào thai
Thọ thân mạng như điện
Ngày đêm giảm không dừng.*

*Thân này là vật chết
Tinh thần pháp vô hình
Chết rồi lại tái sinh
Nhưng tội phước không mất.*

*Luân hồi rất nhiều đời
Còn si ái còn dài
Tự làm, hưởng khổ vui
Thân chết, thức tiếp nối.*

*Thân bốn đại là sắc
Thức bốn ấm là danh*

*Sự tình mười tám giới
Bị duyên khởi mười hai.*

*Thần thức nơi chín địa
Sinh tử nối tiếp hoài
Thế gian ngu không học
Si ám không Thiên nhãn.*

*Bôi bản bằng ba câu
Không mất ý tà kiến
Cho chết rồi còn mãi
Hay cho chết mất hẳn.*

*Tâm thức tạo ba cõi
Năm đường thiện và ác
Lặng lẽ đi và đến
Qua lại theo nhân quả.*

*Dục, Sắc, Vô hữu sắc
Tất cả do nghiệp cũ
Như cây nào trái ấy
Báo như bóng theo hình.*

*Thức lấy thân làm tên
Như lửa theo chất đốt
Nơi đuốc gọi lửa đuốc
Tùy than cỏ phân củi.*

*Tâm pháp khởi theo nhau
Pháp diệt thì tâm diệt
Sinh diệt như mưa đá
Lưu chuyển không tự biết.*

*Thức chạy theo năm đường
Qua lại khắp mọi nơi
Bỏ thân rồi thọ thân
Như xe lăn trên đất.*

*Con người bỏ xác thân
Như ra khỏi nhà cũ
Thức lấy thân làm nhà
Thân hoại, thức tiếp nối.*

*Tinh thần trong thân thể
Như chim nhốt trong bình
Bình vỡ, chim bay ra
Thân chết, thân tái sinh.*

*Si mê tưởng thường, tịnh
Ưu thân tưởng, nghi tưởng
Hy vọng không chính yếu
Phật dạy: chính vô minh.*

*Một gốc, hai thay đổi
Ba cầu, năm rộng lớn*

*Các biển mười hai việc
Hay thay vượt vực trời.*

*Khi đoạn tuyệt ba sự
Biết thân không sống nữa
Mạng sống, hơi ấm, thức
Bỏ thân sang đời khác.*

*Khi chết, thân trên đất
Như gỗ nào biết gì
Quán sát tướng trạng này
Như huyễn, ngu mới tham.*



Phẩm 38: ĐẠO LỢI (có 19 bài)

*Phẩm Đạo Lợi này
Kính vua cha thầy
Chỉ dạy đường thiện
Đôn đốc theo chánh.*

*Người biết kính bậc trên
Vua, cha, thầy, tu sĩ
Giới, tín, thí, văn, tuệ
Trọn đời sống an lành.*

*Đời trước tạo phước lành
Sinh làm người tôn quý*

*An thiên hạ bằng pháp
Phụng đạo, ai cũng theo.*

*Vua đứng đầu thần dân
Thường từ ái xuống dưới
Tự thân tuân pháp, giới
Dạy người, ngăn lỗi lầm.*

*Sống an chớ quên nguy
Nghĩ đúng, làm phước thêm
Kết quả của phước đức
Đến không luận sang hèn.*

*Làm tướng trong thế gian
Thuận chánh không theo tà
Tâm chánh thắng các ác
Như vậy là Pháp vương.*

*Thấy đúng thường bỏ thí
Nhân ái thích lợi người
Có lợi phân đồng đều
Nên mọi người thân cận.*

*Như bò lội qua sông
Trước chính, sau cũng chính
Giữ pháp tâm không tà
Như vậy mọi người an.*

*Chớ vọng cầu thần tượng
Chỉ rước thống khổ thôi
Ý ác tự giết mình
Không sao đến cõi thiện.*

*Nên dựa vào giới đức
Phước báo luôn theo ta
Người thấy pháp dẫn đầu
Thoát ly ba đường ác.*

*Giữ giới trừ sợ, khổ
Phước đức trên ba cõi
Quý rộng tà độc hại
Không phạm người trì giới.*

*Bất nghĩa, không thành tín
Dối trá, ưa tranh cãi
Nên xa lánh hạng này
Gần ngu, chỉ thêm tội.*

*Nhân hiền, nói thành tín
Học rộng, đủ giới hạnh
Nên biết thân bậc này
Gần trí, tín, nhiều thiện.*

*Nói hay, không giữ giới
Tâm loạn, không làm thiện
Tuy thân sống chỗ vắng*

Nhưng không phải học pháp.

*Một, nói lời hay đúng
Hai, thuyết theo giáo pháp
Ba, ái ngữ vừa ý
Bốn, nói thật không dối.*

*Không biết, nhận dao bén
Chỉ làm thân bị thương
Ngu ư học tà thuyết
Làm theo chịu khổ đau.*

*Tham dục, sân nhuế, si
Là ba gốc bất thiện
Vì nó thân tự hại
Báo do si ái sinh.*

*Có phước làm trời người
Phi pháp đọa cõi ác
Riêng bậc Thánh thấy rõ
Thường hành lời Phật dạy
Giới đức lợi hai đời
Đã làm, phước theo thân
Trời người đều khen ngợi
Tâm chánh luôn an ổn.*

*Làm ác, không nghĩ bỏ
Ngày thêm, không hối hận*

*Mạng trôi qua như suối
Sợ vậy, nên giữ giới.*

*Nay trên đầu của ta
Tóc bạc, mạng bị trộm
Là Thiên sư đã báo
Đúng lúc nên xuất gia.*



Phẩm 39: KIẾT TƯỜNG⁴ (có 19 bài)

*Phẩm Kiết Tường này
Phương pháp tu thân
Bỏ ác làm thiện
Mãi hưởng phước nhiều.*

*Phật, Đạo Sư chư Thiên
Như Lai giảng chân nghĩa
Có tu sĩ Phạm chí
Hỏi: an lành là gì?*

*Phật từ bi thương họ
Giảng yếu nghĩa pháp này
Tin thích theo chánh pháp
Là an lành tối thượng.*

Không lệ thuộc trời người

4. Tương đương Pāli – Mangala-sūta – kinh Hạnh phúc.

*Cầu khẩn điều may rủi
Không cúng tế thần linh
Là an lành tối thượng.*

*Chọn bạn hiền sống chung
Chú trọng làm phước đức
Thân hành động chân chánh
Là an lành tối thượng.*

*Bỏ ác, làm theo thiện
Tránh rượu, biết tiết chế
Không tham dâm nữ sắc
Là an lành tối thượng.*

*Học rộng, sống đúng giới
Tinh tấn học pháp, luật
Sửa mình, không tranh chấp
Là an lành tối thượng.*

*Hiếu thảo với cha mẹ
Lo gia nghiệp, vợ con
Không hành động phóng dăng
Là an lành tối thượng.*

*Không khinh mạn, tự cao
Tri túc, biết nhớ ân
Thường xuyên học kinh pháp
Là an lành tối thượng.*

*Học nhiều, thường khiêm tốn
Thích gặp bậc Sa-môn
Nghe giảng thọ trì ngay
Là an lành tối thượng.*

*Trai giới, tu phạm hạnh
Muốn thân cận Hiền thánh
Nương tựa bậc Minh trí
Là an lành tối thượng.*

*Tín tâm, sống đạo đức
Ý quyết định không nghi
Muốn thoát ba đường ác
Là an lành tối thượng.*

*Bố thí, tâm bình đẳng
Kính phụng bậc Đắc đạo
Cung kính các vị trời
Là an lành tối thượng.*

*Thường tránh xa tham dục
Ngu si và sân hận
Tập nhận thức đúng đạo
Là an lành tối thượng.*

*Vứt bỏ điều vô ích
Siêng tu đạo thiết thực*

*Thường làm việc đáng làm
Là an lành tối thượng.*

*Vì tất cả chúng sinh
Xây dựng tâm Đại từ
Nhân ái giúp chúng sinh
Là an lành tối thượng.*

*Muốn cầu phước an lành
Phải kính tín Đức Phật,
Muốn cầu phước an lành
Phải học nghĩa Pháp cú,
Muốn cầu phước an lành
Nên cúng dường Tăng bảo,
Người trì giới thanh tịnh
Là an lành tối thượng.*

*Người trí sống trong đời
Luôn tập hạnh an lành
Tự thành tựu Tuệ giác
Là an lành tối thượng.*

*Phạm chí nghe Phật dạy
Tâm ý rất hoan hỷ
Đảnh lễ sát chân Phật
Quy y Phật, Pháp, Tăng.*



SỐ 211

KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự
và Pháp Lập.*

QUYỂN 1

Phẩm 1: VÔ THƯỜNG

Thí dụ 1:

Thuở xưa, trời Đế Thích bỗng nhiên mất đi năm đức tướng, nên tự biết mình sắp mạng chung, tái sinh vào thai một con lừa trong nhà người thợ làm đồ gốm. Năm đức tướng là gì?

1. Hào quang trên thân mất.
2. Hoa trên đầu khô héo.
3. Không còn ưa thích chỗ ngồi của mình.
4. Mồ hôi nách chảy hôi dơ.
5. Bụi bám trên thân.

Đế Thích nhân năm việc này, biết phước mình đã hết nên rất lo buồn. Ông nghĩ trong tam giới chỉ có Phật mới cứu độ được khô ách cho chúng sinh, nên vội chạy đến chỗ Đức Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn đang tọa thiền nhập Phổ tế tam-muội trong thạch thất trên núi Kỳ-xà-quật. Thiên đế đến nơi

gặp Đức Phật liền cúi đầu đánh lễ, phủ phục sát đất, chí tâm quy mạng Phật, Pháp, Tăng. Trong khoảng thời gian cúi mình làm lễ, Thiên đế mạng chung, thần thức liền nhập vào thai một con lừa trong nhà người thợ đồ gốm. Lúc ấy, lừa mẹ tự bứt đứt dây, chạy loạn vào chỗ đồ gốm chưa nung, làm đổ vỡ rất nhiều. Người chủ rất giận, bèn xách cây rượt đánh, lừa mẹ nhân đó bị xảy thai. Thần thức của Thiên đế liền thoát khỏi thai lừa, nhập lại thân cũ, đầy đủ năm đức tướng như xưa.

Đức Phật trong lúc định tam-muội biết việc đó, tán thán:

– Lành thay! Nay Thiên đế, ông có thể đến lúc sắp mạng chung biết quy mạng Tam bảo, tội nghiệp đã xong, không còn thọ khổ báo nữa.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói bài kệ:

Các hành vô thường

Là pháp thịnh suy

Sinh thì phải tử

Diệt là an vui.

Như nhà thợ gốm

Nắn đất làm đồ

Tất cả đều hoại

Mạng người cũng thế!

Đế Thích nghe kệ xong liền biết yếu nghĩa vô thường, thông lẽ biến đổi tội phước, hiểu rõ tội gốc thịnh suy, tuân theo lý đạo tịch diệt, hoan hỷ phụng

trì Chánh pháp, đắc quả Tu-đà-hoàn.



Thí dụ 2:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ thuyết pháp cho hàng trời, người, rồng, quỷ. Lúc ấy, mẹ vua Ba-tư-nặc tuổi hơn chín mươi chợt lâm trọng bệnh, vì trị không đúng thầy đúng thuốc nên đã qua đời. Vua và quần thần theo pháp làm lễ tang rồi đưa đi an táng. Tang sự xong, vua và quần thần trở về, ghé ngang qua chỗ Phật. Lúc ấy vua cởi mũ tháo giày bước đến làm lễ bên chân Phật. Đức Phật mời vua ngồi xuống rồi hỏi:

– Vua từ đâu đến mà quần áo xóc xếch, vẻ mặt tiêu tụy? Sao lại ra nông nổi này?

Nhà vua cúi đầu đáp:

– Thái hậu, mẹ con tuổi hơn chín mươi mắc phải trọng bệnh vừa mới qua đời. Con đưa linh cữu ra mộ rồi trở về ghé qua đây thăm Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo với vua:

– Từ xưa đến nay có bốn việc đáng sợ nhất, đó là: Sinh ra rồi phải già yếu gầy guộc; bệnh phải héo hon hình dung; chết thần thức đi mất, xa lìa thân thuộc. Đó là bốn việc chẳng hẹn cùng người. Vạn vật vô thường, không kể dài lâu. Mỗi ngày trôi qua, mạng sống lần giảm. Như nước năm sông ngày đêm chảy mãi không ngừng, mạng người mau qua cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Như sông chảy mau
Theo dòng trôi mãi
Mạng người cũng thế
Qua không trở lại.*

Rồi Đức Phật nói với vua:

– Mọi vật trên đời đều như vậy, không có cái gì trường tồn. Mọi người đều phải chết, không ai tránh được lẽ này. Các vị Phật, chân nhân, tiên ngũ thông, quốc vương thuở xưa nay có còn đâu? Vua không nên buồn thương vô ích có hại đến thân mình. Làm người con hiếu thương yêu cha mẹ quá vãng thì phải làm phước, tu tạo công đức hồi hướng cho cha mẹ, như là chuẩn bị lương thực gửi cho người thân lúc đi xa.

Nghe Đức Phật dạy xong, vua và quần thần đều hoan hỷ, không còn lo buồn. Những người đến nghe pháp đều thấy được đạo.



Thí dụ 3:

Thuở xưa, Đức Phật trú trong vườn Trúc tại thành La-duyệt-kỳ. Một hôm Ngài cùng các đệ tử nhận lời thỉnh vào thành thọ trai thuyết pháp. Xế chiều, Đức Phật và các đệ tử ra khỏi thành, trên đường đi gặp một người đang lừa một đàn bò vào thành. Đàn bò mập mạp, ăn no đủ nên nhảy nhót, đùa bỡn cùng húc nhau. Lúc ấy Đức Thế Tôn nói

kệ rằng:

*Như người cầm gậy
Chăn dắt nuôi bò
Già chết cũng vậy
Lừa mạng sống đi.
Trăm ngàn chẳng một
Dòng họ trai gái
Ky cóp tài sản
Khỏi già chết đâu.
Sự sống ngày đêm
Mạng tự lần giảm
Tuổi thọ tiêu mòn
Như ao rút cạn.*

Đức Phật về đến vườn Trúc rửa chân rồi ngồi xuống. A-nan ra trước đánh lễ thưa hỏi:

– Bạch Đức Thế Tôn, ban nãy giữa đường Ngài có nói lên ba bài kệ. Chúng con vẫn chưa hiểu lắm, xin Ngài từ bi khai thị cho.

Đức Phật hỏi:

– Này A-nan, người có thấy người ta lừa đàn bò đi không?

A-nan đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, dĩ nhiên là con có thấy.

Đức Phật giảng giải: “Này A-nan, đàn bò đó là của một nhà hàng thịt, vốn có cả ngàn con. Mỗi ngày ông chủ đều cho người lừa ra ngoài thành tìm nơi cỏ tươi, nước trong cho chúng ăn uống để

chúng lớn mập, rồi mỗi ngày chọn ra các con to béo đem giết lấy thịt. Số bò bị giết đến nay đã hơn phân nửa, mà những con còn lại vẫn không hay biết, cứ lo đấu húc lẫn nhau, nhảy nhót, kêu rống. Ta vì thương cho chúng ngu si vô trí nên mới nói lên bài kệ đó.

Này A-nan, đâu phải chỉ có đàn bò đó vô trí thôi, mà người đời cũng như vậy! Họ chấp trước bản ngã, không biết vô thường, ham ăn ham uống, dùng năm dục để cung dưỡng thân mình; tâm ý thỏa thuê trở lại gây ra tai họa. Vô thường tức nghiệp không hẹn chợt đến mà họ vẫn mờ mịt không biết, thì có khác chi với đàn bò kia?

Lúc ấy, trong hội chúng có hai trăm Tỳ-kheo tham đắm lợi dưỡng nghe được bài pháp này liền tự sách tấn lấy mình, do đó chứng quả A-la-hán, đầy đủ lục thông. Còn đại chúng đều xúc động bước ra đánh lễ Đức Phật.



Thí dụ 4:

Thuở xưa, Đức Phật thuyết pháp cho các hàng đệ tử ở khu Lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có con gái của một vị Phạm chí, tuổi khoảng mười bốn, mười lăm, đoan chính, thông minh rất được cha yêu mến, bỗng lâm bệnh nặng đột ngột chết đi. Đồng thời ruộng của vị Phạm chí đó đang mùa lúa chín cũng bị lửa ma trời đốt cháy

hết sạch. Tai nạn dồn dập, vị Phạm chí vô cùng đau buồn, tâm ý hoảng loạn như người phát cuồng, không cách gì giải tỏa nỗi. Ông nghe người ta nói Phật là Bậc Đại Thánh, Thầy của cả trời người, hay thuyết pháp giúp cho chúng sinh hết phiền não, khỏi khổ đau, nên tìm đến chỗ Phật nhờ giúp đỡ. Đến nơi, ông đánh lễ rồi quỳ xuống thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con vốn hiếm muộn, chỉ có một người con gái sớm hôm an ủi. Thế mà nó bỗng lâm trọng bệnh, bỏ con ra đi. Tình cha con quyền luyến là lẽ tự nhiên, nên con vô cùng khổ não. Xin Đức Thế Tôn oai thần giáo hóa giúp cho con giải tỏa nỗi đau buồn này.

Đức Phật bảo Phạm chí:

– Trên đời có bốn việc không thể lâu dài. Đó là bốn việc gì?

1. Trường tồn phải hoại diệt.
2. Giàu sang phải nghèo hèn.
3. Hội hợp phải chia ly.
4. Khỏe mạnh rồi phải chết.

Rồi Thế Tôn nói kệ:

*Trường tồn phải diệt
Cao sẽ đổ ngã
Gặp rồi ly biệt
Sinh ắt tử vong.*

Ông Phạm chí nghe xong, tâm ý khai ngộ xin Phật xuất gia làm Tỳ-kheo.

Đức Phật hoan hỷ hứa khả bảo:

– Lành thay, hãy lại đây Tỳ-kheo.

– Phạm chí râu tóc liền tự rụng, thành tướng Sa-môn. Sau đó nhờ nỗ lực quán chiếu lý vô thường, chẳng bao lâu ông chứng quả A-la-hán.



Thí dụ 5:

Thuở xưa, Đức Phật trú trên núi Kỳ-xà-quật thành La-duyet-kỳ. Lúc ấy, trong thành có một nàng kỹ nữ tên là Liên Hoa. Nàng này nhan sắc đoan chính, cả nước không ai sánh bằng. Thanh niên con em các nhà quyền quý ai cũng hâm mộ tranh nhau tìm đến. Một hôm, nàng Liên Hoa bỗng sinh tâm lành, đòi bỏ việc đời xuất gia làm Tỳ-kheo-ni. Nàng từ bỏ tất cả tìm đến núi Kỳ-xà-quật nơi Đức Phật đang cư trú. Giữa đường, gặp một dòng suối mát, nàng Liên Hoa liền ghé lại uống nước rửa tay. Làn nước trong xanh, long lanh hiện lên bóng dáng của nàng: vẻ mặt hồng thắm, mái tóc mượt xanh, thân hình cân đối hoàn hảo.

Tự thấy nhan sắc xinh đẹp của mình, nàng Liên Hoa hối tiếc nghĩ rằng: “Ta sinh ra có được nhan sắc mặn mà như vậy, sao lại nỡ bỏ đi để làm Sa-môn? Ta nên nhân lúc còn trẻ mà hưởng thụ cho thỏa mãn những khao khát riêng mình.”

Nghĩ như vậy xong, nàng liền đi về. Đức Phật biết Liên Hoa có thể độ được, nên hóa ra một thiếu

nữ nhan sắc tuyệt trần hơn xa Liên Hoa từ phía khác đi ngược chiều lại. Liên Hoa trông thấy vô cùng yêu mến, liền hỏi thăm người hóa ra đó:

– Nàng từ đâu đến? Chồng con cha anh ở đâu mà đi một mình không ai đi cùng vậy?

Người hóa ra đáp:

– Tôi ở trong thành có việc ra ngoài, nay định trở về nhà. Chị em mình tuy chưa quen nhau nhưng có thể cùng về chung. Gần đây có bờ nước, chúng ta trước hãy đến đó nghỉ ngơi, trò chuyện.

Liên Hoa đáp:

– Vậy thì hay lắm.

Hai người cùng đến bờ nước chuyện trò tâm sự. Một lát sau, người hóa ra mệt mỏi tựa vào gối Liên Hoa ngủ. Không ngờ mới đó mà thiếu nữ đã chết, thi thể sinh lên, hôi thối, giò bò lúc nhúc, răng tóc rụng rời, tứ chi tan rã.

Liên Hoa trông thấy hết sức kinh sợ, thầm nghĩ: “Người đẹp như vậy mới đó mà đã không còn. Nàng ta còn vậy, thân ta há bảo đảm dài lâu? Phải nên đến chỗ Đức Phật để tinh tấn học đạo.” Đến nơi, nàng cúi sát đất đánh lễ Đức Phật, xong bèn thuật lại đầy đủ những việc đã thấy.

Đức Phật nói với Liên Hoa:

– Người ta có bốn việc không thể nương cậy. Đó là bốn việc gì?

1. Trẻ trung rồi phải già yếu.

2. Mạnh khỏe rồi phải tử vong.
 3. Thân thuộc vui vẻ phải xa lìa.
 4. Của cải tích trữ phải phân tán.
- Bấy giờ, Đức Phật liền nói kệ:

*Già thì sắc suy
 Bệnh khiến thân hoại
 Khi mạng đã hết rồi
 Thân rã, hư hoại.
 Thân có gì quý
 Đồ dơ tuôn chảy
 Bị bệnh tật phủ vây
 Chịu họa già chết.
 Buông lung theo dục
 Tăng thêm điều phi pháp
 Đâu biết sự đổi thay
 Thọ mạng vô thường.
 Dầu là con ruột
 Cha mẹ, anh em
 Khi chết đến nơi
 Không nương ai được.*

Nàng Liên Hoa nghe pháp xong hân hoan giải ngộ, quán thân như huyễn hóa, mạng sống chẳng dài lâu, chỉ có Niết-bàn là an ổn vĩnh cửu, nên đến trước Phật xin xuất gia làm Tỳ-kheo-ni.

Đức Phật nói:

— Lành thay!

Tóc Liên Hoa liền tự rụng thành Tỳ-kheo-ni.

Sau đó nhờ công phu tư duy thiền quán, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa đã chứng quả A-la-hán.

Những vị được nghe pháp trong pháp hội, ai nấy đều hoan hỷ.



Thí dụ 6:

Thuở xưa, Đức Phật thuyết pháp trong vườn Trúc tại thành Vương xá. Lúc ấy, có bốn anh em Phạm chí đã chứng được ngũ thông, tự biết sau bảy ngày nữa mình sẽ chết. Do đó họ cùng bàn với nhau rằng: “Sức của ngũ thông có thể làm nghiêng lệch trời đất, nắm giữ mặt trời mặt trăng, dời núi cao, ngưng sông chảy... không việc nào là không làm được, lẽ nào tránh không khỏi cái chết này sao?”.

Người thứ nhất nói:

– Tôi sẽ lặn xuống biển, trên không xuất hiện, dưới không đến đáy, ở giữa lưng chừng biển thì quỷ vô thường làm sao biết chỗ mà tìm?

Người thứ hai nói:

– Tôi chui vào giữa núi Tu-di, khép núi lại bao bọc xung quanh thì quỷ vô thường biết đâu mà kiếm?

Người thứ ba nói:

– Tôi sẽ ẩn nấp giữa hư không, quỷ vô thường làm sao biết được?

Người thứ tư nói:

– Tôi sẽ lẫn vào trong chợ, quỉ vô thường đến bắt được người nào đó thì thôi, cần gì phải tìm bắt tôi?

Bốn người bàn xong, bèn đến gặp vua Ba-tư-nặc từ giã:

– Thọ mạng của chúng tôi chỉ còn bảy ngày nữa. Nay chúng tôi muốn chạy trốn vô thường, mong rằng sẽ thoát được trở về thăm vua, mong bệ hạ ban ân.”

Nói xong, bốn vị ấy ra đi trốn vào chỗ của mình. Bảy ngày sau, mãn hạn kỳ bốn người đều chết cả, như trái chín tự rụng. Người quản lý chợ báo cho vua biết có một vị Phạm chí bỗng dưng chết giữa chợ. Vua chợt tỉnh ngộ bảo:

– Bốn người cùng trốn nghiệp, một người đã chết, ba người kia làm sao tránh khỏi?

Vua liền cho xa giá đến chỗ Phật, đánh lễ ngồi qua một bên rồi bạch với Phật:

– Gần đây, có bốn anh em Phạm chí đã đắc ngũ thông, biết rằng mạng mình sắp chết nên cùng nhau trốn quỉ vô thường. Xin hỏi hiện nay họ có tránh thoát được không?

Đức Phật đáp:

– Nay Đại vương, người ta có bốn việc không thể tránh khỏi. Bốn việc ấy là gì?

1. Khi ở thân trung ấm không thể không thọ sinh.

2. Đã thọ sinh không thể không già.
3. Đã già không thể không mang bệnh.
4. Đã bệnh không thể không chịu chết.

Bấy giờ Đức Phật liền nói kệ:

*Dầu trốn ở hư không
Giữa biển khơi, núi rộng
Không một nơi nào cả
Tránh khỏi được tử vong.
Việc này do mình tạo
Làm sao mà tránh được
Người vì nó bất an
Đưa đến khổ già chết.
Biết vô thường, tự an
Kiến chấp sinh liền hết
Tỳ-kheo thắng ma binh
Thoát khỏi vòng sinh tử.*

Vua nghe Đức Phật nói xong bèn than:

– Lành thay! Thật đúng như lời Thế Tôn dạy.
Bốn người trốn nghiệp, nhưng trong đó một người
đã chết, ba người kia làm sao tránh được.

Các quan tùy tùng nghe Đức Phật dạy xong đều
tin nhận.



Phẩm 2: GIÁO HỌC

Thí dụ 7:

Thuở xưa, Đức Phật trú ở tinh xá Kỳ thọ nước Xá-vệ. Ngài dạy các Tỳ-kheo hãy tinh tấn tu tập đạo nghiệp, dứt trừ các âm cái, tâm trong sáng, tinh thần định tĩnh, mới có thể tránh được các khổ.

Có một Tỳ-kheo tâm trí không thông đạt, suốt ngày ăn no xong lại vào phòng đóng cửa nằm ngủ. Ông ấy yêu mến huyễn thân, chỉ lo hưởng lạc thích ý mà không biết nghĩ đến vô thường, không ngờ bảy ngày sau mạng mình sẽ hết.

Đức Phật xót thương, sợ rằng sau khi ông mất sẽ堕 vào đường ác nên bước đến phòng gõ cửa cảnh tỉnh ông:

*Ôi hãy dậy, đừng mê
Loài rận, ốc, trai, mọt
Ẩn mình trong bất tịnh
Mê hoặc chấp làm thân.
Đâu có bị chém thương
Mà tâm như trẻ bệnh
Đối trước bao ách nạn
Lại tham đắm ngủ mê.
Biết nghĩ, không phóng dật
Lo học đạo từ bi
Do đó không ưu sầu
Thường nhớ trừ vọng tưởng.
Chánh kiến luôn trau dồi
Là ánh sáng giữa đời
Sinh ra, phước đầy đủ
Chết không堕 ác đạo.*

Vị Tỳ-kheo nghe kệ liền giật mình thức dậy. Ông trông thấy Đức Phật đích thân khuyên dạy lại càng kinh sợ, nên liền đứng dậy đánh lễ Đức Thế Tôn. Đức Phật lại hỏi:

– Ông có tự biết túc mạng mình không?

Vị Tỳ-kheo đáp:

– Vì ám cái ngăn che nên không biết được.

Đức Phật bảo:

– Thuở quá khứ, thời Phật Duy Vệ, ông từng xuất gia song vì tham mê lợi dưỡng cung phụng cho huyễn thân, không lo niệm kinh trì giới, ăn no lại ngủ không nhớ đến lẽ vô thường, nên khi mạng chung thân thức đọa vào loài rận trải qua năm vạn năm, chết rồi lại đọa vào loài trai, sò và sâu một trong cây, mỗi loài lại năm vạn năm nữa. Bốn loài này sinh trưởng trong bóng tối, tham yêu thân mạng, thích ở trong chỗ kín đáo tối tăm, lấy đó làm nhà, không thích ánh sáng. Chúng ngủ một giấc dài đến trăm năm, triền miên trong lưới tội lỗi mà không mong cầu giải thoát. Nay ông nhờ trả hết nghiệp tội mới được làm Sa-môn, sao lại còn ham ngủ không biết nhàm chán?

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo nghe lại tức duyên của mình, liền hổ thẹn sợ hãi, ăn năn tự trách, quét sạch mây mù ngũ cái, chứng đắc quả A-la-hán.



Thí dụ 8:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ, vì tứ chúng trời người thuyết pháp. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo trẻ tuổi, tánh tình khờ dại chất trực, chưa hiểu được yếu nghĩa của đạo. Vị ấy vì tình ý mạnh mẽ luôn nghĩ đến dục, không tự kiềm chế được, nên luôn bị lửa dục thiêu đốt, phiền não nhiễu loạn không giải thoát được.

Vị ấy ngồi suy nghĩ: “Nếu ta chặt đứt nam căn, sau này sẽ thanh tịnh đắc đạo.” Nghĩ sao làm vậy, vị ấy liền đi đến nhà người đàn-việt mượn cây búa rồi về phòng đóng cửa, cởi đồ, ngồi trên ván định tự chặt đứt nam căn. Ông cho rằng: “Chính cái này khiến cho ta đau khổ, trải qua sinh tử biết bao số kiếp, trôi lăn trong tam đồ lục đạo đều do nữ sắc. Nếu không chặt nó đi làm sao đắc đạo?”.

Đức Phật biết ông này vì ngu si nên mới suy nghĩ và hành động như vậy. Thật ra, đạo do chế phục tâm, tâm là nguồn gốc. Không biết làm thế là phải chết, mà tự hủy hoại thân thể chỉ gây thêm tội đọa, mãi chịu đau khổ!

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền bước vào phòng vị ấy, hỏi:

– Ông định làm gì đấy?

Vị Tỳ-kheo liền buông búa, mặc đồ lại, rồi thưa:

– Con học đạo đã lâu mà chưa hiểu được pháp

môn tu tập. Mỗi khi tọa thiền, tâm an định sắp đắc đạo lại bị dục niệm che ngăn, lửa lòng lừng lẫy, tâm trí mê mờ, không còn phân biệt gì nữa. Con hết sức tự trách, nghĩ rằng việc này đều do nam căn đòi hỏi, nên mượn búa định chặt đứt nó đi.

Đức Phật nghe xong liền bảo:

– Ông sao ngu si không hiểu đạo lý? Người muốn cầu đạo trước phải dứt trừ si mê rồi sau mới chế phục tâm. Tâm là nguồn gốc của thiện ác. Muốn dứt trừ tận gốc rễ ái dục phải chế phục tâm. Tâm an định, ý thông hiểu mới đắc đạo được.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Học đạo trước trừ gốc
Bắt vua, ly khai quan
Kẻ tùy tùng tan rã
Là Đạo nhân bậc thượng.*

Đức Phật lại nói:

– Trong mười hai nhân duyên, si đứng đầu. Si là nguồn của các tội; trí là gốc của các hạnh. Vì vậy phải dứt trừ si, sau đó tâm mới an định.

Nghe Đức Phật dạy xong, vị Tỳ-kheo ấy hổ thẹn tự trách:

– Ta vì ngu si mê hoặc, trước giờ không hiểu rõ kinh điển nên mới có suy nghĩ và hành động sai lầm như vậy. Nay được nghe những lời Phật dạy, thật là vi diệu lắm thay!

Nhờ đó, vị ấy thiền quán theo dõi hơi thở, kiểm

soát nội tâm, hàng phục tình ý, dứt hết dục vọng, được chánh định chứng quả A-la-hán ngay trước Đức Phật.



Thí dụ 9:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại núi Linh thú, thành La-duyet-kỳ vì hàng trời người, quốc vương, đại thần... thuyết pháp cam lộ. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo tánh nết cương cứng, dũng mãnh. Đức Phật biết rõ tâm ý, nên dạy vị ấy:

– Ông hãy ra khe núi Quỷ thần phía sau núi, ngồi dưới cội cây mà tu tập số tức cầu được chánh định. Hãy theo dõi hơi thở biết rõ dài ngắn, giữ tâm ý (an ban thủ ý), dứt vọng tưởng, hết đau khổ sẽ được Niết-bàn.

Tỳ-kheo vâng lời đến khe núi tọa thiền. Núi rừng vắng vẻ, đồng vọng tiếng quỷ thần trò chuyện đã khiến cho Tỳ-kheo sinh lòng sợ hãi, không sao an tâm được. Vị ấy hối hận thầm nghĩ: “Mình thuộc dòng dõi lớn, giàu sang sung sướng mà không chịu ở nhà, lại đi xuất gia. Học đạo chỉ thấy cô tịch, ở chốn sâu không bạn bè, không người qua lại chỉ có quỷ thần đe dọa thôi.”

Vị ấy suy nghĩ như vậy, định bỏ đi thì Đức Thế Tôn đã đến bên cạnh, ngồi xuống một gốc cây rồi hỏi:

– Ông ở đây một mình có sợ hãi không?

Vị Tỳ-kheo đáp:

– Đây là lần đầu tiên con vào núi tu tập, nên thật rất buồn lo.

Giây lát, có một con voi chúa đến gốc cây cạnh bên nằm, trong lòng hoan hỷ khoan khoái vì xa lánh được bầy đàn rộn ràng, ồn náo.

Đức Phật biết được ý của voi bèn hỏi vị Tỳ-kheo:

– Ông có biết con voi này vì lý do gì đến đây chẳng?

Vị Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, con không biết.

Đức Phật bảo:

– Con voi này có hơn năm trăm quyền thuộc lớn nhỏ. Vì chán ngán bầy đàn nên bỏ đi đến đây nằm dưới gốc cây và nghĩ rằng: “Xa được ngục tù ân ái thật an vui biết bao!”. Voi là loài súc sinh còn biết nghĩ đến rảnh rang yên tĩnh, hướng chi ông là người từ bỏ ngũ dục ở gia đình, cầu được giải thoát mà lại mong muốn có bè bạn. Nên biết bạn bè ngu ám gây ra rất nhiều tai họa. Hãy ở một mình không tiếp xúc bàn luận. Thà sống tu học một mình hơn là kết bạn với kẻ ngu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Nên học độc cư

Không có bạn hiền

Một mình tu thiện

*Không bạn kẻ ngu.
Vui tu giới hạnh
Cần chi bạn lữ
Một mình vô ưu
Như voi giữa rừng.*

Nghe Đức Phật nói xong, vị Tỳ-kheo chột tỉnh ngộ, thiên quán lời Phật dạy liền đắc quả A-la-hán. Các quỷ thần nơi khe núi cũng được nghe hiểu, phát tâm quy y làm đệ tử Phật. Từ đó họ phụng trì giáo pháp, không còn làm hại nhân dân. Đức Phật và vị Tỳ-kheo mới đắc quả cùng nhau trở lại tinh xá.



Phẩm 3: HỘ GIỚI

Thí dụ 10:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ hoàn nước Xá-vệ, vì hàng trời người thuyết pháp. Lúc ấy, ở thành La-duyet-kỳ có hai vị tân học Tỳ-kheo muốn gặp được tôn dung Đức Thế Tôn, không ngại xa xôi lên đường sang nước Xá-vệ. Con đường giữa hai nước hoang vắng không có dân cư, lại gặp lúc hạn hán, các suối nước đều khô cạn. Hai vị Tỳ-kheo đi xa mệt mỏi, nóng bức và nhất là đói khát. Họ bỗng gặp một vũng nước còn đọng lại giữa lòng suối, nhưng nước ấy lại có các loài côn trùng nhỏ không thể uống được. Hai vị bàn với nhau:

– Chúng ta từ xa đến, cốt ý là gặp được Đức Thế Tôn, không ngờ hôm nay lại phải chết nơi đây.

Một người đề nghị:

– Chúng ta hãy uống nước để giữ mạng sống của mình đến ra mắt Phật. Ai mà biết được chuyện nhỏ nhất này?

Người kia trả lời:

– Đức Phật chế giới lấy Từ bi bắt sát làm đầu. Chúng ta giết hại chúng sinh để giữ sự sống cho mình thì đâu gặp Phật nào có ích gì? Tôi thà giữ giới mà chết, quyết không phạm giới mà sống!

Do đó, một vị uống nước thỏa thích rồi lên đường đi tiếp. Còn vị kia vì không uống nên đã chết khát, liền sinh lên cung trời Đao-lợi thứ hai. Vị trời ấy quán sát túc mạng của mình, nên suy nghĩ: “Ta nhờ trì giới không phạm nên nay mới được sinh lên cõi này, phước báo quả thật chẳng xa!”. Nghĩ như vậy xong, vị trời ấy bèn mang hương hoa xuống đến chỗ Phật, đánh lễ cúng dường rồi đứng qua một bên.

Còn vị Tỳ-kheo uống nước sau nhiều ngày đi đường khổ nhọc, cuối cùng cũng đã đến nơi. Vị ấy thấy Đức Thế Tôn thần đức uy nghi bèn cuối đầu làm lễ rồi khóc lóc thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con cùng đi với một người bạn, nhưng chẳng may vị ấy đã chết dọc đường. Thật cảm thương cho vị ấy không gặp được Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

– Ta đã biết rõ.

Rồi Ngài chỉ vị trời đứng bên cạnh nói:

– Vị trời này chính là bạn ông! Vị ấy nhờ giữ trọn giới pháp nên được sinh Thiên lại đến đây trước.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vén y bày ngực cho vị ấy thấy rồi nói:

– Ông thấy thân Ta mà không giữ gìn giới pháp, tuy nói thấy Ta mà Ta không thấy ông. Còn người cách xa Ta ngàn dặm mà gìn giữ kinh giới, thì thật gần gũi trước mặt Ta.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Đa văn học rộng
 Nghiêm trì giới luật
 Hai đời đều khen
 Sở nguyện thành tựu.
 Kẻ ít nghe, học kém
 Giữ giới không nghiêm
 Hai đời đau khổ
 Sở nguyện cũng tiêu.
 Phàm học có hai
 Thường gần nghe dạy
 Hiểu rõ nghĩa lý
 Khốn chẳng đổi thay.*

Vị Tỳ-kheo nghe kệ xong, suy xét lại việc làm của mình cảm thấy hổ thẹn bèn đánh lễ Đức Thế Tôn cầu xin sám hối. Còn vị trời nghe kệ tâm rất

hoan hỷ, chúng được Pháp nhãn. Chúng hội trời, người không ai là không y giáo phụng hành.



Phẩm 4: ĐA VĂN

Thí dụ 11:

Thuở xưa, ở nước Xá-vệ có hai vợ chồng nhà đã nghèo mà lại keo bần, không tin đạo đức. Đức Phật thương xót họ ngu mê, muốn cứu độ nên hóa làm một vị Sa-môn tướng mạo tầm thường, đói rách đến nhà đó khát thực. Lúc ấy, người chồng đi vắng, người vợ thấy Sa-môn liền nặng lời mắng chửi, bất kể đạo lý. Vị Sa-môn nói:

– Tôi là tu sĩ đi xin để sống qua ngày. Cô không nên chửi mắng như vậy. Tôi chỉ mong được một bữa cơm thôi.

Bà vợ bảo:

– Dù ông có đứng chết ngay đó tôi cũng không cho, huống chi là mạnh khỏe như vậy mà mong tôi cho ăn! Ông ở đó chỉ tốn thời gian vô ích, nên sớm cút đi cho rồi!

Nghe vậy, vị Sa-môn liền đứng ngay đó trợn mắt tăt hơi, hiện ra tướng chết, thân thể sinh chướng, miệng mũi giòi bò, bụng nứt ruột rã, đồ bất tịnh chảy tràn. Bà ấy trông thấy sợ hãi, hoảng hồn bỏ chạy. Bấy giờ Sa-môn hiện tướng lại như cũ, bỏ đi đến gốc cây cách nhà ấy vài dặm ngồi

ngủ.

Người chồng về giữa đường bỗng thấy vợ mình chạy hốt hơ hốt hãi, ấy làm lạ liền hỏi nguyên do. Bà vợ kể lại có một ông Sa-môn làm mình sợ hãi như vậy. Người chồng nghe xong, dùng dùng nổi giận, bèn hỏi:

– Ông ấy bây giờ ở đâu?

Người vợ đáp:

– Đã bỏ đi rồi, nhưng chắc chưa xa lắm.

Ông chồng vội mang cung, xách đao lần theo dấu vết tìm đến chỗ Sa-môn, định chém chết ông ta. Vị Sa-môn liền hóa ra tòa thành pha lê nhỏ vậy bọc quanh mình. Người chồng đi quanh mấy vòng không cách nào vào được, nên hỏi Đạo nhân:

– Này đạo sĩ, sao ông không mở cửa thành?

Sa-môn đáp:

– Muốn mở cửa thành, ông hãy quăng bỏ cung đao đi.

Người chồng suy nghĩ: “Mình nên nghe lời ông ấy. Nếu vào thành, mình tay không cũng đủ sức đánh chết ông ta.” Nghĩ vậy xong, ông quăng cung bỏ đao, song cửa thành vẫn không mở. Ông thấy vậy nói với Sa-môn:

– Tôi đã quăng bỏ cung đao đi rồi, sao cửa thành vẫn không mở?

Vị sa-môn đáp:

– Ta muốn nói ông hãy ném bỏ cung đao ác ý

trong tâm, chớ không phải ném bỏ cung đao trong tay!

Bây giờ, người chồng trong lòng kinh sợ, không ngờ Sa-môn là bậc Thần thánh biết được tâm mình. Ông bèn dập đầu sám hối rồi bạch rằng:

– Con có vợ tệ hại không biết bậc Chân nhân, đã khiến con khởi ác niệm. Xin ngài Từ bi tha thứ lỗi lầm. Nay con xin dẫn vợ đến sám hối, nghe lời khuyên dạy để biết tu đạo.

Nói xong, người ấy đứng dậy ra về. Người vợ đón chồng hỏi:

– Ông Sa-môn ấy đâu rồi?

Người chồng bèn thuật lại đầy đủ oai đức thần thông của vị Sa-môn rồi khuyên:

– Vị Sa-môn ấy vẫn còn ở đó, bà nên đến sám hối để diệt trừ tội lỗi.

Hai vợ chồng đến chỗ vị Sa-môn, năm vóc phủ phục sát đất đánh lễ xin sám hối, nguyện làm đệ tử, rồi quỳ thẳng hỏi:

– Ngài là bậc Thần thông oai đức, có thể hóa ra thành pha lê kiên cố khó thể vượt qua, tâm định trí sáng, mãi mãi không còn sầu lo là thực hành đạo đức gì mà được như vậy?

Vị Sa-môn đáp:

– Ta nhờ học rộng giáo pháp không biết nhàm chán, phụng hành chánh đạo không có giải đãi, tinh tấn trì giới tu tuệ không phóng dật, nên đạt đến

Niết-bàn.

Bấy giờ vị Sa-môn liền nói kệ:

*Đa văn: sức kiên cố
Phụng pháp: bờ tường thành
Tinh tấn: khó phá vượt
Nhờ đó giới tuệ sinh.
Đa văn giúp sáng tâm
Tâm sáng, trí tuệ tăng
Có trí hiểu rộng nghĩa
Rõ nghĩa tu không lầm.
Đa văn hết ưu phiền
Luôn vui trong thiền định
Khéo nói pháp cam lộ
Đến được chỗ vô sinh.
Nhờ nghe, biết pháp luật
Hết nghi, thấy đạo chánh
Do nghe hết phi pháp
Tu đến bất tử thành.*

Sa-môn nói kệ xong, hiện lại thân Phật, hào quang rực rỡ soi sáng cả đất trời. Hai vợ chồng vừa kinh ngạc, vừa sợ hãi, hết lòng ăn năn cải ác, đánh lễ Đức Thế Tôn. Nhờ đó, họ tiêu được hai mươi ức kiếp tội ác, đắc quả Tu-đà-hoàn.



Thí dụ 12:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Mỹ âm nước Câu-siêm-ni vì tứ chúng đệ tử giảng nói chánh

pháp. Lúc ấy, có một vị Bà-la-môn thông minh học rộng, hiểu biết rất nhiều kinh sách, không việc gì mà không thông. Ông ta nhận đó công cao ngã mạn cho là thiên hạ không ai bằng mình. Ông đi khắp nơi tìm người tranh luận, nhưng không ai dám đọ sức. Một hôm, giữa ban ngày ông cầm đuốc đi giữa chốn thị thành. Người ta lấy làm lạ hỏi:

– Ông vì sao ban ngày cầm đuốc đi đường

Vị Bà-la-môn đáp:

– Trên đời đều là người ngu tối, mắt không trông thấy gì cả, cho nên ta cầm đuốc để soi sáng cho họ.

Người đời nhìn ngó mà chẳng ai dám góp lời gì.

Đức Phật biết Bà-la-môn có phước duyên đời trước đáng được độ, song nếu ông ta công cao cầu danh, không nghĩ đến vô thường, cậy mình khinh người như vậy sẽ đọa vào địa ngục, vô số kiếp khó mong ra khỏi. Ngài liền hóa ra một nhà Hiền triết ngồi giữa chợ, gọi vị Bà-la-môn lại hỏi:

– Vì sao ông lại làm như vậy?

Vị Bà-la-môn đáp:

– Vì mọi người ngu tối, ngày đêm không thấy ánh sáng nên tôi cầm đuốc soi rọi cho họ.

Nhà hiền triết lại hỏi:

– Trong kinh có nói đến bốn pháp sáng suốt, ông đã nghe qua chưa?

Đáp:

– Tôi chưa nghe qua.

Nhà hiền triết nói:

– Bốn pháp đó là:

1. Hiểu thông thiên văn địa lý và sự điều hòa bốn mùa.

2. Hiểu thông tinh tú và sự vận chuyển ngũ hành.

3. Nắm vững cách trị nước an dân.

4. Nắm vững việc cầm quân chẳng để thất trận.

Ông là Bà-la-môn có thông thạo bốn pháp này không?

Bà-la-môn nghe nói trong lòng rất hổ thẹn, ném bỏ đuốc đi, rồi chấp tay cung kính, thầm biết rằng mình còn kém cỏi.

Đức Phật biết tâm ông đã thuận liền hiện lại thân Phật, hào quang rực rỡ tỏa khắp đất trời, rồi dùng giọng trong trẻo nói kệ:

Nếu hiểu biết chút ít

Tự cao, khinh khi người

Như đuốc, kẻ mù cầm

Người sáng, mình tối tăm.

Đức Phật nói kệ xong, bảo với Bà-la-môn:

– Không có ai ngu tối hơn ông ban ngày lại cầm đuốc đi vào đô thị. Sự hiểu biết của ông thật nhỏ nhoi, chưa bằng hạt bụi.

Bà-la-môn nghe xong tỏ vẻ hổ thẹn, cúi đầu

đánh lễ xin làm đệ tử. Đức Phật nhận lời cho ông làm Sa-môn. Nhờ tâm trí khai sáng, vọng tưởng an định nên ông liền chứng quả A-la-hán.



Thí dụ 13:

Thuở xưa, nước Xá-vệ có một vị đại trưởng giả tên là Tu-đạt đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Bạn ông là trưởng giả Hiếu Thí lại không tin đạo Phật và các y thuật. Một hôm, trưởng giả Hiếu Thí lâm trọng bệnh nằm liệt trên giường. Thân thuộc và bạn bè nghe tin đến thăm, khuyên ông nên trị bệnh, nhưng ông khẳng khẳng dầu chết cũng không chịu.

Ông trả lời với mọi người:

– Tôi thờ mặt trời, mặt trăng, trung với vua, hiếu với cha. Tôi nguyện theo suốt đời, dầu chết cũng không đổi chí.

Trưởng giả Tu-đạt nói:

– Thầy tôi chính là Đức Phật, oai đức khắp nơi, ai gặp đều được lợi ích. Anh hãy thử thỉnh Ngài đến giảng kinh, chú nguyện. Nghe được lời Phật dạy sẽ cải thiện ngôn hành, không giống với các đạo khác đâu. Còn việc theo hay không theo, đó là tùy ở ý anh. Anh bệnh lâu ngày như vậy, biết đâu nhờ phước thỉnh Phật sẽ được thuyên giảm.

Hiếu Trí đáp:

– Tốt lắm, xin anh hãy thỉnh Phật và chúng đệ tử giúp tôi.

Trưởng giả Tu-đạt liền thỉnh Phật và Tăng chúng. Đức Phật đến trước cửa nhà trưởng giả Hiếu Thí bèn phóng hào quang soi khắp trong ngoài. Hiếu Thí thấy được ánh sáng tâm sinh hoan hỷ, thân thể nhẹ nhõm. Đức Phật đến trước Hiếu Thí ngồi xuống, rồi an ủi thăm hỏi:

– Ông bệnh ra sao? Trước giờ tin thờ vị Thần nào và đã trị liệu gì chưa?

Trưởng giả thưa:

– Bạch Đức Phật, con phụng thờ mặt trời, mặt trăng, vua chúa, tổ tiên. Con từng kính giữ trai giới cầu cúng đủ điều. Thế nhưng nay bị bệnh đã lâu mà vẫn chưa được ân cứu giúp. Còn việc y dược, châm cứu là điều gia đình kiêng kỵ. Đến như việc tu học kinh giới, gây tạo phúc đức chúng con vốn không biết gì. Từ tổ tiên truyền đến nay, gia đình con đều tuân thủ nghiêm ngặt như thế.

Đức Phật nói với trưởng giả:

– Người sống ở đời có ba trường hợp bị chết oan:

1. Có bệnh không điều trị.
2. Điều trị không cẩn thận.
3. Không biết phải trái, tự tiện điều trị bừa theo ý ngoan cố của mình.

Bệnh này không thể nhờ vào mặt trời, mặt trăng, trời đất, tổ tiên, vua chúa hay cha mẹ mà có thể trị lành bệnh. Phải sáng suốt hiểu đạo, tùy thời

trị liệu cho được an ổn.

Tứ đại bất hòa nóng lạnh thì cần y được.

Bị tà ma nhiễu loạn thì cần tu niệm kinh giới.

Phụng thờ các bậc Hiền thánh, thương yêu cứu giúp khổ nạn chúng sinh, đem oai thần phước đức bảo bọc quần sinh, dùng đại trí tuệ diệt trừ âm cái.

Ông nếu làm được như vậy thì đời này sẽ được sống an lành, không bị chết oan. Nhờ giới đức trí tuệ thanh tịnh, nên đời đời thường được an ổn.

Rồi Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thờ mặt trời vì sáng
Thờ cha vì nghĩa ân
Thờ vua vì uy lực
Thờ thầy vì nghe đạo.
Cầu y sĩ vì mạng
Dựa cường hào vì hơn
Hiểu pháp nhờ trí tuệ
Tu phước đời đời vui.
Xét bạn: xem việc làm
Rõ bạn: lúc nạn gấp
Hiểu vợ: khi hoan lạc
Biết kẻ trí: qua lời.
Là thầy giỏi thấy đạo
Giải nghi, giúp trò hiểu
Dạy cho pháp thanh tịnh
Giữ gìn được Pháp tạng.
Nhờ nghe hiện đời lợi*

*Cả vợ con, anh em
 Đòi sau cũng lợi ích
 Nghe nhiều thành Thánh trí.
 Thu nhiếp nhờ hiếu nghĩa
 Hiếu nghĩa giới trang nghiêm
 Người thọ pháp hành trì
 Nhờ đó bệnh được an.
 Được vậy, hết giận sầu
 Cũng không có tai ương
 Muốn an ổn kết tường
 Hãy thờ người học rộng.*

Bấy giờ trưởng giả nghe Đức Phật thuyết pháp, những nghi ngờ liền dứt sạch như mây mù tan tác. Ông cho mời lương y đến trị bệnh và chuyên tâm tu học đạo. Nhờ vậy tứ đại điều hòa, bệnh tật không còn, như uống nước cam lộ, trong ngoài khoan khoái, thân tâm an định, đắc quả Tu-đà-hoàn. Thân thuộc và người trong nước ai nấy đều kính nể ông.



Thí dụ 14:

Thuở xưa, phía Nam nước La-duyệt-kỳ có một núi lớn cách thành hai trăm dặm. Các nước phía Nam đường đi đều ngang qua ngọn núi sâu thẳm này. Trong núi có năm trăm tên cướp dựa vào địa thế hiểm trở để cướp bóc. Về sau chúng lại lộng hành gây hại tanh bành, khiến các thương buôn bị cướp không dám đi qua. Giao lộ chính do đó bị tắc

nghẽn. Quốc vương đã nhiều lần đem binh truy quét bọn chúng nhưng vẫn không bắt được.

Bây giờ Đức Phật đang giáo hóa ở trong nước. Ngài thương xót chúng sinh, nghĩ rằng bọn cướp kia không biết tội phước, cho nên đời có Như Lai mà mắt họ không trông thấy, pháp vang rền mà tai họ không nghe. Ta nếu không đến hóa độ, họ sẽ mãi mãi sa đọa như đá chìm dưới vực sâu.

Vì vậy Đức Phật liền hóa ra một người ăn mặc đẹp đẽ cỡi ngựa đeo kiếm, tay cầm cung tên. Con ngựa được thắt yên vàng, dầm nạm bạc, lại có đeo viên ngọc Minh nguyệt trên mình. Người ấy cỡi ngựa thúc chạy vào núi.

Bọn cướp trông thấy mừng rỡ vì gặp được món bở. Chúng nghĩ: “Mình nhiều năm ăn cướp mà chưa gặp được món hàng nào đắt giá như vậy. Với sức một người mà chống lại chúng ta có khác chi lấy trứng chọi đá?”. Suy nghĩ như vậy nên cả bọn đều kéo ra chặn ngựa lại, rồi bao vây rút đao giương cung định trăn lột.

Lúc ấy người được hóa ra liền giương cung bắn, múa kiếm chém khiến mỗi tên cướp đều trúng tên và mang thương. Vì mũi tên sâu, vết thương nặng nên cả bọn đều té lăn lộn trên đất. Năm trăm tên cướp lần lượt dập đầu xin quy hàng, thưa: Ngài là Thần tiên phương nào mà oai lực như vậy? Xin ngài hãy tha cho chúng con được sống. Chúng con

bị thương, đau nhức không chịu đựng nổi, xin mau hãy nhổ tên, trị lành vết thương cho chúng con ngay.

Người được hóa ra đáp:

– Vết thương này chưa phải nặng, mũi tên này chưa phải sâu. Trong thiên hạ, vết thương nặng nhất không gì hơn lo âu; tàn hại lớn nhất không gì hơn ngu muội. Các người mang mỗi lo âu do lòng tham cầu, tâm ngu muội do ham giết hại thì đao thương độc tiễn này rốt lại không thể chữa khỏi. Gốc rễ của hai thứ này rất sâu chắc, dầu kẻ lực sĩ mạnh mẽ cũng không nhổ nổi. Chỉ có giáo pháp giới luật, đa văn trí tuệ mới có thể trị lành tâm bệnh, nhổ sạch buồn, yêu, ngu si, cống cao. Hãy chế phục tham dục mạnh mẽ và gây tạo phước đức, tu học trí tuệ mới có thể trừ được các tai họa trên, mãi mãi được an ổn.

Bấy giờ hóa nhân liền hiện lại thân Phật sắc vàng thù diệu và nói kệ:

*Sầu lo, vết thương nặng
Ngu muội, mũi tên sâu
Dầu mạnh không nhổ nổi
Đa văn trừ được thôi.
Mù từ đó được mắt
Tối từ đó được đèn
Ai dạy bảo thế gian
Như người sáng dẫn lò.*

*Vậy hãy dứt si mê
Bỏ giàu sang kiêu mạn
Siêng học bậc Đa văn
Đó là tích tụ đức.*

Bảy giờ năm trăm tên cướp thấy hào quang Đức Phật, lại được nghe kệ khai thị nên đánh lễ quy y, hết lòng ăn năn chừa đổi. Do đó vết thương họ cũng tự nhiên lành lại. Họ vô cùng hoan hỷ, tâm trí khai thông, thọ trì Ngũ giới. Từ đó trong nước trở lại yên bình, nhân dân ai cũng hoan hỷ.



Phẩm 5: ĐỐC TÍN

Thí dụ 15:

Thuở xưa, phía Đông nam nước Xá-vệ có một con sông lớn vừa rộng lại vừa sâu. Bên bờ sông có hơn năm trăm gia đình cư trú chưa nghe biết hạnh đạo đức độ thế. Họ quen thói ương ngạnh, dối trá, ham lợi, buông lung theo tình ý.

Đức Thế Tôn thường quán sát ai căn tánh có thể độ được thì đến hóa độ. Bảy giờ Ngài thấy các gia đình có phước duyên đáng độ, nên đến bên bờ sông ngồi dưới một cội cây. Người làng thấy hào quang đức tướng của Phật, ai cũng kinh ngạc cung kính, đồng đến đánh lễ và hỏi thăm. Đức Phật bảo mọi người ngồi xuống rồi thuyết pháp cho họ nghe. Nhưng tập khí gian dối, giải đãi của họ quá dày,

nên dầu họ nghe mà không tin nhận lời chân thật. Đức Phật bèn hóa ra một người từ bên kia sông đi trên mặt nước, nước chỉ ngập mắt cá, hướng đến chỗ Phật. Người đó đến nơi liền cúi đầu lễ Phật. Mọi người trông thấy kinh ngạc, hỏi:

– Từ tổ tiên chúng tôi đến nay đều sinh sống bên bờ sông này mà chưa thấy ai đi trên mặt nước. Ông là ai mà có pháp thuật đi trên nước không chìm? Xin hãy cho chúng tôi biết.

Hóa nhân đáp: “Tôi là người chân đất ở bên kia sông, nghe Đức Phật ở đây nên vì mộ đạo đức mà tìm đến. Tôi đến bờ sông chờ lúc thuận tiện mà qua, liền hỏi người dân bờ bên kia nước nông hay sâu. Họ nói: “Nước chỉ ngập gót, sao không lội sấn qua?”. Tôi tin lời nên đi qua đây, thật ra không có pháp thuật gì lạ.

Đức Phật nghe xong khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Người có lòng tin thành có thể qua được bên kia bờ vực sinh tử. Con sông rộng chỉ vài dặm này, qua được đâu có gì lạ!

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tin: qua được vực
Thu nhiếp: thuyền sư
Tinh tấn trừ khổ
Tuệ đến bờ kia.
Bậc có tín hạnh
Được Thánh ngợi khen

*Vui đạo tịch tĩnh
 Mở hết buộc ràng.
 Tín mới đắc đạo
 Pháp đến Niết-bàn
 Nhờ nghe thành trí
 Đến chỗ quang minh.
 Tín và giữ giới
 Tuệ quán siêng hành
 Bạc có trí tuệ
 Qua vực tử sinh.*

Bấy giờ người trong làng nghe Đức Phật nói kệ khai thị, lại thấy người có đức tin qua được sông làm chứng, nên sinh tín tâm kiên cố, thọ trì Ngũ giới làm Phật tử tại gia. Nhờ người trong làng đó có lòng tin hiểu tu hành, nên Phật pháp được phổ biến khắp nơi.



Thí dụ 16:

Thuở xưa, lúc Đức Phật còn tại thế có một vị trưởng giả tên là Tu-đà-la, giàu có vô số, tín ngưỡng đạo đức. Ông có lời thệ nguyện vào ngày mừng tám tháng chạp hàng năm thỉnh Phật và Tăng chúng về nhà cúng dường. Trọn đời ông, con cháu phụng hành không bỏ phế. Khi mất, ông đã ân cần khuyên con mình là Tỷ-đà-la không được bỏ phế.

Nhưng về sau, gia cảnh lần lần nghèo khó. Tháng chạp đã đến mà trong nhà không có gì nên

Tỷ-đà-la rất lo buồn. Đức Phật sai Tôn giả Mục-liên đến hỏi:

– Ngày cúng dường hàng năm của cha ông sắp đến, ông tính sao đây?

Tỷ-đà-la đáp:

– Lời dặn bảo của cha, con đâu dám trái. Mong Đức Thế Tôn từ bi tưởng đến, vào giờ Ngọ ngày mùng tám quang lâm nhà con.

Tôn giả Mục-liên trở về thưa lại với Phật như vậy.

Về phần Tỷ-đà-la, ông qua bên ngoại mượn trăm lượng vàng về nhà, sắm sửa đầy đủ đồ cúng dường. Đúng ngày ấy, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đến thọ trai. Thọ thực xong, Đức Phật và chư Tỳ-kheo trở về tịnh xá. Tỷ-đà-la vô cùng hoan hỷ, không chút hối hận. Giữa đêm hôm ấy, trong các kho cũ tự nhiên bảo vật đều đầy đủ như xưa!

Sáng sớm hôm sau hai vợ chồng Tỷ-đà-la trông thấy vừa mừng lại vừa sợ. Họ sợ quan tra hỏi của cải này từ đâu mà có. Hai vợ chồng bàn nhau đến hỏi Đức Phật, rồi cả hai đến chỗ trình bày đầy đủ sự việc.

Đức Phật nói với Tỷ-đà-la:

– Ông hãy an tâm sử dụng, không nên nghi sợ. Ông không trái lời cha, dầu chết cũng không thay đổi. Ông có tín tâm, trì giới, tâm, quý, đa văn, bố

thí, trí tuệ. Nhờ có đầy đủ bảy món báu này nên phước đức chiêu cảm như thế, không phải là tai họa đâu. Người trí biết tu hành thì không luận là nam hay nữ sinh chỗ nào phước cũng tự nhiên sẵn đủ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đức tin và giới
Cùng tâm và quý
Đa văn, thí, tuệ
Là bảy món báu.
Tin nên giữ giới
Thường tịnh quán pháp
Trí tuệ luôn trau dồi
Lời Phật chẳng quên.
Sống có báu này
Không luận nam nữ
Trọn đời không nghèo
Người hiền nên rõ.*

Tỷ-đà-la nghe Đức Phật nói, lòng tin Tam bảo càng kiên cố, đánh lễ dưới chân Phật rồi về nhà. Ông đem những lời Phật dạy thuật lại đầy đủ cho người nhà nghe. Nhờ đó ai cũng tin tưởng Phật pháp, được lợi ích lớn.



Phẩm 6: GIỚI THẬN

Thí dụ 17:

Thuở xưa, nước Ba-la-nại có một hòn núi cách

thành bốn năm mươi dặm. Trên núi có năm vị Sa-môn ở tu học. Mỗi ngày vào lúc sáng sớm, năm vị ấy xuống núi vào thành khát thực. Sau khi thọ thực xong, họ trở về núi thì trời đã tối. Đi về hai lượt thân thể mỗi mệt, không thể tọa thiền tu tập chỉ quán. Vì vậy trải qua nhiều năm tu tập mà họ không chứng được đạo quả.

Đức Phật biết chuyện, thương xót họ nhọc nhằn mà không thu được kết quả gì, nên hóa thành một vị Đạo nhân đến núi đó thăm hỏi các Sa-môn:

– Các vị ẩn cư ở đây, có nhọc mệt lắm không?

Các vị Sa-môn đáp:

– Chúng tôi ở đây cách thành rất xa. Vì còn thân tứ đại nên phải ăn uống mỗi ngày vì chuyện ăn uống phải đi về rất vất vả. Nhiều năm cực khổ, ngày đi về hai lượt như vậy, tối đến đã mệt mỗi ngày, chúng tôi không còn thời giờ để tu tập, có lẽ suốt đời phải chịu như thế!

Vị Đạo nhân nói:

– Người hành đạo phải lấy giới làm căn bản, lấy nhiếp tâm làm công hạnh, coi nhẹ thân thể, quý trọng chân lý, xả thân cầu đạo. Ăn uống là để duy trì mạng sống tu tập thiền định. Phải hướng đến mục đích đắc đạo mà tu học chỉ quán, dứt trừ vọng tưởng. Còn nếu chỉ lo cung dưỡng thân thể, chịu theo đòi hỏi thì làm sao thoát được khổ đau? Ngày mai các vị đừng xuống núi, nghỉ ngơi một ngày, tôi

sẽ lo việc cúng dường.

Lúc ấy năm vị Sa-môn rất hoan hỷ trước việc hy hữu này. Ai nấy tâm ý đều an định, không còn lo chuyện đi khát thực.

Giờ ngọ ngày hôm sau, vị Đạo nhân mang thức ăn đến. Năm vị Sa-môn thọ trai xong, tâm ý thư thái, an tịnh. Bấy giờ vị Đạo nhân được hóa ra bèn nói kệ:

*Tỳ-kheo trì giới
Giữ gìn các căn
Tiết độ ăn uống
Ý luôn tỉnh giác.
Lấy giới hàng tâm
Giữ ý chánh định
Trong tu chỉ quán
Chánh ý không vọng.
Sáng suốt giữ giới
Chánh trí tư duy
Hành đạo như vậy
Tự tịnh, hết khổ.*

Vị Đạo nhân nói kệ xong, liền hiện lại thân Phật từ quang rực rỡ. Năm vị Sa-môn phấn chấn tinh thần, thúc liễm thân tâm, tư duy chánh trí liền chứng quả A-la-hán.



Phẩm 7: DUY NIỆM

Thí dụ 18:

Thuở Đức Phật còn tại thế, vua Phất-gia-sa và vua Bình-sa là bạn thân với nhau. Vua Phất-gia-sa chưa biết Phật pháp. Ông làm một bông hoa bằng bảy báu rồi tặng vua Bình-sa. Vua Bình-sa nhận được, đem dâng lên Đức Phật, thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, vua Phất-gia-sa là bạn, tặng con đóa hoa báu này. Nay con đem dâng lên Phật, nguyện cho vua Phất-gia-sa tâm ý mở mang, gặp Phật nghe Pháp, cung kính Thánh tăng. Nay con nên lấy vật gì để tặng lại vua ấy?”.

Đức Phật đáp:

– Vua hãy chép kinh Thập Nhị Nhân Duyên rồi gửi kèm theo một lá thư, nói rằng: “Bạn tặng tôi đóa hoa bảy báu, nay tôi tặng lại đóa hoa chánh pháp. Xin hãy suy nghĩ rõ ràng những nghĩa lý trong kinh sẽ được lợi ích to lớn, tốt đẹp. Tôi muốn bạn đọc tụng và tu tập để cùng tôi chia xẻ pháp vị.

Vua Phất-gia-sa nhận được kinh, liền đọc và suy xét nghĩa lý cẩn thận, rồi bỗng tin hiểu chánh pháp. Vua hết lời tán thán: “Phật lý thật vi diệu, có thể giúp cho tâm người an định, nước nhà phồn vinh. Năm dục là cội nguồn ưu não, ta đã nhiều đời đam mê nay mới tỉnh ngộ. Ta còn tham luyến dục lạc thế gian nữa làm gì?”.

Vua bèn triệu tập quần thần nhường ngôi cho

thái tử, rồi tự xuống tóc làm Sa-môn. Phất-gia-sa mặc pháp phục, ôm bình bát đến thành La-duyet-kỳ tá túc tại lò nung của nhà một người thợ đồ gốm, định sáng mai vào thành khất thực, thợ trai xong sẽ đến chỗ Phật lãnh thợ kinh giới.

Đức Phật với thần thông biết được ngày mai lúc độ thực Phất-gia-sa sẽ mạng chung. Ông ta từ xa lại mà không được gặp Phật, không được nghe kinh pháp thật đáng xót thương! Vì thế Đức Thế Tôn hóa thành một vị Sa-môn cũng đến nhà người thợ đồ gốm xin nghỉ qua đêm. Người chủ nói:

– Có một vị Sa-môn đã ở trước trong lò nung, ông có thể ở chung qua đêm với vị ấy.

Vị Sa-môn bèn mang cỏ vào lò nung, trải ngồi bên cạnh Phất-gia-sa, rồi hỏi thăm:

– Ông từ đâu đến? Thầy ông là ai? Vì nhân duyên gì mà làm Sa-môn? Đã gặp Đức Phật chưa?

Phất-gia-sa đáp:

– Tôi chưa gặp Phật, chỉ nghe kinh Thập Nhị Nhân Duyên mà xuất gia làm Sa-môn. Tôi định ngày mai vào thành khất thực sẽ đến ra mắt Đức Phật.

Vị Sa-môn kia nói:

– Mạng người mong manh sớm còn tối mất. Vô thường nghiệp báo không hẹn chợt đến. Chỉ cần quán sát thân tứ đại do đâu mà có, tạm hợp thành rồi sẽ hoại diệt. Đất nước gió lửa sẽ trả về cho đất

nước gió lửa! Hãy tư duy tỉnh giác, tâm vắng lặng không có vọng tưởng, chuyên niệm Tam bảo, bồ thí, giới đức. Nếu có thể biết được lẽ vô thường thì cũng như thấy Phật! Nghĩ đến việc ngày mai chỉ là vọng tưởng vô ích.

Bảy giờ vị hóa Sa-môn liền nói kệ:

*Phàm người được thiện lợi
Là tự quy y Phật
Cho nên ngày lẫn đêm
Thường niệm Phật, Pháp, Tăng.
Tỉnh giác biết rõ mình
Đó là đệ tử Phật
Ngày đêm thường nên niệm
Phật, Pháp và chúng Tăng.
Niệm thân, niệm vô thường
Niệm giới, đức, bồ thí
Không, bất nguyên, vô tướng
Đêm ngày niệm như trên.*

Lúc đó vị hóa Sa-môn lại giảng thuyết yếu nghĩa vô thường cho Phát-gia-sa. Phát-gia-sa liền nhất tâm thiền quán liền chứng quả A-na-hàm. Đức Phật biết Phát-gia-sa đã giác ngộ, liền hiện lại thân Phật đức tướng quang minh. Phát-gia-sa vừa kinh ngạc vừa vô cùng vui mừng, liền cúi đầu đánh lễ Phật. Đức Phật lại dặn ông lần nữa:

— Tướng tội báo cũng vô thường, ông đừng nên lo sợ.

Phất-gia-sa đáp:

– Con xin vâng lời dạy bảo.

Sau đó Đức Phật từ giã ra đi. Giờ ngọ ngày hôm sau, Phất-gia-sa vào thành khát thực, khi đi ngang qua cổng thành, Phất-gia-sa bị một con bò mẹ mới sinh con húc thủng bụng chết. Ông liền sinh lên cõi trời A-na-hàm.

Đức Phật sai các đệ tử đem di thể ông trà-tỳ, xây tháp thờ. Đức Phật nhân đó dạy đại chúng:

– Hãy cẩn thận đối với những nguyên nhân gây ra tội báo.



Phẩm 8: TỪ NHÂN

Thí dụ 19:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại thành La-duyệt-kỳ. Cách nước này năm trăm dặm có một hòn núi là nơi cư trú của một gia tộc gồm một trăm hai mươi hai người sinh trưởng tại đó. Họ sống bằng nghề săn bắn trong rừng, mặc áo da, ăn thịt thú mà không biết làm ruộng rẫy. Tín ngưỡng của họ là thờ cúng quỷ thần, chưa biết gì về Tam bảo. Đức Phật với Thánh trí thấy họ có thể độ được, nên đến đó ngồi dưới một cội cây. Lúc ấy, bọn đàn ông đều vào núi săn bắn chỉ còn phụ nữ ở nhà. Đức Phật tỏa ánh hào quang chiếu khắp đất trời, cây đá trong núi đều biến thành sắc vàng chói. Lớn nhỏ ai nấy cũng

đều kinh ngạc hoan hỷ, cho Phật là vị Thần linh nên kéo đến lễ bái, cúng dường chiếu ngồi.

Đức Phật nhân đó mới thuyết pháp về tội báo sát sinh, phước đức từ bi, ân ái tạm hợp lại tan cho các phụ nữ nghe. Nghe xong họ đều hoan hỷ, ra trước bạch Phật:

– Sơn nhân chúng con sát sinh ăn thịt để sống. Nay muốn dâng cúng Ngài một ít, xin hãy nhận lấy.

Đức Phật bảo với các phụ nữ:

– Giáo pháp của chư Phật không ăn thịt chúng sinh. Ta đã thọ trai rồi mới đến đây, không cần phải dọn ra nữa.

Đức Phật nhân đó lại dạy:

– Người sống ở đời món ăn rất nhiều. Sao không ăn những thứ có ích, mà lại giết mạng chúng sinh để nuôi sống cho mình? Khi chết sẽ đọa ác đạo, chỉ hại mà không lợi ích. Làm người nên ăn ngũ cốc, thương yêu các loài chúng sinh, các loài biết máy cựa, không loài nào mà chẳng tham sống. Giết chúng sinh nuôi sống mình tội lỗi rất nặng. Còn ai Từ bi bắt sát đời đời sẽ được an vui.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Nhân từ bắt sát
Thường biết nhiếp thân
Là chỗ bắt tử
An lạc không họa tai.*

*Bắt sát vì từ
 Thận trọng lời, ý
 Là chỗ bắt tử
 Chốn không họa tai.
 Theo đạo giải thoát
 Không hại chúng sinh
 Tâm không phiền não
 Xứng với Phạm thiên.
 Thường dùng Từ bi
 Tịnh như Phật dạy
 Biết đủ, biết dừng
 Sẽ vượt sinh tử.*

Đức Phật nói kệ xong, những người đàn ông đi săn cũng vừa về đến. Các phụ nữ nghe giảng kinh nên không đón chồng. Các ông này kinh ngạc trước việc bất thường, bỏ thú săn xuống chạy về xem có biến cố gì không. Đến nơi thấy các bà vợ mình đang chấp tay nghe Phật giảng dạy, họ liền nổi giận lớn tiếng mắng nhiếc, định làm hại Phật.

Các bà vợ vội nói với chồng mình:

– Đây là Thần nhân, các ông đừng nên ác ý. Mọi người nghe nói ăn năn hối cải, quỳ xuống đánh lễ Đức Phật. Phật vì họ mà giảng nói lại công đức của việc không sát sinh và tội báo của việc giết hại. Người đứng đầu gia tộc tỉnh ngộ liền quỳ xuống bạch Phật:

– Chúng con sinh trưởng nơi núi sâu, lấy việc

săn bắn làm kẻ sinh nhai. Tội lỗi vì thế chồng chất rất nhiều. Xin Ngài dạy cho cách nào để tránh khỏi tai ương.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Thực hành nhân từ
Bác ái cứu người
Có mười một lợi
Phước thường theo thân.
Một, ngủ an ổn
Hai, thức yên vui
Ba, không ác mộng
Bốn, trời hộ trì.
Năm, được kính mến
Sáu, không bị hại
Bảy, không đao binh
Tám, không nạn nước.
Chín, không nạn lửa
Mười, được phước lợi
Chết được sinh Thiên
Chính là mười một.*

Đức Phật nói kệ xong, một trăm hai mươi hai người nam nữ lớn nhỏ đều hoan hỷ tin nhận, vâng giữ năm giới. Đức Phật nói với vua Bình-sa cho họ ruộng đất và thóc ngô để ăn. Từ đó, đạo Từ bi phổ biến, trong nước yên bình.



Thí dụ 20:

Thuở xưa có một nước lớn ở vùng biên cương Ấn độ. Vua nước ấy tên là Hòa Mặc. Nhân dân trong nước chưa từng được pháp hóa vi diệu của Tam bảo, chỉ biết thờ ngoại đạo Bà-la-môn theo lời dụ hoặc của họ mà thường làm những việc tà ác, sát sinh tế tự quỷ thần.

Lúc ấy mẹ vua lâm trọng bệnh nằm liệt trên giường. Vua đã cho vời rất nhiều danh y điều trị cho đến cầu phù chú nơi các đồng cốt, song trải qua nhiều tháng nhiều năm mà bệnh tình bà vẫn không thuyên giảm. Do đó, vua lại cho mời hai trăm vị Bà-la-môn trong nước vào cung cúng dường, rồi hỏi: “Thái hậu bệnh nặng đã lâu, không biết vì nguyên nhân gì? Các vị là bậc Trí, thông hiểu tướng pháp và thiên văn địa lý, vậy có thấy gì bất ổn xin nói cho trẫm biết.”

Các Bà-la-môn trả lời:

– Bệnh của thái hậu là do tinh tú sai loạn, âm dương bất hòa thôi.

Vua hỏi:

– Làm cách nào để giải trừ được?

Các Bà-la-môn thưa:

– Nên bày lễ cầu đảo núi non, nhật nguyệt, tinh tú nơi khoảng đất trống sạch sẽ ngoài thành và giết một trăm súc vật đủ loại, với một đĩa bé để cúng tế trời; rồi vua tự mình dẫn mẹ đến chỗ đó lạy xin khỏi bệnh sống lâu, thì sau đó bệnh sẽ lành.

Vua nghe nói bèn chuẩn bị đúng như lời dặn. Vua cho lừa người và trăm loài voi, ngựa, bò, dê từ cửa thành phía Đông đi ra chỗ tế tự giết để tế trời. Dọc đường tiếng than khóc, kêu la vang động đất trời!

Đức Thế Tôn đại từ cứu độ tất cả chúng sinh, thương cho vua Hòa Mạc quá ngu si. Sao lại vì muốn cứu vớt một người mà làm ác giết mạng chúng sinh? Cho nên Đức Phật và chúng đệ tử đi qua nước đó. Đức Phật gặp vua và các Bà-la-môn nơi cửa thành phía Đông đang lừa bày súc vật kêu rống thảm đi đến. Vua từ xa trông thấy Đức Phật uy nghi rực rỡ, hào quang tỏa sáng đất trời như mặt trời mới mọc, như trăng sáng đêm rằm. Nhân dân nhìn xem đều khởi tâm kính mộ. Súc vật bị lừa đi tế thần cũng khởi tâm mong được cứu thoát.

Vua liền tới trước xuống xe hạ lọng đánh lễ Phật rồi quỳ thẳng chấp tay chào hỏi Đức Thế Tôn. Đức Phật mời vua ngồi, rồi hỏi:

– Ông định đi đâu?

Vua vòng tay đáp:

– Thái hậu của nước con lâm bệnh đã lâu, con cho mời các lương y khắp nơi điều trị, cho đến đồng cốt chú thuật cũng không thuyên giảm. Nay con mang người và súc vật để tế cúng chư Thiên, kỳ đảo tinh tú bốn núi năm non cầu mong cho mẹ con được hết bệnh.

Đức Phật bảo:

– Xin Đại vương khéo lắng nghe lời này! Muốn được giàu có phải hành bố thí, muốn được sống thọ phải hành Từ bi, muốn được trí tuệ phải chuyên học hỏi. Bốn việc này, tùy mình gieo nhân nào thì gặp quả nấy. Kẻ giàu sang thì không tham bữa ăn bần tiện tầm thường. Chư Thiên kia lấy thất bảo xây cung điện, muốn ăn muốn mặc tự nhiên như ý, lẽ đâu bỏ vị ngon cam lộ mà dùng đồ thô lậu máu thịt tanh hôi? Tể tự dâm loạn thế kia là lấy tà giáo làm chánh đạo. Giết mạng sống cầu sống, thật trái với đạo lý quá xa! Giết bao nhiêu mạng sống để cứu một mạng thì làm sao có chuyện đó?

Lúc đó Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Dầu người sống trăm năm
Siêng phụng sự quý thân
Cùng té bằng voi ngựa
Chẳng bằng một việc Từ.*

Lúc Đức Phật nói kệ hào quang rực chiếu khắp đất trời, chúng sinh trong tam đồ bát nạn đều hoan hỷ, được an ổn lợi ích. Vua Hòa Mạc nghe được diệu pháp lại thấy được hào quang nên vô cùng hoan hỷ, thấy được đạo. Thái hậu bệnh hoạn nghe pháp xong, tinh thần phấn chấn vui vẻ, bệnh tình dứt hết. Còn hai trăm vị Bà-la-môn thấy hào quang, lại nghe lời Phật dạy nên vô cùng hổ thẹn, ăn năn chừa đời, xin làm đệ tử Phật. Đức Thế Tôn hứa khả

cho họ xuất gia làm Sa-môn.

Vua và đại thần thỉnh Đức Phật lưu lại nước đó một tháng để cúng dường, đem chánh pháp ra trị nước. Nhờ đó nước nhà ngày càng hưng thịnh.



Phẩm 9: NGÔN NGỮ

Thí dụ 21:

Thuở xưa, vua Phất-gia-sa sau khi xuất gia vào thành La-duyet-kỳ khát thực, ngang qua cổng bị một con bò mẹ mới sinh húc chết. Người chủ bò sợ quá liền bán nó cho một người khác. Người chủ mới lúc dẫn bò đi uống nước lại cũng bị nó từ sau húc chết. Con ông ta thấy vậy nổi giận bắt bò làm thịt, đem ra chợ bán. Có một bác nông dân mua lấy đầu bò gánh về. Còn cách nhà hơn dặm đường, bác ta mới treo đầu bò lên một cành cây rồi ngồi nghỉ dưới gốc. Không ngờ, mới đó dây đứt, đầu bò rơi xuống, sừng cắm đúng vào người khiến bác ta chết ngay tại chỗ. Trong một ngày mà con bò đó đã giết chết ba mạng người. Vua Bình-sa nghe tin rất lấy làm lạ, liền cùng quần thần đến chỗ Đức Phật để thưa hỏi. Đến nơi, vua làm lễ Phật xong rồi mới chấp tay hỏi:

– Bạch Đức Thế Tôn, thật là lạ lùng! Có một con bò mẹ đã giết ba mạng người. Vì có chuyện này nên con đến đây hỏi ý kiến Phật.

Đức Phật bảo với vua Bình-sa:

– Tội báo đều có nguyên nhân, không phải ngẫu nhiên ngày nay mà có.

Vua thưa:

– Xin Đức Thế Tôn nói rõ nguyên nhân.

Đức Phật kể:

– Thuở xưa có ba người thương gia đến nước khác buôn bán, ở trọ nhà một bà lão đơn chiếc. Đến kỳ trả tiền thuê nhà, vì thấy bà lão cô độc nên ba người định ăn quịt không trả. Thừa lúc bà đi vắng, cả ba lén bỏ đi. Bà lão trở về không thấy ai cả, liền hỏi hàng xóm mới hay họ đã bỏ đi. Bà lão nổi giận tức tốc đuổi theo. Một hồi lâu sau, chạy đến nhọc mệt bơ phờ bà mới bắt kịp họ. Song khi ba ông khách nghe bà lão đòi tiền, chửi bới ngược lại bảo rằng mình đã trả rồi, sao lại đòi nữa. Họ ba miệng một lời nói ngang không chịu trả tiền trọ.

Bà lão thấy mình sức yếu thể cô không làm sao được, nên đành chịu mất tiền, ngậm hờn thề trước ba thương khách rằng: “Tôi nghèo khổ như vậy, sao các ông lại nhẫn tâm lường quịt. Tôi nguyện đời sau sinh ra chỗ nào hễ gặp các ông quyết giết không tha! Chừng nào giết được lòng tôi mới hả, dầu các ông đắc đạo cũng không bỏ qua!”.

Đức Phật nói với vua Bình-sa:

– Bà lão thuở đó nay chính là con bò mẹ. Ba vị thương khách chính là đám Phất-gia-sa ba người ngày nay bị bò húc chết đó.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Lời ác mắng chửi
Kiêu mạn, khinh người
Ai làm nghiệp này
Thù oán sẽ sinh.
Lời nhã, thuận hòa
Tôn kính người khác
Mở trói, dần ác
Thù oán tự tiêu.
Phàm người ở đời
Trong miệng gương dao
Chửi rửa mắng nhiếc
Là tự chém thân.*

Nghe Đức Phật nói xong, vua Bình-sa và quần thần đều gìn giữ lời nói nghiêm túc cẩn thận, nguyện làm việc lành rồi lễ Phật ra về.



Phẩm 10: SONG YẾU

Thí dụ 22:

Thuở xưa, vua nước Xá-vệ là Ba-tư-nặc đến thăm Đức Phật. Vua đến nơi liền xuống xe, bỏ lộng, tháo kiếm, cởi giày rồi chấp tay đi vào quỳ xuống đánh lễ, bạch rằng:

– Bạch Đức Thế Tôn, ngày mai con mong Đức Phật và Tăng chúng đến ngã tư đường thọ trai để cho mọi người trong nước đều biết Phật là Đấng Chí Tôn khiến chúng sinh xa lìa tà ma ngoại đạo, gìn giữ Ngũ giới cho quốc thái dân an.

Đức Phật nói:

– Lành thay! Phàm người làm vua phải lãnh đạo nhân dân một cách sáng suốt, hướng dẫn họ phụng hành đạo đức để được hưởng phước đời sau.

Vua thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con xin thoái lui để về lo việc cúng dường.

Vua trở về tự tay lo sắp đặt cơm nước, rồi đích thân đón Đức Phật và Tăng chúng đến ngã tư có thiết trai. Đức Phật đến ngồi vào chỗ, vua tự mình múc nước rửa tay cho Đức Phật. Đức Phật thọ trai xong, thuyết pháp cho vua và mọi người. Người đến dự đông vô số. Trong đó có hai thương nhân, một người nghĩ: “Phật như đế vương, đệ tử như trung thần. Phật giảng thuyết pháp, đệ tử tụng đọc truyền bá. Vua Ba-tư-nặc thật là sáng suốt, biết Đức Phật là Bậc đáng tôn kính, khéo ý phụng trì.”

Còn người kia lại nghĩ: “Vua Ba-tư-nặc ngu thật! Mình đã là vua còn cần gì nữa? Phật thật như bò, đệ tử như xe. Bò kéo xe chạy Đông, Tây, Nam, Bắc. Phật có đạo hạnh gì mà phải y kính phụng trì.”

Sau đó hai người ra đi. Đi được khoảng ba

mười dặm đường, họ ghé lại một nhà nghỉ qua đêm. Hai người mua rượu cùng nhau uống và bàn luận chuyện đã thấy ban sáng. Người có thiện niệm được Tứ Thiên vương ủng hộ. Còn người nghĩ quấy bị quỷ thần ở Thái sơn khiến cho rượu uống vào bụng nóng như thiêu. Vì vậy anh ta bỏ ra ngoài lộ, nằm lăn qua lộn lại trong vết bánh xe trên đường. Sáng sớm có đoàn xe năm trăm chiếc đi ngang nghiền chết anh ta. Người bạn sáng ra đi tìm thì thấy anh đã chết rồi, rất bối rối suy nghĩ: “Nếu mình về nước sẽ bị nghi là giết bạn lấy của, kết tội bất nghĩa, thí thân vì tiền của.”

Do đó anh mới đi sang nước khác. Vua nước này vừa băng hà mà không có thái tử nối ngôi. Trong sấm thư nói: “Sẽ có một người thân phận thấp kém ở nước khác lên làm vua nước này. Vua quá cố có một con thần mã, nếu gặp vị ấy nó sẽ quỳ xuống.”

Các quan theo lời, thắt yên cương, đeo quốc ấn trên mình thần mã rồi dẫn đi khắp nơi tìm người kế vị. Người xem thần mã rất đông, cũng vừa gặp lúc anh này đi đến nước ấy. Quan thái sử trông thấy nói: “Vị ấy có mây vàng che phủ, chính là khí tượng làm vua.”

Thần mã trông thấy liền đến quỳ xuống liếm chân vị thương khách. Quần thần mừng rỡ, liền rước anh về cung tôn lên làm vua. Bấy giờ vị vua này mới coi sóc tình hình trong nước và tự suy

nghĩ: “Ta không làm một việc lành nào cả, sao lại hưởng phước này? Chắc đây là nhờ ân đức của Phật.”

Do đó, vua bèn cùng quần thần hướng về nước Xá-vệ, từ xa đánh lễ bạch:

– Con là người hạ tiện thiếu đức, nhờ từ ân Thế Tôn mới được làm vua. Ngày mai xin Đức Thế Tôn và các vị A-la-hán thuận theo ý nguyện của con đến đây thọ trai.

Đức Phật ở xa liền biết, bảo A-nan dặn các vị Tỳ-kheo ngày mai vua nước kia có lời cung thỉnh, tất cả hãy sử dụng thần thông đến nước đó cho vua và nhân dân hoan hỷ.

Hôm sau, Đức Phật và đệ tử dùng thần túc đến nước đó, theo thứ lớp mà ngồi trang nghiêm như pháp. Thọ trai rửa tay xong, Đức Phật thuyết pháp cho vua và mọi người nghe. Vua hỏi:

– Con vốn là người tiện dân, không có phước đức, vì nhân duyên gì được như thế này?

Đức Phật đáp:

– Lúc trước vua Ba-tư-nặc cúng dường cơm nước cho Đức Phật nơi ngã tư đường. Vua đây trông thấy trong lòng suy nghĩ: “Đức Phật như quốc vương, đệ tử như trung thần.” Nhờ vua gieo hạt giống lành này mà ngày nay gặt lấy quả báo tốt đẹp. Còn bạn của vua ngày trước vì cho rằng Phật như bò, đệ tử như xe. Người ấy gieo hạt giống vảnh

bánh nện nay chịu quả báo bị xe lửa nghiền nát trong chốn địa ngục Thái sơn. Không phải do vua dũng cảm hùng mạnh mà đoạt được ngôi vị ấy. Làm thiện được phước, làm ác gặt họa. Phước hay họa do mình gây tạo mà chẳng phải trời, rồng, quỉ, thần ban cho hay gây ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Tâm là gốc pháp
Đứng đầu, sai sử
Tâm khởi niệm ác
Nói ác, làm ác
Tội khổ theo ta
Như xe theo vết.
Tâm là gốc pháp
Đứng đầu, sai sử
Tâm khởi niệm thiện
Nói thiện, làm thiện
Phước lạc theo ta
Như bóng theo hình.*

Đức Phật nói kệ xong, vua và vô số thần dân đều vô cùng hoan hỷ, chứng được pháp nhãn.



Thí dụ 23:

Thuở xưa, trưởng giả Tu-đạt mua miếng vườn của thái tử Kỳ-đà rồi hai người cùng nhau xây cất tinh xá cúng dường Đức Thế Tôn. Mỗi người thỉnh Đức Phật và chư Tăng cúng dường trong

một tháng. Nhờ nghe Đức Phật thuyết pháp nên hai vị đều thấy được đạo.

Thái tử Kỳ-đà hoan hỷ trở về Đông cung, hết lời tán thán đạo đức của Đức Phật, tự đánh nhạc làm vui. Em trai của Kỳ-đà là Lưu Ly thường ở bên vua. Lúc ấy, vua cùng với cận thần và các phu nhân ở hậu cung đến chỗ Đức Phật đánh lễ nghe kinh. Lưu Ly ở lại lo việc bảo vệ cung điện. Các nịnh thần như bọn A-tát-đà, có mưu gian thừa với Lưu Ly rằng:

– Xin ngài hãy đeo thử đai ấn của đại vương, ngồi lên ngai vàng xem có giống vua không?

Lưu Ly nghe lời mặc hoàng bào lên ngai vàng ngồi. Bọn nịnh thần lạy mừng thưa: “Ngài thật như vị đại vương ngàn năm mới gặp được. Ngài nên thuận theo nguyện vọng của lê dân, há để Đông cung thái tử Kỳ-đà chiếm chỗ này sao? Ngai vàng này không lẽ đã lên rồi mà lại xuống?”.

Lưu Ly nghe nói liền mang giáp binh, rút kiếm đến bao vây tinh xá Kỳ hoàn để đuổi vua không cho về cung. Quân Lưu Ly đánh nhau với quan quân của vua ở Kỳ hoàn giết hơn năm trăm cận thần. Vua và phu nhân chạy lánh nạn suốt ngày đêm đến nước Xá-di. Giữa đường vì đói khát vua ăn rau rừng trúng độc, bụng chướng lên rồi chết. Lúc ấy Lưu Ly lên nắm quyền, cầm gươm vào Đông cung giết chết thái tử Kỳ-đà anh mình. Kỳ-

đà vì hiểu lẽ vô thường nên không chút lo sợ, vẻ mặt an nhiên chẳng đổi, an tâm mỉm cười chịu chết. Khi lâm chung, Kỳ-đà nghe tiếng nhạc từ hư không đến đón rước thần thức. Lúc ấy Đức Phật ở tinh xá Kỳ hoàn biết được liền nói kệ:

*Tạo vui đời sau vui
 Làm thiện hai đời vui
 Người ấy thuần hoan hỷ
 Thấy phước tâm an vui.
 Nay mừng đời sau mừng
 Làm thiện hai đời mừng
 Đây là tự giúp mình
 Hưởng phước nên mừng vui.*

Sau đó, vua Lưu Ly kéo quân sang đánh nước Xá-di, sát hại những người họ Thích và những bậc thầy đạo, tàn bạo vô nhân, tạo đủ năm tội ngũ nghịch. Đức Phật dự ký Lưu Ly vì bất hiếu bất trung, tội nghiệp sâu nặng, bảy ngày sau sẽ bị lửa địa ngục thiêu chết. Quan thái sử cũng bói đúng quả như vậy.

Lưu Ly nghe tin hết sức lo sợ cho thuyền ra giữa sông, nghĩ rằng: “Ta sống giữa nước, lửa làm sao đến được?”.

Đúng trưa ngày thứ bảy, tự nhiên lửa từ dưới nước bốc lên. Đốt chìm thuyền, Lưu Ly bị chết cháy, thi thể chìm dưới nước.

Lúc ấy, Đức Phật nói kệ:

*Tạo lo đời sau lo
 Làm ác hai đời lo
 Kẻ ấy toàn lo sợ
 Thấy tội tâm bất an.
 Nay hối đời sau hối
 Làm ác hai đời hối
 Đây tự chuốc tai ương
 Chịu tội đầy khổ não.*

Phật nói kệ xong, liền bảo các Tỳ-kheo:

– Thái tử Kỳ-đà không tham vinh hoa địa vị chịu chết giữ đạo được sinh lên cõi trời sống tự tại an lạc. Còn vua Lưu Ly cuồng ngu buông lung tình ý, chết đọa địa ngục chịu biết bao đau khổ. Tất cả người đời không luận giàu sang hay nghèo hèn đều theo luật vô thường không thể trường tồn. Cho nên bậc Trượng phu thà hy sinh mạng sống để bảo toàn của báu tinh thần, hành vi.

Nghe Đức Phật dạy xong, ai ai cũng tin nhận.



Thí dụ 24:

Thuở xưa, sau núi Kỳ-xà-quật có hơn bảy mươi gia đình Bà-la-môn đủ phước duyên đáng độ. Đức Phật đến làng đó hiển bày thần thông để giáo hóa. Dân làng trông thấy hào quang rực rỡ của Phật, ai cũng sinh lòng kính phục. Đức Phật ngồi dưới một cội cây, hỏi các Bà-la-môn:

– Các ông ở trong núi này được bao nhiêu đời

rồi? Làm nghề nghiệp gì để sống?

Họ đáp rằng:

– Chúng tôi ở đây đã hơn ba mươi đời, lấy việc canh tác, chăn nuôi làm nghề sinh sống.

Đức Phật lại hỏi:

– Các ông tu hạnh gì để cầu thoát ly sinh tử?

Họ đáp rằng:

– Thờ mặt trời, mặt trăng, lửa, nước, tùy thời tế tự. Nếu có người chết thì người trong làng lớn nhỏ tụ hội lại cầu nguyện cho thần hồn được sinh lên cõi trời Phạm thiên, thoát ly sinh tử.

Đức Phật nói với các Bà-la-môn:

– Làm ruộng, chăn nuôi, tế tự mặt trời mặt trăng lửa nước, cầu nguyện sinh Thiên không phải là pháp trường tồn xa lìa sinh tử. Phước lớn nhất không nơi nào hơn cõi trời thứ hai mươi tám mà nếu không có trí tuệ tu đạo vẫn bị đọa vào ba ác đạo. chỉ có xuất gia tu hạnh thanh tịnh, thân đạt tịch diệt mới được Niết-bàn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Cho chân là nguy

Lấy nguy làm chân

Đó là tà kiến

Không được lợi thật.

Biết chân là chân

Thấy nguy là nguy

Đó là chánh kiến

*Quyết được thật lợi.
 Người đời đều chết
 Ba cõi không an
 Chư Thiên tuy vui
 Phước hết, mất mạng
 Hãy quán thế gian
 Đã sinh phải tử
 Muốn thoát sinh tử
 Phải hành đạo chân.*

Bảy mươi vị Bà-la-môn nghe Đức Phật giảng xong, hoan hỷ tỏ ngộ, xin làm Sa-môn. Đức Phật bảo:

– Lành thay! Hãy lại đây các Tỳ-kheo.

Các vị ấy râu tóc liền tự rụng, thành tướng Tỳ-kheo. Đức Phật cùng với các vị ấy trở về tinh xá. Đi được nửa đường, các vị tân Tỳ-kheo bỗng nhớ vợ con, muốn trở về nhà. Lại nữa, lúc đó trời trở cơn mưa, càng thêm buồn thảm. Đức Phật biết ý, liền hóa ra vài mươi căn nhà bên đường, rồi cùng chúng Tỳ-kheo vào trú mưa. Lúc ấy mái nhà bị đột, nước mưa theo đó chảy vào. Nhân đây Đức Phật nói kệ:

*Nhà lợp không kín
 Nước mưa lọt vào
 Ý không siêng tu
 Tham dục xen khởi.
 Nhà lợp kín đáo*

*Mưa không lọt vào
Ý luôn siêng tu
Dục không xen khởi.*

Bảy mươi vị Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói kệ xong, cố gắng tự sách tấn, song lòng vẫn còn âm thầm lưu luyến. Mưa dứt, mọi người lại lên đường. Đi một đoạn, Đức Phật gặp một tờ giấy cũ bèn bảo các Tỳ-kheo lượm lên. Các Tỳ-kheo vâng theo lời sai bảo lượm lên. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

– Đó là giấy gì vậy?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thừa đó là giấy gói hương, nay tuy đã quăng bỏ song mùi thơm vẫn còn.

Đi thêm đoạn nữa, gặp một sợi dây, Đức Phật cũng bảo các Tỳ-kheo nhặt lấy. Các Tỳ-kheo vâng theo lời sai bảo lượm lên. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

– Đó là dây gì vậy?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Sợi dây này tanh hôi, chính là dây xâu cá.

Đức Phật bèn dạy:

– Mọi vật bản chất vốn thanh tịnh, song do nhân duyên mà có phước tội khác nhau. Thân cận người hiền minh thì đạo đức cao cả, kết giao kẻ ngu ám thì tội nghiệp đến bên. Ví như tờ giấy và sợi dây kia, gần hương thì thơm, gần cá thì tanh, gần gũi dần dần huân tập trở thành bản tánh mà

không tự biết.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Kẻ xấu ô nhiễm người
Như gần vật hôi dơ
Mê dân, quen nét xấu
Thành ác mà chẳng hay.
Hiền nhân ảnh hưởng người
Như gần vật xông hương
Trí tăng, quen tánh thiện
Thành hạnh lành sạch thơm.*

Bảy mươi vị Tỳ-kheo một lần nữa được nghe Đức Phật nói kệ khai thị, biết rõ lòng tham luyến cửa nhà là rừng dơ bẩn, vợ con nào khác gông xiềng, nhân đó liền phát khởi lòng tin kiên cố. Về đến tinh xá, mọi người nhiếp ý tu hành, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán.



Phẩm 11: PHÓNG DẬT

Thí dụ 25:

Thuở Phật còn tại thế, có năm trăm vị thương khách từ biển mang về nước rất nhiều đồ thất bảo. Chẳng may khi đi ngang một khu núi rừng bị quỷ thần làm mê hoặc lạc mất lối ra, sức cùng lực kiệt lại thêm đói khát nên tất cả đều mất mạng. Châu báu của cải vì thế bỏ lại rải rác giữa núi. Lúc ấy, có một vị Sa-môn đang tu trong núi, thấy chuyện như

vậy liền khởi niệm: “Ta cực khổ tu hành đã bảy năm mà không đắc đạo, lại chịu nghèo khổ không có chút gì tự nuôi sống. Nay gặp những vật báu vô chủ này, ta hãy lấy đem về gây dựng nhà cửa cơ nghiệp.” Nghĩ vậy xong, Sa-môn bèn xuống núi gom lấy của báu giấu vào một chỗ rồi ra khỏi núi định tìm gọi anh em phụ mang về nhà. Đức Phật biết vị Tỳ-kheo này có thể độ được, bèn hóa ra một vị Tỳ-kheo-ni, cạo đầu đắp y mà lại trang điểm phấn son, vẽ mắt kẻ mày, đeo vàng ngọc đầy người. Vị Ni này đi vào núi, giữa đường gặp vị Sa-môn từ núi đi ra liền cúi đầu làm lễ hỏi thăm. Vị Sa-môn thấy cô Ni mà trang sức liền la rầy:

– Pháp tắc cô Ni làm như vậy có được chăng? Đã cạo đầu đắp y sao lại còn trang điểm, đeo đồ trang sức?

Tỳ-kheo-ni trả lời:

– Pháp tắc Sa-môn làm như vậy có được không? Đã cắt ái từ thân, học đạo nơi chốn rừng sâu sao lại còn lấy của phi pháp? Tham dục quên đạo, buông lòng phóng dật, không xét lẽ vô thường. Cuộc sống trên đời vốn tạm bợ, còn tội báo lại đeo đẳng kéo dài.

Bây giờ, vị Tỳ-kheo-ni nói kệ:

*Tỳ-kheo cẩn thận giới
Phóng dật lỗi lầm nhiều
Đổi thay nhỏ đến lớn*

*Ác thành bị lửa thiêu.
Giữ giới phước an vui
Phạm giới tâm lo sợ
Dứt được lâu ba cõi
Vị ấy gần Niết-bàn.*

Vị Tỳ-kheo-ni nói kệ xong, liền hiện lại thân Phật tướng hảo quang minh. Sa-môn trông thấy kinh sợ dựng tóc gáy, vội cúi đầu đánh lễ, phát lộ sám hối:

– Con vì ngu si lầm lạc mà vi phạm chánh giáo. Đã dấn sâu không thể quay trở lại, giờ biết tính sao đây?

Bây giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu trước phóng dật
Sau biết tự ngăn
Nhờ sức niệm định
Tỏa sáng khắp trần.
Làm nên gây ác
Sau đổi làm lành
Nhờ sức niệm thiện
Tỏa sáng khắp trần.
Tuổi trẻ xuất gia
Siêng tu pháp Phật
Như trăng khỏi mây
Chiếu sáng khắp trần.
Người trước làm ác
Sau ngưng không phạm*

*Như trăng khỏi mây
Chiếu sáng khắp trần.*

Bấy giờ vị Tỳ-kheo nghe xong, dứt bỏ mọi kết sử, không còn niệm tham, đánh lễ dưới chân Phật. Rồi vị ấy trở về núi, ngồi dưới một gốc cây nỗ lực tu quán niệm hơi thở, không bao lâu chứng quả A-la-hán.



Phẩm 12: TÂM Ý

Thí dụ 26:

Thuở Đức Phật còn tại thế, có một vị Đạo nhân tu dưới một cội cây bên bờ sông, suốt mười hai năm trời mà tham tưởng vẫn không dứt được. Tâm ý luôn phân tán nhớ nghĩ lục dục: Mắt đối sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp. Thân tuy yên mà ý lang thang chưa từng tĩnh lặng. Vì thế, dầu dụng công suốt mười hai năm mà vị ấy vẫn không đắc đạo.

Đức Phật biết ông có thể độ được nên hóa ra một vị Sa-môn đi đến chỗ đó, cùng ngồi dưới cội cây. Một lát sau trăng mọc, có một con rùa bò từ dưới sông lên đến gần gốc cây. Lại có một con rái cá đang đói đi kiếm ăn, bỗng gặp con rùa liền định ăn thịt. Con rùa vội rút đầu đuôi và bốn chân vào mai, vì vậy rái cá không thể táp được. Rái cá rời xa chút ít thì rùa lại thò đầu đuôi tứ chi ra đi tiếp. Rái

cá không thể làm gì được nên rùa thoát nạn.

Vị Đạo nhân trông thấy nói với Sa-môn được hóa ra:

– Con rùa có áo giáp bảo vệ thân mạng nên rái cá không làm gì được.

Hóa Sa-môn đáp:

– Tôi nghĩ rằng người đời không bằng con rùa này. Họ không biết lẽ vô thường buông lung lục tình, ngoại ma do đó có cơ hội xâm nhập. Thân hoại thân đi, sinh tử mệnh mang, luân chuyển trong năm nẻo, chịu khổ não vô lượng đều do ý mà ra. Vì vậy nên tự sách tấn cầu chỗ an ổn diệt độ.

Bấy giờ vị hóa Sa-môn liền nói kệ:

*Thân này chẳng bền
Phải về đất sâu
Hình rã, thân đi
Sống tạm, chớ cầu.
Chỗ tâm suy lường
Rắc rối khó tường
Nghĩ tưởng điều quấy
Tự chuốc tai ương.
Tự mình gây tạo
Chẳng phải mẹ cha
Gắng theo nẻo chánh
Chớ quay lại tà.
Nhiếp căn như “quy”
Phòng ý giữ trì thành*

*Trí đẹp ma chương
Thắng, hết hiểm nguy.*

Vị Tỳ-kheo nghe kệ xong, tâm tham dứt sạch, vọng tưởng lặng trong, liền đắc quả A-la-hán. Vị tân A-la-hán này liền biết hóa Sa-môn chính là Đức Phật nên sửa y cung kính đánh lễ. Trời rồng quý thần ai cũng hoan hỷ.



Phẩm 13: HOA HUỜNG

Thí dụ 27:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Giữa vùng biển phía Đông nam nước này có một cái đài, trên đài có một cây nở hoa thơm ngát, trong sạch.

Lúc ấy, có năm trăm cô gái dòng Bà-la-môn theo ngoại đạo tu hành rất tinh tấn, song không hề biết gì về Phật pháp. Họ bàn với nhau:

– Chúng ta sinh ra mang thân phụ nữ, từ trẻ đến già đều bị ba điều ràng buộc không thể tự do. Lại nữa mạng sống ngắn ngủi, thân như huyễn hóa rồi sẽ tử vong. Chi bằng chúng ta hãy cùng nhau đến đài hoa thơm, hái hoa thờ cúng, tinh tấn trì trai, quy y Phạm thiên, nguyện được sinh lên cõi trời đó sống lâu bất tử, lại được tự tại không có ràng buộc, lìa các tội nghiệp không còn ưu hoạn.”

Bàn xong, các cô liền sửa soạn đồ cúng đến đài đó, hái hoa thơm thờ cúng Phạm thiên, nhất tâm trì

traí nguyện quy y với Thần mình.

Bấy giờ Đức Thế Tôn quán sát các cô tuy giữ trai giới theo thể tục mà tâm có thể độ được. Cho nên Ngài cùng với đại chúng đệ tử, Bồ-tát, Trời, Rồng, Quỷ, Thần dùng thần thông bay đến ngồi dưới cội cây. Các cô thấy vậy vô cùng hoan hỷ, cho là Phạm thiên cảm được lòng thành cầu nguyện của mình mà giáng hạ. Lúc ấy có một Thần nhân nói với các cô:

– Đây không phải là Phạm thiên mà là Đấng Tam Giới Tôn hiệu là Phật, cứu độ chúng sinh vô số.

Các cô nghe vậy liền đến trước Phật đánh lễ, rồi bạch:

– Chúng con nhiều như uế nay phải mang thân nữ, vì mong thoát khỏi sự ràng buộc kiềm thúc, nên nguyện sinh lên cõi trời Phạm thiên.

Đức Phật nói:

– Các cô vì muốn được thiện lợi nên phát nguyện như vậy. Trên đời có hai việc mà quả báo rõ ràng: Làm thiện được phước, làm ác chịu họa. Thế gian đau khổ, chư Thiên vui sướng. Hữu vi phiền não, vô vi tịch tĩnh. Mấy ai có thể chọn lựa lấy điều chân thật. Lành thay, các cô lại có tâm ý sáng suốt!

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ai biết rõ cõi đất

*Khỏi địa ngục, sinh Thiên?
 Ai giảng nói Pháp cú
 Như chọn hoa đẹp tươi?
 Hữu học rõ cõi đất
 Khỏi địa ngục, sinh Thiên
 Và khéo nói Pháp cú
 Hải được hoa công đức.
 Biết thế gian mong manh
 Pháp huyễn hóa tạm có
 Bẻ gãy bảy ma dục
 Không còn có tử sinh.
 Thấy thân như bọt nước
 Pháp tánh vốn huyễn hư
 Bẻ gãy bảy ma dục
 Không còn có huyễn hư.*

Các cô nghe Đức Phật nói kệ xong, nguyện tu học theo chánh đạo, làm Tỷ-kheo-ni. Đức Phật hứa khả, tóc các cô tự rụng, đầy đủ pháp phục, tư duy lễ tịch tĩnh, chứng quả A-la-hán.

Ngài A-nan bạch với Phật rằng:

– Bạch Đức Thế Tôn, các vị ấy có phước gì mà được Thế Tôn đến độ, vừa nghe Phật thuyết pháp liền xuất gia đắc đạo?

Phật bảo A-nan: “Thời Đức Phật Ca-diếp có một vị trưởng giả giàu có, tài sản vô số. Vợ và hầu thiếp của ông đến số năm trăm. Nhưng tánh ông lại hay ghen, cửa nhà không thể vô cớ mà mở ra được.

Các bà vợ muốn đến lễ Phật, nhưng rốt lại ông cũng không cho.

Một hôm, quốc vương cho mời các đại thần vào cung dự tiệc suốt một ngày. Các bà nhân dịp trưởng giả đi dự tiệc mới cùng nhau đến chỗ Đức Phật đánh lễ, rồi ngồi giây lâu nghe kinh. Các bà đồng phát nguyện:

– Xin cho chúng con đời đời không gặp người ác, sinh ra chỗ nào thường gặp Thánh nhân đạo đức. Chúng con nghe rằng đời vị lai có Đức Phật hiệu là Thích-ca Văn, xin cho chúng con được gặp, xuất gia học đạo, phụng trì giáo huấn.

Đức Phật nói với A-nan:

– Năm trăm phu nhân thưở ấy là năm trăm vị Tỳ-kheo-ni hiện nay. Do bốn nguyện khấn thiết nên nay được độ và cũng vì lễ đó ta đến để giáo hóa họ.

Đức Phật nói xong, không ai là không hoan hỷ.



KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

QUYỂN 2

Phẩm 14: DỤ HOA HƯƠNG

Thí dụ 28:

Thuở xưa, Đức Phật mới đắc đạo giáo hóa tại thành La-duyet-kỳ rồi chuyển đến nước Xá-vệ. Vua nước Xá-vệ và quần thần vô cùng tôn kính Đức Phật. Lúc đó có một vị đại thương gia tên là Ba-lợi cùng năm trăm thương khách ra biển tìm châu báu. Giữa biển, đoàn thương buôn gặp một vị hải thần đưa ra một vốc nước ngọt hỏi Ba-lợi:

— Nước biển nhiều hay nước trong vốc tay này nhiều?

Ba-lợi đáp:

— Vốc nước này nhiều. Vì sao? Nước biển tuy nhiều mà vô ích, lúc cần không thể cứu cho người đói khát. Vốc nước này tuy ít mà gặp kẻ khát đem cho họ có thể cứu được mạng sống. Nhờ đó đời đời hưởng phước không thể tính đếm.

Hải thần nghe xong hoan hỷ khen lành thay, rồi cỡi râu chuỗi hương anh làm bằng thất bảo trên

thân biểu cho Ba-lợi và hộ tống thuyền trở về nước Xá-vệ bình yên vô sự.

Về nước, Ba-lợi mang xâu chuỗi hương anh dâng lên vua Ba-tư-nặc, kể rõ đầu đuôi câu chuyện, rồi thưa:

– Xâu chuỗi hương anh không phải là món đồ trang sức của kẻ tiểu nhân này, nên nay đem dâng lên vua xin hãy nhận cho.

Vua nhận được chuỗi ngọc cho là vật kỳ lạ quý hiếm, liền cho gọi các phu nhân ra trình diện, vị nào đẹp nhất sẽ cho xâu chuỗi hương anh này. Tất cả sáu vạn phu nhân đều trang điểm lộng lẫy bước ra, nhưng lại thiếu Mạt-lợi phu nhân. Vua hỏi:

– Mạt-lợi phu nhân sao lại không ra?

Thị nữ tâu:

– Hôm nay là ngày rằm, Mạt-lợi giữ trai giới mặc đồ trắng không hợp lễ nghi nghiêm cách nên không ra.

Vua liền nổi giận cho người bảo: “Trì trai giới mà dám trái lệnh của vua sao?”.

Gọi ba lần như vậy, Mạt-lợi phu nhân mới bước ra. Bà không trang điểm chỉ mặc đồ trắng đơn sơ, song đứng giữa mọi người, sắc đẹp và phong cách lại sáng rõ như mặt trời mặt trăng, gấp bội lúc bình thường. Vua giật mình kính nể hỏi:

– Khanh nhờ công đức gì mà thần sắc rạng rỡ đặc biệt như thế? Phu nhân tâu vua:

– Thiếp tự nghĩ mình thiếu phước nên phải chịu mang thân người nữ. Những tâm lý xấu xa, nhỏ nhen chất chứa như núi. Mạng người ngắn ngủi sợ đọa vào tam đồ, nên hàng tháng phụng trì trai giới, cắt ái theo đạo, đời đời mong được hưởng phước.”

Vua nghe xong hoan hỷ liền ban cho Mạt-lợi râu chuỗi hương anh.

Phu nhân từ tạ:

– Thiếp nay trì trai không thích hợp đeo đồ trang sức, xin cho vị khác.”

Vua nói:

– Tôi có ý tặng chuỗi ngọc này cho người nào đẹp nhất. Nay khanh đẹp nhất, lại biết trì trai phụng đạo, ý chí cao thượng nên ta tặng cho khanh. Nếu khanh không chịu nhận ta xử trí sao đây?

Phu nhân đáp:

– Xin vua đừng buồn, hãy thuận ý cùng thiếp đến chỗ Đức Phật dâng chuỗi ngọc này lên cúng dường, để nhận được lời giáo huấn của Bạc Thánh sẽ hưởng phước lạc muôn đời.”

Vua đồng ý, liền cho thặng xa giá đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát đất, rồi ngồi qua một bên thưa với Đức Phật:

– Đây là chuỗi ngọc hương anh của hải thần tặng cho Ba-lợi. Ông ấy đem dâng lên con. Sáu muôn phu nhân không ai chẳng thích, nhưng Mạt-lợi phu nhân được tặng lại không nhận, do vì trì

Phật pháp trai giới tâm không tham dục. Nay chúng con thành tâm dâng lên Đức Thế Tôn, xin hãy thùy từ nạp thọ. Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử Phật kiên tâm gìn giữ trai giới, tín tâm kiên cố như vậy, có phước đức chăng?

Lúc đó Đức Thế Tôn vì lòng thành của vua và phu nhân nhận chuỗi ngọc, rồi nói kệ khai thị:

*Làm nhiều hoa báu
Kết thành tràng đẹp
Tích nhiều hương đức
Mỗi đời phúc hơn.
Hoa thơm hay cỏ lạ
Hương không ngược gió
Gần đạo người ấy
Đức tỏa muôn phương.
Chiên-đàn thơm ngát
Sen xanh ngát ngào
Tuy hương thơm thật
Sao sánh giới hương?
Hương hoa thơm ngát
Chẳng phải thật thơm
Hương của trì giới
Vượt đến cõi trời!
Giới thành tựu đủ
Hạnh chẳng buông lung
Định ý giải thoát
Lìa xa đường ma.*

Đức Phật nói kệ xong, lại bảo vua:

– Công đức phước báo của trai giới thật đáng ca ngợi rộng rãi. Dầu cho đem đến tất cả trần bảo khắp mười sáu nước lớn trong thiên hạ ra bố thí, công đức này so với công đức Mạt-lợi phu nhân một ngày một đêm trì trai giới trong Phật pháp không bằng trong muôn một, như hạt đậu sánh với núi Tu-di, trì trai tích phước tu tuệ có thể đến Niết-bàn.

Vua, phu nhân và quần thần nghe xong ai cũng hoan hỷ y giáo phụng hành.



Thí dụ 29:

Thuở xưa Đức Phật trú trên núi Kỳ-xà-quật thành La-duyet-kỳ. Lúc đó, trong thành có năm mươi chàng thanh niên con các bậc trưởng giả đến chỗ Phật đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Đức Phật thuyết giảng cho họ nghe các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, ân ái như giấc mộng, gặp gỡ sẽ phân ly, giàu sang danh vọng vẫn khổ đau, chỉ có Niết-bàn dứt hẳn sinh tử, không còn tai ương mới là đại an lạc.

Nghe pháp xong, năm mươi vị này tâm vô cùng hoan hỷ, xin làm đệ tử. Đức Phật nói:

– Lành thay, hãy lại đây các Tỳ-kheo.

Các vị ấy râu tóc tự rụng, pháp phục tự đầy đủ, liền thành Sa-môn.

Các vị tân Tỳ-kheo có bạn bè quen biết là

những vị trưởng giả, nghe tin họ xuất gia hoan hỷ tìm đến thăm và khen ngợi:

— Các vị thật phước đức biết bao mới có được chí hướng này!

Rồi họ thỉnh Đức Phật và chúng Tăng ngày mai về nhà họ thọ trai.

Ngày mai, Đức Phật và đại chúng đến đó thọ trai, xong rồi thuyết pháp đến chiều mới về. Các vị tân Tỳ-kheo bỗng lưu luyến gia đình quyến thuộc, muốn trở về nhà. Đức Phật biết ý dẫn họ ra khỏi cổng thành, thấy trong nương ruộng bùn lầy dơ dáy đầy phân rác lại mọc lên những đóa hoa sen hương sắc thơm sạch, tỏa ngát lẫn át mùi hôi. Đức Phật liền bước lại gần và nói bài kệ:

*Như ruộng rãnh hôi dơ
Bên đường cái nằm tro
Hoa sen mọc trong đó
Thơm sạch đẹp ý người.
Cũng vậy giữa phàm phu
Bị sinh tử cầm tù
Người trí vui giải thoát
Làm Phật tử tiến tu.*

Đức Phật nói kệ xong liền trở về núi. Tôn giả A-nan đến trước thưa Phật:

— Lúc này, Đức Thế Tôn đến bên nương ruộng có nói hai bài kệ mà chúng con chưa rõ nghĩa. Xin Phật hãy vì chúng con mà giải thích kỹ càng.

Đức Phật hỏi A-nan:

– Ông có thấy trong vũng bùn lầy phần rác nhơ nhớp mà mọc lên hoa sen chẳng?

Ngài A-nan thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, người sống lần lửa trong đời, tuổi định một trăm, khi thọ khi yếu. Vợ con ân ái, đói khát nóng lạnh, lúc buồn lúc vui, một hung, hai kiết, ba độc, bốn đảo, năm ám, sáu nhập, bảy thức, tám tà, chín não, mười ác, giống như ruộng chứa đầy phần rác, sinh lầy bất tịnh. Nếu có người giác ngộ cõi đời là vô thường, phát tâm học đạo tu hạnh thanh tịnh, tâm an định, dứt hết vọng tưởng chứng được đạo quả. Đây cũng giống hoa sen thơm sạch mọc lên giữa bùn nhơ. Những vị đó mình đã đăc đạo lại độ cho thân tộc, tất cả chúng sinh đều được khai ngộ. Đây giống như mùi thơm của hoa sen lan át mùi hôi hám.

Năm mươi vị tân Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy xong, tâm chí tinh tấn kiên cố, chứng được quả A-la-hán.



Phẩm 15: NGU ÁM

Thí dụ 30:

Thuở xưa Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Trong

thành có một vị Bà-la-môn tuổi gần tám mươi, giàu có vô cùng. Nhưng ông lại là người ngu ám ngoan cố, keo kiệt xan tham khó độ, không tin đạo đức, không biết vô thường, ham thích cất nhà to lớn đẹp đẽ. Ông cất nhà trên, nhà dưới, đài hóng mát, nhà sưởi ấm, dãy bên Đông, dãy bên Tây... cả mấy mươi gian, duy chỉ còn mái hiên che nắng căn nhà sau là chưa xong. Lúc đó vị Bà-la-môn để hết tâm trí lo chỉ huy mọi người làm việc. Đức Phật dùng Phật nhãn thấy mạng ông sống không hết ngày hôm đó. Thế mà ông không tự biết, cứ mãi miết lo tính toán nhọc nhằn, đến nỗi thân tâm tiêu tụy, thật vô phước đáng thương!

Đức Phật cùng A-nan đi đến nhà ông, thăm hỏi:

– Ông có một nhọc lắm không? Nhà cửa nhiều như vậy dùng để ai ở?

Ông lão đáp:

– Nhà trước dùng tiếp khách, nhà sau để ở, hai dãy bên Đông bên Tây dành cho dâu con, tôi tớ và cất chứa của cải. Mùa hạ thì lên đài hóng mát, mùa đông lại vào phòng sưởi ấm.

Đức Phật nói:

– Đã lâu nghe danh đức của ông, mà nay mới có dịp trò chuyện. Tôi có một bài kệ quan trọng có ích lợi cho việc tồn vong suy thịnh, muốn đem tặng ông. Không biết ông có vui lòng nghỉ tay ngồi nói chuyện một chút không?

Ông lão đáp:

– Hôm nay bận lắm, không thể ngồi trò chuyện, xin hẹn hôm khác đến sẽ thông thả luận bàn. Còn bài kệ quan trọng gì đó xin nói ngay đi.

Lúc ấy Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Có con, có của
Người ngu rộn ràng
Ta còn không thật
Lo gì của, con.
Nóng ở chỗ này
Lạnh ở chỗ kia
Người ngu lo
Không biết đổi thay.
Kẻ ngu cực cùng
Tự cho là trí
Ngu mà tưởng trí
Chính là cực ngu!*

Vị Bà-la-môn nghe xong nói:

– Bài kệ này hay thật, nhưng hôm nay tôi rất bận, xin bữa khác hãy đến bàn luận.

Đức Phật chỉ biết xót thương ra đi. Ông lão sau đó đích thân đỡ cây đòn dông lên, không ngờ cây đòn dông rơi xuống trúng vỡ đầu chết! Con cháu than khóc động cả hàng xóm xung quanh.

Đức Phật đi chưa bao xa liền xảy ra biến cố này. Khi Phật đến đầu làng gặp vài mươi người Bà-la-môn, họ hỏi Phật:

– Ngài từ đâu lại?

Đức Phật đáp:

– Ta đã đến nhà ông lão mới chết để thuyết pháp cho ông nghe. Nhưng ông ta không tin lời Phật, không biết lẽ vô thường, giờ đây bỗng chốc đã sang đời khác!

Rồi Đức Phật nói lại bài kệ trước cho các vị Bà-la-môn nghe, ai nấy đều hoan hỷ chứng được pháp nhãn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Ngu gần người trí
Như muông múc vị
Dầu gần rất lâu
Vẫn không biết pháp.
Thông đạt gần trí
Như lười ném vị
Dầu gần giây lát
Liền hiểu đạo mầu.
Người ngu làm gì
Thân cũng rước họa
Thích ý làm ác
Tự chuốc tai ương.
Làm điều bất thiện
Xét lại, ăn năn
Tràn rơi nước mắt
Quả tợ từ lâu.*

Các Bà-la-môn nghe thêm bài kệ này lòng tin

càng kiên cố, đánh lễ Đức Phật rồi hoan hỷ phụng hành.



Thí dụ 31:

Thuở xưa, Đức Phật trú ở tinh xá Cấp cô độc tại nước Xá-vệ vì hàng trời, người thuyết pháp. Lúc ấy vua Ba-tư-nặc có một người con gái góa bụa là Kim Cương, tuổi còn trẻ mà đã thành quả phụ, nay về ở với cha mẹ. Vua và hoàng hậu rất thương xót, xây riêng một tòa cung điện và cho năm trăm thị nữ đàn hay múa giỏi phục vụ cho nàng vui. Trong số đó có một cô thị nữ lớn tuổi tên là Độ Thắng, thường ngày đi chợ mua phấn sáp hương hoa. Một hôm đi chợ, cô thấy rất đông người mang hương hoa đi ra ngoài thành đến chỗ Phật. Cô ngạc nhiên hỏi thăm, thì được trả lời:

– Đức Phật là Bạc Tôn Quý trong ba cõi đang ra đời cứu độ chúng sinh khỏi khổ não, được Niết-bàn.

Độ Thắng nghe xong tâm sinh hoan hỷ, liền tự nghĩ:

– “Mình lớn tuổi rồi mà còn được gặp Phật thì thật là duyên phước đời trước.” Nghĩ xong cô bèn lấy một phần tiền mua hương mua hoa tươi đẹp theo mọi người đến chỗ Đức Phật. Đến nơi nàng đánh lễ rồi mới đứng lên rải hoa, đốt hương, nhất tâm nghe pháp. Sau đó Độ Thắng trở lại chợ mua

hương ra về. Nhờ công đức nghe pháp và phước báo đời trước khởi theo nên hương nài đem về thơm ngào ngạt gấp đôi lúc thường.

Thấy Độ Thắng về muôn mọi người cùng gạn hỏi lý do, Độ Thắng bèn kể lại mọi chuyện và nói:

– Hiện nay có Bạc Tỏi Tôn trong tam giới, giống tiếng trống Vô thượng pháp, chấn động khắp Tam thiên thế giới. Có vô số người đến đó nghe pháp, tôi thật vì theo nghe nên trở về trễ.

Các thị nữ vừa hoan hỷ vừa buồn bã tự than rằng: “Chúng ta tội chướng gì sao lại không được nghe pháp.” Rồi họ cùng nhau nhờ Độ Thắng nói lại cho nghe. Độ Thắng đáp:

– Thân tôi hạ tiện, miệng tôi ô uế không dám tùy tiện nói. Nay xin đến gặp Đức Phật hỏi lại, nếu Ngài đồng ý thì xin tuân mệnh nói lại.

Kim Cương sai Độ Thắng lại đến chỗ Phật thỉnh ý. Đức Phật đồng ý và dạy cho cô những nghi thức thuyết pháp.

Trong khi Độ Thắng chưa về, Kim Cương và các thị nữ hội họp ra sân đứng đón, như con chờ mẹ.

Đức Phật bảo với Độ Thắng:

– Con trở về thuyết pháp sẽ độ thoát nhiều người. Nghi thức thuyết pháp trước nên lập một tòa cao, rồi ngồi trên đó giảng pháp.

Độ Thắng vâng lời Phật dạy, trở về thưa lại

Thánh ý. Kim Cương và hơn năm trăm thị nữ vô cùng hoan hỷ, cùng nhau cởi áo ngoài chất lại làm tòa cao. Độ Thắng tắm rửa, rồi thừa oai thần của Phật thăng tòa thuyết pháp. Kim Cương và hơn năm trăm thị nữ dứt hết nghi ngờ, không còn ác kiến chứng được quả Tu-đà-hoàn.

Do vì quá hoan hỷ thuyết pháp và nghe pháp nên khi xảy ra hỏa hoạn mọi người không hay. Tất cả đều chết cháy và được sinh lên cõi trời. Vua Batur-nặc hay tin liền dẫn người đến cứu. Nhưng khi đến nơi tất cả đều đã chết cháy. Vua chỉ còn biết thâm lượm thi hài lo việc chôn cất. Mọi việc xong, vua đến chỗ Đức Phật đánh lễ rồi ngồi qua một bên như thường lệ. Đức Phật hỏi:

– Vua đến có việc gì vậy?

Vua chấp tay thưa:

– Con gái con là Kim Cương và hơn năm trăm thị nữ chẳng may bị lửa thiêu chết. Con vừa lo việc chôn cất xong. Chẳng biết Kim Cương và bọn họ mang tội gì mà bị lửa thiêu như vậy. Xin Đức Thế Tôn giảng cho con biết.

Đức Phật mới kể:

– Đời quá khứ có một thành tên là Ba-la-nại. Trong thành có một người vợ trưởng giả dẫn năm trăm thể nữ ra ngoài thành tế tự tại ngôi miếu lớn. Cách họ cúng tế rất khắc nghiệt, người ngoài không được đến gần. Không luận thân sơ, nếu ai vi

phạm đến gần sẽ bị ném vào lửa. Lúc đó, có một vị Bích-chi-phật tên là Ca-la ở trong núi. Mỗi ngày, lúc sáng sớm vào thành khát thực đến chiều lại về. Hôm đó Ca-la đi khát thực ngang qua ngôi miếu tế tự ngoài thành kia. Vợ trưởng giả thấy vậy nổi giận, cùng nhau bắt Ca-la ném vào lửa. Thân Ca-la liền bị thiêu cháy, bỗng nhiên ngài hiện thân thông bay lên hư không. Các cô vô cùng kinh hãi, khóc lóc sấm hối, quỳ gối đánh lễ rồi tự thưa rằng: “Người nữ chúng con ngu xuẩn không biết ngài là bậc Chí chân nên đã lỡ làm hủy nhục Thánh tăng. Chúng con tự nghĩ tội ác của mình thật nhiều như núi, nên xin quy y Tôn đức để tiêu trọng tội.”

Vị Bích-chi-phật nghe xong liền hạ thân xuống, nhập Niết-bàn. Các cô liền xây tháp cúng dường xá-lợi.

Đức Phật kể đến đó liền nói kệ:

*Người ngu làm ác
Không thể tự giải
Tội thành, họa đến
Thiêu đốt thân tâm.
Ngu nên vọng tưởng
Chẳng xét khổ vương
Lúc lâm ách nạn
Bất thiện mới tường.*

Đức Phật nói với vua:

– Vợ trưởng giả ngày đó chính là Kim Cương

con gái vua hiện nay. Năm trăm vị thị nữ thuở xưa chính là nhóm Độ Thắng năm trăm tì nữ kia vậy. Tội phước dầu lâu vẫn không mất. Thiện ác theo người như bóng theo hình.

Lúc Đức Phật nói pháp này, nhân dân trong nước đều tin phục hoan hỷ, quy y Tam bảo, thọ Ngũ giới, thấy được lẽ đạo.



Phẩm 16: MINH TRIẾT

Thí dụ 32:

Thuở xưa có một vị Bà-la-môn tuổi mới hai mươi mà có thiên tài bẩm sinh, mọi việc lớn nhỏ liếc qua liền biết. Anh ta tự cho mình là minh triết, thề rằng: “Quyết sẽ thông hiểu hết những kỹ thuật trong thiên hạ, nếu còn một nghề nào chưa thông thì chưa phải là minh triết.” Do đó, vị Bà-la-môn đi tu học với tất cả mọi thầy hay, lục nghệ tạp thuật, thiên văn, địa lý, y học, thuật trấn áp núi lở động đất, thông thạo kỹ nhạc, cắt may, thêu thùa, nấu nướng bếp núc... nói chung mọi việc trong đời đều biết. Bà-la-môn tự nghĩ: “Mình giỏi như vậy, ai mà sánh bằng mình, hãy thử đi qua các nước, thi thố tài nghệ chiết phục mọi người để danh vang bốn biển, kỹ thuật thấu trời xanh, tên tuổi lưu lại trong sử sách trăm đời sau.”

Thế rồi, vị ấy đi khắp nơi. Đến một nước, anh

vào chợ gặp một người thợ làm cung tên đang ngồi tách dây gân, chuốt mũi tên, tay làm thoăn thoắt. Mọi người chen lấn nhau mua. Bà-la-môn tự nghĩ: “Sở học của ta tưởng đã đầy đủ, không ngờ coi thường không học làm cung, nếu cùng người ấy thi tài ta chắc chắn sẽ thua. Ta nên theo vị ấy học nghề.” Nghĩ xong, anh bèn bái vị thợ cung làm thầy, dốc lòng học hỏi. Không bao lâu, anh đã biết cách làm cung chuốt tên, khéo léo còn hơn cả thầy. Anh trả tiền công cho thầy rồi từ giã ra đi.

Đến nước khác, khi sắp qua sông anh gặp một vị thuyền sư lèo lái thuyền tới lui, qua lại, lượn vòng một cách khéo léo, nhanh nhẹn như bay, thật chưa từng thấy! Anh tự nghĩ: “Mình tuy biết nhiều nghề, xong chưa từng học lái thuyền. Đây dù chỉ là một nghề mọn, ta cũng nên học qua cho biết.” Anh liền xin học nghề với vị thuyền sư, nhờ siêng năng thờ thầy, hết lòng học tập chẳng bao lâu anh đã nắm vững mọi kỹ thuật lái thuyền, còn nhanh nhẹn khéo léo hơn cả thầy. Sau đó anh ta trả công từ giã thầy ra đi.

Vị Bà-la-môn đi đến một nước khác, thấy cung điện của vua này nguy nga lộng lẫy nhất trong thiên hạ. Anh liền nghĩ: “Người thợ xây cất cung điện này thật là hay khéo. Sao ta trước giờ không chịu học môn này, nếu cùng với người thợ đó thi tài chắc chắn sẽ thua! Ta phải theo học mới vừa lòng.”

Anh xin làm đệ tử với người thợ xây cất cung điện. Nhờ sự tận tâm lo lắng cho thầy, chịu cực chịu khổ học nghề, chẳng bao lâu anh đã nắm vững mọi kỹ thuật kiến trúc và điêu khắc trang trí. Tài ba của anh còn vượt hơn cả thầy. Anh tặng thầy tất cả tiền bạc rồi ra đi. Bà-la-môn đi khắp mười sáu nước lớn trong thiên hạ, thách mọi người thi tài mà không có ai dám. Nhân đó, sinh tâm cống cao tự đại, cho rằng: “Trong đời này còn ai hơn ta nữa?”.

Lúc ấy Đức Phật ở tinh xá Kỳ viên từ xa thấy vị ấy, biết rằng có thể độ được, Ngài liền dùng thần thông hóa ra một vị Sa-môn cầm tích trượng ôm bình bát đến trước người đó. Trong nước, lúc ấy chưa có đạo pháp, chưa từng thấy Sa-môn nên vị Bà-la-môn thấy làm lạ không biết đó là hạng người gì. Ông định hỏi thăm thì Sa-môn đã đến cạnh bên. Ông liền hỏi:

– Phép tắc của trăm đời vua chưa thấy ai như ông. Cách phục sức nơi nơi chưa có thứ y phục này. Những vật lạ trong tông miếu tôi từng thấy qua, song không thứ nào giống bình bát ông cầm. Ông là ai mà hình dáng trang phục khác thường như vậy?

Vị Sa-môn trả lời:

– Tôi là người tự điều phục mình.

Vị Bà-la-môn ngạc nhiên hỏi tiếp:

– Sao gọi là tự điều phục mình?

Bấy giờ vị Sa-môn bèn dựa vào sự học tập của ông Bà-la-môn mà nói kệ:

*Thợ cung chuốt tên
Thuyền sư lái thuyền
Thợ mộc khắc gỗ
Người trí điều thân.
Nhu tảng đá lớn
Gió thổi chẳng động
Người trí tâm an
Khen chê chẳng đổi.
Nhu vực nước thật sâu
Trong lặng, một màu
Người trí nghe đạo
Tâm tịnh hết sầu.*

Vị Sa-môn nói kệ xong, bay lên hư không, hiện lại thân Phật với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, hào quang rực rỡ chiếu khắp đất trời. Rồi Đức Phật lại hạ xuống đất, nói với vị Bà-la-môn:

— Đây chính là sức điều phục mình biến hóa ra trong đạo của Ta.

Bà-la-môn liền quỳ mọp sát đất đánh lễ, rồi hỏi:

— Xin cho biết yếu chỉ điều phục mình?

Đức Phật đáp:

— Năm Giới, mười Thiện, sáu Độ, bốn Tâm bình đẳng, bốn Thiền, ba môn Giải thoát chính là pháp yếu điều phục mình. Các kỹ thuật như làm

cung, lái thuyền, điêu khắc, thuật lạ... đều là việc trang sức bên ngoài. Tâm ý buông lung chạy theo đuổi bắt chúng là đi vào đường sinh tử vậy.

Bà-la-môn nghe xong, hoan hỷ xin làm đệ tử Phật. Đức Phật bảo:

– Lành thay, hãy lại đây Tỳ-kheo! Vị Bà-la-môn râu tóc liền tự rụng, thành Sa-môn. Sau đó, Đức Phật giảng cho vị ấy nghe các pháp yếu như Tứ đế, Bát giải thoát. Vị ấy tư duy quán chiếu liền chứng quả A-la-hán.



Thí dụ 33:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Trong nước cách thành năm trăm dặm có một làng sơn cước gồm năm mươi gia đình. Trong làng, có một gia đình nghèo. Người vợ chủ nhà mang thai mười tháng song sinh được hai đứa bé trai rất xinh đẹp. Hai vợ chồng rất thương con, đặt tên cho một đứa là Song Đức, một đứa là Song Phúc. Sinh ra gần được hai tháng, một hôm nhân lúc người mẹ ra ngoài kiếm củi, còn người cha nằm nghỉ trên giường sau khi chăn trâu về, hai đứa nhìn quanh quất không thấy cha mẹ bèn than thở với nhau. Một đứa nói:

– Đời trước tôi sắp đắc đạo, lại khởi ý ngu si cho rằng mạng sống là thường, nên đã lui sụt, trôi

lăn trong sinh tử không biết bao nhiêu kiếp. Nay sinh làm con trong gia đình nghèo này, ở nhà tranh, đắp tả rách, ăn uống kham khổ để nuôi thân, không biết đến chừng nào mới đắc đạo! Đây cũng là do đời trước tham luyến giàu sang, buông lung tình ý, tìm vui trong chốc lát mà từ đó đến nay phải chịu biết bao nhiêu đau khổ. Nay còn biết nhờ cậy vào ai?

Đứa kia nói:

– Tôi kiếp xưa, chỉ hơi ngại khó chuyện chuyên cần nhất thời, rốt lại không lo tinh tấn tu tập nên nhiều đời gặp phải khổ hoạn. Đây là mình làm mình chịu, không phải cha mẹ gây ra. Chúng ta phải chịu đựng còn than thở gì?

Người cha nghe con nói vô cùng quái lạ, suy nghĩ: “Đây chắc là ma quỷ đầu thai, ắt có tai biến. Làm gì trẻ con mới mấy mươi ngày mà đã biết nói. Sợ rằng ngày sau chúng giết cha mẹ, hại thân tộc. Nhân lúc chúng còn nhỏ chưa lớn ta nên giết đi để trừ hậu hoạn.”

Nghĩ vậy xong, ông lên ra khỏi nhà đóng cửa lại, ra đồng lấy củi về định đốt chết hai con. Người vợ trở về hỏi chồng lấy củi làm chi. Người chồng đáp:

– Thật là chuyện kinh quái! Mấy đứa con còn nhỏ mà đã biết nói chuyện. Đây chính là ma quỷ, chắc sẽ làm hại gia tộc, nên tôi định giết chúng

ngay lúc nhỏ.

Người mẹ nghe xong, ngạc nhiên do dự chưa tin. Bà bảo với chồng hãy tạm chờ vài bữa nữa rồi sẽ tính.

Sáng hôm sau, hai vợ chồng lén ra ngoài, núp bên cửa rình nghe, quả nhiên thấy hai đứa trẻ than thở với nhau y như cũ. Hai người quyết tâm lần này chắt củi đốt chết hai đứa con. Đức Phật với Thiên nhân thấy được việc này, thương cho hai đứa trẻ có túc phước đáng độ nên đến làng đó phóng hào quang rực rỡ, trời đất rung động, vạn vật đều trở nên sắc vàng. Dân làng ai cũng kinh ngạc, hoan hỷ đến chỗ Phật đánh lễ vì biết đây là Bạc Chí Tôn trong tam giới. Đức Phật đi thẳng đến nhà hai đứa bé. Chúng thấy hào quang rực rỡ của Phật, vui mừng khôn xiết. Hai vợ chồng thấy thế ngạc nhiên, mỗi người một đứa đến chỗ Đức Phật hỏi:

– Bạch Đức Thế Tôn, hai đứa trẻ này sinh ra mới gần hai tháng mà đã biết nói chuyện như thế. Chúng con không biết lẽ gì, e rằng sau này chúng sẽ gây họa nên định phóng lửa đốt chết, song chưa kịp làm thì Phật đã đến. Không biết đây là ma quỷ gì, xin Đức Phật giải thích.

Quái lạ thay, hai đứa nhỏ trông thấy Đức Phật lại quơ tay chào lộ vẻ vui mừng. Đức Phật trông thấy hai đứa trẻ bèn mỉm cười, hào quang năm sắc từ miệng phóng ra tỏa khắp đất trời, rồi bảo với cha

mẹ đưa bé và nhân dân trong làng:

— Hai đứa bé này không phải ma quỷ mà là con phúc đức. Vào thời Đức Phật Ca-diếp chúng đã từng làm Sa-môn. Hai đứa thuở nhỏ đã kết bạn chung chí xuất gia, tu hành tinh tấn. Khi sắp đắc đạo, hai người bỗng khởi tà chướng ngăn giải thoát, tham đắm vinh hoa. Họ suy nghĩ sai lầm: “Chỉ cần tu phước sẽ sinh lên cõi trời. nếu sinh hạ giới cũng làm vua chúa trưởng giả.” Tà tướng vừa sinh liền thoái chuyển đạo tâm, không được Niết-bàn, rơi vào trong sinh tử, nhiều đời nhiều kiếp thường gần bên nhau. Đến đời Ta lại sinh đôi trong nhà nghèo này. Nhờ công đức cúng dường Phật quá khứ nên còn dư phước có thể độ được, tội hết phước sinh, biết túc mạng mình, nên nay Đức Thế Tôn đến đây để độ. Nếu Ta không độ, chúng sẽ bị lửa thiêu chết oan uổng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Đại nhân tánh vô dục
An trú nơi quang minh
Dù gặp cảnh khổ vui
An nhiên, trí hiện tiền.
Đại hiện không nhiễm đời
Không mong của, nước, con
Thường giữ đạo giới tuệ
Không tham phú quý tà.
Trí giả biết vô thường
Cảnh giác cây trên cát*

*Bạn chỉ không kiên cường
Như sắc trắng nhiễm màu.*

Đức Phật nói kệ xong, hai đứa bé thấy thân Phật liền vươn mình lớn lên như trẻ tám tuổi, rồi làm Sa-di chứng quả A-la-hán. Người trong làng thấy hào quang Phật, lại thấy hai đứa bé thay đổi lạ thường đều rất hoan hỷ, đặc quả Tu-đà-hoàn. Cha mẹ đứa bé dứt hết nghi ngờ chứng được pháp nhãn.



Phẩm 17: A-LA-HÁN

Thí dụ 34:

Thuở xưa, có một nước tên là Na-lê gần miền biển phía Nam. Dân chúng nước đó sông bằng nghề mò ngọc trai, tìm gỗ chiên-đàn. Trong nước có một nhà gồm hai anh em, cha mẹ mới mất định chia tài sản ở riêng. Nhà có một người nô lệ tên là Phân-na tuổi nhỏ thông minh, rành việc buôn bán và ra biển kiếm ngọc trai. Cách chia gia tài của họ là: Nhà cửa tài sản tính làm một phần, nô lệ Phân-na tính làm một phần. Hai người rút thăm, người em bắt được phần nô lệ, bèn cùng vợ con với người nô lệ tay trắng ra đi. Lúc ấy tình hình sinh hoạt cơ khổ khó khăn, mà chỉ được có một người nô lệ, nên người em rất lo buồn không biết lấy gì để sống. Phân-na liền thưa với chủ:

– Xin ngài đừng lo, Phân-na này sẽ tìm cách

trong thời gian ngắn ngài sẽ giàu có hơn người anh.

Người em nói:

– Nếu người làm được như vậy, ta sẽ trả tự do cho người làm thường dân.

Vợ người em có một số châu ngọc riêng bèn giao cho Phân-na làm vốn. Lúc đó hải triều lên, dân chúng trong thành ra mé biển nhặt củi. Phân-na đem châu ngọc ra ngoài thành gặp một đứa trẻ ăn xin vác củi. Trong bó củi có gỗ thơm Ngưu đầu chiên-đàn có thể trị bệnh nặng, một lượng đáng giá ngàn vàng. Đây là cơ hội ngàn năm một thuở, Phân-na biết bèn đưa ra hai đồng tiền mua được bó cây đem về chặt ra làm vài mươi đoạn.

Lúc đó có một vị trưởng giả lâm bệnh nặng, cần hai lượng Ngưu đầu chiên-đàn điều chế thuốc uống, mà tìm không ra. Phân-na đem gỗ hương chiên-đàn đến đổi lấy được hai ngàn lượng vàng, rồi mua sắm hết số tiền kiếm được giúp người em giàu hơn anh gấp bội. Người em cảm niệm ân của Phân-na nên giữ đúng lời hứa cho Phân-na tự do, tùy ý làm gì thì làm. Phân-na liền từ giã gia đình người em ra đi học đạo. Phân-na đến nước Xá-vê đánh lễ Phật rồi quỳ thẳng chấp tay thưa:

– Con là dòng dõi hạ tiện song rất hâm mộ đạo pháp. Xin Đức Thế Tôn rủ lòng Từ bi tế độ.

Đức Phật bảo:

– Lành thay, hãy lại đây Phân-na!

Phân-na râu tóc liền tự rụng, đầy đủ pháp phục thành vị Sa-môn. Đức Phật thuyết pháp cho Phân-na. Nghe xong, Phân-na y giáo tu tập chứng quả A-la-hán. Lúc đó A-la-hán Phân-na ngồi tư duy: “Ta sở dĩ ngày nay có được lục thông, tự do trước sinh tử là nhờ ân của chủ nhân. Nay ta đến độ cho ông và nhân dân trong nước.”

Phân-na nghĩ xong trở về nước mình, tìm đến nhà chủ cũ. Người em gặp lại Phân-na vô cùng hoan hỷ mời vào nhà đãi ăn. Ăn uống rửa tay xong, Phân-na bay lên không trung, phân thân nửa mình phun nước, nửa mình phun lửa, hào quang rực rỡ rồi hạ xuống đất nói với người chủ cũ:

– Thần thông oai đức ngày nay tôi có được là nhờ ân ngài phóng xá cho tôi đến chỗ Phật tu học mới được như vậy.

Người chủ đáp:

– Phật thần thông oai đức, giáo hóa vi diệu như thế, tôi xin được gặp Phật để nghe lời dạy bảo.

Phân-na đáp:

– Chỉ cần ngài chí tâm thiết cúng trai soạn đầy đủ, Đức Phật có đủ Tam minh tất sẽ tự đến.

Người chủ nghe lời sắp đặt mọi thứ xong, bèn hướng về Xá-vệ đánh lễ, thắp hương quý thẳng thành tâm cung thỉnh Đức Phật từ bi quang lâm, làm lợi ích cho mọi người.

Đức Thế Tôn liền biết được tâm niệm của họ,

nên cùng năm trăm vị A-la-hán dùng thần thông đến nhà đó. Quốc vương và dân chúng vô cùng cung kính đến chỗ Phật đánh lễ, rồi ngồi qua một bên. Thọ thực rửa tay xong, Đức Phật vì người chủ và vua quan nhân dân trong nước thuyết pháp. Nghe xong, tất cả đều hoan hỷ xin thọ Tam quy, Ngũ giới làm đệ tử Phật, rồi đứng lên khen ngợi Phân-na:

– Tại gia thì siêng năng, xuất gia thì đặc đạo, thần thức cao cả giúp gia đình và quốc gia đều được độ. Chúng tôi biết làm thế nào để đáp đền ân đức này?

Lúc ấy Đức Thế Tôn lại nói kệ khen ngợi Phân-na:

*Tâm đã an định
Ngôn hành lặng yên
Theo chánh giải thoát
Diệt độ an nhiên.
Bỏ dục, không nhiễm
Tam giới hết ngăn
Ý vọng dứt tuyệt
Là bậc Thượng nhân.
Xóm làng, đồng trống
Bình nguyên, núi cao
Nơi La-hán đến
Đều được hóa độ.
Bậc vui vắng lặng
Không ai làm đặng*

*Hạnh phúc thay! Vô dục
Không mong cầu, ước vọng.*

Đức Phật nói kệ xong, người chủ và vua càng thêm hoan hỷ, thỉnh Đức Phật lưu lại cúng dường trong bảy ngày, cả hai đều chứng quả Tu-đà-hoàn.



Phẩm 18: THUẬT THIÊN

Thí dụ 35:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Trong nước có một vị Tỳ-kheo lớn tuổi tên là Bàn-đặc. Ông là người mới xuất gia, bầm tính tối dạ. Đức Phật sai năm trăm vị A-la-hán hàng ngày dạy ông, thế mà trong ba năm ông vẫn học không xong một bài kệ. Mọi người trong nước ai cũng biết ông ngu muội.

Đức Phật thương xót, bèn gọi ông lại dạy cho một bài kệ:

*Giữ miệng, thu nhiếp ý
Thân không phạm lỗi chi
Ai làm được như vậy
Sinh tử chẳng còn gì.*

Bàn-đặc cảm Phật ân từ, tâm hoan hỷ khai sáng, tụng thuộc bài kệ này.

Đức Phật bảo:

— Ông tuổi đã lớn mới thuộc được một bài kệ mà thông thường ai cũng biết, nên chẳng có chi là

kỳ đặc. Ta nay sẽ giảng giải cho ông nghe nghĩa lý của bài kệ này, hãy nhất tâm lắng nghe.

Bàn-đặc vâng lời nhất tâm nghe giảng. Đức Phật vì ông mà nói nguyên nhân mà ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo nghiệp, thân có ba, miệng có bốn, ý có ba. Và khuyên ông hãy quán chiếu những nghiệp này, sinh khởi như thế nào, chấm dứt ra sao. Chúng sinh trôi lăn không ngừng trong ngũ thú tam giới, do nó mà sinh Thiên, do nó mà đọa lạc, lại cũng nhờ nó mà đắc đạo quả, chứng Niết-bàn. Đức Phật vì Bàn-đặc giảng nói vô lượng diệu pháp.

Bàn-đặc nghe nói hoát nhiên tâm trí khai ngộ, liền chứng quả A-la-hán.

Lúc ấy có năm trăm vị Tỳ-kheo-ni ở tịnh xá riêng. Đức Phật mỗi một ngày cử một vị Tỳ-kheo đến đó giảng kinh thuyết pháp. Hôm sau là đến phiên Bàn-đặc sang bên Ni thuyết pháp. Ni chúng biết tin đều cười nhạo, khinh miệt nói với nhau: “Ngày mai hễ ông Bàn-đặc đến, chị em mình nói đón trước bài kệ đó cho ông ta nghe, khiến ông hổ thẹn câm miệng.”

Hôm sau, Bàn-đặc đến chỗ các Tỳ-kheo-ni. Các cô lớn nhỏ đều ra làm lễ, rồi ngó nhau cười khúc khích. Các cô mời Bàn-đặc ngồi rồi dọn đồ ra cúng dường. Thọ trai rửa tay xong, các cô lại thỉnh ông thuyết pháp. Bàn-đặc lên tòa cao, hạ mình khiêm tốn nói:

– Tôi là kẻ đức bạc tài sơ, chưa xứng làm bậc Sa-môn. Tánh tình lại vốn ám độn, không học hành chi nhiều, chỉ biết một bài kệ và hiểu sơ ý nghĩa của nó, nay sẽ vì các vị giải nói, xin hãy nhất tâm lắng nghe.

Các vị Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi định nói đón trước bài kệ đó mà không sao mở miệng được. Tất cả đều kinh sợ tự trách, cúi đầu ăn năn.

Bàn-đặc liền như Phật đã dạy, giảng cặn kẻ về ba nghiệp thân, khẩu, ý gây tội phước ra sao, những pháp sinh Thiên, đắc đạo quả, ngưng thần, trừ vọng tưởng, nhập chánh định. Các Tỳ-kheo-ni nghe lời giảng vô cùng kinh ngạc, hoan hỷ nhất tâm lắng nghe, chứng được quả A-la-hán.

Hôm sau, vua Ba-tư-nặc thỉnh Đức Phật và chư Tăng vào cung cúng dường. Đức Phật muốn hiển bày oai thần của Bàn-đặc nên giao bình bát cho ông cầm đi theo sau. Người gác cổng biết mặt Bàn-đặc là người ngu tối nên chẳng cho vào, khinh thường bảo:

– Ông là Sa-môn mà một bài kệ còn học không xong, nhận lời thỉnh vào cung làm gì? Tôi là người đời còn thuộc kinh, huống chi ông là Sa-môn lại không có trí tuệ. Cúng dường cho ông thật là vô ích. Thôi ông không cần vào cửa!

Lúc đó, Bàn-đặc đứng bên ngoài. Đức Phật ngồi trong cung rửa tay chân xong, Bàn-đặc liền

cầm bát duỗi tay dài ra, đưa vào tận trong cung cho Đức Phật.

Vua và quần thần, phu nhân, thái tử chúng hội thấy có cánh tay mà không thấy người nên kinh ngạc hỏi Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đây là tay ai?

Đức Phật đáp:

– Đây là cánh tay của Tỳ-kheo Bàn-đặc gần đây mới đắc đạo. Ta lúc nãy giao cho ông ấy cầm bát, song người gác cửa lại chằng cho vào, nên ông phải duỗi tay dài ra trao bát cho Ta.

Vua nghe vậy liền cho mời Bàn-đặc vào. Lúc đó Bàn-đặc uy nghi rạng rỡ, thần thái khác thường.

Vua liền bạch Đức Phật:

– Con nghe đồn Tỳ-kheo Bàn-đặc tâm tánh ngu ám, mới biết được một bài kệ, vậy do duyên gì mà đắc đạo?

Đức Phật nói với vua:

– Học không cần phải nhiều, chủ yếu là phải thực hành những gì đã học. Bàn-đặc hiểu nghĩa một bài kệ, thâm nhập nghĩa lý, thân khẩu ý vắng lặng thanh tịnh như vàng ròng cõi trời. người học nhiều mà lại không hiểu nghĩa, không thực hành, chỉ uổng tâm nhọc trí nào có ích gì?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Tuy tụng ngàn chương
Không hiểu đúng nghĩa*

*Chẳng bằng một nghĩa
 Nghe rồi diệt ác.
 Tuy tụng ngàn lời
 Không hiểu ích gì?
 Chẳng bằng một nghĩa
 Nghe hành được độ.
 Tuy tụng kinh nhiều
 Không hiểu ích gì?
 Hiểu một câu pháp
 Hành theo đắc đạo.*

Đức Phật nói kệ xong, ba trăm vị Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Vua và quần thần, phu nhân, thái tử không ai là không hoan hỷ.



Thí dụ 36:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ, vì hàng trời người thuyết pháp. Lúc ấy, trong nước có một vị trưởng giả Bà-la-môn tên là Lam-đạt, giàu sang tột đỉnh, của cải trong nhà không biết bao nhiêu mà tính.

Ông thường theo pháp Bà-la-môn làm một cái đàn cao cúng tế, để tỏ rõ danh tiếng của mình. Trút sạch gia tài mở hội đại bố thí, cúng dường cho hơn năm trăm ngàn vị Bà-la-môn. Trong vòng năm năm ông cung cấp các thứ y phục, giường chõng, thuốc men, cơm nước, của cải, báu vật và đồ đạc dành riêng cho miếu thờ theo ý thích đòi hỏi của

các Bà-la-môn. Các vị ấy cũng vì trưởng giả mà tế tự chư Thiên, các vị thần núi, thần sông, tinh tú, nước lửa không thiếu nơi nào trong vòng năm năm. Kỳ hạn năm năm cho trưởng giả mãi mãi hưởng phước sắp xong. Đến ngày cuối cùng có một cuộc bố thí lớn nhất đúng như pháp tắc của trưởng giả. Bát vàng đựng thóc bạc, bát bạc đựng thóc vàng, voi ngựa xe cộ, nô tỳ, cửa cái, đồ phục sức bằng thất bảo, giày dép, lọng dù, áo da hươu, tích trượng, sàng ngò, thau chậu rửa tay chân, giường chiếu... tất cả những thứ cần dùng có hơn tám muôn bốn ngàn món đều đem bố thí hết.

Ngày ấy, tất cả Bà-la-môn đều đến đại hội. Quý thần, quốc vương, đại thần, quý tộc Bà-la-môn hàng hàng lớp lớp không ai là không hân hoan.

Đức Phật thấy việc đó than:

– Ông quý tộc Bà-la-môn này sao lại quá ngu si. Bố thí quá nhiều mà phước báo chẳng bao nhiêu, như gieo hạt giống vào lửa thì làm sao có được hoa trái? Nếu Ta không giáo hóa, ông ấy sẽ mãi mãi rời xa chánh đạo.

Đức Phật bèn chân chính pháp phục đến đó, phóng ra hào quang tỏa chiếu khắp chúng hội. Ai thấy cũng cho là việc chưa từng có, kinh sợ không biết là vị thần nào.

Trưởng giả Lam-đạt và đại chúng vội đánh lễ Phật sát đất. Đức Phật thấy mọi người đều có tâm

cung kính nên nói kệ:

*Tháng bỏ ngàn vàng
Suốt đời tế tự
Không bằng khoảnh khắc
Nhất tâm niệm pháp.
Phước báo một niệm
Hơn cúng suốt đời.
Dầu suốt cả trăm năm
Phụng thờ thần lửa
Không bằng phút giây
Cúng dường Tam bảo.
Phước một lần cúng
Hơn thờ trăm năm.*

Bấy giờ Đức Phật nói với trưởng giả Lam-đạt:

– Bồ thí có bốn việc. Thế nào là bốn?

1. Cúng thí nhiều được phước báo ít.
2. Cúng thí ít được phước báo nhiều.
3. Cúng thí nhiều được phước báo nhiều.
4. Cúng thí ít được phước báo cũng ít.

Sao là cúng thí nhiều được phước báo ít? Đây là chỉ người ngu si sát sinh để tế tự, uống rượu ca vũ tổn hao của cải, không có phước tuệ.

Sao cúng thí ít được phước báo cũng ít? Đây là người vì keo kiệt ác ý mà cúng thí các đạo sĩ phạm tục, cả hai bên đều ngu si nên không có phước.

Sao gọi là cúng thí ít mà được phước báo nhiều? Đây là do lòng từ mà cúng thí cho bậc tu sĩ

đạo đức, thọ thực xong các vị ấy tinh tấn tu học. Cúng thí như vậy tuy ít mà phước báo to lớn.

Sao gọi là cúng thí nhiều được phước báo nhiều? Nếu có bậc hiền giả giác ngộ cuộc đời vô thường, hảo tâm đem tiền của xây dựng chùa tháp, tinh xá, vườn cây, cúng dường Tam tôn đầy đủ tứ sự, phước báo này như nước năm sông chảy vào biển cả. Phước đức dồi dào đời đời không cùng tận. Đây chính là cúng thí nhiều phước báo càng nhiều. Thí như nhà nông làm ruộng, tùy ruộng đất màu mỡ hay cằn cỗi mà thu hoạch khác nhau.

Lúc ấy trưởng giả Lam-đạt và chúng hội thấy sức thần biến hóa của Phật nghe giảng pháp đều vô cùng hoan hỷ. Chư Thiên, quỷ thần đều đảnh đạo Tu-đà-hoàn. Năm ngàn vị Bà-la-môn xin xuất gia làm Sa-môn, sau đó đảnh quả A-la-hán.

Trưởng giả Lam-đạt và gia đình lớn nhỏ đều thọ năm giới, thấy được dấu đạo. Quốc vương, đại thần đều thọ Tam quy y, làm Ưu-bà-tắc, đảnh đạo pháp nhãn.



Thí dụ 37:

Thuở xưa, Đức Phật giáo hóa ở tinh xá nước Xá-vệ. Lúc ấy, trong thành La-duyet-kỳ có một người ngu si hung bạo, bất hiếu với cha mẹ, khinh khi người lương thiện, không kính bậc tôn trưởng. Ông ấy làm ăn thất bại, không được như ý nên thờ

phụng lửa để cầu ban phước. Pháp tắc thờ lửa, mỗi ngày khi mặt trời sắp lặn phải thắp lên một đồng lửa lớn rồi hướng về đó mà quỳ lạy, đến nửa đêm lửa tắt mới thôi.

Người ấy thờ như vậy ba năm mà không được phước, bèn chuyển qua thờ mặt trời, mặt trăng. Pháp tắc thờ là ban ngày khi mặt trời mới mọc, ban đêm khi mặt trăng vừa lên thì hướng về đó mà lễ lạy đến chừng nào lặn mới thôi. Người ấy thực hành như vậy ba năm mà vẫn không được phước bèn chuyển qua thờ trời, đốt hương quỳ lạy, dâng lên hương hoa, rượu thịt, trâu bò heo dê tươi ngon cho đến khi nghèo túng mà vẫn không được phước báo.

Người ấy vì thế thân thể tiêu tụy, bệnh hoạn ra cửa không nổi. Một hôm ông nghe được ở nước Xá-vệ có Đức Phật là bậc chư Thiên tôn kính, nên định đến đó phụng sự, mong được phước báo. Ông liền cố gắng qua nước Xá-vệ tìm đến chỗ Phật. Tới trước cửa Phật khi nhìn thấy tôn dung uy nghiêm của Đức Phật hào quang rực rỡ như trăng sáng nổi bật giữa muôn sao, người ấy tâm sinh hoan hỷ, quỳ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn rồi chấp tay thưa:

– Con sinh ra và lớn lên trong ngu muội, không biết gì đến Phật, Pháp, Tăng, chỉ lo thờ lửa, mặt trời, mặt trăng và các Thiên thần. Chín năm cần khổ ròng rã không được chút phước nào, mà thân thể con lại tiêu tụy, khí lực suy vi, bốn đại nhiều

bệnh không biết sẽ chết ngày nào. Nay con biết được Đức Thế Tôn là Bạc Thầy cứu độ chúng sinh, nên từ xa lại đây quy y, xin ban cho ân phước.

Đức Phật nói với ông:

– Ông thờ phụng trước giờ toàn là yêu tà, quỉ mị. Cúng tế cầu đảo với những hạng ấy nhiều như núi thì tội lỗi cũng đầy ắp như sông biển! Sát sinh để cầu phước thì cách phước rất xa! Nếu ông trăm kiếp cần khổ sát sinh, đem tất cả bò dê trong thiên hạ ra tế tự cầu đảo, thì sẽ mang tội lớn như núi Tu-di mà phước chỉ nhỏ bằng hạt cải! Thật phí công phí của vô ích, há chẳng lắm lần lắm sao? Lại nữa, ông là người bất hiếu với cha mẹ, khinh khi người hiền, chẳng kính tôn trưởng, kiêu mạn cống cao, tam độc đầy đầy, tội nghiệp ngày một sâu, do đâu mà được phước? Nếu ông có thể cải đổi tâm tánh, kính lễ bậc hiền, oai nghi lễ phép cung phụng bậc Trưởng lão, bỏ ác làm lành, tu sửa bản thân, trải lòng từ bi thì bốn phước mỗi ngày một tăng, đời đời không gặp họa hoạn. Bốn phước đó là gì?

1. Nhan sắc đoan chánh.
2. Khí lực mạnh mẽ.
3. An ổn không bệnh.
4. Trường thọ, không bị chết oan.

Nếu ông tinh tấn theo những hạnh trên, không chút giải đãi thì có thể đắc đạo.

Bây giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Tể thần để cầu phước
 Xét quả báo về sau
 So kính lễ bậc hiền
 Bốn phần không được một.
 Biết lễ độ khiêm cung
 Thường kính bậc trưởng lão
 Bốn phước tự nhiên tăng
 Sắc, lực, thọ, an ổn.*

Người đó nghe kệ xong hoan hỷ tin hiểu, đánh lễ Phật rồi lại thưa:

– Con vì tội cầu che ngăn đã gây ra tội lỗi trong suốt chín năm. Nay may nhờ lòng từ khai thị mới được thông hiểu. Xin Đức Thế Tôn cho con được xuất gia làm Sa-môn.

Đức Phật bảo:

– Lành thay! Hãy lại đây Tỳ-kheo!

Vị ấy râu tóc tự rụng, thành bậc Sa-môn. Sau đó, tinh cần quán niệm hơi thở, vị ấy chứng quả A-la-hán.



Phẩm 19: ÁC HẠNH

Thí dụ 38:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại nước La-duyệt-kỳ, sai một vị La-hán tên là Tu-mạn đem tóc và móng tay Phật đến núi phía Nam nước Kế tân xây chùa tháp Phật. Năm trăm vị La-hán trụ trong chùa đó,

sớm chiều đốt hương đi xung quanh tháp lễ bái. Lúc ấy, trong núi có năm trăm con khỉ thấy các Đạo nhân cúng dường bảo tháp, liền kéo nhau đến bên khe núi sâu vác đất đá bùn sinh bắt chước xây một ngôi tháp, dựng cây làm cột rồi treo tràng phan lên đầu cây, sớm chiều lễ bái cũng như Đạo nhân. Một hôm nước lũ trong khe núi dâng cao, nhận chìm chết cả đàn khỉ. Thần thức chúng liền sinh lên cung trời Đao-lợi thứ hai, ở trong cung điện thất bảo, việc ăn mặc tự nhiên có đầy đủ. Họ đều tự nghĩ: “Chúng ta do nhân duyên gì được sinh lên cõi trời này?”.

Rồi họ liền dùng Thiên nhãn tự nhìn thân mình thấy tiền thân là loài khỉ, nhờ bắt chước Đạo nhân xây tháp lễ bái chơi, tuy bị nước cuốn chết mà thần thức được sinh lên trời. Vì vậy họ muốn trở xuống đền ân thân cũ. Chư Thiên đó liền mang theo người hầu đem hương hoa, kỹ nhạc đến bên thân cũ rải hoa, đốt hương, đi nhiễu quanh thân bảy vòng.

Lúc ấy, trong núi có năm trăm vị Bà-la-môn ngoại đạo tà kiến, không tin tội phước, thấy chư Thiên rải hoa, trỗi nhạc, đi nhiễu quanh thân khi đều ngạc nhiên hỏi:

– Chư Thiên quang tướng uy nghi như vậy, có sao lại hạ mình cúng dường những thân chết này?

Các Thiên nhân đáp:

– Những thân này chính là thân cũ của chúng

tôi. Ngày xưa, chúng tôi ở đây bắt chước các Đạo nhân lập tháp miếu chơi, bị nước khe dâng lên nhận chìm chết. Nhờ chút phước mọn đó nên nay được sinh Thiên. Hôm nay xuống rải hoa là để đền ân thân cũ. Chỉ đùa chơi làm chùa tháp mà còn được phước như thế, nếu chí tâm thờ Phật Thế Tôn phước đức đó thật khó mà ví dụ cho được. Các ông tà kiến không tin đạo chân chánh, thì dầu cực khô siêng tu trăm kiếp cũng không được một chút lợi ích. Chi bằng ta hãy cùng nhau đến núi Kỳ-xà-quật đánh lễ, cúng dường Phật thì sẽ được phước vô lượng.

Các Bà-la-môn nghe vậy vô cùng hoan hỷ, cùng chư Thiên đồng đến chỗ Phật, thành tâm đánh lễ, rải hoa cúng dường.

Chư Thiên bạch Phật:

– Chúng con đời trước mang thân khỉ, nhờ ân Đức Thế Tôn mới được sinh Thiên, hận mình không được gặp Phật, nên nay đến để quy y.

Bạch Đức Thế Tôn, chúng con đời trước có tội gì mà phải mang thân khỉ, dầu xây dựng chùa tháp mà vẫn bị nước cuốn chết?”.

Đức Phật nói với các Thiên nhân:

– Việc này có nhân duyên, không phải tự nhiên mà có. Ta sẽ vì các ông mà nói rõ nguyên nhân.

Thuở xưa có năm trăm vị niên thiếu Bà-la-môn cùng nhau vào núi muốn học đạo Tiên. Lúc

ấy, trên núi có một Sa-môn định xây một tinh xá bằng đất bùn. Vị ấy xuống khe suối lấy nước thân thể nhẹ như bay. Năm trăm Bà-la-môn thấy vậy sinh tâm ghen ghét, đồng thanh cười nhạo: “Ông Sa-môn này lên xuống lật đật như khỉ, có gì đâu lạ! Ông lấy nước như vậy mãi, có ngày sẽ bị nước nhận chết chìm!”.

Đức Phật kể xong bảo với các Thiên nhân: “Ông Sa-môn lên núi thuở đó chính là thân Ta, còn năm trăm vị Bà-la-môn niên thiếu chính là năm trăm con khỉ đó, vì cười đùa gây tội mà phải mắc quả báo như vậy.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Đùa cười làm ác
Thân đã tạo nghiệp
Thọ báo khóc than
Theo đó tội đến.*

Đức Phật nói với các Thiên nhân:

— Các ông đời trước tuy là thân loài thú mà biết chơi đùa xây cất tháp miếu, nên tội diệt phước sinh, được sinh lên cõi trời. Ngày nay các ông lại biết đến đây phụng trì Chánh pháp, do nhân duyên này sẽ mãi mãi xa lìa các khổ.

Đức Phật giảng xong, năm trăm Thiên nhân đều thấy được đạo. Dù là Thiên nhân, nhưng vẫn chưa phải là người đắc đạo. Còn năm trăm Bà-la-môn được nghe giảng về quả báo tội phước đều tự

than:

– Chúng ta học theo đạo Tiên đã mấy năm mà chưa được chút kết quả nào, không bằng đàn khi chỉ đùa chơi làm phước mà được sinh Thiên. Đạo của Phật quả thật vi diệu!

Bấy giờ năm trăm vị Bà-la-môn đánh lễ Đức Phật xin làm đệ tử. Đức Phật bảo:

– Lành thay, hãy lại đây các Tỳ-kheo!

Năm trăm vị đó liền thành tướng Sa-môn. Nhờ tu tập tinh tấn, chẳng bao lâu năm trăm vị ấy đều chứng quả A-la-hán.



Thí dụ 39:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ thuyết pháp cho các hàng trời người. Lúc ấy, con thứ hai của vua tên là Lưu Ly, hai mươi tuổi đem tùy tùng bức vua thoái vị và giết chết thái tử anh mình là Kỳ-đà rồi tự lên ngôi.

Có một tên quan ác tâm tên là Da-lợi tâu với vua Lưu Ly:

– Vua lúc trước còn là hoàng tử sang nước Xá-di bên ngoài nhìn vào bên trong tinh xá của Phật bị dòng tộc Thích-ca mắng nhiếc hết kẻ nổi. Lúc đó đại vương đã thề rằng: “Nếu ta làm vua sẽ hỏi tội này.” Nay thời cơ đã đến, binh mã hùng mạnh nên báo oán xưa.

Lưu Ly nghe lời, liền cho chuẩn bị binh mã,

kéo sang chinh phạt nước Xá-di.

Đức Phật có vị đại đệ tử thứ hai tên là Ma-ha Mục-kiền-liên. Ngài thấy vua Lưu Ly định tàn sát nước Xá-di để trả thù xưa, sẽ giết hại bốn chúng đệ tử nên vô cùng thương xót. Ngài liền đến chỗ Phật thưa:

— Nay vua Lưu Ly vây đánh nước Xá-di, con nghĩ dân chúng vô tội sẽ chết oan, nên định đem bốn phương tiện cứu dân trong nước Xá-di.

1. Đem dân Xá-di đi trên hư không.
2. Đem dân nước Xá-di giấu giữa biển.
3. Đem dân nước Xá-di giấu giữa hai ngọn núi Thiết vi.
4. Đem dân nước Xá-di đi ở giữa nước lớn phương khác, khiến vua Lưu Ly không biết chỗ của họ.”

Đức Phật bảo:

— Nay Mục-kiền-liên, Ta biết ông có khả năng trí đức che chở cho dân nước Xá-di. Nhưng chúng sinh có bảy việc không thể tránh khỏi. Bảy việc đó là gì? Một là sinh, hai là già, ba là bệnh, bốn là chết, năm là tội, sáu là phước, bảy là nhân duyên. Bảy điều này dầu ta muốn tránh nhưng không thể được. Dầu oai thần của ông có thể làm được chuyện đó, nhưng túc nghiệp, tội lỗi làm sao tránh được?

Mục-kiền-liên lễ Phật lui ra, nhưng vẫn theo ý

riêng đem bốn, năm ngàn người tín chủ tri thức đựng trong bát đặt ở khoảng giữa các tinh tú trên hư không. Vua Lưu Ly đánh nước Xá-di, giết khoảng ba ức người rồi kéo quân về nước.

Lúc đó, Mục-kiền-liên đến chỗ Phật đánh lễ, rồi tự hào thưa:

– Vua Lưu Ly đánh nước Xá-di, đệ tử thừa oai thần Phật cứu bốn năm ngàn người nước này. Nay những vị đó ở trên hư không đều được thoát nạn.

Đức Phật hỏi:

– Ông đã đến xem người trong bát chưa?

Đáp:

– Dạ chưa!

Đức Phật bảo:

– Ông hãy xem người trong bát trước đã.

Mục-liên vâng lời, dùng đạo lực đem bát xuống xem, không ngờ tất cả đều đã chết hết. Mục-kiền-liên buồn thương rơi lệ, trở lại chỗ Đức Phật thưa:

– Tất cả người trong bát đều chết cả! Oai lực thần thông không thể cứu họ thoát khỏi tội nghiệp đời trước.

Đức Phật bảo Mục-kiền-liên:

– Bảy việc mà ta đã nói trước, dù Phật, Thánh chúng, thần tiên, đạo sĩ có oai lực ẩn mình, phân thân song cũng không thể tránh được.

Bây giờ Đức Phật lại nói kệ:

Dầu hư không, biển cả

*Hay núi đá xa xôi
 Không nơi nào tránh khỏi
 Quả ác nghiệp đã làm.
 Chúng sinh bị nã hại
 Lão tử nghiệp trả vay
 Bạc Bi Trí giải thoát
 Không nhớ lỗi lầm ai.*

Đức Phật thuyết pháp xong, vô số người trong pháp hội hiểu được lẽ vô thường, đều buồn thương trước việc không thể tránh khỏi tội báo, hoan hỷ, chứng quả Tu-đà-hoàn.



Phẩm 20: ĐAO TRƯỞNG

Thí dụ 40:

Thuở xưa có một nước tên là Hiền Đề. Trong nước có vị Trưởng lão Tỳ-kheo thường đau yếu luôn, nằm liệt giường, gầy ốm dơ bẩn. Thế mà trong tinh xá không có một ai trông nom săn sóc cho ông. Đức Phật dẫn năm trăm vị Tỳ-kheo đến đó, sai các vị ấy chăm nom, nấu cháo cho vị Trưởng lão Tỳ-kheo. Nhưng ai nghe mùi hôi thối của vị ấy đều nhờm tởm không dám đến gần.

Đức Phật sai Đế Thích lấy nước nóng, còn Ngài dùng tay Kim cang tắm rửa cho vị ấy. Lúc đó đại địa rung động rực rỡ hào quang ai thấy cũng kinh ngạc. Vua chúa, Quan dân, Thiên, Long, Quỷ,

Thần đông đảo vô số đồng đến chỗ Đức Phật đánh lễ, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là Bạc Tôn Quý trong đời, đầy đủ phước đức trí tuệ trong ba cõi không ai sánh bằng, sao lại hạ mình tắm rửa cho vị Tỳ-kheo già bệnh, thân thể hôi dơ này?

Đức Phật bảo với vua và chúng hội:

– Như Lai sở dĩ xuất hiện ra đời vì chính những người khổ ách không ai giúp đỡ như thế. Nếu ai cúng dường những Sa-môn đạo sĩ bệnh tật và những người già cô độc bần cùng sẽ được phước vô lượng, sở nguyện như ý, như nước năm sông chảy vào biển cả, phước này cũng mênh mông như vậy. Người ấy công đức dần dần viên mãn rồi được đắc đạo.

Vua bạch với Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vị Tỳ-kheo này đời trước tạo tội nghiệp gì mà nay phải chịu bệnh khổ, nhiều năm thuốc men mà vẫn không thuyên giảm?

Đức Phật nói với vua:

– Thuở xưa có một vị vua tên là Ác Hạnh, dùng chính sách nghiêm bạo để trị dân. Ông giao quyền cho một võ sĩ tên Ngũ Bách lo việc đánh đập tra khảo tù nhân. Ngũ Bách dựa vào oai thế vua mà theo ý riêng tra khảo. Trước khi đánh đập Ngũ Bách đòi lo lót tiền bạc, nếu ai có sẽ được đánh nhẹ, nếu ai không có sẽ bị đánh đập tàn nhẫn. Nhân

dân cả nước ai cũng sợ ông. Lúc ấy, có một vị hiền giả bị vu không mắc tội, lúc sắp chịu đánh đập tra khảo, người ấy nói với võ sĩ: “Tôi là đệ tử Phật vốn không làm điều chi làm lỗi, chỉ bị người vu oan, xin ông hãy khoan thứ.”

Ngũ Bách nghe nói là đệ tử Phật nên nhẹ tay đánh sót qua thân.

Về sau Ngũ Bách chết, đọa vào địa ngục chịu đánh đập hành khổ, đến khi báo tận đọa vào súc sinh hơn năm trăm đời đều bị đánh đập hành hạ. Khi hết tội sinh vào loài người thường yếu đuối bệnh hoạn thống khổ.

Vua nước ấy nay chính là Điều-đạt, võ sĩ Ngũ Bách nay chính là vị Tỳ-kheo bệnh tật này, còn vị Hiền giả chính là thân Ta. Ta đời trước được ông ấy nhẹ tay đánh không trúng thân, nên đời nay Ta đáp lại tự tay tắm rửa cho ông. Người gây tạo thiện ác thì phước họa sẽ theo thân, dầu trải qua bao lần sinh tử vẫn không tránh được.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Đánh người vô tội
Vu báng người hiền
Sẽ mắc mười họa
Đến chết không thôi.
Một, sống khổ sở
Hai, thân tật nguyên
Ba, bệnh triền miên*

*Bốn, ý loạn sợ
 Năm, bị vu báng
 Sáu, mắc nạn quan
 Bảy, của tan tác
 Tám, người thân lìa.
 Chín, của và nhà
 Bị lửa cháy tiêu
 Mười, sau khi chết
 Phải đọa địa ngục.*

Lúc đó vị Tỳ-kheo bệnh nghe Đức Phật kể lại túc mạng và nghe được bài kệ này, tự biết việc làm sai lầm thuở trước nên nhiếp niệm lấy mình, ngay trước Đức Phật bệnh tật dứt sạch, thân an ý định liền chứng quả A-la-hán. Vua nước Hiền Đề hoan hỷ tin hiểu, xin thọ Ngũ giới làm Phật tử tịnh tín, suốt đời tu hành, đắc được quả Tu-đà-hoàn.



Thí dụ 41:

Thuở xưa, Đức Phật thuyết pháp cho các hàng trời người ở tinh xá Kỳ thọ Cấp cô độc nước Xá-vệ. Phía Đông nước này có một nước tên là Uất-đa-la-ba-đề. Nơi đây có năm trăm vị Bà-la-môn định kéo nhau đến sông Hằng vì nghe nói bên bờ sông có ba ao thờ thần nên định tắm nước nơi đó để rửa sạch cấu uế, rồi khỏa thân tu theo pháp của bọn Ni-kiền.

Đi giữa đường họ gặp một cái đầm lớn, lạc lối

không làm sao qua được, lại thiếu thốn lương thực. Họ từ xa bỗng trông thấy một cội cây to như có thần khí, tưởng rằng có người ở nên chạy đến bên gốc cây, song chẳng thấy ai cả. Năm trăm Bà-la-môn lớn tiếng than khóc, cho rằng chắc sẽ đói khát chết tại đầm này. Thọ thần liền hiện ra hình người đến hỏi các Bà-la-môn:

– Đạo sĩ các vị từ đâu đến và định làm gì?

Cả nhóm đồng thanh đáp:

– Chúng tôi định đến ao nước thần tắm rửa cầu tu đạo tiên. Nay lạc đường đói khát xin nhờ ông thương xót cứu giúp cho.

Thọ thần liền duỗi tay, một trăm món ăn uống ngon lành từ đó hiện ra. Mọi người được ăn một bữa no nê. Số thức ăn còn thừa đủ để mang theo dọc đường. Lúc sắp ra đi các Bà-la-môn đến chỗ thần hỏi thăm:

– Ngài trước đây tu tạo công đức gì mà được oai lực như vậy?

Thọ thần đáp:

– Tôi thuở trước ở nước Xá-vệ. Lúc đó có một đại thần trong nước tên là Tu-đạt. Ông ấy muốn cúng dường thức ăn cho Đức Phật và chúng Tăng nên ra chợ mua sữa tô lạc. Vì không có ai xách, nên Tu-đạt tìm mượn tôi xách giùm. Về đến tỉnh xá ông lại nhờ tôi múc ra cúng dường. Sau khi làm xong, tôi nhân đó còn được nghe thuyết pháp. Tôi

bỗng sinh tâm hoan hỷ, thọ trì trai giới, nên chiều về nhà không ăn cơm. Vợ tôi lấy làm lạ hỏi: “Ông giận gì mà không ăn cơm?”

Tôi đáp: “Tôi không giận gì cả. Hôm nay tôi đi chợ gặp trưởng giả Tu-đạt cúng dường thức ăn cho Đức Phật nơi vườn nên tôi đến đó trì trai. Trai gọi là Bát quan trai.”

Người vợ nghe nói nổi giận bảo: “Ông Cù-đàm làm loạn lẽ thường, đâu đáng cho ông theo! Ông bỏ cả truyền thống thì sẽ gặp tai họa.”

Người vợ cứ cần nhằn thúc ép mãi, kệt quá tôi đành phải ăn cơm với vợ.

Đêm đó thọ mạng ta hết, lúc lâm chung vào lúc nửa đêm, thần thức thác sinh vào chỗ này. Vì người vợ ngu si phá hoại trai pháp của tôi, khiến tôi không trọn nghiệp lành nên phải thác sinh làm thọ thần nơi đầm này. Nhờ phước mang sữa lạc cho Đức Phật nên tay có thể hiện ra các món ăn uống. Nếu tôi giữ trai pháp trọn vẹn sẽ được sinh Thiên, hưởng mọi an lạc.

Thọ thần liền nói kệ:

*Cầu cúng gieo mầm họa
Dần dần lớn lá cành
Chỉ khổ, hại bản thân
Trai pháp: tiên độ thế.*

Các Bà-la-môn nghe xong hết mê lầm, tin nhận, cùng nhau trở về, sang nước Xá-vệ. Trên

đường họ đi ngang một nước tên là Câu-lam-ni. Trong nước có một vị trưởng giả tên là Mỹ Âm hay làm phước giúp đỡ mọi người, ai ai cũng tôn kính. Các Bà-la-môn ghé qua nhà ông nghỉ đêm. Trưởng giả hỏi:

– Các đạo sĩ từ đâu đến? Giờ định đi về đâu?

Các Bà-la-môn thuật lại công đức của thọ thần, tỏ ý muốn qua nước Xá-vệ đến chỗ ông Tu-đạt thọ trì trai pháp mong được phước đức.

Mỹ Âm nghe xong vô cùng hoan hỷ, căn lành thuở trước dậy khởi, tin hiểu Phật pháp. Ông bèn thông báo gia tộc ai muốn thì cùng đi theo thọ trai giới. Tất cả có năm trăm người xin theo, oai nghi trang nghiêm cùng nhau đến nước Xá-vệ. Chưa đến tỉnh xá Kỳ hoàn, giữa đường đoàn người gặp Tu-đạt, song không biết nên hỏi kẻ đi theo ông:

– Đây là ai vậy?

Đáp rằng:

– Đó chính là Tu-đạt!

Bà-la-môn và tất cả mọi người hoan hỷ đuổi theo Tu-đạt nói:

– Nguyên vọng của chúng ta thành rồi. Tìm người gặp người nên đuổi theo để ra mắt.

Khi gặp, mọi người thuật lại đầy đủ việc gặp thọ thần và nghe thọ thần kể chuyện ra sao, xong lại tiếp:

– Thọ thần tán thán công đức ông, nên chúng

tôi đến để theo học. Xin hãy dừng xe chỉ dạy cho chúng tôi trai pháp.

Tu-đạt nói rằng:

– Các vị cầu mong điều thiện lớn. Tôn sư của tôi là Đức Như Lai luôn giúp đỡ và độ thoát cho mọi người. Nay Ngài đang ở tinh xá Kỳ hoàn rất gần, xin hãy cùng nhau đến đó.

Nghe xong tất cả đều kính mộ cùng Tu-đạt đến tinh xá Kỳ hoàn. Các Bà-la-môn xa trông thấy Đức Như Lai đều hoan hỷ khôn xiết, vội đánh lễ sát đất, lui về một bên rồi quỳ bạch Phật:

– Chúng con ban đầu rời nhà định đến ba ao thần tắm rửa cầu đạo tiên. Trên đường gặp Thọ thần kể lại mọi việc, nên đến đây xin theo Ngài tu học. Xin Đức Như Lai khai thị cho pháp vi diệu tối thượng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dựa theo hạnh nghiệp của họ mà nói kệ:

*Dầu khỏa thân, cắt tóc
Mặc mãi áo cỏ gai
Tắm gội hay ngồi xỏm
Sao hết được nghi hoặc?
Không đánh giết, thiêu đốt
Cũng không lán lướt ai
Từ bi với mọi người
Đến đâu cũng không oán.*

Năm trăm Bà-la-môn nghe kệ hoan hỷ, xin làm

Sa-môn đắ được quả A-la-hán. Còn Mỹ Âm và thân tộc chứng được Pháp nhãn.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Năm trăm vị Bà-la-môn các vị trưởng giả đòi trước tu tạo công đức gì mà nay mau chóng đạt đạo?

Đức Thế Tôn dạy:

– Trong thời quá khứ lâu xa, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Ngài thuyết pháp cho các hàng đệ tử về thời ngũ trược vị lai. Lúc đó có một ngàn Bà-la-môn và trưởng giả nghe xong đồng phát nguyện: “Chúng con nguyện gặp Đức Phật Thích-ca Văn.” Các vị Bà-la-môn thưở đó nay chính là các vị Bà-la-môn này. Còn các vị trưởng giả thưở đó là nhóm trưởng giả Mỹ Âm hiện nay. Do nhân duyên này họ gặp được Ta liền giác ngộ.

Các Tỳ-kheo nghe xong hoan hỷ làm lễ y giáo phụng hành.



KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

QUYỂN 3

Phẩm 21: LÃO MẠO

Thí dụ 42:

Thuở xưa Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ thọ nước Xá-vệ. Một hôm, thọ thực xong, Đức Phật thuyết pháp lành cho các hàng trời người, quốc vương, thần dân bốn bộ đệ tử. Lúc ấy, có bảy vị trưởng lão Bà-la-môn từ xa đến chỗ Phật đánh lễ, chấp tay bạch:

— Chúng con ở xa, từ lâu nghe danh giáo hóa của Bậc Thánh Nhân muốn đến quy mạng. Song vì nhiều duyên trở ngại, mãi đến hôm nay mới được chiêm ngưỡng tôn dung. Chúng con xin được làm đệ tử, tu học chấm dứt các khổ.

Đức Phật chấp nhận cho các vị ấy xuống tóc làm Sa-môn và dạy ở chung một phòng. Nhưng bảy vị ấy gặp được Thế Tôn cho là có thể đảm bảo đắc đạo, không lo tư duy vô thường, ngồi chung trong phòng chỉ nghĩ việc đời hoặc trò chuyện cười đùa với nhau chẳng để ý đến chuyện nên hư. Họ không biết mạng sống của mình chẳng còn bao lâu,

tâm ý mê mờ bởi những buộc ràng trong ba cõi.

Đức Phật với Tam đạt trí biết mạng sống của bảy vị ấy sắp hết. Ngài thương xót bèn đến phòng họ bảo:

– Các ông học đạo nên cầu giải thoát, sao lại cười đùa lớn tiếng như vậy. Tất cả chúng sinh đều cậy vào năm việc. Đó là những việc gì?

1. Cậy vào tuổi trẻ.
2. Cậy vào sắc đẹp.
3. Cậy vào sức mạnh.
4. Cậy vào tài sản giàu có.
5. Cậy vào dòng họ sang quý.

Các ông thì thầm nói chuyện, cười cợt lớn tiếng là cậy vào điều gì?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Sao lại vui cười
 Hãy nhớ thiêu đốt
 Che lấp tối tăm
 Chi bằng cầu định.
 Thấy thân tốt đẹp
 Dựa cho là an
 Tham đưa đến khổ
 Đâu biết vô thường.
 Già sắc suy hao
 Thân bệnh tiêu tụy
 Da nhăn, thịt nhão
 Cái chết cận kề.*

*Thân chết thân đi
 Như ngôi xe hỏng
 Xương thịt rã rời
 Đâu nương thân được!*

Đức Phật nói kệ xong, bảy vị Tỳ-kheo giác ngộ, không còn vọng tưởng, chứng A-la-hán ngay trước Phật.



Thí dụ 43:

Thuở xưa Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ, vì hàng trời người, để vương thuyết pháp. Lúc ấy, có một thôn Bà-la-môn gồm hơn năm trăm gia đình. Thôn ấy có năm trăm thiếu niên học pháp thuật Bà-la-môn, tánh tình kiêu ngạo cống cao bất kính với các bậc Trưởng lão. Một hôm, năm trăm vị ấy bàn luận với nhau:

– Sa-môn Cù-đàm tự xưng là Phật, đủ Tam minh trí tuệ, không ai dám luận biện. Chúng ta thử mời ông luận nghị, cất vấn mọi điều xem sao?

Nói xong, họ bèn lo sắp xếp đầy đủ mọi chuyện, đi mời Đức Phật về làng.

Đức Phật nhận lời, cùng các đệ tử đến thôn Bà-la-môn. Sau khi đã an tọa, các Bà-la-môn bèn dâng nước rửa tay, rồi thiết trai thỉnh Phật và đệ tử thọ dụng. Thọ trai xong họ lại mang nước đến cho Đức Phật và đại chúng rửa tay, mọi việc rất chu đáo.

Lúc ấy, có hai vợ chồng Bà-la-môn già đang đi

xin giữa thôn, Đức Phật biết ông Bà-la-môn đó giàu có vô số, từng làm quan lớn. Ngài bèn hỏi các Bà-la-môn này:

– Các người có biết vị Bà-la-môn lớn tuổi kia không?

Mọi người đều đáp:

– Có biết.

Đức Phật lại hỏi:

– Ông ta trước đây là người như thế nào?

Đáp:

– Ông ấy vốn là quan lớn, tài sản nhiều vô số.

Hỏi:

– Vậy sao ngày nay ông ta phải đi ăn xin?

Đáp:

– Do ông ăn xài hoang phí, không có độ lượng nên phải chịu nghèo.

Đức Phật bảo:

– Nay các Bà-la-môn, trên đời có bốn việc mà người ta khó mà làm theo. Nếu biết làm theo thì sẽ được phước, không bị nghèo cùng như vậy. Bốn việc đó là gì?

1. Tuổi trẻ khỏe mạnh, cẩn thận chớ nên kiêu mạn.

2. Tuổi già siêng năng, không có tham dâm.

3. Có tiền bạc châu báu thường nghĩ bố thí.

4. Theo thầy học tập, biết nghe nhận lời chân

chánh.

Vị Bà-la-môn lớn tuổi không thực hành theo bốn việc trên. Đây gọi là biết xét đến lẽ thành bại, nên một mai phải chịu tán gia bại sản. Ví như con chim học già đứng canh giữa ao trống, không kiếm chác được chút gì.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Trẻ lười, kiêu mạn
Già chẳng bỏ dâm
Có của không thí
Lời Phật chẳng nghe
Có bốn điều ngăn
Ai có, họa đến
Than ôi! già đến
Theo đó tiêu tụy.
Tuổi trẻ như ý
Đến già bị khinh
Không tu phạm hạnh
Của chẳng còn gì.
Già như chim học trắng
Canh giữ ao không
Đã không giới hạnh
Của cải: trắng tay.
Già khí lực suy
Nghĩ lại sao kịp.
Già như lá thu
Dơ rách hạnh tu
Mạng sống qua mau*

Hỏi hận nào kịp.

Đức Phật lại bảo các Bà-la-môn:

– Trên đời có bốn khoảng thời gian mà ta có thể hành đạo, có phước đắc độ, tránh khỏi các khổ. Đó là bốn thời điểm nào?

1. Lúc trẻ có sức khỏe, oai thế.
2. Lúc giàu sang có tài sản.
3. Lúc gặp được Tam bảo phước điền.
4. Lúc quán xét được lẽ vô thường của vạn vật.

Nếu vào bốn thời điểm trên, biết nỗ lực làm việc, tiến tu thì sẽ thành tựu mọi sở nguyện, chứng đắc đạo quả.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Ngày đêm mạng gần giảm
Nên tinh tấn kịp thời
Thế gian vô thường lắm
Đừng mê đạo tối tăm.
Hãy thắp sáng ý thức
Huấn luyện mình, cầu tuệ
Thanh tịnh, là trần cấu
Cầm đuốc soi đường mê.*

Lúc Đức Phật đang nói, hào quang phóng ra chiếu khắp trời đất. Năm trăm vị Bà-la-môn thiếu niên nhân đó tâm ý khai mở, lông tóc dựng đứng, cùng nhau đánh lễ dưới chân Phật, bạch:

– Chúng con xin quy mạng với Đức Thế Tôn, xin hãy nhận chúng con làm đệ tử.

Đức Phật bảo:

– Lành thay! Hãy lại đây các Tỳ-kheo.

Các vị ấy liền trở thành Sa-môn, chứng đắc đạo quả A-la-hán. Kẻ lớn người nhỏ trong làng đều ân triêm pháp nhũ, thấy được đạo, ai cũng hoan hỷ.



Phẩm 22: ÁI THÂN

Thí dụ 44:

Thuở xưa, có một nước tên là Đa-ma-la. Cách kinh thành bảy dặm có một ngôi tinh xá. Đây là nơi tu học hành đạo của năm trăm vị Sa-môn. Trong đó có một vị Trưởng lão Tỳ-kheo tên là Ma-ha-lư, tâm tánh ám độn, được năm trăm vị Tỳ-kheo dạy bảo, vậy mà suốt mấy năm liền không nhớ được một bài kệ. Trong chúng ai cũng khinh khi, không thèm ở chung. Do vậy vị trưởng lão Tỳ-kheo ấy chỉ coi giữ tinh xá, được sai bảo quét dọn trong ngoài.

Một hôm, vua cung thỉnh các thầy Tỳ-kheo vào cung cúng dường. Tỳ-kheo Ma-ha-lư tự nghĩ: “Ta sinh ra ngu độn, một bài kệ cũng không biết bị người khinh khi, vậy sống có ích gì?”. Nghĩ xong, ông mang dây ra gốc cây sau vườn định treo cổ tự tử. Đức Phật với đạo nhân ở xa thấy việc như vậy, bèn hóa ra vị Thần cây, hiện nửa thân người can ngăn:

– Này Tỳ-kheo kia, sao lại làm thế.

Ma-ha-lư liền trình bày nỗi khổ tâm của mình.

Thọ thần quả trách:

— Ông không nên làm như vậy, hãy nghe lời ta. Thuở Đức Phật Ca-diếp tại thế, ông là vị Tam tạng Pháp sư có năm trăm đệ tử. Song vì ý mình thông minh, khinh chê kẻ khác, lại lần tiếc kinh nghĩa không chịu dạy bảo cho người, cho nên về sau đời đời sinh ra chỗ nào các căn cũng đều ám độn. Vì vậy ông chỉ nên tự trách mình, mà không nên tự sát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền hiện lại thân tướng quang minh, hào quang tỏa chiếu, rồi nói kệ:

*Người biết quý thân
Cẩn thận giữ gìn
Mong trừ các dục
Học đạo chẳng mê.
Kẻ trí quý thân
Luôn gắng tu học
Siêng hành giáo hóa
Tu thân không mệt.
Trước phải sửa mình
Sau mới độ chúng
Điều thân nhập tuệ
Vượt kẻ phàm tình.
Mình chưa lợi ích
Đâu nên lợi ích người
Tâm thuần, hạnh thẳng*

*Nguyên chắc thành tựu.
Nếu trước gây tạo
Sau phải chịu quả
Làm ác phải trả
Như dùi ngọc khéo.*

Tỳ-kheo Ma-ha-lư thấy hào quang của Đức Phật, vui buồn lẫn lộn, xen lẫn sợ sệt vội cúi mình làm lễ dưới chân Phật. Ông tư duy nghĩa lý bài kệ này rồi thoát nhiên nhập định, chứng quả A-la-hán ngay trước Đức Phật. Ông liền biết được mọi việc trong vô số kiếp quá khứ của mình, ba tạng kinh điển nhớ lại nằm lòng.

Đức Phật lại bảo:

– Nay Ma-ha-lư, ông hãy đắp y mang bát vào cung vua thọ trai, ngồi trên năm trăm vị Tỳ-kheo. Năm trăm vị ấy vốn là đệ tử ông đời trước. Sau đó ông thuyết pháp cho họ được chứng đạo quả và khiến cho nhà vua tin hiểu được tội phước.

Ma-ha-lư liền vâng lời Phật dạy, đi thẳng vào cung, ngồi ở tòa trên. Mọi người ai cũng bức mình, lầy lăm lã trước việc như thế. Song vì họ chưa biết ý vua như thế nào, nên không dám khiển trách. Họ chỉ nghĩ ông này thật ngu tối bất thông, sao kham nổi việc thuyết pháp. Thọ trai xong, vua dọn dẹp thức ăn xuống, tự tay rót nước mời chư Tỳ-kheo.

Lúc ấy, Ma-ha-lư liền vì đại chúng thuyết pháp, thanh âm hùng dũng như sấm, lời lẽ thanh tao tuôn

chảy như mưa. Các Tỳ-kheo nghe qua cũng giật mình kinh sợ, hối hận vì đã nghĩ sai về ông. Các Tỳ-kheo nhân đó liền chứng quả A-la-hán. Nhà vua và bá quan được nghe giảng giáo pháp một cách rõ ràng ai cũng chứng được quả Tu-đà-hoàn.



Thí dụ 45:

Thuở Đức Phật còn tại thế, trong nước Xá-vệ có năm trăm vị Bà-la-môn luôn tìm Phật để phỉ báng. Đức Phật với trí tuệ tam minh, thông hiểu hết tâm tánh của chúng sinh. Ngài thương xót muốn độ cho họ. Thật ra, quả chưa chín là do nhân duyên chưa đủ. Tất cả tội phước xảy đến chẳng qua do mình tự tạo nhân duyên rồi tự nhận lấy quả báo. Những vị Bà-la-môn này ngày nay đáng được độ là nhờ chút phước làm đời trước. Nhờ phước đức mới khiến họ được gặp duyên lành.

Lúc ấy năm trăm vị Bà-la-môn cùng nhau bàn:

– Chúng ta nên xúi tên đồ tể giết hại sinh vật đến thỉnh Phật và chư Tăng đến nhà cúng dường. Phật ắt nhận lời và tán thán tên đồ tể. Chúng ta sẽ ra trước Phật chỉ trích chuyện này.

Bấy giờ, người đồ tể đến thỉnh Phật. Đức Phật hứa khả và nói với anh ta:

– Trái chín sẽ tự rụng, phước đến sẽ được độ.

Người đồ tể trở về lo chuẩn bị bữa cúng dường.

Đức Phật cùng các đệ tử vào xóm đồ tể đến nhà người thí chủ này. Các Bà-la-môn thấy thế đều mừng rỡ, cho là hôm nay đã nắm được nhược điểm của Phật. Nếu Đức Phật tán thán phước đức của thí chủ thì họ sẽ đem đầu đuôi việc sát sinh của người đó ra chê bai. Nếu Đức Phật nói nguyên nhân của tội lỗi thuở xưa, họ sẽ đem phước đức của ngày hôm nay ra vắn nạn. Cả hai đường đều bắt bẻ được, nên ai nấy đều lấy làm đắc ý.

Sau khi đến nhà đàn-việt, an tọa, rửa chân tay, thọ trai xong, Đức Phật quán sát tâm tánh của mọi người thấy rằng có thể độ được, liền hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng hào quang chiếu sáng khắp cả thành, rồi dùng phạm âm nói kệ chú nguyện:

*Người sống theo lẽ đạo
Y giáo, chẳng lãng xao
Kẻ ngu đại đồ kỵ
Thấy vậy, ác hại nhau.
Gieo giống đắng, quả đắng
Nhân ác, nào tránh được?
Làm ác chịu tội khổ
Tu thiện hưởng phước lành.
Thiện ác kết quả riêng
Nhân quả lý đương nhiên
Làm thiện sẽ được thiện
Gieo giống ngọt: vui yên.*

Đức Phật nói kệ xong, năm trăm vị Bà-la-môn tâm ý khai ngộ liền đến trước Đức Phật phủ phục

sát đất đánh lễ, rồi chấp tay thưa:

— Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con là những kẻ ngu si ngoan cố, trước giờ chưa hiểu được lời dạy của Bậc Thánh. Nay xin Ngài hãy Từ bi nhận chúng con làm Sa-môn.

Đức Phật hứa khả. Năm trăm vị đó xuất gia thành Tỳ-kheo. Già trẻ trong xóm làm nghề đồ tể thấy thần thông của Đức Phật ai cũng hoan hỷ, đều được đạo quả. Từ đó người trong xóm được xưng là bậc Hiền thánh không còn tên gọi đồ tể nữa. Đức Phật thọ trai xong, trở về tịnh xá.



Phẩm 23: THẾ TỤC

Thí dụ 46:

Thuở xưa, có một vị vua dòng Bà-la-môn tên là Đa Vị Tả, phụng thờ chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Bỗng một hôm vua phát khởi thiện tâm, muốn làm việc bố thí theo pháp Bà-la-môn. Vua cho chất của thất bảo nhiều như núi, rồi đem ra bố thí. Người nào đến xin được phép lấy một nắm thất bảo. Vua bố thí như vậy mấy ngày mà số châu báu không giảm.

Đức Phật biết vị vua này được phước duyên đời trước có thể hóa độ. Ngài liền hóa thành một vị Bà-la-môn đến nước đó. Vua thấy Bà-la-môn đến liền ra đón tiếp. Sau khi chào hỏi xong, vua bèn đứng

dậy nói:

– Ngài có yêu cầu gì xin cứ nói ra, chớ có nghi nan.

Vị Bà-la-môn thưa:

– Tôi từ xa đến, muốn xin châu báu để xây cất nhà cửa.

Vua đáp:

– Tốt lắm, ông hãy tự bốc lấy một nắm châu báu rồi đi.

Bà-la-môn liền bốc lấy một nắm. Ông đi bảy bước rồi quay lại trả về chỗ cũ. Vua hỏi:

– Sao ông không lấy?

Vị Bà-la-môn đáp:

– Bao nhiêu đây chỉ đủ xây nhà cửa thôi, nếu dùng để cưới vợ thì lại không đủ. Cho nên tôi không lấy.

Vua nói:

– Vậy ông hãy lấy ba nắm châu báu.

Vị Bà-la-môn liền y lời lấy ba nắm. Song ông cũng chỉ bảy bước, rồi quay lại trả. Vua hỏi:

– Vì sao ông trả lại?

Vị Bà-la-môn đáp:

– Bao nhiêu đây chỉ đủ xây nhà, cưới vợ, xong còn ruộng đất, nô tỳ, trâu ngựa thì không đủ để sắm. Vì vậy tôi không lấy.

Vua bảo:

– Vậy ông hãy lấy bảy năm châu báu.

Vị Bà-la-môn lấy bảy năm châu báu ra đi. Song cũng chỉ bảy bước, rồi trở lại trả. Vua hỏi:

– Sao lại như vậy?

Vị Bà-la-môn đáp:

– Nếu có con trai con gái, phải dựng vợ, gả chồng cho nó, chi phí mọi chuyện tính ra số châu báu trên không đủ chi dùng, cho nên không nên lấy.

Vua bảo:

– Vậy ông lấy hết số châu báu này chi dụng cho những việc trên.

Vị Bà-la-môn nhận lấy rồi đem lại chỗ cũ. Vua vô cùng ngạc nhiên, hỏi ông tại sao.

Vị Bà-la-môn thưa:

– Xưa nay kẻ ăn xin là để kiếm sống. Song xét kỹ ra, mạng người ở đời nào có bao lâu, vạn vật vô thường sớm còn tối mất. Nhân duyên càng nặng, ngày khổ lụy càng dài, của cải chứa đầy như núi không ích chi cho mình. Tham dục mưu đồ danh lợi uổng tự chuốt lấy khổ đau. Sao bằng dứt tâm tham cầu, học đạo vô vi. Tôi vì suy nghĩ như vậy cho nên không lấy.

Vua nghe được những lời này, tâm ý bỗng nhiên khai ngộ, nguyện vâng theo lời dạy sáng suốt này.

Lúc đó vị Bà-la-môn hiện lại thân Phật, quang

minh rực rỡ, bay vọt lên trụ giữa hư không vì vua nói kệ:

*Dù đời đây trần bảo
Chát đến tận trời cao
Vẫn không bằng thấy đạo
Giàu sang sánh được nào!
Bất thiện tưởng là thiện
Ái ngã là không ái
Lại lấy khổ làm vui
Chỗ kẻ ngu bị hại.*

Bấy giờ quốc vương thấy hào quang Đức Phật chiếu khắp đất trời, lại nghe bài kệ này nên vô cùng hoan hỷ. Vua và quần thần liền thọ Ngũ giới, đắc quả Tu-đà-hoàn.



Phẩm 24: THUẬT PHẬT

Thí dụ 47:

Thuở xưa, Đức Phật ngồi dưới cội cây Bồ-đề, hàng phục chúng ma, chứng thành đạo quả nơi đạo tràng Thiện thắng nước Ma-kiệt-đề. Ngài tự tư duy: “Chánh pháp cam lộ ngày nay đã thấm nhuần khắp tam thiên thế giới. Nhớ thuở xưa, lúc Ta còn đang tu khổ hạnh, phụ vương đã sai năm người cúng dường các thứ ngũ cốc và hầu hạ Ta rất có công lao. Nay Ta nên trả ân cho họ.”

Năm vị ấy hiện nay đang ở nước Ba-la-nại. Cho

nên Đức Như Lai đứng dậy rời khỏi tòa đi đến nước đó. Đức Như Lai với tướng hảo trang nghiêm, từ quang tỏa chiếu khắp đất trời, oai thần chấn động, khiến ai cũng sinh lòng hoan hỷ. Trên đường đi, Ngài gặp một Bà-la-môn tên là Ưu Hộ. Ông này đã từ bỏ quyền thuộc, gia đình đang tìm thầy học đạo. Ông trông thấy tôn dung vi diệu của Đức Thế Tôn vừa kinh ngạc vừa hoan hỷ, dừng lại bên đường, cất tiếng khen:

– Vị ấy đức độ cảm người, oai nghi đỉnh đặc, không biết theo học với vị thầy nào mà được nghi dung như thế?

Đức Phật nghe vậy, liền đọc lên một bài kệ để trả lời:

*Tự giác Bát chánh đạo
Nơi đời, không ô nhiễm
Phá lưới dục, dứt ái
Ta không học với ai.
Hạnh Ta không thầy dạy
Chỉ Ta khác mọi người
Duy nhất được thành Phật
Từ đây đường Thánh mở.*

Ưu Hộ nghe kệ bỗng thấy buồn bã, hỏi Đức Thế Tôn định đi về đâu. Ngài đáp:

– Ta định đến nước Ba-la-nại chuyển Vô thượng pháp luân, đem giáo pháp cam lộ lợi ích cho chúng sinh. Trong ba cõi chưa từng có ai

chuyển đại pháp luân giúp chúng sinh thể nhập Niết-bàn như Ta hiện nay.

Bà-la-môn Ưu Hộ nghe vậy mừng rỡ nói:

– Lành thay! Lành thay! Nếu đúng như lời Ngài nói, sau này rảnh rồi tôi sẽ đến nghe pháp mầu.

Vị Bà-la-môn nói xong vòng tay chào Phật rồi bỏ đi. Trên đường đến chỗ thầy học đạo, ông tá túc tại một nơi ngủ qua đêm. Đêm đó ông bỗng nhiên qua đời. Đức Phật dùng đạo nhãn thấy rõ việc này rất thương xót nói:

– Thế gian ngu si cho là mạng sống trường tồn, gặp được Phật lại bỏ đi, kế chịu mất mạng. Trống pháp vang rền mà họ không được nghe. Vị cam lộ diệt khổ mà họ không được nếm. Do đó, vòng sinh tử cứ tiếp nối vô tận, trôi lăn mãi trong năm đường, không biết kiếp nào họ mới được độ.

Kế đó, Đức Phật từ mẫn nói kệ:

Ngộ chân lý, thanh tịnh

Thoát khỏi vòng sinh tử

Phật ra đời soi sáng

Trừ ưu khổ hữu tình.

Khó thay, sinh làm người

Khó thay, được sống thọ

Khó thay, đời gặp Phật

Khó thay, được nghe pháp.

Lúc Đức Phật nói kệ này, năm trăm chư Thiên giữa hư không được nghe pháp mầu vô cùng hoan

hỷ, chứng được quả Tu-đà-hoàn.



Phẩm 25: AN NINH

Thí dụ 48:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại thành La-duyệt-kỳ. Cách phía Đông nam thành này ba trăm dặm, có một làng dân sơn cước, gồm hơn năm trăm gia đình. Dân làng này tánh tình cứng cỏi khó có thể giáo hóa. Song nhờ họ có phước duyên đời trước nên nay mới được Phật độ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hóa làm một vị Sa-môn đến làng đó khát thực. Khát thực xong, Ngài ra ngoài làng đến ngồi dưới một cội cây nhập vào định Nê-hoàn, không thở, không động đậy suốt bảy ngày. người làng thấy vậy cho là đã chết, nên bảo với nhau: “Ông Sa-môn này đã chết chúng ta nên đem chôn cất.” Do đó, họ mang củi đến để thiêu. Sau khi củi tắt hết Đức Phật từ chỗ ngồi đứng dậy hiện thân thông giáo hóa, quang minh tỏa chiếu chuyển động mười phương. Hiện thân thông xong, Ngài lại ngồi xuống chỗ cũ, dung mạo an định, từ hòa. Người trong làng nhỏ ai cũng hết sức kinh sợ vội dập đầu tạ lỗi:

— Người sơn dã chúng con ngu độn, không biết là Thần nhân đã càn rỡ đem củi đến thiêu Ngài khi còn sống. Chúng con tự nghĩ tội mình nặng hơn núi

Thái sơn. Xin Ngài hãy Từ bi tha thứ đừng oán trách. Không biết Thần nhân có an lành không? Có buồn lo, đói khát, nóng bức chăng?”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ hòa mỉm cười nói kệ:

*Ta đã an tịnh
Không có oán hờn
Giữa người hờn oán
Ta không oán hờn.
Ta đã an tịnh
Không còn bệnh nảo
Giữa người bệnh hoạn
Ta không nảo bệnh.
Ta đã an tịnh
Không còn lo buồn
Giữa người lo buồn
Ta không buồn lo.
Ta được an tịnh
Thanh tịnh vô vi
Hưởng vị an lạc
Như trời Quang âm.
Ta đã an tịnh
Vô sự và lặng trong
Dầu lửa thế gian
Không thiêu Ta được.*

Lúc đó, năm trăm người dân trong làng nghe kệ xong đều xin làm Sa-môn, tu chứng được quả A-la-hán. Người trong làng lớn nhỏ đều tin Tam bảo. Đức Phật cùng năm trăm vị Sa-môn này bay về

ting xá Trúc lâm. Hiền giả A-nan thấy Đức Phật và các vị A-la-hán cùng đến vội ra trước Phật bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, những vị Tỳ-kheo này có phước đức gì đặc biệt mà được Đức Thế Tôn đích thân đến hóa độ.

Đức Phật bảo:

– Nay A-nan, thuở Ta chưa thành Phật, có một vị Bích-chi-phật trú tại núi đó. Một hôm vị ấy ngồi dưới một cội cây cách làng không xa định nhập Niết-bàn. Vị ấy hiện thần thông xong liền nhập diệt. Người trong làng mang củi lửa đến để thiêu, rồi gom lấy xá-lợi đựng trong bình báu chôn trên đỉnh núi. Mọi người cùng nhau nguyện đời sau được đắc đạo, có thể an lạc diệt độ như vị Sa-môn này. Nhờ nhân duyên phước đức đó mà ngày nay họ có thể đắc đạo và Đức Như Lai mới đích thân đến để độ họ.

Đức Phật nói xong, vô số trời người nhân đó được đắc đạo quả.



Thí dụ 49:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có bốn vị Tỳ-kheo ngồi dưới một cội cây cùng bàn với nhau về việc trên đời này, cái gì khổ nhất. Một người nói:

– Cái khổ trong đời không gì hơn dâm dục.

Một người khác nói:

– Sân hận mới là cái khổ lớn nhất.

Người thứ ba bảo:

– Đói khát là cái khổ lớn nhất.

Người còn lại bảo:

– Kinh sợ mới là cái khổ lớn nhất.

Vì bất đồng ý kiến, họ cứ tranh luận mãi với nhau về ý nghĩa của chữ khổ không dứt.

Đức Phật biết việc này bèn đến đó hỏi:

– Các ông đang tranh luận với nhau về việc gì?

Các Tỳ-kheo liền đứng dậy làm lễ, trình bày những điều đang bàn luận.

Đức Phật bảo:

– Nay các Tỳ-kheo, các ông đang bàn luận chưa cùng tột hết ý nghĩa của chữ khổ. Cái khổ trong đời không gì hơn có thân. Tất cả việc đói khát, nóng lạnh, sân hận, kinh sợ, sắc dục, oán họa đều do có thân. Thân là gốc cái khổ, nguồn tai họa, gây nên lao tâm mệt trí, lo sợ đủ điều. Vì nó mà chúng sinh trong tam giới máy cựa tàn hại lẫn nhau. Chấp ngã buộc ràng, sinh tử không dứt đều do nơi thân. Vì vậy muốn xa lìa được cái khổ trong đời phải cầu tịch diệt. Nếu nhiếp tâm giữ gìn theo đạo chánh, không khởi những vọng tưởng sai lầm có thể đạt được Niết-bàn. Đây chính là chỗ vui nhất.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Nóng không gì hơn dâm
Độc không gì hơn giận*

*Khổ không gì hơn thân
 Vui, Niết-bàn trên hết.
 Không ham mê vui nhỏ
 Luận nhỏ và tuệ nhỏ
 Xét tìm điều to lớn
 Mới được an lạc lớn.
 Ta là Bạc Thế Tôn
 Giải thoát không ưu não
 Đi thẳng qua ba cõi
 Hàng phục được chúng ma.*

Đức Phật nói kệ xong, bảo các Tỳ-kheo:

– Cách đây vô số kiếp về thuở quá khứ, có một vị Tỳ-kheo đã đắc ngũ thông tên là Tinh Tấn Lực tu tịch tịnh dưới gốc cây trong núi cầu đắc đạo. Lúc ấy có bốn loại chim thú nương theo bên cạnh, nên cũng được an ổn. Đó là bồ câu, quạ, rắn độc và nai. Bốn con này ban ngày đi kiếm ăn, đêm lại trở về một chỗ. Có một đêm bốn con lại tự hỏi với nhau: “Trong đời điều gì là khổ nhất?”. Quạ bảo: “Đói khát là khổ nhất, vì đói khát thân yếu mất mồi, tinh thần bất an, lao mình vào lưới, không ngại gươm đao. Chúng tôi sợ dĩ mất mạng do đây mà ra. Vì vậy nên đói khát là khôn khổ nhất.”

Chim bồ câu nói: “Dâm dục là khổ nhất. Sắc dục lòng lấy che mờ tâm tánh. Nó khiến người ta bị nguy thân mất mạng.”

Rắn độc bảo: “Nóng giận là khổ nhất. Ý độc ác

vừa dấy khởi thì không kể gì thân sơ, có thể giết người cũng có thể giết mình.”

Nai nói: “Sợ hãi là khổ nhất. Bọn tôi đi trong rừng hoang tâm luôn bất an, sợ gặp thợ săn và lũ sài lang. Hơi nghe động dậy đã phóng mình chạy, có lúc phải sa xuống hố, nên mẹ con phải bỏ nhau, sợ nát gan vỡ mật. Do đó sợ hãi là khổ nhất.”

Vị Tỳ-kheo đó nghe vậy liền bảo với bọn chúng: “Chỗ các người bàn luận chỉ là ngọn ngành, mà chưa xét đến được cái gốc của khổ. Cái khổ trong đời không có gì hơn thân. Thân là món đồ chứa khổ, lo sợ vô lượng. Ta vì lẽ này mà xả tục học đạo, điều phục vọng tưởng, không tham chấp tứ đại. Muốn chấm dứt gốc khổ phải để tâm nơi Niết-bàn. Đạo Niết-bàn vắng lặng không hình, mãi mãi không có ưu hoạn, là chỗ đại an lạc.”

Bốn con vật nghe xong, tâm ý mở tỏ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Vị Tỳ-kheo ấy chính là Ta ngày nay. Bốn con vật thuở đó chính là bốn vị các người. Đời trước các vị đã từng nghe được ý nghĩa của gốc khổ, sao hôm nay lại còn tranh cãi như thế!

Các Tỳ-kheo nghe xong hổ thẹn tự trách, đặc quả A-la-hán ngay trước Phật.



Phẩm 26: HIẾU HỖ

Thí dụ 50:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ. Lúc ấy, có bốn vị tân học Tỳ-kheo đưa nhau đến một gốc cây nài để tọa thiền hành đạo. Cây nài đang mùa nở hoa, sắc hoa tươi đẹp, hương hoa nồng nàn. Nhân đó bốn vị Tỳ-kheo bàn với nhau về việc vạn vật trên đời, điều gì khả ái, hoan lạc hơn cả?

Một người nói:

— Vào tháng trọng xuân cỏ cây xanh tốt, hoa tươi khoe sắc, nếu được dạo chơi đây đó ngoài đồng nội thật là điều vui nhất.

Người thứ hai nói:

— Bà con hội họp, chén tạc chén thù, tai được nghe âm nhạc, mắt thưởng thức múa ca, đó mới là vui nhất.

Người thứ ba nói:

— Tiền của có thật nhiều, cần gì có nấy. Xe ngựa quần áo, đồ trang sức thật lộng lẫy hơn hẳn mọi người. Ra vào sang trọng khiến mọi người phải trở mắt nhìn. Đó mới thật là vui nhất.

Người thứ tư nói:

— Vợ đẹp, hậu non với lựa là gấm vóc, son phấn ngát hương khiến cho ta có thể mặc tình vui chơi. Đây mới là vui nhất.

Đức Phật biết bốn vị Tỳ-kheo này có thể độ

được, chẳng qua thất niệm để tâm ý dong ruỗi theo lục dục mà không xét đến lẽ vô thường. Ngài bèn gọi bốn vị đó lại hỏi:

– Các ông ngồi dưới cội cây đang luận bàn chuyện gì?

Bốn vị ấy thành thật kể lại hết những điều đã bàn luận về thú vui.

Đức Phật bảo:

– Những điều các ông bàn luận toàn là con đường đưa đến lo sợ, oán thù, bại vong, không phải là pháp mãi mãi an ổn, tuyệt đối an vui. Các ông phải suy xét rằng vạn vật xuân thì tươi tốt, sang thu đông lại tàn tạ. Bà con sum vầy vui vẻ rồi phải chịu cảnh chia ly. Tài sản xe ngựa là của chung năm nhà. Thê thiếp xinh đẹp là đầu mối yêu ghét. Kẻ phàm phu ở đời cứ luôn chuốc lấy tai họa nguy thân diệt tộc, nên lo sợ dẫy đầy. Ba đường tám nạn, muôn mối khổ đau đều do đây mà ra. Vì vậy bậc Tỷ-kheo xả tục cầu đạo, chí hướng vô vi không tham danh lợi sẽ tự nhiên đạt đến Niết-bàn. Đây mới chính là chỗ tuyệt đối là an vui.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ham vui sinh lo

Ham vui sinh sợ

Nếu không ham vui

Đâu còn lo và sợ.

Ham lạc sinh lo

*Ham lạc sinh sợ
Nếu không ham lạc
Đâu còn sợ lo.
Tham dục sinh lo
Tham dục sinh sợ
Thoát không tham dục
Đâu còn sợ lo.
Người được không tham
Chỉ thành biết thẹn
Tu hành gần đạo
Được người kính yêu.
Tham dục không khởi
Nghĩ đúng mới nói
Tâm không tham ái
Cắt dòng sinh tử.*

Đức Phật bảo bốn vị Tỳ-kheo:

– Thuở xưa, có một vị vua tên là Phổ An. Ông kết bạn với bốn ông vua nước lân cận. Một hôm ông mời bốn ông vua bạn sang dự yến tiệc suốt một tháng, với đủ các món ăn uống ngon lạ, các trò giải trí vui vẻ không gì bằng. Đến ngày chia tay, vua Phổ An mới hỏi bốn ông vua bạn rằng: “Người ta sống trên đời cái gì là vui nhất?”

Một ông đáp: “Đạo chơi là vui nhất.”

Ông thứ hai nói: “Thân thuộc hôn hợp, đàn ca xướng hát là vui nhất.”

Ông thứ ba nói: “Của cải thật nhiều, muốn gì

thỏa nấy là vui nhất.”

Ông cuối cùng nói: “Ái dục được mặc tình thỏa mãn là điều vui nhất.”

Vua Phổ An bảo: “Những điều các ông nói là gốc của khổ não, là nguồn của lo sợ, vui trước sau khổ. Sầu bi muôn mối đều do đây mà ra. Chi bằng tịch tĩnh, vô cầu vô dục, đàm bạc thủ đạo là an vui nhất.”

Bốn ông nghe xong vui mừng tin hiểu hết lời tán thán.

Đức Phật bảo bốn vị Tỳ-kheo:

– Vua Phổ An thuở đó chính là Ta ngày nay, còn bốn vị vua bạn là bốn người các ông. Thuở xưa ta đã vì các ông giảng rõ mà nay vẫn chưa thông hiểu. Sinh tử mênh mang biết ngày nào mới chấm dứt!

Bốn vị Tỳ-kheo một lần nữa được nghe pháp nghĩa này, hồ thẹn ăn năn, tâm chợt khai ngộ, vọng tưởng chấm dứt, tham dục không còn, chứng quả A-la-hán.



Phẩm 27: PHÃN NỘ

Thí dụ 51:

Thuở xưa, Đức Phật trú trong núi Kỳ-xà-quật tại thành La-duyệt-kỳ. Lúc đó Điều-đạt và vua A-xà-thế bàn nhau tìm cách hại Phật và chúng Tăng.

Vua lệnh cho dân chúng không phụng thờ Đức Phật. Chúng Tăng khát thực không được cúng dường. Lúc ấy, các vị Trưởng lão như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Tu-bồ-đề... và các Trưởng lão Ni như Ba-hòa-đề... đều dẫn đệ tử đi đến các nước khác, chỉ còn Đức Phật và năm trăm vị A-la-hán trú tại núi Kỳ-xà-quật.

Ông Điều-đạt đến chỗ vua A-xà-thế bàn:

– Các đệ tử của Phật nay đã tản đi cả, chỉ còn năm trăm vị gần kề. Xin vua ngày mai mời Phật vào thành, tôi sẽ cho năm trăm thớt voi lớn uống rượu say, rồi thả ra để đạp chết Phật và đệ tử, dứt tuyệt mầm mống. Tôi sẽ làm Phật giáo hóa thế gian.

Vua A-xà-thế nghe nói vui mừng đồng ý, liền đến chỗ Đức Phật cúi đầu làm lễ thưa:

– Ngày mai tôi có sắp đặt buổi cúng dường đạm bạc, thỉnh Phật và chúng đệ tử hoan hỷ vào thọ thực trong cung.

Đức Phật tuy biết rõ âm mưu vẫn đáp:

– Lành thay! Sáng mai Ta sẽ đến.

Vua chào ra về, nói lại với Điều-đạt rằng Đức Phật đã nhận lời mời, nên sắp đặt trước cho voi uống rượu say chờ cơ hội ra tay.

Hôm sau, vào giờ thọ thực Đức Phật cùng năm trăm vị A-la-hán đi vào thành. Bỗng một bầy voi say năm trăm con gầm rống cát vùi xông đến,

tường vách bị húc đổ, cây cối gãy rạp, người đi đường hãi sợ, cả thành hỗn loạn kinh hoàng. Lúc ấy năm trăm vị A-la-hán liền bay lên hư không, chỉ có A-nan đứng bên cạnh Đức Phật. Bầy voi say xông đến chỗ Phật. Ngài liền giơ bàn tay lên, năm ngón tay tức thời hóa thành năm trăm sư tử chúa, đồng thanh rống lớn chấn động khắp đất trời. Đàn voi say chột khựng lại, quỳ xuống sát đất không dám ngẩng đầu, cơn say dứt hẳn rơi lệ ăn năn.

Trước hiện trạng này vua và thần dân vô cùng kinh ngạc, thán phục.

Đức Thế Tôn khoan thai bước vào cung điện, cùng các vị A-la-hán thọ trai. Thọ trai xong Đức Phật vì vua mà ban lời chú nguyện.

Nhà vua lúc đó mới bạch Phật:

– Con vì tâm tánh u tối mới tin nghe theo lời sàm báng, gây tạo nghịch ác, mưu đồ bất chánh. Xin Ngài hãy rửa lòng Từ bi tha thứ cho sự ngu mê của con.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với vua A-xà-thế và đại chúng: “Trên đời có tám việc gây ra phỉ báng. Xét ra, nó đều do ham danh dự và tham lợi dưỡng mà gây đại tội, muôn kiếp không dứt. Thế nào là tám? Đó là: Lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc. Từ xưa đến nay ít ai không mê hoặc.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Bị người nói xấu

*Xưa nay vẫn vậy
 Nói nhiều bị chê
 Trì độn bị chê
 Vừa phải cũng chê
 Không ai tránh khỏi.
 Phàm phu tham dục
 Không thể công minh
 Chê đó, khen đó
 Chỉ do danh lợi
 Chỉ bậc Minh triết
 Khen đúng hiền tài.
 Người trí giữ giới
 Không chỗ gièm chê
 Như La-hán tịnh
 Không ai vu báng
 Chư Thiên tán thán
 Phạm, Thích kính tôn.*

Đức Phật nói kệ xong, lại kể với vua:

– Thuở xưa có một vị vua thích ăn thịt chim nhạn. Ông sai thợ săn mỗi ngày giăng lưới bắt nhạn, cung cấp một con cho vua ăn.

Một hôm, có con chim nhạn chúa dẫn theo năm trăm con khác bay xuống kiếm ăn. Nhạn chúa vương lưới, cả đàn hoảng kinh bay vọt trở lên. Song trông thấy nhạn chúa bị bắt, cả đàn cứ bay lượn trên không bịn rịn không chịu bỏ đi. Trong đó có một con bay sát theo nhạn chúa, bất kể cung tên nguy hiểm, thốt ra tiếng kêu bi thương, mồm tứa

máu tươi, ngày đêm không ngừng. Thấy tình nghĩa của chim nhận như vậy, người thợ săn cảm động bèn thả chim ra.

Thấy chim được thả, cả đàn vô cùng mừng rỡ bay lượn vòng quanh nó.

Lúc ấy người thợ săn tâu lên vua mọi việc. Vua nghe xong rất cảm động, đã từ bỏ ý định ăn thịt chim.

Đức Phật kể xong, bảo với A-xà-thế:

– Con chim nhận chúa thưởng đó, chính là Ta ngày nay. Con chim bay theo là A-nan. Còn đàn chim nhận năm trăm con là năm trăm vị A-la-hán hiện giờ. Ông vua thích ăn thịt chim nhận chính là vua, còn người thợ săn là Điều-đạt vậy. Ông ấy từ nhiều đời đến nay luôn tìm cách hại Ta. Ta nhờ sức đại từ nên được an ổn. Ta không chấp kẻ oán nên được thành Phật.

Nghe Đức Phật dạy xong, vua và quần thần ai cũng khai ngộ.



Phẩm 28: TRẦN CẦU

Thí dụ 52:

Thuở xưa, có một người là con một, không anh em. Từ nhỏ anh được mẹ cưng chiều hết lòng lo cho ăn học, mong mỗi sau này anh được nên người. Cha mẹ đưa anh đến các bậc thầy giỏi bạn tốt và

khuyên anh gắng học. Song thuở ấy anh lại ngêngh ngang ham chơi, không chịu để tâm học hỏi. Anh sáng theo học, chiều đã bỏ, không ngó ngang gì đến sách vở, nên đã bao năm rồi mà dốt vẫn hoàn dốt. Thấy vậy, cha mẹ gọi anh về giao việc trông coi nhà cửa, làm ăn buôn bán.

Song quen thói ăn chơi lêu lổng, không chịu siêng năng làm việc, chẳng bao lâu nhà cửa suy sụp. Riêng anh cứ mặc tình tiêu xài, bán hết lúa thóc, rồi lại bán luôn vật dụng trong nhà để thỏa mãn ý thích của mình. Sống đời nghèo khổ, bê tha như vậy, anh suốt ngày đầu tóc rối bù, áo quần dơ bẩn, chân không mang dép la cà khắp nơi. Tánh tình anh lại xan tham, thô lỗ, ngu si không biết sĩ diện. Cho nên ai cũng khinh ghét, gọi anh là tên hung ác, không thềm nói chuyện. Trước tình trạng đó, anh đã không biết lỗi còn trở lại trách cứ mọi người. Trước hết anh oán cha mẹ, kế lại trách thầy bạn. Anh trách tổ tiên, thần linh không chịu giúp đỡ khiến anh ra nông nổi này, có lẽ đến chỗ Phật nhờ giúp sẽ hưởng được phước.

Nghĩ xong, anh bèn đến chỗ Đức Phật làm lễ, rồi ra trước bạch rằng:

– Đạo của Đức Phật bao la, dung chứa tất cả. Nay con xin làm đệ tử, mong Phật chấp nhận.

Đức Phật bảo:

– Phạm người muốn cầu đạo, phải tu hạnh

thanh tịnh. Nay ông mang những cầu nhiễm trần tục vào trong đạo, chỉ nhọc công nào có lợi ích gì! Chi bằng ông hãy trở về lo hiếu kính phụng thờ cha mẹ, hết lòng học hỏi thầy bạn, gắng sức gây dựng gia nghiệp trở nên giàu có yên vui, lấy lễ nghĩa để sửa mình, không làm những điều bất chánh. Ông hãy tắm gội ăn mặc sạch sẽ, cẩn thận lời nói hành động, giữ lòng chuyên nhất lo làm ăn, siêng năng tu sửa thì sẽ được mọi người yêu mến. Ông làm được những việc như thế mới có thể học đạo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Không đọc tụng: lời dơ
Không siêng năng: nhà dơ
Không trang nghiêm: sắc dơ
Còn phóng dật: việc dơ.
Keo bản dơ tuệ thí
Bất thiện dơ thiện hạnh
Ác pháp là vết dơ
Đời này và đời sau.
Dơ trong các thứ dơ
Ngu si là hơn cả
Tu học dứt ngu si
Thành Tỳ-kheo vô cầu.*

Người đó nghe kệ tự biết mình trước đây kiêu mạn ngu si, vâng theo lời Phật dạy hoan hỷ trở về nhà. Anh từ đó luôn tư duy quán xét ý nghĩa của bài kệ để cải đổi lỗi lầm, làm lại cuộc đời. Anh trở

nên biết hiếu thảo cha mẹ, tôn kính sư trưởng, siêng đọc kinh sách, gắng lo gia nghiệp, khép mình giữ giới không làm điều trái đạo. Do vậy, bà con làng xóm đều ngợi khen, tiếng lành đồn xa cả nước đều xem anh là người hiền.

Ba năm sau, anh trở lại chỗ Đức Phật, cúi mình đánh lễ, thành khăn bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, Bạc Thầy tôn kính chí chân đã độ con nên người, bỏ ác làm lành, trên dưới đều được an vui. Xin Ngài hãy rủ lòng Từ bi tiếp độ cho con được xuất gia học đạo.

Đức Phật đáp:

– Lành thay!

Râu tóc của người đó liền tự rụng thành tướng Sa-môn. Nhờ tư duy thiền quán lý Tứ đế, ngày càng nỗ lực tinh tấn, chẳng bao lâu người ấy đã chứng được quả A-la-hán.



Phẩm 29: PHỤNG TRÌ

Thí dụ 53:

Thuở xưa, có một vị Trưởng lão Bà-la-môn tên Tát-giá-ni-kiền, thông minh tài giỏi vào bậc nhất trong nước. Ông có năm trăm người đệ tử thường xuyên theo học. Do vậy công cao tự đại không xem thiên hạ ra gì. Ông thường lấy lá sắt mỏng quấn quanh bụng. Người ta ấy làm lạ hỏi, ông đáp:

– Tôi sợ trí tuệ tràn ra ngoài nên mới làm như thế!

Một hôm ông nghe có Phật ra đời, việc giáo hóa đạo hết sức thành công, nên sinh tâm đồ kỵ, trần trọc không yên. Ông nói với các đệ tử:

– Ta nghe Sa-môn Cù-đàm tự xưng là Phật, nay ta sẽ đến đó hỏi những việc sâu xa vi diệu, khiến ông ta bối rối không biết đường trả lời.

Nói xong, ông cùng chúng đệ tử đến tinh xá Kỳ hoàn, đứng ở ngoài cổng. Từ xa, trông thấy từ dung Thế Tôn rực rỡ uy nghiêm như vàng mặt trời mới mọc, ông bỗng sinh tâm hoan hỷ xen lẫn kính sợ, liền rẽ đám đông đi thẳng đến trước Phật làm lễ. Đức Phật bảo ông ngồi. Ngồi xong, ông thưa với Phật:

– Cái gì gọi là đạo? Điều gì gọi là trí? Sao gọi là Trưởng lão? Sao gọi là đoan chánh? Sao gọi là Sa-môn? Sao gọi là Tỳ-kheo? Sao gọi là hiền minh? Sao gọi là có đạo? Sao gọi là vâng giữ giới? Nếu như Ngài trả lời được, tôi xin làm đệ tử.

Bấy giờ Đức Thế Tôn xét theo căn cơ của ông, dùng kệ đáp rằng:

*Thường từ mẫn hiếu học
Tâm chân chánh tu hành
Chỉ giữ gìn tuệ báu
Đây chính gọi là Đạo.
Gọi là người có chí*

Không cần biện luận
Ai tự tại, vô úy
Làm lành là bậc Trí.
Gọi là bậc Trưởng lão
Không phải do tuổi cao
Thân già và tóc bạc
Hạng xuẩn ngu khác nào.
Ai noi theo chánh pháp
Từ bi, đạo đức cao
Sáng suốt lại thanh tịnh
Xứng đáng xưng Trưởng lão.
Người gọi là đoan chánh
Không phải đẹp như hoa
Không tham lam, tật đố
Nói và làm trái xa.
Ai bỏ được điều ác
Dứt tận đến nguồn cơn
Trí tuệ, không giận hờn
Mới là người đoan chánh.
Gọi là bậc Sa-môn
Không phải do cạo tóc
Nếu vọng ngữ tham lam
Khác chi hạng phàm tục?
Ai dứt được điều ác
Mở rộng đạo nhiệm màu
Tâm ý không vọng tưởng
Chính thật bậc Sa-môn.
Gọi là bậc Tỳ-kheo

Không phải đi khát thực
 Tà hạnh không cúng thí
 Chỉ là cầu danh suông.
 Ai dứt bỏ tội nghiệp
 Thanh tịnh tu phạm hạnh
 Trí tuệ phá được ác
 Chính thật bậc Tỳ-kheo.
 Gọi là bậc Hiền minh
 Chẳng phải im không nói
 Nếu dụng tâm không khéo
 Làm dáng bên ngoài thôi.
 Ai giữ lòng vô vi
 Hạnh thanh tịnh, vô chấp
 Tâm bĩ thử vắng lặng
 Chính thật bậc Hiền minh.
 Gọi là bậc có đạo
 Không riêng cứu một ai
 Cứu giúp cho tất cả
 Không hại kẻ vô đạo.
 Người phụng trì chánh pháp
 Không phải tụng, nói nhiều
 Tuy là nghe học ít
 Biết y pháp hành trì
 Giữ đạo không quên lãng
 Đó là trì pháp tạng.

Tát-giá-ni-kiền và năm trăm đệ tử nghe kệ
 xong, tâm hoan hỷ khai ngộ, không còn kiêu mạn
 đều xuất gia làm Sa-môn. Riêng Ni-kiền phát tâm

Bồ-tát, còn năm trăm đệ tử đều chứng quả A-la-hán.



Phẩm 30: ĐẠO HẠNH

Thí dụ 54:

Thuở xưa, có một vị Bà-la-môn xuất gia học đạo từ nhỏ, đến năm sáu mươi tuổi vẫn chưa đắc đạo. Theo pháp Bà-la-môn, đến tuổi này chưa đắc đạo thì trở về lấy vợ làm ăn. Ông này cũng như vậy, trở về lập gia đình, sinh được một đứa con trai khôi ngô dễ mến. Lớn lên cậu ta tỏ ra thông minh hơn người, học hành giỏi giang, biện luận lưu loát. Đến năm bảy tuổi, vào một đêm cậu ta bỗng lâm bệnh nặng, đột ngột qua đời. Ông Bà-la-môn đau buồn khôn xiết, cứ phủ phục ôm xác con than khóc đến ngất đi tỉnh lại. Thân tộc thấy thế tìm lời khuyên ngăn, giành lấy xác đứa bé tắm liệm rồi đem chôn ngoài thành.

Ông Bà-la-môn tự nghĩ: “Ta nay kêu khóc nào có ích gì? Chi bằng hãy đến chỗ vua Diêm-la đòi mạng con mình lại.” Nghĩ xong, ông tắm gội trai giới, chuẩn bị hành lý mang hương hoa rời nhà ra đi. Đến đâu ông cũng hỏi chỗ ở của vua Diêm-la, như thế cứ đi mãi suốt mấy ngàn dặm. Một hôm, ông đến một vùng núi sâu, gặp các Bà-la-môn đắc đạo hỏi thăm.

Các Bà-la-môn hỏi:

– Ông hỏi thăm chỗ vua Diêm-la là muốn cầu điều gì?

Đáp:

– Tôi có một con trai thông minh, biện bác hơn người. Thế mà gần đây nó bỗng chết mất, tôi đau thương buồn khổ, không sao quên được, nên muốn tìm đến chỗ vua Diêm-la xin lại mạng sống cho con để nhờ cậy lúc tuổi già.

Các Bà-la-môn thương ông lão ngu si, liền bảo:

– Chỗ vua Diêm-la người sống đâu thể đến được. Chúng tôi sẽ chỉ cách cho ông. Từ đây đi về hướng Tây hơn bốn trăm dặm có một con sông lớn. Trong đó có tòa thành là nơi dừng nghỉ của các Thiên thần khi đi tuần sát thế gian. Vua Diêm-la vào ngày mừng tám hàng tháng đi tuần sát sẽ ghé lại thành này. Ông trì trai giới đến đó vào ngày ấy sẽ gặp.

Vị Bà-la-môn vui mừng vâng theo lời dạy ra đi. Đến con sông lớn, ông thấy chính giữa có một tòa thành tráng lệ, cung điện nhà cửa trang nghiêm như cõi trời Đao-lợi. Ông đến trước cổng đốt hương, cầu nguyện được ra mắt vua Diêm-la và tha thiết trông chờ. Vua Diêm-la cho người đưa ông lão vào rồi hỏi ông có điều gì cầu thỉnh. Bà-la-môn thưa:

– Tôi đã già mới sinh được một đứa con trai, mong sau này sẽ nhờ cậy. Nuôi được bảy tuổi,

không ngờ một hôm nó bỗng lâm bệnh chết mất. Xin Đại vương ban ân trả lại mạng sống cho con tôi.

Vua Diêm-la nói:

– Tốt lắm, con ông hiện đang chơi ở khu vườn phía Đông. Ông hãy đến dẫn nó về.

Vị Bà-la-môn liền đến nơi đó, trông thấy con mình đang chơi đùa cùng các đứa bé khác. Ông chạy lại ôm con khóc lóc nói: “Cha ngày đêm thương nhớ con, ăn ngủ không yên. Con có nhớ nghĩ đến cha mẹ đang đau khổ không?”

Đứa trẻ giật mình la lớn, trở lại quở ông: “Ông già si mê này không hiểu đạo lý. Tôi chỉ ở nhờ nhà ông chẳng bao lâu đã gọi là con! Đừng nói nhiều lời càn rỡ nữa, hãy sớm đi là hơn. Tôi ở chỗ này cũng có cha mẹ. Chúng ta chỉ tình cờ gặp gỡ, quuyến luyến ôm ấp làm chi.”

Vị Bà-la-môn nghe vậy, buồn bã khóc lóc bỏ đi. Ông vừa đi vừa suy nghĩ: “Ta nghe Sa-môn Cù-đàm biết được đạo lý dời đổi của thân thức, vậy thử đến hỏi xem.” Nghĩ xong, ông liền tìm đến chỗ Đức Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn đang trú tại tinh xá Kỳ hoàn nước Xá-vệ vì đại chúng thuyết pháp. Ông Bà-la-môn đến gặp Đức Phật liền cúi đầu đánh lễ, trình bày đầu đuôi câu chuyện. Ông nói:

– Con tôi thật không chịu nhìn nhận tôi, trở lại bảo tôi là ông già si mê, ở tạm không bao lâu lại

nhận làm con. Không một chút tình phụ tử như vậy, không biết là do duyên gì?

Đức Phật bảo:

– Ông quả thật ngu si! Khi người ta chết thần thức đi khỏi lại thọ thân mới. Cha mẹ vợ con chỉ là nhân duyên gặp gỡ, như khách trọ qua đêm, sáng thức dậy là chia tay. Thế mà chúng sinh lại ngu mê, chấp cho là thật. Sở dĩ có ưu bi khổ não là do không hiểu được cội gốc này, chìm đắm mãi trong sinh tử không ngày ra khỏi. Chỉ có bậc Trí tuệ không tham ân ái, giác ngộ khổ đế, dứt bỏ tập đế, siêng tu kinh giới, diệt trừ vọng tưởng chấm dứt sinh tử.

Bây giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Người đời lo vợ con
 Chẳng xét lẽ mắt còn
 Cái chết bỗng chợt đến
 Như nước lũ cạnh bên.
 Cha con cứu không nổi
 Ai khác giúp được nào
 Mạng hết cây người thân
 Như mù canh giữ bạc.
 Tuệ tri được ý này
 Nên tu trì kinh giới
 Siêng tu vượt thế gian
 Dứt trừ tất cả khổ.
 Xa lìa các sa đọa
 Như gió thổi mây tan*

*Vọng tướng đã lặng yên
 Trí kiến liền hiện tiền.
 Trí tuệ quý nhất đời
 Vui nơi đạo vô vi
 Nếu chánh pháp thọ trì
 Sinh tử chẳng còn chi.*

Vị Bà-la-môn nghe kệ xong, hoát nhiên khai ngộ, biết rõ ràng mạng sống vô thường, vợ con là khách, bèn phủ phục đánh lễ xin làm Sa-môn.

Đức Phật bảo:

– Lành thay! Râu tóc ông liền tự rụng, pháp y đầy đủ, thành tướng Sa-môn. Ông tư duy ý nghĩa bài kệ, chấm dứt ân ái, không còn vọng tưởng, liền chứng quả A-la-hán ngay tại chỗ.



Phẩm 31: QUẢNG DIỄN

Thí dụ 55:

Thuở xưa, Đức Phật thuyết pháp giáo hóa tại nước Xá-vệ. Trời, rồng, quỷ, thần, vua chúa, dân chúng mỗi ngày ba buổi đến đó nghe pháp.

Lúc ấy vua Ba-tư-nặc tánh tình kiêu mạn, phóng túng dục tình; mắt đắm theo sắc, tai mê theo tiếng, mũi ham hương thơm, miệng thỏa thê với năm vị, thân thọ dụng láng mịn. Do ăn uống cao lương mỹ vị không biết chán, nên vua ăn mỗi lúc một nhiều, cứ luôn nghe đói. Nhà bếp phải suốt

ngày lo cho vua ăn. Do vậy, thân vua mỗi lúc một phì nộn, lên xe khó khăn, nằm ngòai bất tiện, luôn thở hổn hển. Có lúc vua nằm chết ngất một lát sau mới tỉnh. Vua cứ nằm ngòai than thở rên rỉ cho tấm thân nặng nề, xoay trở khó nhọc của mình. Cảm thấy thân là mối hoạn họa, vua bèn sai người thắg xe ngựa đến chỗ Phật. Đến nơi, người hầu đỡ vua xuống chào hỏi Phật, rồi vua ngòai xuống chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đã lâu không gặp, không được nghe lời dạy bảo của Ngài. Con không biết tội nghiệp gì mà thân thể tự nhiên phát phì. Nguyên do nào khiến như thế. Con luôn cảm thấy đau khổ về thân này và cũng lẽ đó mà không thường đến thăm Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

– Nay Đại vương, người ta có năm việc khiến bị phát phì:

1. Ăn nhiều lần.
2. Ham ngủ.
3. Sung sướng.
4. Không lo buồn.
5. Rối rảnh.

Nếu muốn hết mập, ông hãy bớt ăn, sống đạm bạc rồi sau sẽ gầy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ta phải luôn tỉnh giác

*Khi ăn biết tiết độ
Giữ kham khổ đạm bạc
Sẽ gầy và sống lâu.*

Vua nghe kệ xong vô cùng hoan hỷ, bèn gọi người nấu bếp đến bảo:

– Ông hãy ghi nhớ bài kệ này, đọc cho ta nghe trước khi dọn ăn mỗi bữa.

Vua từ giã Đức Phật về cung. Người đầu bếp trước khi dọn thức ăn luôn đọc kệ nhắc vua. Vua nghe kệ, mỗi bữa giảm bớt một muống. Do ăn mỗi ngày một ít, thân vua cũng lần lần nhẹ nhàng, gầy lại như cũ. Vua thấy vậy rất vui mừng, nhớ đến Đức Phật bèn đi bộ đến tinh xá. Đức Phật mời vua ngồi, rồi hỏi:

– Xe ngựa và người tùy tùng ở đâu, sao vua lại đi bộ?

Vua hoan hỷ trả lời:

– Trước đây con được nghe Phật dạy, đã phụng hành như pháp. Thân thể giờ được nhẹ nhàng là nhờ ân Đức Thế Tôn. Hôm nay con đi bộ đến tinh xá xem thử thế nào.

Đức Phật nói với vua:

– Người đời không biết lẽ vô thường, cứ đắm mình trong tình dục không biết làm phước. Khi chết thân thức ra đi, thân xác để nơi phần mộ. Vì vậy người trí nuôi dưỡng tinh thần, kẻ ngu cung dưỡng huyễn thân. Nếu hiểu được lẽ này sẽ biết tu

theo Thánh giáo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Người không chịu học
Già như là bò đực
Chỉ lớn thịt xương
Không chút trí tuệ.
Sinh tử nhàm chán
Qua lại gian nan
Tham đắm chấp thân
Đau khổ buộc ràng.
Người trí thấy khổ
Nên bỏ chấp thân
Dứt ý, đoạn dục
Ái hết không sinh.*

Vua nghe kệ hoan hỷ hiểu rõ, liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Vô số người nghe đắc được pháp nhãn.



Phẩm 32: ĐỊA NGỤC

Thí dụ 56:

Thuở xưa, ở nước Xá-vệ có một thầy Bà-la-môn tên Phú-lan-ca-diếp. Ông đi đâu cũng có năm trăm đệ tử theo sau, được vua chúa và dân chúng thờ kính.

Lúc đó Đức Phật mới thành đạo, cùng các đệ tử từ thành La-duyet-kỳ đến Xá-vệ. Đức Phật tướng

hảo quang minh, việc hoằng pháp được rộng rãi tốt đẹp, vua và nhân dân ai cũng thờ kính.

Phú-lan-ca-diếp thấy vậy sinh lòng tật đố muốn hủy báng Đức Thế Tôn để một mình hưởng sự cung kính. Ông bèn dẫn đệ tử đến ra mắt vua Batur-nặc rồi thưa:

– Hàng Trưởng lão chúng tôi đã tu học với những bậc thầy trước đây ở nước này. Còn Sa-môn Cù-đàm chỉ là kẻ ra đời cầu đạo sau. Ông ta thật sự không có Thần thông thánh đức, chỉ tự xưng là Phật mà thôi. Thế mà vua bỏ chúng tôi thờ phụng ông ta. Nay tôi muốn cùng Phật so thử đạo hạnh xem ai hơn. Người nào hơn, vua hãy trọn đời kính thờ.

Vua nói:

– Tốt lắm.

Vua liền cho xa giá đến chỗ Phật, làm lễ xong bạch:

– Phú-lan-ca-diếp muốn cùng Đức Thế Tôn thi đua đạo lực, thần thông biến hóa. Không biết tôn ý như thế nào?

Đức Phật đáp:

– Được, vua hãy hẹn với ông ta bảy ngày sau sẽ so thần thông.

Vua bèn cho dựng hai tòa cao bốn mươi trượng, thất bảo trang nghiêm, treo đầy tràng phan, xếp chỗ ngồi chính tề nơi khoảng đất rộng bằng phẳng phía

Đông kinh thành. Khoảng giữa hai tòa cách nhau hai dặm, chúng đệ tử hai bên đều ngồi dưới tòa bên mình.

Ngày ấy, vua và quần thần, nhân dân vân tập đầy đủ để xem cuộc thi thần thông này.

Bấy giờ Phú-lan-ca-diếp và các đệ tử đến trước. Ông bước lên thang để đăng tòa. Có một vị vua quý thần tên là Bàn Sư thấy bọn ông này hư vọng tật đố, bèn nổi gió lớn thổi vào tòa cao. Tọa cụ văng xa, tràng phan đứt tung. Cát bay đá chạy không sao mở mắt ra nổi. Còn bên tòa ngồi của Đức Thế Tôn vẫn lặng yên bất động. Đức Phật cùng đại chúng ung dung theo thứ tự tới, vừa tiến đến tòa cao là đã nghiêm nhiên ngồi trên tòa rồi. Chúng Tăng lặng lẽ ngồi vào chỗ.

Vua và quần thần càng thêm kính ngưỡng, đánh lễ bạch Đức Phật rằng:

– Xin Đức Thế Tôn hãy hiện thần thông, hàng phục tà kiến khiến nhân dân được sáng suốt tín ngưỡng Chánh đạo.

Đức Thế Tôn đang ngồi trên tòa bỗng nhiên biến mất, hiện trên hư không phóng ánh sáng lớn, ẩn bên Đông lại hiện bên Tây, bốn phương đều như vậy, trên thân phun ra nước, dưới thân phun ra lửa, rồi lại thay đổi. Thế Tôn nằm ngồi trên không, hiện ra mười hai phép biến hóa rồi bỗng nhiên biến mất, trở lại tòa ngồi. Thiên, Long, Quỷ thần rải hoa, đốt

hương cúng dường, tiếng tán thán vang động khắp đất trời. Phú-lan-ca-diếp tự biết mình không có đạo hạnh, cúi đầu hổ thẹn không dám ngó ai.

Bấy giờ Kim Cang Lực sĩ giơ chày Kim Cang lên, đầu chày phóng ra lửa để nhắc ông sao không hiện thân thông đi. Phú-lan-ca-diếp kinh sợ, vội leo xuống tòa bỏ đi. Năm trăm đệ tử cũng tản mác đi hết.

Đức Thế Tôn vẫn an nhiên bình thản trở về tinh xá Kỳ thọ Cấp cô độc viên. Vua và quần thần đại chúng đều hoan hỷ giã từ ra về.

Nói đến Phú-lan-ca-diếp và các đệ tử mang nhục ra đi, giữa đường họ gặp một cụ bà Ưu-bà-di tên Ma-ni. Bà lão lại mắng cho họ một trận: “Các ông ngu si không biết tự xét lại muốn tranh hơn đạo hạnh với Đức Phật. Thật là một bọn giả dối không biết hổ thẹn, còn mặt mũi nào sống trên đời nhìn ai!

Phú-lan-ca-diếp vì thẹn với các đệ tử nên khi đến bờ sông bảo với chúng:

– Ta nay nhảy xuống đây ắt sẽ sinh lên cõi Phạm thiên. Nếu thấy ta không trở lên, thì biết ta đã hưởng cảnh vui nơi đó.

Các đệ tử đợi mãi vẫn không thấy lên, nên bàn với nhau:

– Thầy ta đã sinh Thiên rồi, chúng ta còn chờ gì nữa.

Rồi họ từng người một nhảy xuống sông mong được theo thầy. Không ngờ tất cả đều do tội nghiệp phải bị đọa xuống địa ngục.

Hôm sau vua nghe việc tự sát này, hết sức kinh ngạc vội đến chỗ Đức Phật, bạch:

– Thầy trò Phú-lan-ca-diếp ngu mê, không biết do duyên gì mà lại tự sát như thế?

Đức Phật nói với vua:

– Thầy trò Phú-lan-ca-diếp có hai trọng tội: Một là ba độc tham, sân, si lừng lẫy, tự xưng đắc đạo. Hai là hủy báng Như Lai mong được cung kính. Do hai tội trên nên họ phải đọa vào địa ngục. Vì tội nghiệp thúc đẩy khiến họ tự nhảy xuống sông. Thân chết, thân thức ra đi chịu khổ vô lượng. Cho nên người trí thu nhiếp tâm mình, trong không khởi ác, ngoài không tạo tội. Ví như tòa thành ngoài biên ải sát bên kẻ địch, nếu phòng bị chắc chắn sẽ không sợ hãi. Dân bên trong an ổn thì giặc ngoài không cách gì vào được. Người trí tự phòng hộ cũng giống như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Vọng chứng Thánh cầu lợi
Hạnh bất chánh dối đời
Ganh gièm kẻ hơn mình
Bị đời, lừa chúng sinh
Tội dẫn hạng vị ấy
Rơi hố dữ bỏ mình.*

*Như giữ thành biên ải
 Kiên cố trong lẫn ngoài
 Giữ tâm mình thanh tịnh
 Phi pháp chẳng để sinh
 Nếu giới hạnh kém thiếu
 Địa ngục thọ khổ hình.*

Đức Phật nói kệ xong, lại kể với vua:

– Thuở quá khứ có hai con khỉ chúa, mỗi con có bảy đàn năm trăm con. Một con khỉ chúa vì ghen ghét có ý muốn giết con kia để mình cai trị tất cả, cho nên nó gây chuyện đánh nhau. Đã đánh nhau nhiều lần mà vẫn không thắng, nó hổ thẹn rút lui đến một eo biển. Nơi đây bọt nước được gió thổi tích tụ cao mấy trăm trượng. Khỉ chúa này ngu si cho là núi tuyết, bèn nói với bảy khỉ rằng: “Từ lâu nghe nói trong biển có núi tuyết, nơi đó vui vẻ, quả ngọt rất nhiều mặc tình hái ăn, ngày nay ta mới trông thấy. Vậy để ta qua đó trước xem sao. Nếu ta thấy quả thật vui sướng sẽ ở đó luôn, còn không sẽ trở lại bảo với các người.”

Nói xong, nó leo lên một cây cao, dùng hết sức nhảy sang. Kết quả nó rơi vào đồng bọt nước rồi chết chìm dưới biển.

Những con còn lại không thấy khỉ chúa quay về, tưởng là chỗ đó vui lắm nên lần lượt nhảy sang chết chìm cả lũ.

Kể xong, Đức Phật bảo với vua:

– Con khi chúa tạt đồ thuở đó nay chính là Phú-lan-ca-diếp. Bầy đàn của nó là năm trăm đệ tử của ông ấy ngày nay. Còn khi chúa còn lại chính là thân Ta. Phú-lan-ca-diếp đời trước đã ôm lòng tạt đồ, bị tội nghiệp lôi kéo đã nhảy vào đám bọt nước khiến chết cả bầy. Ngày nay ông ấy lại phỉ báng Đức Như Lai, rớt cuộc cả bọn lại nhảy xuống sông chết chìm. Nghiệp tội xui khiến như thế, nhiều kiếp mà vẫn chưa hết.

Nhà vua nghe xong, tin hiểu rồi làm lễ ra về.



Thí dụ 57:

Thuở xưa có bảy vị Tỳ-kheo vào núi học đạo. Trải qua mười hai năm mà họ vẫn chưa đắc đạo, nên bàn với nhau:

– Học đạo thật khó, phải hủy bỏ hình hài, giữ lấy tiết tháo, chịu đựng nóng lạnh, trọn đời khát thực chịu nhục đủ điều. Rớt cuộc đạo không đắc, tội nghiệp vẫn còn nguyên, chỉ luống tự lao nhọc, bỏ mạng trong núi. Chi bằng chúng ta hãy trở về nhà làm ăn, lấy vợ sinh con, lo làm giàu để hưởng sung sướng sau này ra sao thì ra.

Bàn xong, bảy người cùng rời khỏi núi. Đức Phật ở xa biết họ có thể hóa độ. Nếu không nhẫn được cái khổ nhỏ, họ sẽ đọa vào địa ngục thật đáng tiếc thương. Đức Phật liền hóa ra một vị Sa-môn đứng ngay ở đầu khe núi. Bảy người ra đi liền gặp.

Hóa Sa-môn hỏi:

– Các vị tu hành đã lâu sao lại bỏ núi đi?

Bảy người đáp:

– Học đạo cực khổ mà không nhô được gốc tội, việc khát thực thọ nhục khó nhẫn. Lại nữa trong núi không ai cúng dường, bao năm chặt vật, luôn sống thiếu thốn, chỉ cực khổ sông mà không đắc đạo. Nên chúng tôi muốn về nhà làm ăn thật giàu có, rồi già mới tu lại.

Hóa Sa-môn nói:

– Hãy thôi! Hãy thôi! Nghe tôi nói đây. Mạng người vô thường sớm còn tối mất, học đạo tuy khó, trước khổ sau vui. Gia nghiệp khó khăn muôn kiếp khó dứt. Nếu mong cùng vợ con sum họp hưởng lạc, mong sung sướng mãi không gặp tai họa thì khác nào trị bệnh mà uống độc dược, chỉ nặng thêm không chút thuyên giảm. Trong ba cõi có thân là có ưu não, chỉ có giữ tròn giới hạnh, không phóng dật tinh tấn tu hành, chứng được đạo quả mới chấm dứt tất cả khổ.

Bảy giờ hóa Sa-môn liền hiện lại tướng Phật, hào quang rực rỡ nói kệ:

*Tu khó, hết tội khó
Ở nhà cũng khó khăn
Sum họp hưởng lợi khó
Gian nan nhất: có thân.
Tỳ-kheo khát thực khó*

*Đâu thể không gắng công
 Tinh tấn đến tột tại
 Suốt đời không phiền ai.
 Có tín, thành tựu giới
 Từ giới, pháp bảo sinh
 Nhờ đó sống an ổn
 Được cung kính cúng dường.
 Ngồi, nằm hay đi, đứng
 Không phóng dật tinh cần
 Luôn chánh tâm giữ đạo
 An vui sống núi rừng.*

Lúc ấy bảy vị Tỳ-kheo thấy thân tướng Phật, lại nghe kệ này nên hết sức hổ thẹn, run sợ vội quỳ mọp sát đất lễ dưới chân Phật, hết lòng sám hối rồi lễ Phật ra đi. họ trở vào núi, dốc lòng công phu tinh tấn tu tập, tư duy ý nghĩa bài kệ trên, chánh tâm chuyên nhất, an trú tịch diệt, chứng quả A-la-hán.



Phẩm 33: TƯỢNG

Thí dụ 58:

Thuở xưa, lúc La-vân chưa đắc đạo, tánh tình thô tháo, lời nói không thành thật. Đức Phật sai La-vân đến ở tinh xá Hiền đề nhiếp tâm gìn giữ khẩu nghiệp, siêng tu học theo kinh giới. La-vân y giáo làm lễ ra đi. Nơi đó, La-vân suốt chín mươi ngày hổ thẹn tinh cần sám hối. Đức Phật đến thăm, La-

vân hoan hỷ ra lễ Phật, rồi bày giường dây thỉnh Phật nghỉ ngơi.

Đức Phật ngồi trên giường dây rồi bảo La-vân:

– Ông hãy lấy chậu múc nước cho Ta rửa chân.

La-vân vâng lời làm theo. Rửa chân xong, Đức Phật hỏi:

– Này La-vân, con có thấy nước đã rửa chân ở trong chậu không?

La-vân đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật hỏi tiếp:

– Nước này còn có thể dùng ăn uống, súc miệng nữa không?

La-vân lại đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, không thể. Nước này vốn sạch, giờ đã rửa chân chứa đầy bùn đất, cho nên không thể dùng.

Đức Phật liền dạy:

– Này La-vân, ông cũng như vậy. Ông tuy là con ta, cháu của quốc vương, xả bỏ vinh hoa thế lợi, xuất gia làm Sa-môn, nhưng không tinh tấn nhiếp phục thân khẩu, bụi nhơ tam độc đầy ấp trong lòng, khác nào nước dơ trong chậu không dùng được nữa.

Đức Phật lại sai đồ nước dơ đi, rồi hỏi:

– Này La-vân, chậu nước dơ đã đổ đi, vậy chậu nước không này có thể dùng đựng thức ăn được

chăng?

La-vân đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, không thể, chậu này đã mang tên chậu rửa chân từng đựng đồ dơ cho nên không thể.

Phật lại dạy:

– Nay La-vân, ông cũng như vậy, tuy là Sa-môn mà lời nói không thành tín, tâm tánh ương bướng không chịu siêng tu. Ông đã từng mang tiếng xấu như cái chậu rửa chân kia không thể đựng được thức ăn.

Đức Phật lại dùng ngón chân hất chậu văng đi, tung lên rơi xuống mấy cái, quay tròn mấy vòng rồi mới dừng lại.

Đức Phật hỏi:

– Nay La-vân, ông có tiếc chậu rửa chân, sợ nó bị vỡ không?

La-vân đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, đồ rửa chân là vật rẻ tiền, trong lòng có uổng nhưng không tiếc rẻ lắm.

Đức Phật dạy:

– Nay La-vân, ông cũng như vậy, tuy làm Sa-môn mà không gìn giữ thân khẩu, nói năng thô tháo, ác khẩu làm thương tổn đến người khác. Cho nên mọi người không yêu mến, bậc Trí không tiếc thương. Khi thân chết, thần thức đi khỏi phải luân hồi trong ba đường dữ, chịu sinh tử khổ não vô

lượng. Chư Phật, Hiền thánh đều không thương tiếc ông, như ông nói không thương tiếc chậu rửa chân.

La-vân nghe nói hổ thẹn sợ hãi. Đức Phật lại nói:

– Nay La-vân, hãy nghe Ta kể thí dụ:

Xưa có một vị vua nuôi được một con voi lớn dũng mãnh, giỏi xông pha trận mạc. Tính ra sức của nó còn mạnh hơn năm trăm con voi nhỏ gộp lại.

Một hôm, vua nước đó muốn hưng binh đánh vua nước đối nghịch. Vua cho voi mặc một tấm giáp sắt. Quản tượng bảo vệ voi, cột vào hai ngà là hai thanh giáo, cột vào hai tai là hai thanh kiếm rồi bốn chân cũng buộc vào bốn lưỡi đao cong, đuôi cũng buộc một cây mác sắt. Chín món binh khí buộc vào mình voi đều rất bén nhọn. Song voi phải rút vòi vào trong, giấu kín vì đây là nơi mềm mại, hiểm yếu nếu trúng tên sẽ chết. Voi không được phép vươn vòi ra để chiến đấu. Người lính quản tượng rất mừng vì voi được bảo vệ chu đáo.

Khi ra trận, voi xông pha không ngại làn tên mũi đạn. Song chiến đấu một hồi lâu, voi bỗng vươn vòi đòi kiếm. Người quản tượng không cho. Hãy nghĩ xem con voi mạnh tợn kia không biết tiếc thân mạng hăng máu vươn vòi ra đòi kiếm gắn vào vòi để chiến đấu. Vua và quần thần tiếc

con voi lớn này nên không cho nó ra trận nữa.

Đức Phật bảo La-vân:

– Người ta dầu phạm chín điều ác, duy phải giữ gìn cửa miệng. Cũng như con voi lớn kia phòng hộ cái vòi không dùng chiến đấu. Voi giữ vòi vì sợ trúng tên chết, còn người giữ miệng vì sợ đau khổ của ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Người không phòng hộ miệng phạm đủ mười điều ác, như con voi kia không kể mạng, không sợ trúng tên mới vươn vòi ra chiến đấu.

Người ta cũng vậy, phạm đủ mười điều ác do không nghĩ đến đau khổ trong ba đường. Thực hành Thập thiện, thu nhiếp thân, khẩu, ý, không phạm bất cứ điều ác nào có thể đắc đạo xa hẳn ba đường dữ, không còn tai họa sinh tử.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Ta như voi chiến
Không sợ rùng tên
Giữa hạng phá giới
Độ họ tin thành.
Như voi đã điều
Vua vừa ý cõi
Người điều phục quý
Nhờ giữ tin thành.*

La-vân nghe được những lời dạy bảo ân cần tha thiết của Đức Phật vô cùng cảm kích, tự khích lệ ghi nhớ mãi không quên. Từ đó tâm ông trở nên

nhu hòa nhần nhục như đất. Ông tinh tấn tu hành, thức tướng vắng lặng chứng quả A-la-hán.



Thí dụ 59:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ thọ thuộc nước Xá-vệ vì bốn bộ đệ tử, trời rồng quỷ thần, vua chúa quan dân diễn nói chánh pháp. Lúc đó có một vị trưởng giả cư sĩ tên là Ha-đề-đàm đến chỗ Đức Phật, đánh lễ ra mắt xong rồi quỳ xuống chấp tay bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, con từ lâu đã thừa ân giáo hóa, mong được đến hầu cận ra mắt tôn nhan. Song vì việc riêng bó buộc, nên giờ đây mới đến được. Xin Ngài từ bi tha thứ.

Đức Phật bảo ông ngồi xuống, hỏi thăm từ đâu đến, tên họ là gì.

Trưởng giả quỳ đáp:

– Con vốn gốc cư sĩ, tên là Ha-đề-đàm. Lúc trước làm nghề huấn luyện voi cho tiên vương.

Đức Phật hỏi:

– Nay cư sĩ, phép huấn luyện voi có mấy việc?

Đáp:

– Thường có ba việc để điều phục voi lớn. Ba việc đó là:

1. Dùng móc thép móc vào miệng, rồi khớp dây dằm vào.

2. Cho nó ăn ít, thường để bị đói.

3. Dùng gậy đánh nó thật đau.

Do ba việc này có thể điều phục được voi.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

– Ba việc trên có tác dụng gì?

Vị ấy đáp:

– Dùng móc thép móc vào miệng để chế phục sự cang cường. Không cho ăn uống để thân thể suy yếu, dễ dạy. Còn đánh đập chính là để chế phục tâm nó. Nhờ vậy mà điều phục được voi.

Đức Phật lại hỏi:

– Điều phục voi như vậy dùng để làm gì?

Vị ấy đáp:

– Điều phục voi rồi có thể để vua cỡi, cũng có thể để ra trận. Ta có thể điều khiển nó tới lui không có gì trở ngại.

Đức Phật lại hỏi:

– Chỉ có cách này, còn có cách điều phục nào khác không?

Vị ấy đáp:

– Cách điều phục voi chỉ như vậy thôi.

Đức Phật bảo:

– Nay cư sĩ, ông có thể điều phục voi, vậy có thể tự điều phục mình được không?

Vị cư sĩ đáp:

– Con không biết ý nghĩa tự điều phục mình như thế nào, xin Đức Thế Tôn giảng nói chỗ chưa

được nghe.

Đức Phật dạy:

– Nay cư sĩ, Ta cũng có ba việc dùng để điều phục tất cả mọi người và dùng để tự điều phục mình đến được vô vi.

1. Lấy chí thành điều phục khẩu nghiệp.

2. Lấy từ bi trong sạch điều phục tâm can cường.

3. Lấy trí tuệ diệt trừ ngu si che ngăn của ý chí.

Hành trì ba việc này sẽ độ thoát tất cả, lìa ba đường ác, tự đến vô vi, không còn sinh tử ưu bi khổ não.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Như voi tên Hộ tài
Khó kiềm chế hung hăng
Khớp miệng chẳng cho ăn
Vẫn khăng khăng nét cũ.
Ý điều phục thuần thực
Thường hành hạnh an vui
Hàng phục hết kết sử
Như voi thuần nhờ móc.
Vui đạo, không phóng dật
Thường phòng hộ tự tâm
Sẽ nhớ được thân khổ
Như voi ra khỏi hầm.
Tuy thường điều voi
Mới cỡi đã luyện*

*Voi loại giỏi nhất
Không bằng tự điều.
Voi không thông thả
Là người chưa đạt
Làm người tự điều
Mới đạt điều thuật.*

Cư sĩ nghe kệ xong vô cùng hoan hỷ, buông bỏ tình tướng, đắc được pháp nhãn. Vô số người nghe pháp cũng được thấy đạo.



Phẩm 34: ÁI DỤC

Thí dụ 60:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá trên núi Kỳ-xà-quật tại thành La-duyet-kỳ, vì trời, người, quí, thần chuyển đại pháp luân. Lúc ấy, có một người bỏ nhà cửa, vợ con đến chỗ Đức Phật đánh lễ xin làm Sa-môn. Đức Phật hứa khả. Xuất gia xong, Đức Phật dạy ông ngồi dưới một cội cây, thiền quán chánh pháp. Vị Tỳ-kheo vâng lời vào trong rừng sâu cách tinh xá hơn trăm dặm, ngồi một mình dưới một gốc cây thiền tư suốt ba năm. Song tâm ông không kiên cố, có ý muốn trở về. Ông tự nghĩ: “Mình bỏ nhà học đạo cực khổ, chỉ bằng sớm trở về nhà ở với vợ con.”

Nghĩ xong, ông bèn đi ra khỏi núi. Đức Phật với Thiên nhãn trông thấy việc này. Ngài xét thấy

ông này đáng lẽ đắc đạo mà ngu si không biết lại muốn trở về nhà. Ngài liền hóa thành một vị Sa-môn, đi ngược lại gặp mặt vị đó. Ngài hỏi:

– Ông từ đâu ra đây? Chỗ này có đất bằng phẳng, chúng ta nên nghỉ ngơi cùng nhau trò chuyện.

Bấy giờ hai người cùng ngồi nghỉ ngơi trò chuyện. Vị Tỳ-kheo bảo với Hóa nhân:

– Tôi bỏ nhà cửa vợ con, xuất gia tu học trong núi sâu này nhưng không đắc đạo. Xa cách vợ con mà không đạt thành chí nguyện, luống mất mệnh vận cuộc đời, cực khổ vô ích. Nay tôi hối hận muốn trở về với vợ con, hưởng nhàn vui trước đã, rồi sau mới tính.

Một lát sau, họ thấy một con khỉ già từ lâu đã lánh xa rừng cây ra sống giữa khoảng đất trống.

Hóa Sa-môn hỏi Tỳ-kheo:

– Con khỉ này vì sao sống một mình nơi khoảng đất trống. Sao nó lại thích nơi không có cây cối?

Vị Tỳ-kheo đáp:

– Tôi đã từ lâu để ý thấy nó vì hai việc nên đến chỗ này.

1. Nó vì vợ con bày đàn đông đúc không thể ăn uống đầy đủ, thỏa ý.

2. Ngày đêm nó phải leo trèo, gót chân thường xuyên bị thương khó chịu.

Do hai việc này nên nó bỏ rừng cây, ra đất trống

sống.

Hai người nói chuyện, một lát sau lại thấy con khỉ này trở lại rừng cây, leo lên ngọn.

Hóa Sa-môn hỏi:

– Ông có thấy con khỉ trở lại rừng cây không?

Đáp:

– Có thấy, con khỉ này ngu si, đã xa lìa được rừng cây, bày đàn quấy nhiễu, vậy mà nó không biết nhàm chán phiền nhọc còn trở lại nơi đó lần nữa!

Hóa Sa-môn nói:

– Ông cũng như vậy, cùng nó khác gì? Ông vốn vì hai việc mà vào núi tu học.

1. Vì thấy vợ con nhà cửa là lao ngục.

2. Vì thấy bà con quyến thuộc là gông cùm ràng buộc.

Ông vì việc đó mà cầu đạo dứt khổ sinh tử, thế mà nay lại muốn về nhà chịu ràng buộc trong gông cùm phiền não, vào ngục tù ân ái dẫn đến địa ngục.

Hóa Sa-môn hiện lại thân Phật một trượng sáu, tướng hảo quang minh tỏa sáng làm cảm động tất cả các loài trong núi. Các loài chim bay thú chạy đều tìm theo ánh sáng mà đến, biết được tức mạng, trong lòng hối lỗi.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Như cây rễ sâu chắc

Dầu chặt vẫn đâm cành

Tâm ái chưa dứt tuyệt
 Khổ nào lại phát sinh.
 Như khi xa rừng cây
 Ra rồi trở lại đây
 Người thoát tù ân ái
 Còn trở lại chỗ này!
 Tham ý luôn hưng khởi
 Đây tập nhiễm kiên cố
 Tưởng nhớ điều dâm dục
 Mê tối, tự che ngăn.
 Mọi ý tưởng miên man
 Ái kết: cỏ bò lan
 Chỉ trí tuệ thấy rõ
 Dứt nguồn ý, mới an.
 Người đắm chìm trong ái
 Vọng tưởng miên man hoài
 Già chết mãi vẫn xoay
 Do ái sâu không đáy.

Vị Tỳ-kheo thấy quang tướng rực rỡ của Đức Phật, lại nghe lời kệ nên hết sức kinh sợ, vội quỳ mọp sát đất sám hối lỗi lầm. Ông lại tư duy thiền định chứng quả A-la-hán ngay trước Đức Phật. Chư Thiên đến nghe đều hoan hỷ, rải hoa cúng dường hết lời tán thán.



Thí dụ 61:

Thuở xưa có một nước cách phía Nam thành

La-duyệt-kỳ bốn ngàn dặm. Nước này phụng thờ mấy ngàn vị tu sĩ Bà-la-môn. Lúc ấy, trong nước có hạn lớn suốt ba năm không mưa. Nhà vua cầu đảo quỷ thần khắp các chỗ vẫn không kết quả. Vua bèn hỏi các Bà-la-môn đây là do nguyên nhân gì. Các vị ấy nói:

– Chúng tôi sẽ trai giới thanh tịnh, rồi sai người tiếp xúc Phạm thiên hỏi xem tai nạn này do đâu.

Vua đáp:

– Tốt lắm! Trai giới cần gì xin cho tôi biết.

Các Bà-la-môn nói:

– Cần phải dùng hai mươi cỗ xe cũi, tô mật, dầu mỡ, hương hoa phan lọng, vàng bạc, đồ tế...

Vua liền cho người sắm sửa cung cấp đầy đủ. Các Bà-la-môn ra khoảng đất trống cách thành bảy dặm chất cũi cao như núi. Rồi họ khuyến khích rằng ai không tiếc mạng sống khi chết sẽ được sinh Thiên. Họ chọn bảy người chịu tự thiêu để lên trời Phạm thiên.

Bảy người sau khi cúng tế, chú nguyện xong leo lên đống cũi. Bên dưới mọi người đốt lửa thiêu chết họ. Khói lửa bốc lên, sức nóng bức ngạt, bảy người sợ hãi cầu cứu song không có ai. Họ mới cất tiếng kêu:

– Có đức Đại từ bi nào trong tam giới thương xót cứu chúng tôi thoát khỏi khổ nạn này, chúng tôi xin quy y vị đó.

Đức Phật ở xa hay biết, theo tiếng đến cứu. Ngài ở trên hư không hiện tướng hảo quang minh. Bảy người thấy Phật, buồn vui lẫn lộn hướng về Đức Phật nói:

– Chúng con nguyện quy y Ngài, xin hãy cứu khổ nóng bức cho chúng con.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Quy y nhiều Thần
Núi, sông, cây cỏ
Dựng tượng cúng thờ
Cầu phước Thần ban,
Quy y như vậy
Chẳng tốt, chẳng cao
Quý thần nào đến
Cứu hết khổ ương.
Nếu ai quy y
Phật, Pháp, chúng Tăng
Quản lý Tứ đế
Át đạt chánh tuệ.
Sinh tử rất khổ
Nương đạo, giải thoát
Vượt tám thế nạn
Hết khổ, thành thoi.
Quy y Tam tôn
Tối thượng, tối lành
Con đường duy nhất
Vượt thoát mọi khổ.*

Đức Phật nói kệ xong, lửa liền tắt ngấm. Bảy người được an ổn, hết sức vui mừng.

Các Bà-la-môn và nhân dân trong nước thấy thế kinh ngạc ngưỡng mộ. Đức Thế Tôn bèn hiện thị thần thông, phân thân biến hóa, ẩn bên đây hiện bên kia một cách tự tại. Trên thân phun ra nước lửa, ánh sáng năm màu. Mọi người trông thấy đều mọp mình quy mạng. Bảy giờ bảy người đã từ trên đồng củi leo xuống, buồn vui xen lẫn nói lên kệ:

*Vui thay, gặp Bạc Thánh!
Vui thay, được nương tựa!
Xa được kẻ ngu muội
Tu thiện hạnh phúc thay!
Giữ chánh kiến thật vui
Thuyết pháp cho nhau vui
Với đời không tranh chấp
Giới trọn thường an vui.
Ở với hiền nhân vui
Như sống chung ruột rà
Thân cận Bạc Bi Trí
Hiểu biết càng cao xa.*

Bảy giờ bảy người nói kệ xong, cùng với các Bà-la-môn xin làm đệ tử Phật. Đức Phật hứa khả. Họ đều xuất gia chứng quả A-la-hán. Vua quan nhân dân đều phát tâm tu hành.

Kế đó trời mưa lớn, đất nước trù phú, nhân dân ấm no, chánh pháp phổ biến, ai cũng hoan hỷ tu

học.



KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

QUYỂN 4

Phẩm 35: DỤ ÁI DỤC

Thí dụ 62:

Thuở xưa Đức Phật trú tại nước Xá-vệ vì hàng trời người thuyết pháp. Lúc ấy, trong thành có một vị trưởng giả Bà-la-môn rất giàu có, song lại là người keo kiệt tham lam không thích bố thí.

Mỗi khi ăn, ông cho người đóng kín cửa, không tiếp khách. Vì vậy, ăn xin, Sa-môn, Bà-la-môn đều đến không gặp được.

Một hôm, trưởng giả thèm ăn ngon, sai vợ làm một bữa thịnh soạn. Bà vợ liền giết một con gà béo, ướp gừng tiêu gia vị rồi đem quay. Các món ăn uống, bánh trái chẳng mấy chốc cũng chuẩn bị xong, được dọn ra đầy bàn.

Ông lệnh cho đóng kín cửa lại, hai vợ chồng và đưa con nhỏ ngồi ăn uống với nhau. Hai ông bà thay phiên xé thịt gà đút cho con ăn không ngớt.

Đức Phật biết vị trưởng giả này có túc phước, có thể độ được, bèn hóa ra một vị Sa-môn ngồi

cạnh lúc họ ăn cơm, trước bàn ăn của họ Ngài chú nguyện rồi lại nói:

– Xin các vị hãy bố thí cho ít nhiều, nhờ đó mà được phước lớn.

Vị trưởng giả ngẩng đầu lên ngó thấy hóa Sa-môn liền mắng:

– Ông là tu sĩ mà không biết hổ thẹn, nhà người ta đang ăn uống sao lại đường đột xông vào?

Hóa Sa-môn đáp:

– Ông mới thật ngu si không biết hổ thẹn. Tôi nay là khát sĩ có gì phải hổ thẹn?

Trưởng giả vặn:

– Tôi và vợ con ăn uống vui vẻ với nhau có gì mà hổ thẹn?

Sa-môn đáp:

– Ông giết cha, lấy mẹ làm vợ, nuôi dưỡng oan gia mà không biết hổ thẹn, trở lại cho tôi khát sĩ là hổ thẹn!

Bấy giờ hóa Sa-môn liền nói kệ:

Cành nhánh sinh không dứt

Do lo ăn, tham dục

Nuôi oán, thêm hậu hoạn

Người ngu mãi rộn ràng.

Ái nhiễm của người ngu

Với vợ con ràng buộc

Trí giả thấy kiên cố

Hơn ngục tù thế gian.

*Người trí thấy rõ ái
 Ngục kiên cố khó ra
 Nên với dục tránh xa
 Dứt ái, được an ổn.*

Trưởng giả nghe kệ xong, kinh ngạc hỏi:

– Đạo nhân vì sao mà nói như vậy?

Sa-môn đáp:

– Con gà trên bàn là cha ông đời trước. Do vì kiếp trước keo kiệt nên nay ông ta phải luôn làm gà để ông ăn thịt. Còn đứa bé này kiếp xưa là La-sát. Thuở đó, ông là thương khách đi thuyền ra biển buôn bán bị dòng nước cuốn, trôi dạt vào nước qui La-sát bị nó ăn thịt. Năm trăm đời đều như vậy, La-sát mạng hết sinh lại làm con ông. Vì tội ông chưa hết nên nó đến để hại ông. Vợ ông ngày nay chính là mẹ ông đời trước, do vì thương yêu sâu chắc nên nay trở lại làm vợ ông. Ông ngu si không biết túc mạng, giết cha cho oan gia ăn, lấy mẹ làm vợ. Sáu nẻo luân hồi mệnh mạng không bờ bến, quanh quẩn trong đó mấy ai biết được. Chỉ có bậc Chân nhân đắc đạo mới thấy được việc người chết chỗ này, sinh chỗ kia. Kẻ ngu không biết há chẳng hồ thẹn sao?

Bấy giờ trưởng giả kinh sợ toàn thân nổi gai, toát mồ hôi lạnh. Đức Phật liền vận dụng thần thông giúp ông biết được túc mạng. Trưởng giả liền sám hối lỗi lầm, tạ ân Đức Phật xin thọ Ngũ

giới. Kể đó, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho ông nghe. Nghe xong, ông liền chứng quả Tu-đà-hoàn.



Thí dụ 63:

Thuở xưa Đức Phật thuyết pháp tại tinh xá Kỳ hoàn nước Xá-vệ. Lúc ấy có một vị Tỳ-kheo trẻ vào thành khát thực. Ông trông thấy một thiếu nữ thật là xinh đẹp, lòng liền khởi niệm sắc dục, quyến luyến mãi không dứt. Do đó, dần dần ông mang bệnh, bỏ ăn uống, mặt mày tiêu tụy nằm liệt trên giường. Các bạn đồng đạo đến thăm hỏi nguyên nhân bệnh tình. Vị Tỳ-kheo trẻ cứ như thật giải bày. Ông nói rằng mình muốn bỏ tu, kết tình ân ái với cô ấy, song vì không được như nguyện nên lâu ngày buồn khô thành bệnh tương tư.

Các huynh đệ đồng đạo hết lời khuyên can song ông không để vào tai. Thấy vậy, mọi người mới dìu vị ấy đến chỗ Đức Phật, kể hết mọi chuyện cho Ngài nghe. Đức Phật bảo với vị Tỳ-kheo trẻ tuổi:

– Nguyện ước của ông dễ thành thôi, đâu có gì phải ôm mối sầu thương! Ta sẽ tìm cách giúp ông mãn nguyện, hãy vui vẻ dậy ăn uống.

Vị Tỳ-kheo nghe xong, trong lòng mừng rỡ, uất không còn. Bấy giờ Đức Thế Tôn liền dẫn vị Tỳ-kheo trẻ và đại chúng vào thành Xá-vệ, tìm đến nhà người đẹp nọ. Đến nơi mới hay cô gái đã chết ba ngày rồi, thi thể còn để nguyên tại nhà vì gia

đình thương khóc không nổi liệm đem chôn. Lúc ấy thân cô đã sinh lên, đồ như bất tịnh chảy tràn, mùi hôi thối khó chịu.

Đức Phật liền bảo vị Tỳ-kheo:

– Ông thấy chẳng? Người mà ông mơ tưởng nay đã như vậy, vạn vật vô thường trong hơi thở. Người ngu chỉ nhìn bên ngoài mà không thấy được chỗ dơ xấu bên trong, cứ mãi ràng buộc trong lưới tội mà cho là khoái lạc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Thấy sắc tâm mê tưởng
 Chẳng xét lẽ vô thường
 Người ngu cho là đẹp
 Giả dối lại yêu thương.
 Đắm mình trong dục lạc
 Tầm kéo kén khác chi
 Người trí tuệ dứt hẳn
 Hết khổ não sâu bi.
 Người tâm ý buông lung
 Dâm như cho là sạch
 Tình ân ái sâu nặng
 Là lao ngục trời trần.
 Người tỉnh giác trừ dâm
 Bất tịnh quán để tâm
 Nhờ đó khỏi lao ngục
 Già chết dứt tận mầm.*

Vị Tỳ-kheo trẻ tuổi lúc ấy trông thấy người đẹp

chết đã ba ngày, mặt mày thối rữa khó thể đứng gần, lại nghe bài kệ giảng dạy rất rõ, nên hổ thẹn tỉnh ngộ, biết mình trước đây mê lầm. Ông bèn đánh lễ, dập đầu sám hối với Đức Thế Tôn. Đức Phật hứa khả, cùng đại chúng trở về tinh xá. Từ đó ông đem hết thân mạng nỗ lực công phu, tinh tấn tu tập, đắc quả A-la-hán. Đại chúng được đi theo hôm đó rất nhiều người thấy sắc dục ô uế, tin hiểu sâu được lẽ vô thường, tham ái lần dứt cũng chứng được đạo quả.



Thí dụ 64:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ, thuyết pháp cho hàng Trời, Người, Long, Thần. Lúc ấy, trong nước có một vị đại trưởng giả giàu có vô số, sinh được một người con trai tuổi chừng mười hai, mười ba. Hai vợ chồng lần lượt qua đời, cậu con nhỏ bơ vơ, không biết làm ăn quản lý gia nghiệp, cho nên mới vài năm mà cậu đã hoang phí tiền của khiến tàn gia bại sản đến nỗi phải đi ăn xin.

Cha cậu có một người bạn thân cũng là trưởng giả rất giàu có. Một hôm ông trông thấy cậu ta mới hỏi nguyên do. Được biết hoàn cảnh cậu như vậy, ông thương xót đem cậu về bảo bọc, gả con gái, cất nhà riêng cho ở và cho nô tỳ, xe ngựa, tiền của vô số để làm ăn. Song cậu ta tánh lười biếng, không

biết tính toán làm ăn, cứ ngồi không ăn xài phung phí, chẳng bao lâu lại lâm vào cảnh đói nghèo. Trưởng giả vì thương con gái phải cho của cải làm vốn một lần nữa, song anh ta cũng lại như trước, rốt cuộc bị phá sản, nghèo khổ.

Thấy mấy lần giúp đỡ, mà anh vẫn ăn xài hoang phí, trưởng giả nghĩ rằng anh không thể làm ăn nên người được, chỉ bằng bắt con gái lại đem gả cho người khác. Ông đem chuyện này ra cùng thân tộc bàn bạc. Không ngờ người con gái nghe trộm được trở về mách với chồng bảo:

– Nhà tôi đông đảo, có thể lực đẽ bẽp anh, nay muốn bắt tôi lại vì anh không biết làm ăn. Anh tính như thế nào đây?

Người chồng nghe vợ nói vậy, hồ thẹn tự nghĩ: “Đây chính là do ta bạc phước, sinh ra không có cha mẹ che chở đùm bọc, không học được cách làm ăn sinh sống. Nay ta sắp mất vợ rồi sẽ đi ăn xin như cũ. Tình ân ái sâu nặng, nay phải xa nhau làm sao chịu nổi. Nghĩ tới nghĩ lui mãi, cuối cùng anh khởi ác niệm, đưa vợ vào phòng rồi cả hai cùng chết một chỗ.

Nghĩ xong, anh đưa vợ vào phòng đâm vợ chết rồi quay lại tự sát. Nô tỳ hay được hoảng kinh chạy đi báo trưởng giả. Ông và cả nhà vội chạy sang thì thấy việc đã như thế, chỉ còn biết thu lượm thi hài lo táng liệm chôn cất. Cả nhà đang lúc đau buồn

nhớ con không nguôi, bỗng nghe tiếng nói có Đức Phật đang tại thế thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, ai gặp được Ngài đều hoan hỷ, dứt hết sầu lo. Vị trưởng giả bèn dẫn cả nhà đến chỗ Phật, làm lễ rồi ngồi qua một bên. Đức Phật hỏi:

– Ông từ đâu đến? Có chuyện gì không vui mà sao sắc mặt ưu sầu?

Trưởng giả bạch:

– Nhà con vô phước, trước đây gả một người con gái. Chẳng may gặp đũa ngu phu không biết làm ăn. Vì vậy con định bắt con về, không ngờ nó lại giết vợ rồi tự sát. Con lo đám chôn cất chúng nó xong, trên đường về ghé thăm Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo trưởng giả:

– Tham dục, sân hận là bệnh thường trên thế gian, ngu si vô trí là cửa của họa hoạn. Năm đường trong ba cõi do đây mà đọa lạc, sinh tử triền miên trải vô lượng kiếp, chịu khổ biết bao. Người thường còn không biết ăn năn hối cải, huống chi là kẻ ngu làm sao biết được! Cái độc của tham dục giết mình, giết thân tộc, hại lây đến chúng sinh đâu phải chỉ riêng có vợ chồng.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Ngu do tham trói buộc
Không cầu qua bờ giác
Hại mình hại luôn người
Do tham tài tạo tác.*

*Tâm ái dục như ruộng
 Dâm, nộ, si là giống
 Người xả bỏ, giải thoát
 Được phước thật vô lượng.
 Giặc tham dục hại mang
 Như nhà buôn nhiều hàng
 Giữa đường hiểm ít bạn
 Nên người trí không tham.*

Bấy giờ, vị trưởng giả nghe Đức Phật nói kệ tâm sinh hoan hỷ không còn đau buồn khổ não, ngay trước thân tộc và thính chúng, phá mười hai ức kiếp nghiệp đắc quả Tu-đà-hoàn.



Thí dụ 65:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ vì hàng trời, rồng, quỷ, thần, vua chúa, quan dân thuyết pháp. Lúc ấy có hai gã lêu lổng lang thang kết thân với nhau, đi đâu cũng có mặt như hình với bóng. Hai người bàn nhau muốn làm Sa-môn, bèn đến chỗ Phật làm lễ, rồi quỳ xuống chấp tay thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn xuất gia làm Sa-môn, xin Ngài thu nhận.

Đức Phật cho phép hai người xuất gia làm Sa-môn, rồi cho ở chung một phòng. Hai người sống chung vì tập khí thế gian còn sâu dày nên suốt ngày chỉ nhớ chuyện ân ái vinh hoa của thế gian. Họ

thường xuyên nói đến thân thể mỹ miều của người đẹp mà không xét nghĩ tính chất vô thường, bất tịnh của nó. Do đề nén dục vọng nên dần dần thành bệnh uất kết bên trong. Đức Phật với tuệ nhãn thấy được chuyện này. Ngài biết họ do vọng tưởng, buông lòng do dục niệm nên không tu được. Ngài liền sai một trong hai người đi khỏi, rồi tự hóa thành người đó đến ở chung với vị còn lại. Hóa Tỳ-kheo này nói với vị ở chung:

– Chúng ta cứ nhớ nghĩ hoài đến ân ái, chi bằng hôm nay đi xem thân thể người đẹp ra sao. Ở nhà mà tưởng nhớ suông nào có được gì đâu.

Hai người cùng đến xóm dân nữ. Đức Phật hóa ra một cô gái điếm ở trong xóm đó. Hai người đến đó vào phòng cô ta rồi nói:

– Chúng tôi là người tu, thọ cấm giới của Phật nên không phạm đến việc ăn nằm. Ý chỉ muốn xem thân thể người nữ thôi, nhưng vẫn trả tiền theo phép.

Cô gái ấy nghe vậy liền cởi bỏ đồ trang sức, y phục đứng khóa thân cho vị ấy ngắm. Một mùi hôi hám từ thân cô bốc ra. Hai người trông thấy vẻ nhơ bẩn của nó không ai gần nổi.

Hóa Tỳ-kheo nói với vị Tỳ-kheo kia:

– Vẻ đẹp của người nữ chẳng qua là do phấn sáp xông hương, tắm gội nước hoa. Họ mặc y phục màu sắc xinh đẹp là để che chỗ dơ xấu của mình,

ướp hoa xông hương là để lấp mùi hôi thân thể. Thật ra nó chỉ như cái túi da chứa phân có gì đáng tham?

Bấy giờ Hóa Tỳ-kheo liền nói kệ:

*Dục! Ta biết rõ người
 Người từ nhớ tưởng sinh
 Ta nếu không nhớ tưởng
 Người tự sẽ không còn.
 Trong tâm thích, là dục
 Đâu chỉ năm dục ngoài
 Bỏ ngũ dục được ngay
 Là người đại dũng lực.
 Vô dục thì vô úy
 An lạc chẳng lo chi
 Dục hết, kết sử giải
 Sinh tử mãi thoát ly.*

Hóa Tỳ-kheo nói kệ xong, hiện lại thân Phật tướng hảo quang minh. Vị Tỳ-kheo trông thấy hỏ thẹn ăn năn, năm vóc sát đất đảnh lễ Đức Phật. Đức Phật lại thuyết pháp cho ông. Ông nghe xong hoan hỷ tỏ ngộ chứng quả A-la-hán.

Cả hai trở về tinh xá. Lúc ấy vị Tỳ-kheo được Phật sai đi cũng trở về. Vị ấy thấy bạn mình thân sắc hoan hỷ hơn mọi khi, bèn hỏi nguyên nhân. Tỳ-kheo liền kể chuyện Đức Phật đã từ bi độ mình như thế nào và mình nhờ Đức Phật được thoát khỏi các khổ. Nói xong vị Tỳ-kheo lại nói kệ:

*Ngày đêm tưởng nhớ dục
Ý dục ruồi không ngừng
Thấy nữ dục nhóp nhơ
Hết tưởng, hết buồn khổ.*

Vị Tỳ-kheo bạn nghe kệ xong, tự tư duy quán chiếu, đoạn dục diệt tưởng chứng được pháp nhãn.



Phẩm 36: LỢI DƯỠNG

Thí dụ 66:

Thuở xưa, Đức Phật dẫn các đệ tử đến tinh xá Mỹ âm thuộc nước Câu-đàm-di thuyết pháp cho hàng trời, người, rồng, thần. Lúc ấy, vua nước này tên là Ưu Điền, có một vị đại phu nhân tính tình nhân từ, được khen ngợi là trong sạch. Vua rất yêu quý, kính trọng tiết hạnh của bà. Vua nghe Đức Phật đến thuyết pháp nên cùng phu nhân xa giá đến chỗ Phật làm lễ rồi ngồi qua một bên. Đức Phật vì vua, phu nhân và thế nữ thuyết pháp vô thường, khổ, không; người ta do đâu tái sinh, hội họp rồi phải chia ly, oán ghét gặp gỡ nhau khổ; do phước sinh lên cõi trời, vì ác phải đọa địa ngục.

Vua và phu nhân hoan hỷ tin hiểu, đều thọ Ngũ giới làm Phật tử tịnh tín rồi từ giã trở về cung. Lúc ấy, có một vị Bà-la-môn tên là Kiết Tinh sinh được một người con gái xinh đẹp vô song. Đến năm mười sáu, sắc đẹp của cô thật toàn vẹn không kém

khuyết điểm nào. Ông Bà-la-môn treo giải ngàn lạng vàng cho ai phê bình một điểm xấu của con gái mình. Thế mà suốt ba tháng vẫn không có người làm được.

Ông Bà-la-môn nghĩ con gái mình đã đến tuổi lấy chồng, nếu ai khôi ngô tuấn tú xứng đôi thì sẽ gả cho.

Ông nghe nói Sa-môn Cù-đàm dòng họ Thích-ca, tướng mạo kim sắc hiếm có trên đời, nên dẫn con gái đến gả cho Đức Phật. Ông đưa con gái đến, chào hỏi xong, rồi thưa với Phật:

— Con gái tôi xinh đẹp hiếm có trên đời, nay đã trưởng thành phải gả chồng nhưng trên đời này không có kẻ xứng đôi. Ngài Cù-đàm đây đẹp đẽ vô song nên dẫn nó từ nơi xa xôi đến để gả cho Thế Tôn Ngài vậy. Đức Phật nói với Kiết Tinh:

— Nét xinh đẹp của con gái ông là cái đẹp quý của gia đình ông, còn cái đẹp của Ta là cái đẹp quý của chư Phật. Quan niệm về cái đẹp quý của chúng ta khác nhau. Ông tự khen con gái mình xinh đẹp, song Ta xét ra chỉ giống một cái bình tô vẽ đẹp nhưng lại đựng đồ bất tịnh hôi dơ, có gì đáng quý đâu? Sắc vóc xinh đẹp là chỗ dính mắc của năm tên giặc lớn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Tư dung đẹp đẽ là tai họa lớn của thân. Tan nhà nát cửa, giết mình hại thân tộc đều do nữ sắc mà ra. Ta làm Sa-môn sống một mình còn sợ bị tai ách, huống hồ lại

phải cưu mang quà tặng chứa đầy tai nạn giặc dữ kia! Ông hãy đem đi, Ta không nhận đâu.

Ông Bà-la-môn nghe vậy nổi giận liền bỏ đi. Ông đưa con gái đến ra mắt vua Ưu Điền, khen ngợi vẻ đẹp của con mình, rồi thưa:

– Con gái tôi đáng bậc vương phi, nay đã trưởng thành nên đưa đến dâng vua.

Vua nhìn nàng đẹp dạ bèn đồng ý và phong làm đệ nhị tả phu nhân, ban cho Kiết Tinh đai ấn, vàng bạc châu báu rồi phong làm quan kè cận giúp vua. Cô con gái sau khi đắc sủng, ôm lòng ganh ghét thường mê hoặc vua. Nhiều lần cô tìm cách gièm pha đại phu nhân, song vua đều quát lớn:

– Khanh chỉ đặt điều yêu mị không thật. Đại phu nhân là người tiết hạnh đáng quý mà lại gièm pha.

Cô này do lòng đố kỵ nên vẫn rắp tâm làm hại đại phu nhân, luôn tìm dịp tâu ra tâu vào khiến vua từ từ cũng xiêu lòng tin theo. Một hôm cô tìm ra một cơ hội, nhân ngày trai giới lại khuyên vua:

– Cuộc vui hôm nay xin mời hữu phu nhân ra dự.

Vua nghe lời ra lệnh hai hậu đều tham dự. Nhưng đại phu nhân vì trì trai giới nên không vâng lệnh. Vua ba lần cho người gọi mà bà nhất định trì trai không ra. Vua nổi giận sai người lôi ra, bắt trói trước điện rồi lấy cung định bắn chết. Đại phu nhân

vẫn không sợ hãi, nhất tâm quy y Phật. Vua nhắm phu nhân bắn, không ngờ mũi tên bay lại phía sau vua. Bắn mấy phát liên đều như vậy cả. Lúc ấy vua cảm thấy sợ hãi vội buông cung xuống đích thân cỡi trói cho đại phu nhân, rồi hỏi:

– Khanh có pháp thuật lạ gì mà khiến như thế?

Phu nhân trả lời:

– Thiếp chỉ phụng thờ Như Lai, quy y Tam bảo. Sáng nay thiếp thọ trai giới của Phật không ăn quá ngọ. Lại nữa giữ tám giới của Phật không được trang sức. Đây chắc là Đức Thế Tôn từ bi gia hộ khiến được như thế.

Vua nói:

– Lành thay! Sao không nói sớm cho trẫm?

Vua liền đuổi con gái của Kiết Tinh về nhà rồi giao cho đại phu nhân coi quản hết mọi việc trong cung.

Sau đó vua, phu nhân, các phi tần hậu cung và thái tử dẫn theo xa giá đến chỗ Đức Phật. Sau khi làm lễ xong, mọi người ngồi qua một bên chấp tay nghe pháp. Vua liền đem những việc đã xảy ra thuật lại đầy đủ cho Phật nghe. Đức Phật nghe xong bảo:

– Nay Đại vương, người nữ yêu tà độc ác có tám mươi bốn phong thái. Trong đó có tám phong thái chính bị người trí tuệ ghét. Đó là:

1. Tật đồ.

2. Giận càn.
3. Mắng chửi.
4. Trù rửa.
5. Trấn áp.
6. Keo lận, tham lam.
7. Ham trang sức.
8. Ôm lòng thâm độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Dầu trời mưa thất bảo
 Dục tâm thỏa được nào!
 Vui ít khổ biết bao
 Ai giác ngộ: Hiền trí.
 Dầu dục lạc cõi trời
 Trí giả xả không tham
 Vui viễn ly ân ái
 Làm đệ tử Phật-đà.*

Đức Phật nói với vua:

– Người ta làm phước tạo tội, mỗi thứ đều có tính chất riêng. Cho nên thọ quả báo vui khổ cũng khác nhau xa. Nếu thực hành pháp lục trai giới sẽ được phước rất nhiều, chư Phật đều khen ngợi và khi chết sẽ được sinh Thiên hưởng phước an vui.

Đức Phật nói xong, vua, phu nhân, thể nữ và các quan đại thần tâm ý đều khai ngộ, thấy được đạo.



Phẩm 37: SA-MÔN

Thí dụ 67:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ vì hàng trời, rồng, quỷ, thần, vua quan, nhân dân thuyết pháp. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo trẻ sáng sớm đắp y, cầm trượng, mang bát đến một ngôi làng lớn khát thực. Trên con đường cái mà vị Tỳ-kheo khát thực đi ngang, có một khu vườn rau của quan, bên ngoài trồng lúa. Trong đám cỏ xung quanh ruộng lúa có đặt bẫy tên, nếu có thú hay trộm đến đụng vào lưới, tên sẽ bắn ra giết chết. Khu vườn này do một thiếu nữ xinh đẹp canh giữ. Ai muốn vào phải ở xa lên tiếng, cô gái đưa đường mới vào vườn được. Kẻ không biết đường tự vào sẽ bị tên bắn chết. Cô gái một mình giữ vườn buồn nên cất tiếng ca ai oán. Tiếng hát của cô vô cùng truyền cảm, ai đi ngang cũng bị thu hút, xuống xe dừng ngựa muốn vào vườn, tần ngần không đành trở bước, ngồi quanh lắng nghe.

Lúc ấy vị Tỳ-kheo trên đường khát thực trở về, đi ngang lắng nghe tiếng ca, nãm tình liền dậy khởi, tâm ý mê loạn quyến luyến không sao dứt được. Vị Tỳ-kheo tưởng tượng người ca ắt hẳn vô cùng xinh đẹp nên muốn tìm cách vào khu vườn đó. Chưa vào trong mà ý chí của vị Tỳ-kheo ấy tiêu tan, tay buông tích trượng, để rớt y bát mà không hay biết.

Đức Phật với Tam minh thấy vị Tỳ-kheo này như vậy, nếu còn bước thêm ít bước sẽ bị trúng tên mà chết. Vị ấy có phước đang lễ đảnh đạo, song bị ngu si làm mê, lòng dục che lấp. Ngài xót thương muốn độ thoát ông ta, nên hóa ra một cư sĩ đi đến bên cạnh Tỳ-kheo đó dùng kệ trách:

*Sa-môn là hạnh gì
 Sao buông lòng phóng túng
 Từng bước đi dính mắc
 Chỉ theo ý ruồi dong.
 Ca-sa khoát trên vai
 Bị ác tâm tổn hại
 Người làm theo ác hạnh
 Sẽ đọa ác đạo ngay.
 Vượt dòng ái, tự giữ
 Hàng phục tâm, hết dục
 Người không dứt được dục
 Ý vẫn dong ruồi hoài.
 Hãy nên vì điều đó
 Phải gắng tự chế ngăn
 Xuất gia mà giải đãi
 Ý ô nhiễm trối trăn.
 Người hạnh tu giải đãi
 Ý mê hoặc còn hoài
 Không phải hạnh thanh tịnh
 Đến bảo sở, khó thay!
 Kẻ không thuần khó dạy
 Như gió thổi cây khô*

*Tự mang hại bản thân
Sao không lo tinh tấn.*

Nói kệ xong, vị Hóa cư sĩ đó hiện lại thân Phật, tướng hảo quang minh khắp đất trời, ai trông thấy đều dứt hết mê loạn được an ổn. Vị Tỳ-kheo trông thấy Đức Phật, tâm ý chợt khai ngộ như tối gặp sáng liền năm vóc phủ phục sát đất đánh lễ sám hối, tạ ân Đức Phật. Vị ấy trong tâm thông tỏ pháp chỉ quán đặc quả A-la-hán, bèn theo Đức Phật trở về tinh xá. Vô số người nghe pháp chứng được pháp nhãn.



Phẩm 38: PHẠM CHÍ

Thí dụ 68:

Thuở xưa, trong nước Tư-ha-điệp có một ngọn núi lớn tên là Tư-hưu-giá-tha. Trong núi có hơn năm trăm vị tu sĩ Bà-la-môn đều đặc thần thông. Các vị đó tự bảo với nhau:

– Chỗ chứng đắc của chúng ta chính là Niết-bàn.

Lúc ấy, Đức Phật mới ra đời giống trống pháp, mở cửa cam lộ. Ngài thấy các Bà-la-môn này nghe được tên Phật mà chưa đến gặp. Ngài lại xét thấy họ là những người có thể độ được. Nên một hôm, Đức Thế Tôn một mình đi vào núi, ngồi dưới một cội cây nơi đường ra vào. Ngài nhập Tam-muội

phóng hào quang trên thân soi chiếu khắp núi, mọi nơi đều rực sáng như núi bị cháy.

Các Bà-la-môn thấy vậy sợ hãi, vội dùng thần thông phun nước dập lửa. Nhưng họ dầu cố sức thế nào đi nữa cũng không dập tắt được. Họ lấy làm lạ bỏ núi chạy ra. Xa xa họ trông thấy Đức Thế Tôn đang ngồi tọa thiền dưới cội cây, như mặt trời mọc bên núi vàng, như vàng trắng sáng giữa đám sao đêm. Họ ngạc nhiên không biết đó là vị thần nào nên vội đến xem. Đức Phật bảo họ ngồi xuống rồi hỏi từ đâu tới. Họ đáp:

– Chúng tôi ở núi này tu đạo đã lâu. Sáng nay lửa dữ nổi lên đốt cháy rừng cây trong núi nên lo sợ bỏ chạy ra.

Đức Phật bảo:

– Đây là lửa phước không làm tổn thương người, chỉ muốn đốt cháy trần cấu si mê của các ông.

– Lúc ấy các thầy trò Bà-la-môn cùng nhau bàn tán:

– Đây là đạo sĩ gì vậy? Trong chín mươi sáu thứ đạo chưa từng có ông thầy này! Có người nói:

– Tôi từng nghe con vua Tịnh Phạn tên là Tất-đạt không tham ngôi báu xuất gia cầu thành đạo Phật. Phải chăng là ông ấy?

Các đệ tử bèn đề nghị thầy mình:

– Chúng ta thử hỏi Phật chỗ hành sự của các

Bà-la-môn có đúng pháp không?

Lúc ấy, các thầy trò Bà-la-môn đứng dậy bạch Đức Phật:

– Kinh pháp Bà-la-môn tên là Tứ vô ngại. Các môn như thiên văn, địa lý, pháp các vua chúa trị nước an dân là những pháp tắc phải làm nên chín mươi sáu thứ đạo đều gồm đủ trong đó. Không biết kinh này có phải là pháp Niết-bàn không? Xin Phật giải nói cho kẻ chưa được nghe.

Đức Phật dạy:

– Các ông hãy khéo lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta từ vô số kiếp quá khứ thường tu theo kinh này đắc được Ngũ thông đời non lập biển, song vẫn bị sinh tử triền miên không dứt, tự mình không chứng Niết-bàn cũng không nghe có ai đắc đạo. Nên các ông tu hành như vậy không phải gọi là Bà-la-môn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

*Dứt dòng ái, vượt qua
Vô dục như Phạm thiên
Ý hành đều chấm dứt
Đó gọi Bà-la-môn.
Mở được các dục kết
Thanh tịnh vượt vực sâu
Không có pháp thứ hai
Đó gọi Bà-la-môn.
Không phải bện búi tóc
Mà gọi Bà-la-môn*

Nếu thành tín, theo pháp
Thanh bạch là Hiền nhân.
Búi tóc mà vô tuệ
Mặc áo cỏ làm chi?
Trong không lìa cầu uế
Ngoài xả bỏ ích gì?
Bỏ hết dâm, nộ, si
Kiêu mạn, các ác kiến
Như rắn lột bỏ da
Đó gọi là Bà-la-môn.
Việc đời quyết cắt tuyệt
Miệng không nói lời thô
Bát chánh đạo trao dồi
Đó gọi là Bà-la-môn.
Đã dứt nguồn ân ái
Sống vô dục, không nhà
Mọi ái nhiễm đoạn tận
Đó gọi Bà-la-môn.
Lìa xa cõi nhân gian
Không rơi lại cõi trời
Không vương trong các cõi
Đó gọi Bà-la-môn.
Tự biết túc mạng mình
Vốn từ đâu lại đây
Đã đoạn hết sinh tử
Thông tỏ được đạo mâu
Sáng suốt và vắng lặng
Đó gọi Bà-la-môn.

Đức Phật nói kệ xong, bảo các Bà-la-môn:

– Chỗ các ông tu tập tự cho là đã được Niết-bàn giống như chút đỉnh nước đọng, cá làm sao vui trọn dài lâu. Vạn vật nhân duyên hòa hợp tự tính vốn không.

Các Bà-la-môn nghe xong vô cùng hoan hỷ, quỳ thẳng bạch Phật xin làm đệ tử. Râu tóc họ liền tự rụng thành Sa-môn. Do tu hạnh thanh tịnh họ đều đắc quả A-la-hán. Trời, Rồng, Quỷ, Thần đều thấy được đạo.



Phẩm 39: NÊ HOÀN

Thí dụ 69:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại núi Linh thú nơi thành Vương xá cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. Lúc ấy, có vua nước Ma-kiệt-đà tên là A-xà-thế trông coi năm trăm nước nhỏ. Nước kế bên là Việt-kỳ không muốn thần phục nên vua định đem quân sang đánh. Vua bèn triệu tập quần thần hỏi ý kiến:

– Nước Việt-kỳ giàu có, sản xuất nhiều trân báu mà không chịu thần phục ta. Theo ý các khanh, ta có nên đem quân sang chinh phạt không?

Trong triều có vị thừa tướng tên là Vũ Xá đáp:

– Nên đánh.

Vua mới bảo Vũ Xá:

– Phật cách đây không xa, Ngài là Bạc Thánh Triết có đủ Tam minh biết hết mọi việc. Khanh hãy đến chỗ Phật, theo ý ta lựa lời thăm hỏi xem nếu đem quân sang đánh nước kia thì có thể thắng được không?

Thừa tướng vâng lệnh, liền cho thắng xe ngựa đến tinh xá. Ông đến trước Phật đánh lễ ra mắt. Đức Phật bảo ông ngồi sang một bên, rồi hỏi:

– Thừa tướng từ đâu đến?

Ông đáp:

– Vua sai con đến đánh lễ hỏi thăm sức khỏe Phật như mọi khi.

Đức Phật hỏi tiếp:

– Vua và nhân dân bề tôi đều bình an cả chứ?

Ông đáp:

– Vua và nhân dân nhờ ân Phật thấy đều bình an.

Ông nhân dịp đó bạch luôn:

– Vua và nước Việt-kỳ có hiềm khích định đem quân sang chinh phạt. Không biết theo Thánh ý có thể chiến thắng được không?

Đức Phật đáp:

– Nay thừa tướng, nhân dân nước Việt-kỳ thực hành bảy pháp nên không thể thắng. Mong rằng vua suy xét cẩn thận không nên vọng động dấy binh.

Thừa tướng bèn hỏi:

– Bảy pháp đó là gì?

Đức Phật đáp:

– Bảy pháp đó là:

1. Nhân dân nước đó thường tụ họp, bàn luận chánh pháp, tu phước, tự sửa.

2. Vua tôi, thần dân nước đó trên dưới một lòng. Kẻ làm tôi làm dân thì trung lương, người làm vua thì nghe lời can gián, không bạo ác.

3. Nhân dân nước đó gìn giữ chánh pháp, khuyên bảo nhau không lượm của rơi, không dám phạm tội, trên dưới đều tuân theo pháp tắc.

4. Nhân dân nước đó giữ theo lễ nghĩa, kính cẩn. Nam nữ phân biệt, lớn nhỏ phân biệt không để mất nghi tắc.

5. Nhân dân nước đó hiếu dưỡng Cha mẹ, kính yêu Sư trưởng, nghe lời răn bảo dạy dỗ coi đó như pháp tắc của quốc gia.

6. Dân nước đó biết theo thời tiết, đất đai, quý trọng lúa thóc, bốn mùa dân chúng siêng năng cày cấy không bỏ bê.

7. Dân nước đó tôn đạo kính đức. Trong nước có Sa-môn, thánh giả, A-la-hán từ xa đến đều cúng dường các thứ áo mền, giường chõng thuốc thang.

Ai làm vua mà thực hành được bảy pháp này thì không bị nguy khốn. Dầu cho đem binh cả thiên hạ đến đánh cũng không thắng được. Nay thừa tướng, nếu như nhân dân nước Việt-kỳ chỉ thực

hành một pháp thôi cũng không thể đánh thắng được, huống chi là thực hành cả bảy pháp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Thắng người không đủ cày
Tuy thắng, khổ bên mình
Phải cầu pháp tự thắng
Thắng rồi được vô sinh.*

Vũ Xá nghe Đức Phật nói kệ liền thấy được đạo. Lúc ấy mọi người trong pháp hội liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Thừa tướng từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng:

– Việc nước bạn bị phải về lo, vậy xin từ giả Thế Tôn. Đức Phật nói:

– Phải biết xử sự đúng lúc.

Sau khi từ chỗ ngồi đứng lên, thừa tướng lễ Đức Phật ra về. Ông đem mọi việc thưa lại với vua. Vua bèn từ bỏ ý định đánh nước Việt-kỳ, nghiêm trì theo lời Phật dạy, lấy đó để giáo hóa nhân dân. Sau đó nước Việt-kỳ đến quy thuận, trên dưới kính quý nhau, nước nhà hưng thịnh.



Phẩm 40: SINH TỬ

Thí dụ 70:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ hoàn vì

hàng trời, người, vua quan, dân chúng tuyên thuyết diệu pháp. Lúc ấy, bên đường có một gia đình trưởng giả Bà-la-môn giàu có vô số, chỉ sinh được một người con trai, năm nay vừa tròn hai mươi tuổi. Vị trưởng giả mới cưới vợ cho con được bảy ngày. Hai vợ chồng thương yêu ăn ở hòa thuận với nhau. Người vợ nói với chồng muốn ra vườn sau ngắm cảnh thưởng hoa. Chồng chiều ý vợ, hai người đưa nhau ra vườn sau. Lúc ấy đương vào tiết xuân, trong vườn có một cây nài cao to trổ hoa tươi đẹp. Vợ muốn hái hoa song không có người. Người chồng biết ý vợ muốn hoa nài liền trèo lên cây. Hái được một bông rồi, lại muốn hái thêm một bông khác. Leo chuyền dần dần đến một cành nhỏ. Nhánh cây gãy người chồng rơi xuống đất chết ngay.

Cả nhà hay tin vội chạy đến chỗ xác con than khóc kêu trời trách đất đến ngất đi tỉnh lại. Thân tộc trong ngoài đến thăm đông đảo, ai cũng hết sức thương tâm. Người nghe xót xa, kẻ thấy rơi lệ, cha mẹ và vợ trách trời sao tàn nhẫn chẳng hộ độ. Sau đó mọi người tắm liệm rồi đem anh đi chôn cất. Khi trở về, cả nhà suốt ngày than khóc mãi không thôi. Bảy giờ Đức Thế Tôn thương cho sự ngu muội của họ nên đến thăm hỏi. Cả nhà trưởng giả thấy Đức Phật đến, đau buồn khóc lóc đem hết sự tình ra kể lể. Đức Phật bảo với trưởng giả:

– Xin đừng than khóc nữa, hãy nghe Ta nói: “Vạn vật đều vô thường không thể trường cửu.” Đã sinh thì phải tử, tội phước theo nhau. Đứa con này thật ra phải có đến ba chỗ than khóc vì nó, sự đau buồn hai nơi kia cũng không thua chỗ ông đâu. Nó rốt cuộc là con ai? Ai là người thân của nó?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Mạng sống như trái chín
Sẽ rụng chẳng bao lâu
Đã sinh là phải khổ
Ai bắt tử được đâu?
Do trước tham ái dục
Trưởng dâm nhập bào thai
Thọ thân mạng như điện
Ngày đêm luôn giảm hoài.
Thân này là vật chết
Tinh thần: pháp vô hình
Thân chết, thức tái sinh
Tội phước vẫn không mất.
Trước sau biết bao đời
Do ái si kéo dài
Khổ vui tự mình tạo
Thân chết, thần còn lại.*

Trưởng giả nghe kệ xong, chợt thông hiểu không còn đau buồn, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, người con này đời trước gây tội gì mà đời nay phải yếu mạng như vậy? Xin

Ngài hãy giảng nói rõ gốc tội.

Đức Phật bảo trưởng giả:

– Đời quá khứ có một đứa bé mang cung tên đến một cây thần chơi. Bên cạnh đó cũng có ba người nữa. Thấy trên cây có con chim sẻ, đứa bé muốn bắn. Ba người kia thấy vậy khuyến khích: “Bắn trúng được con chim sẻ đó, mới thật là bậc tiểu anh hùng.”

Đứa bé nghe vậy thích quá liền giơ cung bắn. Chim sẻ trúng tên rơi xuống đất chết. Ba người kia khen ngợi rồi bỏ đi. Trải qua vô số kiếp trong sinh tử họ lại gặp gỡ và cùng thọ tội. Một người trong bọn có phước nay ở cõi trời. Một người hóa sinh làm Long vương ở trong biển. Còn một người làm thân trưởng giả. Đứa bé cầm tên bắn chim chính là con ông ngày nay. Đời trước nó sinh làm con của người cõi trời, rồi mạng chung sinh làm con của trưởng giả. Giờ đây nó té chết lại sinh làm con của người làm Long vương dưới biển. Ngày nó vừa sinh ra đã bị chim Kim sí điều vương bắt ăn thịt.

Ngày nay bọn ông ba người ở ba nơi đều vì đứa nhỏ mà buồn khổ than khóc thì có chi đáng nói đâu! Do vì ba ông đã tán trợ thú vui giết chim của đứa bé nên phải chịu báo ứng khổ đau than khóc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Thức tâm tạo ba cõi
Năm chỗ thiện, bất thiện*

*Thầm làm, thầm đưa đến
 Chỗ đến, như tiếng vang.
 Dục, Sắc, Vô sắc giới
 Tất cả do túc nghiệp
 Như giống nào trái nấy
 Báo như bóng theo hình.*

Đức Phật nói kệ xong muốn khiến trưởng giả giác ngộ, nên đã dùng thần thông khiến cho mọi người thấy túc mạng, những việc đã xảy ra ở cõi trời, cõi của loài rồng. Trưởng giả nghe xong hoan hỷ đứng dậy, ra trước Phật quỳ xuống chấp tay bạch:

– Xin Đức Thế Tôn cho cả nhà chúng con là đệ tử, thọ trì Ngũ giới làm cư sĩ tại gia.

Đức Phật hứa khả, truyền trao Ngũ giới cho họ, rồi lại thuyết pháp về nghĩa vô thường. Mọi người hoan hỷ đắc quả Tu-đà-hoàn.



Phẩm 41: ĐAO-LỢI

Thí dụ 71:

Thuở xưa có một vị quốc vương dùng chánh pháp trị dân, ai ai cũng mến mộ đức độ. Song vua lại không có thái tử nối ngôi nên rất buồn lo về việc này. Một hôm, Đức Phật đến nước đó. Vua ra nghênh đón, nghe pháp vui mừng và xin lãnh thọ Ngũ giới. Vua ngày đêm tinh tấn, nhất tâm phụng

trì chỉ xin nguyện có một đứa con. Trong cung có một thị đồng mười một tuổi mà vua thường dùng sai bảo. Cậu ấy là người trung tín, khiêm tốn giữ phép, không trái cung cách. Cậu lại tinh tấn hết lòng học tập, đọc tụng kinh kệ, suốt mấy năm cậu ấy luôn dậy trước mọi người, sắp đặt chuẩn bị chu đáo nhang đèn không biết nhọc. Rốt lại cậu mắc bệnh nặng chết đi, thần thức tái sinh làm con của vua.

Vua hết sức thương yêu, hết lòng nuôi dưỡng, đến năm mười lăm tuổi lập cậu lên làm thái tử. Sau khi vua băng hà, thái tử lên kế vị. Từ khi lên ngôi, tân vương trở nên kiêu mạn, phóng túng, hoang dâm vô độ, ngày đêm chìm đắm trong ngũ dục không lo việc nước. Vì thế mà các quan luôn bị bỏ triều, nhân dân bị khốn khổ.

Đức Phật biết vua không hiểu được bốn hạnh của mình, nên dẫn đệ tử đến nước đó hóa độ. Vua nghe Đức Phật đến, theo phép tiên vương cũng dẫn đại chúng ra nghênh tiếp, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống chỗ của mình.

Đức Phật hỏi thăm vua:

– Đất nước nhân dân, bá quan vẫn an ổn như thường chứ?

Vua đáp:

– Quả nhân còn trẻ chưa đủ tài đức trị dân. Nhờ ân Phật mà trong nước vẫn an ổn.

Đức Phật lại hỏi:

— Vua có biết mình từ đâu sinh đến không? Tu công đức gì mà được vương vị không?

Vua đáp:

— Con ngu si không rõ, không biết đời trước làm gì.

Đức Phật bảo:

— Nay Đại vương, người do năm việc mà được làm quốc vương. Thế nào là năm? Đó là:

1. Bồ thí được làm vua, được vạn dân phụng hiến cung điện, dâng nạp tiền của vô số.

2. Xây dựng chùa tháp, cúng dường Tam bảo giường chõng, màn trướng được làm vua. Nhờ phước đó mà nhà vua được ngự trên ngai vàng giữa triều trị nước.

3. Thân cận, lễ kính Tam bảo và các bậc Trưởng đức nên được làm vua. Nhờ phước này nên vua được muôn dân kính lễ.

4. Nhẫn nhục ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng, ý không ác niệm do đó làm vua. Nhờ phước này nên ai trông thấy mặt vua cũng vui mừng.

5. Học hỏi, thường cầu trí tuệ nhờ đó được làm vua. Nhờ phước này nên vua quyết đoán việc nước ai cũng nghe theo.

Thực hành năm việc này đời đời sẽ làm vua.

Bây giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Người biết thờ bậc trên
 Vua, cha, thầy, đạo sĩ
 Có tín, giới, thí, tuệ
 Chết an, tái sinh an.
 Đời trước có phước đức
 Nay tôn quý hơn người
 Lấy đạo trị thiên hạ
 Phụng pháp, ai cũng theo.
 Vua là chủ thân dân
 Thường yêu thương kẻ dưới
 Thân noi theo Giới pháp
 Làm gương dạy mọi người.
 Sống an chớ quên nguy
 Sáng suốt, phước càng đầy
 Quả báo của phước đức
 Không luận hèn hay sang.

Đức Phật bảo vua:

– Tiền thân của vua là thị đồng của tiên vương. Do nhờ tín tâm thờ Phật, thanh tịnh trì Pháp, cung kính hầu Tăng, hiếu thảo cha mẹ, trung can với vua, nhất tâm tinh tấn bố thí, cực nhọc mà không biếng trễ nên được phước đời này làm con tiên vương, thừa hưởng ngôi vị vinh hoa phú quý. Thế mà nay vua giàu sang trở lại biếng trễ. Phàm làm vua nên thực hành năm việc:

1. Lãnh đạo muôn dân mà không có xa xỉ, phí phạm.

2. Nuôi dưỡng tướng sĩ tùy thời sai bảo.

3. Nhớ tu theo bốn nghiệp để phước đức còn mãi không dứt.

4. Biết tin nghe lời chánh trực của trung thần, không nghe lời sàm tấu làm hại bề tôi trung trực.

5. Tiết dục, không đắm theo dục lạc, không buông lung phóng dật.

Làm được năm việc này sẽ vang danh bốn biển, phước lộc tự đến. Bỏ năm việc này giếng mối sẽ mất hết. Nhân dân khốn khổ sẽ nghĩ đến việc nổi loạn, quân lính nhọc nhằn sẽ bỏ bê việc công. Do vô phước quỷ thần không giúp đỡ, lại tự tung tự tác bất kể đạo lý, trung thần không dám can ngăn. Cho nên việc nước bỏ bê, gian thần lộng hành, nhân dân oán thán. Nếu như vậy hiện đời thân bại danh liệt, đời sau sẽ vô phước khổ đau.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Phàm lãnh đạo thế gian
Tu chánh đạo không tà
Điều tâm, thắng các ác
Đó là bậc Pháp vương.
Thấy đạo, hay tuệ thí
Nhân ái, thích lợi người
Bình đẳng với tất cả
Được vậy chúng tựa nương.*

Nghe Đức Phật nói kệ xong, vua vô cùng hoan hỷ, đê đầu đánh lễ trước Phật để sám hối và tạ ân,

rồi thọ Ngũ giới tu tập. Đức Phật lại vì vua thuyết pháp. Nghe xong, vua đắc quả Tu-đà-hoàn.



Thí dụ 72:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ thọ nước Xá-vệ vì hàng trời người, vua quan, bốn bộ đệ tử thuyết đại pháp vô thượng. Lúc ấy, phía Nam của nước này có một vùng núi sâu, nơi đây thường xuất hiện một loại voi lớn. Con voi có ba màu trắng, xanh và đen. Vua muốn có loại voi lớn chiến đấu này nên sai người bắt nó giao cho điều tượng sư huấn luyện. Ba năm sau, voi có thể dùng để cỡi hay chiến đấu.

Lúc đó có một con voi thần do rồng sinh ra, thân trắng như tuyết, đuôi đỏ như son, hai ngà màu vàng kim. Thợ săn trông thấy con voi khác thường này bèn trở về tâu vua, mô tả hình dáng và bảo nó xứng đáng để vua cỡi. Vua liền ra lệnh tuyển mộ thợ săn voi hơn ba mươi người vào rừng bắt nó. Bọn họ đến chỗ voi giăng lưới định bắt. Thần tượng biết được ý người liền bước đến, cố ý rơi vào vòng lưới. Mọi người xúm lại định bắt, voi nổi giận lồng lên đạp những người đứng gần chết ngay tại chỗ, chỉ những kẻ ở xa mới kịp bỏ chạy, nhưng voi đuổi theo chẳng buông tha. Lúc ấy, cạnh núi có các Tỷ-kheo trẻ tuổi khỏe mạnh, đã tu học rất lâu nhưng chưa được định tâm. Họ ở xa thấy thần

tượng đuổi theo giết người nên khởi lòng thương xót định cạy mạnh chạy đến cứu. Đức Phật từ xa trông thấy việc này, sợ các Tỳ-kheo bị thần tượng giết hại, nên liền hiện đến bên cạnh voi phóng hào quang rực rỡ. Voi trông thấy hào quang của Đức Phật không còn sân hận, thôi không đuổi theo giết người nữa. Các Tỳ-kheo thấy Đức Phật vội làm lễ đón chào. Đức Phật vì các Tỳ-kheo nói kệ:

*Chớ vọng trên thần tượng
Để chuốc khổ vào thân
Ác ý là tự sát
Chết không sinh cõi lành.*

Các Tỳ-kheo nghe kệ xong liền cúi đầu đánh lễ sám hối. Rồi họ tự quán xét sâu xa lỗi lầm của mình, chứng được quả A-la-hán ngay trước Đức Phật. Các thợ bắt voi lúc ấy mới hoàn hồn, nghe pháp xong, đều hiểu được đạo.



Thí dụ 73:

Thuở xưa, Đức Phật trú trên núi Kỳ-xà-quật thành La-duyệt-kỳ. Lúc ấy vua Bình-sa có một vị đại thần vì phạm tội bị bãi chức đầy đến ở vùng núi phía Nam cách nước hơn ngàn dặm. Đây là nơi không người lai vãng, ngũ cốc xác xơ. Đại thần đến đó ít lâu, không ngờ xuất hiện suối nước tràn trề, đất đai màu mỡ, ngũ cốc sung túc. Những người nghèo đói các nơi đổ về đây sinh sống, trong vòng

mấy năm đã có ba bốn ngàn gia đình. Ai đến đều được cấp cho ruộng đất làm ăn.

Một hôm, có ba vị trưởng lão bàn với nhau: “Nước không có vua như thân không có đầu.” Nên cùng đến chỗ đại thần, đề cử ông lên làm vua. Vị đại thần trả lời các trưởng lão: “Nếu muốn lập tôi lên làm vua phải đúng pháp như các quốc vương: Tả hữu có đại thần hầu cận, văn võ tướng sĩ có phẩm trật trên dưới. Mọi người phải tuân theo lễ pháp triều. Lại phải tuyển các thiếu nữ nhập cung và nhân dân phải nộp tô thuế, lúa thóc, vải vóc.

Các quốc lão nói:

– Xin làm theo như thế.

Rồi họ một mực theo vương pháp, lập đại thần lên ngôi, sắp đặt quần thần văn võ trên dưới, phát động nhân dân xây cất thành quách, kiến tạo cung điện. Từ đó nhân dân khốn khổ, không còn cảnh an cư lạc nghiệp. Mọi người vì quá khổ cực nên muốn đảo chính soán ngôi. Các gian thần bày mưu đưa vua đi săn. Ra ngoài thành chừng ba bốn mươi dặm có một cánh đồng trống, họ trói vua lại định giết. Vua hỏi các cận thần:

– Sao các ông lại giết ta?

Họ đáp:

– Nhân dân nếu no ấm hạnh phúc sẽ lấy lễ thờ vua. Còn nhân dân nghèo đói sẽ nổi loạn lật đổ vương quyền.

Vua bảo:

– Chuyện này là do các khanh làm, không phải tại ta. Nếu giết oan ta thần minh sẽ biết. Hãy cho ta phát một lời nguyện, dù chết cũng can tâm.

Vua liền nguyện:

– Tôi vốn khai hoang tạo ruộng để nuôi dân. Ai đến sinh sống đều an cư lạc nghiệp. Rồi họ tự động suy tôn tôi lên ngôi vua, chiêu theo pháp vua các nước khác mà sắp đặt, làm ra mọi việc như thế. Nay họ trở lại giết tôi. Tôi thật không có tội với nhân dân. Nếu tôi chết nguyện sẽ làm quỷ La-sát nhập vào thân cũ để trả thù này.

Vua nguyện xong, bị cận thần lấy dây xiết cổ chết, bỏ thây ở đó rồi đi. Ba ngày sau, thần thức vua làm quỷ La-sát nhập vào thân cũ, tự xưng là A-la-bà. Quỷ vào cung dùng dây xiết cổ tân vương và giết sạch các gian thần cũng như thể nữ. La-sát vẫn còn giận ra khỏi cung định bắt giết dân chúng. Ba vị quốc lão thấy vậy tự trói ra đầu thú trước La-sát, thưa:

– Đây là việc làm của gian thần, dân đen nào có biết gì. Xin ngài hãy rộng lòng tha thứ, trở về làm vua lại.

La sát bảo:

– Ta đã là La-sát, đâu có thể sống làm việc chung với người. Ta ăn thịt uống máu người, tánh thường hay phẫn nộ bất kể chuyện gì.

Ba vị quốc lão nói:

– Nước này do ngài mà có, nên xin ngài hãy làm vua lại như cũ. Còn việc ăn uống chính chúng tôi sẽ lo.

Từ đó, các quốc lão lập ra quy định: Nhân dân phải rút thăm lấy số thứ tự, nhà nào có con theo thứ tự nộp cho vua La-sát ăn. Trong ba bốn ngàn hộ gia đình, có một nhà là đệ tử Phật, tinh tấn phụng trì Ngũ giới không phạm. Ông theo mọi người rút thăm trúng phải số thứ nhất, phải nộp đứa con nhỏ duy nhất của mình cho vua La-sát ăn trước hết. Cả nhà buồn thương than khóc, hướng vọng về núi Kỳ-xà-quật đánh lễ sám hối nghiệp tội của mình.

Đức Phật với đạo nhân thấy hết nỗi thống khổ này, tự bảo: “Nhờ nơi đứa bé này Ta sẽ độ được vô số người.” Ngài liền một mình bay đến cửa cung điện vua La-sát, hiện tướng quang minh soi sáng nội cung. La-sát thấy hào quang nghi là dị nhân bèn ra gặp Phật. La-sát thấy Đức Phật liền khởi độc tâm định xông đến ăn thịt. Hào quang Phật chiếu vào mắt, bao nhiêu thần lực của La-sát đều tiêu tan, trở nên yếu đuối phải chịu hàng phục. La-sát thỉnh Phật lên tòa ngồi, còn mình quỳ dưới đánh lễ. Đức Phật vì La-sát thuyết pháp. La-sát nhất tâm nghe, tin hiểu rồi thọ Ngũ giới làm Ưu-bà-tắc.

Lúc ấy, viên quan tổng thực mang đứa bé đến cho vua La-sát ăn. Cả nhà đứa bé đều than khóc đi

theo. Vô số người đi theo lấy làm đau xót. Viên quan ôm đứa bé trao cho vua La-sát. Vua La-sát đón lấy đứa trẻ, rồi quỳ trước Phật bạch:

– Đứa bé này do quốc dân theo thứ tự đưa đến cho con ăn. Nay con đã thọ Ngũ giới của Phật nên không ăn thịt nó nữa. Con xin cúng nó cho Đức Phật làm thí đồng hầu hạ.

Đức Phật nhận đứa bé rồi chú nguyện chúc lành. La-sát hoan hỷ đặc quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật đặt đứa bé vào bát rồi mang ra khỏi cung về nhà cha mẹ của nó. Đến nơi, Ngài bảo:

– Hãy nuôi đứa bé đừng đau buồn nữa. Mọi người trông thấy Đức Phật hết sức kinh ngạc không biết là vị Thần nào. Đứa bé này nhờ phước gì mà được cứu thoát khỏi làm thức ăn cho La-sát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đứng giữa mọi người nói kệ:

*Giới đức chỗ nhờ cậy
Phước báo sẽ theo ta
Thấy pháp thành bậc thượng
Ba đường ác tránh xa.
Trì giới: hết khổ lo
Phước: ba cõi tôn quý
Quỷ thần ác độc tà
Không hại kẻ trì giới.*

Đức Phật nói kệ xong, vô số người thấy hào quang của Phật liền biết là Bạc Chí Tôn trong tam

giới. Họ đều xin quy y làm đệ tử, nghe kệ hoan hỷ, đều tỏ ngộ được đạo.



Thí dụ 74:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại vườn Lộc dã, thành Ba-la-nại thuyết pháp cho hàng trời, người, quỉ, thần, vua quan, nhân dân. Lúc đó có một vị thái tử con vua nước lớn dẫn theo hơn năm trăm vị thái tử con vua các nước nhỏ đến chỗ Đức Phật làm lễ rồi ngồi qua một bên nghe pháp.

Nghe xong, các thái tử bạch Phật:

– Phật đạo nhiệm mầu, cao xa khó đạt. Từ xa xưa đến nay không biết có quốc vương, thái tử, đại thần, con nhà hào phú nào từ bỏ đất nước thần dân, ái ân phú quý làm Sa-môn không?

Đức Phật bảo các thái tử:

– Vương quốc, vinh hoa, ân ái trên đời đều như huyễn hóa, như giấc mộng, như tiếng vang, có đó rồi không đó nào có trường tồn. Lại nữa, quốc vương, thái tử do ba việc nên không thể đắc đạo. Ba việc đó là gì?

1. Kiêu mạn, buông lung không chịu học hỏi diệu nghĩa kinh Phật để cứu độ thần thức.

2. Tham lam vợ vét, không nghĩ bố thí cho kẻ nghèo cùng, khổ nạn bên dưới. Quan lại có tài sản không ban phát cho dân cùng, ổn định và củng cố tài lực của đất nước.

3. Không thể xa lìa sắc dục, các việc hưởng lạc. Không bỏ được lao ngục não phiền, để hành Samôn hạnh, tu thân dứt hết khổ nạn.

Cho nên Bồ-tát sinh làm vua trừ dứt ba việc này, tự sẽ được thành Phật.

Lại có ba việc:

1. Tuổi trẻ học hỏi, trông coi đất nước, giáo hóa nhân dân dạy họ hành theo Thập thiện.

2. Đem tiền của bố thí kẻ bần cùng, cô độc. Vua quan tướng sĩ cùng hưởng phước vui sướng với dân.

3. Thường xét nghĩ đến lẽ vô thường, mạng sống chẳng dài lâu, phải nên xuất gia tu hạnh Samôn, chấm dứt nguyên nhân đau khổ, không còn sinh tử.

Nếu ba việc này không làm được, sẽ không đạt được gì cả.

Kể đó, Đức Phật tự thuật:

— Đồi trước Ta làm Chuyển luân thánh vương tên là Nam Vương Hoàng đế. Đồ thất bảo, cung điện, ao tắm, hành cung, ngự uyển, quần thần, phu nhân, thể nữ, voi ngựa, đầu bếp... mỗi thứ đều có tám muôn bốn ngàn. Vua có ngàn người con đều dũng mãnh tinh nhuệ, một địch nổi ngàn. Vua có thể bay trên hư không, du hành bốn phương muốn làm gì thì làm không ai ngăn nổi. Thánh vương thọ bốn mươi tám ngàn tuổi, lấy chánh pháp trị dân,

không xử ai oan uổng. Một hôm, Thánh vương chợt nghĩ: “Mạng người vô thường, ngăn ngủi khó giữ. Ta phải tu phước để cầu đạo chân thật, thường bố thí cho dân chúng, đem tài sản của mình ra chia sẻ với mọi người. Sau khi gieo trồng phước đức rồi, phải xuất gia làm Sa-môn, dứt hẳn tham dục mới diệt được khổ.” Nghĩ xong, nhà vua ra lệnh người hầu chải tóc: “Nếu thấy tóc bạc hãy lập tức báo cho ta biết.” Mấy vạn năm sau, người hầu chải tóc báo rằng vua đã có tóc bạc. Vua ra lệnh nhổ lấy để trên bàn, rồi nhìn tóc bạc rơi lệ bảo rằng: “Sứ giả thứ nhất đã chợt nhớ đến rồi. Nay tóc ta đã bạc, phải nên xuất gia Sa-môn, cầu đạo vô vi.”

Vua để tóc trong lòng bàn tay, rồi tự nói kệ:

*Nay trên đầu của ta
Tóc bạc là bị trộm
Đã có Thiên sứ triệu
Đến lúc phải xuất gia.*

Thánh vương bèn triệu quần thần lập thái tử lên làm vua, còn mình xuất gia làm Sa-môn vào núi tu đạo. Sau khi mãn tuổi thọ, Thánh vương sinh lên cõi trời thứ hai làm thái tử con vua trời Đế Thích, còn vị Thánh vương thứ hai lên ngôi, cũng noi theo hạnh tiên vương, dặn người chải tóc hễ thấy tóc bạc liền báo. Thời gian lâu sau, được báo đã có tóc bạc, Thánh vương thứ hai sai nhổ để trên lòng bàn tay rồi cũng nói kệ:

*Nay trên đầu của ta
Tóc bạc là bị trộm
Đã có Thiên sứ triệu
Đến lúc phải xuất gia.*

Nói kệ xong, vua lại triệu tập quần thần lập thái tử lên vương vị, còn mình xuất gia làm Sa-môn vào núi tu đạo, mãi tuổi thọ lại sinh lên cõi trời làm Thiên đế Thích. Còn vị Thiên đế Thích trước hưởng hết tuổi thọ cõi trời sinh xuống nhân gian làm thái tử con vị Thánh vương thứ ba.

Như vậy ba vị Thánh vương thay đổi làm cha con nhau. Trên làm Đế Thích, dưới làm Thánh vương, giữa làm thái tử. Ba người sinh lên xuống ba mươi sáu lần như vậy suốt mấy ngàn vạn năm. Do nhờ luôn thực hành ba việc này nên rốt cuộc được thành Phật. Vua cha (*vị Thánh vương đầu tiên*) là Ta ngày nay, thái tử (*vị Thánh vương thứ hai*) là Xá-lợi-phất, cháu nội vua cha (*vị Thánh vương thứ ba*) là A-nan. Ba chúng ta nhiều đời thay đổi làm vua giáo hóa nhân dân, nên mới được đặc biệt tôn quý, không ai sánh bằng trong ba cõi.

Đức Phật nói xong, quốc vương, thái tử và con các vua nước nhỏ vô cùng hoan hỷ, lãnh thọ năm giới làm cư sĩ nam, đều đắc được quả Tu-đà-hoàn.



Phẩm 42: KIẾT TƯỜNG

Thí dụ 75:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật thành La-duyệt-kỳ vì hàng trời, người, rồng, thần chuyển đại pháp luân. Lúc ấy, bên bờ sông Hằng phía Nam núi có một vị Bà-la-môn Ni-kiền. Ông ta là bậc trưởng lão kỳ cựu, học rộng hiểu nhiều, đặc được Ngũ thông, hiểu việc xưa nay. Ông chỉ dạy giáo hóa được năm trăm môn đồ. Họ đều thông đạt thiên văn, địa lý, nhân sự, không môn nào là không nghiên cứu thấu đáo. Các việc kiết hung họa phước, được mùa mất mùa, họ đều biết trước.

Các đệ tử của vị Bà-la-môn trước khi Phật giáo hóa đã biết tu tập, nên sẵn căn lành có thể độ được. Một hôm, họ đưa nhau đến bên bờ sông, tìm chỗ vắng ngồi bàn luận. Họ tự hỏi với nhau: “Dân chúng trong tất cả các nước cho việc gì là kiết tường?”. Họ không trả lời được, nên đến chỗ thầy làm lễ chấp tay thưa:

– Đệ tử chúng con học đạo đã lâu, đều được thành tựu. Song chưa biết dân chúng trong tất cả các nước cho việc gì là kiết tường?

Bà-la-môn Ni-kiền đáp:

– Lành thay câu hỏi này! Trong cõi Diêm-phù có mười sáu nước lớn, tám mươi bốn ngàn nước nhỏ, nước nào cũng có việc kiết tường, như là vàng bạc, lưu ly, pha lê, minh nguyệt thần châu, voi

ngựa, xe cộ, ngọc nữ, san hô, kha bồi, kỹ nhạc, phụng hoàng, không tước. Hoặc họ lấy nhật nguyệt tinh tú, bình báu, Bà-la-môn đạo sĩ là điềm báo kiết tường mà họ yêu thích. Nếu họ thấy được những việc trên sẽ hết lời khen ngợi, cho đây là điềm báo kiết tường của nước.

Các đệ tử hỏi:

– Lại có việc gì đặc biệt kiết tường hơn nữa không? Nó đối thân có ích, khi mạng chung được sinh lên cõi trời.

Bà-la-môn Ni-kiền đáp:

– Từ các bậc Thầy trước truyền dạy lại không có việc này, sách vở cũng không thấy ghi chép.

Các đệ tử thưa:

– Gần đây nghe nói có người dòng họ Thích xuất gia tu đạo, tọa thiền sáu năm, hàng phục được ma quân, đạt thành quả Phật, đầy đủ ba minh vô ngại. Chúng ta thử đến hỏi xem sự hiểu biết của ông ta như thế nào, có bằng thầy không.

Kế đó, thầy trò hơn năm trăm người theo đường núi tìm đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, mọi người làm lễ rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn Ni-kiền quỳ xuống chấp tay thuật lại mọi việc rồi bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, các nước đều có việc kiết tường như thế, không biết còn việc gì kiết tường hơn không?

Đức Phật bảo với các Bà-la-môn:

– Những điều ông bàn luận chỉ là việc thế gian. Thuận theo thì kiết tường, trái lại thì tai họa, không thể cứu độ tâm linh, chấm dứt khổ não. Pháp kiết tường mà ta biết, người thực hành theo sẽ được phước, ra khỏi hần ba cõi, an trú Niết-bàn.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Phật tôn quý hơn trời
 Như Lai thường diễn nghĩa
 Có đạo sĩ Phạm chí
 Hỏi sao là kiết tường?
 Bấy giờ Phật từ mẫn
 Nói yếu nghĩa chánh chân
 Tin, vui theo chánh pháp
 Là tối thượng kiết tường.
 Cũng không từ Thiên nhân
 Mong xin điều không đáng
 Không cầu đảo quỷ thần
 Là tối thượng kiết tường.
 Chọn bạn hiền ở chung
 Thường siêng làm phước đức
 Thân trong sạch chân chánh
 Là tối thượng kiết tường.
 Bỏ ác theo điều thiện
 Tránh rượu, biết tiết chế
 Không dâm với nữ sắc
 Là tối thượng kiết tường.
 Học rộng, giữ giới nghiêm
 Tinh tấn tu chánh pháp*

Sửa mình, không tranh chấp
Là tôi thượng kiết tường.
Hiếu thảo thờ cha mẹ
Lo gia nghiệp, vợ con
Không để cho nghèo đói
Là tôi thượng kiết tường.
Không ngã mạn, tự đại
Tri túc, biết xét suy
Theo thời tụng tập kinh
Là tôi thượng kiết tường.
Thường thích nghe học hỏi
Ưa gặp bậc Sa-môn
Nghe giảng liền thọ trì
Là tôi thượng kiết tường.
Trì trai tu phạm hạnh
Thường thích gặp Hiền minh
Nương tựa bậc Trí sáng
Là tôi thượng kiết tường.
Có đức tin, đạo đức
Chánh tâm, không nghi nan
Mong thoát ba ác đạo
Là tôi thượng kiết tường.
Tâm bình đẳng bố thí
Phụng thờ bậc Đắc đạo
Cung kính các Thiên nhân
Là tôi thượng kiết tường.
Thường muôn lìa tham dâm
Sân si vừa khởi tâm

*Liên lấy đạo soi chiếu
 Là tối thượng kiết tường.
 Là bỏ việc phi pháp
 Siêng năng tu đạo đức
 Thường thờ bậc đáng thờ
 Là tối thượng kiết tường.
 Vì tất cả chúng sinh
 Gây dựng đại Từ tâm
 Nhân ái giúp an ổn
 Là tối thượng kiết tường.
 Người trí ở thế gian
 Luôn tập hạnh kiết tường
 Tự thành tựu Tuệ giác
 Là tối thượng kiết tường.*

Thầy trò Bà-la-môn nghe Đức Phật nói kệ xong tự nhiên tỏ ngộ, sinh đại hoan hỷ, đến trước Đức Phật bạch:

– Bậc Vi Diệu Thế Tôn, ít thấy trên đời. Chúng con từ trước tới nay mê lầm, chưa thấy được nẻo sáng. Nguyên Đức Thế Tôn từ bi tế độ chúng con được quy y Tam bảo, xuất gia làm Sa-môn tu học theo Phật.

Đức Phật đáp:

– Lành thay, hãy lại đây Tỳ-kheo!

Ngay đó, các vị ấy đều thành Sa-môn, tu quán sở tức đều chứng quả A-la-hán. Vô số người nghe pháp chứng được pháp nhãn.

